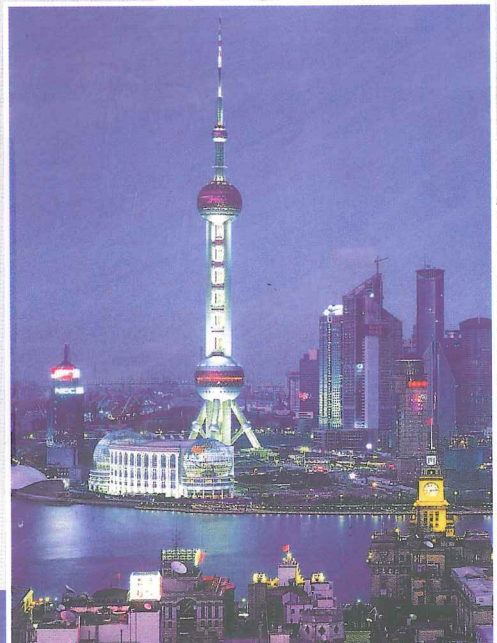
KTr2.114

HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM
BỘ SÁCH NHỮNG KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

PGS. KTS. TRẦN HÙNG

Nghệ thuật kiến tạo
CẢNH QUAN ĐÔ THỊ
PHƯƠNG ĐÔNG - PHƯƠNG TÂY







NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM
BỘ SÁCH NHỮNG KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI
PGS. KTS. TRẦN HÙNG

Nghệ thuật kiến tạo
CẢNH QUAN ĐÔ THỊ
PHƯƠNG ĐÔNG - PHƯƠNG TÂY

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TRƯỜNG Đ.H KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2014

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHẦN 1
ĐẶC SẮC ĐÔ THỊ PHƯƠNG ĐÔNG

MỞ ĐẦU: NHỮNG CHIỀU SÂU VĂN HÓA CỦA ĐÔ THỊ
I. ĐÔ THỊ TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC
II. ĐẶC SẮC ĐÔ THỊ NHẬT BẢN
III. KIẾN TRÚC THÁI LAN VÀ THỦ ĐÔ BANGKOK
IV. NÉT RIÊNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỞ ĐẦU
NHỮNG CHIỀU SÂU VĂN HÓA CỦA ĐÔ THỊ

1. Văn hóa, Văn minh và Đô thị

Là sản phẩm của văn hóa và văn minh, đô thị mang bản sắc của các nền văn hóa và văn minh.

Như định nghĩa của UNESCO, văn hóa (culture) là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong suốt lịch sử của mình. Văn hóa là sản phẩm của lịch sử và là động lực của sự phát triển.

Văn minh (civilisation) là trạng thái tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức một trình độ phát triển cao của nền văn hóa. Đều là những giá trị do con người sáng tạo nên, nhưng văn minh thiên về một mức phát triển cao của các hoạt động văn hóa, thiên về các mặt vật chất và kỹ thuật, khái niệm văn minh gắn với các yếu tố như: sự hình thành tổ chức nhà nước, lúc con người đã có chữ viết, lúc con người tạo được khung cảnh sống kiểu đô thị... Trong tiếng Pháp, từ civilisation có căn gốc La-tinh là civitas mang nghĩa đô thị, thành phố và gắn với nó có các từ ngữ phái sinh: civil, citoyen có nghĩa là dân sự, thị dân, công dân..

Sự ra đời của nhà nước và sự xuất hiện các đô thị thể hiện một trình độ cao của tổ chức xã hội loài người cũng như các điều kiện và phương tiện vật chất để có một môi trường sống tốt đẹp cả về vật chất và tinh thần. Cùng với sự hình thành những trung tâm (cái nôi) của các nền văn minh lớn của loài người, cũng là những nơi đã xuất hiện đô thị sớm trong lịch sử.

Các nền văn minh hình thành sớm trên những miền đất màu mỡ, có nguồn nước dồi dào của các con sông lớn như sông Nin ở Ai Cập, sông Ophrat và sông Tigrơ ở Tây Á, sông Ấn và sông Hằng ở ấn Độ, Hoàng Hà và Dương Tử ở Trung Quốc... Sự bồi đắp các dòng sông lớn giúp cho đất đai phì nhiêu, sản xuất nông nghiệp phát triển với nhiều sản vật phong phú, văn hóa phát triển nhanh chính là những nơi sớm hình thành nhà nước, ở đó cư dân đã sáng tạo nên những nền văn minh rực rỡ. Gắn liền với các nền văn minh là những thành phố nổi tiếng trong lịch sử.

Vùng Lưỡng Hà (Tây Á) phì nhiêu nhờ hai con sông lớn Tigrơ và Ôphrat là nơi có nền văn minh sớm của người Xume, ở đó đã có những đô thị cổ đại: Ur (cũng là tên một thành bang cổ xưa của Xume) và Babilon trên bờ sông Ôphrat nơi có khu Vườn Treo, một kỳ quan nổi tiếng. Trên đất nước Ai Cập ("quà tặng của sông Nin") cũng nhờ nông nghiệp phát triển, người Ai Cập cổ đại đã sáng tạo một nền văn minh rực rỡ với nhiều thành tựu văn hóa: chữ viết, văn học, nhiều môn khoa học tự nhiên, xây dựng và kiến trúc. Ở đây cũng có nhiều đô thị cổ đại nổi tiếng từng là kinh đô của nhiều triều đại, đó là các đô thị như Memphix, En Amacna, Thebơ. Ở về phía Tây và vào thời gian muộn hơn, các nền văn minh Hy Lạp, La Mã tỏa sáng khắp châu Âu đã để lại những đô thị tuyệt mỹ như Aten, Roma, Venidơ, Florenxơ... Phương Đông, theo quan niệm địa - văn hóa phương Tây (bao gồm Cận Đông, Trung Đông và Viễn Đông) đã đóng góp cho nhân loại bốn trung tâm văn minh là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc. Sang thời trung đại, Tây Á và Ai Cập được xếp vào bản đồ đế quốc Arập nên ở phương đông được coi là có ba trung tâm văn minh lớn là Arập, Ấn Độ và Trung Quốc. Trung Quốc nằm về phía cuối của phương Đông, nền văn minh Trung Hoa đã có nhiều ảnh hưởng trong vùng châu Á và Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

So với nhiều nước trên thế giới, Trung Quốc có nền văn hóa phát triển sớm, những thành tựu rực rỡ về văn học - nghệ thuật và khoa học - kỹ thuật đã góp phần làm cho Trung Quốc trở thành một trong những cái nôi của nền văn minh cổ nhân loại.

Lịch sử cổ đại Trung Quốc kéo dài gần 2000 năm khoảng thế kỷ XXI tCn đến năm 221 tCn. Trong quá trình đó, địa bàn từ lưu vực Hoàng Hà đã dần dần mở rộng. Cho đến thế kỷ III tCn, phía bắc của Trung Quốc chưa vượt quá dãy Vạn lý trường thành, phía tây mới đến đông nam tỉnh Cam Túc và phía nam chỉ bao gồm một dải đất nằm dọc theo hữu ngạn Trường Giang. Đất đai rộng lớn và khí hậu đa dạng: miền tây đất cao, nhiều núi, khí hậu khô hanh, miền đông thấp, gần biển khí hậu tương đối ôn hòa.

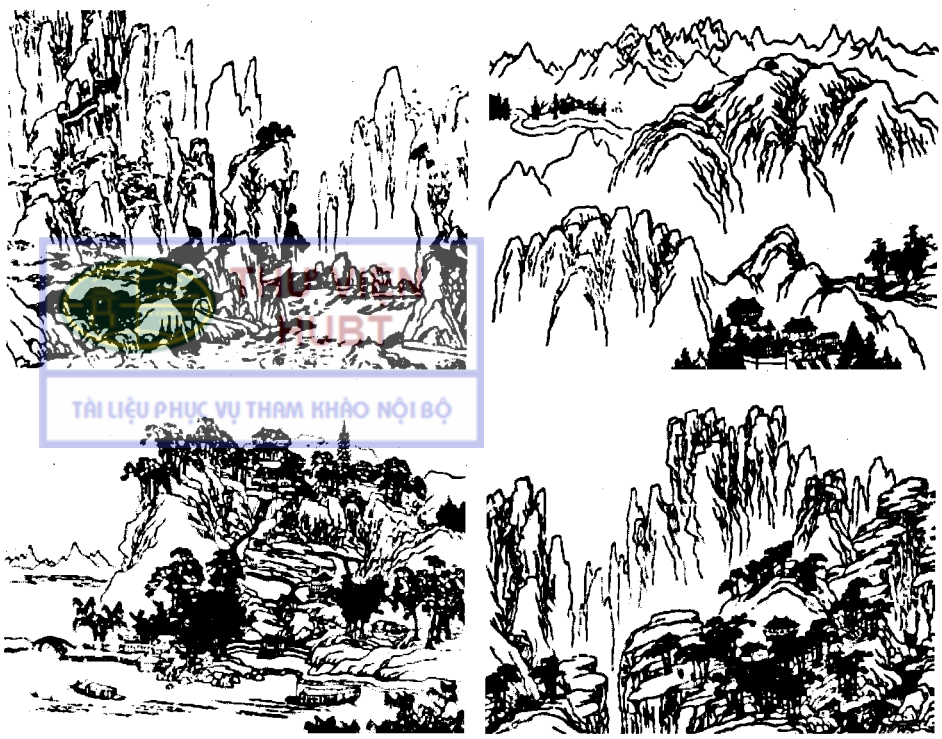
Sông Hoàng Hà hình thành từ tuyết tan trên vùng núi Thanh Hải - Tây Tạng, dài hơn 5.460 km đi qua 9 tỉnh và đổ vào biển Bột Hải. Do chảy qua vùng bình nguyên đất vàng, nên cuốn theo một khối lượng khổng lồ đất phù sa, đất sỏi vàng... và vì thế có tên Hoàng Hà. Sông Hoàng Hà thường gây lụt lội cho các vùng ven bờ, phá hủy mùa màng gây thiệt hại về người và của. Một tỷ tấn phù sa được cuốn đi

THƯ VIỆN HỌC VIỆN LUẬT

hàng năm, sông Hoàng Hà trở thành con sông nhiều phù sa nhất thế giới. Lòng sông mỗi năm lại bồi thêm 10cm, khiến cho nước sông tràn bờ. Qua nhiều thế kỷ, con sông đã thay đổi dòng chảy tới 12 lần do phù sa lắng đọng. Sông Hoàng Hà được coi là "cái nôi của nền văn minh Trung Hoa", vì chính trên hai bờ màu mỡ của con sông này là nơi người ta canh tác gieo trồng đầu tiên. Từ sự khởi đầu đó mà xuất hiện và phát triển thôn làng, đô thị và các đế chế.

Vùng lịch sử nguyên thủy của Trung Quốc ở phía bắc Hà Nam ngày nay. Tại đây, nền canh tác thời kỳ đồ đá mới (4000 trước công nguyên) phát triển nhờ quá trình thuần hóa cây kê trên nền đất vàng màu mỡ. Từ vùng này, đến năm 2.500 trước công nguyên, nông nghiệp phát triển về mọi phía và lan sang lưu vực sông Dương Tử. Khi nông nghiệp phát triển xuống miền nam có khí hậu ấm áp hơn, một loại cây lương thực chủ yếu khác bắt đầu được canh tác là cây lúa nước.

Trung Quốc cũng là nơi từ rất sớm đã có loài người cư trú. Năm 1929, ở Chu Khẩu Điếm (tây nam Bắc Kinh) đã phát hiện xương hóa thạch của người vượn sống cách đây khoảng 40 vạn năm



TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ





Người Trung Hoa coi thủy tổ dân tộc mình là Hoàng Đế, ông mang họ Công Tôn, hiệu Hữu Hùng Thị, sinh ở Thọ Khâu, lớn lên ở Cơ Thủy, sống trên đồi Hiên Viên, nên còn gọi là Hiên Viên Hoàng Đế. Là thủ lĩnh của một bộ tộc phát tích ở Thiểm Tây, ông liên kết với bộ tộc của Viêm Đế ở lưu vực sông Hoàng Hà đánh bại bộ tộc Cửu Lê của Suy Vưu, sáp nhập một bộ phận dân cư Cửu Lê, rồi cùng nhau khai phá, mở mang lưu vực Hoàng Hà và tiến về phía Đông. Vua Thuấn truyền ngôi cho vua Vũ, mở đầu thời kỳ Tam Vương. Vua Vũ lập nên nhà Hạ và đến đây lịch sử Trung Quốc bắt đầu.

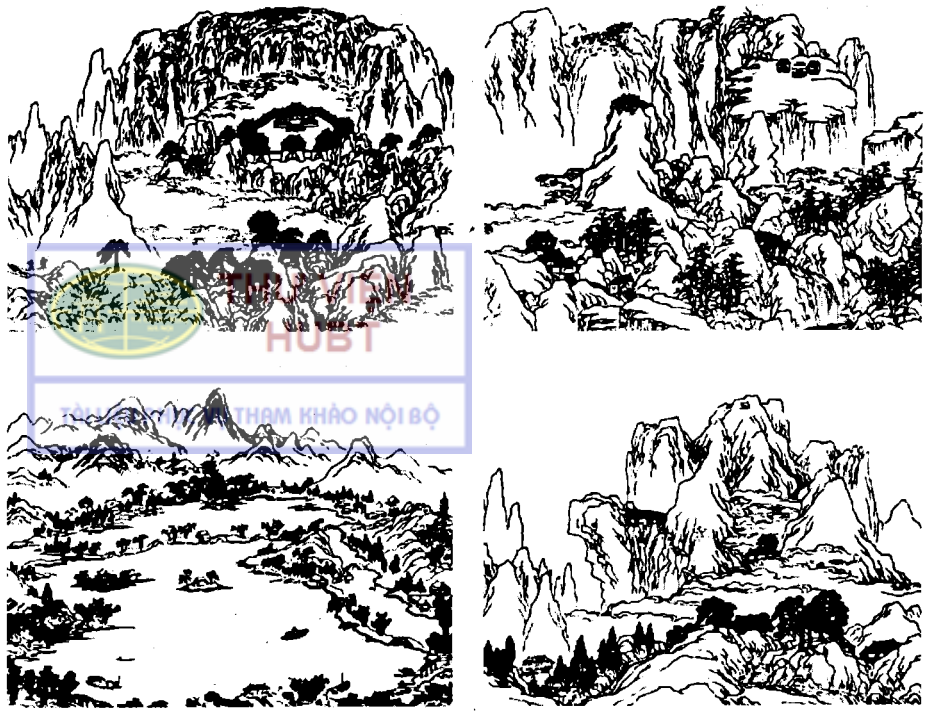
Về mặt chủng tộc, cư dân lưu vực Hoàng Hà thuộc Mông Cổ, trong đó hai tộc người hình thành sớm ở đây là Hạ ở trung lưu và Thương ở hạ lưu. Đến khoảng thế kỷ XVI tCn, Hạ bị Thương chinh phục, phân tán đi các nơi, một bộ phận lùi về Tây Bắc sau trở thành tộc Chu. Thế kỷ XI tCn, Chu tiêu diệt Thương thúc đẩy sự đồng hóa giữa Hạ và Thương hình thành bộ tộc thống nhất là Hoa Hạ (cũng gọi là Hoa hoặc Hạ), là tiền thân của tộc Hán sau này. Trong khi đó vùng lưu vực Trường Giang là địa bàn các nước Sở, Ngô, Việt và một số tộc thiểu số khác. Đến thời Xuân Thu, các tộc này cũng bị Hoa Hạ đồng hóa.

Theo truyền thuyết từ thời Hoàng Đế (khoảng nửa đầu thiên kỷ III tCn), Trung Quốc đã có chữ viết, nhưng cho đến nay loại chữ viết sớm nhất được phát hiện là chữ viết đời Thương. Đó là một loại chữ tượng hình khắc trên mai rùa và xương bò (gọi là chữ giáp cốt). Thời Tây Chu chữ được ghi lại trên các đỉnh đồng, gọi là kim văn.

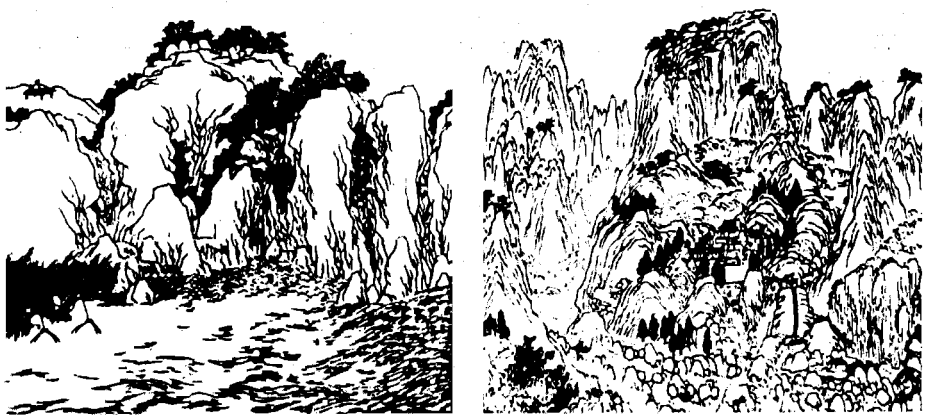
Thời Xuân Thu Chiến Quốc, chữ viết càng phát triển với các loại chữ đại triện và tiểu triện. Chất liệu dùng để viết chữ thời kỳ này là các thẻ bằng tre. Chữ giáp cốt, chữ kim văn, chữ đại triện, chữ tiểu triện là những chặng đường phát triển đầu tiên của chữ Hán sau này.

Nhờ có chữ viết xuất hiện sớm và việc ghi chép sử được chú ý, từ thời cổ đại Trung Quốc đã có nhiều tác phẩm sử có giá trị. Quyển sử ra đời đầu tiên được bảo tồn đến ngày nay là quyển Xuân Thu do Khổng Tử chỉnh lý nói về sử nước Lỗ nhưng cũng phản ánh cả lịch sử Trung Quốc (từ năm 722 đến năm 481 tCn). Sau đó tác phẩm sử học có giá trị nhất là Tả truyện. Đến thời Chiến Quốc có các sách như Quốc Ngữ, Chiến Quốc sách, Lã Thị Xuân Thu... Đến thời Hán, bộ sử ký của Tư Mã Thiên được biên soạn có hệ thống.

Trên lãnh thổ rộng lớn của Trung Quốc, giới khảo cổ học đã phát hiện được rất nhiều hiện vật thuộc các thời kỳ đồ đá cũ, đồ đá giữa, đồ đá mới, đồ đồng, đồ sắt, tiêu biểu là văn hóa Ngưỡng Thiều phát hiện năm 1920 tại thôn Ngưỡng Thiều thuộc tỉnh Hà Nam. Sau đó tại các tỉnh Sơn Tây, Cam Túc, Thanh Hải... cũng phát hiện được



HUBT
THAM KHẢO NỘI BỘ



những di chỉ thuộc văn hóa Ngưỡng Thiều có niên đại 4500 - 2500 tCn. Tiếp theo là văn hóa Long Sơn phát hiện năm 1928 ở trấn Long Sơn gần Tế Nam tỉnh Sơn Đông phân bố rất rộng từ Sơn Đông đến Thiểm Tây, và từ Liêu Đông đến Chiết Giang, niên đại văn hóa Long Sơn khoảng 2100 - 1800 tCn.

Vào thời nhà Hạ (khoảng thế kỷ XXI - XVI tCn) nhà nước đã ra đời, nhưng trình độ phát triển còn rất thấp. Nền văn hóa Long Sơn cho thấy tình hình kinh tế thời nhà Hạ với những công cụ đồ đá màu, đồ gốm và các loại dụng cụ làm bằng xương, sừng, vỏ trai. Đồ đồng cũng có nhưng là đồng đỏ và số lượng ít. Đồ gốm ở đây đã có nhiều màu đen, xám, trắng, vàng, đỏ và chủ yếu là loại đồ gốm đen bóng, từ đó văn hóa Long Sơn còn được gọi là văn hóa đồ gốm đen. Bộ máy nhà nước rất đơn giản, có một số chức vụ quản lý một số ngành kinh tế như Mục chính (quản lý việc chăn nuôi), Xa chính (quản lý xe), Bào chính (tiến dâng thức ăn cho vua)...

Thời nhà Thương (khoảng thế kỷ XVI - năm 1066 tCn): nước Thương ở vùng hạ lưu Hoàng Hà trên đường phát triển thì cũng là lúc nước Hạ ở trung lưu suy yếu và bị tiêu diệt, nhà Thương được thành lập. Nhà Thương đóng đô ở phía nam Hoàng Hà (thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay). Để tránh lũ lụt Hoàng Hà, vua Thương đã dời đô nhiều lần và về sau đã chuyển lên phía bắc Hoàng Hà.

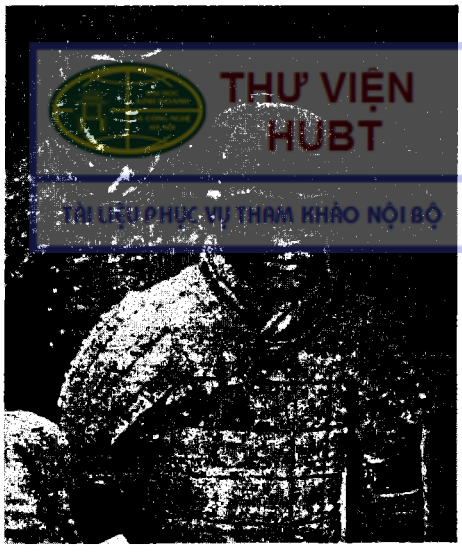
Xã hội đời Thương có bước phát triển lớn so với đời Hạ. Ở Trịnh Châu (Hà Nam) đã phát hiện được nhiều nền nhà, mộ, xưởng luyện đồng, xưởng làm đồ gốm, đồ xương, xưởng cất rượu. Tại Ân Khư kinh đô của triều Thương (phía tây bắc thành phố An Dương tỉnh

Hà Nam ngày nay) đã phát hiện khu lăng mộ của các vua Thương, của quý tộc và của bình dân với rất nhiều đồ táng cho thấy trình độ phát triển của nền thủ công nghiệp và sự phân hóa xã hội của Trung Quốc lúc đó. Vào đời Thương đã sử dụng phổ biến đồ đồng thau làm đồ tế lễ, đồ uống, vũ khí, cấu kiện xe ngựa, công cụ thủ công nghiệp, được chế tác với hình dáng đẹp, trang trí khá tinh vi.

Vào đời Thương việc trao đổi buôn bán cũng khá phát triển, nhiều di chỉ đã phát hiện được vỏ ốc biển dùng làm tiền (gọi là bối). Các di chỉ khảo cổ và tài liệu chữ giáp cốt cũng cho biết đến đời Thương, đã có sự phân hóa giai cấp. Các loại đồ dùng bằng đồng thau, bằng ngà, bằng ngọc cũng như xe, ngựa là đồ dùng hàng ngày của giai cấp quý tộc khi chết được chôn theo.

Một thành tựu quan trọng khác trong nền văn hóa đời Thương là phương pháp làm lịch. Lịch đời Thương chia một năm làm 12 tháng, tháng đủ có 30 ngày, tháng thiếu có 29 ngày. Để cho khớp với vòng quay của quả đất xung quanh mặt trời, lịch đời Thương đã biết thêm tháng nhuận. Lúc đầu, tháng nhuận để ở cuối năm gọi là tháng 13, về sau đã biết để ở giữa năm. Lịch đời Thương dẫu chưa thật chính xác nhưng đã rất tiến bộ, cũng là loại lịch sớm nhất được biết đến ở Trung Quốc.

Sang thời nhà Chu (khoảng năm 1066 - 771 tCn): là một bộ lạc cư trú ở thượng lưu Hoàng Hà (vùng Thiểm Tây, Cam Túc ngày nay),





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

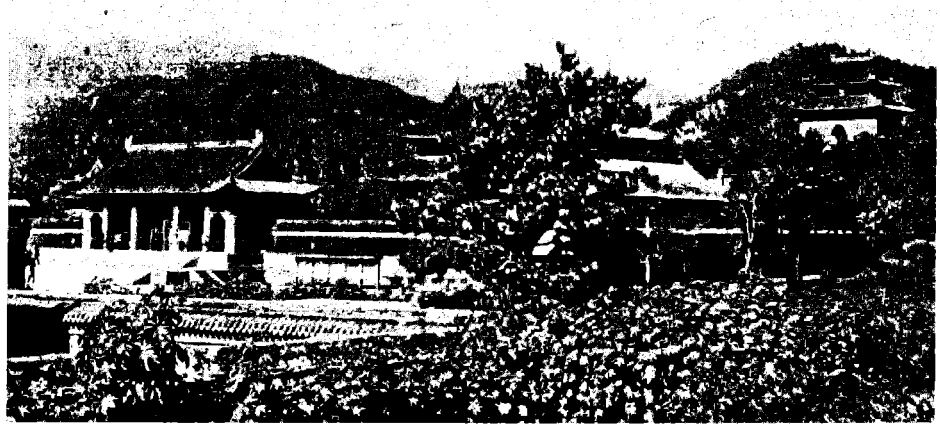
thủy tổ của tộc Chu trồng lúa giỏi được tôn làm thần nông nghiệp. Bị người Nhung lấn chiếm, bộ tộc này đã dời từ đất Mân đến đất Kỳ (Thiểm Tây) và định cư ở cánh đồng Chu. Tại đây, tộc Chu làm nhà cửa, xây thành quách, bước đầu tổ chức xã hội. Chiến tranh với bộ lạc xung quanh đã đem lại cho tộc Chu nhiều chiến lợi phẩm và nô lệ, đẩy nhanh sự phân hóa giai cấp trong bộ tộc. Nước Chu không ngừng phát triển và mở rộng đến tận vùng Trường Giang, trong khi đó thì nước Thương ngày càng suy yếu, đất đai nhà Chu đã được mở rộng đến tận biển Đông. Nhà Chu đã thi hành chính sách phân phong đất đai cho những người cùng họ, lập nên một hệ thống các nước chư hầu.

Về công cụ sản xuất, thời Tây Chu chưa có tiến bộ nhiều nhưng việc quy hoạch đồng ruộng gắn với hệ thống tưới nước làm cho sản xuất nông nghiệp đã có bước phát triển đáng kể. Về thủ công nghiệp, các nghề đúc đồng thau, và các nghề làm đồ gốm, đồ đá, đồ ngọc, xương da, gỗ, nghề dệt... đều đạt đến trình độ khá cao, đặc biệt nghề đúc đồng tăng nhiều so với đời Thương. Trên đồ đồng thường có khắc chữ nói về việc ban thưởng ruộng đất, nô lệ và những vấn đề liên quan đến chính trị, xã hội...

Ở Trung Quốc cổ đại, những nghề thủ công quan trọng như nghề đúc đồng, làm vũ khí, xe thuyền, đồ ngọc... đều do nhà nước quản lý, thợ thủ công lệ thuộc vào nhà nước. Nền kinh tế mang nặng tính tự nhiên, những nhu cầu trong đời sống hàng ngày của nhân dân đều dựa vào kinh tế tự cấp tự túc. Sản xuất chủ yếu phục vụ giai cấp quý tộc tuy việc trao đổi mua bán cũng đã diễn ra trong phạm vi cả nước. Nhiều sản phẩm thủ công sản xuất ở hạ lưu Trường Giang được tiêu thụ tận vùng trung lưu Hoàng Hà.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ NHÀM NHÁO NỘI BỘ

Thời Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều biến đổi lớn về kinh tế, đặc biệt nghề luyện sắt phát triển cao và đồ dùng bằng sắt đã phổ biến hơn so với thời Xuân Thu. Các nước đều có những trung tâm luyện sắt như Hàm Đan nước Triệu, Uyển nước Sở, Đường Khê nước Hàn, Lâm Truy nước Tề... đã thúc đẩy sự phát triển thủ công nghiệp. Đồ chạm và dát vàng bạc, hàng dệt lụa và đồ sơn cũng là những sản phẩm tinh xảo của thời Chiến Quốc. Buôn bán phát triển và những thành thị lớn xuất hiện như Lâm Truy nước Tề, Hàm Đan nước Triệu, Khai Phong nước Ngụy... Để đáp ứng nhu cầu thương nghiệp, các thành thị lớn tự chế ra tiền đúc bằng đồng hoặc bằng vàng. Nhiều thương nhân lớn xuất hiện, cho vay nặng lãi, tích trữ đầu cơ hoặc vận



chuyển hàng hóa đi các nơi xa buôn bán. Những biến đổi về kinh tế, xã hội đã thúc đẩy sự phát triển về văn hóa, khoa học và nghệ thuật.

Từ thời nhà Thương có lịch để phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp. Dùng tuần trăng tròn và khuyết để tính tháng, năm, tháng thiếu, tháng đủ, năm nhuận, đó là âm lịch vẫn được dùng song song với dương lịch. Khoa thiên văn học ra đời từ lâu, đến thời Xuân Thu - Chiến Quốc đạt được những tiến bộ lớn. Trong các sách thiên văn học của Can Đức người nước Sở, và Thạch Thân người nước Ngụy đã ghi chép được 800 vị tinh tú, xác định vị trí 120 vị tinh tú. Dựa theo vị trí của 28 ngôi sao trên xích đạo thiên cầu để phân chia toàn bộ bầu trời thành 28 "túc" từ đó phân biệt được thời tiết trong năm, như lập xuân, xuân phân, lập thu, thu phân, lập hạ, hạ chí, lập đông, đông chí.

THƯ VIỆN HUBT

Y học đã biết giải phẫu cơ thể con người, biết nội tạng và bộ máy tuần hoàn, nghiên cứu nguyên nhân bệnh tật, dùng phương pháp nhìn, nghe, hỏi, bắt mạch để chẩn đoán bệnh, dùng châm cứu và thuốc sắc để trị bệnh. Bộ sách tổng kết về y học và dược học "Hoàng đế nội kinh"chuyên nghiên cứu về sinh lý và cách chữa bệnh cho con người.

Nhiều nhà tư tưởng lớn đã cống hiến cho sự phát triển của nền văn minh của Trung Quốc: đặc biệt là Khổng Tử (551 - 480 tCn). Ông người nước Lỗ, là một nhà tư tưởng và giáo dục lớn, người sáng lập phái Nho gia. Tuy tin là có thượng đế, có trời, nhưng Khổng Tử không tin vào "thiên mệnh", mà yêu cầu con người phải tự lực trong đời

sống hiện thực, chú ý học hỏi và tu dưỡng đạo đức. Ông theo đuổi sự nghiệp giáo dục, đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Ngoài phái

Nho gia của Khổng Tử, còn xuất hiện phái Mặc gia do Mặc Tử sáng lập, phái Đạo gia do Lão Tử đề xướng và Trang Tử kế tục, phái Pháp gia mà đại biểu kiệt xuất là Hàn Phi Tử cùng rất nhiều trường phái và học thuyết chính trị, xã hội khác tạo nên một phong trào văn hóa tư tưởng rất phong phu và sôi động. Trong thời kỳ cổ đại, thế giới quan duy vật đã phát sinh và phát triển. Hình thức sơ khai với thuyết ngũ hành cho rằng có năm yếu tố cấu thành thế giới vật chất: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ và thuyết âm dương về hai thế lực vật chất của thế giới tự nhiên đối lập nhau, bổ sung cho nhau, giải thích nguồn gốc sự biến hóa của mọi hiện tượng tự nhiên.

Ngay từ khi tộc Chu mới phát triển, người Chu có quan niệm thế giới là do 8 loại vật chất: trời, đất, hồ, núi, lửa, nước, sét, gió tạo thành và đã đặt ra 8 quẻ để biểu thị 8 loại này, đó là càn (trời), khôn (đất), cấn (núi), đoài (hồ), ly (lửa), khảm (nước), chấn (sét), tốn (gió). Mỗi quẻ được biểu thị bằng ba nét vạch liền hoặc đứt... được sắp xếp theo những cách riêng. Vạn vật trong trời đất đều do sự biến động, sự kết hợp hoặc mâu thuẫn của 8 loại đó mà sinh ra, đó là thuyết bát quái.

Nền văn học Trung Quốc đã có những tác phẩm kiệt xuất như Kinh Thi, Sở Từ. Kinh Thi phản ánh tình hình xã hội Trung Quốc về nhiều mặt trong khoảng thời gian 600 năm từ Tây Chu đến cuối Xuân Thu, trong đó Khổng Tử đã có công đúc kết, chỉnh lý các bài thơ thành một cuốn sách kinh điển để dạy học trò với ba phần: Phong, Nhã, Tụng. Phong là dân ca của các nước, còn gọi là Quốc Phong. Nhã gồm hai phần là Tiểu Nhã và Đại Nhã. Tụng có Chu Tụng, Lỗ Tụng, Thương Tụng là những bài thơ do các quan phụ trách việc tế lễ, bói toán sáng tác dùng để hát khi cúng tế ở miếu đường.

THƯ VIỆN HUBT

CÁC TRIỀU ĐẠI TRUNG QUỐC VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐẶT KINH ĐÔ

TRIỀU ĐẠI	THỜI GIAN	KINH ĐÔ
HẠ	2070 tCn - 1600 tCn	
THƯƠNG	1600 tCn - 1046 tCn	
CHU Tây Chu Đông Chu Xuân Thu Chiến Quốc	1046 tCn - 256 tCn 1046 tCn - 771 tCn 770 tCn - 256 tCn 770 tCn - 476 tCn 475 tCn - 221 tCn	Trường An Lạc Dương
TẦN	221 tCn - 206 tCn	Hàm Dương
HÁN Tây Hán Đông Hán	206 tCn - 23 sCn 25 sCn - 220 sCn	Trường An Lạc Dương
TAM QUỐC Ngụy Thục Hán Ngô TÂY TẤN ĐÔNG TẤN	220 - 265 221 - 263 222 - 280 265 - 316 317 - 420	Lạc Dương Thành Đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh) Lạc Dương Kiến Khang (Nam Kinh)
NAM BẮC TRIỀU **Nam triều** Tống Tề Lương Trần **Bắc Triều** Bắc Ngụy Đông Ngụy Bắc Tề Tây Ngụy Bắc Chu	420 - 581 420 - 479 479 - 502 502 - 557 557 - 589 386 - 534 534 - 550 550 - 557 535 - 557 557 - 581	 Kiến Khang Kiến Khang Kiến Khang Kiến Khang (Nam Kinh) Bình Thành Nghiệp Thành Nghiệp Thành Trường An Trường An

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TRIỀU ĐẠI	THỜI GIAN	KINH ĐÔ
TÙY	581 - 618	Đại Hưng
ĐƯỜNG	618 - 907	Trường An
NGŨ ĐẠI	907 - 960	
Hậu Lương	907 - 923	Khai Phong
Hậu Đường	923 - 936	Lạc Dương
Hậu Tấn	936 - 946	Khai Phong
Hậu Hán	947 - 950	Khai Phong
Hậu Chu	951 - 960	Khai Phong
THẬP QUỐC	902 - 979	
Ngô	902 - 937	Dương Châu
Nam Đường	937 - 975	Nam Kinh
Ngô Việt	907 - 978	Hàng Châu
Sở	907 - 951	Trường Sa
Min	909 - 945	Trường Lạc
Nam Hán	917 - 971	Quảng Châu
Tiền Thục	903 - 925	Thành Đô
Hậu Thục	933 - 965	Thành Đô
Nam Hán	924 - 963	Hồ Bắc
Bắc Hán	951 - 979	Thái Nguyên
TỐNG	960 - 1279	
Bắc Tống	960 - 1127	Khai Phong
Nam Tống	1127 - 1279	Hàng Châu
LIÊU	907 - 1125	Hoàng Đô
TÂY HẠ	1038 - 1227	Hưng Khánh
KIM	1115 - 1234	Trung Đô
NGUYÊN	1279 - 1368	Đại Đô
MINH	1368 - 1644	Bắc Kinh
THANH	1644 - 1959	Bắc Kinh
Trung Hoa Dân Quốc	1912 - 1949	Nam Kinh

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

2. Kiến trúc, bộ phận quan trọng của văn hóa Trung Quốc

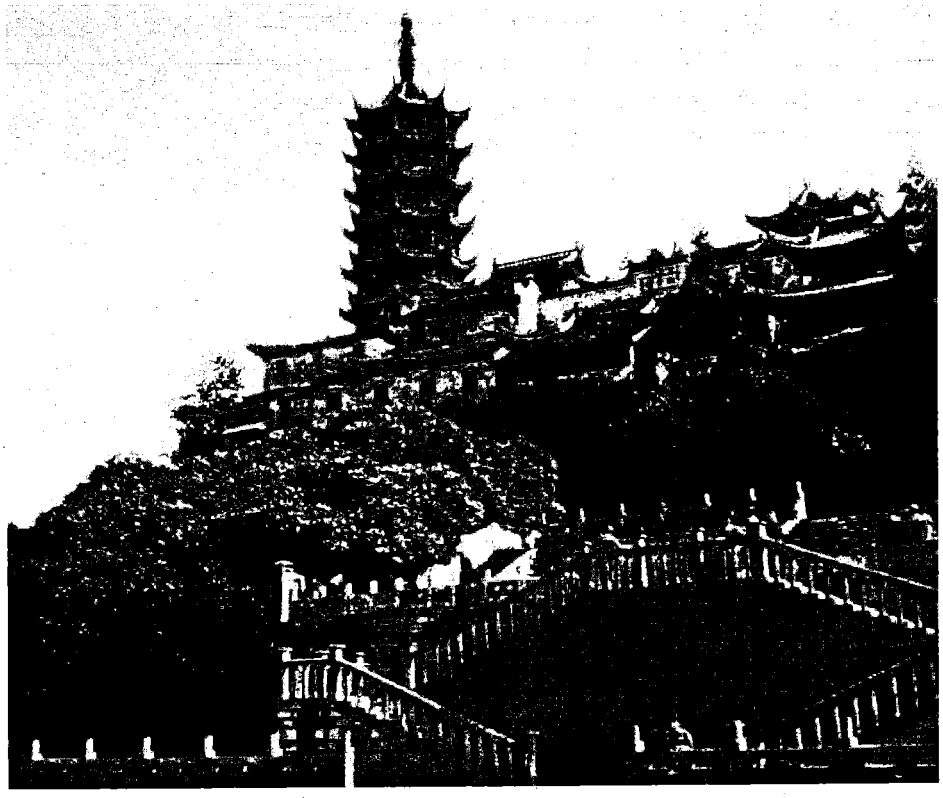
Là một thành phần của nền văn hóa và văn minh lâu đời, những công trình kiến trúc phân bố khắp đất nước đã trở thành những di sản quý báu trong kho tàng nghệ thuật vô cùng phong phú của Trung Quốc.

Nghệ thuật kiến trúc lâu đời này đã dựa trên cơ sở các kết cấu bằng gỗ. Bộ khung nhà với những cột gỗ được đặt trên những viên đá tảng, kích thước to nhỏ tùy theo tiết diện cột gỗ. Những viên đá được đặt trên một nền phẳng và vững chắc rồi từ trên đầu cột người ta lắp đặt những xà ngang, xà dọc, liên kết các kèo, rui mè, cầu phong, li tô và trên cùng lợp ngói. Nhờ kiến trúc bằng gỗ mà ngôi nhà có thể dễ dàng chịu những chấn động và cũng rất tiện lợi cho việc lắp dựng. Kiến trúc Trung Quốc thường được bố trí thành quần thể, ở miền Bắc Trung Quốc thường bố trí giữa là sân, bốn phía là nhà vây lại, các cung điện, đình chùa, miếu mạo đều được xây dựng theo một dạng như vậy. Kiến trúc Trung Quốc lấy gian nhà làm đơn vị cơ bản để từ đó các ngôi nhà là do các gian hợp thành.

Các thành phần kiến trúc đều được gia công nghệ thuật với các trang trí đặc sắc. Trên nóc công trình thường có các phù điêu hình các con vật quý, hiếm. Kiến trúc Trung Quốc còn có sự phối hợp mầu sắc tạo nên sự hài hòa. Các cung điện thường lợp ngói lưu ly màu vàng, bên trong trang trí những bức tranh màu xanh lục, tường và cột sơn màu đỏ, bậc lên xuống xây đá trắng, nền nhà dùng màu sẫm. Ở miền Nam thường dùng tường màu trắng, ngói màu xanh xám, kết cấu gỗ màu nâu. Tùy theo công dụng khác nhau, kiến trúc Trung Quốc được chia làm các thể loại: kiến trúc cung điện, lăng mộ, kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng, kiến trúc vườn cảnh, kiến trúc nhà ở dân gian...

Kiến trúc cung điện dành cho các gia đình quý tộc, các Hoàng đế thường có quy mô lớn, lộng lẫy và tráng lệ, trình độ kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc đều rất tinh xảo. Theo các tài liệu lịch sử thì từ thời nhà Thương, nhà Chu đã có rất nhiều cung điện. Các cung điện xây dựng trên nền cao đặt ở giữa cung thành, hình thành một quần thể kiến trúc, phía trước có cửa, mở vào các cung. Vào thời Tần, thời Hán cung điện được xây dựng nhiều ở Hàm Dương và Trường An với quy mô lớn. Đô thành được xây dựng với những quần thể kiến trúc riêng biệt, ngoài cung điện và cung thất của vua còn có các khu

THƯ VIỆN HUBT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
THƯ VIỆN



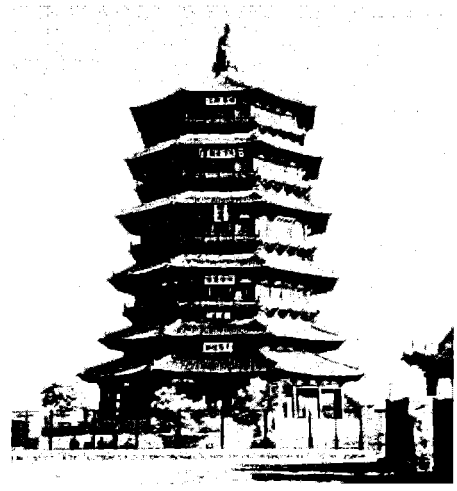
Các dạng kiến trúc tháp tiêu biểu

vui chơi, các vườn cảnh. Thời Đường kiến trúc cung điện phát triển rất mạnh, tập trung ở phía bắc kinh đô Trường An. Năm 634 ở Trường An có xây dựng cung Đại Minh là một quần thể kiến trúc lớn, tòa nhà chính là Hàm Nguyên được xây dựng trên một thế đất cao, phía trước là một đường trục dẫn đến trước điện. Nhà Tống dời đô về Khai Phong, cung điện được xây dựng ở xung quanh một trục giữa.

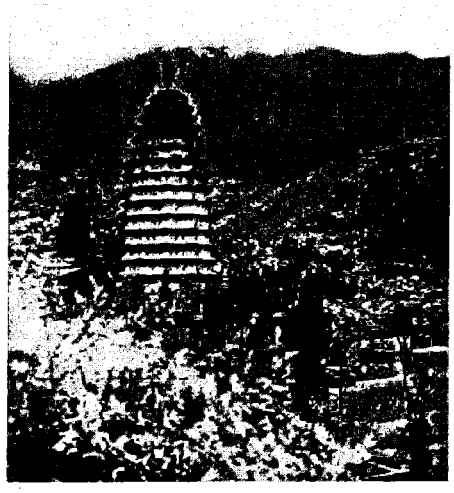
Năm 1403 Minh Thành Tổ Chu Đệ dời đô từ Nam kinh về Bắc Kinh đã tiến hành xây dựng Hoàng Thành và Tử Cấm Thành một cách quy mô gồm hơn 1000 ngôi nhà làm cung thất tức nơi ở, nơi sinh hoạt của triều đình và hoàng tộc.

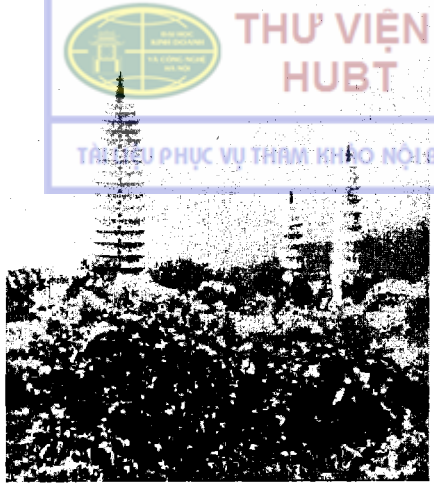
Kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng là một bộ phận quan trọng trong nền kiến trúc cổ đại Trung Quốc. Tôn giáo ở Trung Quốc có: Phật giáo, Đạo giáo, đạo Islam. Phật giáo vào Trung Quốc từ thời nhà Hán, người Trung Quốc đã lập các đền thờ, các chùa tháp và cả tượng Phật ở các hang động. Vào thời Nam Bắc Triều nhà Lương







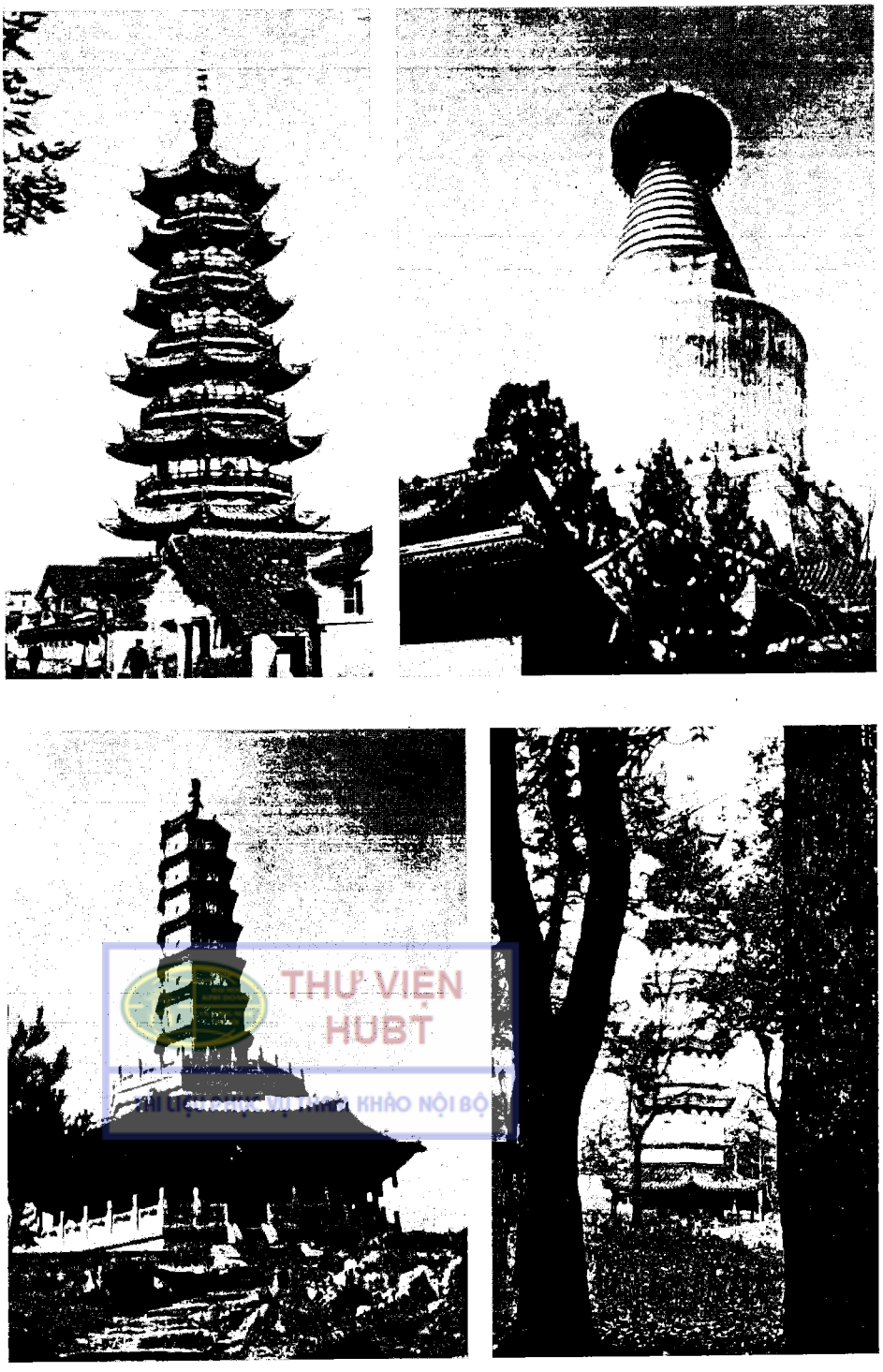






THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Các dạng kiến trúc tháp tiêu biểu



Các dạng kiến trúc tháp tiêu biểu

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ DÙNG ĐỂ THAM KHẢO NỘI BỘ

đã có tới 2846 ngôi chùa. Đạo giáo vào Trung Quốc thời Đông Hán (128 - 144) lấy thuyết của Lão Tử và đạo đức kinh làm giáo lý và là cốt lõi tín ngưỡng. Kiến trúc đạo giáo có Thanh Cung trên núi Long Hổ thuộc tỉnh Giang Tây, quần thể kiến trúc Vũ Đương ở Hồ Bắc... Đạo Islam truyền vào Trung Quốc đời vua Đường Vĩnh Phúc (còn gọi là đạo Hồi) ở các tỉnh Quảng Châu, Tuyền Châu, Dương Châu còn nhiều đền thờ Islam. Chùa Bạch Mã là kiến trúc Phật giáo có sớm ở Trung Quốc, vóc dáng giống như một cung điện. Nhiều chùa có điện Phật nổi tiếng như chùa Phật Quang ở Ngũ Đài Sơn, điện Phật chùa Hoa Nghiêm và chùa Thiên Hoa ở tỉnh Sơn Tây.

Tháp là thành phần quan trọng của kiến trúc Phật giáo được truyền từ Ấn Độ vào Trung Quốc. Tháp là nơi đặt tro hài cốt Phật, tàng trữ kinh Phật và là kiến trúc chủ yếu của nhiều chùa thờ Phật. Lúc đầu tháp làm bằng gỗ, sau được xây bằng gạch hoặc xây gạch ngoài ốp lưu ly. Nhiều tháp có kiến trúc đẹp đã trở thành những thắng cảnh nổi tiếng. Trung Quốc hiện còn lưu giữ tới hơn 3000 ngôi tháp các loại. Tháp cổ nhất là tháp gỗ ở chùa Phật Cung huyện ứng tỉnh Sơn Tây. Tháp có 5 tầng, cao 67,31m, các tầng đều có tượng Phật, xung quanh có hành lang xoáy trôn ốc. Tháp Đại Nhạn (Tây An) được xây dựng thời Đường cao 64m, 7 tầng là tháp gạch có giá trị còn được giữ lại đến nay.

Về mặt tạo hình tháp có nhiều loại: Tháp Mật Thiền tầng một cao, từ tầng hai trở lên các tầng giống nhau, thân tháp hình tứ giác, lục giác hoặc bát giác, bệ tháp có trang trí hoa văn, cây cối. Tháp Lạt Ma ở Tây Tạng (Nội Mông) thân tháp giống như bảo bình, bên ngoài màu trắng dáng vẻ vững chãi. Tháp Bảo Tọa Kim Cương là loại tháp có nhiều tháp nhỏ trên một đài cao có đặt nhiều tượng Phật, kiểu dáng phong phú. Tháp chùa của dân tộc Thái ở Vân Nam giống như tháp Phật ở Myanmar, hơi giống loại tháp Bảo tọa Kim Cương. Các tháp ở chùa Phật là cả một kho di sản kiến trúc vô cùng phong phú.

THƯ VIỆN HUBT

Kiến trúc hang đá thờ Phật có từ thế kỷ III với hàng trăm hang đá lớn nhỏ, nhiều nhất ở Tân Cương, Cam Túc, Thiểm Tây, cũng như ở Sơn Tây, Hà Nam, Hà Bắc, Giang Tô, Tứ Xuyên. Hang đá thờ Phật thường được khai mở ở nơi thâm sơn cùng cốc, nơi có nhiều cảnh đẹp, có không gian tĩnh lặng, siêu thoát.

Đàn miếu là nơi thờ núi sông, trời đất, thờ các đế vương, tổ tiên, những danh thần, danh tướng, văn nhân có công với dân với nước

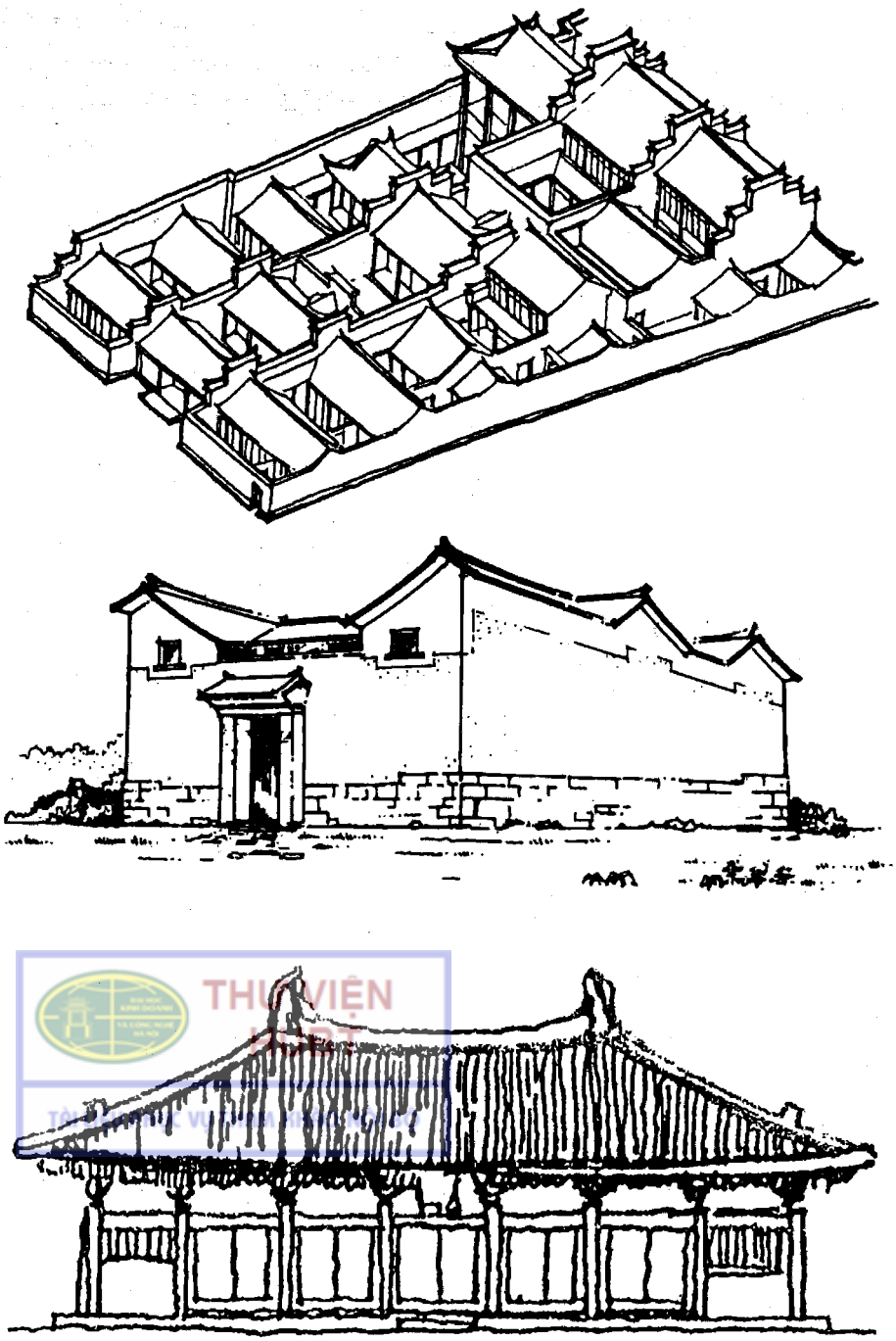
Vào thời nhà Chu đã hình thành phong tục cúng lễ, tế trời, đất, tổ tiên. Người Trung Quốc xưa gọi Xã là thần thổ địa, Tắc là thần ngũ cốc, cúng xã tắc thể hiện xã hội lấy nông nghiệp làm gốc. Đàn Xã tắc ở Bắc Kinh nằm ở phía trước Tử Cấm Thành có tường bao bốn phía. Mặt tường ốp lưu ly xanh, đỏ, đen, trắng.

Huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông hiện có đền miếu thờ Khổng Tử, công trình chủ yếu là điện Đại Thành có 9 gian, với 66 cột bằng đá chạm hoa văn hình rồng, điện được xây trên nền đá hai tầng, phía trước có Nguyệt đàn là nơi cử hành nghi lễ cũng tế. Nhiều nơi khác cũng có miếu thờ Khổng Tử. Văn miếu thờ Khổng Tử cũng là trường dạy học.

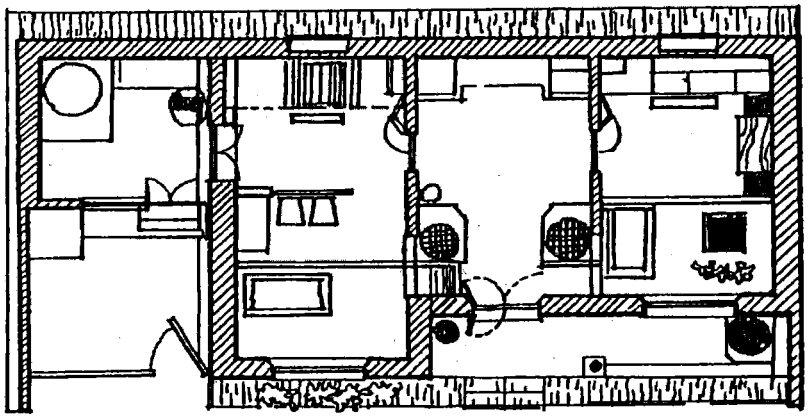
Kiến trúc lăng mộ các hoàng đế cũng là bộ phận quan trọng trong di sản nghệ thuật kiến trúc ở Trung Quốc. Ngay từ lúc ngồi trên ngai vàng, vua Tần Thủy Hoàng đã cho xây dựng một khu lăng tẩm bề thế, bên bờ sông Vị ở chân núi Lệ Sơn huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây. Nhà Hán kế thừa thể chế nhà Tần, rất chú trọng việc xây dựng lăng mộ. Lăng mộ thời Hán thường đặt tượng kỳ lân, voi đá, ngựa đá để nói lên sự giàu có, sang trọng của người quá cố. Lăng mộ các hoàng đế nhà Đường có quy mô rộng lớn, bề thế đặc biệt là lăng mộ vua Đường Thái Tông, Đường Cao Tông và hoàng hậu Võ Tắc Thiên ở núi Lương Sơn, tỉnh Thiểm Tây.

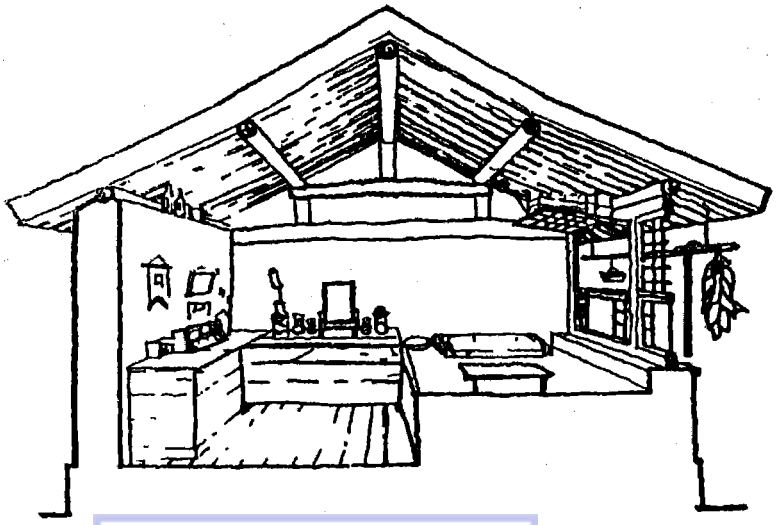
Thời Minh nổi tiếng với Thập Tam Lăng ở ngoại thành Bắc Kinh. Đó là quần thể kiến trúc lăng mộ của 13 Hoàng Đế nhà Minh được xây dựng từ năm 1409 trên núi Thiên Thọ phía bắc huyện Xương Bình. Lăng của Hoàng Đế được xây dựng ở sườn núi, có sự liên kết thành một thể thống nhất. Chu vi Thập Tam Lăng dài 40km với các lăng có kiến trúc đẹp như Trường Lăng, Định Lăng...

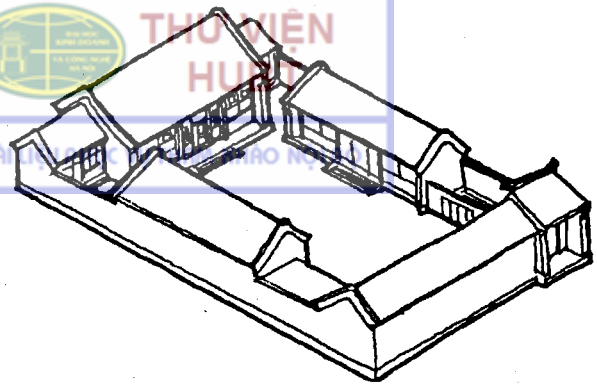
Nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc có quá trình phát triển lâu đời và đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, là một đóng góp nổi bật vào kho tàng nghệ thuật cảnh quan của thế giới. Nghệ thuật này tiêu biểu cho quan niệm triết học "Thiên Nhân hợp nhất" (người và trời đất hòa làm một) hoặc "Ngã dữ vạn vật tương sinh" (người và muôn vật cùng chung sống). Vườn cảnh Trung Quốc luôn hướng về tự nhiên, tạo ra môi trường sống hài hòa với thiên nhiên "tuy do nhân tác, uyển tự thiên khai" (tuy do con người mà như do trời sắp đặt). Vì thế đã có đánh giá: Vườn cổ điển Trung Hoa là loại hình nghệ thuật cao nhất trong các loại hình nghệ thuật kiến trúc ở Trung Quốc.



Những hình ảnh kiến trúc truyền thống Trung Quốc

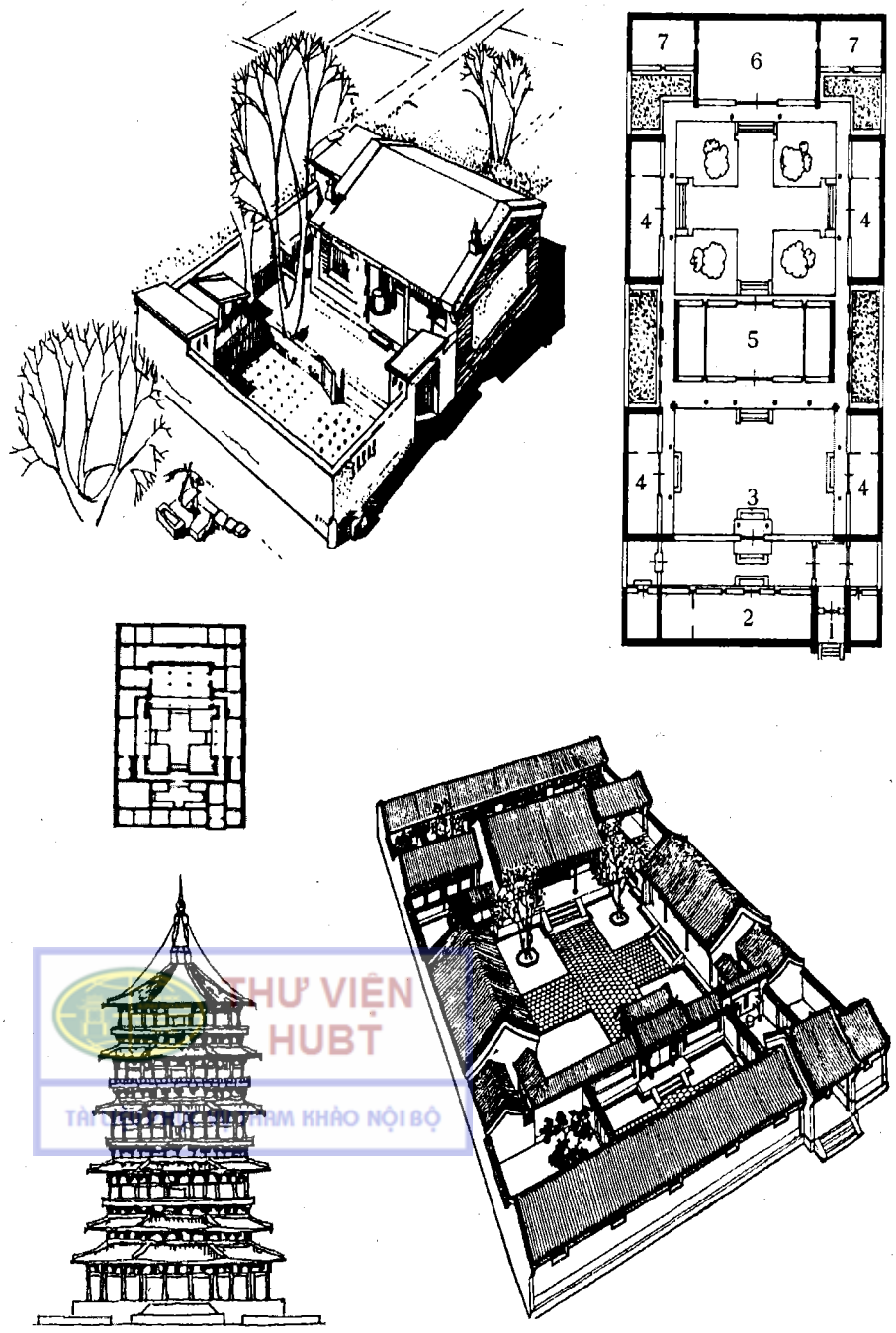






THƯ VIỆN HUTECH

Những hình ảnh kiến trúc truyền thống Trung Quốc



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Những hình ảnh kiến trúc truyền thống Trung Quốc

Sự hấp dẫn của việc tạo cảnh trong các vườn cổ điển là nhờ vào các thủ pháp "bộ di cảnh di, di bộ hoán cảnh" tức người vào vườn ngắm cảnh thì mỗi bước đi lại hiện ra cảnh mới luôn luôn thay đổi "tiểu trung kiến đại" nhìn vật nhỏ thấy được cái lớn, "sơn trùng thủy phục" núi non trùng điệp và mặt nước thì ẩn hiện, "ảo vu nhân tá" cảnh vật trở nên ảo diệu nhờ vào thủ pháp mượn cảnh...

Một cách khái quát, nghệ thuật vườn cảnh có những cách thức khác nhau theo đối tượng sử dụng: vườn hoàng gia phục vụ vua quan, tầng lớp quý tộc, vườn tư gia trong nhà riêng các văn nhân nghệ sĩ, các tầng lớp khá giả, vườn ở kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng gắn kết với các đền chùa, miếu mạo. Ngoài ra tùy theo đặc tính tự nhiên ở các địa phương mà có những cách tạo cảnh riêng như vườn vùng giang nam nhiều sông nước, vườn phương Bắc với cách tạo hình có sự kết hợp giữa cây cối và kiến trúc...

Kiến trúc dân gian với các loại hình nhà ở được cấu tạo theo những cách riêng để phù hợp với hoàn cảnh địa lý và khí hậu. Đất đai rộng lớn là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc với những cách thức ăn ở khác nhau cũng tạo ra những kiểu nhà ở khác nhau. Nhà ở theo hệ thống kết cấu gỗ là bộ phận chủ yếu nhà ở Trung Quốc. Do có khu vực phân bố rộng rãi nhất, có đủ cả hàn đới, ôn đới và nhiệt đới nên cách thức cấu trúc cũng khác nhau. Đặc điểm mặt bằng lấy số gian làm đơn vị rồi từ đó phát triển ra. Nhiều hơn cả là hình thức bố cục theo kiểu ba gian, gian giữa là nơi sinh hoạt gia đình và là nơi làm thủ công, còn hai bên là gian phụ có thể làm kho hoặc bếp.

Nhà được làm bằng vật liệu địa phương, vùng núi đá, nền nhà và tường nhà đều làm bằng đá. Nơi có đá phiến mỏng thì dùng để lợp mái. Vùng đất vàng phía tây bắc thì sử dụng rộng rãi tường đất và mái nhà đất. Ở Giang Nam, tre nứa, lau lách nhiều, vì thế cũng sử dụng nhiều tre nứa. Đáng chú ý là kết cấu đều bằng gỗ cả, nhưng phương pháp xử lý của các nơi khác nhau.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cách xử lý nghệ thuật kiến trúc nhà ở theo hệ thống kết cấu gỗ cũng mỗi địa phương một vẻ. Phía nam không khí ôn hòa, tường nhà mỏng, mái nhà nhẹ, sử dụng vật liệu gỗ tinh tế, ngoại hình kiến trúc hết sức linh hoạt. Phương bắc gió rét, tường dày, ngoại hình kiến trúc trông rất nặng nề.

Vùng thôn nước Giang Nam như ở thành phố Tô Châu đã xây dựng một hệ thống giao thông thủy bộ, đưa nước từ sông chảy qua

tường thành vào các đường phố. Nhiều nhà trước mặt là đường phố, sau là sông, cửa sau của nhà có xây bậc để xuống sông. Đó là kiểu thôn nước rất sinh động với cảnh trên bến dưới thuyền.

Tại các tỉnh vùng cao nguyên hoàng thổ Tây Bắc vẫn lưu truyền kiểu nhà hầm tức nhà được đào sâu vào vách núi như một cái hang phía trên là mái vòm. Nhà hầm cũng có thể là nhà nhiều tầng. Còn có loại nhà làm theo kiểu giếng trời, đào sâu xuống mặt đất như cái cái giếng hình vuông hay hình chữ nhật, rồi từ thành giếng ăn thông vào các phòng ở. Từ mặt đất đi xuống giếng bằng thang, đáy giếng là sân, trên sân có trồng cây và hoa.

Nhà "tứ hợp viện" ở Bắc Kinh, là kiểu nhà bố trí cân xứng theo tuyến trục Bắc Nam. Ngôi nhà có hai phần: Tiền Viện có đại môn (thường là lệch về phía đông nam), trong cửa có bình phong và dùng làm nhà khách, nhà ở của nam giới; Nội Viện có diện tích lớn, xung quanh có hành lang là nơi sinh hoạt chính của gia đình. Từ dạng bốn nhà vây quanh một sân, kiểu này còn được phát triển thành loại nhà có nhiều sân.

Nhà ở kiểu lầu đất thường có ở tỉnh Phúc Kiến, mặt bằng hình vuông hoặc hình tròn, rất nhiều cửa sổ giống như một pháo đài, kiểu lầu tròn phổ biến hơn cả. Lầu Thừa Khải xây dựng đời Thanh, là một kiểu lầu tròn, đường kính tới 62m, có 3 tầng lầu và có 300 gian nhà. Phía ngoài nhà lầu có hào sâu, bên trong có giếng để dự trữ nước.

Ngoài ra ở Vân Nam còn có các kiểu nhà hình ấn, nhà sàn bằng tre, vùng dân tộc thiểu số ở Quảng Tây, Quý Châu có nhà sàn gỗ, vùng Chiết Giang có kiểu nhà sân trong...

3. Nhìn nhận bản sắc đô thị qua lăng kính không gian, thời gian

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Khi xem xét quá trình hình thành các yếu tố tạo nên văn hóa và các nền văn minh, người ta luôn nhấn mạnh yếu tố lịch sử cũng như yếu tố về các vùng miền. Qua định nghĩa của UNESCO về văn hóa ta hiểu rằng đây là những giá trị vật chất và tinh thần mà một cộng đồng dân cư trên một địa bàn nhất định sáng tạo ra trong cả một quá trình lịch sử. Nói về địa bàn tức là nói tới không gian, nói tới lịch sử tức là nói tới thời gian.

Thực vậy, các giá trị văn hóa con người sáng tạo nên có sự khác nhau giữa các vùng miền và cũng có những diễn biến khác nhau qua các giai đoạn của lịch sử. Và chính những giá trị văn hóa đã tạo nên

bản sắc của đô thị, bởi đô thị chính là sự tổng hợp của vô cùng nhiều các yếu tố của nền văn hóa. Nhìn vào cảnh quan đô thị ta thấy có những yếu tố của thiên nhiên: đồi núi, sông ngòi, hồ ao, cây cối... và những yếu tố nhân tạo: nhà cửa, đường sá, các vật thể kiến trúc trên mặt đất và cả dưới lòng đất. Qua sắc thái của mỗi yếu tố này cũng như cách thức liên kết giữa chúng với nhau mà mỗi đô thị có sắc thái riêng và đó chính là bản sắc của đô thị.

Nghiên cứu về các đô thị được xếp hạng là di sản văn hóa thế giới, chuyên gia về nghệ thuật người Canada, bà Marie-Charlotte De Koninck đã có bài viết xuất sắc mở đầu cho một cuốn sách về chủ đề này, thể hiện một cách nhìn về bản sắc đô thị qua lăng kính không gian và thời gian. Xin được trích một số mục trong bài viết của Bà.

Những đô thị thuộc di sản thế giới:
Thời gian và không gian được nhân tính hóa

Từ châu Phi, châu Á, châu Âu cho tới châu Mỹ: đâu đâu ta cũng được chứng kiến những thành phố kiểu mẫu sinh ra và lớn lên với nghệ thuật và niềm tự hào, với tri thức và trí tuệ. Những đô thị của lịch sử, về nhiều mặt, thực sự đã là nơi gặp gỡ của những thế kỷ, những xã hội và dân tộc, những tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau. Tại một thời điểm nào đó của lịch sử, vị trí địa lý chiến lược của đô thị giúp cho thấu hiểu những nhân tố đã làm cho đô thị xuất hiện cùng với nghề nghiệp, kỹ thuật và lối sống được phát triển ở đó.

Những đô thị này thuộc nhiều vùng đất và nhiều khu vực văn hóa khác nhau giúp ta nhìn rõ những đặc trưng của một số xã hội cũng như những tác động qua lại giữa xã hội này và xã hội khác. Nó còn giúp chúng ta phát hiện, chẳng những rất nhiều kiệt tác, mà cả những sự thay đổi cùng ảnh hưởng qua lại giữa những vùng khác nhau của thế giới.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những đô thị được liệt kê trong "Danh sách di sản thế giới" thúc giục chúng ta đổi mới cách nhìn về lịch sử nhân loại. Chính những đô thị này dành cho ta một sự tiếp xúc đặc biệt với sự đa dạng của những xã hội đã từng hoặc đang tạo ra các vùng dân cư của thế giới. Với danh sách những di sản văn hóa thế giới, chúng ta có thể liên kết các lục địa với nhau và riêng về các đô thị di sản thế giới thì ta liên kết được những cái nôi chính của văn minh nhân loại. Cũng còn nhiều đô thị quan trọng xứng đáng là di sản nhân loại nhưng chưa có tên trong danh sách, trong khi đó thì nhiều đô thị đã không chống chọi được với những thử thách khắc nghiệt của thời gian.

Đọc các trang viết về các đô thị đó (nếu như không thể đến thăm chúng được) là cách tìm hiểu về những sự kiện và những lối sống mà chúng ta đã quên đi hoặc do chúng ta chưa bao giờ nhận thấy tác động của chúng đến văn hóa vật chất của các xã hội. Đó là việc làm rõ những mối quan hệ, những cuộc chinh phục, thắng lợi và thất bại là những cái đã tạo ra mối quan hệ giữa các quốc gia và các quyền lực trong cả quá trình hưng thịnh và suy vong. Ta còn thấy được nghị lực mà biết bao nhiêu dân tộc dành ra để thể hiện giá trị của mình trong kiến trúc, trong khung cảnh sống cũng như trong sự biến đổi của môi sinh. Đó còn là sự phát hiện muôn mặt của cuộc sống xã hội qua các vùng và qua các thế kỷ. Bởi vì những thành tựu đô thị - do con người làm ra và phục vụ cho con người - về kiến trúc về nghệ thuật, thường là rất đồ sộ, thể hiện những giai đoạn lớn của tiến trình nhân loại mà những xã hội khác nhau đã đạt tới một trình độ nào đó về quyền lực, về tri thức và ảnh hưởng, nhờ đó mà tồn tại mãi mãi.

Thành phố là kết quả của một tổ chức xã hội luôn biến đổi, được tính trước và phản ánh một trình độ phát triển về kỹ thuật và chính trị, văn hóa và kinh tế, trong một chiều dài thời gian nhất định và trong một môi trường cụ thể. Những khái niệm về dân cư và khu dân cư, về ý chí cộng đồng, về công trình công cộng, về không gian và thời gian giúp cho việc định nghĩa thế nào là một đô thị. Thành phố với quá trình tồn tại và vị trí của nó, bảo đảm với hiệu quả cao nhất cho sự giao tiếp và trao đổi giữa con người. Nhưng thực ra còn hơn thế nữa vì ở đó không phải tất cả đều hữu hình như nhà xã hội học Pierre Bourdieu nói: "Điều kiện cư trú là hình chiếu tượng trưng của những cấu trúc cơ bản nhất của một nền văn hóa". Điều kiện cư trú đáp ứng những nhu cầu của con người những gì họ biết đến và những gì mà họ mong ước. Đô thị về mặt nào đó có thể coi là sự tích tụ của lịch sử, của ngôn ngữ và của các giá trị. Nó là biểu hiện của sự chung sống. Tất nhiên có những đô thị được xây dựng theo ý chí của các vua chúa, các kỹ sư và các kiến trúc sư mà dấu tích của những ý tưởng ban đầu đã không còn nữa. Trong danh sách di sản thế giới của UNESCO có một vài thành phố như thế: Fatehpur Sikri ở Mexico (do Cortès thành lập năm 1522 trên phế tích của Tenochtitlan) và Brasilia, thực sự sinh ra trên bàn vẽ của kiến trúc sư. Và lịch sử thời cổ đại cho rằng Alexandre Đại đế đã là người sáng lập nên không dưới 70 đô thị.

THƯ VIỆN HUBT

Những đô thị thuộc di sản thế giới có thời thịnh vượng và nay còn tiếp tục khiến ta phải suy nghĩ về lý do tồn tại của tính năng động cũng như sự thành công của chúng. Những bối cảnh bao quanh sự ra đời của đô thị rất khác nhau và được giải thích bởi các mối quan hệ về môi trường, về kỹ thuật, kinh tế, không gian, thời gian và đôi khi cả huyền thoại nữa. Người ta không thể đề cập ở đây lịch sử của từng đô thị. Nhưng những yêu cầu cơ bản của con người về nguồn gốc của hiện tượng đô thị là gì? Một câu hỏi đầy tham vọng mà không thể có câu trả lời đơn giản.

Để hiểu được những nhân tố của nền văn minh dẫn con người đến "sống ở thành phố", chúng ta hãy tham khảo Lewis Mumford: "Hình như một sự tiến bộ cách mạng của kỹ thuật nông nghiệp, đánh dấu bằng việc phát minh ra cái cầy, sự chọn giống và việc tưới nước đã có ảnh hưởng quyết định đến việc hình thành cả một cơ chế về kiểm soát và đó là đặc trưng của "văn minh". Sự chuyên môn hóa về nghề nghiệp, sự tăng lên của mật độ dân số và sự hình thành các đẳng cấp xã hội đi song song với sự phát triển nền văn minh đồng thời thỏa mãn những yêu cầu của nền văn minh. Dân định cư sống nhờ trồng trọt khác với những dân du cư sống nhờ săn bắt, bắt cá, hái lượm, buôn bán trên cơ sở dịch chuyển cư trú.

Sự mô tả của những nhà chuyên môn về sự hình thành của thành phố đã nêu bật lên tính phức tạp của những nhân tố về sự phát minh ra nó, bởi vì những ý tưởng phát minh ấy luôn biến thành hiện thực. Theo nhà khảo cổ học Gordon Childe "Phát minh ra thành phố chính là lịch sử của sự thịnh vượng tích tụ lại, của sự chuyên môn hóa nhân công ngày càng tăng và sự cất cánh của thương mại".

Từ ngữ la tinh "Civis" chỉ "thị dân" hoặc "dân đô thị" đã dẫn đến từ ngữ "Civilisation" (văn minh). Sự xuất hiện của những đô thị đầu tiên tương ứng với sự xuất hiện của nền văn minh và ngược lại. Nó cũng tương ứng với việc phát minh ra chữ viết, đã ra đời ở Ourouk (Irak) tại vùng Lưỡng Hà dưới hình thức các chữ tượng hình.

Sự ra đời của đô thị tiếp theo sự ra đời của làng xã chứa đầy những bí ẩn, ít ra trong những biểu hiện đầu tiên của nó. Lewis Mumford, ngược lên đến tận thời tiền sử để tìm hiểu gốc rễ của hiện tượng tập hợp dân cư đã làm nổi bật lên sự cấu trúc chậm chạp của đời sống cộng đồng: "Từ xa xưa, giữa muôn loài, chẳng phải chỉ con người mới có bản năng sống hợp quần, rồi từ đó con người có chỗ trú ẩn,

có mộ chôn trước khi có làng mạc, rồi tiếp đó có thôn xóm, có đền đài, làng mạc trước khi có đô thị".

Nhưng sự ra đời của đô thị không xa lạ đối với sự ra đời của việc thờ cúng người chết, mà người ta thấy rõ ở những nơi cư trú cố định đầu tiên (hang động, đống đá, nấm mồ tập thể) đã dẫn Mumford đến chỗ xác định rằng "đô thị của người chết đã có trước đô thị của người sống". Ai Cập cổ đại là nơi có thể thấy rõ nhất, người ta đã dành tầm quan trọng cho "cuộc sống" sau khi đã chết, "nơi cư trú" của thần thánh lấn át cả nơi cư trú của người còn sống. Những kim tự tháp, những cột biểu tượng và những pho tượng khổng lồ như tượng nhân sư đã chứng thực điều đó.

**** Đô thị là một không gian được nhân tính hóa***

Từ một không gian sẵn có trong thiên nhiên, con người đã chuyển sang một không gian xây dựng. Một trong số những dấu hiệu cổ xưa nhất được biết đến và dùng để biểu thị một thành phố là chữ tượng hình Ai Cập: ⊕

Ký hiệu này đã tổng hợp hình thành về thành phố bằng một đường tròn gợi ý không gian kín, tường bảo vệ và bằng hình trực giao gợi ý tổ chức môi trường bên trong. Bằng nét đậm, những nét kẻ chỉ rõ những đường phố giao nhau. Sự giao nhau của hai trục vuông góc cũng thể hiện quy hoạch lãnh thổ của người La Mã: không gian của khu cư trú và những thành phố được hình thành từ một tâm tạo bởi hai trục vuông góc: Cardine (Bắc - Nam) và Decumani (Đông - Tây, theo hướng chuyển động của mặt trời).

Hệ ký hiệu của chữ tượng hình Ai Cập đã gợi lên được sự kiểm soát và việc xây dựng với một sự giản dị lạ lùng. Phải chăng đó là tinh hoa của đô thị? Có thể, nhưng người ta không thể cho rằng các xã hội đã coi thường môi trường tự nhiên: phần lớn các đô thị di sản thế giới đều chứng thực một sự cộng sinh với thiên nhiên, và một sự hiểu biết thấu đáo về địa hình xung quanh. Và những màu sắc của đất xây nhà cũng như những vật liệu đã biểu thị một sự tiếp nối của đất đai và thảo mộc nguồn gốc của các vật liệu đó.

Mỗi một thời kỳ và mỗi một nền văn minh có một quan niệm về không gian đô thị. Những đô thị di sản thế giới thể hiện những hình mẫu của lịch sử nói lên một quan niệm về không gian (hình tròn, chạy dài hoặc hướng tâm) - một quan niệm về mối quan hệ giữa cõng

và tư, chính trị và tôn giáo, nhà ở và nơi làm việc. Trước mặt chúng ta là thế giới cổ đại với những thành thị có nhiều lớp tường bao quanh, nơi mà những tòa nhà mở ra không gian bên trong chứ không phải ra bên ngoài, có những quảng trường tạo nên những không gian lớn không lẫn với phố xá nhỏ hẹp. Kia là những thành thị ảrập trải dọc bờ biển Địa Trung Hải cùng với sự bành trướng của đạo Hồi, chủ yếu từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XII, chỉ dùng những khoảng đất hẹp cho những chức năng hoạt động công cộng, hành chính và tôn giáo.

Tất cả những đô thị di sản thế giới chứng tỏ rằng thành phố là nơi mà người dân biểu lộ những giá trị, những khát vọng, những ý định luôn luôn biến đổi. Các kiến trúc sư và các nghệ sĩ sáng tạo những hình thức và ngôn ngữ thể hiện tinh thần của thời đại họ và những dự báo của thời đại về sự đổi mới: Thành phố là một cơ thể năng động, có thể tồn tại nhiều thế kỷ và nhiều thiên niên kỷ, nó không chết ngay cả khi quan niệm ban đầu của nó đã cạn kiệt, nó tiếp tục sống, nó đấu tranh, nó tiếp nhận hay gạt bỏ những ngôn ngữ mới và nó tự biến đổi". Hơn cả một quyển sách lịch sử, thành phố di sản thế giới còn là một sân khấu của lịch sử.

**** Đô thị và biểu tượng***

Nhà tín hiệu học Françoise Choay đã bỏ nhiều công nghiên cứu đô thị và đã phân loại đô thị theo các đặc trưng khác nhau. Bà coi đô thị thời trung cổ là những không gian giao tiếp; đô thị của các vua chúa ở những thế kỷ XVII, XVIII như không gian sân khấu; thành phố lớn như không gian của thông tin liên lạc và các thủ phủ là những không gian liên kết, và là kết quả của cách mạng công nghiệp. Mặt khác, tác giả cũng cho thấy về mặt ngữ nghĩa tín hiệu học thì các đô thị và quy hoạch đô thị đã tiến hóa biết bao nhiêu nhưng ngược lại ngôn ngữ xây dựng thì lại nghèo nàn. Đô thị hiện tại truyền đạt tín hiệu bằng chữ viết và biển báo. Đô thị đầy những tín hiệu, ngoài tín hiệu của bản thân các tòa nhà, của cách bố trí và của những quan hệ giữa chúng với nhau. Hệ thống đô thị đã trở thành không gian hoạt động và tính hiệu quả là nguyên tắc của nó.

Còn những đô thị di sản thế giới, nó nói với chúng ta điều gì? Mỗi đô thị đều có thể được phân tích về ngữ nghĩa học. Mỗi nơi là một đặc thù, mỗi nơi có một cách bộc lộ. Tuy nhiên, với cách tiếp cận bao quát thì nhìn chung, chúng đã truyền lại cho ta những thông điệp rất có ý nghĩa.

THƯ VIỆN HUBT

**** Chúng nói với ta về vai trò bảo vệ***

Đến giữa thế kỷ XIX, những công sự và thành lũy vẫn còn giữ vai trò bảo vệ cư dân chống xâm lược, trước khi pháo binh có đủ sức mạnh để phá tan những công trình đó. Những đô thị kể tên sau đây vẫn là những đô thị có thành lũy bao quanh hoặc vẫn còn dấu vết những công sự và pháo đài: Jerusalem, Roma, Istambul, Sanae, Sousse, Marakech, Bosra, Cartagena...

**** Chúng nói với ta về tín ngưỡng tôn giáo***

Các đô thị nói với ta điều này bằng số lượng rất nhiều các gác chuông và tháp nhà thờ, các đền Hồi giáo và giúp ta định lượng các thế kỷ lịch sử tôn giáo của chúng. Jerusalem, Katmandu, Kandy, Cairo, Tunis, Avila là những đô thị tôn giáo tiêu biểu nhất của nhiều thế hệ tín đồ khác nhau (đạo Do Thái, đạo Cơ Đốc, đạo Hinđu, đạo Phật, đạo Hồi). Chúng ta còn có thể kể thêm các đô thị như Olinda và Ouro Preto với bộ mặt được đánh dấu bằng những gác chuông kiểu baroque.

**** Chúng nói với ta về thương mại và kinh tế***

Tùy theo vị trí mà đô thị có khả năng thương mại trên biển hay trên đất liền. Những đô thị phồn vinh đều triển khai dọc bờ sông, ở ngã tư những tuyến buôn bán trên sa mạc, gần những mỏ vàng, mỏ bạc, hoặc nhờ vị trí địa lý cùng những hoạt động thương mại hoặc sự khai thác hợp lý đối với thiên nhiên. Katmandu trên con đường chở muối, Djenné trên đường buôn vàng, Shibam trên đường hương liệu, Damas trung tâm thương mại; Istanbul ngã tư của phương đông và phương tây. Venise và Libeck với những trung tâm độc quyền thương mại, Kotor với cảng tự nhiên; Potosi gần mỏ bạc và Ouro Preto với những mỏ "vàng đen".

THƯ VIỆN HUBT

**** Chúng nói với ta về đời sống trí tuệ***

Salamanque là một kiểu mẫu về thành phố đại học cổ, Tombouctou là trung tâm trí thức quan trọng của châu Phi ở phía nam Sahara, Cracovie vẫn còn là trung tâm văn hóa của Ba Lan đến ngày nay. Cùng trong loại này còn có thể kể những thành phố là trung tâm tôn giáo: Rome, Istanbul, Katmandu, Cairo cũng đều là những trung tâm của đời sống tri thức đã đánh dấu sự tiến hóa và sự tỏa sáng của những nền văn hóa mà trong đó các đô thị này đã xuất hiện. Những đô thị là trung tâm nghệ thuật cũng phản ánh tính năng động tri thức như trường hợp Venise, Florence, Ouro Preto.

**** Chúng nói với ta về sự hòa nhập và chung sống giữa những nền văn minh***

"Mật độ ngữ nghĩa" của những tổng thể đô thị đó rất đáng được chú ý. Đó là do sự tích tụ của nhiều thế kỷ lịch sử tạo nên: nhà cửa và không gian đô thị là những cung đoạn của cuộc hành trình nhân loại trên trái đất. Mỗi tổng thể đô thị có cách biểu hiện riêng trên khu dân cư: khu cho người nghèo, khu cho người giàu, khu của quân sự với những công sự và tháp canh; Khu của các lãnh chúa với lâu đài cung điện và nhà thờ Hồi giáo; Khu giao dịch với những đường phố chính và phụ, quảng trường và vườn cây. Khu tôn giáo với đền đài và nhà thờ; Khu lao động và thương mại với các hầm mỏ, và hải cảng; Khu giải trí với nhà tắm công cộng, rạp hát và công viên. Ngoài ra nó còn biểu hiện ở sự hòa nhập với thiên nhiên và ở sự khai thác lương thực, thực phẩm hoặc những vật liệu để tạo ra đô thị.

Người ta thấy một sự chung sống giữa nghệ thuật La Mã, Cơ Đốc, Trung cổ, Rôman, Gôtic, Phục hưng, Baroque và hiện đại ở nhiều thành thị châu Âu. Có thể nêu lên Budapest như một ví dụ điển hình, còn những đô thị Ả Rập lại cho thấy nhiều sự chuyển tiếp về phong cách nghệ thuật và cũng cho thấy tác động của những cuộc xâm lược. Ở đây có một sự hỗn hợp mà một phần của quá khứ đã được giữ lại và chung sống với hiện tại. Thành phố Cairo (Ai Cập) đã biểu lộ một tính năng động như thế, ở đó có sự dung hòa giữa việc bảo tồn đô thị và sự mở rộng của thành phố hiện đại.

**** Đô thị "hữu hạn" và "vô hạn"***

Hình ảnh và ý nghĩa của các khu dân cư là một điều không thể chối cãi được. Chữ tượng hình Ai Cập như trên đã nêu là biểu thị không gian được nhân tính hóa, đô thị được coi như một thế giới ổn định và hòa nhập vào vũ trụ.

Người ta thường dùng từ "hàng rào" cho hệ thống đô thị trung cổ và từ ngữ "mở cửa" cho hệ thống đô thị hiện đại tiến hóa nhanh. Những đô thị lịch sử chứa đầy ý nghĩa và người ta gắn chúng với thế giới "có hạn" mà ở đó người ta vẫn có thể quản lý và kiểm soát. Những đô thị đó cũng chứa đầy ý nghĩa vì chúng thể hiện trong không gian kiến trúc những mối quan hệ của các xã hội nối tiếp nhau trong sự gắn bó với thiên nhiên, giữa những con người và những gia đình với nhau. Chúng cũng nói lên những khát vọng của con người về quyền lực, về tín ngưỡng cũng như đời sống chính trị. Chúng là sự cụ thể hóa

những thế kỷ lịch sử mà sự lắng đọng đã để lại cho chúng ta những ví dụ đẹp nhất.

Phần lớn những đô thị trong "danh sách di sản thế giới" là những đô thị lịch sử sống động đang tiến hóa theo nhịp độ của thế giới công nghiệp hiện đại. Người ta cũng nhận thấy rằng quy chế di sản thế giới thường cũng dành một phần cho các khu đô thị hiện đại mà cuộc sống hiện đại cũng đang triển khai ở đó. Người ta sống ở đó, làm việc ở đó, đi lại ở đó. Vì thế mà những từ ngữ liên quan tới chúng thường có tính chất thời gian như: "Trung tâm lịch sử...", "thành phố cổ...", "Hạt nhân lịch sử...", "Khu Hồi giáo..." trừ một số trường hợp hiếm hoi như "Venise và vùng ngập nước", "Khu phố Bath", "Núi Saint Michel và vịnh" và một số cảnh quan đặc biệt như "Thung lũng Katmandu". Hơn nữa việc xác định giới hạn của không gian mà UNESCO lựa chọn thường là để chỉ một vùng đô thị bao quanh, kéo dài hoặc nằm kề bên không gian đô thị cổ.

Người ta thấy rằng từng thời kỳ hoặc qua nhiều thế kỷ, thì từ những di tích lịch sử đó đã hình thành nên những đô thị hoàn chỉnh. Lúc đầu là cả một đô thị nhưng sau thì trở thành một bộ phận của đô thị, bộ phận của những đô thị hiện đại và công nghiệp hóa, những bộ phận của đô thị dần dần tiến triển và với cách nhìn của quy hoạch đô thị, đã có sự phân biệt giữa lịch sử và sự tiến hóa.

Trong một tác phẩm của Thierry Gaudin một tác giả có quan tâm đến đô thị hiện đại, người ta thấy có những nhận xét sau đây: "Việc hiện đại hóa đô thị, kể từ thời Haussman được thực hiện theo kiểu giải phẫu. Người ta trổ những đại lộ, trưng dụng toàn bộ những khu phố rồi xây dựng lại, lấy đất để làm mạng lưới đường phố, rồi đến hệ thống cống, khí đốt, mạng lưới điện đến nay là điện thoại và dây cáp, rồi mai đây sẽ là thu gom rác bằng người máy. Đúng là việc hiện đại hóa liên quan tới tất cả các đô thị, nhưng con người luôn luôn vẫn còn cần đến những môi trường ở có ý nghĩa. Không quá ngợi ca quá khứ, nhưng cũng không phủ nhận sự phát triển hiện tại, nó là đặc tính đầy cổ vũ của xã hội chúng ta, UNESCO đã giúp ta có một niềm tin mới: bảo tồn di sản thế giới vì lợi ích toàn cầu. Sáng kiến này có hiệu lực làm chúng ta mơ tưởng tới nghìn lẻ một bộ mặt đô thị cổ kính ở khắp nơi mà người ta có thể chiêm ngưỡng.

I. ĐÔ THỊ TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC

TỪ CỐ ĐÔ TRÀNG AN TỚI KINH ĐÔ BẮC KINH

1. Cố đô Tràng An

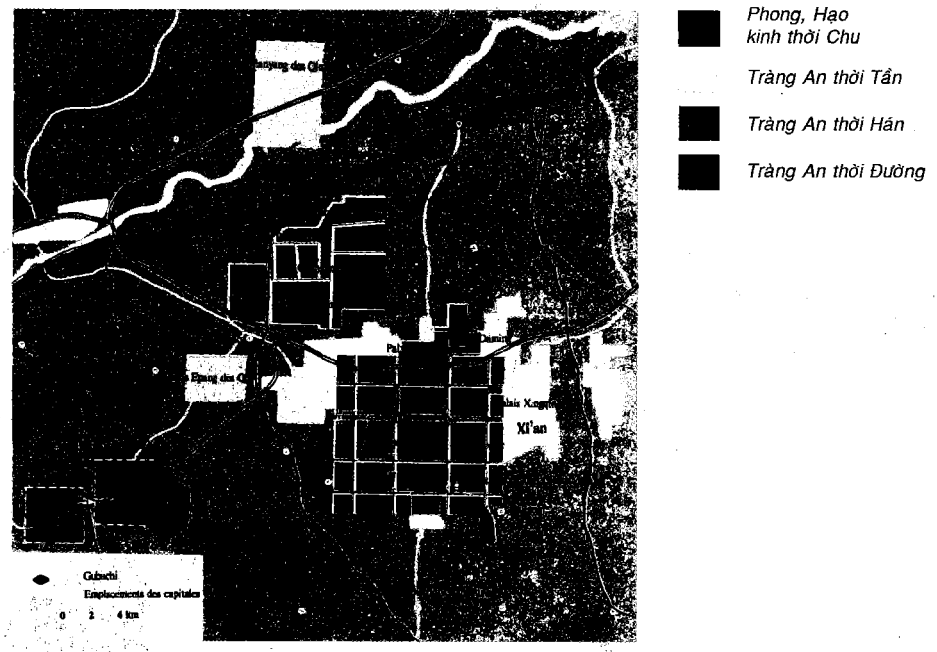
Tràng An hay Trường An là kinh đô cổ của Trung Quốc và từ thời Minh được gọi là Tây An. Kinh đô được hình thành cách đây chừng 3000 năm và là nơi tập trung nhiều công trình văn hóa nổi tiếng. Đây cũng là cố đô của nhiều triều đại Trung Hoa từ Tây Chu đến các triều đại phong kiến Tần, Tây Hán, Tiền Triệu, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Chu, Tùy, Đường. Vùng Trường An thuộc trung tâm bình nguyên tỉnh Thiểm Tây, là nơi đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, nguồn nước dồi dào, rất có lợi cho thảm thực vật phát triển. Bao quanh Trường An có tám con sông trong đó sông Vị và sông Phong có vị trí quan trọng. Xung quanh Trường An cũng có những núi cao và đẹp nổi tiếng như Thái Bạch Sơn, Tây Nhạc Hoa Sơn, Thúy Hoa Sơn, Lý Sơn.

Chính vì môi trường thiên nhiên vùng Trường An ưu việt, nên con người từ thời cổ xưa đã đến đây sinh cơ lập nghiệp. Các nhà khảo cổ Trung Quốc đã đào được di chỉ Bán Pha cách thành phố Tây An 6km về phía tây. Di chỉ này rộng chừng 50.000m^2, là một làng thuộc xã hội thị tộc mẫu hệ, cách đây gần 6000 năm. Trong làng này còn lại 45 ngôi nhà, hơn 250 mộ táng, hơn một vạn đồ dùng sinh hoạt và sản xuất. Làng chia làm nơi ở, nơi làm gốm, nơi chôn cất, làng có khoảng 5600 người, chứng tỏ mức độ tập trung người nguyên thủy ở đây đã khá đông.

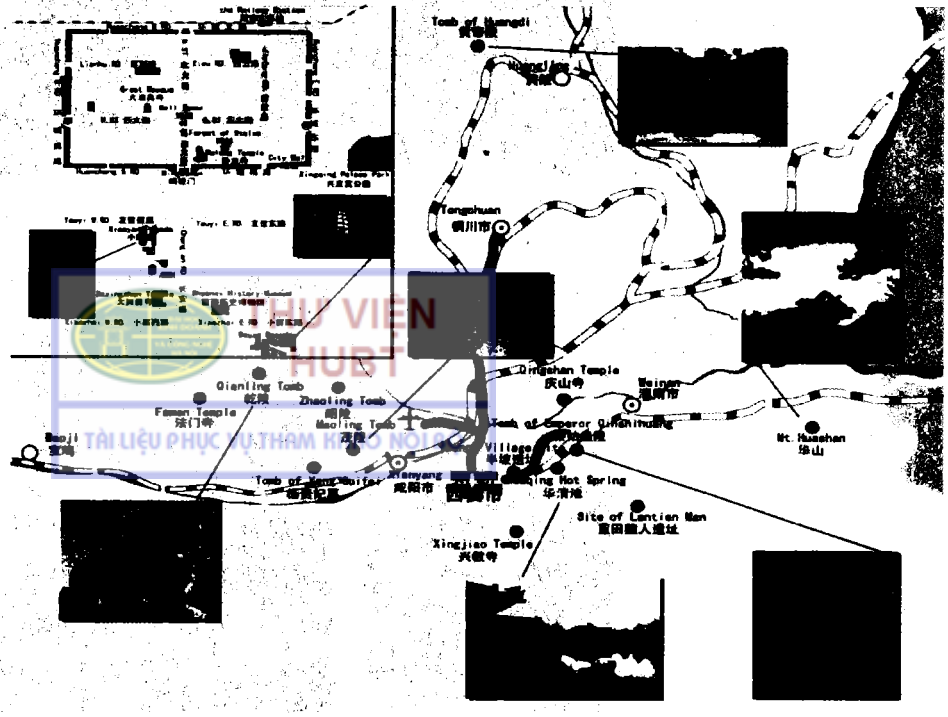
THƯ VIỆN HUBT

Từ thời Tây Chu, cách đây khoảng 3000 năm, vùng đất này đã được chọn để dựng đô gọi là Phong Hạo Kinh. Đây là thành thị lớn nhất Trung Quốc lúc bấy giờ. Phong Hạo Kinh nằm ở hai bờ sông Phong, một bên là Phong Kinh, một bên là Hạo Kinh. Mỗi kinh đều xây thành hình vuông, có ba cửa thành. Trong thành thì cung điện ở phía nam, chợ búa ở phía bắc, phía trái xây đền miếu thờ cúng tổ tiên, phía phải xây đàn xã tắc.

Cuối đời Chu giặc Nhung vào quấy phá, Chu Bình Vương dời đô về Lạc ấp. Phong Kinh, Hạo Kinh bị chiến tranh tàn phá, thành quách bị phá hủy thành ruộng vườn và cho đến thời Xuân Thu thì không còn dấu tích gì nữa.

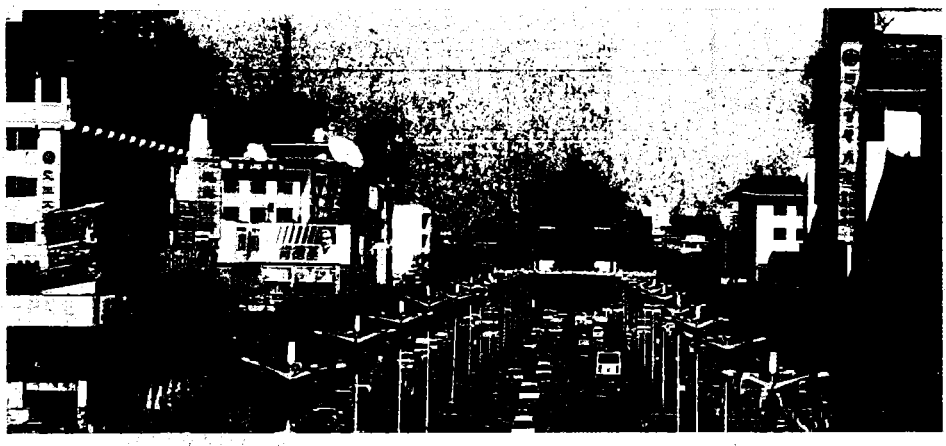


Sự chuyển dịch vị trí kinh thành Tràng An



Sơ đồ vị trí thành Tràng An và các di tích lịch sử

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Đại lộ trung tâm Tây An



Công viên trung tâm Tây An



Nhà ở và đường phố Tây An

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

Đến thời Tần, sau khi chiếm được trung nguyên, trải qua mấy lần dời đô, cuối cùng định đô ở Hàm Dương cách Tây An ngày nay khoảng 7km. Cung điện thời Tần chủ yếu xây ở Hàm Dương, ngoài cung điện của Tần Hiếu Công, Tần Huệ Văn vương, Tần Thủy Hoàng còn xây dựng nhiều cung điện lộng lẫy mà đến nay chỉ còn lại một số di tích như những bích họa, những loại gạch rỗng xây dựng bậc thềm, hệ thống thoát nước ngầm dưới đất. Cung điện nổi tiếng thời Tần Thủy Hoàng là Cung A Phòng, nằm ở ngoại vi phía tây thành phố Tây An ngày nay.

Nhà Tần diệt vong, Hạng Vũ tiến vào Hàm Dương đốt cháy các cung điện nhà Tần và đốt cháy cả cung A Phòng "lửa cháy trong 3 tháng không tắt". Vậy là nơi đây đã từng là một đế đô mà nay trở thành đống tro tàn.

Sau khi thắng Hạng Vũ, Lưu Bang quyết định chọn Trường An xây thành đắp lũy tạo dựng kinh đô mới, thành Trường An nhà Hán nằm ở phía tây bắc thành phố Tây An ngày nay. Thành nhà Hán có chu vi 25,7km, diện tích 36km^2, thành hình vuông nhưng khuyết góc tây bắc giống sao Bắc Đẩu nên gọi là "Đẩu thành". Thành Trường An nhà Hán có các cung điện nổi tiếng như: cung Vị Anh, cung Trường Lạc, cung Kiến Chương, mỗi cung đều là một quần thể kiến trúc lớn. Cung Vị Anh nằm ở tây nam thành, là trung tâm thống trị của thời Lưỡng Hán. Cung này có 43 tòa điện, tổng cộng chu vi 9km, chiếm khoảng một phần bẩy diện tích của thành Trường An. Cung Trường Lạc nằm ở phía đông nam, là nơi ở của hoàng hậu, bao gồm 17 tòa điện. Khu cung điện này có chu vi 10km, diện tích 6km^2 chiếm khoảng một phần sáu diện tích thành Trường An. Cung Kiến Chương nằm ở phía phía tây, xây dựng từ thời Hán Vũ đế, được mệnh danh là "Thiên môn vạn hộ" có quy mô lớn nhất và tráng lệ nhất. Đây là nơi vui chơi của các đời vua từ Hán Vũ đế trở đi. Phần còn lại của thành là chỗ ở của cư dân và thợ thủ công cùng với chợ búa.

Thành Trường An đời Hán là kinh đô của các triều đại Tây Hán (206 tCn - 23 sCn), tường thành đắp bằng đất khá cao, dày và chắc chắn, mỗi mặt thành đều có 3 cửa. Đường giao thông trong thành rất rộng lớn, uy nghiêm được bố bố trí theo các hướng Đông Tây Nam Bắc. Tám đường chính có chiều rộng 45m, đường trục trung tâm dài 5,5km.

Đô thị truyền thống Trung Quốc

Vào năm 582, niên hiệu Khai Hoàng thứ hai đời Tùy (581 - 618), Tùy Văn Đế thấy thành Trường An cũ, do các triều đại trước để lại

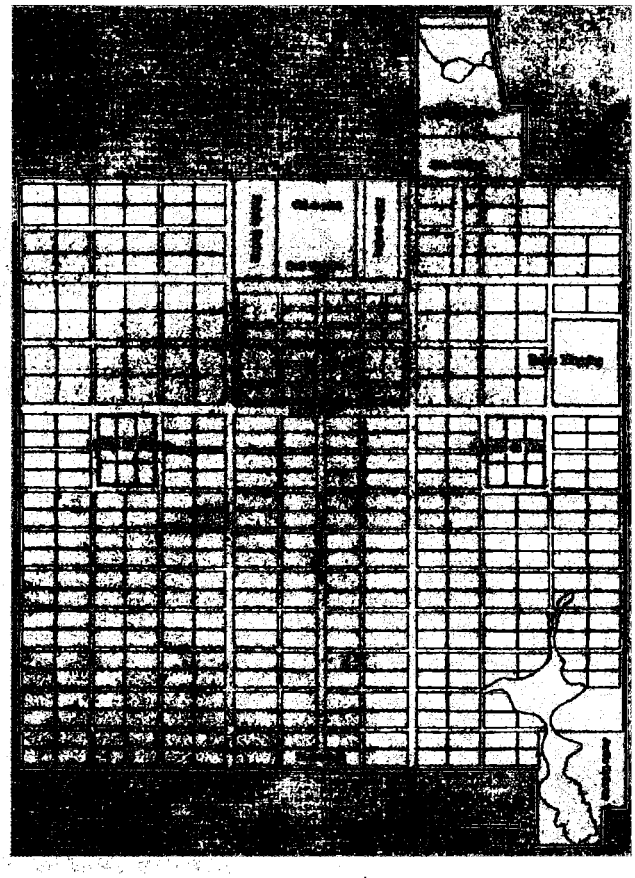
quá chật hẹp, đã chọn đất rộng ở phía Đông Nam thành cũ, gần Long Thủ Sơn, xây một tòa thành mới, đặt tên là Đại Hưng Thành.

Đại Hưng Thành nằm trên bờ nam sông Vị, nhìn sang núi Chung Nam - một thắng cảnh nổi tiếng. Để cấp nước cho Đại Hưng Thành, triều đình đã cho đào ba con sông: sông Quang An và sông Thanh Minh ở phía nam, sông Long Thủ ở phía Đông. Ba con sông này uốn khúc quanh vườn Ngự Uyển trong thành rồi chảy ra sông Vị. Hai bờ sông trồng toàn liễu, cảnh đẹp đã được nhà thơ Vương Kiện đời Đường miêu tả bằng câu thơ: "Liễu bên sông in lồng bóng nước". Đại Hưng thành do ba bộ phận hợp thành: Quách Thành, Hoàng Thành và Cung Thành, rộng khoảng 84km^2. Cung thành ở giữa, hơi lấn sang phía Bắc, tường thành rộng trung bình 16m, cao 10m. Liền kề với Cung Thành là Hoàng Thành; Quách Thành là vòng thành ngoài cùng có nền rộng từ 9-12m, cao 6m bên ngoài có hào rộng 8m sâu 4m, gọi là Hộ Thành Hà.

Đời Đường, thành Trường An được tôn tạo, mở rộng thêm trên cơ sở Đại Hưng Thành, có chu vi 36,700km, chiều Nam Bắc dài 8,651km, chiều Đông Tây 9,721km. Khu vực phía Bắc, chính giữa là Cung Thành, góc Đông Bắc là Thái Minh Cung, được xây dựng vào năm Trịnh Quán thứ 8 (643), trên khu đất cao thuộc Long Thủ Sơn. Thái Minh Cung là một quần thể kiến trúc bao gồm nhiều lâu đài, vườn hoa, điện đường, trong đó nguy nga tráng lệ nhất là điện Hàm Nguyên. Điện xây trên một nền cao 15m, mặt tiền là Long Phụng Đạo - một hệ thống tầng bậc dài tới 70m, xây bằng đá xanh. Từ đại điện tỏa sang hai bên là hành lang có mái che và lan can sơn son thiếp vàng lộng lẫy, dẫn đến Tường Loan các và Thê Phụng các, kết hợp với đại điện, tạo thành hình Thần Điểu vươn cánh bay lên.

Trong thành theo chiều Nam Bắc có 11 con đường lớn; theo chiều Đông Tây có 14 con đường lớn chạy song song và cắt ngang nhau, chia khu vực trong Quách thành thành 108 ô vuông gọi là phường; trong mỗi phường còn có nhiều ngõ nhỏ, là nơi ở của bình dân. Giữa Cung thành (Đế thành) và Hoàng thành là một dải đất rộng 220m. Một con đường lớn từ cửa Thừa Thiên của Cung thành thông ra cửa Chu Tước của Hoàng thành rộng 150m, hai bên có hệ thống cống thoát nước, lề đường trồng cây hòe, chạy qua các phường trong Quách thành, gọi là đường Chu Tước môn, thông ra cổng Minh Đức của Quách thành.

THƯ VIỆN HUBT

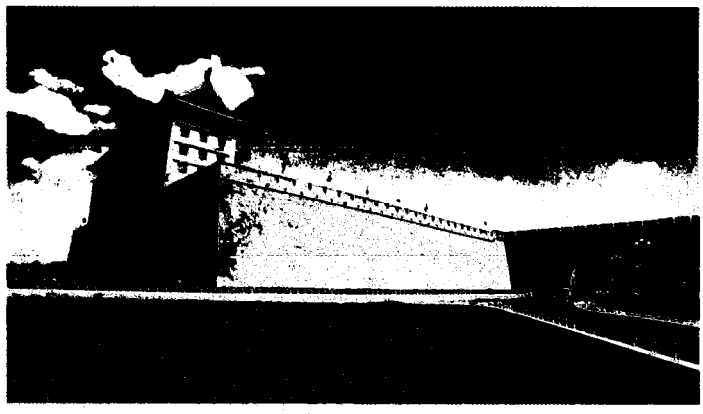


Sơ đồ thànhTràng An đời nhà Đường

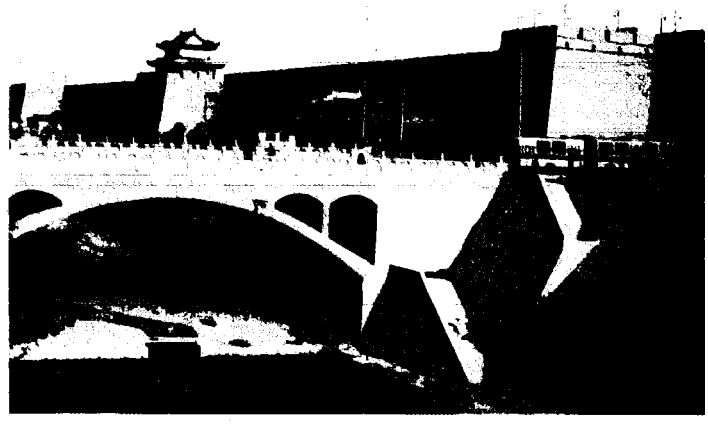


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tường thành và tháp canh



Tường thành và tháp canh



Tường thành và hào nước





Tháp Tiểu Nhạn - Chùa Thiên Phú (trái) và Tháp Đại Nhạn - Chùa Từ Ân (phải)

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Về quan hệ đối ngoại, Trường An lúc bấy giờ đã có quan hệ với rất nhiều nơi trên thế giới, từ đó văn hóa nhà Đường cũng đã được truyền bá ra nhiều nước khác. Qua việc giao lưu Trường An cũng đã nhận ảnh hưởng từ các nền văn hóa khác. Người ta thấy ở Trường An đã có dùng các loại thảm theo kiểu dáng Ba Tư, các điệu vũ của người Hồ thuộc các quốc gia Tây vực cũng thấy rõ trong các điệu múa của người Trường An. Ngay cả y phục, âm nhạc, cách thức ăn uống cũng chịu nhiều ảnh hưởng của người Hồ. Đường Huyền Tông chơi cầu giỏi và Dương Quý Phi múa uyển chuyển đều là những điều học được từ người Hồ. Như vậy Trường An lúc bấy giờ đã là một trung tâm văn hóa quan trọng ở Trung Quốc và chỉ riêng về mặt bố cục kiến trúc cũng cho thấy những ý tưởng rất tiến bộ.

Cuối đời Đường, Chư Ôn phá hủy thành Trường An và Hàn Kiến cho xây dựng một tòa thành mới trên cơ sở của Hoàng Thành. Đó chính là thành Trường An của đời Ngũ Đại, Tống, Nguyên. Tiếp đó đến thời Minh thì tường thành lại được mở rộng và xây cao hơn, trở thành một cứ điểm quân sự khống chế vùng tây bắc và tây nam của Trung Quốc. Tường thành Trường An đời Minh với tên gọi mới là Tây An đã trở thành tòa thành cổ lớn và hoàn chỉnh nhất còn tồn tại đến ngày nay. Thành này đã kế thừa kiểu dáng thành Phong Hạo thời Tây Chu, thành Hàm Dương thời Tần, và cũng mang vóc dáng thành Trường An thời Hán và thời Đường.

Ngày nay vùng Tây An đã trở thành một khu di tích lịch sử rộng lớn và rất nổi tiếng về một kinh đô có quá trình phát triển dài nhất và có nền văn hóa lâu đời nhất của Trung Quốc. Đây cũng là một trong những kho tàng văn hóa nghệ thuật hết sức quý giá của nhân loại. Những di tích lịch sử nổi tiếng trong kho tàng văn hóa này bao gồm:

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Lăng Tần Thủy Hoàng và bảo tàng tượng các binh mã thời Tần Thủy Hoàng nằm ở huyện Lâm Đồng phía đông thành phố Tây An ngày nay. Phía Đông của Lăng là một tổ hợp gồm ba lớp tượng binh mã bằng đất nung giống như người thật và ngựa thật cả về hình thức lẫn tầm cỡ. Tất cả xếp thành hàng ngũ như dàn thế trận tiến lên phía trước. Khí thế rất sinh động. Vụ khai quật những tượng binh mã này được tiến hành vào những năm bảy mươi đã làm chấn động cả thế giới.

- Ba căn hầm chứa tượng binh mã gồm tượng bộ binh, binh cung nỏ và chiến xa, tất cả đều trong tư thế dàn binh, uy nghi tiến bước thể hiện khí thế hào hùng. Những bức tượng người và ngựa đều lớn

như thật được tạo hình rất sinh động, thể hiện một trình độ nghệ thuật điêu luyện được xem là kho tàng văn hóa nghệ thuật độc nhất vô nhị trên thế giới. Đó cũng là vốn quý để có thể nghiên cứu về lịch sử quân sự cũng như kết cấu binh trận đời Tần. Chỉ riêng căn hầm số 1 đã đào được 6 cỗ xe 4 ngựa bằng đất và 6000 võ sĩ. Tượng binh mã của căn hầm này với tượng binh mã của căn hầm thứ 2 và 3 cộng lại có đến một sư đoàn.

Sau đó người ta lại đào được ở phía tây của lăng Tần Thủy Hoàng một căn hầm toàn là các tượng bằng đồng: 1 cỗ xe ngựa, 4 tượng ngựa và 1 tượng xà ích, có kích thước to bằng thật. Tượng người và ngựa rất sinh động, các cỗ xe đồng được trang sức rất lộng lẫy trong đó có 749 đồ vật bằng vàng và 817 bằng bạc, nghệ thuật đúc, điêu khắc và gia công rất tinh tế. Đây cũng là tư liệu quý cho người ngày nay nghiên cứu về lịch sử luyện kim thời cổ đại ở Trung Quốc.

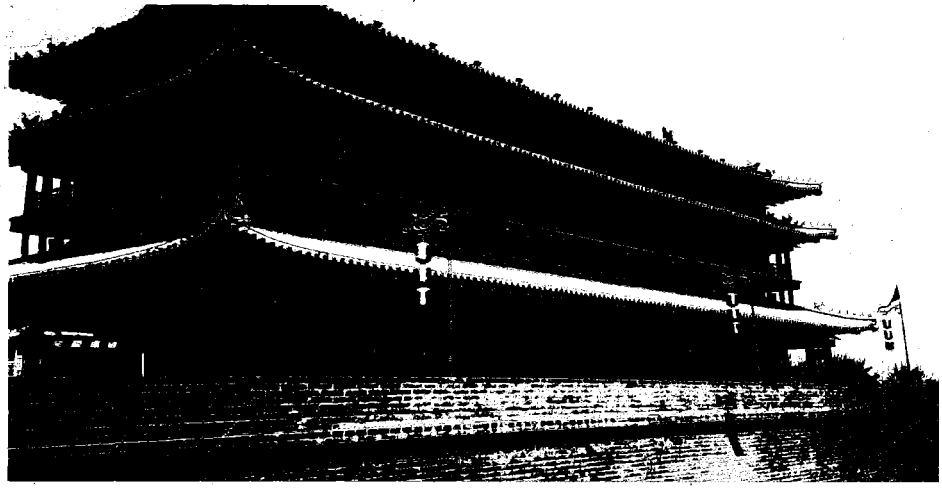
- Rừng bia Tây An: cũng là một di tích độc nhất vô nhị trên thế giới. Sử sách ghi chép rằng rừng bia này có từ thời Bắc Tống (1090), hiện nay các bia được đặt ở 6 phòng trưng bày, 6 đường hành lang và một nhà bia trong Viện bảo tàng tỉnh Thiểm Tây, tổng cộng có hơn 2300 tấm. Rừng bia Tây An là kho tàng văn hóa bằng đá đồ sộ để lại nhiều dấu tích của các nhà thư pháp nổi tiếng, những sự kiện lịch sử quan trọng về giao lưu văn hóa trong và ngoài nước cũng như những địa danh nổi tiếng... Trên mỗi tấm bia, ở phần đầu, phần bệ và hai bên hông đều có khắc hình người, hình chim muông, hình đồ họa, được xem là những kiệt tác của nghệ thuật điêu khắc trên đá. Ngoài ra, còn có 114 bia đá hợp thành bộ kinh bằng đá có khắc hơn mười bộ sách cổ chừng 65 vạn chữ. Đó là bộ sách bằng đá lớn nhất thế giới hiện nay.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Hai công trình kiến trúc quan trọng từ đời Đường ở Trường An còn lưu lại cho đến nay là Tháp Đại Nhạn và Tháp Tiểu Nhạn nằm ở phía nam thành phố Tây An ngày nay. Tháp Đại Nhạn nằm trong chùa Từ Ân do Cao Tăng Huyền Trang cho xây dựng từ thời Đường Cao Tông, năm 652. Tháp xây trên một bệ cao bằng gạch, mặt bằng hình vuông, có 7 tầng cao 64m trông rất uy nghi. Đây là một điển hình về tháp gạch ở Trung Quốc. Tháp đã được trùng tu vào thời Minh. Tháp Tiểu Nhạn nằm trong chùa Thiên Phú xây thời Đường Trung Tông Cảnh Long cũng bằng gạch có nhiều tầng mái, có chiều cao 43m. Tháp Tiểu Nhạn được trùng tu vào năm 1949 và vẫn bảo tồn được kiểu dáng từ thời Đường.



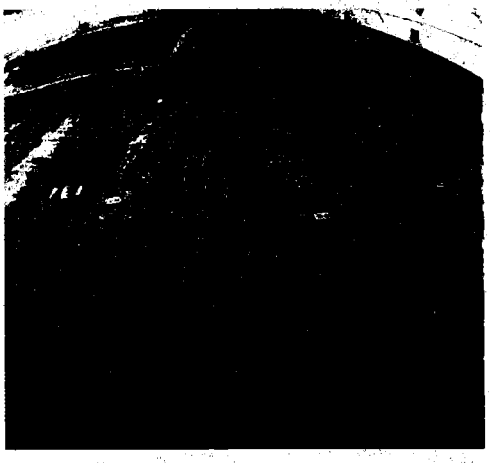
Kiến trúc cổng thành



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Chùa Pháp Môn



Bảo tàng tượng binh mã



Nhà bảo tàng tượng binh mã



Lầu chuông

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Lầu chuông Tây An nằm ở trung tâm thành phố hiện nay, được xây dựng từ năm 1384 thời Minh. Lầu cao 34m có 3 tầng mái, 4 góc cong lên thanh thoát. Đây là lầu chuông cổ lớn nhất và được bảo tồn hoàn chỉnh nhất ở Trung Quốc.

Ngoài ra vùng phụ cận Tây An còn là nơi tập trung nhiều lăng mộ của các đời vua Trung Quốc như: Lăng Tần Thủy Hoàng, Mậu Lăng, Chiêu Lăng, Càn Lăng.

- Lăng Tần Thủy Hoàng ở chân núi Lê Sơn, huyện Lâm Đồng, cao to và uy nghi, tổng thể nằm trong vùng đất có diện tích tới 56km^2. Lăng Tần Thủy Hoàng hiện nay chưa khai quật do những hạn chế về khả năng khoa học và công nghệ về bảo quản.

- Mậu Lăng ở huyện Hưng Bình là lăng mộ của Hán Vũ Đế, cách Tây An khoảng 45km về phía tây. Cạnh lăng còn có 2 mộ danh tướng thời Hán: Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh. Phía trước lăng dựng nhiều tác phẩm nghệ thuật bằng đá như các tượng người, ngựa, hổ đá, cá đá... được điêu khắc từ những khối đá lớn rất mộc mạc mà hoành tráng. Đây được xem là công trình nghệ thuật điêu khắc đá dạng khối sớm nhất ở Trung Quốc.

- Chiêu Lăng nằm trên ngọn núi Cửu Trùng huyện Lễ Tuyền. Đây là lăng mộ của Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Lăng tròn, chu vi 60km, xung quanh có 167 ngôi mộ chôn theo. Những tác phẩm điêu khắc ở Chiêu Lăng cũng rất phong phú. Ngoài 24 tấm bia đá còn có "Chiêu Lăng lục tuấn" là 6 bức phù điêu mô tả 6 con tuấn mã đã thắng cương, là công trình kỷ niệm công lao khai quốc của Đường Thái Tông. Sáu con tuấn mã được khắc họa rất sinh động, đường nét uyển chuyển, mỗi con một tư thái. Đây là một kiệt tác rất điển hình trong lịch sử tượng nổi ở Trung Quốc.

THƯ VIỆN HUBT

- Càn Lăng ở phía bắc huyện Càn, nằm trên núi Lương Sơn, phía tây của Tây An. Đây là mộ hợp táng của vua Đường Cao Tông Lý Trị và nữ hoàng đế Võ Tắc Thiên, lăng có chu vi 40km. Hai bên cửa lăng có dựng bia và các cột hoa biểu. Đường vào lăng có tượng người đá, ngựa đá, thú đá, chim đá. Tổng cộng 10 bức cùng với 61 bức là tượng các tân vương. Xung quanh lăng cũng có 27 ngôi mộ chôn theo.

- Cung Hoa Thanh được xây dựng từ thời Đường bên bờ đầm Hoa Thanh ở chân núi Ly Sơn, phía đông Tây An. Đầm Hoa Thanh có nguồn suối nước nóng, là nơi Dương Quý Phi tắm và xông hơi.

- Lăng Hoàng đế trên đỉnh Kiều Sơn là nơi đặt di cốt các vị Hoàng đế được coi là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa. Hàng năm, cứ vào dịp Thanh Minh, có nhiều người Trung Quốc ở khắp nơi trong nước cũng như những Hoa kiều ở nước ngoài cùng nhau về đây để tưởng niệm các vị Hoàng đế và tổ tiên.

Những di tích lịch sử vô cùng tráng lệ ở Tây An đã khiến thành phố này trở thành một trung tâm văn hóa nghệ thuật nổi tiếng thế giới và thu hút rất đông du khách.

THỜI GIAN VÀ CÁC TRIỀU ĐẠI ĐẶT KINH ĐÔ TẠI TRƯỜNG AN

TRIỀU ĐẠI	THỜI GIAN	
Tây Chu	1211 tCn - 771 tCn	350 năm
Tần	221 tCn - 207 tCn	15 năm
Tây Hán	206 tCn - 8 sCn	214 năm
Tấn	9 sCn - 23 sCn	15 năm
Đông Hán	190 sCn - 195 sCn	5 năm
Tây Tấn	313 sCn - 316 sCn	4 năm
Tiền Triệu	319 sCn - 329 sCn	11 năm
Tiền Tần	351 sCn - 384 sCn	34 năm
Hậu Tần	386 sCn - 417 sCn	32 năm
Tây Ngụy	535 sCn - 556 sCn	22 năm
Bắc Chu	557 sCn - 581 sCn	25 năm
Tùy	581 sCn - 618 sCn	37 năm
Đường	618 sCn - 907 sCn	289 năm

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**** Những bí ẩn xung quanh lăng mộ Tần Thủy Hoàng***

Lăng mộ Tần Thủy Hoàng được đặt tại phía Bắc Lệ Sơn huyện Lâm Đồng, tỉnh Thiểm Tây, đã qua hơn 2000 năm đã không còn diện mạo ban đầu, nay chỉ còn thấy một ngọn đồi khổng lồ. Theo sử sách, mộ Tần Thủy Hoàng cao khoảng 115m, chu vi hơn 2.076m, qua thời gian nay đã nhỏ đi nhiều, hiện chỉ còn cao hơn 70m, chu vi khoảng 1400m. Qua các cuộc điều tra và khảo sát suốt mấy chục năm qua, các nhà khảo cổ Trung Quốc đã phát hiện được rất nhiều di tích kiến trúc và cổ vật quý hiếm. Ngoài ngôi mộ khổng lồ trên mặt đất, cùng với cụm kiến trúc bề thế và nhiều hầm mộ tùy táng, còn có một cung điện ngầm dưới lòng đất. Cung điện này rất sâu, là một địa cung kỳ lạ xây dựng dựa theo địa hình, có núi đồi, có sông ngòi và hồ nước. Việc xây dựng lăng mộ Tần Thủy Hoàng bắt đầu năm 246 tCn, sử dụng đến 70 vạn nhân công và thợ thủ công kéo dài trong 38 năm. Khi Tần Thủy Hoàng qua đời năm 2010 tCn, tất cả những vật quý hiếm nhất bằng vàng, ngọc, kim cương... đem về từ bốn phương đã được chôn theo ông. Để giữ bí mật về lối vào mộ và của cải trong đó, lực lượng tham gia xây dựng khu lăng mộ đã bị giết hết.

Cho đến nay, do những khó khăn về công nghệ bảo quản, Trung Quốc vẫn chưa khai quật hầm mộ lăng Tần Thủy Hoàng, nên không thể nhìn thấy những kiến trúc và cổ vật quý ở trong đó, tuy vậy các nhà khoa học đã từ bên ngoài thăm dò lăng mộ Tần Thủy Hoàng theo những phương pháp khoa học hiện đại để có thể thấy rằng trong hầm mộ có những dấu hiệu về phản ứng khác thường đối với thủy ngân. Như vậy là trong hầm mộ thực sự có một hàm lượng thủy ngân cao hơn hẳn so với khu vực xung quanh mộ.

Sách "Sử ký Tần Thủy Hoàng" có viết: trong địa cung "lấy thủy ngân làm thành trăm con sông". Nhà nghiên cứu Lưu Sỹ Nghị thuộc Viện Nghiên cứu địa chất Trung Quốc cho biết, thực tế các lần khảo cứu đã chứng minh là trong địa cung có tồn tại một lượng thủy ngân khá lớn, máy móc đã đo đạc được chính xác là ở vị trí đông nam và tây nam cường độ thủy ngân đậm đặc hơn ở vị trí tây bắc và đông bắc. Các chuyên gia cho rằng việc tạo ra các con sông thủy ngân, ngoài việc tạo vẻ đẹp theo cảnh quan, thủy ngân còn giúp cho việc giữ thi thể cùng các đồ tùy táng không bị mục nát. Hơn nữa thủy ngân là chất độc, người thường hít phải sẽ tử vong, vì vậy ngoài các tác dụng bảo vệ như trên đã nêu nó còn là đội quân bảo vệ hữu hiệu trước những kẻ tham lam.

**** Được ví như kỳ quan thứ tám***

Vào tháng 3/1974, vùng đồng bằng Thiểm Tây bị hạn hán kéo dài, nhân dân phải đào giếng lấy nước đã phát hiện ra những mảnh đất nung dày 600mm ở dưới một hầm đất, sau đó còn tìm thấy thêm nhiều mũi tên và cung bằng đồng, một số tượng người và ngựa.

Từ đó giới khảo cổ Trung Quốc đã mở ra một "công cuộc khai quật hùng tráng nhất thế kỷ". Lúc đầu, các nhà khảo cổ học chưa thấy được quy mô to lớn của nó nên chỉ khai quật trên một diện tích nhỏ dài 24m, rộng 14m. Sau hai tháng, họ khôi phục được một số tượng binh mã nhưng chưa xác định được giới hạn cuối cùng của hầm mộ. Sau một năm đã khảo sát được hầm số 1 với tổng diện tích 14.260m^2 (dài 230m, rộng 62m). Số hiện vật khai quật được gồm hơn 6000 bộ tượng người và ngựa bằng đất nung, 40 bộ chiến xa bằng gỗ, 10 vạn bộ binh khí với chủng loại khá phức tạp.

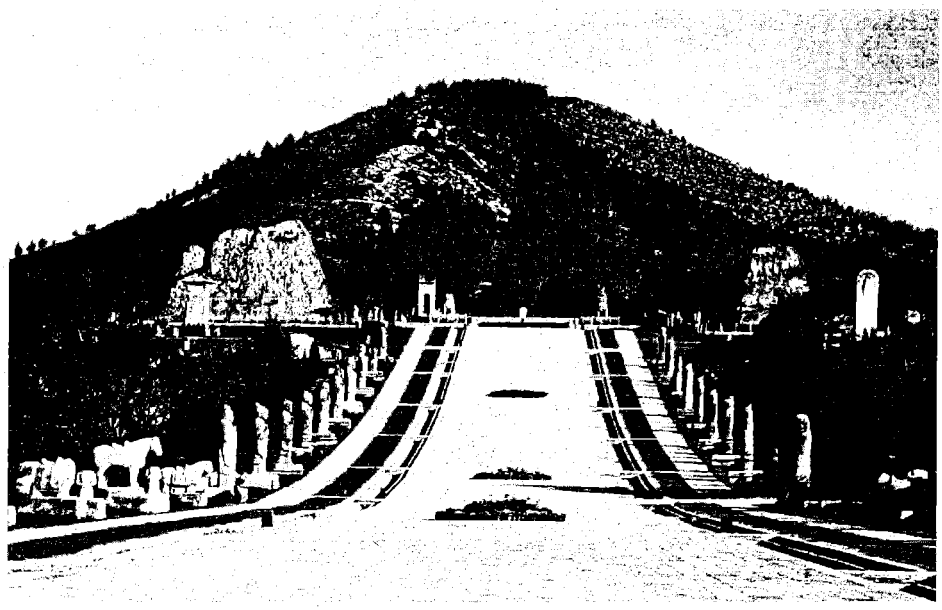
Vào năm 1975 cũng khai quật được 500 bộ tượng tướng sĩ, 6 bộ chiến xa bằng gỗ, 24 tượng ngựa và hàng vạn binh khí bằng đồng. Năm 1976, công trường khai quật mở rộng lên phía bắc khoảng 20m, phát hiện tiếp một hầm mộ với 89 cỗ chiến xa, hơn 1300 bộ tượng người và ngựa với nhiều binh khí khác, đó là hầm số 2. Cách hầm số 1 về phía tây bắc khoảng 25m lại phát hiện thêm một hầm nữa (hầm số 3) diện tích nhỏ hơn và đã khai quật được 66 tượng võ sĩ bằng đất nung, 4 tượng ngựa, 1 chiến xa bằng gỗ, 35 binh khí bằng đồng.

Sự kiện này đã làm chấn động giới khoa học khảo cổ thế giới, từ đó Quốc vụ viện Trung Quốc ra quyết định xây dựng Viện bảo tàng binh mã đời Tần ngay trên khu di chỉ. Các tòa nhà được dựng lên để phục vụ công cuộc khai quật và để làm bảo tàng trưng bày hiện vật. Nhà ở hầm số 1 có diện tích 15.485m^2. Nhà ở hầm số 2 có diện tích 17016m^2 và hầm số 3 là 1714m^2.

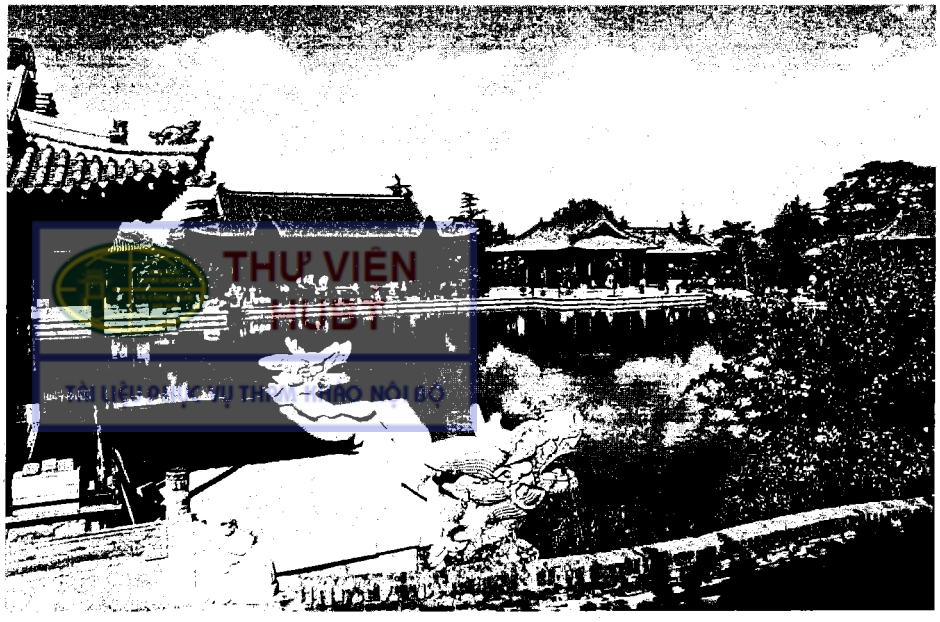
THƯ VIỆN
TÀI LIỆU ĐƯỜNG SẮT TRUNG KHÁO HÀ NỘI

Những hiện vật tìm được có những điểm đáng lưu ý là số tượng người và ngựa ở trong 3 hầm đều lớn bằng người thật và ngựa thật. Màu sắc còn lưu lại trên tượng người, ngựa gồm: đỏ tươi, phấn hồng, phấn lục, phấn lam, màu mận chín, phấn tím, vàng quất, trắng, đen, đỏ sẫm... Các màu đều được chế tạo từ khoáng vật và là màu trong suốt.

Tượng người được tô điểm rất khéo: áo quần màu phấn hồng, hay phấn lục, xanh lam; Chân tay và mặt màu phấn trắng, lòng trắng mắt được phu phấn trắng, con ngươi, lông mày và râu quét mực nho, còn tóc bôi một lớp màu đỏ sẫm hay xanh xám. Màu sắc trên mình ngựa

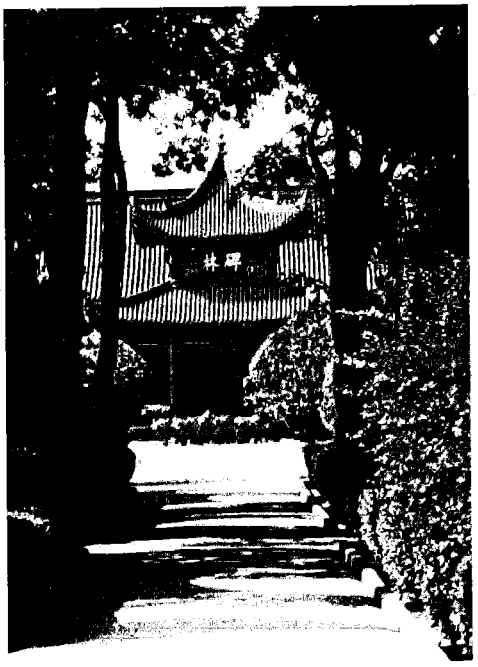


Càn Lăng

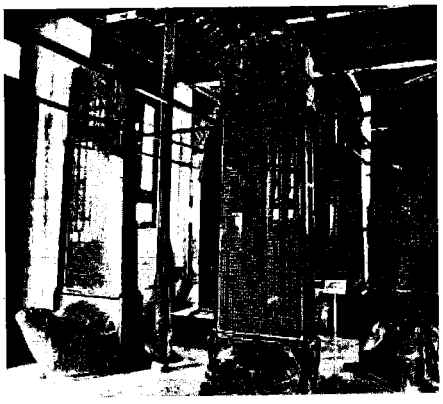


Cung Hoa Thanh, nơi tắm suối nóng của Dương Quý Phi

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU SỐ PHỤC VỤ TRA CỨU NỘI BỘ



Lối vào bảo tàng



Bảo tàng Rừng bia

chủ yếu là màu đỏ sẫm, đuôi màu đen, móng màu trắng, lưỡi phấn hồng, bờm màu trắng.

Tổng thể đoàn binh mã là cả một sự sống động đầy khí thế của quân Tần với sức mạnh vô địch. Điều đặc biệt hấp dẫn là các tượng người được các nghệ nhân khắc họa với khuôn mặt rất đa dạng và tinh tế đến từng nét mặt.

Họ cũng khắc họa được sự khác nhau về giác quan nhân vật với nhiều loại hình đầu người, đôi mắt tập trung hoặc mở rộng, lông mày to, thô hay nhỏ kéo dài. Với cách phục sức quần áo khác nhau, phối hợp với vũ khí đã biểu hiện được cấp bậc binh sĩ và loại binh chủng với các kiểu thắt lưng, kiểu tóc, dáng đi... Tượng ngựa được tạo hình chắc chắn, khỏe đẹp, chân trước thẳng đứng, chân sau hình cung với tỷ lệ thích hợp. Những hiện vật trong hầm mộ Tần Thủy Hoàng đã cho thấy một trình độ lao động sáng tạo ở mức độ đáng kinh ngạc của các nghệ nhân và của người lao động Trung Quốc. Chứng kiến kỳ tích văn hóa lịch sử này, nhiều nhà khoa học, nhiều nguyên thủ quốc gia đến thăm đã phải thốt lên "đáng được xem là kỳ quan thứ tám của thế giới".

THƯ VIỆN HUBT

2. Lạc Dương

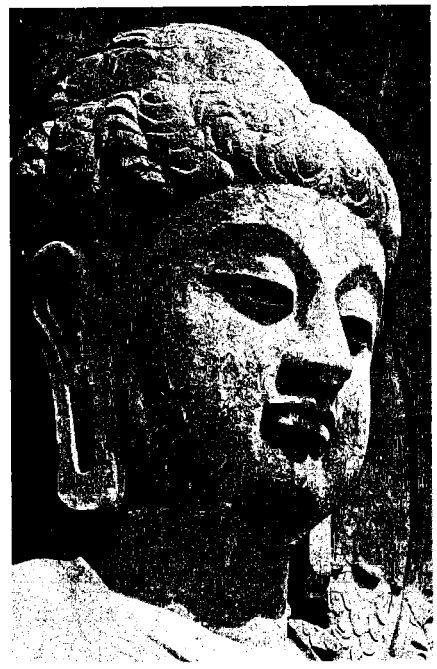
Lạc Dương nằm ở bồn địa giữa sông Y Thủy và sông Lạc Thủy, phía tây tỉnh Hà Nam, là một trong bảy cố đô cổ xưa nhất của Trung Quốc. Những phát hiện khảo cổ chứng minh rằng 5 - 6 ngàn năm trước, tổ tiên người Trung Quốc đã sống và sinh sôi trên mảnh đất này. Lạc Dương là trung tâm hoạt động của nhà Hạ và nhà Thương, sau đó là kinh đô của 9 triều đại: Đông Chu, Đông Hán, Tào Ngụy, Tây Tấn, Bắc Ngụy, Tùy (Dạng đế), Đường (Võ Tắc Thiên), Hậu Lương, Hậu Đường, xứng danh với câu ca "Cửu triều và danh đô". Nhiều triều đại khác khi đóng đô ở Trường An cũng thường lấy Lạc Dương làm kinh đô thứ hai tức kinh đô phụ của mình.

Ngoài những di chỉ văn hóa thời kỳ đồ đá mới, ở Lạc Dương còn có những di chỉ kiến trúc thành quách của các triều đại cổ như thành nhà Thương (thế kỷ thứ 11 tCn, chính là Vương Thành nhà Chu được ghi trong "Khảo Công Ký", là kiểu mẫu về thành quách các triều đại phong kiến ở Trung Quốc). Nhà Chu lúc đầu đóng đô ở Trường An, năm 770 tCn Chu Bình Vương dời đô từ Cảo Kinh (Trường An) đến Lạc Dương. Từ đó trong lịch sử đã gọi nhà Chu là nhà Đông Chu. Sau khi nhà Tần thống nhất Trung Quốc kinh đô ở Hàm Dương thì Lạc Dương được biên chế thành quận Tam Xuyên. Vào cuối thời Hán,


THƯ VIỆN
HUFT

Tượng phật tổ ở Động phật Long Môn

đất nước loạn lạc, Lưu Tú là người trong hoàng tộc đem quân đánh chiếm Lạc Dương lên ngôi hoàng đế, lấy Lạc Dương làm kinh đô, lịch sử nhà Hán gọi là nhà Đông Hán. Nhưng đến thời Hán Hiến Đế năm 190, Đổng Trác buộc Hiến Đế phải dời đô lên Trường An, đuổi dân ra khỏi kinh thành, phóng hỏa đốt hết nhà cửa, cung điện và thành Lạc Dương bị tan hoang. Tào Tháo khi vào Lạc Dương thấy cảnh tượng hoang tàn đành bỏ Lạc Dương, đưa Hiến Đế về Hứa Xương. Đến năm 220 Ngụy Văn Đế Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, cho xây dựng lại kinh thành Lạc Dương và dời đô về đây. Lạc Dương dần được hồi phục, đến thời Tấn trở nên thịnh vượng. Thời Tấn Lạc Dương có ba khu chợ: Chợ vàng trong kinh thành, chợ ngựa ở ngoại thành, và chợ cừu ở phía đông nam thành.



Cùng với sự phồn vinh của thành Lạc Dương, các quý tộc của triều đình đua nhau xây cất nhiều tư gia và vườn cảnh ở ngoại thành, nổi tiếng nhất là Kim Cốc Viên của Thạch Sùng, một người giàu có nổi tiếng. Là nơi phát tích nền văn minh cổ xưa của Trung Quốc, Lạc Dương cũng là nơi tàng trữ nhiều thành tựu văn hóa vật chất và tinh thần lớn lao của nhân dân các dân tộc Trung Hoa từ Hà đồ, Lạc thư, Bát quái, Cửu trùng, Hồng Phạm thời Phục Hy cho tới Lễ, Nhạc đều là những khuôn vàng thước ngọc của phép trị nước, an dân thuộc thời Chu gây ảnh hưởng mãi tới hàng ngàn năm sau.

Thành Lạc Dương mở mang lớn nhất vào thời Bắc Ngụy, xây cất nhiều chùa, tiêu biểu nhất là chùa Vĩnh Ninh vào thời Thái Hậu Hồ Thị, ngoài ra cũng xây dựng công trình Phật giáo Long Môn. Chùa Bạch Mã (Bạch Mã Tự) ở phía đông Lạc Dương, được xây dựng vào năm Vĩnh Bình thứ bảy thời Đông Hán (năm 64). Tương truyền, Minh đế nằm mộng thấy đức Phật đằng vân quanh cung điện, bèn sai sứ giả sang Thiên Trúc (ấn Độ) cầu Phật pháp. Năm Vĩnh Bình thứ mười, đoàn sứ giả rước kinh, thỉnh tăng về tới Lạc Dương.

Năm Vĩnh Bình thứ mười một (năm 68 dương lịch) nhà vua xuống chiếu cho xây dựng chùa ở phía tây Ung môn để thờ Phật, chứa Kinh. Đây là ngôi chùa đầu tiên được xây dựng sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc nên được gọi là "Tổ đình" hoặc "Thích Nguyên" (nơi gốc của Đạo Phật). Tên gọi Chùa Bạch Mã là để ghi lại sự việc đoàn sứ giả do Hán Minh đế phái sang Thiên Trúc cầu Phật Pháp khi trở về Lạc Dương "có ngựa trắng chở kinh Phật" dẫn đầu. Ngoài ra còn có đền Quan Lâm có ngôi mộ là nơi chôn cất thủ cấp Quan Vân Trường, một danh tướng thời Tam Quốc. Thời Hán Ngụy, Lạc Dương không chỉ là trung tâm chính trị kinh tế mà còn là trung tâm văn hóa. Nhà sử học kiêm văn học nổi tiếng thời Hán là Ban Cố đã từng viết bộ Hán Thư tại thành Lạc Dương hoặc nhà khoa học Trương Hằng sáng chế dụng cụ địa chấn nổi tiếng. Đây cũng là nơi phát minh ra loại "giấy Thái Hầu" do Thái Luân đời Đông Hán sáng chế là một trong bốn phát minh lớn của Trung Quốc Cổ đại: nghề làm giấy; nghề in; kim chỉ nam; thuốc nổ.

Đến đời Tống, tuy Lạc Dương không còn là kinh đô nữa, nhưng đây vẫn là một trung tâm văn hóa lớn, nơi tụ hội của nhiều danh nhân Trung Quốc. Nhà sử học nổi tếng thời Tống Tư Mã Quang đã sống và làm việc 15 năm tại đây để viết cuốn "Tự Trị Thông Giám" nổi tiếng. Lạc Dương cũng là nơi tụ hội nhiều triết gia, nhà văn, nhà thơ, sử học, địa lý nổi tiếng như: Lão Tử - tác giả Đạo Đức Kinh (ông tổ của môn phái triết học Đạo gia), Ban Cố - tác giả Thủy Kinh Chú... Các nhà thơ Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị đã viết nhiều bài thơ tuyệt tác ở Lạc Dương. Lòng ái mộ văn chương nghệ thuật của cư dân Lạc Dương được truyền tụng qua giai thoại "Lạc dương chỉ quý". Thời ấy, giá giấy ở Lạc Dương có lúc cao vọt lên vì nhiều người mua để đua nhau sao chép các tác phẩm thi văn, đặc biệt là Tam đô phú (bài phú về ba đô thành) của Tả Tư thời Tây Tấn.

Ngày nay Lạc Dương là thành phố du lịch quan trọng vì nơi đây từng là kinh đô của nhiều triều đại phong kiến đầy ắp những di tích và văn vật lịch sử, đặc biệt là những di tích về Phật giáo. Một di tích Phật giáo rất hấp dẫn khách du lịch là quần thể Động Phật Long Môn (cách thành phố Lạc Dương 10km về phía nam). Núi Long Môn nằm bên bờ sông Y Thủy đối diện với núi Hương, hai bên là núi giữa là sông nên mới có tên là Long Môn. Trên núi Long Môn có nhiều hang đá tự nhiên rất thuận lợi cho việc tạc tượng. Thời Bắc Ngụy sau khi vua Thái Hoa dời đô về Lạc Dương vào năm 493, công trình điêu

khắc tượng Phật trên núi Long Môn được bắt đầu. Trải qua 400 năm qua các triều đại Đông Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu Tùy Đường kiến tạo liên tục, đã hình thành một quần thể động Phật vĩ đại ở đây, gồm các động lớn như động Cổ Dương, động Tân Dương, động Liên Hoa... Theo thống kê Long Môn có hơn 2100 khán Phật, 40 tháp Phật, 10 vạn bức tượng Phật lớn nhỏ và hơn 3000 bia ký, trong đó bức tượng Phật lớn nhất được tạc vào thời Võ Tắc Thiên gọi là Đại Lô Xá, tượng cao 17,14m riêng đầu tượng đã cao 4m. Tượng được điêu khắc rất cân đối, dáng tượng uy nghi thể hiện trình độ cao của nền điêu khắc thời Đường.

Lạc Dương còn thu hút du khách bốn phương trong và ngoài nước qua những lễ hội cổ truyền như: Hội Hoa mẫu đơn, Hội Chùa Cốc Thủy, Hội Chùa Bạch Mã và loại rượu nổi tiếng Đỗ Khang, loại rượu mà Ngụy Vũ đế Tào Tháo đã phải làm thơ để ca tụng: "Hà dĩ giải ưu, Duy hữu Đỗ Khang!" (Lấy gì giải buồn, chỉ có rượu Đỗ Khang!).

Sau cách mạng Tân Hợi 1911, Lạc Dương là nơi đặt cơ quan chính quyền Trung Hoa dân quốc cho đến năm 1948. Ngày nay Lạc Dương là thành phố trọng điểm kiến thiết của Trung Quốc rất nổi tiếng trong lĩnh vực công nghiệp nặng như: sản xuất máy kéo, vòng bi, gạch chịu lửa... đến nay thành phố có tổng diện tích 15.208km^2, dân số trên 6 triệu người.

3. Khai Phong

Khai Phong cũng là một trong sáu cố đô của Trung Quốc, nằm trong số các thành phố văn hóa lịch sử trọng điểm được Trung Quốc xếp hạng. Khai Phong thuộc phía đông tỉnh Hà Nam ở bờ nam hạ lưu sông Hoàng Hà. Khai Phong thời xưa có tên là Đại Lương, Biện Lương, được xây dựng từ thời Xuân Thu - Chiến Quốc (770 - 221 tCn) từng là kinh đô của triều đại phong kiến, đầu tiên là Ngụy (thời Chiến Quốc) rồi đến Hậu Lương, Hậu Tần, Hậu Hán, Hậu Chu (thời Ngũ đại), sau cùng là Tống và Kim.

Tên gọi Khai Phong có nguồn gốc từ thời Xuân Thu. Lúc đó, đất này thuộc nước Trịnh. Trịnh Trang Công muốn độc chiếm Trung Nguyên đã cho xây thành, đắp lũy, biến nơi đây thành chỗ cất giữ lương thực. Ông đặt tên nơi này là Khởi Phong với ý nghĩa khởi nghiệp, mở rộng bờ cõi Phong Quốc (đất được phân phong). Đến thời Tây Hán, để tránh phạm húy Cảnh Đế Lưu Khởi nên Khởi Phong phải đổi tên thành Khai Phong.

THƯ VIỆN HUBT

Khai Phong thịnh vượng nhất vào thời Bắc Tống với 9 đời vua trải qua 167 năm lịch sử. Khi ấy, Khai Phong được gọi là phủ Khai Phong có vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự của cả nước, dân số tới triệu người, là một trong những đô thị phồn hoa nhất thế giới lúc bấy giờ.

Khai Phong vốn có môi trường tự nhiên rất đặc biệt với hệ thống sông hồ dày đặc. Thời Tống, Khai Phong có 4 sông chảy qua nội thành: Biện Hà, Thái Hà, Ngũ Trượng và Kim Thủy thuyền bè qua lại tấp nập. Sông nước và cảnh phồn hoa thời Tống đã trở thành đề tài sáng tác cho nhiều thi nhân và họa sĩ. "Thanh minh thượng hà đồ" của Trương Trạch Đoạn là một kiệt tác trong kho tàng hội họa Trung Quốc, bức tranh như một cuốn phim thời sự ghi lại rất sinh động tình hình sinh hoạt của nhân dân và bộ mặt của Khai Phong thời Tống (cách đây gần 10 thế kỷ). Bức tranh dài 5,3m, rộng 0,25m, toàn cảnh của bức tranh có 813 người, 94 con vật, 100 ngôi nhà và cầu quán với 179 cây cối và 20 chiếc thuyền.

Từ sau triều đại Kim, Nguyên, do môi trường sinh thái thay đổi, nước sông Hoàng Hà nhiều lần dâng cao làm cho Khai Phong bị ngập lụt. Người ta phải đắp đê cao lên, nhiều nơi đê cao hơn mặt đất tới 40m. Các con sông và đầm hồ trong thành cũng luôn bị ngập úng, cây cối vườn tược bị phá hoại, khiến cho vào thời Thanh, ở Khai Phong xuất hiện tình cảnh "trong nước có thành, trong thành có nước". Tổng thể di sản kiến trúc Khai Phong gồm có: thành Đại Lương thời Chiến Quốc, thành quách kinh đô thời Tống và Chu Vương Phủ thời Minh, cùng với rất nhiều di tích lịch sử như: tháp sắt, chùa Tướng Quốc, Long Đình, đài Vũ Vương, miếu Nhạc Phi, đền Bao Công...

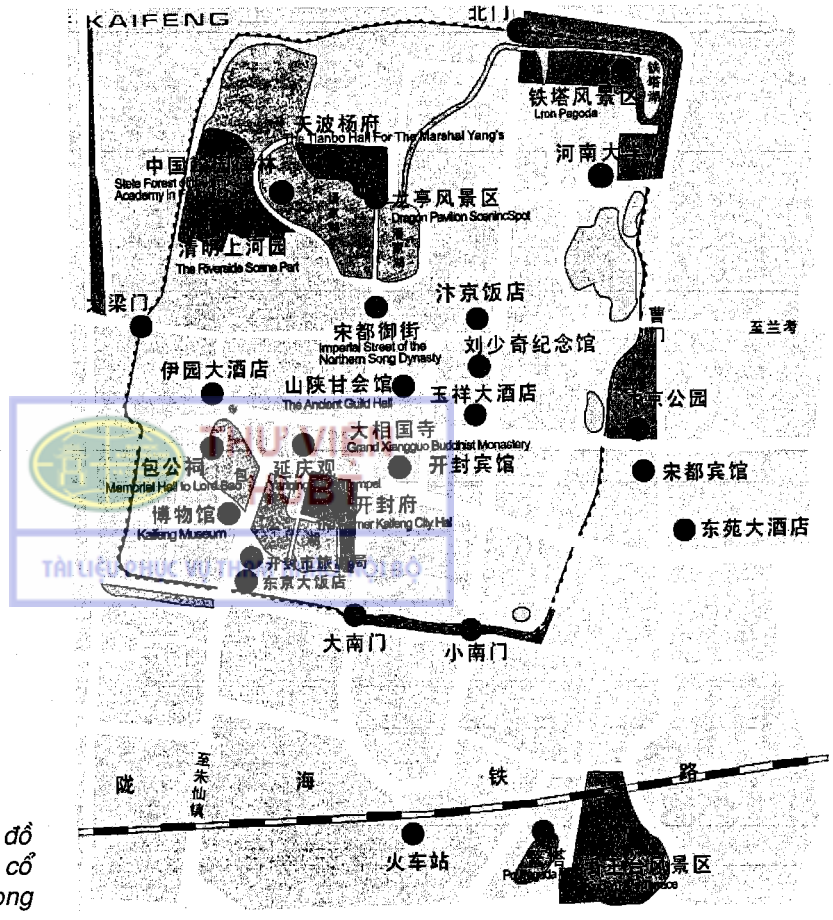
THƯ VIỆN HUBT

Tháp sắt được xây dựng từ thời Tống năm 959 lúc đầu tháp bằng gỗ hình bát giác có 13 tầng, vốn là tháp của chùa Hựu Quốc. Tháp trang trí bằng vàng và đá quý rất lộng lẫy. Đây là tháp Phật sáng giá nhất từ khi Phật giáo truyền bá vào Trung Quốc. Năm 1044, tháp bị sét đánh hỏng, năm 1049 thời vua Hoàng Hựu thuộc nhà Tống đã trùng tu bằng cốt sắt và mái lợp ngói lưu ly. Tháp có 13 tầng cao 54,66m, tầng dưới cùng có cửa lớn mở về hướng nam, trên khung cửa đề chữ "Thiên hạ đệ nhất tháp". Tám mặt tháp ốp gạch màu nâu sẫm, nhiều hoa văn trang trí hình Phật, tiên đồng, ngọc nữ, kỳ lân, sư tử, rồng... Giữa các tầng có mái nhỏ, góc mái treo chuông.

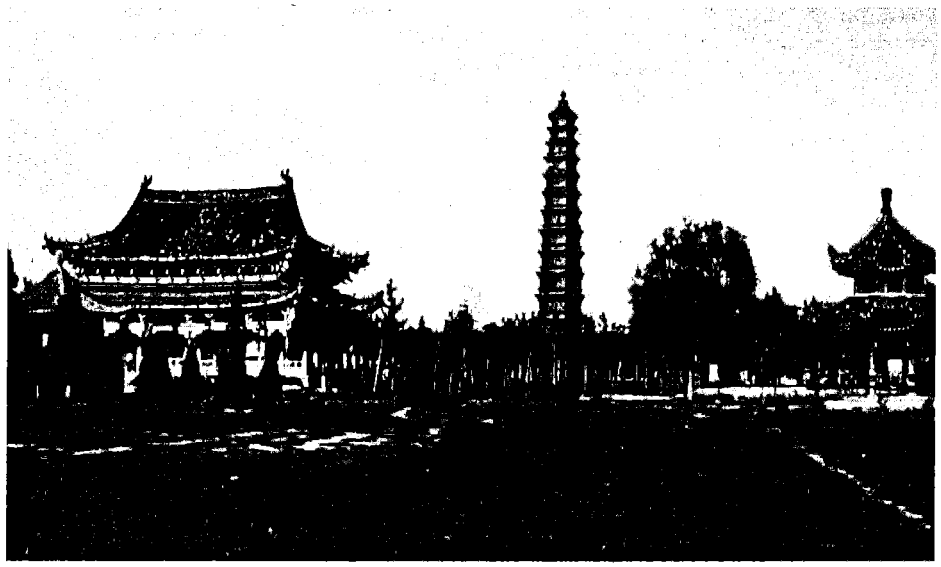
Đô thị truyền thống Trung Quốc



Cổng thành Khai Phong



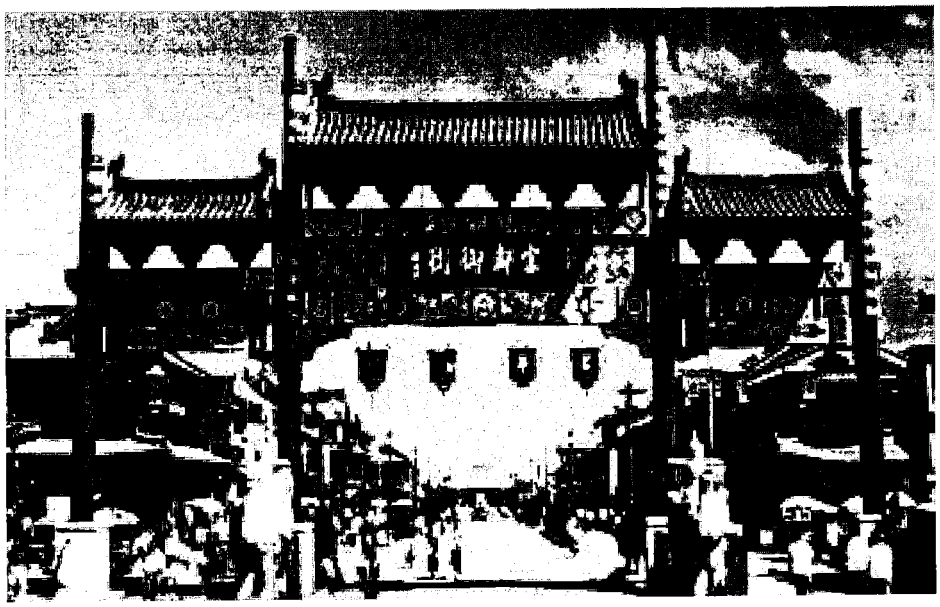
Sơ đồ thành cổ Khai Phong



Tháp sắt ở Khai Phong

Chùa Tướng Quốc cũng là một di tích lịch sử nghệ thuật - tôn giáo nổi tiếng. Thời Chiến Quốc, nơi đây vốn là phủ đệ của Tín Lăng Quân - Công tử nước Ngụy. Thời Bắc Tề, niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu (năm 555) chùa được xây dựng trên nền phủ đệ cũ của Tín Lăng Quân mang tên Kiến Quốc tự. Vào thời Đường, Đường Duệ Tông tôn tạo mở rộng chùa để kỷ niệm ngày lên ngôi, đổi tên chùa thành Tướng Quốc tự, tự tay viết chữ lên biển đề tên chùa. Chùa Tướng Quốc thời Bắc Tống không chỉ là một trung tâm tôn giáo mà còn là trung tâm giao dịch buôn bán và vui chơi giải trí. Theo sách Đông Kinh hoa mộng lục, thời đó mỗi tháng, chùa mở cửa năm lần, đón hàng vạn lượt người đến đây lễ bái, mua bán, vui chơi. Cuối thời Minh, Hoàng Hà tràn bờ gây lụt lớn, chùa bị hư hại nặng. Vào đời Thanh (năm 1766) chùa được trùng tu, quả chuông lớn đúc từ đời Thanh cao 5m. Đại hùng bảo điện, Tàng kinh các, đều có hai lớp mái, lợp ngói lưu ly mầu vàng xanh. Xung quanh thềm điện có lan can bằng đá trắng. Trong lưu ly bát giác điện có pho tượng Quan Âm ngàn mắt ngàn tay, bốn mặt, cao 7m, toàn thân dát vàng.

Long Đình là di tích được coi là biểu tượng của Khai Phong, đó là tòa điện lớn nằm trong công viên Long Đình ở phía tây bắc nội thành. Nền của tòa điện cao 13m, thân điện cao 26,7m, mái hiên vươn rộng



Đường phố Khai Phong

với hàng cột vây quanh, rất nguy nga tráng lệ. Trong điện có 9 nhóm tượng gồm 63 nhân vật, hình dáng sống động như thật, được coi là tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc. ở Khai Phong còn có đền thờ Bao Công, một nhân vật lịch sử nổi tiếng công minh chính trực, tượng trưng cho tinh thần pháp lý, từng làm quan coi việc kinh pháp nhiều năm ở đô thành này. Đến thăm Khai Phong vào những ngày lễ tết, du khách được chiêm ngưỡng nhiều tập tục cổ truyền, tham dự nhiều trò vui chơi giải trí truyền thống như chọi gà, để thăm chợ đêm (từ canh ba cho tới sáng), mua sắm các thứ hàng hóa và nếm các món ăn đặc sản của địa phương.

Thành phố Khai Phong ngày nay diện tích được mở rộng tới 6,5 nghìn km^2 với 4,5 triệu dân có 24 dân tộc: Hán, Hồi, Mãn, Mông, Triều Tiên... Khai Phong đang dần trở thành thành phố công nghiệp hiện đại với các ngành công nghiệp như: điện lực, chế tạo máy, dệt, hóa học, điện tử... Nông nghiệp của thành phố cũng phát triển mạnh, ngoài sản xuất lương thực còn cung cấp rau và thực phẩm cho toàn thành. Trong thành phố, các khu nhà ở được xây dựng khang trang, đường phố rộng rãi, hai bên đường là cây cối xanh tươi. Cây xanh và hệ thống hạ tầng đô thị tốt đã làm cho cố đô Khai Phong có môi trường sống xanh, sạch, đẹp.

THƯ VIỆN NUBT

4. Nam Kinh

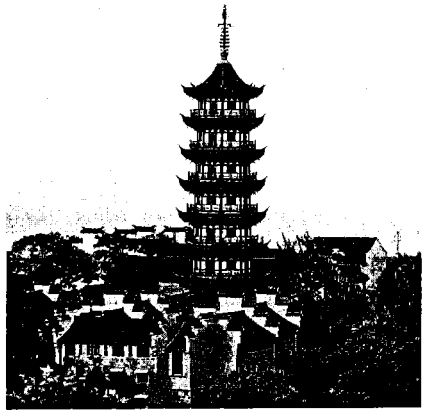
Nay là tỉnh lị của tỉnh Giang Tô, xưa từng là cố đô của nhiều triều đại, là một trong sáu cố đô quan trọng nhất của lịch sử Trung Quốc. Nằm trên hai bờ sông Trường Giang cách cửa biển 300km, đất đai Nam Kinh phía bắc có bình nguyên Giang Hoài rộng lớn, phía đông là vùng Giang Nam phì nhiêu, phía tây có dãy núi trùng điệp thuộc tỉnh An Huy. Là một bồn địa có núi bao quanh, lại có sông Tần Hoài vắt ngang, và có các hồ Huyền Vũ, hồ Mạc Sầu ở hai phía tả hữu, cảnh quan Nam Kinh được ngợi ca vừa hùng vĩ vừa thơ mộng.

Vào thời Tam quốc, vị quân sư tài giỏi Gia Cát Lượng khi đến quan sát Mạt Lăng (Nam Kinh ngày nay) dừng ngựa trên Thạch Đầu Sơn thấy hình sông dáng núi có Trường Giang án ngữ mặt tây bắc, phía đông nam có núi đồi hiểm trở, tây nam có Tần Hoài Giang vây bọc, có Thạch Đầu Sơn và Chung Sơn đối nhau đứng chặn, đã thốt lên rằng: "Núi Chung Sơn như rồng ấp, núi Thạch Đầu tựa hổ chầu, thật đáng là nơi ở của bậc đế vương".

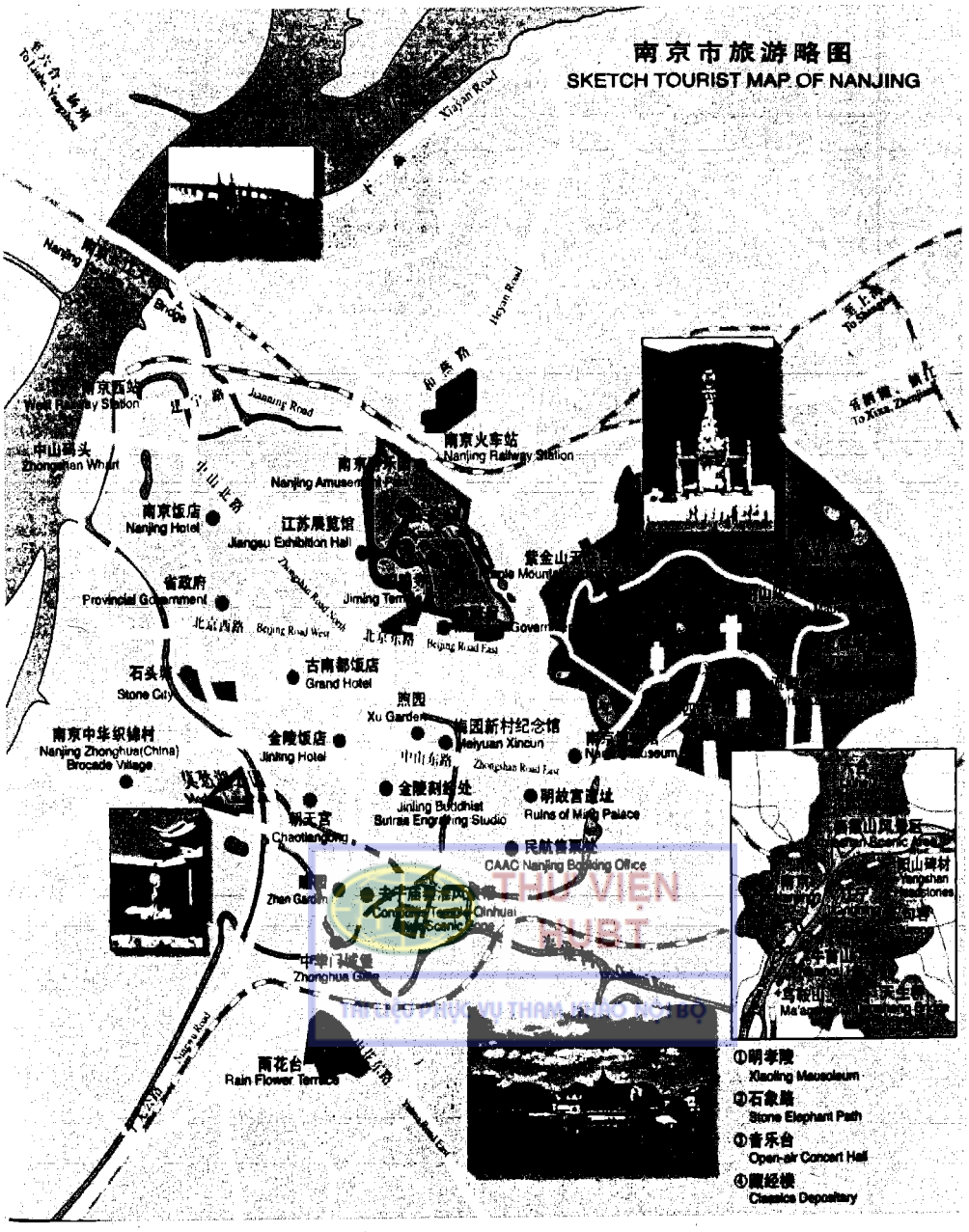
Là một vùng sinh sống thuận lợi nên ngay từ năm nghìn năm về trước, ở đây đã xuất hiện nhiều thôn xóm và thị tộc vào thời nguyên thủy. Là địa điểm có tầm quan trọng về quân sự ở vùng duyên hải phía đông - nam của Trung Quốc nên ngay từ năm 495 tCn, Ngô Vương Phù Sai đã lập một khu nấu gang để rèn đúc binh khí, lấy tên là "giả thành" tại nơi mà ngày nay là một ngọn núi ở phía sau Triều Thiên cung. Sau đó Việt Vương Câu Tiễn đã dấy binh tiêu diệt



Dấu tích tường thành Nam Kinh



Tháp cổ ở Nam Kinh



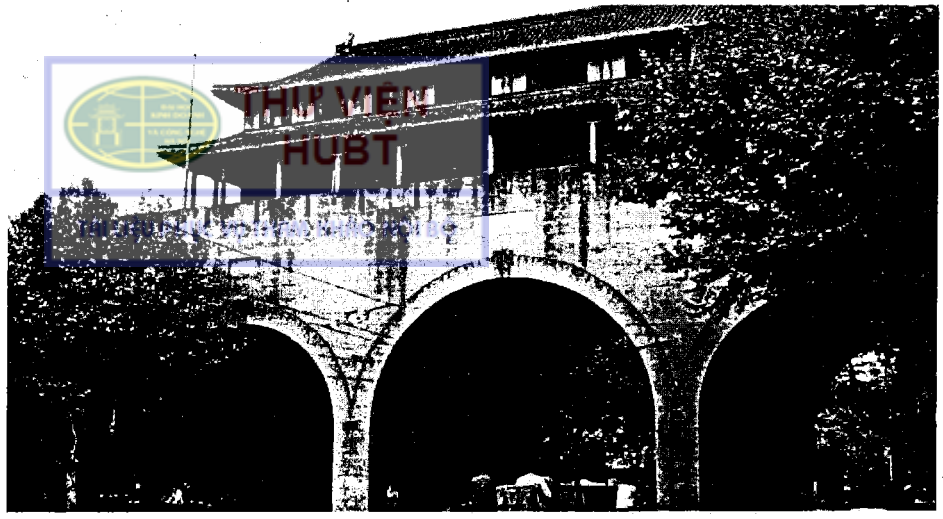
Bản đồ du lịch Nam Kinh

nước Ngô, đã đắp một bức thành đất khá lớn bên bờ sông Tần Hoài gọi là Việt thành, đó chính là thời kỳ đầu tiên có thành trì ở Nam Kinh, đến nay đã trên 2400 năm. Khi nước Việt bị nước Sở tiêu diệt, Sở cũng xây dựng thành quách ở Thanh Lương sơn, lấy tên là Kim Lăng ấp.

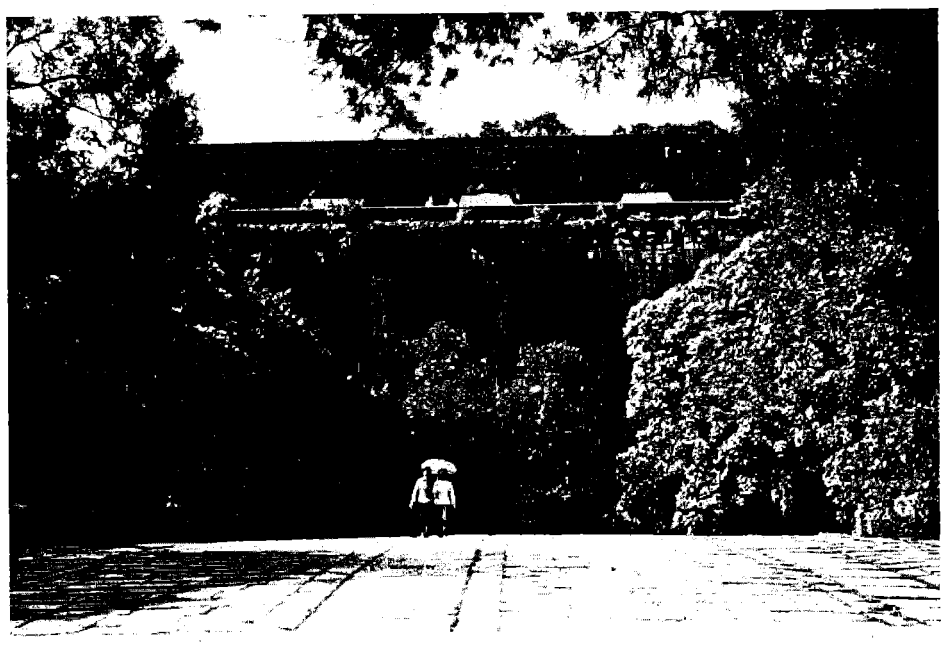
Kinh đô đầu tiên được lập tại Nam Kinh là vào thời Đông Ngô (Tam Quốc). Năm 221, Tôn Quyền đã chuyển kinh đô từ Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang) tới nơi này, đổi tên Mạt Lăng thành Kiến Nghiệp, xây dựng thêm một bức thành đá trên phần đất còn lại của Kim Lăng ấp trên Thanh Lương Sơn. Thành Kiến Nghiệp sau đó trở thành kinh đô của nước Đông Ngô và đến thời Đông Tấn đổi tên Kiến Nghiệp thành Kiến Khang. Vì thế thời cổ Nam Kinh còn có tên là Kiến Khang.

Như vậy tên cổ Kim Lăng của Nam Kinh cũng là bắt nguồn từ thời kỳ này. Trong quá trình lịch sử lâu dài, từ Đông Ngô, Đông Tấn, Đông Tề, Lương, Trần, Nam Đường cho đến đầu Minh đã có 8 vương triều tạo dựng kinh đô ở đây. Năm 1853, sau khi đánh chiếm Nam Kinh, Hồng Tú Toàn cũng đã định đô ở đây và đặt tên là Thiên Kinh.

Sau cách mạng Tân Hợi, Tôn Trung Sơn đã nhận chức vụ Tổng thống lâm thời ở Nam Kinh, sử dụng khu nhà cũ của phủ Thiên Vương (thời Thái Bình Thiên Quốc) để làm trụ sở. Ông mất tại Bắc Kinh năm 1925 và năm 1929 hài cốt của ông đã được đưa về an táng và xây dựng khu lăng mộ quy mô lớn trên núi Tử Kim.



Cổng thành Nam Kinh



Hiếu lăng

Từ năm 1911 đến năm 1949, Nam Kinh là thủ đô của chính phủ Quốc Dân Đảng. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, Nam Kinh trở thành tỉnh lị của tỉnh Giang Tô.

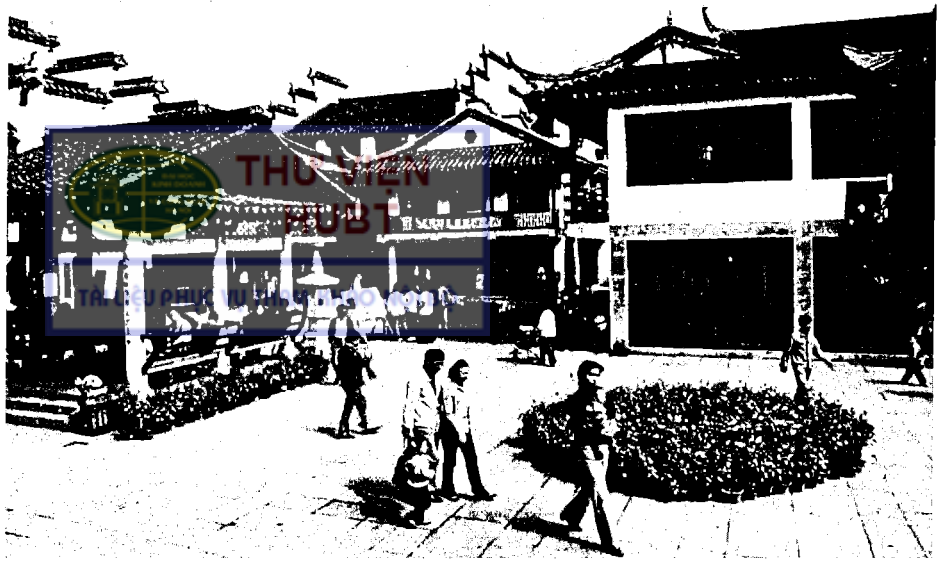
Tên Nam Kinh được ghi vào lịch sử từ thời Nhà Minh và cả quá trình phát triển lâu dài của Nam Kinh đã để lại rất nhiều di tích quý giá.

Nam Kinh cũng đã mở rộng nhiều lần qua các triều đại. Vị Hoàng đế khởi đầu Nhà Minh Chu Nguyên Chương với phương châm "củng cố thành trì, tích trữ nhiều lương thực, không vội xưng vương" của Chu Thăng đã mở mang thành trì và kiến tạo nhiều công trình xây dựng. Khởi công vào năm 1369 và liên tục trong 18 năm, thành lũy phía đông đã dài tới đỉnh cao phía nam Chung Sơn; phía tây dựa vào núi Thạch Đầu; phía nam có sông Tần Hoài vây bọc, phía bắc có núi Sư Tử.

Với chiều dài 33,4km, đây đã là bức thành có quy mô lớn trên thế giới. Móng thành xây đá hoa cương, thân thành xây gạch cỡ lớn, mặt thành phủ đá tấm, quân sĩ có thể phi ngựa trên mặt thành. Thành có nhiều cửa, cửa Tụ Bảo ở phía nam rất hoành tráng. Cửa thành ba lớp có hầm, bốn cửa vòm ăn thông với nhau. Bên trong thành có 27 hầm để tụ tập binh sĩ, có thể chứa được 3000 quân sĩ.

Hiện nay, thành phố Nam Kinh có diện tích 6598km^2, dân số 5.180.000 người, có hơn 2400 năm lịch sử, có vai trò kinh đô trong hơn 450 năm, những di sản kiến trúc ở Nam Kinh còn được lưu giữ đến nay là một kho báu quý giá của đất nước Trung Hoa. Khu phong cảnh Chung Sơn ở phía đông bắc thành phố nổi tiếng với thế "long bàn" (rồng cuộn), địa thế hùng vĩ có rừng thông xanh ngút trên những dãy núi trùng điệp. Hồ Huyền Vũ nằm dưới chân núi, sóng nước trong xanh được ngợi ca là "hạt minh châu của Kim Lăng". Núi Thê Hà nằm ở phía đông Chung Sơn rất nổi tiếng trong giới Phật học, vào mùa thu thì núi đồi và cây cối chìm ngập trong sương. Phía nam Chung Sơn là dòng Tần Hoài trong vắt chảy qua thành phố. Trên sông thuyền bè qua lại, hai bên bờ nhiều cây cối và nhà cửa soi bóng. Phía tây thành có bức tường dốc đứng màu đỏ sẫm, ẩn hiện trong rừng cây, là dấu tích của thành Thạch Đầu được Gia Cát Lượng gọi là "Hổ cứ" (tư thế hổ ngồi).

Nếu như ở Tây An có lăng Tần Thủy Hoàng và Bắc Kinh có Minh Thập tam lăng thì ở Nam Kinh có Minh Hiếu lăng. Đó là lăng Hoàng đế Chu Nguyên Chương - người đã sáng lập Nhà Minh. Lăng đặt ở phía nam núi Chung Sơn có những bia đá cao to, với những lối đi phong quang, các hàng tượng đá sinh động tạo nên một quần thể kiến trúc và điêu khắc trang nghiêm và uy nghi.

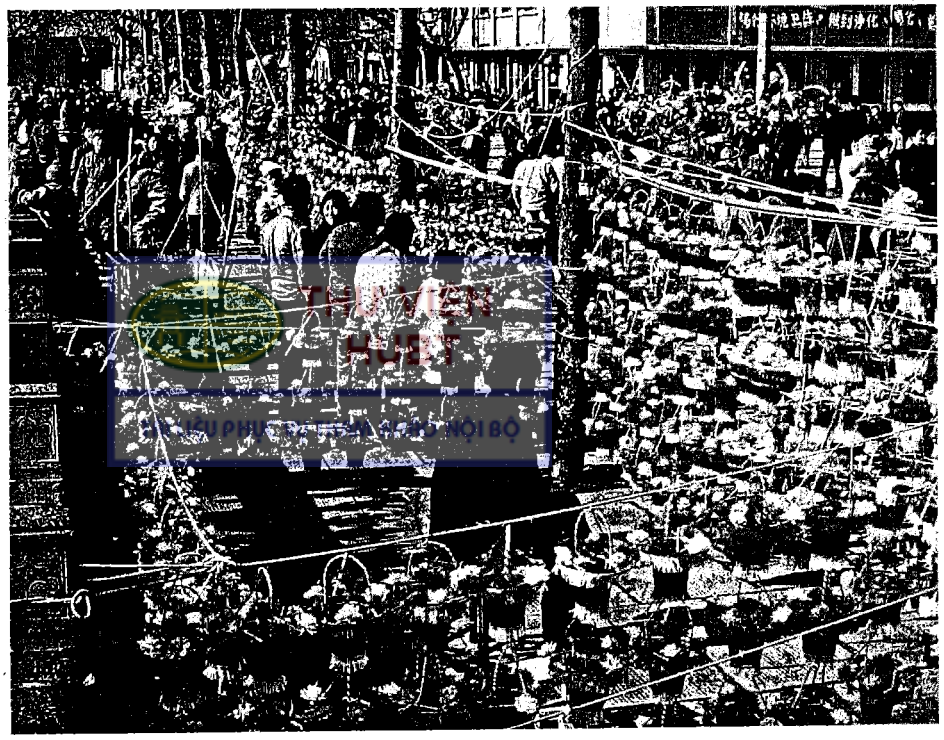


Phố cổ Nam Kinh

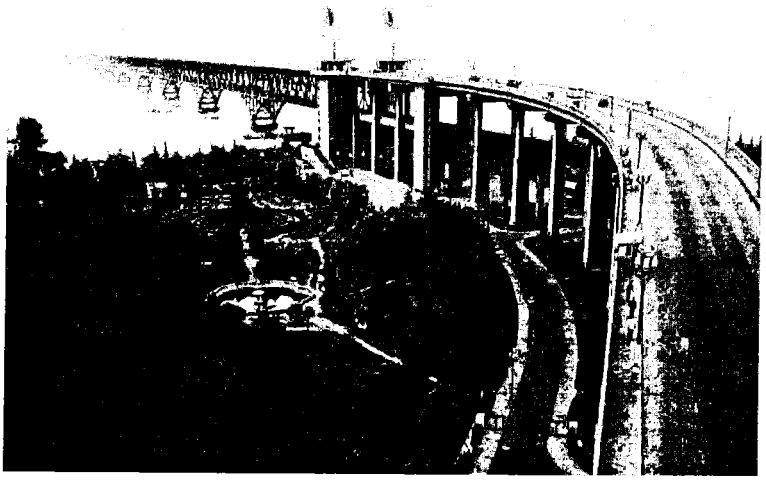
Cách Minh Hiếu lăng không xa có vườn lăng Tôn Trung Sơn diện tích trên 3000ha, là nơi đặt thi hài Tôn Trung Sơn - nhà cách mạng dân chủ vĩ đại của nhân dân Trung Quốc.

Nam Kinh cũng là nơi có tài nguyên thiên nhiên và đặc sản địa phương vô cùng phong phú, nổi tiếng nhất là đá Vũ Hoa, vịt ướp muối, chè Vũ Hoa và gấm hoa. Đá Vũ Hoa phân bố rộng rãi ở Nam Kinh, truyền thuyết kể rằng hoa đã từng rơi như mưa ở Vũ Hoa Đài, vùng đất hoa rơi đó về sau đã trở thành nơi có đá đẹp như hoa, được gọi là đá Vũ Hoa. Đá Vũ Hoa thực ra là những hòn đá nhỏ bị tách khỏi núi hàng trăm vạn năm trước nằm dưới lòng sông Tần Hoài, bị nước bào mòn tạo thành hình dáng kỳ lạ như vậy.

Về kinh tế, thành phố Nam Kinh là cơ sở công nghiệp có tính tổng hợp, có vai trò rất quan trọng để phát triển kinh tế khu vực miền đông Trung Quốc với cả hệ thống công nghiệp về điện tử, sản xuất ô tô, hóa chất cùng nhiều ngành công nghiệp chế biến của địa phương. Ngành công nghiệp hóa dầu, điện tử của Nam Kinh đứng thứ 2 trong cả nước, sản xuất ô tô đứng thứ 3.



Phố chợ Nam Kinh

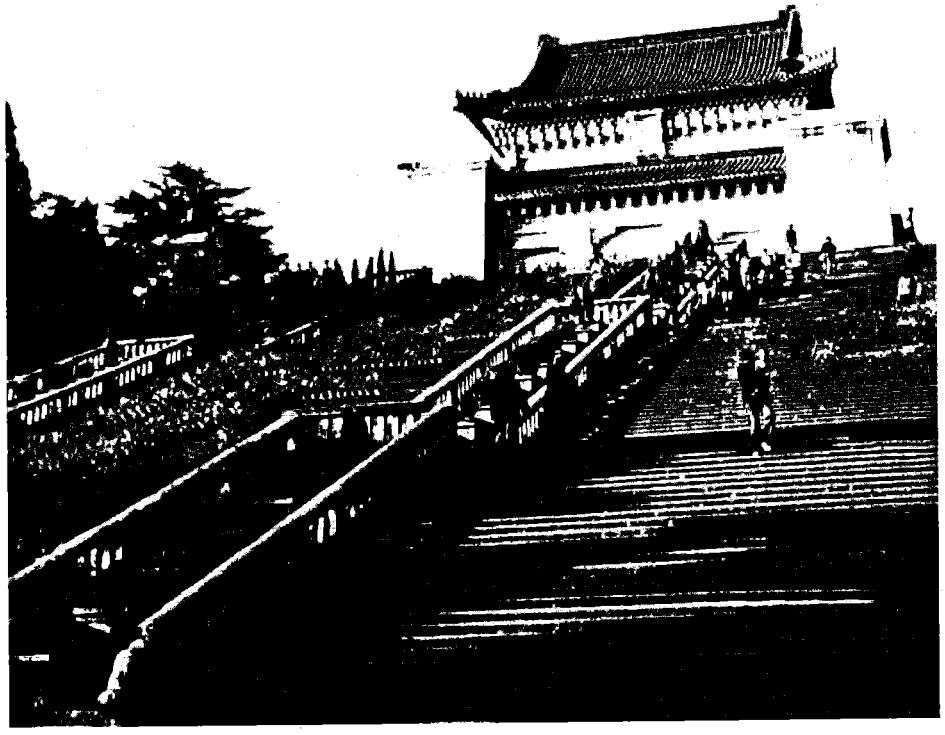


Cầu Nam Kinh trên sông Dương Tử



Đường phố Nam Kinh

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Lăng Tôn Trung Sơn

Nam Kinh còn là một trong bốn cơ sở lớn về đào tạo và giáo dục cao cấp, một trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của cả nước với các lĩnh vực nghiên cứu thiên văn, địa chất, vật liệu mới, sinh học, siêu dẫn ở nhiệt độ thấp... Đài thiên văn trên núi Tử Kim là đài thiên văn hiện đại có vị trí quan trọng trong lĩnh vực thiên văn của Trung Quốc cũng như thế giới.

Không chỉ là một thành phố cổ kính, có nhiều di tích lịch sử mà Nam Kinh còn là một thành phố hiện đại với các ngành công nghiệp khá đầy đủ, thương nghiệp phồn vinh, giao thông thuận lợi và có hoạt động đối ngoại phong phú. Nam Kinh ở gần sông và không xa biển cho nên đã là một điểm nút giao thông quan trọng của khu vực Hoa Đông. Cảng Nam Kinh là cảng sông lớn nhất trong cả nước, cây cầu lớn bắc qua sông Trường Giang rộng lớn, là nơi gặp gỡ của ba tuyến đường sắt lớn nên cũng trở thành đầu mối đường sắt quan trọng để liên lạc với các vùng Hoa Trung, Hoa Đông và Hoa Bắc.

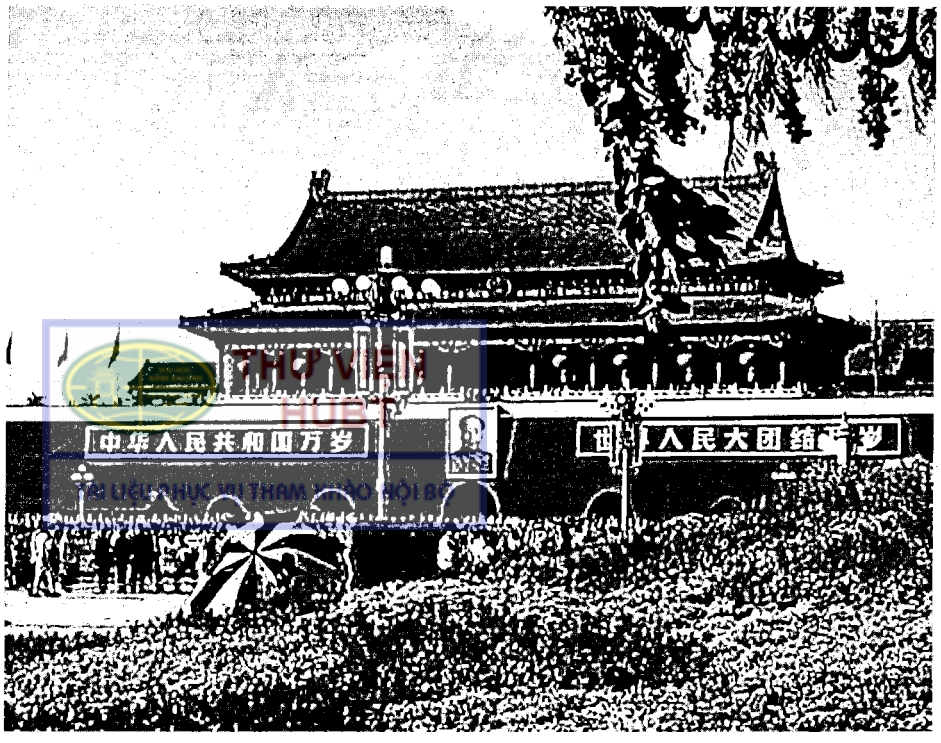
THƯ VIỆN HUBT

5. Bắc Kinh

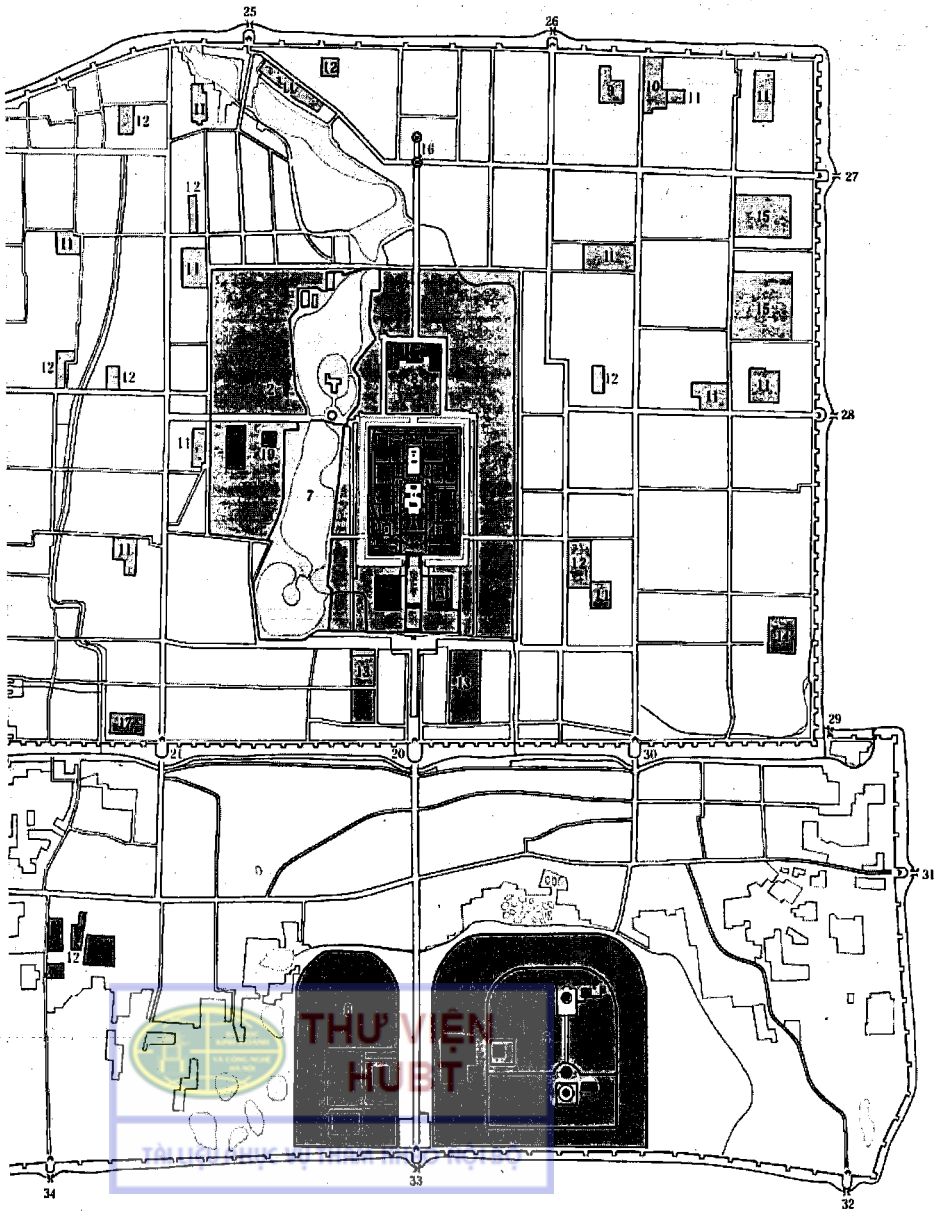
Thủ đô Bắc Kinh là một trong những kinh đô cổ nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Từng là kinh đô của các chiều đại phong kiến: Liêu (907 - 1125), Kim (1115 - 1234), Nguyên (1206 - 1368), Bắc Kinh có lịch sử tới cả 1000 năm.

Từ đời Nguyên ở thế kỷ 13, kinh đô mang tên Đại Đô. Nhà Minh thay thế nhà Nguyên tận dụng địa bàn Đại Đô để phát triển, mở rộng thành thủ đô Bắc Kinh.

Hình thể của thủ đô Bắc Kinh ngày nay bao gồm Thành nội, Thành ngoại, Hoàng thành và Tử Cấm thành. Tử Cấm thành (cũng được gọi là Cố Cung) là nơi đặt các cung điện của nhà vua suốt hai triều đại Minh (1368 - 1644) và Thanh (1616 - 1911). Thành nội nằm về phía bắc trên địa bàn Đại Đô cũ, Thành ngoại là phần phía nam được mở rộng về sau. Tử Cấm thành nằm trong Hoàng thành đều là vị trí trung tâm Thành nội.



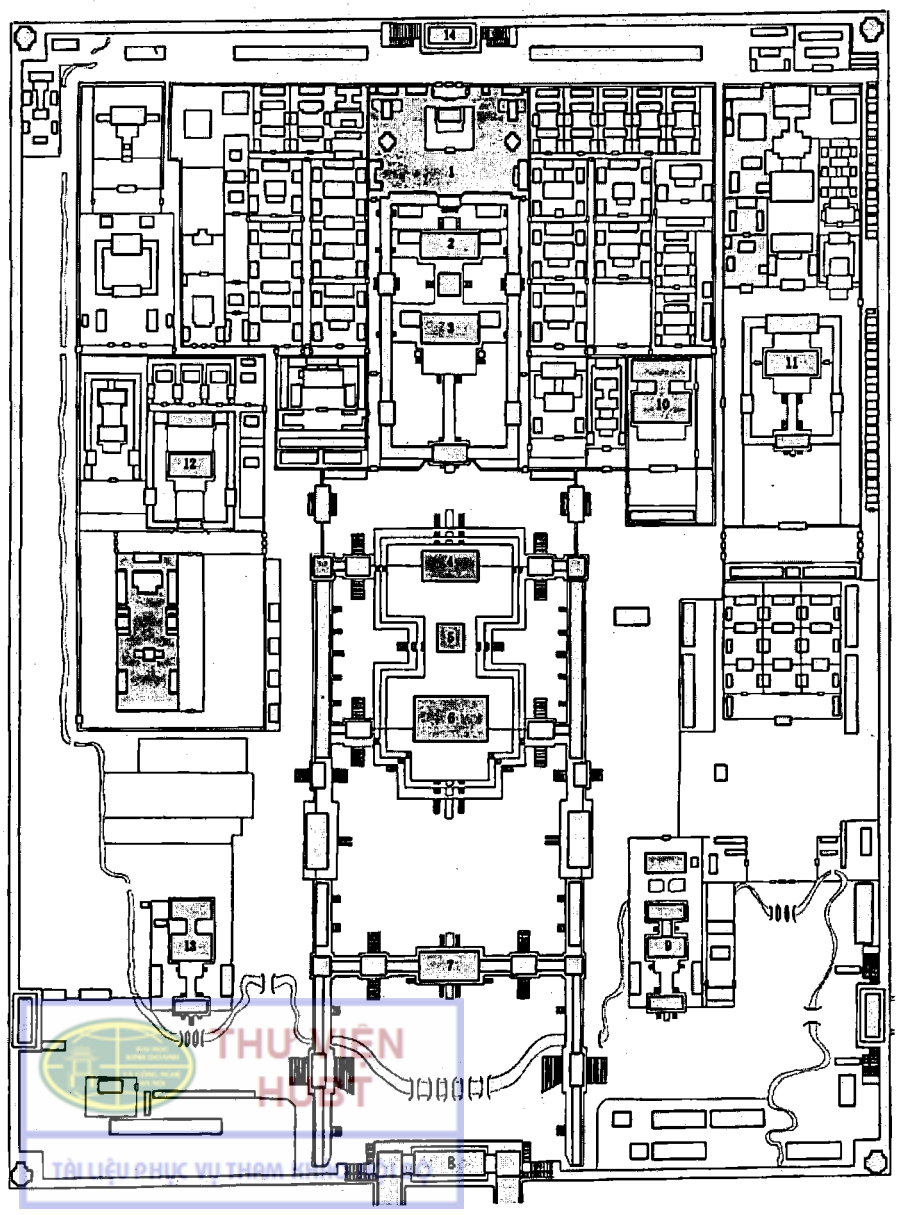
Thiên An Môn - kiến trúc tiêu biểu của Bắc Kinh



1. Tử cấm thành *2. Hoàng thành*
3. Thái miếu *4. Xã Huệ đàn*
5. Thiên đàn *6. Tiên nông đàn*
7. Tây uyển *8. Cảnh sơn*
9. Quốc tử giám *10. Di hoà cung*

Bản đồ Bắc Kinh thời Minh, Thanh

THƯ VIỆN HUBT



1. Vườn ngự uyển
2. Cung Khôn Ninh
3. Cung Càn Thanh
4. Điện Thái Hoà
5. Điện Trung Hoà
6. Điện Thái Hoà
7. Thái hoà môn
8. Ngọ môn
9. Điện Văn hoa
10. Điện Phụng tiên
11. Điện hoàng cấp
12. Cung từ Ninh
13. Điện Vũ Anh
14. Thần võ môn
15. Đông hoa môn
16. Tây hoa môn

Bản đồ Tử Cấm Thành

Tử cấm thành (Cố cung) là hạt nhân của Hoàng thành và cũng là thủ đô Bắc Kinh ngày nay.

Đây là một tổng thể kiến trúc tiêu biểu cho nền văn hoá nghệ thuật truyền thống rất dặc sắc của nước Trung Hoa. Nằm trong khuân viên hình chữ nhật 960 × 760m, tổng thể kiến trúc rộng tới 72 ha bao gồm hơn một trăm toà cung điện nguy nga lộng lẫy.

Khởi đầu xây dựng vào năm 1406 (thời Hoàng đế Chu Đệ tức Minh Thành Tổ), hoàn thành vào năm 1420 (thời vua Vĩnh Lạc năm thứ 18) và cũng được tu bổ vào những đời sau.

Các cung điện được bố trí cân xứng hai bên trục chính hướng bắc-nam, tạo nên không khí uy nghi và hoành tráng của chốn cung đình. Từ trục này, quy hoạch thành phố Bắc Kinh cũng được phát triển cân xứng về các phía, trở thành một trong những thủ đô lớn đẹp trên thế giới hiện nay.

Hào thành rộng 52m bao bọc xung quanh Tử Cấm thành vừa có tác dụng bảo vệ vừa tăng thêm vẻ đẹp cho khung cảnh kiến trúc do gương nước phản chiếu ánh trời mây cùng với cây cối và kiến trúc.

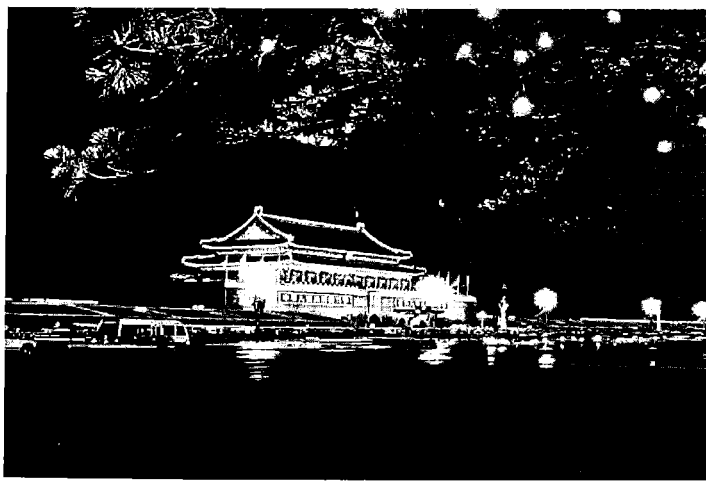
Tường thành cao 10m sơn màu đỏ sẫm kết hợp với các kiến trúc vọng lầu đặt ở bốn góc tạo nên dáng vẻ uy nghi và thâm nghiêm của nơi cung cấm.


THƯ VIỆN
HUBT

Hào nước và Tháp góc



Cột biểu Trung Hoa bài



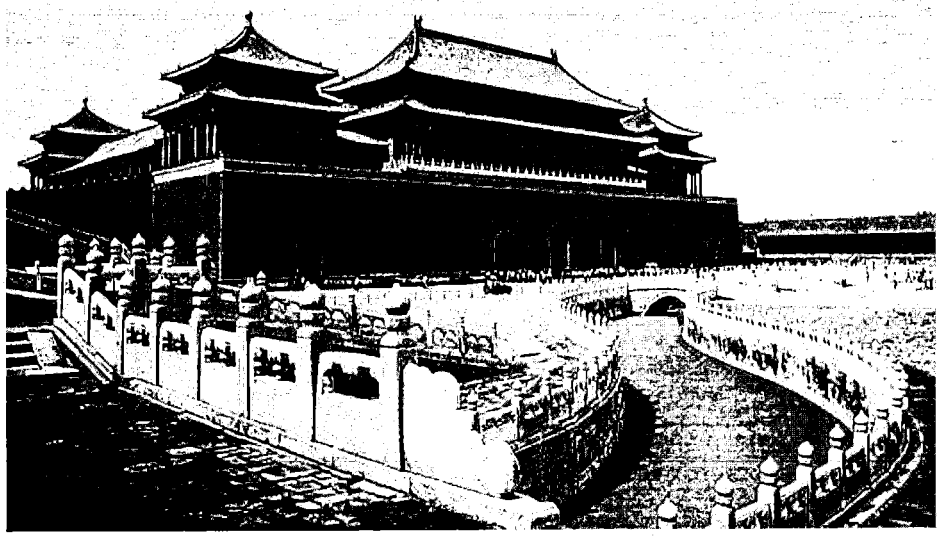
Thiên An môn (ban đêm)

Cổng thành là bộ phận kiến trúc quan trọng gắn kết với các vòng thành, định vị ranh giới các khu vực Hoàng thành, Tử Cấm thành. Riêng tử Cấm thành có bốn cửa chính là: Ngọ môn phía nam, Thần võ môn phía bắc, Đông Hoa môn phía đông và Tây Hoa môn phía tây. ở từng khu vực nhỏ của Tử Cấm thành và của Hoàng thành còn có những cửa riêng được canh phòng cẩn mật.

Theo hướng của trục chính trong phạm vi Tử Cấm thành lần lượt từ nam lên bắc có những công trình quan trọng nhất là: Thiên an môn, Ngọ môn, Thái hoà môn, cụm ba cung điện phía trước (Thái Hòa, Trung Hòa, Bảo Hòa), cụm ba cung điện phía sau (Càn Thanh, Giao Thái, Khôn Ninh), tiếp đến vườn Ngự uyển và Thần võ môn phía bắc.

Thiên An môn là một kiến trúc rất tiêu biểu của Hoàng thành Bắc Kinh xưa, được dùng làm biểu tượng trên quốc huy Trung Quốc hiện nay. Được xây dựng vào năm 1420 lúc đầu mang tên Thừa thiên môn nhưng đến năm 1651 được xây lại và mang tên Thiên an môn.

Từ chức năng là cổng chính phía nam của Hoàng thành và là nơi ban bố chiếu thư của nhà vua, nay có chức năng là lễ đài trước một quảng trường rộng lớn, tập hợp rất đông dân cư trong những buổi lễ nghi quan trọng. Sách cũ còn ghi lại người có công tạo dựng kiến trúc quan trọng này là Khoái Tường và Lục Tường đều sinh vào năm 1374 ở tỉnh Giang Tô. Công trình có độ cao 33,7m.

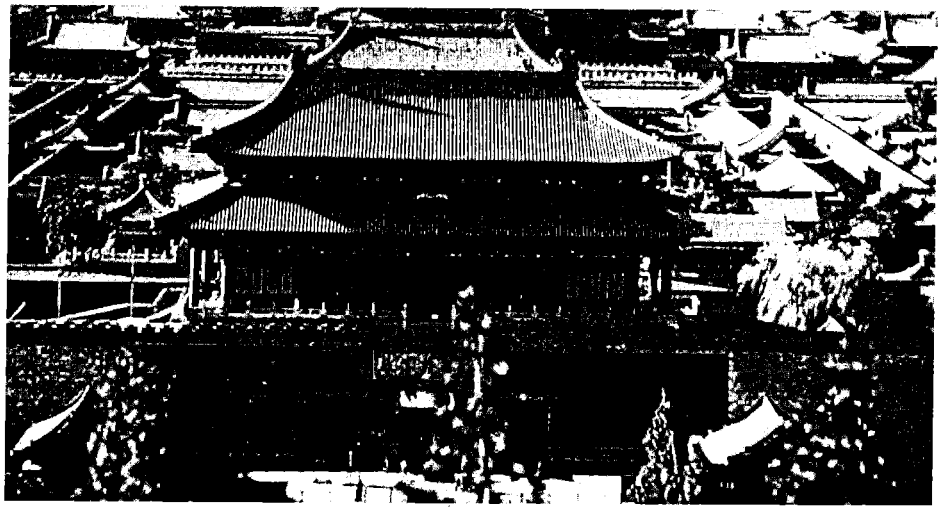


Ngọ môn (cửa phía nam) xây dựng năm 1420 cao 38m là cổng chính vào Tử cấm thành. Hình ảnh phía mặt trong cổng, có sông Kim Thủy, cầu và lan can đá



THƯ VIỆN HUBT

Tượng sư tử (bằng đồng hoặc bằng đá) trang trí bên lối vào cung điện



Thần vũ môn (cửa phía bắc) vào Tử cấm thành.
Hình ảnh mặt ngoài cổng nhìn từ núi Cảnh Sơn.



Không gian trước Thái hòa môn
có năm cầu đá bắc qua sông Kim thủy

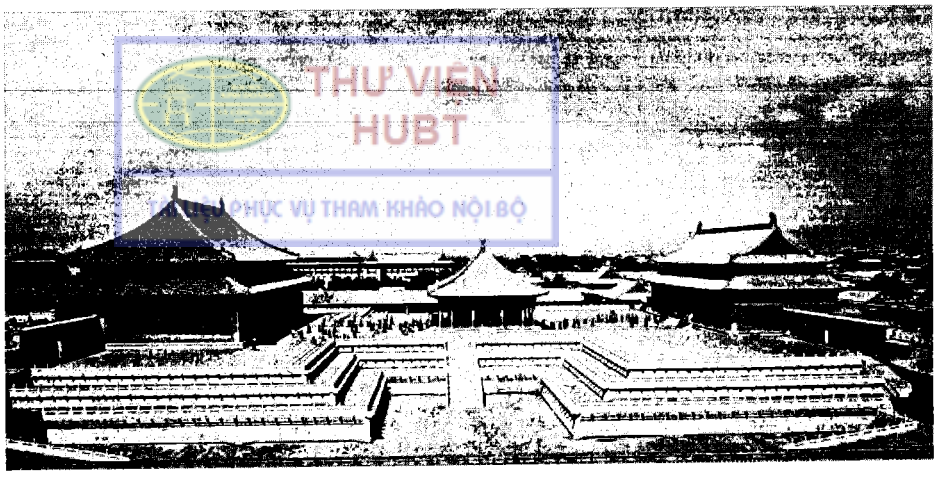
Tiền Tam điện là cụm ba cung điện phía trước có vai trò quan trọng nhất trong quần thể kiến trúc Tử Cấm thành, đó là các điện Thái Hoà, Trung Hoà và Bảo Hoà. Đây là nơi chính yếu để nhà vua thiết triều, họp mặt quần thần và đón tiếp sứ giả nước ngoài.

Điện Thái hoà có quy mô nhất, công trình có chiều dài gần 64m (có 9 gian nhà và 2 hành lang) rộng hơn 37m, cao 27m. Bộ khung nhà đồ sộ với 84 cột và 182 dầm xà ngang dọc được chạm khắc tinh vi và sơn son thiếp vàng. Đây là công trình bằng gỗ lớn nhất ở Trung Quốc còn được lưu giữ.

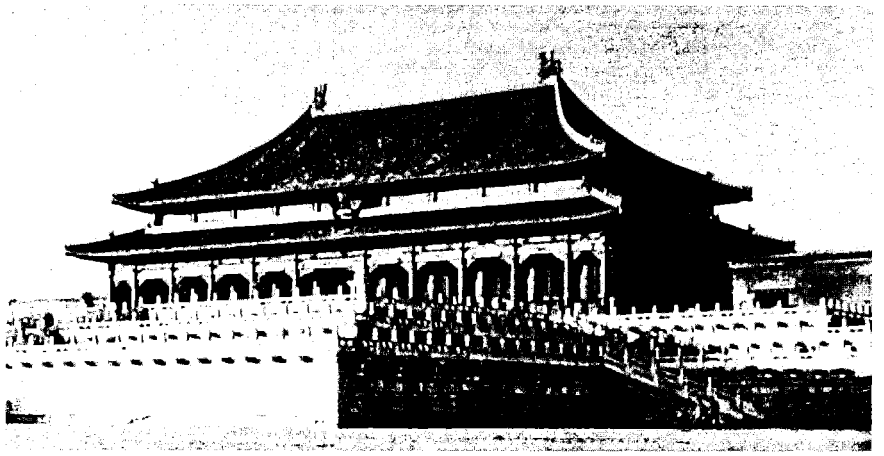
Trên khung nhà có chạm khắc rất nhiều hình rồng thể hiện nơi vua ngự trị. Trần nhà cũng được trang trí đẹp tạo thành bức tranh với hình 17 con rồng. Giữa điện là ngai vàng của vua đặt trên cao cũng được trang trí hình rồng. Người ta ước tính toàn bộ công trình điện Thái Hoà cả trong và ngoài có tới trên 13.000 hình rồng chạm khắc hoặc thể hiện trên tranh vẽ.

Hậu Tam cung là cụm ba cung điện phía sau (điện Giao thái ở giữa, cung Càn thanh phía trước và cung Khôn ninh phía sau). Cung Càn thanh là nơi ở của vua, cung Khôn ninh là nơi ở của Hoàng Hậu, điện Giao thái xây sau là nơi tiếp nối giữa "Càn" (trời) và Khôn" (đất).

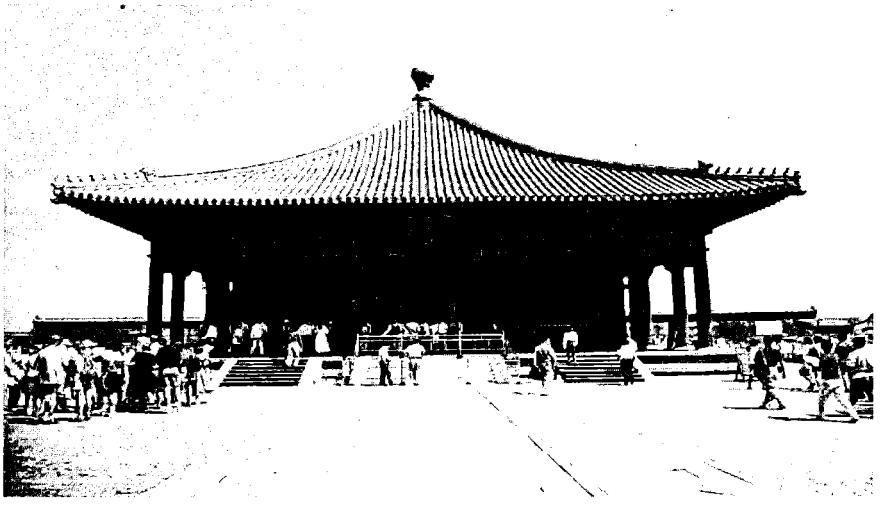
Hai phía đông tây của các cung điện chính còn có sáu cung điện phía đông (đông lục cung) và sáu cung điện phía tây (tây lục cung) dành cho các vương phi, cung tần, mỹ nữ và hậu cần.


THƯ VIỆN HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tổng thể ba cung điện phía trước (tiền tam điện): điện Thái Hòa (trái), điện Trung Hòa (giữa) và điện Bảo Hòa (phải) trên thềm bệ đá.



Điện Thái Hòa là nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng nhất của triều đình

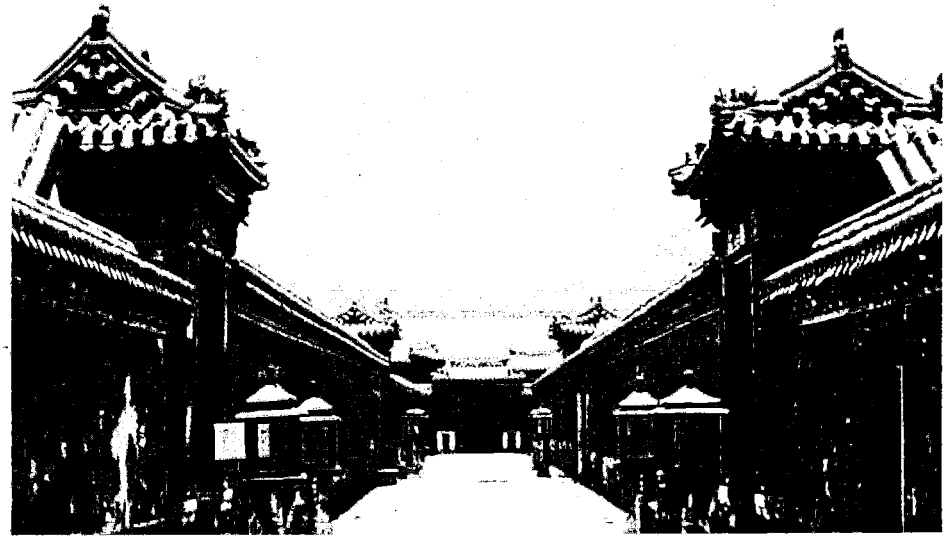


Điện Trung Hòa là nơi chuẩn bị các nghi lễ ở điện Thái Hòa



THƯ VIỆN HUBT

Điện Bảo Hòa là nơi yến tiệc, cũng là trường thi cho các kỳ thi quốc gia



Đường sang Tây lục cung

Phía bắc của hậu tam cung là Vươn Ngự Uyển, một khu vườn nhỏ nhưng đẹp và tinh xảo dành riêng phục cụ hoàng gia.

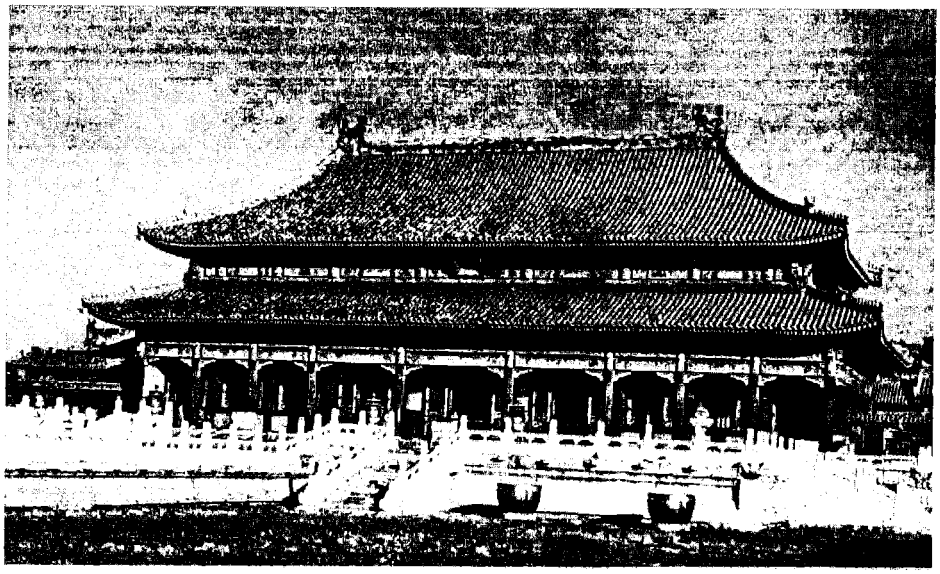
Tận cùng phía bắc đối diện với Thần vũ môn (cổng chính phía bắc Tử cấm thành) là khu rừng cây bao bọc núi Cảnh sơn có vai trò làm cảnh nền cho quần thể kiến trúc Tử cấm thành. Trên đỉnh núi Cảnh sơn có đình Vạn Xuân là nơi dừng chân ngắm toàn cảnh kiến trúc cổ Bắc Kinh.

Điêu khắc đá thềm bệ các cung điện ở Tử cấm thành cũng là một công trình lao động nghệ thuật kỳ vĩ. Thềm bệ cao 8m của ba cung điện chính cùng với hệ thống tường lan can rất dài, rộng được chạm khắc rất tinh xảo đã nói lên trình độ chạm khắc đá thời cổ ở Trung Hoa.

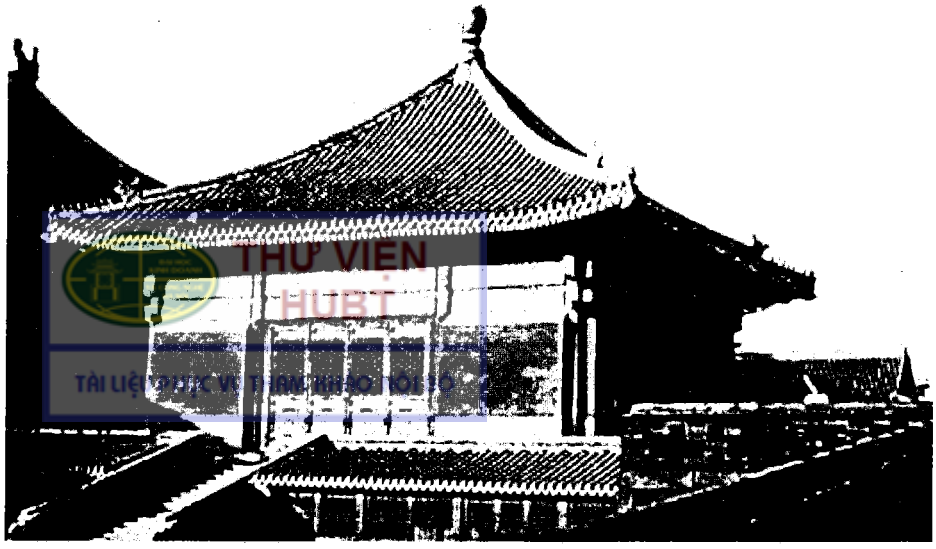
THƯ VIỆN HUBT

Đặc biệt là các tấm đá cực lớn trải dài theo bậc dốc các lối lên thềm ở trước và sau của ba cung điện chính thực sự là tác phẩm điêu khắc khổng lồ. Tấm đá điêu khắc trước thềm bệ điện Thái Hoà gồm ba tấm ghép lại, nhưng tấm đá ở bậc thềm phía sau điện Bảo Hoà là một tấm đá liền khối nặng tới 200 tấn (dài 16,57m, rộng 3,07m, dày 1,7m).

Những người lao động thời xưa đã đạt trình độ rất cao trong việc khai thác và vận chuyển những khối đá lớn này từ mỏ đá Phòng Sơn (phía tây nam ngoại thành Bắc Kinh) đưa về xây dựng và trang trí các cung điện Tử cấm thành.

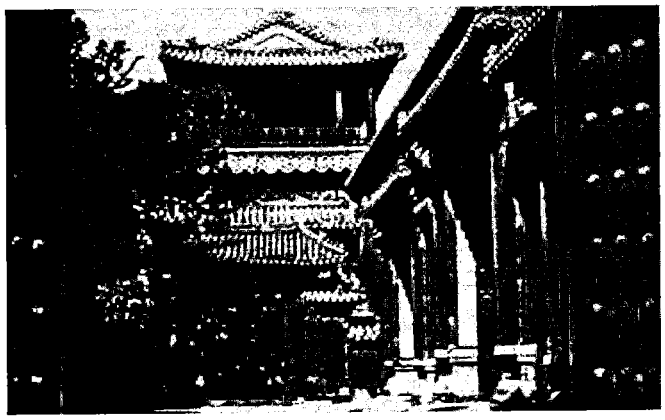


Cung Càn Thanh là nơi ở của vua



Điện Giao Thái là nơi liên kết cung Càn thanh và cung Khôn minh

THƯ VIỆN
HUBT





Các kiến trúc dành cho vua nghỉ ngơi trong vườn Ngự Uyển



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Núi Cảnh sơn nằm ở phía bắc Tử cấm thành

Ngói lưu ly và cá Tượng trên mái nhà là một bộ phận quan trọng trong nghệ thuật kiến trúc của các cung điện cổ ở Bắc Kinh.

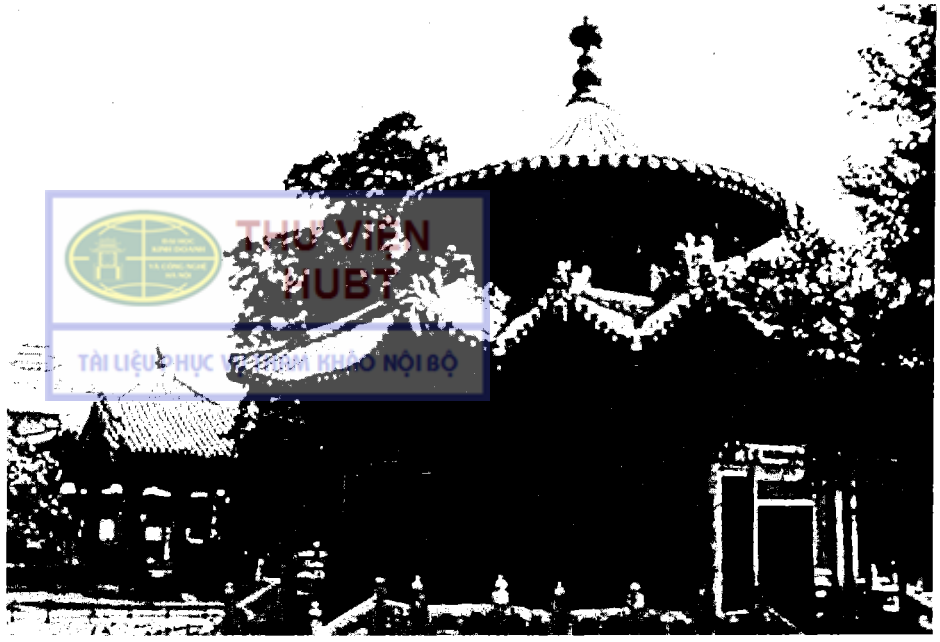
Từ trên núi Cảnh sơn ở phía bắc nhìn xuống Tử cấm thành sẽ thấy trùng trùng lớp lớp các mái cung điện lợp ngói lưu ly óng ánh nhiều màu sắc dưới tia nắng mặt trời.

Nghề gốm cổ truyền của Trung Quốc đã tạo nên sản phẩm quý giá này, đó là một thứ men ngọc không thấm nước và có nhiều mầu sắc rực rỡ: vàng, xanh, xanh lam, tím, trắng...

Mái ngói lưu ly màu vàng chuyên dùng cho cung điện của triều đình, kết hợp với màu tường đỏ sẫm tạo nên vẻ đẹp quyền quý và trang nghiêm.

Tượng các con thú cũng bằng loại gốm này trang trí trên góc mái càng tôn nổi vẻ hoành tráng của kiến trúc. Góc mái điện Thái hoà trang trí mười tượng thú nhỏ, đó là số lượng lớn dành cho công trình quan trọng nhất. Các con vật được chọn cũng là những con vật "thiêng": rồng, phượng, sư tử, ngựa, nghê, cá...

Số lượng thú trang trí ở mái nói lên tầm quan trọng của kiến trúc đó.

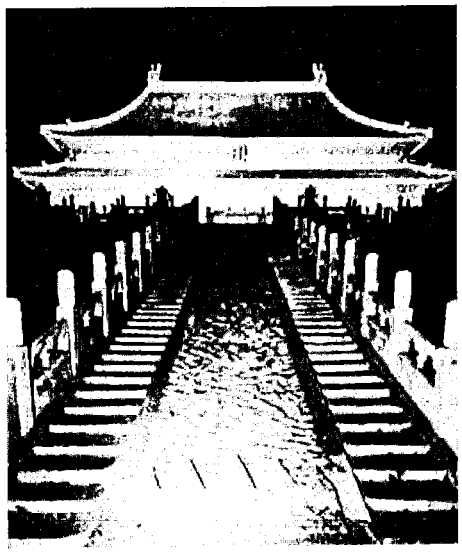


Điện Giao Thái là nơi liên kết cung Càn thanh và cung Khôn minh

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU HỌC TẬP LƯU HÀNH NỘI BỘ



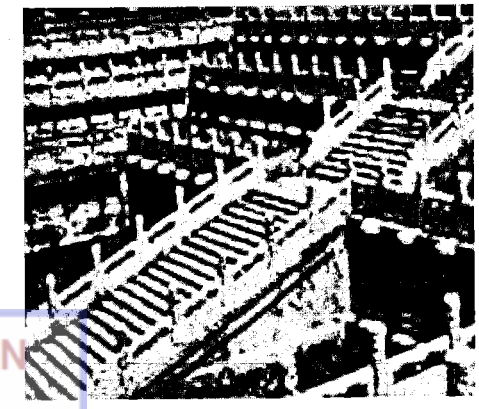
Điêu khắc đá thềm bệ điện Trung Hòa



Hệ thống bậc cấp xây dựng bằng đá được chạm khắc tuyệt mỹ ở phía trước điện Thái Hòa



Chi tiết trang trí thềm bệ



Chi tiết trang trí lan can đá

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cửu Long Bích tức bức tường có chín con rồng đắp nổi là một tác phẩm nghệ thuật rất đặc sắc, tôn thêm không khí trang nghiêm và làm đẹp thêm không gian kiến trúc.

Cửu long bích ở cung Ninh Thọ được làm vào năm 1771 đến 1776 (thời vua Càn Long) là một tác phẩm nổi tiếng về hình tượng nghệ thuật cũng như kỹ thuật đắp tượng. Tấm tường có chiều dài 29,4m, cao 3,5m được ghép bằng 270 tấm lưu ly lớn. Chín con rồng màu

sắc khác nhau bay lượn với nhiều tư thế uyển chuyển trên mây, núi, biển cả tạo nên một bố cục hài hoà và rất độc đáo. Trong công viên Bắc Hải (phía tây Tử cấm Thành) cũng có một tác phẩm tương tự.

Rồng tượng trưng vai trò bá chủ thiên hạ của hoàng đế. Dưới rồng có cảnh núi non, sông ngòi và biển cả là thể hiện giang sơn xã tắc nằm trong vòng tay cai trị của hoàng đế.

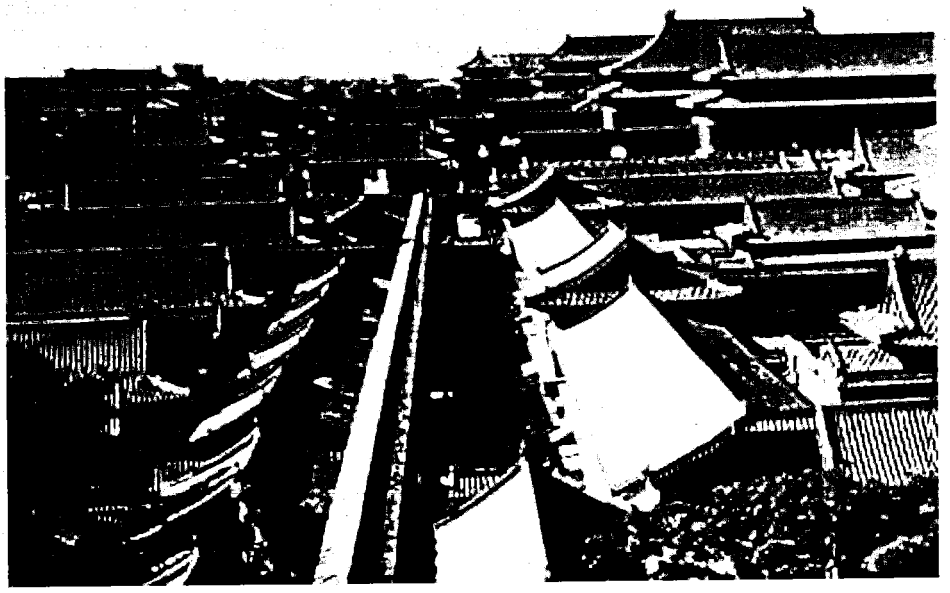
Thiên Đàn là nơi vua làm lễ tế trời. Trong quan niệm xưa ở Trung Quốc, vua là "con của trời" (thiên tử) nên có nhiệm vụ tế trời hàng năm để cầu xin và tạ ơn trời đã ban phúc cho dân cư được no ấm, thiên hạ thái bình. Bốn phía của Thành nội Bắc Kinh có: Thiên đàn phía nam, Địa đàn phía bắc, Nhật đàn phía đông và nguyệt đàn phía tây. Thiên đàn là công trình có quy mô lớn nhất, ngoài ra cũng ở phía nam còn có Tiên nông đàn (cầu mong nông nghiệp phát triển).

Thiên đàn gồm ba cụm công trình chủ yếu là: Hoàn Khưu đàn, Hoàng Khung vũ và Kỳ niên điện nằm trên trục chính của tổng thể kiến trúc Thiên đàn. Ngoài ra còn có Trai cung nằm về phía tây liền với khu cổng vào là nơi vua đến trai giới trước khi làm lễ.

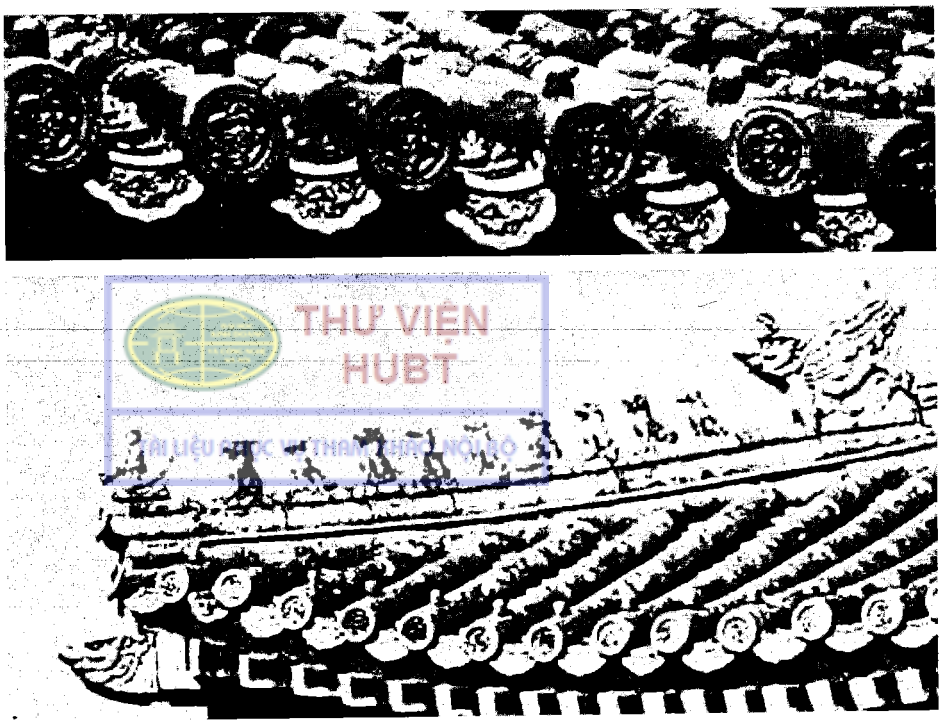
Khu đất Thiên đàn có hình gần vuông rộng 273ha (1700m×1600m) có hai vòng thành bao nhau, cạnh phía nam vuông góc, cạnh phía bắc khoanh tròn, thể hiện ý tưởng "trời tròn đất vuông". Trên khu đất có rất nhiều cây cao bóng cả tạo nên không khí trầm tĩnh phù hợp với việc giao hoà giữa đất với trời.


THƯ VIỆN
HUBT

Cửu long bích ở công viên Bắc hải dài 23m, cao 5m làm vào năm 1756 với sự liên kết của 424 tấm lưu ly chạm nổi



Mái ngói lưu ly lấp lánh tỏa sáng dưới ánh mặt trời của các cung điện Tử cấm thành



THƯ VIỆN HUBT

Ngói lưu ly và các tượng thú trang trí mái điện Thái hòa

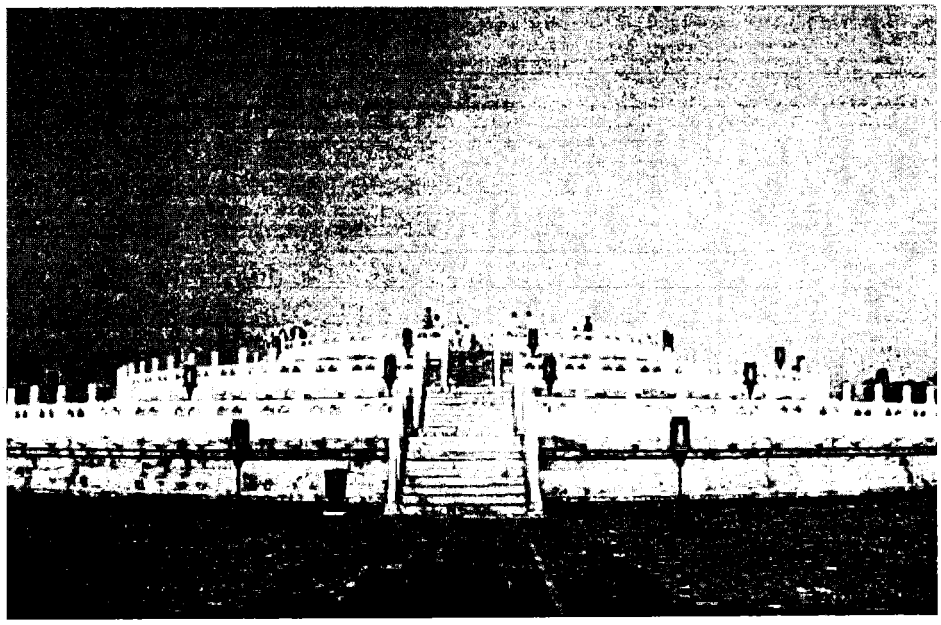
Di Hoà viên tức cung điện mùa hè là nơi vua và triều thần đến nghỉ tránh nắng về mùa hè. Nằm cách trung tâm Bắc Kinh 15km về phía tây bắc, đây là ngự viên rộng lớn nhất còn lại ở Trung Quốc (diện tích 290ha - trong đó 220ha là hồ nước, có hơn 3000 công trình kiến trúc các loại). Khu vườn nằm ở phía bắc hồ Côn Minh, bao quanh núi Vạn Thọ.

Tổng thể kiến trúc được hình thành qua nhiều thời kỳ và cũng nhiều phen bị phá huỷ do chiến tranh. Năm 1886 Từ Hy Thái Hậu đã dùng khoản tiền rất lớn (5 triệu lạng bạc) để tu bổ và mở mang nhiều công trình quan trọng.

Kiến trúc chủ đạo ở Di Hoà viên là toà Phật Hương các nằm ở điểm cao trên núi trông ra hồ. Chạy dài theo bờ hồ dưới chân núi là một hành lang dạo mát có 273 gian dài 728m gọi là Trường lang. Ven hồ có công trình rất đặc sắc bằng đá trắng hình chiếc thuyền ghé bờ nước, bên trên là toà nhà hai tầng làm nơi vui chơi và ngắm cảnh.



Kỳ niên điện là công trình chính (cao 38m, bệ 6m) trong tổng thể kiến trúc Thiên đàn



Hoàn khưu đàn với ba tầng cấp là công trình lộ thiên, nơi thực hiện nghi lễ tế trời ở Thiên đàn

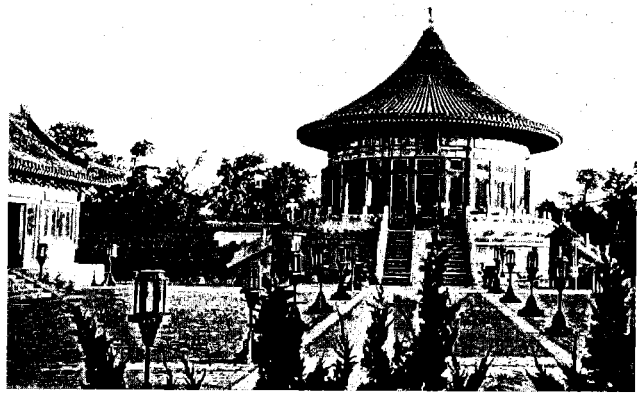
Thập tam lăng là khu lăng mộ của mười ba đời vua triều Minh được xây dựng rải rác ở các sườn đồi phía nam của dãy núi Thiên thọ (cách Bắc Kinh 50km về phía bắc). Đây là vùng cảnh quan đẹp có núi bao quanh về phía bắc và mở thoáng về phía nam như hình tay ngai với hai ngọn núi nhỏ Mãng sơn và Hổ dụ sơn.

Trước lối vào chính của toàn khu lăng có những kiến trúc cổng đồ sộ dẫn tới một trục Thần đạo dài 7km, từ đó có những nhánh dẫn vào các lăng.

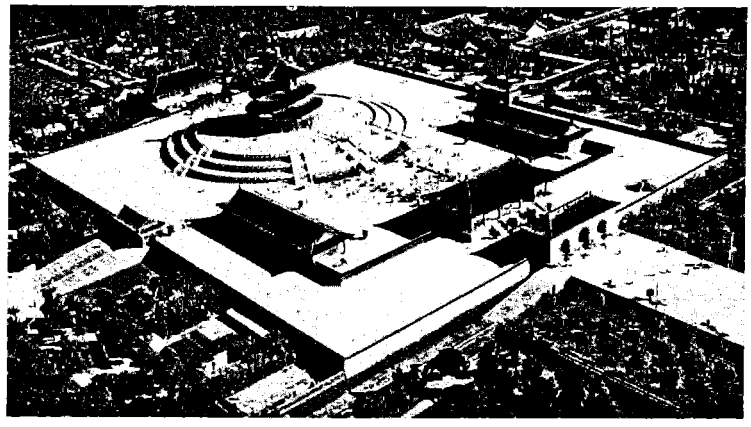
THƯ VIỆN HUBT

Vạn Lý Trường thành nằm cách Bắc Kinh khoảng 40km về phía bắc là một trong những kỳ quan của thế giới.Phía đông từ Sơn Hải quan bên bờ Bột Hải, phía tây đến Gia Dụ quan tỉnh Cam Túc, chiều dài tổng cộng tới 3000km. Được hình thành từng phần từ thời chiến quốc đến năm 221 trước công nguyên được nhà Tần xây đắp thêm và nối liền làm một. Các đời sau đều có tu sửa, củng cố, lần sửa chữa quan trọng nhất là vào đời Minh (thế kỷ 15 - 16).

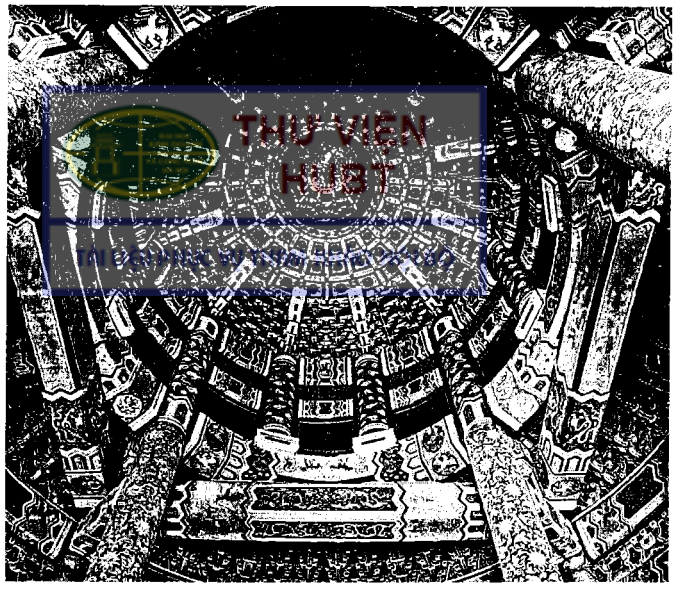
Đoạn trường thành trên Bát Đạt lĩnh cao từ 6 đến 12m và dày từ 5 đến 10m, mặt trên thành có lỗ châu mai và cách khoảng 360m có một "ụ lửa" để đốt lửa làm hiệu khi có báo động.



Hoàng khung vũ là nơi cất giữ các bài vị tế trời (đường kính 15,6m cao 19,5m)

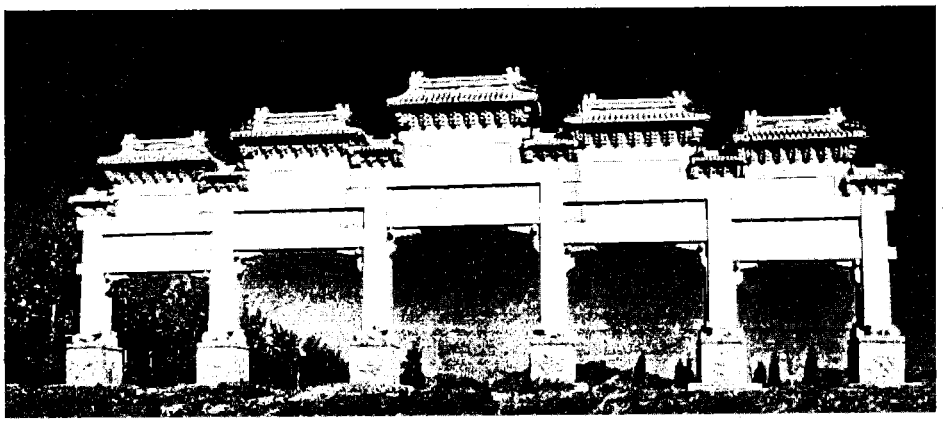


Toàn cảnh Kỷ niên điện



Cột và trần mái Kỳ niên điện. Bốn cột chính cao 9,2m tượng trưng bốn mùa trong năm và 12 cột con tượng trưng 12 tháng

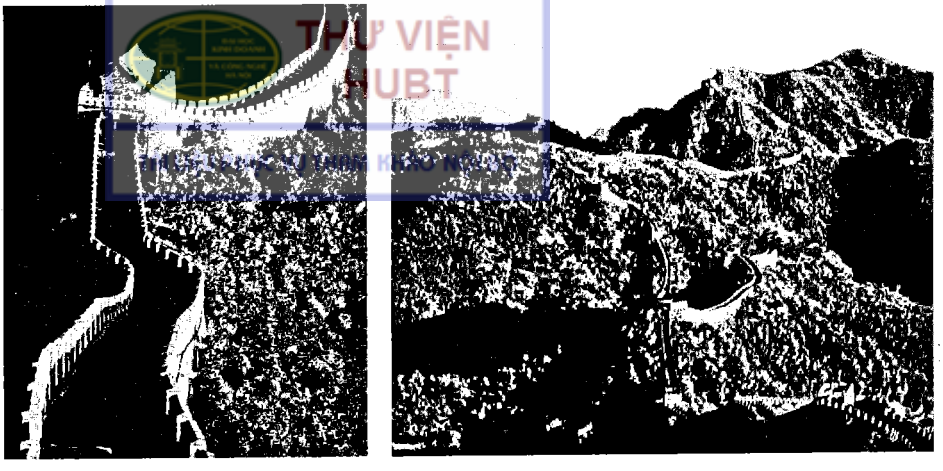
THƯ VIỆN HUBT



Nghi môn tức cổng chính Thập tam lăng xây dựng năm 1540 (vua Thần Tông năm thứ 19, rộng 29m cao 14m)



Đại hồng môn là điểm khởi đầu đi vào Thập tam lăng (rộng 26m cao 22m)

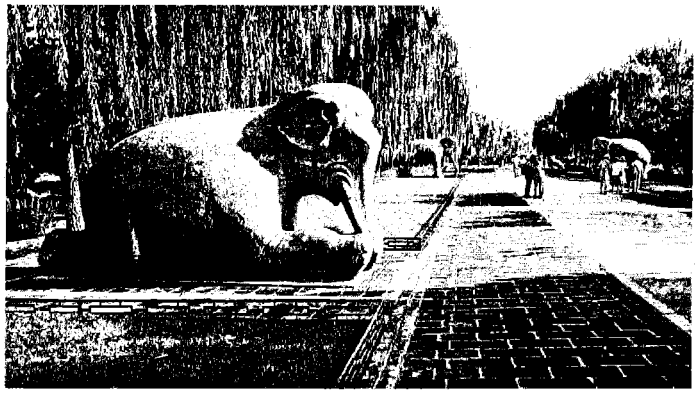


Hình ảnh Vạn Lý trường thành với các gọng gác

THƯ VIỆN HUBT



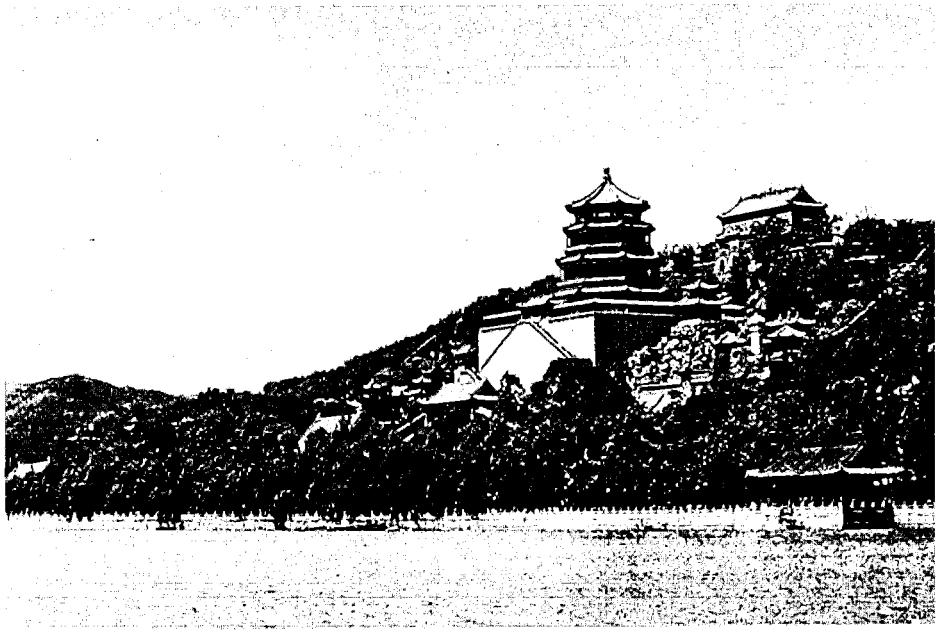
Nhà ngắm cảnh hình thuyền đá bên hồ Côn Minh



Trục thần đạo từ cổng chình dẫn vào các lăng



Kiến trúc Trường Lang



Tòa Phật hương các trên núi Vạn Thọ

BẮC KINH ĐƯỢC PHÁT TRIỂN QUA CÁC MỐC THỜI GIAN

1403 Minh Thành Tổ Chu Đệ dời đô từ Nam Kinh về Bắc Kinh, khởi công xây dựng Hoàng Thành

1406 Khởi công xây dựng từng phần Tử cấm thành

1409 Xây dựng Trường lăng ở Thập tam lăng

1420 Hình thành tổng thể kiến trúc Tử cấm thành, bước đầu xây dựng Thiên đàn

1421 Xây dựng Thiên an môn

1440 Xây dựng khu cổng chính Thập tam lăng

1564 Xây dựng khu Thành ngoại

1651 Xây dựng lại Thiên an môn

1750 Thanh y viên (tiền thân Di hoà viên)

1756 Cửu long bích ở Bắc Hải

1886 Di hoà viên

1889 Xây dựng lại Kỳ niên điện

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

VẺ ĐẸP GIANG NAM

1. Hàng Châu

Hàng Châu là thành phố thủ phủ tỉnh Chiết Giang, từng là kinh đô cổ có lịch sử hơn 2200 năm. Trước thời Chu, Hàng Châu thuộc thành Dương Châu, vào thời Xuân Thu thì đây là nơi tranh bá của hai nước Ngô, Việt. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, Hàng Châu thuộc huyện Tiền Đường và đến đời vua Tùy Khai Hoàng (năm 589) mới có tên là Hàng Châu. Tùy Dạng Đế cho mở mang sông đào thúc đẩy nền kinh tế và văn hóa Hàng Châu phát triển. Đến đời Đường (năm 822) nhà thơ nổi tiếng Bạch Cư Dị (772 - 846) được cử đến đây làm quan, ông cho đắp cao bờ Tây Hồ để tăng lượng chứa nước ngọt, thời Bắc Tống, nhà văn Tô Đông Pha đã đến Hàng Châu làm quan và đã cho khai thông công trình thủy lợi, nạo vét đáy Tây Hồ, lấy đất đắp một con đê dài, mặt đê trồng dương liễu tạo cảnh đẹp. Các con đê đó gọi là đê Tô và đê Bạch, ngày nay ở Hàng Châu còn lưu lại rất nhiều câu chuyện về Bạch Cư Dị và Tô Đông Pha.

Người Trung Quốc có câu "trên trời có thiên đàng, hạ giới có Tô, Hàng" là để nói về vẻ đẹp của hai thành phố Tô Châu (tỉnh Giang Tô) và Hàng Châu (tỉnh Chiết Giang). Cảnh đẹp ở Hàng Châu trước tiên là nhờ có Tây Hồ. Vốn là một vịnh biển bị cát bồi làm tắc, dần dần trở thành hồ trong đất liền nằm ở phía tây của Hàng Châu, được gọi là Tây Hồ. Tây Hồ có chiều dài nam bắc 3,5km, đông tây 2,8km, chu vi 15km, diện tích 5,6km^2. Đê Tô, đê Bạch ngăn mặt hồ thành năm phần: Ngoại hồ, Lý hồ, Nhạc hồ, Tây lý hồ và Tiểu nam hồ. Ngoại hồ có ba đảo nhỏ Tam đàn ấn nguyệt, Hồ tâm đình, Nguyễn công đôn. Cô sơn nối liền với đê Bạch là đảo lớn nhất trong hồ. Quanh hồ có mười cảnh đẹp nổi tiếng: Tuyết tàn đoạn kiều, Trăng thu bình hồ, Trăng in tam đàm, Song phong xuyên mây, Sen gió khúc viện, Xuân sớm Tô đê, Ngắm cá Hoa cảng, Chuông chiều Nam bình, Nắng chiều Lôi phong, Oanh hót sóng liễu.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Xuân sớm Tô đê (Tô đệ xuân hiểu) là cảnh đẹp nhất trong mười cảnh. Con đê Tô Đông Pha cho nạo vét bùn lòng hồ đắp lên dài 2,8km, trên mặt đê trồng rất nhiều hoa đào, dương liễu. Lúc tinh mơ, mặt trăng vừa lặn, xa xa tiếng vọng chuông chùa ngân nga, liễu rủ in hình vào trong sương mờ, núi xanh in bóng trên mặt hồ lấp lánh, tạo nên một bức tranh thủy mạc tuyệt vời.

Đô thị truyền thống Trung Quốc

Cảnh Ngắm cá Hoa cảng (Hoa cảng quan ngư) là nơi khách được ngắm nhìn đàn cá vàng hàng vạn con, đủ loại tung tăng bơi lội dưới hồ. Cảnh Trăng in tam đàm (Tam đàn ấn nguyệt) là nơi ba ngọn tháp trên mặt nước (xây dựng từ thời Tống) thân tháp có năm lỗ tròn, đêm trăng ánh đèn trong tháp lọt qua các lỗ tròn in hình xuống mặt hồ tròn như mặt trăng.

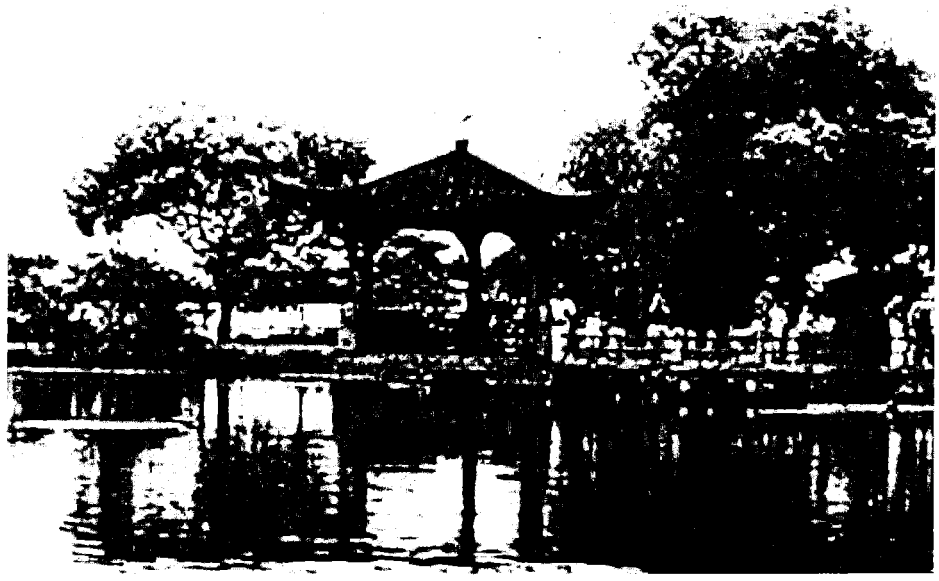






THƯ VIỆN
HUBT

Nhà dân gian Trung Quốc vùng thôn nước Giang Nam





THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vẻ đẹp Tây hồ

Đô thị truyền thống
Trung Quốc

Trong dân gian có truyền thuyết và huyền thoại đẹp về Tây Hồ: Ngọc long (rồng ngọc) và Kim phượng (phượng vàng) nhặt được một viên đá ngọc ở đảo tiên trên sông Ngân, đã mài giũa để viên đá ngọc trở thành một viên minh châu xán lạn, ánh sáng chiếu tới đâu, thì cây cối nơi ấy xanh tốt, trăm hoa đua nở. Việc truyền tới thiên cung, Vương mẫu sai thiên binh, thiên tướng đi cướp viên minh châu. Ngọc long, Kim phượng đòi Vương mẫu trả lại, Vương mẫu không nghe, hai bên giằng nhau kịch liệt làm viên minh châu rơi xuống trần gian, biến thành Tây Hồ sáng trong rực rỡ. Ngọc long và Kim phượng cũng rơi xuống theo và biến thành Ngọc long sơn (tức Ngọc hoàng sơn) và Kim phượng sơn, mãi mãi canh giữ Tây Hồ.

Vẻ đẹp Tây Hồ không chỉ ở hồ, mà còn ở núi. Hồ và núi tôn vẻ đẹp của nhau là một đặc điểm của Tây Hồ, phía Tây Nam có Long Tỉnh sơn, Lý An sơn, Nam Cao phong, Yên Hà lĩnh, Đại Từ sơn, Linh Thanh sơn, Nam Bình sơn, Phượng Hoàng sơn, Ngô sơn gọi chung là Nam sơn. Phía Bắc có Linh ẩn sơn, Bắc Cao phong, Tiên Cô sơn, Thê Hà lĩnh, Bảo Thạch sơn gọi chung là Bắc sơn. Độ cao của núi thường không quá 400m, xen lẫn với những khe động như Yên Hà động, Thủy nhạc động, Thạch ốc động cùng với những dòng suối có tiếng như Hổ bào, Long tỉnh, Ngọc tuyền tăng thêm vẻ nên thơ cho khu hồ.

Thời Nguyên, Hàng Châu là một nơi trấn thủ quan trọng của phương Nam. Nhà du lịch người Italia Marco Polo từng đến Hàng Châu đã ca ngợi nơi đây là "Thiên thành đẹp và phồn hoa nhất thế giới". Từ thời Minh, Hàng Châu trở thành trung tâm tỉnh Chiết Giang, năm 1927 thành phố Hàng Châu được thành lập và duy trì cho đến ngày nay. Vào thời Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, Hàng Châu bị chiếm đóng 8 năm, sau ngày giải phóng Hàng Châu mới được hồi sinh.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hàng Châu không chỉ là thành phố nổi tiếng về phong cảnh mà còn là thành phố có nhiều ngành nghề thủ công phát triển lâu đời như nghề in khắc (ngay từ thời Bắc Tống, đã là một trung tâm khắc in sách quan trọng của Trung Quốc). Sách khắc của Hàng Châu thời Tống còn được lưu giữ rất nhiều đến nay. Hàng Châu cũng là một trong những vùng đất phát minh nghề tơ tằm và dệt lụa, lụa Hàng Châu nổi tiếng trong lịch sử. Bốn ngành công nghiệp chủ yếu của Hàng Châu hiện nay là điện tử, thuốc, chế biến thực phẩm và dệt lụa.



Chùa Linh Ấn

Ngoài ra Hàng Châu còn nổi tiếng về trà và các món ăn bằng cá ở Tây Hồ.

Ngoài thắng cảnh Tây Hồ, Hàng Châu còn có nhiều khu phong cảnh và di tích lịch sử hấp dẫn khách du lịch từ khắp nơi trong và ngoài nước. Họ đến đây bằng đường bộ, đường không, đường thủy trên sông Tiền đường và cả trên kênh Kinh Hàng để được chiêm ngưỡng nhiều khu phong cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng. Những danh lam thắng cảnh ở chung quanh Tây Hồ như Mộ Nhạc Vương (Nhạc Phi và tượng vợ chồng Tần Cối đứng chầu) Cửu Khê Thập Bát Giản, Cô Sơn, chùa Linh ấn, tháp Lục Hòa... Chùa Linh Ấn nằm ở phía Bắc Tây Hồ, ba tầng cao tới 33,6m, được xây từ năm 326 sCn là một trong mười chùa thờ Phật lớn nhất của Trung Quốc. Trong chùa có tượng Phật Thích Ca cao 19m. Đối diện với chùa là núi Phi Lai có rất nhiều hang động, có hơn 300 tượng Phật bằng đá. Đây là một trong những nơi có nghệ thuật hang đá nổi tiếng ở phương nam Trung Quốc. Nằm ở trên núi Nguyệt Luận bên sông Tiền Đường là ngọn tháp Lục Hòa đứng sừng sững. Tháp hình bát giác, kiến trúc bằng gạch và bằng gỗ, gồm13 tầng cao 60m. Trèo lên đỉnh tháp có thể nhìn thấy bao quát được toàn bộ thành phố Hàng Châu.

2. Tô Châu

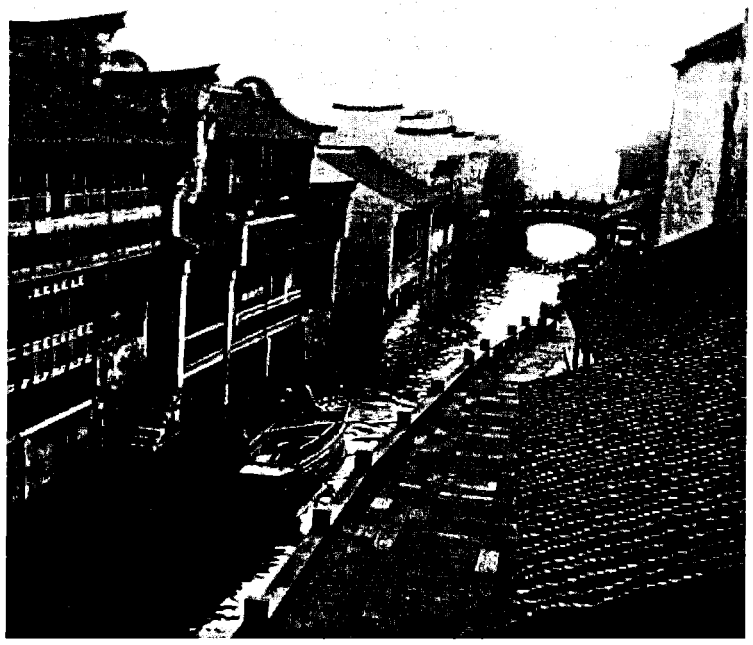
Tô Châu là thành phố cổ nổi tiếng ở vùng Giang Nam, một thành phố văn hóa du lịch với hơn 2500 năm lịch sử. Tô Châu nằm ở giữa bình nguyên Thái Hồ, thuộc tam giác lưu vực Trường Giang, là nơi gặp gỡ của Kinh Hàng đại vận hà và đường sắt Kinh Hồ. Tô Châu với vẻ đẹp hài hòa của điền viên và sơn thủy, được mô tả bằng câu "một sơn, hai thủy, bảy phần điền".

Nằm ở phía Đông Nam tỉnh Giang Tô, phía Đông giáp Thượng Hải, phía Nam giáp Chiết Giang, phía Tây có Thái Hồ và phía Bắc là Trường Giang. Tô Châu là thành phố lịch sử văn hóa nổi tiếng với các khu vườn tư gia. Tô Châu được xây dựng từ thời Xuân Thu, hình thành thời Ngũ Đại, phát triển vào thời nhà Tống và hưng thịnh nhất vào thời nhà Minh. Đến thời nhà Thanh, đã có tới hơn 170 khu vườn tư gia, hiện nay vẫn bảo tồn hoàn chỉnh được 60 vườn. Đây là các vườn nghệ thuật được tạo thành từ các công trình kiến trúc, núi nước, cây cảnh, hội tụ vẻ đẹp tự nhiên, là một trong những di sản quý báu trong kho tàng văn hóa Trung Quốc.

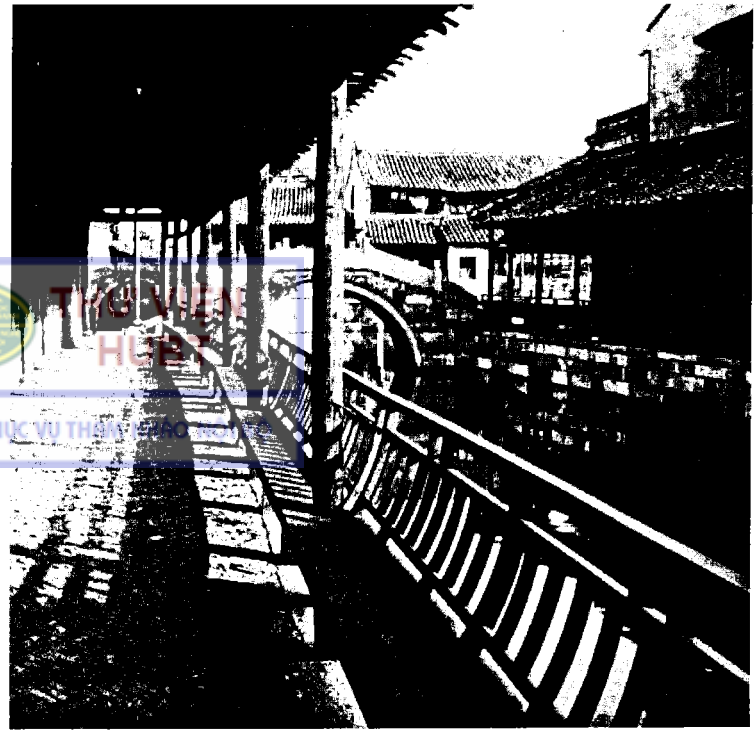
Thành phố Tô Châu nằm ở yết hầu đường sông của hạ du Thái Hồ, Kinh Hàng đại vận hà chảy từ tây lên bắc rồi hướng xuống đông nam, ôm lấy hai mặt tây, nam của thành phố rồi thông với Ngô Giang đến tận Hàng Châu. Chính vì vậy, từ xưa Tô Châu đã phát đạt nhờ vận chuyển đường sông. Xưa kia Tô Châu là cố đô của nước Ngô cổ đại, do vua Hạp Lư khởi dựng. Ở thời Tần Hán, Tô Châu là quận Ngô, đến thời Tùy Văn Đế đổi thành Tô Châu, đến đời Đường là trị sở của châu, thời Minh Thanh thiết lập phủ Tô Châu.

THƯ VIỆN HUBT

Thành phố Tô Châu có rất nhiều sông, ba dòng ngang, bốn dòng dọc tạo thành mạch máu của thành phố, từ xa xưa đã được gọi là "thành phố nước", được mệnh danh là "Vơ-ni-dơ của phương Đông". Bố cục trong thành rất độc đáo với những dòng sông đan ngang dọc như mắt lưới, cùng với nhiều hồ và núi đồi khiến cảnh sắc vô cùng hấp dẫn. Hàng chục đường lớn và hàng trăm ngõ nhỏ chạy song song với sông làm thành hình bàn cờ. Hệ thống giao thông thủy bộ song song này là nét đặc trưng quan trọng nhất của thành phố nước Tô Châu. Các con đường ở trong và ngoài thành thông suốt, thuyền bè và xe cộ đều có thể qua lại thuận tiện. Phía tây nam của thành có cửa kết hợp thủy bộ rất điển hình còn tồn tại cho đến ngày nay. Do đường thủy và đường bộ song song nên nhà dân trong thành đều



Phố sông nước Tô Châu



Phố sông nước Tô Châu

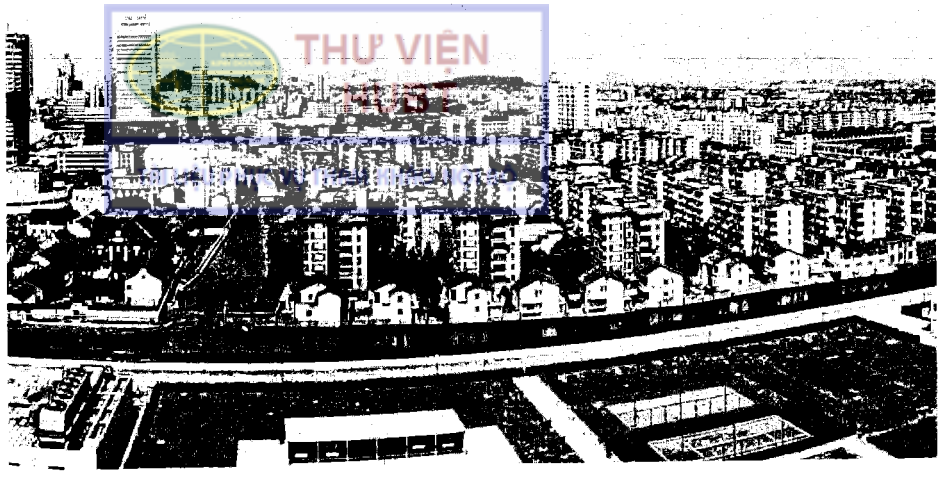
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NGHIÊN CỨU

Đô thị truyền thống Trung Quốc

gần đường và sát sông, trước cửa là đường, sau nhà là sông, nhà nào cũng xây bến bậc đá để đỗ thuyền và lấy nước sinh hoạt.

Tô Châu có nhiều sông cho nên cũng có nhiều cầu. Trên những dòng sông ngang đều có những cây cầu lớn nhỏ. Cầu đã nối liền các đường to ngõ nhỏ, thông suốt khắp nơi. Lên chiếc cầu đá nhỏ xinh xắn là có thể ngắm nhìn và cảm nhận đầy đủ cái hữu tình của phong cảnh Tô Châu. Dòng sông chảy giữa những dãy nhà san sát, sóng đánh dập dờn làm lay động bóng của bức tường, cánh cửa, cảnh ấy thật gợi cảm. Theo dòng sông và ngõ nhỏ nhìn ra xa có thể thấy những dãy núi xa mờ giống như một bức tranh thủy mặc. Có thể nói đường phố tấp nập cùng với sự tĩnh lặng của dòng sông đã tạo nên sự hấp dẫn riêng biệt của Tô Châu.

Tô Châu còn là thành phố của nghệ thuật vườn cảnh với những phong cách riêng thể hiện tinh hoa nghệ thuật làm vườn của vùng Giang Nam từ Tống, Nguyên, Minh, Thanh... Trong vườn cảnh Tô Châu có nhiều loại cây và hoa cỏ được sắp xếp cầu kỳ với thủ pháp tự nhiên: cây cao vươn lên trời hứng nắng chen với màu sắc và hương thơm của hoa cỏ, lấy màu xanh của tre trúc làm nền. Trong vườn tạo núi giả kết hợp trồng hoa cỏ, cây leo tạo cảnh rừng rú thiên nhiên. Người ta còn tạo cả âm thanh giống tự nhiên như tiếng lá xào xạc trong mưa, tiếng thiên nga vỗ cánh trong nước... Tiêu biểu cho vườn cảnh Tô Châu phải kể đến bốn khu vườn cổ nổi tiếng nhất là: vườn Chuyết Chính, vườn Lưu, đình Thương Lãng, rừng Sư Tử.



Khu phố mới Tô Châu

Vườn Chuyết Chính tiêu biểu cho nghệ thuật vườn thời nhà Minh, được xây dựng vào năm 1552. Bố cục tổng thể lấy ao hồ làm trung tâm, lầu, đình, đài, tạ nằm ở xung quanh, toàn bộ cảnh quan nằm trên mặt nước soi bóng xuống mặt hồ. Vườn giữa tập trung tinh hoa của cả vườn đó là: Viễn Hương đường ở giữa, xung quanh đình, đài, lầu, các. Đặc điểm của Viễn Hương đường là trong lòng nhà không có cột mà các cột được bố trí ở bốn hành lang chung quanh. Bốn mặt Viễn Hương đường có lắp cửa kính, từ mỗi khung cửa nhìn ra là một cảnh đẹp khác nhau. Mùa hè, gió đưa hương sen từ các đầm xa đến làm ngây ngất lòng người. Giữa Chuyết Chính viên còn có một kiến trúc kiểu thuyền cạn bằng đá, trong khoang thuyền có một chiếc gương lớn phản chiếu cảnh đẹp xung quanh.

Vườn Lưu là vườn hoa nổi tiếng của đời nhà Thanh , đây là vườn hoa riêng của dòng họ Lưu có kết cấu kiến trúc rất phong phú. Vườn hoa có đầy đủ các thành phần như cầu, hành lang, có cửa sổ thiên nhiên, tường hoa, núi non, sông nước ao hồ, đình, tạ, lầu, các... Vườn chia làm bốn khu: khu giữa là hồ, ao, suối nước; khu bắc đào liễu bạt ngàn, xuân về hoa nở đỏ rực bầu trời, ở đây có một hành lang nối liền các kiến trúc với nhau, quanh co thâm u, mỗi bước là một cảnh đẹp biến hóa; khu đông có những đình, quán, đường, sảnh, hành lang gấp khúc, kiến trúc hùng vĩ, nội thất tinh tế, ở đây còn có ngọn núi Quán Vân Phong (cao 9m) là hòn núi to nhất lấy từ Thái Hồ; khu Tây chủ yếu là núi giả, trên núi có rừng phong, mỗi độ thu về màu vàng choán một góc trời trông rất nên thơ.

Đình Thương Lãng là vườn hoa cổ nhất nằm ở phía Nam thành Tô Châu, nguyên là biệt thự riêng của Tiết độ sứ Tôn Thừa Hựu, thời Ngũ đại, sau nhà thơ Tôn Thuấn Khâm đời Bắc Tống mua lại, xây dựng thành công viên. Đến thời Nam Tống, nơi này trở thành doanh trại của tướng Hàn Thế Trung làm nơi tập luyện quân lính. Đặc điểm lớn nhất của vườn hoa này là có nhiều núi đất, điểm xuyết thêm các tảng đá, trông rất ngoạn mục. Theo các con đường hẻm luồn hang, leo núi, cây cối tre, trúc um tùm khiến du khách có cảm giác như đi vào động tiên. Dọc hành lang có nhiều cửa sổ tự nhiên có hình dáng đa dạng: hình vuông, hình tròn, hình bán nguyệt, lục lăng... Thương Lãng đình mang phong cách các kiến trúc vườn của thời nhà Tống.

Rừng Sư Tử nằm ở phía Bắc Tô Châu, tiêu biểu cho nghệ thuật vườn của thời Nguyên. Vườn này có từ cuối đời nhà Nguyên

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đô thị truyền thống Trung Quốc



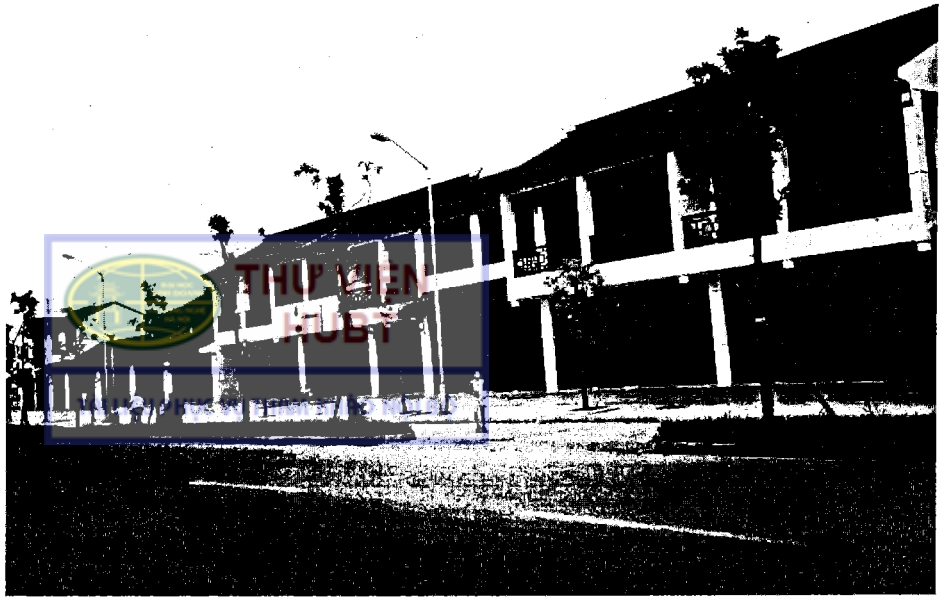
Vườn cảnh Tô Châu

(năm 1342) do nhà sư Thiên Như dựng lên để tưởng nhớ về một sư thầy tên là Trung Phong. Sở dĩ có tên là Rừng Sư Tử vì trong vườn có bố trí những hòn núi, những tảng đá giống hình con sư tử. Các hòn đá này được sắp xếp chồng lên nhau tạo nên nhiều hang động âm u, kỳ ảo như một mê cung. Đặc điểm của vườn là bố cục chặt chẽ, kết cấu tinh tế, phía đông nam là núi, tây bắc là nước, các tòa kiến trúc bố trí ở hai cánh Đông và Bắc như Nhạn Dự Đường, Ngũ Tùng viên, Tiểu Phương sảnh, Kiếm sơn lâu, Vấn Mai các... Trong vườn có một hành lang dài nối các quần thể kiến trúc với nhau. Trên vách hành lang có nhiều bút tích của Tứ đại gia đời Tống: Tô Thức, Hoàng Đình Kiên, Mễ Phất, Thái Nhượng. Giữa các khe núi giả có nhiều cây cổ thụ có tuổi thọ trên 100 năm. Tử Phong là núi đá cao nhất của rừng Sư Tử, trông giống như một con sư tử lớn nằm canh giữ bầu trời.

Ngoài ra Tô Châu cũng còn nhiều thắng cảnh gắn với những câu chuyện lịch sử hấp dẫn như núi Linh Nham gắn với thiên tình sử Phạm Lãi - Tây Thi hoặc chùa Hàn Sơn với bài thơ "Phong kiều dạ bạc" nổi tiếng của nhà thơ đời Đường Trương Kế, đã được dịch ra tiếng Việt mà ai cũng biết:

Trăng tà chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn.





Kiến trúc đường phố Tô Châu





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ ĐỂ THAM KHẢO NỘI BỘ

Gắn kết kiến trúc cây và nước



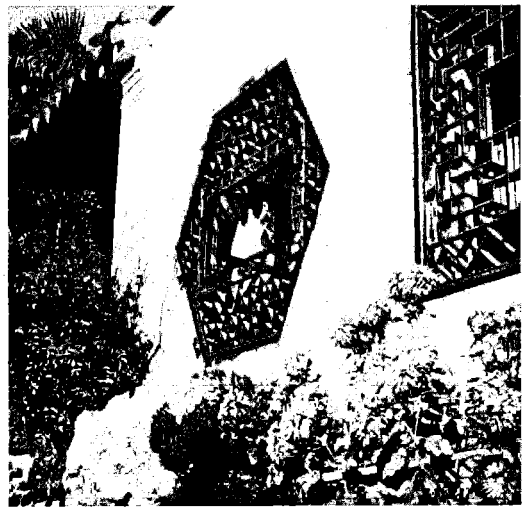


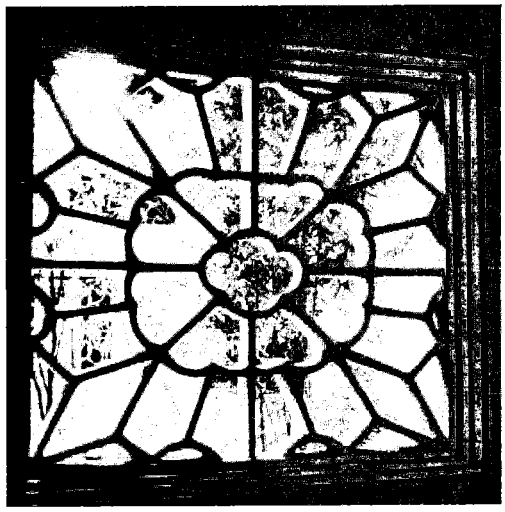




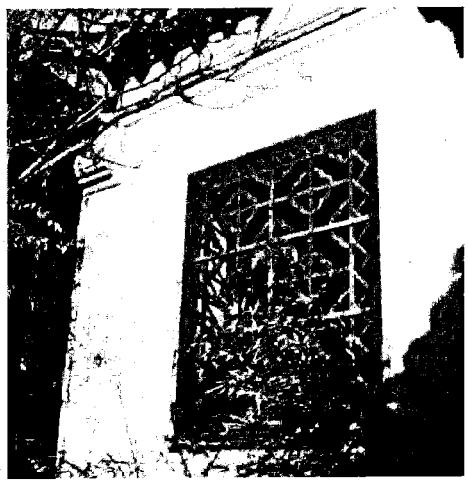
Các tiểu cảnh bố cục đá

THƯ VIỆN HUST
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI









Bố cục
trang trí cửa sổ

THƯ VIỆN HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

3. Vô Tích

Nằm ở phía Nam tỉnh Giang Tô, Vô Tích là thành phố nổi tiếng vùng Giang Nam, gắn với thắng cảnh Thái Hồ. Nếu như Hàng Châu có nền cảnh là Tây Hồ để có được những cảnh quan tựa như "thiên đàng nơi hạ giới" thì Thái Hồ cũng giúp cho Vô Tích có được những "tiên cảnh" như vậy. Một dịp đến thăm Thái Hồ (năm 1961) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài thơ Vịnh Thái Hồ:

Tây Hồ bất tỷ Thái Hồ mỹ
Thái Hồ bất tỷ Tây Hồ khoan,
Ngư chu lai khứ triêu dương noãn
Tang đạo mãn điền, hoa mãn san.

Nhà thơ Khương Hữu Dụng đã dịch bài thơ này ra tiếng Việt:

Tây Hồ khôn sánh Thái Hồ đẹp
Thái Hồ rộng vượt Tây Hồ xa,
Thuyền cá đi về trong nắng sớm
Ruộng đầy dâu lúa, núi đầy hoa.

Về diện tích, Tây Hồ có 5,6km^2 thì Thái Hồ lại rộng tới 2250km^2 (khoảng 400 lần), chu vi khoảng 500km với rất nhiều núi non kỳ thú, ngay trên mặt nước hồ cũng có tới vài chục hòn đảo với nhiều hình vẻ tạo nên những bức họa tuyệt tác của Thái Hồ.


THƯ VIỆN
HUBT

Cảnh đẹp Thái hồ

Đô thị truyền thống Trung Quốc



Kiến trúc truyền thống ở Vô Tích



THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Bờ đá bên Thái Hồ



Công viên Vô Tích

Vào thời Xuân Thu cách nay 2500 năm, Thái Hồ là nơi có nhiều sự kiện lịch sử, một địa điểm thuộc ranh giới hai nước Ngô, Việt. Ngày nay cũng là ranh giới hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang, ở phía nam đồng bằng châu thổ Trường Giang, nơi hội tụ nhiều thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc. Nổi tiếng nhất trong số các hòn đảo ở Thái Hồ phải kể đến Động Đình Đông, Động Đình Tây, Mã Tích, Tam Sơn, Nguyên Đầu Chử... Các lớp núi non tạo nên vẻ đẹp sơn thủy hữu tình, vừa là nơi có nguồn thủy sản dồi dào (hơn 30 loại tôm cá với nhiều giống cá quý như cá bạc, cá quế, cá bạch, tôm trắng...) bóng thuyền và tiếng hát ngư phủ, càng tạo thêm vẻ nên thơ.

Mặt phía bắc Thái Hồ, nơi có thành phố Vô Tích cũng là nơi tập trung nhiều cảnh đẹp làm nên giá trị cảnh quan của thành phố này như hồ Lãi và vườn Lãi, công viên Nguyên Đầu Chử, công viên Tích Huệ, vườn Ký Xướng... Thành phố có tên Vô Tích là do xưa kia có nhiều mỏ thiếc, sau khai thác hết nên gọi là "Vô Tích" (hết thiếc). Một văn bia ở núi Tích còn ghi lại câu chuyện "có thiếc thiên hạ tranh nhau gây loạn lạc, không thiếc sống yên ổn, thiên hạ thái bình" nên Vô Tích lại mang ngụ ý về một cuộc sống thanh bình nơi cảnh đẹp. Cuộc sống ấm no của Vô Tích ngày nay nhờ vựa lúa và vựa cá, nay lại phát triển thêm các ngành công nghiệp nhẹ và các nghề thủ công mỹ nghệ rất phát triển

THƯ VIỆN HUBT

Đô thị truyền thống Trung Quốc

Hồ Lãi còn có tên Ngũ Hồ (Ngũ Lý Hồ) là một phần của Thái Hồ, bờ hồ có vườn Lãi. Tương truyền vào cuối thời Xuân Thu, Triệu diệt Ngô, đại phu Phạm Lãi giúp Việt Vương Câu Tiễn làm xong nghiệp lớn, liền đem theo Tây Thi tới Ngũ Lý Hồ ở ẩn, từ đó hồ này có tên hồ Lãi. Vườn Lãi nằm kề bên và có ba mặt trông ra hồ, được thành phố xây dựng tám khu cảnh quan: Hương Tuyết đồi mai, Oanh hót song liễu, Sớm xuân nam đê, Xem cá suối khúc, Cảnh đẹp ghềnh đông, Hương trời rừng quế, Nghe nhạc phong đài, Ngắm nhìn sóng nguyệt. Trong vườn Lãi có Hồ tâm đình, Vọng hồ đình, Tứ quý đình, cùng nhiều kiến trúc đặc sắc khác. Hành lang chạy dài theo bờ nước khúc khuỷu, có nhiều cửa sổ trang trí hình hoa đặc sắc, tường hành lang có khảm thư pháp Tô Thức, Mễ Phất, Vương Dương Minh. Chung quanh vườn Lãi có di tích thảo đường trên hồ và Cầm ẩn Viên, bờ đông hồ Lãi còn lưu giữ di tích "Cao tử thủy cư" (nơi ở ẩn đọc sách của Cao Phàn Long).

Công viên Nguyên Đầu Chử nằm bên Thái Hồ vốn là bãi cát có hình giống như đầu con ba ba vươn vào trong hồ, nên có tên là Nguyên Đầu Chử (bãi đầu ba ba), là một thắng cảnh lý tưởng cho khách du ngoạn phong cảnh Thái Hồ.

Công viên Tích Huệ ở phía tây thành phố Vô Tích, gồm một phần Tích Sơn và Huệ Sơn, hồ ánh Sơn nối thông hai núi này, diện tích


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Kiến trúc đường phố Vô Tích

công viên khoảng 46ha, là một thắng cảnh quan trọng của thành phố Vô Tích. Công viên có ba khu: khu di tích cổ có chùa Huệ Sơn, dòng suối "đệ nhị thiên hạ", lầu Vân Khởi và nhà núi Trúc Lâu; khu nghỉ ngơi yên tĩnh có Bích Sơn ngâm xã, Ngu Công cốc, ánh Sơn hồ và Xuân Thân giản; cuối cùng là khu hoạt động vui chơi ở chân núi phía nam Tích Sơn.

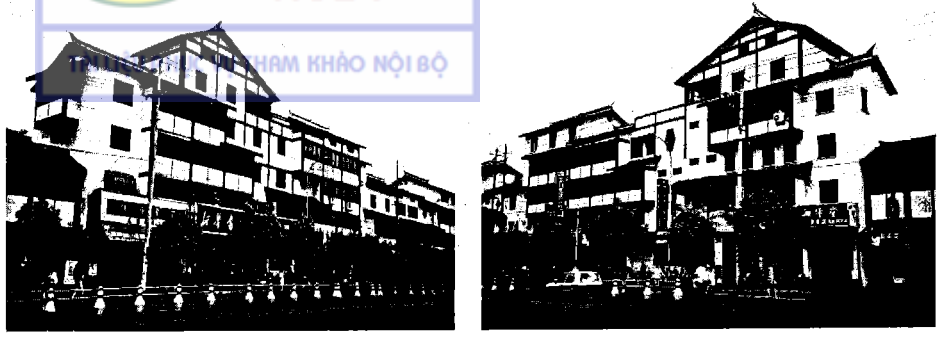
Vườn Ký Xướng ở chân núi phía đông Huệ Sơn, cạnh công viên Tích Huệ, là khu vườn cổ nổi tiếng Giang Nam. Vườn chia làm hai phần đông và tây, phía đông có Thủy Lang, Thủy Trì, phía tây là cây cối núi giả.

Ngoài ra, những "thành điện ảnh truyền hình" của Đài truyền hình Vô Tích bên bờ Thái Hồ, như "thành Đường", "thành Âu Châu", "thành Tam Quốc" cũng trở thành những thắng cảnh cho khách tham quan và du lịch.

Núi Mã Tích ở phía bắc Thái Hồ, phía tây Nguyên Đầu Chử và Tam Sơn, là nơi Tần Thủy Hoàng vào dịp tuần thú phương nam từng nghỉ chân đã phong cho con ngựa ông cưỡi làm "chúa núi", ngựa hóa thần sung sướng tung vó để lại dấu móng dưới núi nên có tên là núi Mã Tích. Cũng tại núi này, xưa quân hai nước Ngô, Việt đã đánh nhau quyết liệt, Quang Vũ đế Lưu Tú thời Đông Hán cũng từng lánh nạn tại đây...

Ngày nay Vô Tích là thành phố trực thuộc tỉnh, có diện tích 4650km^2 với số dân khoảng 4,3 triệu người, là một trung tâm kinh tế và du lịch trọng điểm, Vô Tích cũng được nhà nước phê chuẩn là khu mở mang kỹ thuật vùng duyên hải với các ngành dệt, tơ lụa, bột mì, nghiền gạo.

THƯ VIỆN HUBT
THAM KHẢO NỘI BỘ



Kiến trúc đường phố Vô Tích

4. Thượng Hải - Vẻ đẹp phương Đông

Thượng Hải là thành phố công nghiệp lớn nhất của Trung Quốc, cũng là một trong những thành phố lớn của thế giới. Thượng Hải nằm ở bờ nam Trường Giang, sông Hoàng Phố và sông Ngô Tùng chảy xuyên qua thành phố. Là cửa sông lớn Trường Giang, Thượng Hải còn là giao điểm của hai tuyến đường sắt nam - bắc và đông - tây, có vị trí hết sức quan trọng. Ngay từ triều Tống, Thượng Hải đã được xây dựng thành trấn Thượng Hải, đời Nguyên đưa lên thành huyện. Năm 1842, trong "Điều ước Nam Kinh" quy định Thượng Hải là "Thương Phụ" (bến sông buôn bán) của các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản. Năm 1928 xây dựng thành thành phố Thượng Hải.

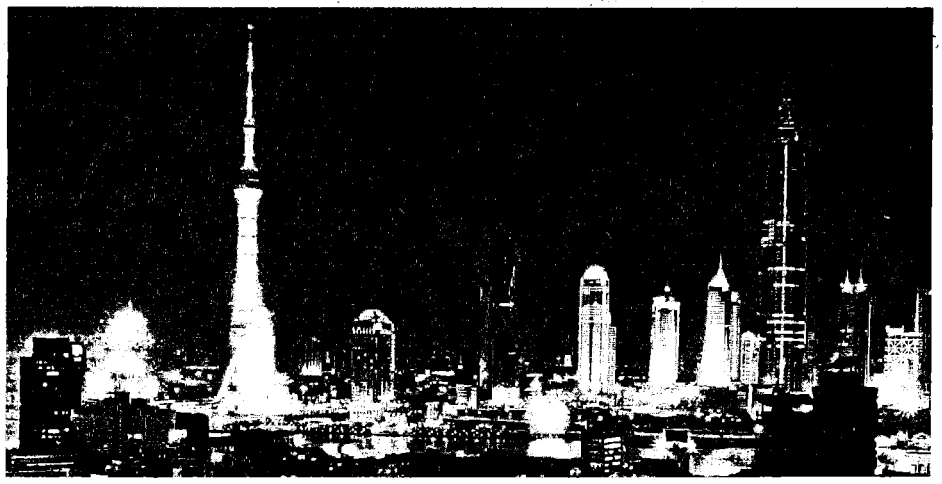
Trước năm 1949, Thượng Hải là một thành phố nửa thực dân, nửa phong kiến điển hình. Trong thời gian khá dài, thành phố là cơ sở để bọn đế quốc khống chế kinh tế, chính trị Trung Quốc, là nơi ăn chơi của người nước ngoài, nơi tập trung bọn địa chủ, mại bản, quan liêu Trung Quốc. Tuy vậy Thượng Hải lại là một trong những thành phố phát triển công nghiệp sớm nhất của Trung Quốc, một đầu tàu thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở Trung Quốc.

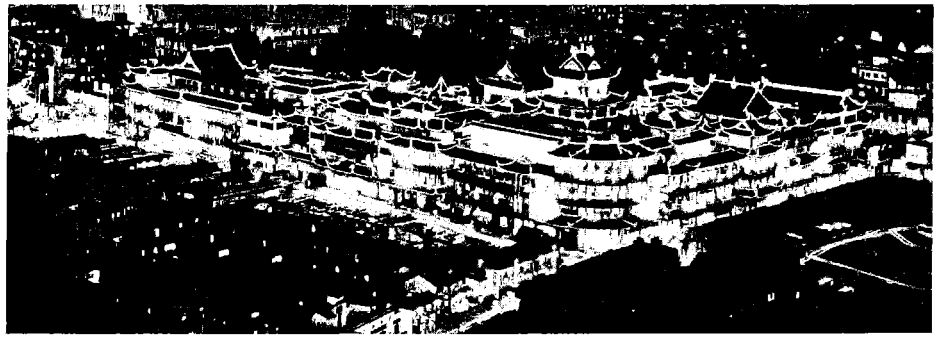
Sau ngày giải phóng, bộ mặt Thượng Hải có nhiều biến đổi lớn. Đã xây dựng nhiều nhà cao tầng, đường sá được mở rộng, cây xanh được trồng khắp phố phường, những khu đất cấm của đế quốc trước đây đã trở thành vườn hoa để nhân dân dạo chơi sau những ngày lao động mệt nhọc.

Thành phố Thượng Hải là đầu mối giao thông, cửa khẩu buôn bán với nước ngoài và là thành phố công thương nghiệp lớn nhất của Trung Quốc. Thượng Hải cùng với Bắc Kinh, Thiên Tân, Trùng Khánh là các thành phố trực thuộc Trung ương.

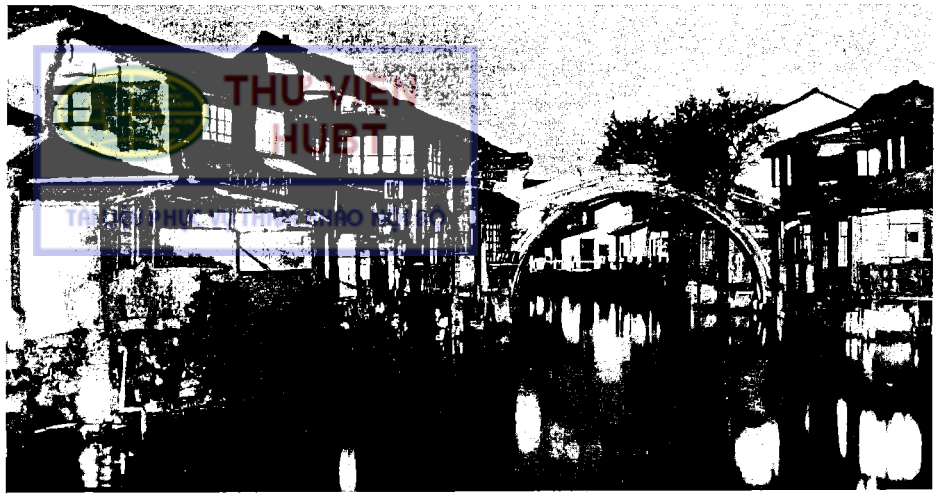
Thành phố nằm ở điểm giữa bờ biển phía đông của Trung Quốc, nơi sông Trường Giang đổ ra biển. Phía đông giáp Đông Hải, phía bắc giáp Trường Giang, phía nam giáp vịnh Hàng Châu, phía tây giáp các tỉnh Giang Tô và Triết Giang. Chiều nam bắc dài khoảng 120km, chiều đông tây rộng khoảng 100km, diện tích toàn thành phố là 6341km^2 gồm 14 khu 6 huyện, tổng dân số hơn 15 triệu người.

Nằm ở phía nam sông Trường Giang, nơi cửa sông đổ ra biển, vùng đất Thượng Hải thuộc châu thổ con sông này nên địa hình thấp, bằng phẳng. Vùng đồng bằng phì nhiêu này từ xưa đã có dân cư sinh sống, trồng lúa và đánh bắt cá.





*Vẻ đẹp rực rỡ của kiến trúc hiện đại
và vẻ đẹp lung linh của kiến trúc truyền thống*



Nhà cửa trên kênh rạch một làng ngoại thành của Thượng Hải

THƯ VIỆN HUBT

Đô thị truyền thống
Trung Quốc

Qua hơn bảy thế kỷ từ khi vùng này lập huyện, Thượng Hải nay đã là một "siêu đô thị" của Trung Quốc với số dân hơn 16 triệu người.

Là đầu mối giao thông chính của một vùng kinh tế năng động, Thượng Hải cũng là trung tâm công nghiệp và văn hóa, khoa học phát triển nhất của Trung Quốc. Kiến trúc hiện đại phát triển rực rỡ nhưng kiến trúc truyền thống vẫn được lưu giữ, tạo nên vẻ đẹp lung linh huyền ảo của Phương Đông.

Thành phố Thượng Hải có độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 4m, địa thế bằng phẳng, núi thấp và nhỏ, chỉ ở phía tây bắc có Dư Sơn, Thiên Mã Sơn đều cao dưới 100m. Phía bắc nơi cửa sông Trường Giang có ba hòn đảo và một số bãi cát bồi, đó là các đảo Sùng Minh, Trường Hưng và Hoàng Sa. Đảo Sùng Minh chiều đông tây khoảng hơn 80km, chiều nam bắc khoảng 10 - 15km, diện tích khoảng 1100km^2, là đảo lớn thứ ba của Trung Quốc. Trường Hưng chiều đông tây dài khoảng 21km. Đảo Hoàng Sa nằm ở phía đông đảo Trường Hưng, diện tích khoảng 42km^2.

Sông tự nhiên ở Thượng Hải khá dày đặc, phần lớn thuộc lưu vực Thái Hồ, các con sông chính là Hoàng Phố, sông Tô Châu.

Từ 6 - 7 ngàn năm trước, phần phía tây của Thượng Hải được bồi đắp bởi trầm tích của vùng biển nông và phù sa của sông Trường Giang. Thời Xuân Thu chiến quốc, lần lượt là địa hạt của nước Ngô, nước Việt và nước Sở. Đời nhà Tần, ở huyện Kim Sơn bây giờ là huyện Hải Diêm, huyện Côn Sơn hiện nay là huyện Mâu, sau đổi thành huyện Lâu. Hồi đó khu vực Thượng Hải được chia làm hai huyện. Cuối đời Bắc Tống, tàu thuyền trên biển thường đậu ở Thượng Hải phố, một nhánh sông của sông Ngô Tùng, từ đó một thị trấn nhỏ ở bờ phía tây trở thành nơi tập kết hàng hóa và được gọi là "Thượng Hải". Năm Hàm Thuận thứ 3 đời Nam Tống (năm 1267), Thượng Hải chính thức trở thành thị trấn. Đời Nguyên (năm 1290) thành lập huyện Thượng Hải. Sau chiến tranh nha phiến, Thượng Hải trở thành hải cảng thông thương với nước ngoài, các nước Anh, Mỹ, Pháp kéo tới mở tô giới. Sau cách mạng Tân Hợi 1913 chính phủ quân phiệt Bắc Dương thành lập trấn thủ sứ ở Thượng Hải. Năm 1927, chính phủ Quốc dân đảng mở rộng Thượng Hải thành thành phố. Từ năm 1930, Thượng Hải đã là thành phố trực thuộc Trung ương.

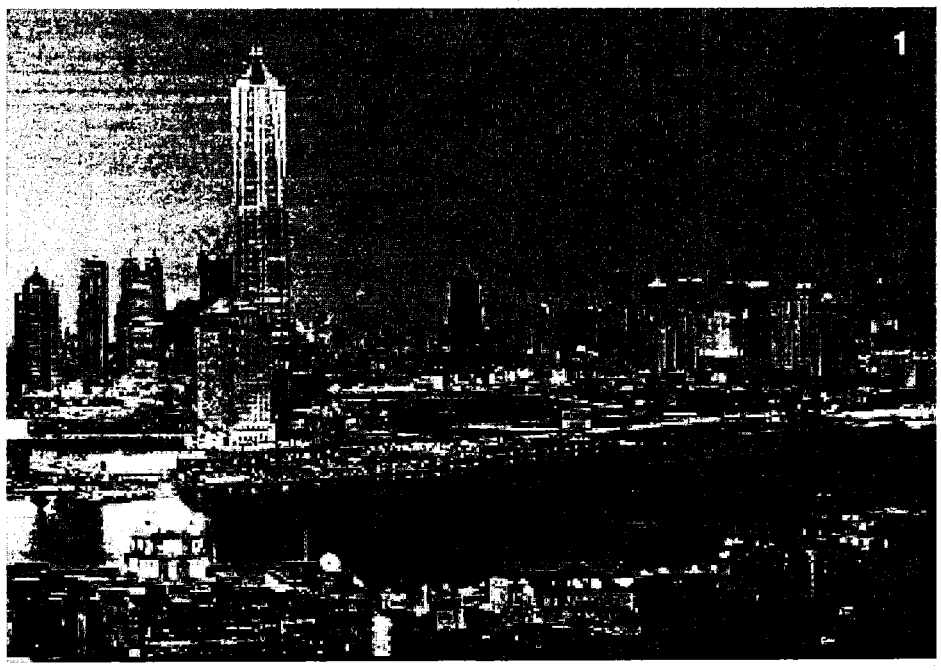
Hiện nay, Thượng Hải là trung tâm công nghiệp, kinh tế lớn nhất của Trung Quốc. Các ngành công nghiệp chính là sắt thép, hóa dầu,

ô tô, máy bay, thiết bị nhà máy điện, công nghiệp điện tử. Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng của Thượng Hải cũng có uy tín lớn trong nước và trên thế giới.

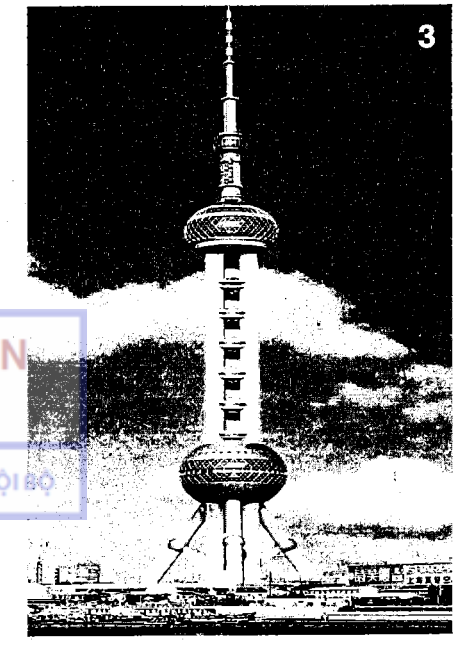
Từ năm 1990, chính phủ Trung Quốc chủ trương mở mang khu phố Đông của Thượng Hải. Phố Đông có diện tích 350km^2, là khu kinh tế mở lớn nhất thế giới. Khu phố Đông nằm ở bờ đông sông Hoàng Phố, bao gồm bốn bộ phận chính: tiểu khu tiền tệ mậu dịch Lục Gia Thủy, tiểu khu chế xuất Kim Kiều, tiểu khu miễn thuế Cao Kiều và tiểu khu công viên khoa học kỹ thuật cao Trường Giang. Trong khu Lục Gia Thủy tập trung tới 70 ngân hàng trong nước và nước ngoài. Khu chế xuất Kim Kiều thu hút 312 hạng mục đầu tư nước ngoài bao gồm các ngành vi điện tử, điện gia dụng, viễn thông, xe hơi, riêng ngành chế tạo xe hơi của Phố Đông có thể sản xuất tới 10 vạn chiếc một năm. Hiện nay tập đoàn gang thép Phố Đông đã liên doanh với hãng Crúp (tập đoàn thép không rỉ nổi tiếng của Đức) mỗi năm sản xuất được 40 vạn tấn thép không rỉ. Khu miễn thuế Cao Kiều hiện có mặt chi nhánh của 10 Công ty đa quốc gia nổi tiếng như Công ty Intel, IBM của Mỹ, Công ty Philips của Hà Lan... Phố Đông được nối với phía tây bởi cầu dây Dương Phố có chiều dài tổng cộng 7658m (cầu chính dài 1176m, khoang cầu dài 602m, tháp dây cao 208m với trụ hình chữ Y ngược, 256 sợi dây cáp màu vàng tạo hình cánh quạt làm cho cây cầu có dáng vẻ hùng vĩ). Ngoài ra còn có cầu Nam Phố với phần cầu chính dài 8346m, khoang chính dài 423m, tháp dây hình chữ H cao 150m, 180 sợi dây cáp chắc chắn. Hai cây cầu này đã nối liền phố Đông và phố Tây và được mệnh danh là "Phố giang song Kiều" (Hai cây cầu trên sông Phố). Tháp truyền hình Đông Phương Minh Châu (viên ngọc sáng của Phương Đông) nằm ở khu Lục Gia Thủy, cao 486m, được tạo hình và kết cấu rất đặc biệt, dựng trên 3 cây cột bê tông cốt thép mỗi cột có đường kính tới 9m, tạo thành một kết cấu không gian đồ sộ, phía trên có 3 quả cầu bằng thép có đường kính lần lượt là 50m, 45m, 16m rất hùng vĩ và tráng lệ.

Thượng Hải trải qua một giai đoạn khá đặc biệt trong lịch sử Trung Quốc. Đó là vào giữa thế kỷ 19, cuộc "Chiến tranh Nha phiến" (chiến tranh Thuốc phiện) vào năm 1842 tạo hoàn cảnh để chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm nhập Trung Quốc qua cửa ngõ Thượng Hải.

Trung Quốc đã phải dành một phần đất Thượng Hải cho các thế lực đế quốc, gọi là "tô giới quốc tế". Tại đây các nước phương Tây





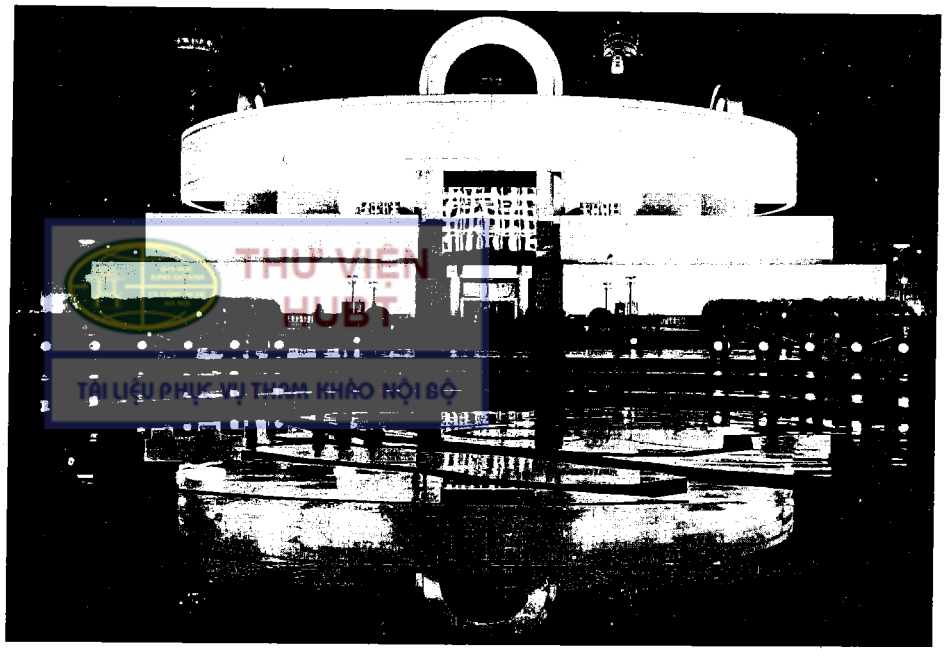


THƯ VIỆN HUBT

1 - Toàn cảnh khu phố đông, tòa nhà Tháp Kim Mậu có độ cao vượt trội
2 - Ban đêm các khối cầu sáng long lanh như viên ngọc, từ đó tháp có tên "Ngọc sáng phương đông"
3 - Tháp truyền hình Đông Phương Minh Châu ở khu phố Đông



*Tòa nhà bảo tàng
và triển lãm về quy hoạch
thành phố Thượng Hải*



Vẻ đẹp rực rỡ nhà bảo tàng Thượng Hải

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO HỘI BỘ

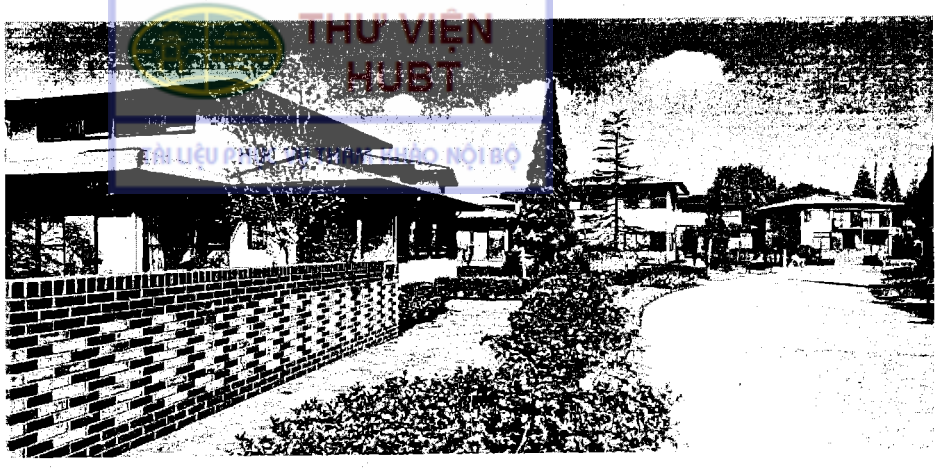
xây dựng công trình cho hoạt động của mình theo phong cách kiến trúc ở quê hương họ. Vì thế ngày nay ta còn thấy ở Thượng Hải rất nhiều kiến trúc theo kiểu châu Âu.

Từ đó mà trong cấu trúc đô thị Thượng Hải ngày nay, ngoài khu nhà cũ của người dân sở tại còn thấy rõ các khu "tô giới quốc tế": Pháp có một khu riêng, còn lại là khu của Anh, Mỹ và Nhật. Dấu ấn kiến trúc của những nước này đã tạo nên một sự đa dạng trong khu phố cũ của Thượng Hải.

Khu Hoàng Phố là trung tâm tài chính, thương mại và văn hóa của Thượng Hải, ở đây có đường phố Nam Kinh được xem là "tủ kính bày hàng" của Thượng Hải, đường Phúc Chân là phố văn hóa, đường Bắc Kĩnh Đông là phố ngũ kim, đường Kim Lăng Đông là phố bách hóa. Đường Nam Kinh dài 5,5km, hai bên có hơn 360 cửa hàng, là phố buôn bán số một của Trung Hoa. Đây là phố buôn bán sớm nhất ở Thượng Hải, hiện vẫn còn một số cửa hàng có lịch sử hàng trăm năm như cửa hàng kính mắt Hồ Lương Tài, cửa hàng dao kéo Trương Tiểu Tuyền, cửa hàng Thiệu Vạn Sinh Nam, cửa hàng bán sách tranh nghệ thuật Đóa Vân Hiên. Các cửa hàng: bách hóa số một Thượng Hải, cửa hàng Hoa Kiều, cửa hàng thực phẩm số một, cửa hàng đồ mỹ nghệ, cửa hàng Hoa Liên đều là những cửa hàng rất nổi tiếng.

Khu Hoàng Phố có khách sạn quốc tế, khách sạn Hòa Bình, khách sạn Hoa Kiều, rạp chiếu phim Đại Quang Minh, thư viện Thượng Hải, khu vui chơi Đại thế giới, công viên nhân dân, quảng trường nhân

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ LƯU HÀNH NỘI BỘ



Nhà ở trong khu Tô Giới

dân, phòng hòa nhạc Thượng Hải. Quảng trường nhân dân có lịch sử 132 năm, là địa điểm công cộng rộng lớn nhất Thượng Hải. Đại lộ nhân dân rộng 91m chạy suốt chiều đông tây của quảng trường, phía bắc quảng trường là Tòa Thị chính cao 75m, phía nam là Viện Bảo tàng mới của Thượng Hải có qui mô đồ sộ. Nằm ngầm dưới quảng trường là trạm biến áp, ga xe điện ngầm và một phố buôn bán đa chức năng dài hơn 300m. Trên quảng trường có đài phun nước, đường cây xanh rộng rãi, thảm cỏ lớn, các tiểu cảnh cây xanh kết hợp với kiến trúc nhỏ làm cho quảng trường nhân dân trở thành trung tâm du lịch rất đặc sắc ở Thượng Hải.

Đại lộ Ngoại Than ở khu Hoàng Phố dài khoảng 2000m, nằm ở phía tây sông Hoàng Phố cũng là một thắng cảnh đặc sắc. Phía đông là sông Hoàng Phố cảnh sắc đẹp với tàu thuyền tấp nập. Phía tây là những tòa cao ốc chạy dài suốt phố. Các công trình kiến trúc ở đây muôn hình muôn vẻ, phong cách rất khác nhau, có loại theo kiểu cổ Hy Lạp, có loại theo kiểu Gô Tích, có loại theo kiểu Tây Ban Nha... Các công trình kiến trúc được bảo vệ nguyên vẹn này khiến cho người ta có cảm giác như là được bước vào phòng triển lãm về nghệ thuật kiến trúc của thế giới. Về phía nam có đài phun nước phát tiếng nhạc càng làm cho phong cảnh thêm sinh động. Những tòa nhà cao và cảnh sắc xinh đẹp của sông Hoàng Phố đã trở thành biểu tượng phong cảnh của thành phố Thượng Hải. Phía trước tòa nhà Hải quan là chiếc đồng hồ thác nước điện tử có tên là "bước đi thời gian" dài 27m, cao 3,5m, những cột nước phun ra từ hơn 1000 vòi nước được điều khiển bằng máy tính tạo thành những con số cứ lần lượt hiện lên giờ của các thành phố lớn. Đầu phía đông đường Nam Kinh nối với bãi sông Ngoại Than có tượng Trần Nghị, chủ tịch đầu tiên của thành phố Thượng Hải sau giải phóng. Vào ngày lễ tết, cảnh sắc ban đêm của bãi sông Ngoại Than lung linh rực rỡ với cách chiếu sáng đầy tính nghệ thuật.

THƯ VIỆN HUẾ
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ở phía nam thành phố có công viên cổ rất nổi tiếng, đó là Dự Viên xây dựng vào đời Minh được lưu giữ hoàn chỉnh, là di tích văn hóa trọng điểm cấp quốc gia. Dự Viên vốn là vườn hoa tư nhân của một người Thượng Hải tên là Phan Doãn Đoan, có diện tích hai héc-ta, với hơn 30 cảnh sắc lớn nhỏ. Toàn bộ Dự Viên được ngăn cách bằng tường rồng, vào vườn đầu tiên là qua tòa Tam Huệ Đường, tiếp theo là tòa Ngưỡng Sơn Đường xây theo lối kiến trúc thủy các, góc phía đông bắc là Điểm Xuân Đường. Năm 1853 cuộc khởi nghĩa của

Đô thị truyền thống Trung Quốc





Nhà kiểu Âu ở khu Tô Giới

Hội Tiểu Đao Thượng Hải đã cho xây dựng sở chỉ huy ở đây, nay là phòng trưng bày lịch sử khởi nghĩa Hội Tiểu Đao Thượng Hải. Giữa vườn phía trước Ngọc Hoa Đường là một hòn đá ngọc rất đẹp, đó là một hòn đá lạ ở Thái Hồ cao khoảng 9m, tạo hình đẹp. Dự Viên có vẻ đẹp được sánh ngang với các vườn danh tiếng ở Tô Châu.

Gắn liền với khu phố cổ của thành phố Thượng Hải, khách du lịch có thể đến thăm và chiêm ngưỡng kiệt tác này của nghệ thuật vườn cảnh Trung Quốc, đó là Dự Viên. Công trình vốn là vườn cảnh tư gia một gia đình quan lại giàu có, được tạo bởi bàn tay tài hoa của các nghệ nhân nửa cuối thế kỷ 16. Phía trước cổng vào Dự Viên có một kiến trúc đặc sắc nổi trên mặt nước hồ Tâm Đình, đó là Huê Văn Lâu, có nghĩa là lầu văn đẹp đẽ. Khách đi vào lầu qua chiếc cầu độc đáo gọi là cầu Cửu Khúc (cầu dích dắc chín khúc).

Mặt nước và đá thiên nhiên là nguyên liệu chính tạo hình cho vườn cảnh, từ đó gắn kết các chòi nghỉ và cầu đá dẫn dắt khách thăm cảnh này đến cảnh khác.

Quá trình tạo tác vườn cảnh Dự Viên kéo dài 18 năm với một đội ngũ thợ đã có nhiều kinh nghiệm làm vườn cảnh ở vùng Giang Nam.

Vườn là nơi tĩnh dưỡng của gia đình và nhất là người cao tuổi nên luôn có không khí tĩnh lặng. Khuôn viên rộng hai héc ta được tạo tác khéo léo, "mỗi bước đi hiện ra cảnh mới", khiến người vào thăm cảm thấy rộng mênh mông, "đi mãi không hết".

Bến cảng của Thượng Hải mỗi năm hàng hóa lưu thông là 100 triệu tấn, cảng đã được đổi mới và tái phát triển, xây dựng thêm nhiều các cầu tàu. Sân bay Hồng Kiều ở phía Tây Nam đã được xây dựng để trở thành sân bay quốc tế lớn và hiện đại.

Hướng phát triển của quy hoạch đô thị Thượng Hải nhằm vào hai trọng điểm: phát triển kiến trúc dọc theo trục Đông - Tây và quy hoạch khu Phố Đông. Trục Đông - Tây Thượng Hải trong đó có các khu Nhượng địa cũ, với sự chú ý phát triển đến quy hoạch của nó trong thời gian hiện nay, đã là tâm điểm của những khu phố đô thị phồn hoa đô hội nhất. Sự mở rộng và nối dài trục đô thị Đông - Tây Thượng Hải cũng là minh chứng cho tính ưu việt của các hệ thống không gian này so với trục Bắc - Nam.

Quy hoạch khu khai thác mới Hoàng Phố và xây dựng, hiện đại hóa khu vực này chỉ trong hơn 10 năm là do các ưu thế địa lý vì có nhiều không gian mở và độc lập, liên hệ thuận tiện với khu trung tâm. Phố Đông còn có tính ưu việt khác, đó là chiến lược bảo đảm sự phát

Đô thị truyền thống Trung Quốc

triển phân tâm của Thượng Hải, bảo đảm cho việc phát triển của Phố Đông cũng như tái phát triển khu vực Thượng Hải cũ, đây cũng chính là nơi có thể đáp ứng được những yêu cầu cao và khắt khe được đòi hỏi từ các phương cách quy hoạch và thiết kế đô thị mới. Phố Đông được coi là phần quan trọng của Đô thị mới Thượng Hải, một phần cô đọng nhất của thành tựu xây dựng Trung Quốc hiện nay.

Các mục tiêu được xem là chiến lược mới khác về quy hoạch đô thị Phố Đông là phát triển một quỹ đất mới với tư cách là một đối trọng của Thượng Hải, trong đó có cả xây dựng cảng mở Cao Kiều, xây dựng sân bay quốc tế mới, các khu công nghiệp High-Tech, các trung tâm văn hóa và thông tin mới, khu hội chợ quốc tế, các hội chợ hoa và các công viên (công viên chính của Phố Đông rộng tới 160ha).

Trong khi đó việc khai thác khu Hồng Kiều với các hình thức kiến trúc mới mẻ và sân bay Hồng Kiều cũng đang chứng tỏ rằng sự hoàn thiện của khu quy hoạch mới này là cực kỳ quan trọng cho Thượng Hải.

Ở vành ngoài đô thị là các quận lớn chạy theo chiều kim đồng hồ, xuất phát từ phía Đông: Nam Huy, Mẫn Hàng, Phong Huyện, Kim Sơn, Tùng Giang, Thanh Phố, Gia Định và Bảo Sơn.

Xa hơn về phía Tây, Thượng Hải có các đô thị cổ nổi tiếng như Hàng Châu, Tô Châu, Vô Tích và các thị trấn nhỏ hơn đã cùng hòa với đô thị Thượng Hải để trở thành một hệ thống đô thị đồng bộ hoàn chỉnh. Xa hơn nữa còn có sự góp mặt của đô thị Nam Kinh, một thành phố thủ đô cũ của Trung Hoa và cũng là một trung tâm đô thị lớn.

Đô thị Thượng Hải đã giải quyết được vấn đề giao thông bằng cách hoàn thiện các đường vành đai và đường trục Bắc - Nam, là hệ thống đường chạy trên cao, giao cắt với giao thông nội đô bằng vác nút lập thể, Thượng Hải đang phát triển các tuyến xe điện ngầm hiện đại.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thành tựu quy hoạch và kiến trúc đô thị ở Thượng Hải đã giúp cho thành phố đạt được những mục tiêu quan trọng:

- Xây dựng một nền kiến trúc mới đẹp và đa dạng thể hiện được một đại đô thị Thượng Hải hùng vĩ và tráng lệ.

- Xây dựng một hệ thống hạ tầng đẳng cấp cao, đặt cơ sở vững chắc cho việc phát triển đô thị hiện đại hóa lâu dài.

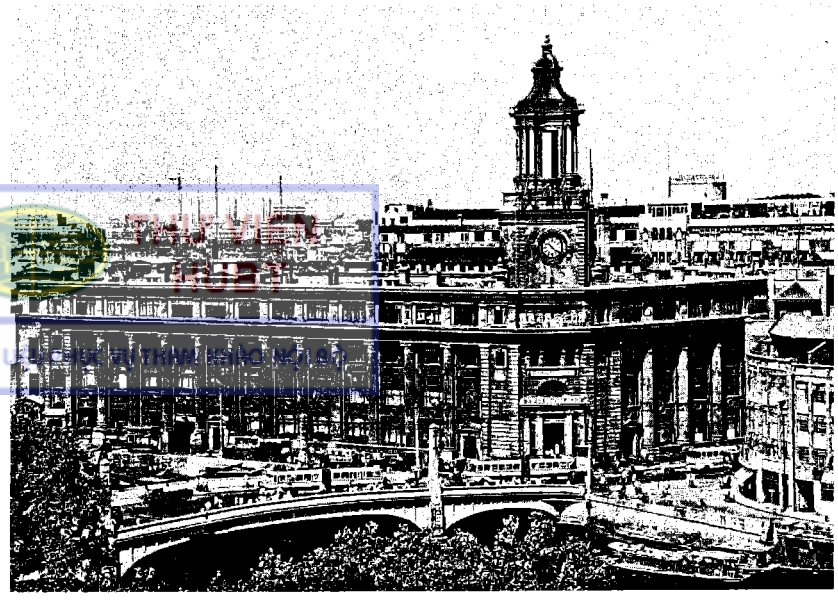
- Xây dựng một môi trường sống đô thị hoàn thiện cho thế kỷ XXI, hướng tới một nền kiến trúc đô thị bền vững.

Từ lâu, Thượng Hải đã chuẩn bị cho một "Nền kiến trúc mới xuyên thế kỷ". Đường bờ sông Hoàng Phố, nơi trước đây phô bày sự đồ sộ

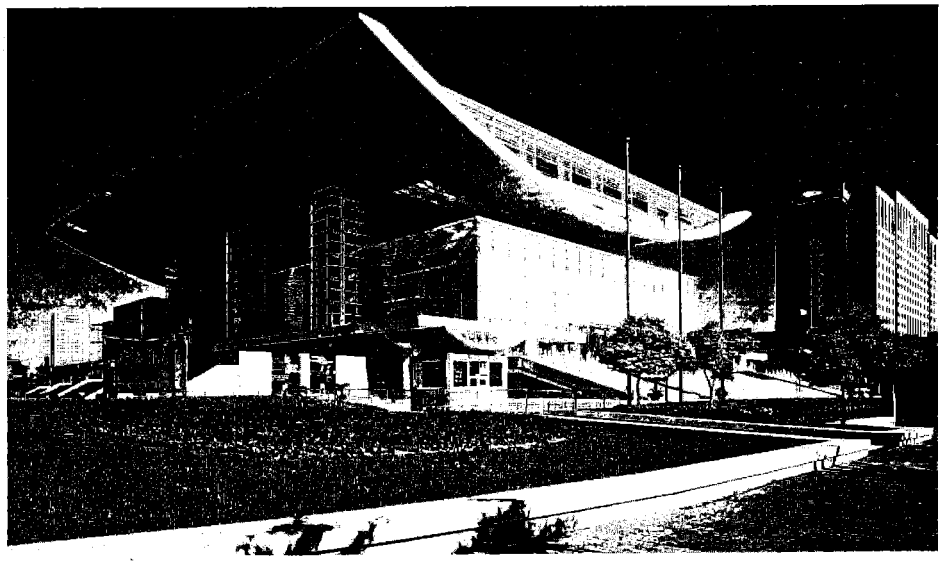
và hoành tráng của kiến trúc thực dân, nay được chỉnh trang lại, qua các tác phẩm thiết kế đô thị tiêu chuẩn cao, cảnh ban ngày hay ban đêm đều rất hấp dẫn. Đường Nam Kinh, một con đường thương nghiệp cao cấp, đã trở thành một tuyến đường đi bộ ngoạn mục, xứng đáng là "Chiếc tủ kính trưng bày thành tựu của nền kinh tế Trung Quốc".



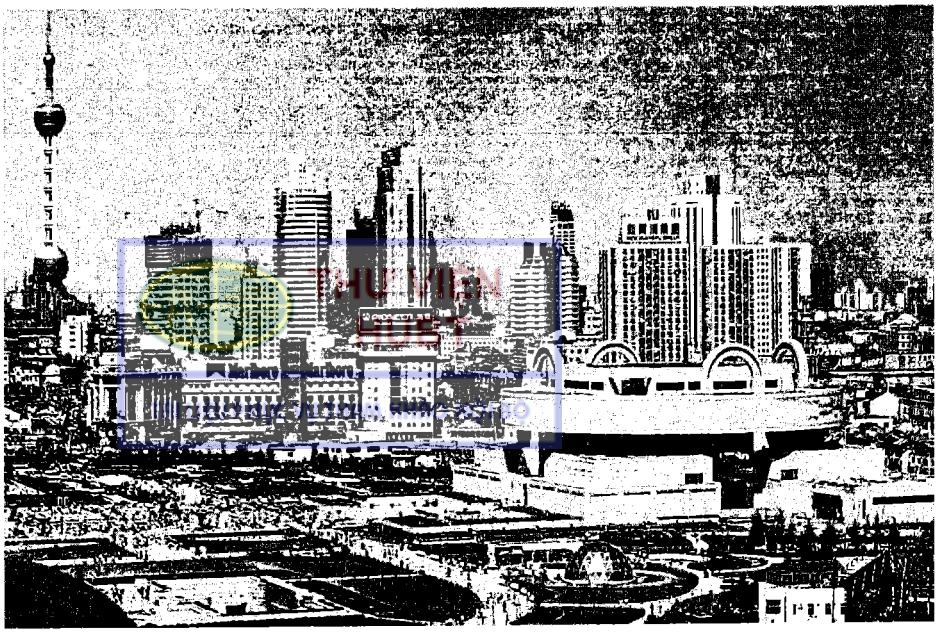
Nhà lưu niệm về ông Tôn Trung Sơn



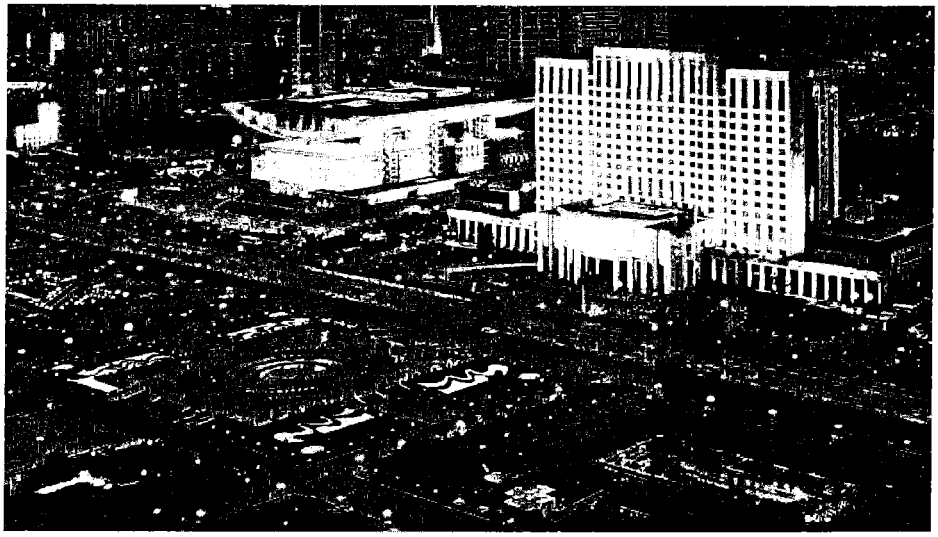
Tòa nhà bưu điện quốc tế
một kiến trúc mang phong cách cổ điển châu Âu



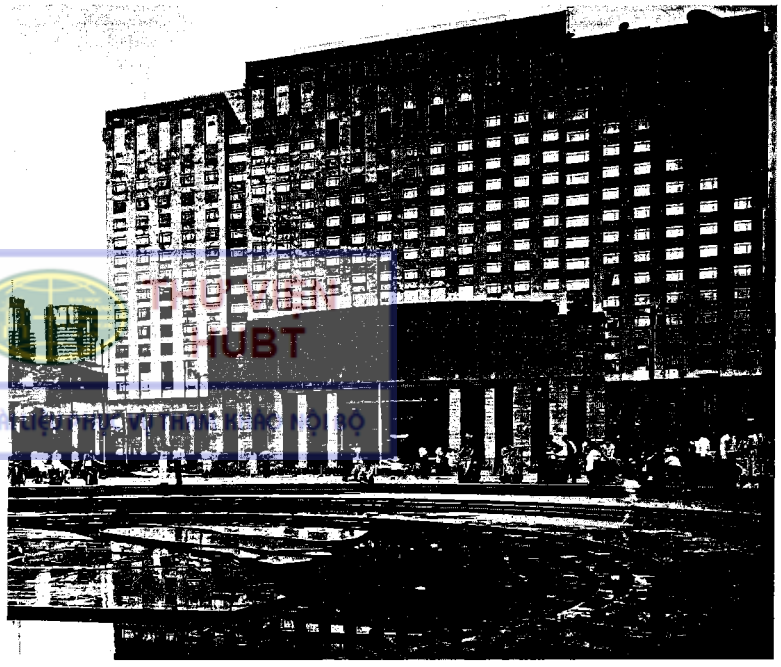
Nhà hát vũ kịch đánh dấu một bước phát triển của kiến trúc hiện đại, có thể sánh tầm với kiến trúc hiện đại thế giới



Toàn cảnh phần phía Nam quảng trường nhân dân

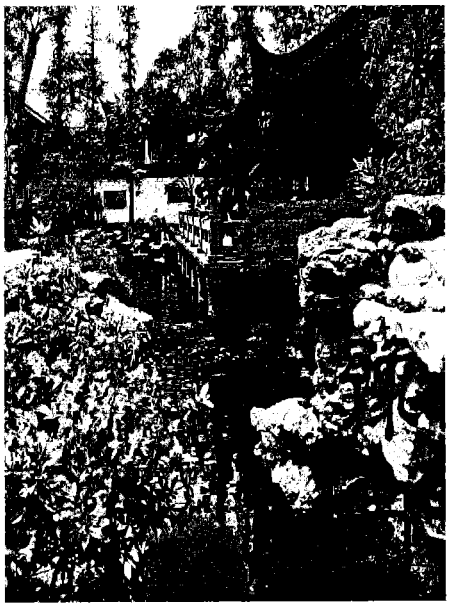


Quảng trường nhân dân được tạo dựng trên đất của trường đua ngựa xưa, mở ra không gian đô thị cho những công trình hiện đại và hoành tráng trong khu vực đô thị cũ

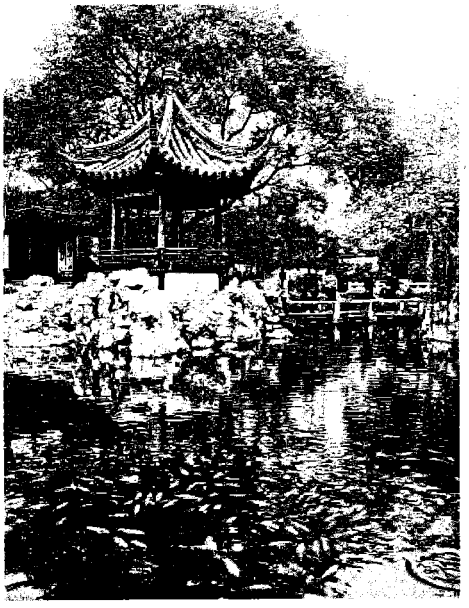


Công trình tòa thị chính có khối tích đồ sộ nhưng đường nét kiến trúc thanh thoát, màu sắc ấm cúng thể hiện sự gần gũi với người dân.

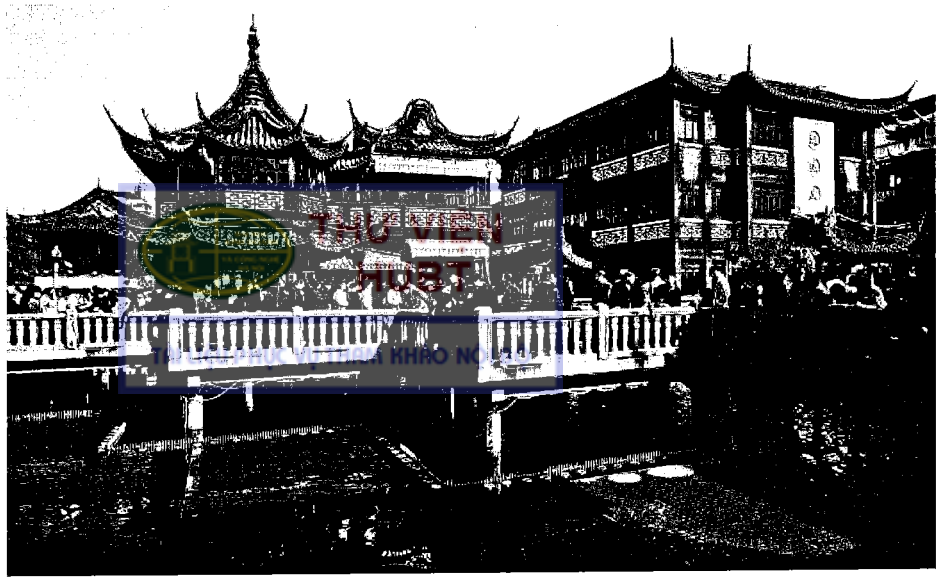
Đô thị truyền thống Trung Quốc



Tiểu cảnh vườn Dự viên

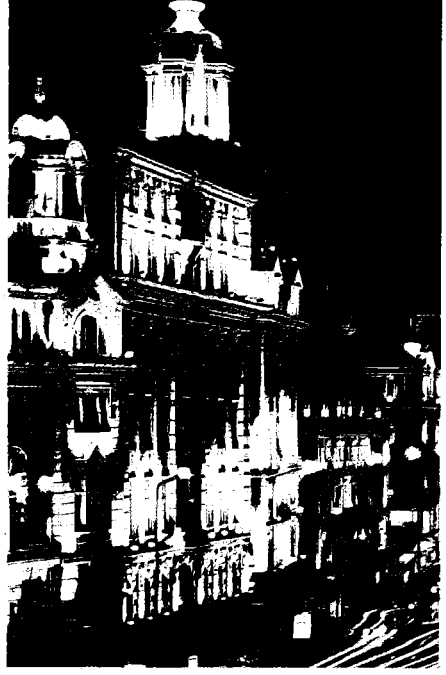


Hồ cá cảnh trong dự viên

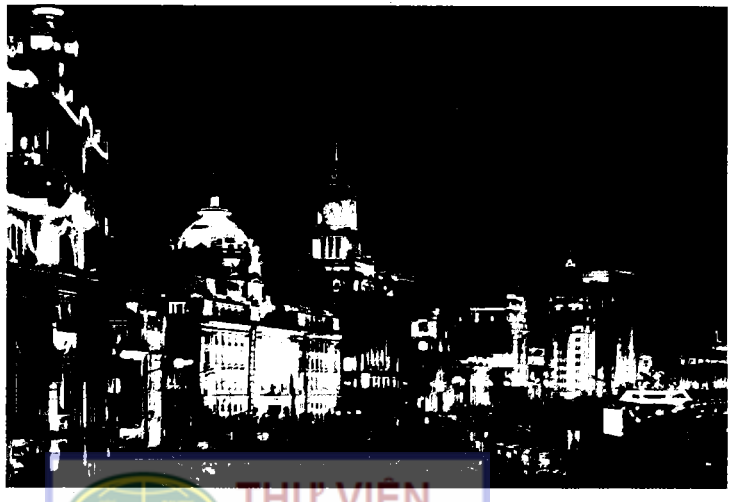


Cầu dích dắc ở lối vào Dự viên

THƯ VIỆN HUBT



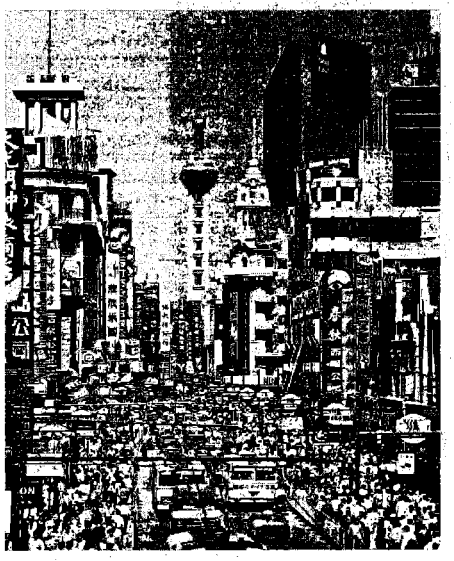
Những kiến trúc đẹp trên đại lộ Ngoại than



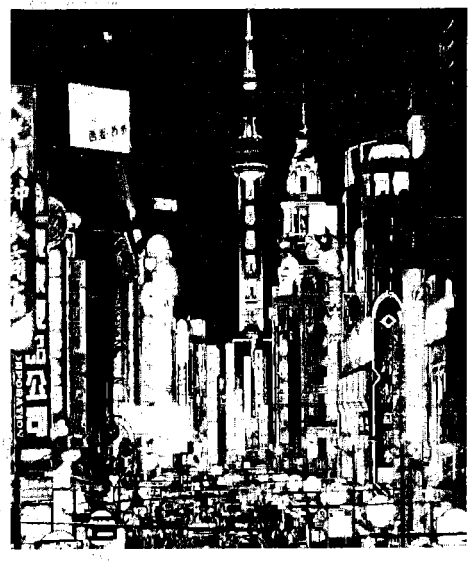
Cảnh ban đêm đại lộ Ngoại than

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

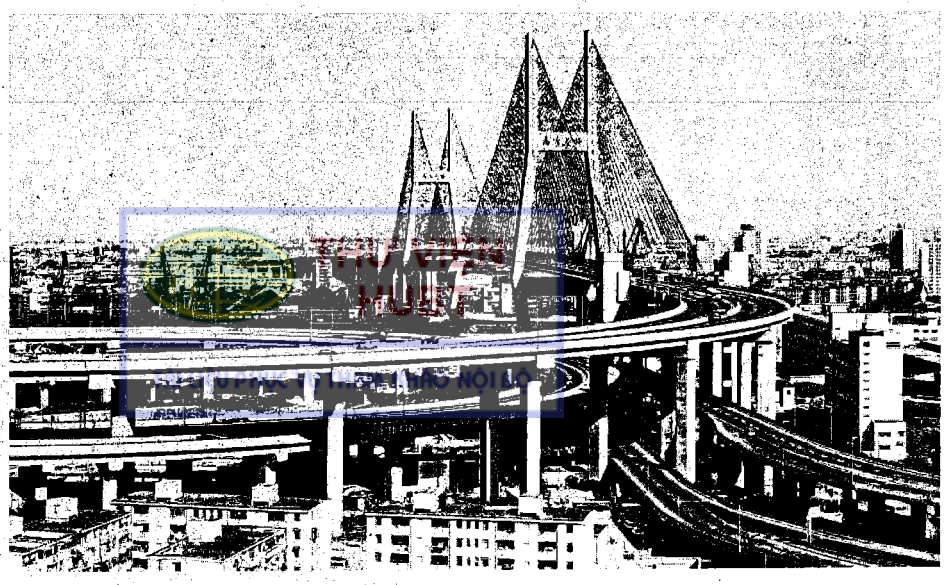




Toàn cảnh thành phố thương mại Nam Kinh



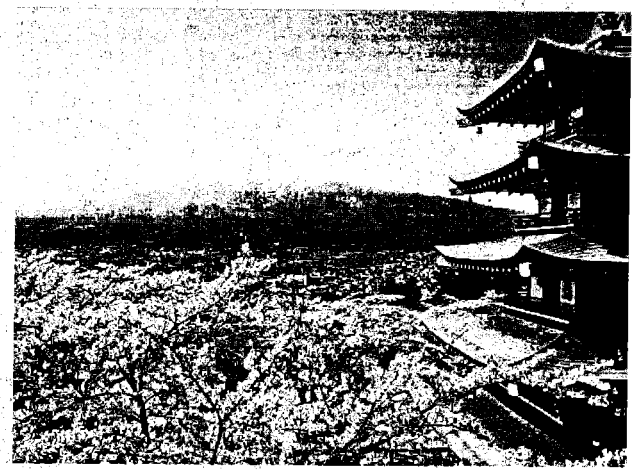
Cảnh ban đêm phố Thượng Hải



Toàn cảnh Cầu Nam phố

II. ĐẶC SẮC ĐÔ THỊ NHẬT BẢN

KIẾN TRÚC NHẬT BẢN TỪ NARA ĐẾN KYOTO



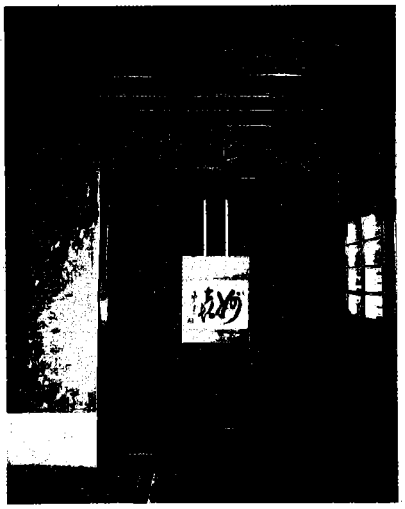
Tiết trời xuân ở đất nước mặt trời mọc

1. Đất nước hoa anh Đào bản sắc văn hóa và bản sắc đô thị

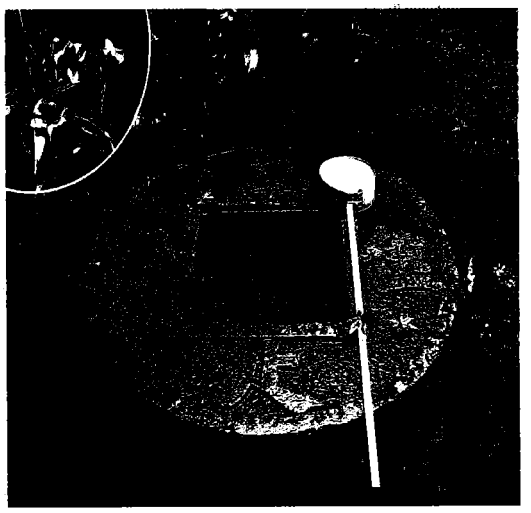
Nằm ở vị trí cực đông của lục địa châu á, người dân Nhật Bản tự hào được thấy mặt trời mọc sớm nhất, một thái tử được triều đình cử đi sứ Trung Quốc đã tự xưng là người của đất nước mặt trời mọc. Xứ sở gồm bốn nghìn hòn đảo chạy dài hình cánh cung kéo dài gần bốn nghìn km, được nâng lên từ đáy đại dương do những vụ nổ núi lửa từ cách nay nhiều triệu năm, trong đó có bốn đảo lớn nhất là Hokkaido, Honshu, Kyushu và Shikoku. Cách biệt với đất liền là điều khó khăn để giao lưu nhưng có thuận lợi về giữ gìn độc lập, bảo lưu tính thuần nhất và thống nhất của nền văn hóa dân tộc.

Đất nước và núi lửa, sóng thần và bão lụt là những mặt dữ dội của thiên nhiên để con người ở đây phải vật lộn trong sản xuất và đời sống, biết hoà hợp với thiên nhiên và tạo nên tính khí riêng của người Nhật Bản. Họ lấy ngọn núi Phú Sĩ (vốn là núi lửa) tượng trưng cho đất nước mình: hùng vĩ và ngoạn mục những cũng thật dữ dội và đầy biến động. Mặt khác đây cũng là xứ sở hao anh đào nở rộ theo mùa, hoa nở sớm vùng phía nam ấm áp, muộn hơn ở phía bắc rét mướt. Ngắm cảnh đẹp hoa anh đào là hạnh phúc vì đây cũng là hình ảnh ấm no, thanh bình và thịnh vượng. Ngắm hoa anh đào là một nét đẹp văn hoá và đã trở thành một phong tục dân gian gắn với nhiều lễ hội về mùa xuân ở Nhật Bản.

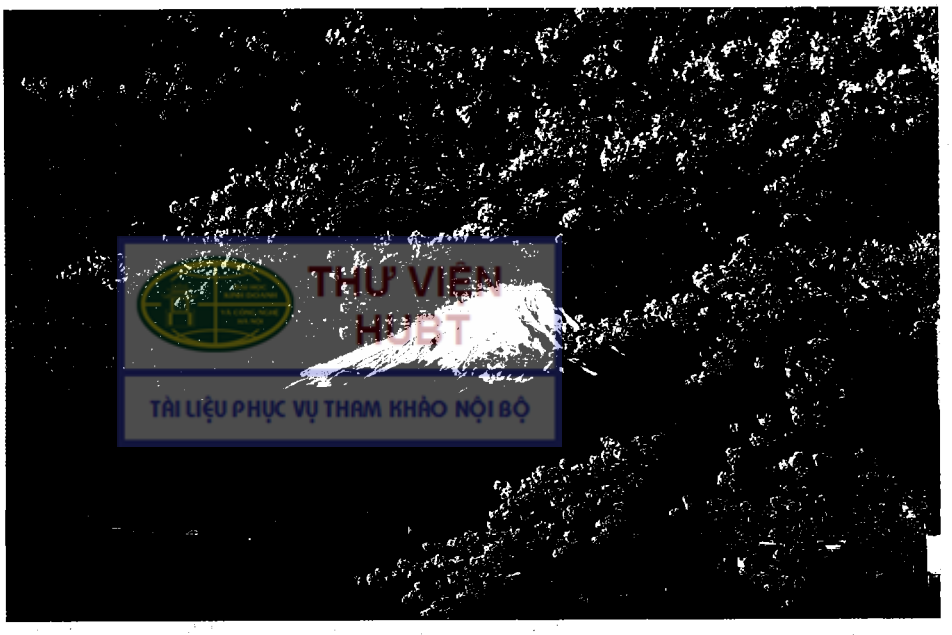
Đặc sắc đô thị Nhật Bản



Trà thất được tạo từ vật liệu giản đơn, phong cách tao nhã

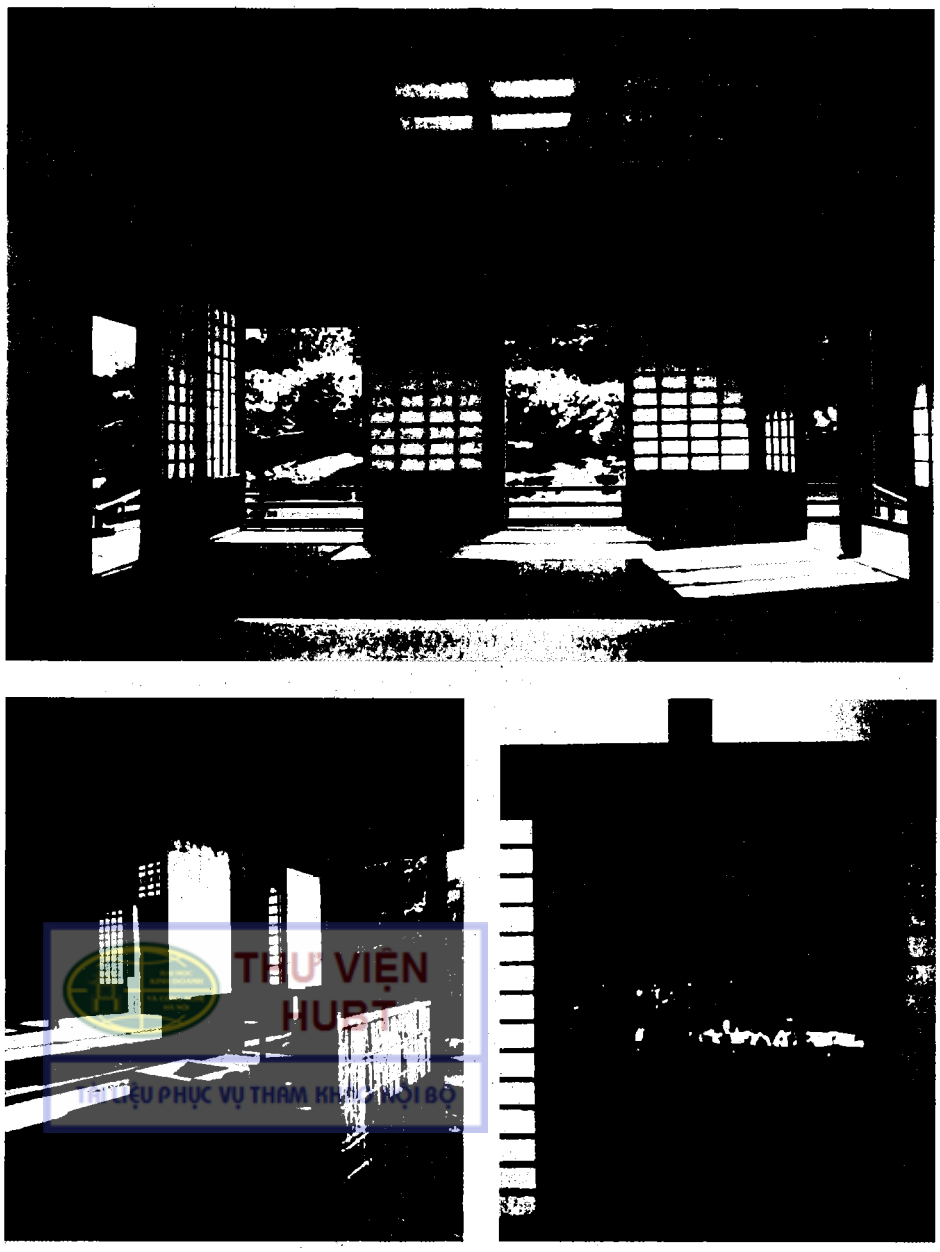


Bể nước rửa trước cửa trà thất



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hình ảnh núi Phú Sĩ đẹp và thơ mộng



*Sự liên kết nội thất với vườn cảnh
là một đặc trưng của kiến trúc Nhật Bản*

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Truyền thuyết kể rằng quốc gia Nhật Bản hình thành từ năm 660 trước Công nguyên khi thiên hoàng Jimmu (Thần Vũ), dòng dõi của những thần mặt trời Amatêraxư lên ngôi. Jimmu là người đầu tiên tạo dựng nước Nhật Bản và là vị thiên hoàng thứ nhất của xứ sở này. Dòng dõi hoàng tộc truyền nối nhau đến nay Nhật hoàng Akihitô là vị vua thứ 126 của Nhật Bản.

Nhà nước Nhật Bản ra đời tương đối muộn tuy từ nhiều nghìn năm trước đó, trên đất nước Nhật đã có người sinh sống. Nhiều dấu vết thời kỳ đồ đá đã được các nhà khảo cổ học phát hiện vào khoảng từ 30 nghìn năm đến 10 nghìn năm trước đây. Dấu vết của các nền văn hoá đồ đá giữa và đồ đá mới từ khoảng 8000 đến 7500 năm trước Công Nguyên (tương đương thời gian văn hóa Hoà Bình - Bắc Sơn ở Việt Nam) đã được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Nhật Bản. Đây là thời đại Jômôn, cư dân sống bằng chài lưới, săn bắn, hái lượm. Họ sống trong những túp lều có nền thấp hơn mặt đất, có cọc cắm chung quanh và che cỏ bên ngoài. Có tên gọi Jômôn (xoắn thừng) vì ở hầu khắp các di chỉ đều tìm thấy đồ gốm làm bằng đất nung không men, hình dáng thô sơ, được trang trí bằng những mô típ hoa văn kiểu dây thừng xoắn.

Khoảng thế kỉ thứ ba trước Công nguyên, ở lãnh thổ miền nam Nhật Bản đã xuất hiện một nền văn hoá cao hơn: đó là nền văn hoá Yayoi (tên địa điểm khai quật), tồn tại đến tận thế kỉ thứ III sau Công nguyên. Đây là thời kỳ mà nghề trồng lúa đã khá phổ biến và người Yayoi có trình độ trồng lúa khá cao. Cư dân nông nghiệp sống trong các làng mạc, chung quanh có hào bảo vệ. Ngoài nhà ở trong hang đào vào lòng đất cũng đã bắt đầu có nhà sàn lợp rạ. Gỗ được sử dụng rộng rãi trong đời sống, làm công cụ lao động, sinh hoạt. Ngoài ra cũng có công cụ bằng đá mài, công cụ bằng sắt và bằng đồng. Nền văn hóa này nổi tiếng với những đồ gốm màu nâu tươi, làm trên bàn xoay, hình dáng cân đối, tinh tế và giản dị. Thời kỳ nền văn hoá Yayoi cũng là lúc có nhiều cuộc di cư của những người lục địa châu á và từ bán đảo Triều Tiên, mang theo công cụ lao động và kĩ thuật trồng lúa nước vào Nhật Bản. Ảnh hưởng của văn hoá Yayoi cũng lan đến lục địa châu á và người ta tìm được nhiều dụng cụ mài, các lọ bằng đất nung của Nhật ở bán đảo Triều Tiên và Đông Bắc Trung Quốc.

Cuộc sống gắn với nghề trồng lúa đã tạo ra các lễ hội nông nghiệp, cầu mong cho được mùa màng. Cấu trúc xã hội Nhật Bản từ đó được

THƯ VIỆN HUBT

hình thành trên nền tảng nông nghiệp và còn ảnh hưởng đến ngày nay. Từ những thế kỉ đầu Công nguyên, ở Nhật Bản đã diễn ra quá trình tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, đã có sự phân hoá tài sản và xuất hiện giai cấp.

Đến đầu thế kỉ III sau Công nguyên xuất hiện những nước tương đối lớn, trong đó mạnh nhất là nước Yamatai.

Sau đó Yamatai đã bị nước hùng mạnh hơn là Yamatô chinh phục. Vương quốc Yamatô xuất hiện vào khoảng cuối thế kỉ IV sau Công nguyên ở miền tây nam đảo Honshu. Sự hình thành nhà nước Yamatô là kết quả của quá trình chinh phục và chiếm đoạt đất đai của nhiều tiểu quốc và họ đã cử sứ thần sang Trung Quốc cầu phong. Quá trình chinh phục đó phần nào còn được thể hiện qua câu chuyện truyền thuyết về người anh hùng xứ Yamatô, sinh ra từ nhân dân và là hiện thân cho lí tưởng của cả một dân tộc. Người đứng đầu nhà nước Yamatô đã phát triển thế lực và trở thành thiên hoàng, nguồn gốc của vua Nhật sau này. Thiên hoàng tập hợp các tộc họ có thế lực và biến thủ lĩnh các bộ lạc thành các quan thay mặt cho chính quyền trung ương ở các địa phương. Đến thế kỉ V sau Công nguyên, nước Yamatô đã thống nhất được cả Nhật Bản.

Từ năm 710 đến năm 794 là thời kỳ Nara vì kinh đô của Nhật Bản đóng ở Nara. Đây cũng là thời kì mà văn hoá Trung Quốc có ảnh hưởng tới nhiều mặt chính trị, xã hội Nhật Bản, tuy nhiên, người Nhật không hoàn toàn bắt chước mà biết chọn lọc, sửa đổi cho phù hợp với hoàn cảnh đất nước mình. ở thời kỳ này, kinh đô Nara cũng được xây dựng mô phỏng theo theo kinh đô Tràng An của nhà Đường ở Trung Quốc. Kinh đô Nara quy hoạch theo kiểu ô bàn cờ, chiều Đông - Tây dài 5,9km và chiều Nam - Bắc là 5,1km. Thành Nara có trục trung tâm rộng 90m, chạy thẳng đến cung điện hoàng gia. Đầu phía Bắc tập trung nhiều dinh các bộ, phía Đông và Tây có nhiều chợ, miếu mạo, lăng tẩm. Cửa Rajômô ở phía Nam kinh thành Nara là một công trình lớn và bề thế.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Trong thời Nara, Khổng giáo và Phật giáo bắt đầu được truyền bá rộng rãi ở Nhật Bản, cũng là thời kì văn hoá truyền thống của Nhật Bản được hình thành và phát triển. Thần đạo (Shinto) là tôn giáo đầu tiên của người Nhật. Họ tin mọi vật trong thiên nhiên đều ẩn chứa một vị thần (Kami). Họ cho rằng Nhật hoàng đầu tiên là hậu duệ của nữ thần Mặt trời, từ đó hoàng đế cũng là một vị thần.



Chùa Todaiji



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chùa Horyuji



Chùa Byodoin



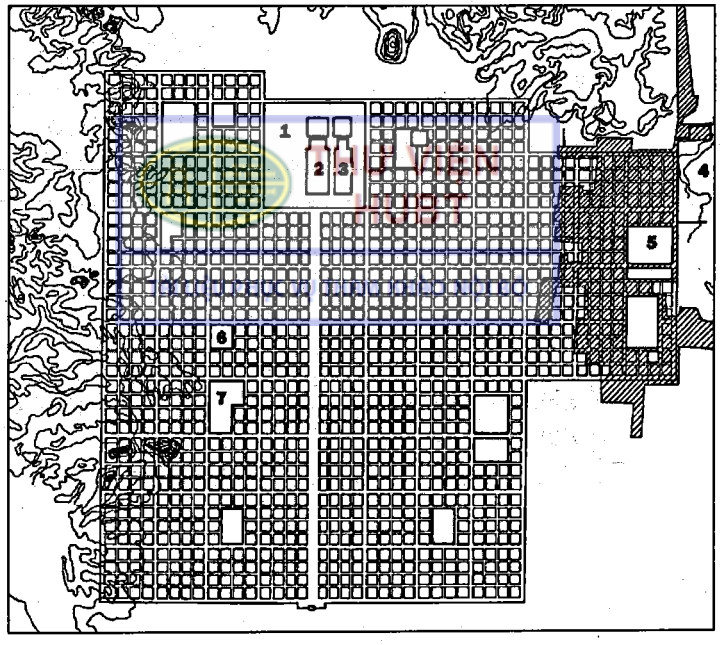
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Lầu phượng chùa Byodoin

Phật giáo từ Trung Quốc đã du nhập vào Nhật Bản, dân cư Nhật tin theo một phái Phật giáo gọi là Thiền tông. Họ quen sống thanh bạch và giản dị, tình yêu thiên nhiên trở thành một tâm thức trong lối trưng và có ý nghĩa thiêng liêng. Các loại cây như tre, thông, mận là biểu tượng của sự lâu bền và của tuổi thọ. Nơi núi non thâm sơn cùng cốc được người dân yêu mến coi đó là chỗ yên tĩnh, thanh bình, trong lành và nên thơ. Họ thường đặt đền thờ trên các núi non, tên gọi của nhiều đền thờ hoặc tu viện thường có âm tiết "san" là để chỉ về ngọn núi, như Koyasan và Kiyeisan là những tu viện nổi tiếng ở Nhật Bản, Fujisan là núi Fuji (tức Phú Sĩ).

Tâm thức đó đã chi phối cách thức tạo dựng ngôi nhà ở trong không gian của người Nhật, đối với họ nhà và vườn phải nằm trong một quan niệm tổng thể. Đặc trưng gắn bó kiến trúc trong thiên nhiên thể hiện rõ nhất ở một loại hình nghệ thuật rất đặc sắc của người Nhật và mang rõ đặc tính Thiền, đó là nghệ thuật uống trà được thực hiện như một nghi lễ trong một không gian thanh khiết và tĩnh lặng: trà thất tức một thảo đường để uống trà.

Tâm tính của người Nhật thể hiện qua lối sống hàng ngày trong đó có việc uống trà. Uống trà là cả một nghệ thuật, một nghi lễ, được gọi là "trà đạo", xuất hiện từ thời Muromachi (1333 - 1573), cùng lúc với nghi lễ cắm hoa và uống rượu sakê. Nghi thức uống trà kết hợp các



Sơ đồ mặt bằng thành Nara quy hoạch kiểu Trường An (Trung Quốc)



Lối vào vườn trà thất

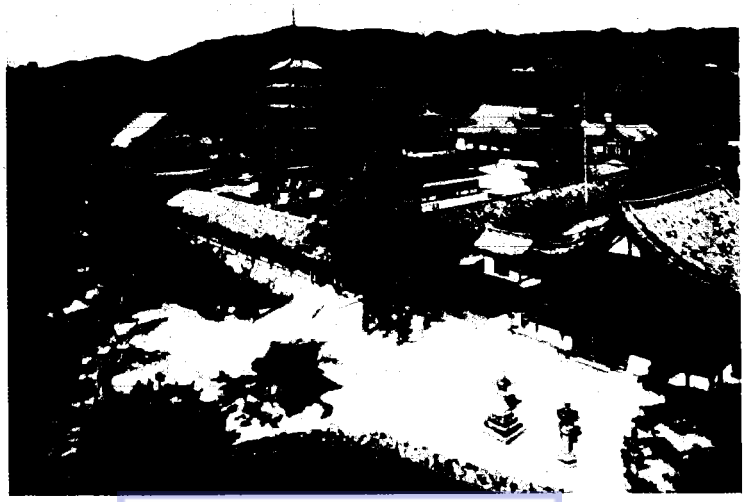
đặc tính về sự hài hoà giữa các đồ uống trà, giữa khách và chủ, tâm hồn phải trong sạch (tĩnh tâm) theo tinh thần Thần đạo. Phòng trà rất rất hẹp, thể hiện sự khiêm tốn, vật liệu xây dựng và các đường nét kiến trúc đều giản dị, trang trọng, chủ yếu là bằng tre và các vật liệu tầm thường khác. Vào phòng trà qua cửa hẹp và thấp để tâm hồn ở trạng thái khiêm tốn, tĩnh lặng.

Vườn trà là một lối nhỏ trong vườn từ cổng dẫn đến trà thất, có quan hệ với trà thất lối đi rất nhỏ và hẹp. Mục tiêu của vườn trà nhằm tạo ra một không khí của cảnh vật thiên nhiên với vẻ mộc mạc và bình dị. Vườn trà phải thể hiện được một cảm giác cô quạnh hoà hợp với cảnh vật thiên nhiên rộng lớn trong một khoảnh đất nhỏ bé trước khi bước vào trà thất. Nhằm mục đích đó nên cây trồng trong vườn là cây xanh và không có hoa. Cỏ dưới chân cũng rất quan trọng để tạo ra cảm giác đó, rêu đất cũng rất được ưa chuộng vì nó tạo cho khu vườn một cảm giác êm ái và vắng lặng.

Trong việc triển khai khuôn viên vườn trà thì việc xếp đặt các phiến đá đặt chân (gọi là tobi-ishi) là quan trọng nhất, không chỉ vì vẻ đẹp của khu vườn mà còn có tính thực dụng, nó hướng dẫn bước chân người đi vào. Vật quan trọng tiếp sau trong vườn trà là chum nước đặt gần trà thất, đó là chum đá đựng nước rửa tay, và có nhiều phiến đá đặt bên cạnh chụm. Cây đèn đá cũng là vật không thể thiếu trong vườn trà.

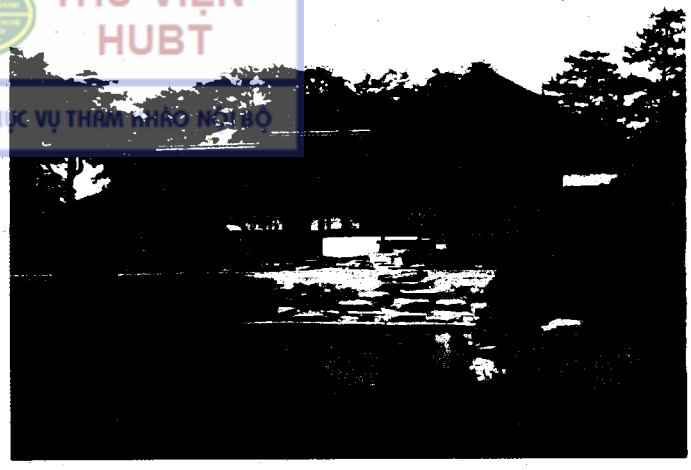


Sơ đồ di sản kiến trúc ở Kyoto

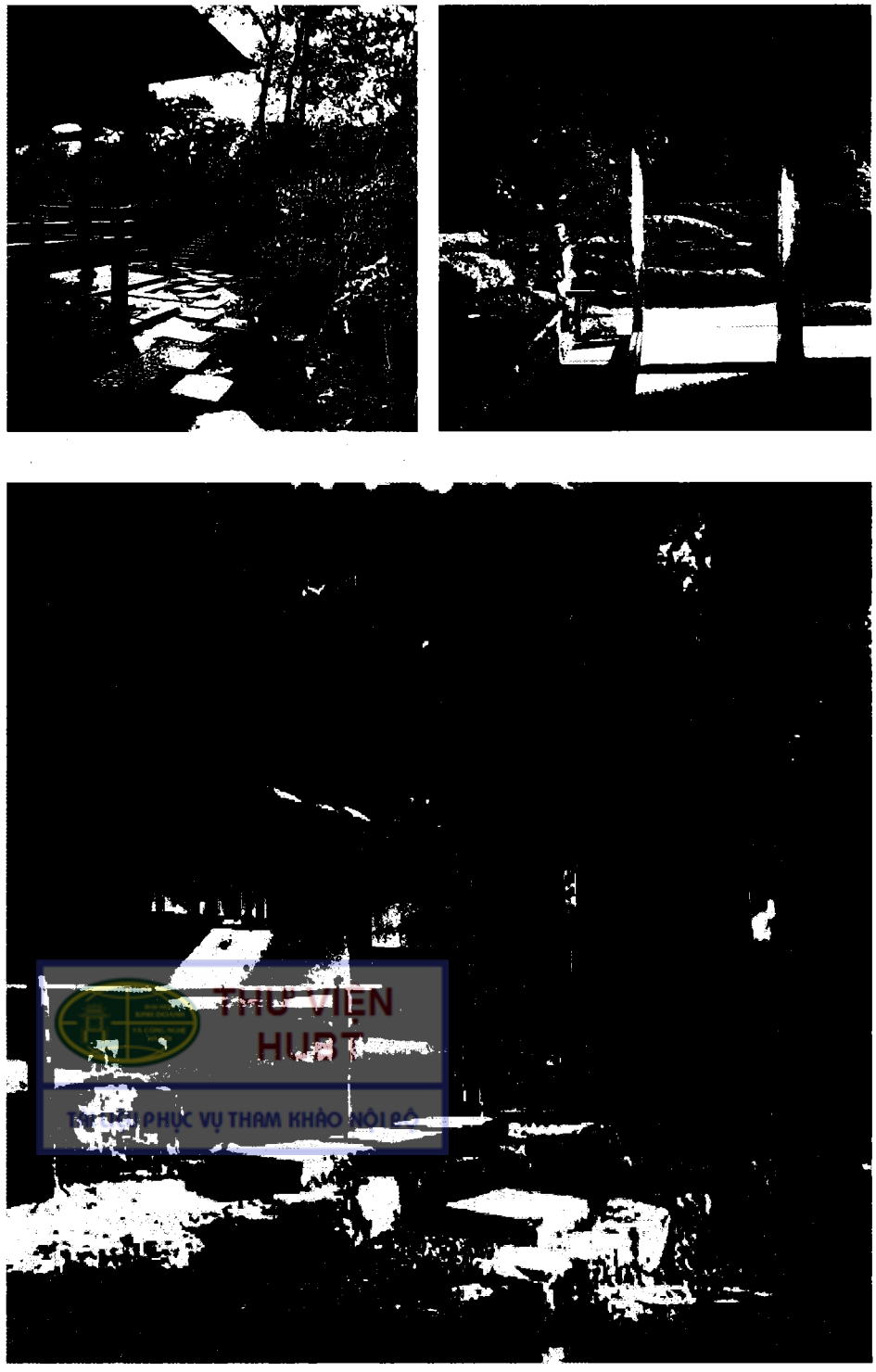


Chùa Horyuji

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NGHIÊN CỨU



Quần thể kiến trúc cung Katsura thể hiện nét đặc trưng kiến trúc Nhật Bản



THƯ VIỆN HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hình ảnh kiến trúc mang phong cách trà thất

Ở chùa Kozan-ji (Giáp Sơn Tự) nằm trên núi Toganoh vào thế kỷ XII có vườn trà Nhật Bản cổ xưa nhất. Người xưa kể lại rằng thiền sư Myoe, người sáng lập chùa, đã trồng tại chùa những hạt giống trà được một thiền sư khác mang về từ Trung Quốc. Nghi thức uống trà (chanoyu, Trà Nghi) cũng có nguồn gốc từ Thiền, phòng uống trà rất mộc mạc, giản dị, nơi uống trà thân mật ấm cúng.

Cùng với trà đạo, cắm hoa cũng là sự kết hợp với thiên nhiên, gợi ra cảnh sông núi bao la chỉ với một ít nước và một cành hoa. Hoa cắm trong bình phải có phong cách, với sự sắp xếp được quy định. Lúc đầu nghệ thuật cắm hoa chỉ dành cho quý tộc, triều đình và võ sĩ, đến thế kỉ XVIII đã lan sang các giới thị dân giầu có. Từ thế kỉ XIX dân chúng đều chơi cắm hoa. Cắm hoa là một nghệ thuật phải dày công học tập, hiện nay ở Nhật Bản có rất nhiều trường phái cắm hoa khác nhau.

Xem xét bản sắc văn hoá Nhật Bản không thể không biết đến các ảnh hưởng của Trung Quốc. Từ những năm 57, các sứ giả Nhật được phái đến Trung Quốc. Trong 800 năm tiếp theo, người Nhật du nhập nhiều tư tưởng của Trung Quốc. Một chính quyền và hệ thống thuế theo kiểu Trung Quốc được thiết lập. Các kinh đô ở Nhật được quy hoạch giống như kinh đô Trường An của Trung Quốc. Chữ viết và nghệ thuật Trung Quốc cũng đến Nhật.

Phật giáo bắt nguồn từ Ấn Độ thông qua Trung Quốc và Triều Tiên đến Nhật vào thế kỷ VI. Nhiều đền thờ được xây dựng và phần lớn nhân dân theo đạo và theo Phật giáo. Chùa Todaiji ở Nara có tượng Phật bằng đồng cao 16m, là công trình tôn giáo tín ngưỡng quan trọng ở thời kỳ này.

Ở thời Nara Nhật Bản tiếp xúc nhiều với Trung Hoa đang thịnh vượng dưới triều các hoàng đế nhà Đường. Việc giao tiếp không chỉ giới hạn ở bổ nhiệm sứ thần mà cả một dòng các sư tăng, và thương nhân dong buồm qua lại giữa hai xứ sở. Nghệ thuật thời Đường đã có một ảnh hưởng to lớn đối với nghệ thuật Nhật Bản thời này. Ở Nhật Bản, Hoàng đế và Hoàng hậu đều tôn trọng cả Phật giáo lẫn Khổng giáo; Phật giáo dẫn dắt tinh thần cho quần chúng, Khổng giáo cung cấp nguyên tắc cai trị, cho nên cả hai giáo đạo đều được phát triển. Hoạt động của Phật giáo biểu hiện theo chiều hướng: xây dựng nhiều chùa chiền như chùa Yamashina, chùa Sufuki, chùa Daian, chùa Tai-ma và chùa Yakushi; tạo nhiều tượng Phật, đọc kinh Phật tại Cung

THƯ VIỆN HUBT

đình và trong dân chúng để được độ trì. Các hoạt động Phật giáo đã tạo nên sức thúc đẩy mạnh mẽ để phát triển nghệ thuật và công nghệ, bừng lên rực rỡ dưới triều Hoàng đế Shomu vào thế kỷ VIII.

Vào năm 710, kinh đô đóng ở Nara và trụ ở đấy cho đến 794 trước khi chuyển về Kyoto.

Chính sách trung ương tập quyền thực thi dưới triều đại Kotoku (645 - 654) đã lên đến đỉnh điểm dưới triều Hoàng đế Shomu (724 - 748),người được thụ hưởng hoà bình thịnh vượng và nối nghiệp Hoàng triều. Ảnh hưởng văn minh từ Trung Hoa đến vẫn tiếp tục được phát huy dưới triều đại của ông.

Nara thời bấy giờ trông bên ngoài rất giống với kinh đô Tràng An của Trung Hoa, đến mức nhiều người cho rằng Trung Hoa đối với Nhật Bản như thể Aten đối với Rôma.

Trung Hoa thời đó đã là một quốc gia giầu mạnh và kinh đô Tràng An đã thực sự là một trung tâm của một nền văn minh rực rỡ. Nhật Bản cử sứ thần, sư tăng và sinh viên sang Trung Hoa học hỏi nền văn hoá đang rực rỡ ở kinh đô Tràng An. Họ đem về nước tinh tuý của nền văn hoá đó và cấy lại ở Nara. Vào nửa đầu thế kỷ VII, Phật giáo đã gắn bó thân thiết và trọn vẹn nhất với cung đình và nhà nước với vai trò nổi bật của Hoàng đế Shomu. Ông là một tín đồ Phật giáo sùng đạo, đã ra sức điều hành cai trị bằng chính giáo lý nhà Phật chứ không phải bằng luật pháp. Các chùa ở kinh đô, cũng như ở các tỉnh, được xây cất đã theo đúng chỉ dụ của ông.

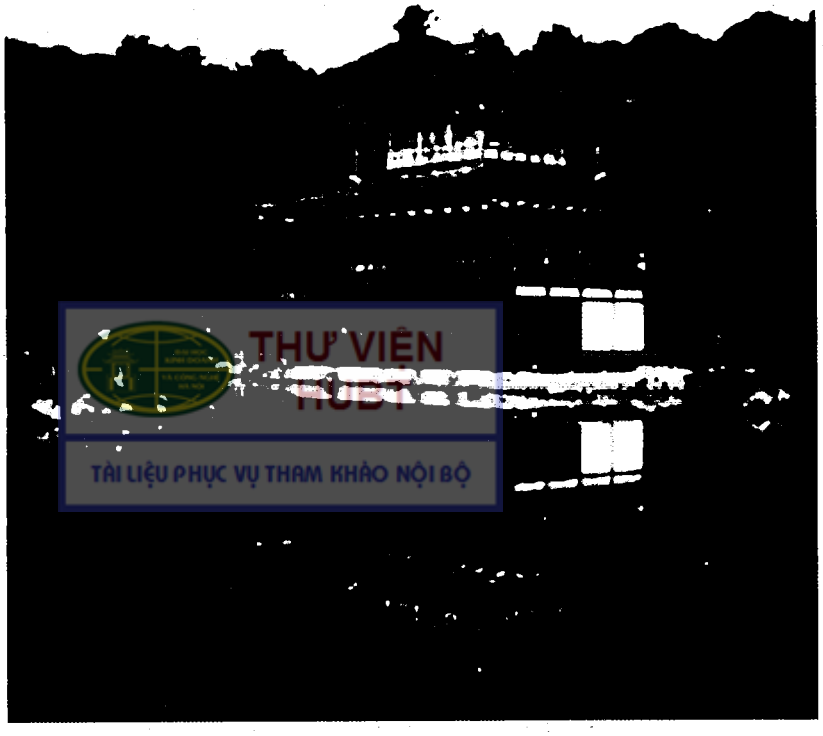
Chùa Todaiji là một chùa chính ở Nara do ông chỉ đạo. Gần Nara, còn có những ngôi chùa to lớn như chùa Horyuji, Yakushi, Gangô, Tôshôdai và Saidai. Mỗi tỉnh đều có một chùa tỉnh gọi là chùa Kokobun các vị tỉnh trưởng phải tỏ lòng kính trọng tột bực đối với chùa tỉnh, coi chùa là trung tâm đời sống xã hội. Ngày nay hãy còn nhiều di tích chùa tỉnh, được chính quyền bảo vệ và coi như di tích lịch sử.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**** Bản sắc kiến trúc Nhật Bản được biểu hiện trên các mặt:***

- Sử dụng rộng rãi các vật liệu tự nhiên và trước tiên là gỗ. Họ cho rằng gỗ giúp hấp thu độ ẩm không khí vào tháng ẩm ướt và nhả hơi ẩm khi không khí khô, gỗ có khả năng "truyền dẫn hơi thở" nên phù hợp với khí hậu Nhật Bản. Cùng với gỗ là tranh, vỏ cây và cả đất sét để lợp mái. Rất nhiều công trình bằng vật liệu tự nhiên đã tồn tại lâu dài với thời gian.





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Lầu vàng Kinkakuji

- Gắn kết kiến trúc vào khung cảnh tự nhiên thể hiện trong mọi thể loại công trình, từ các trà thất bé nhỏ tới các cung điện, lâu đài to lớn, công trình kiến trúc và vườn cảnh luôn gắn kết như một thể thống nhất.

- Một cái đẹp vữa hoa mỹ vừa dung dị được vận dụng khéo léo vào từng hoàn cảnh, trong tổng thể cũng như từng chi tiết.

Qua quá trình phát triển kiến trúc và đô thị nêu trên, dễ dàng nhận ra một số công trình tiêu biểu như là những cột mốc để lại những dấu son trong lịch sử kiến trúc truyền thống ở Nhật Bản.

Thời kỳ triều đình đóng đô ở Nara (710 - 794) là thời kỳ hoàng kim của đạo Phật và cũng là của nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu cho nghệ thuật cổ điển Nhật chịu ảnh hưởng của kiến trúc Trung Quốc. Vào thời Đường nhiều tác phẩm toát lên lý tưởng cao siêu và một không khí thanh thản. Công trình kiến trúc huy hoàng nhất là chùa Tôđaigi (Đông đại từ) ở đó có tượng Đaibutsư (Đại Phật) bằng đồng cao 16m. Chùa do Thiên hoàng Somu xây dựng năm 752 đã qua hai lần bị cháy do chiến tranh. Những xưởng thủ công của triều đình tập hợp nhiều nghệ nhân (điêu khắc, họa, viết chữ nho) để trang trí chùa chiền, hoàng cung đã góp phần tạo dựng chùa này. Tượng thờ bằng đồng đen, cao 16m, nặng hơn 400 tấn.

Toà nhà chính chùa Todaigi dài 57m, cao 49m, được coi là kiến trúc cổ bằng gỗ lớn nhất thế giới và tượng Phật ở chùa cũng là tượng Phật bằng đồng lớn nhất ở Nhật. Trong quần thể kiến trúc chùa ngoài hai toà đại diện còn có toà bảo tháp, các tăng đường là chỗ ở của pháp sư, trà thất, nhà trưng bày bảo tàng và vườn cảnh. Cổng chính của chùa cũng là một toà nhà nguy nga với bộ mái đồ sộ do 18 cột gỗ cao 21m chống đỡ. Todaiji (Đông đại tự). Là ngôi chùa cổ rất nổi tiếng ở Nhật Bản, là công trình kiến trúc bằng gỗ quy mô lớn còn tồn tại đến ngày nay. Todaiji là một quần thể gồm nhiều công trình kiến trúc được thiên hoàng Shomu (một vị vua sùng mộ Phật giáo) và các cao tăng người ấn Độ, Nhật Bản xây dựng. Ngoài ra ngôi đền Kasuga (Xuân Nhật Xã) cũng rất nổi tiếng ở Nara, do một dòng họ quý tộc có thế lực nhất trong triều đình thời kỳ Tempyo (thế kỷ thứ 8) xây dựng để thờ tộc thần. Kiến trúc theo phong cách Kasuga, giản dị nhưng độc đáo, sườn gỗ, mái lợp bằng gỗ cây đỗ tùng tách mỏng, xếp chồng từng lớp, dưới hàng hiên sơn đỏ có treo nhiều đèn bằng đồng, lớp mái rêu phong cùng những giò lan nở rộ làm tăng vẻ huyền bí, u tịch của ngôi đền cổ.

Vào năm 618 sCn Trung Hoa bước vào một giai đoạn huy hoàng, thời nhà Đường dài gần ba thế kỷ. Đế quốc Trung Hoa trải rộng từ sông Hoàng Hà đến bờ biển Caspian. Lúc này Nhật Bản là nước nhỏ hơn Trung Hoa, ở đây các dòng tộc địa phương và các chúa đất phong kiến nắm ảnh hưởng các dòng Hoàng Tộc. Thái tử Shokotu (573 - 621 sCn) mong muốn được thấy quyền lực hoàng tộc ngang bằng với hoàng đế Trung Hoa, đã cố gắng biến đổi đất nước Nhật trở thành một đất nước quyền lực tập trung vào trung ương.

Gần 90 năm sau khi Shokotu băng hà, nữ hoàng Gemmyo quyết định tranh đua với người Trung Hoa, bà cho xây một thành phố theo khuôn mẫu của kinh đô Tràng An, nhà Đường, trên một mặt bằng hình chữ nhật, mang tên Heijo-Kyo.

Cũng mô phỏng theo kiến trúc ở Tràng An của Trung Quốc, bà đã cho xây dựng một cung điện hoàng gia có tên là Heijo (Bình Thành cung). Là kinh đô của Nhật Bản trong 74 năm của thời kỳ Nara (710 - 784) Heijo-kyo có chiều dài Bắc - Nam 4,8km, Đông - Tây 4,3km cư dân khoảng 20 vạn người. Với 74 năm lịch sử, Nara là cái nôi của nền văn minh Nhật Bản, nơi khai sinh và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống. Và cũng là nơi Phật giáo được hoằng dương nhờ lòng mộ đạo của các vua trị vì. Ảnh hưởng của Phật giáo thể hiện ở việc đúc tượng Phật bằng đồng thờ tại chùa Todaiji (Đông đại tự) vào năm 752. Ngoài ra còn có hàng chục ngôi chùa nổi tiếng, vừa là quốc bảo vừa là bảo tàng lưu trữ nhiều tác phẩm mỹ thuật cổ. Heijo-kyo ngày nay trở thành một di chỉ khảo cổ học thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu và do Khoa Điều tra di chỉ Heijo-Palace (Division of the Heijo-Place Site Investigation) thuộc Viện nghiên cứu tài sản văn hoá quốc gia Nara (Nara National Cutrural Properties Resaerch Institute).

THƯ VIỆN HUBT

Vẻ đẹp của Nara nằm trong những ngôi đền vĩ đại của phật giáo cổ kính nhất ở Nhật Bản. Phật giáo du nhập vào Nhật Bản vào thế kỷ VI sCn qua đường Trung Hoa và Triều Tiên. Từ năm 645 là kỷ nguyên của sự mô phỏng Trung Hoa, khoảng 50 năm sau đó triều đình dời về Nara. Thành phố trở thành kinh đô và một nền văn hoá mới mở ra, hấp thụ nhiều khuynh hướng văn minh của đế chế Trung Hoa. Trong thời kỳ Nara (năm 710 - 784 sCn), nền văn hoá đã thăng hoa hơn hẳn trước đó. Nara đã có nhiều mái đền sơn son thiếp vàng rực rỡ và những đền chùa nổi bật, trong đó có công trình kiến trúc bằng gỗ cổ được coi là cổ xưa nhất trên thế giới: khu chùa Horyuji.

Phật giáo đến nước Nhật vào năm 552 sCn, lúc ấy vua Triều Tiên Kudara gởi kinh điển Phật giáo đến cho Kimmei-Tenno, vị hoàng đế thứ 29 của Nhật Bản, cùng với một tượng Phật bằng đồng. Tuy nhiên vì sợ ràng tôn giáo mới có thể xúc phạm những Kami cổ của Nhật Bản, hoàng đế Nhật đã ra lệnh cho đốt phá những đền chùa Phật giáo mới. Nhưng qua thế kỷ tiếp theo, Đạo Phật lại trở thành tôn giáo nổi trội của Nhật Bản.

Hàng ngàn ngôi chùa Phật giáo được xây dựng khắp nước Nhật và có một chút xung đột với Thần Đạo. Với nỗi khát khao tìm kiếm sự giác ngộ tâm linh, Phật giáo có nền tảng triết lý hơn Thần Đạo, nhưng Phật giáo cũng đặt sự thiêng thiêng lên mọi vật tượng tự như đức tin Thần Đạo nên ở nhiều vùng, hai hệ thống này hoà trộn với nhau trong đời sống tôn giáo của người Nhật.

Mặc dù có sự khác biệt với những đền thờ và điện thờ của Phật giáo được xây dựng từ thế kỷ VIII, Nara vẫn duy trì những điện thờ của Shinto.

Đến thế kỷ thứ VI, Phật giáo du nhập khiến cho nghệ thuật nở rộ, nhất là vào thời kỳ Asuka (538 - 645) khi đạo Phật được Nhật Hoàng bảo vệ; nhiều đền chùa được xây dựng, nổi bật có chùa Hôryugi (Pháp long tự) ở gần cố đô Nara, được coi là kiến trúc bằng gỗ cổ nhất thế giới. Chùa hình tháp cao năm tầng. Khác với kiến trúc Triều Tiên và Trung Quốc dùng đá hoặc gạch để đỡ toà nhà, chùa Hôryugi dùng cột lớn bằng gỗ cây bách. Tục truyền vị thần Xuxanô nhổ râu gieo xuống đất, đất mọc lên loài thông tuyết; ngài gieo lông ngực thì được loài bách, gieo lông mày thì được loài long não, gieo lông ở dưới mông thì được loài thông. Ngài phán: "Bách dùng làm nhà, thông tuyết và long não dùng làm thuyền, còn thông để đóng quan tài". Cho đến thế kỷ XII, nhà làm bằng gỗ bách. Gỗ của cây mọc ở sườn núi phía nam của núi được dùng vào phần phía nam của chùa; gỗ hướng nào phải chọn xây hướng ấy... Khi trùng tu chùa, người ta thấy qua 1.300 năm, đinh vẫn chưa dỉ, sắt tốt hơn bây giờ. Chùa có nhiều tượng đồng, gỗ, đất. Tiếc thay, chính diện có nhiều bích hoạ bị cháy hoàn toàn năm 1949. Điêu khắc thời kỳ Asuka trang nghiêm cao cả.

THƯ VIỆN HUBT

2. Tây kinh Kyoto

Kyoto còn gọi là Heian-Kyo có nghĩa là "thủ đô hoà bình" được xây dựng vào năm 794 dưới thời hoàng đế Kammu (736 - 806). Thành phố xây hình vuông theo kiểu kinh đô Trung Quốc đời Đường ở

Tràng An. Các đền miếu đều ở ngoài Hoàng thành, xây dựng trên các ngọn đồi xung quanh. Các đại lộ vuông nhau và được đánh số từ 1 đến 10, từ Hoàng cung phía Bắc tới tận cửa Rashomon ở phía Nam. Là kinh đô từ năm 794 đến 1868, Kyoto có nhiều thời kỳ phát triển huy hoàng, các ngành nghệ thuật của Kyoto phát triển mạnh. Ngôi đền Enryakuji (xây dựng năm 788) và đền Kiyomizu (năm 989) là những đỉnh cao của nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản. Công trình duy nhất còn bảo tồn nguyên vẹn cho tới nay là Byodo ở Uji nằm trong vùng Kyoto.

Kyoto được xem là một tổng hợp tiêu biểu và phong phú của bản sắc đô thị qua ngàn năm ở Nhật Bản. Do mạng lưới ô vuông nên tìm đường dễ dàng, thành phố không có nhà chọc trời mà tràn ngập những kiến trúc cổ, những chùa và đền miếu. Ở đây có tới 1600 ngôi chùa và 200 miếu Shinto nằm rải rác ở khắp các khu phố nhiều màu sắc khiến cho cảnh quan rất hấp dẫn. Dọc theo dòng sông Kamo là những con lộ nhỏ của phố Pontocho và ở phía thượng nguồn có khu phố cổ Gion.

Kyoto, ngày nay cũng không lớn lắm, dân số khoảng 1,5 triệu người, là một thành phố thanh lịch sạch đẹp, ba mặt có núi non bao bọc, hai mặt có sông (Katsura và Kamo) chảy qua, hợp lưu thành sông Yodo. Vẻ đẹp duyên dáng diệu kỳ nhờ sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp tự nhiên và nhân tạo. Từ thời còn là thủ đô của Nhật Bản, rất nhiều của cải, vật dụng trí tuệ đã dổ về đây. Đó là các gia đình vương triều, gia đình quan lại và trí thức, văn nghệ sĩ cùng các nhà khoa học và cả những thợ thủ công khéo tay. Họ đã góp công sức của cải, trí tuệ xây dựng Kyoto thành một trong những thành phố trang nhã nhất thế giới.

THƯ VIỆN HUBT

Kyoto có rất nhiều kiến trúc tôn giáo thuộc phái thiền trong đạo Phật. Nghệ thuật hội hoạ với Sesshu, trường phái Kanoo, Kịch Nô, nghệ thuật làm vườn, trà đạo cũng phát triển. Trong những năm nội chiến, Kyoto cũng bị cướp phá, hỗn loạn trong gần một thế kỷ, nhưng sau đó đã được Hideyoshi phục hồi nhanh chóng. Ngay cả khi thủ đô đã dời về Edo (Tokyo) năm 1603, người ta vẫn xây lầu Nijo và các biệt thự hoàng gia.

3. Lầu phượng ở chùa Byodoin

Thời kỳ Hoàng đế đóng đô ở Hêian (794 - 1185), kinh đô được xây dựng theo kiến trúc đời Đường. Do quan hệ với Trung Quốc thời kỳ này bị gián đoạn, nghệ thuật Nhật Bản tuy vẫn mang dấu ấn

Trung Quốc nhưng độc dáo hơn, thể hiện ở vẻ đẹp mềm mại tinh vi, không thiên về khoẻ khoắn. Ở các xưởng của Hoàng cung, nhiều hoạ sĩ cộng tác với những nhà thơ và những nhà quý tộc viết chữ đẹp làm ra những bình phong vẽ cảnh thôn dã hay thắng cảnh đất nước. Tranh phong cảnh không vẽ núi non trùng điệp kiểu đời Đường mà có tính chất trang trí nhiều hơn. Công trình nghệ thuật điển hình cho thời kỳ này là lầu phượng (Hoodo, xây dựng năm 1053) soi mình xuống dòng sông. Hoàng đế cho xây công trình này ở trong chùa Byôđôin ở gần Kyoto để gợi lên trên trần thế những niềm vui cực lạc. Chùa có tượng Adiđà sơn son thếp vàng, lần đầu tiên làm bằng kỹ thuật ghép nhiều mảnh gỗ. Trên tường và cửa vẽ Adiđà và các vị bồ tát đi qua cánh đồng để thăm một người hấp hối. Thời kỳ Hêian cũng xuất hiện phong cách hội hoạ dân tộc, gọi là Yamatôê và nghệ thuật vẽ Emaki (tranh cuộn kiểu bức "liễn" tô màu sắc tươi) minh hoạ thơ, chuyện cổ tích, cảnh lịch sử đền chùa.

Chùa nằm cách Kyoto 15km, ở bờ phía Tây sông Uji, là một trong những công trình thanh lịch và hấp dẫn nhất của kiến trúc Phương Đông. Vốn trước đây là nơi nghỉ ở vùng quê của nhà quý tộc Minamotono-Toru, có chùa Aminado (Adiđà) soi bóng mặt nước chiếc hồ tuyệt đẹp của tu viện. Các phòng bên trong được trang trí cầu kỳ với sơn mài màu, vỏ ngọc trai và các lá đồng mạ vàng. Chùa Byodoin là quần thể các kiến trúc trông ra bờ hồ. Công trình chính có hình hai con phượng hoàng giang cánh trên mái nhà và một bức tượng Phật rất lớn được thực hiện bởi nhà điêu khắc Jocho. Bức tượng cao 3m, xung quanh là 52 tượng Bồ Tát bằng gỗ, thể hiện những vị tu hành đã giác ngộ và đạt đến trình độ minh tuệ, nhưng không nhập Niết Bàn mà ở lại trần thế, để độ cho những người khác cùng giác ngộ.

THƯ VIỆN LUHPT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

4. Lầu vàng Kinkakuji

Vào năm 1397 vị tướng quân Yoshimitsu đã cho xây một toà biệt thự ở nơi mà trước đây có toà biệt thự do Saionji Kitsune dựng vào thời Kamakura. Khi ông qua đời, tòa biệt thự được chuyển thành Thiền viện gọi là chùa Rokuon tức Kim Các Tự (Kinkakuji) và cũng thường được gọi là chùa có Sảnh vàng.

Toà Kim Các được dựng ở ven một cánh hồ lớn, bao quát cảnh đẹp của khu vườn. Toà nhà cao ba tầng mái bốn phía lợp vỏ cây. Dốc mái uốn cong nhẹ nhàng và bay bổng, trên chóp có hình chim phượng xoè cánh, tạo nên dáng hình thanh thoát hướng lên trời cao

Các cột đỡ mái hiên thanh tú rất hài hoà với dáng vẻ nhẹ nhõm của bộ mái. Các phía đều có bao lơn tay vịn bao quanh. Tầng một có hiên rộng phía trước, trong hậu cung, có tượng Di đà Tam tôn, tượng Muso Kohushi, vị tăng thống đầu tiên của tự viện, và một tượng chân dung Shogun Yoshimitsu, người sáng lập biệt thự. Về phía tây có bao lơn vươn ra trên mặt hồ. Trang trí tầng một rất đơn giản, các kết cấu bằng gỗ để mộc, bên trong có nhiều họa tiết mầu. Tầng một đã được tạo tác theo phong cách Shinden, có niều cửa mở thoáng. Phong cách nhẹ nhàng và tự nhiên của tầng một đã tạo nên vẻ tương phản với các tầng trên có cấu tạo nhiều nét trang trí và màu sắc rực rỡ. Tầng hai được tạo tác theo phong cách Samurai với một khoảng sảnh lớn thờ Phật, bao quanh là các cửa lùa bằng gỗ và cửa sổ có rèm. Tầng ba được tạo hình ba gian ở mỗi mặt, trong ngoài đều quét sơn và thếp vàng lá, từ đó đã có tên Kim Các (Sảnh vàng hoặc lầu vàng).

Bố cục kiến trúc toà nhà rất trang nhã, duyên dáng, là một bước phát triển mới trong lối kiến trúc cung điện thời Fujiwara. Đây là một thành công đặc biệt về kiểu kiến trúc phong cảnh, nhà được liên kết với vườn, và khu vườn trở thành một bộ phận hữu cơ của kiến trúc.

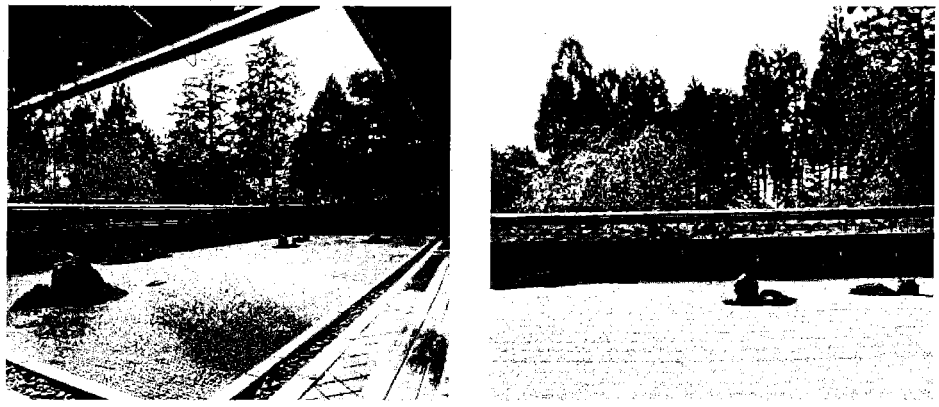
5. Nghệ thuật vườn cảnh

Trong kiến trúc Nhật Bản, vườn và nhà nằm trong một tổng thể thống nhất, không gian kiến trúc nhà ở Nhật Bản đặc trưng bởi tính liên tục và tính uyển chuyển các hình, mảng và khối. Nội thất nhà và sân bên ngoài xen nhau, nhà và vườn xâm nhập vào nhau. Họ quan tâm sự duyên dáng, tế nhị bên trong hơn là cái tráng lệ bên ngoài. Vườn của Nhật Bản là một công trình nghệ thuật độc đáo, đó thực sự là một loài hình điêu khắc trên mặt đất, tôn trọng mặt đất nguyên thủy. Vườn là một nơi để trầm tư, thiên nhiên ở đây được nghệ thuật sắp xếp và mang ý nghĩa tượng trưng. Một gốc cây, một hòn đá, một vũng nước hay một cái thác nhỏ vv... cũng đủ gợi lên hình ảnh của cả vũ trụ. Vườn thiền không có màu sắc rực rỡ hay những mảng hoa lộng lẫy. Thảo đường để uống trà không lộ ra ngoài mà bị lá cây che khuất đến một nửa. Các phiến đá đặt lên lối đi không xếp thành hàng mà được sắp đặt tự nhiên, bao quanh các phiến đá là rêu phong hay cỏ dại.

Tại khu vực ngoại ô phía Tây Kyoto có những khu vườn rêu kỳ diệu Saiho-ji. Đây là một khu rừng rậm có lối đi uốn quanh một thảm địa y xanh rờn, dẫn tới một dải nước lung linh, một cái hồ có hình chữ

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

"tâm". Thảm rêu xanh bao phủ trên những lớp đá và đất, từng mảng rêu với những mầm nhú như những bông hoa nhỏ đủ mầu sắc, có tới 120 loài rêu khác nhau sinh sôi nảy nở, đây là vườn của một ngôi đền Phật giáo. Đền được xây dựng từ thế kỷ VIII, đến năm 1339, Musô Kokushi, một tu sĩ Thiền giáo đã xây dựng lại ngôi đền cho phù hợp với thẩm mỹ Thiền giáo thời Trung cổ.



Vườn khô (hoặc vườn đá) Ryoanji



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Áp dụng vườn đá trong trang trí kiến trúc hiện đại

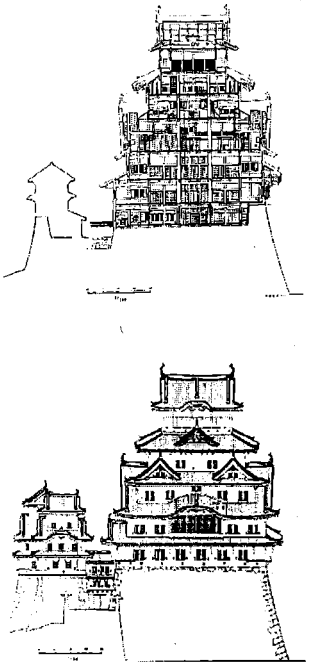
Musô xây dựng những khu vườn để dạo chơi tại Saiho-ji, giống như những khu vườn của các nhà quý tộc Nhật Bản. Vườn Saiho-ji mở ra một viễn cảnh luôn luôn thay đổi để con người trầm tư, suy nghĩ trong lúc đi dạo: một bụi tre, một phiến đá rêu phủ, một hòn đá tảng được kê đặt cẩn thận, gây ấn tượng là một thác núi, không có nước, đầy tính ảo giác và tượng trưng. Trên lối đi, mọi cảnh vật luôn đổi thay rất phong phú, gợi cho người vãn cảnh, cảm giác hấp dẫn, luôn luôn nhìn thấy cái mới, cái lớn trong cái nhỏ, dường như toàn bộ vũ trụ hiện ra trong khuôn viên của khu vườn. Vườn Thiền của Tu viện Ryoan-ji tạo dựng từ nửa đầu thế kỷ XVI là một loại vườn Thiền thể hiện rõ những đặc điểm của vườn Nhật Bản truyền thống, như: tiểu đảo, cầu nhỏ và hồ, có thể ngắm nhìn từ mọi phía đồng thời mang ý nghĩa tượng trưng.

Người ta thay nước bằng cát hoặc sỏi vàng cũng như bố trí các phiến đá phẳng để tượng trưng cho các chỗ cạn và các tảng đá cho các hòn đảo và các góc nhô, từ đó tạo nên một dạng vườn khô (hoặc vườn đá). Khu vườn nổi tiếng nhất là Ryoan-ji có từ nửa cuối thế kỷ XV. Khu vườn có hình chữ nhật ba mặt là tường bằng đất, mặt thứ tư là hành lang của toà nhà Hojo. Vườn có 15 tảng đá với nhiều hình dáng được xếp thành 5 nhóm trên cát trắng. Mỗi nhóm có số lượng tảng đá khác nhau: một nhóm 5, hai nhóm 3 và hai nhóm 2. Những tảng đá tạo hình ảnh hổ mẹ với các hổ con bơi qua dòng sông và hướng về một con rồng hung dữ... Cũng có người hình dung các hòn đảo Nhật Bản trên đại dương.

6. Lâu đài Himeji

Khoảng thế kỷ XVI, ở Nhật mọc lên rất nhiều lâu đài, vừa là pháo đài ở khắp mọi miền đất nước, mỗi lâu đài tượng trưng cho quyền lực tối cao của một lãnh chúa. Nước Nhật thời đó là một quốc gia của những lãnh chúa, mỗi người hùng cứ một phương và người nào cũng muốn thể hiện quyền uy với biểu tượng là những pháo đài kiên cố, đồ sộ. Mỗi lâu đài được xem như một "quyền lực quốc gia" riêng, một nền cai trị riêng với quân đội hùng mạnh.

Thời cực thịnh của việc xây dựng các lâu đài là khoảng thời gian 40 năm từ 1575 đến 1615, trong thời gian đó đã có 100 lâu đài mọc lên. Lâu đài còn lại đến nay được xếp vào hàng đẹp nhất phải kể đến là Himeji xây dựng từ năm 1608 đến 1613. Công trình có chiều cao 46m.

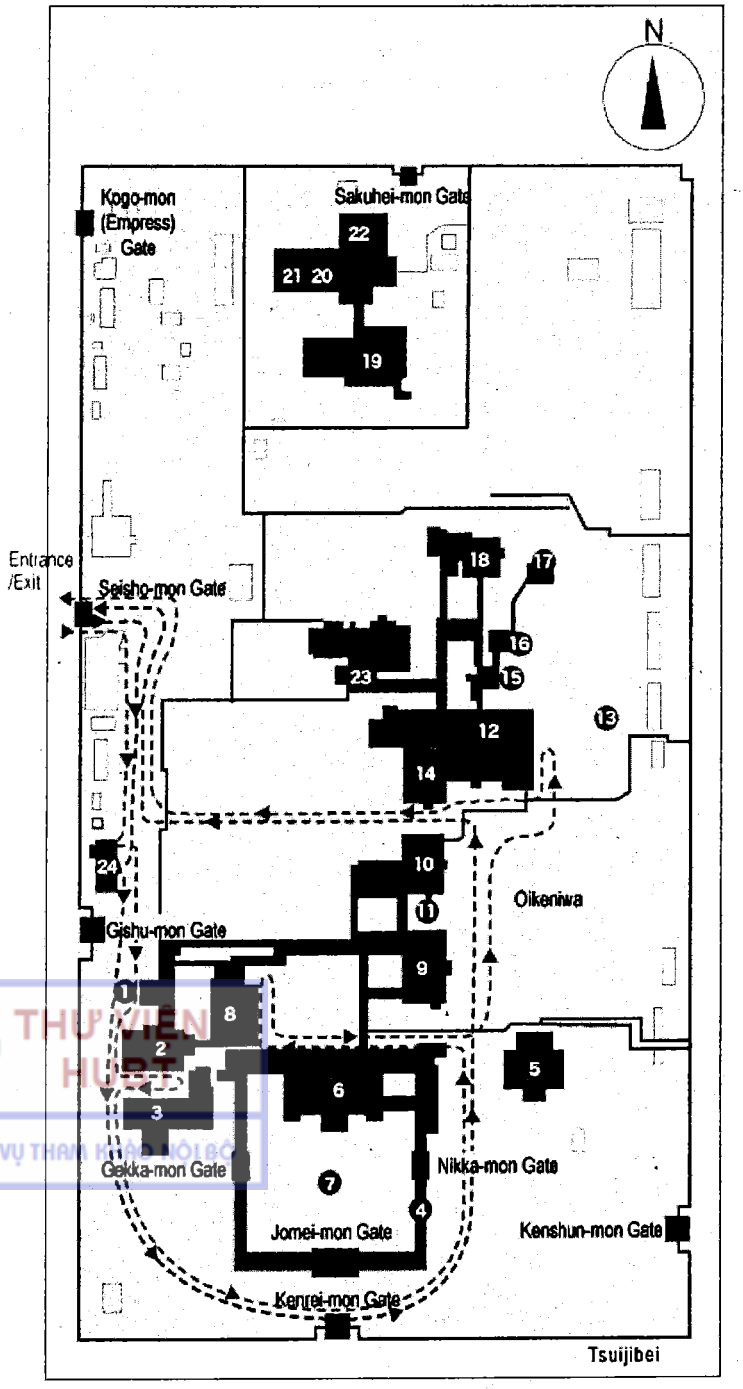


Lâu đài Himeji

1 Okurumayose
2 Shodaibunoma
3 Shinmikurumayose
4 Corridors
5 Shunkoden
6 Shishinden
7 Dantei
8 Seiryoden
9 Kogosho
10 Ogakumonjo
11 Kemarinoniwa
12 Otsunegoten
13 Gonaitei
14 Omima
15 Koshun
16 Osuzumisho
17 Chosetsu
18 Ohanagoten
19 Kogogutsunegoten
20 Wakamiyagoten
21 Himemiyagoten
22 Higyosha
23 Sandaiden
24 Waiting Room

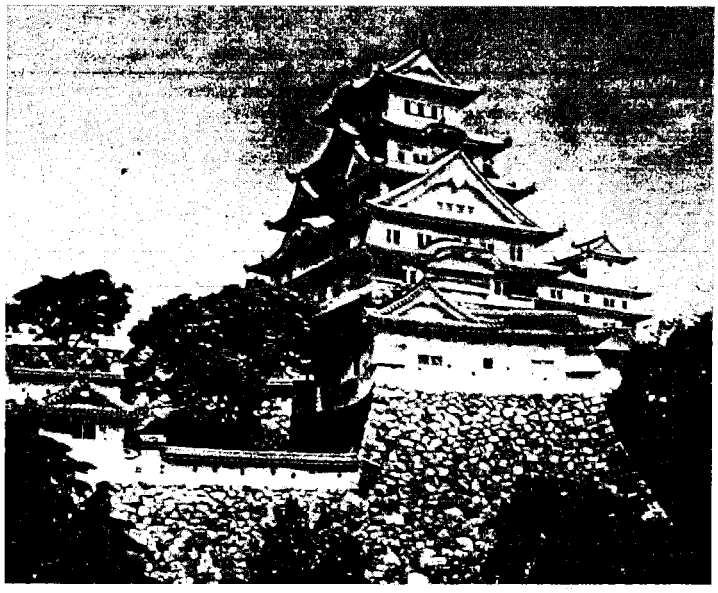
Standard tour course

Shorten tour course

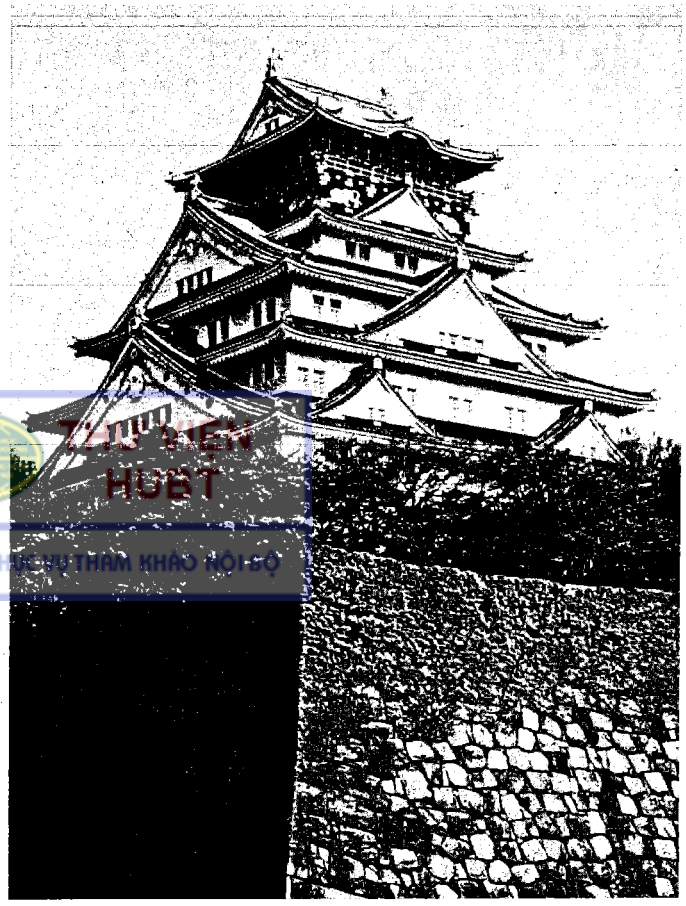


Sơ đồ hoàng cung Himeji

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Lâu đài Himeji



Lâu đài Osaka

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những lâu đài còn lại đến nay như Himeji đã trở thành báu vật trong kho tàng những kiến trúc cổ ở Nhật Bản. Tổng thể kiến trúc có khuôn viên rất rộng, bao gồm toà tháp cao ở giữa, xung quanh có bốn tháp gắn với tường thành xung quanh làm nhiệm vụ canh giữ. Toà tháp giữa chính là nơi ở của lãnh chúa xung quanh có vườn cảnh. Bao quanh khu lâu đài ngoài tường thành còn nhiều lớp hào nước chạy theo địa thế tự nhiên của khu đất.

Một công trình pháo đài khác còn được lưu giữ trở thành một bảo tàng - lâu đài, đó là lâu đài Osaka xây dựng năm 1583, có lần bị cháy do chiến trận được xây lại vào năm 1625, rồi cũng bị cháy lần nữa, lần cuối xây dựng lại vào năm 1931. Tường thành cao 20m, hào nước rộng 70 - 90m, tường thành xây bằng tảng đá cực lớn, có tảng nặng tới 130 tấn.

THỦ ĐÔ TOKYO, TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Cho đến thế kỷ XVII Edo chưa là kinh đô nhưng đã là thành phố lớn (1,4 triệu dân vào năm 1787), khi đó triều đình Nhật Bản vẫn đóng ở Kyoto, nhưng thực quyền thống trị lại nằm trong tay các tướng lĩnh và võ sĩ đạo ở Edo, như vậy trên thực tế Edo là trung tâm chính trị của cả nước. Năm 1868, cuộc cải cách của vua Minh Trị chấm dứt quyền cai trị cũ ở Edo và đã dời thủ đô về Edo, đổi tên thành Tokyo, từ đó Tokyo là thủ đô của Nhật Bản.

Sau cuộc cải cách của Minh Trị, nền kinh tế của Nhật bản phát triển nhanh chóng, hấp thụ kỹ thuật tiên tiến từ các nước phương Tây, Nhật đã tạo dựng được các ngành công nghiệp dệt, quân sự, đóng tầu, xi măng,làm giấy và in ấn. Năm 1870, Nhật Bản xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên dài 30km nối liền Tokyo và Yokohama, vai trò trung tâm chính trị, văn hóa của Tokyo đã nổi bật, tuy về mặt sản xuất công nghiệp vẫn còn kém Osaka.

THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ TRA CỨU KHÔNG NỘI BỘ

Sau đó chính phủ trung ương tăng cường việc quản lý kinh tế toàn quốc và vai trò kinh tế của Tokyo tăng lên. Cho đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất thì công nghiệp Nhật Bản đã rất phát triển, số nhà máy năm 1920 đã tăng lên 45.600 và số người làm việc từ 821.000 người năm 1909 tăng lên đến 1.758.000 người. Số nhà máy ở Tokyo so với tổng số nhà máy toàn quốc từ 10,3% tăng lên 11,1%, số người làm việc từ 10,6% tăng lên đến 11,2%. Tuy nhiên trận động đất năm

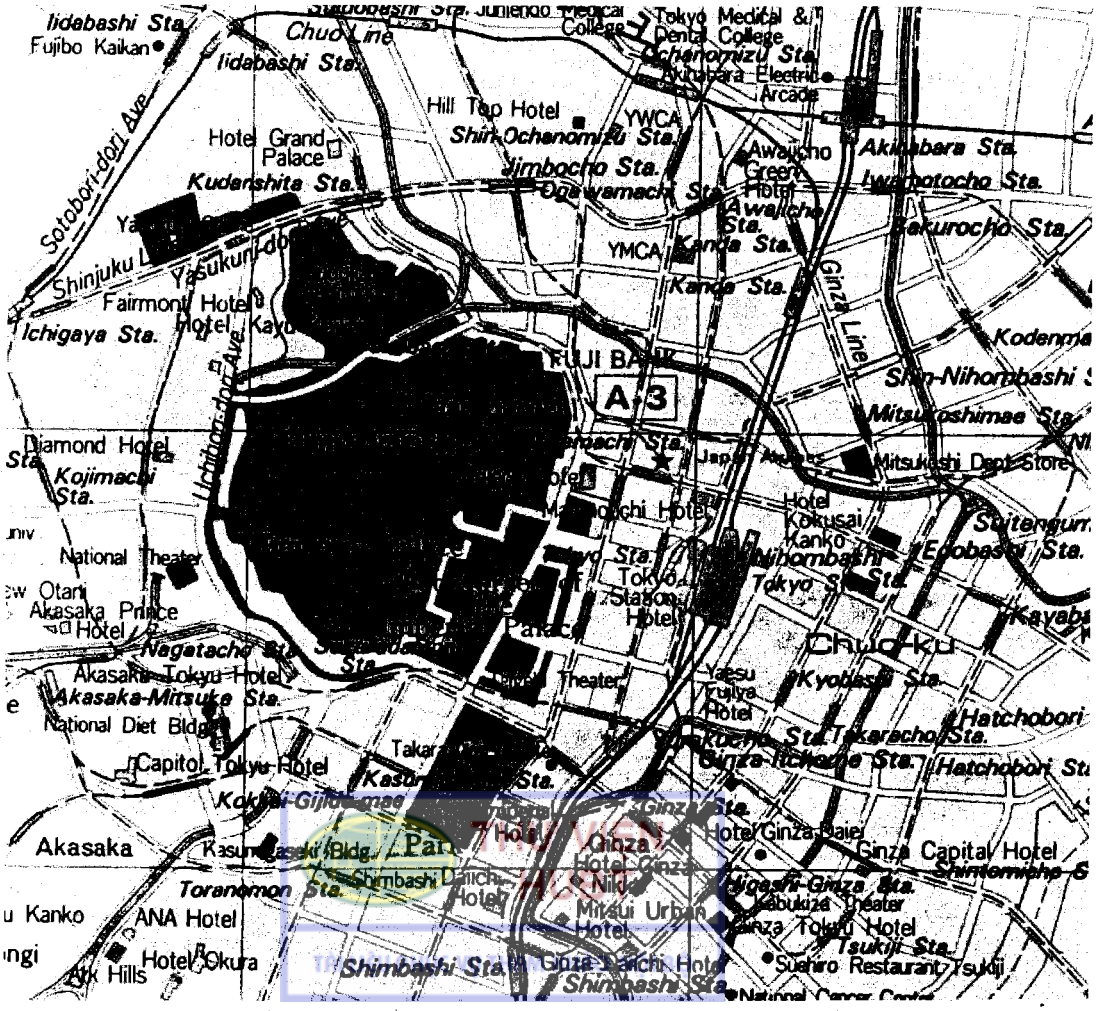
1923 gây thiệt hại nặng nề cho Tokyo về người và của nên trung tâm kinh tế toàn quốc chuyển về Osaka.

Năm 1930, số người làm trong ngành công nghiệp ở Tokyo giảm đi hơn 20.000 người chỉ còn chiếm 10,4% tổng số lao động cả nước. Từ những năm 30, Nhật Bản thực hiện chủ nghĩa quân phiệt cũng làm cho Tokyo phát triển với tốc độ cao. Năm 1940 số dân Tokyo đạt 7,35 triệu, cao nhất so với thời kỳ trước Chiến trang thế giới lần thứ hai. Chiến tranh đã gây thiệt hại nặng nề và trong thời gian quân quản của quân đội Mỹ thì số dân Tokyo giảm nhiều, cuối năm 1954 chỉ còn 2,78 triệu người và nên kinh tế cũng bị suy sụp.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản lại tăng trưởng nhanh và Tokyo cũng đạt mức phát triển chưa từng có. Vào năm 1962 dân cư đã vượt con số 10 triệu, trở thành một trong những thành phố phồn vinh và sầm uất nhất thế giới. Nếu tính cả những vùng đất phụ ở xung quanh thì Tokyo có diện tích trên 36.000km^2 và dân số trên 39 triệu, riêng khu vực nội thành là 591km^2 và dân số là 9 triệu người. Sự phát triển của Tokyo có tác dụng thúc đẩy sự phát triển chung của Nhật Bản về các mặt chính trị và kinh tế xã hội, cùng với Yokohama tạo thành "khu công nghiệp Tokyo - Yokohama" lớn nhất Nhật Bản cũng như châu Á. Tokyo còn là một trung tâm tài chính chủ yếu của thế giới, với rất nhiều ngân hàng lớn của Nhật Bản và của thế giới. Kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao nhờ công nghiệp tăng trưởng nên dân cư tăng nhanh và không gian đô thị cũng mở rộng. Từ năm 1965 việc xây dựng nhà ở lan ra ngoại thành phía Tây của thành phố tới các huyện lân cận cách xa Tokyo 30 - 40km.

Là trung tâm văn hóa, giáo dục của toàn quốc, Tokyo tập trung 17% trường cao đẳng và đại học 27% sinh viên toàn quốc. Nhiều trường đại học nổi tiếng như Đại học Oaseda, Đại học Tokyo, Đại học Keio, Đại học Minh Trị, Đại học pháp lý Hoxay, rất nhiều trường đại học chuyên ngành gắn kết với các viện khoa học. Tokyo cũng là trung tâm thông tin về khoa học kỹ thuật và kinh tế trong và ngoài nước. Từ năm 1958, Tokyo đã xây dựng 3 trung tâm mới là khu Xinjuku, khu Xibuia, và khu Ikebokuro, để tránh tình trạng các hoạt động tập trung quá mức vào các trung tâm cũ. Ginza là khu thương mại sầm uất nhất Tokyo. Đại lộ Ginza dài 1,5km nằm gần cảng Tokyo và ga xe lửa, đã trở thành tuyến đường phố buôn bán náo nhiệt với các cửa hàng cửa hiệu chen chúc. Ở Tokyo, bên cạnh nhưng cao ốc đồ sộ,

THƯ VIỆN HUBT



Bản đồ Hoàng Cung (Imperial Palace),
vị trí cũ của thành Edo

Đặc sắc đô thị
Nhật Bản

vẫn tồn tại một Tokyo cũ với những ngôi nhà bằng gỗ, các cửa hiệu nhỏ các quán trọ. Nét đặc sắc của Tokyo là sự kết hợp hài hòa nhịp sống hiện đại với nét sinh hoạt truyền thống đã có bao đời của người dân Nhật Bản.

Tại trung tâm Tokyo hiện đại có một không gian xanh lớn với những tòa nhà thâm nghiêm trầm mặc, đó là khu cung điện Hoàng gia. Nơi ở và làm việc của các thế hệ Nhật hoàng thể hiện mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại. Hoàng cung được ngăn cách với bên ngoài bằng một bức tường đá xung quanh có hào nước bao bọc chu vi khoảng 5km.

Nơi ở của Hoàng Gia là vị trí cũ của thành Edo nhà cửa và các cung điện được chỉnh trang và vẫn giữ vẻ nguy nga tráng lệ như xưa.

1. Hoàng Cung

Ngày nay Hoàng Cung là một tổng thế kiến trúc rộng lớn, nằm giữa một rừng cây xanh có vai trò "lá phổi" cho cả Thành phố Tokyo. Phần lớn diện tích trong khu vực dành cho nhân dân đến nghỉ ngơi, vui chơi và ngắm cảnh.

Bao quanh tổng thế kiến trúc Hoàng Cung là hào nước có nhiều cầu bắc qua. Vườn hoa, cây cảnh và kiến trúc Hoàng Cung mang dấu ấn rõ nét nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản.

Trong cảnh quan đô thị Tokyo luôn có sự hiện diện của các dấu ấn nghệ thuật truyền thống Nhật Bản được thấy rõ trong cách tạo vườn cảnh và được lưu giữ trên những dòng nước, cây cầu và những lùm cây được chăm sóc chu đáo. Nhật Bản là nơi dễ gặp cảnh tương phản giữa hình ảnh truyền thống nên thơ, ví dụ một cổng đền trên nền núi Phú Sĩ phía xa, với sự sôi động của một đô thị siêu hiện đại.

THƯ VIỆN HUBT

Kiến trúc tín ngưỡng có vai trò quan trọng trong cảnh quan đô thị Tokyo. Một loại hình kiến trúc hay gặp trong các chốn linh thiêng là kiến trúc cổng mang tên Torii. Đây là một loại cổng lễ nghi thường đặt phía trước các ngôi đền Thần Đạo. Khách thăm viếng đi qua cổng biết là mình đã đi vào nơi hành đạo từ đó giữ thái độ trang nghiêm, thành kính.

Hoàng đế Minh Trị được tôn thờ là người có công đưa đất nước bước vào thời hiện đại. Đây là thời kỳ đất nước Nhật Bản có những bước phát triển vượt bậc để có thể sánh cùng các cường quốc năm



Toàn cảnh vườn Hoàng Cung

châu. Một ngôi đền trên khu đất rộng rãi ở phía Tây trung tâm thủ đô được dựng để thờ ông. Khu đền trở thành nơi có cảnh quan đẹp, luôn có nhiều khách thăm viếng.

Ngôi đền Asakusa Kannon có quy mô rất lớn nằm về phía Đông trung tâm thủ đô. Đền được hình thành từ thế kỷ 7 đến chiến tranh thế giới thứ hai thì bị phá hủy và được xây dựng lại bề thế như hiện nay. Truyền thuyết kể lại rằng ngôi đền được dựng để thờ bức tượng thần bằng vàng do dân chài lưới vớt được ở cửa sông. Tổng thể kiến trúc đền gồm ngôi đền chính gần với tòa tháp có kiến trúc rất đẹp, được xem như một biểu tượng của thủ đô Tokyo.

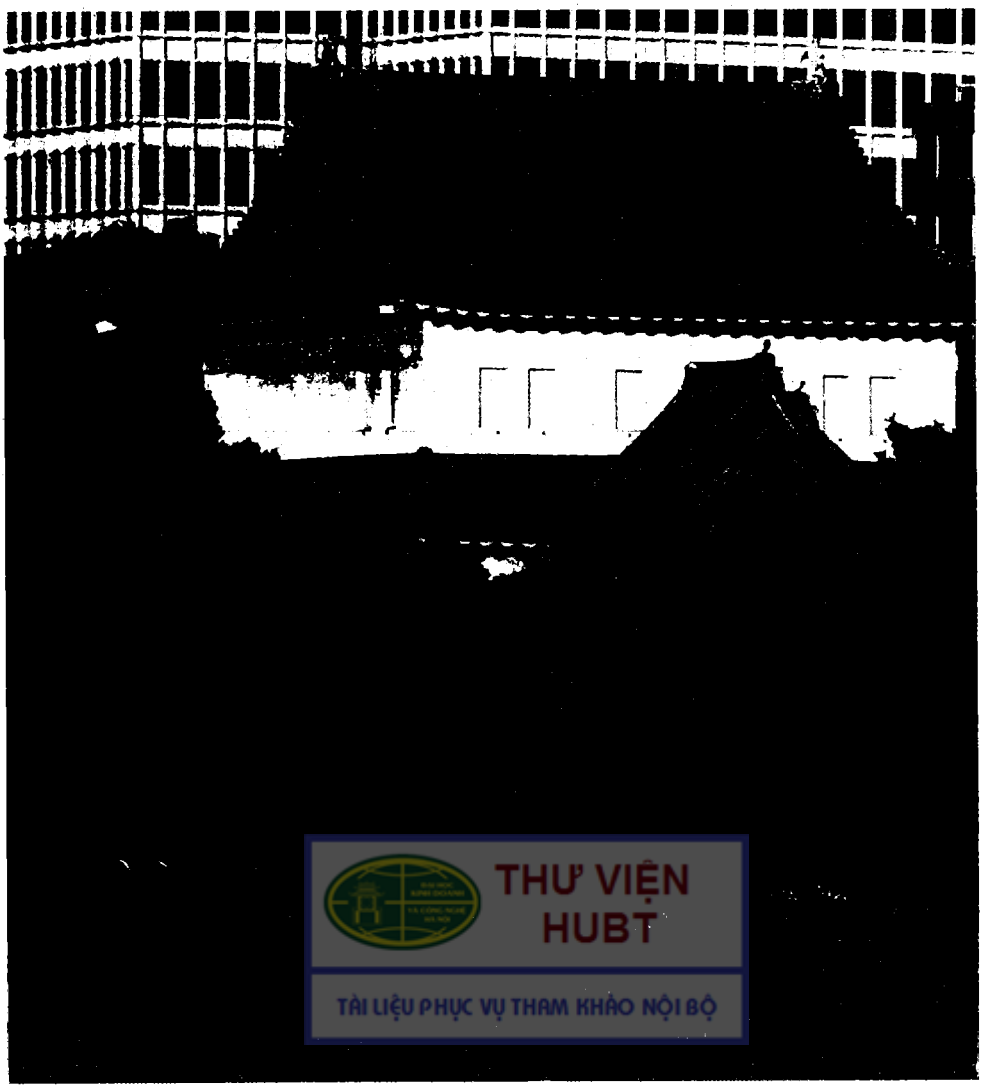
Nhà ở vườn cảnh là nơi thể hiện rõ nghệ thuật truyền thống Nhật Bản. Tại những khu phố cũ vẫn có nhiều nhà ở bình dị của người dân Nhật Bản là nơi đất chật người đông, nhà ở thường nhỏ và xinh xắn được tạo dựng tinh tế với bộ khung gỗ, đường nét thanh thoát và không trang trí rườm rà. Môi trường vệ sinh được chăm sóc chu đáo. Vài chậu cây, khóm hoa tô điểm nét mộc mạc của không gian sống trên đường phố cũ.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nhà chung cư được xây dựng nhiều ở các vùng ngoại vi thành phố. Nhà ở có nhiều quy mô khác nhau, được gắn kết khéo léo vào cảnh quan tự nhiên của khu vực, giúp cho người dân được sống hài hòa với thiên nhiên. Giữ vệ sinh trong nhà ở và nơi công cộng là đức tính nổi bật của người dân Nhật Bản.

Đặc sắc đô thị Nhật Bản

Các đường phố là một bộ phận quan trọng của cảnh quan đô thị. Ở Tokyo cảnh quan này được chăm sóc chu đáo.



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

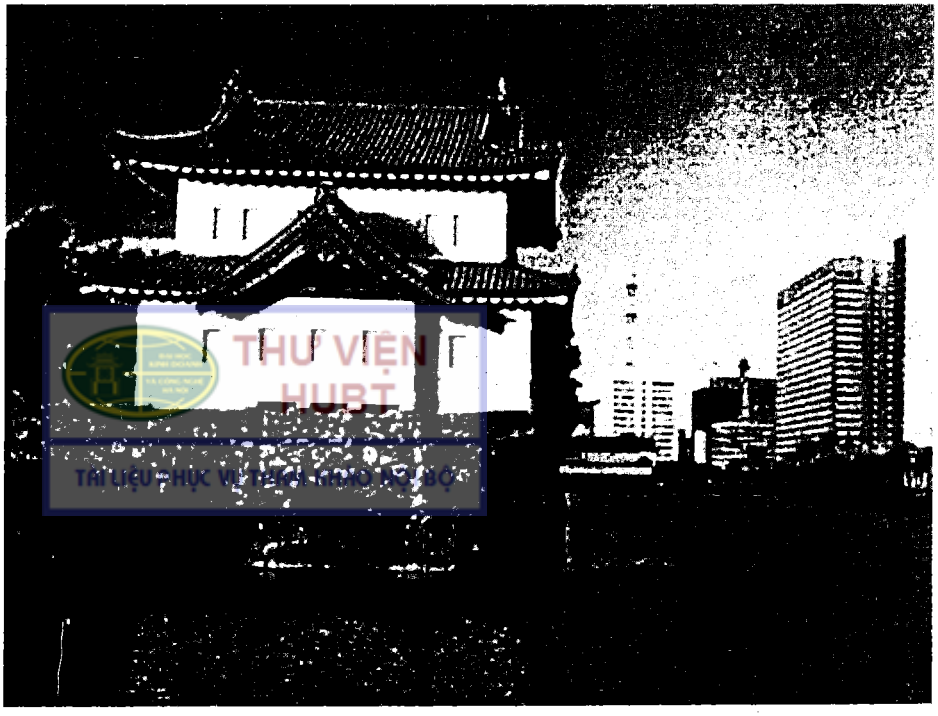
Một góc nhìn của lâu đài Hoàng Cung ẩn hiện sau đám cây cổ thụ mang đậm nét Nhật Bản. Hình ảnh cổ kính của kiến trúc truyền thống in hình trên nền kiến trúc hiện đại phía xa.



Một góc lối vào chính khu Hoàng Cung (cầu Nijubashi)



Cầu Nijubashi bắc qua hào nước vào lâu đài Hoàng Cung

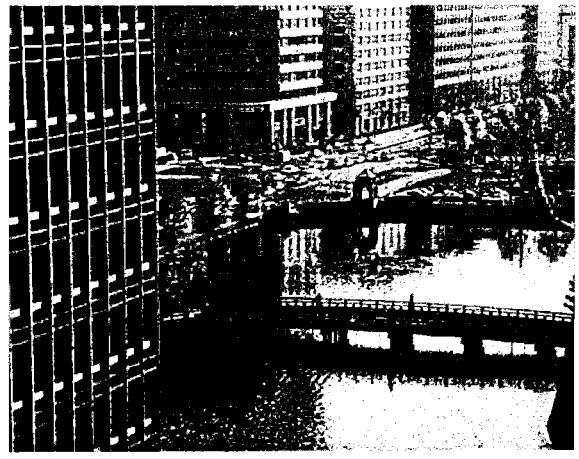


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU

Một góc nhìn của lâu đài Hoàng Cung có bộ mái được trang trí công phu, công trình có dáng vẻ bề thế nhưng vẫn giữ được vẻ tao nhã, thanh khiết.



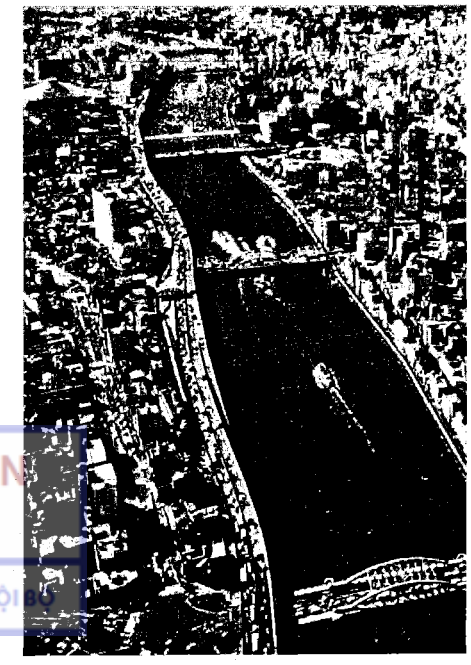
Một dòng suối trong vườn cảnh ở ngoại vi Tokyo



Một đoạn kênh chảy trong đô thị trở thành một cảnh quan quý giá



Nhờ mặt nước và cây xanh mà đô thị còn giữ được chút vẻ sinh thái



Khung cảnh sôi động của đô thị hiện đại hai bên sông Sumido ở nơi sắp chảy ra biển

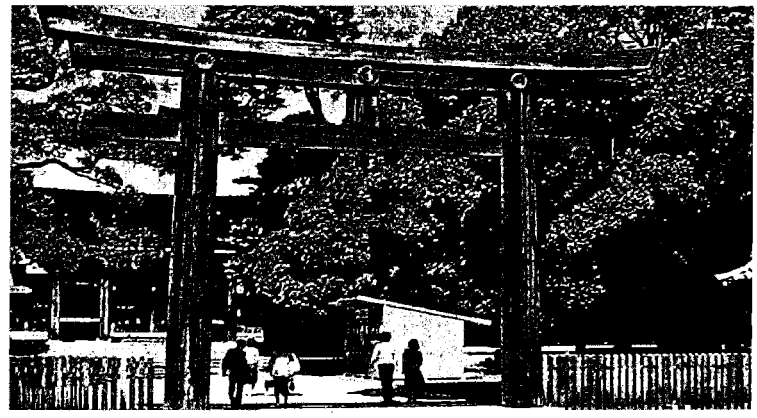


Hình ảnh dòng sông nên thơ với núi Phú Sĩ phía xa

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Hình ảnh cổng Torii ở phía ngoài đền thờ Minh Trị

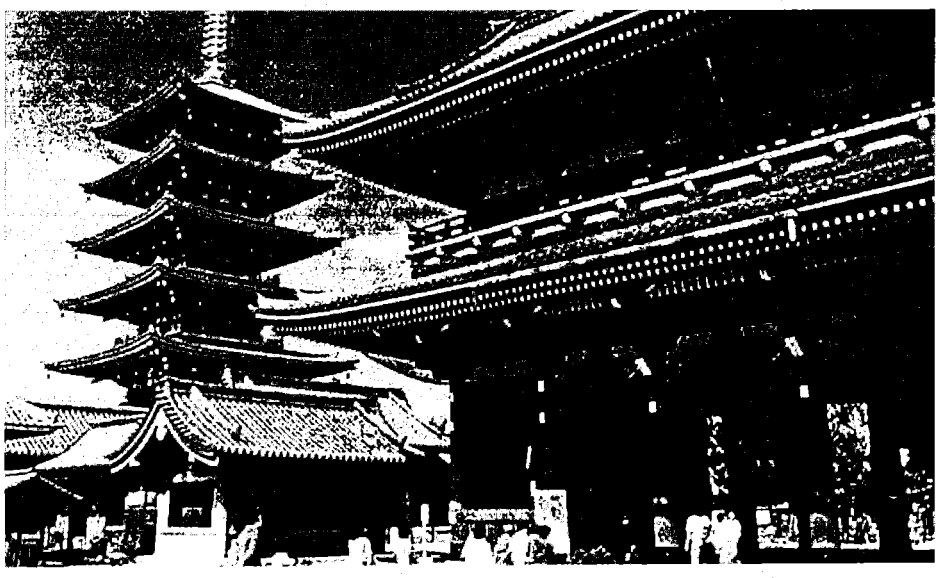


Hình ảnh phía ngoài đền thờ Minh Trị



Hình ảnh phía trong đền thờ Minh Trị

THƯ VIỆN HUBT

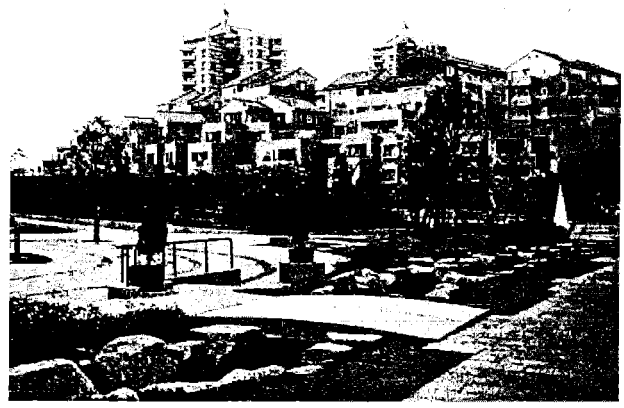


Tổng thế kiến trúc đền Asakura Kannon



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cổng vào phía trước ngôi đền chính



Môi trường sống các khu ở luôn được chăm sóc để có cảnh quan đẹp và tinh khiết



Hình ảnh ấm cúng của nhà ở dân gian



Quang cảnh một đường phố với nhiều cửa hàng sang trọng và những hàng cây đẹp được chăm sóc chu đáo

THƯ VIỆN HUST

Đặc sắc đô thị Nhật Bản

2. Các kiến trúc công cộng ở Tokyo rất đa dạng

Do có nền văn hóa phong phú và phát triển cao trong đó có các loại ca kịch đặc sắc, Tokyo có nhiều nhà hát hoạt động thường xuyên.

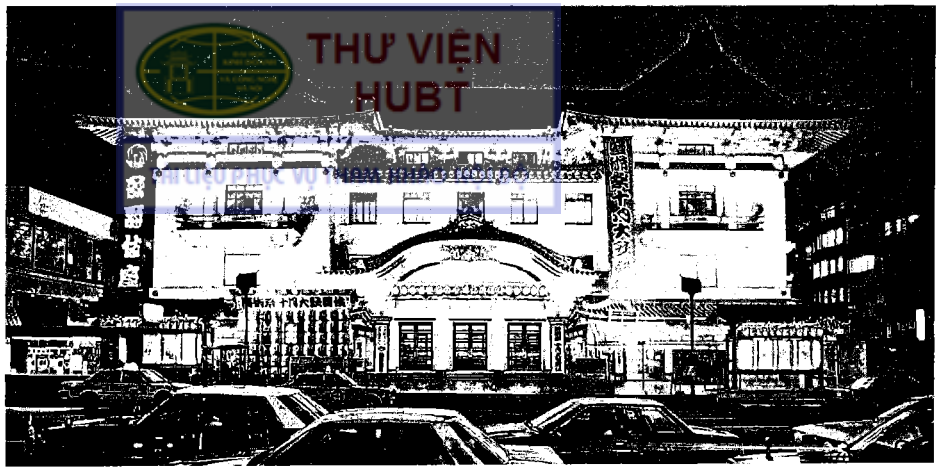
Nhà hát kịch Kabuki luôn rực rỡ ánh đèn đêm. Kabuki là loại kịch truyền thống được người dân ưa thích nên nhà hát hoạt động quanh năm. Nhà hát trở thành một tâm điểm văn hóa quan trọng ở phía Đông thành phố.

Nghệ thuật kiến trúc nhà hát Nhật Bản thường kế thừa truyền thống kiến trúc lâu đời của đất nước.

Tòa nhà Nghị viện nằm ở phía Tây Nam khu Hoàng Cung thể hiện một phong cách du nhập từ Âu châu nhưng được biến cải cho phù hợp với không gian kiến trúc Nhật Bản. Công trình nằm ở khu vực có phong cảnh đẹp và hấp dẫn khách du lịch.

Thủ đô Tokyo có tới 150 bảo tàng các loại, trong đó nhà bảo tàng Quốc gia ở công viên Ueno là nơi lưu giữ bộ sưu tập phong phú về nghệ thuật tạo hình Nhật Bản. Bản thân nhà bảo tàng cũng mang dấu ấn rõ nét của nghệ thuật kiến trúc truyền thống. Đây là nơi lui tới thường xuyên của các tầng lớp nhân dân, khách du lịch, học sinh và sinh viên.

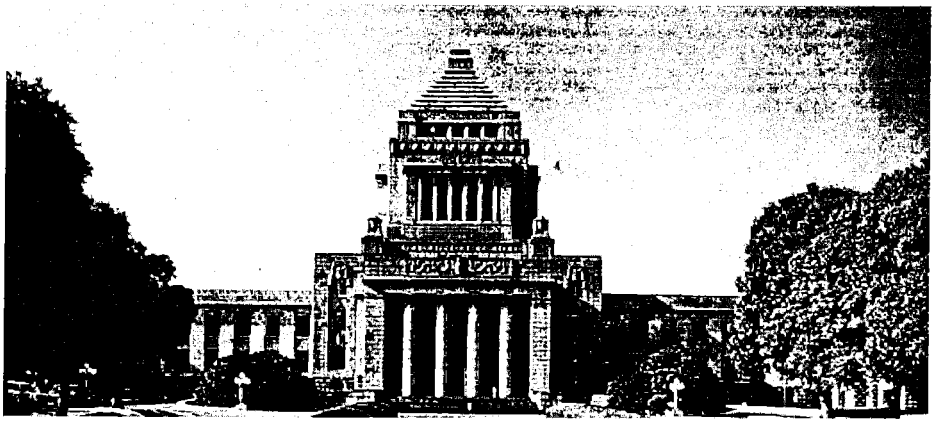
Các bảo tàng nghệ thuật tranh, tượng... thời cổ điển và thời hiện đại chiếm một bộ phận quan trọng trong hệ thống các bảo tàng ở Tokyo.


THƯ VIỆN
HUBT

Quang cảnh nhà hát Kabuki được chiếu sáng rực rỡ



Sân khấu biểu diễn kịch truyền thống

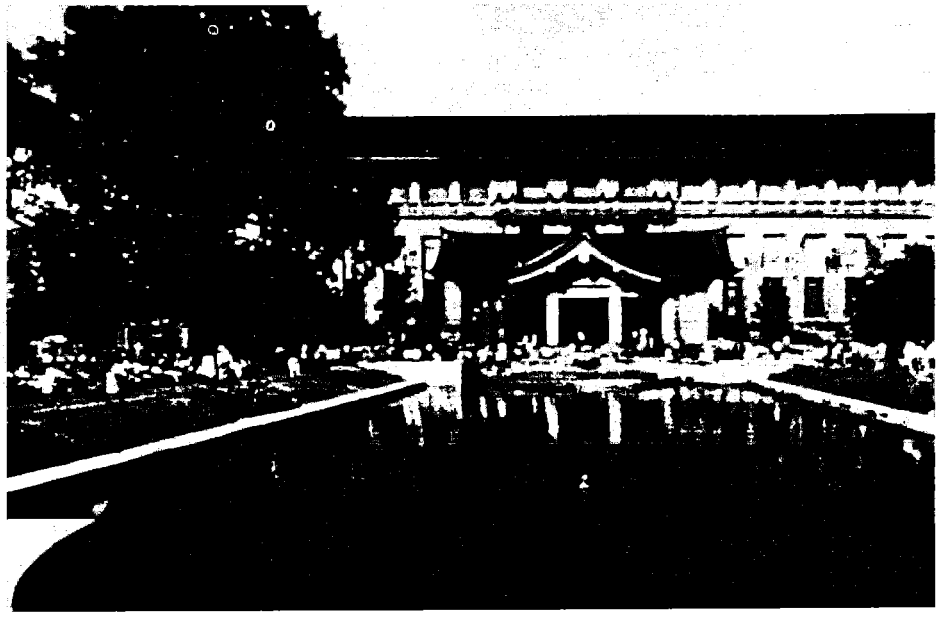


Hình ảnh bề thế của kiến trúc tòa nhà Nghị Viện



THƯ VIỆN
HUBT

Nhà hát quốc gia Nhật Bản được xây dựng hiện đại nhưng vẫn giữ đường nét và phong cách kiến trúc truyền thống mang không khí ấm cúng của các ngôi nhà gỗ xưa



Hình ảnh nhà bảo tàng in bóng trên hồ nước



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nội thất phòng trưng bày tranh và tượng trong bảo tàng Quốc gia Nhật Bản. Đây là nơi lưu giữ kho tàng phong phú của nghệ thuật truyền thống Nhật Bản.

3. Tòa thị chính Tokyo

Shinjuku là một trung tâm mới của thành phố phát triển về phía Tây so với trung tâm cũ, trở thành một khu vực sầm uất với rất nhiều cao ốc hiện đại. Đặc biệt tại đây đã xây mới quần thể kiến trúc tòa thị chính Tokyo do Công ty của nhà kiến trúc lão thành Kenzo Tange phụ trách. Công trình được coi là siêu hiện đại mang phong cách "kiến trúc vị lai".

Tòa thị chính Tokyo được xếp loại "siêu hiện đại" của nghệ thuật kiến trúc thế giới. Quần thể kiến trúc đồ sộ với ba thành phần: khối cao nhất (tòa tháp 1) với hai nhà tháp cao 243m, khối cao trung bình (tòa tháp 2) 163m gồm ba nhà tháp dật cấp và khối thấp là khu hội nghị. Sự gắn kết ba bộ phận được xử lý khéo léo nên rất hài hòa.

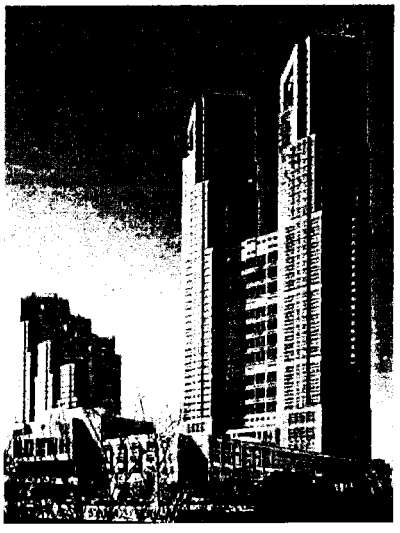
Hình ảnh mặt bên của khối tháp thứ hai (gồm ba tháp dật cấp) với sự đan xen các khối đặc và rỗng và cách xoay hướng những khối phụ. Cách xử lý khéo léo đã xóa đi cảm giác nhàm chán của các "hộp bê tông" thường thấy.

Quần thể kiến trúc tòa thị chính được đưa vào sử dụng năm 1991, đủ chỗ làm việc cho hơn hai mươi vạn người.

Hình ảnh khối chính của tòa nhà với hai nhà tháp được xử lý tinh tế bằng cách xoay hướng phần đỉnh tháp, phối kết khối nhà sinh động, cách phân vị mới mẻ gợi cảm giác hướng về tương lai của thời đại "vi tính hóa" mọi hoạt động quản lý.



Cao ốc ở trung tâm Shinjuku



Tòa tháp 1 (phía phải) và tòa tháp 2 (phía trái)

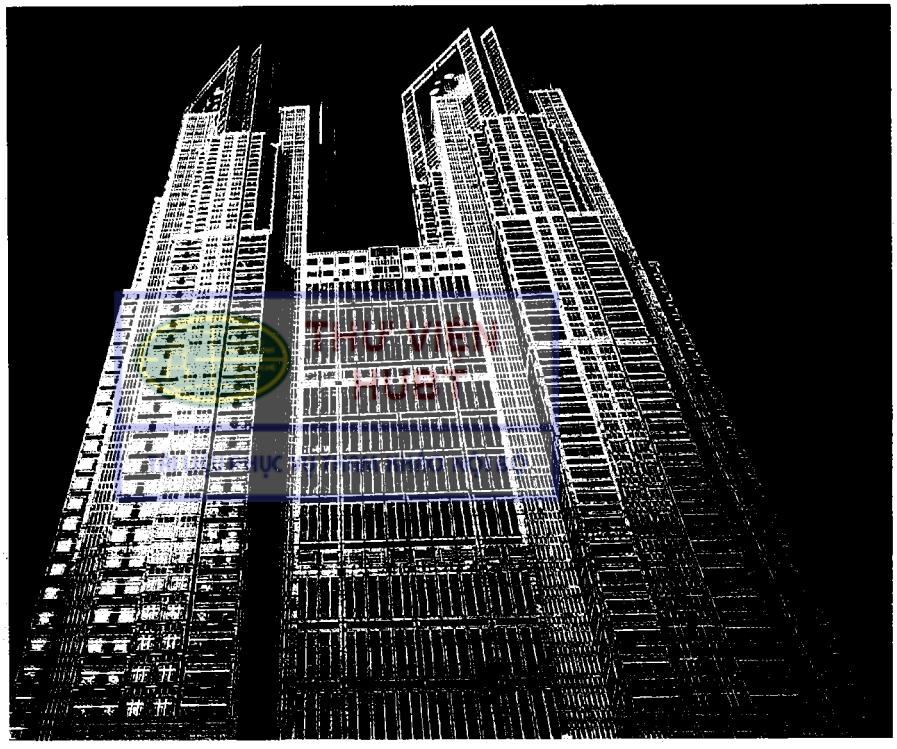


Hình ảnh mặt bên của khối tháp thứ hai (gồm ba tháp dật cấp)

THƯ VIỆN HUBT
TRI ỨC PHỤC VỤ THÀNH NHÓ NỘI BỘ



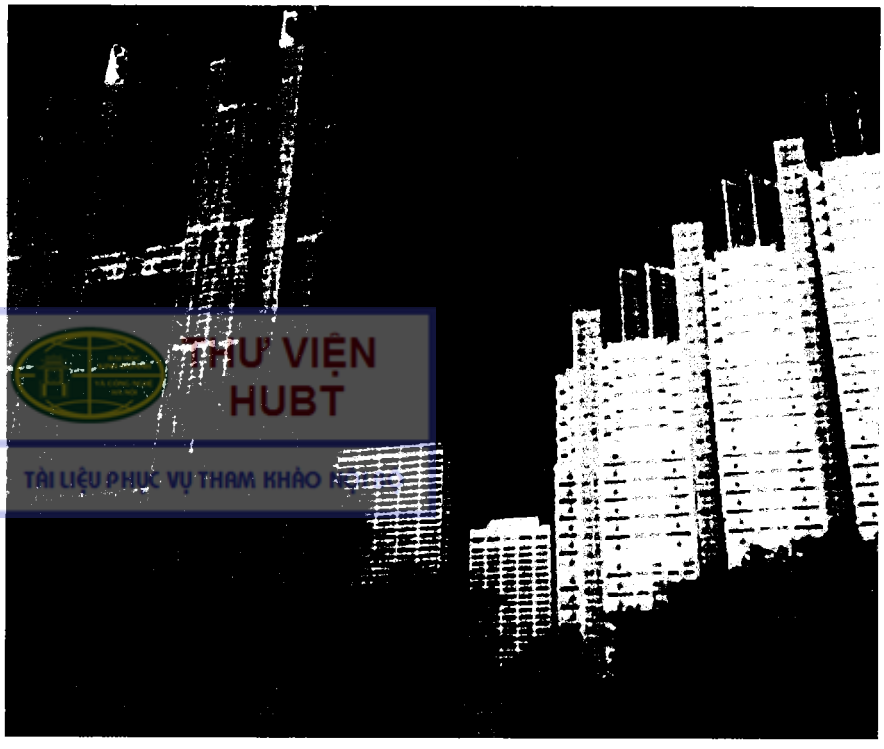
Hình ảnh lối vào chính tòa thị chính Tokyo



Tòa tháp 1



Quần thể các cao ốc tòa thị chính gây ấn tượng mạnh



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

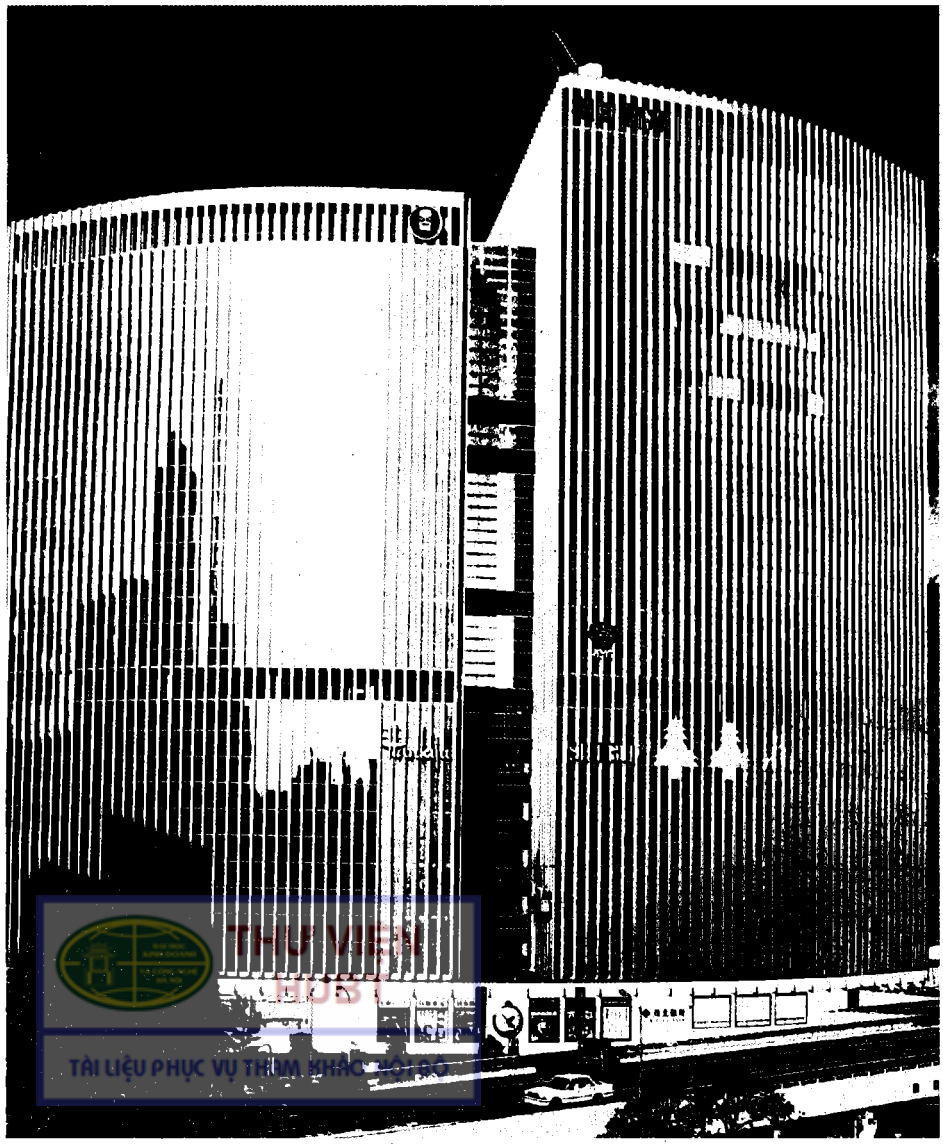
Tòa tháp 1



Hình ảnh Tòa thị chính nhìn từ sân trong khu vực hội nghị với một nhà cầu lượn cong và bức tượng tiền cảnh tạo nên đường nét đặc biệt hấp dẫn cho khối kiến trúc hiện đại



Thành phố qui mô cực lớn nhưng giao thông được tổ chức khoa học nên luôn trật tự. Đặc biệt các tuyến dành cho người đi bộ thể hiện một trình độ văn hóa cao và người đi bộ luôn được tôn trọng.



Toà cao ốc văn phòng của hãng Mullion
phản ảnh một tư duy sáng tạo gây ấn tượng bởi đường nét kiến trúc
phóng khoáng, nhịp điệu sinh động, giản dị nhưng rất hoành tráng

THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

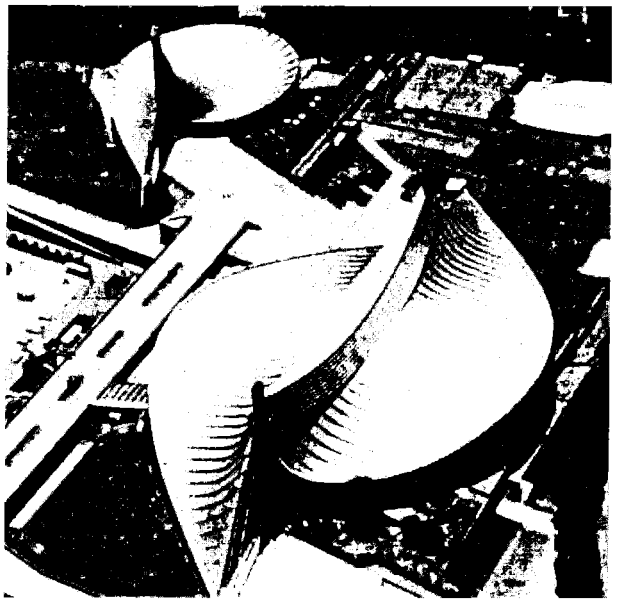
4. Các công trình thể thao có nhiều nét đặc sắc

Kiến trúc hiện đại Nhật Bản có nhiều thành công trong việc khai thác nét đẹp của nghệ thuật truyền thống. Trong số những thành công nổi bật phải kể đến quần thể kiến trúc thể thao Olympic 1964. Tác giả là kiến trúc sư Kenzo Tange, một "cây đại thụ" của nền kiến trúc hiện đại Nhật Bản. Dáng cong mềm mại của bộ mái gợi nghĩ đến nét cong vốn có của bộ mái nhà truyền thống. Nhưng bộ mái của công trình thể thao này lại dựa trên một cấu trúc của công nghệ hiện đại: cấu trúc dây văng.

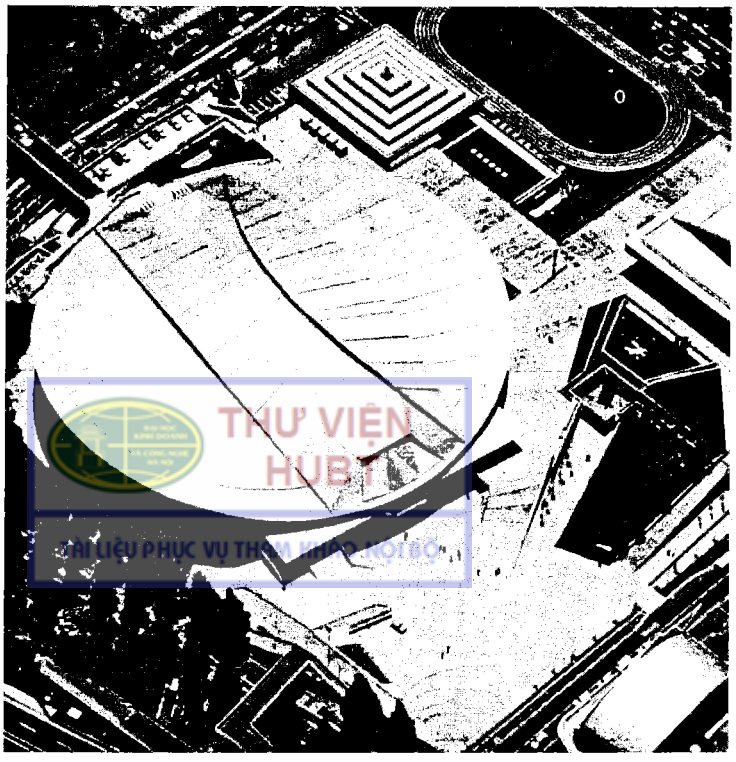


Công trình Tokyo Dome do KTS. Takenata thực hiện năm 1988

THƯ VIỆN HUST



Ảnh chụp từ trên cao cho thấy bộ mái của các nhà thi đấu mang hình ảnh bộ mái nhà truyền thống



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nhà thi đấu các môn thể dục do KTS. Fumihiko Maki thực hiện vào năm 1990 là một sáng tạo đặc sắc với kiểu mái "gấp nếp". Công trình cũng là một thành công nổi bật trong việc kết hợp truyền thống và hiện đại.

III. KIẾN TRÚC THÁI LAN VÀ THỦ ĐÔ BANGKOK

CÁC KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU

1. Kiến trúc Chùa, Tháp

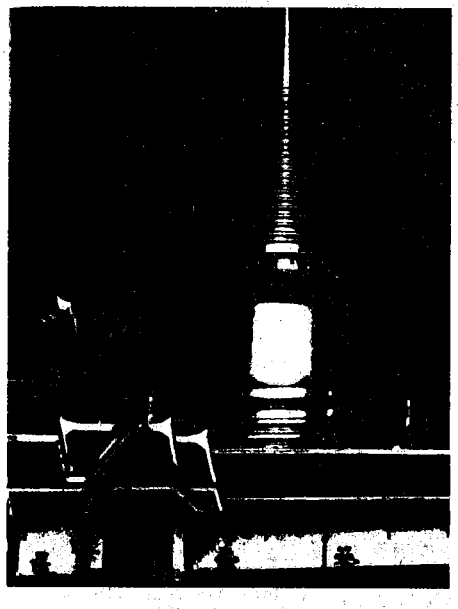
Như trên đã nêu, đạo Phật có vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Thái Lan. Các gia đình thường tạo điều kiện để trẻ em có được những sinh hoạt gắn bó với nhà chùa như đến chùa để làm trẻ chùa, hoặc thực hiện các nghi thức để sau làm tiểu hoặc làm sư. Trẻ em thường được gửi tới chùa ở độ tuổi 8 - 9 tuổi cho tới 17 - 18 tuổi để làm trẻ chùa. Tại đây trẻ em sẽ được dạy dỗ vào buổi chiều và buổi tối theo các nghi thức của đạo Phật cũng như ôn tập bài vở của nhà trường, trẻ em ngủ lại chùa, thực hiện một số việc phục vụ trong nhà chùa như dọn dẹp sân vườn, phục vụ cơm nước vào buổi tối và buổi sáng. Hàng ngày chúng vẫn đi học ở các trường phổ thông như mọi trẻ khác, buổi trưa và buổi chiều ở lại gia đình và đến chiều tối thì mới tới chùa. Từ đó người ta thấy ở chùa thường có cảnh trẻ em học bài với sự hướng dẫn của sư sãi ở chùa và thường được rèn luyện để có kỷ luật tốt và thường là những trẻ em ngoan và học giỏi. Ngoài thời gian ở chùa thì các em vẫn giúp đỡ gia đình. Ở độ tuổi lớn hơn nhiều gia đình cho trẻ thực hiện các nghi thức để làm tiểu, các lễ phong tiểu thường được thực hiện vào tháng 7 hàng năm theo những nghi thức nhất định và đến độ tuổi 20, nếu các gia đình có nguyện vọng thì trẻ em sẽ được nhà chùa đỡ đầu để thực hiện các nghi thức trở thành sư của chùa.

Với đặc điểm đời sống tinh thần gắn bó với đạo Phật như vậy nên ngôi chùa ở Thái Lan đã trở thành một trung tâm sinh hoạt của cộng đồng, và vì thế ngôi chùa ở Thái Lan không chỉ là một công trình đơn lẻ mà là cả một quần thể với nhiều công trình có những chức năng khác nhau tuy cùng nhằm một mục tiêu là tiến hành những hoạt động tín ngưỡng, nhưng là một loại tín ngưỡng đã được xã hội hóa cao độ để trở thành một trung tâm sinh hoạt văn hóa và giáo dục được phát triển hết sức rộng rãi trong cư dân Thái Lan. Bình quân trên toàn quốc cứ khoảng 3 nghìn dân có 1 ngôi chùa. Góp công, góp sức cho việc chăm lo tu sửa ngôi chùa được coi là một công đức lớn cho gia đình và cho con cháu.

Vào thời kỳ sau khi kết thúc chiến tranh giữa Thái Lan với Myanma, vương triều Thôn Buri và sau đó là vương triều Bangkok đã có

THƯ VIỆN HUBT

nhiều nỗ lực xây dựng lại đất nước. Các công trình kiến trúc được mọc lên hàng loạt tại Thon Buri và ở kinh đô Bangkok. Thời kỳ này các kiến trúc tháp không còn là yếu tố hàng đầu trong hệ thống kiến trúc của Thái Lan mà vị trí trung tâm chính là các Bot tức gian chùa chính là nơi đặt tượng Phật, tiến hành các nghi lễ và tụng kinh. Bot được lợp mái, quy mô to nhất là ở Vat Pô (29 × 50m).



Kiến trúc tháp ở Wat Arun



Pho tượng chùa Phật ngọc

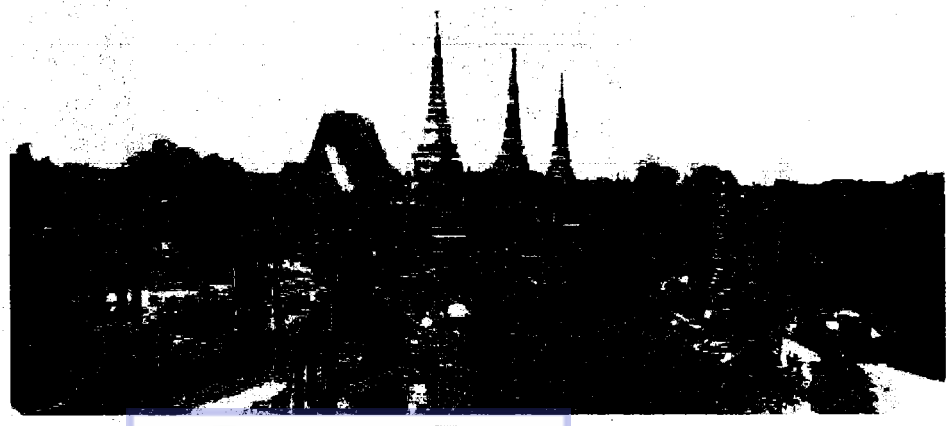


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chùa Phật Ngọc với bức tường thành cổ còn giữ lại



Di tích kiến trúc Xukhôtai



Di tích kiến trúc ở Authia

THƯ VIỆN HUBT

Điển hình nhất và đẹp nhất chính là Bot ở Vat Phrakeo (chùa Phật Ngọc). Chùa được xây trên quảng trường Prama nằm trong trung tâm của thành phố. Đây là ngôi chùa nổi tiếng nhất của Thái Lan được xây ngay trong khu Hoàng cung. Khách nước ngoài đến Thái Lan đều dành thời gian tham quan và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của ngôi chùa này. Vua Thái Lan thường vẫn đến chùa Phật Ngọc để lễ Phật vào những ngày hội hàng năm.

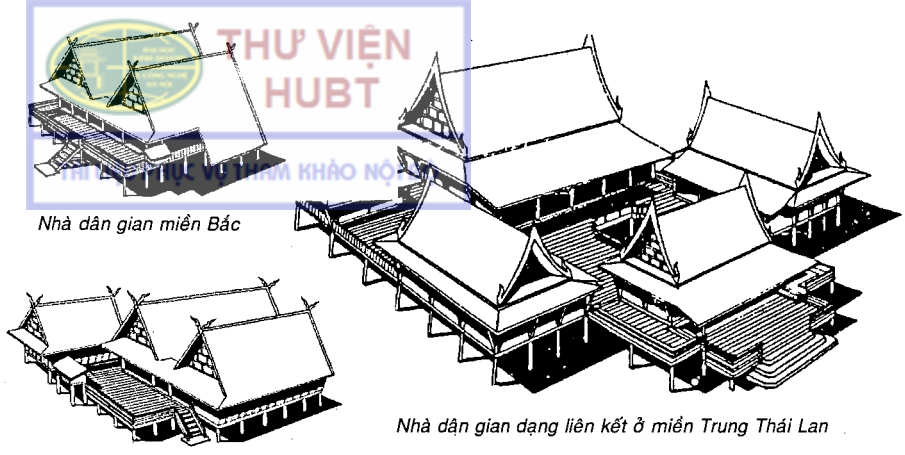
Điều gây ấn tượng đặc biệt ở kiến trúc chùa Thái Lan là sự phát triển đến cao độ cấu trúc của bộ mái để trở thành một bộ phận không đơn thuần chỉ có chức năng che phủ chống mưa nắng mà còn là một

hình tượng nghệ thuật giàu tính trang trí. Trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm, kiến trúc ở các nước Đông Nam á nói chung đều thể hiện có sự quan tâm đặc biệt đến bộ mái dựa trên một bộ khung vững chắc bằng gỗ tốt và lớp che phủ bằng vật liệu đất nung (ngói men) giúp công trình chống đỡ tốt với mưa nắng. Hình ảnh mái cong là điều kiện dễ nhận thấy trên các công trình truyền thống của các nước này, nhưng ở Thái Lan cách cấu tạo mái đã có một hình ảnh vô cùng đặc sắc về cấu tạo mái nhiều lớp, ngói men nhiều màu và trang trí gờ mái rất phong phú.

2. Kiến trúc nhà dân gian

Kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống của Thái Lan có đôi nét gần gũi với nhà ở dân gian của nhiều địa phương khác trong vùng Đông Nam Á, đó là sự thích ứng với khung cảnh thiên nhiên nhiều sông ngòi, đầm lầy và dạng nhà đầu tiên được khai thác là loại nhà trên cọc (nhà sàn). Việc làm nhà của người dân Thái Lan cũng thường gắn liền với các tập tục và tín ngưỡng đối với nhiều loại thần linh. Ngôi nhà sàn truyền thống thường có phần nhà chính và có sàn hiên có sàn hiên với cầu thang đi lên và số bậc thang bao giờ cũng là số lẻ (họ quan niệm bậc thang số chẵn có thể dẫn ma vào nhà). Vật liệu làm nhà là những thứ dễ có trong tự nhiên như tre, gỗ, mái lợp bằng tranh, lá cọ hay lá tum (một loại cây gỗ tếch mọc hoang dại ở Thái Lan). Nhà sàn ở những vùng có ngập nước thì được làm với cột chống đỡ cao hơn, những nơi không ngập nước thì cũng được dựng trên các cột để có chỗ làm chuồng nuôi súc vật.

THƯ VIỆN HUBT



Nhà dân gian miền Bắc

Nhà dân gian dạng liên kết ở miền Trung Thái Lan

Chùa Phật Ngọc với bức tường thành cổ còn giữ lại

Trong ngôi nhà ở, thường có bàn thờ Phật ở vị trí hơi cao và nhìn ra phía cửa chính, trên có tượng Phật nhỏ và những dụng cụ nghi lễ, các đồ dùng để đựng các đồ lễ, nơi đặt bàn thờ Phật được coi là nơi linh thiêng nhất và mọi sinh hoạt trong nhà đều thể hiện sự tôn trọng đối với nơi linh thiêng này. Nhiều nhà còn có miếu thờ thần bằng tranh, tre đơn giản ở bên lối vào chính để thờ các thần linh được coi là một việc làm cần thiết giúp cho gia đình tránh khỏi những hoạn nạn, ốm đau. Người dân thường cũng có những lễ nghi liên quan đến việc dựng ngôi nhà mới hoặc khi dọn đến ở ngôi nhà mới với những hình thức lễ nghi khác nhau tùy theo từng vùng.

Ngôi nhà truyền thống ở Thái Lan làm bằng gỗ cứng và có sàn nằm trên những cây cọc, tạo ra không gian ở nơi người ta ăn ngủ sinh hoạt là ở trên cao rời khỏi mặt đất. Đây là một cách thức làm nhà giúp cho người ta giữ gìn sức khỏe, tránh được bệnh tật, vì ở đây trong suốt nửa năm liền thời tiết luôn ẩm thấp. Khoảng không gian bên dưới sàn được để trống và vào thời gian nóng nực nó còn được dùng là nơi làm việc, thường là chỗ đặt khung cửi dệt vải.

Sàn nhà có hình chữ nhật, xung quanh có mái hiên che. Khoảng không gian chính ngôi nhà thường bao gồm một phòng khách và vài phòng ngủ.

Giày dép được quét dọn và lau chùi kỹ lưỡng, người Thái sống sạch sẽ, tắm rửa hàng ngày và thường xuyên vệ sinh nhà cửa.

Ngôi nhà chính nằm trong khuôn viên cùng một cái sân và một vài ngôi nhà phụ, có tường rào vây quanh. Nơi làm kho để chứa thóc lúa và các loại ngũ cốc nằm tách biệt riêng, còn nhà bếp và nơi chứa nước thì nằm liền sát với ngôi nhà chính. Người Thái sống ở vùng châu thổ lấy nước ăn từ các con sông và các klong (kênh rạch), còn những người ở miền Bắc và Đông Bắc thì dùng nước giếng.

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Từ những bước sơ khai của ngôi nhà dân gian, nhà ở người dân Thái Lan đã có những bước phát triển cả về cấu trúc, kỹ thuật lắp dựng cũng như trang trí nghệ thuật. Vẫn trên cơ sở các loại vật liệu thô sơ là thảo mộc (chủ yếu là gỗ) cấu trúc của ngôi nhà ngày càng phong phú và có cấu tạo phức tạp hơn để đáp ứng những nhu cầu cao hơn trong sinh hoạt ăn ở. Giống như tình hình chung của vùng khí hậu nóng ẩm, đó là một loại kiến trúc mở với những biện pháp nhằm tạo ra khả năng thông thoáng tối đa cho ngôi nhà. Đối với những gia đình khá giả thì các bộ phận cấu trúc của ngôi nhà cũng

được trang trí rất phong phú với những kiểu chạm khắc hình hoa lá và chim muông. Ở trung tâm thủ đô Băng Cốc hiện còn giữ lại một ngôi nhà gỗ được xây dựng theo truyền thống Thái Lan và được phát triển ở trình độ rất cao về cấu trúc cũng như hình tượng nghệ thuật và các kiểu trang trí mà nay được sử dụng như một bảo tàng về loại hình nhà tiêu biểu của truyền thống kiến trúc dân gian ở Thái Lan (công trình này thuộc quyền sở hữu của một người nước ngoài và ngôi nhà hiện nay được coi là bảo tàng mang tên ông: Jim Thompson, ông cũng sưu tâm và lưu giữ trong ngôi nhà này rất nhiều hiện vật của nghệ thuật truyền thống của Thái Lan, đó là những sản phẩm nghệ thuật thủ công với những loại hình rất phong phú).

THỦ ĐÔ BANGKOK

Bangkok nằm trên châu thổ sông Mê Nam (Chao Phraya), là con sông quan trọng nhất của Thái Lan. Bangkok là tên thường gọi theo cách của người phương Tây, còn chính người Thái gọi thủ đô của mình bằng một tên rất dài (27 từ) nhưng thường được gọi tắt là Krung Thep có nghĩa là Thành phố thiên thần. Tên này được dùng để chỉ lãnh thổ của thủ đô hiện nay nằm ở hai bờ sông Chao Phraya, Bangkok thường dùng để chỉ phần đô thị ở bờ phía Đông, phần đô thị ở bờ phía Tây được gọi là Thon Buri. Cả hai phần này tạo nên toàn bộ vùng đô thị thủ đô trong đó phần phía Đông chiếm phần lớn được xây dựng hiện đại và là bộ phận chủ yếu của đô thị. Thủ đô Bangkok cách bờ biển (vịnh Thái Lan) 40km.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Tòa nhà Hoàng Cung



Trung tâm Bangkok có Chao Phraya chảy qua



Hình ảnh chùa bên sông



Tổng thể kiến trúc Wat Arun được chiếu sáng rực rỡ

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU THAM KHẢO NỘI BỘ



Khu đô thi cổ ở Bangkok

Bangkok trở thành thủ đô chính thức của Thái Lan từ năm 1782 khi vua Rama I lên ngôi (thay cho Phya Taksin được coi là vị vua cuối của triều đại trước đóng ở Autthia). Vua Rama I là người mở đầu triều đại Chakri, cũng là người đã chuyển hoàng cung lúc đầu được đặt ở phía bờ Tây (Thon Buri) sang phía bờ Đông tức Bangkok ngày nay. Việc chuyển thủ phủ từ bờ Tây sang bờ Đông của vua Rama I đã mang tính chiến lược quan trọng và đã đặt cơ sở cho sự phát triển của thủ đô rộng lớn về sau. Với ước muốn xây dựng thủ đô mới không thua kém kinh đô cũ là Autthia, các đời vua từ Rama I trở đi đều không ngừng xây dựng các công trình quan trọng tại thủ đô mới này và đã làm cho Bangkok đi vào giai đoạn phát triển đô thị hiện đại trong một thời gian tương đối ngắn.

Quá trình phát triển của đô thị Bangkok bao gồm phần phát triển khu đô thị cổ (Krung Rattanakosin hay Krung Thep) và phần phát triển mới ở thời kỳ hiện đại. Riêng về phần khu đô thị cổ của Bangkok, quá trình phát triển gồm các giai đoạn như sau:

**** Thời kỳ vương quốc Autthia (thế kỷ XIV - XVIII)***

Trong thời kỳ tồn tại của vương quốc Autthia (1350 - 1782) thì ở vùng Bangkok ngày nay khi còn là một làng đánh cá nhỏ nằm ở phía bờ tây sông Chao Phraya. Ngôi làng có tên Bang Makok, mang ý nghĩa là một thôn ấp ven sông (Bang) có trồng nhiều cây mận (Makok), từ đó sau thành tên Bangkok. Dòng chảy của sông Chao Phraya có sự thay đổi lớn khi vua Chairachatirat (1534 - 1546) cho đào một đoạn kênh để nối một dòng thẳng qua một khúc cong của sông Chao Phraya. Đoạn kênh này có tác dụng rút ngắn đoạn đường thuỷ trên sông nối liền từ vịnh Xiêm tới kinh đô Autthia, đồng thời tạo nên một đoạn hào bao bọc khu vực Thonburi. Đoạn kênh này về sau đã trở thành dòng chính của sông Chao Phraya bớt quanh co hơn trước. Từ đó sông trở thành một nơi giao lưu quan trọng ở vùng phía nam của Thái lan. Vùng bờ sông được phát triển trên bến dưới thuyền và ở bờ sông đã mọc lên những trạm thu thuế đối với thuyền bè qua lại. Vào lúc này đã có nhiều người Hoa đến làm ăn sinh sống ở hai bên bờ sông.

Tại phía bờ trái của sông Chao Phraya, vua Taksin (triều vua cuối cùng của triều đại Autthia) có cho xây dựng những công sự để tạo nên một kinh đô mới được bao bọc bởi những dòng sông và kênh mương. Đây là vùng đất thấp và nhà cửa của dân cư còn nghèo nàn lụp xụp. Tuy nhiên tại đây cũng đã mọc lên một số ngôi chùa của người Thái và người Hoa.

**** Giai đoạn Thonburi (1769 - 1782)***

Vào năm 1769, sau khi vương quốc Autthia bị lật đổ và kinh đô Autthia bị người Myanma tàn phá, vua Taksin đã cho củng cố vùng Thonburi để tạo nên kinh đô của mình. Từ đó Thonburi được phát triển với nhiều công trình xây dựng mới và cũng được đào thêm những kênh mới. Trong khi đó ở phía bờ đông cũng phát triển những khu dân cư và có nhiều ngôi chùa quan trọng đã được xây dựng như các ngôi chùa Vat Po, Vat Mahathat, Vat Bang Lampu. Con kênh được đào ở Thonburi vào thời kỳ cuối của vua Taksin là kênh Klong Lo. Nhà cửa của dân cư vào giai đoạn này, trong đó có nhiều nhà của người Hoa còn là những công trình xây dựng đơn giản bằng vật liệu tre gỗ, phần lớn là nhà sàn và ở vùng ngập nước là nhà trên cọc.

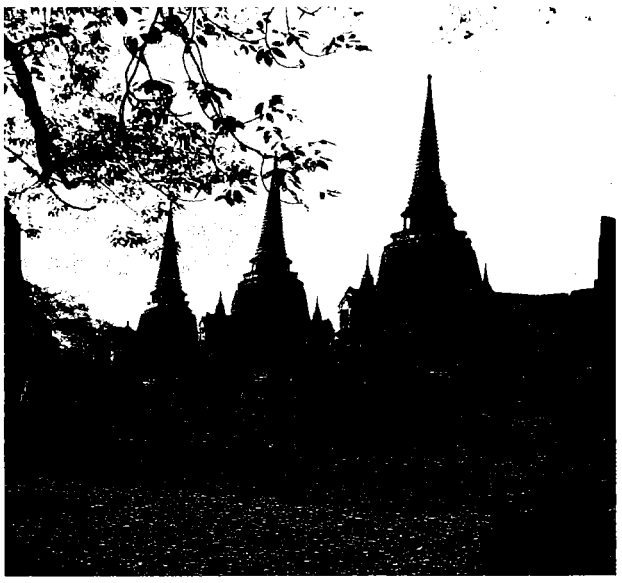
**** Thời kỳ đầu xây dựng khu đô thị cổ Rattanakosin (1782 - 1851)***

Đây là thời kỳ xây dựng rực rỡ của Bangkok vào thời trị vì của các vua Rama I, II, III nhằm tạo ra một kinh đô "Autthia mới". Vào năm 1782, vua Rama I đã quyết định chuyển dời kinh đô từ Thonburi ở phía bờ Tây sang phía bờ đông sông Chao Phraya và mở ra một thời kỳ xây dựng quan trọng của Bangkok với nhiều công trình quan trọng còn lại đến ngày nay như khu vực Hoàng cung và ngôi chùa Vat Phra Keo. Vào cuối thời Rama I, toàn bộ khu vực phía Đông đã có tường thành bao bọc kinh đô được xây dựng cao tới 4m, dày 3m và có chiều dài 7km men theo bờ sông và dòng kênh Ong Ang. Diện tích khu vực kinh đô được tường thành bao bọc rộng tới 2,4km^2 và có 63 cổng ra vào cùng với 15 pháo đài đồn trú.

Vào thời các vua Rama II (1809 - 1851) và Rama III (1824 - 1851) cũng đã xây dựng nhiều ngôi chùa quan trọng ở cả 2 bờ của sông Chao Phraya như các ngôi chùa Vat Arun, Vat Yang Naoa, Vat Buon Nioet, Vat Suthat. Dân cư cũng chuyển tới sinh sống nhiều hơn ở phía bờ đông của sông Chao Phraya và nhiều khu vực buôn bán tấp nập đã được phát tiển dọc theo các con kênh Klong Bang Luang, Klong Bang kok Noi, và Klong Mon. Như vậy ngay từ khi mới thành lập, Bangkok đã nổi lên với những nét độc đáo với kiến trúc khu Hoàng Cung rộng lớn và đồ sộ thể hiện hai thứ quyền lực: Quyền lực thế tục và quyền lực tinh thần. Bên ngoài khu Hoàng Cung, trải dài hai bờ sông là các dãy nhà sàn bằng gỗ mái nhọn của kiến trúc truyền thống. Xen vào đó là mái chùa cao và nhọn, nhiều trang trí trạm khắc bằng gỗ, khảm ngọc, khảm trai hoặc rát vàng óng ánh.

THƯ VIỆN HUBT

Chùa không phải là nơi mọi người đến thờ cúng, cầu kinh mà còn có vai trò như một trường học, thư viện. Vào thời trị vì của mình, vua Rama II đã có công xây dựng thêm 9 ngôi chùa mới và tu sửa 60 ngôi chùa cũ. Đồng thời ông cho nạo vét và đào thêm 1 con kênh thông ra biển tạo điều kiện cho việc mở cửa thông thương với bên ngoài và lại tiện lợi cho việc chuyên chở vũ khí trong cuộc chiến tranh với người Khơme. Chính con kênh này cũng đã đóng vai trò quan trọng ngăn chặn cuộc xâm lăng từ hướng biển vào Bangkok.



Di tích kiến trúc ở đô thị cổ Authia

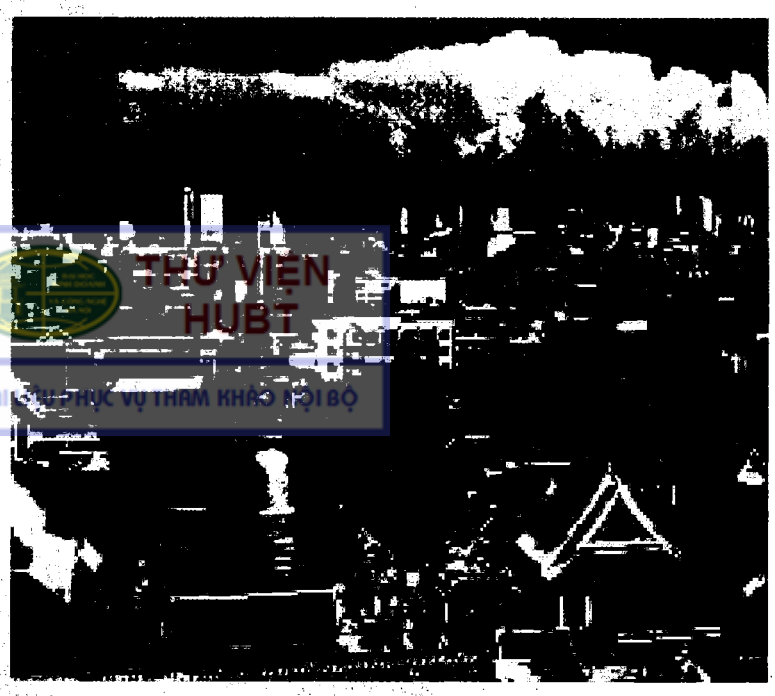


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hình ảnh kiến trúc Wat Phra Si Sanpet



Hoàng Cung



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thủ đô Bangkok đan xen truyền thống và hiện đại

**** Giai đoạn phát triển mới của Rattanakosin (1851-1946)***

Đây là một giai đoạn phát triển mạnh của khu vực đô thị cổ ở Bangkok, kéo dài từ triều vua Rama IV (1851 - 1868) đến Rama VIII (1935 - 1946). Đây là thời kỳ Thái lan có những mối quan hệ với phương Tây và đã có những hiệp định quan hệ thương mại được ký kết với các nước Âu châu. Vua Rama IV đã cho phát triển khu vực Hoàng cung tạo thành một tổng thể kiến trúc hoàn thiện dùng làm nơi ở của Hoàng tộc và nhiều con đường mới, nhà mới cũng đã mọc lên ở khu vực ven sông. Đó là những con đường mới như Charơn Krung, Bam Rung Mương, Phang Nakhon. Dọc hai bên các đường này đã có nhiều nhà cửa được xây dựng từ một đến hai tầng, xen kẽ với nhiều cửa hiệu tạo nên một cấu trúc đường phố mới ở khu Bangkok cổ. Một con kênh mới được đào ở phía bên ngoài là kênh Phadung Krungkasem cùng với một số con đường cho xe ngựa và xe thô sơ. Thời vua Rama IV đã xây nhiều đường bộ trong thành để dần dần thay thế hệ thống kênh rạch mà ông cho là hạn chế sự phát triển mở mang của đất nước. Ông đã cho xây đại lộ "đường mới" mà ngày nay là đại lộ Charơn Krung. Đại lộ này là con đường rộng và lớn trong nội thành chạy dọc phía đông con sông Chao Phara. Người ta nhanh chóng xây dọc hai bên đường phố những công sở lớn và những toà lãnh sự nước ngoài. Đường mới và các nhánh của nó lập tức trở thành đầu mối thương nghiệp và trung tâm buôn bán lớn, sầm uất cho tới những năm 50 của thế kỷ này.

Vào thời vua Rama V (Chulalongkon 1868 - 1910) trở đi, ảnh hưởng của phương Tây đã có dấu hiệu rõ nét tại thủ đô Bangkok với nhiều công trình xây dựng mới. Vua Rama V, tức Chulalongkon (1868 - 1910) là một vị vua nổi tiếng trong lịch sử Thái lan. Ông là người đã thi hành nhiều chính sách cải cách quan trọng tạo nên những bước phát triển mới của xã hội Thái lan và cũng làm cho thủ đô Bangkok có những đổi mới quan trọng. Khu Hoàng cung được hoàn thiện hơn với tổ chức mặt bằng kiến trúc kiểu phương Tây nhưng vẫn giữ bộ mái kiểu kiến trúc truyền thống được làm vào năm 1880. Nhiều con đường lớn và cầu cống theo kiểu xây dựng đô thị ở châu Âu cũng được phát triển. Bức tường thành cũ được phá dỡ để làm đường xá (trừ một số đoạn với pháo đài và cổng được giữ lại). Vua Rama V đã mở rộng đô thị với việc xây dựng những lâu đài mới như lâu đài Suan Đusit và lâu đài Si Pathum ở phía đông của khu vực cũ. Về giao thông đô thị cũng được phát triển mạnh: từ năm 1892, tàu điện được

đưa vào xử dụng trên tuyến đường Charơn Krung, lúc này đã được mang tên "Đường mới" (New Road). Từ năm 1900 bắt đầu có tuyến xe lửa nối Bangkok tới Autthia. Nhiều loại dịch vụ đô thị quan trọng cũng đã được phát triển như bưu điện và điện tín được hình thành từ 1880. Về kiến trúc cũng bắt đầu du nhập những ảnh hưởng của phương Tây, như ngôi chùa được xây dựng bằng đá cẩm thạch Vat Benchamapovit (1900). Một số cây cầu được xây dựng theo phong cách Pháp và toà nhà Quốc hội chịu ảnh hưởng của kiến trúc Italia.

Rama V là ông vua đầy trí tuệ, một nhà cải cách lỗi lạc mà ảnh hưởng của những cải cách đó đã tác động lên mọi khía cạnh trong đời sống của các tầng lớp nhân dân Thái Lan. Ông là người Thái Lan đầu tiên mở các chuyến công du sang các nước láng giềng và các nước phương Tây. Triều đại của ông đã đạt nhiều thành tích trong ngành xây dựng cả về khối lượng lẫn chất lượng. Cái lớn lao nhất trong những công trạng của ông là đã đổi mới thủ đô Bangkok, nâng tầm cỡ của nó lên sánh ngang với các thủ đô tiên tiến của phương Tây đương thời. Cũng vào triều đại của ông, số tường thành cũ được phá đi để mở rộng đường sá. Chỉ trong một thời gian ngắn người ta đã làm xong hệ thống đường với tổng số chiều dài là 200km, trong đó đường Rát Đămnơn (lối đi của vua) chiếm một phần kinh phí khá lớn; là con đường lớn của thành phố nối đại hoàng cung với khu Đuxít. Đuxít ngày nay là một quận và cung vua Phumiphôn (Rama IX) nằm trong đất của quận này, một cung vua vốn được xây dựng từ thời Rama V. Ngoài ra còn có những công trình nổi tiếng khác cũng thuộc quận này như toà nhà quốc hội, trường nam học sinh do vua Rama VI thành lập, một số dinh thự lớn nhỏ của hoàng tộc, các doanh trại, vườn thú quốc gia và một số các Bộ quan trọng đóng dọc theo phố Rát Đămnơn ngay từ những ngày đầu hình thành con đường cho đến nay.

Cùng với sự biến đổi to lớn của hạ tầng kỹ thuật đô thị, người Âu, người Mỹ và cả người châu Á đã có mặt ở Bangkok ngày một đông, góp phần biến thủ đô thành một thành phố mang mầu sắc quốc tế. Đầu tư nước ngoài đã là những nhân tố hỗ trợ cho chương trình hiện đại hoá của vua Rama V với việc xây dựng các ngân hàng, bệnh viện, trường học... cũng như các tổ chức xã hội, văn hoá khác.

Dưới triều vua Rama VI (1910 - 1925), cũng có nhiều công trình quan trọng được xây dựng như trường Đại học Tổng hợp Chulalongkon (xây năm 1916), khu công viên lớn Lumpini và hệ thống cống

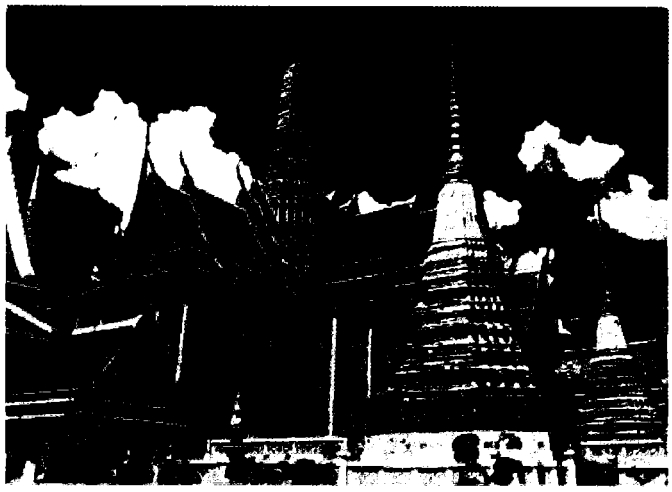
THƯ VIỆN HUBT

điều chỉnh mực nước sông và kênh mương chảy qua thành phố. Cùng với việc phát triển giao thông đường bộ (đường ôtô và xe lửa) thì việc vận chuyển trên sông và kênh mương cũng mất đi tầm quan trọng. Nhiều đoạn kênh cũ đã được lấp đi để xây dựng đường xá và những toà nhà mới theo kiểu châu Âu.

Dưới thời vua Rama VII (1925 - 1935), Thái lan chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến. Thủ đô Bangkok được tổ chức thành hai khu vực hành chính là Krung Thep ở phía bờ Đông và Thonburi phía bờ Tây sông Chao Phraya, tuy nhiên đại bộ phận dân cư (80%) là ở phía bờ Đông.

**** Bangkok vào nửa cuối thế kỷ XX***

Kể từ năm 1932, Thái lan chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến. Sự thay đổi về tính chất chính trị có những tác dụng nhất định trong việc phát triển và đổi mới xã hội, nhưng trong thời kỳ này việc xây dựng ở Bangkok phát triển không nhiều. Việc xây dựng cơ bản tập trung vào một số kế hoạch phát triển kỹ thuật hạ tầng mà chủ yếu là xây dựng một số tuyến đường giao thông nối Bangkok với các địa phương khác: đường Sukhumvít nối với các địa phương ở phía đông, đường Phahonlyothin nối với các địa phương ở phía Bắc, và đường Charan Sanitvong nối với các địa phương ở phía Nam. Thời kỳ này cũng bắt đầu có những kế hoạch phát triển đất nước, kế hoạch đầu tiên được bắt đầu từ năm 1957 và được xây dựng cho từng thời kỳ 5 năm. Những kế hoạch này nhằm chuyển đổi nền kinh tế Thái lan từ chỗ dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế trên cơ sở sản xuất công nghiệp. Từ đó đã kéo theo những chuyển biến về mặt xã hội, một bộ phận đông đảo dân cư ở các địa phương đã kéo về Bangkok và làm cho đô thị phình to lên nhanh chóng. Mặt khác các nguồn vốn đầu tư ở trong nước cũng như ở nước ngoài đã tập trung chủ yếu vào Bangkok. Có tới quá nửa số vốn đầu tư này đã được tập trung tại Bangkok và từ đó người ta thấy có hiện tượng Bangkok trở thành một loại đô thị phát triển vượt bậc (primate city). Trong hệ thống đô thị của Thái lan, Bangkok trở nên có vai trò đặc biệt quan trọng, vượt xa tất cả các đô thị khác, đô thị này có qui mô lớn hơn đô thị lớn thứ hai sau nó là Chiềng mai tới vài chục lần và như vậy Thái lan trở thành nước có hiện tượng phát triển đô thị độc cực rất rõ nét. Trong khoảng 80 năm đầu của thế kỷ XX, Bangkok đã mở rộng rất lớn: diện tích thành phố đã tăng từ 300km^2 lên tới 1.569km^2 với số dân từ 46 vạn người lên đến 5,2 triệu người.



Vat Phra Keo

Do tình trạng dân cư kéo về đông nên trong khu vực đô thị cũ Rattanakosin cũng trở nên chật chội nên nhà nước đã phải có chính sách hạn chế việc xây dựng ở trong khu vực này, đặc biệt là phần xây dựng công nghiệp đã bị hạn chế. Ngoài ra các công trình xây dựng khác cũng bị giới hạn về qui mô, có qui định về giới hạn chiều cao công trình ở đây không quá 16m và phải đảm bảo có ít nhất 20% đất đai dành cho các không gian trống.

Kể từ kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ năm và thứ sáu (1982 đến 1991), vùng xây dựng đô thị của thủ đô Bangkok đã được phát triển nhanh chóng do sự phát triển các cơ sở kinh tế của Thái Lan cũng như của nước ngoài. Nhiều nước ở vùng châu á đã đầu tư vào Thái Lan và chủ yếu là tập trung ở Bangkok, làm cho vùng ngoại vi Bangkok đã có nhiều dự án lớn về xây dựng các nhà máy, trụ sở làm việc, nhà ở cũng như các cơ sở dịch vụ khách sạn và các cơ sở giải trí khác như các sân gôn. Sau đây là các số liệu thể hiện sự biến đổi của Bangkok (trong phạm vi giới hạn hành chính) của thời kỳ 1960 - 1990.

Đến nay Bangkok là một trung tâm lớn về nhiều mặt của Thái Lan.

Năm	1960	1970	1975	1980	1990
Dân số (người)	1.800.678	3.568.118	4.349.498	5.153.902	6.161.789
Diện tích (km^2)	96	190	1.569	1.569	1.569
Số quận	9	24	24	24	36

Là trung tâm kinh tế, Bangkok trước hết là một thành phố công nghiệp lớn. Nơi đây tập trung nhiều xí nghiệp lớn thuộc nhiều ngành công nghiệp: chế biến thực phẩm, dệt, điện, vật liệu xây dựng...

Trước chiến tranh thế giới thứ hai và vào những năm đầu sau chiến tranh, phần lớn các nhà máy chế biến của Thái Lan chủ yếu tập trung tại Bangkok. Về công nghiệp đường, chỉ riêng ở khu vực Bangkok có tới gần nửa số các nhà máy lớn (20 trong số 48) và nhiều xí nghiệp nhỏ khác.

Bangkok cũng giữ vai trò chủ chốt về sản xuất và tiêu thụ điện năng. Năm 1960, thành phố sản xuất 91,8 nghìn kW trong số 156,4 nghìn kW và tiêu thụ tới 47% sản lượng điện cả nước. Giờ đây, tỷ trọng này có thay đổi nhưng vai trò chủ chốt vẫn thuộc về Bangkok, nơi hoạt động của hai nhà máy nhiệt điện lớn nhất đất nước là Bắc và Nam Bangkok.

Bangkok có nhà máy lọc dầu, nhà máy chế biến phân hoá học, nhà máy thủy tinh và nhiều nhà máy khác. Hơn một nửa các nhà máy sơn của Thái Lan là tập trung ở Bangkok, ở ngoại ô Bangkok có nhà máy xi măng.

Tuy nhiên, từ sau 1976 chính quyền Bangkok đã không cho phép xây dựng những nhà máy, xí nghiệp công nghiệp mới tại Bangkok. Thay vào đó là việc mở mang các dịch vụ thương mại và khu nghỉ ngơi, giải trí.

Về dịch vụ tài chính, Bangkok là trung tâm tài chính lớn, nơi đặt trụ sở của 1/3 các ngân hàng Thái Lan và trữ hơn 3/4 toàn bộ số tiền gửi ngân hàng. Hệ thống này bao gồm Ngân hàng quốc gia Thái Lan, 30 ngân hàng thương mại, trong đó có 14 ngân hàng của nước ngoài, Ngân hàng tiết kiệm quốc gia, Tổ hợp tài chính công nghiệp Thái (The Industrial Finance Corporation of Thái, IFTC). Lớn nhất là ngân hàng Bangkok với vốn pháp định tới cuối năm 1985 là 9,6 tỷ USD.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Về nhà ở, người dân Bangkok trước đây thích sống quần tụ trong mối quan hệ họ hàng thân thích, từ đầu phố đến cuối phố đều là họ hàng anh em, cô bác. Nay vẫn còn khu phố kiểu này là khu Bang Kapi. Đây là lối sống theo truyền thống của người Thái vốn rất phổ biến ở nông thôn. Ngày nay lối sống hiện đại là làm thay đổi quan niệm ấy, nhất là ở lớp trẻ. Do nhu cầu về nhà ở tăng nên việc mua đất đai để dựng nhà ở kiểu mới cũng đã làm thay đổi bộ mặt của thủ đô. Nhà biệt thự với các khu đất riêng biệt chiếm nhiều đất đã không

còn thích hợp với số đông. Điều đó đã buộc họ quen dần với kiểu nhà dãy liền mái và nhà chung cư. Để tránh việc xây dựng nhà mặt phố ngổn ngang, chính quyền thành phố Bangkok đã thành lập 69 Ban quản lý quy hoạch nhà ở và 8 tổ chức quản lý nhà cấp cao hơn hoạt động liên kết nhịp nhàng với ngành xây dựng. Khắp Bangkok, ngoài những phố có nhiều công sở, phố nào cũng đều có nhiều nhà cao tầng với tầng trệt là các cửa hàng phụ vụ mọi đối tượng. Còn các tầng lầu thường để cho thuê, người thuê phần lớn là các gia đình công nhân và các viên chức nhỏ, cũng có cả các gia đình nghèo.

**** Kiến trúc chùa ở Bangkok***

Nghiên cứu về đặc điểm xã hội của Thái Lan cho thấy đạo Phật có vị trí rất quan trọng trong đời sống dân cư. Đạo phật là quốc giáo, 94% dân cư theo đạo Phật, cả nước có 30 vạn nhà sư, hơn 20 nghìn ngôi chùa và chỉ riêng ở thủ đô Bangkok cũng có tới 500 ngôi chùa. Kiến trúc ngôi chùa là hình ảnh nổi bật trong kiến trúc truyền thống ở Thái Lan, từ nông thôn tới đô thị. Người dân rất gắn bó với ngôi chùa, không chỉ vì đây là nơi tiến hành các nghi lễ tôn giáo mà còn có vai trò như một trung tâm xã hội đáp ứng cả các yêu cầu về giáo dục, y tế, văn hoá tâm linh. Cấu trúc ngôi chùa khá đặc trưng với hai cách thể hiện chính: một loại xây bằng gạch, có mặt bằng hình chữ nhật và thường chỉ gồm một căn phòng rộng, mái thoải dốc, chồng lên nhau với ba hay năm tầng; loại khác có mặt bằng hình chữ thập gồm một căn phòng lớn và bốn cổng vòm nhô ra bốn phía, mái cũng chồng lên nhau, trên cùng là tháp cao có chóp vút nhọn như cây kim hay hình lõi ngô. Các đầu hồi có thể được dát vàng hay ghép thủy tinh màu với rất nhiều trang trí.

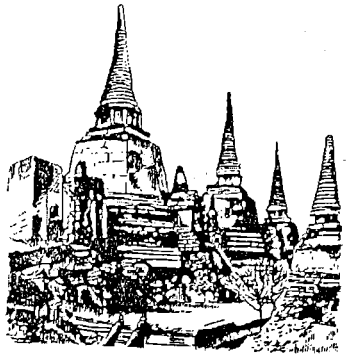
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vat tức chùa Phật ở Thái Lan là những công trình kiến trúc tôn giáo đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc Thái. Mỗi chùa đều có những kiểu thể hiện kiến trúc khác nhau, song chính diện đều có cổng vào phảng phất nét kiến trúc ấn Độ, quê hương của Phật giáo.

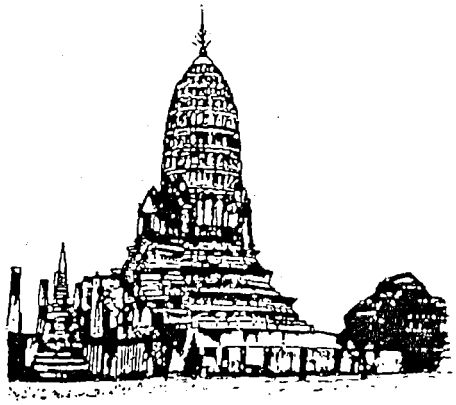
**** Vat Phra Keo***

Đây là một ngôi chùa khá tiêu biểu ở thủ đô Bangkok và đã trở thành một công trình hấp dẫn hàng đầu cho khách du lịch đến tham quan thủ đô Thái Lan. Vị trí của chùa ở phía đông của sông Chao Phraya, kề với khu quảng trường Phra Nam ở trung tâm thủ đô, trong một khu vực thuộc đất của hoàng gia xưa kia. Các vua Thái Lan vẫn

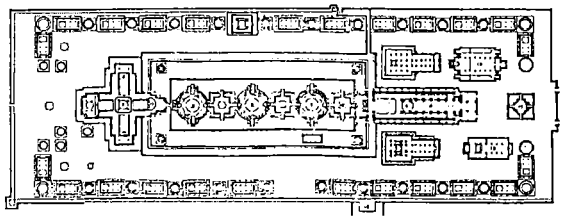
thường đến để làm lễ tại chùa này vào những ngày lễ hội hàng năm. Lối đi chính để vào chùa từ phía đại lộ Sanam Chai, khu chùa và khu hoàng cung vốn được bao bọc bởi một pháo đài kiên cố mà hiện nay chỉ còn được giữ lại một số đoạn. Đây là một tổng thể chùa rất tiêu biểu cho các chùa tháp ở Thái Lan, được thực hiện vào thời kỳ



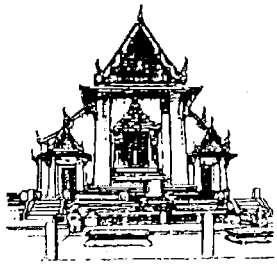
Phối cảnh kiến trúc Wat Phra Si Sanpet (cuối thế kỷ XV) ở Authia



Tháp Prang của Wat Mahathat (thế kỷ XV-XVI) ở Chalieng



Mặt bằng tổng thể Wat Phra Si Sanpet



Tòa Vihan của Wat Na Phra Men (giữa thế kỷ XIX) ở Authia

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ



Tòa Vihan Lai Kham (đầu thế kỷ XIX) tại Wat Phra Singh, Chiang Mai



Tòa tháp Phra Budha Prang (cao 67m, xây dựng 1842) ở Wat Aruri, Thonburi (Bangkok)

Một số hình ảnh kiến trúc cổ Thái Lan

kinh đô Thái Lan đã chuyển về Bangkok, hình ảnh chùa nổi bật tại khu trung tâm thủ đô với các mái chùa nhấp nhô bằng ngói men nhiều màu sắc óng ánh dưới ánh mặt trời. Trong quần thể khu chùa còn được trang trí bằng rất nhiều tháp, có tháp chính được dát vàng và nhiều tháp phụ có cấu trúc đơn giản hơn nhưng cũng góp phần vào tổng thể bằng những đường nét rất duyên dáng. Trung tâm của ngôi chùa là công trình nhà Bot được cấu trúc như một toà Phật điện rất nguy nga với những trang trí lộng lẫy, thể hiện sự tôn kính tuyệt đối của các triều vua và của nhân dân Thái Lan đối với Phật giáo. Công trình này có mặt bằng hình chữ nhật, có các hàng cột chạy trên những cạnh dài và là bộ phận để đỡ phần đua ra của bộ mái được cấu tạo với ba lớp chồng lên nhau tạo thành những đường cong rất nhẹ nhõm. Tại các diềm mái ở phía đầu hồi có những hình trang trí uốn lượn với những hình trang trí Naga có đầu rồng được cấu tạo khá đặc sắc theo phong cách riêng của Thái Lan. Với hình thức mái cong và những trang trí phong phú, bộ mái trở thành nhẹ nhõm như những tấm thảm được bay lượn cùng các hình rồng lượn sóng. Tại các đầu hồi của các mái đều được trạm khắc rất tinh vi với nhiều loại hoa lá, chim muông cũng như các hình Phật ngồi thiền trên toà sen. Hình ảnh trang trí còn trở nên rực rỡ bởi việc ráp các mảnh kính và sứ nhiều màu, khi có ánh sáng chiếu vào trở nên lóng lánh và vô cùng rực rỡ.

Bên trong toà nhà là một bức tượng Phật nổi tiếng do được làm bằng ngọc bích toàn khối, cao 66cm, rộng 48,3cm, được vua Chakri (Rama I) là ông vua đầu tiên của vương triều hiện đại chuyển từ Viêng Chăn ở Lào về. Theo các tài liệu lịch sử thì trong pho tượng Phật ngọc có đặt 9 viên xá lị của Đức Phật ở các vị trí đầu, vai, bụng, đầu gối vì thế pho tượng được coi là một thánh tích hết sức thinh thiêng. Tượng được đặt trong một hộp kính pha lê trong suốt và trên một bệ cao. Xung quanh tượng Phật ngọc còn có một số tượng Phật khác và cũng có tượng của vua Chakri.

THƯ VIỆN HUẾ

Khuôn viên khu chùa được bao bọc bởi các bức tường bao quanh và trên tường cũng có mái để che phủ các bức tranh tường rất lớn thể hiện các chủ đề của đạo Phật và cũng là những tác phẩm nghệ thuật rất độc đáo của Thái Lan. Trong khuôn viên này, ngoài toà điện Phật chính nêu trên còn có khá đầy đủ các yếu tố thông thường trong khuôn viên ngôi chùa Thái Lan như nhà hành lễ, các tháp xá lị, nhà đọc kinh, các tháp trang trí và tạo nên một khung cảnh hết sức phong phú.

**** Vat Arun***

Nằm ở khu vực Thonburi phía bờ tây sông Chao Phraya và được xây dựng từ thế kỷ XVII, được sử dụng như ngôi chùa của hoàng gia vào thời vua Taksin, khi đó Thonburi còn là kinh đô. Ngôi chùa cũng là nơi đặt tượng Phật ngọc lúc mới được đưa về trước khi được chuyển sang Vat Phra Keo vào thời Rama I.

Hình ảnh nổi bật của chùa là ngôi tháp Phara Prang cao 67m mang phong cách tháp Khơme xây dựng vào nửa đầu thế kỷ XIX (triều vua Rama II và Rama III). Kết cấu chùa xây gạch ngoài bao bọc thạch cao và gắn các miếng men gốm, kiểu xây dựng phổ biến vào thời kỳ đầu hình thành khu Ratanakosin (khi thuyền buôn Trung Hoa thường bỏ lại nhiều sản phẩm gốm vỡ).

Trong chùa có rất nhiều tượng đẹp và tranh tường diễn tả các ý tưởng về triết học Phật giáo (trong đó có bức mô tả đầy hình tượng về khái niệm "sinh, lão, bệnh, tử"). Do nằm về phía bên kia sông nên vào mỗi buổi sáng có ánh mặt trời, hình ảnh chùa rất đẹp khi nhìn từ phía thành phố chính (phía đông) vì thế thường được gọi là "chùa Bình Minh".

**** Vat Po (Phra Chetuphon)***

Ngôi chùa cổ nhất và cũng rộng lớn nhất của Bangkok, một đặc điểm dễ nhớ về ngôi chùa là ở đây có pho tượng Phật nằm có kích thước kỳ vĩ: chiều dài tượng tới 46m, bề dày thân cao 15m. Chùa có niên đại thế kỷ XVI nhưng được xây dựng lại hoàn chỉnh hơn vào năm 1781.

Chùa có toà bot rất lớn, bao quanh bởi một hành lang với 394 tượng Phật ngồi, bốn toà vi bản, bốn tháp lớn tưởng niệm ba vị vua đầu tiều đại Chakri (riêng vua Rama III có hai tháp). Ngoài ra còn có 91 tháp nhỏ hơn, một toà nhà thư viện. Toà vi hản lớn trong đó có đặt tượng Phật nằm và cũng được dùng làm nơi giảng dạy triết lý Phật giáo.

Chùa Vat Po đã được nhà vua tổ chức thành một trung tâm nghiên cứu để các thanh niên có thể được tiếp thu các kiến thức tổng quát về đời sống. Vì thế đã được coi là một "bách khoa toàn thư sống". Ở đây có các mẫu hình của hầu hết các loại nghệ thuật: kiến trúc, hội họa, điêu khắc, thơ ca, y học, nghệ thuật quân sự... cũng như những sản vật quý trong nước như các loại cây gỗ, cây thuốc... Nhà vua còn

cho khắc lên các thẻ nhỏ bằng đá hoa cương những kiến thức của người Thái thời đó về y học, chiêm tinh học, thơ ca... Những tấm thẻ này được áp lên tường hoặc lên các cột của ngôi chùa. Tên tuổi của nhà vua được gắn liền với việc sáng lập nên công trình "Bảo tàng - đại học" đầu tiên của Thái Lan này.

Chùa Vat Po cũng là nơi lưu giữ truyền thống chữa bệnh theo phương pháp Thái Lan cổ truyền.

**** Vat Mahathat***

Được xây dựng vào năm 1700 và có chức năng là trung tâm quốc gia của giáo hội. Chùa Mahathat là một trong hai trường đại học Phật giáo ở Bangkok. Trường đã trở thành nơi đào tạo Phật giáo quan trọng của vùng Đông Nam Á, những vị sư ở những nước lân cận cũng thường được đến thụ giáo tại chùa này.

Chùa còn là nơi cung cấp nguồn thảo mộc dược liệu và thực hiện việc chữa bệnh theo phương pháp Thái Lan cổ truyền bằng xoa bóp, day ấn... nhiều người Thái Lan và cả người nước ngoài thường đến đây để được hướng dẫn phương pháp Thiền định như một phương pháp chữa bệnh quan trọng.

• Các phong cách Kiến trúc truyền thống

Phong cách Xukhôthai (thế kỷ XIII - XV)

Đây là phong cách vào thời kỳ mở đầu của nhà nước Xukhôthai, nhà nước độc lập đầu tiên của người Thái ở Thái Lan vào năm 1240. Đây là phong cách được đánh giá rất cao, được coi là giai đoạn phát triển nghệ thuật tiêu biểu và độc đáo nhất của nghệ thuật Thái Lan. ở thời kỳ này, người Thái đã tiếp thu những di sản của nền nghệ thuật Môn và Kh'me được phát triển ở những giai đoạn trước có sự kết hợp với một số ảnh hưởng của nghệ thuật ấn Độ để hình thành nên nền nghệ thuật của riêng mình. Trong nền nghệ thuật này, các tượng Phật giữ một vai trò quan trọng, đó là một loại điêu khắc đã đạt tới trình độ hoàn thiện cao hơn, được thực hiện với nhiều loại chất liệu: đồng, đá, đất nung và vôi vữa. Về cấu trúc của tượng cũng được thể hiện với nhiều tư thế của Phật (tượng đứng, đi, ngồi, nằm). Người Thái đã tiếp thu nhiều nguồn ảnh hưởng khác nhau để tạo ra một phong cách sáng tạo riêng đối với các tượng Phật. Tượng Phật ở Thái Lan vào thời Xukhôthai được coi là đạt tới trình độ thẩm mỹ cao, với dáng tượng mềm mại, uyển chuyển dù ở tư thế đứng, ngồi, nằm hay đi tượng Phật đều gây những ấn tượng đặc sắc riêng. Đặc biệt,

THƯ VIỆN HUBT

những pho tượng được tạo hình với tư thế Phật đi với một gót chân đứng thẳng và một gót chân nhấc lên, tay đưa lên làm động tác thuyết pháp được coi là tác phẩm có giá trị nghệ thuật đặc biệt. Nhiều nhà nghiên cứu đánh giá tượng Phật ở tư thế đi của thời kỳ Xukhôthai là một đỉnh cao của nghệ thuật ở Đông Nam á và có thể sánh ngang với nghệ thuật tượng ở nhiều nơi trên thế giới.

Nghệ thuật kiến trúc Thái Lan vào thời Xukhôthai cũng đạt tới trình độ hoàn thiện khá cao và đã trở thành một mô hình được lặp lại trong nhiều thời kỳ sau. Ở giai đoạn này người ta thấy đã xuất hiện một số dạng kiến trúc tháp (Chedi) rất tiêu biểu. Có loại dạng tháp được tạo hình trên nền vuông cao có nhiều bậc, thân tháp được cấu trúc theo kiểu đền tháp Kh'me có hình dáng tạo hình kiểu bắp ngô với đỉnh là những búp sen to. Tiêu biểu cho loại tháp này là công trình tháp lớn của chùa Vat Mahathat ở trung tâm đô thị Xukhôthai và tháp lớn ở Vat Chedi Chéttheu ở Sisatchamalai. Một dạng khác có mặt bằng hình tròn gần gũi với các kiến trúc tháp của Xrilanca, loại tháp này thường có các hình trang trí bao quanh chân nền của tháp và được tạo hình các con voi. Một dạng thứ ba là dạng kết hợp giữa thân vuông như ở ngôi đền Srivijaia với đỉnh là một tháp tròn lớn theo kiểu Xrilanca. Từ thế kỷ XIV trở đi vương quốc Xukhôthai đi vào giai đoạn suy tàn và mở ra hai vương quốc mới là Lana ở miền Bắc và Autthia ở miền Trung, tuy nhiên nghệ thuật Xukhôthai vẫn còn để lại nhiều dấu ấn cho tới tận thế kỷ XVI.

Phong cách Lana hay Chiang Sẻn (thế kỷ XI - XVIII)

Song song với sự phát triển của Xukhôthai thì ở miền Bắc Thái Lan đã hình thành vương quốc Lana mà trung tâm là Chiêng Mai đã mở ra một thời kỳ tiếp thu và phát triển truyền thống nghệ thuật Môn Hariphunxay. Các nghệ sĩ thời kỳ này đã sáng tạo ra một phong cách nghệ thuật riêng được mang tên địa phương này, được hình thành từ thế kỷ XI - XII, đạt tới độ phát triển cao vào thế kỷ XIII - XIV, đặc biệt là thời vua sùng đạo tên là Guna (1356 - 1385).

Có một sự kiện quan trọng vào giữa thế kỷ XIV là các nhà sư ở Xukhôthai được mời tới Lana để giảng đạo, Vua Guna đã xây nhiều chùa ở Chiêng Mai và qua đó ảnh hưởng của nghệ thuật Xukhôthai đã lan tới miền Bắc của Thái Lan. Vào năm 1455, ở thời kỳ phát triển cao của đạo Phật, vua Tilôka đã cho xây ngôi chùa Bảy đỉnh (Vat Chẹt Yot) mô phỏng một dạng đền của ấn Độ. Ngoài ra, ở vùng này còn có những ngôi chùa được cấu trúc theo kiểu tháp Kukut của

người Môn ở Lămpun. Một công trình quan trọng của dạng này là chùa tháp Chedi Siliêm được cấu trúc theo kiểu tháp vuông có năm tầng cao và được thu nhỏ dần về phía đỉnh, các mặt ở mỗi tầng đều có những khoang lớn chứa tượng Phật.

Vào thời vua Meng Rai có xây một số tháp tròn theo kiểu Xrilanca nhưng được đặt trên bệ cao hình vuông theo kiểu nghệ thuật Xukhôthai.

Thông qua các ảnh hưởng của Xukhôthai, nghệ thuật Srivijai cũng để lại nhiều dấu ấn ở miền Bắc Thái Lan như trường hợp chùa tháp Vat Pasăk ở Chiêng Sẻn do vua Saen Phu xây vào đầu thế kỷ XIV. Giai đoạn phát triển cao của nghệ thuật Lana được kéo dài tới giữa thế kỷ XVI và bị kết thúc vào lúc người Miến điện đánh chiếm.

Phong cách Uthong (thế kỷ XII - XV)

Cùng thời với sự phát triển của nghệ thuật Lana ở phía Bắc, thì tại miền Trung của Thái Lan, nghệ thuật Xukhôthai cũng được phát triển theo một phong cách mới mang tên nghệ thuật Uthong. Phong cách chung của giai đoạn nghệ thuật này được phát triển trên cơ sở tổng hợp hai yếu tố đã có từ trước ở miền Trung Thái Lan là phong cách Đvaravati và phong cách Lôpburi. Về cơ bản, nghệ thuật Uthong cũng dựa trên những hình tượng của Đạo Phật và các tác phẩm tiêu biểu cũng là những tượng Phật.

Tuy nhiên, nghệ thuật điêu khắc ở Uthong đã được phát triển qua nhiều giai đoạn với những đặc trưng khác nhau: giai đoạn đầu (thế kỷ XII - XIII) mang nhiều yếu tố hỗn hợp của Đvaravati và Lôpburi với hình ảnh đỉnh đầu hình búp sen, nhóm thứ hai vào khoảng thế kỷ XIII - XIV chịu nhiều ảnh hưởng của Lôpburi với hình tượng các chóp hình ngọn lửa, nhóm thứ ba vào khoảng thế kỷ XIV - XV thì mang ảnh hưởng rõ nét của nghệ thuật Xukhôthai.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Về kiến trúc của thời kỳ nghệ thuật Uthong cũng rất đa dạng, có loại được kết hợp giữa các phong cách Xukhôthai và Srivijai như ngôi đền Pra Mahathat ở Chainat, hoặc có kiểu bắt nguồn từ dạng đền tháp của Kh'me như công trình chính của khu đền Vat Pra Siratana ở Lôpburi. Tuy nhiên so với các công trình của Kh'me thì các công trình của Uthong được làm cao hơn, có dáng dấp thon hơn và được đặt trên các bệ tương đối cao. Loại hình kiến trúc này cũng được phát triển về sau vào thời Autthia.

Phong cách Autthia (giữa thế kỷ XIV - giữa thế kỷ XVIII)

Việc thành lập vương quốc Autthia vào năm 1350, cùng với sự

thống nhất của đất nước đã mở ra một giai đoạn nghệ thuật quan trọng với sự hòa trộn của nhiều phong cách nghệ thuật đã được phát triển trong các thời kỳ trước. Nghệ thuật Autthia kéo dài từ giữa thế kỷ XIV cho đến khi vương quốc này bị Myanma xâm chiếm vào năm 1767. Trên cơ sở phát huy những truyền thống của nghệ thuật Uthong, vào năm 1458 vua Bôrôm T'raylocanat do đúc những tượng đồng thể hiện các kiếp sinh thành của đạo Phật và được coi là những tác phẩm phản ánh thời kỳ chuyển tiếp từ phong cách Uthong sang phong cách Autthia. Cho đến khi vua Bôrôm T'raylocanat sát nhập Xukhôthai vào vương quốc mình vào giữa thế kỷ XIV thì ảnh hưởng của nghệ thuật Xukhôthai được phát triển mạnh mẽ ở Autthia.

Từ thế kỷ XVI, nghệ thuật của Thái ở Autthia có xu hướng mô phỏng nghệ thuật điêu khắc của Ăngco, đặc biệt là các công trình được thực hiện ở Lôpburi (kinh đô thứ hai của vương triều Autthia). Ở thời kỳ này, các tượng Phật được mang nhiều trang sức và y phục được diễn tả nhẹ nhàng hơn, tạo nên những hình ảnh nghệ thuật rất đặc sắc. Suốt hơn một thế kỷ, từ khi vua Uthong lập ra vương quốc Autthia cho đến thời vua Bôrôm T'raybocanat thì kiến trúc Thái Lan vẫn mang phong cách chủ yếu của thời Uthong và Lôpburi. Tuy nhiên, về tạo hình nghệ thuật cũng có những bước phát triển cao hơn, được thể hiện trên các Prang ở đền Vat Puthaisavan và ở đền Siratatra được xây dựng tại Autthia và ở Pitsnulok.

Từ giữa thế kỷ XV, ảnh hưởng của kiến trúc Xukhôthai tại Autthia có những dấu hiệu rõ nét nhất, được thể hiện trên các công trình kiểu tháp tròn rất phổ biến ở Xukhôthai. Những kiến trúc điển hình chịu ảnh hưởng Xukhôthai được xây dựng ở Autthia là các tháp lớn ở Vat Pra Si Sanpet và ở Vat Zai Chamongkhon. Tuy nhiên, không chỉ đơn thuần chịu ảnh hưởng của phong cách cũ mà nghệ thuật Autthia cũng có những phát triển mới như việc bổ sung hàng cột bao quanh ở phần trên của thân tháp.

Từ thế kỷ XVII, sau khi chinh phục Ăng co thì nghệ thuật kiến trúc của Thái Lan lại phát triển các mô hình đền tháp của Kh'me, thậm chí vua Pra Sattong còn cho xây dựng cả một mô hình thu nhỏ của Ăngco Vat trên sông Sac. Một nét tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc thời kỳ Autthia còn được lưu giữ tới ngày nay là loại kiến trúc bằng gỗ, đặc biệt là những ngôi chùa thờ Phật. Đó là những ngôi chùa có nền cao, nhiều đoạn gấp khúc với bộ mái cong nhiều lớp và có các khoang tường được trổ thủng tạo thành những cửa sổ nhọn đầu. Vào thời vua Patracha (1688 - 1702), trong nhiều kiến trúc đã có sử dụng ngói men.

Về nghệ thuật tạo hình của thời kỳ này được phát triển một thể loại mới là các tranh tường, mà nay còn giữ lại tại nhiều chùa, tháp ở Autthia. Đó là những bức tranh miêu tả những hình ảnh của tôn giáo, tranh tường cổ nhất còn được giữ lại tới nay là ở ngôi chùa Vat Chetupon ở phía Nam Xukhôthai và tại ngôi đền Vat Chedi Chettheu ở Sisatchanalai.

Phong cách Băng Cốc (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XX)

Cùng với việc chuyển rời kinh đô về Bangkok vào năm 1782, thì cũng có một phong cách nghệ thuật được mở ra và mang tên địa phương này. Vua Rama I (1782 - 1809) đã cho thu gom từ các địa phương ở Thái Lan rất nhiều tượng đồng và dựa theo các khuôn mẫu đó đã làm ra rất nhiều tượng mới, được bày đặt tại các ngôi chùa ở Bangkok. Có khá nhiều tượng còn mang phong cách Autthia hoặc những đường nét của nghệ thuật Uthong. Vào các đời vua sau, nghệ thuật tượng Phật vẫn được phát triển nhưng vẫn giữ những đường nét cơ bản của những thời kỳ trước. Cho đến thời vua Mông Kut (Rama IV, 1851 - 1868) thì việc sáng tạo tượng Phật có một số nét mới theo hướng diễn đạt hình ảnh người nhiều hơn. Đó là những pho tượng khá nổi tiếng của thời kỳ này ở Pra Samputthaya và Pra Nirantarai. Vào thời vua Chulalongkon (Rama V, 1868 - 1910), việc sáng tạo tượng Phật lại có xu hướng quay về với hình tượng Phật thời cổ.

Về hội họa, nghệ thuật Bangkok vẫn tiếp tục truyền thống của những giai đoạn trước với rất nhiều tranh tường có giá trị. Về kiến trúc của thời kỳ Bangkok ở giai đoạn đầu vẫn phổ biến là các dạng tháp Prang và Chedi. Có những công trình tiêu biểu của thời kỳ này được xây dựng ở Thônburi như Vat Pakhang, hoặc các tháp ở Vat Chetupon và Vat Pô đều ở Bangkok.

Vua Môngkut là một người sùng bái Đạo Phật và rất thích kiểu kiến trúc Xukhôthai nên ông đã đưa về vùng Bangkok những kiểu tháp tròn. Bên cạnh các loại kiến trúc chùa, tháp thì kiến trúc gỗ của thời kỳ này cũng được phát triển và có mang một số ảnh hưởng của nghệ thuật Trung Quốc, tiêu biểu là các điện thờ và các giảng đường của Vat Rachaôrôt và ở Vat Theptida. Ở những kiến trúc này, một số hình ảnh trang trí mái kiểu Thái đã giảm đi, cột được xây dựng hình vuông và không có trang trí ở đầu cột. Tuy nhiên, trong kiến trúc dân gian thì những kiểu cấu tạo truyền thống của ngôi nhà gỗ Thái Lan vẫn được phát huy và còn để lại nhiều dấu tích cho đến ngày nay.

THƯ VIỆN HUBT

IV. NÉT RIÊNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

BẢN SẮC ĐÔ THỊ TRẢI DÀI TỪ BẮC TỚI NAM

1. Lào Cai - Sapa



Địa hình phong phú giúp Lào Cai có phong cảnh đẹp

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới. Phía bắc giáp Vân Nam (Trung Quốc) với 203km đường biên, phía tây giáp Lai Châu, phía đông giáp tỉnh Hà Giang, phía nam giáp Yên Bái và Sơn La.

Địa hình của tỉnh có núi, đồi và thung lũng. Hệ thống sông suối của tỉnh Lào Cai chằng chịt, lắm thác ghềnh. Lào Cại có đường giao thông huyết mạch nối liền Vân Nam (Trung Quốc) với Việt Nam nên Lào Cai có vị trí quan trọng cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, quân sự.

Khí hậu chia làm nhiều vùng. Ở các vùng thấp: khí hậu mang tính chất nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm từ 18 - 28°C, riêng ở Sapa có khi nhiệt độ xuống dưới 0°C và có mưa tuyết.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Lào Cai có nhiều dải rừng lớn, rừng có nhiều gỗ quý như pơmu, lát hoa, chò chỉ... Nhiều cây dược liệu và các loại động vật quý hiếm như lợn rừng, hổ báo, hươu nai...

Tỉnh Lào Cai không chỉ giàu về tài nguyên thiên nhiên mà còn có nhiều cảnh đẹp tự nhiên như ruộng bậc thang bên sườn núi; mùa đông các đỉnh núi cao đều có tuyết phủ trắng xoá, mùa xuân có hoa đào nở rộ khắp núi đồi. Lào Cai có nhiều hang động và danh thắng đẹp, có Sapa nơi nghỉ mát lý tưởng về mùa hè...

Sapa là một thị trấn nghỉ mát đẹp và thơ mộng nằm ở độ cao 1.600m so với mặt biển, cách Hà Nội 333km, cách thị xã Lào Cai 38km. Khí hậu Sapa mát mẻ quanh năm từ 15 đến 18°C mùa hạ không nóng gắt như vùng đồng bằng ven biển. Mùa đông thường có mây mù bao phủ và rất lạnh, nhiệt độ có khi xuống dưới 0°C, có năm tuyết rơi. Thời tiết Sapa một ngày có tới 4 mùa: sáng chiều là thời tiết của mùa xuân, mùa thu. Buổi trưa là thời tiết của mùa hạ, thường có nắng nhẹ, trời quang mây nhưng khí hậu vẫn dịu mát. Đêm đến trời lạnh là thời tiết của mùa đông. Từ tháng 5 đến tháng 8 ở Sapa có mưa nhiều.

Ở ngay trung tâm thị trấn, xen giữa rừng đào thơ mộng và những rặng samu xanh ngát là những biệt thự cổ kính xen cùng biệt thự hiện đại theo kiểu phương Tây khiến cho thị trấn mang nhiều dáng dấp của thành phố Châu Âu. Dọc theo các sườn đồi là những ngôi nhà xinh xắn với tường vôi, ngói đỏ, hình khối đa dạng ẩn hiện khi lên cao, lúc xuống dưới thấp dọc theo các trục lộ làm cho thị trấn càng trở nên thơ mộng. Từ thị trấn Sapa nhìn sang phía tây là dãy Hoàng Liên Sơn xanh thẳm, bốn mùa sương giăng buổi sớm. Nơi đây có đỉnh Phan-Xi-Păng cao 3.143m rất hấp dẫn du khách.

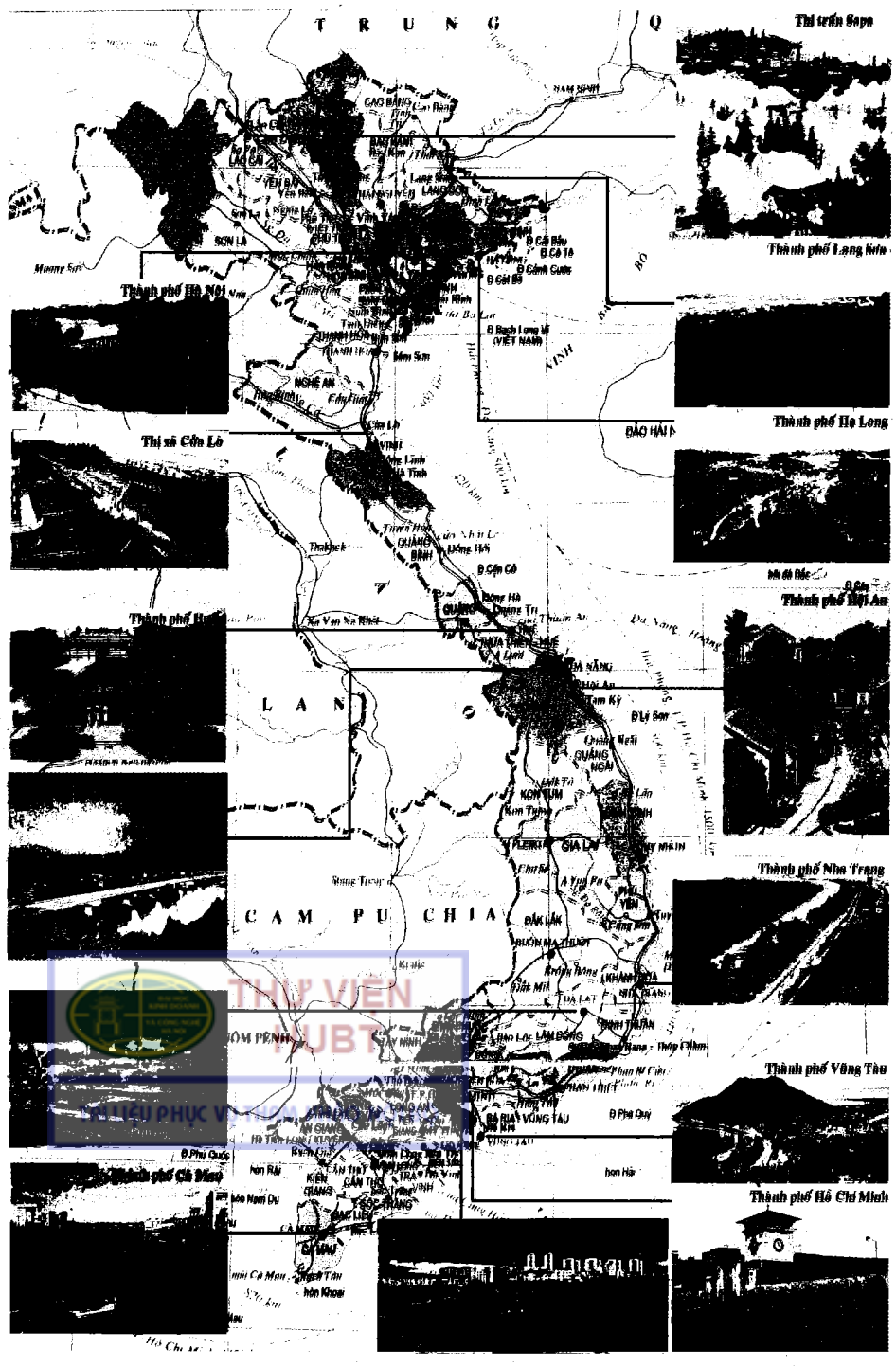

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đô thị Sapa ẩn hiện trong mây và núi

Sapa còn nhiều cảnh đẹp tự nhiên như thác Bạc, cầu Mây, cổng Trời, rừng Trúc, hang động Tả Phìn.

Khí hậu Sapa trong lành, nổi tiếng với những vườn rau ôn đới như cải bắp, su hào, su su..., cây dược liệu quý và nhiều cây ăn quả như đào, mận, lê...

Những ngày phiên chợ ở Sapa rất nhộn nhịp vào thứ 7 hàng tuần, chợ Sapa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách từ phương xa tới, là một di sản phi vật thể rất có giá trị.



Bản sắc đô thị trải dài từ Bắc tới Nam

2. Hà Nội

Nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam.

Phía bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc, phía nam giáp tỉnh Hà Nam và Hoà Bình, phía đông và đông nam giáp tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên, phía tây giáp tỉnh Hoà Bình và Phú Thọ.

Thành phố Hà Nội ở vị trí từ 20°25' đến 21°23' vĩ độ Bắc và từ 105°15' đến 106°03' kinh độ Đông. Hà Nội nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới có gió mùa. Nếu phân chia thật chi tiết và tinh tế, Hà Nội có đủ bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Nhưng để giúp người ở xa dễ nhận biết khí hậu Hà Nội, có thể tạm chia thành 2 mùa chính là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, đây là thời kỳ giá lạnh, không mưa to. Từ tháng 1 đến tháng 3 vẫn có giá lạnh nhưng vì là tiết xuân nên có mưa nhẹ (mưa xuân) đủ độ ẩm cho cây cối đâm chồi nẩy lộc. Từ tháng 5 đến tháng 9 là mùa nóng có mưa to và bão. Trong các tháng 8, 9, 10, Hà Nội có những ngày thu. Mùa thu Hà Nội trời trong xanh, gió mát. Những ngày cuối thu se se lạnh và nhanh chóng hoà nhập vào mùa đông.

Nhiệt độ trung bình vào mùa đông: 17,2°C (lúc thấp nhất xuống tới 2,7°C). Trung bình mùa hạ: 29,2°C (lúc cao nhất lên tới 42,8°C). Nhiệt độ trung bình cả năm: 23,6°C. Vùng go đồi có nhiệt độ trung bình 23,5°C, khí hậu chịu ảnh hưởng của gió Lào. Vùng Ba Vì có khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình là 18°C. Mưa trung bình hàng năm: 1.245mm.

Là vùng đất cổ, Hà Nội được sông Hồng và các phụ lưu bồi đắp tạo nên, do đó Hà Nội gắn bó rất mật thiết với sông Hồng. Xưa kia người ta gọi sông Hồng là sông Cái - sông Mẹ. Tên gọi Hà Nội có ý nghĩa là vùng đất bên trong sông. Đoạn sông Hồng ôm lấy Hà Nội dài gần 100km chiếm 1/5 chiều dài của sông Hồng trên đất Việt Nam.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Các sông khác chảy qua Hà Nội là: sông Đuống, Đà, Cầu, Cà Lồ, Đáy, Nhuệ, Tích, Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Đặc biệt sông Tô Lịch đã được nhắc đến nhiều trong văn chương Hà Nội xưa như một con sông đẹp chảy trong lòng thành phố.

Ngày nay sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu có tác dụng như là một hệ thống thoát nước cho thành phố. Nhà nước đã có kế hoạch cải tạo hai con sông này để trả lại vẻ đẹp ban đầu.

Hà Nội là thành phố của những hồ đẹp. Những hồ nổi tiếng đã đi vào văn thơ là hồ Hoàn Kiếm (Hồ Gươm), hồ Tây, hồ Trúc Bạch, Thiền Quang, Bảy mẫu, Thủ Lệ, hồ Giảng Võ... đó còn là những lá phổi xanh của thành phố với vườn hoa và hàng hàng, lớp lớp cây xanh tạo cho thành phố nguồn sinh lực trong thiên nhiên tươi mát. Hà Nội có nhiều di tích và danh thắng, là một vùng đất giàu tiềm năng du lịch. Có nhiều lễ hội nổi tiếng đã là điểm dừng chân yêu thích của rất nhiều du khách.



Khuê Văn Các - biểu tượng văn hóa Thăng Long - Hà Nội



Tháp Bút trước đền Ngọc Sơn



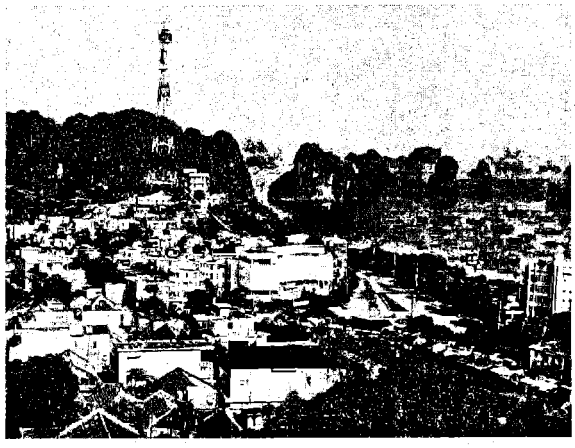
Tháp Rùa



Toàn cảnh Hồ Gươm

THƯ VIỆN HUBT

3. Hạ Long



Hạ Long
trước cảnh quan biển

Nằm ở vùng đông bắc Việt Nam, vịnh Hạ Long là một phần vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành phố Hạ long, thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn. Phía tây nam Vịnh giáp đảo Cát Bà, phía đông là biển, phần còn lại giáp đất liền với đường bờ biển dài 120km, được giới hạn từ 106°58' - 107°22' kinh độ Đông và 20°45' - 20°50' vĩ độ Bắc với tổng diện tích 1553km^2 gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 đảo có tên và 980 đảo chưa có tên. Đảo của vịnh Hạ Lọng có hai dạng đảo vôi và đảo phiến thạch, tập trung ở hai vùng chính là vùng phía đông nam (thuộc vịnh Bái Tử Long) và vùng phía tây nam (thuộc vịnh Hạ Long) có tuổi kiến tạo địa chất từ 250 - 280 triệu năm. Vùng tập trung dầy đặc các đảo đá có phong cảnh ngoạn mục và nhiều hang động đẹp nổi tiếng là vùng trung tâm Di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long, bao gồm vịnh Hạ Long và một phần vịnh Bái Tử Long. Vùng di sản thiên nhiên được thế giới công nhận có diện tích 434km^2 bao gồm 775 đảo, như một hình tam giác với 3 đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía tây), hồ Ba hầm (phía nam), đảo Cống Tây (phía đông) vùng cận kế bên là khu vực đệm và di tích danh thắng quốc gia được xếp hạng.

THƯ VIỆN HUBT

Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh khổng lồ vô cùng sống động. Đi giữa Hạ Long, ta ngỡ như lạc vào một thế giới cổ tích bị hoá đá, đảo thì giống hình một người đang đứng hướng về đất liền (hòn Đầu Người), đảo thì giống như con rồng đang bay lượn trên mặt nước (hòn Rồng), đảo thì lại giống như một ông lão đang ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng), hòn cánh buồm, hòn Cặp Gà, hòn Lư Hương... Hình dáng những đảo đá diệu kì ấy biến hóa khôn lường

theo góc độ ánh sáng trong ngày và theo góc nhìn. Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sửng Sốt, động Tam Cung... Đó thực sự là những lâu đài của tạo hoá giữa chốn trần gian. Vịnh Hạ Long cũng là nơi gắn liền với sự phát triển của lịch sử dân tộc với những địa danh nổi tiếng như Vân Đồn - nơi có thương cảng nổi tiếng một thời (1149), có núi Bài Thơ ghi bút tích của nhiều bậc vua chúa, danh nhân, xa hơn là dòng sông Bạch Đằng - nơi từng chứng kiến hai trận thuỷ chiến lẫy lừng chống giặc ngoại xâm... là cái nôi của nền văn hoá Hạ Long từ hậu kỳ đồ đá mới với những địa danh khảo cổ học nổi tiếng như Đồng Mang, Xích Thổ, Soi Nhụ, Thoi Giếng... Hạ Long cũng là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới... với hàng ngàn loài động thực vật vô cùng phong phú trên rừng dưới biển.

Thành phố Hạ Long nằm dọc theo bờ biển Vịnh Hạ Long, quanh năm lộng gió biển, nhiệt độ trung bình năm khoảng trên 20°C. Một dải đồi thấp chạy thoải ra biển trên đoạn dường dài tới 2km ôm lấy hàng thông cổ thụ và những khách sạn cao tầng, những biệt thự xinh xắn, những nhà hàng sang trọng. Con đường dải nhựa viền quanh dải cát trắng và hàng phi lao xanh mát, rì rào theo tiếng gió.

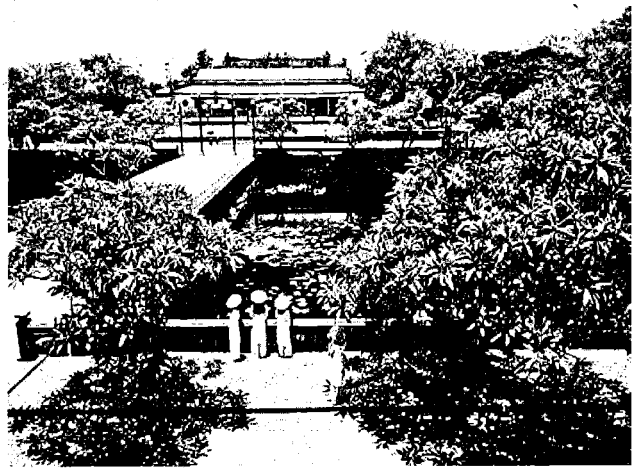
Hạ Long có bãi biển đẹp, vừa rộng lại nằm trong khu vực danh thắng lớn Vịnh Hạ Long. Đến Hạ Long có thể vừa tắm biển vừa đi thăm các đảo Tuần Châu, Bình Phong, Gà Chọi, Hòn Đũa, Đảo Khỉ. Thăm các hang động rất nổi tiếng như hang Đầu Gỗ, hang Sửng Sốt, hang Trinh Nữ, động Thiên Cung..

THƯ VIỆN
HUBT



Đô thị Hạ long trên nền cảnh Vịnh Hạ Long

4. Huế



Hồ nước trước Điện Thái Hòa

Huế là tỉnh lỵ của Thừa Thiên Huế, một kinh đô cổ của Việt Nam còn tồn tại khá nhiều công trình gần như nguyên dạng. Giá trị to lớn của Huế được thế giới biết đến chính là quần thể kiến trúc cung đình, thành quách, đền miếu, lăng tẩm..của các vua chúa triều Nguyễn, là sản phẩm của sự sáng tạo của trí tuệ Việt Nam. Với những nét đặc sắc đó, tổng thể di tích cố đô Huế đã được UNESCO công nhận la Di sản Văn hoá thế giới năm 1993.

Phần kinh thành Huế còn lại đến ngày nay được xây dựng từ năm 1850 (thời vua Gia Long) và hoàn thành vào năm 1832 (thời vua Minh Mạng), trên khoảng diện tích 5,2km^2, bên bờ Bắc sông Hương.

Kinh thành Huế được xây dựng theo kiến trúc thành quách phương Đông có khai thác kinh nghiệm phương Tây. Kinh thành gồm 3 vòng thành: phòng thành, hoàng thành và tử cấm thành.

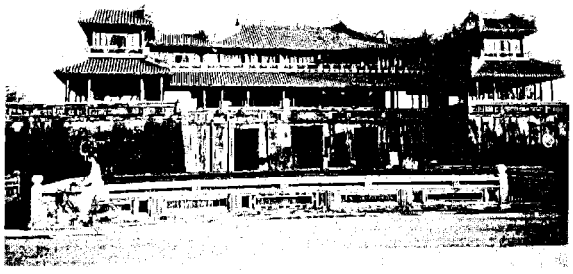
Bên trong các lớp thành cao hào sâu là một tổng thể với hàng trăm công trình kiến trúc lớn nhỏ. Tất cả những công trình này được xây dựng xung quanh một trục chính, theo hướng nam bắc. Khởi đầu là kỳ đài (cột Cờ), tiếp đến Ngọ Môn, sân Đại Triều Nghi, điện Thái Hoà, điện Cần Chánh, điện Càn Thành, điện Khôn Thái, điện Kiến Trung và ở cuối là cửa Hoà Bình. Các công trình kiến trúc còn lại được xây đăng đối hai bên đường trục.

Phòng thành là vòng thành ngoài cùng có chu vi 9.950m, thành có 10 cửa đường bộ và 2 cửa đường thuỷ, thành dày 21m có 24 pháo đài.

THƯ VIỆN HUBT

Hoàng thành là vòng thành thứ 2 bao quanh khu đại nội, chu vi 2450m. Hoàng Thành có 4 cửa: Ngọ Môn (nam), Hoà Bình (bắc), Hiển Nhơn (đông), Chương Đức (tây). Ngọ Môn là cửa chính của Hoàng Thành, cửa này ngày xưa chỉ dành cho vua đi, là một công trình kiến trúc còn lại khá nguyên vẹn.

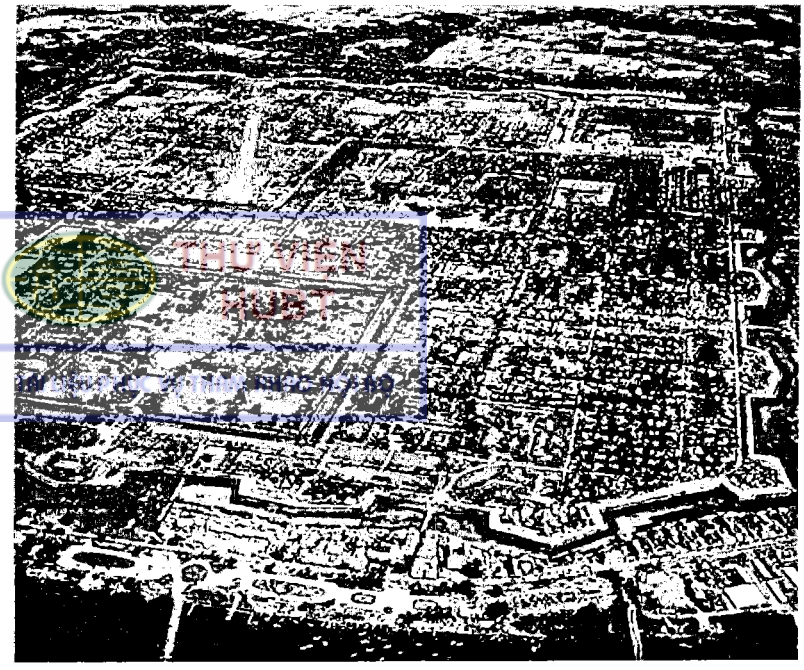
Tử Cấm Thành là vòng thành trong cùng có chu vi 1225m, có 7 cửa ra vào. Đây là nơi ở và làm việc của vua và gia đình, nơi đây được tách biệt với thế giới bên ngoài.



Ngọ Môn



Ngọ Môn ban đêm

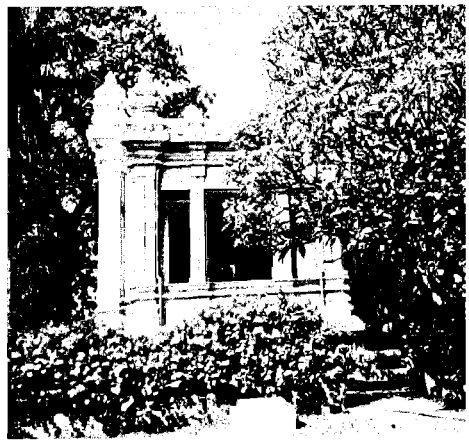


Toàn cảnh kinh thành Huế

5. Đà Nẵng



Tượng đài mẹ Việt Nam anh hùng



Bảo tàng nghệ thuật Champa

Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ đất nước, trên trục đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không của cả nước và khu vực. Phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía tây và nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp biển Đông.

Địa hình thành phố Đà Nẵng khá đa dạng: phía bắc là đèo Hải Vân hùng vĩ, vùng cao thuộc huyện Hoà Vang (phía tây bắc của tỉnh) với núi Mang 1.708m, núi Bà Nà 1.487m. Phía đông là bán đảo Sơn Trà đến bãi biển Non Nước. Phía nam có núi Ngũ Hành Sơn.

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chia 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm từ 28 - 29°C, bão thường đổ bộ trực tiếp vào thành phố các tháng 9, 10 hàng năm.

Thành phố Đà Nẵng được thành lập từ năm 1888, từ xa xưa đã là hải cảng quan trọng của Việt Nam, nay là một trung tâm kinh tế, một thành phố lớn nhất miền Trung. Đà Nẵng không chỉ gắn bó mật thiết với Quảng Nam mà còn với cả miền Trung, Tây Nguyên, Nam Lào, đông bắc Cam-pu-chia. Đà Nẵng có khu vực cảng Đà Nẵng với cảng biển Tiên Sa (cảng sâu) và 9 cầu cảng dọc sông Hàn, có sân bay quốc tế Đà Nẵng, có hệ thống thông tin liên lạc hiện đại. Đà Nẵng là nơi quy tụ các xí nghiệp lớn của các ngành dệt, sản phẩm hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...

Đến với vùng đất Đà Nẵng, du khách sẽ có dịp đi thăm các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như núi Bà Nà, Ngũ Hành Sơn, đèo Hải

Vân... và có thể bơi lội thoả thích ở các bãi biển đẹp, cát trắng mịn kéo dài hàng chục ki lô mét. Tiềm năng du lịch của vùng đất Đà Nẵng thật to lớn.

6. Hội An



Phố cổ Hội An

Hội An nằm bên bờ sông Thu Bồn. Nơi đây xưa kia đã có một thời nổi tiếng với tên gọi Faifo mà các thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Italia v.v..đã biết đến từ thế kỷ 16, 17. Từ thời đó, thương cảng Hội An đã thịnh vượng, là trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á, một trong những trạm đỗ chính của các thương thuyền vùng Viễn Đông.

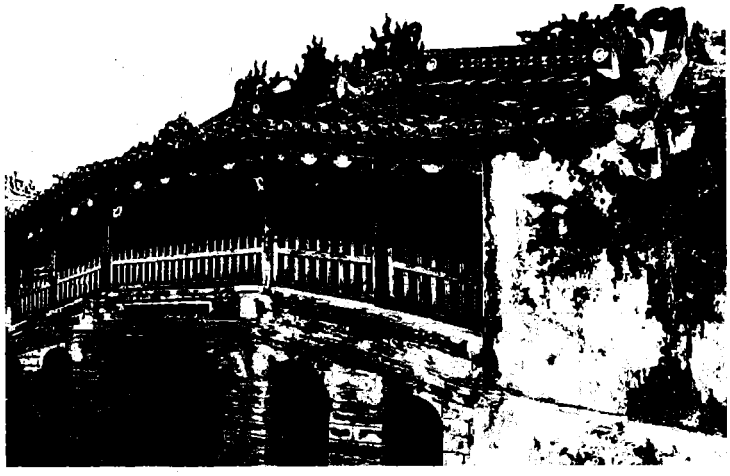
Thành phố có những dãy phố cổ gần như nguyên vẹn, đó là loại nhà hình ống xuyên suốt từ phố nọ sang phố kia. Trong đó có một dãy phố nằm sát ngay bờ sông. Nhà ở đây toàn bằng gỗ quý, trong nhà treo hoành phi, câu đối, cột nhà trạm trổ hoa văn rất cầu kỳ... đối, cột nhà trạm trổ hoa văn rất cầu kỳ... Hội An là một bảo tàng sống, khu phố cổ được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới năm 1999.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

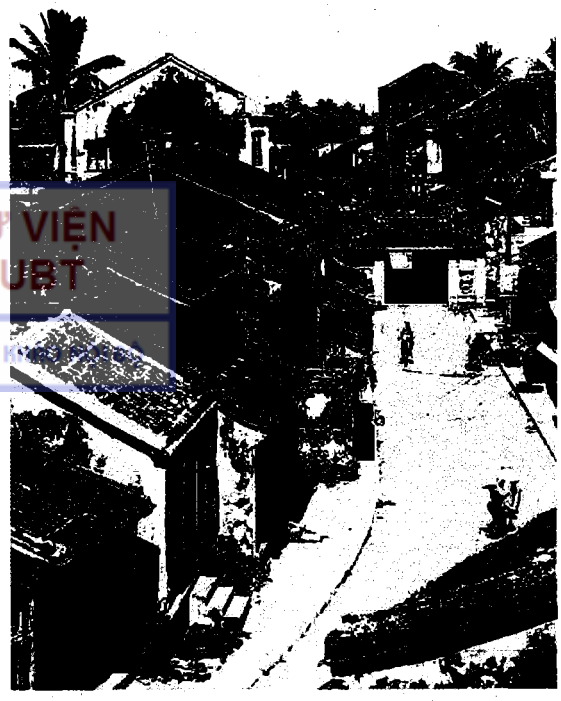
Chùa Cầu đồng thời là cây cầu bắc ngang con lạch chảy ra sông Thu Bồn giáp ranh giữa 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai và Trần Phú. Chùa được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 do các thương nhân Nhật Bản thực hiện.

Chùa Cầu là một di tích có kiến trúc khá đặc biệt. Mái chùa lợp ngói âm dương che kín cả cây cầu dài 12m. Chùa và cầu đều bằng gỗ sơn son chạm trổ rất công phu, mặt chùa quay về phía bờ sông.

Hai đầu cầu có tượng thú bằng gỗ đứng chầu, một đầu là tượng chó, một đầu là tượng khỉ. Tương truyền đó là những con vật mà người Nhật sùng bái thờ tự từ cổ xưa. Phần gian chính giữa (gọi là chùa) thờ một tượng gỗ Bắc Đế Trấn Võ - vị thần bảo hộ xứ sở, ban niềm vui hạnh phúc cho con người, thể hiện khát vọng thiêng liêng mà con người muốn gửi gắm cùng trời đất nhằm cầu mong mọi điều tốt đẹp. Chùa Cầu được trùng tu nhiều lần.



Cầu có mái Lai Viễn Kiều (còn gọi là cầu Nhật Bản)



Đường phố dẫn tới cầu Nhật Bản

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

7. Đà Lạt

Đà Lạt ở độ cao 1475m. Phía đông và nam tỉnh có cao nguyên nhỏ Di Linh cao 1010m, khá bằng phẳng và đông dân cư, là nơi đầu nguồn của sông La Ngà chảy vào Đồng Nai.

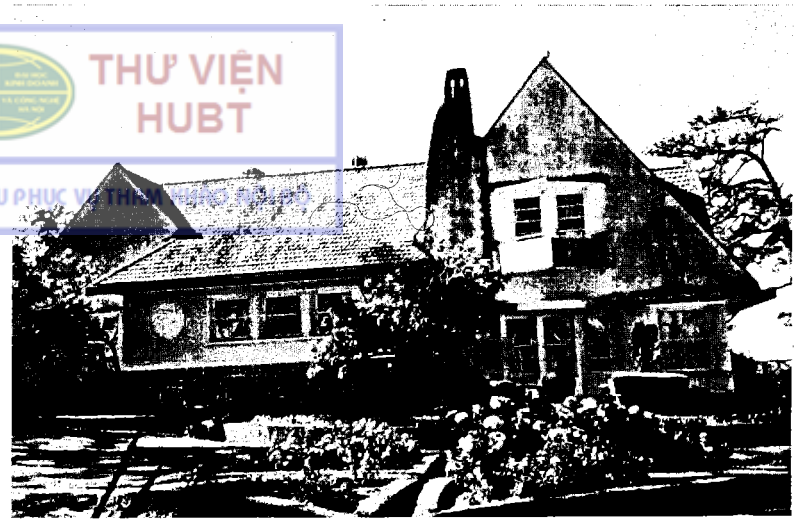
Các nhà khí hậu học gọi Đà Lạt là "thành phố của mùa xuân", vì nhiệt đô trung bình cao nhất trong ngày là 24°C và nhiệt độ trung bình thấp nhất trong ngày 15°C. Lượng mưa trung bình năm 1.755mm. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11. Có nắng trong tất cả các mùa. Nhờ khí hậu đó cả thành phố Đà Lạt như một vườn hoa trăm hương ngàn sắc suốt quanh năm.

Từ thành phố Hồ Chí Minh, đi ô tô theo quốc lộ 20 chừng 300km là đến Đà Lạt. Con đường sẽ đưa du khách lên cao dần, cao dần và khi chạm vào Đà Lạt ở thác Prenn thì trước mặt du khách là ngút ngàn rừng thông hai lá, ba lá. Đi sâu vào thành phố Đà Lạt, du khách sẽ khám phá một "bảo tàng" của các thác nước, những hồ đẹp, thung lũng hoa và đồi cỏ.

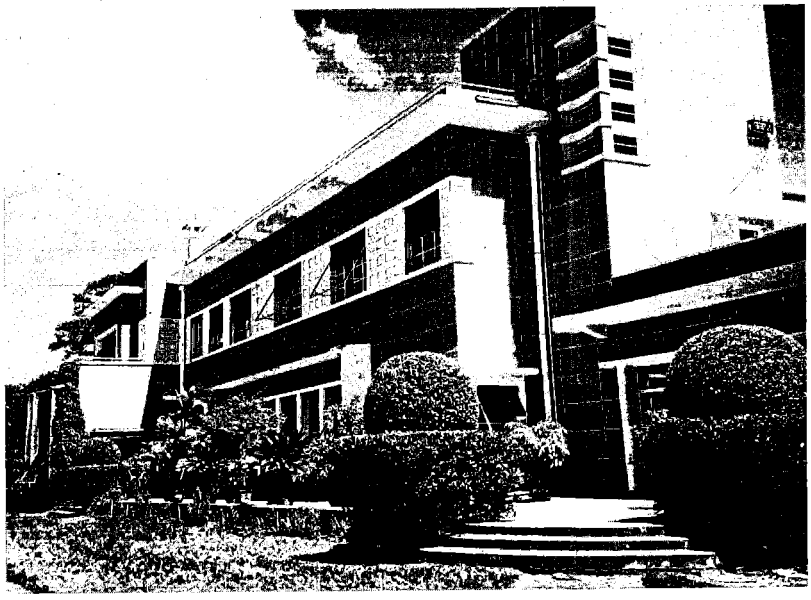
Mặc dù mới thành lập được hơn 100 năm (1893), Đà Lạt hôm nay đã trở thành địa danh du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, một thành phố nghỉ mát lâu đời ở nước ta.

Đà Lạt nổi tiếng về hồ, về thác nước và rừng thông. Những hồ đẹp ở Đà Lạt là hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện, hồ Vạn Kiếp, hồ Mê Linh. Những hồ này nằm trong thành phố, tên thơ mộng như cảnh hồ thơ mộng, mỗi hồ gắn liền với một truyền thuyết xa xưa.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



Biệt thự đẹp Đà Lạt



Dinh thự Bảo Đại

Cộng đồng dân cư Đà Lạt là một sự hoà nhập hết sức độc đáo của các dân tộc từ các vùng Bắc, Trung, Nam. Cả tỉnh có trên 20 tộc người, đông nhất là người Việt, sau đó là Cờ ho, Mạ, Lạt, Srê, Chu ru... Người dân ở quanh vùng Đà Lạt và Di Linh trồng rau và hoa cung cấp cho các tỉnh Nam Bộ. Thiên nhiên tươi đẹp đã tạo nên những mẫu người Đà Lạt có phong cách đáng yêu hiền hoà, thanh lịch, mến khách được nhiều người cảm nhận.

Du khách đến Đà Lạt vừa thăm viếng, vừa thưởng thức những sản phẩm Đà Lạt bao gồm nhiều loại trái cây: hồng, mận, đào, bơ..., nhiều món ăn dân tộc độc đáo và hàng lưu niệm của riêng vùng Đà Lạt.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vẻ đẹp của Đà Lạt còn được ngợi ca nhiều và hấp dẫn du khách bởi hàng trăm, hàng ngàn loại hoa, loại phong lan độc đáo, hoặc được sản sinh riêng trên mảnh đất này, hoặc lấy giống từ nhiều nơi như: Pháp, Anh, Hà Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Ấn Độ, Italy... như hoa hồng, hoa bất tử, hoa đỗ quyên, hoa xác pháo, hoa tư tưởng, hoa trà mi, mi mô da, mai anh đào, thuỷ tiên trắng...

8. Nha Trang

Thành phố biển Nha Trang, tỉnh lỵ của Khánh Hoà, là một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với bãi tắm dài 7km, cùng hàng chục di tích, chùa chiền và nhiều phong cảnh đẹp.

Vịnh Vân Phong, một khu du lịch biển lý tưởng trong tương lai, hiện đang được nghiên cứu và quy hoạch. Ngoài ra, hàng chục bãi tắm đẹp như Đại Lãnh, Dốc Lết,... cũng là tiềm năng du lịch to lớn của Khánh Hoà.

Khánh Hoà có nền văn hoá và lịch sử lâu đời. Cách đây hàng ngàn năm đã có con người sinh sống. Trên mảnh đất này có nhiều dân tộc sinh sống: Việt, Raglai, Hoa, Giẻ Triêng, Êđê, Tày, Nùng, Mường, Chăm... Hệ thống giáo dục ở Khánh Hoà khá phát triển với trên 20 cơ quan khoa học và trường đại học. Đặc biệt Viện Hải dương học là cơ quan lưu giữ hiện vật và nghiên cứu về biển lớn nhất Đông Nam á với trên 11.000 tiêu bản về hải sản.

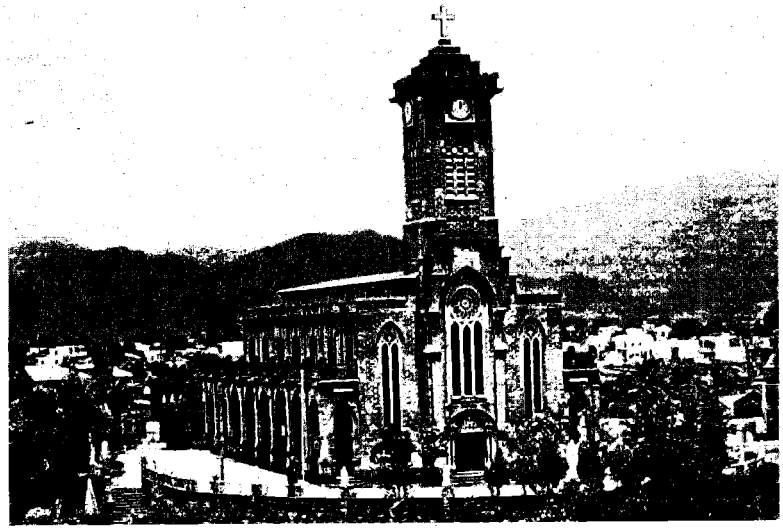
Nét đặc sắc của văn hoá dân gian ở Khánh Hoà là có nhiều lễ hội mang tính tôn giáo cổ.

Tháp Bà là di tích lịch sử quang trọng hàng đầu của Nha Trang, công trình tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc dân tộc Chăm. Ponagar tên của ngọn tháp lớn nhất trong 4 ngọn tháp của khu di tích. Tháp nằm trên một ngọn đồi nhỏ, còn gọi là núi Tháp Bà nơi cửa sông Cái, bên quốc lộ 1A, thuộc phường Vĩnh Phước, phía bắc thành phố Nha Trang.

Nhóm Tháp Chàm được xây dựng và tu bổ qua nhiều thời kỳ từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 12. Tháp Bà do vua Chăm pa là Harivácman xây vào những năm 813 - 817. Trải qua mưa nắng của thời gian, tháp bị hư hại. Thời Pháp thuộc, trường viễn Đông Bác Cổ đã tổ chức



Tháp Bà Nha Trang



Nhà thờ Chánh tòa Nha Trang

tu sửa: dùng gạch xây lại nhiều phần và đắp một số tượng lên thân tháp. Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều hiện vật của tháp bị mất cắp, nhưng nhân dân đã quyên góp để xây thêm cổng ra vào, làm bậc, lát gạch men trong lòng tháp và trước sân, xây thêm 2 miếu thờ ở phía trước, nhà khách ở bên trái và nhà nghỉ ở đằng sau.

Cách thành phố Nha Trang hơn 50km về phía Bắc, có một ngọn đồi cát dài 18km nằm giữa đất liền và hải đảo, tạo ta một vịnh với phong cảnh tuyệt đẹp. Nơi đây có thể tổ chức nhiều lạo hình du lịch thể thao dưới nước và trên núi (lặn, lướt ván, thuyền buồm hoặc đi săn, leo núi, tắm nước khoáng...). Vịnh Văn Phong đang được quy hoạch để trở thành một trung tâm du lịch vủa Việt Nam.

THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO MIỄN PHÍ

9. Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là vùng đất mới. Tính từ khi địa danh Sài Gòn được ghi vào sổ sách năm 1698 thì đến nay thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập được 300 năm. Vào đầu năm Mậu Dần (1698), Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh Chúa Nguyễn vào kinh kỳ vùng đất phía Nam. Ông đã thành lập phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (sau này trở thành một đô thị lớn của Việt Nam). Vùng đất Nam bộ khi đó còn ít người, dinh Phiên Trấn chỉ có huyện Tân Bình, còn dinh Trấn Biến chỉ có huyện Phước Long. Năm 1772, luỹ thành Bán Bích được xây dựng. Năm 1790,

thành Bát Quái ra đời. Đó là thành luỹ vào dạng lớn nhất ở phía Nam. Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, thành Gia Định thất thủ. Từ năm 1862 một phương án qui hoạch thành phố với 500 ngàn dân được phê duyệt. Thống dốc quân sự người Pháp là Bonard chia tỉnh Gia Định thành 3 phủ, mỗi phủ có 3 huyện, dưới huyện có tổng, dưới tổng có xã. Sài Gòn lúc bấy giờ là tỉnh lỵ của Gia Định, vừa là phủ lỵ của phủ Tân Bình, vừa là huyện lỵ của huyện Bình Dương; còn chợ lớn là huyện lỵ của huyện Tân Long, cùng phủ Tân Binh. Năm 1864, Chợ Lớn được tách ra khỏi Sài Gòn (về phương diện địa bạ.

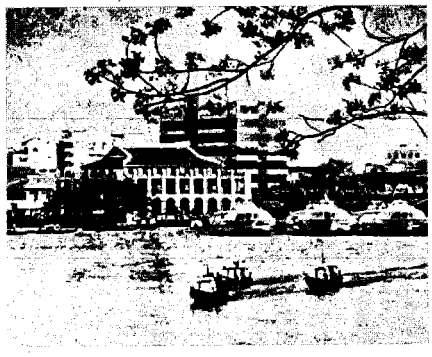
Từ đây dáng dấp một đô thị theo kiểu phương Tây thế kỷ 19 đã dần dần hình thành theo hai trục Bắc - Nam và Đông - Tây. Thành phố đã hình thành những trục đường lớn có ngã tư, ngã năm, ngã bảy. Nhà nhiều tầng bằng gạch, xi măng cốt thép, quảng trường, bến cảng công viên... lần lượt ra đời.

Do vị trí địa lý và những yếu tố đất đai, khí hậu thuận lợi, vùng đất này sớm trở thành nơi hội tụ của các thương nhân bốn biển năm châu. Cảng Sài Gòn được thành lập từ năm 1862. Các tầu buôn của người phương Tây và các nước lân cận đã tấp nập cập cảng Sài Gòn và họ cũng rất quen thuộc các địa danh: chợ cầu ông Lãnh, chợ Cầu Kho, chợ Rẫy, chợ Bến Thành, chợ Sài Gòn. Từ lâu Sài Gòn đã được ca ngợi là "Hòn ngọc của Viễn Đông".



Chợ Bến Thành

Cuối thế kỷ 19 (ngày 15/3/1874) Tổng thống cộng hoà Pháp ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Sài Gòn thực sự trở thành một đô thị với hàng loạt công trình lớn xây dựng theo kiểu phương Tây với những công sở, trung tâm thương mại, công nghệ dịch vụ, giao thông. Đầu thế kỷ 20, Chợ Lớn sát nhập vào Sài Gòn, thành phố trở thành thành phố lớn nhất Đông Dương.



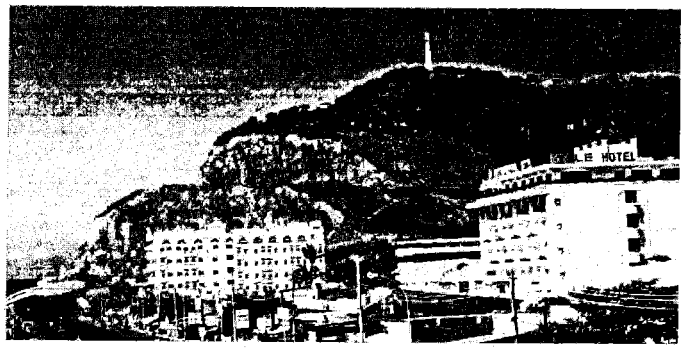


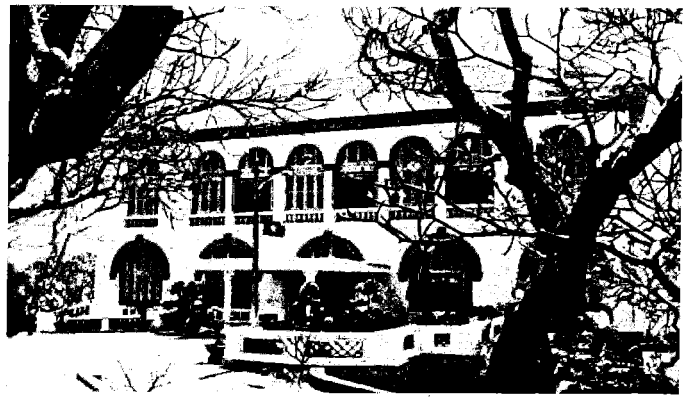


THƯ VIỆN

Toàn cảnh Thành phố Hồ Chí Minh

10. Vũng Tàu





Vũng Tầu là một trung tâm du lịch lớn. Sự kết hợp hài hoà giữa quần thể thiên nhiên biển, núi cùng kiến trúc đô thị và các công trình văn hoá như tượng đài, chùa chiền, nhà thờ v.v... tạo cho Vũng Tàu có ưu thế của thành phố du lịch biển đẹp, đầy quyến rũ. Vũng Tàu không có mùa đông, do vậy các khu nghỉ mát có thể hoạt động quanh năm.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

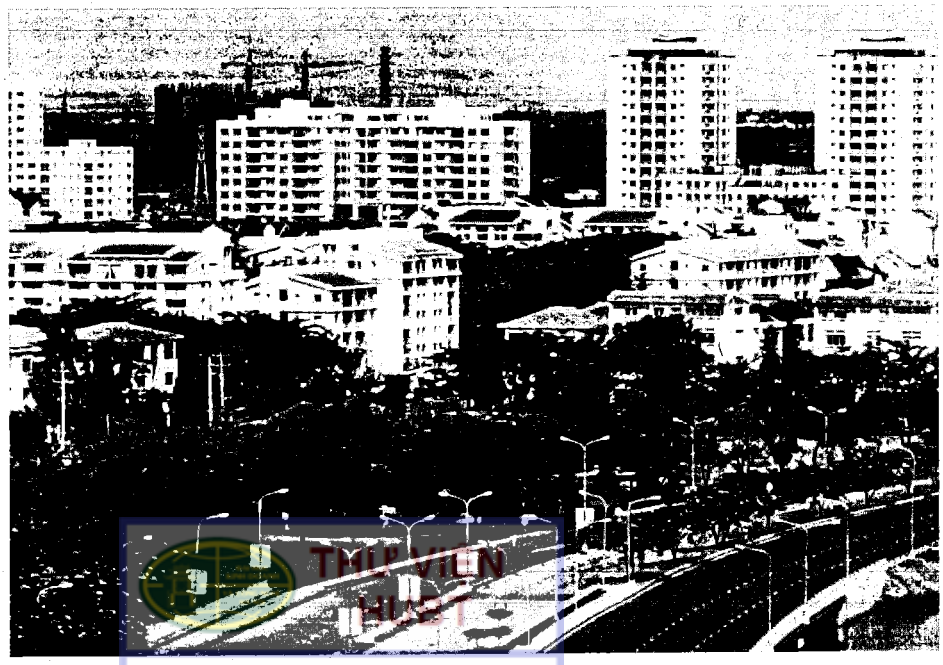
Vũng Tàu có nhiều bãi biển đẹp như bãi Sau (Thuỳ Vân), bái Trước (Tầm Dương), bãi Dâu (Phương Thảo), bãi Dứa (Hương Phong),... và nhiều di tích, thắng cảnh như Hải Đăng trên núi Nhỏ, núi Lớn, Bạch Dinh, Niết Bàn Tịnh Xá, Thích Ca Phật Đài, nhà lớn Long Sơn v.v... đã thu hút nhiều du khách.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 4 khu vực có tiềm năng lớn trong sự nghiệp phát triển du lịch, là một trong mười trung tâm du lịch lớn.

Giống như các tỉnh khác ở Việt Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu cũng có nhiều lễ hội dân gian như: lễ hội Dinh Cô, lễ Dinh Ông, lễ hội đình Thần Thắng Tam, thu hút rất nhiều du khách.

Qua những dữ liệu địa lý, lịch sử, văn hoá, cảnh quan nêu trên trong lời "giới thiệu" về các đô thị trên đây, ta có được những nét phác hoạ của bức tranh toàn cảnh về bản sắc đô thị Việt Nam.

Đấy là nói về bản sắc đô thị ở những phần đã được tạo dựng trong quá khứ. Cũng nên nhìn nhận về những mảng đô thị đang được tạo dựng để xem những gì là bản sắc có được phát huy trong những khu vực mới hay không. Một cuộc du hành vào khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng (Nam Sài Gòn) sẽ đem đến cho ta sự cảm nhận rằng, mặc dù bị cuốn theo xu thế quốc tế hoá, nhưng nhiều nét của bản sắc đô thị Việt Nam vẫn được lưu giữ chứ không mất đi.



Khu đô thị Phú Mỹ Hưng

THƯ VIỆN HUẾT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU

Đô thị Phú Mỹ Hưng được xây dựng theo quy hoạch để trở thành trung tâm thương mại, tài chính quốc tế hấp dẫn nhất Đông Nam Á. Trên diện tích 2,600ha, toạ lạc song song với thành phố Hồ Chí Minh về phía Nam và dọc theo Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Công ty LD PMH được phép khai thác, phát triển khu đất trong phạm vi công trình Đô Thị Mới để xây dựng một đô thị kiểu mẫu tại Đông Nam Á. Quy hoạch tổng thể đô thị do công ty Skidmore, Owings & Merill (Mỹ) thiết kế

đã được Thủ tướng phê duyệt vào năm 1995, được chấp nhận thành lập cơ chế Đầu Tư Một Cửa cho Đô Thị Mới.

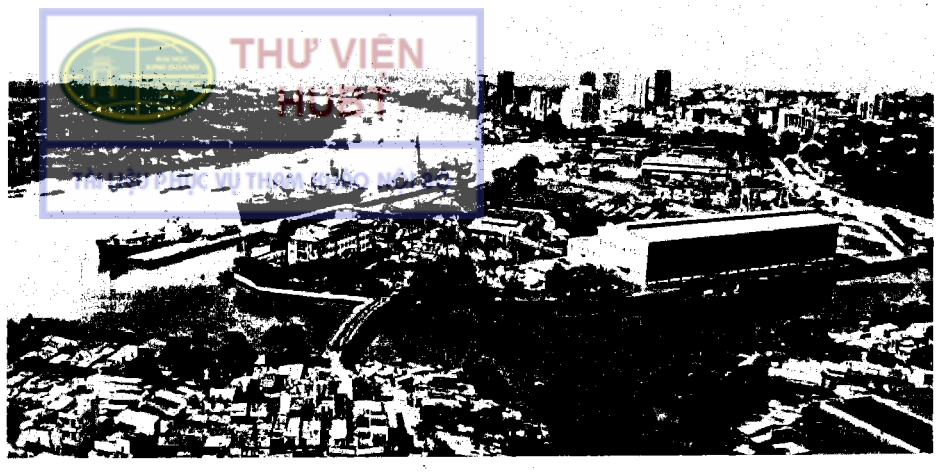
Đô thị mới phát triển song hành với thành phố hiện có, là một bộ phận cấu thành của TP.HCM, khu này sử dụng hỗn hợp đa chức năng: Là một TT Tài chính, Thương mại, Dịch vụ, Công nghiệp, Khoa học, Văn hoá, Giáo dục, Cư trú, Giải trí, Giao thông Vận tải... hỗ trợ cho việc phát triển nội thành hiện nay và là động lực cho sự phát triển phía Nam và Đông Nam thành phố.

Quy hoạch chi tiết đô thị mới PMH được triển khai theo nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ nhu cầu xã hội hiện tại và tương lai tại TP.HCM. Ngay từ giai đoạn đầu, các công trình đã được triển khai trên nền tảng hạ tầng hoàn hảo đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Quy hoạch phố xá dạng bàn cờ, nguồn điện nước ổn định, hệ thống thoát nước đảm bảo không lụt lội, hệ thống viễn thông, các trường học tiện nghi giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Đại lộ Nguyễn Văn Linh đã thông xe 2 làn trong số 10 làn xe vào tháng 12/1997. Các tuyến gần các khu phát triển đã được mở rộng 4 làn xe vào tháng 8/1999. Vào ngày 30/12/2003 Công ty LD PMH chính thức khánh thành mở rộng đại lộ Nguyễn Văn Linh thành 4~6 làn xe trong giai đoạn II.

Giai đoạn III thông xe 10 làn vào cuối năm 2007. Đô thị mới PMH phát triển 5 cụm đô thị dọc theo đại lộ Nguyễn Văn Linh: TT đô thị


THƯ VIỆN
HUST

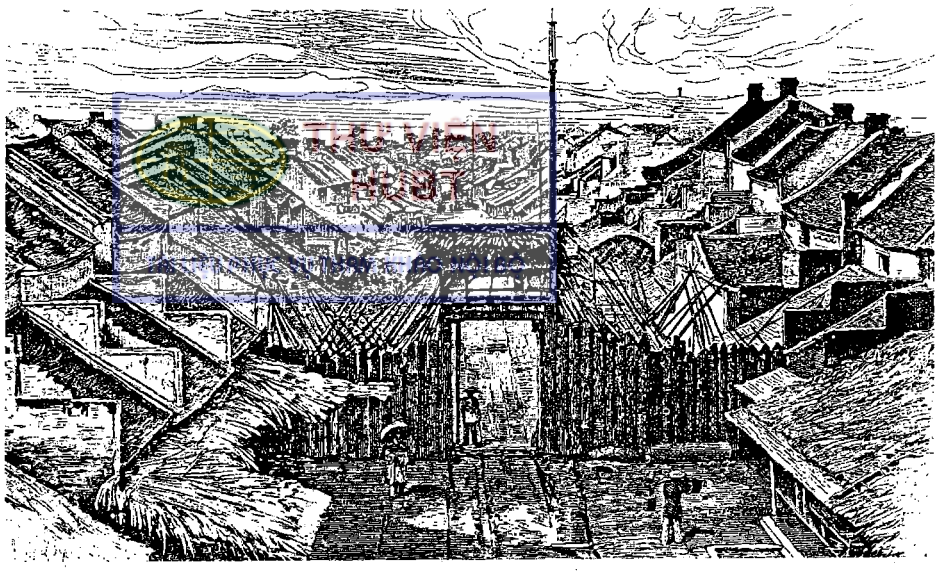
Thành phố Hồ Chí Minh và sông Sài Gòn

mới (khu A), Làng Đại Học (Khu B), TT Kỹ Thuật Cao (Khu C), TT Lưu Thông Hàng Hoá 2 (Khu D), TT Lưu Thông Hàng Hoá 1 (Khu E). Khu A & Khu E được phát triển trong giai đoạn đầu.

Những cụm đô thị do PMH xây dựng đồng bộ về hạ tầng và về không gian kiến trúc dọc theo đại lộ Nguyễn Văn Linh đã tạo nên diện mạo đô thị năng động, mở ra thời cơ vững vàng phát triển vùng đất phía Nam TP.HCM.

Đô thị hiện đại giữa thiên nhiên là nét đặc sắc của quy hoạch tổng thể. Những mảng xanh hiện hữu sẽ được tái tạo thành hoa viên, khu bảo tồn, sân golf... trong Hành Lang Cây Xanh Văn Hoá và Nghỉ Ngơi: dòng sông cảnh quan được quy hoạch từ hệ thống kênh rạch hiện hữu để tạo các thuỷ lộ xuyên suốt và liên kết cảnh quan thiên nhiên đặc sắc và ngoạn mục.

Những kiến trúc hiện đại, hài hoà trên nền tảng hạ tầng hoàn chỉnh tạo nên một không gian sống chuẩn mực. Công tác đô thị từ việc tưới cây, quét đường cho đến thu gom rác với phương châm rác không chạm đất đều được chăm chút tỷ mỉ, ý thức tự giác giữ môi sinh được nâng cao. Trẻ có không gian tung tăng vui đùa, người lớn có nơi tản bộ, giao tiếp láng riềng... không gian sống tràn ngập màu xanh ngày càng thể hiện nét văn minh của nếp sống mới mang bản sắc đô thị Việt Nam.



Cổng phường trong Hà Nội cổ

DI SẢN VĂN HÓA KIẾN TRÚC VÀ BẢN SẮC ĐÔ THỊ VIỆT NAM QUA LĂNG KÍNH THỜI GIAN, KHÔNG GIAN

Trên dải đất ven biển của vùng Đông Nam á lục địa với hơn 3000km bờ biển, đất nước Việt Nam trải dài từ Bắc xuống Nam với nhiều đặc điểm địa hình khác nhau và cũng có nhiều đặc trưng khí hậu khác nhau. Trên dải đất này, nhiều dân tộc đã chung lưng đấu cật xây dựng đất nước và làm nên một nền văn hóa đa dạng mà nhiều thành tựu còn được lưu giữ đến ngày nay. Trong những di sản của nền văn hóa phong phú ấy, có di sản văn hóa kiến trúc nằm rải rác trên các vùng đất khác nhau và có sự tập trung khá đậm đặc ở miền đất Thăng Long - Hà Nội.

Địa bàn hoạt động chủ yếu của người Việt xưa có sự di chuyển dần từ vùng núi và trung du phía Bắc xuống vùng đồng bằng châu thổ ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ, thuộc lưu vực sông Hồng, sông Thái Bình, sông Chu, sông Mã... Điều kiện thiên nhiên nhiệt đới nóng và ẩm thúc đẩy con người tìm đến các giải pháp tạo dựng môi trường sống thích ứng, đó là việc khai thác các nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên để làm nhà, làm cửa theo cách riêng của mình. Sản phẩm chính của quá trình tạo dựng môi trường sống đó chính là những ngôi nhà sàn hoặc nhà đất, ngày nay ta còn thấy ở khắp nơi, tùy theo đặc điểm địa hình của nơi cư trú. Từ các loại cây rừng thân gỗ cho tới các loại tre nứa, người dân ở vùng cao hay vùng xuôi đều có cách riêng để tạo tác nên ngôi nhà đủ sức chống chọi với mưa nắng, gió bão, tạo nơi ăn ở thoáng mát về mùa hè và ấm áp về mùa đông.

Dù được làm bằng tre nứa hay bằng gỗ, ngôi nhà của người Việt đều được tạo dựng từ bộ khung nhà với nhiều gian. Tùy theo quy mô và nhu cầu sử dụng, ngôi nhà có thể có 3 gian, 5 gian, 7 gian. Mỗi gian là một khoảng không gian thành phần tạo nên khả năng định hình hóa của ngôi nhà. Kích thước của gian nhà tùy thuộc vào độ lớn của hệ vì kèo với số cột nhiều hay ít (tạo nên độ sâu của gian) và hệ thanh giằng liên kết giữa các vì với nhau (tạo nên độ rộng của gian). Từ cấu trúc đơn giản này, người thợ xây có thể tạo nên bộ khung nhẹ nhàng của ngôi nhà ở dân gian hoặc bộ khung hoành tráng được chạm khắc tinh vi của các lâu đài, cung điện, các đền miếu...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO TRỰC TUYẾN

Bộ khung của ngôi nhà gỗ được sáng tạo, kế thừa và phát triển qua nhiều thế hệ đã trở thành một niềm tự hào của nghệ thuật kiến

trúc Việt Nam mà trong đó mỗi bộ phận, mỗi chi tiết đều là nơi gửi gắm niềm say mê của những bàn tay sáng tạo. Từ những tấm đá tảng được chạm khắc công phu kê dưới chân cột, vừa có tác dụng phân bổ đều trọng lượng của ngôi nhà trên nền đất, hạn chế tác động của nền đất dễ ẩm thấp sinh mối mọt, lại vừa là một chi tiết trang trí đẹp mắt cho chân cột. Cũng như vậy, các bộ phận như vì kèo, quá giang, bẩy, các con trồng, các đấu được liên kết khéo léo bằng các mộng vừa có tác dụng tạo sự vững chắc cho ngôi nhà vừa là những bộ phận được chạm khắc trang trí khéo léo với nhiều kiểu thức khác nhau, thực sự được coi là những tác phẩm điêu khắc có giá trị.

Cùng với vật liệu gỗ để tạo dựng nên bộ khung cơ bản của ngôi nhà, các loại vật liệu khác cũng được chế tác khéo léo để kết hợp làm nên tác phẩm kiến trúc, đó là các loại gạch và ngói bằng đất nung cũng như một số loại đá (đá vôi, đá granit, đá ong...) tùy theo khả năng ở từng địa phương. Gạch dùng để xây tường, xây bệ tạo sự vững chãi cho ngôi nhà, mặt tường để trần (không trát phủ) tạo cảm giác ấm cúng nhờ màu sắc hồng thắm hoặc nâu gụ, giữa các hàng gạch có mạch vữa được miết chặt tạo thành những đường kẻ giàu tính trang trí. Ngói phủ mái nhà được sắp xếp khéo léo vừa chống nắng, che mưa và được tạo hình "vảy rồng" rất hấp dẫn cho bộ mái, mũi ngói cong hình "mũi hài" là một chi tiết ấn tượng. Ngói phủ mái có hai lớp "Âm, Dương", lớp dưới (Âm) là ngói lót được trang trí hoặc tô màu để tạo vẻ đẹp bên trong và lớp trên (Dương) là ngói được nung già để chịu mưa nắng. Hai lớp ngói tạo nên độ dày của mái giữ cho môi trường bên trong được bảo vệ tốt chống nắng nóng và gió lạnh.

Nghệ thuật kiến trúc Việt Nam không thiên về sự uy nghi đồ sộ mà chú trọng sự thuận tiện, giản dị và tinh tế. Ngay cả các lâu đài, cung điện hay dinh thự của vua chúa thường cũng chỉ có quy mô khiêm tốn, điều này có nguyên nhân từ điều kiện thiên nhiên và xã hội có nhiều mặt khó khăn gay gắt đòi hỏi con người phải bỏ nhiều công sức trong lao động sản xuất cũng như trong chiến đấu giữ làng, giữ nước mà không thể có lối sống xa hoa lãng phí. Mặc dù đã bị thiên nhiên cũng như chiến tranh phá hủy đi nhiều nhưng đến nay trong kho tàng di sản văn hóa kiến trúc ta vẫn còn thấy được nhiều tác phẩm giá trị ở rất nhiều thể loại. Chỉ riêng trên địa bàn đồng bằng châu thổ sông Hồng với địa điểm trung tâm là vùng Thăng Long - Hà Nội, kho di sản này thường được liệt kê với con số rất lớn và cũng là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc.

THƯ VIỆN HUBT

Có sông Hồng chảy qua như một trục giao thông nối với nhiều miền đất từ vùng đồi núi cao tới vùng xuôi và ra tới biển, miền đất Thăng Long có nhiều tiềm năng để trở thành địa bàn trung tâm làm kinh đô của đất nước.

Nơi đây từng là nơi giao lưu trên bến dưới thuyền, hàng hóa buôn bán qua lại tấp nập. Sông cũng là một tuyến phòng thủ tự nhiên giúp cho việc bảo vệ chống lại các cuộc xâm lăng từ phương Bắc. Cùng với sông Hồng, còn có sông Tô Lịch quanh co, uốn khúc bao quanh khu kinh thành, vừa là hào bảo vệ, vừa là tuyến giao thông đường thủy, tạo mối liên kết với các vùng đất lân cận.

Từ xa xưa Thăng Long - Hà Nội vốn là vùng đất trũng, nhiều đầm lầy sau mới dần dần được bồi lấp và trở thành vùng đất giàu thịnh tốt tươi để cho dân cư từ nhiều nơi tụ tập về và sinh sống. Đến nay vùng đất này vẫn là nơi có nhiều sông hồ và đô thị nơi đây đã được mệnh danh là "đô thị của những gương nước". Những cảnh quan đẹp đều có mối liên quan với những hồ nước nổi tiếng như Hồ Gươm, Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch, Hồ Bảy Mẫu... Gắn kết với các cảnh quan này là vô vàn di sản kiến trúc, từ nhà ở dân gian đến đền đài, cung điện, đặc biệt là các kiểu kiến trúc có mối quan hệ với tín ngưỡng dân gian như các đền, chùa, cầu, quán, các tượng tròn, tượng nổi, nói lên tài năng sáng tạo qua nhiều thế hệ của cha ông ta.

Trên miền đất Thăng Long - Hà Nội hiện nay còn lưu lại dấu tích của hai tòa thành cổ là Cổ Loa (từ thế kỷ III tr.CN) và Thăng Long (thế kỷ XI sau CN). Thành Cổ Loa là Thủ đô của nước Âu Lạc do Thục Phán tạo dựng nay di tích còn lại là các vòng thành được đắp bằng đất (ba vòng thành bao bọc nhau có độ dài tổng cộng khoảng 16km). Dấu tích kiến trúc quan trọng còn lại đến nay nằm ở khu vực Thành trong, có đền thờ An Dương Vương (đền Thượng, tương truyền được dựng trên nền của nội cung ngày xưa), đình làng Cổ Loa (có thể là trên nền cũ của điện Ngự triều), cạnh đình có am Bà Chúa (miếu thờ công chúa Mỵ Châu) và ở phía trước đền thờ An Dương Vương còn có giếng Ngọc (nơi tự vẫn của Trọng Thủy)...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THOÁT KHỎI NỘI SỐ

Thành Thăng Long do vua đầu Triều Lý tạo dựng khi chuyển kinh đô từ Hoa Lư về đây, đánh dấu một giai đoạn phát triển rực rỡ của Nhà nước phong kiến độc lập. Nhiều công trình kiến trúc quan trọng được xây dựng ở khu Hoàng Thành qua các triều đại Lý, Trần, Lê đã được sử sách ghi lại. Trải qua nhiều biến động lịch sử, các lâu

đài cung điện này đều đã bị phá hủy chỉ còn lưu lại ít nhiều di tích (như nền điện Kính Thiên với các tượng rồng đá rất đẹp ở bệ thềm).

Sang đầu thế kỷ XIX dưới triều Nguyễn, thành Thăng Long được xây dựng lại và trở thành tỉnh thành Hà Nội, nhà Nguyễn xây dựng kinh đô ở Phú Xuân (Huế). Nhiều công trình quan trọng ở Hoàng Thành Thăng Long bị rỡ ra, nhiều vật dụng của triều đình được đưa vào Huế.

Giai đoạn phát triển rực rỡ của đất nước vào các thời Lý, Trần, Lê... đã tạo cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ của nền văn hóa dân tộc mà trong đó có nghệ thuật kiến trúc. Bên cạnh những lâu đài, cung điện, các kiến trúc gắn bó với sinh hoạt văn hóa tinh thần là một bộ phận rất quan trọng của di sản văn hóa kiến trúc ở thời kỳ này, đó là các chùa, tháp, đền, miếu. Ngày nay kể cận về phía Bắc của Thăng Long - Hà Nội ta vẫn có thể thấy được quy mô to lớn của chùa Dạm (thế kỷ XI) qua những dấu tích còn lại, chùa Dâu (thế kỷ II) được coi là trung tâm Phật giáo sớm nhất ở Việt Nam, chùa Phật tích (thế kỷ XI, trùng tu lớn vào thế kỷ XVII), chùa Bút Tháp (thế kỷ XII, trùng tu thế kỷ XVII)... đều là những kiệt tác của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam.

Về phía Tây của Thăng Long - Hà Nội cũng còn lưu giữ được những di sản kiến trúc có giá trị không kém, đó là chùa Mía (thế kỷ XVII), chùa Thầy (thế kỷ XII), chùa Trăm Gian (thế kỷ XII), chùa Tây Phương... hoặc về phía Đông và Đông Nam có các chùa Phổ Minh, chùa Cổ Lễ ở Nam Định, chùa Keo ở Thái Bình, chùa Hương Lãng ở Hải Dương... Riêng phạm vi ở bên trong của Thăng Long - Hà Nội, những kiến trúc tôn giáo có giá trị là chùa Một Cột (thế kỷ XI), chùa Láng (thế kỷ XII), chùa Kim Liên (thế kỷ XII, trùng tu thế kỷ XV, thế kỷ XVIII)...

THƯ VIỆN
HUBT

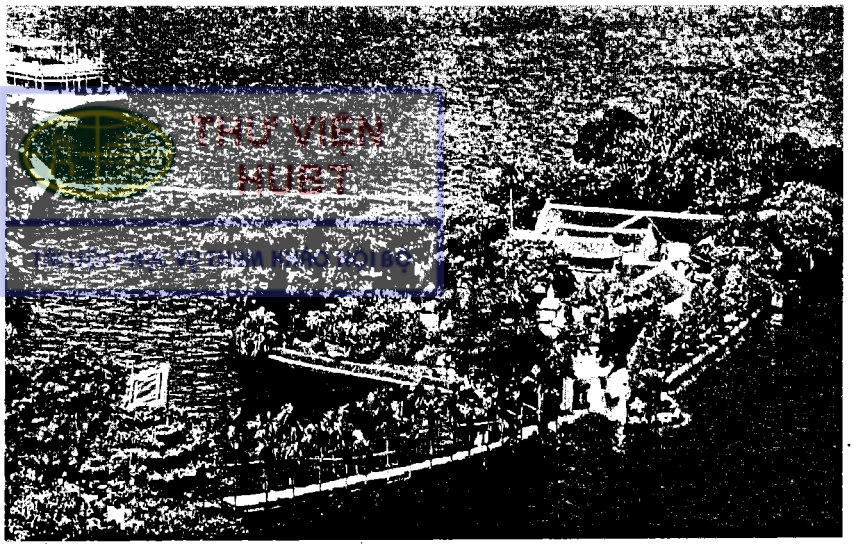
Cũng trong thể loại kiến trúc tín ngưỡng còn phải kể đến các đền, miếu và các ngôi đình. Bốn ngôi đền thờ các vị thần bảo hộ cho đất kinh thành (Thăng Long tứ trấn) đều là những kiến trúc có giá trị. Đó là đền Bạch Mã (phía Đông), đền Voi Phục (phía Tây), đền Quán Thánh (phía Bắc), đền Kim Liên (phía Nam). Nhiều đền thờ các anh hùng dân tộc: đền thờ Hai Bà Trưng, đền thờ Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương), đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn...

Đặc biệt có giá trị là Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nơi thờ Khổng Tử đồng thời cũng là cơ sở giáo dục và đào tạo bậc cao vào năm 1070 làm nơi thờ các thánh hiền đạo Nho và đến năm 1076 phát triển thêm

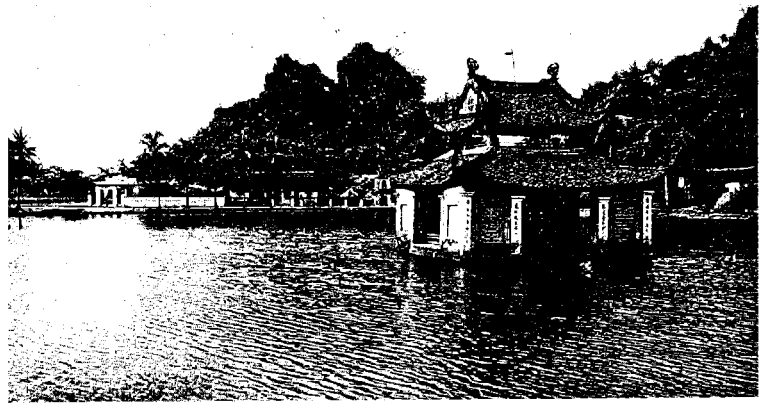
nhà Quốc Tử Giám ở phía sau làm nơi học của các hoàng tử và học trò giỏi của cả nước. Tổng thể công trình nằm trong một khuôn viên rộng, bao gồm nhiều không gian nối tiếp nhau theo chiều sâu và ở chính giữa là công trình gác Khuê Văn soi bóng xuống mặt nước của giếng Thiên Quang, được coi là hình ảnh tiêu biểu của nền văn hóa Việt Nam cũng như của Thăng Long - Hà Nội.



Cảnh quan Hồ Gươm



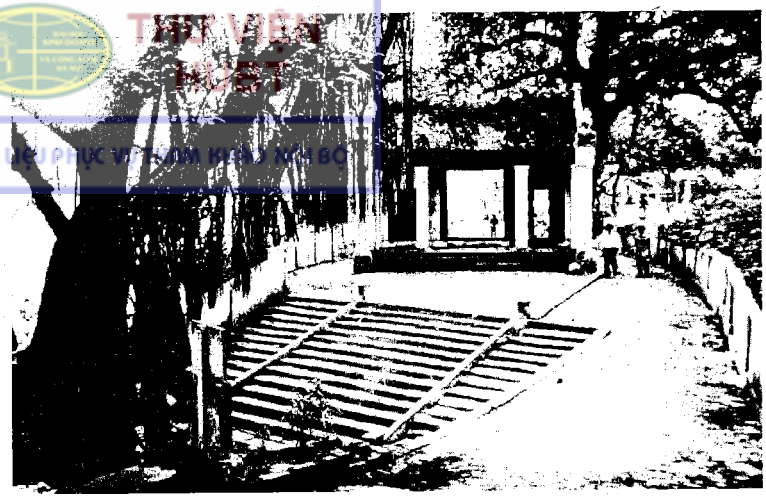
Chùa Trấn Quốc ở Hồ Tây



Thủy đình ở Chùa Thầy



Chùa Trăm Gian



Cảnh quan Đền Voi Phục

THƯ VIỆN HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU

Các ngôi đình là dấu tích của các làng xã xưa còn lại trên địa bàn Thăng Long - Hà Nội cũng là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa và di sản kiến trúc. Trong phạm vi nội thành ta còn thấy được đình làng Ngọc Hà, đình làng Yên Phụ, đình làng Đông Ngạc, đình làng Nhân Chính, đình làng Triều Khúc... hoặc ở xa hơn một chút là những đình được coi là những kiệt tác của kiến trúc Việt Nam như đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh), đình làng Chu Quyến, đình làng Tây Đằng (Hà Tây)... Bộ khung gỗ của các ngôi đình cũng là nơi lưu giữ các tác phẩm của nghệ thuật điêu khắc với những chủ đề sinh hoạt trong dân gian vô cùng phong phú.

Kiến trúc nhà ở là một mặt quan trọng của di sản văn hóa và kiến trúc dân tộc, nhà dân gian trong khu thị dân của kinh thành Thăng Long mà nay ta quen gọi là "khu 36 phố phường", được xem là sự kết tinh của nghệ thuật kiến trúc nhà ở dân gian đã rất phát triển ở các vùng nông thôn nay lại được phát triển thêm bước nữa trong khung cảnh đô thị. Đây là nơi cư trú của người dân sinh sống với các nghề thủ công truyền thống vốn có ở nhiều làng xã xưa nay được du nhập vào chốn thị thành. Nơi đô hội đất chật người đông không cho phép các kiểu nhà ở dàn trải như nông thôn mà trái lại mặt nhà trông ra đường phố phải thu hẹp, đây cũng là nơi bày bán các mặt hàng thủ công do họ làm ra. Sinh hoạt gia đình được đưa lùi vào bên trong theo chiều sâu của nhà và từ đó đã hình thành kiểu nhà rất đặc trưng trong khu phố này: kiểu "nhà ống".

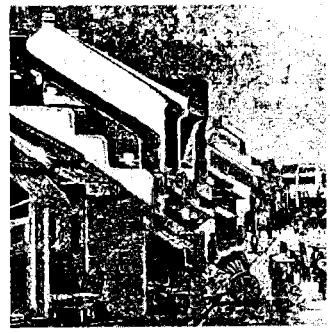
Trải qua năm tháng, nhất là khi có sự tiếp xúc với văn hóa phương Tây, kiến trúc nhà ở cũng có những yếu tố phát triển mới, cùng với sự hình thành các khu phố mới ở phía nam quận Hoàn Kiếm và ở quận Ba Đình. Đây là nơi được xây dựng với những kinh nghiệm về phát triển đô thị của châu Âu với các đường phố kẻ ô như kiểu bàn cờ, nhà cửa có quy mô to lớn hơn, đặc biệt là các kiến trúc công cộng mà trong đó không ít đã góp phần bổ xung cho quỹ di sản văn hóa kiến trúc của Thăng Long - Hà Nội. Đó là các công trình như Nhà hát thành phố, Phủ Chủ tịch, Bảo tàng lịch sử, Nhà khách Chính phủ...

Miền đất Thăng Long - Hà Nội nằm trên địa bàn châu thổ sông Hồng, là nơi định cư và phát triển nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước ở về phía Nam của nước Văn Lang vào thời các vua Hùng. Khoảng thế kỷ III trước Công nguyên, vua Thục thay vua Hùng đã đưa trung tâm của nước Việt cổ từ vùng trung du tới nơi tiếp giáp với vùng đồng bằng, xây dựng thành Cổ Loa làm kinh đô của nhà nước Âu Lạc.



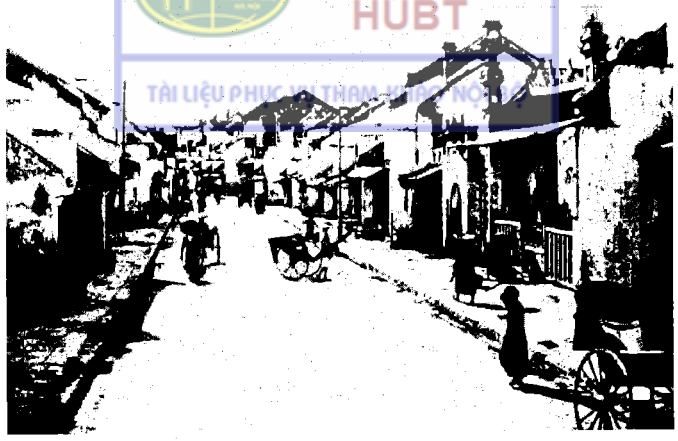
Khu đại bái ở Văn Miếu





Nhà cổ khu 36 phố phường

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Nhà trong khu phố cổ

Thành Cổ Loa được xây dựng trên bờ sông Hoàng (còn gọi là sông Thiếp) có nhánh thông với một hồ nước lớn được gọi là Đầm Cả, liên kết với các hào nước ở chân thành tạo thành một mạng lưới giao thông thủy rất thuận tiện cho việc điều quân liên kết trên bộ dưới thuyền. Theo truyền thuyết, Cổ Loa có 9 vòng thành "hình trôn ốc" như di tích còn lại đến nay có 3 vòng thành đắp bằng đất (như con đê): Thành Trong hình chữ nhật chu vi 1,6km, Thành Giữa hình đa giác uốn lượn tự nhiên dài 6,5km và Thành Ngoài dài 8km.

Thân thành có độ cao từ 4 đến 5m, cá biệt có chỗ cao hơn 10m, chân thành rộng vài chục mét. Các cửa của 3 vòng thành được bố trí khéo léo không cùng nằm trên một đường thẳng mà lệch chéo đi. Như vậy, quân địch muốn xâm nhập thành phải đi theo một đường quanh co và có nhiều ụ phòng ngự cản trở. Các tài liệu khảo cổ cho biết chân thành được kè đá, các lớp đất đắp thành có xen lẫn các lớp mảnh gốm rải rác.

Theo các dấu tích còn lại, nhiều tài liệu đoán định Thành Trong có 12 cửa, Thành Giữa có 5 cửa và Thành Ngoài có 4 cửa. Phía ngoài các vòng thành đều có hào nước thông với Đầm Cả và với sông Hoàng. Dấu tích của thành còn lại đến nay cho thấy thành đã được sửa đắp nhiều lần. Các ụ phòng ngự (hỏa hồi) có thể đã được đắp vào thời nhà Hán đô hộ nước ta, kể cả vòng thành trong cũng vậy.

Trên địa bàn Cổ Loa, ngành khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di chỉ đồ đá, đồ đồng như những lưỡi rìu, lưỡi cày, đặc biệt có cả một kho vũ khí với hàng vạn mũi tên đồng, một số trống đồng thuộc loại tinh xảo (trống đồng thời Đông Sơn). Những di chỉ này chứng tỏ nơi đây từ rất sớm đã từng là nơi tụ cư của người Việt cổ. Thành Cổ Loa là một công trình thành lũy rất đặc sắc vừa là đô thành vừa là quân thành, một nơi tập trung quân tướng thủy bộ rất lợi hại mà sau này vào năm 938 khi Ngô Quyền chiến thắng quân xâm lược, chấm dứt mười thế kỷ Bắc thuộc lập ra Vương triều Ngô cũng đã dùng nơi này làm kinh đô.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cuối năm 1009, tại Hoa Lư (Ninh Bình), Lý Công Uẩn lên ngôi vua, sáng lập ra triều Lý (1009 - 1225), mở ra trang sử mới của một quốc gia phong kiến độc lập.

Hoa Lư là kinh đô của nước Đại Việt dưới hai triều Đinh (968 - 980) và Tiền Lê (980 - 1009) là một vùng núi non hiểm trở, thích hợp với yêu cầu quân sự của một chính quyền độc lập non trẻ còn phải đối phó với nhiều mối đe dọa của thù trong giặc ngoài. Với địa thế lợi

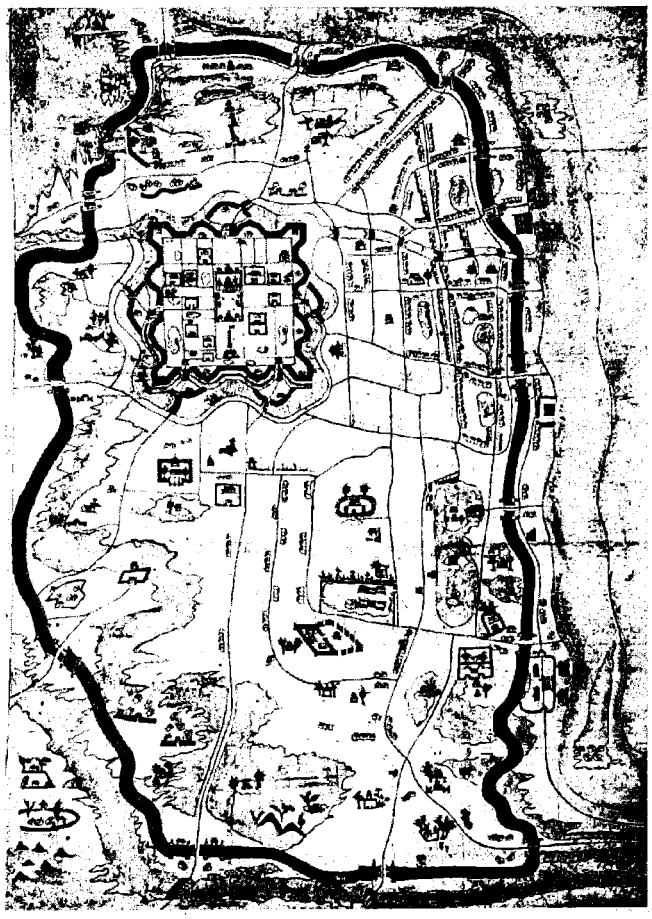
của Hoa Lư, triều đình đã đánh bại các thế lực cát cứ địa phương, khôi phục và củng cố nền thống nhất quốc gia, triều Tiền Lê đã đánh tan quân xâm lược nhà Tống bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc. Những thành quả bảo vệ và củng cố độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất quốc gia thời Ngô, Đinh, Tiền Lê đã tạo điều kiện đưa đất nước vào thời kỳ mới: thời kỳ xây dựng đất nước trên quy mô lớn, thời kỳ phục hưng toàn diện của dân tộc và nền văn hóa dân tộc. Hoa Lư với vị trí và địa thế núi non hiểm trở đã không đáp ứng được vai trò kinh đô ở thời kỳ phát triển mới.

Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ, vị vua sáng nghiệp của triều Lý, đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của kinh thành đối với vận mệnh của đất nước và vương triều nên đã quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Trước ngày xây dựng kinh thành Thăng Long, miền đất này đã là nơi dân cư đông đúc, buôn bán thịnh vượng. Nhờ những điều kiện phát triển kinh tế xã hội sẵn có ở đây nên khi Lý Thái Tổ thiên đô tới, chỉ phải lo xây dựng Hoàng thành, còn những khu vực nhân dân ở không phải xây dựng gì mới.

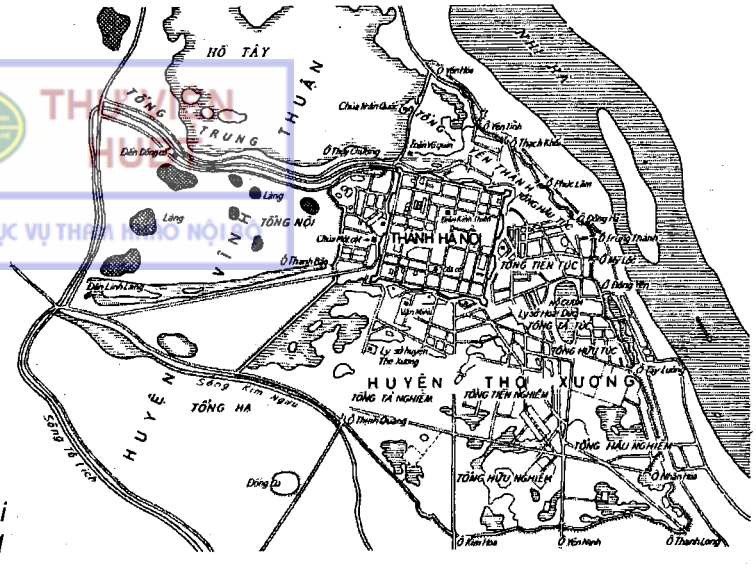
Sau khi dời đô về Thăng Long, công việc đầu tiên của triều Lý là kiến thiết cung điện làm nơi ở, nơi làm việc của triều đình quý tộc, xây dựng thành lũy bảo vệ. Mùa thu năm 1010, một cụm kiến trúc trung tâm gồm các cung điện đã được dựng lên: Điện Càn Nguyên (chỗ coi chầu), Điện Tập Hiền, Điện Giảng Võ, Điện Cao Minh, Điện Long An, Long Thụy (nơi vua nghỉ), Điện Nhật Quang và Điện Nguyệt Minh, phía sau là 2 cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ.

Khi mới xây dựng, kinh thành Thăng Long chia làm 2 phần: Hoàng thành và Kinh thành. Hoàng thành nằm trong lòng Kinh thành là khu vực nhà vua ở và triều đình làm việc. Kinh thành là khu vực nhân dân và quan lại ở, bao bọc lấy Hoàng thành. Trong thành còn ngăn ra một khu vực nữa, gọi là Cấm thành, có tường xây kiên cố, có quân lính canh gác nghiêm ngặt. Đó là nơi vua và các hoàng hậu cung tần mỹ nữ ở.

Kinh thành Thăng Long giữ vai trò đầu não của nhà nước trung ương tập quyền tức là trung tâm chính trị của cả nước. Phía ngoài là khu thị dân bao gồm những xóm làng nông nghiệp, những phố phường công thương và một hệ thống bến, chợ. Một vòng thành ngoài cùng bao bọc toàn bộ khu vực thành và thị, thành này đắp bằng đất với chức năng vừa phòng vệ, vừa là đê ngăn lũ lụt mà nhà Lý đã nhiều lần sửa chữa, tu bổ. Mặt đông, thành chạy dọc theo hữu



Bản đồ Hà Nội đầu thế kỷ 19



Bản đồ Hà Nội năm 1831

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

dọc theo hữu ngạn sông Hồng, mặt bắc, dựa theo sông Tô Lịch (phía nam Hồ Tây), mặt tây, theo tả ngạn sông Tô Lịch (từ Yên Thái đến Ô Cầu Giấy) và mặt nam, theo sông Kim Ngưu qua Giảng Võ, Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Dền nối với đê sông Hồng. Như vậy, trên đại thể, thành này được giới hạn bằng ba con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Trong quy hoạch tự nhiên đó, thành cũng là đê và sông cũng là hào.

Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư đến Thăng Long, tức miền Hà Nội ngày nay, mà không tới một địa phương nào khác là một việc làm có tầm nhìn xa trông rộng theo yêu cầu phát triển của xã hội đương thời. Bài Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ đã cho thấy rõ sự cân nhắc tính toán ấy. Miền Hà Nội là trung tâm của đất nước Việt Nam thời kỳ này, việc giao thông liên lạc giữa miền Hà Nội với các địa phương khác trong nước bằng đường thủy cũng như đường bộ đều thuận tiện dễ dàng. So với Hoa Lư, Thăng Long còn là nơi trung độ giữa biên giới phía bắc và phía nam, thuận tiện cho sự liên hệ với các nước láng giềng hai miền biên giới. Những điều kiện kinh tế, xã hội của miền Hà Nội thời ấy đã được Lý Thái Tổ nhận thấy và nói rõ trong bài chiếu dời đô: "Muôn vật cũng rất mực phong phú, tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước". Trên phạm vi rộng, cảnh quan thiên nhiên của đất Thăng Long lại có sông Nhị, núi Tản tạo nên thế "nhìn sông dựa núi" phù hợp với những quan niệm cổ truyền trong việc tạo dựng cảnh quan đô thị.

Kinh thành là khu vực bao bọc ngoài Hoàng thành có quan lại, quân sĩ và nhân dân ở. Kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần chia ra 61 phường, là nơi nhân dân ở, sản xuất và buôn bán, phố xá cũng dần dần được lập nên ngày càng nhiều. Khu dân cư tập trung này do điều kiện sinh sống đã dần dần hình thành một quy hoạch hợp lý và có phần độc đáo. Thăng Long cũng như các thành thị phương Đông nói chung, tuy có phân biệt với nông thôn, nhưng không tách rời và đối lập với nông thôn.

Các nghề thủ công nằm rải rác ở nhiều phố phường, nhưng tập trung nhất vẫn là khu đông và khu tây của thành Thăng Long. Đó là các nghề dệt, nhuộm, gốm, sứ, giấy, nghề làm đồ trang sức, mỹ nghệ, nghề đúc đồng, rèn sắt, nghề nề mộc... Khảo cổ học đã tìm thấy nhiều đồ tráng men, nhiều đồ đất nung hình rồng, phượng, cầm thú... những cột đá chạm rồng mang phong cách nghệ thuật Lý, nhiều

gạch ngói trong đó có ngói bản, ngói ống, ngói tráng men và những viên gạch in niên hiệu đời Lý như Long Thụy Thái Bình (1059 - 1065)... Những di vật ấy cho thấy trình độ kỹ thuật và nghệ thuật cao của nghề gốm sứ đời Lý.

Các hoạt động xây dựng ở Thăng Long dưới triều các vua Lý - Trần được thực hiện trong khuôn viên của Hoàng Thành là chủ yếu và một phần ở Kinh thành bao gồm các chùa tháp, đền đài, dinh thự.

Sau khi chiến thắng quân Minh, Lê Lợi và các triều vua sau ông đều đóng đô ở Thăng Long. Năm 1428, sau khi lên ngôi vua, Lê Lợi đặt lại tên mảnh đất Kinh đô là Đông Đô, đến cuối năm 1430 thì gọi là Đông Kinh. Tuy nhiên, tên Thăng Long vẫn thông dụng cho đến đầu thế kỷ XIX trước khi chuyển thành Hà Nội.

Kinh thành Thăng Long ở đầu thời Lê bao gồm đất đai phủ Phụng Tiên và vẫn là kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần, trừ những cung điện đền đài ở trong Hoàng Thành do bị phá hủy thì nhà Lê đã dần dần sửa chữa và có thêm nhiều công trình mới. Vào khoảng cuối thế kỷ XV, đời Lê Thánh Tông, tường Hoàng thành do xây đã lâu ngày nhiều chỗ bị đổ nên vào năm 1473 đã phải sửa đắp lại. Đầu năm 1477, vua Lê Thánh Tông cũng cho sửa đắp lại thành Đông Kinh vẫn dựa trên cơ sở thành Thăng Long thời Lý - Trần.

Sự bố trí trong kinh thành Thăng Long từ đầu thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII không có gì khác với kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần, khu phía nam kinh thành vẫn là khu vực các quan lại và quân sĩ ở. Nhân dân ở khu vực các phường dân cư ngoài Hoàng thành không ngừng phát triển. Năm 1466, vùng kinh sư đặt thành phủ Trung đô gồm 2 huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương. Năm 1469, phủ Trung Đô đổi tên làm phủ Phụng Tiên. Khu dân cư của hai huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương chia làm 36 phường, mỗi huyện 18 phường. Quy hoạch 36 phường của Thăng Long bắt đầu từ đó. Phường là một đơn vị hành chính cơ sở, tương đương với xã ở nông thôn cũng là nơi tập hợp những người cùng nghề. Cư dân 36 phường của Đông Kinh bao gồm cả nông dân, thợ thủ công và thương nhân, trong đó có những phố - chợ buôn bán tấp nập và những phường thủ công nổi tiếng.

Năm 1527, triều Mạc (1527 - 1592) thay thế triều Lê. Chính sách cai trị của triều Mạc nói chung có nới rộng hơn so với triều Lê và trong thời gian đầu, có tạo ra được tình trạng xã hội ổn định. Nhưng từ năm 1545, quyền bính lại nằm trong tay họ Trịnh. Đây là khởi đầu của chính quyền vua Lê - chúa Trịnh kéo dài đến năm 1786.

Đông Kinh được trở lại tên gọi Thăng Long, là đô thành của triều Mạc, rồi của chính quyền vua Lê, chúa Trịnh. Mọi công việc tu tạo, kiến thiết ở đây đều nhằm phục vụ nhu cầu chính trị - quân sự của nhà nước phong kiến. Thành Đại La được xây đắp thêm vào thời này, rộng hơn thành Đại La vào thời kỳ trước vì đã đưa toàn bộ khu vực Hồ Tây vào trong phạm vi thành Thăng Long. Có thể coi công cuộc xây dựng vào thời Mạc đã ấn định vị trí và diện mạo của Hoàng thành Thăng Long suốt từ cuối thế kỷ XVI cho đến thế kỷ XVIII.

Một nét mới trong quần thể kiến trúc cung đình của Thăng Long thời Lê - Trịnh là sự xuất hiện cụm kiến trúc Phủ Chúa. Theo các bản đồ Thăng Long đời Lê thì Phủ Chúa ở phía nam tháp Báo Thiên và phía tây hồ Hoàn Kiếm lúc bấy giờ còn khá rộng, gồm hồ Tả Vọng và hồ Hữu Vọng. Kiến trúc chính của phủ Chúa gồm các cung điện nguy nga, có tường bao bọc hình vuông. Khái niệm thành - chính trị của Thăng Long đã có sự thay đổi, bao gồm cả khu hoàng thành và cả khu Phủ Chúa ngoài Hoàng thành.

Sau khi Tây Sơn thất bại hoàn toàn (1802), kinh thành Thăng Long cũng như toàn miền Bắc đều thuộc quyền thống trị của nhà Nguyễn và có sự chuyển đổi lớn đối với đô thị Thăng Long, từ kinh thành 800 năm trước trở thành trấn thành rồi trở thành tỉnh thành. Do các chúa Nguyễn đã từng ở Phú Xuân (Huế) trong mấy trăm năm, ảnh hưởng của nhà Nguyễn tại miền này có nhiều nên vua Gia Long nhà Nguyễn quyết định đóng đô ở Phú Xuân, đổi kinh thành Thăng long làm trấn thành miền Bắc.

Hoàng thành Thăng Long cũ, ở thời Gia Long, chỉ là lỵ sở của tổng trấn Bắc thành nên không mang tên là Hoàng thành. Năm 1805, Gia Long hạ lệnh phá bỏ Hoàng thành cũ, vì vua không đóng đô ở Thăng Long mà Hoàng thành Thăng Long thì quá rộng lớn. Vì thế thành xây dựng lại ở Thăng Long thời nhà Nguyễn đã nhỏ đi rất nhiều so với Hoàng thành Thăng Long của các thời trước.

Sự tu bổ, vun đắp đối với Hoàng thành cho đến thời Tây Sơn là chấm dứt. Khi Gia Long lên ngôi được hơn một năm thì bắt đầu phá bỏ thành cũ và đến năm 1805 thì xây thành mới nhỏ hơn với sự giúp đỡ của người Pháp và theo kiểu Vauban của Pháp, với chức năng là một trấn thành.

Xung quanh tường thành là một dải đất (rộng 6 - 7m) rồi đến một con hào (rộng 15 - 16m sâu 5m) phía ngoài các cửa thành có xây một hàng tường đắp liền trên bờ hào, gọi là Dương Mã thành

(tức giác thành hay mang cá). Các Dương Mã thành đều có một cửa bên gọi là Nhân Môn rồi mới tới cửa thành. Những hào xung quanh về sau vào thời Pháp bị lấp đi để làm đường, trên bản đồ Hà Nội hiện nay là 4 đường Hùng Vương (tây), Phan Đình Phùng (bắc), Phùng Hưng (đông), Trần Phú (nam).

Vào thời Nguyễn, sự sắp xếp bên trong thành bố trí đại thể như sau: ở giữa là điện Kính Thiên, thềm điện bằng đá có chạm hình rồng, gần điện có hành cung để khi nhà vua ra Thăng Long làm chỗ ngự. Từ điện Kính Thiên đi ra là cửa Đoan Môn, phía ngoài Đoan Môn dựng một đình bia ghi công trạng của vua Gia Long. Phía đông là dinh các quan lại như dinh tổng đốc, tuần phủ, án sát, đề đốc, phía tây là các kho thóc, kho tiền và dinh Bố chính (quan phụ trách kho).

Năm 1812, Cột cờ được xây dựng ở phía nam gần đình bia. Cột cờ cao hơn 30m, hình lục lăng đặt trên một bệ tam cấp, đều xây bằng gạch gốm. Tam cấp hình vuông: cấp trên cùng cạnh dài 15m, cấp dưới cùng cạnh 42m. Trên đỉnh tháp có lầu quan sát là phần được xây dựng thêm khi Pháp chiếm đóng thành, được dùng như một phương tiện thông tin liên lạc với các cơ sở khác của Pháp ở Hà Nội.

Từ nửa sau thế kỷ XVII, toàn bộ kinh thành Thăng Long vẫn được bao bọc bởi một hệ thống thành lũy như một hệ thống đường đê khép kín, mặt thành quan trọng nhất là ở phía đông tiếp giáp với sông Hồng, được mở nhiều cửa để thuận tiện cho sự thông thương, ngày nay còn dấu tích Ô Đông Hà (tức Ô Quan Chưởng ở phố Hàng Chiếu).

Tuy triều đình nhà Nguyễn không đóng ở Thăng Long và đối với Thăng Long nhà Nguyễn chủ trương phá hoại nhiều hơn kiến thiết, nhưng tại khu vực kinh thành cũ của Thăng Long trong nửa đầu thế kỷ XIX, vẫn có thêm những công trình xây dựng mới hoặc do nhân dân làm hoặc do các quan lại đứng ra quyên góp để làm. Chẳng hạn, đền Ngọc Sơn ở hồ Hoàn Kiếm đã được xây dựng thêm nhiều. Năm 1856, Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, đã tổ chức việc sửa lại đền, xây dựng đình Trấn Ba ở phía trước đền và bắc cầu Thê Húc để đi từ bờ phía đông hồ Hoàn Kiếm vào đền, dựng ở cổng đền một tháp Bút và một đài Nghiên để biểu dương không khí học tập của nơi ngàn năm văn vật. Tháp Bút xây bằng đá cao 9m, cạnh đáy 2,2m, đặt trên một gò đá, đài Nghiên hình nửa trái đào đường kính 1,2m.

THƯ VIỆN HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vào thời này, một số công trình có liên quan đến tinh thần hiếu học của dân tộc như Trường Thi, nhà Văn Miếu được tu sửa. Trường thi Hương từ thế kỷ XVIII trở về trước, đặt ở Quảng Bá gần Hồ Tây,

đến thời Nguyễn thì đưa về khu vực Tràng Thi ngày nay. Văn Miếu đã có ở Hà Nội từ thế kỷ XI, được các thời sau tiếp tục tu sửa. Năm 1802, Gia Long xây Khuê Văn Các ở Văn Miếu bỏ nhà Thái Học lấy đó làm nhà thờ Khải Thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử; năm 1858, dựng thêm hai nhà Tả vu và Hữu vu ở hai bên nhà Đại bái. Khuê Văn Các là công trình được xây thêm vào tổng thể khu Văn Miếu, là điểm cao đột xuất trên trục chính hài hòa với khung cảnh chung. Khuê Văn Các đã trở thành một biểu tượng của nền văn hóa và kiến trúc Hà Nội.

Như vậy là trong thời Nguyễn (đầu thế kỷ XIX đến trước khi Pháp chiếm được thành Hà Nội) Hoàng thành Thăng Long tuy có bị phá đi để xây một tỉnh thành nhỏ hơn, các cung điện của nhà vua, các dinh thự của triều đình tuy có bị hủy đi vì vua không đóng đô ở Thăng Long, nhưng nói chung toàn bộ kinh thành Thăng Long vẫn không thay đổi về căn bản. Khu vực nhân dân ở là khu vực chủ yếu của kinh thành đã mở rộng hơn xưa và ngày càng phát triển thêm. Khu vực phía bắc quận Hoàn Kiếm của Hà Nội ngày nay thường gọi là khu "36 phố phường" đã được hình thành chủ yếu vào thời kỳ này.

Việt Nam, trong thế kỷ XIX, đứng trước hiểm họa xâm lăng của thực dân Pháp. Trong khi chính quyền phong kiến tìm cách xa rời Hà Nội thì bọn thực dân lại nhận thức đủ tầm quan trọng của địa điểm ấy nên tìm mọi cách để đánh chiếm.

Ngay ở giai đoạn đầu, thực dân Pháp đã chiếm Hoàng thành Hà Nội, nhanh chóng phá hủy hệ thống tường thành cùng các kiến trúc truyền thống của một trung tâm hành chính phong kiến Việt Nam, trong khi đó vẫn giữ nguyên khu vực 36 phố phường để khai thác nguồn lợi kinh tế qua hệ thống thuế, đồng thời ủng hộ việc xây dựng nhà thờ và các trường dòng. Những loại công trình này phục vụ đắc lực cho ý đồ chính trị của thực dân.

Các công trình xây dựng ở giai đoạn đầu đô hộ nước ta, được thực dân Pháp coi là những hạt nhân để phát triển ra xung quanh. Hệ thống đường phố rộng rãi được quy hoạch theo mạng ô cờ, có trang bị hệ thống kỹ thuật hạ tầng theo kiểu phương Tây, cùng với việc đưa vào sử dụng những phương tiện giao thông cơ giới đầu tiên là những yếu tố cơ bản thúc đẩy quá trình phát triển, mở rộng thành phố. Cùng với thời gian, trong cấu trúc đô thị Hà Nội đã dần dần hình thành những khu vực chức năng riêng biệt. Khu thương nghiệp, dịch vụ

trung tâm trên trục đường Tràng Tiền - Hàng Khay; khu hành chính, chính trị ở phía đông hồ Hoàn Kiếm và trên khu vực Hoàng Thành Hà Nội; khu ở của người Pháp ở phía Nam hồ Hoàn Kiếm; còn các khu vực kho tàng, nhà máy rải rác trong thành phố. Khu 36 phố phường vẫn là khu thương mại, dịch vụ truyền thống.



Nhà cổ khu 36 phố phường



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THIẾT KẾ

Nhà bia và mặt nước Thiên quang tỉnh ở Văn Miếu

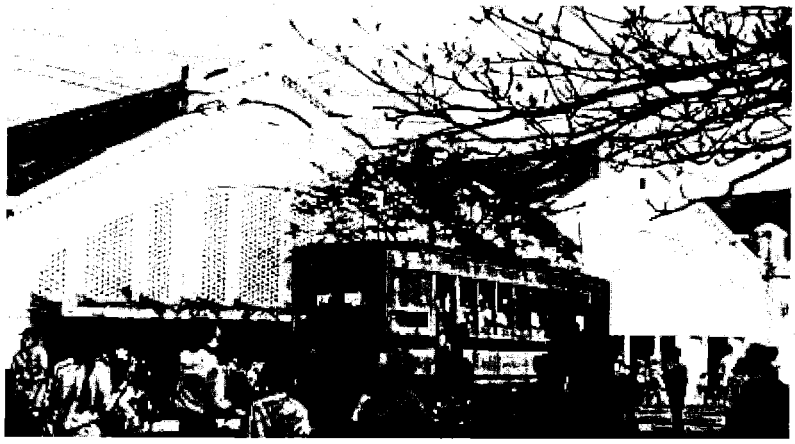
Các công trình kiến trúc xây dựng ở giai đoạn này, dù là quân sự hay dân sự, từ trụ sở hành chính, cửa hàng đến các loại nhà ở đều mang đặc trưng hình thái kiến trúc thuần Pháp, tân cổ điển hoặc địa phương Pháp. Các công trình ấy hoặc lấy mẫu từ Pháp sang, hoặc do các kỹ sư công chính, các kiến trúc sư Pháp thiết kế tại chỗ đều có phong cách Pháp, các đặc điểm riêng của khí hậu và văn hóa địa phương chưa được quan tâm. Khu phố mới được xây dựng dành riêng cho người Pháp đã thể hiện hình ảnh của đô thị Pháp. Điều đó một mặt để thỏa mãn nhu cầu và tình cảm vọng quê của người Pháp sống ở Hà Nội, mặt khác là ý đồ áp đặt văn hóa, phô diễn "tính hơn hẳn về văn minh" của nước Pháp thực dân tại thuộc địa.

Công trình đầu tiên, lớn nhất được xây dựng ở Thăng Long - Hà Nội chịu ảnh hưởng của kiến trúc Pháp là thành Hà Nội thời Nguyễn xây năm 1805 kiểu Vauban. Năm 1873, ngay sau khi chiếm thành Hà Nội, Pháp đã chiếm dụng các công trình còn lại trong Hoàng thành cũ, chọn Trường Thi là nơi đóng quân và luyện tập quân sự. Quân đội Pháp liên tục gây sức ép với chính quyền nhà Nguyễn để thực hiện dã tâm xâm chiếm Hà Nội.

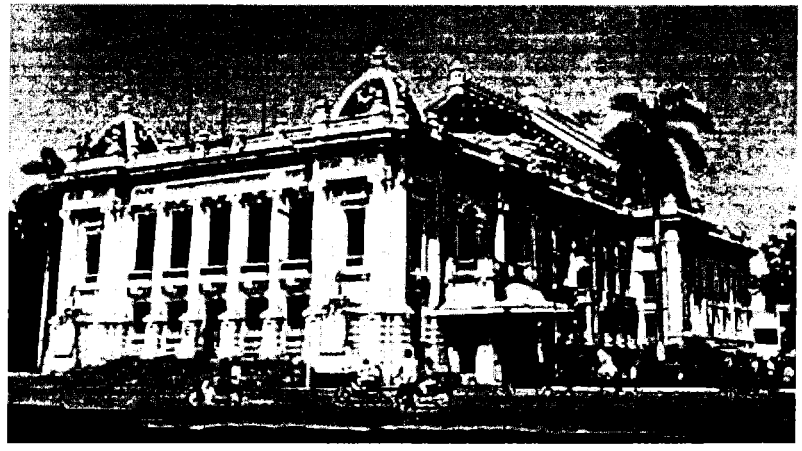
Tuy chưa bình định được Bắc Kỳ, thực dân Pháp cũng đã bắt đầu kiến thiết Hà Nội, biến nó thành trung tâm chính trị, quân sự và nhanh chóng thực hiện kế hoạch khai thác thuộc địa. Tháng 5 năm 1883, con đường đầu tiên được mở để nối nhượng địa với khu vực Trường Thi và Hoàng thành cũ là nơi đặt trụ sở của bộ máy chỉ huy quân sự. Đó cũng là trục chính để mở rộng các hoạt động xây dựng trong nhiều năm tiếp theo. Các phố Tràng Tiền, Hàng Khay nằm trên trục đường ấy đã được chính quyền thực dân Pháp chú trọng đầu tư ngay từ những năm 1884-1886, và trở thành trục trung tâm thương nghiệp và dịch vụ, mở đầu thời kỳ xây dựng khu phố Pháp ở Hà Nội.

Ở phần đất phía tây hồ Hoàn Kiếm, giáo hội đã chiếm toàn bộ đất thôn Báo Thiên. Năm 1883, họ phá chùa Báo Thiên lấy đất xây dựng Nhà thờ lớn (nhà thờ Xanh Giô-dép) trong 2 năm 1884 - 1886.

Trong hoàng thành, các dinh thự cũ bị triệt phá lấy chỗ xây dựng trại lính cùng các công trình quân sự khác. Năm 1886, điện Kính Thiên bị phá dỡ, chỉ còn sót lại bậc tam cấp cùng đôi rồng đá trang trí có niên đại từ thời Lê. Tại đây, thực dân Pháp đã xây dựng sở chỉ huy pháo binh. Như vậy, trừ Cột Cờ được giữ lại để phục vụ cho mục đích liên lạc quân sự , các kiến trúc khác thời phong kiến đều đã bị phá hủy hoàn toàn, biến thành khu vực quân sự của chính quyền thực dân.



Chợ Đồng Xuân trước khi xây dựng lại



Nhà hát lớn thành phố



Nhà biệt thự ở khu phố Pháp

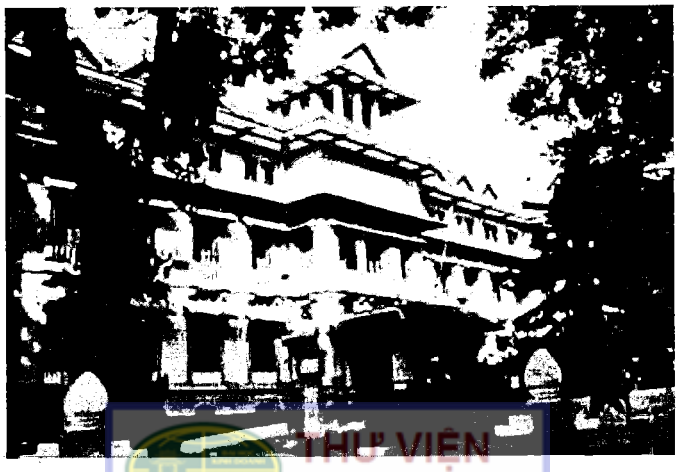
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT



Nhà thờ lớn Hà Nội



Bảo tàng Viện Viễn đông Bác Cổ nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam



Trụ sở Cơ quan tài chính nay là trụ sở Bộ ngoại giao

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ



Bắc bộ phủ này là Nhà khách chính phủ

Ở khu vực hồ Hoàn Kiếm lịch sử, thực dân Pháp cũng đã phá hủy gần như toàn bộ hệ thống các di sản văn hóa, kiến trúc truyền thống nằm rải rác xung quanh, để lấy chỗ xây dựng khu phố Tây. Việc triển khai xây dựng ở Hà Nội không dừng lại ở các điểm công trình phân tán như ở các giai đoạn trước mà tập trung hoàn chỉnh các Khu vực trung tâm dành riêng cho người Pháp ở Hà Nội.

Riêng ở phần phía nam hồ Hoàn Kiếm, người Pháp tập trung hoàn thiện khu phố kiểu Âu đã được quy hoạch, xây dựng ở thời trước. Biến khu phố này thành khu phố trung tâm của Hà Nội với đầy đủ tiện nghi đô thị phục vụ cho các hoạt động kinh tế và nhu cầu cư trú chủ yếu cho người Pháp và một số người Việt ở tầng lớp trên.

Trên địa bàn thành phố cũng bắt đầu có những cơ sở sản xuất công nghiệp với các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy nước đá, nhà máy sửa chữa xe hơi, nhà máy in... cùng một số các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trang thiết bị lạc hậu, năng lực hoạt động không cao. Hà Nội thời thực dân chưa trở thành một trung tâm công nghiệp mà chỉ là một thành phố hành chính, một trung tâm dịch vụ, tiêu thụ nhiều hơn là sản xuất.

Về kiến trúc, giai đoạn 1920 - 1945, ở Hà Nội xuất hiện nhiều phong cách kiến trúc mới so với các giai đoạn trước. Phong cách kiến trúc cổ điển nhập khẩu nguyên vẹn từ Pháp mất dần vị trí độc tôn, bắt đầu xuất hiện xu hướng tìm các phong cách kết hợp Á - Âu, tức là phong cách kiến trúc có kết hợp khai thác các đặc điểm kiến trúc địa phương, truyền thống, cũng như chú ý đến các đặc điểm khí hậu địa phương. Cuối cùng là phong cách mang những đặc trưng của kiến trúc hiện đại, thoát ly khỏi những chi tiết kiến trúc phức tạp, hướng tới cách xử lý hình khối cũng như đường nét hình khối và đường nét hình học đơn giản - một quan điểm thẩm mỹ kiến trúc có tính chất cách mạng của kiến trúc Châu Âu trong những năm 20.

Phong cách kiến trúc kết hợp Á - Âu được kiến trúc sư Ernest Hebrard khởi xướng vào cuối những năm 1920 với xu hướng khai thác đặc điểm kiến trúc phương Đông và nhiệt đới, kết hợp kỹ thuật xây dựng phương Tây để xây dựng một phong cách kiến trúc mới, khác với phong cách kiến trúc thuần túy Pháp, được gọi là phong cách kiến trúc Đông Dương. Đặc điểm cơ bản của phong cách kiến trúc này là thể hiện sự cấu tạo hệ mái dốc lợp ngói ta với nhiều lớp mái đa dạng, kể cả mái sảnh và mái ô-văng, với hệ dầm công-xon đỡ mái cùng các chi tiết, hoa văn trang trí trên bề mặt tường, ở hành lang,

lan can. Quan điểm kiến trúc đó được thể hiện ở các công trình như: trường Đại học Đông Dương (1923 - 1925), bảo tàng Louis Finot (1928 - 1932) nay là Bảo tàng Lịch sử, Sở tài chính (1925 - 1927) nay là Bộ Ngoại giao, Viện Pasteur (1925 - 1930) nay là Viện vệ sinh dịch tễ...

HÀ NỘI - CẢNH QUAN ĐẶC THÙ VÀ DI TÍCH KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU

Nhờ quá trình hình thành dài lâu, Hà Nội có bộ mặt đô thị riêng rất đặc sắc. Nằm trong một vùng đất có rất nhiều sông hồ, Hà Nội thường được mệnh danh là "đô thị của những gương nước". Trong Chiếu dời đô năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã nói rõ những điều thuận lợi của vùng đất Thăng Long để có thể trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước: "Ở nơi có thế đất rồng cuộn hổ ngồi, vị trí ở giữa bốn phương đông, tây, nam, bắc, tiện hình thế núi sông sau trước..."

Hà Nội nằm bên sông Hồng, trục giao thông chính nối kinh đô với các vùng lân cận, từ vùng duyên hải tới vùng đồi núi và rừng rú. Từ xa xưa, đây đã là nơi giao lưu trên bến dưới thuyền, hàng hóa buôn bán qua lại tấp nập. Sông cũng còn là một tuyến phòng thủ tự nhiên của kinh thành trước các cuộc xâm lược từ phương Bắc. Sông Tô Lịch quanh co uốn khúc ôm lấy kinh thành, vừa là bảo vệ vừa là tuyến đường thủy giao lưu tới khắp chốn kinh thành.

Từ xa xưa trong lịch sử, Hà Nội vốn là miền đất trũng nhiều đầm lầy, dần dần được bồi lấp qua các thế kỷ. Cho tới gần đây trong địa giới Hà Nội vẫn còn sót lại nhiều hồ ao, một số đã được san lấp để lấy đất xây dựng nhà cửa. Đến nay vẫn còn một số hồ nằm rải rác trong thành phố mà nổi tiếng nhất là Hồ Tây và Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Bảy Mẫu... Đây thực sự là những lá phổi góp phần làm thông thoáng và điều hòa không khí cho thành phố.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Sông Hồng bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), chảy xuôi trên chiều dài 1165km trước khi đổ ra Vịnh Bắc Bộ. Đoạn sông chảy qua Hà Nội dài khoảng 100km. Giữa lòng sông nổi lên nhiều bãi bồi, lớn nhất là bãi Trung Hà (bãi Giữa). Các cây cầu Thăng Long, Long Biên, Chương Dương và tới đây còn Vĩnh Tuy, Thanh Trì, Nhật Tân... bắc qua sông nối trung tâm thành phố với các quận, huyện bên tả ngạn. Cầu Long Biên (tên cũ thời Pháp là cầu Doumer) được xây dựng cách đây gần một thế kỷ (vào năm 1989 - 1902) vẫn giữ được những đường nét duyên dáng, hiện được dùng cho xe lửa và khách

bộ hành qua lại tuy đã bị thương tổn nặng nề trong chiến tranh.

Sông Tô Lịch xưa là một dòng sông đổ vào sông Hồng quãng phố Nguyễn Siêu và chợ Gạo ngày nay. Giờ đây sông Tô vẫn còn lại nhiều đoạn tuy có những đoạn đã bị lấp. Xưa kia sông Tô có tác dụng lớn đối với đô thị: vừa là tuyến giao thông đường thủy nội đô, vừa làm nhiệm vụ điều hòa nước sông Hồng vào mùa lũ đồng thời là hào thiên nhiên bảo vệ kinh thành.

Lịch sử sông Tô Lịch gắn liền với truyền thuyết dân gian. Chuyện kể rằng vào thế kỷ thứ IV có ông Tô Lịch là một người rất mực liêm khiết, sau khi chết được thờ làm thần sông. Kể từ nhà Lý định đô ở Thăng Long (thế kỷ XI) Tô Lịch được tôn lên vai trò vị thành hoàng của cả kinh đô và được thờ ở đền Bạch Mã (phố Hàng Buồm hiện nay). Trong các quy hoạch chỉnh trang của Thủ đô Hà Nội, dòng sông Tô với dải cây xanh hai bên bờ luôn giữ vai trò quan trọng trong việc cải thiện vệ sinh môi trường và tăng thêm vẻ mỹ quan cho đô thị.

Hồ Tây nằm ở phía Bắc của thành phố có diện tích mặt nước hơn 500ha và chu vi tới 17km. Hồ là một phần sót lại của dòng cũ sông Hồng (do có sự chuyển dòng mà hồ mới tách riêng ra), từ hàng nghìn năm trước đây. Bên cạnh Hồ Tây có Hồ Trúc Bạch vốn trước cũng là một phần của Hồ Tây sau được tách ra bởi đường Cổ Ngư. Hồ Tây với mặt nước thoáng rộng xung quanh cây cối xanh tươi thực sự là một lá phổi lớn giúp cho sự điều hòa không khí của đô thị. Ngày nay, một khung cảnh xây dựng mới đang hình thành với nhiều khách sạn, các làng du lịch, nhà hàng trên du thuyền. Cảnh đẹp của hồ gắn liền với những truyền thuyết hấp dẫn. Chuyện xưa kể rằng hồ vốn là nơi trú ẩn của con cáo trắng chín đuôi thường tác oai tác quái trong vùng. Vua Lạc Long Quân đã cho dồn nước vào hồ để dìm chết quái vật, từ đó nơi này trở thành "hồ xác cáo" (Hồ còn có những tên khác như Lãng Bạc, Dâm Đàm).

THƯ VIỆN HUBT

Vào thời phong kiến, các vua chúa có xây dựng nhiều công trình quanh hồ mà ngày nay còn lại nhiều dấu tích, đặc biệt là các ngôi chùa đẹp như chùa Kim Liên, chùa Trấn Quốc và quanh hồ cũng có rất nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng như làng Nghi Tàm chuyên trồng hoa, cây cảnh, Trích Sài dệt lĩnh, Yên Thái làm giấy, Võng Thị dệt lưới đánh cá, Nhật Tân trồng đào...

Hồ Hoàn Kiếm có diện tích 12ha nằm giữa lòng thành phố phân cách hai khu vực: khu phố cổ ở phía Bắc và khu phố "tây" ở phía Nam. Tên hồ gắn với một truyền thuyết: vị anh hùng Lê Lợi

trước khi tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc, một hôm đi câu trên hồ đã vớt được một thanh kiếm quý. Nhờ vật báu đó vua đã đánh đuổi được quân xâm lược nhà Minh giải phóng đất nước, lên ngôi vua Thái Tổ nhà Lê. Sau đó một dịp dạo thuyền trên hồ, nhà vua chợt thấy rùa lớn nổi lên, vua định dùng kiếm gạt đi nhưng bất chợt rùa đớp kiếm lặn xuống nước. Vua cho đây chính là rùa thần đã thu lại kiếm báu mà trước đây đã cho vua mượn dùng để đuổi giặc, từ đó hồ mang tên Hoàn Kiếm.

Nằm ngay trên mặt hồ, đền ngọc Sơn được tạo dựng trên một đảo nhỏ có cầu gỗ nối với bờ, đó là cầu Thê Húc. Đền ngọc Sơn thờ vị anh hùng dân tộc có nhiều kỳ tích chống ngoại xâm đã được tôn vinh là vị thánh: thánh Trần Hưng Đạo cùng với ba vị thần khác: thần Văn Xương coi việc văn chương, thần Quan Vũ coi việc võ nghệ và thần Lã Tổ là vị tổ sư của nghề thuốc chữa bệnh. Mặt trước chùa là Trấn Ba Đình xưa kia là nơi hội họp của các nhà nho để bàn chuyện văn chương, phía cổng đền có tháp đá với hình tượng cây bút đó là Tháp Bút và trên cổng có Đài Nghiên.

Trên một đảo nhỏ khác ở phần nam của hồ có Tháp Rùa với hình ảnh quen thuộc đôi khi được dùng như một biểu tượng của thành phố.

Nằm về phía bắc của Hồ Hoàn Kiếm là khu vực phố cổ "36 phố phường", là khu dân cư hình thành khá sớm của đô thị với đường phố nhỏ hẹp, hai bên có nhiều cửa hàng bán sản phẩm các nghề thủ công gắn liền với một loại nhà khá đặc trưng mang tên nhà ống.

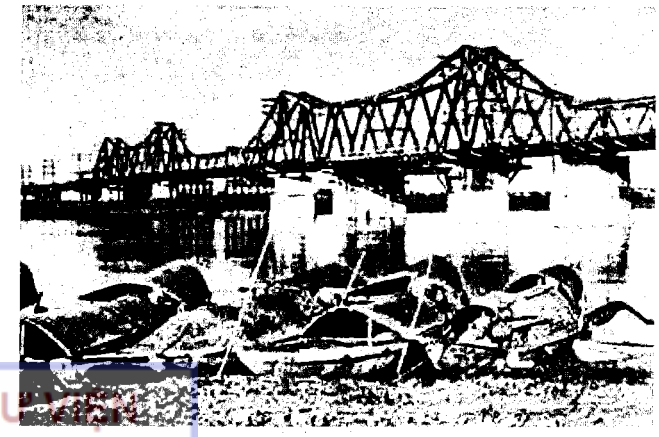
Từ thế kỷ XV nghề thủ công đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống ở kinh thành và được tập trung vào khu vực phía đông của khu Hoàng Thành và tiếp giáp với sông Hồng. Tại đó đã hình thành nên nhiều đường phố làm nghề thủ công, chuyên sản xuất và buôn bán từng loại mặt hàng như các phố Hàng Bạc, Hàng Hòm, Hàng Tiện, Hàng Trống... Đó là sự kết hợp giữa làng thủ công truyền thống với kiểu mua bán ở nông thôn đã được chuyển vào đô thị. Sang thế kỷ XIX các mặt hàng thủ công của Hà Nội càng được phát triển hơn với nhiều loại nghề như kéo sợi, đồ gỗ, kim loại, đan lát, gỗ da... Tuyến phố du lịch bắt đầu từ phố Hàng Đào được mở ra một quảng trường ở phía bắc Hồ Hoàn Kiếm. Tiếp theo là phố Hàng Ngang và phố Hàng Đường để đi tới chợ Đồng Xuân được xây dựng từ năm 1889 và năm 1990 đã được xây dựng lại với quy mô lớn hơn. Từ trục chính này có rất nhiều đường nhánh tỏa ra hai bên về phía đông tới sông Hồng

THƯ VIỆN KIẾN TRÚC

và về phía tây tới khu thành cổ.

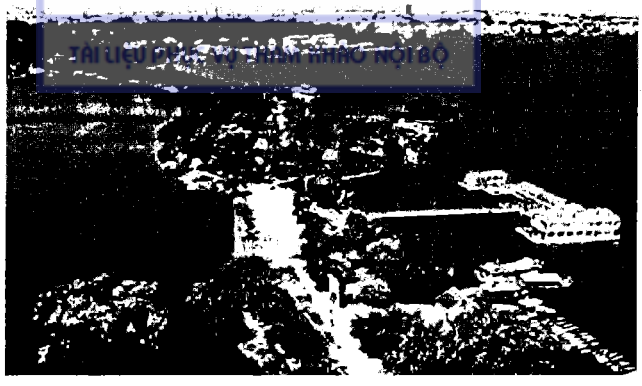
Với việc mở rộng Hà Nội trên vùng đất tỉnh Hà Tây cũ, Hà Nội có thêm nhiều vùng cảnh quan đặc sắc khác gắn với núi Ba Vì, các sông suối và núi đồi Chùa Hương.

Một bộ phận quan trọng của di sản kiến trúc ở thủ đô là hệ thống các di tích kiến trúc bgao gồm những ngôi chùa, ngôi đền và đình làng. Trong cuộc sống tinh thần của xã hội Việt Nam, đạo Phật và đạo Khổng có vai trò quan trọng. Đạo Phật được du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ VI, có sự phát triển rực rỡ vào thời các vua triều Lý. Vua đã cho xây dựng nhiều chùa thờ Phật, đúc chuông và cho in nhiều sách kinh. Nhiều công trình tín ngưỡng khác cũng đã được xây dựng qua các thời kỳ lịch sử những ngôi đền thờ các vị anh hùng dân tộc và nhiều vị thần khác, rất nhiều ngôi đền còng được bảo tồn tới ngày nay. Ngoài ra ở đây còn có rất nhiều ngôi đình là dấu tích của những trung tâm sinh hoạt xã hội của cộng đồng làng xã xưa.

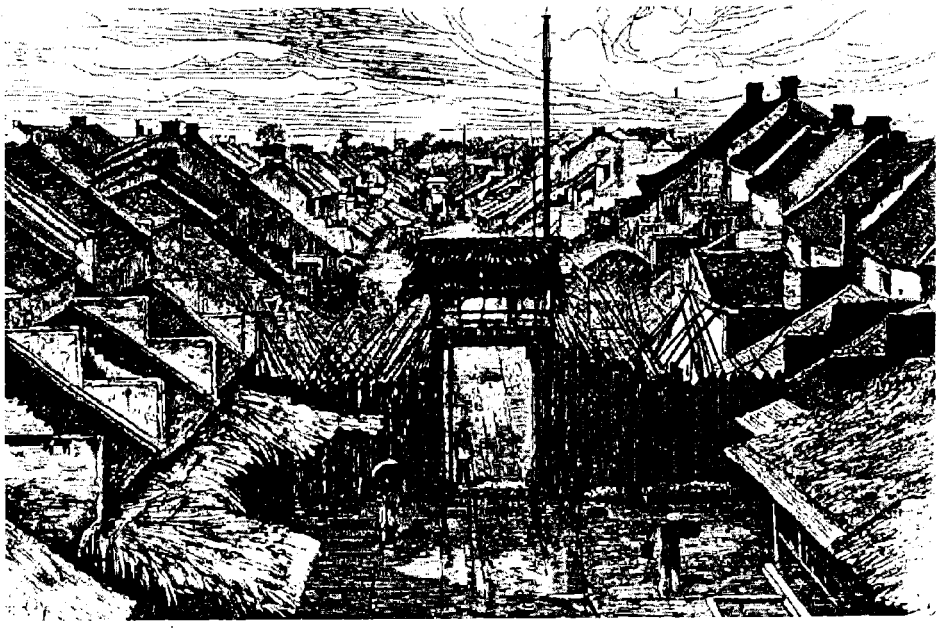


Cầu Long Biên bắc qua Sông Hồng

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ



Cảnh quan Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch



Cổng phường trong phố cổ



Nhà cổ khu 36 phố phường

THƯ VIỆN NUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỘT SỐ DI TÍCH KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU

1. Chùa Một Cột

Nằm ở vị trí không xa quảng trường Ba Đình, bên phải lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổng thể chùa là một cụm kiến trúc gồm ngôi chùa và tòa Phật đài trên một hồ nước nhỏ hình vuông. Theo sử sách, chùa được tạo dựng từ thời Lý (năm 1049). Chùa vốn có tên là chùa Diên Hựu và Phật đài có tên là đài Liên Hoa. Do đài có hình tượng nghệ thuật đặc sắc (Phật đài nằm trên một cột đá giữa mặt nước gợi hình ảnh một bông hoa sen) nên nhân dân quen gọi là chùa Một Cột.

Đài được cấu tạo bằng gỗ theo kiểu kiến trúc truyền thống, mặt bằng hình vuông 3x3m, mái lợp ngói vẩy rồng, góc mái uốn cong, toàn bộ được đặt trên một trụ đá (đường kính 1,2m, cao 4,0m chưa kể phần chìm dưới đất). Cột được ghép nối một cách khéo léo bằng hai khối đá lớn, đầu cột đục mộng để gắn kết các giá đỡ (gồm thanh thẳng và thanh cong) giữ cho cấu trúc được ổn định, đồng thời góp phần tạo hình tượng bông sen.

Hồ nước xinh xắn có lan can gạch bao quanh, từ mép hồ có bậc gạch dẫn lên đài thờ. Trên cửa Phật đài có biển đề "Liên hoa đài" (đài hoa sen) ghi nhớ sự tích vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) nằm mộng thấy Phật Quan Âm trên tòa sen... Chùa thường có những buổi lễ cầu phúc cho vua được sống lâu, vì thế chùa có tên Diên Hựu (kéo dài tuổi thọ).

Giá trị nghệ thuật của kiến trúc chùa là đã tạo ra một cấu trúc công trình gợi hình ảnh tuyệt đẹp của bông sen trên mặt nước, một hình ảnh rất đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

2. Chùa Trấn Quốc

Ngôi chùa vào loại cổ nhất ở Việt Nam, tương truyền có từ đời Lý Nam Đế (thế kỷ VI). Bước đầu chùa được xây dựng ở sát bờ sông Hồng và có tên là chùa Khai Quốc (mở nước), đến đời Lê Thái Tông (1434 - 1442) đổi tên là chùa An Quốc. Đến đời Lê Kính Tông (1600 - 1618) do bãi sông bị lở nên nhân dân đã rời chùa vào hòn đảo ở Hồ Tây (địa điểm hiện nay thuộc phường Yên Phụ, quận Tây Hồ). Vào đời Lê Hy Tông (168 - 1705) chùa mới mang tên Trấn Quốc.

Sau đó, cùng với việc đắp đê Cổ Ngư (đường Thanh Niên ngày nay) đã làm thêm đường nối với đảo. Chùa được tu sửa và bồi đắp qua nhiều thời kỳ. Chùa có cấu trúc khá độc đáo: phía trước là bái đường, tiếp đến hậu cung, phía sau là hai dãy hành lang và gác chuông.



Chùa Một Cột
(Chùa Diên Hựu)



Chùa Trấn Quốc
ở Hồ Tây

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

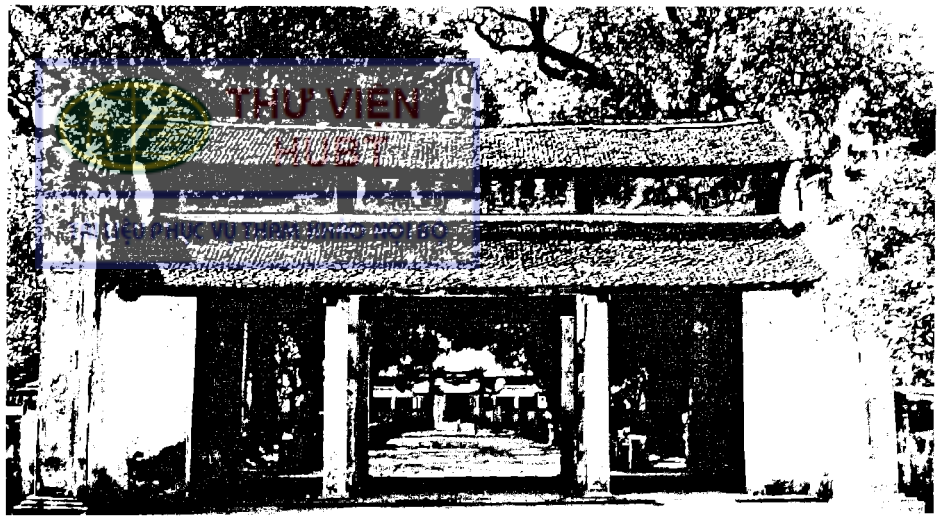
Chùa có một số tượng đẹp, đặc biệt là tượng Thích Ca nhập Niết Bàn được làm bằng gỗ có thiếp vàng. Chùa cũng có nhiều bia có giá trị, tấm bia cổ nhất được dựng vào năm 1639 (do Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chinh soạn, ghi lại việc đại tu chùa vào năm đó). Sân chùa có cây bồ đề xum xuê cành lá, tặng phẩm của tổng thống ấn Độ khi ông tới thăm chùa vào năm 1959.

Nhờ gắn bó với cảnh trí thiên nhiên tuyệt đẹp của Hồ Tây với Hồ Trúc Bạch, cảnh quan chùa đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với khách tới thăm.

3. Chùa Láng

Còn có tên "Chiêu Thiên Tự", nằm ở làng Láng (còn gọi là làng Yên Lãng thuộc phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội), được xây dựng từ đời Lý Anh Tông (1138 - 1175). Qua tám thế kỷ, chùa đã có nhiều thay đổi sau các lần trùng tu. Công trình như ta thấy ngày nay được hình thành từ lần trùng tu ở khoảng giữa thế kỷ XIX (thời vua Tự Đức).

Cái đẹp của kiến trúc chùa Láng là ở bố cục tổng thể rộng rãi, phong quang với sự cân đối nhịp nhàng của những kiến trúc thành phần. Mặt bằng tổng thể rộng rãi với một cổng vào uy nghi gồm 4 cột gạch lớn và các dầm, mái cong mềm mại liên kết các cột với nhau. Qua cổng là một sân lát gạch, giữa sân có sập đá dùng làm nơi đặt kiệu vào các dịp lễ hội. Tiếp đến là cổng Tam quan mở đầu một


THƯ VIỆN

Chùa Láng

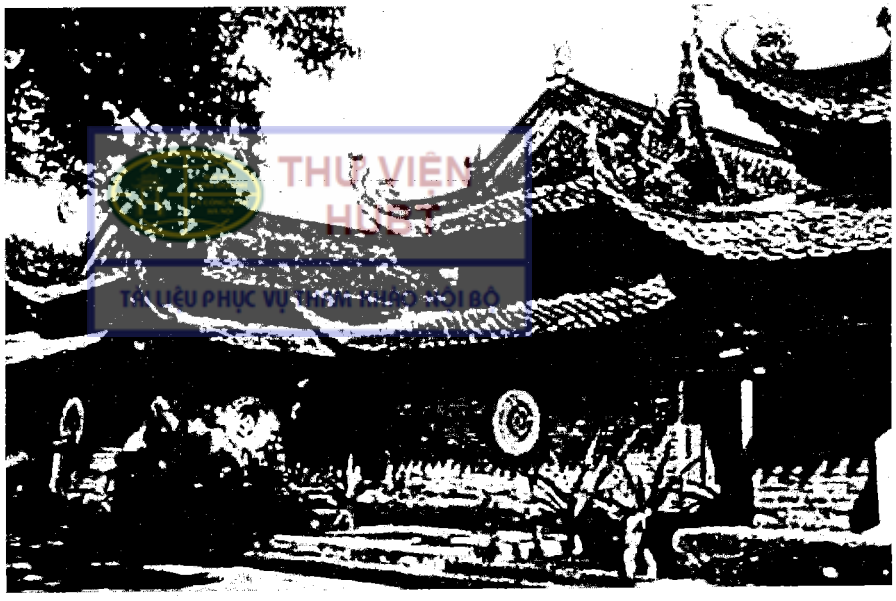
đường lát gạch thênh thang hai bên có tường hoa và bên ngoài là hai hàng cây muỗm cổ thụ tỏa bóng mát. Cuối đường gạch mở ra một sân rộng, giữa sân có nhà Bát giác, bao ba mặt sân là tòa Đại bái ở giữa (ngôi nhà chính 9 gian) và các nhà tả hữu vu ở hai bên.

Trong chùa, ngoài các tượng Phật còn có tượng vua Lý Thần Tông ngồi trên ngai vàng và tượng Thiền sư Từ Đạo Hạnh mặc áo cà sa (theo truyền thuyết: Từ Đạo Hạnh đã đầu thai làm con trai của người em vua Lý Nhân Tông, được truyền ngôi vua trở thành Lý Thần Tông, ở ngôi vua từ 1128 đến 1138).

4. Chùa Tây Phương

Chùa còn có tên là Sùng Phúc Tự, được dựng trên một ngọn núi cao khoảng 50m (xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Tây cũ phía Tây thủ đô Hà Nội), núi có tên Tây Phương (tên cũ: núi Câu Lậu). Từ chân núi lên tới chùa phải qua 237 bậc lát đá ong.

Tổng thể kiến trúc chùa gồm ba nếp nhà xếp song song: bái đường, chính điện và hậu cung. Mỗi nếp nhà đều có mái kiểu chồng diêm hi tầng tám mái với những đầu đao cong vút được trang trí rất phong phú. Tòa chính điện ở giữa ngắn hơn hai tòa bái đường và hậu cung, đồng thời lòng nhà lại rộng hơn, tạo nên những không gian sinh động.



Chùa Tây Phương

Bộ mái chiếm một vị trí quan trọng trong cấu trúc ngôi nhà, mái lợp hai lớp ngói: lớp trên có múi in nổi hình lá đề, lớp dưới vuông có nhiều màu sắc xếp thành ô vuông văn trên những hàng rui gỗ. Các tảng đá kê chân cột có trạm khắc hình lá sen.

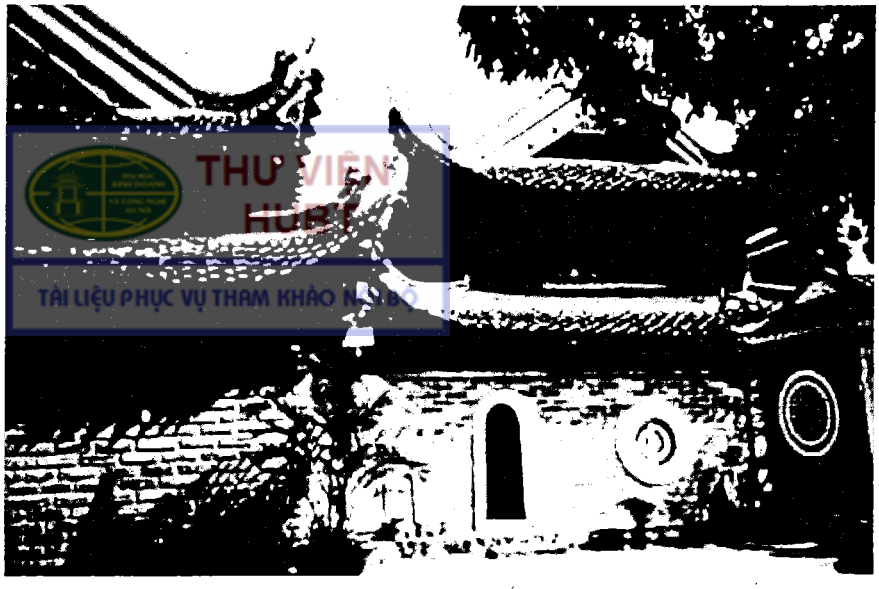
Tường bao quanh được xây gạch để trần, trổ cửa sổ tròn với trang trí theo biểu tượng "sắc - không". Ánh sáng từ trên qua khoảng không giữa các lớp nhà chiếu vào bên trong đã được sàng lọc trở nên dịu dàng và có phần mờ ảo rất phù hợp với khung cảnh phía trong với những pho tượng La Hán được tạo tác với trình độ nghệ thuật rất cao được coi là những tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam.

Cùng với các công trình điêu khắc tượng gỗ, kiểu thức kiến trúc cũng như nghệ thuật trang trí ở chùa Tây Phương đã góp phần tạo nên một di sản văn hóa vô giá của nghệ thuật truyền thống Việt Nam.

5. Chùa kim Liên

Chùa nằm trên đồi đất bên Hồ Tây (làng Nghi Tàm, phường Quảng An, quận Tây Hồ), nơi xưa kia là đất trồng dâu nuôi tằm do công chúa Từ Hoa con vua Lý Thần Tông (1128 - 1138) lập nên.

Chùa xây dựng từ thế kỷ 17, vốn có tên là Đại Bi, đến năm 1771 được xây dựng lại và mang tên chùa Kim Liên (Bông Sen Vàng). Đến năm 1792 lại được tu bổ và hoàn thành cấu trúc chùa như ta thấy


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chùa Kim Liên

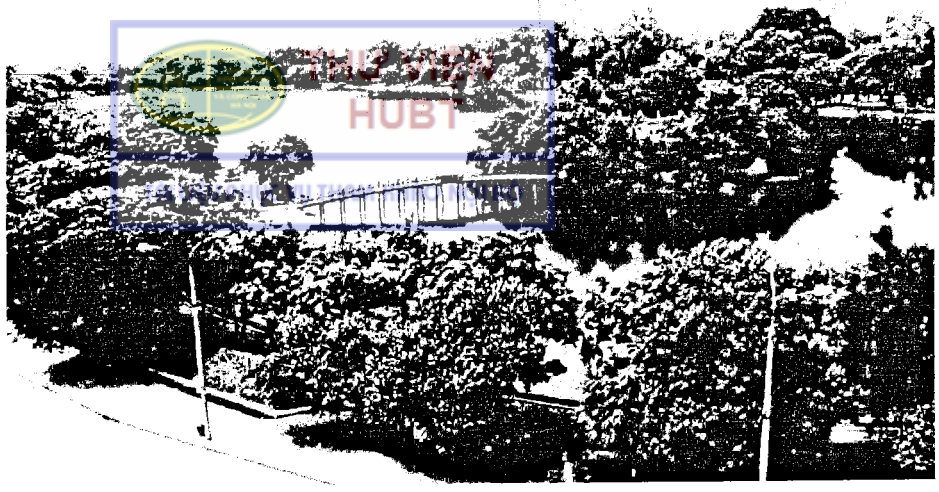
ngày nay: bố cục tổng thể kiểu chữ Tam, gồm ba nếp nhà dài song song nhau, đó là chùa Thượng, chùa Trung và chùa Hạ. Mỗi nếp nhà đều được xây kiểu chồng diêm (hai tầng tám mái) nên hình ảnh bộ mái của chùa rất phong phú và đặc sắc. Ba nếp nhà được liên kết với nhau bởi tường bao xây gạch có trổ cửa sổ lấy ánh sáng (tường vuông, cửa hình tròn, tạo hình theo quan niệm "sắc sắc không không" của nhà Phật).

Trong bộ khung gỗ của chùa Kim Liên người ta đã thấy được những sáng tạo của thời kỳ này với việc tạo ra những biến thể mới của kết cấu vì kèo kiểu chồng rường phối hợp với những thanh đỡ ngang vừa vững chắc, vừa đẹp mắt.

Nét đặc sắc của chùa còn thể hiện ở kiến trúc cổng tam quan bằng gỗ lợp mái ngói được cấu trúc rất đẹp với hàng cột gỗ và các dầm đua đỡ bộ mái, tạo hình ảnh bay bổng của những cánh diều no gió. Đây là một di sản kiến trúc quý giá của thời Tây Sơn.

6. Đền Ngọc Sơn và Hồ Hoàn Kiếm

Hồ Hoàn Kiếm vốn có tên hồ Lục Thủy (nước màu xanh). Đến đầu thế kỷ XV, do truyền thuyết vua Lê Lợi trả lại gươm quý cho Thần Rùa ở hồ mới mang tên Hoàn Kiếm. Từ thế kỷ 16, các vua Lê và chúa Trịnh đã có nhiều công trình xây dựng quan trọng ở đây như cung Khánh Thụy trên đảo Ngọc làm nơi hóng gió mùa hè.



Toàn cảnh Hồ Hoàn Kiếm

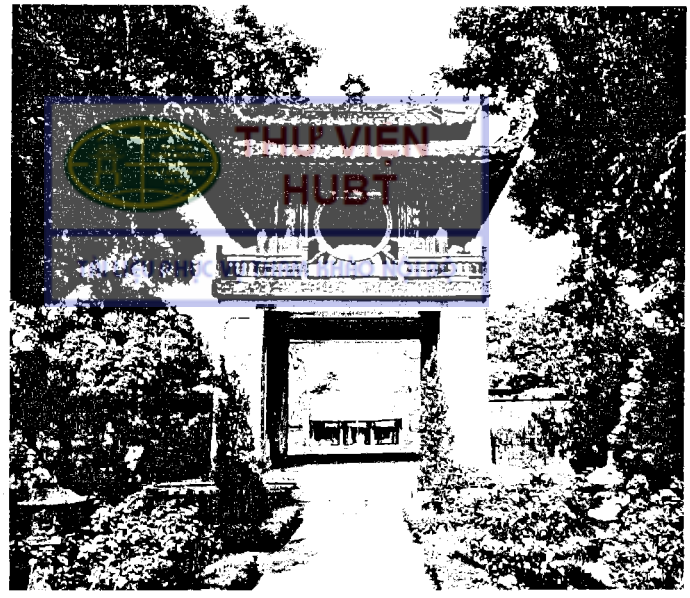
Cung này đã bị đốt cháy vào năm 1786 (đời vua Lê Chiêu Thống), sau đó trên nền cũ được xây ngôi chùa thờ Phật và tiếp theo còn thờ các thánh Trần Hưng Đạo (vị anh hùng dân tộc ba lần thắng giặc ngoại xâm), thánh Văn Xương (thần coi sóc việc văn chương khoa cử), ngoài ra cũng có tượng vị danh tướng Quan Vũ và tượng danh y Lã Tổ. Từ đó, nhân dân quen gọi là đền Ngọc Sơn.

Năm 1865, nhà văn hóa lớn nhất Hà Nội là Nguyễn Siêu đã chăm lo tu sửa toàn bộ kiến trúc khu vực này: xây tháp đá trên hòn núi nhỏ (Tháp Bút), trên tháp có khắc ba chữ Hán "Tả Thanh Thiên" (Viết lên trời xanh), xây đài Nghiên (nghiên mực bằng đá tạo hình nửa quả đào) đặt trên cổng gạch dẫn vào đền. Từ cổng này có cầu gỗ cong tạo dáng đẹp, cầu Thê Húc (Nơi đậu ánh mặt trời giữa ban mai) dẫn tới cổng bên trong có tên Đắc Nguyệt Lâu (Lầu được trăng).

Tổng thể đền gồm ba nếp nhà: nếp ngoài là bái đường, nếp giữa là nơi thờ Văn Xương, nếp cuối thờ Trần Hưng Đạo. Trước mặt bái đường có Trấn Ba Đình (Đình chắn sóng) là nơi các nhà văn tụ họp để bàn luận văn chương.

7. Văn Miếu Quốc Tử Giám

Là một công trình có sự gắn bó với lịch sử phát triển văn hóa của Thăng Long - Hà Nội, Văn Miếu được coi là di sản kiến trúc có giá trị hàng đầu với một tổng thể công trình rất phong phú và có giá trị


THƯ VIỆN
HUBT

Khuê Văn Các ở Văn Miếu

nghệ thuật cao. Được xây dựng từ khá sớm vào triều Lý (1070) làm nơi thờ các thánh hiền đạo Nho (Khổng Tử, Mạnh Tử...), năm 1076 phát triển thêm nhà Quốc Tử Giám ở phía sau làm nơi học của các hoàng tử cũng như những học trò được chọn lọc trong cả nước.

Được đặt ở vị trí phía nam của đô thành Thăng Long xưa, công trình được xây dựng trong một khuôn viên rộng rãi (mặt bằng hình thang dài 306m, cạnh ngắn phía mặt trước rộng 61m, phía sau 75m). Trên cả chiều dài đó, không gian kiến trúc được phân thành 5 đoạn và hình thành 5 khu vực nối tiếp nhau: (1) từ cổng chính Đại Trung Môn, (2) Đại Trung Môn - Khuê Văn Các, (3) Khuê Văn Các - Đại Thành Môn, (4) Đại Thành Môn - Đại Bái Đường, Hậu Cung, (5) khu Thái Học (Quốc Tử Giám). Ngoài ra cũng nằm trên trục dọc này, về phía trước còn có Hồ Văn tạo thêm cảnh đẹp về phía cổng đi vào.

Nằm ở chính giữa tổng thể này, không gian thứ ba (từ Khuê Văn Các đến Đại Thành Môn) là không gian gây nhiều ấn tượng nhất với một gương nước nằm chính giữa phản chiếu ánh sáng bầu trời (vì thế có tên "Thiên Quang Tỉnh" tức "giếng trời trong sáng"), gương nước này cũng soi bóng và nhân lên hình ảnh tuyệt đẹp của gác Khuê Văn (vẻ đẹp sao Khuê, tượng trưng văn học), công trình được xây dựng bổ sung vào triều Nguyễn. Hai bên của "Thiên Quang Tỉnh" là hai khu vườn bia (nơi dựng các tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ), hiện còn 82 tấm bia về các khoa thi từ năm 1442 đến năm 1779.

Tổng thể kiến trúc Văn Miếu được hình thành qua nhiều thời kỳ, chủ yếu từ đời Lý đến đời Lê, riêng "Khuê Văn Các" được bổ sung muộn hơn (triều Nguyễn). Các kiến trúc ở đây đều đạt tới trình độ cao của nghệ thuật truyền thống từ kiến trúc tới trang trí, điêu khắc.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ở khu vực cuối: trường Quốc Tử Giám (hình thành vào đời Lê), vốn là một loại trường đại học đương thời. Khi nhà Nguyễn dời trường này vào Huế thì nơi đây chuyển làm đền Khải Thánh thờ cha và mẹ Khổng Tử.

8. Đình Đông Ngạc

Nằm ở bờ đê sông Hồng, bên rìa làng Vẽ (còn gọi là đình Vẽ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm), đình được xây dựng vào năm 1635 (triều vua Lê Thần Tông) và đã qua nhiều lần trùng tu. Khuôn viên của đình khá rộng, vào tới sân đình phải qua hai cổng tam quan: tam quan ngoại nằm sát đường trên đề, cấu trúc nhà ba gian với bốn

hàng cột gỗ, vì kèo kiểu giá chiêng; tam quan nội kiểu nhà một gian với hàng cột tạo nên một cửa lớn ở giữa và hai bên thấp hơn.

Tòa Đại Đình nằm trước sân đình rộng rãi, hai bên sân là hai dãy nhà tả mạc và hữu mạc. Tòa Đại Đình rất rộng vì bao gồm hai lớp nhà song song được liên kết với nhau, mỗi nhà có bảy gian (tám hàng cột kê trên chân tảng đá xanh), mái lợp ngói mũi hài, các đầu đao cong vút trang trí đầu rồng. Cuối cùng là hậu cung bố trí vuông góc với Đại Đình.

Đình là nơi thờ các vị thần: Hóa Quang Tiên Sơn Đại Thánh, Lê Khôi (cháu vua Lê Thái Tổ và là người có công phò vua Lê chống quân Minh) và bản xã Thổ thần.

9. Đình Tây Đằng

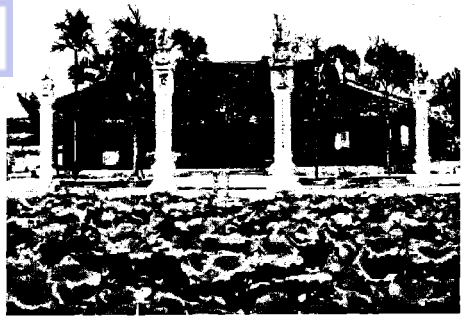
Nằm ở xã Tây Đằng (Ba Vì, Hà Tây cũ phía tây Thủ đô Hà Nội), là một ngôi đình cổ còn lại tới ngày nay, do ở đầu khung cột có khắc dòng chữ "Quý Mùi niên tạo" (làm năm Quý Mùi) nên được đoán định là đình dựng năm 1583 (thời vua Lê Anh Tông).

Tổng thể kiến trúc đình gồm ba ngôi nhà bao quanh một sân rộng, chính giữa là tòa Đại Đình và hai bên là tả mạc và hữu mạc. Tòa Đại Đình có 3 gian chính và 2 gian phụ, bộ khung gỗ có 48 cột lớn nhỏ (8 hàng ngang, 6 hàng dọc), kết cấu kiểu trồng rường, mái hiên xòe rộng và không có vách ngăn. Đình lợp ngói, các đầu đao uốn cong có các hình trang trí long, ly, quy, phượng bằng đất nung. Trên bộ khung gỗ cũng có nhiều tượng nổi và tượng tròn miêu tả khung cảnh lao động và vui chơi của người xưa bằng những hình ảnh sinh động (bơi thuyền, đốn củi, mẹ gánh con, người làm trò "trồng cây chuối", uống rượu, chải tóc cho nhau...).

THƯ VIỆN
HUBT



Đình làng Đông Ngạc



Đình Tây Đằng

Hai dãy nhà tả mạc và hữu mạc có nét đặc sắc ở việc tạo lớp mái nhô cao trên các gian phía ngoài giúp cho tổng thể đình có sự trang trọng và có nét hoành tráng.

Đình là nơi thờ Thần Núi Tản Viên - Sơn Tinh.

10. Đình Chu Quyến

Còn có tên là đình Chàng (xã Chu Minh, huyện Ba Vì), là ngôi đình lớn nhất ở xứ Đoài (phía tây của Thủ đô Hà Nội). Đình có bộ khung gỗ đồ sộ và vững chắc với 5 gian chính và 2 gian phụ (dài 30m), tổng số 48 cột (8 hàng dọc và 6 hàng ngang). Các cột có kích thước rất lớn, bốn cột cái ở gian giữa có chu vi tới 2m (đường kính 95cm), đặt trên các tảng đá vuông mỗi cạnh 1m.

Các vì kèo được cấu trúc kiểu chồng rường, trên các cột bên có các tượng gỗ thể hiện người cưỡi các con vật (voi, hổ...) rất sinh động. Mái đình xòe rộng và uốn cong rất mềm mại, trên bờ nóc được trang trí phong phú (gạch hộp có lỗ hoa và có nhiều tượng trang trí hình rồng, dây cuốn...). Gian chính giữa là gian thờ, có cửa võng chạm trổ tinh vi hoa lá, rồng phượng, phía trên có ván lát trần, nền đình hai bên có sàn gỗ.

Đình là nơi thờ Nhã Lang (con trai đầu của Lý Phật Tử) và bà Thứ phi Lã Thị Ngọc Thanh (là mẹ của Nhã Lang). Đình đã qua nhiều lần trùng tu, theo phong cách điêu khắc trang trí có thể xem là đình được dựng vào khoảng thế kỷ XVII.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ DÙNG TRONG NỘI BỘ



Đình Chu Quyến

11. Thành Cổ Loa

Là một di tích lịch sử quan trọng của Thủ đô Hà Nội (xã Cổ Loa, huyện Đông Anh), là thủ đô thứ hai của nước ta (sau Phong Châu ở Phú Thọ là thủ đô thời các vua Hùng).

Sau cuộc kháng chiến chống nhà Tần (Trung Quốc) thành công, vào nửa thế kỷ III trước Công nguyên, Thục Phán dựng nước Âu Lạc đóng đô ở Cổ Loa, đắp thành đất bao bọc nhiều lớp. Di tích còn lại ngày nay ở Cổ Loa có ba vòng thành đất: thành trong hình chữ nhật chu vi 1,6km, thành giữa hình nhiều cạnh chu vi 6,5km và thành ngoài uốn lượn tự do cùng với hào nước chu vi 8km.

Thân thành hiện nay có độ cao trung bình 4 - 5m, có chỗ hơn 10m. Chân thành rộng tới vài chục mét. Các cửa nằm trên các vòng thành được bố trí so le để hạn chế sự xâm nhập của kẻ thù.

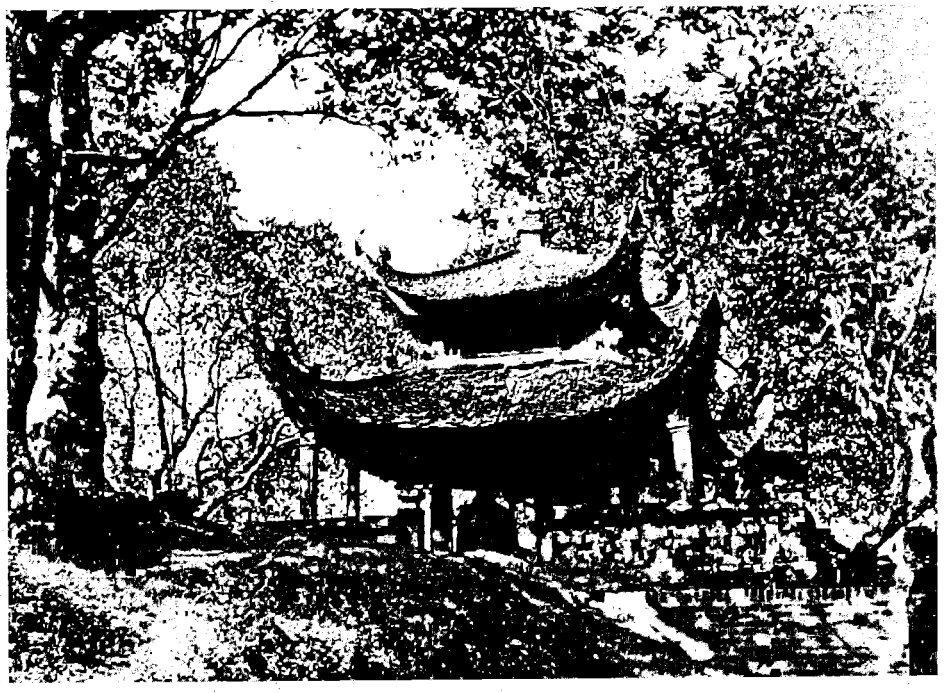
Các di tích chủ yếu còn lại đến nay nằm ở phần cổng thành trong, đó là đình làng Cổ Loa (theo truyền thuyết đó là nền cũ của điện ngự triều), bên cạnh có Am Bà Chúa (miếu thờ công chúa Mỵ Châu), đền thờ An Dương Vương (đền Thượng, tương truyền là dựng trên nền nội cung ngày xưa), trước đền có giếng Ngọc (tương truyền là nơi tự vẫn của Trọng Thủy). Trong vùng này, ngành Khảo cổ học cũng đã phát hiện được nhiều di chỉ đồ đá, đồ đồng, với các vật dụng và vũ khí như: lưỡi rìu, lưỡi cày, mũi tên bằng đồng, xương thú vật, trống đồng...

Khu thành cùng với các di sản kiến trúc ở trong thành Cổ Loa đang được bảo tồn và tôn tạo để trở thành một điểm tham quan du lịch, khu lễ hội và cũng là một thắng cảnh hấp dẫn có giá trị của Thủ đô Hà Nội.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 cùng với việc lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành lại độc lập dân tộc đã đưa đất nước ta đến một kỷ nguyên mới và Hà Nội một lần nữa đảm nhiệm sứ mệnh vinh quang là Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hà Nội đón chào ngày lễ lớn long trọng thành lập nước 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình chưa được bao lâu đã phải đứng lên chống lại việc thực dân Pháp muốn chiếm đóng Việt Nam một lần nữa.

Việc xây dựng Hà Nội vào thời kỳ 1955 - 1960 và 1960 - 1965 nhằm vào các công trình trong lĩnh vực nhà ở, nhà công nghiệp và nhà công cộng. Lực lượng kiến trúc thời kỳ này gồm một số kiến trúc sư được đào tạo ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, một số



Nhà bia Đền Cổ Loa



Đền An Dương Vương

THƯ VIỆN HUBT

cán bộ trung cấp do ta đào tạo và một số họa viên từ xã hội cũ. Các kiến trúc sư lớp cũ đã tham gia xây dựng các công trình tranh tre, nứa, lá phục vụ kháng chiến từ nhà đất cho đến nhà sàn. Trước kia họ đã làm quen với nhiều loại nhà biệt thự ở Hà Nội và một số thành phố khác. Lớp kiến trúc sư này thường đã cao tuổi nên khi bắt tay vào những công trình mới của chủ nghĩa xã hội thường gặp những khó khăn nhất định. Vào đầu và giữa những năm 60, những kiến trúc sư mới được đào tạo ở trong và ngoài nước bắt đầu phát huy tác dụng và dần dần thay thế các kiến trúc sư có tuổi. Riêng với kiến trúc nhà công nghiệp thì chủ yếu do các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ đồng bộ gồm cả thiết kế.

Xã hội cũ đã để lại một quỹ nhà ở quá nghèo nàn khiến cho khi bắt tay xây dựng Hà Nội giải phóng, Nhà nước đã phải dành những cố gắng lớn cho công cuộc phát triển nhà ở. Trong khoảng thời gian 5 năm (1956 - 1960), Hà Nội đã đưa vào sử dụng nhiều khu nhà ở An Dương, Phúc Xá, Mai Hương, Đại La...

Sang kế hoạch 5 năm 1961 - 1965, việc xây dựng nhà ở của Hà Nội có bước tiến mới với việc đưa vào sử dụng hai khu nhà ở: Nguyễn Công Trứ và Kim Liên. Trong 3 năm (1961 - 1963) Hà Nội đã xây dựng được 99.700m^2 nhà ở.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý hành chính và các nhu cầu sinh hoạt khác, Hà Nội đã xây dựng nhiều công trình hành chính, trụ sở cơ quan và rất nhiều trường học ở thời kỳ này. Về trụ sở cơ quan có: trụ sở Bộ Xây dựng và một số Viện thiết kế ở Vân Hồ (cạnh triển lãm Vân Hồ), trụ sở khu Liên cơ (nơi làm việc của một số cơ quan thuộc thành phố, ở khu Vân Hồ), trụ sở Tổng cục Lâm nghiệp, trụ sở Tổng cục Thống kê, trụ sở Bộ Công nghiệp...

Về kiến trúc trường học, thời kỳ này cũng xây dựng được nhiều công trình trường học để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ cho Hà Nội và cho cả nước. Các công trình trường học quan trọng nhất đó là Trường Nguyễn ái Quốc và ký túc xá của trường Đại học Thương nghiệp, trường Đại học Nông nghiệp, Trường Đại học Thủy Lợi. Trường Nguyễn ái Quốc (nay là học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) có hội trường lớn khá trang trọng, tỷ lệ giữa sảnh vào và hai cánh nhà bên thích hợp, cột ở sảnh vào tỷ lệ vừa phải nên đã tạo được vẻ khang trang và nghiêm túc phù hợp với một trường học chính trị. Các trường học khác như Trường Đại học Thủy Lợi, trường Đại học Nông nghiệp, trường Đại học kinh tế kế hoạch tuy đồ sộ

nhưng kiến trúc sơ lược. Công trình trường đại học gây được ấn tượng nhất là Trường Đại học Bách khoa (khởi công năm 1961, hoàn thành 1965, do Liên Xô thiết kế và viện trợ), bố cục bán hợp khối và không cân xứng, bố cục mặt bằng theo công năng bao gồm năm nhà học chính để đặt giảng đường, một hội trường lớn kết hợp với thư viện, các xưởng thí nghiệm (cơ, thủy lực) được tách thành một khu vực riêng. Hình thức kiến trúc ở đây nhẹ nhàng, với khung bê tông và kính lớn, một số bộ phận (lối vào nhà chính phía sân và các cầu thang) dùng gạch hoa bê tông đã tạo cho nhà một sắc thái kiến trúc nhiệt đới.

Để thực hiện sự ưu việt của chế độ mới, thành phố rất chú trọng việc tu sửa và chỉnh trang đô thị mà trước tiên là tu sửa một số khu ở của người nghèo như các khu Kim Mã, Đại La, Trại Găng, tuy khối lượng chưa được nhiều. Tiếp đến là các công trình phúc lợi công cộng trong đó có các công viên. Hai công trình quan trọng là Công viên Thống Nhất (Bảy Mẫu, sau năm 1975 đổi tên là Công viên Lê-nin) và đường Thanh Niên (tên cũ là đường Cổ Ngư), nhân dân Hà Nội đã bỏ ra 60 vạn ngày công để vận chuyển 30 vạn mét khối đất góp phần hình thành hai công trình này.

Sự mở đầu của giai đoạn xây dựng Thủ đô giải phóng diễn ra trong mười năm (1955 - 1965) đã được đánh dấu bằng sự phát triển nhiều khu xây dựng mới về nhà ở, nhiều xí nghiệp công nghiệp, nhiều công trình phục vụ công cộng... Thời kỳ mười năm tiếp theo (1966 - 1975), do việc đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lượctừ miền Nam ra miền Bắc nên công cuộc xây dựng Thủ đô có phần bị chậm lại. Người dân Hà Nội đã phải vừa chiến đấu, vừa xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện cho miền Nam tiến tới giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi ách xâm lược.

Từ khoảng năm 1970 trở đi, việc xây dựng nhà ở được phát triển mạnh mẽ hơn, với những kiểu nhà mới, những khu ở mới ngày càng hoàn thiện hơn. Quan niệm xây dựng khu nhà ở hoàn chỉnh theo kiểu tiểu khu đã được ứng dụng ban đầu tại khu Kim Liên, qua đó đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm cho việc xây dựng những tiểu khu ở thời kỳ sau. Đó là tiểu khu Trung Tự, tiểu khu Giảng Võ, tiểu khu Thanh Xuân Bắc...

So với thời gian trước, điều kiện ăn ở của một bộ phận nhân dân Thủ đô đã được cải thiện rõ rệt và khung cảnh đường phố ở nhiều

nơi đã khang trang hơn. Tuy nhiên, sự bột phát trong xây dựng nhà ở, việc quản lý xây dựng thiếu chặt chẽ đã dẫn tới những mối lo về tình trạng xây dựng lộn xộn, phá vỡ cảnh quan đô thị. Sự "bung ra" của việc xây dựng nhà ở tư nhân đã là mối đe dọa trước tiên cho cảnh quan đô thị ở những khu phố cổ, một cảnh quan đô thị độc đáo được hình thành từ nhiều thế hệ trước và đến nay đã trở thành một di sản quý giá.

Quá trình phát triển đô thị Hà Nội từ thời kỳ đổi mới (1986) đến nay được đánh dấu bởi nhiều công trình kiến trúc quan trọng phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của đời sống đô thị và góp phần làm phong phú thêm bộ mặt kiến trúc đô thị. Chưa thể nói là đã có sự nở rộ về nghệ thuật kiến trúc nhưng một sự phong phú và đa dạng là điều có thể thấy rõ trong việc phát triển nhiều thể loại kiến trúc với công năng khác nhau và bước đầu có những tìm tòi đáng lưu ý. Trước tiên phải kể đến những công trình phục vụ cho các nhu cầu văn hóa: Rạp xiếc ở Công viên Lênin, nhà hát cho thiếu nhi mang tên Kim Đồng ở bờ hồ Hoàn Kiếm, Cung văn hóa Hữu Nghị, Nhà văn hóa thiếu nhi quận Ba Đình, Nhà văn hóa dành cho thanh niên ở phố Tăng Bạt Hổ, Nhà văn hóa quận Hoàn Kiếm, Câu lạc bộ học sinh sinh viên hồ Thiền Quang; Nhà thi đấu phố Trịnh Hoài Đức; Nhà thi đấu Câu lạc bộ Quân đội, Nhà thuyền ở Hồ Tây, Bảo tàng Hồ Chí Minh; Bảo tàng Biên phòng... Tiếp đến là một số loại nhà tiêu chuẩn cao tập trung ở khu Vạn Phúc (nhà ở cho cơ quan Ngoại giao, nhà ở của Cơ quan phát triển Liên Hợp Quốc - UNDP), nhà khách Bộ Năng lượng và các khách sạn Tây Hồ, khách sạn Hà Nội, khách sạn Hàng không, khách sạn Đông Đô, khách sạn Mêtrôpôn được tu sửa và nâng cấp, khách sạn Royal, khách sạn Horison, khách sạn Hà Nội - DEAWO và nhiều khách sạn lớn nhỏ khác. Nhiều khu công nghiệp mới được xây dựng ở Sài Đồng (Gia Lâm), Nội Bài (Sóc Sơn)...

Đường lối đổi mới tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực và kiến trúc Hà Nội cũng có những thay đổi lớn, từ quy hoạch đô thị cho đến từng đường phố, từng công trình. Nhiều đồ án quy hoạch chi tiết đã được lập, trong đó có những khu mang tính đặc trưng của Hà Nội như: Khu phố cổ, khu vực Hồ Gươm, các trục đường trong khu phố cũ, khu vực Hồ Tây, khu trung tâm Ba Đình, khu thành cổ, khu Cổ Loa, khu Văn Miếu...

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN 1

LOU QUINGXI - ***Historic Chinese Architecture***
Tshinghua University Press Beijing, 1990

WANG SHENGPING - ***Luoyang, an ancient capital city***
Huagi Publish House, 1990

ZHU XIJIN - ***Suzhou***
Huagi Publish House, 1992

NORITAKE TSUDA - ***Sổ tay nghệ thuật Nhật Bản***
NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990

XIANG YANG - ***Xi'an, China's ancient capital***
Ed. du tourisme de Chine, Pékin, 1996

LÊ VĂN GIANG - ***Lịch sử Vương quốc Thái Lan***
NXB Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 1995

PHẠM NGỌC LIÊN - ***Lịch sử Nhật Bản***
NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997

VŨ DƯƠNG MINH - ***Lịch sử Văn minh thế giới***
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998

TRẦN QUỐC VƯỢNG - ***Cơ sở văn hóa Việt Nam***
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999

CHEN MINGZHAO - ***Hangzhou***
Foreign Language Press, 1992

CHRISTOPHER TADGELL - ***Japan, a history of architecture***
Ed. Cataloguing, 2000

MARIE-CHARLOTTE DE KONINCK - ***Des villes aux multiples visages***
Ed. Musée de la civilisation Canada, 1991

CAHIERS DE L'IPRAUS - ***Hanoi, le cycle des métamorphoses***
Ed. Recherches, 2001

WU WEN - ***Suzhou***
Foreign Language Press, Beijing 2000

TRẦN HÙNG - ***Kiến trúc và người Hà Nội***
NXB Xây dựng, Hà Nội, 2003

THƯ VIỆN HUBT

TRẦN HÙNG, NGUYỄN QUỐC THÔNG - ***Thăng Long - Hà Nội, mười thế kỷ đô thị hóa***
NXB Xây dựng, Hà Nội, 2004

HỮU NGỌC - ***Lãng du trong văn hóa Việt Nam***
NXB Thanh niên, Hà Nội, 2007

TRẦN HÙNG - ***Kiến trúc Thái lan và thủ đô Bangkok***
NXB Xây dựng, Hà Nội, 2004

TRẦN HÙNG, TÔN ĐẠI, NGUYỄN LUẬN - ***Những thành phổ nổi tiếng thế giới***
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2006

TRẦN HÙNG, TÔN ĐẠI, NGUYỄN LUẬN - ***Những thành phố Việt Nam***
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2007

NGUYỄN TRƯỜNG TÂN - ***Thủ đô các nước trên thế giới***
NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007

PHẠM NGUYÊN LONG, NGUYỄN TƯƠNG LAI - ***Lịch sử Thái Lan***
NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998

ELLEN NEPILLY - ***Tokyo, architecture and design***
TeNeus, Tokyo, 2004

PHÙNG QUỐC SIÊU - ***Lịch sử văn minh Trung Quốc***
NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004

DAVID & MICHIKO YOUNG - ***Nghệ thuật kiến trúc Nhật Bản***
NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2007

TRẦN HÙNG - ***Cố đô Tràng An và lăng mộ Tần Thủy Hoàng***
Tạp chí kiến trúc, 11/2008

TRẦN HÙNG - ***Trà thất và vườn đá Nhật Bản, những tinh túy của nghệ thuật sắp đặt***
Tạp chí kiến trúc, 12/2008

TRẦN HÙNG - ***Trên trời có thiên đàng, hạ giới có Tô, Hàng***
Tạp chí kiến trúc, 9/2008

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ


THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHẦN 2
CẢNH QUAN ĐÔ THỊ CHÂU ÂU
TỪ ROMA TỚI PARIS

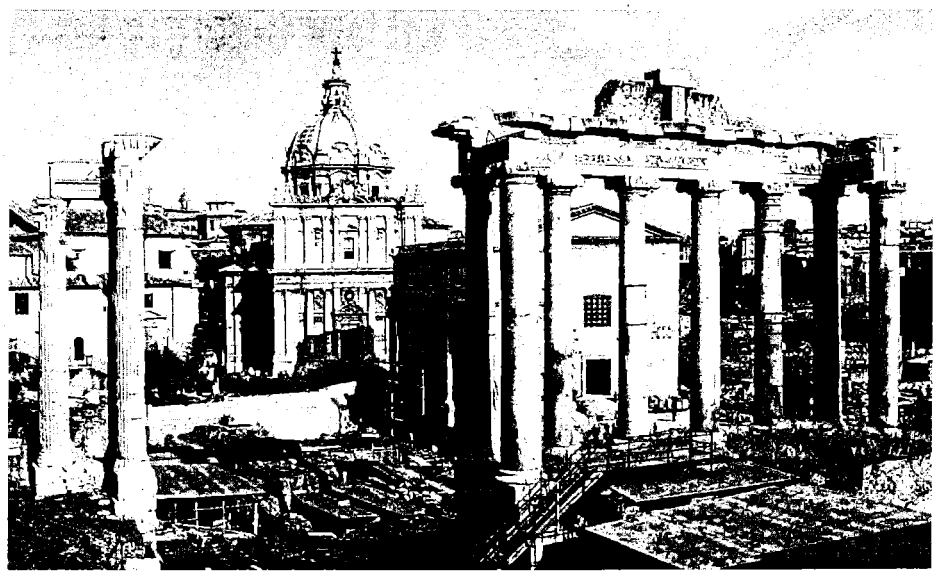
I. THỦ ĐÔ ROMA
II. VENEZIA
III. FIRENZE
IV. KIẾN TRÚC PARIS CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
PHỤ LỤC:
1. HÀNH TRÌNH DU LỊCH - DI SẢN VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT ĐÔ THỊ ITALIA
2. NHỮNG CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VÀ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU PARIS

THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TỪ ROMA TỚI PARIS

I. THỦ ĐÔ ROMA



Di tích Forum ở Roma

1. Từ Roma bằng gạch tới Roma cẩm thạch

Roma là thủ đô Italia ngày nay, nằm trên bảy ngọn đồi ở miền trung nước Italia, cách bờ biển phía tây khoảng 25km. Theo truyền thuyết, Roma là tên thành phố do nhà Vua đã sử đầu tiên Romulus (753 - 715 tCn) hoạch định ranh giới bằng một hàng cây, khi ông được tôn làm Vua (753 tCn). Lúc đầu, Roma chỉ là sự hợp nhất của một số làng trên mấy ngọn đồi Roma ngày nay. Vào thế kỷ VI và V tCn, Roma phát triển rất mạnh và nhanh chóng trở thành thủ đô của một đế quốc rất rộng lớn thâu tóm hết các vùng đất ven biển Địa Trung Hải.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chính trong thời kỳ hưng thịnh này, những người đứng đầu đế quốc đã xây dựng được nhiều công trình đồ sộ, nhiều cái còn lưu dấu tích mãi về sau. Ngày nay Roma là một thành phố có rất nhiều di tích văn hóa từ thời Cổ đại và Trung đại, rất nhiều viện bảo tàng văn hóa nghệ thuật, những thư viện lớn vào bậc nhất châu Âu. Nơi đây tàng chứa những văn bản cổ quý hiếm. Công trình kỹ thuật đô thị đầu tiên được xây dựng là hệ thống tiêu nước của thành phố, có thể được xây

dựng từ thế kỷ VI tCn dưới thời Vua Tarquinius (616 - 587 tCn). Tàn tích của công trình còn lại ngày nay gồm hệ thống mương máng, đặc biệt là miệng cống tiêu nước ra sông Tibre là kết quả phục chế dưới thời Đế chế Roma (khoảng thế kỷ III).

Lịch sử gần ba nghìn năm của Roma đã tạo nên bộ mặt kiến trúc có một không hai. Vị trí ngoạn mục của Roma trên các đồi, sự dồi dào các di tích kiến trúc hùng vĩ của thời Cổ đại, những lâu đài, các đền thờ và những quần thể kiến trúc thuộc nhiều thời đại khác nhau, sự đa dạng của các quảng trường với những đài phun nước, các tượng đài kỷ niệm và điêu khắc trang trí đóng vai trò quan trọng trong sự đa dạng của thành phố. Ranh giới của khu trung tâm thành phố hiện nay trùng hợp với bức tường Aurelianus thời Cổ La Mã. Nhiều đường phố đương đại trùng với những con đường thời Cổ La Mã. Hình thành trên đồi Capitolium và đồi Palatinus, thành phố Cổ La Mã đã lan rộng đến các đồi khác ra lũng sông Tibre (Tevere) đến chỗ uốn khúc (Campus Martius) và vắt qua hữu ngạn sông này (khu Trastevere hiện nay).

Trung tâm công cộng của thành phố là Capitolium và các quần thể của Quảng trường Roma cùng với các đền thờ Castor, Pollux, Antonin và Faustin, bazilica Maxentius hay Constantin, các cổng khải hoàn Titus và Septimius Severus, cùng với quảng trường các hoàng đế Caesar, Ausgustus, Nerva, Traianus. Các di tích cổ đại trọng yếu ngoài quảng trường còn có rất nhiều đền thờ nguy nga đồ sộ.


THƯ VIỆN HUBT
HỆ THỐNG PHỤC VỤ THÔNG TIN KHOA HỌC

Biểu tượng chó sói nuôi sống Romulus và Remus trong truyền thuyết về sáng lập Roma

Roma được mệnh danh là thành phố vĩnh hằng. Trong quá khứ, thành phố này từng chứng kiến sự huy hoàng và suy vong của nền văn minh La Mã gây xáo động lịch sử châu Âu. Với lịch sử gần 3000 năm, hiện tại, Roma là một kho tàng sống động với những kiệt tác về kiến trúc, điêu khắc, hội họa và thơ ca. Rất nhiều di tích kiến trúc thời cổ đại La Mã trên dưới 2000 năm tuổi đan xen với các di tích thời Phục Hưng (thế kỷ XV, XVI) cùng hàng trăm nhà thờ Thiên chúa giáo ngàn năm tuổi. Mỗi quảng trường là một kiệt tác kiến trúc và nghệ thuật khác nhau nhưng tất cả đều mang đặc điểm chung đó là: quảng trường nào cũng có những tượng đài và các đài phun nước vô cùng tráng lệ, đường sá rộng rãi và thoáng đãng, các cụm kiến trúc xung quanh hài hòa và là những nơi thưởng ngoạn mỹ thuật, âm nhạc cho công chúng.

Theo truyền thuyết, thành Roma do vị vua đầu tiên của La Mã là Romulus sáng lập năm 753 tCn. Thành phố Roma nằm trên vùng đất có đặc điểm địa hình tự nhiên rất phức tạp, nơi dòng sông Tibre uốn lượn chảy qua sát một quần thể gò, đồi cao thấp khác nhau với nhiều vách đá tự nhiên hiểm trở xen kẽ những dải đất trũng ở phía tả ngạn dòng sông.

Truyền thuyết kể rằng Romulus và Remus là hai anh em sinh đôi của Thần chiến tranh và công chúa La-tinh. Do sợ sau này bị cướp ngôi báu nên hai anh em đã bị vứt xuống sông Tibre. Hai đứa trẻ may mắn được chó sói vớt lên nuôi sống và trở thành người sáng lập ra Roma (ở Roma nhiều nơi có tượng hai chú bé được chó sói cho bú). Vào năm 753 tCn, Romulus và em là Remus đã chọn bẩy quả đồi và trồng một hàng cây xung quanh làm ranh giới, lập nên thành phố Roma, Roma là ghép tên của hai anh em. Ban đầu Roma chỉ là một thành phố nhỏ bên bờ sông Tibre, nơi quần cư của ba bộ tộc người La-tinh. Từ thế kỷ VI tCn Roma đã trở thành một nhà nước cộng hòa rồi sau đó nhanh chóng trở thành thủ đô của đế chế La Mã hùng mạnh nhất thế giới trong nhiều thế kỷ, bao gồm cả một vùng rộng lớn của châu Âu, Bắc Phi, Tiểu Á, Trung Á và nhiều lãnh thổ xung quanh Địa Trung Hải. Roma là thủ đô của đế chế La Mã đã trở thành trung tâm của thế giới Địa Trung Hải thời cổ đại.

THƯ VIỆN HUBT

Trải qua thời gian, cùng với lao động xây dựng của con người, những gò đồi tự nhiên đã dần dần trở thành nổi tiếng với tư cách là những thành phần quan trọng cấu tạo nên hình thái không gian đô thị

của Roma. Bảy ngọn đồi được phân bố như sau: ở vị trí trung tâm gần sát bờ sông có đồi chính, là Capitolium và cạnh đó là một đồi thấp có bề mặt khá rộng, tương đối bằng phẳng là Palatinus, từ đó có tầm nhìn mở rộng về phía dòng sông. Như vậy bẩy ngọn đồi trong đó một ở trung tâm là Palatinus và sáu đồi còn lại bao quanh là: Quirinalis, Viminalis, Cispius, Oppius, Caelius và Aventinus. Các ngọn đồi này tạo thành một vòng cung ở phía Đông - Nam, ôm gọn ngọn đồi trung tâm và hướng tầm nhìn mở rộng xa hơn về vùng đất trũng rộng lớn ven sông phía Tây - Bắc, có tên là Campus Martius.

Trên vùng đất này, từ nhiều thế kỷ trước, người Etrusk từ phương bắc đã tràn xuống định cư. Họ đã tạo ra một quần cư, bao gồm các làng trên đồi Palatinus, đồi Capitolium và khu vực bãi chợ buôn bán ở vị trí sát bờ sông, dưới chân của hai ngọn đồi trung tâm.

Romulus xây dựng thành Roma trên cơ sở lấy khu vực quần cư của người Etrusk làm hạt nhân, mở rộng ra các ngọn đồi xung quanh (trừ ngọn đồi Aventinus). Tên gọi Roma có nguồn gốc từ ngôn ngữ của người Etrusk. Thành Roma ban đầu có diện tích 285ha, bên ngoài có tường thành bảo vệ.

Trung tâm của Roma là ở Capitolium, nơi có bố trí cơ quan quản lý thành phố và dinh thự của Tổng giám mục (về sau là cả Giáo hoàng La Mã), lâu đài Laterano và Tòa thánh Vatican. Các ô phố nhà ở thời Trung Cổ được tập trung ở phía bờ sông Tibre đối diện với Tòa thánh Vatican, gần tòa nhà bazilica của đạo Cơ Đốc và những nhà ở Cổ đại xen kẽ với các khoảng đất trống, vườn hoa và đầm lầy.

Về mặt tổ chức hành chính, thành Roma thời kỳ Vương quốc được chia thành bốn vùng: vùng Suburbana thuộc khu vực đồi Caelius; vùng Esquilina thuộc khu vực đồi Oppius, đồi Cispius; vùng Collina thuộc khu vực đồi Viminalis, đồi Quirinalis; vùng Palatina thuộc khu vực đồi Palatinus.

THƯ VIỆN HUẾ
LƯU HÀNH NỘI BỘ - PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Về tổ chức không gian kiến trúc đô thị, thành Roma chịu ảnh hưởng ban đầu của văn hóa Etrusk, nhưng quá trình phát triển về sau lại có xu hướng tiếp nhận nhiều hơn ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp. Bằng chứng về sự tiếp thu cách tổ chức không gian đô thị của người Hy Lạp thể hiện rõ trong việc xây dựng vòng thành bảo vệ dựa theo điều kiện địa hình tự nhiên, tổ chức các chức năng trên đồi Capitol theo mô hình Acropol của Athen và xây dựng các Forum (không gian sinh hoạt công cộng) trên tinh thần của Agora Hy Lạp.

Các bãi chợ và khu vực buôn bán, trao đổi của người Etrusk nhanh chóng chuyển thành các forum Boarium (chợ gia súc) và Olitarium (chợ rau quả), tạo nên cuộc sống công cộng sầm uất ngay ở giai đoạn đầu khởi dựng Roma. Sau đó, trung tâm sinh hoạt công cộng quan trọng nhất của Roma thời kỳ Vương quốc được xây dựng ở vùng đất trũng nằm giữa đồi Capitolium và Palatinus. Đó là tổng thể forum La Mã (Forum Romanus) nổi tiếng.

Thời kỳ Cộng hòa (509 - 27 tCn): Roma bước sang giai đoạn phát triển mạnh, lãnh thổ Roma không ngừng được mở rộng. Vòng thành thứ hai được xây dựng kiên cố vào năm 378 tCn vẫn được mang tên Hoàng đế Romulus, bao quanh diện tích 426ha lớn gấp rưỡi diện tích ban đầu. Tuy nhiên, trước nhu cầu phát triển nhanh chóng của thành phố, vòng thành thứ hai trở nên chật chội. Địa giới của Roma vượt qua phạm vi của vòng thành, mở rộng ra xung quanh, chủ yếu là về hướng Bắc ở khu vực Campus Martius.

Trong thành phố, toàn bộ các vùng đất trũng đều được san lấp để xây dựng các công trình. Các công trình công cộng chính được xây dựng ở nhiều vị trí khác nhau, chủ yếu ở khu vực giữa đồi Palatinus và đồi Aventinus. Đó là đấu trường Maximus (329 tCn), cầu dẫn nước nhiều tầng Aqua Claudia (312 tCn) để cấp nước sinh hoạt cho những khu xây dựng trên các ngọn đồi cao trong thành phố. Ở khu vực Campus Martius có các công trình như Đấu trường Flamminus (221 tCn), cổng và hàng hiên cột lớn Metelus (149 tCn), nhà hát Pompeius (50 tCn). Khu vực forum La Mã được bổ sung thêm nhiều công trình basilica (tòa án) và đền thờ, trong đó cổ nhất là các công trình Porcia (184 tCn) và đền thờ Aemilia (179 tCn). Ngoài ra, trên đồi Capitolium và tại hầu hết các khu vực trong thành phố nhiều đền thờ thần cũng đã được xây dựng.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hình thái không gian của các tổng thể công trình công cộng, đặc biệt là của các forum La Mã ở thời kỳ này không phải được thiết kế trước mà là kết quả của quá trình xây dựng các công trình kế tiếp nhau theo nhu cầu sử dụng và phụ thuộc vào điều kiện địa hình, nên mang nhiều đặc điểm tự nhiên giống hình thái không gian của các tổng thể công trình công cộng của Hy Lạp.

Từ thế kỷ IV tCn, Roma đã là một đô thị lớn. Do tốc độ xây dựng nhanh cùng với địa hình tự nhiên phức tạp, lại thiếu những định hướng quy hoạch nên mặt bằng đô thị Roma có dạng tự do, thiếu một sự tổ

chức có tính thống nhất. Đó là đặc điểm cơ bản của quy hoạch Roma thời kỳ Cộng hòa.

Thời kỳ Đế chế (27 tCn - 315 sCn): Là thời kỳ cải tạo và hoàn thiện Roma trên quy mô lớn. Nhiều chương trình phá dỡ, cải tạo và xây dựng mới những công trình kiến trúc quan trọng lần lượt được các Hoàng đế La Mã thực hiện, nhằm tạo cho Roma một diện mạo mới "Một thành phố bằng đá cẩm thạch" lộng lẫy và kỳ vĩ, tương xứng với vai trò thủ đô của đế chế hùng mạnh nhất thế giới đương thời.



Mặt bằng thành phố Roma thời kỳ Đế chế

1. Forum
2. Cung điện Flavius
3. Cung điện Divi Claudii
4. Nhà tắm Traianus
5. Nhà tắm Dioc lé tien
6. Lăng Hadrien
7. Đấu trường Gaius và Neron
8. Nhà hát Pompei
9. Nhà hát Marcellus
10. Đấu trường Maximus
11. Nhà tắm Caracalla

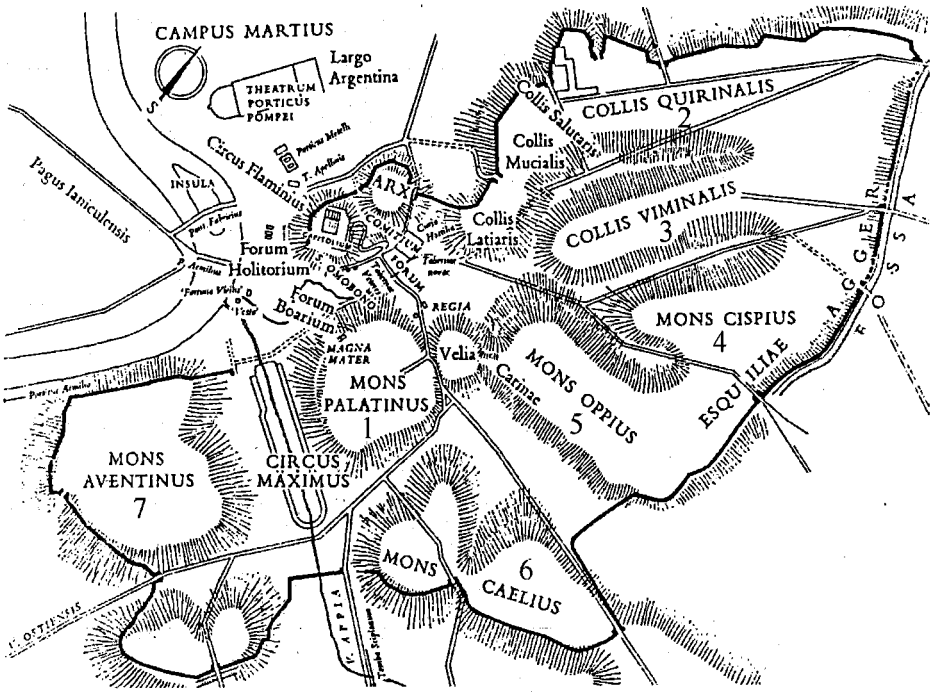
Thời kỳ Đế chế (27 tCn - 315 sCn): Là thời kỳ cải tạo và hoàn thiện Roma trên quy mô lớn. Nhiều chương trình phá dỡ, cải tạo và xây dựng mới những công trình kiến trúc quan trọng lần lượt được các Hoàng đế La Mã thực hiện, nhằm tạo cho Roma một diện mạo mới "Một thành phố bằng đá cẩm thạch" lộng lẫy và kỳ vĩ, tương xứng với vai trò thủ đô của đế chế hùng mạnh nhất thế giới đương thời.

Julius Caesar (Jules César): Là người khởi xướng công cuộc cải tạo và xây dựng Roma. Các hoàng đế kế vị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ mặt kiến trúc đô thị của Roma. Julius Caesar mở rộng forum La Mã trên cơ sở phá dỡ một số công trình cũ, bổ sung một số công trình công cộng mới, đồng thời xây dựng forum mới mang tên Caesar ở phía bắc forum La Mã. Chỉ có các đền thờ quan trọng được giữ lại, còn toàn bộ các cửa hàng ở forum La Mã được phá dỡ, chuyển sang khu vực forum Boarium và forum Olitorium ở sát bờ sông để lấy chỗ xây dựng các công trình mới là tòa thị chính, nhà hội họp, tòa án...

Forum Caesar là tập hợp các công trình kiến trúc cũ và mới, được tổ chức theo nguyên tắc đối xứng. Do đó tổng thể không gian kiến trúc forum là một bố cục chặt chẽ và có quy tắc, trong đó vai trò của công trình chính của tổng thể được nhấn mạnh. Công trình chính là Basilica (tòa án) Julia có kích thước mặt bằng 110 × 49m và mặt chính gồm nhiều hàng cột, án ngữ mặt phía Nam của forum. Ở hai bên của Basilica là ngôi đền thờ cổ Castor và Saturne xây dựng từ thế kỷ V tCn được giữ lại. Mặt phía tây của forum là hai ngôi đền thờ cổ khác: Concordia và Vespasianus có từ thế kỷ IV tCn. Phía Đông của Forum là đền thờ Caesar. Khép kín mặt phía Bắc của Forum là đền thờ cổ Aemelius được xây dựng năm 179 tCn.

Augustus (Auguste): Người kế vị Caesar, trong 50 năm trị vì đã đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng Roma. Về mặt tổ chức hành chính Augustus chia Roma thành 14 vùng trực thuộc. Ông đã triển khai công việc xây dựng ở khu vực giữa hai đồi Capitolium và Kirinalis, đồng thời mở rộng xây dựng trên vùng đất trũng Campus Martius ở hướng Tây - Bắc, dọc sông Tibre. Ngoài ra Augustus còn tổ chức xây dựng một hệ thống những cầu dẫn nước nhiều tầng kiên cố nhằm cung cấp nước sinh hoạt cho các khu xây dựng mới.

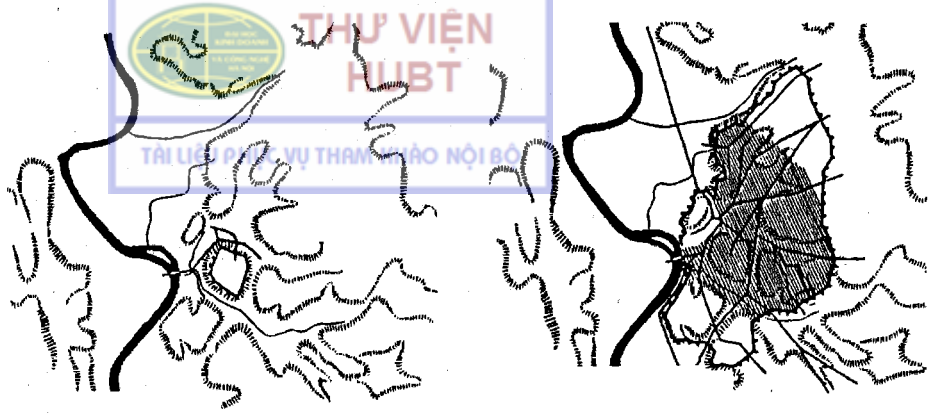
Roma thời Augustus năm 5 tCn đạt đến dân số nửa triệu người có diện mạo của "một thành phố bằng đá cẩm thạch" lộng lẫy. Đây chính là niềm tự hào chính đáng của vị vua này khi ông nói rằng: "ta đã nhận một Roma bằng gạch và để lại một Roma bằng cẩm thạch".



Roma trên 7 quả đồi

1. Palatinus
2. Quirinalis
3. Viminalis
4. Cispius
5. Oppius
6. Caelius
7. Aventinus

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



A. Thời kỳ đầu *B. Thời kỳ Đế quốc*

Các giai đoạn phát triển thành Roma

Trên đồi Palatinus là một hệ thống các cung điện hoàng gia. Nhiều đền thờ được xây dựng thêm trên đồi Capitol và ở các khu vực khác trong thành phố. Nhiều công trình công cộng lớn cũng được xây dựng ở khu vực Campus Martius như: Nhà hát Marcellus, nhà tắm công cộng Agrippa, điện thờ Panthéon, lăng Augustus, điện thờ Hòa Bình (Ara Pacis),... Forum Augustus được xây dựng ở phía Đông Forum Caesar, liên kết với nó tạo thành một tổng thể thống nhất thông qua Khải hoàn môn ghi công của Augustus ở vị trí giữa đền thờ Caesar và đền thờ Castor.

Augustus đặc biệt chú trọng kiến trúc nhà ở. Ngoài hệ thống những cung điện hoàng gia, ông còn cho xây dựng nhiều dinh thự dành riêng cho các tướng lĩnh và người giàu có. Điển hình là dinh thự Atrium Vestae cao hai tầng, có mặt bằng hướng nội truyền thống, các phòng bố trí xung quanh sân trong (atrium) rộng hình chữ nhật có kích thước 68 × 23m với hàng hiên cao hai tầng bao quanh. Nhà ở cho số đông người nghèo là dạng nhà ở tập thể nhiều tầng (Insulae) được xây dựng thành các khu ở độc lập có mật độ xây dựng rất cao.

Roma bị cháy nghiêm trọng năm 64. Lucius Domitus Tibericus Nero (Néron) - kế vị Augustus đã áp dụng các phương pháp quy hoạch mới để cải tạo Roma. Nero mở rộng các đường phố và quảng trường công cộng, tổ chức và xây dựng lại các khu ở. Nhằm mục đích thông thoáng và phòng hỏa, giữa các công trình nhà ở dưới thời Nero phải có một khoảng cách; đồng thời vật liệu xây dựng chủ yếu là đá. Một loại nhà ở mới, đầy đủ tiện nghi cho người giàu (Domus) xuất hiện và nhanh chóng trở thành phổ biến. Nero đã cho xây dựng một khu Domus Orea rộng lớn và sang trọng, đầy đủ tiện nghi ở khu vực hai ngọn đồi Caelius và Oppius.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Titus Flavius Vespasianus (Vespasien) tiếp tục những ý tưởng cải tạo Roma của Nero. Vespasianus cho xây dựng đấu trường Colosseo và Forum Vespasianus. Forum này có mặt bằng hình chữ nhật với hàng hiên bao quanh, ở giữa là đền thờ Hòa Bình. Titus Flavius Domitianus (Dominitien) và sau đó Marcus Cocceius Nerva cho xây dựng Forum Nerva để liên kết Forum Vespasianus và Forum Augustus. Domitiannus còn mở rộng hệ thống cung điện trên khắp đồi Palatinus và tổ chức lại hệ thống các công trình công cộng ở khu vực Campus Martius.

Sau khi Nerva chết, Marcus Ulpius Traianus (Trajan) xây dựng forum mới trong những năm 111 - 114 ở phía bắc tiếp nối với Forum Augustus để hoàn thiện tổng thể Forum đã được xây dựng qua nhiều thời kỳ. Đây là một Forum lớn do kiến trúc sư đồng thời là kỹ sư Hy Lạp tên là Apollodore de Damas thiết kế, có bố cục chặt chẽ theo quy luật đối xứng, bao gồm ba phần chính như sau:

- Phần thứ nhất: Quảng trường rộng có kích thước 116 × 95m. Ở lối vào quảng trường từ phía Forum Augustus là khải hoàn môn hoành tráng có ba vòm cuốn lớn tạo thành một hình vòng cung. Dọc hai cạnh dài của quảng trường là hai hàng hiên cột thức. Ở giữa quảng trường đặt tượng hoàng đế Trainus cưỡi ngựa.

- Phần thứ hai: basilica (Nhà thờ lớn Ulpia) là công trình chính khép kín toàn bộ mặt phía Bắc của quảng trường. Nhà thờ có kích thước mặt bằng 130 × 95m và có mạng lưới cột chính gồm 96 cột.

- Phần thứ ba: là một quảng trường nhỏ. Trên quảng trường đặt một tượng đài có dạng cột thức, xây dựng bằng đá hoa cương cao 38m (tính cả phần bệ cột). Thân cột cao 27m được chạm khắc mô tả các cuộc chinh chiến của người La Mã. Trên phần đầu cột đặt tượng của Hoàng đế Trainus. Cầu thang tròn đặt trong thân cột cho phép lên đến tận phần đầu cột. Công trình là một điểm nhấn của tổng thể không gian các Forum.

Ngoài ra, Trainus còn xây dựng nhiều công trình công cộng khác như: các khu vực chợ trên sườn đồi Quirinalis, các nhà tắm công cộng mang tên Trainus trên đồi Oppiux...

Các hoàng đế về sau vẫn tiếp tục công cuộc cải tạo và hoàn thiện Roma nhưng với nhịp độ chậm hơn. Publius Aelius Hadrianus (Hadrien) xây dựng lại đền Panthéon, và làm mới đền thờ thần Vệ nữ (Venus) và thần Roma. Các triều đại vua Severus (Séveres) hoàn thiện những tổng thể kiến trúc cung điện trên đồi Palatinus và xây dựng thêm các nhà tắm công cộng Caracalla và Diocletianus.

Từ thế kỷ III hoạt động xây dựng ở Roma giảm dần và chấm dứt khi Hoàng đế Constantinus chuyển thủ đô của đế quốc La Mã sang xứ Byzance ở thế kỷ IV, đặt ở Constantinople, tức thành phố Istanbul ngày nay.

Từ những năm 80 của thế kỷ III, đế quốc La Mã tạm thời thống nhất lại với cải cách của Dioclétien. Nhưng, sang thế kỷ thứ V, khủng

THƯ VIỆN HUBT
LƯU HÀNH PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

hoảng ngày càng trầm trọng. Đế quốc La Mã chia hai. Bộ máy nhà nước cũng thay đổi và ngày càng tỏ ra lỏng lẻo, bất lực trước sự suy sụp của đất nước và sự xâm nhập từ bên ngoài cho tới ngày nó tan rã, cùng với sự diệt vong của đế quốc Tây La Mã.

Năm 410, thành phố Roma bị người Visigoth, dưới sự chỉ huy của vua Alaric cướp phá, Đế quốc Tây La Mã bị bao vây nhưng vẫn tồn tại cho đến năm 476, khi Odoacer thành lập một vương quốc của người Goth với thủ phủ là Rome. Tiếp theo là những thế kỷ hỗn loạn mà chỉ có quyền lực của Giáo hoàng mới phần nào mang lại ổn định. Vào đầu Trung đại, Italia liên tiếp bị người Byzantine, Lombard, Frank, Arập và German xâm nhập và sau đó đến lượt người Norman tiến công Italia. Các Giáo hoàng cố gắng củng cố vị trí của mình tại Roma. Năm 443, quyền tối cao của Tổng giám mục Roma ở Nhà thờ phương Tây được xác lập, tuy nhiên trong 100 năm tiếp theo, các Giáo hoàng vẫn phải đấu tranh để duy trì địa vị của mình trong Nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã và để giữ quyền thế tục ở miền Trung Italia. Bên ngoài nhà nước của Giáo hoàng, nước Italia bị chia thành các lãnh thổ nhỏ. Các địa phương nổi lên cát cứ ngày càng nhiều. Nhiều hoàng đế tự xưng xuất hiện, do vậy mà lịch sử gọi giai đoạn này là giai đoạn "ba mươi bạo chúa". Đế quốc bị chia năm xẻ bảy: Vùng Gaule, Tây Ban Nha, Germani, Bretagne tách ra dựng lên hoàng đế với một bộ máy nhà nước riêng, tồn tại 15 năm. Vùng Syria, Tiểu Á, Ai Cập thành lập một vương quốc với tên gọi Palmyr.

Năm 800, vua của người Frank là Charlemagne chinh phục Italia và được Giáo hoàng phong làm Hoàng đế La Mã. Các Hoàng đế kế tiếp Charlemagne cố gắng duy trì quyền lực của mình ở Italia, nhưng việc làm đó chỉ làm kéo dài thêm xung đột giữa họ với các thành phố ngày càng trở nên hùng mạnh và độc lập của Italia (như Milano), và với các Giáo hoàng kiên quyết khẳng định quyền tự do của nhà thờ. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII, tranh chấp giữa các Giáo hoàng và hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần Thánh là hiện tượng phổ biến và ảnh hưởng của các tranh chấp này dội đi khắp nước. Đến cuối thế kỷ XIII, Tây Ban Nha thiết lập quyền cai trị tại Sicilia và Napoli. Cũng trong thời kỳ này, một số thành phố quan trọng, tồn tại như những nhà nước độc lập nhỏ như Milano, Firenze, Genoa và Venezia phát triển ở phía bắc. Các thành phố - nhà nước này có các chính phủ cộng hòa, có thương mại phát triển và có nền nghệ thuật rực rỡ, bất chấp ảnh hưởng của sự phân hóa giai cấp, chủ nghĩa bè phái và các

cuộc chiến tranh thường xuyên với các nước láng giềng. Các nước cộng hòa Venezia và Genoa có lực lượng hàng hải hùng mạnh đi chinh phục nhiều nơi và có các thuộc địa ở Hy Lạp, Síp và vùng biển Adriatic.

Vào cuối thời Trung đại, nhiều thành phố bị các gia tộc có thế lực ở địa phương khống chế chẳng hạn gia tộc Visconti ở Milano, Goza-ga ở Mantua, Este ở Ferrara và Modena. Các gia tộc tự cho mình có quyền cai trị thế tập và nổi tiếng nhất là gia tộc Medicis, đã tiếp quản thành phố Firenze, và đã trở thành Đại quận công vùng Toscan. Mặt khác các gia đình quận công lại chính là những người bảo trợ lớn của nghệ thuật, tạo nên sự cạnh tranh của các trung tâm văn hóa, là điều kiện thuận lợi thúc đẩy các nhà điêu khắc, nhà văn, nghệ sĩ và kiến trúc sư sáng tạo. Do vậy, trong thời kỳ Phục hưng, Italia trở thành trung tâm nghệ thuật của Tây Âu. Riêng nước Cộng hòa Venezia đã chống lại xu hướng thành lập các triều đình quận công và trở thành một lực lượng thương mại hùng hậu ở Địa Trung Hải.

Sự chuyển hóa thời Phục Hưng ở Roma diễn ra chậm hơn so với ở Firenze và Venezia. Song, do nhiều di sản cổ đại còn lại và do chủ trương của Giáo hoàng sau khi trở về Roma vào năm 1420 muốn củng cố vị thế và muốn xây dựng Roma thành thủ đô của giáo hội Thiên chúa giáo nên công cuộc cải tạo Roma lại có quy mô lớn hơn so với các thành phố khác. Bên cạnh vai trò chủ yếu của giáo hội, chính quyền và tầng lớp thị dân giàu có cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo Roma, biến nó thành một đô thị trung tâm của thế giới đương thời.

Công cuộc cải tạo Roma tập trung chủ yếu ở khu vực Tòa thánh Vatican, khu vực đồi Capitolium, các tuyến phố mới, khu vực Campus Martius và khu vực các ngọn đồi nổi tiếng khác. Trong thế kỷ XV - XVI, Roma thực sự trở thành một công trường xây dựng lớn, thu hút đông đảo các nghệ sĩ, kiến trúc sư tiêu biểu và tài năng nhất của thời kỳ Phục Hưng Italia. Đến từ nhiều vùng khác nhau, mang theo nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình sáng tạo, các nghệ sĩ Phục Hưng thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau, bằng những cống hiến nghệ thuật của mình đã làm sống lại bộ mặt kiến trúc đô thị của Roma một thời vàng son.

Những nỗ lực của các thế hệ giáo hoàng và kiến trúc sư trong suốt thế kỷ XV và nửa đầu thế kỷ XVI theo tinh thần Phục Hưng đã khôi

phục một phần diện mạo của thành phố Roma cổ đại và bổ sung những tổng thể kiến trúc đô thị mới theo phong cách Phục Hưng. Roma trở thành một thành phố "bảo tàng" tập trung nhiều loại hình với nhiều phong cách kiến trúc cổ đại, trung đại và Phục Hưng cùng song song tồn tại.

Vào cuối thế kỷ XV, Pháp xâm lược miền Bắc Italia và sau cuộc chiến tranh giành quyền lực ác liệt giữa các vua dòng họ Valois của Pháp và các ông vua dòng họ Hapsburg, Hoàng đế Charles V của dòng họ Hapsburg giành được phần lớn đất đai ở Italia. Khi đế quốc của Charles V được phân chia giữa nhánh tộc Hapsburg ở Áo và nhánh tộc Hapsburg ở Tây Ban Nha thì phần lớn Italia được chuyển nhánh ở Áo (1556). Cuộc rút lui của Pháp khỏi miền Bắc Italia diễn ra đồng thời với sự trỗi dậy của các thủ lĩnh vùng Piedmont-Savoy, những người mà sau năm 1720 đã trở thành các vua của vương quốc Sardinia (khi đó gồm đảo Sardinia và vùng tây bắc Italia). Trong thế kỷ XVII, XVIII, khi một số quốc gia châu Âu hoặc đã chịu tác động của trào lưu Khai sáng, hoặc đã có chính phủ hữu hiệu thì phần lớn các nhà nước ở Italia vẫn còn phát triển chậm. Vương quốc Napolia ở miền Nam (do dòng họ Bourbon của Tây Ban Nha cai quản) và các nhà nước của Giáo hoàng ở miền trung Italia lại có các chính phủ ở tình trạng yếu kém.

Từ đầu thế kỷ XVI, Roma được tô điểm thêm bởi các tòa nhà và những quần thể được bổ sung theo ý tưởng của Giáo hoàng, tái tạo sự hùng vĩ của Roma cổ đại. Việc xây dựng thời Phục Hưng được bắt đầu ở gần Vatican và bên kia sông Tibre, phát triển đến quảng trường Navona và đến Capitolium. Tại Vatican đã xây dựng nhà thờ lớn Thánh Peter đồ sộ vào năm 1506 - 1614. Mái vòm của nhà thờ này đã trở thành điểm nhấn kiến trúc chính trong toàn cảnh Roma. Trung tâm kinh doanh buôn bán của Roma thời Phục Hưng được bố trí gần cầu San Angelo, nơi mà trong thập niên 1540 đã định lập bố cục đường phố 3 tia xuất phát từ quảng trường San Celso. Trong số những công trình xây dựng thời Phục Hưng ở Roma có: lâu đài Venezia theo thiết kế của L. B. Alberti và B. Rossellino, Cancelleria (dinh Đại pháp quan), lâu đài Farnèse, lâu đài Vidoni - Caffarelli; các biệt thự của Farnezin, của Madam; các nhà thờ San Pietro ở Montorio, Santa Maria del Anima, Sant Eligio delli Orefici.

THƯ VIỆN HUẾT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cuối thế kỷ XVI, khi Giáo hoàng Sixte V (Sixte Quint) trị vì (1585 - 1590) đã triển khai một chương trình cải tạo Roma một cách mạnh

dạn và trên quy mô lớn. Là người nhiều tham vọng, lại đam mê kiến trúc và xây dựng, muốn thông qua các công trình kiến trúc đề cao vai trò thống trị của giáo hội, Sixte V đã mời các kiến trúc sư nổi tiếng như Gian Lorenze Bernini và Domenico Fontana đến Roma để thực hiện ý tưởng của mình. Với mong muốn Roma nhanh chóng trở thành một thành phố lớn và hiện đại, trong đó kiến trúc Cơ Đốc giáo phải vượt trội so với kiến trúc cổ đại, Giáo hoàng Sixte V đã tiến hành nhiều công việc xây dựng trước tiên ở Vatican và sau đó ở nhiều nơi khác. Kết quả là hình thái đô thị của Roma ở thế kỷ XVII có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước đó. Kiến trúc cổ đại còn lại kết hợp với các tổng thể kiến trúc mới theo phong cách Phục Hưng.

Công cuộc quy hoạch và xây dựng trong những thế kỷ XVII - XVIII thuộc về quần thể quảng trường Capitolium do Michelangelo tạo ra gần với quảng trường Roma. Đây là trung tâm thế tục mới của thành phố thể hiện khát vọng nhấn mạnh mối quan hệ của thủ đô Giáo hoàng với Roma Cổ đại (bao gồm các lâu đài đã được Michelangelo xây lại như Palazzo dei Senatori, Palazzo dei Conservatori, tòa nhà chính của Viện bảo tàng Capitolium, cũng như pho tượng Marcus Aurelius cưỡi ngựa bằng đồng. Dưới thời Sixtin V (1585 - 90) đã xây dựng những đường phố thẳng nối liền các bazilica quan trọng nhất của đạo Cơ Đốc Sơ kỳ và các khu vực của thành phố thành một hệ thống thống nhất. Những quần thể chủ yếu theo phong cách Baroco có: Quảng trường Nhân dân với cột bia Cổ Hy Lạp tại giao điểm của các đường trục Thánh Peter, quảng trường Navona và quảng trường Tây Ban Nha. Trong số những di tích kiến trúc phong cách Baroco có: các lâu đài Quirinalus, Maderna, Bernini, Laterano, Borghese, Barbernini, Falcogneri, Doria - Pamfili, các biệt thự của Borghese... các nhà thờ Jésus, San Luigi dei Frances, San Andrea della Valle, San Carlos alle Quatro Fontana và San Ivo alla Sapienza, San Andrea al Quirinalus. Những lâu đài lộng lẫy, các công viên và những nhà thờ bất ngờ mở ra các quảng trường và những sân bãi ngắm cảnh, các điểm nhấn bố cục không gian dưới dạng những cầu thang, các cột bia, những đài phun nước và các tác phẩm điêu khắc trang trí làm cho kiến trúc theo phong cách Barocco cũng đã xác định khá rõ bộ mặt của trung tâm thành phố đương đại được tiếp nhận nồng nhiệt và đầy hấp dẫn.

THƯ VIỆN HUPT



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. *Quảng trường Apolo*
2. *Quảng trường Tây Ban Nha*
3. *Quảng trường Capitolium*
4. *Quảng trường Navona*
5. *Quảng trường Senpiedio*
6. *Vatican*
7. *Pháo đài*

Mặt bằng thành phố Roma thế kỷ XVIII

Trong thời kỳ cuộc Cách mạng Pháp, Napoleon đã sáp nhập một phần bán đảo Italia và xác định lại biên giới. Trật tự cũ của Italia về cơ bản đã được khôi phục lại tại Hội nghị Vienne năm 1815, theo đó ở miền Bắc Italia có vương quốc Sardinia, các tỉnh vùng Lombardy - Venetia thuộc Áo, ở miền Nam có hai vương quốc Sicilia (Napoli), còn ở trung tâm Italia là các nhà nước của Giáo hoàng và các công quốc nhỏ. Tuy nhiên, Napoleon cũng đã kịp lập ra vương quốc Italia với thủ đô tại Milano. Những ký ức về nhà nước ngắn ngủi này, cũng như về hiệu quả các cải cách của Napoleon vẫn còn lưu lại. Trong các năm 1830 và 1848 đã nổ ra các cuộc bạo động chống lại chính quyền già cỗi, bảo thủ nhưng bị Pháp, Áo và Tây Ban Nha bóp nghẹt. Chính quyền Áo kiểm soát vùng Lombardy - Venetia và một số công quốc khác, do đó đã không thể có các cải cách ở miền Bắc, trong khi đó thì dòng họ Bourbon nắm chắc miền Nam. Các hoạt động chính trị đóng khung trong các hội kín và các hành động bạo lực vẫn thường xuyên nổ ra.

Công cuộc cải cách và thống nhất Italia đã diễn ra thành công dưới thời vua Victor của vương quốc Sardinia (trị vì từ 1849 đến 1871) và thủ tướng của ông là bá tước Camillo di Cavour (1810 - 1861). Họ đã nắm lấy cơ hội để xúc tiến quá trình thống nhất đất nước với sự giúp đỡ của Pháp. Giuseppe Garibaldi (1807 - 1882), lãnh tụ của phong trào du kích theo chủ nghĩa dân tộc, đã giải phóng Napoli và khu vực Sicilia khỏi ách cai trị của dòng họ Bourbon và nhập các vùng này vào nước Italia mới. Vương quốc Italia (gồm phần lớn bán đảo Italia) tuyên bố thành lập vào tháng Ba năm 1861. Đến các năm 1866 và 1870, Venetia và Roma cũng sát nhập vào nước Italia mới.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Với việc biến Roma thành thủ đô nước Italia vào năm 1871, thành phố đã phát triển nhanh chóng. Đã xây dựng nhiều nhà cho thuê ở khu Prat gần Vatican, khu Đông và khu Đông - Nam. Đa số các biệt thự đã nằm trong ranh giới thành phố, nhiều công viên ở đây trở thành các công viên công cộng. Theo Quy hoạch chung năm 1873 đã làm những con đường huyết mạch mới (Corso Vittorio Emanuel, Via Nazionale), đã xây dựng rất nhiều nhà và quần thể theo kiến trúc chiết trung rất lộng lẫy như tượng đài Victor Emmanuel II. Trung tâm công cộng của Roma được chuyển đến Piazza Colonna.

Trong thập niên 1930 lại có ý đồ đưa Roma trở lại "sự vĩ đại của đế chế" với việc xây dựng tổ hợp "Triển lãm Quốc tế EUR" (được dự

kiến nhưng đã không diễn ra) đã mở những con đường trục mới (Via dei Fori Imperiali, Via di Conciliazione), do đó các ô phố có giá trị lịch sử (khu Borgo) đã bị phá dỡ. Những công trình xây dựng trong thập niên 1930 đã được giải quyết theo phong cách Tân - Cổ điển như tổ hợp công trình Thể thao Foro Italico.

Sau cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ II (1939 - 45), lãnh thổ thành phố Roma đã được mở rộng về tất cả các hướng. Vào dịp chuẩn bị cho Thế vận hội Olympia 1960, con đường trục Via Olympica (nối liền Foro Italico với khu EUR) đã được xây dựng cũng như đoạn phía Đông và phía Nam của xa lộ vành đai, một loạt đường hầm và những nút giao thông khác cốt đã phần nào tạo điều kiện dễ dàng cho việc giải quyết các vấn đề giao thông. Nhiều cố gắng bảo tồn khu phố cổ như dạng ban đầu, ở đây chỉ xây dựng một số công trình có quan hệ hữu cơ với môi trường lịch sử chung quanh như nhà ga Termini, tòa Đại sứ quán Anh. Đặc biệt nổi bật có những công trình của KTS - KS P. L. Nervi: Cung Thể thao (1958 - 60, cùng với KTS M. Piacentini), Làng Olympiad (hoàn thành năm 1960 cùng với Palazzelto), Cung Thể thao nhỏ (1957, KTS A. Vitellozzi) và sân vận động Flaminio. Công cuộc xây dựng mới được phát triển chủ yếu ở ngoại vi. Trong các thập niên 1960 - 70 khu EUR đã biến thành trung tâm doanh nghiệp lớn của Roma đang phát triển tiếp về phía Tây - Nam.

Khởi đầu là vai trò một thủ đô tôn giáo, các Giáo hoàng thời Phục hưng đã để lại một số công trình xây dựng lớn, chủ yếu tập trung ở Vatican và vùng phụ cận. Mãi đến cuối thế kỷ XIX, khi Roma trở thành thủ đô của nước Italia thống nhất, mới được phát triển mạnh mẽ. Do uy tín của tòa Thánh ở Roma mà địa vị Thủ đô tôn giáo của Đạo Giatô được đề cao. Roma ngày nay là một thành phố đất rộng (1.508km2 kể cả vùng ngoại ô) và dân cư chưa đông lắm (khoảng 3 triệu người) như nhiều thành phố lớn trên thế giới. Trung tâm thành phố ứng với vùng Roma cổ được chia thành 22 ryông, ngoại ô gồm 35 quartieri và 3 suburbi đang trong quá trình đô thị hóa; ngoài ra còn có Agro Rômano (nông thôn Roma) trước kia là bùn lầy và chỉ mới được cải tạo từ khoảng một thế kỷ nay. Trong thành phố có hai vùng đất có quy chế đặc biệt: Vatican được coi như một quốc gia riêng, và khu vực Triển lãm Quốc tế của Roma (Esposizione Universale di Roma) có tư cách hành chính độc lập với thành phố.

**** Mọi con đường đều dẫn đến Roma:***

La Mã đi chinh chiến mở rộng lãnh thổ là vào thời kỳ Đế quốc, La Mã đã cai quản cả một khu vực có số dân 71.000.000 người, trong đó có 7.000.000 người thuộc bán đảo Italia (riêng thành Roma là 1.000.000 người), 23.000.000 người thuộc phần đất châu Âu, 10.000.000 người thuộc Ai Cập, 6.000.000 người thuộc châu Phi và 25.000.000 người thuộc phần đất châu Á. Đặt ách thống trị trên toàn bộ lãnh thổ rộng lớn chiếm đoạt được và bằng chính sách buộc các thuộc địa cống nạp nhân lực và tài lực, La Mã đã trở thành đế quốc hùng mạnh nhất thế giới cổ đại. Trong bối cảnh ấy, các đô thị của đế quốc La Mã có điều kiện phát triển sầm uất, đặc biệt là hai loại đô thị cơ bản: đô thị thủ đô là trung tâm quyền lực của đế quốc và đô thị đồn trú tại các thuộc địa của La Mã. Tại các đô thị, người La Mã luôn có ý thức thông qua kiến trúc để thể hiện sức mạnh về mọi mặt của mình, đồng thời không ngừng tạo ra những con đường phục vụ cho phát triển thương mại và bành trướng thuộc địa. Các con đường huyết mạch phục vụ tốt mọi hoạt động vào thời bình và cũng là phương tiện tốt cho các cuộc chinh phục mới. Đội quân chiến thắng vừa làm công việc xây dựng vừa chiến đấu, họ kiến tạo các con đường mới cho các thương nhân để rồi khi cần lại bỏ việc buôn bán mà đi theo các quân đoàn, trở thành lực lượng hậu thuẫn sau lưng Hoàng đế Caesar trong công cuộc đi chinh phục tiếp các vùng lãnh thổ còn chưa xác định ranh giới.

Vào đầu công nguyên khi quyền lực của La Mã ở đỉnh cao (vào thời trị vì của Hoàng đế Trajan), hai mươi ba con đường đã được thiết lập từ cột mốc xuất phát ở Roma, cột mốc được mạ vàng đã là tâm điểm của một hệ thống đường dài tới 90.000km trên toàn lãnh thổ của đế chế. Về phía Bắc, hệ thống đường đi qua Lombardy, xứ Gaul và nước Anh, đến tận biên giới Scotland, phía Đông đi qua vùng đất Hà Lan, phía Nam tới Tây Ban Nha, tiếp đó còn đi dọc theo bờ biển Địa Trung Hải đến Ai Cập, đi theo biên giới Palestine rồi phân nhánh đến Byzantium, Smyrna, Persia (thuộc Iran ngày nay) và tới Ấn Độ Dương, về phía Tây còn đi xa hơn đến eo biển Bospho qua Hy Lạp, Hunggari và bờ biển Dalmatia rồi đến tận biên giới nước Đức. Ở nhiều nơi còn được phân nhánh, làm thành một hệ thống các con đường cấp hai đi đến các trung tâm ở nhiều nước, nhiều tỉnh và thị trấn cũng như tới các địa điểm đồn trú.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những con đường đầu tiên của người La Mã có thể là đường Appia xây dựng vào năm 300 tCn và được đặt tên của người lập ra nó là Appius Claudius Caecus. Tuyến đường được nối dài và tu bổ nhiều lần đã trở thành một huyết lộ quan trọng của đế quốc La Mã, là con đường các đội quân La Mã đi đánh chiếm châu Phi và sau đó là đường để các gia súc và hàng hóa được chuyên chở về trung tâm đế quốc. Các con đường sau đó còn được đắp thêm lề, liên tục tu bổ dưới triều Nero, Augustus ở nhiều thế kỷ sau.

Đường Appia vào Roma qua một cái cổng đồ sộ có tên Porta Capena, hai con đường quan trọng khác cũng xuất phát từ Roma là Via Latina (đi về Đông Nam) và Via Salaria (đi lên phía Bắc). Đường Via Latina được đặt tên theo Latium (một vùng cổ ở Italia, tại eo biển Adriatic) và đường Via Salina đặt tên theo loại muối lấy từ biển Adriatic gần dãy núi Sabine. Với việc đánh bại Carthage, người La Mã đã xây dựng các con đường Via Emilia, Via Flaminia và Via Claudia dẫn đến thung lũng sông Po, rồi từ đây đi ngang qua dãy núi Alps. Vào năm 146 tCn, các con đường "quốc tế" của La Mã được xây dựng như đường Via Egnatia nối dài nhánh Bắc của đường Appia đi ngang qua Dyrrachium (Durazzo, vùng cổ Albanie) đến Thessalonika và Hebras (vùng cổ Hy Lạp). Đường Via Egnatia đi về phía Đông, cũng chính trên đường này Cirero bị đi đày và tướng La Mã Pompei tìm cách chạy trốn đến châu Á.

Năm 123 tCn, Caius Gracchus phụ trách hoàn tất hệ thống đường sá khắp bán đảo từ Capua (thị xã Tây Nam Italia) đến Messina (hải cảng tại đảo Sicilia) bằng cách nối dài đường Appia và nối đảo Sicilia với đất liền. Cuối cùng, để hoàn tất hai con đường Via Aurelia và Via Domitia ở phía Bắc, ông đã nối dài đường Via Domitia dọc theo bờ biển Địa Trung Hải thuộc xứ Gaul cổ, ngang qua dãy núi Pyrénée và đi ngang qua Tây Ban Nha đến tận vùng cảng Cadiz. Domitia là con đường đi đến các mỏ đồng tại Rio Tinto, mỏ thủy ngân và sulfur thủy ngân tại Almadén. Hệ thống đường sá tại xứ Gaul nối với đường Appia tại Nime và Lyon (Pháp) đi ngang qua thung lũng sông Rhône. Lyon đã từng là thủ đô của xứ Gaul cổ và là điểm hội tụ của con đường dẫn tới nước Anh (qua Luteria), đến cửa sông Rhône, Brittany, Aquitaine (Bordeaux) và còn dẫn đến cả phía Bắc Italia qua Besançon và Appennines.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Hệ thống đường sá đầu tiên tại xứ Gaul là công trình của Agrippa (con rể Hoàng đế Augustus), hệ thống mở rộng bằng các đường cấp

hai trải dài về phía Bắc và phía Tây để tiếp nhận hàng hóa của nước Anh chủ yếu là thiếc để sản xuất hợp kim đồng. Sau cùng Trajan nối liền khu vực phía Đông của hệ thống đường sá xứ Gaul với Strasbourg (Pháp) và với các con đường trong khu vực sông Rhine. Đó cũng là xuất phát điểm các con đường biên giới xứ Pannonia (Hungari) dọc theo sông Danube đến tận Rumani và Hắc Hải.

Vào năm 42, Tiberius đã xây dựng con đường thứ hai tại Tây Ban Nha nối liền đường Domitia tiến về phía bờ biển châu Phi và đến đất Ai Cập.

Các con đường tại nước Đức và khu vực trung tâm châu Âu nối liền với hệ thống đường sá của La Mã mang tính chất chiến lược nối liền các pháo đài đặt rải rác dọc các thung lũng sông Rhine và sông Danube, rồi còn được nối dài thành hệ thống phòng thủ dẫn đến châu Á qua Palestine và Ả Rập. Ở Tiểu Á có hai con đường đi ngang qua, bắt đầu từ Byzantium và Ephesus, gặp nhau tại Khorsabad rồi kết hợp thành một đi tới Persia (Iran), xuất phát điểm của các con đường châu Á. Công cuộc xây dựng đường sá rộng lớn kéo dài suốt sáu trăm năm (từ 400 tCn đến cuối thế kỷ thứ II sCn). Sau này các con đường đó đã trở thành hành trình của các tông đồ Thiên chúa giáo và của Hung Nô.

Mạng lưới đường La Mã gồm ba cấp đường: Các con đường huyết mạch là những đường xương sống, đảm bảo hỗ trợ các dịch vụ công cộng giữa La Mã và các vùng bị chinh phạt, cũng chính là đường quân sự được quân đội chủ lực sử dụng để chuyển quân; Đường bậc hai là các nhánh nối với đường huyết mạch, gắn kết các thị xã, các trung tâm hành chính, các khu nghỉ hoặc các khu chợ; Đường bậc ba là các con đường nhỏ nối liền các thị xã nhỏ, các làng xã, các nông trại và các đội quân nhỏ.

Kỹ thuật làm đường khởi đầu bằng việc đào đất làm nền đường ở một độ sâu đáng kể (thường là đào đến chỗ có nền đá), nện chặt và phủ lên một lớp cát hoặc vữa, tiếp đến là bốn lớp vật liệu khác nhau được xếp lên nhau tới độ cao khoảng 0,9 đến I,2m, vật liệu được lấy từ các núi đá và được sắp xếp theo các lớp như sau: Dưới đáy là các lớp đá phẳng dày 30 - 60cm được dính kết với nhau bằng vữa hoặc đất sét. Tiếp đến là một lớp dày khoảng 23cm gồm đá cuội nhỏ, đá vụn, gạch vụn nén chặt; sau đó là một hợp chất vôi và cát rải thành các lớp 15 - 45cm cũng được nén chặt; sau cùng, một lớp từ

THƯ VIỆN HUBT

13 - 30cm sỏi hoặc đá lát đường có kích thước khá lớn đặt sát nhau. Mặt đường hơi lồi để nước có thể thoát dễ dàng xuống các rãnh hai bên đường.

Bề rộng của đường được xác định theo sắc lệnh của Hoàng đế Augustus, thay đổi tùy tính chất quan trọng của đường, thường là 12m đến 18m ở vùng ngoại vi của các thành phố lớn, đường bậc hai rộng 2,7 - 6,6m và đường bậc ba 1,4 - 2,7m. Đối với các con đường huyết mạch, bề rộng bao gồm cả hai lề đường bằng một nửa của lằn xe. Những lề đường này có thể được nâng cao tùy từng quãng bằng cách xếp thêm các lớp đá để thuận tiện cho các kỵ sĩ. Nhiều khai quật khảo cổ học thực hiện trên các con đường La Mã đều cho thấy chất lượng và cấu trúc khá đồng nhất, chỉ thay đổi bề sâu và loại vật liệu. Loại sắt rỉ được sử dụng tại các con đường gần mỏ sắt, đá ba-dan được dùng ở Syrie, nham thạch sử dụng tại các vùng núi lửa, các mảnh vụn hoặc tấm đá cẩm thạch cũng được sử dụng ở một vài đoạn của đường Appia gần Roma.

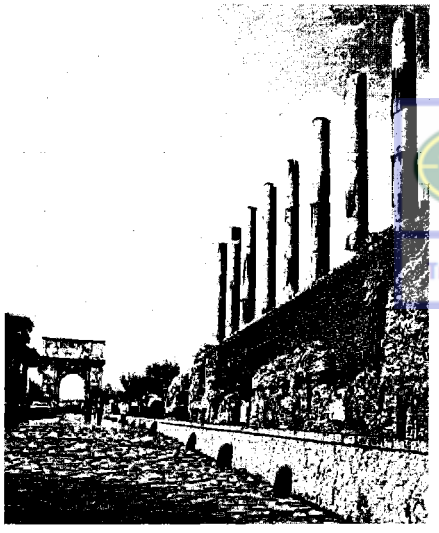
Cùng với đường là những chiếc cầu La Mã mà đến nay người ta vẫn khâm phục tay nghề cao của những người xây dựng. Cầu Aelius (cầu St. Angelo) bắc qua sông Tibre tại Roma bởi hoàng đế Hadrian, với các trụ cầu ăn sâu dưới lòng đất 4,5m. Tại Tây Ban Nha có nhiều cầu cổ và đẹp ở Cordoba, Merida, Alcantara, cây cầu tại Alcantara được xây bằng các khối đá không dùng xi măng mà được kết nối bằng các kẹp sắt lớn và hàn bằng chì. Chiếc cầu tại Salamanca có một nhịp dài 675m được đỡ bằng hai mươi bảy vòm cung mỗi chiếc rộng 6m. Tại Pháp có các cầu tại Argens, Arles và Saint Chamas. Cầu tại Saint Chamas được trang hoàng hai đầu bằng hai cổng chiến thắng hình vòm, cầu máng vùng Gard có tới 17 vòm cung.

THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

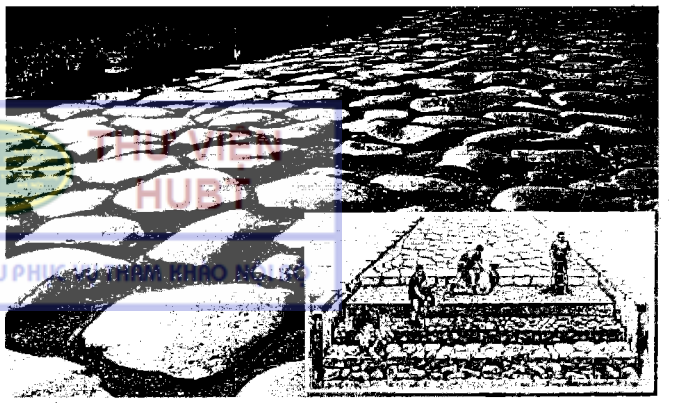
Tại vùng đồi núi, nhiều đường phải chui qua các đường hầm như ở Dauphine có đường hầm Porte de Bons, tại Italia có đường chạy ngầm nối liền Napoli với Pozzuoli, đó là đường hầm trên đường Flaminia đi qua dãy núi Apennines dài 300m. Tại Monte San Angelo có đường hầm dài 37,5m cũng nối với con đường Appia, còn tại Thụy Sỹ có con đường hầm nổi tiếng Hagdek gần Soleure dài 7509m đi qua đáy sông Aar.



Bản đồ đế quốc La Mã (thế kỷ II sCn)
(trích sách "Rome đế quốc hùng mạnh nhất",
tg. Nigel Rodgers, biên dịch: Hàn Thị Thu Vân)

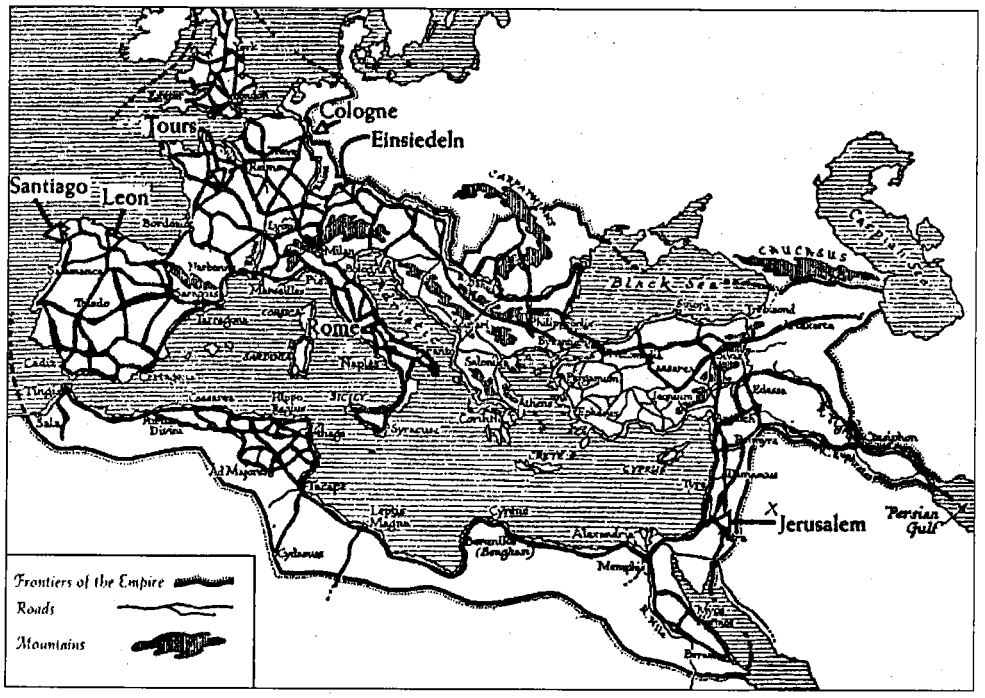


Tuyến "Đường Thiêng" Via Sacra



Các tuyến đường La Mã

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ CHO NHÀ KHOA HỌC



Những con đường chính trên đế quốc La Mã



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Địa bàn của đế quốc La Mã

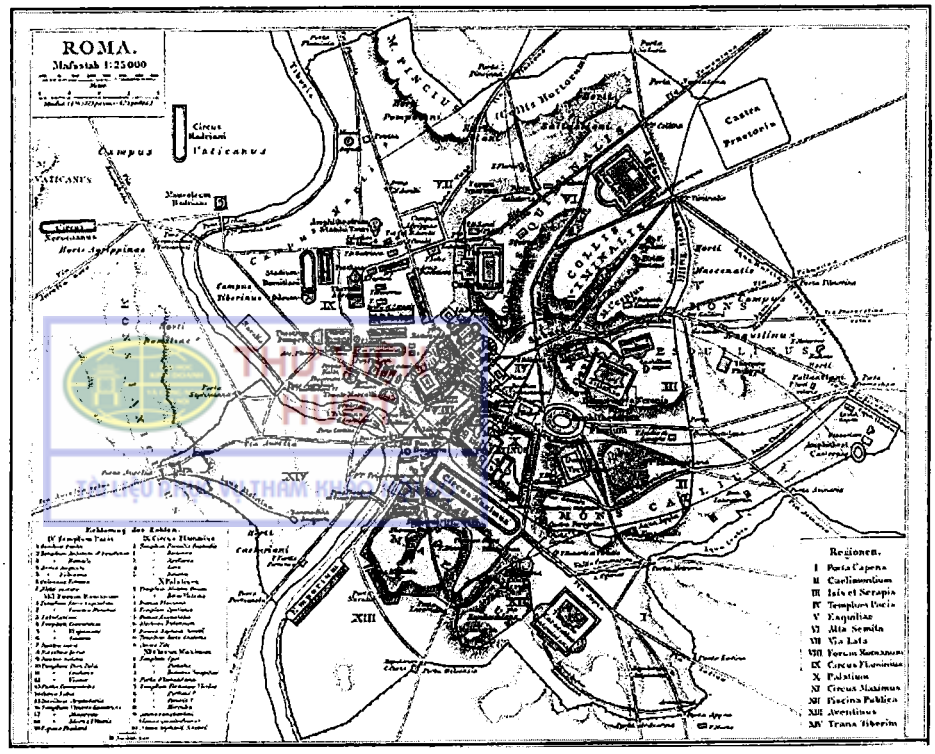
ROMA - MỘT SỐ DỮ LIỆU

* Nhân khẩu

Năm	Dân số
350 TCN	30,000
250 TCN	150,000
44 TCN	1,000,000
120	1,000,000
330	800,000
410	700 - 800,000
530	90 - 150,000
650	70,000
1000	20,000
1400	20,000
1526	50,000 - 60,000
1528	20,000
1600	100,000
1750	156,000
1800	163,000
1820	139,900
1850	175,000
1853	175,800
1858	182,600
1861	194,500
1871	212,432
1881	273,952
1901	422,411
1911	518,917

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Năm	Dân số
1921	660,235
1931	930,926
1936	1,150,589
1951	1,651,754
1961	2,188,160
1971	2,781,993
1981	2,840,259
1991	2,775,250
2001	2,663,182
2009	2,726,927



Bản đồ miêu tả hậu kỳ Roma cổ đại

*** Giao thông**

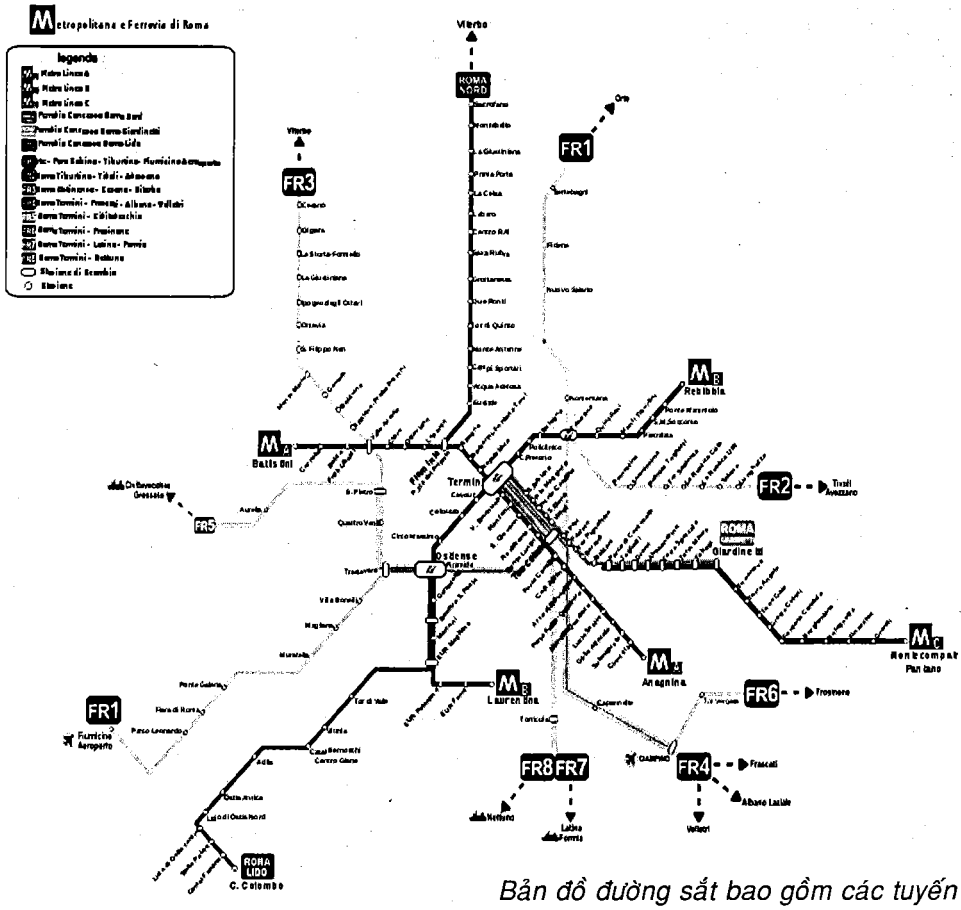
Roma là trung tâm của mạng lưới đường hướng tâm chạy theo những con đường nhấp nhô có từ thời La Mã cổ đại, bắt đầu từ ngọn đồi Capitoline và nối liền Roma với đế chế La Mã. Vòng quanh Roma ngày nay ở khoảng cách khoảng 10km (6 dặm) là tuyến đường vòng cung (Grande Raccordo Anulare hoặc GRA).

Do vị trí nằm ở trung tâm bán đảo Italia, Roma là một nút đường sắt chủ yếu cho các khu trung tâm tại Italia. Nhà ga chính của Roma, Termini, là một trong những nhà ga lớn nhất ở châu Âu và có lưu lượng khách sử dụng nhiều nhất ở Italia, với khoảng 400.000 hành khách được chuyên chở mỗi ngày. Nhà ga lớn thứ hai trong thành phố là nhà ga Roma Tiburtina, hiện đang được tái phát triển thành một trạm đường sắt cao tốc.

Có ba sân bay phục vụ tại Roma. Sân bay quốc tế liên lục địa Leonardo Da Vinci là sân bay chính của Italia và thường được gọi là "Sân bay Fiumicino", vì nó nằm trong comune Fiumicino gần phía Tây Nam của Roma. Sân bay thứ hai là Ciampino Roma, trước đây là một sân bay dân sự và quân sự kết hợp, thường được gọi là "Sân bay Ciampino" vì nó nằm bên cạnh Ciampino về phía Đông Nam Roma. Sân bay thứ ba là Roma-Urbe, một sân bay nhỏ có lưu lượng thấp nằm cách khoảng 6 km về phía Bắc trung tâm thành phố, dành riêng phục vụ cho hầu hết máy bay trực thăng và các chuyến bay tư nhân.

Thành phố Roma đang hứng chịu các vấn đề giao thông, chủ yếu là do mô hình đường xuyên tâm đã gây khó khăn cho người dân Roma: nếu muốn di chuyển từ các vùng lân cận của một trong những tuyến đường xuyên tâm đến tuyến đường khác họ phải đi vào trung tâm lịch sử hoặc phải đi đường vòng. Vấn đề này không thể giải quyết do quy mô hệ thống tàu điện ngầm tại Roma bị hạn chế so với các thành phố khác có kích thước tương tự. Ngoài ra, Roma chỉ có 21 xe taxi cho mỗi 10.000 dân, cách biệt xa so với các thành phố lớn ở châu Âu. Nạn tắc nghẽn xe hơi thường xuyên xảy ra trong những năm 1970 và 1980 đã dẫn đến việc hạn chế lưu thông phương tiện vào trung tâm nội thành trong thời điểm ban ngày. Những khu vực áp dụng hạn chế được gọi là Khu Hạn chế Giao thông (Zona a Traffico Limitato - ZTL ở Ý). Gần đây hơn, lượng giao thông tấp nập vào ban đêm ở Trastevere và San Lorenzo đã dẫn đến việc hình thành những khu ZTL đêm ở những vùng đó, ngoài ra còn có kế hoạch lập một khu ZTL đêm ở Testaccio.

THƯ VIỆN HUBT



Bản đồ đường sắt bao gồm các tuyến tàu điện ngầm năm 2011 ở Roma



THƯ VIỆN HUBT

Sân bay Leonardo da Vinci Fiumicino

Một hệ thống tàu điện ngầm 2 tuyến gọi là Metropolitana đã đi vào hoạt động tại Roma. Việc xây dựng nhánh đầu tiên bắt đầu vào những năm 1930. Tuyến đường này đã được lên kế hoạch trước với mục tiêu nhanh chóng kết nối nhà ga chính với khu E42 vừa được quy hoạch ở ngoại ô phía Nam, nơi dự định tổ chức Hội chợ Thế giới 1942. Sự kiện này đã không thể diễn ra vì chiến tranh. Khu vực này sau đó một phần được thiết kế lại và đổi tên thành EUR (Esposizione Universale di Roma: Triển lãm Thế giới Roma) trong những năm 1950 để đóng vai trò như một khu kinh doanh hiện đại. Cuối cùng, tuyến đường đã được mở vào năm 1955 và hiện nay đang là một phần của Tuyến B.

Tuyến A khai trương vào năm 1980, chạy từ Ottaviano đến nhà ga Anagnina, sau đó mở rộng quãng đường đến Battistini (1999 - 2000). Trong những năm 1990, phần mở rộng của Tuyến B đã đi vào hoạt động, chạy từ Termini đến Rebibbia. Mạng lưới ngầm nói chung la đáng tin cậy (mặc dù nó có thể bị tắc nghẽn trong giờ cao điểm và vào dịp có các sự kiện, đặc biệt là Tuyến A) vì độ dài tương đối ngắn. Vào năm 2005, tổng chiều dài của mạng lưới là 38km.

Hai Tuyến A và B hiện tại giao nhau ở nhà ga Roma Termini. Một nhánh mới của Tuyến B (B1) đang được xây dựng với chi phí ước tính là 500 triệu euro, dự kiến khai trương vào năm 2012. B1 sẽ kết nối với B tại Quảng trường Bologna và sẽ có bốn trạm phân bố trong 3,9km. Tuyến C là tuyến thứ ba, đang được xây dựng với chi phí ước tính 3 tỷ euro với 30 trạm trong khoảng cách 25,5km. Tuyến C sẽ thay thế một phần tuyến đường sắt hiện có là Termini-Pantano với đầy đủ tính năng tự động và không người lái. Đoạn đầu dự kiến khánh thành vào năm 2011 và đoạn cuối vào năm 2015, nhưng những phát hiện khảo cổ học thường trì hoãn việc xây dựng ngầm. Tuyến thứ 4 là tuyến D cũng được quy hoạch với dự kiến 22 nhà ga phân bố trên một khoảng cách 20km. Đoạn đầu dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2015 và các phần cuối sẽ hoạt động trước năm 2035.

Giao thông công cộng trên mặt đất tại Roma hình thành bởi mạng lưới xe buýt, xe điện và mạng lưới xe lửa đô thị (các tuyến FR). Mạng lưới xe buýt và xe điện doTrambus S.p.A. điều hành dưới sự bảo trợ của ATAC S.p.A. (viết tắt của Cục vận tải xe bus và xe điện của commune, trong tiếng Ý là Azienda Tranvie ed Autobus del Comune). Mạng lưới xe buýt đó vượt quá 350 tuyến xe buýt và trên 8.000 trạm dừng, trong khi hệ thống xe điện bị giới hạn nhiều hơn,

chỉ có 39 km đường ray và 192 trạm. Ngoài ra cũng có tuyến xe bus điện khai trương vào năm 2005 và các tuyến xe bus điện mở rộng khác cũng đã được quy hoạch.

*** Du lịch**

Roma ngày nay là một trong những điểm đến du lịch quan trọng nhất của thế giới, do sự đa dạng của kho tàng khảo cổ và nghệ thuật, cũng như do những kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao và vô cùng độc đáo. Giá trị nhất ở Roma là số lượng bảo tàng lớn (Bảo tàng Capitolini, Bảo tàng Vatican, Nhà triển lãm Borghese, lưu trữ những gì liên quan đến cả nghệ thuật đương đại và hiện đại cùng rất nhiều những thứ khác), cống dẫn nước, đài phun nước, nhà thờ, cung điện, công trình lịch sử, đài tưởng niệm, di tích của các quảng trường La Mã và các hầm mộ. Roma là thành phố thu hút khách du lịch đứng thứ ba tại Liên minh Châu Âu, chỉ xếp sau London và Paris, với lượng du khách một năm trung bình 7-10 triệu người, mà đôi khi tăng gấp đôi vào năm Thánh. Theo một nghiên cứu gần đây, đấu trường La Mã (4 triệu du khách) và Bảo tàng Vatican (4,2 triệu du khách) lần lượt đứng thứ 39 và 37 trong bảng xếp hạng những nơi được viếng thăm nhiều nhất trên thế giới.

Roma là một trung tâm khảo cổ học lớn và là một trong những trung tâm quan trọng nhất về nghiên cứu khảo cổ học của thế giới. Có rất nhiều viện nghiên cứu và viện văn hóa nằm rải rác trong thành phố, chẳng hạn như Viện Hàn lâm Hoa Kỳ tại Roma, Viện Thụy Điển tại Roma và một vài cơ quan khác. Roma tồn tại rất nhiều di tích cổ đại, bao gồm các Forum Roma, Chợ Trajan, Hội trường Trajan, Đấu trường Colosseo, đền Pantheon. Đấu trường Colosseo được đánh giá là một trong những di tích khảo cổ tiêu biểu nhất của Roma và là một kỳ quan thế giới.

THƯ VIỆN HUBT

Roma là một bảo tàng lưu trữ lớn và đầy ấn tượng về các lĩnh vực nghệ thuật, điêu khắc, đài phun nước, khảm trang trí ghép mảnh (mosaic), tranh tường và tranh vẽ từ tất cả các giai đoạn khác nhau trong lịch sử. Roma đã trở thành một trung tâm nghệ thuật từ thời La Mã cổ đại, với các hình thức nghệ thuật La Mã quan trọng như kiến trúc, hội họa, điêu khắc và khảm mosaic, rèn kim loại, ... Roma sau này trở thành một trung tâm nghệ thuật Phục hưng chính, từ khi các giáo hoàng dành khoản tiền lớn cho các công trình xây dựng hoàng cung hùng vĩ, cung điện, quảng trường và công trình công

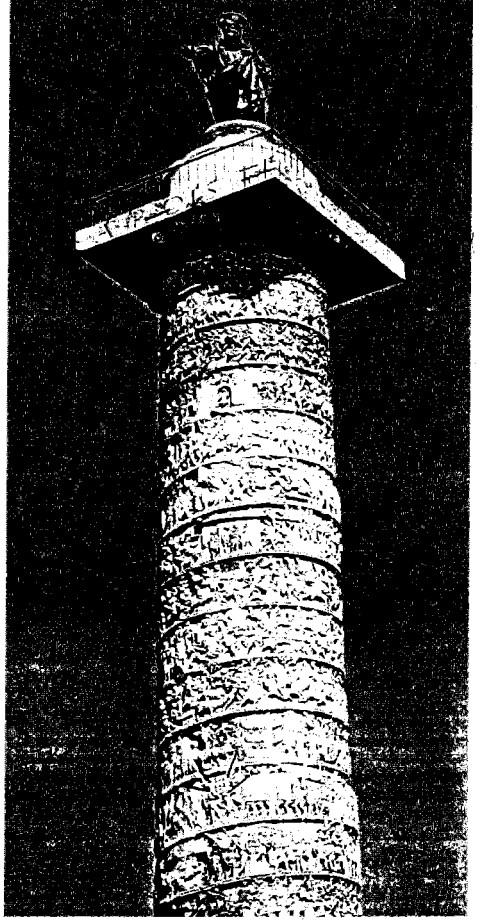
cộng nói chung. Rome trở thành một trong những trung tâm tác phẩm nghệ thuật Phục hưng lớn của châu Âu, chỉ đứng sau Florence, và có thể so sánh với các thành phố lớn và các trung tâm văn hóa khác như Paris và Venice. Thành phố đã chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi phong trào baroque và trở thành quê hương của nhiều nghệ sĩ và kiến trúc sư, chẳng hạn như Bernini, Caravaggio, Carracci, Borromini, Cortona và một vài tên tuổi khác. Cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, thành phố là một trong những trung tâm của Grand Tour - một hình thức du lịch truyền thống ở châu Âu - khi mà những người giàu có, quý tộc trẻ Anh và châu Âu đến thăm thành phố để tìm hiểu về văn hóa, nghệ thuật, triết học và kiến trúc La Mã cổ đại. Roma là nơi có nhiều nghệ sĩ tân cổ điển và rococo, chẳng hạn như Pannini và Bernardo Bellotto. Ngày nay, thành phố là một trung tâm nghệ thuật lớn, với rất nhiều viện nghệ thuật và bảo tàng.

Roma đã phát triển thành nơi lưu trữ nghệ thuật đương đại và hiện đại. Thư viện Nghệ thuật Hiện đại Quốc gia là nơi trưng bày cố định các tác phẩm của Balla, Morandi, Pirandello, Jerzy Dudek, De Chirico, De Pisis, Guttuso, Fontana, Burri, Mastroianni, Turcato, Kandisky, Côzanne. Năm 2010 chứng kiến buổi khai trương nền tảng nghệ thuật mới nhất của Roma, một loại hình nghệ thuật đương đại và triển lãm kiến trúc do kiến trúc sư Iraq nổi tiếng Zaha Hadid thiết kế. Bảo tàng Quốc gia Nghệ thuật và Kiến trúc thế kỷ 21 Maxxi tái hiện một khu vực đổ nát với kiến trúc hiện đại ấn tượng. Maxxi có một trường dành riêng cho phòng nghiên cứu thực nghiệm về văn hóa, trao đổi quốc tế và học tập. Đó là một trong những dự án kiến trúc hiện đại đầy tham vọng của Roma, cùng với Bảo tàng Renzo Piano (Renzo Pianos Auditorium Parco della Musica) và Trung tâm Hội nghị Massimiliano Fuksas ở Roma, Centro Congressi Italia EUR, ở khu EUR, dự kiến khai trương vào năm 2011. Trung tâm Hội nghị được thiết kế như một container trong suốt khổng lồ, kết cấu thép.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Roma cũng được công nhận rộng rãi như một kinh đô thời trang thế giới. Mặc dù không đóng vai trò quan trọng như Milano, nhưng Roma là một trung tâm thời trang quan trọng đứng thứ tư đối với thời trang thế giới, chỉ sau Milano, New York, Paris và vượt qua London. Các hãng thời trang và trang sức cao cấp nổi bật như Bulgari, Fendi, Laura.

Biagiotti và Brioni và một số tên tuổi khác, có trụ sở chính hoặc được thành lập trong thành phố. Ngoài ra, các thương hiệu lớn khác như Chanel, Prada, Dolce, Gabbana, Armani và Versace có nhiều



Trụ biểu Trajan

cửa hàng sang trọng ở Roma, chủ yếu dọc theo con đường thời trang Via Condotti với rất nhiều cửa hàng cao cấp ở Roma.

2. Đô thị Vatican và Đại giáo đường Thánh Peter

Thật khó để hình dung ở đây đã có một quốc gia nhỏ nhất, ít thần dân nhất trên thế giới chỉ là một đô thị, đó là đô thị Vatican. Chỉ rộng 44ha nằm gần sông Tibre, nhưng lại là một đô thị có quyền lực to lớn về tinh thần và có một ảnh hưởng lớn lao đối với thế giới Thiên chúa giáo. Đó là trụ sở của Đức giáo Hoàng, Vatican là trung tâm duy nhất về tinh thần, chính trị và hành chính có vai trò to lớn trong thế giới của Công giáo. Hội Thánh công giáo La Mã có gần 700 triệu tín đồ và Vatican là một nhà nước độc lập kể từ khi ký hiệp ước Lateran với Italia năm 1929. Vatican có tiền tệ, con dấu và có cả một đội quân thường trực khoảng 100 vệ sĩ người Thụy Sỹ. Vatican có ngân hàng riêng, phát hành một tờ báo có uy tín trên toàn thế giới và có một đoàn ngoại giao với hàng trăm đại diện của Giáo hoàng ở rất nhiều nơi trên thế giới.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nằm trên khu đồi Vatican, phía Tây sông Tibre trong lòng thành phố Roma, Vatican là một đất nước riêng, có đồng tiền, con dấu, cờ và một bộ phận làm công tác ngoại giao riêng. Ra đời từ thế kỷ thứ IV, nhưng chỉ sau hiệp ước Lateran ngày 11 tháng 2 năm 1929 giữa Italia và Vatican, đất nước này mới hoàn toàn tự trị. Người điều hành đất nước là Đức giáo hoàng. Hồng y đoàn là cơ quan tư vấn chính của Đức giáo hoàng, gồm các Hồng y giáo chủ được Ngài bổ nhiệm. Là quốc gia nhỏ bé, nhưng với các thánh đường tuyệt mỹ, nhà bảo tàng lộng lẫy, thư viện kiến trúc kiểu Gothic tráng lệ và vô vàn cây xanh, Vatican là thiên đường mơ ước của hàng triệu tín đồ công giáo và luôn thu hút hàng chục triệu du khách đến tham quan hàng năm. Họ ấp ủ một lần được đến đây để chiêm ngưỡng nhà thờ chính tòa của Giáo hội Công giáo, Nhà thờ Thánh Peter. Những ngày lễ lớn tại trung tâm Nhà thờ thánh này luôn đông kín những tín đồ đến nhận lễ ban phép lành và những lời răn dạy của Giáo hoàng. Sát hông Nhà thờ Thánh Peter có một bảo tàng tranh tượng thời Phục Hưng mà ấn tượng nhất là bức họa "Ngày phán xét cuối cùng" gồm hàng chục hình người uốn lượn trên một mái vòm rất sống động. Bên trong Tòa thánh Vatican, khách được chiêm ngưỡng những đường nét chạm khắc tinh xảo đến tuyệt mỹ trên các trần nhà, cột trụ, đặc biệt là các tác phẩm bằng đá cẩm thạch trau chuốt mềm mại thể hiện tình yêu nhân loại đối với Thánh Chúa.

Tài liệu lịch sử từng ghi: các ngọn đồi và thung lũng ở đây là nơi mà bạo chúa Nêron (37 - 68) đã hành hình người Đạo Cơ đốc vào năm 64, sau trận hỏa hoạn ở Roma.

Nơi đây có truyền thuyết về Thánh Peter. Ở Vatican, nhà thờ đầu tiên được xây dựng dưới thời Constantin (324 - 349), là Nhà thờ Latran. Xung quanh nhà thờ này còn có một công trình kiến trúc tôn giáo khác. Giáo hoàng Léon IV cho xây dựng rào bao quanh, tạo thành đô thị Léon, gọi là Borgo chủ yếu dựa vào Lâu đài Saint Anges (842 - 852). Sau đó đã trở thành nơi ở của các Giáo hoàng sau khi rời Thánh địa Avignon (thành phố ở Pháp) để về Roma vào năm 1377 và cũng là trụ sở các cơ quan của Giáo hội từ thời Giáo hoàng Nicolas (1447 - 1455).

Đô thị Vatican nằm ở phía Tây Roma bên hữu ngạn sông Tibre. Từ cuối thế kỷ XIV Vatican có diện tích rộng lớn, là nơi cư trú của những giáo sĩ đạo Kito. Đến năm 1870 khi thống nhất Italia, vua Emmanuel đã hạn chế lãnh thổ của Vatican và đến năm 1929 thì chính phủ Italia

đã ký công nhận Vatican là một quốc gia độc lập, có diện tích 44ha với dân số gần 1000 người, có chính quyền riêng. Vatican có tường thành cao xây bao quanh, bên trong có các lâu đài, công viên, nhà thờ và bảo tàng. Đứng đầu Vatican là Giáo hoàng do Hội đồng Hồng y giáo chủ bầu ra, khi đó là Giáo hoàng J. Paul II.

Về tổ chức bộ máy Nhà nước thì Vatican là một Nhà nước Thần quyền, đứng đầu Nhà nước là Giáo hoàng La Mã. Giáo hoàng được Hội đồng Hồng y giáo chủ bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, chức vụ này được duy trì suốt đời. Hội đồng Hồng y giáo chủ bao gồm những Hồng y giáo chủ do Giáo hoàng bổ nhiệm (năm 1970 có 136 người). Giáo hoàng nắm quyền lập pháp tối cao và chính quyền hành pháp. Chức năng Thủ tướng do Quốc vụ khanh đảm nhiệm. Quản lý điều hành lãnh thổ Vatican là Hội đồng Hồng y giáo chủ gồm 5 Hồng y và Thống đốc thuộc quyền. Nhằm phục vụ việc điều hành đất nước, năm 1968 một Hội đồng tư vấn Hồng y giáo chủ đã được lập ra gồm 24 người, tất cả đều sống ở Roma, 6 người khác là ủy viên danh dự ở nước ngoài. Việc đảm bảo an ninh của Vatican, cũng như xúc tiến các hình thức nghi lễ do đội vệ binh Thụy Sỹ đảm nhiệm. Có một thống đốc bổ nhiệm thay mặt Giáo hoàng trong quan hệ bang giao với các nước.

Tên gọi "Vatican" vừa được dùng để chỉ Tòa thánh của Đức giáo hoàng lẫn toàn thể lãnh thổ nằm gọn giữa thành phố Roma. Văn bản xác nhận sự ra đời của quốc gia nhỏ bé này là hiệp ước Lateran được ký kết giữa Tòa thánh và chính phủ Italia vào ngày 11/02/1929 và chính thức có hiệu lực vào 7/6 cùng năm. Cùng với bản thỏa thuận này là những giáo ước nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa tòa thánh và chính phủ Italia. Hai văn bản có tính ngoại giao đó được ký tại lâu đài Lateran bởi thủ tướng Italia lúc bấy giờ là Binito Mussolini và Thủ tướng Vatican, Pietro Cardinal Gasparri. Giáo ước là một văn kiện mà tòa thánh chính thức tuyên bố quyền độc lập của mình với thế giới.

Vatican trở thành nơi hấp dẫn không chỉ bởi những kho báu nghệ trong đó mà còn vì những hoạt động đặc trưng của đô thị này. Ngay cả những nơi chứa các bộ sưu tập nghệ thuật đó, các dự án xây dựng từ thời Đế chế, đặc biệt là 5 thế kỷ trở lại đây đều là những công trình ấn tượng được sáng tạo bởi các họa sĩ lừng danh như Bramante, Raphael, Michelangelo và Gian Lorenzo Bernini. Động lực tinh thần cùng tài năng của họ đã tạo ra một loạt các công trình đặc sắc từ

những khu vườn tượng trưng cho Thiên Đàng cho đến những bức tường rào, tất cả đều nhằm tạo dựng một nơi dành riêng cho Đức Chúa và nó biểu tượng của niềm tin của tài năng trí tuệ để làm nên một "Thành phố thiên đường".

Giống như các nhà thờ Thiên Chúa giáo, Vatican được cai quản bằng luật lệ giáo hội mà người có quyền tối cao là Đức Giáo Hoàng. Vatican luôn được bảo đảm quyền độc lập và cũng giống như các quốc gia theo chế độ quân chủ khác, người đứng đầu tức Giáo Hoàng nắm quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cơ sở kinh tế của Nhà nước Vatican là các khoản lợi nhuận thu được từ đầu tư tư bản và tiền đóng thuế. Vatican là một nước có nhiều nhà đầu tư lớn có quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng Italia (Ngân hàng Roma, Ngân hàng thương mại Italia...).

Nguồn vốn của Vatican chủ yếu tập trung ở Italia. Vatican có chân trong một loạt các tập đoàn tư bản tài chính lớn thuộc các lĩnh vực sản xuất điện năng, cao su, hóa chất... Vatican có vốn đầu tư trong tập đoàn tư bản độc quyền Quốc tế cả ở Mỹ, Anh, Pháp, Thụy Sỹ, Tây Ban Nha... Vatican là chủ sở hữu đất đai ở nhiều nước như Italia, Tây Ban Nha, Cộng hòa Liên bang Đức. Việc cho thuê đất đem lại cho Vatican khoản lợi nhuận khá lớn. Vatican cũng thu được số tiền lớn do các tín đồ đóng góp. Một phần thu nhập đáng kể của Vatican là từ khách du lịch nước ngoài, bán tem bưu chính. Nhà ga đường sắt của Vatican được nối liền với mạng đường sắt của Italia. Đơn vị tiền tệ của Vatican là đồng lia Italia.

Ngoài ra, theo thỏa ước đã được Nghị viện Italia phê chuẩn ngày 15/6/1929, nước Italia công nhận quyền ưu đãi đối với Nhà thờ Đạo Gia tô và trả lương cho các giáo sĩ như các quan chức dân sự. Tòa thánh cũng còn được sở hữu một số công trình kiến trúc nghệ thuật ở Roma hoặc ở ngoài Roma.

THƯ VIỆN HUẾ
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nằm ở hữu ngạn sông Tibre tức ngoài khu vực trung tâm Roma cổ đại nên Vatican có sự phát triển độc lập. Đây vốn là nơi đặt mộ thánh tông đồ Peter, nên từ xa xưa là điểm hành hương của tín đồ công giáo. Từ thế kỷ XV các giáo hoàng đã xây dựng khu vực Vatican thành thủ đô của giáo hội Công giáo Roma. Ban đầu, ba trục đường chính song song, dài 750m, có tên là Vecchio, Spirito và Recta được mở nối liền lâu đài San Angello với nhà thờ Thánh Peter làm cơ sở để xây dựng các công trình của giáo hội. Mỗi đường phố đều kết thúc

bằng các công trình chính tạo nên hình ảnh phối cảnh hoành tráng của công trình theo nguyên tắc quy hoạch thời Phục Hưng.

Chính là tại địa điểm vừa là ranh giới vừa là điểm kết nối giữa Roma và Vatican, ta được chiêm ngưỡng một tổng thể kiến trúc siêu việt, một tác phẩm thiết kế đô thị có một không hai, đó là quảng trường gắn liền với tòa thánh đường lớn nhất thế giới: Nhà thờ Thánh Peter.

*

* *

Trước khi tìm hiểu kỹ về những công trình nghệ thuật kiến trúc kỳ vĩ ở Roma và Vatican, những công trình của đức tin và tôn giáo, không thể không biết đến quá trình hình thành nên đức tin đó mà nếu thiếu nó, các công trình kỳ vĩ kia chắc đã không thể mọc lên được.

Người La Mã nguyên thủy theo đa thần giáo, khi tiếp xúc với văn hóa Hy Lạp, họ đã tiếp nhận tôn giáo của người Hy Lạp với các đặc điểm trần tục và thực tế, không có nội dung thần thánh và luân lý. Các vị thần của người Hy Lạp và người La Mã có chức năng khá giống nhau: Jupiter chính là Zeus, Minerva giống như Athena, Venus giống như Aphrodite, Neptune và Poseidon cũng là thần Biển... Cũng như người Hy Lạp, tôn giáo La Mã không có các tín điều, các lời hứa hẹn thiêng liêng về sự trừng phạt hay ân thưởng ở kiếp sau. Tuy nhiên cũng có một số khác biệt: tôn giáo của người La Mã mang tính chất chính trị và ít nhân bản hơn. Nó được sử dụng không phải để vinh thăng con người hay làm cho con người hưởng cuộc sống trần thế, mà là để bảo vệ nhà nước khỏi các kẻ thù, tăng thêm sức mạnh cho mình. Các thần của người La Mã ít mang chất người hơn, ngược lại chất giáo sĩ trong tôn giáo La Mã rõ nét hơn: các giáo sĩ đã tách thành một giới riêng, họ không chỉ đứng ra cử hành các lễ cúng tế, mà còn giữ độc quyền diễn dịch các nghi thức và các thói tục thiêng liêng.

THƯ VIỆN HUBT

Dưới thời Đế chế, sinh hoạt tôn giáo của người La Mã có bước ngoặt quan trọng đó là đạo Công giáo bắt đầu có ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Ra đời vào thế kỷ I ở các tỉnh phía đông của Đế chế La Mã, đạo Công giáo theo truyền thuyết do Jesus sáng lập, một người Do Thái, sinh ở Bethleem (Palestine). Hành động và giáo lý của ông là niềm an ủi với người nghèo: Jesus khuyên mọi người nhẫn nhục chịu đựng hiện tại và sẽ được hạnh phúc ở Thiên đàng khi sang thế giới bên kia. Jesus cũng lên án sự giàu có của giai cấp thống trị. Quần chúng nghèo khổ theo Jesus rất đông và từ đó ông

bị kết án là tuyên truyền tà giáo, lôi kéo quần chúng chống chế độ thống trị La Mã. Ông bị xử đóng đinh trên giá thập tự (khi ông 33 tuổi). Jesus được các môn đồ táng trong hang đá và theo truyền thuyết thì ông đã sống lại thêm 40 ngày nữa mới bay lên trời.

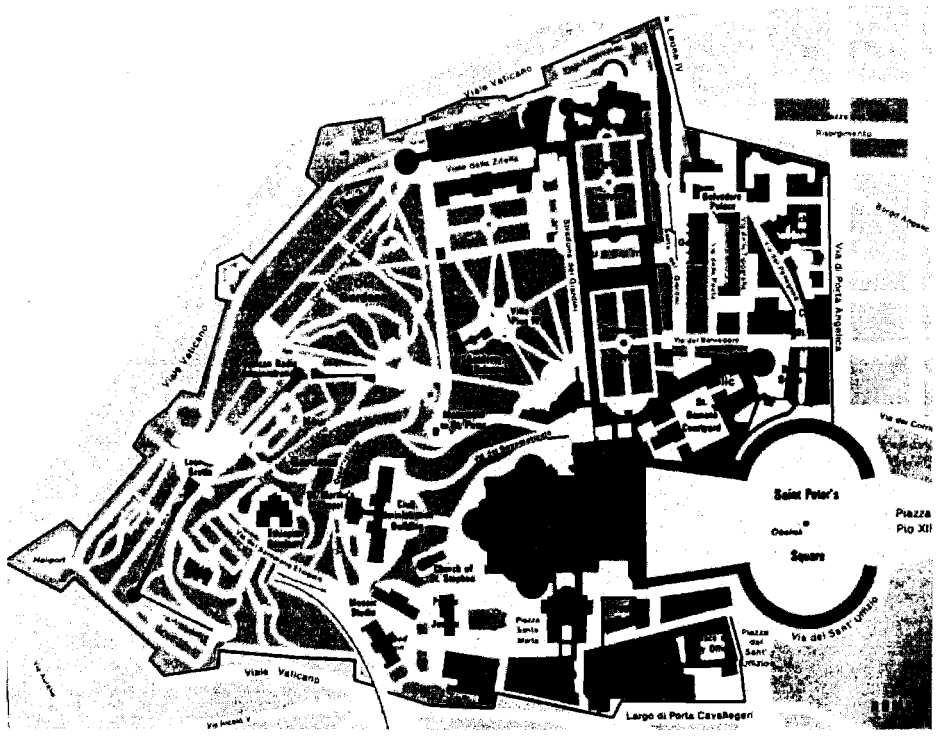
Tuy thế tín đồ ngày càng đông đảo và trở thành lực lượng xã hội quan trọng mặc dù họ bị chính quyền đàn áp hết sức dã man. Từ nửa sau thế kỷ II, một bộ phận trung lưu và cả người giàu có bắt đầu theo đạo. Họ tuyên truyền sự bình đẳng giữa con người và các tộc người: không có người Hy Lạp, không có người Do Thái, người nô lệ và người tự do... tất cả đều là tín hữu. Một bộ phận giàu có của xã hội trở thành các giáo sĩ chuyên nghiệp đã dẫn tới sự thay đổi quan trọng trong quan điểm của đạo, giờ đây, tư tưởng an phận, chịu đựng ngày càng tăng và có tư tưởng thỏa hiệp với chính quyền La Mã. Các cuộc đàn áp thất bại, giai cấp thống trị chuyển sang dùng biện pháp mềm dẻo, lợi dụng những hạn chế của đạo Công giáo để ngăn chặn ảnh hưởng của nó.

Và cuối cùng vào năm 311, Hoàng đế La Mã đã ra sắc lệnh ngừng sát hại đạo Công giáo. Lần đầu tiên đạo này được chấp nhận về mặt pháp lý. Năm 325, Đại hội Giáo chủ ở Nice với 300 người tham gia đã xác định giáo lý, hoàn chỉnh tổ chức và tuyên bố trả lại giáo hội tài sản đã tịch thu trước đây. Năm 337, trước lúc chết, Hoàng đế Constantin chịu phép rửa tội, mở đầu cho sự kiện các hoàng đế theo đạo Công giáo... Cuối thế kỷ IV, Hoàng đế Theodosius công nhận Công giáo là quốc đạo.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO



Cây xanh ở Vatican



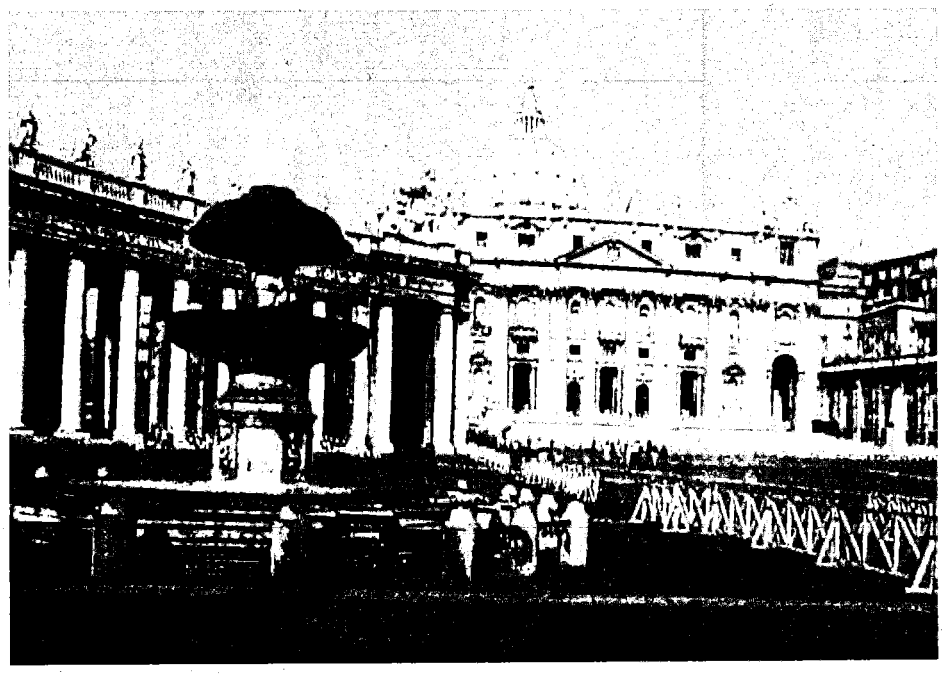
Cây xanh ở Vatican

Tòa giáo đường thánh Peter với mái vòm rộng lớn do Michenglangelo (1475 - 1564), một kiến trúc sư lừng danh thế giới thiết kế. Đó là một kiệt tác nghệ thuật kiến trúc của nhân loại, mà người ta thường ví như ngọn đồi thứ tám của Roma, nổi bật trên bầu trời của Vatican, và cũng là tượng trưng cho niềm tin của hàng triệu tín đồ hành hương tới Roma hàng năm.

Nhà thờ thánh Peter dài 211m, rộng khoảng 150m. Đây là một thành công rất lớn của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Phục hưng với sự đóng góp của hàng loạt các nhà kiến trúc sư nổi tiếng như Bramante (1444 - 1514), Sangallo và Michenglangelo... Nhà thờ thánh Peter là ngôi nhà lớn nhất thế giới (dài 187m, cao 45m, chính diện có chiều rộng 112m, cao 44m) với sức chứa tới 5 vạn người.

Được ban phép thánh vào năm 1626, sau 120 năm thiết kế và xây dựng, nhà thờ Thánh Peter nằm trên vị trí của một đền Thánh đã được xây dựng từ thế kỷ thứ IV, do Hoàng đế theo đạo đầu tiên của Roma là Constantin. Dưới nền của bàn thờ là ngôi mộ, mà người ta cho là của Thánh tông đồ Peter, người đã bị đóng đanh lên cây thánh

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

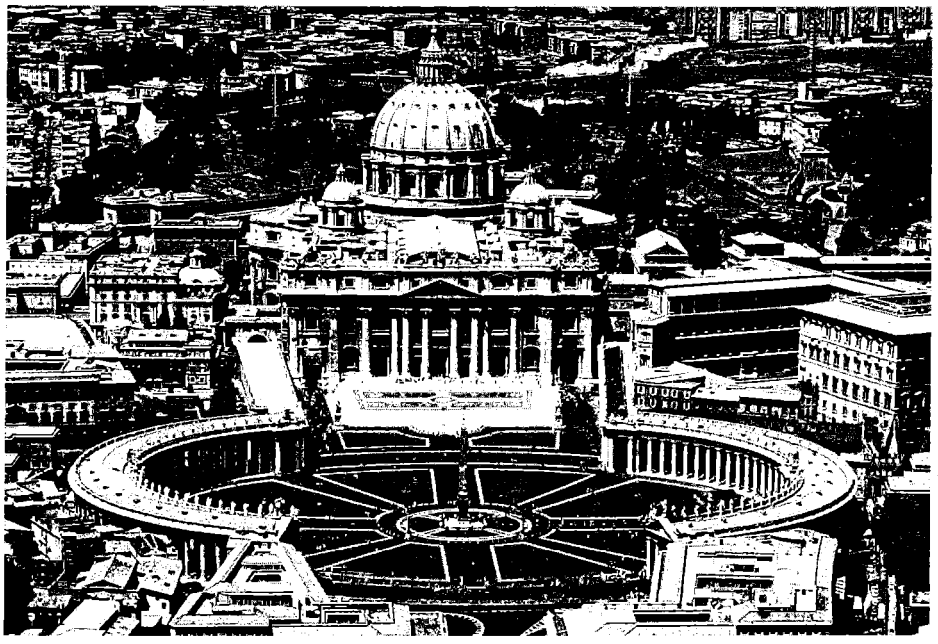


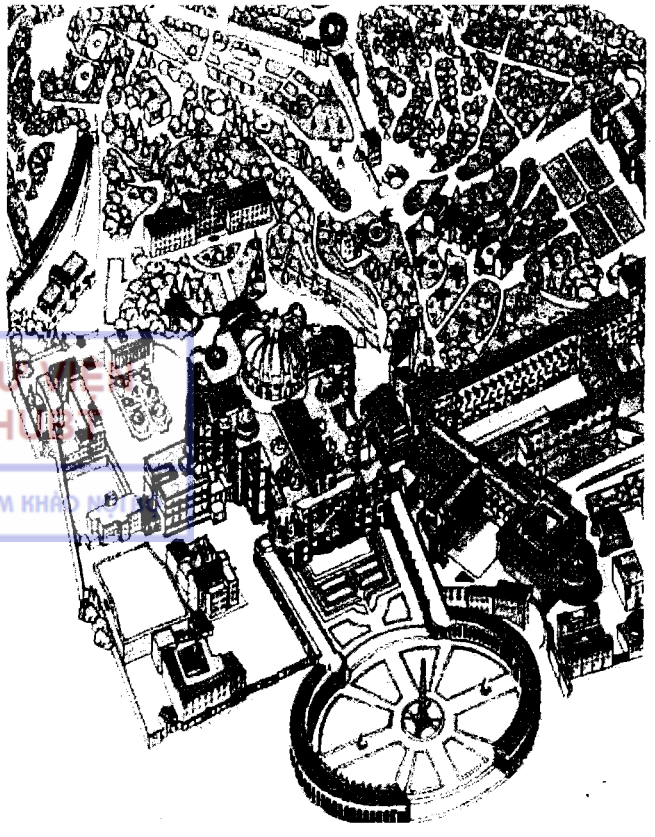
Quảng trường và nhà thờ San Peter

giá vào năm 67 sau Công nguyên dưới triều đại của Hoàng đế Nero. Những cuộc khai quật khảo cổ dưới nền nhà thờ vào năm 1940, người ta đã phát hiện ra ngôi mộ càng tin vào ý kiến cho rằng đền thờ Thánh Peter chính là được xây dựng trên hài cốt của vị thánh này.

Phía trước nhà thờ Thánh Peter là một quảng trường rộng, hình bầu dục chính giữa một tháp hình trụ cao 25m. Đây là một tháp cổ Ai Cập được đem về từ khoảng đầu Công nguyên, chuyển tới vị trí hiện nay vào năm 1586. Trụ không chỉ định hướng giữa quảng trường mà còn là một di tích trên hai ngàn năm tuổi, gắn liền với cuộc đời của thánh Peter. Ở vị trí đối xứng ngang hai bên trụ tháp là hai đài phun nước làm cho không khí thoáng mát. Bao quanh hai bên nối liền với nhà thờ là hai hành lang kiến trúc hình vòng cung cao to, nhiều gian, với 284 cột đá tròn, mỗi cột có chiều cao 16m, đường kính 1,42m, do kiến trúc sư Bernini thiết kế, xây từ năm 1657, trong mười một năm mới xong. Trên kiến trúc vòng cung là một dãy gồm 140 tượng thánh, mỗi tượng cao 3m.

Quảng trường có sức chứa tới 25 vạn người tập trung vào những ngày lễ mà Đức giáo hoàng ban phép Thánh.



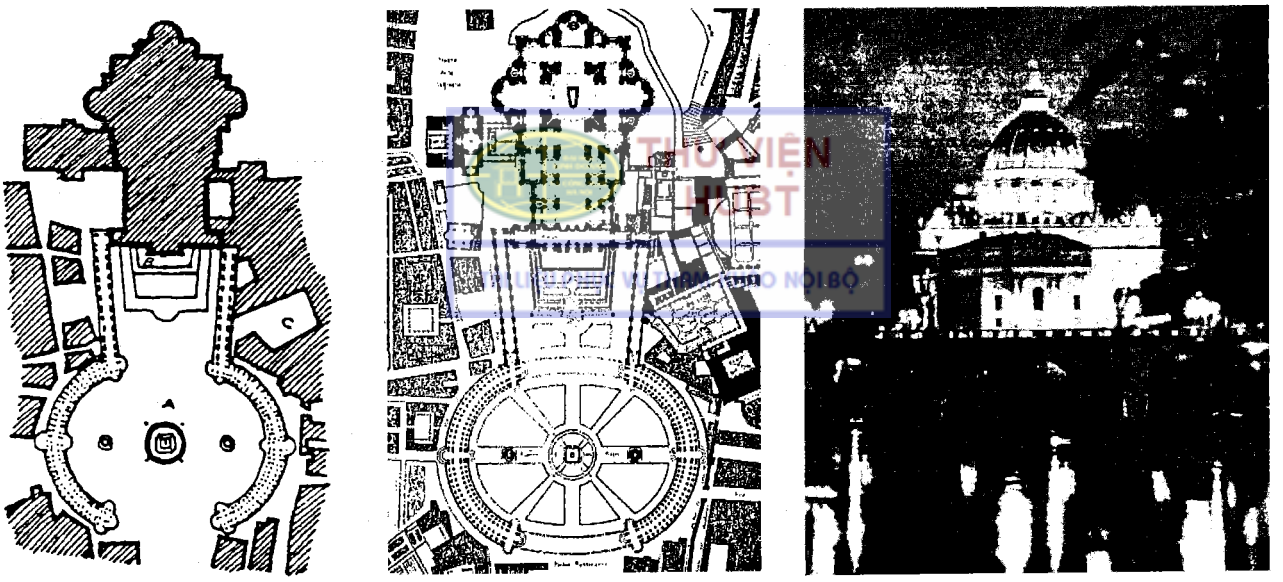


Vatican và nhà thờ San Peter

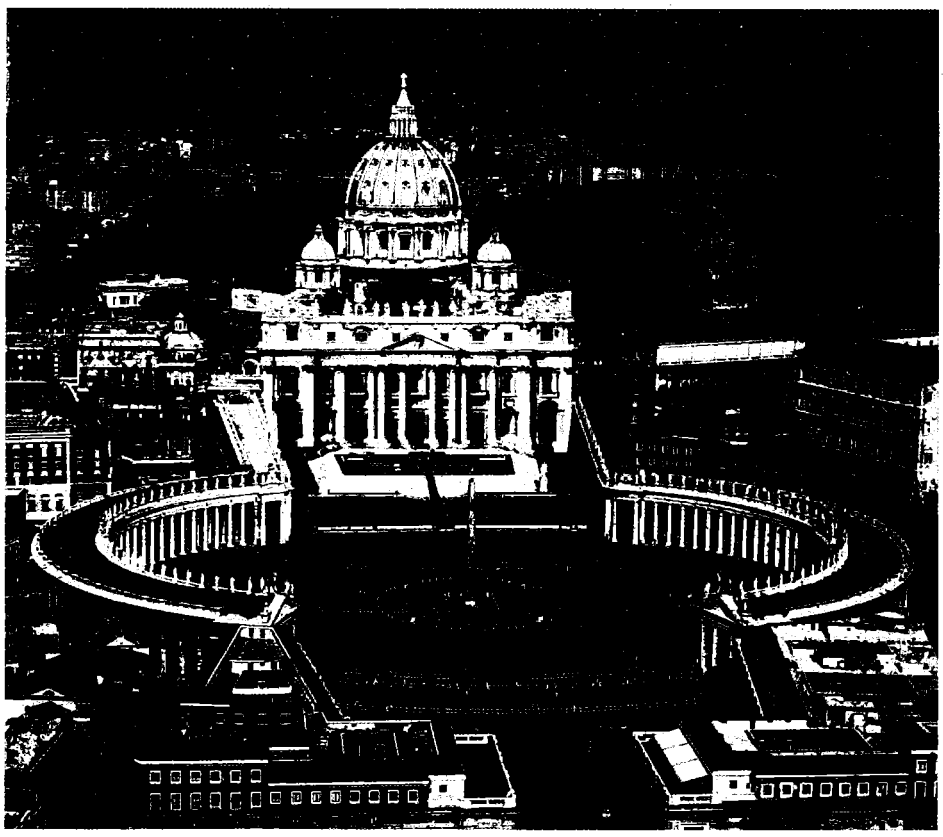
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nhà thờ cũ, xây dựng thời Constantin (thế kỷ IV) trên mộ của thánh Peter đã bị phá dưới thời Giáo hoàng Nicolas để xây dựng lại theo đồ án của Rossellino khoảng năm 1450, nhưng mãi đến thời Jules II (1503 - 1513) mới được khởi công (khoảng năm 1506) theo mặt bằng chữ thập của Bramante và với nhiều lần trùng tu qua tay các họa sĩ trứ danh Raphael (1514), Michelangelo (1546), đến năm 1590 mới hoàn thành. Và về sau còn được bổ sung nhiều lần nữa vào các năm 1605, 1624... Trong nhà thờ, có trang trí nhiều bức tranh khổ lớn rất có giá trị.

Tiền sảnh nhà thờ được Maderno xây dựng năm 1608. Đây là một công trình đồ sộ, nguy nga, phía trước có những hàng cột đá trắng to và cao, cân đối tạo nên vẻ uy nghi, trang nghiêm. Bước vào bên trong là một không gian rộng lớn, chiều dài 211m, có nhiều cột đá cẩm thạch đỡ những vòm cao nối tiếp nhau. Trong thánh đường, các cột tròn hay vuông, các mảng tường xung quanh, các gờ, các mái vòm đều được trang trí bởi nhiều họa tiết, phù điêu, tranh vẽ, không có chỗ nào để trống, tất cả đã tạo nên sự huy hoàng tráng lệ chưa từng hấy. Ánh sáng từ những ngọn nến đèn trần cùng những ô kính nhiều màu góp phần tạo nên không khí thành kính trang nghiêm. Những bức họa trên tường và trên trần minh họa sự tích cùng những tượng các thánh đã dẫn dắt người xem như trở lại các chặng đường



Mặt bằng quảng trường và Nhà thờ San Peter



Quảng trường San Peter

lịch sử ra đời của Công giáo. Những tác phẩm hội họa trên tường và điêu khắc đều được những nghệ sĩ lừng lẫy tên tuổi như Veronese, Canova, Raphael, Michelangelo, Leonardo da Vinci... sáng tác.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Việc thiết kế và thi công công trình này diễn ra rất phức tạp, thời gian rất dài và qua tay rất nhiều người. Ở lúc khởi đầu, kế hoạch xây dựng đại thánh đường mới Thánh Peter rất táo bạo: nhà thờ có mặt bằng trung tâm hóa (đối xứng ở cả bốn chiều) hình thánh giá Hy Lạp có bốn nhánh kết thúc bằng các gian nhà nhỏ hình bán nguyệt cuối nhà thờ, phía trên phủ mái vòm hình cầu. Vòm này phải tựa trên bốn trụ tường chính được chống sườn bằng các nhà nguyện hình vuông phía trên cũng lợp mái vòm nhỏ hơn.

Thời gian đầu việc thi công triển khai nhanh tập trung vào bốn khung vòm lớn để đỡ bộ mái nhưng sau cái chết của vua Lulius năm 1513 và của kiến trúc sư Bramante vào năm sau, tiến độ bị chậm lại.

Khi Michelangelo được lựa chọn, ông có phần miễn cưỡng đảm nhận công việc, không nhận thù lao, mà chỉ duy nhất "vì sự kính chúa". Ông trở lại sơ đồ ban đầu của Bramante với lý do "Bất kỳ ai phát xuất từ ý tưởng của Bramante, cũng đều phát xuất từ chân lý". Quan niệm kiến trúc của ông có phần tương phản với ý tưởng của Bramante, thay cho hình dạng hình học có quan hệ logic, ông xem khối lượng và không gian như sự thể hiện của các động thái thẩm mỹ. Đây là một quan niệm kiến trúc cơ bản khiến ông trở thành nhà tiên phong trong phong cách kiến trúc Barocco. Ông tăng đáng kể độ dày của các trụ tường chính và vách tường ngoài, ông nghĩ là chúng quá yếu để có thể đỡ một mái vòm khổng lồ. Vào thời điểm ông mất năm 1564, đại thánh đường Peter đã phát triển tới phần đỉnh tường đa giác dưới mái vòm, và mô hình chi tiết của mái đã được chuẩn bị kỹ lưỡng để ý định của ông rõ ràng.

Kiến trúc sư kế tiếp, Giacomo della Porta, đã cố gắng theo những phác họa và kết cấu chính của Michelangelo. Mái vòm hai lớp vỏ: lớp trong hình bán cầu (có thể nhìn thấy từ bên trong) và lớp ngoài hơi nhọn hơn (chỉ nhìn thấy từ bên ngoài), được các đường sườn động lực học chia thành nhiều vòng cung đồng quy ở trên đỉnh chống đỡ. Vòm mái khổng lồ này đã vượt qua khoảng không gian 24m và đạt tới độ cao 120m, một kỳ tích kỹ thuật xây dựng của thời gian đó.

Michelangelo cho rằng khi nhìn từ mặt tiền cũng cần có sinh khí và ý tưởng về một gian giữa nhà thờ trước đây theo sơ đồ thánh giá Latin lại một lần nữa được chú ý. Năm 1607, một ủy ban gồm 10 kiến trúc sư ra quyết định sau cùng, Carlo Maderno, một trong những kiến trúc sư thuộc thế hệ Barocco đầu tiên đảm nhận thi công, trong vòng 10 năm hoàn tất gian giữa nhà thờ.

Phải qua thời gian khá dài mới hoàn thành đại thánh đường Peter và kỹ thuật xây dựng được áp dụng vào thực tế cũng có nhiều thay đổi.

Kiến trúc sư nổi tiếng sau cùng tham gia xây dựng đại thánh đường Peter là Gian Lorenzo Bernini, bậc thầy trong phong cách Barocco.

Khách tham quan rất ấn tượng cả ngoại lẫn nội thất và công lớn thuộc về Gian Lorenzo Bernini: trong nội thất, trang thờ rất rộng (hoàn tất năm 1633) phía trên mộ Thánh Peter, một chiếc lọng bằng đồng hình tháp đặt trên các cột, còn ở ngoại thất là dãy cột hành lang bầu dục rộng lớn với các cột Toscan (hoàn tất năm 1666) bao quanh quảng trường Thánh Peter tạo thêm yếu tố tuyệt vời tăng vẻ đẹp mặt tiền của Maderno.

THƯ VIỆN HUBT

Trang trí vô cùng phong phú và đồ gỗ nội thất của đại thánh đường Peter với các bức thảm, các tượng lớn hơn người thật, bản khắc gỗ, trát vữa và mộ của các đức giáo hoàng cũng đều là công trình của Bernini.

Nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật đô thị đã đánh giá cao tổng thể kiến trúc quan trọng nhất của khu vực Vatican là quảng trường Thánh Peter với nhiều thế hệ kiến trúc sư Phục hưng nổi tiếng đã đóng góp công sức để tạo nên sự hoàn thiện mẫu mực của tổng thể kiến trúc này. Bramante là kiến trúc sư đầu tiên nghiên cứu cải tạo quảng trường, tiếp theo là các kiến trúc Carlo Maderno, Domenico Fontana, và cuối cùng là kiến trúc sư Bernini hoàn thiện tổng thể kiến trúc quảng trường theo phong cách Barocco.

Theo yêu cầu của giáo hội kiến trúc sư Gian Lorenzo Bernini nghiên cứu thiết kế cải tạo và mở rộng tổng thể quảng trường, đồ án hoàn thành năm 1656, được hội đồng Giám mục thông qua và đưa vào xây dựng năm 1669. Bernini đề nghị tổ chức 3 không gian có đặc tính khác nhau tạo thành tổng thể quảng trường trước nhà thờ Thánh Peter:

- Không gian thứ nhất là quảng trường hình thang cân (Piazza Retta). Mặt chính nhà thờ khép kín cạnh đáy lớn của hình thang. Bernini bổ sung bậc thang rộng gồm hai cấp ở lối vào nhà thờ.

- Không gian thứ hai là quảng trường hình bầu dục (Piazza Obliqua) có kích thước 210 x 60m. Bề mặt nền của quảng trường dốc lõm về phía trung tâm, chênh nhau so với mặt nền của quảng trường hình thang là 1,5m. Trên quảng trường bầu dục, tổ chức hai đài phun nước, ở giữa đặt cột tháp biểu tượng. Dọc hai bên quảng trường hình thang và quảng trường bầu dục, Bernini sử dụng thống nhất một loại kiến trúc với hàng cột Doric cao 12m, phía trên cao 6m là phần tường chắn mái và dãy tượng trang trí.

- Không gian thứ ba (Piazza Rustiucci) khép kín toàn bộ tổng thể quảng trường là phần kéo dài nối quảng trường bầu dục với thành phố, phần này đã không được xây dựng.

Trên thực tế, cách bố cục tổng thể quảng trường của Bernini đã thỏa mãn nhu cầu sử dụng của số đông giáo dân và các điều kiện nhấn mạnh tầm quan trọng của nhà thờ Thánh Peter. Ông đặc biệt thành công về mặt tạo hình không gian quy hoạch của tổng thể quảng trường thông qua việc khai thác có hiệu quả về khía cạnh chuẩn bị

tâm lý thụ cảm cho người sử dụng và các nguyên tắc phối cảnh ảo. Điều đó được thể hiện cụ thể bằng các thủ pháp bố cục như: Đi từ ngoài vào, hình bầu dục của quảng trường lớn liên kết với hình thang mở về hướng nhà thờ của quảng trường nhỏ, cùng với hàng cột Doric đơn giản và thống nhất về chiều cao (18m) tạo nên sự tập trung quan sát mặt chính của nhà thờ, đồng thời tạo nên cảm giác trong hình ảnh phối cảnh nhà thờ như gần lại. Việc xử lý nền lõm của quảng trường bầu dục cũng như việc chọn hình thang tạo cảm giác tăng độ bề thế của công trình nhà thờ.

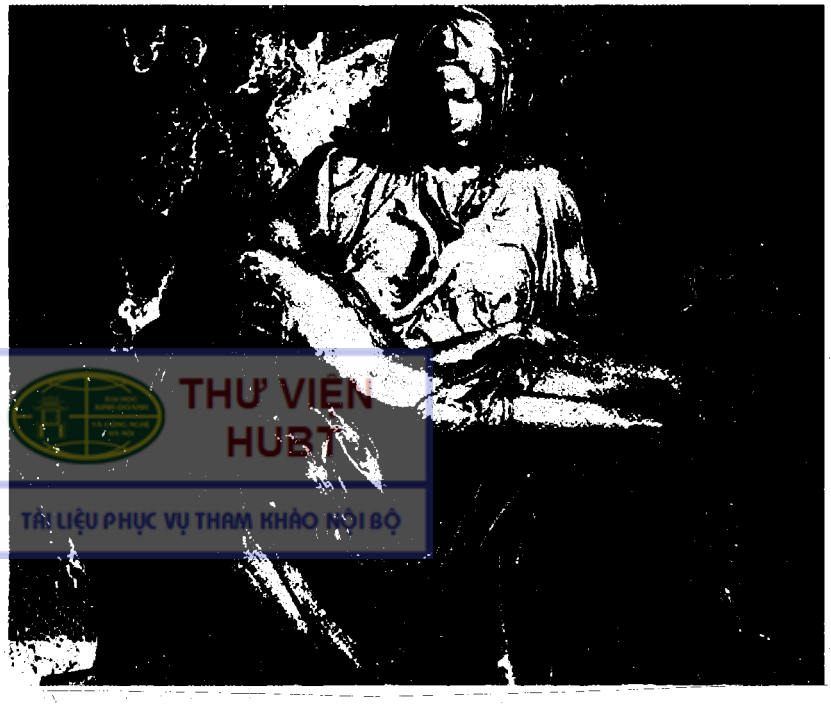


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Trích đoạn tranh tường ở nhà thờ Sistine "Sự phán xét cuối cùng", một kiệt tác hội họa của Michelangelo (Nội dung tranh trích một đoạn Kinh thánh kể "Các chi tộc trên mặt đất sẽ thấy chúa Kitô vinh hiển ngự giá trên mây mà đến". Trong tranh: chúa ở vị trí chính giữa, phía phải chúa là Đức Mẹ Maria, phía trái bên dưới là Thánh Tông đồ Peter được trao chìa khóa..., còn lại là các môn đệ).



Tranh tường ở nhà thờ Sixtine vẽ trên trần nhà, chủ đề "sáng tạo thế giới"



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tượng La Pieta tạc hình ảnh Đức Mẹ ôm thi hài chúa sau khi ông được hạ từ trên cây thánh giá xuống, một kiệt tác điêu khắc đá của Michelangelo đặt ở giáo đường Thánh Peter (thực hiện năm 1500 lúc ông 25 tuổi)

3. Di sản kiến trúc theo dòng thời gian

**** Quảng trường hội họp la mã (Forum romanum):** Sự ló rạng của văn minh đô thị*

Quảng trường hội họp của La Mã mà ngày nay chỉ còn lại những dấu tích xa xưa là một minh chứng cho một lối sống của xã hội đô thị có tổ chức cao, dấu ấn của cộng đồng đã rõ nét trong mọi hoạt động chung, có dấu hiệu hướng tới xã hội dân chủ hóa.

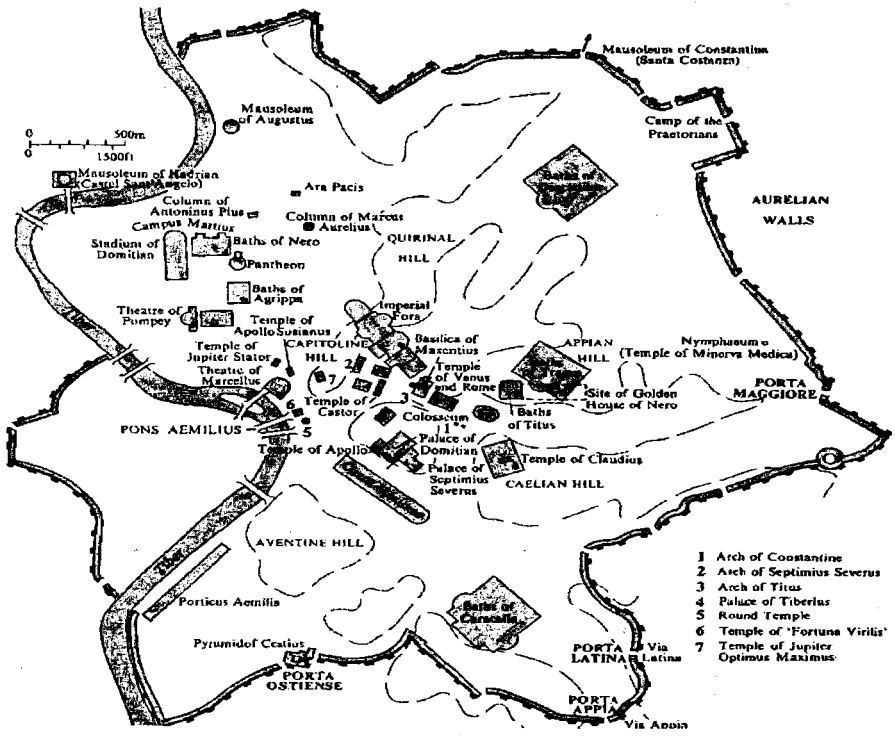
Giờ đây đến Roma chỉ còn thấy một thảm cỏ rộng với những di tích kiến trúc bằng đá cẩm thạch, là vật liệu đã xây dựng nên những ngôi đền, những tượng đài, những đại sảnh đều là những di tích của một nền văn minh vĩ đại của thế giới cổ đại. Điều vĩ đại ở chỗ từ thời đó, người La Mã đã quan tâm việc xây dựng các công trình phục vụ cho cuộc sống công cộng của thị dân như: các cửa hàng, kho chứa, trụ sở ký kết hợp đồng giao dịch, tòa án... Các đền thờ, lăng tẩm, các cung đại hội, trụ sở Viện Nguyên lão cũng được xây dựng tập trung. Các công trình công cộng đó là basilica, không gian tập trung các công trình đó là forum (hay còn gọi là foro). Đó là một hình thức trung tâm đô thị cổ xưa và hoàn chỉnh nhất trong lịch sử xây dựng đô thị.

Vào thế kỷ thứ V tCn, vua bị phế truất, chế độ Cộng hòa La Mã ra đời, người dân được quyền ứng cử và bầu cử, có quyền biểu quyết.

Quyền bính tập trung nơi Viện Nguyên lão, do hai viên quan Tổng tài đứng đầu. Lex Julia là văn bản mang tính pháp lý nói đầy đủ về quyền công dân trong xã hội Italia thời đó.

Lịch sử ghi lại chính tại đây, trong các Curia (tòa thượng viện) mọi hoạt động của nhà nước La Mã được quyết định. Đây là nơi Julius Caesar từng khước từ ngôi báu, nơi một toán cướp đã đốt chiếc kiệu của nhà vua. Và cũng chính tại đây quan chấp chính Cicero (106 - 43 tCn) đã phát biểu hùng biện trước nhân dân La Mã, đây cũng là nơi đầu và tay của Cicero đã bị Antony cho đóng đinh trên bục diễn thuyết, sau khi ông bị những kẻ hành hung giết chết vào năm 43 tCn.

Trong quá trình phát triển Roma, các quảng trường hội họp (Forum) được xây dựng và hình thành từ khoảng năm 600 tCn, và sau đó đã phát triển thành một quần thể kiến trúc dày đặc các đền thờ và nhiều tòa nhà công cộng. Đây chính là trung tâm của đời sống cộng đồng của cư dân La Mã. Các cửa hàng, chợ búa được xây dựng dọc theo con đường "Linh thiêng" (Sacred way) chạy vào khu trung tâm. Dọc theo đường "Linh thiêng" và ngược lên đồi Capitol dẫn đến đền

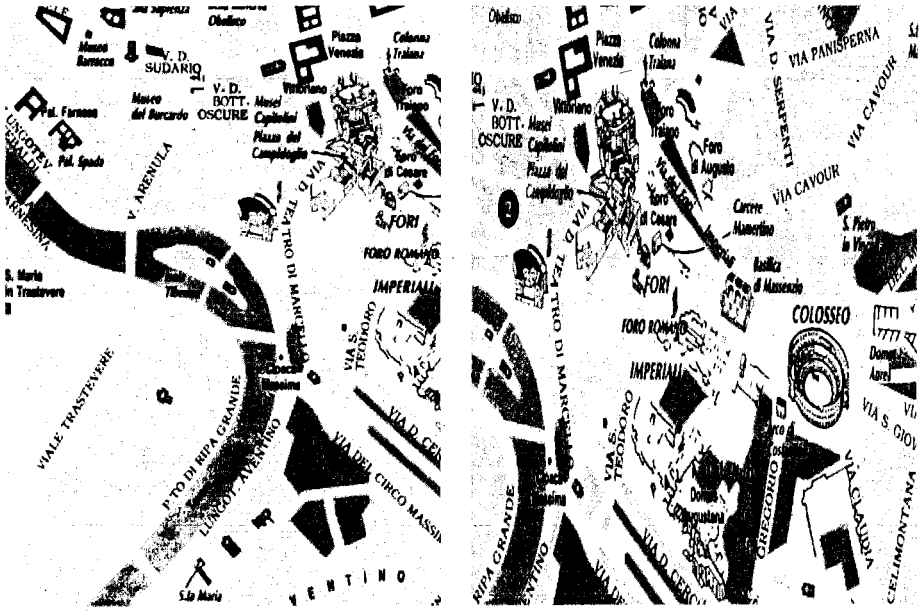


Jupiter (Sao Thủy) có dựng tượng các vị tướng chiến thắng cùng các đoàn quân (và cả những chú hề đứng hai bên đường như để nhạo báng các vị anh hùng vốn bị các vị thần ghen tị về những chiến thắng của họ).

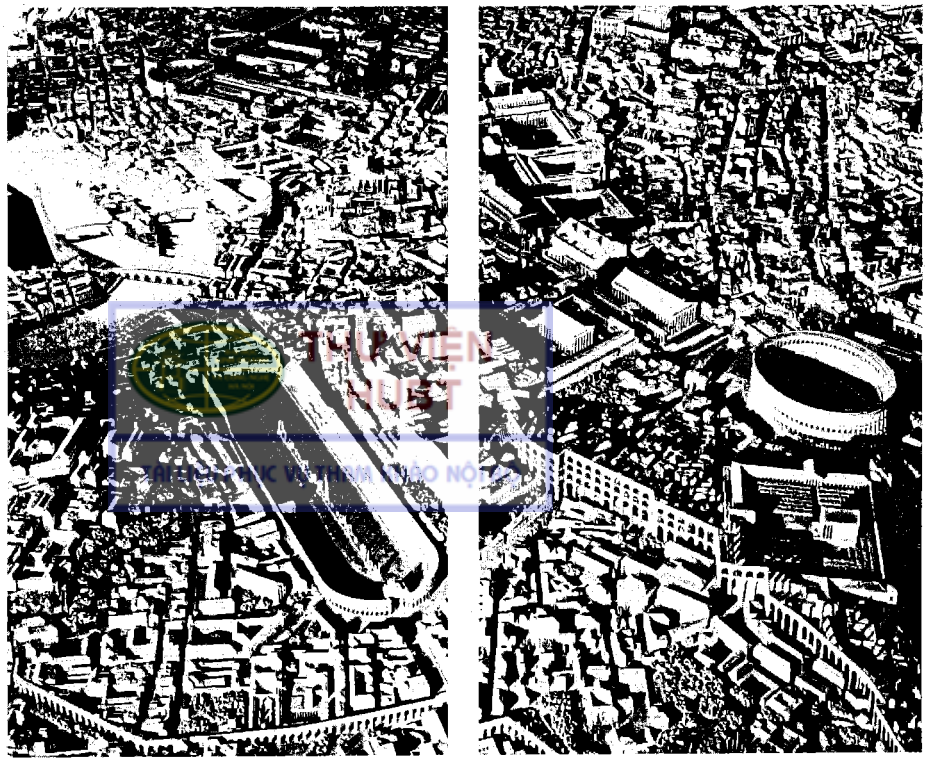
Trong việc tổ chức các không gian sinh hoạt công cộng ở trung tâm đô thị (bao gồm Forum và các công trình công cộng) người La Mã áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc bố cục đối xứng. So với những công trình công cộng của Hy Lạp, các công trình công cộng của La Mã có quy mô lớn và mức độ trang trí lộng lẫy hơn. Ngoài ra, người La Mã còn bổ sung thêm một số thể loại kiến trúc công cộng mới không có ở Hy Lạp, đó là các khải hoàn môn, các đấu trường, các basilica, (tòa án, nhà thờ Cơ Đốc giáo), các nhà hát..

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ HỌC TẬP NHÀ TRƯỜNG

Các hoàng đế La Mã đã cho xây dựng các Forum đế chế (Forums Impériaux) kề bên forum Romanum. Đầu tiên là forum Lulium (56 - 54 tCn) do chính Caesar xây dựng (nên còn gọi là forum Caesar). Sau đó là forum Augusto (32 - 31 tCn), forum Vespasiano (Forum Hòa bình, 71 - 75), forum Nerva (98), cuối cùng và lớn nhất là forum Traianus tức Trajan (113).



Sơ đồ các công trình chính ở Trung tâm Roma



Mô hình tái tạo Roma lich sử

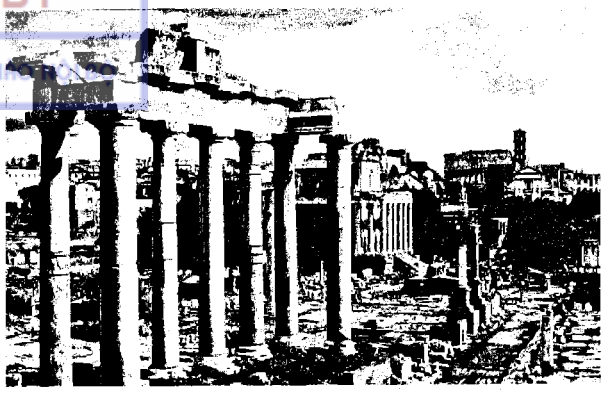
Theo chân các hoàng đế chiến thắng, rất nhiều vật liệu xây dựng quý hiếm, vô số kiệt tác nghệ thuật bậc nhất thời bấy giờ, kể cả những quy pháp xây dựng, các giá trị thẩm mỹ mới, cùng vô vàn thợ xây dựng tài hoa đã được đưa về Roma. Điều này làm cho các công trình được xây dựng rất nguy nga và tráng lệ, các forum vô cùng hoành tráng... Các forum được xây dựng không chỉ vì nhu cầu công cộng, mà còn để tôn vinh quyền và uy của các hoàng đế La Mã, hình thành nên nhiều loại công trình mới cho mục đích này, đó là các khải hoàn môn, các trụ biểu ghi công, các cột biểu trưng kiểu Ai Cập, các đấu trường...

Sau đó các quảng trường hội họp không còn vị trí là các trung tâm thương mại, việc buôn, bán thịt và các loại sản phẩm được tách thành các khu chợ riêng.

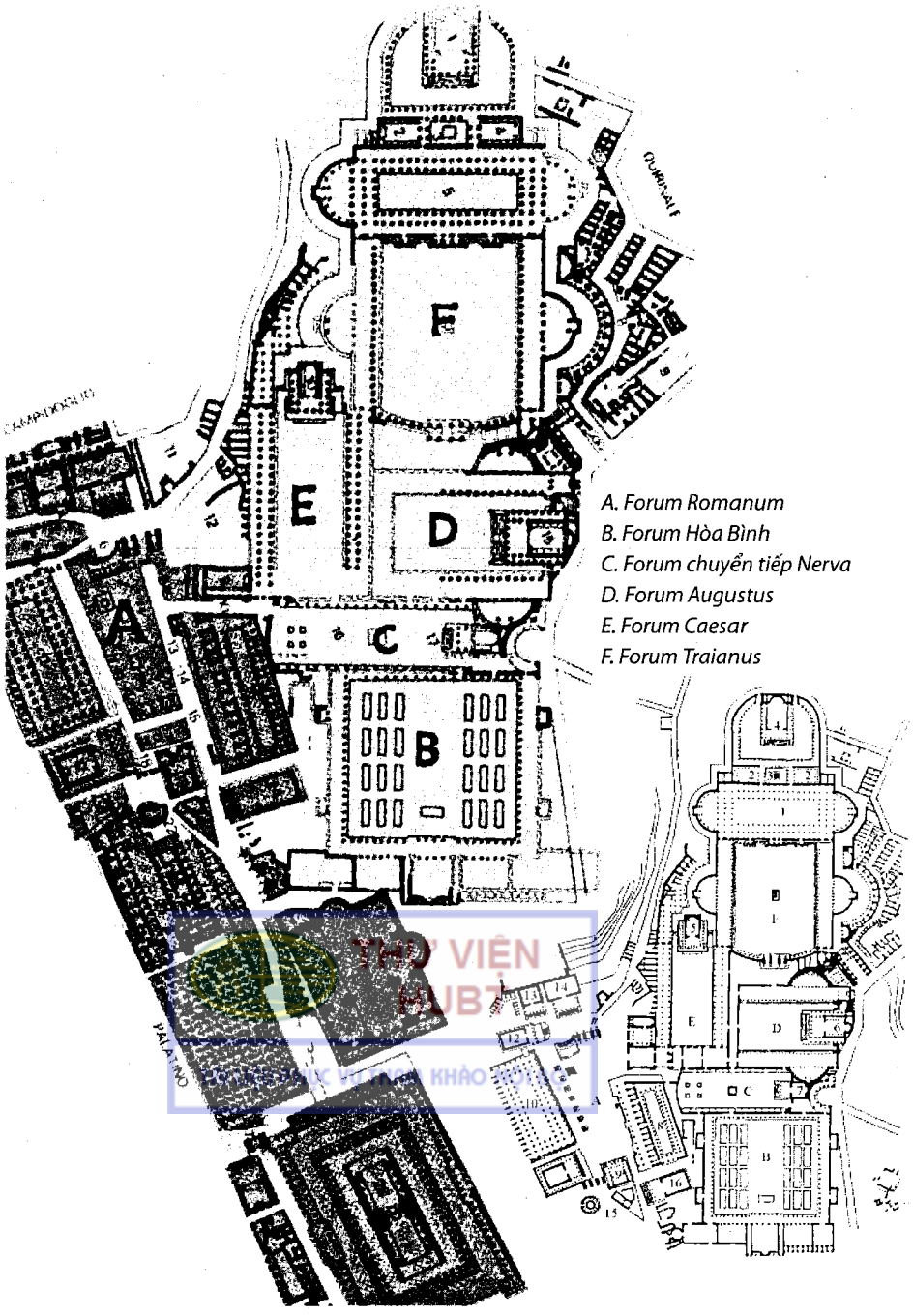
Việc tổ chức các không gian kiến trúc đô thị của người La Mã, các không gian công cộng đều được thiết kế thành những tổng thể khép kín và quảng trường công cộng (Forum) chính là hạt nhân liên kết các công trình công cộng xung quanh. Từ đó các không gian công cộng của La Mã trở thành những tổng thể kiến trúc đô thị độc lập, được bố trí rải rác trên mặt bằng trung tâm đô thị.

Hình thái các quảng trường công cộng của La Mã rất đa dạng. Ngoài hình vuông, hình chữ nhật quen thuộc, người La Mã đã khai thác các biến thể của các hình kỷ hà để tạo ra các quảng trường hình tròn, hình bán nguyệt, hình bầu dục... liên kết các không gian quảng trường có nhiều hình dạng khác nhau thông qua việc sử dụng khéo léo những thành phần liên kết như cổng, vòm, khải hoàn môn, tượng đài, hàng cột... trên cơ sở của nguyên tắc đối xứng, tạo nên các không gian công cộng hoàn chỉnh. Tính hoành tráng, đa dạng của

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

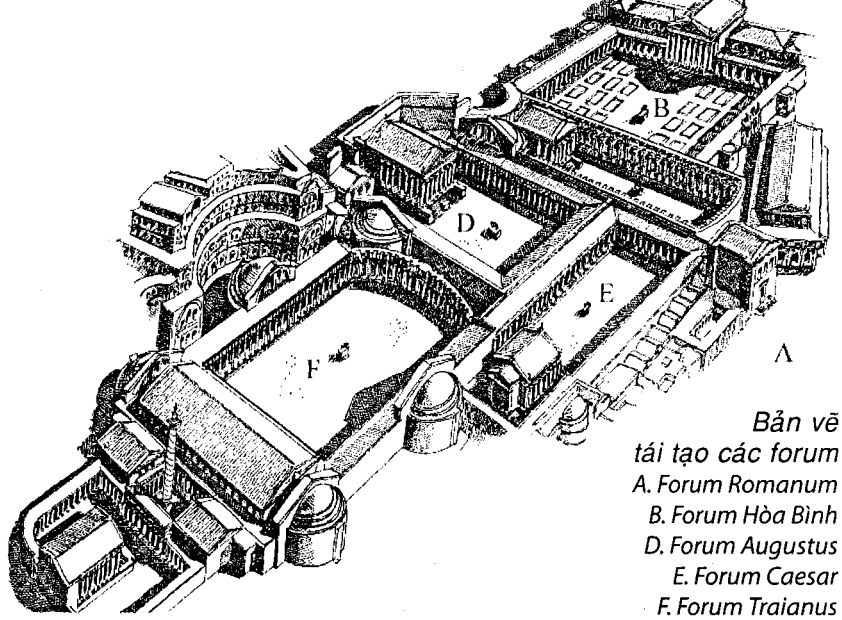


Di tích Forum Romanum



Các forum ở Roma

THƯ VIỆN HUBT



Bản vẽ tái tạo các forum
A. Forum Romanum
B. Forum Hòa Bình
D. Forum Augustus
E. Forum Caesar
F. Forum Traianus

hình thái quảng trường, cách liên kết không gian linh hoạt được coi là những đóng góp quan trọng của người La Mã trong nghệ thuật bố cục không gian kiến trúc đô thị.

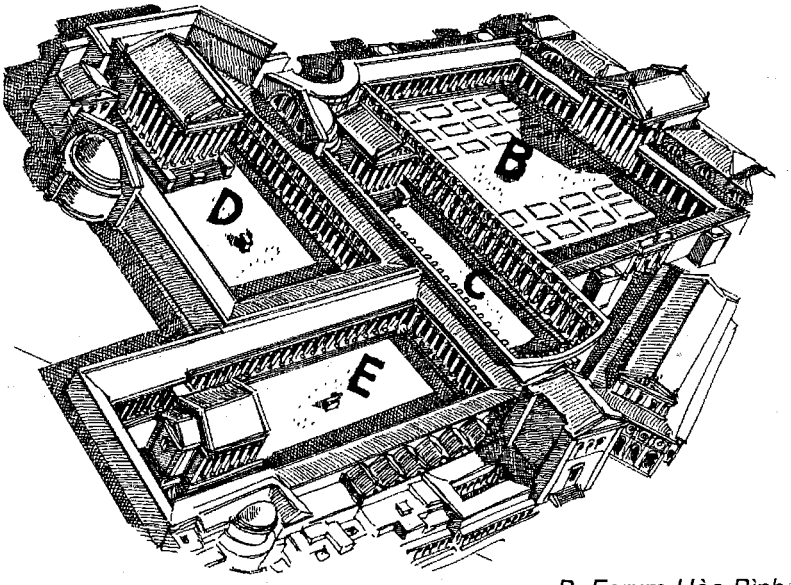
Trong thời kỳ trị vì của mình, Julius Caesar đã thiết kế và xây dựng khu vực các forum mới, đó là các forum Đế chế nằm ở phía bắc của forum Romanum nhằm giảm sự đông đúc và biến những khối lộn xộn thành một chỉnh thể hài hòa, đó là một dạng cung điện hình chữ nhật (kích thước 159 x 55m) bao quanh là các tòa nhà tôn giáo và chính trị có hàng cột bao quanh. Cho đến năm 14 sCn, Augustus tiếp tục quá trình hoàn thiện tổng thể kiến trúc này.

Từ đó quảng trường đã mang tính biểu tượng nhiều hơn. Trải qua nhiều thế kỷ với nhiều phen động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, cướp bóc... cuối cùng quảng trường cũng bị xuống cấp và đổ nát.

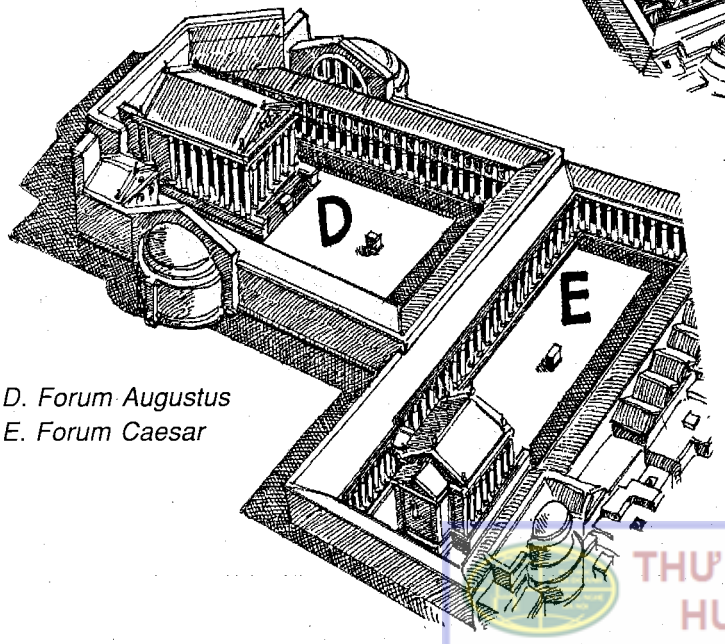
Qua công tác khai quật khảo cổ học được tiến hành vào thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực từng bị chìm dưới lòng đất đã được làm sống lại, hiện hình những tổng thể kiến trúc mà có thời đã được con người La Mã tự hào coi là "Cái rốn của thành phố La Mã cổ" (Umbilicus Urbis Romae).

Ngày nay công việc bảo tồn và tu tạo vẫn tiếp diễn tại các Forum để bảo tồn các di tích kiến trúc ở các trung tâm công cộng của La Mã cổ đại.

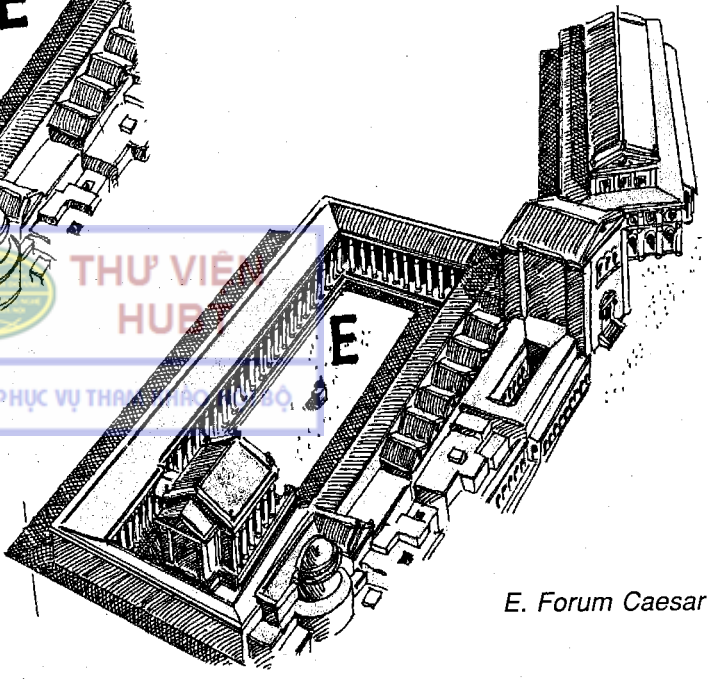
Sau đây là một số công trình chính đã làm nên các tổng thể kiến trúc quan trọng này:



B. Forum Hòa Bình
C. Forum chuyển tiếp Nerva
D. Forum Augustus
E. Forum Caesar



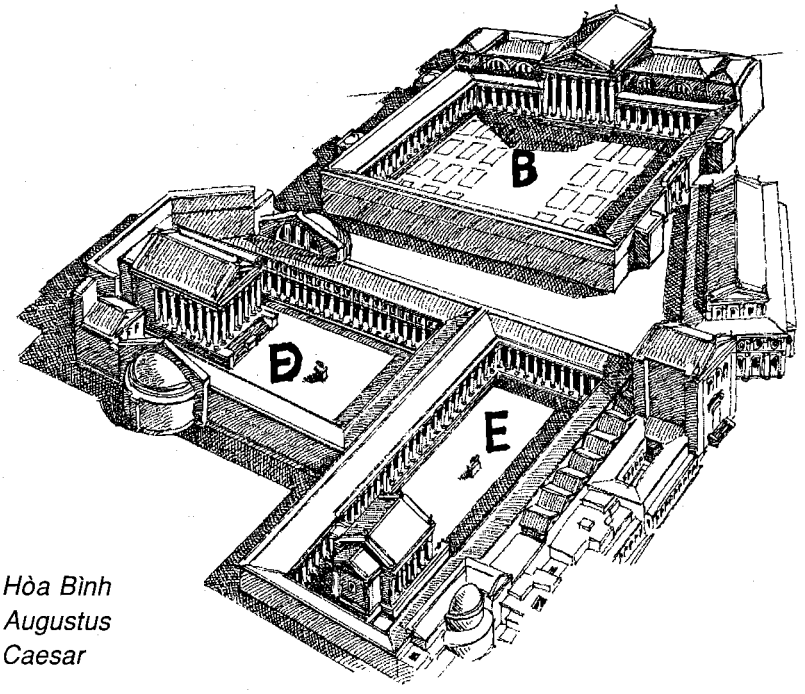
D. Forum Augustus
E. Forum Caesar



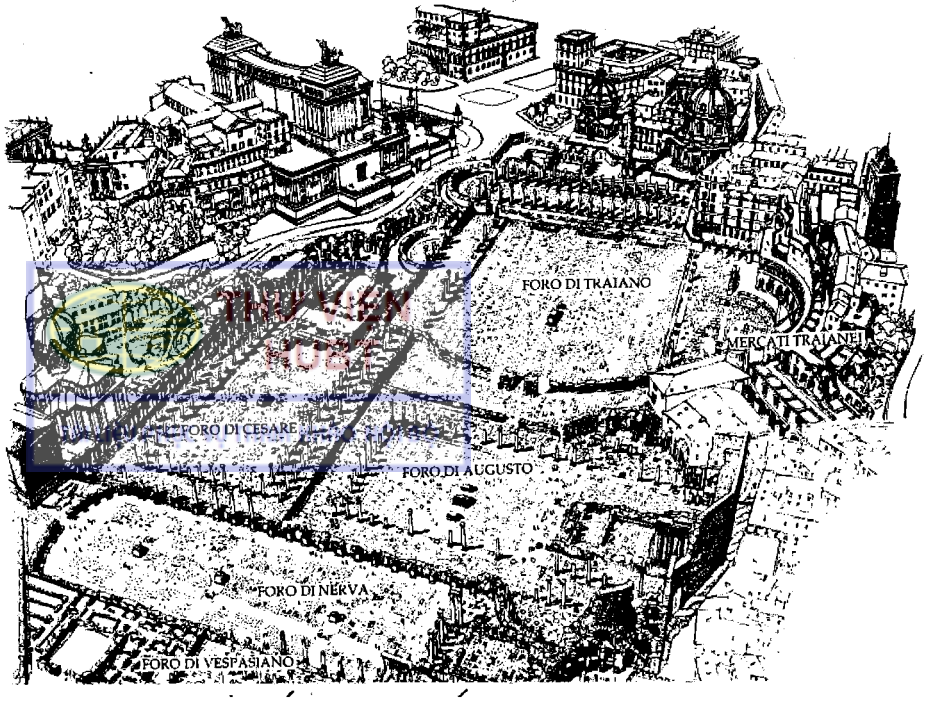
E. Forum Caesar

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

Bản vẽ tái tạo các forum



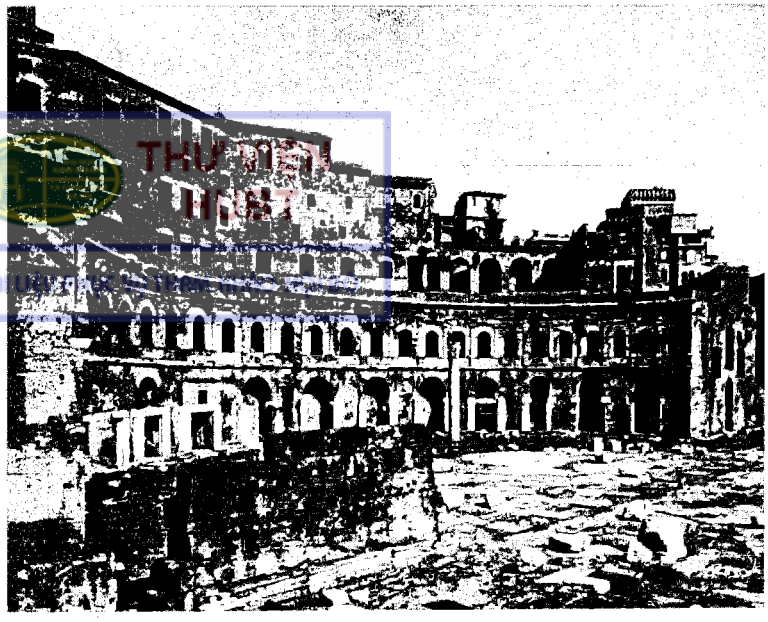
B. Forum Hòa Bình
D. Forum Augustus
E. Forum Caesar



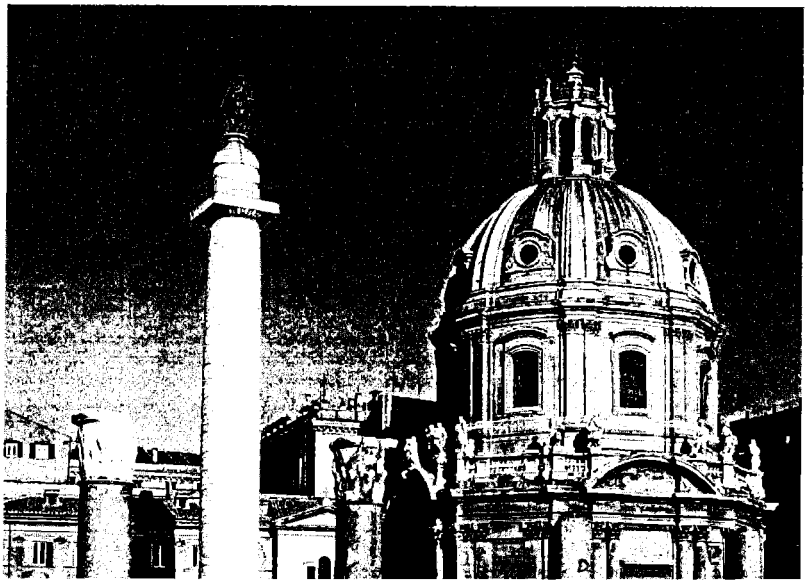
Bản vẽ tái tạo các forum



Cổng chào Titus ở Forum Vespasien



Di tích chợ Trajan



Trụ biểu Trajan và vòm mái nhà thờ Venus Genitrix

Forum Romanum có cả thảy 28 công trình lớn nhỏ, các con đường liên hệ và các quảng trường được hình thành tự phát, nổi tiếng nhất là Via Sacra. Đó là con đường xuyên suốt forum Romanum, tập trung nhiều công trình, nhiều tượng đài của Roma cổ đại. Trên con đường thiêng liêng này có 3 cổng vòm, còn gọi là khải hoàn môn. Khải hoàn môn Septimius được xây dựng năm 203 cao 20m, rộng 25m và sâu 11m, xây bằng gạch, đá vôi và bọc đá cẩm thạch bên ngoài để tôn vinh hoàng đế Septimius đã chiến thắng người Parthes vùng Lưỡng Hà, Tiểu Á năm 195 - 197.

Forum Romanum phát triển cực thịnh vào thời Massenzio và Constantinus, những người đã cho xây đền Romulus và Basilica Massenzio khổng lồ. Basilica Massenzio có diện tích 6500m^2, được Massenzio khởi công năm 308 và Constantinus hoàn thành. Gian chính dài 80m, rộng 25m và cao 35m, mái là 3 vòm cuốn được đỡ trên 8 cột đá cẩm thạch cao 14,5m. Vẻ kỳ vĩ và hoành tráng của công trình biểu lộ quyền uy và sự giàu sang thịnh vượng của đế chế La Mã.

Công trình Forum Trajan do kiến trúc sư Hy Lạp Apolodoro de Damasco (106 - 113) thiết kế, là một tổ hợp công trình công cộng khổng lồ: dài 300m, rộng 185m - lớn gấp 5 lần sân bóng đá bây giờ. Có đền thờ Trajan, thư viện La-tinh, trụ biểu tôn vinh Trajan, tượng toàn thân Trajan, basilica Ulpia, chợ Trajan.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Trụ biểu Trajan (xây dựng năm 113 sCn) là một tác phẩm điêu khắc hoành tráng và ngoạn mục. Các băng phù điêu chạm nổi quấn quanh khối trụ liên tục từ dưới lên trên nhưng người ta khó có thể thấy được hết bởi nó cao tới 40m. Băng phù điêu dài 200m này thuật lại chiến thắng của hoàng đế Trajan trong cuộc giao tranh với người Dacio năm 101 - 102 và 105 - 106, trên đó thể hiện toàn cảnh với 2500 nhân vật. Ở đỉnh trụ ban đầu có tượng Trajan, đến năm 1587 thay bằng tượng Thánh Peter.

Chợ Trajan cao 3 tầng có hình bán nguyệt, xây bằng gạch. Mỗi tầng có một chức năng riêng, nhưng đặc sắc nhất vẫn là các cửa hiệu và quán ăn mà các chợ hiện đại ngày nay cũng khó sánh kịp.

**** Các di tích kiến trúc:***

Xung quanh Quảng trường hội họp La Mã (Forum Romanum) có trên hai chục di tích kiến trúc có niên đại mấy trăm năm trước Công nguyên. Nhiều đền đến nay chỉ còn lại những dấu tích là tiền sảnh với những hàng cột tròn kẻ sọc bằng đá cẩm thạch trắng, cao vút hàng chục mét theo kiến trúc Corinthe. Dưới đất, ngay cạnh đó là những đoạn cột đá bị vỡ có chu vi đến một người ôm cùng những dầm, những trụ, những tảng đá được thu gọn lại.

Nằm trong số những đền cổ xưa nhất ở Roma, đền Saturn được xây dựng năm 497 tCn, nay còn lại một hàng tám cột đá trắng theo thức cột Ionic, phía trên đỡ một dầm đá vẫn còn những đường nét trang trí đã cho người xem hình dung quy mô to lớn trang nghiêm của đền. Đền có thời gian được dùng làm kho bạc nhà nước.

Đền Castor và Pollux được xây dựng năm 191 sCn để ghi nhớ chiến công hiển hách của hai kị sĩ đã chiến thắng trong cuộc giao chiến giữa người La Mã và người La-tinh năm 496 tCn tại hồ Regillus; di tích còn lại đến nay chỉ là bệ cột đá tròn được cấu tạo có độ thẩm mỹ cao.

Đền Vespasian đến nay chỉ còn lại một vòng cung phía trước với ba cột đá và một hàng tượng toàn thân bằng đá trắng kê trên những bệ đá cao ngang người. Nhiều tượng đã bị vỡ mất phần trên, duy nhất chỉ còn lại một pho nguyên vẹn được tạc từ hơn 1800 năm trước.

Đền Antoninus được xây dựng vào năm 136 - 161 sCn còn lại phía mặt trước khá nguyên vẹn. Đền được xây trên một nền cao

khoảng 7m, tiền sảnh là một diện tích rộng có một hàng 6 cột đá trắng cao to, mỗi bên có hai cột cũng đều bằng đá trắng, mặt trước ngôi đền xây cao nổi lên được tạo hình cân đối và bề thế.

Nằm ở phía nam đường Via Appia, Đền Vesta là một công trình độc đáo, được xây dựng năm 191 sCn, thờ nữ thần Vesta cũng còn gọi là Thần nội trợ, được xây theo hình khối tròn, bao quanh là những cột đá tròn xẻ rãnh đỡ một mái tròn lượn sóng.

**** Các cổng khải hoàn, các basilica:***

Các cổng khải hoàn (khải hoàn môn) được xây để ghi công những chiến thắng của các hoàng đế La Mã. Khải hoàn môn Titus được xây dựng để tôn vinh công trạng của vua Titus sau khi ông qua đời năm 81 sCn. Cổng là một khối hình chữ nhật, cao 15,4m, rộng 13,5m, sâu 4,75m, có một cửa vòm khoảng hai phần ba chiều cao. Trên các mặt của công trình được trang trí những họa tiết nói về tín ngưỡng và niềm tin của con người vào chúa Trời. Khải hoàn môn Septimus có quy mô lớn hơn và có phần đẹp hơn, được xây dựng năm 203 sCn để tôn vinh chiến công của hoàng đế Septimus đã chiến thắng người Parthes vùng Lưỡng Hà, Tiểu Á. Cổng cao 23m, rộng 25m, sâu 11m, có một cửa chính to cao và hai cửa phụ ở hai bên, tạo thành ba gian (thông nhau bằng hai cửa vòm nhỏ bên trong). Mặt trước có bốn cột đá tròn được kê trên các bệ hình khối trụ vuông, nổi hẳn ra ngoài tường, tạo hình kiến trúc vững chãi, bề thế và phong phú. Hai mặt tường trước và sau được chạm trổ những sự tích của chiến thắng. Phần trên các cửa vòm là đá trắng có khắc những dòng chữ La-tinh, ghi lại năm tháng của những chiến công và tên những người anh hùng La Mã đã làm nên công trạng.

THƯ VIỆN HOBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Khải hoàn môn Constantin xây dựng vào năm 315 sCn để ca ngợi chiến công của hoàng đế Constantin. Khải hoàn môn này cũng có ba cửa vòm, có kiến trúc tương tự như khải hoàn môn Septimus, nhưng phần điêu khắc trên hai mặt phong phú hơn, nét chạm khắc trên đá được giữ hầu như nguyên vẹn; nhiều phù điêu và cả tượng tròn, những đường gờ và những kẻ chỉ trên cột dường như chưa bị bào mòn bởi thời gian.

Ngoài các đền và khải hoàn môn, xung quanh quảng trường còn có những tòa Basilica (thánh đường, cung hội họp), những nhà hát, những nhà tắm (với công năng thực sự là những cung văn hóa, thể thao, bơi lội)...

Nhiều basilica ngày nay không còn lại dấu vết, nhưng basilica Emilia (xây dựng năm 179 và tân trang năm 78 tCn) vẫn còn nhiều di tích.

Basilica Ulpia là công trình công cộng lớn nhất thời đế chế, dài 170m, rộng 60m (được đặt theo tên của hoàng đế Marco Ulpio Traianus).

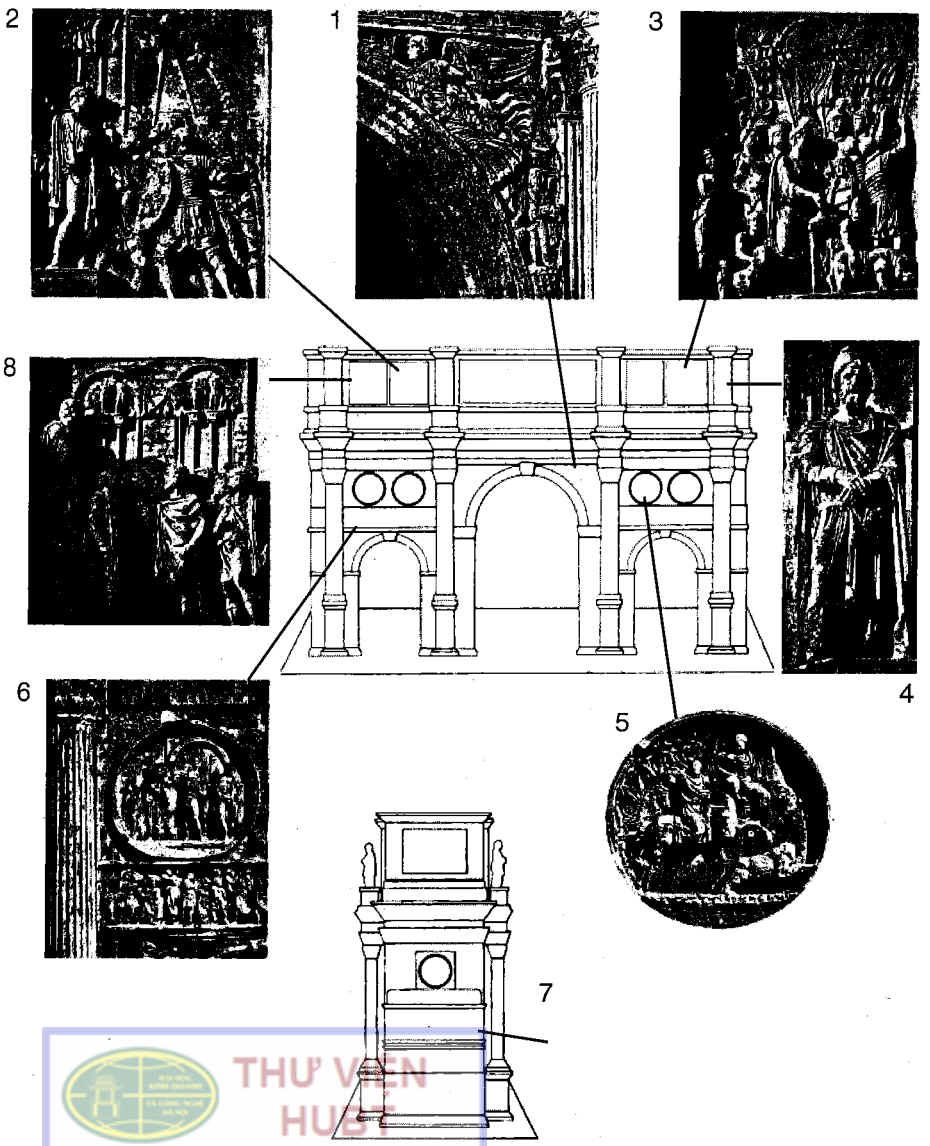
Basilica Emilia là một công trình khổng lồ, gian chính rộng 70m, sâu 29m và cao 12m, sân và nền nhà được lát đá cẩm thạch nhiều màu. Cửa chính cao 2 tầng với 16 vòm cung trên các trụ đá. Kết cấu vòm và trụ cho phép xây dựng các gian nhà lớn hơn, đó thực sự là một sáng tạo vĩ đại của người La Mã.

Sử dụng điêu khắc và hội họa kiến trúc vốn là đặc trưng của giá trị kinh điển trong kiến trúc công cộng Hy Lạp đã được các nghệ sĩ La Mã duy trì để phát triển kiến trúc công cộng của mình. Tuy nhiên ở giai đoạn cuối, sự hài hòa giữa hội họa, điêu khắc và kiến trúc đã không được triển khai trọn vẹn trong kiến trúc công cộng lớn của La Mã. Các thức cột có xu hướng đơn giản hóa và không tham gia với



Phù điêu ở cổng chào Constantin (số 2) mô tả Constantin và tướng sĩ

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ TRA CỨU NGHIÊN CỨU



Tượng phù điêu ở cổng chào Constantin

THƯ VIỆN HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

tư cách là thành phần vừa trang trí vừa chịu lực trong công trình vốn làm nên các yếu tố thẩm mỹ đặc sắc ở các kiến trúc công cộng của Hy Lạp trước đây. Thức cột và cả điêu khắc, hội họa trở thành những thành phần độc lập và chỉ đơn thuần mang ý nghĩa trang trí cho công trình của người La Mã. Về tổng thể không gian kiến trúc công cộng của La Mã, thường có quy mô lớn và mức độ trang trí phong phú. Điều đó nói lên sự giàu có và sức mạnh của La Mã. Các bố cục

nghiêm ngặt trong thiết kế từng công trình cũng như tổng thể các công trình đã tạo nên sự hoàn chỉnh mang tính nhân tạo của tổng thể không gian công cộng, trong đó các công trình có sự kết hợp với nhau rất chặt chẽ. Yếu tố địa hình, cảnh quan thiên nhiên không tham gia đáng kể vào vai trò quyết định bố cục tổng thể như thường gặp ở kiến trúc Hy Lạp.

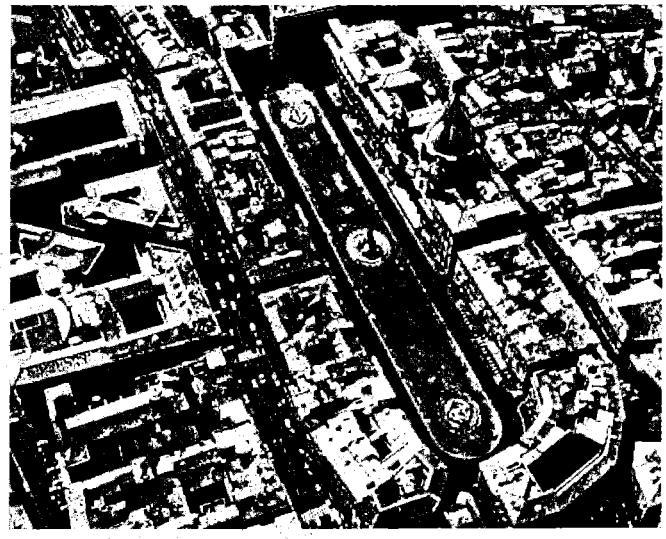
**** Kiến trúc quảng trường các thế hệ sau:***

Thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XV - XVI), Roma có rất nhiều quảng trường, mỗi quảng trường là một tổng thể kiến trúc và mỹ thuật khác nhau. Quảng trường nào cũng có những tượng đài, những vòi phun nước, đường xá rộng rãi, các kiến trúc xung quanh hài hòa và là những nơi thưởng ngoạn mỹ thuật, âm nhạc cho công chúng. Quảng trường Cộng hòa gần ngay ga tàu điện ngầm Trung tâm Termini, ở giữa là một đài phun nước tròn nhiều tầng. Trên cao là pho tượng đàn ông vạm vỡ và phía dưới bốn xung quanh là tượng bốn phụ nữ khỏa thân. Tất cả đều bằng đá, ở tư thế chế ngự các con vật, có dáng hình rất sinh động, có nội dung thể hiện các truyền thuyết.

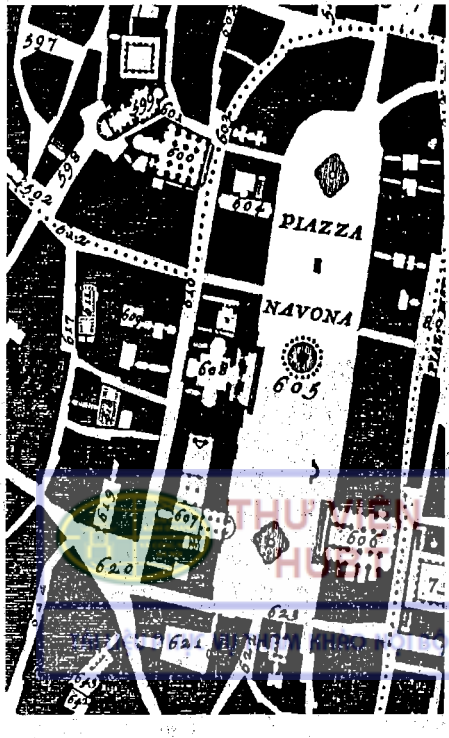
Việc thiết kế và cấu tạo quảng trường qua các thời đại có những điểm khác nhau. Trước đây vào thời cổ đại, quảng trường công cộng là nơi gặp gỡ, hội họp, sinh hoạt đa năng của cư dân đô thị, quảng trường không những gắn bó với đời sống của dân cư đô thị, mà còn là bộ mặt, là biểu tượng của đô thị. Thời trung đại đô thị được biết đến qua quảng trường chợ. Thời Phục Hưng quảng trường đẹp nhất của đô thị là quảng trường nhà thờ.

Quảng trường Navona được xây dựng lại năm 1478 trên nền của đấu trường Domitien cổ đại, ở vị trí dưới chân đồi Capitol của thành phố Roma. Quảng trường vừa là nơi họp chợ, buôn bán, vừa là nơi tiến hành các lễ hội lớn. Quảng trường có mặt bằng hình chữ nhật (dài 240m, rộng 65m). Giữa thế kỷ XVII quảng trường được cải tạo cơ bản và hoàn chỉnh theo phong cách kiến trúc đô thị Barocco. Các kiến trúc sư Raimondi, Bernini và Francesco Borromini là những người có đóng góp quan trọng. Năm 1650 Raimondi thiết kế và xây dựng cung Pamphili, nhà thờ Sainte-Agnès. Bernini là tác giả của công trình đài phun nước chính đặt trên quảng trường có chủ đề "đài phun Những dòng sông". Hình tượng điêu khắc mang chủ đề về sông Nil, sông Hằng, Đa-nuyp và Rio de la Plata.

THƯ VIỆN HUBT



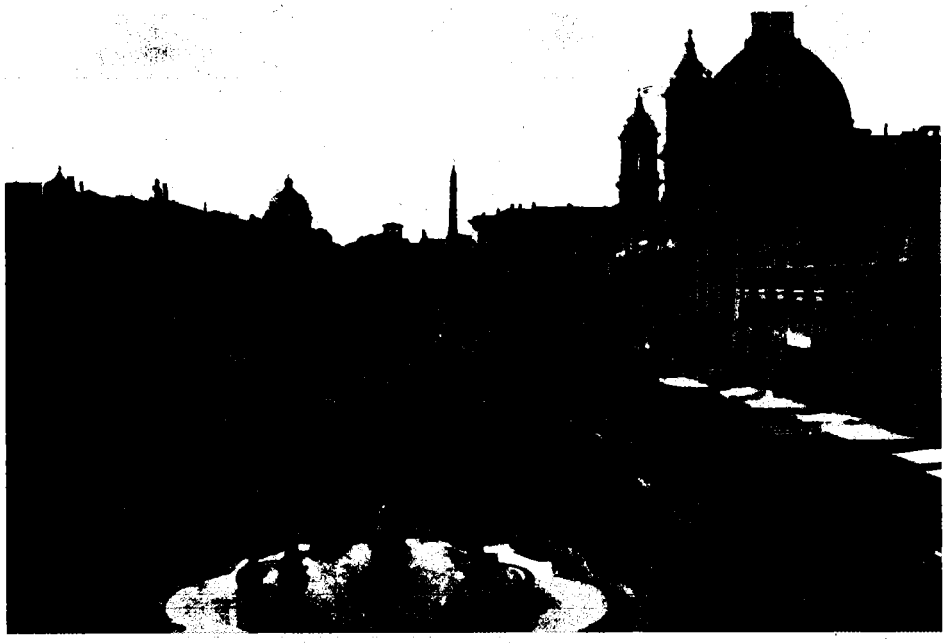
Mô hình tái tạo quảng trường Navona



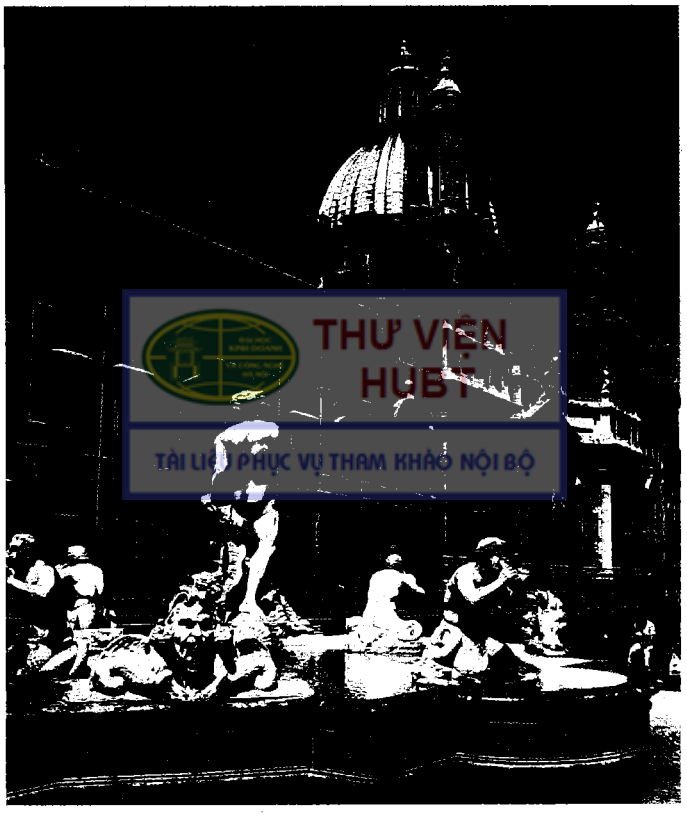
Mặt bằng quảng trường Navona



Quảng trường Navona



Phối cảnh quảng trường Navona



Bể cảnh và tượng nghệ thuật ở quảng trường Navona

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Navona là hạt nhân của khu vực sinh hoạt công cộng quan trọng của cư dân thành phố Roma. Xung quanh quảng trường Navona là cả một tập hợp các đường phố và quảng trường nhỏ có từ thời cổ đại. Các đường phố và quảng trường này lần lượt được cải tạo trong hai thế kỷ (XVII và XVIII) theo phong cách kiến trúc đô thị Barocco, trong đó hai quảng trường quan trọng nhất là quảng trường nhà thờ Thánh Maria và quảng trường nhà thờ Thánh Ignace.

Quảng trường Tây Ban Nha có hình ảnh đặc trưng với hệ thống bậc dẫn từ đường phố lên một sân khấu nổi trên cao và dẫn tiếp lên nhà thờ Del Monti trên đỉnh đồi, là tác phẩm cảnh quan của Francesco De Santis, làm vào thời gian 1723 - 26. Phía trước là một bể cảnh với đài phun nước Barcaccia (tác phẩm của Pietro Bernini, cha của Gian Lorenzo), bên trong có một con thuyền tạc bằng đá trắng ở tư thế đang chìm xuống nước. Nơi đây có nhiều buổi biểu diễn thời trang và ca nhạc. Nhiều họa sĩ bày giá vẽ để vẽ chân dung cho du khách.

Thế kỷ XVII - XVIII, ở Roma có nhiều quảng trường khác được cải tạo và mở rộng theo phong cách kiến trúc đô thị Baroccco như: quảng trường Nhân dân, quảng trường Tây Ban Nha, quảng trường Barberini, quảng trường Minerva, quảng trường đài phun nước Trevi... trong đó quảng trường Nhân dân với nguyên tắc bố cục ba tuyến đường hội tụ, một bố cục đặc trưng của đô thị thời kỳ Phục Hưng khá tiêu biểu thường được khai thác vận dụng trong bố cục quảng trường ở nhiều nơi.

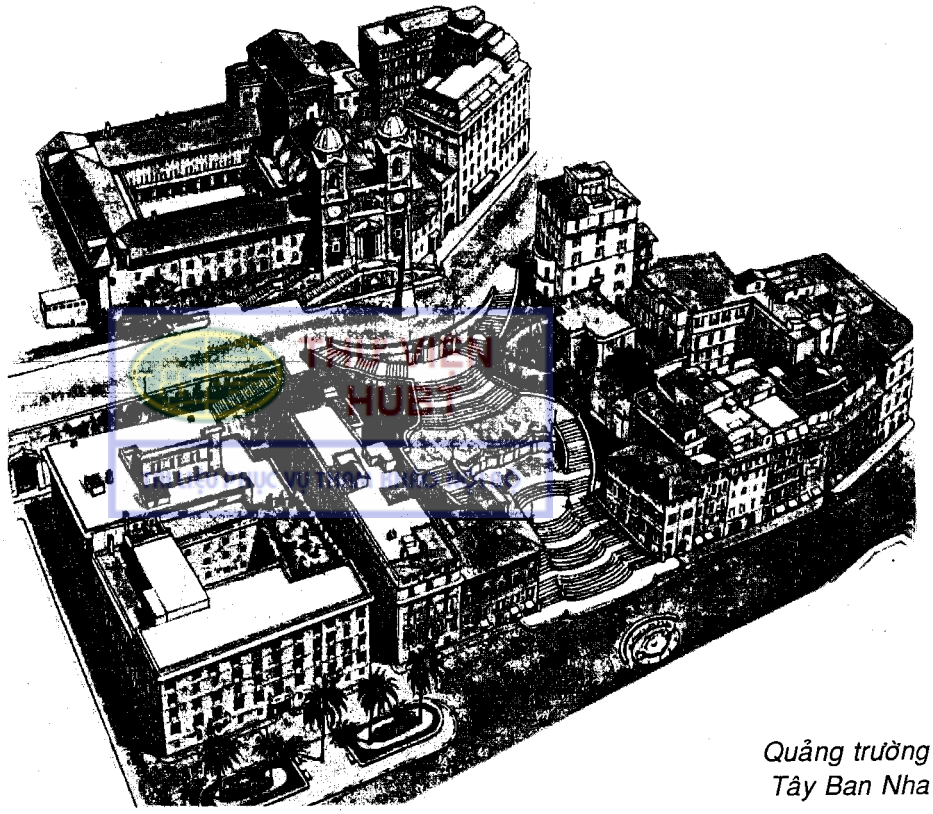
Từ quảng trường có hình thái tự do, quảng trường Thánh Maria được cải tạo thành quảng trường có hình thái bố cục hình học đều. Tương tự như quảng trường Thánh Maria, quảng trường Thánh Ignace được cải tạo theo nguyên tắc tổ hợp của các đường cong.

THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Phục Hưng Italia thường có mặt bằng hình chữ nhật đều đặn, các góc khép kín, có lối vào ở giữa mỗi cạnh. Nhiều trường hợp xung quanh quảng trường có hàng hiên cột, mái vòm, tạo thành các lối đi dưới mái. Việc mở các lối vào quảng trường ở giữa mỗi cạnh của quảng trường để tạo thuận lợi cho việc đặt các công trình quan trọng có vị trí chế ngự không gian của tổng thể khép kín. Không gian ở giữa quảng trường hoặc ở phía đường phố bên kia nhìn vào quảng trường, tạo nên các hình ảnh phối cảnh hoành tráng của công trình chính. Việc tổ chức mặt bằng quảng trường dạng hình học

là đóng góp mới của nguyên tắc quy hoạch Phục Hưng so với cách tổ chức theo hình thức tự do của các quảng trường trung đại. Việc lựa chọn tỷ lệ, kích thước và hình dáng mặt bằng quảng trường thời Phục Hưng cũng được đặc biệt chú trọng. Qua nghiên cứu, Alberti khẳng định quan điểm lựa chọn kích thước quảng trường trong sách bách khoa của mình như sau: "Chiều rộng của quảng trường không được vượt quá từ 3 đến 6 lần chiều cao của công trình dọc chiều rộng của quảng trường".

Khác với thời kỳ trung đại, những công trình khép kín các bề mặt xung quanh quảng trường Phục Hưng thường được thiết kế với độ cao và hình thức kiến trúc tương đối đồng nhất. Để tăng cường tính thống nhất của kiến trúc tổng thể quảng trường, các kiến trúc sư thường dùng các hàng hiên bao quanh, đồng thời chú trọng sự liên tục của các phân vị ngang, sự lặp lại của các phân vị đứng của những công trình bao quanh quảng trường.



Quảng trường Tây Ban Nha



Toàn cảnh quảng trường Tây Ban Nha

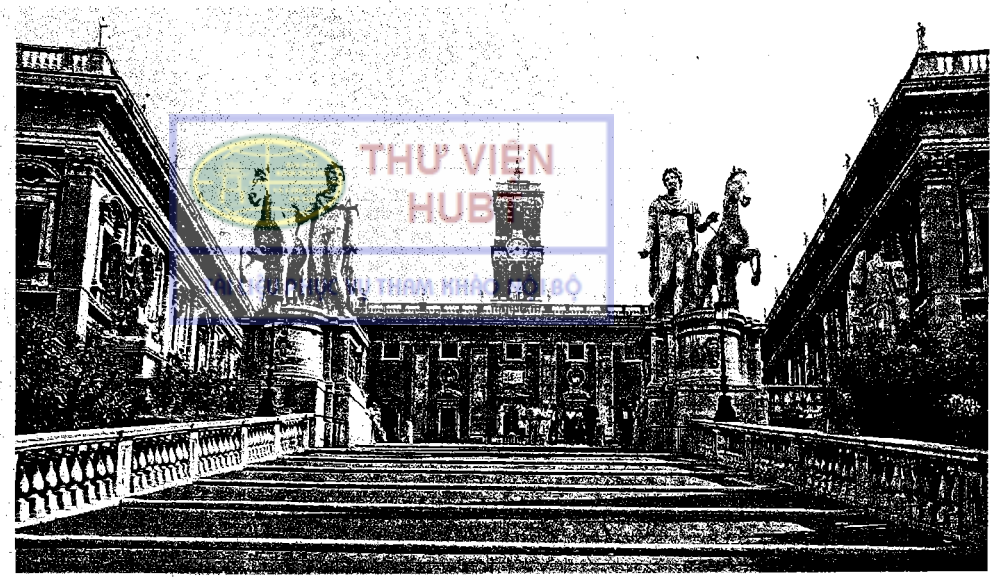


THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Tây Ban Nha lúc chiều tà

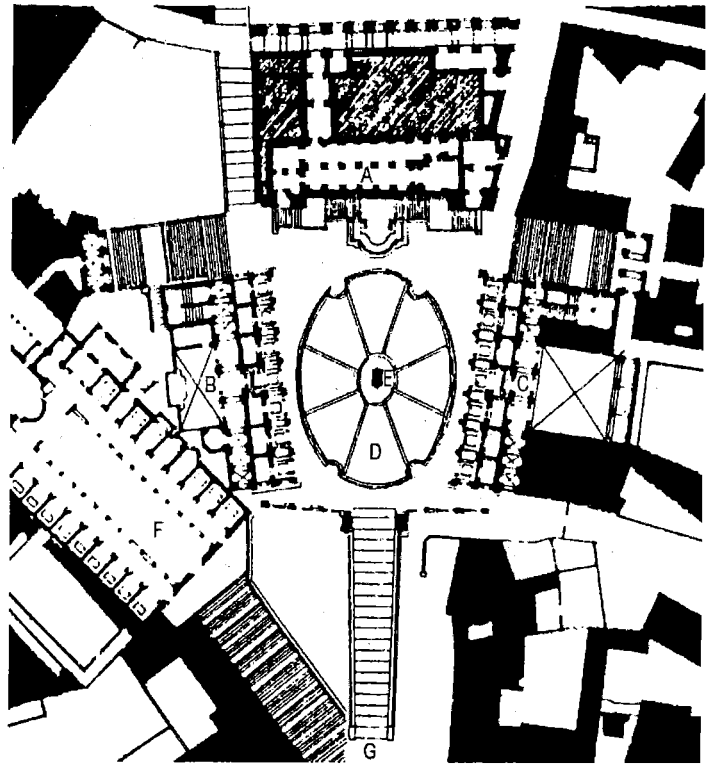


Quảng trường Tây Ban Nha



Kiến trúc quảng trường Capitol

THƯ VIỆN HUB



Quảng trường Capitol

Một quảng trường khá tiêu biểu của nghệ thuật Phục Hưng là quảng trường Capitol nằm ở phía nam khu vực Campus Martinus. Đồi Capitol vốn có chức năng là trung tâm hành chính gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của Roma. Ở đây tập trung các công trình hành chính như Viện Nguyên lão, Cung Chấp chính cùng nhiều sảnh hội họp, hàng hiên cột thức và các vọng lâu... Quá trình hình thành bố cục kiến trúc tổng thể các công trình ở đây không theo một quy hoạch rành mạch nên có phần lộn xộn.

THƯ VIỆN HUBT

Công việc cải tạo Capitol với việc mở ra một quảng trường công cộng được giao cho kiến trúc sư Michelangelo vào năm 1536. Ý đồ thiết kế quảng trường Capitol của nghệ sĩ này bao gồm các điểm chính: Tạo mặt bằng quảng trường có dạng hình học đều đặn; Bổ sung các công trình kiến trúc mới hài hòa với kiến trúc hiện có; tạo sự liên hệ về giao thông và tầm nhìn cảnh quan của quảng trường với thành phố. Trong ý đồ thiết kế đã đề cao việc trang trí không gian quảng trường bằng hệ thống tượng và điêu khắc cổ đại. Thực tế Michelangelo không những làm đẹp không gian quảng trường mà

còn biến quảng trường thành một bảo tàng ngoài trời về nghệ thuật tạo hình của La Mã cổ đại và cả của thời kỳ Phục Hưng.

Quảng trường có mặt bằng hình thang với chiều dài trung bình của hai cạnh song song là 75m chiều sâu và chiều rộng trung bình là 50m. Ba mặt có công trình, mặt thứ tư là cạnh đáy nhỏ của hình thang mở về hướng thành phố. Michelangelo đã tận dụng hiện trạng kiến trúc của quảng trường để tạo nên quảng trường hình thang rất hấp dẫn. Công trình mới là bảo tàng được ông thiết kế có mặt chính đối xứng với Cung Chấp chính ở phía đối diện. Viện Nguyên lão là công trình chính cao 3 tầng (27m), hai công trình ở hai bên thấp hơn (22m). Hình ảnh kiến trúc ở vị trí cạnh đáy lớn của hình thang được nhấn mạnh là nhờ hiệu quả của hình ảnh phối cảnh ảo. Tính nhất quán của phong cách kiến trúc Phục Hưng trong tổng thể quảng trường đạt được là do Michelangelo chủ trương sử dụng thống nhất một thức cột Corinthe trong tổ hợp mặt đứng kiến trúc của cả ba công trình.

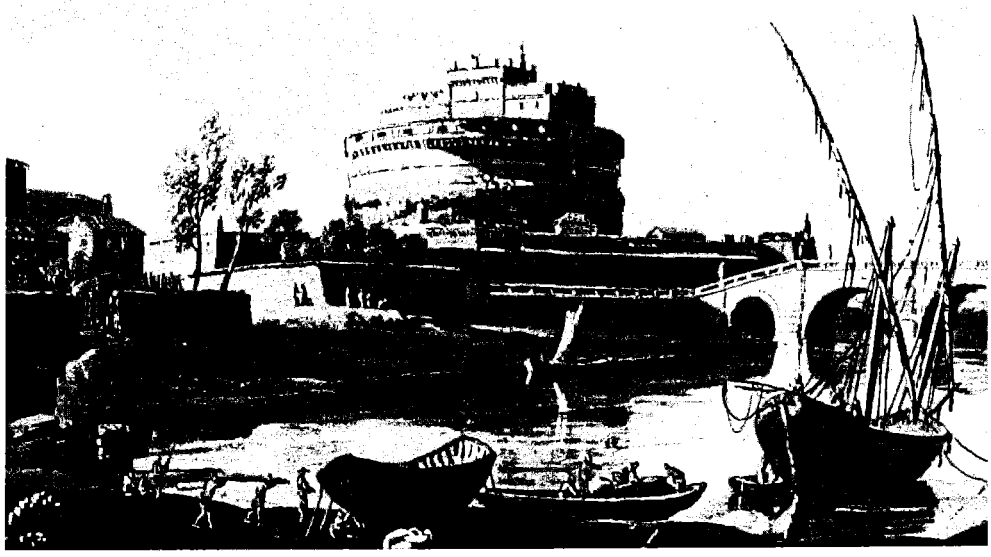
Công trình chính trên quảng trường nay được dùng làm Tòa Thị chính, hai công trình còn lại là Bảo tàng Nghệ thuật, giữa quảng trường đặt tượng Marc Aurèle trên mình ngựa.

Nghệ thuật điêu khắc tượng chiếm vị trí quan trọng trong việc tạo hình và trang trí các quảng trường Phục Hưng. Thể loại tượng khá đa dạng, tiêu biểu nhất của thời kỳ Phục Hưng là tượng người cưỡi ngựa. Chất liệu tượng chủ yếu là đá hoa cương hoặc đồng. Số lượng tượng và vị trí đặt tượng trên quảng trường luôn được các tác giả Phục Hưng nghiên cứu rất kỹ. Tùy thuộc vào chất liệu tượng và hình thức kiến trúc xung quanh mà vị trí đặt tượng có khác nhau.

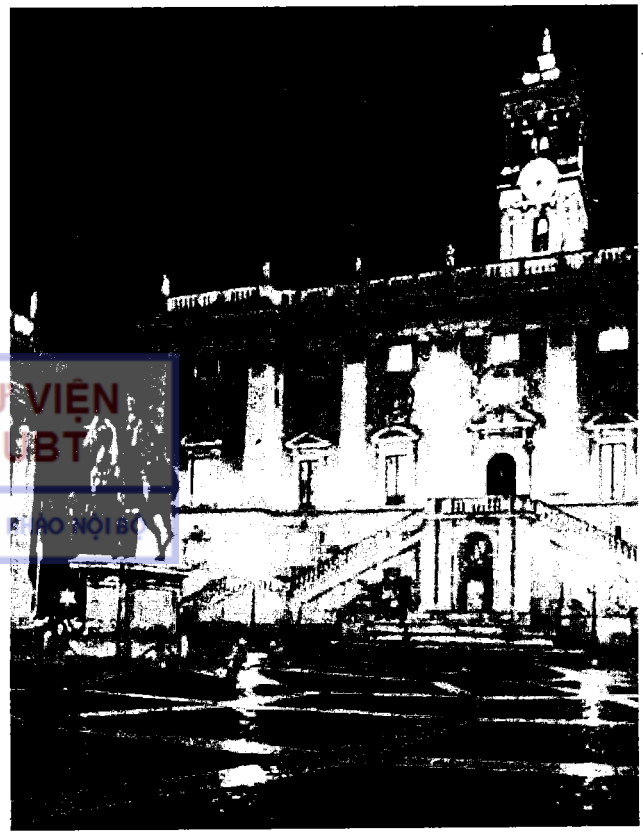
Các quảng trường được thiết kế theo phong cách Phục Hưng, thường có mặt bằng hình học và có kiến trúc khép kín thì vị trí đặt tượng là ở trung tâm của quảng trường. Tượng trở thành tiêu điểm của không gian quảng trường và được quan sát từ bốn phía.

Tượng Phục Hưng ở Italia được coi là tác phẩm đặc sắc, thường rất hoành tráng và được sáng tạo theo tinh thần của chủ nghĩa hiện thực, trở thành mẫu mực của nghệ thuật tạo hình thế giới. Nhiều tác phẩm tượng nổi tiếng trở thành biểu tượng của thành phố Phục Hưng Italia gắn liền với tên tuổi của các nghệ sĩ tài hoa như: Donatello, Verrocchio, Leonardo da Vinci với các tượng trên quảng trường Lâu đài ở Firenze.

THƯ VIỆN HUBT

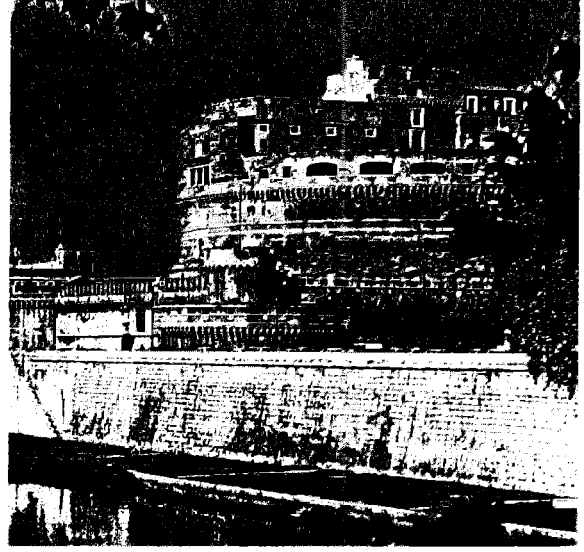


Tòa nhà Castel San A ngelo và sông Tiber (trong tranh cổ)



Viện Nguyên Lão (sau là Tòa thị chính) là công trình chủ đạo ở quảng trường Capitol

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Tòa nhà
Castel San Angelo

Ngay từ thời cổ đại, tượng ngoài trời đã được làm khá phổ biến, quy mô đồ sộ và là những tác phẩm nghệ thuật tạo hình đặc sắc, rất hoành tráng. Chủ đề tượng thường có nguồn gốc từ tín ngưỡng và truyền thuyết thờ đa thần nên tượng mang nhiều ý nghĩa tâm linh thiêng liêng hơn là ý nghĩa trang trí. Sang thời kỳ trung đại, kéo dài trên một nghìn năm, quan niệm xây dựng tượng cổ đại không được duy trì và phát triển. Tượng trung đại không có quy mô hoành tráng, chủ đề tượng chủ yếu có nguồn gốc từ tôn giáo, thường là tượng chân dung các thánh và tông đồ có công của Cơ Đốc giáo. Do đó, tượng để tưởng nhớ các nhân vật, thường được đặt trong không gian kín đáo có mái che như trong nhà thờ, trên các hốc tường, trong nhà mồ hoặc đặt ngoài trời ở nghĩa địa gần nhà thờ.

Đến thời kỳ Phục Hưng, tượng tách khỏi sự lệ thuộc vào nhà thờ, trở thành công trình nghệ thuật tạo hình độc lập được nghiên cứu công phu trong quan hệ tạo hình không gian với các kiến trúc ở xung quanh. Con người Phục Hưng tiếp nối và nâng cao, hoàn thiện thêm một bước quan niệm xây dựng tượng cổ đại. Chủ đề tượng Phục Hưng phong phú hơn, mang tính hiện thực gần gũi với con người và thiên nhiên, trong đó con người với vẻ đẹp tinh thần và sức mạnh là chủ đề trọng tâm (tượng David của Michelangelo và tượng Goliath là những ví dụ tiêu biểu). Do đó tượng Phục Hưng gắn liền với cuộc sống cộng đồng xã hội và là thành phần trang trí quan trọng của không gian đô thị. Để đạt được hiệu quả cao nhất về nhận thức thị giác các giá trị tạo hình của tượng, các tác giả Phục Hưng đặc biệt chú trọng nghiên cứu trường thị giác, ảnh hưởng của ánh sáng, không khí đối với chất liệu, màu sắc và quy mô của tượng... Đây chính là những đóng góp quan trọng của các nghệ sĩ Phục Hưng trong nghệ thuật điêu khắc.

THƯ VIỆN HUBT

4. Những kiệt tác kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc

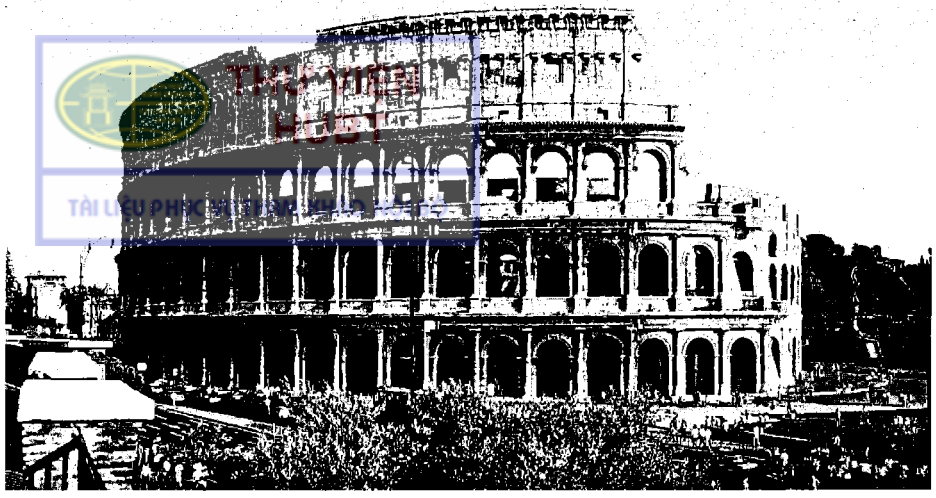
**** Đấu trường Colosseo:***

Colosseo là một kiến trúc cổ độc đáo tại Roma thuộc Italia. Khởi đầu, kiến trúc mang tên Amphitheatrum Flavium có nghĩa là đại hí viện của triều đại Flavius. Ngoài chức năng giải trí, kiến trúc này còn nhằm thể hiện là biểu tượng cho sự hùng mạnh và vĩ đại của Roma thời ấy.

Công trình xây dựng trong 8 năm từ năm 72 tới năm 80 sCn. Có thể hình dung tổng thể của đấu trường không khác lắm một sân vận động hiện đại, có khán đài nhiều tầng bao quanh theo hình ellip, bốn phía có cổng ra vào và có nhiều tầng hầm cho nhu cầu phục vụ.

Vị vua đầu tiên ra lệnh xây cất Colosseo là hoàng đế Titus Flavius Vespasian (trị vì từ năm 69 đến năm 79). Công trình được kế tục và hoàn thành bởi người kế vị là hoàng đế Titus Flavius Sabinus Vespasian (trị vì từ năm 79 đến năm 81).

Colosseo là một kiến trúc nhiều tầng hình bầu dục (chính xác là hình ellip) chu vi 521m, trục dài 189m, trục ngắn 156m, đỉnh tường cao 52m. Kiến trúc cao 4 tầng, vật liệu chủ yếu là đá cẩm thạch travertine, một loại cẩm thạch đẹp được khai thác ở vùng Tivoli. Ngoài ra, gạch nung và đá fufa từ núi lửa cũng được dùng để xây nhiều bộ phận của công trình.



Đấu trường Colossseo ở Roma

Colosseo là một kiến trúc nhiều tầng hình bầu dục (chính xác là hình ellip) chu vi 521m, trục dài 189m, trục ngắn 156m, đỉnh tường cao 52m. Kiến trúc cao 4 tầng, vật liệu chủ yếu là đá cẩm thạch travertine, một loại cẩm thạch đẹp được khai thác ở vùng Tivoli. Ngoài ra, gạch nung và đá fufa từ núi lửa cũng được dùng để xây nhiều bộ phận của công trình.

Qua các di tích vẫn còn nguyên vẹn, người ta có thể tạo lại hình ảnh Colosseo thời cổ như sau: tầng trệt và 3 tầng trên được xây bằng đá chồng lên nhau, các sàn được chống đỡ bằng các vòm và hệ thống cột tròn. Kết cấu vòm và cột rất phổ biến trong việc xây công trình theo chiều cao, khi đó thép và bê tông cốt thép chưa được biết tới.

Riêng tầng thứ ba việc cấu tạo kiến trúc có khác hơn, các kiến trúc hình vòng cung được xây kín, chồng lên nhau cách quãng bởi các panen và các cửa sổ. Bốn cổng ra vào chính nằm trên các trục ngoài ra còn nhiều cổng phụ.

Khán giả được ngồi trên 3 tầng khán đài xây bằng đá cẩm thạch, vị trí ngồi được đánh số. Khán đài tầng trệt (có tên podium) sát cạnh đấu trường dành cho các vua chúa, đại quý tộc, các nhà giàu lớn. Các tầng trên cao dành cho thứ dân. Phần trung tâm bên trong của đấu trường là khu thi đấu có hình chữ nhật dài 85m, rộng 55m, xung quanh là bức tường cao để bảo vệ an toàn cho người xem. Theo cách tính toán hiện nay thì đấu trường chứa được khoảng 45000 - 50000 người, còn theo tài liệu cổ La Mã thì có thể chứa đến 100.000 người. Nơi đây đã từng tổ chức những trận đấu làm trò vui cho vua chúa và quý tộc kéo dài suốt 100 ngày dưới thời Hoàng đế Titus (40 - 80). Trận đấu có tới 5 nghìn đấu sĩ tham gia dưới thời Trajan (98 - 117). Các đấu sĩ (gladiator) phải đấu nhau giữa người với người hoặc giữa người với thú cho đến chết. Những cảnh khủng khiếp này mãi tới đầu thế kỷ IV mới chấm dứt. Do sự hủy hoại của thiên nhiên và con người, dấu tích của đấu trường hiện nay chỉ còn khoảng một phần ba.

THƯ VIỆN KIUPT

Để nâng đỡ hệ thống khán đài với 560 hàng ghế đủ cho 5 vạn chỗ ngồi, chạy theo vòng ellip, là cả một dãy tường cao chạy xung quanh mặt đứng, tạo nên 180 vòm cuốn ở mỗi tầng nâng đỡ khán đài. Hệ thống cột cùng với hệ thống tường ngang hình nan quạt đã nâng đỡ toàn bộ khán đài và các tầng của công trình. Hình thức cột và vòm cuốn được tạo hình rất nghệ thuật, kết hợp các kiểu cột Doric khỏe khoắn, kiểu Ionic thanh thoát và kiểu Corinthe hoa lệ để trang trí thành các vòm cuốn theo mặt bằng hình ellip. Kiểu dáng kiến trúc

gây ấn tượng vừa bền vững vừa sinh động và uyển chuyển. Ở các bệ tường lan can cửa cuốn, có đặt 160 pho tượng uy nghi, làm cho khung cảnh kiến trúc hoành tráng và hùng vĩ.

Ở bên trong, khán đài được xây thành bậc, hàng ghế dưới cùng cao hơn sàn đấu 5m để bảo đảm an toàn cho người xem. Độ cao của toàn khán đài tương đương với tòa nhà 4 tầng. Có tất cả 80 lối thoát khác nhau dẫn ra các cầu thang khi có sự cố, trừ lối ra vào riêng của hoàng đế gắn với đường ngầm dưới đất. Dưới khán đài có cả một hệ thống không gian dành cho việc nghỉ ngơi được bố cục chạy vòng quanh đấu trường.

Người Roma cổ đại vốn thích các trò giải trí bạo lực, tạo cảm giác mạnh như các trận đấu sinh tử giữa các mãnh thú với nhau, giữa người với mãnh thú, giữa người với người và các trò vui tiêu khiển khác như đua xe ngựa..., vì thế họ đã xây dựng nhiều đấu trường. Ngày nay còn thấy dấu tích của rất nhiều đấu trường trên các lãnh thổ của đế chế La Mã xưa, nhất là ở các vùng phía nam châu Âu. Riêng ở Roma có bảy đấu trường luân phiên hoạt động quanh năm.

Đấu trường Colosseo ở Roma được xây dựng lớn nhất với một kỹ thuật tài tình và một hình thức nghệ thuật say đắm lòng người, được xếp là một kỳ quan kiến trúc ở Roma.

Công đầu tạo nên kỳ quan này thuộc về hoàng đế Vespasian. Trước đây trên địa điểm ở Campus Martius (trung tâm Roma) này đã từng có đấu trường nhưng bị phá hủy khi Roma có hỏa hoạn lớn vào năm 64 tCn. Vị hoàng đế tàn bạo Nero mải lo xây dựng cung điện riêng rất huy hoàng của mình (Ngôi nhà vàng - Domus Aureus) nên chỉ lo xây đấu trường sơ sài tạm bợ. Trái với suy nghĩ vị kỷ của Nero, Vespasian hướng tới cộng đồng nhiều hơn, đã cho xây ngay trên khu đất và vườn Ngôi nhà Vàng của Nero một đấu trường đồ sộ với nguồn tài chính từ các chiến lợi phẩm mà các chiến thắng trận mạc đem về. Việc xây dựng công trình với nhiều hầm sâu đã khai thác địa hình lõm vốn là khu hồ nước ở Ngôi nhà Vàng của Nero trước đây.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

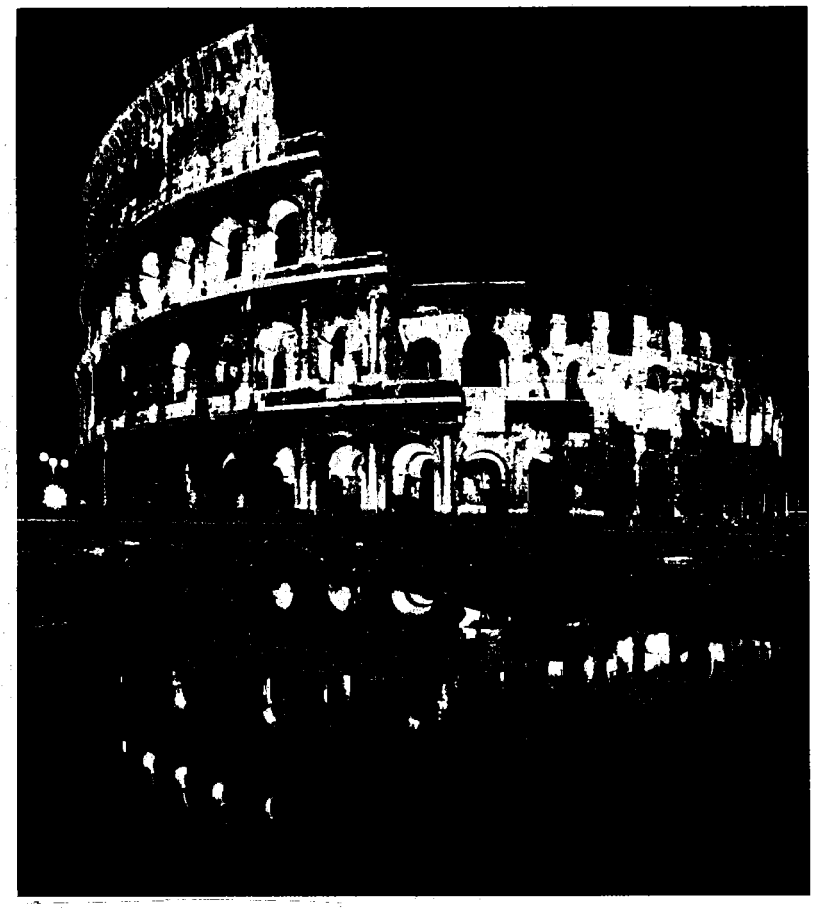
Một vài con số sau đây cho thấy khối lượng đồ sộ của công trình này: 100000m^3 đá travertime với tổng trọng lượng 240000 tấn đã được khai thác và vận chuyển qua 20km đường từ khu mỏ đá tới công trường. Vật liệu sắt để làm các chốt liên kết các khối đá xây dựng cũng phải cần đến 300 tấn. Ở đáy công trình (nơi hồ nước cũ) đã phải đổ lót bê-tông làm móng dày tới 7,5m. Nguyên việc làm các

hành lang dẫn dắt và các chuồng nuôi nhốt thú dữ, điều khiển đưa thú tới chỗ giao đấu sao cho thuận tiện và an toàn cũng đã là một kỳ công. Các mãnh thú được khống chế chặt chẽ trong các chuồng và cũi sắt với những lớp cửa kiên cố có thiết bị mở đóng an toàn, điều khiển dễ dàng để có thể cùng lúc mở chuồng cho 64 mãnh thú vào sân đấu.

"Diễn viên" chủ yếu trên sân đấu ở Colosseo là các đấu sĩ (gladiator). Gladiator nguyên gốc chữ Latinh gladius là lưỡi gươm cũng là để chỉ người được dùng gươm để đánh nhau. Đấu sĩ có thể là tù binh, nô lệ nhưng cũng có thể là các vận động viên chuyên nghiệp được đào tạo rất công phu và trận đấu thường kết thúc bằng cái chết của một đấu sĩ hoặc cả hai đều chết. Do đấu đến chết nên các đấu sĩ còn mang tên bustuari nghĩa là đao phủ. Trò giải trí bằng các đấu sĩ có nguồn gốc xa xôi từ thời hoàng đế Val Valerius Maximus (264 tCn). Trận đấu thời này gồm có 6 đấu sĩ chia làm 3 cặp. Để tăng tính hào hứng, tính dữ dội của các trận đấu, số đấu sĩ tăng nhanh và lên đến 600 đấu sĩ trong một trận đấu dưới thời hoàng đế Julius Caesar (101 - 44 tCn).

Ngoài việc đánh nhau đến chết để mua vui cho người khác, các đấu sĩ còn làm cận vệ, làm lính trong các đạo quân hung dữ của các quý tộc và vua chúa thời này như Clodius, Milo và Catiline. Lịch sử từng ghi lại hoàng đế Titus (40 - 80 sCn) đã tổ chức một trận đấu kéo dài suốt 100 ngày và hoàng đế Trajan (cai trị La Mã từ 98 đến 117 sCn) để mừng chiến thắng, trận đấu có tới 5000 đấu sĩ. Thử tưởng tượng 5000 con người tận lực giết nhau một cách vô lý để mua vui cho các vị hoàng đế quả là một cảnh khủng khiếp, vậy mà đây là một trò giải trí hào hùng đầy hấp dẫn vào thời ấy.

Cách giải trí đổ máu này đã phát triển sang xứ Gaule (nước Pháp ngày nay), nhất là ở Tây Ban Nha và cả Bắc Phi. Các đấu sĩ đầu tiên là tù binh, nô lệ hoặc tội phạm bị án tử hình. Về sau do nhu cầu giải trí của vua chúa phát triển mạnh cần nhiều đấu sĩ nên đã biến họ thành đấu sĩ bắt buộc, bao gồm cả những người tội phạm thường nhất là vào thời Nero. Các đấu sĩ nổi tiếng cũng được hưởng một số vinh dự và được tặng thưởng kể cả việc được phép cưới phụ nữ quý tộc! Điều đó kích thích nhiều dân thường hoặc một số khá giả cũng muốn trở thành đấu sĩ. Các trường đào tạo đấu sĩ (gọi là ludi) và các đấu sĩ thành thạo được gọi là lanista. Việc đào tạo vô cùng khắt khe

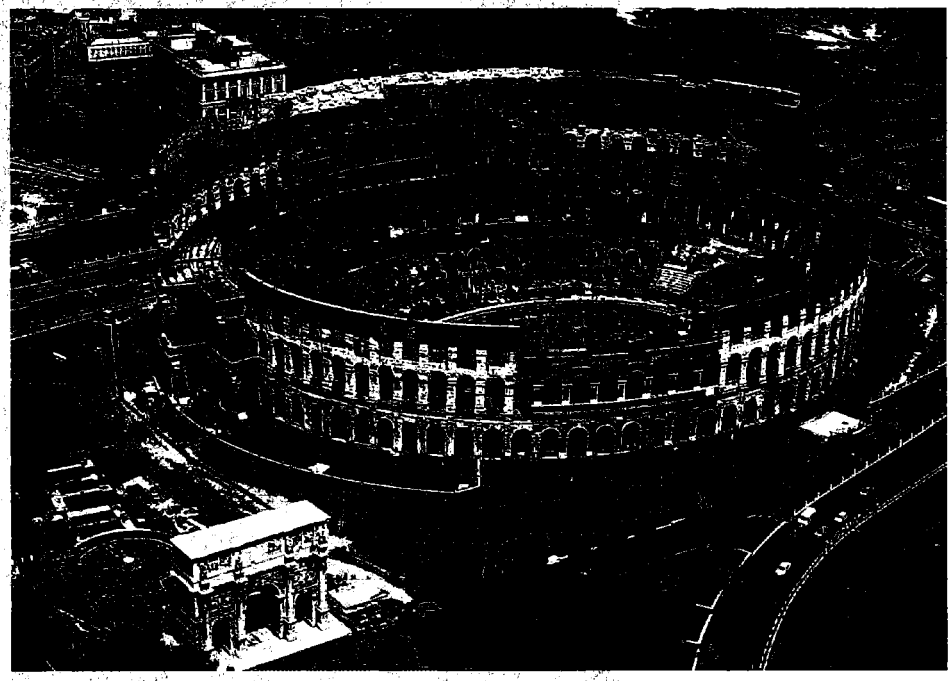


Bức tranh hoành tráng đấu trường Colossseo

cả thể lực và kỹ thuật đánh nhau bằng vũ khí. Kỷ luật thép được áp dụng tại các trường đào tạo đấu sĩ.

Tính chuyên nghiệp của việc tập luyện và thi đấu ngày càng cao, thể hiện ở việc hình thành những thuật ngữ trong việc xếp loại các đấu sĩ tùy theo cách trang bị và phương tiện chiến đấu.

Sau đây là một số từ ngữ trong sử sách còn ghi lại: Myrmillons là võ sĩ dùng gươm và khiên nhỏ; Thraces: võ sĩ dùng gươm cong; Retiaires: võ sĩ dùng lưới và chĩa ba; Andabatao: võ sĩ dùng ngựa; Dimachaeri: hai tay cầm gươm ngắn; Essedarie: thi đấu trên chiến sa; Hoplomachi: võ sĩ mặc giáp; Laquearie: võ sĩ dùng dây thừng ném ra để trói đối thủ. Sự phong phú của các vũ khí được trang bị và phương tiện chiến đấu đã làm cho các trận đấu càng đa dạng và hấp dẫn hơn.



Toàn cảnh đấu trường Colossseo



THƯ VIỆN
HUBT

Cảnh Colossseo ban đêm

Trong lịch sử Roma, đấu trường từng là sân khấu các sự kiện bi thương như trong thời kỳ đầu phát triển công giáo, các giáo sĩ và giáo dân đạo Thiên Chúa đã bị bắt bớ và giết hại nhiều. Đấu trường được dùng làm pháp trường để hành hình các giáo sĩ và tín đồ Thiên Chúa giáo; ngoài ra cũng có những thời kỳ đấu trường biến thành pháo đài trong các cuộc xung đột thời trung cổ.

Đến thế kỷ XV - XVI, một số nhà quý tộc quyền thế đã rỡ các phiến đá cẩm thạch quý và đẹp để xây các lâu đài của họ (các lâu đài Chanellerie, Farnasse và Barberrini). Ngoài ra thiên tai cũng góp phần hủy hoại: vào thế kỷ XVIII, một trận động đất mạnh đã làm sụp đổ 2/3 hí trường.

Từ thế kỷ XIII Colosseo trở thành tài sản của giáo hội Cơ Đốc, và đến thời giáo hoàng Benoit XIV (1740 - 1758) đã tiến hành việc phong thánh để kỷ niệm các tín đồ đã vì Thánh tử đạo. Sau đó các giáo hoàng kế tiếp Pie VII, Léon XII và Pie IX đều cố gắng trùng tu Colosseo để làm di tích tôn giáo.

Vào năm 1874, vào dịp chỉnh trang thành phố, chính phủ đã cho tu sửa, dọn dẹp khu vực này và việc dọn dẹp đã không thực sự chú ý việc tôn trọng cảnh quan cũ cũng như duy trì rất nhiều các loại cây cỏ từ khắp nơi trên thế giới mà các hoàng đế La Mã đã tốn nhiều công của mang về trồng. Ước tính đã mất đi ít nhất 120 loại cây cỏ khác nhau được mang về từ nhiều nơi đã được thích nghi khí hậu và thổ nhưỡng địa phương.

Dáng vẻ uy nghi và kiên cố của đấu trường Colosseo đã khiến cho công trình này được xem là một biểu tượng thích hợp đối với Roma "thành phố vĩnh hằng". Trong dã sử có ghi một lời "sấm truyền":

"Ngày nào Colosseo còn đấy thì Roma bất tử
Ngày nào Roma sụp đổ, nhân loại cũng không còn"

Nay thì người ta được chứng kiến một kỳ tích xây dựng Colosseo trong vai trò một di tích kiến trúc đổ nát, nhưng "đống đổ nát" này vẫn là một điểm thu hút khách du lịch khổng lồ và đem lại một nguồn thu đáng kể cho ngành du lịch của nước sở tại.

**** Đền Pantheon:***

Pantheon theo nguyên ngữ Hy Lạp: pan - tất cả và theos - vị thần, vậy Pantheon là đền thờ mọi vị thần, từ đó có người dịch Pantheon là "Đền Vạn Thần".

Đây là một trong ba công trình tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc La Mã cổ đại, và là công trình còn được bảo tồn tốt nhất. Ba công trình đó là đấu trường Colosseo, đền Pantheon và nhà tắm công cộng Caracala. Sau thời đế chế La Mã sụp đổ (năm 476) đền Pantheon được chuyển thành nhà thờ Thiên chúa giáo (năm 609).

Khởi đầu đền Pantheon được xây vào năm 27 tCn, theo mẫu thiết kế và chỉ đạo thi công của Agrippa, cánh tay phải của Hoàng đế Augustus. Agrippa là một nhà quy hoạch và xây dựng tài ba, chính ông chỉ huy xây dựng lại Roma thành một trong những thành phố đẹp nhất thời Cổ đại.

Đền Pantheon là nơi thờ các vị thần theo tín ngưỡng của người La Mã. Đền bị hủy hoại nghiêm trọng sau 2 trận hỏa hoạn. Dưới thời Hoàng đế Hadrian (117 - 138), đã được xây lại thành một ngôi đền hình tròn, có đặc điểm là chiều cao từ mặt sàn đến nóc vòm bằng đường kính của chính chân vòm, là 43,5m. Như vậy, nếu có quả cầu đường kính 43,5m đặt tiếp xúc với tâm điểm của mặt nền hình tròn thì nửa trên của quả cầu sẽ lồng khít mặt trần của vòm mái ngôi đền. Một sự chính xác hình học của công trình xây dựng ở mức độ đáng kinh ngạc.

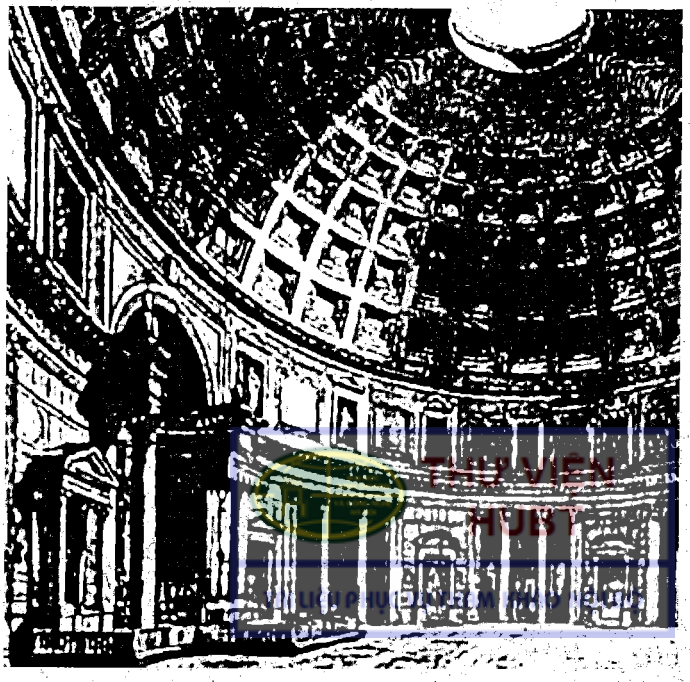
Vòm mái này cũng được coi là lớn nhất, vượt trên các vòm từng được coi là cực lớn như vòm mái nhà thờ Thánh Peter ở Vatican là 42,5m hoặc vòm mái nhà thờ Thánh Paul ở London là 31m.

Vào thời đó, việc xây dựng một mái vòm có đường kính lớn như vậy quả là việc làm ngoài sức tưởng tượng. Để chịu được sức nặng của mái vòm đồ sộ này, người ta đã phải xây tường bao lớn có chiều dày tới 6,2m. Mặt trong bức tường tròn và dày này có làm 7 hốc để trang trí (alcove) và làm phong phú thêm tính thẩm mỹ của nội thất. Trên đỉnh vòm mái có cửa tròn để lấy nguồn sáng duy nhất cho công trình, ô tròn trên đỉnh vòm có đường kính 8,9m. Nhờ đó nội thất nhà thờ luôn có không khí lung linh huyền ảo.

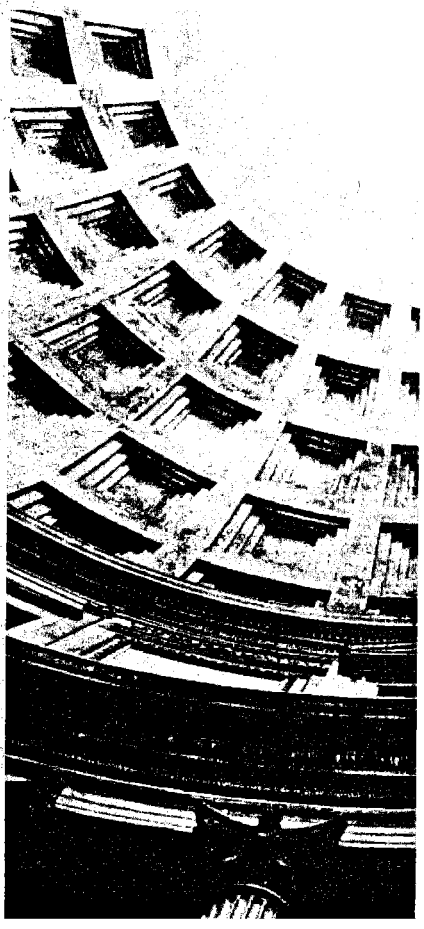
Sàn đền và mặt tường được trang trí bằng đá cẩm thạch lộng lẫy và trang nghiêm. Phần thân nhà từ chân vòm trở xuống, mặt tường trong nhà được làm hai tầng, tầng dưới 13m có hàng cột thức corinthe, tầng trên 8,7m là các mảng tường nảy trụ và ô cửa trang trí bằng đá cẩm thạch. Những mảng tường này kết hợp với các hàng ô lõm trên vòm trần (caisson) tạo nên cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát.



Quảng trường Pantheon



Mặt trong mái vòm điện Pantheon





Quảng trường Pantheon ban đêm



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Pantheon ban ngày

Cấu trúc mặt bằng đền Pantheon khá đơn giản, ngoài phần hình tròn dùng làm nơi thờ cúng, phía trước là gian sảnh hình chữ nhật có kích thước 34 × 20m. Đây là khối sảnh dùng lại từ ngôi đền cũ xây dưới thời Hoàng đế Augustus, đã bị tiêu hủy trong hai trận hỏa hoạn trước đó. Sảnh có chiều sâu 14m với 16 cột tròn đường kính 1,5m, cao 14m, mái lợp dốc về hai phía. Hai hốc tròn hai bên sảnh đặt tượng Hoàng đế Auguste và tượng Agrippa là nhà kiến trúc tài năng đã thực hiện công trình này. Sự liên kết tài tình hai khối kiến trúc cũ và mới, tạo nên một công trình khá độc đáo, vẻ đẹp của Pantheon được đề cao một phần là ở sự kết hợp khéo léo giữa hai khối hình này.

Những chiếc cột chống đỡ ở đây được làm theo kiểu Corinthe. Đây là những hàng cột được coi là đẹp nhất của nghệ thuật kiến trúc La Mã cổ đại. Mỗi cột cao 12,5m có màu đỏ đậm thẫm, mũ cột phía trên và đế cột làm bằng đá trắng.

Đặc điểm nổi trội trong khâu xử lý nội thất của đền Pantheon là việc tạo hình vòm lớn thành những ô vuông với những băng ngang vòng quanh ở mặt dưới vòm, tạo nên một khung cảnh ngoạn mục, hấp dẫn. Cách xử lý này đã được các nhà xây dựng thời Phục Hưng ứng dụng rất hiệu quả.

Đền Pantheon ngày nay vẫn được sử dụng làm nhà thờ công giáo. Ban đầu đền thờ có đặt nhiều tượng và cũng bị mất đi nhiều qua các biến cố. Tuy thế vẫn có những di tích quý như mộ phần của danh họa Raphael, mộ vua Umberto I và hoàng hậu Marguerite...

Phía trước đền là một quảng trường đẹp có bể cảnh và tượng đài, một tác phẩm nghệ thuật thế kỷ XVI, tác giả là Giacomo della Porta.

THƯ VIỆN HUBT

Nhiều nhà nghiên cứu ngày nay cho rằng: Cấu trúc xây dựng đền Pantheon có nhiều điều khó hiểu cũng như chức năng của đền, và hầu như vẫn chưa có sự nhất trí về việc mái vòm được xây dựng ra sao kể cả câu hỏi tại sao đền vẫn còn đứng vững qua rất nhiều biến động của xã hội và của thiên nhiên. Phần tường đỡ mái vòm dày 6m và mái vòm được đổ bê-tông La Mã chất lượng cao, gối lên một vành tròn bằng bê tông travertin dày 4,5m. Mái vòm đường kính 43,5m hình bán nguyệt và đế vòm ở độ cao 21,7m, hai phần ba phía dưới trang trí bằng năm dãy gồm 28 ô lõm sâu đồng tâm. Tường tròn của nhà được xây tiếp đến độ cao khoảng 30m và phần dưới mái vòm được làm dày hơn bằng bảy vòng tạo thành các bậc. Kết quả là độ

dày của mái vòm giảm từ 6m ở phần đế vòm xuống còn 1,5m ở ô cửa tròn làm khoảng trống trên đỉnh mái vòm.

Nghiên cứu về sự cấp phối các cốt liệu của bê tông cho thấy kích thước có sự thay đổi từ cỡ nắm tay (đá travertine và đá nham thạch) có mật độ 1750kg cho mỗi mét khối, cho đến lớp cuối cùng là lớp đá nham thạch và đá bọt rất nhẹ ở phần mái vòm, có mật độ 1350kg cho mỗi mét khối.

Các vòng tạo bậc trên mái vòm được thiết kế như các vòng gia cố khổng lồ để ngăn chặn các lực đẩy ngang hướng ra ngoài khi chịu trọng lượng khổng lồ của mái vòm. Nhiều nghiên cứu về cấu trúc này đã khẳng định đó là cách để giảm bớt lực đẩy ra phía ngoài chứ không phải lực đè theo chiều thẳng đứng. Những giả thuyết này đã được kiểm nghiệm bằng các mô phỏng vi tính để khẳng định các vòng tạo bậc là yếu tố quan trọng trong việc đạt được tính ổn định bằng cách thêm tải trọng phụ theo chiều thẳng đứng, chứ không phải theo cách tháp nhọn ở kiến trúc Gothic.

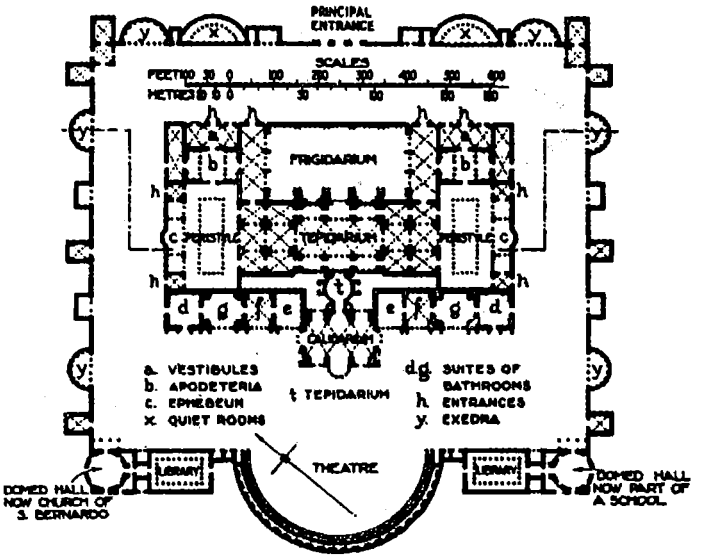
Việc lắp ván khuôn ra sao để có thể đổ bê tông cho mái vòm khổng lồ này cũng là điều được nhiều nhà nghiên cứu. Một số cho rằng người ta dựng một rừng giàn giáo bằng các thanh gỗ lớn ngay từ sàn công trình, số khác cho là phải dùng một tập hợp giàn giáo tinh vi và phức tạp từ khối đắp nổi trang trí hình bậc thang của khu vực phía trên của mái. Trong mọi trường hợp thì việc làm mái vòm khi còn là thẳng đứng trong các vòng nằm ngang đã cần có tất cả các ván khuôn đặt ngay vào vị trí. Lại cũng có người cho rằng mái vòm được dựng từng mảng theo chiều thẳng đứng, cho phép một số lượng ván khuôn nhỏ hơn di chuyển theo phương nằm ngang một khi mỗi mảng có thể tựa vững trên chính nó. Dù là được làm theo cách nào thì việc xây dựng nên công trình đồ sộ này vẫn là sự thể hiện của những thiên tài.

THƯ VIỆN HUẾ
DỊCH VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ngay từ thế kỷ XVI, Michelangelo đã có nhận xét rất đúng: "Đây là một thiết kế của các thiên thần chứ không phải của con người" (Disegno angelico e non umano).

**** Nhà tắm công cộng Caracalla:***

Người Roma có thú vui tắm ở những nhà tắm công cộng, vì thế đến thế kỷ IV, họ đã xây dựng trên khắp đế quốc 4000 nhà tắm công cộng, trong đó nhà tắm Caracalla ở kinh thành Roma là nhà tắm nổi

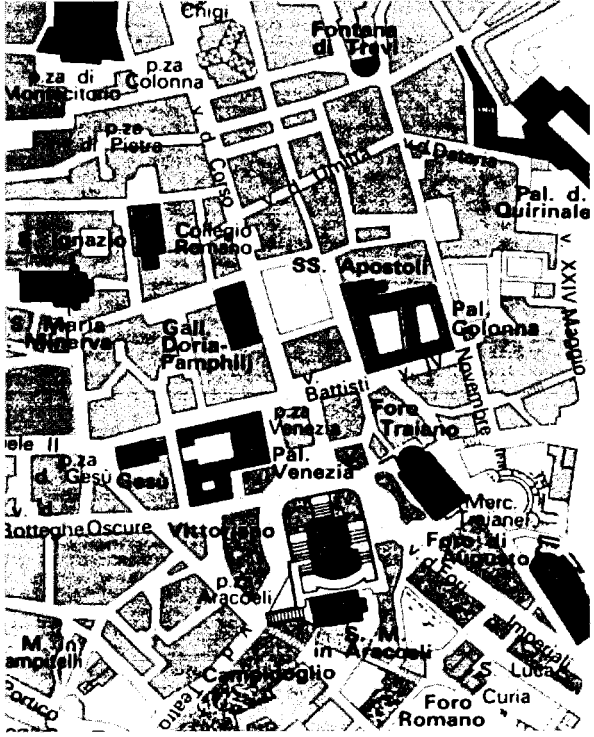


Mặt bằng và di tích về nhà tắm công cộng Caracalla

tiếng nhất cả về mặt tiện nghi lẫn về quy mô đồ sộ của công trình. Nhà tắm do vua Caracalla xây dựng kéo dài từ năm 206 (dưới đời hoàng đế Septinius Severus) và hoàn thành vào năm 235 (dưới thời hoàng đế Alexander). Nhà tắm Caracalla là một công trình đồ sộ nằm trên một khu đất hình vuông, mỗi cạnh là 350m, tổng diện tích là 91000m^2. Tòa nhà chính dài 228m, rộng 115m, các phòng tắm bố trí đối xứng qua trục chính. Những phòng này đều có sảnh vào riêng với những hàng cột dẫn lối đi lại. Phòng chính giữa với ba vòm lớn, có những cửa lấy ánh sáng ngay dưới những vòm cuốn, nội thất của tòa sảnh lớn tràn ngập ánh sáng. Hệ thống cột kiểu Coranh đỡ trần nhà vòm cuốn, các phòng rất rộng, tường dày và chắc, không gian nhà tắm lồng lộng cao 35m.

THƯ VIỆN HUBT

Nhà tắm công cộng ở Roma không đơn thuần là nơi giải trí, mà còn là một công trình văn hóa với các phòng hội họp, thư viện và phòng đọc sách (các nhà văn thường đến đây để giới thiệu với độc giả những công việc làm ăn, hỏi thăm tin tức của nhau). Nhà tắm cũng được trang bị những phòng thi đấu thể dục thể thao, các nơi nghỉ, khu dạo chơi, nhà hàng ăn, phòng trưng bày tác phẩm nghệ thuật. Đó là cả một xã hội La Mã thu gọn, một công dân có thể trải qua nhiều giờ trong ngày ở đó. Các nhà tắm ngày càng được mở rộng và có chức năng ngày càng phức tạp với đủ loại không gian cao, thấp, kín, hở, vuông, chữ nhật, tròn, có cột hay không có cột...



Bản đồ trung tâm Rôma với Đài kỉ niệm Vittoriano và trục đại lộ Corso

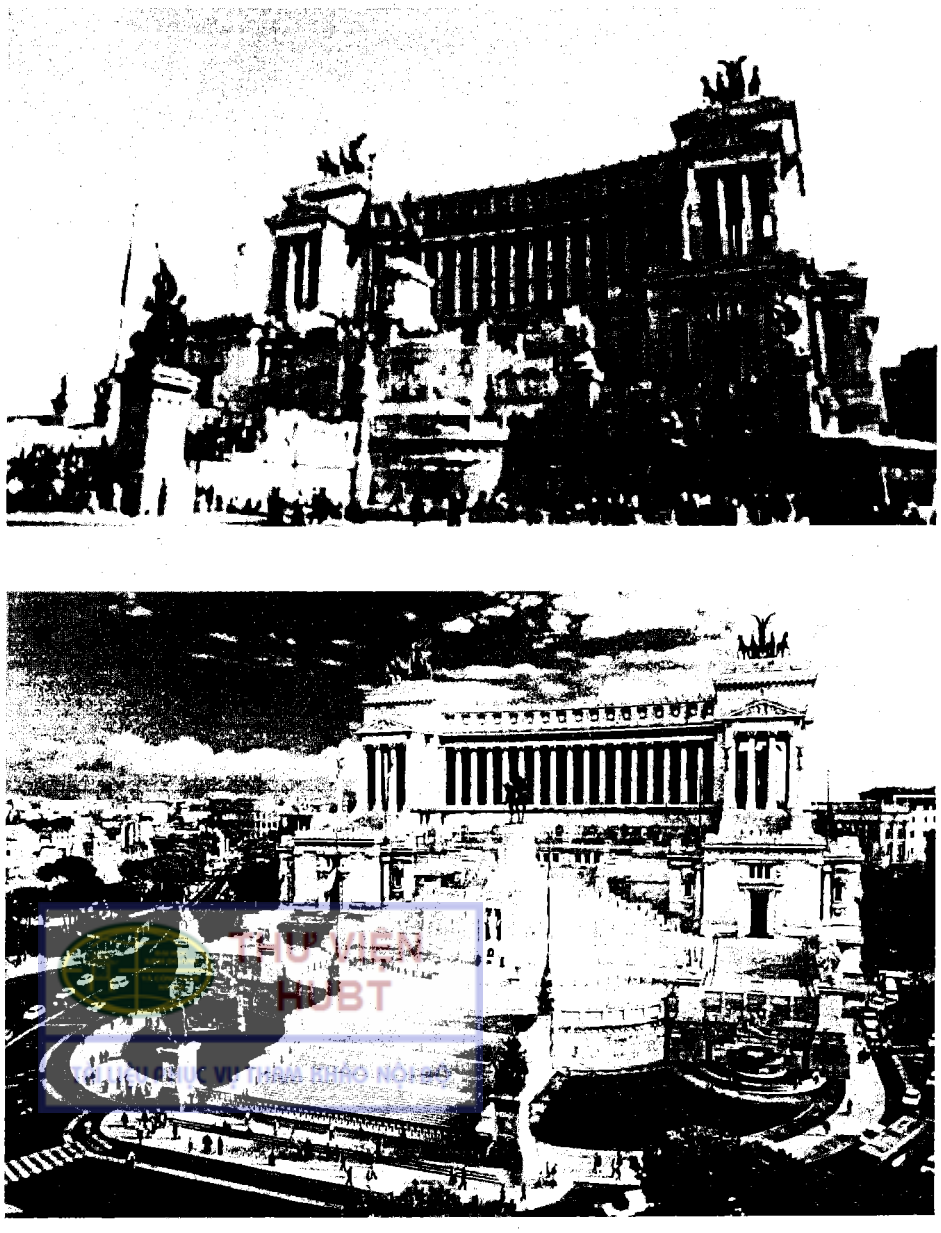
Cấu trúc nhà tắm thường bao gồm: phòng gửi quần áo, phòng tắm nước ấm, phòng tắm nước nóng hay tắm hơi và phòng tắm nước lạnh. Nhà tắm có quy mô rất lớn: sức chứa tới 3000 người đến tắm một lúc. Ngoài ra còn có bể bơi, phòng đọc sách, hội họp, diễn thuyết, giải trí...

Nhà tắm được trang hoàng nhiều tranh khảm, tượng, phù điêu... và đều là những công trình có giá trị nghệ thuật cao. Bên ngoài nhà tắm có những phòng thi đấu thể dục thể thao, nơi nghỉ ngơi, phòng đọc sách, phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, nhà hàng ăn, nơi dạo chơi, vườn hoa, cầu dẫn nước... Người Roma đến đây không chỉ để tắm, mà còn là nơi giải trí, gặp gỡ bạn bè, đọc sách báo, luyện tập thể dục thể thao...

THƯ VIỆN HUBT

Thiết bị kỹ thuật của công trình được làm rất công phu bên trong tường của công trình đều có những hệ thống đường ống phức tạp dẫn nước nóng và hơi ấm. Công trình có bể chứa nước riêng có khối tích lên tới 33000m^3 nối liền với các cầu máng dẫn nước xây dựng bằng đá.

Ngoài những kiệt tác kiến trúc nêu trên, di sản kiến trúc ở Roma còn được kể đến những kiệt tác kiến trúc khác như: tòa thành và pháo đài cổ Castel San Angelo, Đài phun nước Trevi, Đài kỷ niệm Vittoriano...



Đài kỉ niệm Vittoriano trước quảng trường Venezia đón tầm nhìn trục đại lộ Corso



Bản đồ vị trí 3 công trình:
1. Đấu trường Colosseo
2. Quảng trường Pantheon
3. Nhà tắm công cộng Caracalla

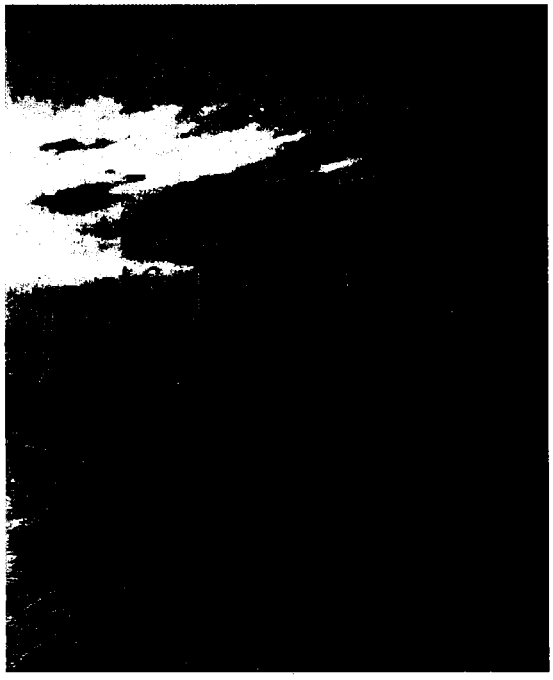


Đài phun nước Trevi



THƯ VIỆN HUBT

II. VENEZIA



Cảnh hoàng hôn ở Venezia

1. Bà hoàng trên biển Adriatic

Venezia nằm trên địa bàn sông nước và kênh rạch, là thành phố duy nhất mà việc đi lại chủ yếu là bằng thuyền. Từ khoảng sáu ngàn năm trước, nước biển từng dâng cao nhấn chìm cả một vùng đồng bằng xa xưa của biển Adriatic, sinh ra vùng đầm phá, nhưng rồi được con người tìm đến cư trú biến cải thành nơi ở. Từ thế kỷ I tCn, cư dân ở đây là những người La Mã, họ từ đất liền di cư ra bờ biển lập nên những cộng đồng ngư dân, thủy thủ và người làm muối. Từ thế kỷ X, bắt đầu xây dựng thành phố mang tên Venezia cạnh một con kênh ngoằn nghèo, sau có tên là "Kênh Lớn". Cạnh Kênh Lớn dần dần mọc lên những ngôi nhà dân thường xây dựng quanh một ngôi nhà thờ, tạo nên một khu cư trú, đó là khu Rialto ở gần giữa Venezia ngày nay.

Venezia nằm về phía đông bắc Italia, trên bờ biển Adriatic, trong vịnh Venezia. Điều đặc biệt là thành phố nằm trên 118 hòn đảo đan xen với 150 kênh đào trong một vùng vịnh dài 60km, rộng 4km, được nối với đất liền bằng một tuyến xe lửa, một ga hàng không. Ngăn cách giữa biển Adriatic và thành phố là một dải đất hẹp dài 12km,

cũng vừa là con đê chắn sóng, tạo nên một vùng nhiều bãi tắm biển tuyệt vời mang tên bãi tắm Lido. Trên đất đai thành phố có khoảng 200 con kênh ngang dọc và có 400 chiếc cầu bắc qua những con kênh đó, rất thuận tiện cho việc đi lại trong thành phố bằng thuyền nhỏ. Trong số 200 con kênh đó, con kênh chính (thường gọi là Kênh Lớn - Grand Canal) dài tới 3800 mét, ngăn thành phố làm hai phần không bằng nhau trên kênh có 3 cầu bắc qua, trong đó cầu Rialto rất nổi tiếng, được xây dựng từ thế kỷ XVI.

Từ đó Venezia thường được gọi "thành phố của các kênh đào". Trong tiếng Việt thành phố này được gọi là Vơ-ni-dơ (phiên âm từ Venise trong tiếng Pháp). Thành phố có số dân chưa đến 30 vạn người. Venezia cùng với Padova nằm trong khu đô thị Padova - Venezia với dân số 1.600.000 người.

Thành phố trải ra trên nhiều đảo nhỏ trong khu vực phá Venezia dọc theo biển Adriatic ở đông bắc nước Italia. Vùng phá nước mặn này trải dọc theo đường biển giữa các cửa sông Po (phía nam) và sông Piave (phía bắc). Trung tâm lịch sử của Venezia (Centro storico) có dân số khoảng 62.000 (trong tổng số 176.000 sống trên các vùng "đất khô" (tức là vùng phá mở rộng) và 31.000 sống trên các đảo khác của phá.

Theo truyền thuyết thì Venezia được thành lập năm 422 bởi những người La Mã chạy trốn khỏi vùng bị người Goth cai trị. Thành phố được lập nên là kết quả của sự gia nhập ồ ạt của những người tị nạn vùng đầm lầy cửa sông Po để tránh quân xâm lược tàn phá phía đông bắc Italia. Từ thời cai trị của công tước Agnello Particiaco (811-827) đồn trú được chuyển từ Malamocco đến nơi được bảo vệ tốt hơn là đảo Rialto (Rivoalto tức "Bờ cao"), là địa điểm hiện nay của Venezia. Tu viện Thánh Zachary được xây dựng cùng với cung điện công tước đầu tiên và nhà thờ San Marco. Một tường phòng thủ (civitatis murus) giữa Olivolo và Rialto cũng được xây dựng. Vào năm 828 thành phố trở nên nổi tiếng do được những thánh vật cướp đoạt từ Alexandria được đưa về và đặt vào nhà thờ mới xây.Cộng đồng tiếp tục phát triển và khi quyền lực Byzantine giảm sút, đặc tính chống phương Đông tăng dần, dẫn đến sự phát triển tính tự lập và cuối cùng là độc lập của Venezia.

Từ thế kỷ thứ IX đến thế kỉ XII Venezia phát triển thành một thành quốc. Với vị trí chiến lược tại nơi địa đầu của biển Adriatic tạo nên



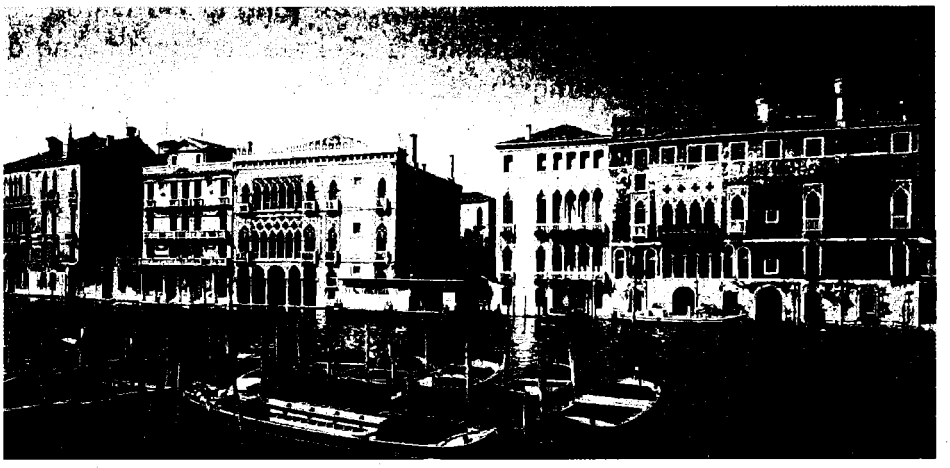
Kênh Lớn chảy qua thành phố trở thành trục không gian định vị các kiến trúc ở đôi bờ

thế mạnh về thủy quân cũng như về kinh tế của Venezia. Thành phố trở thành một trung tâm phồn thịnh về thương mại giữa vùng Tây Âu và phần còn lại của thế giới (đặc biệt là Đế chế Byzantine và thế giới Hồi giáo). Sự hùng hậu của một trung tâm giao dịch thương mại trên biển đã tạo nên một thế mạnh khác của "Bà hoàng trên biển Adriatic".

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vào thế kỉ XII nền tảng cho thế mạnh của Venezia được tăng cường với việc xây dựng kho đạn (bắt đầu vào 1104), Venezia thu tóm quyền điều khiển đèo Brenner từ Verona vào năm 1178, mở ra một đường huyết mạch đến Đức.

Cộng hòa Venezia chiếm đất đai ở bờ phía đông của biển Adriatic (năm 1200) chủ yếu vì các lý do thương mại và bởi vì cướp biển đóng ở khu vực đó là mối đe dọa cho thương mại. Vị Doge (Thống sứ) lúc đó là Công tước của Dalmatia và Công tước của Istria. Các vùng đất

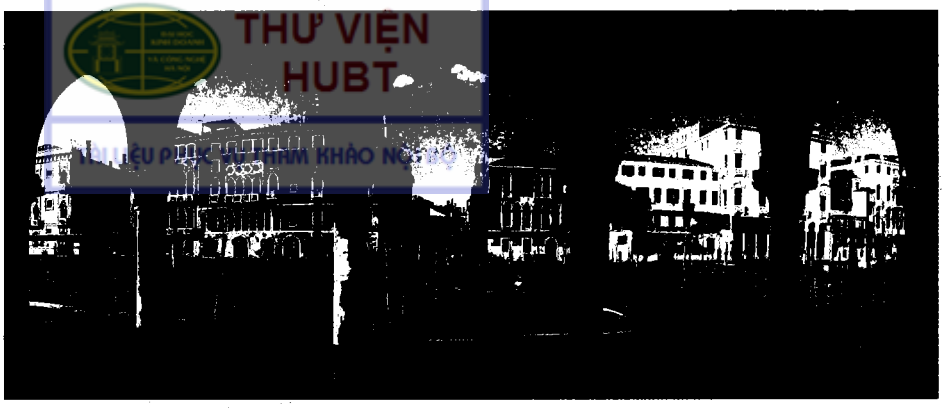


Kiến trúc theo bờ Kênh Lớn



Kiến trúc đặc sắc theo kênh rạch

THƯ VIỆN
HUBT



Phong cách kiến trúc tạo bản sắc đô thị Venezia

sở hữu sau này, trải rộng từ Hồ Garda đến tận sông Adda, được biết đến như là "Terraferma", một "vùng đất khô". Trong việc xây dựng thành một đế chế hàng hải, nước cộng hòa này đã nắm quyền điều khiển hầu hết các đảo trong vùng Biển Aegea, bao gồm cả đảo Kypros và đảo Crete, trở thành một mối lái quyền lực chủ đạo trong vùng Cận Đông. Sự điều khiển của Venezia đối với các vùng đất lục địa khá thuận lợi và công dân ở các thành phố Bergamo, Brescia và Verona đều đã nổi dậy bảo vệ chủ quyền của Venezia khi bị quân xâm lược đe dọa.

Thành phố đã phát triển mạnh trong các thế kỷ XIV và XV, bộ mặt kiến trúc cũng hình thành trong thế kỷ này, nhờ vào thời hưng thịnh của nước Cộng hòa. Thành phố mọc lên nhiều nhà thờ được trang trí và khảm lát đá hoa màu các mặt đứng trang trọng của những lâu đài. Các cây cầu, những đường phố cong với các nhà 3 - 4 tầng dày đặc hai bên đường và nối nhau trên bờ kênh lung linh bóng nước làm cho thành phố có vẻ đẹp lộng lẫy để thực sự trở thành "Bà Hoàng trên biển Adriatic". Trung tâm Venezia là quảng trường San Marco được bao quanh bởi các nhà của Viện Công tố cũ (1480 - 1514) và Viện Công tố mới (1584 - 1640), nhà thờ lớn 5 mái vòm San Marco (829 - 832, xây lại năm 1073 - 95) các cửa bằng đồng kiểu Byzantin, phía trên cửa chính ở giữa có 4 con ngựa đồng (thế kỷ IV - III tCn) được chở đến từ Constantinople năm 1204; trong nội thất có sàn ghép mảnh bằng đá hoa thế kỷ XII - XIV và tháp chuông (Campanila).

Quảng trường Piazzetta là một phần của quảng trường lớn San Marco, được mở về phía phá. Hai bên quảng trường là Thư viện San Marco cũ (1536 - 54, KTS J. Sansovino; hoàn thành năm 1583) và Dinh Thống sứ Venezia (khởi công vào thế kỷ IX, hoàn thành vào thế kỷ XIV - XVI). Từ phía đông tòa dinh thự này có cầu "Than thở" (Sospiro) (1600) nối với nhà tù (1560 - 1614). Ở phía bắc có tòa Piazza San Giovanni e Paolo với ngôi nhà thờ cùng tên theo phong cách Goth (1246 - 1430), dinh thự cùng tên, tòa nhà của Hội Ái hữu tôn giáo của Scuola Grande di San Marco (1488 - 90) và tượng Tướng đánh thuê Bartolomeo Colleoni cưỡi ngựa (1479 - 88), khánh thành năm 1496 do nhà điêu khắc A. Verrocchio.

Trong nhiều nhà trường (scuola) có những bộ tranh của các họa sĩ bậc thầy ở Venezia. Dọc theo Kênh Lớn hình chữ S (ngược) cắt ngang thành phố là những lâu đài theo các phong cách Goth, Phục



Kiến trúc bờ nam Kênh Lớn

Hưng và Barocco: Ca dOro (1422 - 40), Vendramin - Calergi (1481 - 1509) được hoàn thành bởi KTS P. Lombardo, Corner (từ 1532), Rezzonico (1660), Pesaro (hoàn thành năm 1710)...; các nhà thờ Santa Maria Gloriosa dei Frari (1338 - 1443, trong nội thất có các tranh bàn thờ của Tiziano), San Zaccaria (khởi công vào thế kỷ X, xây lại năm 1444 - 65, mặt đứng hoàn thành vào cuối thế kỷ XV), Santa - Maria dei Miracoli (1481 - 89, KTS P. Lombardo), Il Redentore (hoàn thành năm 1592, KTS A. Palladio), Santa - Maria della Salute (1631 - 81); Scuola Grande di San - Rocco (1515 - 50, các tranh của Iacopo Tintoretto); cầu Rialto (1588 - 92); nhà thờ và tu viện San Giorgio Magiore (trên đảo cùng tên; 1565 - 80, KTS A. Palladio).

Ở thế kỷ XX đã xây dựng: khu công nghiệp và nhà ở Marger (từ 1917), Casa delle Zattere (1957), nhà ga đường sắt Santa - Lucia (1956),... Các viện bảo tàng: Galeri của Viện hàn lâm, Bảo tàng Correr, Galeri Nghệ thuật đương đại Quốc tế (trong cung Pesar), Bảo tàng Khảo cổ học. Trên đảo Torcello có nhà thờ lớn (thế kỷ VII - XI; các tranh ghép mảnh - thế kỷ IX và XII); trên đảo Maruno có nhà thờ Santa - Maria e Donato theo phong cách Roman (thế kỷ XII) và Bảo tàng Thủy tinh. Triển lãm Nghệ thuật Quốc tế hai năm một lần (Bienal) được tổ chức liên tục ở Venezia kể từ năm 1895.

Venezia trở thành một đế chế sau cuộc Thập tự chinh thứ 4, cuộc chiến dẫn tới sự xụp đổ của Venezia thành Constantinople vào năm 1204. Venezia bắt đầu mất đi vị trí như một trung tâm thương mại quốc tế sau sự chấm dứt của thời Phục hưng. Tuy vậy, đế chế





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ ĐỂ PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Kiến trúc trên dòng kênh nhỏ

Venetian vẫn là nơi xuất khẩu chính các sản phẩm nông nghiệp và cho đến giữa thế kỉ XVIII vẫn là một trung tâm sản xuất quan trọng.

Nước Cộng hòa mất quyền tự chủ khi Napoléon Bonaparte chinh phục Venezia trong Chiến dịch liên minh lần thứ nhất (1797). Nhà chinh phạt người Pháp đã chấm dứt thế kỷ hoành tráng nhất của thành phố trong giai đoạn này. Ông phá bỏ đi những cổng của khu Ghetto, hạn chế các khu vực và thời gian người Do Thái sinh hoạt và đi lại trong thành phố.

Venezia trở thành một phần của Áo khi Napoléon ký Hòa ước Campo Formio vào ngày 12 tháng 10 năm 1797. Người Áo chiếm thành phố để rồi vào năm 1805 lại trở thành một phần của Vương quốc Italia của Napoléon (nhưng được trả lại cho Áo sau thất bại của Napoléon vào năm 1814) trở thành một phần của Vương quốc Lombardy - Venetia. Một cuộc cách mạng tái thiết lập Cộng hòa Venezia trong một thời gian ngắn nhưng rồi vào năm1866, theo sau cuộc chiến sáu tuần, Venezia cùng với phần còn lại của Venetia, trở thành một phần của Italia.

Từ sau 1797, thành phố xuống cấp trầm trọng, nhiều dinh thự cổ cùng các tòa nhà khác bị bỏ hoang, tuy chỉ có khu vực Lido trở thành một bãi biển du lịch nổi tiếng vào thế kỉ thứ XIX.

Trong trung tâm cũ, những kênh đào đóng vai trò như những con đường giao thông trên nước. Vào thế kỉ XIX một đường chính vào đất liền để đến một ga xe lửa của Venezia, và một đường cho xe hơi cùng bãi đậu được xây dựng thêm vào thế kỉ XX. Vượt qua khỏi những đường vào trên bộ ở cạnh phía bắc thành phố, giao thông bên trong thành phố vẫn là hoàn toàn trên nước hoặc đi bộ. Venezia là khu đô thị rộng nhất châu Âu không có xe hơi, duy nhất ở châu Âu vẫn có thể duy trì hoạt động bình thường của thành phố trong thế kỷ XXI mà hoàn toàn không dựa vào xe ô tô.

Thuyền Venezia cổ điển rất đặc sắc gọi là thuyền gondola, ngày nay chủ yếu dùng cho du khách, hay cho đám cưới, đám ma, các dịp lễ hội. Đa số người Venezia ngày nay đi lại bằng thuyền gắn máy ("vaporetti") đi lại trên các tuyến dọc theo các kênh đào chính và giữa các hòn đảo trong thành phố. Thành phố này cũng có hoạt động nhiều thuyền của các gia đình tư nhân. Những gondola vẫn còn được sử dụng phổ biến bởi người Venezia (gọi là traghetti), những phà

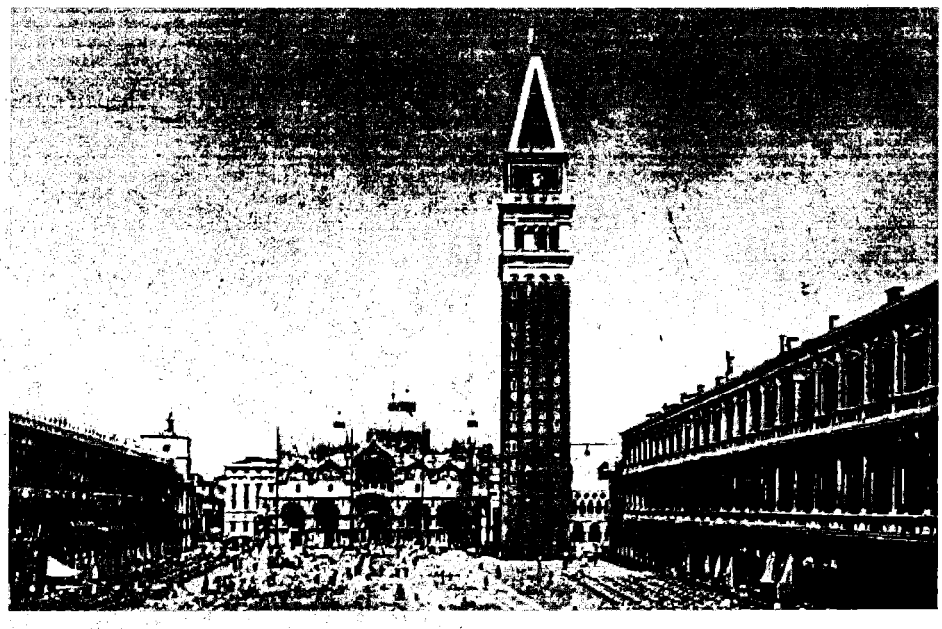


Kiến trúc và cầu trên kênh nhỏ



THƯ VIỆN
HUST

Cầu và thuyền trên kênh nhỏ

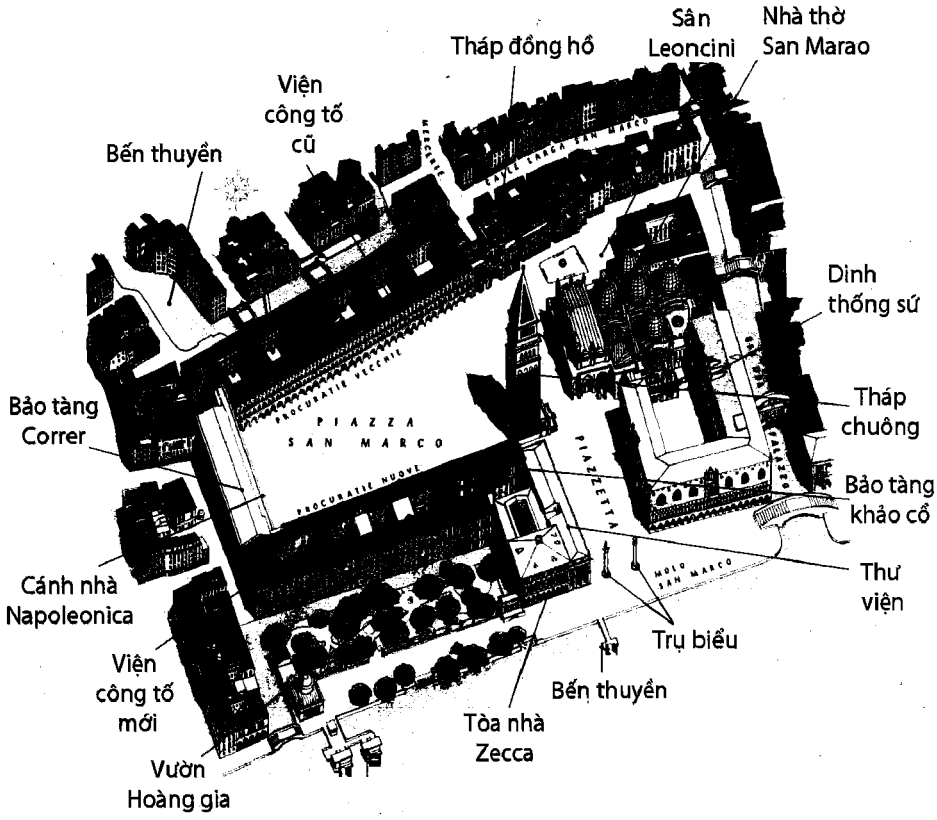


Quảng trường San Marco

**** Một đỉnh cao của nghệ thuật đô thị Italia - Quảng trường San Marco ở Venezia:***

Quảng trường San Marco ở Venezia là một phức hợp không gian gồm hai quảng trường liên kết vuông góc với nhau, trong đó quảng trường lớn gắn với Nhà thờ lớn, quảng trường nhỏ hơn có Dinh Thống sứ và mở hoàn toàn về phía mặt nước của dòng kênh chính. Thành phần liên kết theo phương đứng của hai quảng trường là công trình Campanile (tháp chuông) cao 98m. Quảng trường lớn có mặt bằng hình thang, trục quảng trường theo chiều dài là 176m. Nhà thờ ở vị trí cạnh lớn của đáy hình thang, tạo nên hiệu quả thị giác ảo khi nhìn nhà thờ từ cạnh đáy nhỏ hình thang của quảng trường có thể thấy hình ảnh nhà thờ như gần lại. Dọc hai cạnh dài của quảng trường nhà thờ là hai công trình Viện Công tố của Venezia. Công trình ở phía phải nhà thờ do nhóm kiến trúc sư vừa là nhà điêu khắc Lombardo (chủ yếu có Pietro và con trai là Tullio) thiết kế năm 1481. Ở phía trái nhà thờ là công trình do Scamodi thiết kế năm 1584. Cả hai công trình có cùng phong cách kiến trúc Phục Hưng, cao 3 tầng, phía dưới là hành lang vòm cột đều đặn. Khép kín quảng trường ở cạnh đáy nhỏ là hàng hiên vòm cột. Phong cách kiến trúc Phục Hưng ở 3 mặt của quảng trường này vừa tạo nên đặc tính thống nhất về không gian

THƯ VIỆN HUBT





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tổng thể kiến trúc quảng trường San Marco

kiến trúc của quảng trường, vừa làm nổi bật hình ảnh nhà thờ là công trình duy nhất có hình thức kiến trúc chịu ảnh hưởng của kiến trúc Byzantin (Phương Đông).

Quảng trường nhỏ (Piazzetta) ở phía trái nhà thờ có mặt bằng hình chữ nhật. Khép kín quảng trường này ở hai mặt phía đông và tây là hai công trình: Dinh thống sứ Venezia (Palais des Doges) và hiệu sách Sansovino. Hai công trình có phong cách kiến trúc khác nhau: Dinh Thống sứ mang nhiều ảnh hưởng của phong cách Goth (Gothique); Hiệu sách mang phong cách Phục Hưng. Tuy riêng biệt, nhưng hành lang vòm cột rộng ở tầng dưới của cả hai công trình tạo nên sự liên kết và thống nhất không gian quảng trường. Khép lại một phần phía bắc quảng trường là công trình nhà thờ. Chính sự góp mặt của kiến trúc nhà thờ đã tạo nên sự hấp dẫn của không gian kiến trúc của quảng trường. Hai cột thức lớn, phía trên đặt tượng sư tử (biểu tượng của Venezia) và tượng Thánh Théodore đánh dấu giới hạn quy ước của quảng trường ở phía nam, từ phía này quảng trường có tầm nhìn mở rộng ra biển, đồng thời hướng về nhà thờ San Giorgio Maggiore trên một hòn đảo đối diện qua mặt nước của Kênh đào Lớn.

Về đặc trưng thiết kế, quảng trường San Marco không phải là quảng trường được thiết kế do cùng một tác giả trong cùng một thời gian, mà là kết quả của một quá trình xây dựng, cải tạo liên tục của mười thế hệ kiến trúc sư tham gia trong thời gian khá dài.

Những nguyên tắc bố cục không gian đã được áp dụng trong tổ hợp quảng trường San Marco là những thành công của nghệ thuật quy hoạch Phục Hưng Italia. Đó là nguyên tắc liên kết các không gian, nguyên tắc phối cảnh ảo và đặc biệt là nguyên tắc tạo 3 lớp hình ảnh không gian: trực tiếp, trung gian và viễn cảnh.

Camillo Sitte nhà nghiên cứu thẩm mỹ đô thị nổi tiếng người Áo trong những năm cuối thế kỷ XIX đã đánh giá các nguyên tắc bố cục nêu trên là có giá trị cổ điển, mẫu mực, rất đáng học tập và khai thác trong kiến trúc đô thị hiện đại.

Đỉnh cao nghệ thuật đô thị ở quảng trường San Marco nằm ở sự kết hợp hài hòa các công trình kiến trúc trên quảng trường, ở sự tổ chức khéo léo các không gian rất sinh động của quảng trường. Các nhà nghiên cứu coi đây là một phức hợp gồm quảng trường

San Marco (hình thang, các cạnh đáy 90m và 56m, chiều cao của hình thang tức chiều sâu của quảng trường là 176m, diện tích 1,28ha) và quảng trường nhỏ Piazzetta (cũng có mặt bằng hình thang) đặt vuông góc với quảng trường trên và hướng ra biển.

Tổng thể không gian kiến trúc quảng trường San Marco được bố cục theo dạng khép kín không hoàn toàn. Mặt đông quảng trường tiếp xúc với nhà thờ San Marco, mặt bắc là Viện công tố cũ, mặt tây là cánh nhà Napoleon (Napoleonic Wing), mặt nam tiếp xúc với Viện công tố mới và quảng trường nhỏ Piazzetta.

Nghệ thuật không gian quảng trường vừa có tính thống nhất lại vừa tương phản, vừa hài hòa vừa biến hóa, có chủ yếu và có thứ yếu. Kiến trúc bao quanh quảng trường là hành lang trống ở tầng một có công trình gác chuông (campanila) làm điểm nhấn và là phương tiện tiếp nối giữa hai quảng trường. Ở vị trí trông ra biển của quảng trường Piazzetta có hai trụ biểu dạng cột tròn rất thanh thoát, trên đỉnh một cột đặt tượng San Teodoro và cột kia là tượng sư tử có cánh, là biểu tượng của San Marco và cũng là của Venezia.

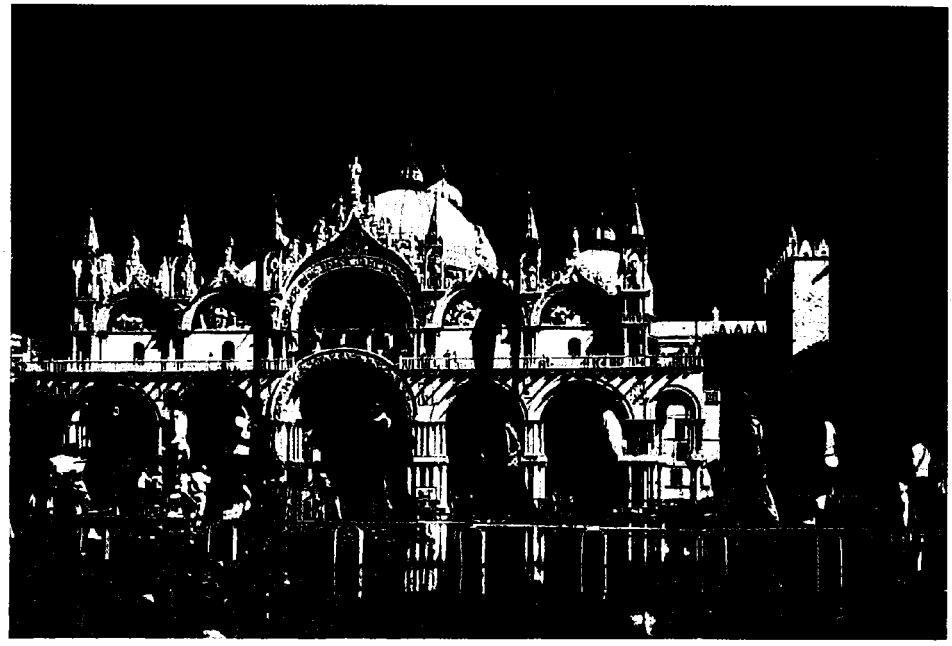
Từ quảng trường Piazzetta, thông qua hai trụ biểu, khách tham quan có tầm nhìn rất đẹp ra phía biển. Từ ngay trên quảng trường này khách có thể ngắm nhìn quần thể tu viện San Giorgio Maggiore trên hòn đảo đối diện với góc nhìn đẹp.

Đây thực sự là một không gian kiến trúc điển hình cho một quảng trường văn hóa, xã hội để có thể tụ họp đông người vào những dịp hội hè. Công sức sáng tạo để hoàn thiện việc xây dựng thuộc về Jacopo Sansovino (1486 - 1570), một kiến trúc sư kiệt xuất thời Văn nghệ Phục hưng, Sansovino đã cùng với Scamodi mở rộng phía nam quảng trường, ông cũng là người thiết kế hành lang nhỏ ở chân tháp chuông và tòa nhà thư viện có mặt đứng hướng ra quảng trường nhỏ Piazzetta, đối diện với Dinh Thống sứ.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thư viện San Marco (1536 - 1553) cao hai tầng dưới có hành lang trống, tầng trên có phòng đọc 17,3m × 27m và một số phòng nhỏ, có mặt đứng kiểu cột cuốn liên tục, trang trí công phu, trên tường chắn mái đặt nhiều tượng đẹp và công trình in hình nổi bật trên bầu trời.

Hai bên quảng trường nhỏ cũng là hai công trình nổi tiếng trong lịch sử kiến trúc là Dinh Thống sứ và tòa nhà Thư viện cũ. Công trình chủ đạo trên quảng trường San Marco chính là Nhà thờ San Marco,



Cầu cạn cho khách bộ hành trên quảng trường San Marco khi nước triều dâng ngập quảng trường



Thuyền trên mặt quảng trường khi nước triều dâng

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

nguyên là một kiến trúc mang phong cách Byzantin và đến thế kỷ XIII đã được hoàn thiện thêm với trang trí rất hoa lệ, mặt đứng được cấu trúc có năm vòm mái sống động và hoành tráng.

Nhà thờ San Marco là công trình chủ đạo trên quảng trường San Marco.

Nhà thờ được xây dựng trong khoảng 1063 - 1094 vào lúc Venezia muốn thoát ly khỏi ảnh hưởng giáo hoàng Roma và có sự gắn bó nhiều hơn với Byzantin, nên phong cách kiến trúc nhà thờ mang dấu ấn Byzantin rõ rệt. Công trình nhà thờ được thấy ngày nay thực ra là vào lần xây dựng thứ ba sau hai lần trước, lần đầu vào thế kỷ IX là nơi lưu giữ để thờ cúng thánh thể San Marco (được đưa từ Alexandria về vào năm 828) sau bị cháy, lần sau vào đầu thế kỷ XI xây quy mô không lớn và rồi cũng bị hủy.

Kiến trúc có sự gắn kết rất hài hòa các phong cách Byzantin (ở tổng thể) Gothic (các đầu hồi mái), Roman (vòm cuốn tròn) và các mái vòm của phong cách kiến trúc Hồi giáo. Năm cửa vòm lớn ngăn cách bởi các nhóm cột trụ Roman tạo nên chiều sâu gợi không khí thiêng liêng của mặt tiền với rất nhiều trang trí tỉ mỉ, phong phú và dày đặc.

Phía trên cửa chính có đặt tượng bốn con ngựa đồng to bằng thật được mang về từ xứ Byzantin vào năm 1204. Rất nhiều tượng các thánh bằng đá trắng đặt trên một ban công rộng ở tầng hai. Những phù điêu dát vàng phía trên các cửa cuốn cùng rất nhiều trang trí kiến trúc được chiếu sáng rực rỡ. Trong thánh đường là những vòm mái cao vút rất rộng nối tiếp nhau, trang trí kiểu ghép mảnh mosaic. Các tường chia mảng với nhiều vòm nhỏ, trang trí mạ vàng, mỗi vòm là hình một vị thánh, màu xanh. Ánh sáng chiếu qua các cửa kính nhiều màu hình vòm tạo không khí trang nghiêm.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Viện Công tố cũ (Procuratie Vecchie) do Petro Lombardi (1415 - 1515) thiết kế năm 1496 và Bartolomeo xây dựng thêm tầng ba (vào những năm 1497 - 1517) ở phía bắc và Viện Công tố mới (do Scamodi xây dựng năm 1584) ở phía nam cùng với hành lang nối liền chúng ở phía tây đã tạo ra được sự hài hòa do có cùng phong cách, tạo sự nhất quán cho tổng thể.

Một công trình chủ thể khác của quảng trường Piazzetta là Dinh Thống sứ, có mặt đứng và khối tích khá lớn. Được xây dựng từ những



Cầu "Than thở" nối Dinh Thống sứ với nhà tù (cầu trên cao)

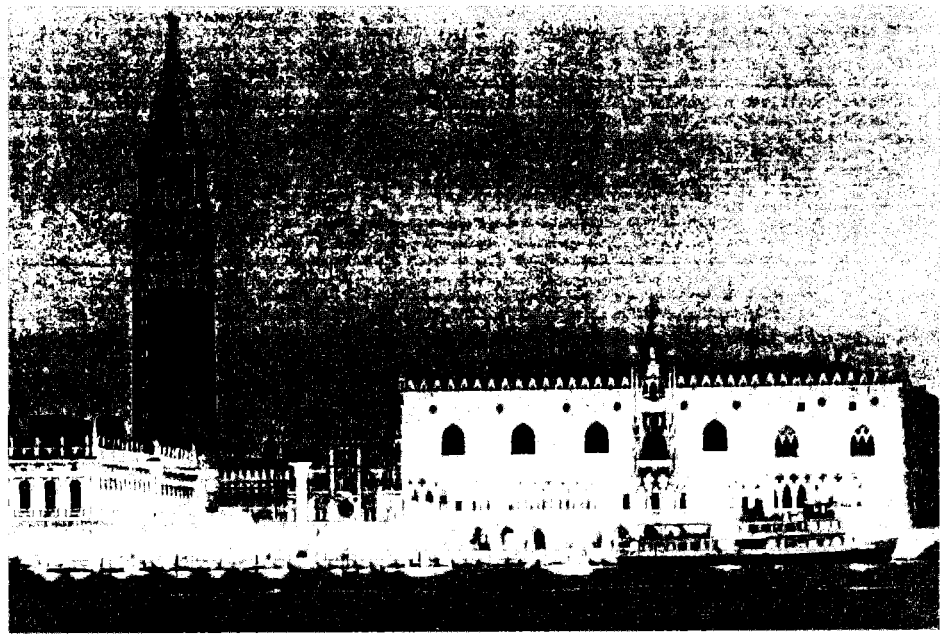
năm 1330 - 40, Dinh Thống sứ mang phong cách Gothique muộn và đã được Petro Lombardo thiết kế hai mặt đứng và các chi tiết vào cuối thế kỷ XV (1499 - 1511).

Kiến trúc Dinh Thống sứ (Doge) nằm liền kề nhà thờ San Marco có một vẻ đẹp kỳ lạ, rất tiêu biểu cho nghệ thuật Byzantin giàu trang trí, bố cục kiến trúc có nhịp điệu hài hòa. Tầng dưới công trình là hành lang cuốn lớn, lớp trên cuốn nhỏ hơn, trên cao là tường mảng lớn trổ cửa sổ, chính giữa mặt nhà là cửa có ban công được trang trí rất khéo léo tạo điểm nhấn ấn tượng.

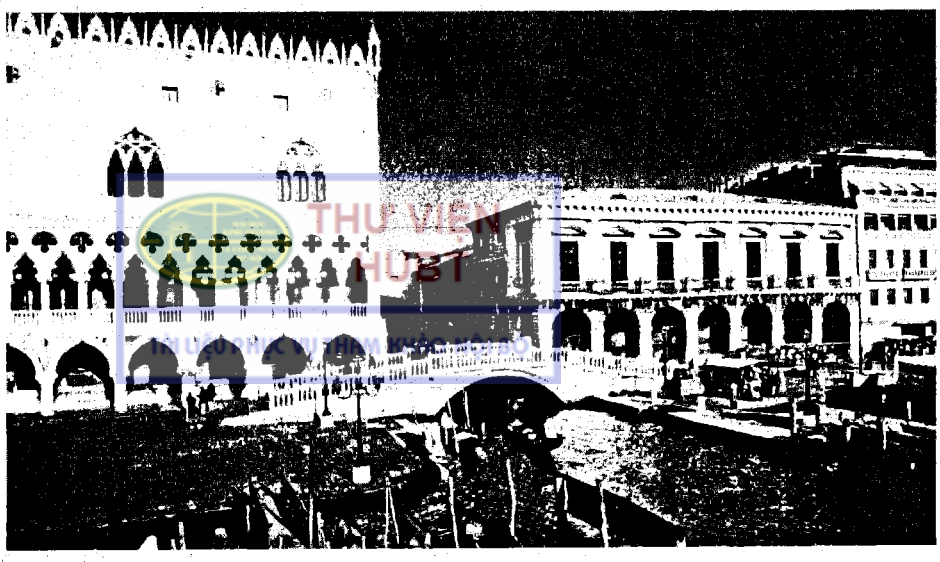
Công trình Tháp chuông lớn Campanila, điểm xuyết tuyệt vời ở chỗ nối tiếp hai quảng trường tạo nên sự đột xuất của chủ thể. Vốn là tháp hải đăng xây dựng từ năm 1173, nhưng vào đầu thế kỷ XVI, sau lần hỏa hoạn tháp chuông này đã được xây dựng lại theo đề án của Bartolomeo Bon cao tới 100m. Phân vị ngang của khối nhà Viện Công tố tương phản rõ rệt với phân vị đứng của tháp chuông tạo ra hiệu quả thẩm mỹ rất đặc sắc.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường San Marco ở Venezia được xem là quảng trường đẹp nhất ở châu Âu, hoành tráng và trang trọng, tinh tế và điêu luyện khiến cho một nhân vật lịch sử nổi tiếng là Napoléon Bonaparte khi đến thăm đã không khỏi say đắm khen ngợi là "một Salon đô thị đẹp nhất châu Âu".



Dinh Thống sứ và Tháp chuông trong ánh đèn đêm



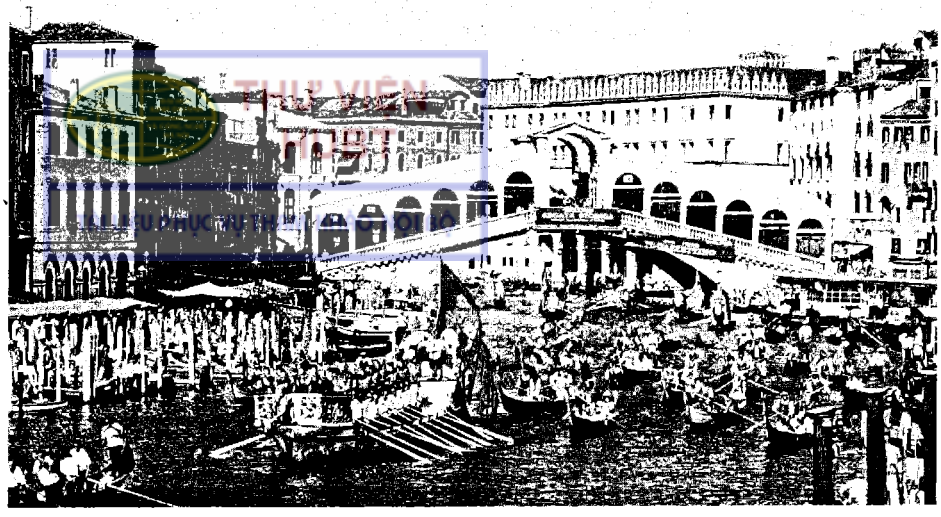
Dinh thống sứ và cầu bắc qua Rio del palazzo

THƯ VIỆN HUBT

2. Đầm phá, Kênh rạch và Kiến trúc

Từ một vùng đầm phá mênh mang trời biển, nhào nặn bùn đất tạo nền cho nơi cư trú bám theo những dòng kênh uốn lượn, đắp bờ cho thành nơi trên bến dưới thuyền, dần mọc lên những gian lều, những căn nhà từ mong manh tới kiên cố... để rồi có cả một tổng thể kiến trúc đô thị như ngày nay, biết bao sức lao động của con người đã đổ vào đây. Và cũng phải có biết bao tài năng và trí tuệ để có được những tác phẩm nghệ thuật để đời cho nhân loại.

Cho đến lúc góp sức hình thành một không gian cư trú cho người dân Venezia thì con kênh chính tức Kênh Lớn đã có được khuôn hình một dòng nước đẹp hình chữ S tạo thành tuyến giao lưu thuyền bè từ nơi ngày nay là ga xe lửa phía tây bắc thành phố, uốn lượn để chảy ra phía đông nam trên một chiều dài khoảng 4km. Từ một tuyến lưu thông cho thuyền bè, dòng kênh đã nhanh chóng trở thành một trục không gian đô thị khi nhà cửa các thương nhân khá giả theo nhau mọc lên nối tiếp dài theo bờ kênh. Rồi một cây cầu đủ lớn bắc qua đôi bờ ở nơi được coi là hạt nhân hình thành khu dân cư: cầu Rialto tại khu dân cư cùng tên này (vốn có tên là Khu Bờ Cao - "Rivo alto") cầu rồi tiếp theo là ngôi chợ chính là những mầm mống đầu tiên góp phần định hình nên khu dân cư để dần sau đó hình thành nên cả một đô thị. Không bao lâu con kênh đã trở thành bộ mặt chính của không gian kiến trúc đô thị, nhiều ngôi nhà quan trọng được định vị trên bờ



Cầu Rialto ngày lễ hội

kênh và dòng kênh đã như là một trục tọa độ góp phần định hướng cho cả một không gian đô thị.

Đi theo một tuyến kiến trúc theo hướng ngược với dòng chảy tức từ phía cửa của con kênh nơi giáp biển đi vào, ta sẽ lần lượt được chiêm ngưỡng những tổng thể, những tác phẩm kiến trúc được coi là tuyệt tác của di sản kiến trúc ở Venezia.

Trước tiên, như trên đã trình bày, tại ngay cửa ngõ của con kênh ta gặp ngay một "đỉnh cao của nghệ thuật" Italia, đó chính là tổng thể kiến trúc gắn với quảng trường San Marco, bao gồm khoảng mười kiến trúc thành phần đều mang những giá trị lớn về thẩm mỹ kiến trúc. Bức tranh toàn cảnh của tổng thể kiến trúc hướng ra phía biển luôn là đối tượng chiêm ngưỡng hàng đầu của những ai đến thăm "Bà Hoàng trên biển Adriatic" này. Trên một panorama với các mảng kiến trúc nằm ngang của Viện Công tố và của Dinh Thống sứ, một tháp cao mái nhọn với nét kiến trúc thẳng đứng tạo nên điểm nhấn cực kỳ quan trọng của không gian kiến trúc này cũng như của toàn đô thị, và không gian đô thị này chính là không gian A trên bản đồ định vị.

Tiếp theo, như một người quan sát trên thuyền du lịch từ ngoài biển đi vào kênh, sẽ có cả một "cuộc diễu hành" của các "ngôi sao kiến trúc" theo bờ phía đông của Kênh Lớn (tức phía phải của người quan sát) mà ta có thể lần lượt theo dõi các ngôi sao sáng chói nhất. Những kiến trúc trên đôi bờ không xa nhau lắm và với một hành trình chậm rãi ta có thể quan sát các kiến trúc trên cả đôi bờ, và để cảm nhận một "cuộc trò chuyện" giữa chúng với nhau. Các kiến trúc trên hai bờ Kênh Lớn được định vị là không gian B, có sự phân đoạn từ B1 đến B4 theo hướng đi dần từ biển vào.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

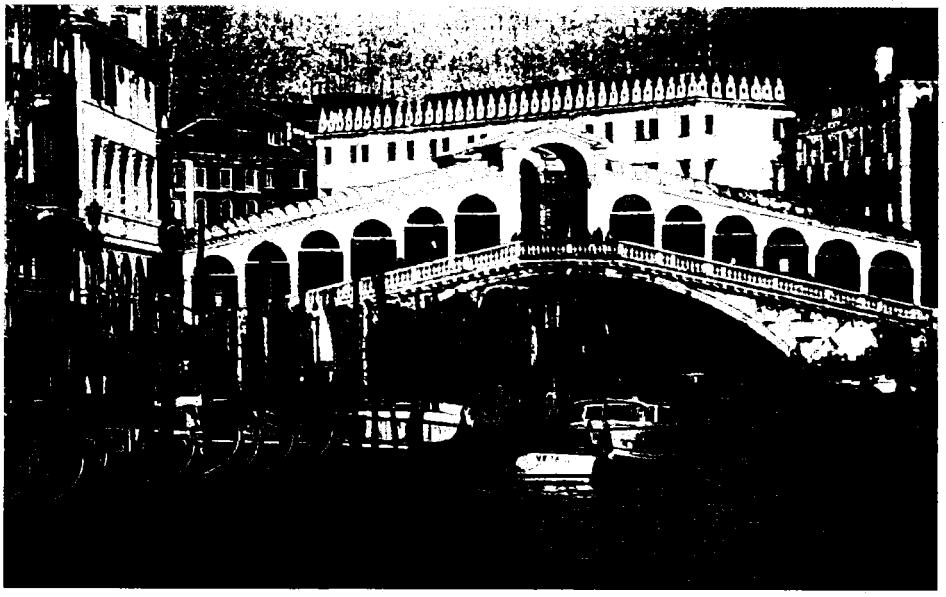
Ngoài ra trên bản đồ định vị cũng có xác định không gian kiến trúc C nằm trên một tuyến tham quan bộ hành. Sau đây là sự ghi nhận về những kiến trúc lần lượt theo những không gian đó.

**** Ghi nhận về các kiến trúc tiêu biểu ở Venezia:***

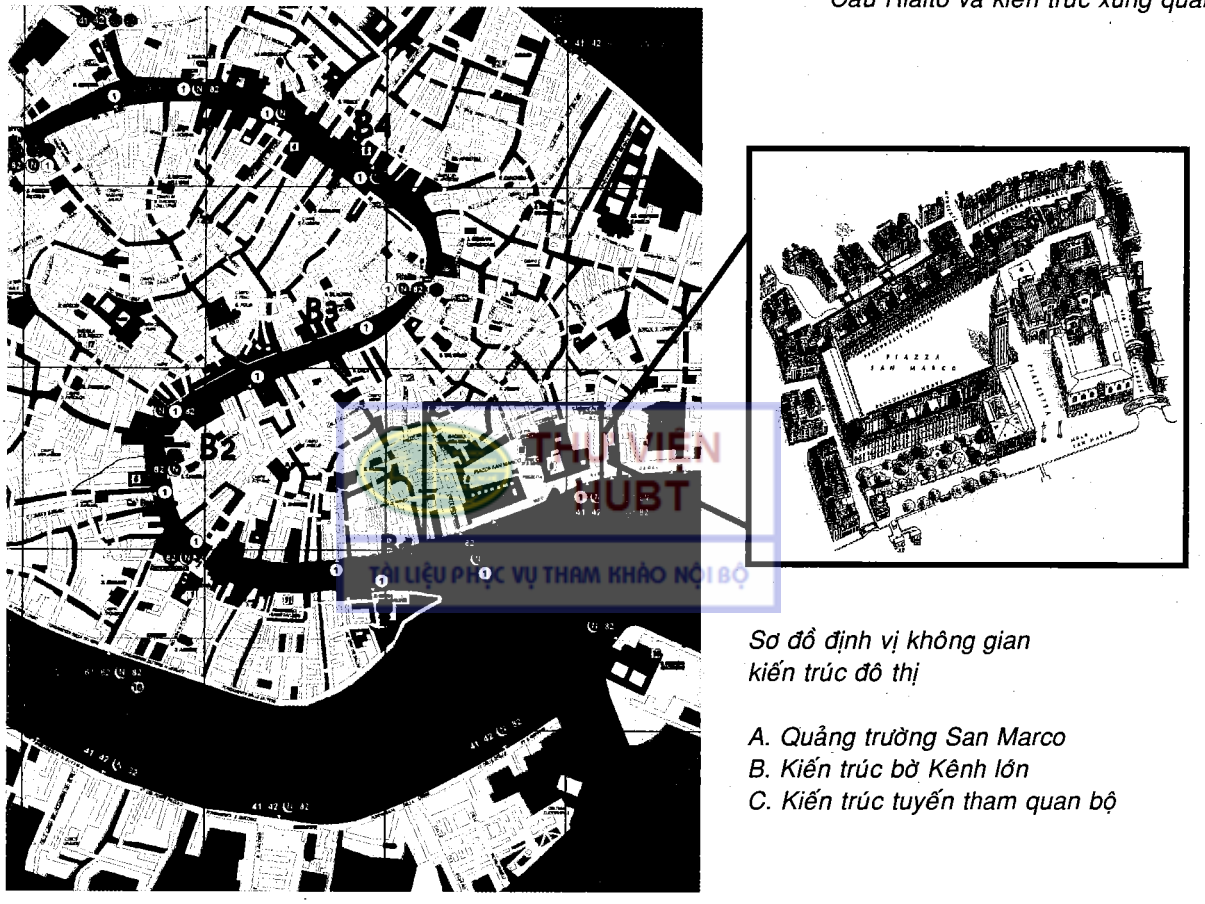
KHÔNG GIAN A: Quảng trường San Marco

- NHÀ THỜ SAN MARCO (3)

Khởi dựng vào năm 832 do các vị Thống sứ vào thời Partecipazio, với mục đích nơi thờ Thánh thể San Marco được chuyển từ Alexandrie



Cầu Rialto và kiến trúc xung quanh



THƯ VIỆN UBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Sơ đồ định vị không gian kiến trúc đô thị

A. Quảng trường San Marco
B. Kiến trúc bờ Kênh lớn
C. Kiến trúc tuyến tham quan bộ

vào năm 828, là tòa thánh đường gắn liền với Dinh Thống sứ. Năm 976 bị hỏa hoạn và xây dựng lại. Nhà thờ hiện nay được xây vào năm 1063 dựa theo hình mẫu nhà thờ Mười hai thánh tông đồ ở Constantinople (nay không còn). Nhiều chi tiết trang trí rất phong phú, nhiều tranh ghép mảnh gốm (mosaic) rất đẹp. Phía trên cửa chính có nhóm tượng 4 ngựa đồng là chiến lợi phẩm thu được từ Constantinople đem về (1204), các cửa đều được trang hoàng lộng lẫy với rất nhiều tượng đẹp. Mặt bằng nhà thờ hình chữ thập Hy Lạp có 5 vòm mái lớn mang phong cách kiến trúc Hồi giáo. Quá trình xây dựng và tu bổ được thực hiện qua nhiều thời kỳ, có sự pha trộn nhiều phong cách Roman, Gothic, Byzantin..., đến thế kỷ XV công trình mới thực sự hoàn thành. Trang trí nhà thờ cả bên ngoài và bên trong đều vô cùng phong phú và rất cầu kỳ.

- DINH THỐNG SỨ (4)

Được xây dựng ban đầu vào thế kỷ IX theo kiểu pháo đài để bảo vệ nơi ở và làm việc của bộ máy chính quyền, có cả tòa án và nhà tù.

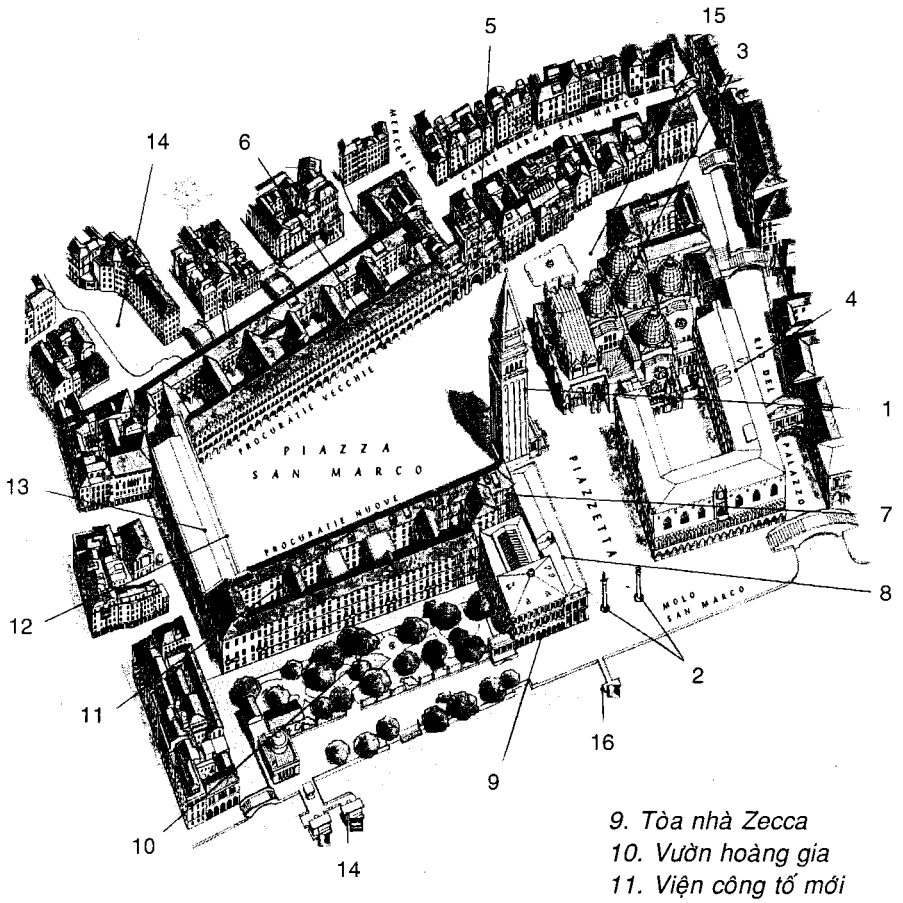
Công trình đã nhiều phen bị hỏa hoạn phá hủy, kiến trúc ta thấy ngày nay được xây dựng chủ yếu vào thế kỷ XIV và XV, với sự đóng góp của nhiều kiến trúc sư tài năng như Dalle Masegnes, Rizzo và Ponte. Mặt bằng công trình hình chữ U, phần lõm ôm lấy sườn nhà thờ San Marco, 3 cạnh chữ U một mặt hướng ra quảng trường Piazzetta (mặt tây), một mặt hướng ra biển (mặt nam) còn lại cạnh dài hơn áp vào một con kênh nhỏ (rio del palazzo), từ tầng trên của mặt này có cầu nhỏ bắc qua kênh thông sang nhà tù phía bờ kênh bên kia (cầu Sighs - than thở). Kiến trúc mặt nhà rất đẹp khác biệt nét kiến trúc các công trình xung quanh: nửa dưới là hai lớp cột cuốn nhọn (lớp dưới cột thưa, lớp trên cột mau), nửa trên là tường phẳng mở cửa sổ lớn hình cung nhọn, cửa chính giữa có ban công được trang trí công phu tạo thành điểm nhấn giữa mặt nhà, trang trí từ ban công lên thẳng tới mái rất ấn tượng. Nhịp điệu kiến trúc và trang trí phong phú theo phong cách Gothic làm cho mặt nhà đẹp lộng lẫy và bay bổng.

THƯ VIỆN
LHUDT

Cầu nhỏ ở mặt sau bắc qua kênh sang nhà tù có tên "than thở" là do phạm nhân bị dẫn qua đã để lại tiếng than ai oán.

- THÁP CHUÔNG VÀ CỘT BIỂU TƯỢNG (1,2)

Tháp chuông có chiều cao xấp xỉ 100m nổi bật trên tổng thể không gian kiến trúc quảng trường, là điểm khớp nối giữa quảng



1. Tháp chuông
2. Trụ biển
3. Nhà thờ San Marco
4. Dinh thống sứ
5. Tháp đồng hồ
6. Viện công tố cũ
7. Bảo tàng khảo cổ
8. Thư viện
9. Tòa nhà Zecca
10. Vườn hoàng gia
11. Viện công tố mới
12. Cánh nhà Napoleonica
13. Bảo tàng Correr
14. Bến thuyền
15. Sân Leoncini
16. Bến thuyền

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

trường lớn và quảng trường nhỏ tại chỗ vuông góc nhau.

Từ trên tầng cao, khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh Venezia, trải rộng tầm mắt tới tận các đỉnh núi phía xa. Chính tại tầng cao gác chuông này, năm 1609 Galileo đã chỉ dẫn cho vị thống sứ Leonardo Dona xem kính viễn vọng do ông sáng chế để nghiên cứu thiên văn. Tại đây từ năm 1173 đã xây dựng tháp đèn biển để hướng dẫn thủy thủ ngoài khơi và đây cũng từng là nơi hành hình phạm nhân. Tòa tháp ta thấy ngày nay được xây dựng vào đầu thế kỷ XVI do Bartolomeo Bon thiết kế, do tháp cũ bị đổ vì động đất. Ở chân tháp

có công trình có hình như đế tháp nhưng là ngôi nhà rất đẹp với hàng hiên trang trí phong phú, ngôi nhà mang tên Loggetta xây dựng vào thế kỷ XVI do Jacopo Sansovino thiết kế. Trong lòng tháp có thang xoắn dẫn lên tầng thượng đặt 5 quả chuông lớn, mỗi hồi chuông báo hiệu giờ giấc riêng: maragona lúc bắt đầu và kết thúc ngày làm việc, malefico báo hiệu giờ sử trảm phạm nhân, nona báo giờ chính ngọ (giữa trưa), mezza terza báo hiệu nghị viên đến Dinh Thống sứ và trottiera báo hiệu giờ họp đại hội đồng.

Hai trụ biểu ở đầu quảng trường Piazzetta phía giáp biển đóng vai trò như cổng chào tại nơi cửa ngõ từ biển đi vào quảng trường. Được làm từ đá cẩm thạch lấy từ Constantinople về, hai cây cột đồ sộ phía trên một bên đặt tượng thánh Theodoro là biểu tượng của Venezia trước khi có thánh thể San Marco đưa từ Alexandrie về (năm 828), một bên đặt tượng sư tử có cánh là biểu tượng thánh Marco và cũng là biểu tượng của Venezia, công trình được làm vào năm 1172 theo thiết kế của Nicolo Battieri (là người đã xây cầu Rialto lần đầu trên Kênh Lớn).

- VIỆN CÔNG TỐ CŨ (PROCURATIE VECCHIE) VÀ THÁP ĐỒNG HỒ (5,6)

Công trình dài nhất nằm ở cạnh phía bắc của quảng trường lớn xây dựng vào thời gian 1500 - 32 do Mauro Codussi và Scarpagnono thiết kế. Tòa nhà dài tới 152m cao 4 tầng, mặt đứng được cấu tạo nhiều tầng hàng cột cuốn chạy dài kiểu cuốn cung tròn (trên 50 vòm cuốn) nhìn phối cảnh tòa nhà như dài tới vô tận. Tháp đồng hồ nằm ở đầu phía đông Viện Công tố là một công trình cao nhô lên ở phía giữa, trên mái có đặt chuông và tượng người đánh chuông, mặt giữa nhà có mặt đồng hồ khảm đá xanh và mạ vàng, đồng hồ chỉ giờ thiên văn. Công trình xây dựng năm 1496 - 1499, theo thiết kế của Mauro Codussi và Pietro Lombardo (phần hai cánh bên năm 1506), phần mái sân thượng do Giorgio Massari (làm năm 1755).

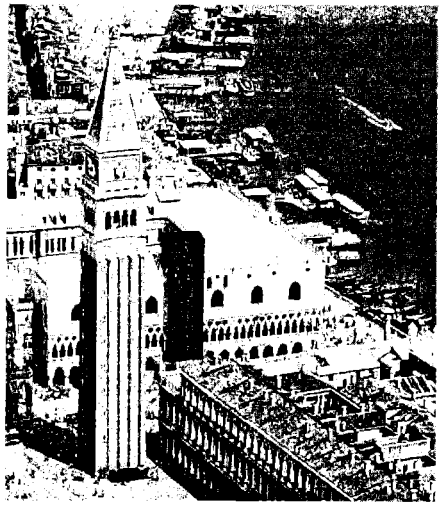
THƯ VIỆN HUBT

- CÁNH NHÀ NAPOLEON VÀ BẢO TÀNG CORRER (12,13)

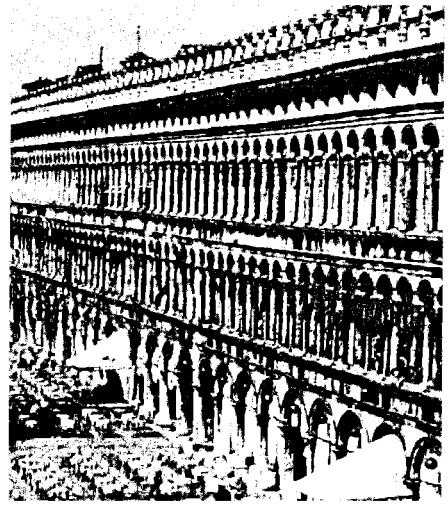
Cánh nhà nối liền đầu phía tây của Viện Công tố cũ và Viện Công tố mới, khép kín cạnh đáy nhỏ hình thang của quảng trường lớn là công trình do Lorenzo Santi thiết kế, được xây dựng năm 1810 - 1813. Công trình dùng làm nơi tiếp khách sang trọng của chính quyền dưới thời Napoleon, nội thất được trang hoàng lộng lẫy với cầu thang lớn

KIẾN TRÚC QUẢNG TRƯỜNG SAN MARCO

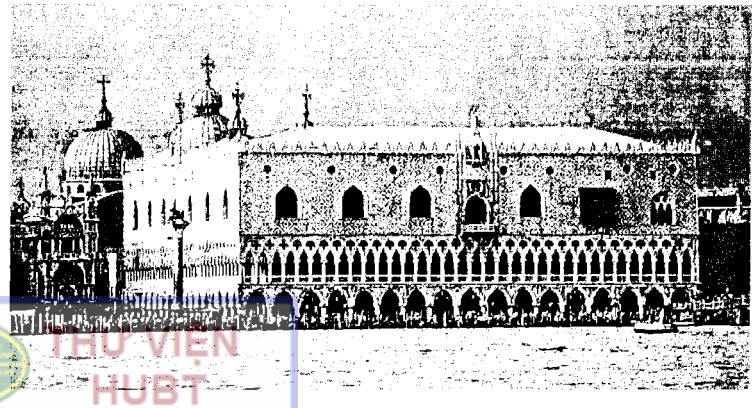
Không gian A



Tháp chuông trên quảng trường San Marco (1)

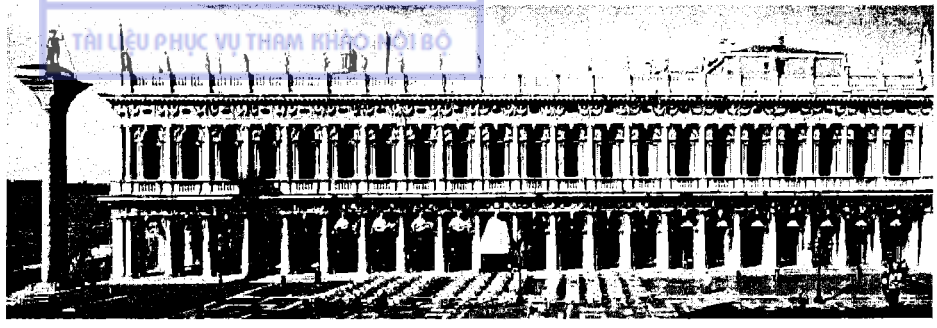


Viện công tố cũ (6)



Dinh Thống sứ (4)

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Cánh nhà Napoleon (12)



để đi lên phòng tiếp khách và vũ hội với những hàng cột Corinth. Từ năm 1922 được dùng làm bảo tàng Correr là người đã tặng cho thành phố bộ sưu tập các tác phẩm nghệ thuật quý giá vào năm 1830 (các tác phẩm điêu khắc của Antonio Canova, tranh hội họa Giovanni Bellini, Antonello de Mesine, Lorenzo Veneziano...).

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

KHÔNG GIAN B: Kiến trúc theo bờ Kênh Lớn

Tiếp theo không gian A là tổng thể các kiến trúc đặc sắc ở quảng trường San Marco, nơi được coi là cửa ngõ đi vào thành phố từ phía biển, khách đến thăm Venezia không bao giờ bỏ lỡ việc đi thăm các kiến trúc hấp dẫn dọc đôi bờ Kênh Lớn, chứng kiến một "cuộc diễu hành" của các viên ngọc kiến trúc trải dài trên bờ nước của dòng kênh luôn có "thuyền tình" gondola dẫn khách du ngoạn.

Tuyến không gian dọc kênh lớn dài khoảng 4km được phân 4 đoạn ký hiệu B1 đến B4 theo hướng từ biển đi vào.

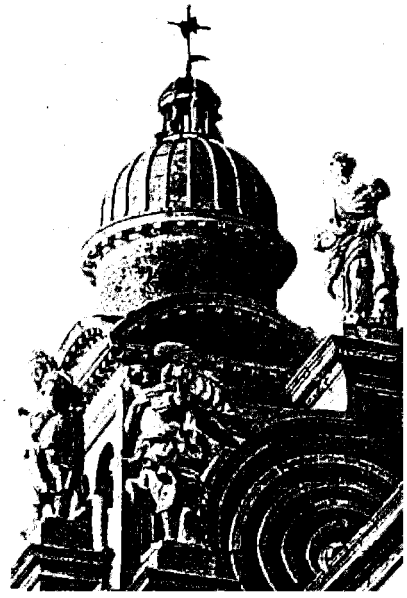
Không gian B1 là nơi cửa ngõ từ biển đi vào dòng kênh và ngay tại nơi cửa ngõ mênh mông trời biển này ta có thể chiêm ngưỡng các kiến trúc tuyệt mỹ như sau:

- Nhà thờ San Giorgio Maggiore: Nằm trên hòn đảo cùng tên và ở vị trí đối diện với quảng trường trung tâm San Marco, tác phẩm kiến trúc của nhà kiến trúc bậc thầy Andrea Palladio là một tổng thể nhà thờ và tu viện được xây dựng từ năm 1565 là một điểm nhấn kiến trúc tại nơi cửa ngõ đi vào Kênh Lớn. Tổng thể kiến trúc gồm rất nhiều hạng mục, cho đến năm ông mất (1580) nhiều phần việc đã được các kiến trúc sư nối tiếp kéo dài tới thế kỷ XVII mới xong. Các kiến trúc sư tài năng đóng góp vào tác phẩm kiến trúc này thường được kể đến như Simone Sorella, Baldassare Longhena. Mặt chính của nhà thờ rất ấn tượng của Palladio với "thức cột lớn" kiểu cổ điển, đó là 4 cây cột đỡ đầu hồi mái bằng đá trắng với nhiều trang trí theo phong cách cổ điển. Trong tổng thể kiến trúc dàn trải trên đảo đã nổi bật lên tòa kiến trúc tháp chuông với nét kiến trúc rất tinh tế như để "đối thoại" với tháp chuông lớn trên quảng trường San Marco.

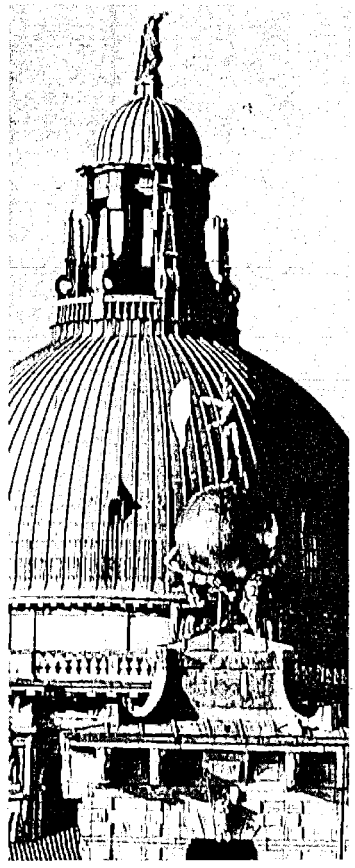
- Nhà thờ Santa Maria della Salute: Nằm trên một đỉnh của tam giác đều mà hai đỉnh kia là nhà thờ San Marco và nhà thờ San Giorgio Maggiore như để đánh dấu nơi cửa ngõ trước khi đi vào Kênh Lớn, nhà thờ Santa Maria della Salute là một điểm nhấn kiến trúc quan trọng thứ ba ở nơi trời biển mênh mang này. Nhà thờ được xây dựng để tạ ơn Chúa đã cho thành phố được sống lại qua cơn đại dịch vào năm 1630, từ đó có tên Salute với ý nghĩa tạ ơn.

Tòa kiến trúc Barocco đặc sắc này là tác phẩm của Baldassare Longhena lúc ông 32 tuổi (1631) và đã dành cả thời gian cuối đời cho công trình này và phải đến 5 năm sau ngày ông qua đời (1687) thì kiến trúc nhà thờ mới hoàn thành. Công trình nổi bật với mái vòm đồ sộ đặt trên khung tường vững chắc với nhiều trụ chống bên ngoài được tạo hình các đường trang trí vòng cuộn xoắn ốc rất ấn tượng. Không gian chính có mặt bằng lục giác từ đó tỏa ra các gian thờ được trang trí và trần thiết công phu do các nghệ sĩ nổi tiếng thực hiện (như Jacopo Tintoretto, Sassoferrato, Luca Giordano).

KIẾN TRÚC
Ở KHÔNG GIAN B1

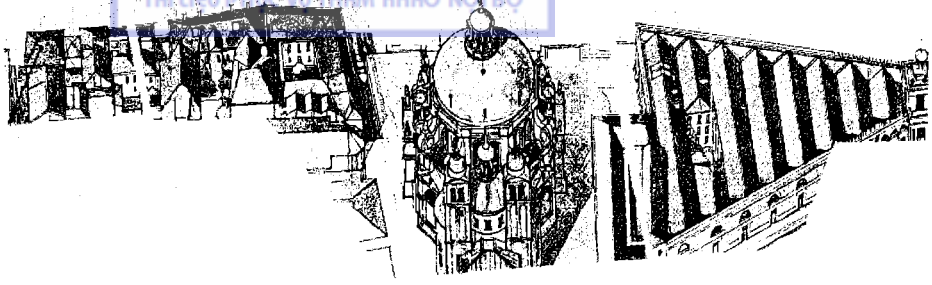


Kiến trúc phía đối diện tức bờ phía nam Kênh Lớn

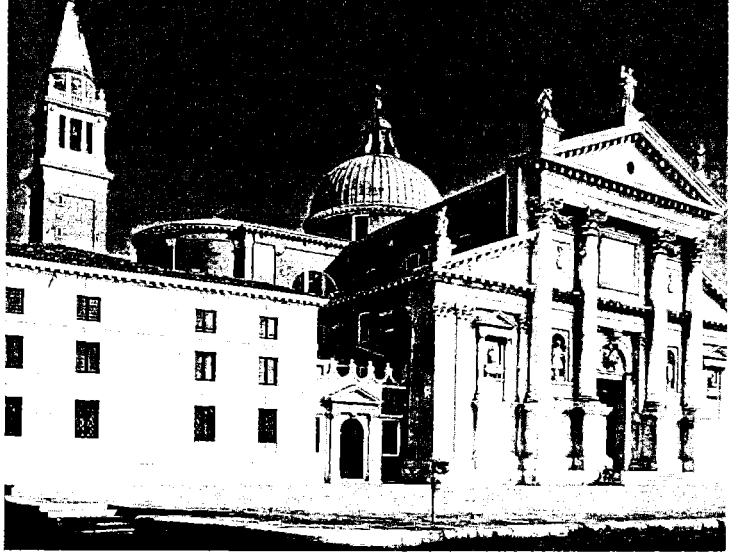




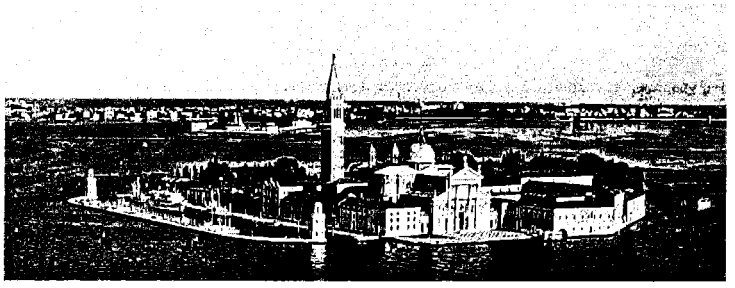
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Nhà thờ Santa Maria della Salute



Nhà thờ San Giorgio Maggiore



Nhà thờ San Giorgio Maggiore





Nhà thờ Santa Maria della Salute

THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ [illegible] NỘI BỘ

Đi tiếp vào phía trong dòng kênh cho tới cầu Accademia có thể gặp các kiến trúc đặc sắc, lần lượt từ bờ trái sang bờ phải như sau:

- Nhà tu viện cổ San Gregorio phong cách Gothic điển hình, xây dựng năm 1892 vốn là một trung tâm tôn giáo có thế lực, nay được dùng làm nơi bảo tồn và phục chế các tác phẩm mỹ thuật cổ điển.

- Tòa nhà Salviati vốn là trụ sở của công ty làm đồ thủy tinh mỹ nghệ, do đó mặt nhà được trang trí đẹp bằng chính loại vật liệu này, phần giữa mặt nhà tầng 2 được trang trí bằng bức tranh lớn rất bề thế.

- Tòa nhà Dario xây dựng năm 1487 được tạo hình kiến trúc rất đặc sắc, vốn nằm trong cơ ngơi Capiello Barbaro bị cây cối um tùm che khuất. Công trình gắn với nhiều chuyện ly kỳ của những hoạt động diễn ra trên Kênh Lớn.

- Tòa nhà Barbarigo là một kiến trúc có đường nét trang nhã và có đặc điểm là được trang trí ghép mảnh gốm (mosaic) dày đặc trông rất vui mắt.

- Tòa nhà Contarini del Zaffo phong cách kiến trúc thời Phục Hưng có niên đại 1400, là dinh cơ của một gia đình quyền thế và giàu có.

- Tiếp đến là nhà bảo tàng Accademia (hàn lâm) và cây cầu có cùng tên. Nhà bảo tàng được khai thác từ một nhà thờ cũ gắn với một tu viện. Công trình có kiến trúc khá đặc sắc, chứa đựng bộ sưu tầm lớn về tranh nghệ thuật ở Venezia.

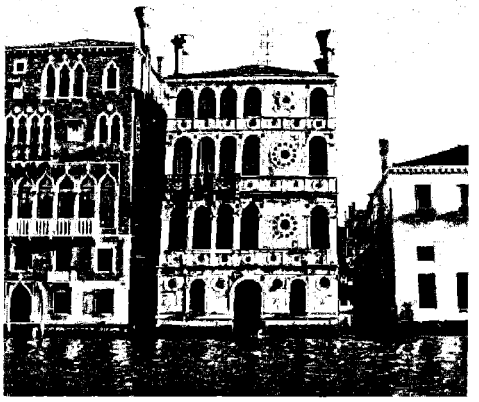
- Cầu Accademia là cây cầu bằng gỗ xây dựng năm 1932 dự định là cây cầu tạm thay cho cầu cũ bằng sắt từ thế kỷ trước, nhưng được nhân dân quen dùng và được giữ lại. Đây là cây cầu thứ hai bắc qua Kênh Lớn sau cầu Rialto.

THƯ VIỆN HUBT

Trở sang bờ kênh bên phải và đi từ cầu Accademia trở ra, có những kiến trúc đáng lưu ý sau:

- Tòa nhà Franchetti Cavalli: công trình nằm kề chân cầu phía bắc, có vị trí và tầm nhìn rất đẹp, kiến trúc hấp dẫn, vốn là tư dinh của Đại công tước Áo Frederic, cũng là nơi ông qua đời năm 1836.

- Tòa nhà Barbaro gồm hai ngôi nhà liền kề, thuộc gia đình Curtis xây dựng năm 1885. Nhiều họa sĩ và văn sĩ nổi tiếng đã sống và hoạt động ở đây.



Tòa nhà Dario



Tòa nhà Salviati



Tòa nhà Confarini del Zaffo

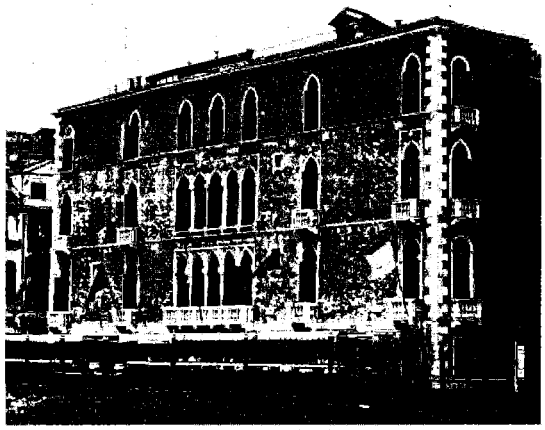


Bảo tàng Accademia

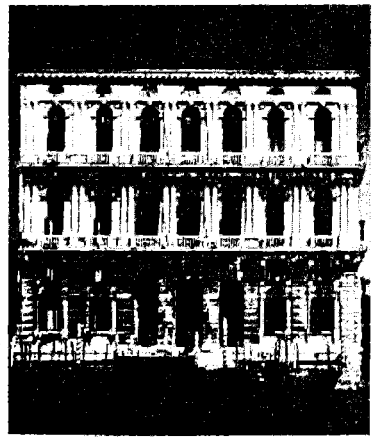


Tòa nhà Franchetti Cavalli

THƯ VIỆN HUBT



Tòa nhà Gritti Pisani



Tòa nhà Ca' Grande

- Tòa nhà Ca Grande, một lâu đài cổ điển có quy mô khá lớn, xây dựng 1545 theo thiết kế của Sansovino cho gia đình quý tộc Giacomo Cornaro được coi là giàu có nhất ở Venezia.

- Tòa nhà Gritti-Pisani nay là một khách sạn sang, nơi văn hào Ruskin từng lưu trú (1851).

- Tòa nhà Contarini Fasan xây dựng vào thế kỷ XV có kiến trúc lộng lẫy và trang nhã, được mệnh danh là tòa nhà Desdemona một nhân vật kiều diễm trong vở kịch của Shakespeare.

- Tòa nhà Tiepolo nay là một khách sạn sang Hotel Europa-Regina, vốn của gia đình Tiepolo.

- Tòa nhà Giustinian, trụ sở chính của tổ chức Biennale (tổ chức triển lãm và biểu diễn nghệ thuật hai năm một lần) nơi từng lưu lại các nghệ sĩ nổi tiếng như Turner, Verdi, Proust...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Đi tiếp nữa theo bờ này sẽ tới Vườn Hoàng gia (Giardinetti Reali) nằm ở phía tây-nam quảng trường San Marco, phía sau của tòa nhà Viện Công tố mới.

KHÔNG GIAN B2: Đoạn kênh phía bắc cầu Accademia. Theo hướng đi tới cầu Rialto, về phía bờ trái của kênh có những công trình đáng lưu ý:

- Tòa nhà Loredan là tư dinh của vị thống sứ Francesco Loredan (1752-62) tòa nhà có phong cách kiến trúc Gothic rất điển hình của Venezia.

- Tòa nhà Ca Rezzonico, một kiến trúc Barocco rất đặc sắc và được coi là lộng lẫy nhất trong khu vực, từ năm 1934 được dùng làm bảo tàng về Venezia thế kỷ XVIII, là tác phẩm của Baldassare Longhena xây dựng năm 1667, đã được chuyển qua tay nhiều chủ nhân.

- Tòa nhà Giustinian, một nơi ở đẹp đẽ và ấm cúng, từng là nơi ở của nhà soạn nhạc Wagner (năm 1858-9) vào thời gian ông soạn bản nhạc kịch Tristan và Idơn.

- Tòa nhà Ca Foscari, được xây dựng cho chủ nhân là vị thống sứ Francesco Foscari năm 1437, một kiến trúc Gothic điển hình thế kỷ XV, mặt nhà được trang trí chạm khắc đẹp bằng đá vùng Istrie dạng mành đăng ten bằng đá.

- Tòa nhà Balbi được dùng làm trụ sở của chính quyền địa phương nằm ở vị trí khúc cong lõm của dòng kênh chính nên có tầm nhìn rất tốt bao quát cảnh quan dòng kênh, nơi này từng được Napoleon đến dự một lễ hội trên sông.

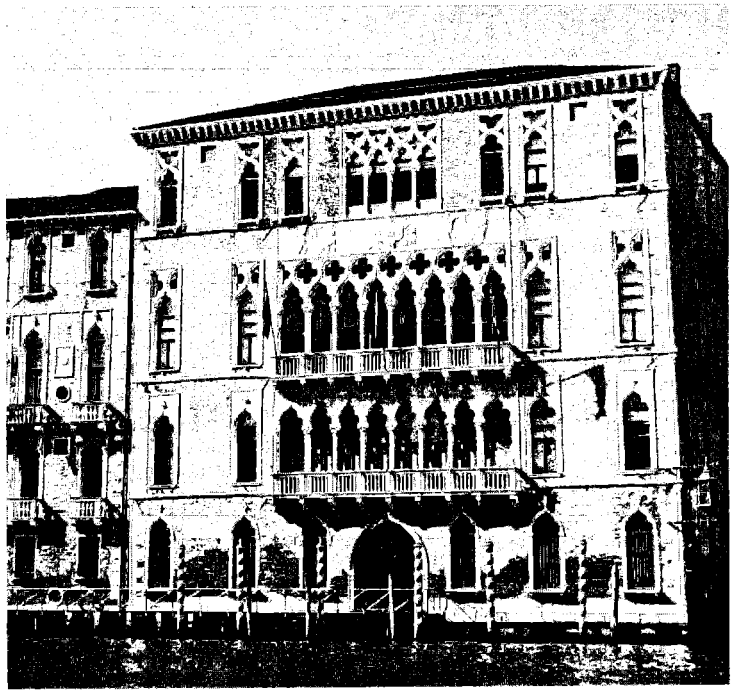
Đi ngược dòng kênh tiếp thêm nữa về phía bắc (tức đi vào không gian B3), sẽ gặp tiếp nhiều kiến trúc đặc sắc, đó là:

- Tòa nhà Civran - Grimani theo phong cách kiến trúc cổ điển thế kỷ XVII.



Tòa nhà Giustinian

THƯ VIỆN HUBT



Tòa nhà Ca' Foscari

- Tòa nhà Marcello của một gia đình quyền quý, đôi khi được gọi là "nhà sư tử" do hai bên cửa có đặt tượng sư tử rất đẹp.

- Tòa nhà Persico nằm ở góc giao nhau giữa Kênh Lớn và kênh nhánh Rio San Polo, một kiến trúc thế kỷ XVI mang phong cách kiến trúc vùng Lombardie.

- Tòa nhà Barbarigo xây dựng năm 1560.

- Tòa nhà Capello - Layard của nhà chuyên gia khai quật khảo cổ học ở Ninive.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Tòa nhà Barzizza xây lại vào thế kỷ XVII nhưng vẫn giữ lại mặt nhà của thế kỷ XIII.

- Tòa nhà Ca Corner - Martinengo - Rava nay là khách sạn Leon Bianco, nhà văn Mỹ James Fenimore Cooper từng ở đây năm 1838.

Đi gần hơn nữa về phía cầu Rialto sẽ gặp các công trình:

- Tòa nhà Riva del Vin có khoảng hè phía trước nhà rất rộng, trở thành một địa điểm trên bến dưới thuyền rất hấp dẫn khách du lịch, họ đến đây ngồi thư dãn ngắm cảnh bên tách cà phê và thưởng thức rượu vang.

Cũng tại KHÔNG GIAN B3 này bên phía bờ đối diện cũng có nhiều kiến trúc đặc sắc không kém, đó là:

- Tòa nhà Mocenigo là sự kết nối của 4 ngôi nhà mang biển hiệu chung của nhà thơ Byron, ông đã ở đây vào năm 1818.

- Tòa nhà Garzoni nằm trong số không nhiều nhà có chiều cao 4 tầng, phong cách kiến trúc Gothic rất đẹp hiện được dùng làm một bộ phận của trường Đại học.

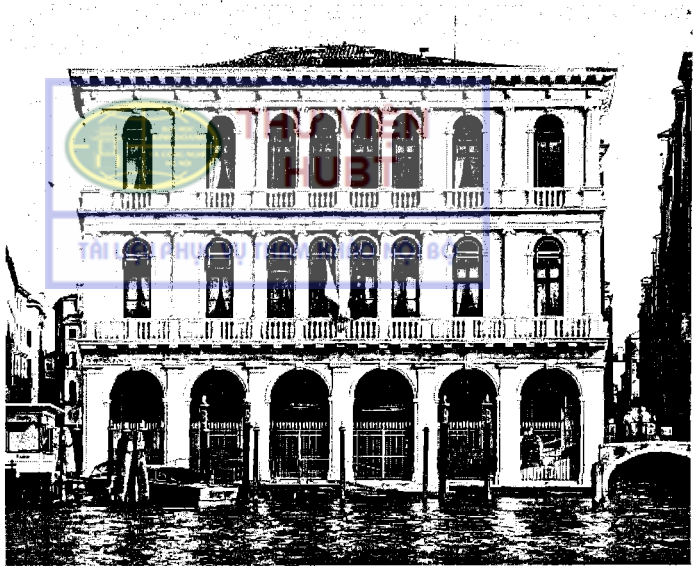
- Tòa nhà Corner Spinelli khá cổ (xây dựng 1490 - 1510) tác phẩm mang phong cách Phục Hưng của Mauro Coducci.

- Tòa nhà Grimani xây dựng 1556 phong cách kiến trúc Phục Hưng, nhà của vị công tố Girolamo Grimani, do Michele Sanmicheli thiết kế. Năm 1807 nhà nước mua lại làm trụ sở tòa phúc thẩm.

- Tòa nhà Farsetti và tòa nhà Loredan, đều được dùng làm trụ sở Hội đồng thành phố, xây dựng từ thế kỷ XIII, đến năm 1868 hợp nhất, tòa nhà Farsetti cũng được dùng làm trụ sở của Hội các nghệ sĩ trẻ. Kiến trúc phong cách Byzantin.

- Tòa nhà Bembo kiến trúc gothic thế kỷ XV, nơi có trường nghệ thuật, cũng được coi là một cái nôi của nghệ thuật Phục Hưng.

- Tòa nhà Manin-Dolfin do kiến trúc sư nổi tiếng Sansovino thiết kế năm 1538.



Tòa nhà Manin - Dolfin



Tòa nhà Garzoni



Tòa nhà Bembo

HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tiếp đến là cầu Rialto, nơi được coi là cột mốc tâm điểm của thành phố, cái nôi sinh thành đô thị. Cây cầu hiện nay được xây dựng vào năm 1588-91 sau nhiều lần những cây cầu xây trước bị hỏng. Từ thế kỷ XII đã có cây cầu bằng đá, một cây cầu khác bằng gỗ bị sập năm 1444 do trọng lượng quá lớn của người lên cầu xem một đám cưới. Cho đến năm 1854 trước khi có cây cầu Accademia thì Rialto là cây cầu duy nhất được bắc qua Kênh Lớn.



Khung cảnh kiến trúc quanh cầu Rialto

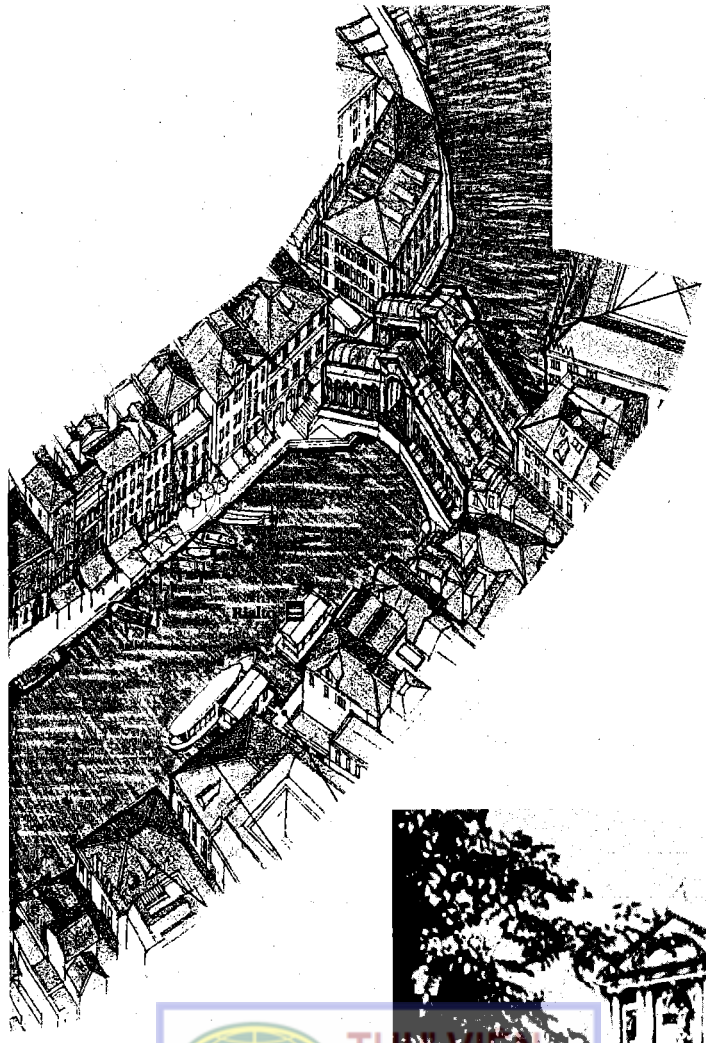
Việc xây cầu được trải qua một đợt thi tuyển các phương án có sự tham gia của nhiều kiến trúc sư tài giỏi như Michelanelo, Andrea Palladio, Jacopo Sansovino, nhưng người thắng cuộc lại là Antonio de Ponte. Cầu vòm cuốn có khẩu độ 48m, chiều cao thông thủy 7,5m, mặt cầu rộng 24m có bậc cho khách bộ hành gồm 3 tuyến xen giữa là các gian bán hàng. Cầu có lợp mái và tại điểm giữa cầu chỗ cao nhất có chòi nghỉ chân ngắm cảnh cả hai phía.

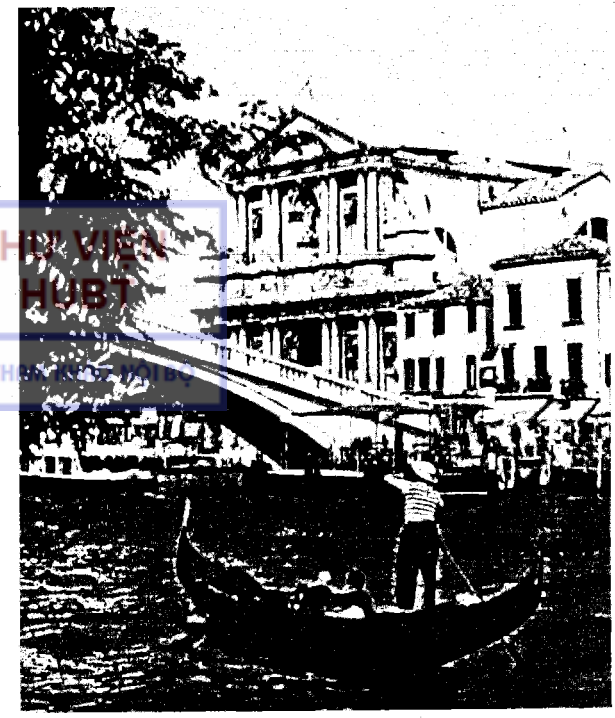
THƯ VIỆN HUBT

Nằm cách cầu một chút về phía bắc có chợ Rialto cũng được hình thành khá sớm và có vai trò "hạt nhân" hình thành đô thị. Chợ nằm cạnh kênh gồm một chợ chuyên bán hàng thủy sản và một chợ bán rau quả.

Qua chợ đi tiếp theo kênh về phía tây-bắc có những công trình quan trọng sau (không gian B3, phía bờ nam):

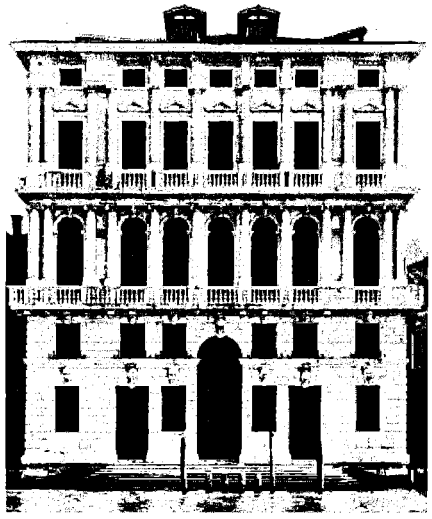
- Tòa nhà Morosini Brandolin của một gia đình quyền quý cùng tên, nổi danh vào thế kỷ IX.





Cầu Rialto và kiến trúc hai bờ kênh

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Chợ Rialto



Tòa nhà Ca' Corner della Regina

- Tòa nhà Favretto nay là khách sạn San Casiano vốn là nơi ở của họa sĩ Giacomo Favretto (1849-87).

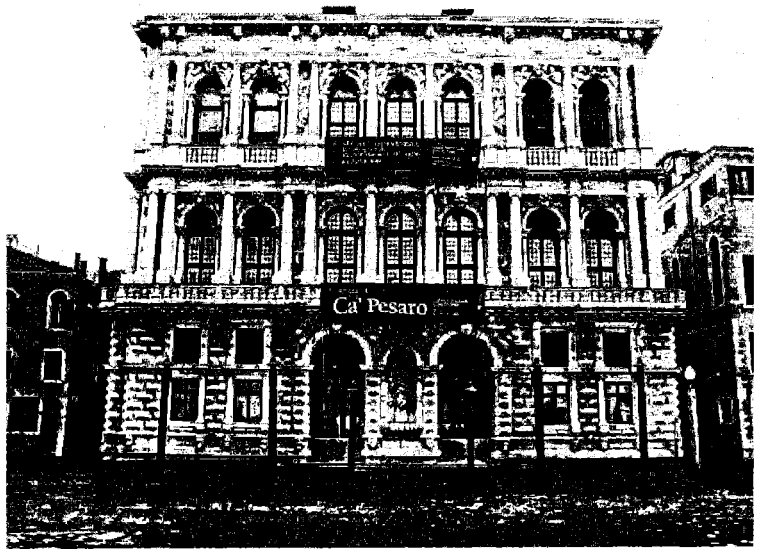
- Tòa nhà Ca' Corner della Regina, theo tên hoàng hậu đảo Sip là Caterina Cornaro (sinh tại đây năm 1454) nhà xây theo thiết kế của Domenico Rossi.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Tòa nhà Ca' Pesaro kiến trúc Barocco do Longhena thiết kế, nay được dùng làm bảo tàng Nghệ thuật hiện đại và bảo tàng Phương Đông, vốn là tư dinh của vị công tố Leonardo Pesaro.

- Tòa nhà Ca' Foscarini, kiến trúc Gothic thế kỷ XV, của gia đình Foscari sau chuyển thành tư dinh của quận công Mantua vào năm 1520.

Cũng trong không gian này, về phía bờ bắc có những công trình rất đặc sắc, đó là:





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Tòa nhà Ca' da Mosto là một kiến trúc tiêu biểu theo phong cách Byzantin thế kỷ XIII, là ngôi nhà của nhà hàng hải Alvise da Mosto, ông sinh tại đây năm 1432.

- Tòa nhà Mangili Valmarana do Antonio Visentini thiết kế theo phong cách cổ điển, là nhà của viên tham tán người Anh Joseph Smith (1682 - 1770).

- Tòa nhà Michiel del Brusa được xây lại sau vụ hỏa hoạn lớn năm 1774.

- Tòa nhà Michiel del Brusa được xây lại sau vụ hỏa hoạn lớn năm 1774.

- Tòa nhà Michiel dalle Colonne đặc sắc nhờ mặt chính có hàng cột đẹp và ngôi nhà đã mang tên "hàng cột".

- Tòa nhà Foscarini là của vị thống sứ Marco Foscarini vốn là nhà ngoại giao, nhà giáo dục và cũng là nhà hùng biện, được bổ nhiệm thống sứ năm 1762.

- Tòa nhà Sagredo vốn của gia đình Morosini sau chuyển cho gia đình Sagredo vào đầu thế kỷ XVIII, phong cách kiến trúc Byzantin kết hợp Gothic.

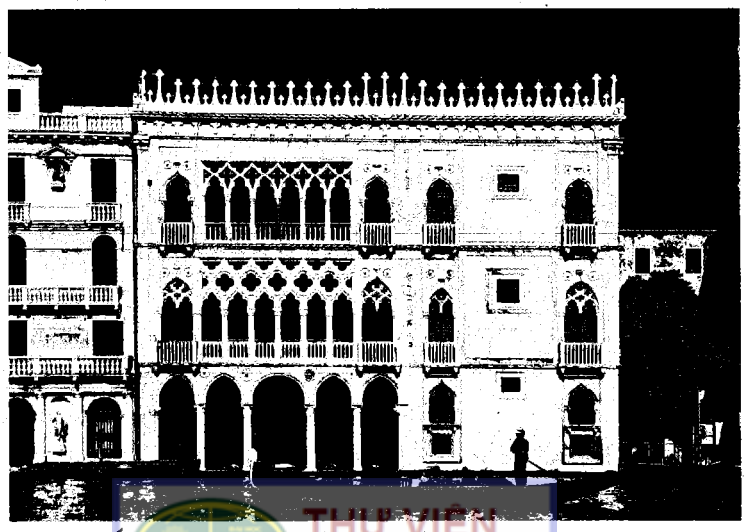
- Tòa nhà Ca d Oro (Nhà Vàng) là tòa tư dinh nổi tiếng bậc nhất do đường nét kiến trúc lộng lẫy và mặt nhà được trang trí dát vàng, từ đó có tên "nhà vàng". Được xây dựng từ năm 1421 của chủ nhân Marino Contarini do những người thợ rất khéo tay từng xây dựng Dinh Thống sứ, đặc biệt là những người thợ đục và đẽo đá có truyền thống làm nghề này. Đặc trưng kiến trúc mặt nhà được tạo hình như một "đăng ten bằng đá" với sự sắp xếp nhịp nhàng các khoảng đặc và khoảng rỗng rất ấn tượng, được coi là một tác phẩm kiệt xuất của kiến trúc Gothic của Venezia.



Tòa nhà Sagredo







Tòa nhà Ca' d'oro (Nhà vàng)

THƯ VIỆN HUBT

Sau tòa nhà Ca d Oro nổi tiếng ta đã đi vào không gian B4 thuộc phía bắc của Kênh Lớn, ở đây có những kiến trúc đáng chú ý:

- Cùng trên bờ kênh phía bắc là tòa nhà Fontana Rezzonico, chủ nhân là vị giáo hoàng Count Rezzonico, ông sinh ra ở đây vào năm 1693. Thiết kế kiến trúc: Bandassare Longhena vào năm 1667.

- Tòa nhà Gussoni - Grimani là tòa nhà của ông đại sứ người Anh (thời gian 1614-18), mặt nhà được trang trí đẹp do Tintoretto.

- Tòa nhà Barbarigo còn giữ được những bức tranh trang trí trên mặt nhà vào thế kỷ XVI.

Về phía bờ kênh phía nam, tiếp sau chợ Rialto là các tòa nhà nhiều ấn tượng như:

- Tòa nhà San Stae (San Eustachio) kiến trúc mang phong cách Barocco điển hình, mặt nhà bằng đá cẩm thạch trang trí nhiều tượng xen giữa 4 cột Corinth trang nhã. Công trình được Giovanni Grassi xây dựng.

- Tòa nhà Tron là nơi tiếp khách long trọng của nhà vua Áo Joseph II, xây dựng cuối thế kỷ XVI.

- Tòa nhà Belloni Battaglia gây ấn tượng với các chóp vươn cao trên mái ngói do Longhena thiết kế khoảng giữa thế kỷ XVII, trang trí rất phong phú cho chủ nhân là gia đình quyền quý Belloni.

- Tòa nhà Fondaco dei Turchi nay được dùng làm Bảo tàng lịch sử tự nhiên, một kiến trúc Byzantin điển hình.

- Tòa nhà Giovanelli phong cách Gothic cổ điển.

- Tòa nhà Dona Balby xây dựng thế kỷ XVII của hai gia đình quyền quý là thông gia với nhau.

Cũng ở đoạn này, về phía bắc của Kênh Lớn là các công trình:

- Tòa nhà Erizzo có nhiều tranh trang trí đẹp.

- Tòa nhà Marcello nơi sinh của nhà soạn nhạc nổi tiếng Benedetto Marcelo (1686) là tòa nhà được xây dựng lại vào thế kỷ XVIII.

- Tòa nhà Vendramin Calorgi phong cách kiến trúc Phục Hưng do Mauro Coducci thiết kế, nhạc sĩ Richard Wagner từng ở và qua đời tại đây (1883).

THƯ VIỆN HUIRT
TÀI LIỆU CHỈ PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Nhà thờ San Marcuola thờ thánh Ermagora và thánh Fortunatus, xây dựng năm 1728 - 36 và do Giorgio Massari thiết kế.

- Tòa nhà Corner-Contarini (tức Ca dei Cuori).



Tòa nhà Belloni Battaglia

KHÔNG GIAN C

Trên tuyến tham quan bộ hành khởi đầu từ quảng trường San Marco đi về phía tây qua cầu Accademia, vòng xuống phía nam qua nhà thờ Maria della Salute rồi tiếp sang phía tây, lên phía bắc hướng tới cầu Rialto. Trong không gian tuyến bộ hành đi qua, khách tham quan được biết tới các kiến trúc quan trọng như:

- Nhà hát La Fenice (Phượng Hoàng): Là nhà hát cổ nhất ở Venezia, xây dựng năm 1792 theo phong cách Cổ điển, là nhà hát tư nhân và có lượng công chúng rất đông. Năm 1836 gặp điều không may hỏa hoạn thiêu hủy và đã được xây dựng phục hồi chỉ sau một năm, đã huy hoàng trở lại như một sự thần kỳ, tựa như chim phượng hoàng bay từ đống tro tàn, từ đó có tên Phượng Hoàng.

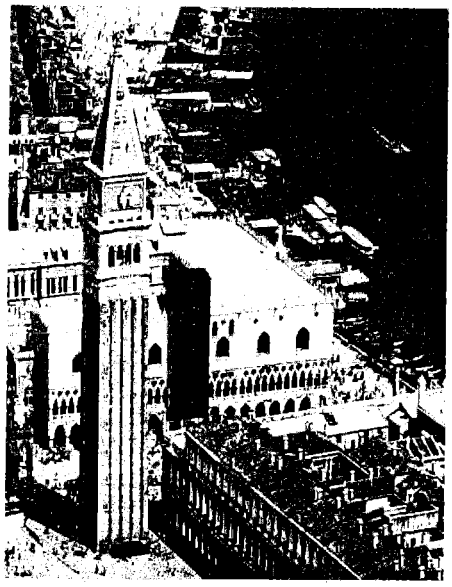
- Nhà thờ Santo Stefano: xây dựng từ thế kỷ XIV và được tu bổ phát triển vào thế kỷ XV do Bartolomeo Bon thiết kế và trang trí, rất ấn tượng ở bộ cửa và ở tháp chuông, vòm mái nhà thờ (mặt trong) cũng được tạo hình rất độc đáo.

- Nhà thờ San Rocco: được liên kết với trường học của nhà thờ bằng một quảng trường nhỏ. Được Bartolomeo Bon thiết kế và xây dựng từ năm 1489 (xây dựng bổ sung năm 1725), kiến trúc có sự pha trộn của nhiều phong cách. Công trình trường học cùng phong cách cũng do Bartolomeo Bon thiết kế, xây dựng năm 1515 và được bổ sung năm 1549 do Scarpagnino.

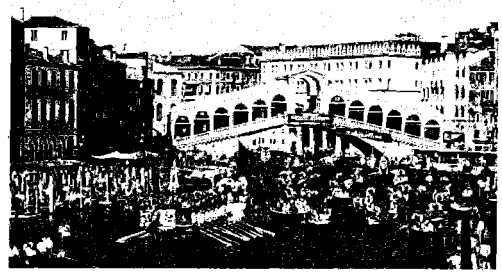
- Nhà thờ Santa Maria Gloriosa dei Frari: Tổng thể nhà thờ và tu viện theo phong cách kiến trúc Gothic rất đặc trưng, vốn xưa có nhà thờ nhỏ hơn (xây dựng năm 1250 - 1338) nhà thờ hiện nay được xây lại vào giữa thế kỷ XV. Nổi bật trên không gian này là tòa tháp chuông cao 80m, đứng thứ nhì sau tháp chuông ở quảng trường San Marco. Mặt chính nhà thờ được tạo hình với đường nét kiến trúc rất riêng, ít thấy ở nhà thờ khác.

THƯ VIỆN HUBT
Tài liệu phục vụ nhân khẩu học

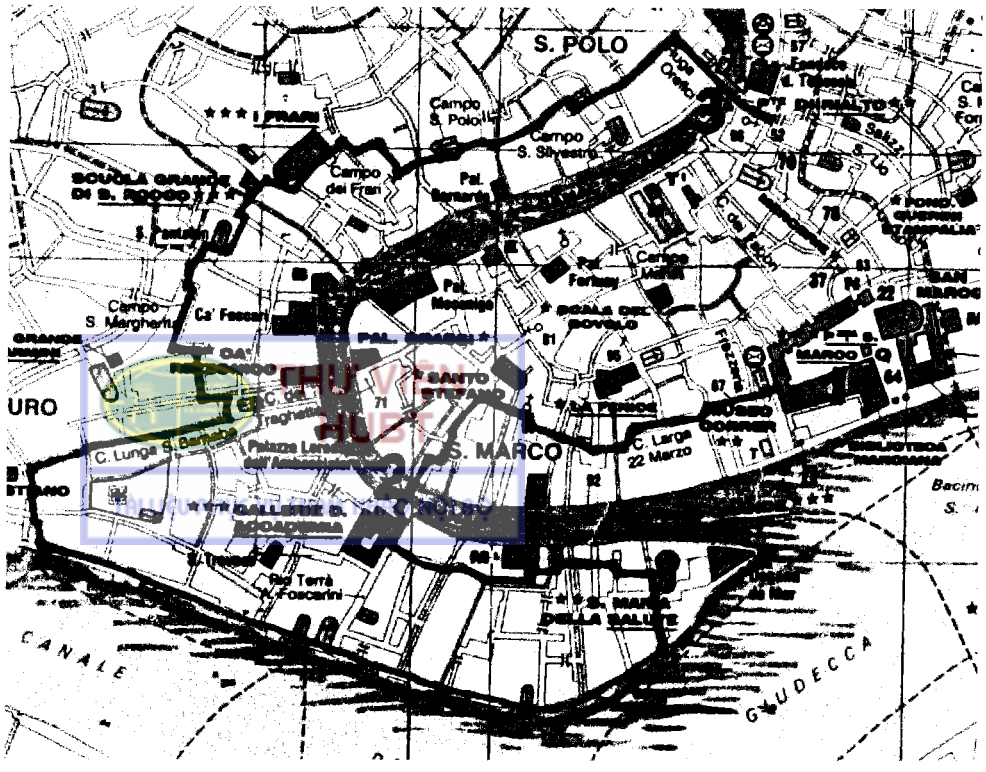
- Nhà thờ San Polo: Nằm trước quảng trường San Polo, cùng với tòa nhà Soranzo (phía đông quảng trường) tạo thành một quần thể kiến trúc hấp dẫn. Đây cũng là nơi diễn ra những lễ hội quan trọng. Nhà thờ khởi đầu có từ thế kỷ IX, được xây dựng lại vào thế kỷ XV, phong cách kiến trúc Tân Cổ điển. Phía tây-bắc quảng trường còn có tòa nhà Corner Mocenigo từng là nơi ở của nhà văn Anh Frederik Rolfe (1860 - 1913).



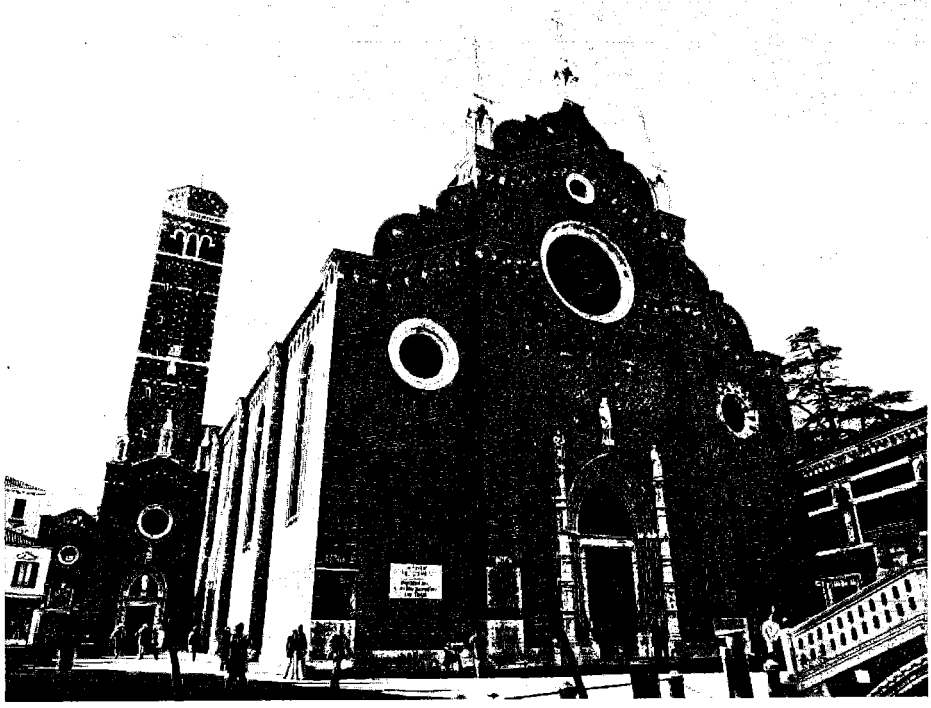




Quảng trường San Marco (1) - Cầu Accademia (2) - Cầu Rialto (3)



Tuyến tham quan bộ hành C

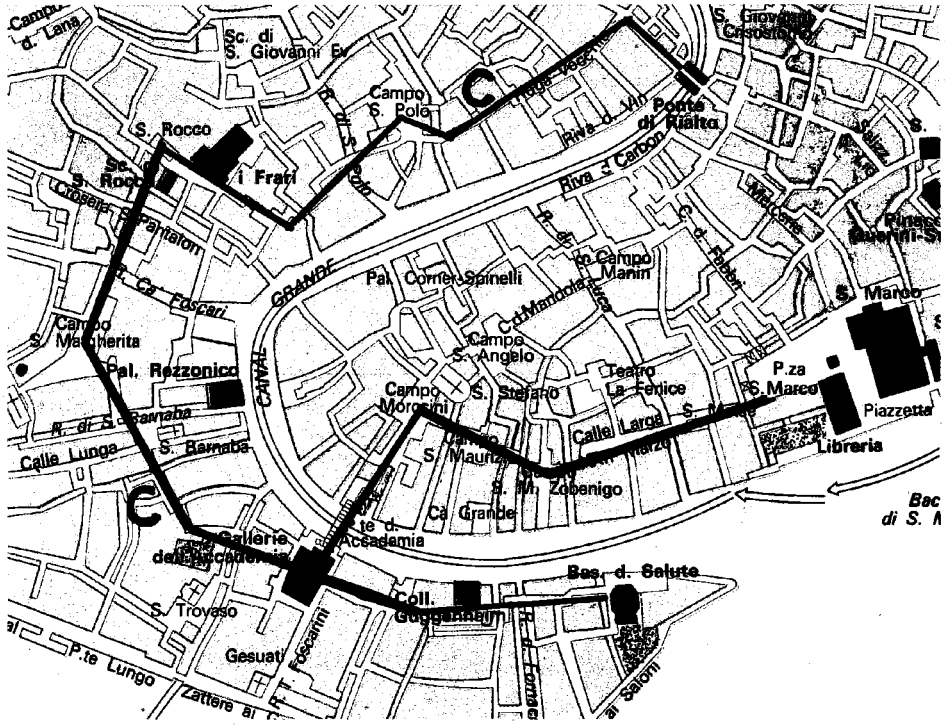


Nhà thờ Santa Maria Gloriosa dei Frari



Nhà hát La Fenice

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

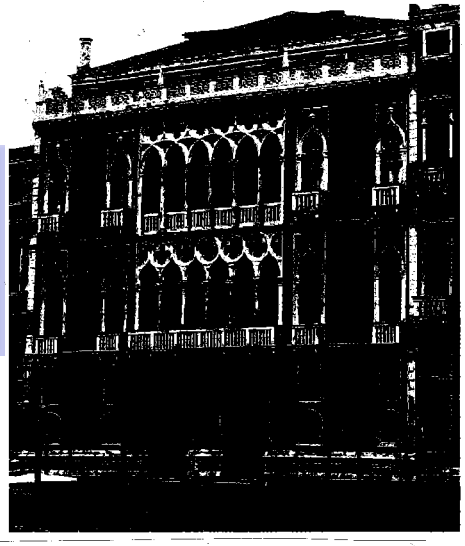


Du lịch bộ hành tuyến C

MỘT SỐ KIẾN TRÚC ĐẶC SẮC

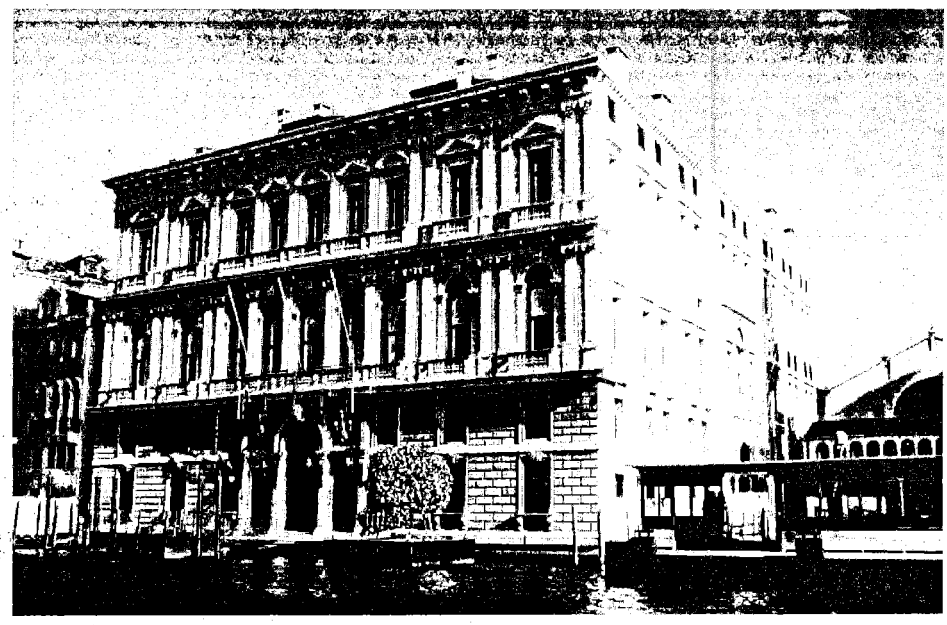


Tòa nhà Labia



Tòa nhà Pisani Moretta

THƯ VIỆN HUBT



Tòa nhà Grassi



Bảo tàng Accademia

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NGHIÊN CỨU

CÁC KIẾN TRÚC NHÀ THỜ ĐẶC SẮC



Nhà thờ
San Giacomo dell' Orio



Nhà thờ
San Giorgio dei Greci



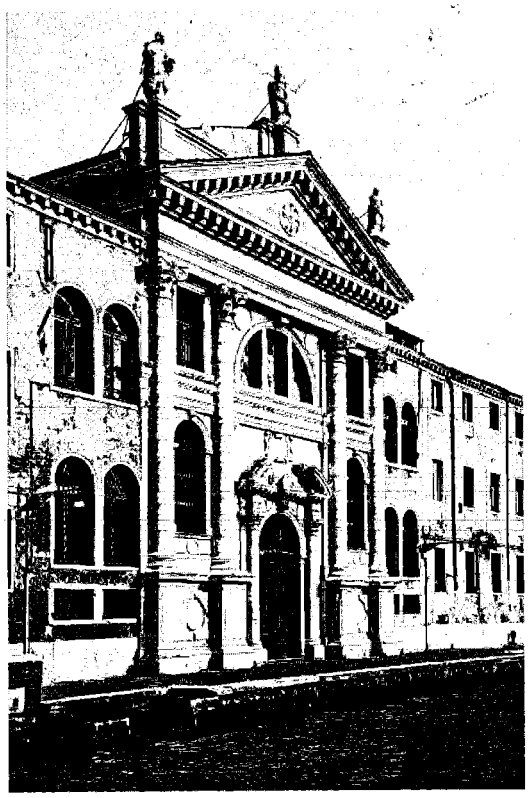
Nhà thờ
Maria del Rosari



Nhà thờ
Maria del Rosari

THƯ VIỆN
HUBT

CÁC KIẾN TRÚC NHÀ THỜ ĐẶC SẮC



Nhà thờ
San Lazzaro
dei Mendicanti



Nhà thờ
San Zanipolo
(Giovani e Paolo)

THƯ VIỆN MỸ THUẬT
TÀI LIỆU CHỈ DÙNG CHO MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

III. FIRENZE



Di tích Forum ở Roma

1. Trung tâm nghệ thuật Phục hưng

Firenze là một thành phố có chiều dài lịch sử lâu đời ở Italia. Là một đô thị từ thời đế chế La Mã vào năm 200, thành phố chuyển sang tay người Goth rồi người Byzance vào năm 539, sau đó vào thế kỷ IX, trở thành thủ phủ của lãnh địa Bá tước Toscan. Năm 1115, Firenze trở thành thành phố tự do khi nữ Bá tước Mathilde qua đời. Năm 1138, thiết lập chế độ lãnh sự, và sau đó đã đánh bại đạo quân của Frederic I Barberousse cầm đầu cuộc nổi dậy chống lại quyền lực của đế chế.

Đây là thành phố trung tâm của tỉnh Toscan thuộc miền trung Italia, nằm ở vị trí rất đẹp trong lòng chảo bao la giữa các núi ở bên sông Arno. Là một trong những thành phố bảo tàng đẹp nhất và lớn nhất trên thế giới vẫn giữ được một cấu trúc đô thị lịch sử. Thành phố được người La Mã (Roma) thành lập vào thế kỷ I tCn ở nơi cư trú của người Etrusk, từ năm 1115 là thành phố công xã, phát triển rực rỡ nhất trong thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XVI, là một trung tâm thương mại - thủ công nghiệp lớn, là lò phát nguyên nền văn hóa và nghệ thuật Phục Hưng.

Vào thế kỷ XIII, ở Firenze diễn ra cuộc đối đầu giữa hai phái ủng hộ và phản đối Giáo hoàng. Sau một thời gian ngắn phái Gibelin (ủng hộ) lên cầm quyền trong khoảng thời gian từ 1239 - 1250, phái Guelfe (phản đối) giành quyền cai trị thành phố khi hoàng đế Frederic II qua đời. Năm 1260, phái Guelfe bị phái Gibelin đánh đuổi, nhưng nhờ

sự giúp đỡ của Charles I dAnjou, năm 1266, phái Guelfe quay lại nắm giữ chính quyền. Năm 1293, đã ban hành những pháp lệnh nổi tiếng tước bỏ quyền hành của tầng lớp quý tộc và của một số thị dân giàu có. Năm 1300 nội bộ phái Guelfe lục đục chia làm hai phe đối địch: phe Trắng và phe Đen, cuối cùng phe Đen thắng thế.

Năm 1860, Toscan trở thành một phần của Vương quốc Italia và Firenze được chọn là thủ đô từ năm 1865 - 1871, có vai trò quan trọng là trung tâm văn hóa và nghệ thuật hàng đầu của Italia. Theo thống kê của UNESCO thì 60% những công trình kiến trúc quan trọng nhất của nhân loại nằm tại Italia và có đến một nửa trong số đó là thuộc về Firenze.

Là thủ phủ của vùng Toscan và có lịch sử hàng ngàn năm tuổi, thành phố cổ kính bậc nhất châu Âu này luôn hấp dẫn du khách vì đây là một trong những cái nôi văn minh suốt 5 thế kỷ (từ XIV - XIX). Đối với Firenze, du khách được thăm những quảng trường gắn với các nhà thờ lớn, nhiều công trình là kết tinh của tinh hoa văn hóa Italia nói chung và của Firenze nói riêng. Thành phố này còn được biết đến với những viện bảo tàng, nơi lưu giữ những bức tranh quý giá của các danh họa nổi tiếng và các tác phẩm điêu khắc vô giá.

Sau hai chính phủ chuyên chế của người con trai của Robert d Anjou là Charles (trị vì từ 1326 - 27) và chính phủ của Gautier de Brienne (trị vì trong khoảng từ 1342 - 43), Firenze thiết lập một cơ chế gồm 21 tổ chức cơ sở. Năm 1331 chinh phục Pistoia, năm sau chinh phục Cartona và năm 1337 chinh phục Arezzo. Nhưng rồi lãnh địa này bị đe dọa bởi phong trào quần chúng đối lập. Cuộc bạo động Ciompi vào năm 1378 nhưng quần chúng không giữ được chính quyền, các dòng họ Albizzi và Allberti khôi phục lại quyền cai trị của giai cấp tư sản (1382). Năm 1406, Eloren chinh phục Pisa và năm 1421 đã mua cảng Livourne. Tuy thường xuyên có tình trạng tranh giành quyền lực và cũng nhiều cuộc chiến tranh với bên ngoài, nhưng Firenze vẫn có đời sống văn hóa phát triển. Trong hơn 200 năm từ thế kỷ XIV, không có một thành phố nào trên khắp lục địa châu Âu lại có sự liên tục về thành tựu trí thức và văn hóa như tại thành phố này.

Ở đây người dân đã được xem ca kịch opera, thành phố đã khánh thành thư viện đầu tiên và tại triển lãm đã có những bức điêu khắc khỏa thân thể hiện theo phong cách cổ điển, điều các nơi khác phải nhiều năm sau mới có được.

Những tòa lâu đài cổ hoành tráng, những ngôi nhà thờ uy nghi, những viện bảo tàng lộng lẫy đầy ắp những bức tranh quý hiếm cùng những bức tượng quý giá, đây thực sự là quê hương của phong trào Phục Hưng. Đó là sự kết hợp giữa vẻ đẹp tự nhiên cùng những gì tinh túy nhất trong nghệ thuật kiến trúc Phục Hưng với tài năng và trí tuệ của Leonardo da Vinci, Dante, Boccaccio, Michelangelo... hiển hiện trên từng tòa nhà lộng lẫy, từng con phố cổ kính.

Một trong những điểm nhấn của Firenze là kiến trúc nhà thờ với những mái nhọn đặc trưng của kiến trúc Gothic và nghệ thuật Arap. Công trình đáng chú ý nhất chính là Nhà thờ Santa Maria del Fiore được xây dựng từ năm 1296 với sức chứa 20.000 người. Nhà thờ có phong cách kiến trúc Gothic, phía ngoài phủ đá hoa cương hồng và cẩm thạch.

Nhiều lâu đài tráng lệ ra đời, nhiều nhà thơ và nghệ sĩ tài năng hàng đầu của nhân loại như Dante (1265 - 1321), Giotto (1267 - 1337)... Các ngành nghệ thuật đều được nâng đỡ nhờ kinh tế, thương mại phồn vinh, kỹ nghệ phát triển, và còn được sự giúp đỡ của các dòng họ thương gia và ngân hàng lớn.

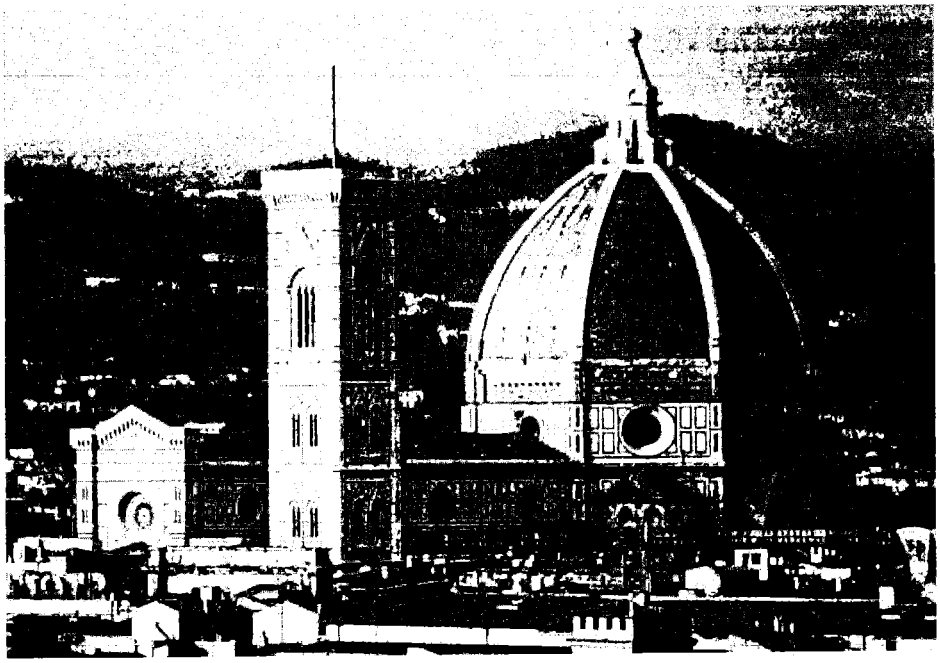
Tại đây lần đầu tiên trong lịch sử hội họa thế giới, các nghệ sĩ tài danh đã đưa ra luật phối cảnh. Cũng chính tại đây thổ ngữ tiếng

Toscan đã trở thành ngôn ngữ hiện đại đầu tiên của châu Âu. Người dân rất tự hào về những vĩ nhân thời kỳ Phục Hưng của mình như: Medici (1360 - 1429), Brunelleschi (1377 - 1446), Donatello (1386 - 1466), Masaccio (1401 - 1428), Leonardo da Vinci (1452 - 1519), Michelangelo (1475 - 1564) và Machiavelli (1469 - 1527)...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Firenze là nơi tập trung những nhà thờ lớn nhất Italia từ San Lorenzo, Santa Maria Novella đến Santa Croce. Có thể bắt gặp lối kiến trúc này ở bất cứ nơi nào tại Firenze, tạo nên các không gian nghệ thuật vô cùng đặc sắc.

Bức tượng 500 tuổi nổi tiếng David của Michelangelo đặt tại trung tâm thành phố đã trở thành điểm thu hút khách du lịch. Thời Phục Hưng, Firenze được nổi tiếng với những công trình kiến trúc để đời từ cung điện đến các viện bảo tàng, các galleri... Bảo tàng nổi tiếng nhất ở đây chính là Bảo tàng Uffizi, nơi lưu giữ những tác phẩm vô giá của Botticelli, Leonardo da Vinci, Michelangelo, Tiziano và Rubens, được tôn vinh là những "người khổng lồ của văn hóa Italia".



Mái vòm đặc trưng kiến trúc Gothic
của nhà thờ thánh Maria Del Fiore ở Firenze

Những điểm du lịch hấp dẫn khác của Firenze còn phải kể đến Tháp Chuông (Campanile) tại quảng trường nhà thờ Duomo với 414 bậc thang lên tới đỉnh tháp để chiêm ngưỡng toàn cảnh thánh đường và cảnh quan của toàn thành phố. Ponte Vecchio là cây cầu cổ kính có từ năm 1345; Giardino di Boboli là một công viên khổng lồ nằm thoai thoải ven đồi với cảnh quan tuyệt mỹ.

Firenze từ một thành phố nhỏ bé chưa đến 10 vạn dân đã trở thành một trung tâm của thời kỳ Phục Hưng, tạo ra được một "Athen mới trên dòng sông Arno", chính nhờ điều kiện địa lý thuận lợi. Trong thế kỷ I tCn, người La Mã đã xây dựng thành phố này với tên là "thành phố thịnh vượng" trên một khu đất bằng phẳng bên bờ sông Arno, một vùng đất phù hợp cho sự phát triển nghề dệt. Dòng chảy xiết của sông Arno đã giúp cho việc rửa sạch len dễ dàng và là con đường thủy thông thương thuận lợi, rẻ tiền dẫn đến cảng Pisa ở phía tây trong vòng cung thương mại thế giới của Địa Trung Hải. Các vị trí cửa ngõ ở vùng đồi núi phía bắc, phía nam và phía đông của thành phố rất thuận tiện cho việc buôn bán giao lưu với các nước khác của lục địa châu Âu.

THƯ VIỆN HVKT

Chính nhờ ở vị trí địa lý thuận lợi cùng với tài năng của con người, nên từ thế kỷ XIV, Firenze đã vượt các thành phố châu Âu khác về tầm cỡ và sự giàu có; năm 1328 số dân thành phố đã lên tới 12 vạn người.

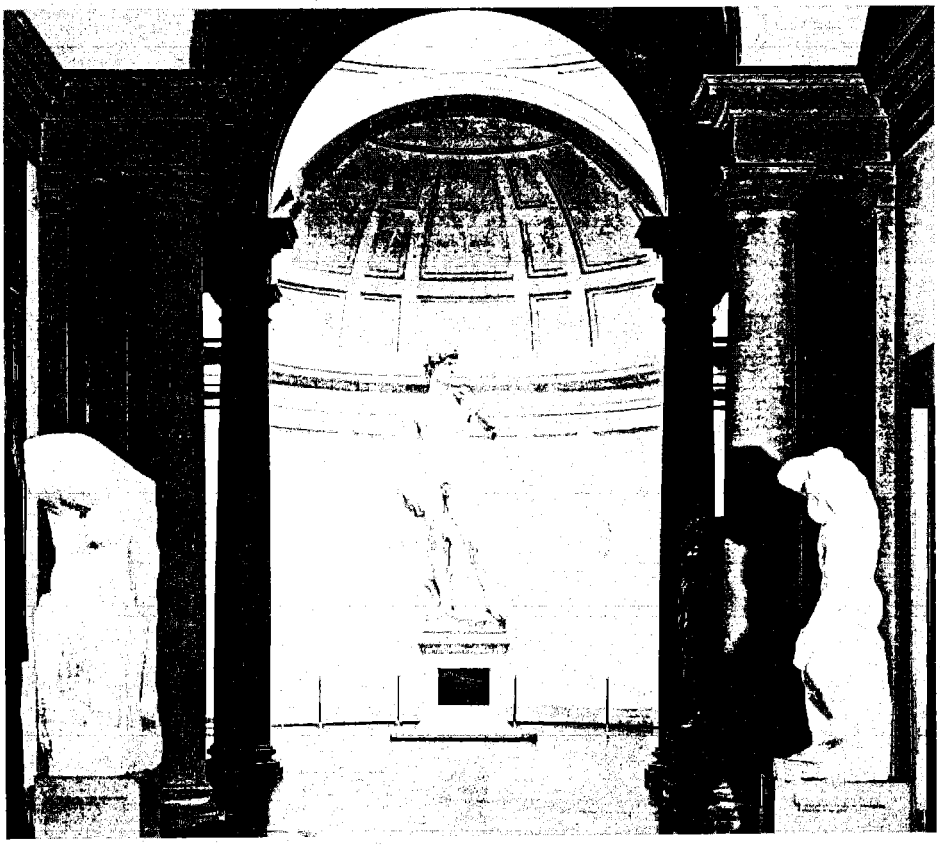
Mặc dầu từng phải trải qua một nạn dịch hủy diệt chưa từng có, nhưng sự phát triển các loại hàng hóa xa xỉ, đặc biệt các loại len dạ, vải đẹp ngày càng tăng đã làm cho thành phố giàu có hơn. Vào đầu những năm 1400, vải vóc Firenze có mặt nhiều nơi trên thế giới từ Anh đến Ai Cập. Đồng tiền vàng (đồng Florin) của họ được sử dụng ở nhiều nơi và trở thành đồng tiền được ưa chuộng của châu Âu.

Người dân Firenze ý thức được tầm quan trọng quốc tế của mình và họ tự đánh giá cao về bản thân. Thơ ca, biên niên sử nhiều dịp được trình diễn ở ngoài phố và quảng trường (thời bấy giờ gọi là Fiorentinismo) ca ngợi những công dân xuất chúng và đề cao thành phố là "người con gái của Hy Lạp và La Mã".

Vào thời điểm đó, thành phố phát triển mạnh mẽ và ổn định cũng nhờ vào các gia đình giàu có, trong đó giàu có và thế lực nhất là gia đình Medici. Dưới sự bảo trợ của thương gia này, Firenze đã trở thành nổi tiếng là người tiên phong của thời kỳ Phục Hưng. Các phường hội, các nhóm cư dân đã đặt làm nhiều tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc dưới sự hướng dẫn và bảo trợ của dòng họ Medici, như những cánh cửa lớn bằng đồng của nhà thờ Rửa tội do Ghiberti (1378 - 1455) đúc, những pho tượng do Donatello (1386 - 1466) và Ghiberti sáng tác để đặt trong những hốc tường của trụ sở phường hội, chợ ngũ cốc có tên là Or San Michele, và mái vòm đồ sộ của nhà thờ Duomo, tức là nhà thờ Thánh Mẫu Santa Maria del Fiore đều do các kiến trúc sư nổi tiếng của Firenze thiết kế.

Vào đầu những năm 1400, phường tơ lụa giàu mạnh ở đây là Ante Della Sela, đã yêu cầu Brunelleschi thiết kế ngôi nhà nuôi trẻ con mồ côi. Đây là ngôi nhà đầu tiên kiểu Phục Hưng giành cho trẻ em bị bỏ rơi vô gia cư, từ kiểu cách kiến trúc hàng cột Corinth, đến mái vòm đều dựa theo mẫu kiến trúc Roma.

Từ năm 1532, Firenze là thủ đô của Công quốc. Phần cơ bản của khu vực xây dựng (chủ yếu theo phong cách Goth và phong cách Phục Hưng sơ kỳ) tập trung chủ yếu trên hữu ngạn sông Arno. Những công trình nghiêm trang, hùng vĩ của thành phố, các lâu đài hoành tráng, những nhà thờ, nhà xưởng... tạo thành một quần thể



Nguyên mẫu tượng David cất giữ trong bảo tàng Academy ở Firenze

đặc sắc mà nổi bật lên trong đó là mái vòm khổng lồ rất cân đối hài hòa của nhà thờ lớn Santa Maria del Fiore, là một trong những di tích kiến trúc Phục Hưng đầu tiên ở Italia. Ở trung tâm lịch sử của thành phố có hệ thống các quảng trường chính có quan hệ với nhau: Piazza del Duomo (Quảng trường Nhà hát lớn), Piazza della Republica (Quảng trường Cộng hòa) và Piazza della Signoria (Quảng trường Lãnh chúa). Vẫn còn giữ được cấu trúc đô thị theo một quy hoạch mạng đường thẳng góc Cổ La Mã, những mảng công sự của thành phố thời Trung Cổ xen lẫn với những khu vực xây dựng chen chúc dày đặc của dân cư.

Trong suốt thế kỷ XV, dưới sự chi phối và ảnh hưởng của gia đình Medici đã xây dựng nhiều công trình trong đó có thư viện, trường học giành cho con em gia đình giàu có. Viện Platon là một trung tâm học

THƯ VIỆN HUBT

vấn nhân văn được hình thành đã thúc đẩy tư tưởng mới về khả năng tư duy sáng tạo của con người. Gia đình Medici đã cổ vũ các nghệ nhân bậc thầy Alberti, Leonardo da Vinci Michelangelo là những người đã mang lại cho Italia chủ nghĩa hiện thực vĩ đại. Họ đã sử dụng luật phối cảnh của khoa học thị giác và sự phối hợp màu sáng tối, hoặc pha trộn ánh sáng và bóng tối. Một người thợ kim hoàn thời đó đã viết "Không có gì mà người Firenze không làm được".

Với đầu óc thực tế, được giáo dục bởi những tác phẩm cổ điển, các nhà lãnh đạo thời Phục Hưng đã định hướng cho những thiên tài của mình, làm cho thành phố của họ trở thành một trung tâm văn hóa, chỉ xếp sau thành phố Athen và Roma xét về ảnh hưởng đối với văn minh phương Tây.

Ngày nay đến đây người ta vẫn nhận ra một Firenze hiện đại nhưng vẫn mang dáng vẻ của thời Phục Hưng với các lâu đài: Palazzo Vecchio (lâu đài cổ), Bargello, các tư dinh dòng họ Medici và dòng họ Pitti, các viện bảo tàng như viện bảo tàng Uffizi, hoặc viện bảo tàng San Marco đều là những di sản nghệ thuật quan trọng hàng đầu của Italia còn lại đến ngày nay. Các trụ sở của các viện hàn lâm Nghệ thuật, viện Hàn lâm Văn học, viện Hàn lâm Khoa học... đã trở thành những điểm tham quan du lịch vô cùng hấp dẫn.

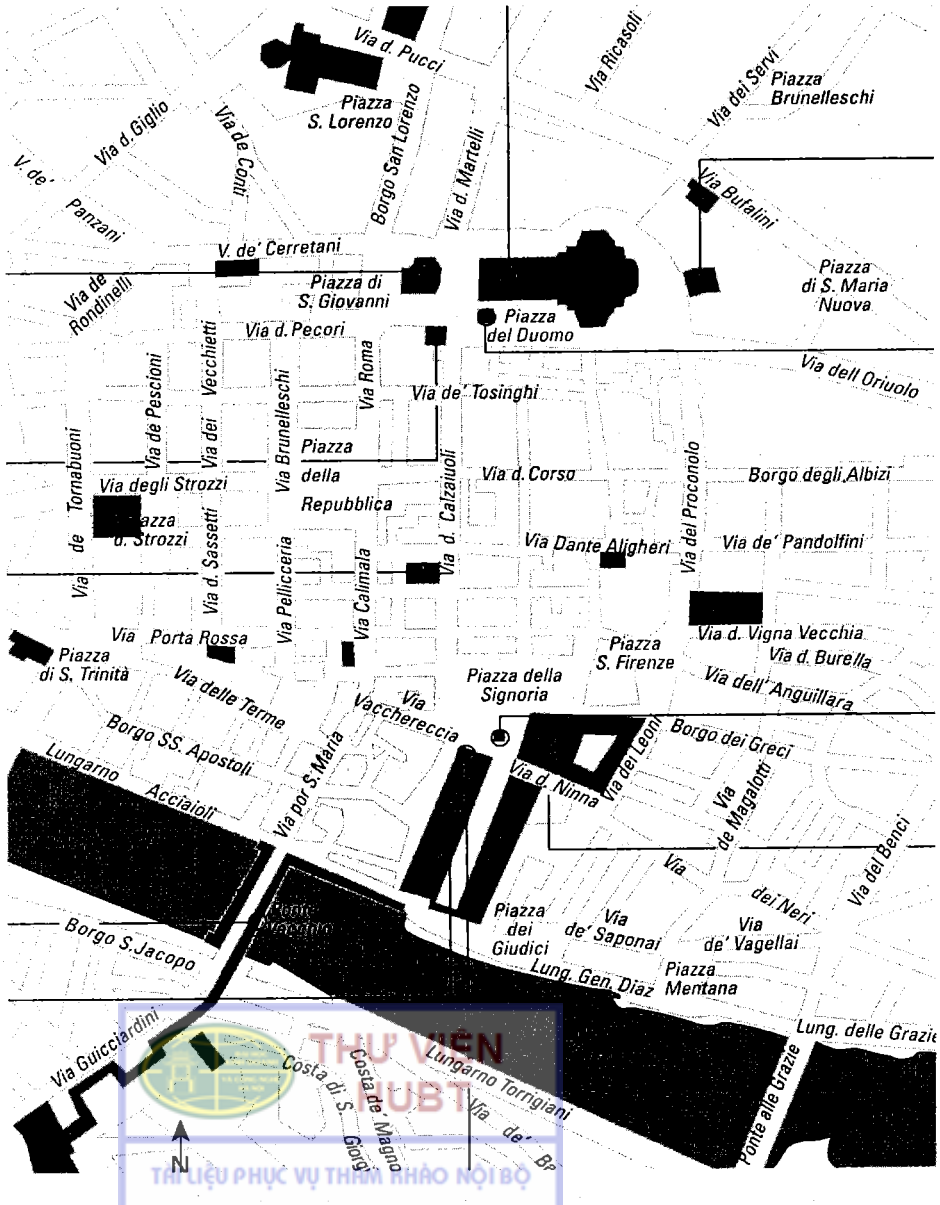
Chính vì những thành tựu đó mà Firenze cổ kính đã được UNESCO xếp hạng là di sản văn hóa thế giới năm 1982.

2. Những quảng trường và không gian kiến trúc đặc sắc

**** Quảng trường nhà thờ và giáo đường thánh Maria del Fiore:***

Quảng trường với công trình nhà thờ có quy mô đồ sộ, nằm ở giữa thành phố đã trở thành trung tâm chú ý của du khách. Tổng thể thánh đường là một quần thể kiến trúc tôn giáo nằm trong số các thánh đường lớn nhất châu Âu. Đặc biệt công trình có mái vòm vươn tới độ cao 100m, phía trước lại có nhà thờ Rửa tội hình bát giác và sát cạnh nhà thờ là tòa Tháp chuông có độ cao 85m, chỉ thấp hơn một chút so với Tháp Chuông lớn ở Venezia.

Việc xây dựng nhà thờ Thánh Maria del Fiore khởi đầu vào năm 1296 và diễn ra trong nhiều thế kỷ. Tại vị trí này xưa kia từng có nhà thờ nhỏ; vào cuối thế kỷ XIII dân cư theo đạo trong vùng tăng lên rất nhiều nên phải có nhà thờ lớn hơn.



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Bản đồ trung tâm Firenze và các công trình chủ yếu:

1. *Nhà thờ Maria del Fiore*
2. *Tháp chuông nhà thờ*
3. *Lâu đài Vecchio*
4. *Hiên trưng bày Lanzi*
5. *Bảo tàng Uffizi*
6. *Hành lang Vasariano*
7. *Nhà thờ Michele*
8. *Nhà thờ Rửa tội*

Năm 1289, công việc thiết kế nhà thờ mới được giao cho kiến trúc sư Arnolfo di Cambio (1250 - 1302). Đây là công việc khó khăn vì vào lúc đó người ta chưa có kinh nghiệm về xây dựng nhà thờ có quy mô lớn như vậy. Công việc đang ở bước đầu thì xảy ra sự cố lớn: Nhà kiến trúc qua đời vào năm 1302 khiến công việc bị đình trệ.

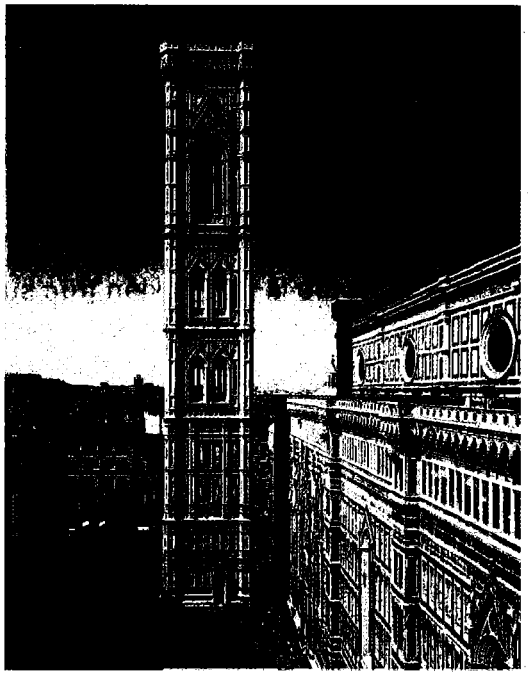
Đến năm 1331 công việc mới được khởi động lại. Người được giao tiếp tục công việc là họa sĩ kiến trúc sư Giotto và sau đó có sự góp sức của nhiều kiến trúc sư tài năng khác như Pisano, Francisco, Talenti... Công việc xây dựng nhà thờ mất khoảng 150 năm mới xong. Tổng thể kiến trúc khu giáo đường có quy mô đồ sộ nhằm thể hiện một giai đoạn phát triển rực rỡ của cộng đồng dân cư gắn liền với trung tâm tôn giáo này. Ở vùng miền trung Italia, thánh đường này cùng với tháp nghiêng Pisa và đấu trường Colosseo được xếp vào hàng các kiến trúc "bộ ba tiêu biểu nhất".

Việc xây dựng vòm mái là công việc khó khăn nhất vì quy mô quá lớn: vòm có đường kính 45m, đỉnh vòm cao tới 100m. Công việc được giao cho kiến trúc sư Filippo Brunelleschi (1377 - 1446) vào năm 1420 sau một cuộc thi tuyển phương án, và việc xây dựng đã kéo dài trong 14 năm. Tác giả công trình đồ sộ này đã phải đúc rút kinh nghiệm từ các vòm mái xây dựng trước đó, đặc biệt là vòm mái điện Pantheon ở Roma đồng thời đưa ra nhiều cải tiến kỹ thuật để sáng tạo nên vòm mái nhà thờ này. Mặt bằng nhà phải có kích thước đủ lớn (dài 155m, rộng 90m) để làm bệ đỡ xứng đáng với tòa mái vòm đồ sộ. Tuy được xây dựng thành không gian đồ sộ nhưng các chi tiết trang trí nội thất vẫn được xử lý vô cùng tinh tế và kỹ lưỡng. Có đường cầu thang 463 bậc để đi lên đỉnh mái vòm.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tòa tháp chuông của nhà thờ cũng là một kiệt tác kiến trúc thời Phục Hưng Italia bởi quy mô đồ sộ (cao 85m) và dáng vẻ bay bổng. Công trình trở thành điểm mốc không gian quan trọng nhất ở trung tâm thành phố. Từ tầng cao, khách thăm được chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố và cả khung cảnh đồi núi phía xa.

Công trình được xây dựng năm 1334 theo thiết kế của kiến trúc sư Giotto. Vị kiến trúc sư này qua đời trước khi công trình kết thúc, nhưng đã được tiếp tục thực hiện với sự góp sức của nhiều kiến trúc sư tên tuổi khác, đó là các kiến trúc sư Andrea Pisano và Francesco Talenti. Bên trong tháp có cầu thang 414 bậc để khách thăm có thể lên đỉnh tháp ngắm toàn cảnh thành phố.



Tháp chuông
nhà thờ Maria del Fiore



Trung tâm Firenze với hình ảnh nổi bật
của nhà thờ Thánh Maria del Fiore

THƯ VIỆN HUBT

Đóng góp vào tổng thể kiến trúc quảng trường còn có công trình Nhà thờ Rửa tội hình bát giác nằm phía trước Nhà thờ Thánh Maria del Fiore, có quy mô nhỏ hơn nhưng kiến trúc rất tinh tế, mặt nhà bằng đá hoa, xây dựng theo thiết kế của Lorenzo Ghiberti. Các bộ cửa của nhà thờ được trang trí bằng các pa-nô phù điêu các hình ảnh tôn giáo, được coi là các kiệt tác về nghệ thuật điêu khắc.

Nằm ở phía bắc quảng trường Nhà thờ Duomo là quảng trường Annunziata có một phong cách kiến trúc riêng.

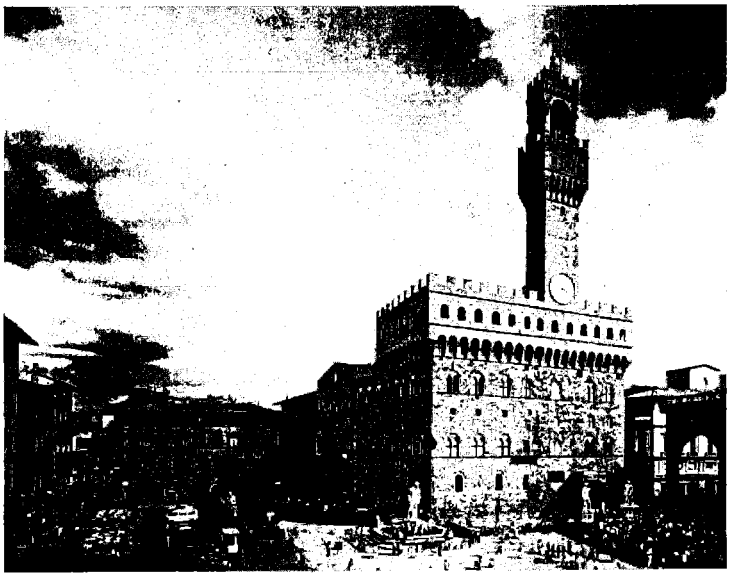
Quảng trường gắn với nhà thờ cổ có mặt bằng hình chữ nhật (kích thước 50 × 80m) đã được cải tạo theo phong cách Phục Hưng. Năm 1419 lần đầu tiên kiến trúc sư Brunelleschi đưa yếu tố của kiến trúc Phục Hưng vào cải tạo mặt đứng của Nhà đón trẻ em lang thang cơ nhỡ (Hospice des enfants trouvés) ở dọc một cạnh dài của quảng trường. Mặt chính của công trình là hành lang có hình thức kiến trúc vòm cuốn và thức cột Korinth, sau đó còn được bổ sung một hành lang ở mặt chính. Đầu thế kỷ XVI, để tạo hiệu quả kiến trúc thống nhất của quảng trường, kiến trúc sư Antonio da Sangallo đã bổ sung một công trình tương tự công trình của Brunelleschi ở phía đối diện. Năm 1598, cùng theo nguyên tắc đối xứng, Jean Bologne và Pietro Tacca hoàn thiện quảng trường bằng tượng công tước Ferdinand cưỡi ngựa và hai đài phun nước.

**** Quảng trường Signoria và lâu đài Vecchio:***

Vào thời Phục Hưng, nghệ thuật xây dựng quảng trường rất phát triển và đã làm nên những quảng trường đẹp nổi tiếng. Quảng trường Signoria (tức quảng trường Lãnh chúa) ở trung tâm thành phố Firenze là một ví dụ tiêu biểu. Thời Phục Hưng đề cao giá trị con người và quyền tự do công dân nên quảng trường là nơi nhân dân cũng như các nghệ sĩ đến tụ hội, gặp gỡ. Đây là nơi sinh hoạt công cộng luôn tấp nập với các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Quảng trường có nhiều kiến trúc đẹp bao quanh và đặc biệt còn có các bể cảnh có vòi phun nước với rất nhiều tượng đẹp.

THƯ VIỆN HUBT

Quảng trường Signoria là ví dụ tiêu biểu của việc vận dụng các nguyên tắc quy hoạch, kiến trúc Phục Hưng Italia, đặc biệt trong việc trang trí quảng trường, đây là một trong số ít quảng trường ở Italia có số lượng lớn các kiến trúc sư, nhà điêu khắc nổi tiếng của thời Phục Hưng (Michelangello, Baccio Bandinelli, Donatello, Giuliano da Sangallo, Jean Bologne...) tham gia cải tạo và trang trí. Các tác giả đã sáng tạo ra những công trình nghệ thuật tạo hình đặc sắc mang phong cách Phục Hưng và dành nhiều thời gian nghiên cứu vị trí thích hợp đặt các tác phẩm nghệ thuật để chúng phát huy hiệu quả trang trí tốt nhất. Vì thế người ta được chiêm ngưỡng trên quảng trường này cả một bộ sưu tập rất phong phú về tượng, đài phun nước, cùng các chi tiết trang trí khác theo phong cách Phục Hưng Italia. Đó là bức



Quảng trường Signoria và lâu đài Vecchio

bức tượng David nổi tiếng, tượng đài công tước dòng họ Medici của Michelangello, tượng Judith của Donatello, tượng Hercule và Cacus Bandinelli, đài phun nước Neptune của Jean Bologne... Nằm trong khu vực có mạng lưới các đường phố hẹp bố cục tự do, hình dạng quảng trường Signoria được hình thành qua nhiều lần cải tạo và tới thế kỷ XVI thì quảng trường có dạng hình thang (gần với hình chữ nhật 80 × 120m).

Kiến trúc đẹp và nổi bật trước không gian quảng trường là lâu đài Vecchio có khối tích đồ sộ và có ngọn tháp cao đột xuất. Tòa nhà này được coi là mốc không gian quan trọng thứ hai sau vòm mái nhà thờ Thánh Maria del Fiore.

THƯ VIỆN HUBT

Các kiến trúc khác thấp hơn, với dáng vẻ và độ cao khá thống nhất tạo cho quảng trường một không gian ấm cúng. Quảng trường trở thành một bộ phận quan trọng liên kết các không gian của thành phố và đóng vai trò như một gian sảnh, tức phòng tiếp khách của cả ngôi nhà.

Lâu đài Vecchino có dáng vẻ kiên cố của một pháo đài với mặt tường đá để trần, tầng mái có tường lan can hình răng cưa và dãy cửa cuốn tròn là những hình ảnh của kiến trúc thời Trung Cổ còn lưu lại. Công trình được xây dựng từ năm 1299 theo thiết kế của Arnolfo di Cambio và đã được tu sửa nhiều vào thế kỷ XIV - XV. Ngọn tháp cao

94m đặt lệch một bên được xây dựng vào năm 1310 theo kiểu tháp canh thời trung cổ, tạo một điểm nhấn không gian trên quảng trường.

Công trình được dùng làm trụ sở của Hội đồng thành phố và ngày nay là tòa Thị trưởng.

Quang cảnh sân trong của lâu đài Vecchio cho thấy sự phong phú của nghệ thuật trang trí thời Phục Hưng. Đây là những tác phẩm do nghệ sĩ Michelozzo thực hiện vào thế kỷ XV. Sự cân đối hài hòa của hàng cột và dãy vòm cuốn của hành lang bao quanh đạt tới độ "tỷ lệ vàng" của nghệ thuật kiến trúc cổ điển. Những bức tranh lớn trên tường mô tả những cảnh đẹp của Italia và nước Áo.

Phòng hội nghị của Hội đồng thành phố đủ chỗ cho 500 người, đồng thời cũng là gian triển lãm lớn trưng bày tác phẩm nghệ thuật của những tài năng lớn của Firenze. Việc thiết kế trang trí do Vasari thực hiện với những bức tranh lớn mô tả nhiều sự kiện lịch sử, và nhiều bức tượng nổi tiếng của Michelangelo.

Nằm trên quảng trường phía trước lâu đài Vecchio là một loạt tượng các nhân vật quan trọng được tạc bằng đá cẩm thạch, đó là tượng công tước dòng họ Medici trên mình ngựa (cao 4,5m, làm năm 1587), nhóm tượng đài phun nước Neptune (cao 5,6m, làm năm 1560), tượng David (cao 4,34m, làm năm 1501), tượng Hercule (1525). Bức tượng David do Michelangelo tạc diễn tả một chàng trai oai hùng được coi là biểu tượng sức mạnh của thành phố Firenze.

Bức tượng David của Michelangelo là một kiệt tác của nghệ thuật điêu khắc, nguyên bản được bảo quản trong bảo tàng, bức tượng ngoài trời là phiên bản. Khuôn mặt cương nghị, vóc dáng đầy khí thế của tuổi trẻ, chàng trai David là tượng trưng của xã hội đang đi lên vào thời Phục Hưng.

THƯ VIỆN HUBT

Nằm phía trái lâu đài Vecchio có một kiến trúc không lớn nhưng lại có giá trị đặc biệt, đó là hiên trưng bày tượng. Hiên có mái che nhưng không có tường vây kín, mở thông ra quảng trường với ba vòm cuốn lớn, bao quanh thềm hiên có bậc lên và ghế đá để ngồi nghỉ.

Được các kiến trúc sư Cione và Talenti xây dựng năm 1380, ban đầu hiên được dùng cho việc soạn sửa các nghi lễ diễn ra trên quảng trường, sau đó có thời gian là nơi nghỉ đội cận vệ của công tước dòng họ Midici. Nay là nơi trưng bày nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của các nghệ sĩ đã thành danh ở Firenze.



Tượng David
ở quảng trường Signoria

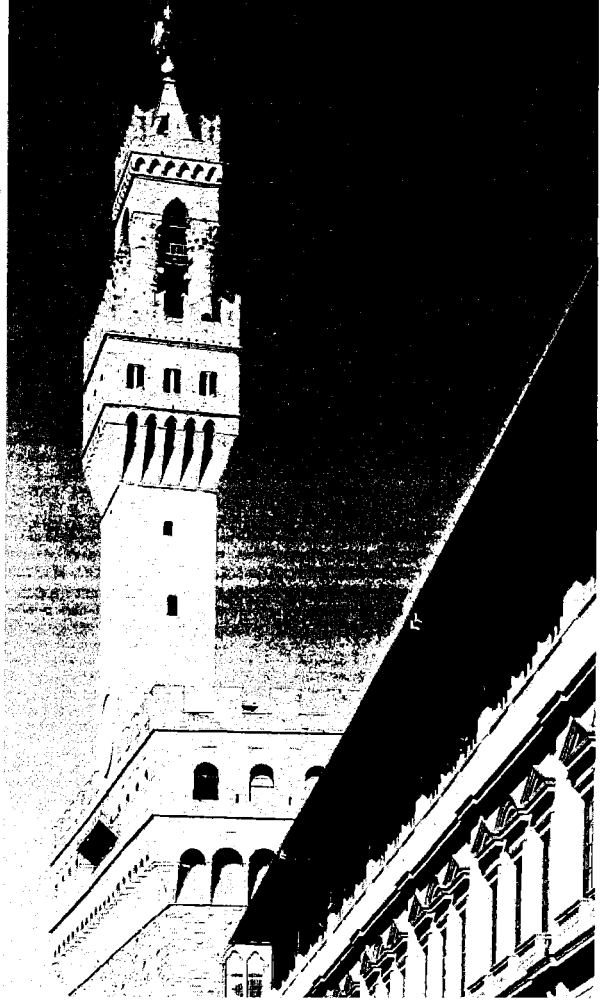
Kiến trúc sư Andrea Orcagna thiết kế và xây dựng công trình Nhà trưng bày và hội họp từ năm 1376 đến 1382. Công trình có hình thức kiến trúc dạng vòm, khởi đầu phong cách kiến trúc Phục Hưng trên quảng trường Signoria. Phong cách kiến trúc Phục Hưng của quảng trường lần lượt bộc lộ đầy đủ nhờ các thành phần kiến trúc và trang trí được bổ sung qua các giai đoạn cải tạo với sự đóng góp của nhiều thế hệ kiến trúc sư và nhà điêu khắc Phục Hưng.

THƯ VIỆN HUẾT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

Năm 1560 kiến trúc sư Giorgio Vasari hoàn thiện hình thái kiến trúc quảng trường bằng cách xây dựng các cửa hàng, nhà làm việc đồng thời dỡ bỏ những ngôi nhà lụp xụp ở xung quanh quảng trường. Từ đó, quảng trường là một tổng thể không gian khép kín, mang đặc trưng không gian kiến trúc của một quảng trường điển hình thời Phục Hưng Italia.

**** Nhà triển lãm Uffizi:***

Nằm kề bên lâu đài Vecchio, nhà triển lãm Uffizi có mặt bằng dạng chữ U, với hai cánh nhà dài song song gồm rất nhiều phòng bày tranh theo từng chuyên đề. Công trình nguyên là nhà làm việc của bộ máy hành chính thành phố, xây dựng vào năm 1559 theo thiết



Tháp lâu đài Vecchio và cánh nhà Uffizi

kế của kiến trúc sư Giorgio Vasari. Tại vị trí đất đai khá chật chội, kiến trúc sư đã khéo giải quyết bố cục hai cạnh dài song song, tạo ra bên trong như một đường phố nội bộ. Công trình chưa kết thúc thì tác giả đề án qua đời (1574), công việc được hai kiến trúc sư khác tiếp tục là Bernado Buontalenti và Alfonso Parigi. Kiến trúc tỉ mỉ, tinh tế và cầu kỳ theo phong cách chủ nghĩa Thủ pháp (mannerism).

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đây là nơi lưu trữ các tác phẩm hội họa thời Phục Hưng rất phong phú, được xếp trong số những bảo tàng nghệ thuật hàng đầu thế giới về thời kỳ này.

Một đường hành lang có mái che dài tới 1000m nối tòa nhà Uffizi với cây cầu bắc qua sông Arno (cầu Vecchio) thẳng tới lâu đài Pitti ở bên kia sông. Công trình hành lang mang tên Corridoio Vasariano đã góp phần tạo nên cảnh quan đẹp bên bờ sông và cũng rất nổi tiếng, đã thu hút rất đông khách qua lại.

***Bảo tàng Bargello:**

Từ lâu đài Vecchio tới nhà thờ Thánh Maria del Fiore, du khách đi qua đoạn phố cổ Proconsolo nằm kẹp giữa bảo tàng Bargello và nhà thờ Fiorentina. Ïây là nơi khách bốn phương thường đến ghi lại hình ảnh tuyệt đẹp của con phố nhỏ ấm cúng xen giữa hai ngọn tháp cao.

Bargello chính là bảo tàng quốc gia được đặt trong công trình giống như một pháo đài cổ xưa xây dựng từ năm 1225. Ïặc điểm kiến trúc pháo đài thời trung cổ thể hiện rõ ở bờ tường răng cưa trên mái cũng như trên nóc tòa tháp. Công trình có thời gian dùng làm tòa án và nhà tù (1502) và trụ sở của cơ quan bảo vệ an ninh đô thị (1574). Chỉ từ năm 1859 mới được chuyển đổi thành bảo tàng quốc gia.

***Kiến trúc đẹp trên sông Arno:**

Vùng Toscane nằm ở miền trung Italia có đồng bằng phì nhiêu và cũng là nõi có nhiều cảnh đẹp. Sông Arno hiền hòa phát nguồn từ rặng núi Apennine phía đông rồi chảy về phía tây, qua các thành phố đẹp nổi tiếng là Firenze và Pisa (nơi có tòa tháp nghiêng nổi tiếng). Sông có chiều dài 240km chảy vào Ïịa Trung Hải.

Chính sông Arno đã làm cho Firenze có kinh tế trù phú và từ ïó có văn hóa và nghệ thuật phát triển rực rỡ.

Lòng sông không rộng, mặt nước khá phẳng lặng in bóng trời mây trong vắt và các kiến trúc đẹp trên đôi bờ. Đặc biệt, để nối hai phần đô thị phía bắc và phía nam, trên sông có nhiều cây cầu đẹp, kiến trúc đặc sắc.

Trên đoạn sông Arno chảy qua trung tâm thành phố có tới năm cây cầu bắc qua, các cầu cách nhau chỉ khoảng bốn năm trăm mét.

Theo chiều dòng chảy, phía thượng nguồn (phía đông) là cầu Grazie, tiếp đến là cây cầu độc đáo nhất: cầu Vecchio, sau đó là các cầu Trinita, cầu Carraia và cầu Vespucci.

Cầu Vecchio độc đáo ở chỗ có hai dãy cửa hàng ở hai bên mặt cầu, nên cây cầu không khác một đường phố thương mại trong khu phố cổ.

Trên cầu ở mặt phía đông có hành lang Vasariano nằm phía trên các cửa hàng, nối từ nhà triển lãm Uffizi tới lâu đài Pitti ở bờ nam sông Arno.

THƯ VIỆN HUBT



Khung cảnh kiến trúc hai bên sông Arno



Cầu Vecchio trên sông Arno (ban ngày)



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ

Cầu Vecchio trên sông Arno (ban đêm)

Trên cầu ở mặt phía đông có hành lang Vasariano nằm phía trên các cửa hàng, nối từ nhà triển lãm Uffizi tới lâu đài Pitti ở bờ nam sông Arno.

Cầu Vecchio được xây dựng vĩnh cửu từ năm 1345. Cầu là lối qua lại chính giữa hai phần bắc nam nên có nhiều quán bán hàng, thậm chí có lúc cầu trở thành nõi họp chợ. Sau chính quyền thành phố quy định chỉ có hàng hóa tinh khiết mới được mua bán tại đây, từ đó cầu được chỉnh trang với hai dãy cửa hàng đẹp bán hàng lưu niệm, đồ kim hoàn xen giữa vài hàng giải khát.

Lâu đài Pitti được xây dựng giữa thế kỷ XV ở bờ nam sông Arno, do kiến trúc sư Brunelleschi thiết kế cho một nhà buôn giàu có, sau được dòng họ Medici mua lại và mở rộng thêm. Ïến thế kỷ XVII lại được sửa sang thành nhà triển lãm nghệ thuật tranh và đồ mỹ nghệ vàng bạc. Sân trong của lâu đài Pitti do Bartolomeo Ammanati (1511 - 1592) thiết kế theo phong cách điển hình của chủ nghĩa Thủ pháp (mannerism) ở Firenze.

**** Những nhà thờ cổ xinh xắn và ấm cúng:***

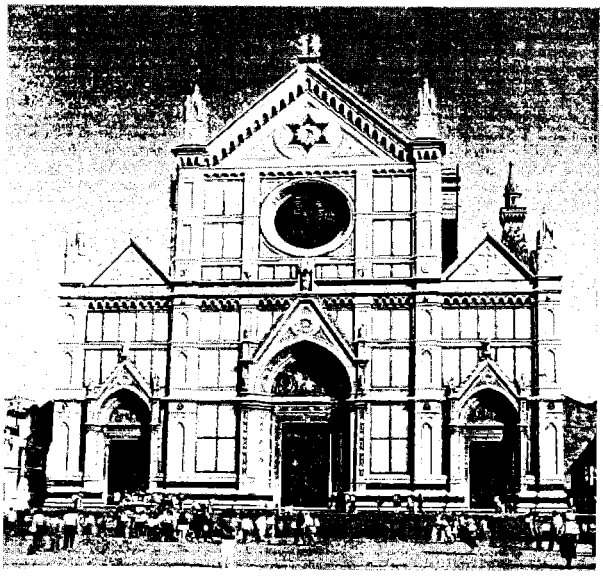
Trong số những di sản kiến trúc đặc sắc của Firenze phải kể đến những nhà thờ cổ nằm rải rác ở nhiều khu phố, quy mô không lớn như nhà thờ trung tâm nhưng có không gian kiến trúc xinh xắn và ấm cúng. Ïó là các nhà thờ như: Santa Croce (ở phía đông thành phố), Santa Maria Novella (phía tây bắc) và San Miniato Al Monte (ở ngoại vi phía nam thành phố).

Nhà thờ Santa Croce được xây dựng theo thiết kế của Alnolfo di Cambio trong khoảng thời gian từ 1294 ïến 1385, cũng là để thay thế một nhà thờ cũ nhỏ hơn có từ năm 1222. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà thờ còn được tiếp tục trong nhiều năm về sau, đặc biệt mặt chính rất đẹp của nhà thờ như ta thấy ngày nay còn được hoàn thiện tới tận năm 1850 (năm thế kỷ sau). Nhà thờ cũng là nơi chứa đựng phần mộ của những nhân tài nổi tiếng như Michelangelo, Galileo, Ghiberti và Machiaveli, là nơi lưu giữ nhiều tác phẩm tranh tượng kiệt xuất của vùng Firenze.

Nằm trước một quảng trường đẹp và ấm cúng, nhà thờ Santa Maria Novella khá gần trung tâm thành phố nên cũng là nõi diễn ra nhiều lễ hội tôn giáo. Quảng trường được trang trí hai cột biểu tượng đẹp với tượng nhỏ do Giambologna thực hiện. Mặt nhà thờ được tạo

hình mỹ lệ với bàn tay của nghệ sĩ bậc thầy Leone Battista Alberti (1404 - 1472), tiến hành vào năm 1456.

Nhà thờ Santa Miniato Al Monte nằm ở vị trí khá xa phía nam thành phố, bên kia sông Arno trên một địa hình đồi cao, cùng với các ngôi nhà xung quanh đồi tạo nên một tổng thể kiến trúc hấp dẫn. Nhà thờ thuộc loại khá cổ hình thành từ thế kỷ XI và việc xây dựng cũng được thực hiện qua nhiều đợt và đến nay vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn, như là một dấu tích văn hóa quý giá của thời Tiền Phục Hưng.

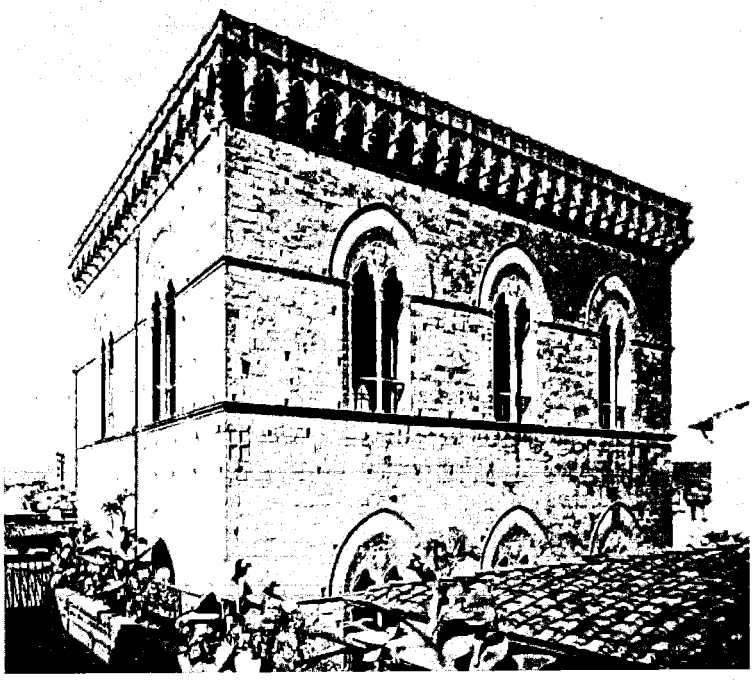


Nhà thờ Santa Croce

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO



Nhà thờ Santa Maria Novella



Nhà thờ San Michele

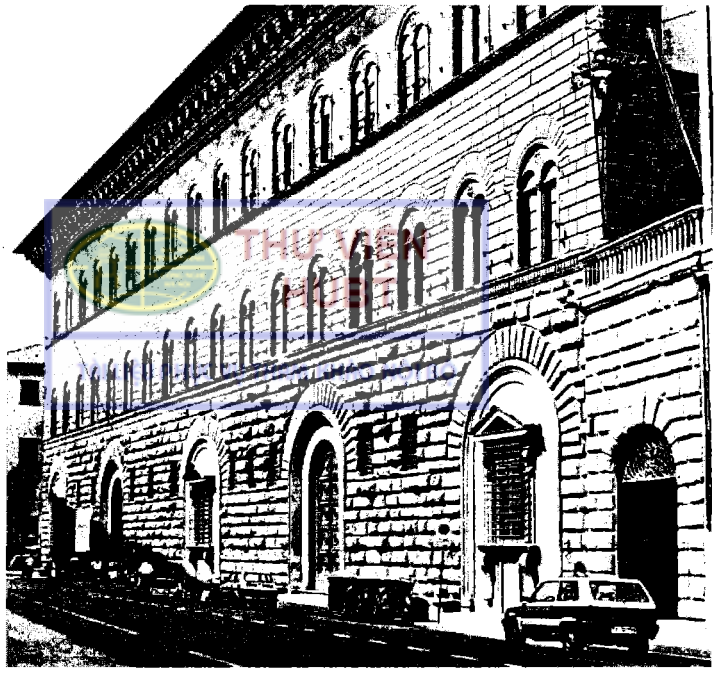


Nhà thờ San Lorenzo

THƯ VIỆN KIẾN TRÚC



Nhà thờ
Santa Spirilo



Lâu đài
Medici - Ricardi

IV. KIẾN TRÚC PARIS CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI

1. Kiến trúc Paris đôi bờ sông Seine

Không phải chỉ có đô thị Paris mới có con sông làm người bạn thủy chung trong suốt quá trình phát triển của mình.

Giống như Thăng Long - Hà nội gắn với sông Hồng, London có sông Thames; Budapest có sông Danube... rất nhiều thủ đô được sinh ra từ con sông, sông gắn với đô thị như máu với thịt, sông tạo ra nguồn lợi kinh tế, sông là yếu tố của cảnh quan, là nguồn cảm hứng của tao nhân nghệ sĩ, là kỷ niệm sâu lắng trong lòng người, là cái hồn của đô thị... Nhưng có lẽ không ở đâu sông đối với đô thị lại có ý nghĩa sâu đậm như trường hợp sông Seine với thủ đô Paris.

Từ trước đây hơn một thế kỷ, vào mùa xuân năm 1894, một nhà văn hóa lớn của Việt Nam đã tới Paris, quan chánh sứ Nguyễn Trọng Hợp nhân chuyến đi sứ tới đây đã cảm nhận vẻ đẹp kiến trúc đôi bờ sông Seine và đã viết tới 36 bài thơ vịnh kinh đô hoa lệ này:

" Đền đài tráng lệ in mái lên nền trời xanh
Dòng sông như một dải lụa bạc lấp lánh chảy qua thành phố
Du khách viếng thăm như được tiếp thêm hào khí
Rực rỡ ánh đèn trên hai mươi bốn chiếc cầu xinh..."

nguyên chữ Hán:

"Thành khuyết tham sai ỷ bích tiêu
Ngân lưu nhất đới thủy thiều thiều
Ký đa du thưởng tang hào khí
Dạ dạ đăng quang trấp tứ kiểu"

THƯ VIỆN HUBT

Có sông cắt ngang qua, đô thị muốn sinh hoạt thuận tiện thì tất nhiên phải bắc cầu, nhưng số lượng cầu bắc qua sông nhiều như ở Paris cũng là chuyện hiếm có. Năm quan chánh sứ Nguyễn Trọng Hợp tới thăm mới chỉ có 24 nhưng đến nay sau một trăm năm thì đã có thêm hơn mười cây cầu nữa. Cầu nhiều như vậy là do hai nửa Paris mà con sông phân đôi có diện tích không chênh lệch nhau mấy, dòng sông đã như là một "trục đối xứng" trên địa bàn đô thị, không giống như ở Buđapét mà nửa "Buđa" có diện tích rất nhỏ so với nửa bên "Pét" hoặc phía Gia Lâm có diện tích rất nhỏ so với phía nội thành Hà Nội. Ở Paris sông lại không bị đê che khuất nên các kiến trúc đôi bờ thoả sức in hình trên mặt nước đẹp.

Sự hình thành những cây cầu nối đôi bờ sông Seine của thủ đô Paris là cả một lịch sử hấp dẫn và mỗi cây cầu có vai trò như một mốc tọa độ giúp cho sự định hướng các vị trí dọc theo dòng sông. Cây cầu được biết đến nhiều nhất hiện nay có lẽ là cây "Cầu Mới" rất nổi tiếng, cầu mang tên Mới nhưng thực ra đã có một lịch sử rất dài lâu, là một trong những cây cầu cổ nhất của thủ đô Paris.

Hình ảnh cầu gắn liền với hòn đảo đẹp nằm giữa sông Seine và được coi là cái nôi sinh thành của thủ đô Paris: đảo Cité. Những cây cầu đầu tiên ở đây chính là để nối đảo Cité với đôi bờ, cho đến cuối thế kỷ XVI mới chỉ có bốn cầu, hai cầu nối với bờ bắc: cầu Pont-au-Change và cầu Notre-Dame, hai cầu nối với bờ nam: cầu Saint- Michel và cầu Petit-Pont. Những cầu này đã có vai trò quan trọng trong sinh hoạt của cư dân khi đó, chẳng hạn cầu Pont-au-Change (cầu "Trao đổi") có tên như vậy là do ở đây đã diễn ra nhiều hoạt động trao đổi mua bán, thậm chí có cả nhiều cửa hiệu (hiệu kim hoàn) nằm ngay trên cầu, cầu Notre-Dame và cầu Sain-Michel đều mang tên những tòa nhà thờ nằm trên đảo và người dân thường vẫn qua cầu đi lễ nhà thờ... Chất lượng cầu khi đó chưa tốt lắm nên dễ bị hoả hoạn hoặc nước lũ trôi đi. Cầu Notre-Dame xây dựng năm 1423 nhưng đến năm 1499 thì một trận lũ trên sông đã phá hủy, người ta phải tính đến việc xây dựng cây cầu khoẻ hơn nối thẳng bờ bắc tới bờ nam và chỉ đi qua đảo ở vị trí đầu mỏm phía tây của đảo.

Cầu Mới được khởi công vào năm 1578 với quy mô lớn hơn và hình thức đẹp hơn các cầu trước. Việc xây dựng cầu cũng có sự đổi mới so với trước là trên cầu hoàn toàn không có nhà cửa hoặc quầy quán như trước đây thường làm, vì thế cầu rất thoáng đãng và trở thành một nơi thuận lợi cho những người muốn dạo mát và ngắm cảnh đẹp trên sông. Việc xây cầu có thời gian bị ngừng trệ do chiến tranh nên đến năm 1607 mới hoàn thành vào triều vua Henri IV, cầu có mười hai nhịp vòm cuốn mềm mại và có nhiều trang trí đẹp. Tại điểm đầu mũi của đảo Cité nơi tạo ra điểm tựa cho cầu đã được quy hoạch thành một quảng trường có vườn cây nhỏ và có đặt tượng vua Henri IV.

Từ Cầu Mới đi xuôi theo dòng sông Seine ta sẽ gặp tiếp cầu "Nghệ thuật" (pont des Arts) nối hai công trình quan trọng nằm trên hai bờ là tòa lâu đài Louvre và toà nhà Học viện Pháp. Đây là cây cầu kim loại đầu tiên ở Paris, xây dựng vào năm 1665. Tiếp đến là cầu Carrousel, cầu có tên đó là do nằm ở vị trí ngang với Khải hoàn môn

Carrousel, một công trình rất nổi tiếng nằm trên trục của lâu dài Louvre và của vườn Tuileries. Từ đó xuôi tiếp về phía hạ lưu ta còn gặp khoảng 15 cây cầu nữa, mỗi cầu mang một vẻ đẹp riêng, đều là những tác phẩm nghệ thuật quý giá và được xây dựng với một trình độ kỹ thuật cao, trong đó có những cầu rất lớn như cầu Royal ở gần bảo tàng Orsay, cầu Concorde gắn liền với một quảng trường lớn cùng tên, cầu léna nằm trên cùng một trục với tháp Eiffel và đặc biệt là cầu Alexandre III được coi là một đỉnh cao của nghệ thuật cầu.

Cầu này được dựng nên như một biểu tượng của mối quan hệ thân thiện giữa Pháp và Nga ở cuối thế kỷ XIX, lễ khánh thành cầu vào ngày 7-10-1896 đã do vua Nga Nicolas II thực hiện và cầu được mang tên vua cha là Alexandre III. Cầu có kết cấu kim loại vượt qua sông chỉ một nhịp dài tới 107,5m và bên ngoài được trang trí rất phong phú, đặc biệt là các trụ ở hai đầu cầu mà bên trên là những pho tượng vàng son in hình nổi bật trên nền các kiến trúc lớn ở xung quanh là tòa nhà Invalides ở phía nam và một tổng thể hai lâu đài (mang tên "Lâu đài lớn" và "Lâu đài nhỏ") ở phía Bắc.

Quy hoạnh và kiến trúc ở đôi bờ sông Seine được tạo nên bởi một số cấu trúc đô thị rất hoàn chỉnh, đó là các tổng thể kiến trúc trên đảo Cité, bảo tàng Louvre và trục đại lộ Champs-élysées, trục lâu đài Invalides và trục Champs-de-Mars gắn liền với cây tháp độc đáo mang tên Eiffel.

Đảo Cité, cái nôi sinh ra Paris, từ thế kỷ III trước Công nguyên đã có cư dân, đó là một làng chài lưới của bộ tộc người Parisii và làng có tên là Lutèce. Các kiến trúc quan trọng nhất trên đảo như ta thấy ngày nay được hoàn thành vào khoảng thế kỷ XII trở về sau, đã trở thành những chứng tích lịch sử ghi dấu nhiều sự kiện của thủ đô, trong đó quan trọng nhất là nhà thờ Notre-Dame nằm ở phía đông nam của đảo. Công trình có khối tích rất lớn chế ngự một không gian rộng mở trên sông Seine, một kiệt tác kiến trúc của thời Trung cổ mang phong cách gothique vừa uyển chuyển vừa hùng vĩ mà quá trình xây dựng đã phải kéo dài tới gần hai thế kỷ (từ giữa thế kỷ XII đến giữa thế kỷ XIV). Công trình được tu tạo lớn vào giữa thế kỷ XIX và đợt trùng tu này cũng kéo dài tới gần 20 năm.

Một công trình khác không kém phần quan trọng là nhà thờ Sainte- Chapelle nằm ở phía bên trong sân của Tòa nhà Công lý mà người ta có thể chiêm ngưỡng khi đi vào khu này qua một mái vòm.

Đây là công trình do vua Louis IX (Thánh Louis) xây dựng trước khi ra đi chỉ huy cuộc Thập tự chinh và được dùng làm nơi lưu giữ Thánh tích (vòng gai đội đầu của Chúa và một mảnh cây Thập tự mà chúa đã bị đóng đinh, ông đã mua được ở Venise vào năm 1239). Công trình được tôn tạo vào năm 1248 với một cấu trúc khá đặc biệt với hai khối chồng lên nhau, khối dưới dành cho các triều thần và khối trên cho vua và các cận thần, tạo nên một hình ảnh kiến trúc rất hấp dẫn ở khu vực này, với 15 cửa lớn ghép kính màu với trên một nghìn hình vẽ trang trí minh họa những cảnh trong kinh Cựu Ước và Tân Ước.

Từ đầu mỏm phía tây của đảo Cité và nhất là từ trên Cầu Mới nhìn về phía bờ bắc sông Seine người ta được chứng kiến công trình quan trọng hàng đầu của thủ đô Paris, đó là bảo tàng Louvre, cũng là bảo tàng vào bậc nhất của thế giới. Vốn là một pháo đài thời trung cổ xây dựng vào năm 1190 do vua Philippe-Auguste, pháo đài được gắn liền với bức tường thành phòng vệ của Paris và được vua dùng làm nơi cất giữ của cải và đến thời vua Charles V thì được sửa sang thành Hoàng cung và là chỗ ở của vua. Công trình luôn luôn được tu bổ và mở mang trong suốt nhiều thế kỷ và tới năm 1866 thời vua Henri IV thì đã được gắn liền với cung điện Tuileries trở thành một tổng thể khép kín, sau đó Tuileries bị cháy (1871) thì tổng thể này được mở trống về phía tây như ta thấy ngày nay.

Cho đến thời gian trước khi có kế hoạch tôn tạo lớn vào những năm 80 do Ieoh Ming Pei thực hiện thì cấu trúc của tổng thể bao gồm ba ngôi nhà lớn gắn kết với nhau theo hình U nằm ngang mà trung tâm là sận long trọng Napoléon nhìn về phía tây trông thẳng ra trục đại lộ Champs-élysées. Ba ngôi nhà không phải được hình thành cùng một lúc mà là sự phát triển dần theo thời gian, bắt đầu từ tòa nhà Sully ở phía đông, tiếp đến là tòa nhà Richelieu ở phía bắc. Chính tại trung tâm của tổng thể này (sân Napoléon) đã mọc lên công trình nổi tiếng "Kim tự tháp thủy tinh" của I.M.Pei vào năm 1989. Cùng với công trình Grande Arche (Cổng Lớn) ở La Défense và công viên khoa học La Villette, việc tôn tạo bảo tàng Louvre với Tháp Thủy tinh nêu trên là những công trình quan trọng nhất ở Paris vào dịp kỷ niệm 200 năm cuộc Cách mạng 1789 được thực hiện dưới sự chỉ đạo của cố Tổng thống Francois Mitterrand.

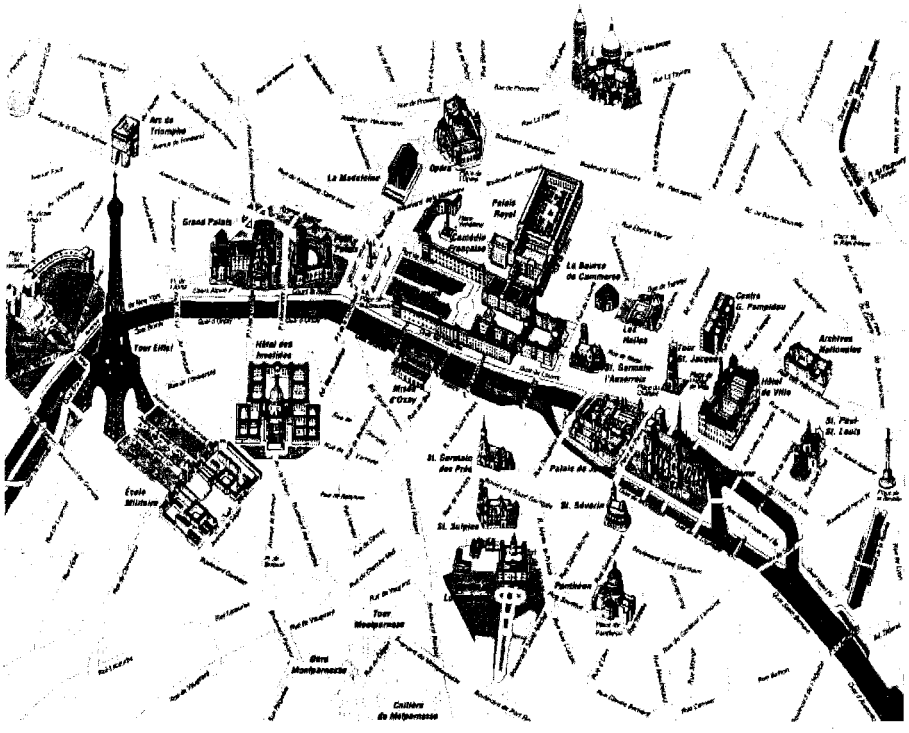
Thẳng trên trục từ bảo tàng Louvre nhìn ra có những công trình lịch sử quan trọng: cổng Khải hoàn Carrousel, vườn cảnh Tuileries,

quảng trường La Concorde là một trong những quảng trường lớn và đẹp nhất ở Paris đồng thời cũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Quảng trường có trục chính vuông góc với bờ sông Seine được đánh dấu bởi hai công trình quan trọng là lâu đài Bourbon (nơi họp Quốc hội) ở phía nam và tòa nhà thờ Thánh Madeleine ở phía bắc. Chính giữa quảng trường là cây cột Biểu Tượng nổi tiếng, cột đá hoa cương toàn khối cao 23m nặng 220 tấn, là quà tặng của vua Ai Cập được chuyển từ đền Louqxor ở Ai Cập tới Paris vào năm 1836, là một di vật của lịch sử có niên đại tới 33 thế kỷ.

Nối tiếp với La Concorde là quần thể kiến trúc trên trục Invalides (trùng với cầu Alexandre III) và cuối cùng là tổng thể kiến trúc trên trục Champ-de-Mars (trùng với cầu Iéna), với công trình chủ thể tiêu biểu nhất của Paris là tháp Eiffel, một đỉnh cao của kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc được xây dựng làm biểu tượng của triển lãm thế giới vào năm 1889, kỷ niệm 100 năm cuộc Cách mạng 1789. Trục tổng thể này cũng được kết thúc bởi những công trình rất đồ sộ là lâu đài Chaillot ở phía bắc và toà nhà của Học viện Quân sự ở phía nam.

Trong những thế kỷ qua việc phát triển của kiến trúc và đô thị ở thủ đô Paris có xu hướng thiên về hướng tây mà điển hình nhất là việc kéo dài của đại lộ Champ-élysées qua quảng trường Ngôi Sao vượt qua sông Seine để lên tới một trung tâm mới được xây dựng rất hiện đại là khu La Défense với công trình hoành tráng tiêu biểu là Cổng lớn Grande Arche. Hiện nay việc nghiên cứu phát triển Paris dọc theo sông Seine đang được bổ sung quy hoạch phát triển về phía đông và đông nam, khởi đầu là tòa nhà trụ sở mới của Bộ Tài chính ở Bercy và Viện nghiên cứu văn hóa Arập, tiếp đó trên địa điểm của đường sắt và nhà ga cũ Austerlitz còn nổi lên một quần thể công trình cực lớn thể hiện sự phát triển của thủ đô Paris trong thế kỷ mới, đó là tổng thể kiến trúc Thư viện nước Pháp.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



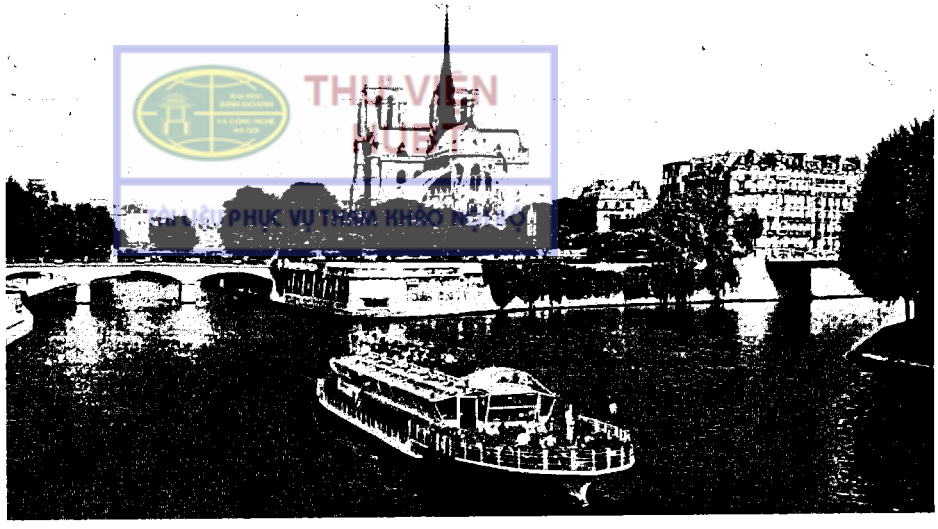
Những kiến trúc chủ yếu đôi bờ sông Seine



Cầu Mới và nhà thờ Đức Bà trên sông Seine

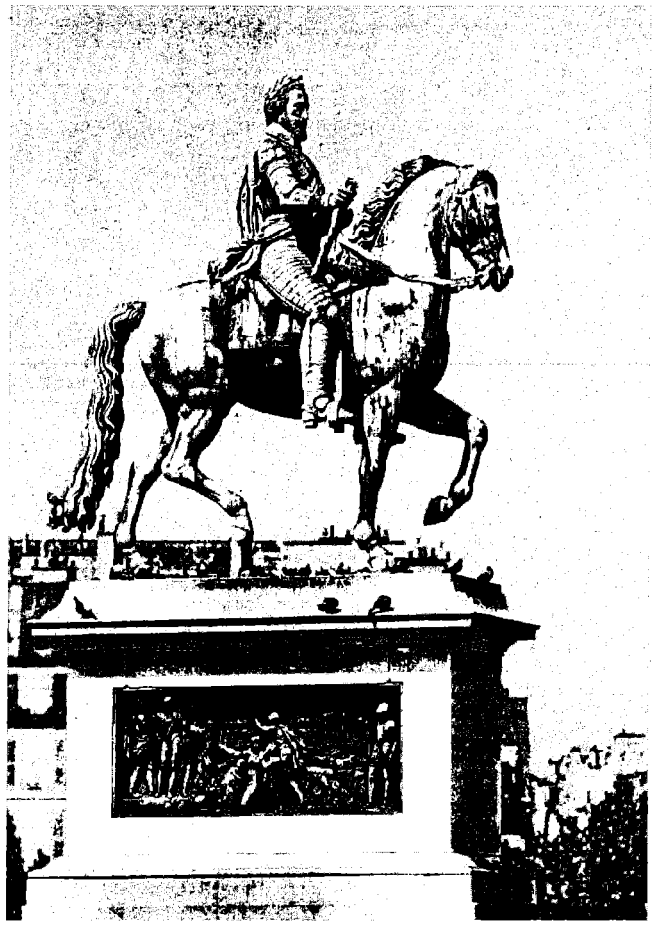


Bên trong tháp thủy tinh Louvre



Tàu du lịch trên sông Seine

THƯ VIỆN HUẾ
PHỤC VỤ THAM KHẢO

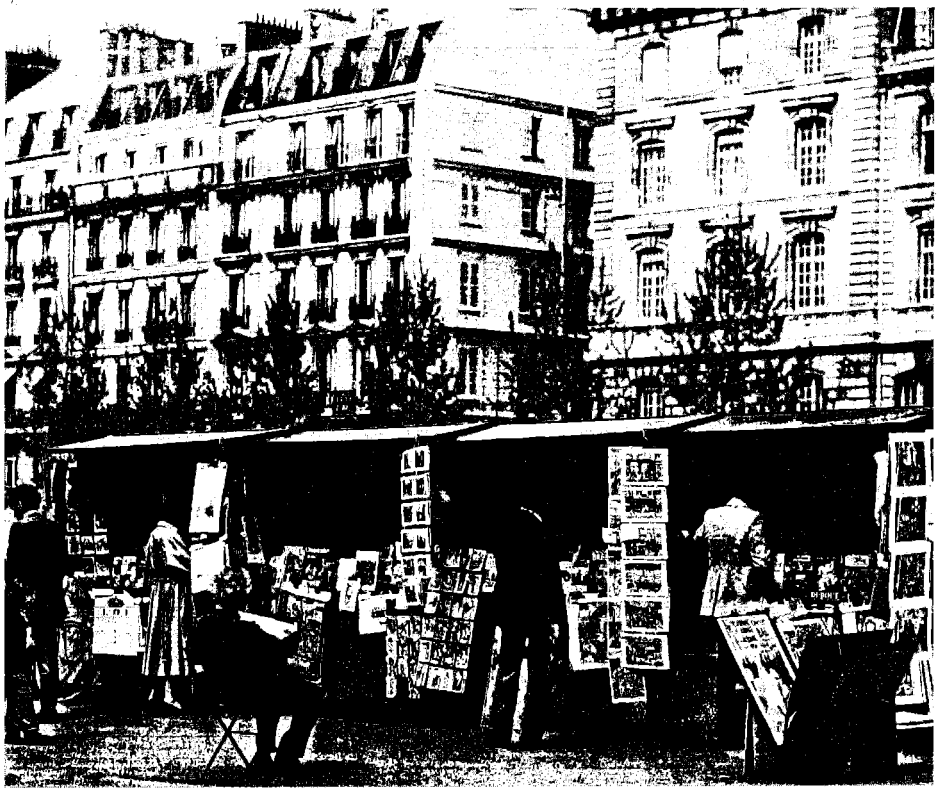


Tượng Louis XIV trên đảo Cité



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ga xe điện ngầm tại Louvre

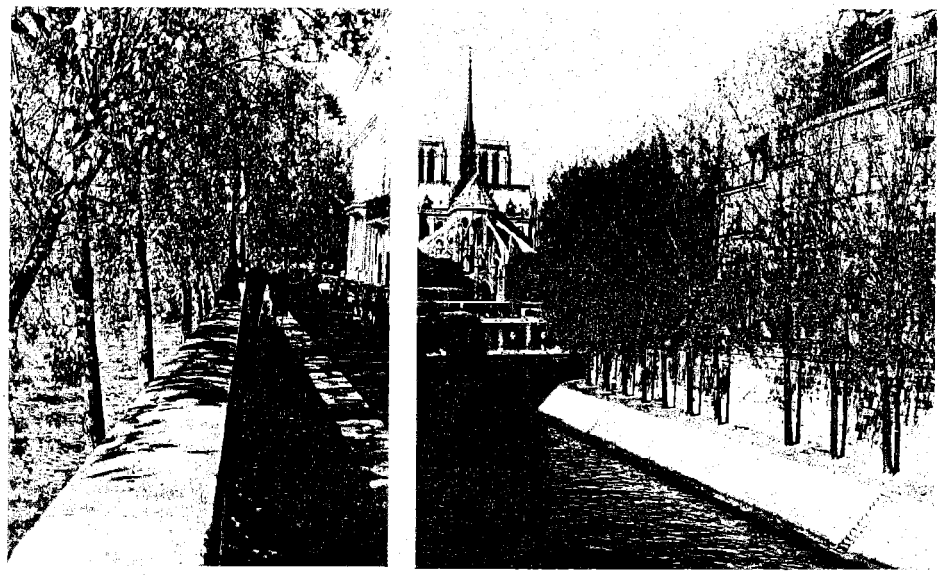


Quán sách cũ bên đường dạo bờ sông Seine



THƯ VIỆN
HUBT
PHỤC VỤ TRA KHẢO NỘI BỘ

Kiến trúc đôi bờ sông Seine cùng với những cây cầu đẹp



Những đường dạo và bờ kè đẹp ven bờ nước sông Seine



Kiến trúc đôi bờ sông Seine cùng với những cây cầu đẹp

2. Paris, những quảng trường và trục không gian kiến trúc

Nhìn trên bản đồ Paris, nhất là trong phạm vi trung tâm cổ kính người ta dễ dàng nhận ra một trục không gian quan trọng được sử dụng như một mốc tọa độ giúp cho sự định hướng của không gian đô thị, đó là dòng sông Seine với các tuyến đường ven bờ và đặc biệt là những cây cầu với số lượng rất nhiều và được hình thành qua nhiều giai đoạn của lịch sử.

Cùng với trục không gian - sông Seine rất đặc trưng đó là một hệ thống các không gian đô thị quan trọng khác cũng giúp cho việc định vị của không gian đô thị, đó là các quảng trường rất nổi tiếng, các trục đại lộ và các trục không gian kiến trúc, các mảng cây xanh và các công viên mà không mấy ai đặt chân tới Paris lại không biết tới. Sau đây là một số ghi chép về các không gian kiến trúc đó.

Rời khỏi bờ sông Seine một chút về phía bắc, ta có thể gặp ngay một trục đại lộ quan trọng hàng đầu, đó là trục Champs-élysées, với những quảng trường và những công trình kiến trúc cũng quan trọng không kém, đó là quảng trường Ngôi Sao với khải hoàn môn ở phía tây của trục, vườn Tuileries và bảo tàng Louvre ở phía đông của trục, và nằm xen giữa các kiến trúc đó là quảng trường Tròn (Rond Point) và quảng trường Hoà Hợp (La Concorde) với cột biểu tượng Louqxor nổi tiếng. Địa điểm hiện nay của trục Champs-élysées xưa kia là một cánh đầm lầy có tên là Gourdes. Vào năm 1616 hoàng hậu Marte-de-Médicis cho tiến hành trồng cây để tạo nên một đường dạo chơi giống như trục dạo chơi Corso ở Florenze (Ý). Năm 1628 hoàng hậu còn cho mở rộng thành một trục đường lớn thẳng phía trước lâu đài Tuileries để làm nơi dạo chơi của vua và hoàng gia. Vào năm 1667 dưới triều vua Louis XIV trục đường được chỉnh trang với quy mô lớn và đến năm 1709 trục đường này mới thực sự mang tên Champs-élysées, với ý tưởng được rút ra từ thần thoại Hy Lạp nói về một nơi "hạnh phúc thần tiên". Nhà kiến trúc phong cảnh rất tài năng thời đó là Le Nôtre đã được giao thiết kế để tạo dựng khu vườn cây mà về sau còn được kiến trúc sư Gabriel thiết kế và xây dựng bổ sung tăng thêm vẻ huyền mỹ cho khung cảnh kiến trúc. Từ đó trục đường đã trở thành một nơi "dập dìu ngựa xe" với nhiều quán cà phê đông khách và với nhiều trò vui. Tuy thế những cuộc vui thường chỉ diễn ra ban ngày, về đêm thì nơi này còn vắng vẻ và có phần còn chưa an toàn.

THƯ VIỆN HUBT

Dưới thời Đế chế II có nhiều cuộc duyệt binh đã diễn ra tại đây và vào năm 1807 thành phố đã tổ chức một bữa tiệc long trọng để đưa tiễn các đội quân tinh nhuệ ra trận. Trong một thời binh lửa, đây đã là nơi đóng quân của quân đội Nga (quân Phổ đóng ở quảng trường Concorde và quân Anh tại vườn Tuileries). Từ năm 1828 nhà nước giao quyền quản lý Champs-élysées cho thành phố và khung cảnh kiến trúc lại được bổ sung thêm nhiều vật trang trí như các bể phun nước, xây dựng các hè lát đá rộng rãi làm nơi đi dạo và đặc biệt là được chiếu sáng ban đêm bởi 1200 cây đèn đốt bằng gaz. Từ 1840 trở đi bắt đầu xây dựng hai bên trục nhiều dinh thự và nhà ở của tầng lớp giàu có. Cũng chính trong thời Đế chế II mà bộ mặt giàu sang và lộng lẫy của trục đô thị này đã dần dần xuất hiện, được phát triển kéo dài về phía tây hướng về rừng Boulogne, tạo ra một đường phố mang tên Đại lộ Rừng cây (Avenue du Bois) mà về sau được đổi tên là đại lộ Foch có chiều rộng lớn nhất ở Paris (120m).

Ngày nay Đại lộ Champs-élysées dài 2km rộng 70m được chia làm 2 đoạn: từ quảng trường Ngôi Sao tới quảng trường Tròn (đoạn phía tây) và từ quảng trường Tròn tới quảng trường Concorde (đoạn phía đông giáp với vườn Tuileries).

Ở đoạn phía tây các kiến trúc không gây được nhiều ấn tượng bằng đoạn phía đông tuy nhiên trên đó cũng có những công trình còn lưu giữ nhiều kỷ niệm của lịch sử như ngôi nhà của hầu tước Paiva được xây dựng vào năm 1860 mà đến nay còn lưu giữ được nhiều trang trí nội thất rất lộng lẫy của thời Đế chế II. Vào thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh trên đoạn phố này đã mọc lên nhiều cửa hàng sang trọng với các mặt hàng xa xỉ và đến khoảng 1950 thì có thêm những trụ sở của những công ty lớn chen nhau xây dựng, đã làm cho giá đất xây dựng ở đây trở thành cao nhất thế giới. Ở đoạn phía đông từ quảng trường Tròn tới quảng trường Concorde, hai bên trục đường là những dải cây xanh lớn nên đường luôn rợp bóng mát và ở vị trí tương đối xa đường là những công trình khá lớn và có ý nghĩa quan trọng như cụm công trình "Lâu đài lớn" và "lâu đài nhỏ" nằm ở hai bên trục đường dẫn lên cầu Alexandre III (phía nam trục élysées), cung điện élysées (dinhTổng thống) và nhà trưng bày Espace Pierre-Cardin (phía bắc trục élysées). Lâu đài lớn và Lâu đài nhỏ là những công trình được xây dựng vào dịp triển lãm thế giới năm 1900, có kiến trúc khá đặc trưng đặc biệt là bộ vòm mái được coi như một "mốc tọa độ" ở phía bờ bắc của sông Seine.

THƯ VIỆN HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ta lần lượt xem xét ba quảng trường gắn bó với trục đại lộ này là quảng trường Ngôi Sao (phía tây), quảng trường Concorde (phía đông) và quảng trường Tròn (ở giữa).

Quảng trường Ngôi Sao (nay còn được gọi là quảng trường Charles-de-Gaulle), có tên như vậy là do có sự hội tụ về đây 12 trục đại lộ, và quảng trường trở thành điểm xuất phát của 12 tia đường phố nên có hình tựa ngôi sao. Vào thế kỷ XVIII nơi đây còn là một quả đồi mang tên đồi Roule và lúc đó chỉ mới có năm đường tụ vào. Từ 1768 đến 1774 đồi được bạt bớt đi 5m, đất đồi được chuyển tới đắp vào những chỗ trũng và tiếp đó tới thời Đế chế II với kế hoạch chỉnh trang lớn do Haussmann điều khiển thì đã có thêm 7 trục đường nữa hội tụ về đây, quảng trường được cấu tạo hình tròn mà những kiến trúc bao quanh mang một phong cách và dáng vẻ thống nhất theo thiết kế của Hittorf.

Giữa tâm của quảng trường là một công trình hùng vĩ: khải hoàn môn được xây dựng vào năm 1806 để ca ngợi chiến công quân đội sau thắng lợi ở Austerlitz. Tại địa điểm này từ thời Louis XV đã có ý tưởng làm đẹp khung cảnh kiến trúc nhưng chưa tìm được hình tượng kiến trúc thích hợp. Vào năm 1758 người ta đã dự tính làm một "con voi khổng lồ" mà bên trên là tượng vua Louis XV, bên trong có nhiều phòng họp và phòng vui chơi. Các kiến trúc sư Gabritel và Perronet đã đề xuất dựng một cột biểu tượng bằng đá trắng. Vào năm 1799 cũng đã có một cuộc thi tìm ý cho kiến trúc ở đây, có 13 phương án được đề nghị nhưng cũng không chọn được phương án nào. Cổng Khải hoàn được xây dựng vào năm 1806 là theo quyết định của Napoléon khi ông từ chiến trận trở về, đề án được chọn là của Chalgrin, đã trở thành một hình ảnh hoành tráng rất đặc trưng của kiến trúc Paris.

Việc xây dựng công trình đồ sộ này đã đặt ra không ít những chuyện khó khăn, ngay việc xây móng đã đòi hỏi thời gian tới 2 năm, vì nền đất yếu đã phải đào sâu tới 8m và đã phải làm một lớp nền nhân tạo bằng đá để có thể chịu được trọng lượng của một khối tích xây dựng khổng lồ thời bấy giờ (rộng 45m, cao 50m). Vào năm 1810 lúc công trình còn dở dang nhưng để tổ chức buổi đón tiếp long trọng Napoléon tiến vào thủ đô, người ta đã phải làm giả cổng vòm bằng vải sơn (dựa trên một bộ khung)và đã làm cho dân chúng phải ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hùng vĩ. Trước sự phân khởi nồng nhiệt của quần chúng công trình càng được đôn đốc để hoàn thành nhanh.

THƯ VIỆN HUBT

Chalgrin qua đời vào năm 1811 lúc công trình mới đạt tới độ cao 5,4m, người kế tục là Goust nhưng chỉ ít lâu sau thì công việc ngừng trệ do Napoléon bị đi đày. Đến thời Louis XVIII vào năm 1823 công trình mới lại được tiếp tục và phần xây thô được hoàn thành vào năm 1831.

Tiếp đến, từ 1833 là một kế hoạch to lớn cho việc trang trí công trình bằng những tượng và tượng nổi trên cả 4 mặt cổng Khải hoàn của các nhà điêu khắc nổi tiếng đương thời. Phía mặt trông ra trục élysées là 2 bức tượng nổi rất nổi tiếng: phía phải là tác phẩm của Rude với chủ đề "Xuất quân của những người tình nguyện" còn thường được gọi là "Marseillaise", phía trái là tác phẩm của Cortot "Vinh quang năm 1810". Tất cả các tượng trang trí đều có chủ đề liên quan đến các sự kiện quân sự. Ngoài ra một bộ phận trang trí quan trọng là dải phù điêu bao quanh 4 mặt trên cao (có chiều dài tổng cộng tới 135m), các nhân vật trong phù điêu có chiều cao tới 2m là công trình tập thể của rất nhiều nghệ sĩ nổi tiếng. Kết hợp với những bộ phận trang trí, các nghệ sĩ còn dành chỗ để khắc tên các chiến trận và tên các nhân vật (128 chiến trận và 660 tướng tá). Tại cổng Khải hoàn này, từ năm 1920 còn là nơi tưởng niệm "chiến sĩ vô danh" với ngọn lửa kỷ niệm mà hàng ngày đều có một đoàn cựu binh đến thắp lên. Đây cũng còn là nơi quàn thi hài vào dịp tang lễ các nhân vật quan trọng.

Nằm ở phía đối diện về phía đông trên trục Champs-élysées là một quảng trường vừa đẹp vừa có ý nghĩa lịch sử: quảng trường La Concorde, như là điểm giao nhau của trục élysées với một trục vuông góc nối từ nhà thờ Madeleine (ở phía bắc) tới lâu đài Bourbon (phía nam) mà trên trục đó là cầu Concorde và phố Royale, giao điểm của hai trục là cột biểu tượng Louqxor nổi tiếng.

THƯ VIỆN HUBT

Buổi đầu hình thành quảng trường gắn liền với ý tưởng đặt bức tượng vua Louis XV. Năm 1748 thành phố giao công việc quy hoạch tổng thể quảng trường cho nhà điêu khắc Bouchardon và tổ chức cuộc thi về phương án tượng; 18 đề án đã được trình bày và phương án được chọn là của kiến trúc sư Jacques - Ange Gabriel. Tượng đài được hoàn thành vào năm 1763 và quảng trường hoàn thành vào năm 1772. Nhưng tượng vua đã không tồn tại lâu từ sau cách mạng 1789 ngai vàng lung lay và tượng vua đã bị lật đổ, quảng trường đã là nơi diễn ra nhiều sự kiện đẫm máu: nơi hành hình Louis XVI vào năm 1793 và sau đó là nhiều nhận vật khác (trên một nghìn lần máy chém đã được sử dụng tại nơi này).

Chỉ từ năm 1795 trở đi quảng trường mới thực sự êm ả và cũng từ đó quảng trường được mang tên La Concorde (sự hòa hợp). Thành phố lại triển khai những công việc trang trí và chỉnh trang mà trong đó một điều được quan tâm là sẽ đặt tượng đài gì tại vị trí quan trọng nhất trên quảng trường. Và như ngày nay ta thấy, đó là cây cột biểu tượng hùng vĩ bằng đá hoa cương toàn khối được chuyển từ Ai Cập tới, là quà tặng mà quốc vương Ai Cập Mehemet Ali đã tặng cho nước Pháp vào năm 1831. Đây vốn là cây cột đặt tại trước cổng đền Louqxor, là biểu tượng của mặt trời trong quan niệm Ai Cập cổ. Đây là một di vật có niên đại vào loại cổ nhất ở Paris vì nó được tạo tác từ cách nay 33 thế kỷ. Cột có chiều cao 23m và nặng 220 tấn, đã là một khó khăn biết chừng nào trong việc chuyên chở từ Louqxor tới Paris và được dựng nên tại giữa quảng trường Concorde vào năm 1836.

Trên mặt cột được chạm khắc các chữ tượng hình cổ Ai Cập, việc hiểu biết về văn hoá cổ Ai Cập được coi là "mốt thời thượng" khi đó do việc khám phá ra ý nghĩa của loại chữ này (công trình của Champollion) nhờ đó mà có nhiều hiểu biết về một nền văn hoá cổ rất đặc sắc. Những chữ tượng hình trên cột biểu minh họa những chiến công vẻ vang của vua Ai Cập cổ Ramses Đệ II.

Quảng trường còn được tô điểm bởi hai đài phun nước (do kiến trúc sư Hittorf) và tám bức tượng đặt ở các góc (biểu tượng của các thành phố chính của nước Pháp) của nhà điêu khắc Gabriel. Hai đài phun nước (được xây dựng trong khoảng thời gian 1836 - 1846) đặt ở hai phía bắc nam của cột biểu, đài phía bắc tượng trưng các sông suối và các nguồn lợi do sông suối mang lại (lúa, nho, hoa quả các vùng sông Rhône, Rhin), đài phía nam tượng trưng biển cả và nguồn lợi của biển. Tám thành phố chính có tượng biểu trưng tại quảng trường là: Strasbourg, Lyon, Rouen, Litlle, Nantes, Marseille, Brest và Bordeaux.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**** Các kiến trúc xung quanh quảng trường:***

Vuông góc với trục élysées và hướng về phía bắc là phố Royale nguyên xưa cũng là cánh đồng lầy. Từ năm 1758 khi Gabriel thiết kế quảng trường Concorde đồng thời cũng đã mở trục đường này và dựng nên ở hai bên phố một tổng thể kiến trúc rất hài hòa trong đó có nhiều cửa hiệu bày bán các mặt hàng cao cấp.

Ngay đầu phố chỗ tiếp giáp với quảng trường là hai công trình do Gabriel thiết kế (1760 - 1775), phần nào gợi lại kiến trúc dãy cột

của bảo tàng Louvre (do Perrault thiết kế). Hai công trình có quy mô giống nhau (cao 25m, dài 96m) lúc đầu dùng làm nơi ở của các sứ quán quan trọng, sau đó ngôi nhà bên phải được dùng làm nơi cất giữ các đồ đạc của hoàng gia (đến 1789 thì được chuyển thành trụ sở Bộ Hàng Hải), còn ngôi nhà bên lô số 4 là nhà ở của hầu tước Coislin, lô số 6 và số 8 trở thành câu lạc bộ xe hơi nước Pháp và lô số 10 là dinh cư của quận công Crillon.

Nằm thẳng trên trục và khép lại không gian này về phía bắc là một công trình khá đặc biệt: nhà thờ Madeleine, một công trình của công giáo nhưng lại mang phong cách kiến trúc đền đài Hy Lạp. Địa điểm này vốn là nhà thờ nhỏ của một làng công giáo được dựng lên để thờ các thánh Madeleine, Marthe và Lazare vào năm 1492. Làng này ngày càng mở rộng và khi địa bàn của làng được sáp nhập vào đô thị thì người ta đã xây dựng nhà thờ mới có quy mô lớn hơn. Đến thời kỳ xây dựng quảng trường Concorde và mở ra phố Royale thì Gabriel đã đặt vấn đề khép lại không gian này bằng một nhà thờ có quy mô đồ sộ và kiến trúc sư Contant d'Ivry đã được giao trọng trách này. Louis XV đã đặt viên đá đầu tiên khởi công công trình này vào ngày 13-08-1763 nhưng sau đó kiến trúc sư đã qua đời (1777) vào lúc công trình mới xong được phần nền móng. Sau đó qua tay nhiều kiến trúc sư khác và ý đồ thiết kể cũng bị thay đổi nhiều.

Cuối cùng vào năm 1806 chính là Napoléon đã quyết định tạo dựng nên ở đây một "đền thờ Vinh quang" dành cho lực lượng quân đội (lúc này chưa có Khải hoàn môn) và theo giải thích của Hoàng đế thì phải "như là những ngôi đền ở Athène và chưa từng có ở Paris", công việc được giao cho kiến trúc sư Vignon. Nhưng rồi thời đế chế qua đi mà công trình vẫn chưa hoàn thành. Khi vua Louis XVIII lên ngôi đã quyết định chuyển thành ngôi nhà thờ cầu phúc cho Louis XVI và những người bị hành hình thời trước. Mãi tới đời Louis Philippe công trình mới hoàn thành với chức năng tôn giáo như ban đầu và nhà thờ Madeleine được khánh thành vào ngày 09-10-1845.

Nhiều người đã ngạc nhiên trước một công trình công giáo nhưng lại không có gác chuông và cây thánh giá mà lại là một kiến trúc kiểu đền Hy Lạp (mặt bằng 43 × 108m) với hàng cột đồ sộ bao quanh (52 cột cao 19,50m) được cấu tạo theo thức cột Corinthe, bên trên là một lớp diềm được trang trí điêu khắc rất phong phú. Bộ cánh cửa nhà thờ được làm bằng đồng đỏ trang trí bằng tác phẩm phù điêu của

Triquéti theo những nội dung được rút ra từ kinh Cựu ước. Kiến trúc nội thất của nhà thờ có nhiều nét roman, nhiều tượng đá đẹp của Marochetti và Francois Rude và một tranh tường cực lớn (rộng 250 m2) của Ziegler với chủ đề "lịch sử và vinh quang đạo Cơ đốc".

Về phía đông của quảng trường Concorde là khu vườn nổi tiếng Tuileries (nằm phía trước điện Tuileries bị cháy vào năm 1871). Từ quảng trường nhìn qua trục dài của vườn này sẽ thấy được cổng Khải hoàn Carrousel và sau đó là khung cảnh tráng lệ của bảo tàng Louvre. Giáp mặt với quảng trường là nhóm tượng ngựa đá nổi tiếng của Guillaume Coustou được chuyển từ lâu đài Marly tới đây vào năm 1795. Hai bên của trục chính là các bảo tàng cũ Jeu de Paume và Orangerie.

Về phía nam của quảng trường, ở vị trí đối xứng với nhà thờ Madeleine là lâu đài Bourbon với phần phía trước là trụ sở Quốc hội xây dựng vào năm 1807, được nối với quảng trường bằng cầu Concorde xây dựng năm 1790.

Cùng về phía bắc của sông Seine còn có nhiều quảng trường quan trọng khác được hình thành vào nhiều thời kỳ khác nhau của lịch sử trong đó đáng chú ý là hai quảng trường tương đối cổ và có hiệu quả thẩm mỹ cao là quảng trường Vosges (thế kỷ XVII, ở phía đông) và quảng trường Vendôme (thế kỷ XVIII, ở phía tây).

Quảng trường Vosges từng được coi là một "ốc đảo tuyệt mỹ" thuộc khu Marais (đầm lầy) cũ, nơi đây xưa kia từng có toà lâu đài Tournelles dùng làm nơi ở của vua từ năm 1388 cũng như của nhiều nhân vật quan trọng khác trong lịch sử (các quận công Berry, Orléans, Bedford...). Sau này, vào thế kỷ XV - XVII khi vua đã chuyển tới ở lâu đài Louvre thì lâu đài Tournelles vẫn là nơi diễn ra nhiều hội hè nhộn nhịp, chẳng hạn vào năm 1559 đã là nơi tổ chức lễ cưới công chúa Elisabeth nước Pháp với hoàng tử Phillippe của Tây Ban Nha. Tại cuộc vui này người ta đã tổ chức đấu thương trên ngựa và đã dẫn tới cái chết của vua Henri II khiến cho hoàng hậu Catherine de Médicis đã đi tới quyết định phá huỷ lâu đài vào năm 1563. Nơi này trở thành chợ bán ngựa và cũng là nơi diễn ra các cuộc đấu súng.

Đến thời vua Henri IV ở đây được xây dựng một xí nghiệp dệt vải cao cấp dùng làm đồ đạc nội thất nhưng xí nghiệp cũng không tồn tại được lâu. Từ năm 1605 chuyển sang xây dựng khối công trình lớn dùng làm nhà ở bao quanh một không gian ấm cúng mang tên

THƯ VIỆN HUBT

quảng trường Hoàng gia (khánh thành tháng 04-1612). Công trình gồm 36 đoạn, kiến trúc tuân thủ một phong cách thống nhất với vật liệu xây là gạch hồng và mép tường được bó bằng đá có màu sáng, mái lợp đá dốc đứng và có cửa mái. Tầng một của nhà là một dãy các cửa hàng có mái vòm cuốn vây quanh quảng trường. Giữa quảng trường có đặt tượng Louis XIII (thời cách mạng bị phá bỏ những sau được làm lại vào thế kỷ XIX).

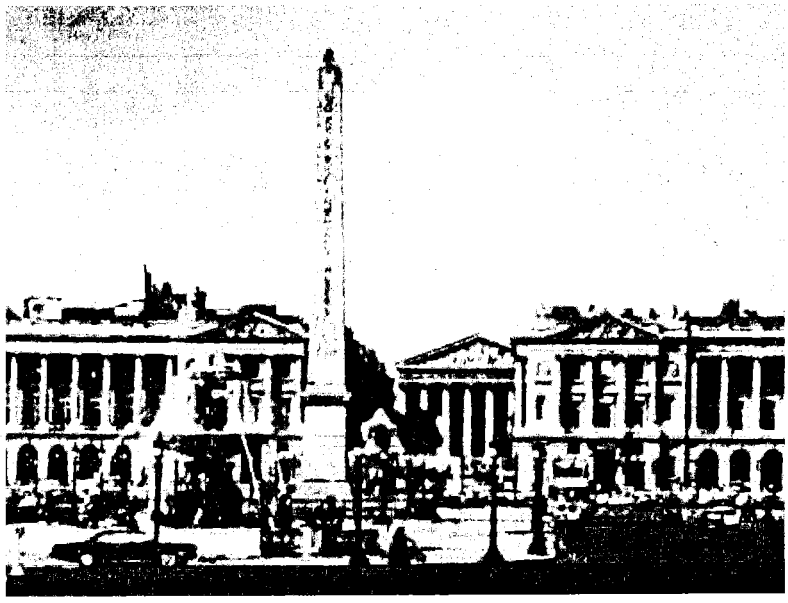
Quảng trường trở thành nơi lui tới của giới thượng lưu với nhiều trò vui thi ngựa, đấu thương... Cuối thế kỷ XVII và sang thế kỷ XVIII có thêm nhiều nhà ở sang trọng. Đến năm 1800 thì quảng trường mới có tên như ngày nay, ở vị trí không xa quảng trường giao thông và nhà hát hiện đại Bastille.

Nằm ở phía tây và gần với nhà thờ Mádeleine là quảng trường Vendôme, được coi là một trong những địa điểm được trang trí đẹp nhất vào thế kỷ XVIII, đánh dấu thời kỳ phát triển rực rỡ của kiến trúc cổ điển Pháp vào thời vua Louis XVI. Vốn là nơi có dinh cơ của quận công Vendôme, được Louis thuyết phục và cho xây dựng thành một quảng trường đẹp và để đặt một bức tượng khổng lồ của nhà vua. Công trình được bắt đầu vào năm 1686 nhưng chẳng bao lâu bị ngưng trệ (do Louis chết và cũng do thiếu kinh phí), đến 1699 mới lại tiếp tục để hoàn thành vào đầu thế kỷ XVIII với sự góp vốn của nhiều nhà đầu tư.

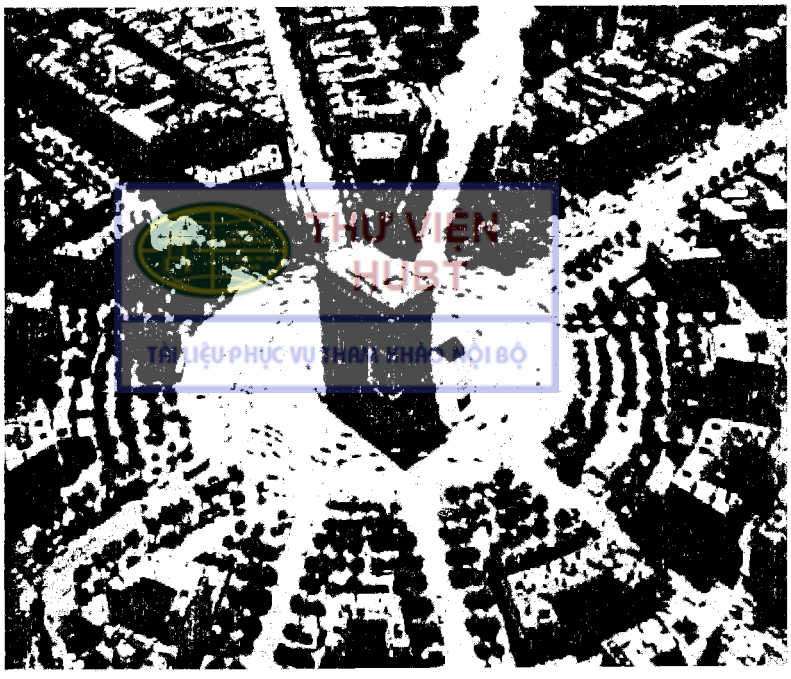
Quảng trường có hình chữ nhật vát góc (124 × 213m) có hai khối kiến trúc hình U kín về hai mặt phía đông và phía tây nhưng hở về phía nam và phía bắc. Cấu tạo kiến trúc có tầng một là dãy cuốn tròn và các tầng trên trổ cửa sổ xen kẽ với các dãy cột kiểu thức Corinthe, trên cùng là tầng mái kiểu Mansart. Mặt trước của nhà được trang trí rất phong phú và lộng lẫy tựa như của nhà hát, còn phía sau là nhà cửa của tầng lớp giàu có.

Ngày 16-08-1699 đã cắt băng khánh thành bức tượng Louis XVI cưỡi ngựa, bằng kim loại đúc toàn khối, nhưng vào năm 1792 (thời cách mạng) thì giống như các bức tượng hoàng gia khác, tượng vua Louis XVI cũng đã bị lật đổ. Đến năm 1806 thời Napoléon I tại địa điểm này được dựng lên một cột biểu tượng cao 43m để kỷ niệm chiến thắng của quân đội trên chiến trận Austerlitz. Trang trí phù điêu bao quanh cột được đúc từ chiến lợi phẩm là 250 khẩu đại bác, tạo thành hình xoắn ốc bao quanh thân cột (bên trong xây gạch) bao gồm 76 bức phù điêu nối nhau dài tới 200m.

Trên đỉnh cột lúc đầu đặt tượng hoàng đế nhưng sau được thay bằng khối trang trí hình bó hoa khổng lồ và đến thời Napoléon III thì lại được đặt tượng hoàng đế như ta thấy ngày nay. Vào thời công xã cột bị phá nhưng sau đã được dựng lại.

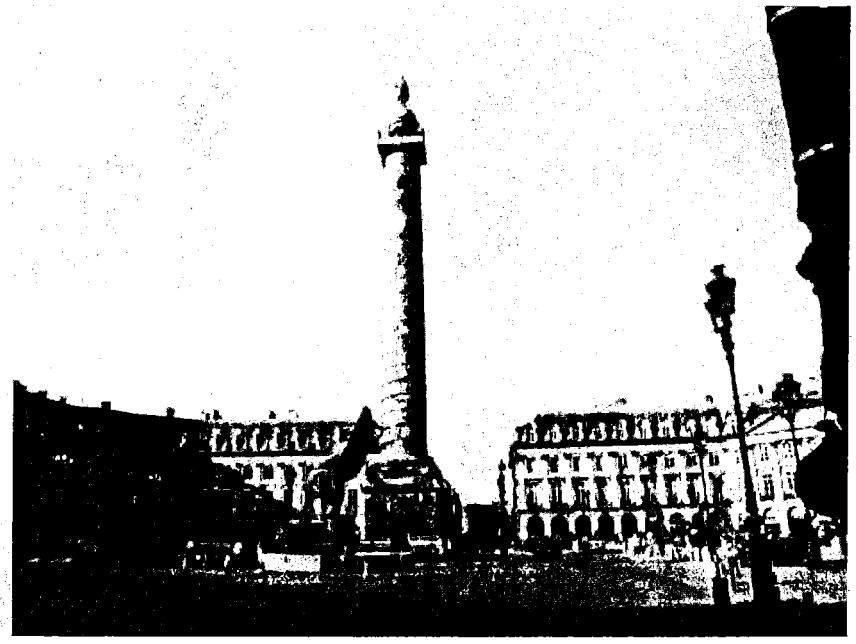


Quảng trường Concorde

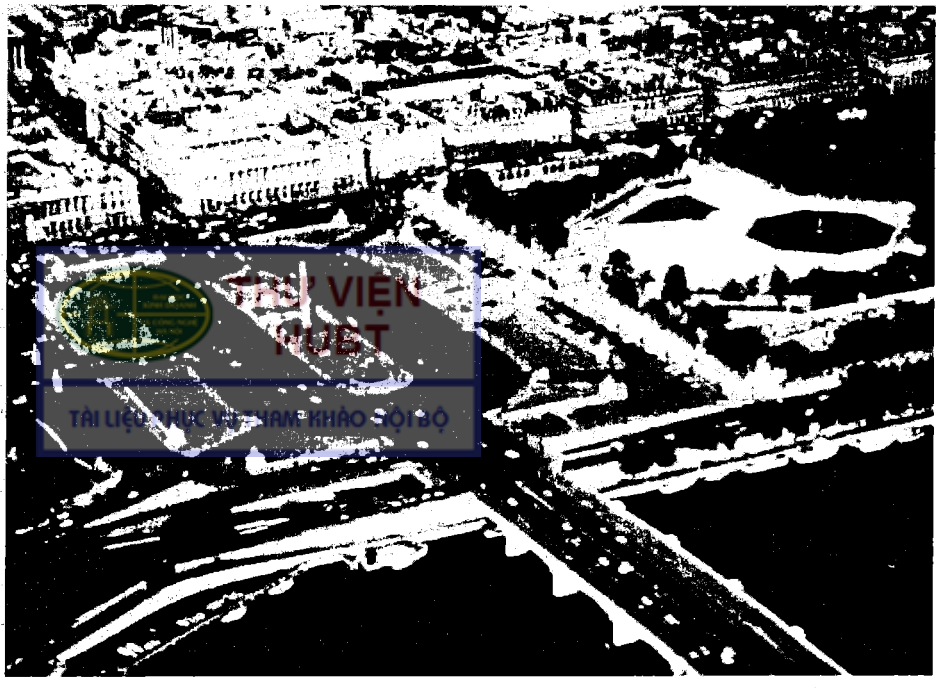


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Ngôi sao

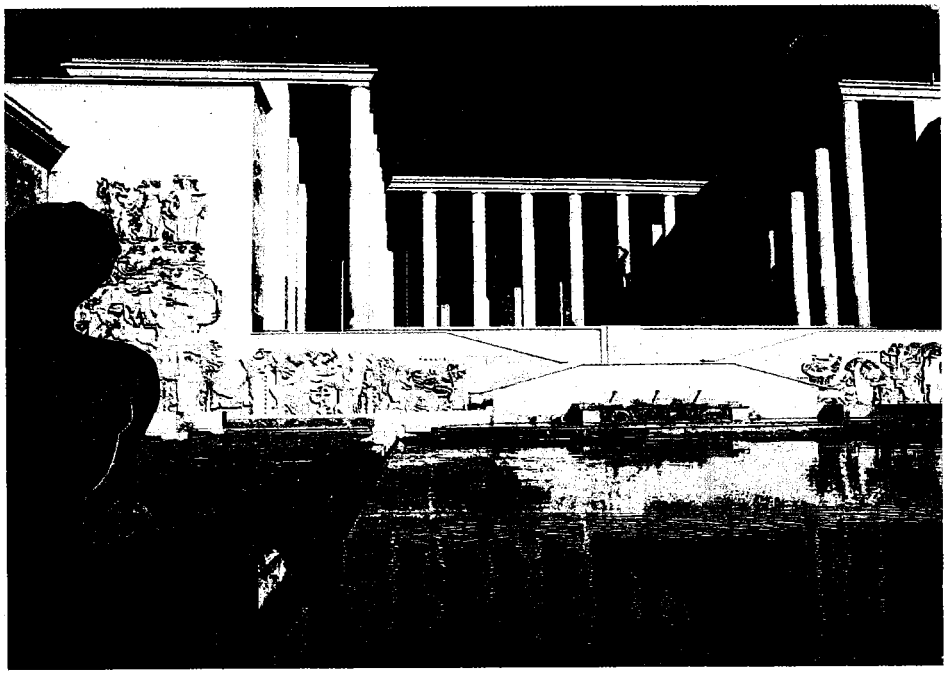


Quảng trường Vendôme



THƯ VIỆN
NUÔT
TÀI LIỆU CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO NỘI BỘ

Quảng trường Concorde

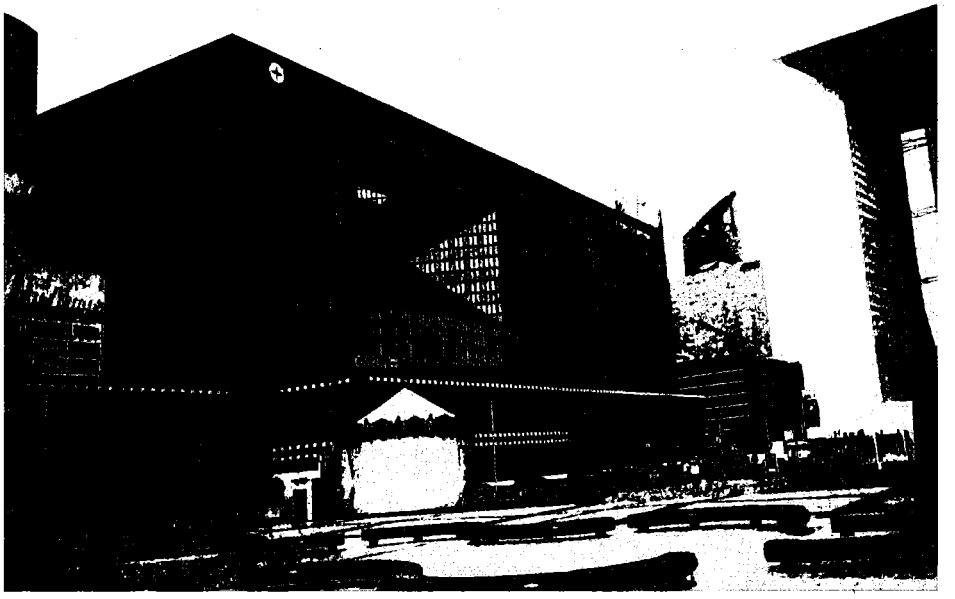


Lâu đài Tokyo cạnh Chaillot

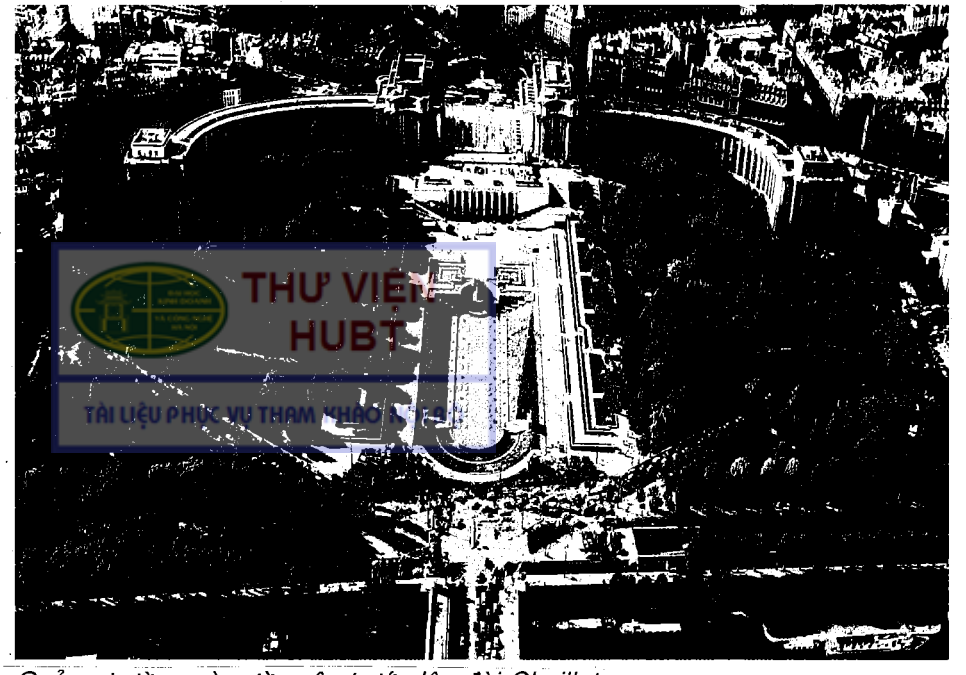


Trục đại lộ Champs - Elysées

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

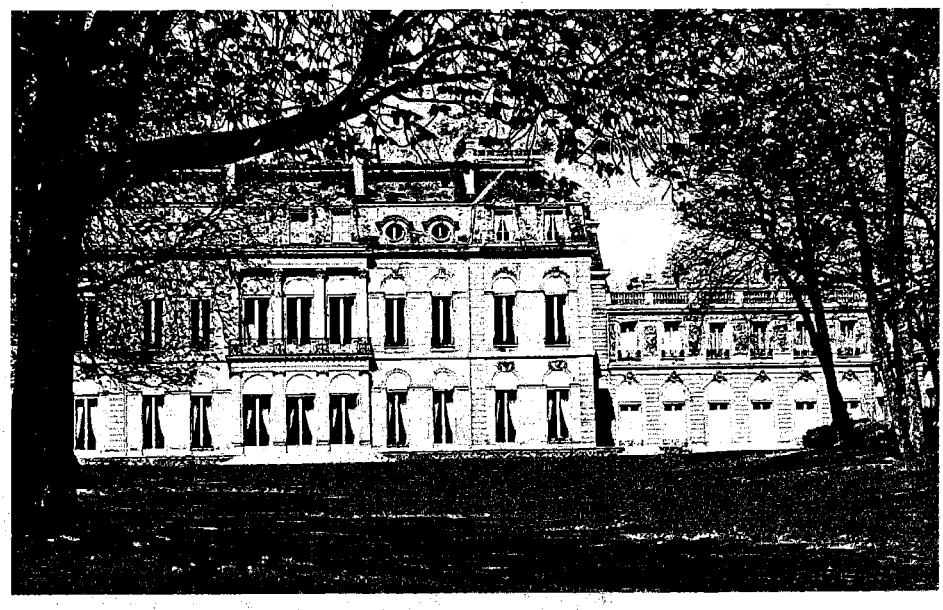


Quảng trường La Défense

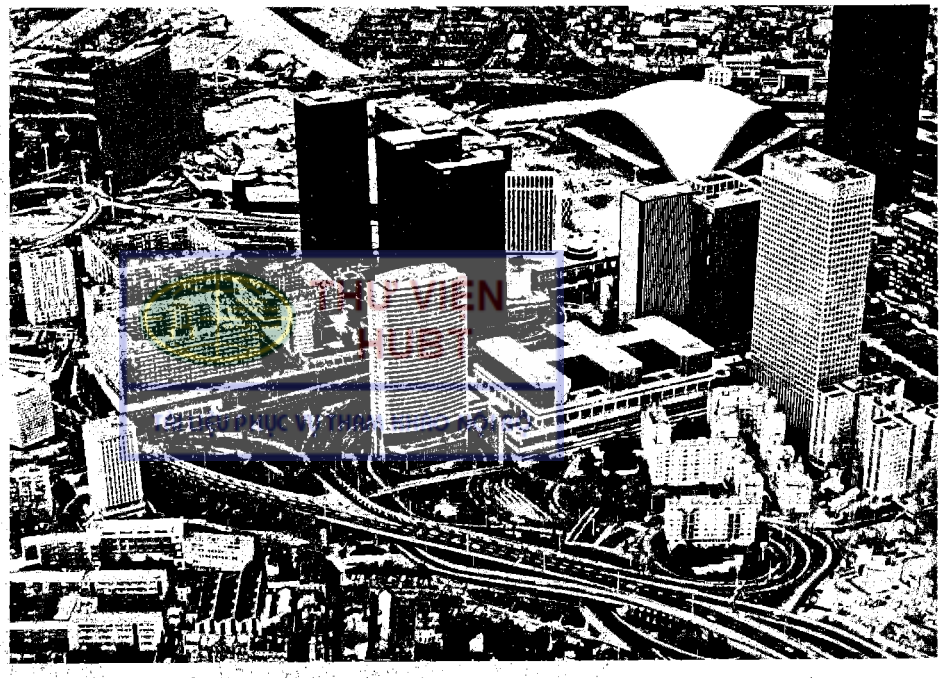


THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

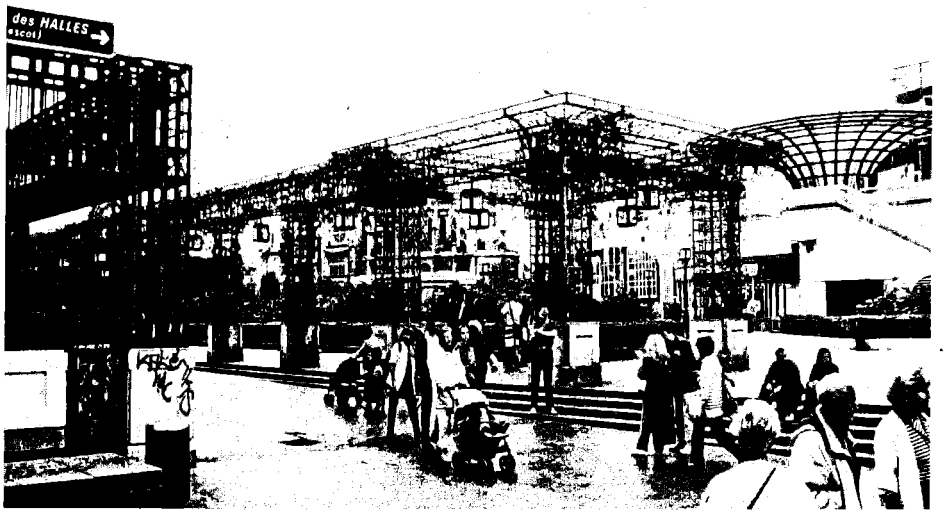
Quảng trường và vườn cây trước lâu đài Chaillot



Điện Elysées



Không gian kiến trúc La Défense



Quảng trường Forum des Halles



Tòa nhà Grand Palais

3. Vài nét về tiến trình kiến trúc Paris

Có người ví Paris là "cô gái do sông Seine và vua chúa sinh ra" quả là không sai. Từ cái nôi là hòn đảo Cité, Paris đã lớn lên cùng với các triều đại vua quan phong kiến của nước Pháp.

Dấu tích kiến trúc trên địa bàn Paris có từ thời La Mã đô hộ (từ thế kỷ I trước CN đến thế kỷ V sau CN), miền đất khi đó còn được gọi là xứ Gaule, một số công trình tiêu biểu của thời đó được ghi nhận là nhà hát ngoài trời của Lutèce có quy mô tới 15000 chỗ ngồi (vào thế kỷ đầu của CN) và nhà tắm công cộng Cluny (cuối thế kỷ II sau CN), ngoài ra cũng có một số dấu tích của đấu trường và một số hầm mộ.

Vào thời La Mã, địa bàn này vốn có tên gọi là Lucoticia (sau được chuyển sang tiếng Pháp mới là Lutèce) và có mang nghĩa là "đầm lầy", cho thấy vào lúc đó bờ sông Seine còn nhiều chỗ ngập nước. Trên bờ phía nam, nơi có bộ lạc Parisii định cư từ thế kỷ III trước CN là nơi phát triển trước tiên các công trình xây dựng. Những nhà hát và nhà tắm công cộng mọc lên kề với khu đồi Sainte-Geneviève khi đó được gọi theo tiếng Latinh là mons Lucotitius. Một công trình máng nước có tên Arcueil dài tới 15km giúp cho việc đưa nước từ Rungis về. Địa bàn cư dân Lutèce khi đó ước tính rộng khoảng 150 hecta và số dân trên dưới một vạn người.

Nhiều tài liệu ghi nhận một quảng trường theo kiểu La Mã đã được xây dựng tại vị trí của phố Soufflot hiện nay. Ở khoảng giữa quảng trường và bờ sông Seine còn có dấu tích của một nhà hát và ba nhà tắm công cộng, trong đó nhà tắm ở phía bắc được khai quật khảo cổ học trong thế kỷ trước còn để lại những dấu tích to lớn trong khu vườn của bảo tàng Cluny hiện nay nằm dọc theo đại lộ Saint-Michel. Nhà tắm có quy mô rất rộng chứng tỏ tổ chức việc tắm có nhiều không gian với nhiệt độ khác nhau, ngoài ra còn có sự kết hợp với hoạt động thể dục và thư giãn. Ba phòng của một nhà tắm lạnh đến nay còn thấy rõ (từ năm 1946 những phòng đó được dùng để chứa những mảnh điêu khắc thời Trung cổ).

Các công trình xây dựng vào thời La Mã đó về sau đã được tháo gỡ (sau khi đã bị hủy hoại bởi thời gian) để lấy vật liệu xây dựng các bức tường thành của Paris ở nhiều giai đoạn về sau. Phố Saint-Jacques hiện nay chính là dấu tích của "đường trục Bắc-Nam" (trục cardo) của đô thị kiểu La Mã thời đó, được bắc qua sông Seine bằng

hai chiếc cầu gỗ dẫn tới bờ bắc khi đó cũng còn là đầm lầy và đoạn đường về phía bờ bắc hiện nay chính là đường phố Saint-Martin.

Dấu tích của những hầm mộ được khai quật vào năm 1971 ở xung quanh nhà thờ Đức Bà trên đảo Cité cho thấy dấu tích của một quá trình cư trú lâu dài của cư dân tại đây, từ những đoạn tường thành La Mã tới nền móng một tu viện lớn thời mérovingiens (tu viện Saint-étienne). Theo những tài liệu ghi lại thì tại địa điểm hiện nay là nhà thờ Saint-Germain-des-Prés vốn cũng có dấu tích của một tu viện do Childebert I (con trai cửa Clovis) xây dựng nên.

Vào thời Trung đại, nghệ thuật kiến trúc được xếp vào loại hàng đầu trong các ngành nghệ thuật. Bước sang thế kỷ XI, sau khi qua đi những nỗi khiếp sợ "tận thế vào năm chẵn ngàn", người ta bắt đầu xây dựng rất nhiều nhà thờ. Đây cũng là lúc Thiên chúa giáo chiếm vị trí độc tôn trong đời sống tinh thần của xã hội, nhiều dòng tu ra đời, nhiều cuộc "Thập tự chinh" rầm rộ, đã là nền móng cho sự ra đời của các loại hình kiến trúc tôn giáo mà nhiều kiệt tác còn tồn tại đến ngày nay. Giống như sự phát triển chung của nghệ thuật kiến trúc ở Pháp, kiến trúc Paris ở thời "thịnh kỳ trung cổ" (thế kỷ XII-XIII) được đánh dấu bởi hai phong cách: phong cách roman và phong cách gothique.

Kỹ thuật xây dựng điêu luyện của người La Mã mà tiêu biểu là việc xây dựng những vòm cuốn là cơ sở cho sự hình thành một phong cách kiến trúc riêng và có ảnh hưởng sâu rộng tại nhiều nước ở châu Âu.

Từ ngữ "roman" được nhà khảo cổ Charles Duhérissier de Gervilte dùng lần đầu vào năm 1818 khi trao đổi với nhà khảo cổ August Leprévost về những nghiên cứu khảo cổ học đối với thời trung cổ và ông đã chia thời kỳ này thành hai giai đoạn: "thời cuốn tròn" được gọi là "Kiểu roman" vì thừa hưởng kinh nghiệm xây dựng các cuốn tròn của người La Mã và "Kiểu vòm nhọn" (ogive) mà ông gọi là "Kiểu gothique".

THƯ VIỆN HUBT

Vào thời trước (thời carolingiens) các nhà thờ thường có bộ khung mái bằng gỗ và rất hay bị cháy do sét đánh nên từ thế kỷ X trở đi người ta đã tìm cách thay thế bằng các vòm đá và việc thay thế ấy đã đòi hỏi nhiều cải tiến trong việc xây dựng các bức tường chịu lực để có thể chịu được tải trọng lớn của mái kể cả sức đạp của vòm mái. Tường ngoài đã phải được gia cố thêm các trụ chống ốp bên ngoài, từ đó đã tạo cho phong cách kiến trúc roman một vẻ bền vững "chắc nịch" trên nền đất, các lỗ cửa thường chỉ mở rất nhỏ và không gian bên trong thường ít ánh sáng.

Trong khoảng thế kỷ X-XII các nhà thờ xây dựng theo kiểu roman thường có ba dạng vòm cuốn: vòm "quai dỏ" (loại vòm tròn được dãn rộng và tì trên các tường ngang), vòm cầu theo kiểu xây dựng của vùng byzantin và vòm gân do sự tiếp giáp của hai vòm quai dỏ. Kiến trúc roman có sự biến đổi ít nhiều qua các địa phương, nhưng vẫn giữ một phong cách chung là bền chắc cân đối và hài hòa với tỷ lệ con người. Ở Paris, công trình tu viện Saint-Germain-des-Prés là một công trình tiêu biểu của thời kỳ này.

Về địa bàn xây dựng, các nhà thờ roman thường nằm rải rác ở các vùng bên ngoài đô thị, gắn liền với các trung tâm tu viện. Vào khoảng thế kỷ XIII trở đi dân cư các đô thị đã phát triển nhiều hơn và các công trình tôn giáo tại đô thị cần có quy mô xây dựng lớn hơn, từ đó đã hình thành một phong cách kiến trúc nhà thờ mới: Kiến trúc Gothique.

Trong tiếng Pháp, từ "gothique" được sử dụng đầu tiên vào năm 1619, xuất phát từ tiếng la tinh "gothicus" với hàm ý để chỉ "thời Trung cổ" mà vào các thế kỷ XVII và XVIII khái niệm "thời Trung cổ" chưa được hiểu một cách đầy đủ với các giá trị thực sự của một thời kỳ phát triển văn hóa nghệ thuật như sự nhìn nhận của thời hiện đại. Từ thế kỷ XIX, gothique được dùng để chỉ kiểu kiến trúc "cuốn nhọn" (ogival) được phát triển mạnh mẽ từ thế kỷ XIII.

Việc xây dựng các nhà thờ gothique vẫn dùng vật liệu đá thiên nhiên và mặt bằng nhà thờ vẫn có dạng tiêu biểu với hai trục vuông góc. Nhờ kỹ thuật cấu tạo mái với cuốn hai chiều giao nhau nên mỗi gian mái được cấu tạo độc lập tương đối và được tì trên bốn trụ đỡ, tạo thành hệ chịu lực chủ yếu dựa trên cột, nên các bức tường có thể được mở lớn với cửa sổ rộng tăng khả năng chiếu sáng bên trong. Các trụ đỡ mái còn được gia cường bởi các cuốn phụ ở bên ngoài (các cuốn bay, còn gọi là vòm chống) giúp cho hệ cột có khả năng chịu sức đạp của mái. Giờ đây không gian kiến trúc trong nhà thờ không còn bị tối tăm như trước mà ngược lại những cửa sổ lớn lắp kính màu đã tạo cho không gian nhà thờ vừa cao rộng vừa lung linh huyền ảo. Đặc biệt là những cửa sổ tròn kiểu "hoa hồng" (rosace) có đường kính trên 10m với những hoa văn trang trí phong phú và phía trong cũng là những kính màu vừa là một trang trí đặc sắc cho mặt nhà bên ngoài vừa là lối vào của ánh sáng huyền ảo. Với hệ thống trụ chính, trụ phụ và các cuốn bay, người ta có cảm giác tâm hồn được bay lên cùng với những lời cầu nguyện theo những chiều cao "không có giới hạn"của không gian thánh đường.

THƯ VIỆN HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những tín đồ công giáo còn cho rằng những bộ phận cấu tạo nên ngôi nhà thờ đều có những ý nghĩa thiêng liêng, chẳng hạn: những viên đá vuông và nhẵn bóng tượng trưng cho bốn đức tính mà các thánh đã nêu gương cho các tín đồ, đó là khoan hòa, công tâm, quả cảm và cẩn trọng; các cửa kính màu ngăn cản gió mưa độc hại nhưng vẫn để cho ánh sáng xuyên qua đó là sự răn dạy con người hãy xa lánh những điều xấu; các tháp cao của nhà thờ chính là nơi truyền đi lời thuyết pháp của các giáo chủ...

Quá trình phát triển của kiến trúc gothique được coi là trải qua bốn thời kỳ: thời khởi đầu (1130 - 1230) lúc này cửa sổ hoa hồng còn được lồng trong các cuốn tròn, vòm mái tựa trên các mặt bằng vuông hoặc sáu cạnh; thời phát triển (1230 - 1300) cửa sổ tròn được lồng trong các cuốn nhọn, vòm mái tựa trên mặt bằng chữ nhật và cửa sổ được mở rộng hơn; thời gothique tỏa tia (thế kỷ XVI) các cột đỡ mái được cấu tạo bởi một nhóm trụ ghép lại, đầu trụ có trang trí hoa lá, mặt đứng có trang trí nhiều đường rãnh và đường gân, nhiều tượng nhô ra khỏi bờ mái; thời gothique rực lửa (thế kỷ XV) cửa sổ mở lớn, kính màu rực rỡ, các trang trí hết sức phong phú với nhiều đường cong, các triện tròn duyên dáng, gây ấn tượng của một thời kỳ những "đăng ten bằng đá". Những công trình kiến trúc gothique tiêu biểu ở Paris là nhà thờ Đức Bà và nhà thờ Sainte-Chapelle trên đảo Cité, nhà thờ Saint-Séverin và toà dinh thự Cluny.

Ở giai đoạn chuyển tiếp từ thời Trung cổ sang thời Cận đại với sự hình thành một cơ cấu xã nội mới (mầm mống của giai cấp tư sản lớn dần lên) đã làm cho tư tưởng nghệ thuật nói chung và nghệ thuật kiến trúc nói riêng đi tìm những con đường phát triển mới, từ đó đã xuất hiện một phong cách nghệ thuật mới: nghệ thuật thời Phục hưng. Lúc này công nghệ sản xuất đã có nhiều đổi mới, con người đã có những khả năng lớn hơn trong việc làm ra của cải vật chất và dường như có luồng ánh sáng khoa học giúp con người mở mang trí tuệ, tin vào sức mình nhiều hơn là tin vào sức mạnh thần bí của thời Trung cổ. Đó cũng chính là cơ sở cho sự ra đời của những quan điểm của chủ nghĩa nhân văn.

Phong trào văn nghệ Phục hưng nảy nở ở Ý trước tiên mà tiêu biểu là một nghệ thuật kiến trúc rất phát triển vào thế kỷ XV và thế kỷ XVI, đã có những ảnh hưởng sâu rộng ở nhiều nước Tây Âu. Tầng lớp tư sản mới ra đời gắn liền với những tiến bộ của khoa học

và công nghệ đã không thể chấp nhận những quan niệm thần bí của thời phong kiến hạ thấp giá trị con người, ngược lại nó đề cao sức mạnh của lý trí, ca ngợi năng lực sáng tạo của con người, và trong nền nghệ thuật này cái đẹp của con người luôn được đề cao. Phong trào này đã tìm được trong những tinh hoa của nghệ thuật cổ Hy Lạp và La Mã nhiều ý tưởng phù hợp với mình trong đó có việc đề cao cái đẹp của con người. Từ thế kỷ XV (cuối thời Trung cổ) ở Pháp đã phát triển tinh thần của nghệ thuật Phục hưng, đặc biệt là các địa phương phía nam gần với ý và đã đạt tới đỉnh cao vào thế kỷ XVI. Tại miền lưu vực sông Loire đã mọc lên vô vàn những lâu đài tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc thời Phục hưng như các lâu đài Chambord, Blois, Chenonceaux... Tại Paris nghệ thuật Phục hưng được biểu hiện trên các kiến trúc nhà thờ Saint-Eustache, Saint-Etienne-du-Mont, dinh thự Carnavalet, đài phun nước Innocents và đặc biệt là tại khu lâu đài Fontainebleau cách trung tâm Paris khoảng 60km về phía đông nam. Vốn là một nơi nghỉ ngơi và đi săn của vua chúa từ thế kỷ XIII với một lâu đài nhỏ do Louis IX xây dựng, đến thời Francois I (1494 - 1547) thì được phá đi để xây dựng lâu đài mới lớn hơn vào năm 1527 mang đặc trưng kiến trúc thời Phục hưng với nhiều trang trí nội thất do chính những nghệ sĩ ý thực hiện.

Vào cuối thời Phục hưng đã xuất hiện một xu hướng nghệ thuật thiên về những cảm giác mạnh mẽ và phóng túng với nhiều đường nét biến hóa bất ngờ, đó là nghệ thuật barôc (baroque), phát triển đầu tiên ở Ý vào lúc Thiên chúa giáo có những quan niệm quá khích đối với nghệ thuật. Xu hướng nghệ thuật này cũng tạo nên được nhiều công trình xa hoa tráng lệ, tạo cảm xúc mãnh liệt nhờ hiệu quả thị giác tương phản giữa thực và ảo hoặc sự tương phản mạnh mẽ giữa bóng tối và ánh sáng. Tuy thế phong cách nghệ thuật thiên về hình thức này không để lại nhiều dấu ấn trên kiến trúc Paris.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Sang thế kỷ XVII nước Pháp bước vào thời quân chủ chuyên chế với triều vua Louis XIII (nửa đầu thế kỷ) và tiếp theo là triều "vua vĩ đại" Louis XIV (nửa cuối thế kỷ), là một thời kỳ phát triển rực rỡ của chủ nghĩa cổ điển Pháp. Đây là lúc nền kinh tế có sự hưng thịnh cùng với một chính thể trung ương tập quyền và chuyên chế đã giúp cho nước Pháp có vai trò quan trọng nhất ở châu âu và cũng là một trung tâm về văn hóa nghệ thuật.

Triều vua Louis XIII đã để lại cho Paris nhiều kiến trúc hấp dẫn -

tiêu biểu là khu quảng trường Vosges với sự hài hòa của hai loại vật liệu gạch và đá cùng với hệ thống mái dốc bằng đá đen mang tên Mansart. Có lúc dưới thời Mazarin một số kiến trúc có màu sắc barôc do chịu ảnh hưởng của Tây Ban Nha. Một công trình gây nhiều ấn tượng vào khoảng giữa thế kỷ này là lâu đài Vaux-le-Vicomte được coi như "bản phác thảo sớm" cho tác phẩm hoàng gia, lâu đài Versailles về sau. Công trình này được coi là một kiệt tác của chủ nghĩa cổ điển Pháp.

Lâu đài Vaux-le-Vicomte do quan tổng giám sát Nicolas Fouquet dưới triều vua Louis XIV xây dựng, đã quá lộng lẫy và hấp dẫn khiến cho nhà vua ghen tức, dẫn tới việc Fouquet phải vào tù (bị buộc tội liên quan đến sự thiếu hụt tài chính của triều đình) và sau đó nhà vua đã xây dựng tòa lâu đài Versailles xa hoa lộng lẫy và lớn nhất châu Âu thời đó. Lâu đài nằm ở vị trí cách Paris hơn 20km về phía tây nam, là một kiệt tác của nghệ thuật kiến trúc và kiến trúc phong cảnh, đem lại niềm tự hào cho nghệ thuật "vườn kiểu Pháp".

Những kiến trúc tiêu biểu ở Paris vào thế kỷ XVII đã làm thành một danh sách rất dài: về cung điện ngoài Louvre là công trình có giá trị đặc biệt trải qua nhiều thế kỷ, người ta thường kể đến các cung điện Luxembourg, Hoàng cung, lâu đài Vincennes, toà nhà Invalides, Viện nước Pháp, các nhà thờ Val-de-Grâce, Saint-Gervais, Saint-Protais, nhà thờ của trường Sorbonne, các quảng trường Vosges, Vendôme...

Thế kỷ XVIII vẫn là thời kỳ ngự trị của chủ nghĩa cổ điển mà phần lớn thuộc triều vua Louis XV được đặc trưng bởi những kiến trúc tiêu biểu: Học viện Quân sự, nhà thờ Saint-Sulpice, dinh thự Rohan-Strasbourg, dinh thự Soubise và đặc biệt là điện Panthéon ở khu La tinh và quảng trường Concorde trên trục đại lộ Champs-élysées. Vào khoảng cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX có một số đổi 'mới trong chủ nghĩa cổ điển và được coi là thời Tân cổ điển (Néoclassisisme 1770 - 1830) với các công trình như cung điện Odéon, nhà hát Nước Pháp, dãy hành lang của Hoàng cung, kiến trúc các cây cầu Austerlitz và Léna.

Trong thế kỷ XIX, sau 30 năm đầu của thời Tân cổ điển là 50 năm của thời Chiết trung (éclectisme 1830 - 1880) với các công trình tiêu biểu như: nhà hát Opéra Garnier, Tòa thị chính, các nhà ga phía Đông và phía Bắc, các nhà thờ Sainte-Clotilde, Saint-Eugène, Saint-Augustin, La Trinité, Sacré-Coeur ở Montmartre... Vào khoảng

giữa thế kỷ XIX không gian kiến trúc đô thị Paris có sự đổi mới rất cơ bản với kế hoạch chỉnh trang lớn dưới sự lãnh đạo của Haussmann (1853 - 1870).

Cuối thế kỷ XIX và sang thế kỷ XX, cùng với sự xuất hiện của các loại vật liệu xây dựng mới (kim loại, bê tông, kính xây dựng...) là một thời kỳ mới của Kiến trúc hiện đại với sự mở đường của các kiến trúc rất đặc sắc như tháp Eiffel và gian trưng bày cơ khí tại kỳ triển lãm quốc tế vào năm 1889, các nhà ga đồ sộ Orsay, Lyon, nhà bách hóa cực lớn Lafayette, các Lâu đài Lớn và Lâu đài Nhỏ, các cây cầu Alexandre III và Mirabeau... Các công trình bê tông đầu tiên do Perret thiết kế và xây dựng vào đầu thế kỷ XX gây được ấn tượng thẩm mỹ cao là tòa nhà ở số 25 bis phố Franklin (1903) và nhà hát Champs-élysées (1910 - 13). Cũng trong những thập kỷ đầu của thế kỷ này, một xu hướng Nghệ thuật mới (Art nouveau) với việc dùng phổ biến kim loại uốn cong vào trang trí kiến trúc có lúc đã nở rộ trong việc xây dựng hàng loạt cửa đi xuống các ga xe điện ngầm, theo thiết kế của Hector Guimard.

Việc khai thác các loại vật liệu mới và công nghệ xây dựng mới đã dẫn tới những cách tân đáng kể trong quan niệm thẩm mỹ kiến trúc ở Hnửa đầu thế kỷ XX. Các trang trí rườm rà ngày càng bớt đi, cái đẹp của kiến trúc được khai thác từ bản thân các hình khối, các mặt phẳng, ánh sáng và bóng tối, các chất liệu mới, sự gắn kết với thiên nhiên... Những quan niệm mới về thẩm mỹ kiến trúc và công năng kiến trúc mà Le Corbusier đi tiên phong đã để lại nhiều dấu ấn trong các kiến trúc mới của thời kỳ này mà có người coi là một "phong cách quốc tế".

Vào những năm trước Chiến tranh thế giới II, kiến trúc Paris được ghi dấu bởi những công trình như: các tòa nhà ở đại lộ Rapp và trên phố Vavin, cửa hàng Samaritaine, ngôi nhà của Tristan Tzara (đại lộ Junot), tòa nhà kính phố Saint-Guillaume, lâu đài Chaillot, ngôi nhà Thụy Sĩ trong cư xá đại học...

Từ giữa thế kỷ XX trở đi, sau khi chiến tranh kết thúc, cũng là một thời xây dựng sôi động ở Paris. Lúc này, giống như tình hình chung của nhiều nước phương tây sau chiến tranh, nhiều công trình dạng tháp mọc lên ở xung quanh Paris và ngay cả trong Paris, đó là khu nhà cao tầng Front de Seine, nhà tháp Montparnasse và các cao ốc thuộc trung tâm mới La Défense. Các công trình này đã phần nào "khuấy động bầu trời yên ả" của Paris từ nhiều thế kỷ trước.

THƯ VIỆN HUBT

Nửa cuối thế kỷ XX cũng là thời kỳ mọc lên nhiều công trình có tầm cỡ lớn và được sự quan tâm trực tiếp của các vị tổng thống, và đó cũng là dịp đua tài của nhiều kiến trúc sư của nước Pháp cũng như của nhiều nước khác. Sau đây là bảng liệt kê các dự án lớn đó cùng với thời gian tiến hành và các kiến trúc sư tác giả đồ án, những tình tiết khác có liên quan đến các công trình này sẽ được nói tới ở các mục sau.

Tên công trình	Thời gian		Kiến trúc sư
	Quyết định hoặc khởi công	Khánh thành	
Trung tâm văn hóa Beaubourg	1969	1977	Piano và Rogers
Bảo tàng Orsay	1979 - 82	1986	Bardon. Gae
Công viên Khoa học La Villette			Aulenti
Trong đó gồm:		1986	Fainsilber
Gian khoa học		1984	Chai, Morel
Nhà Zénith		1989	Tshumi
Vườn giải trí		1990	Portzamparc
Gian âm nhạc			
Viện thế giới A-rap	1974	1987	J. Nouvel
Bộ Tài chính	1981	1989	P.Chemetov
Nhà hát Bastille	1981 - 84	1989	C.Ott
Cổng lớn La Défense	1983	1989	Von Spreckelsen
Tôn tạo bảo tàng Louvre	1983 - 83	1 993	I. M. Pei
Thư viện lớn nước Pháp	1991	1996	D. Peraùlt
Trung tâm hội nghị Quốc tế	1991	1995	F. Soler

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thời kỳ	Tên công trình	Thời gian (thế kỷ/năm)	Sử dụng hiện nay
La Mã	Đấu trường Lutèce	II	
	Nhà tắm công cộng Cluny	II	
	Di tích vòng thành TK III	III	
	Di tích nhà thờ St-Étienne		
Trung cổ	Nhà thờ St-G-des-prés	XI	Tòa án Bảo tàng nghệ thuật
	Nhà thờ St.Julien-le-pauvre	XII	
	Pháo đài Louvre	XII	
	Nhà thờ Đức Bà Paris	1160 - 1245	
	Nhà thờ St-séverin	XII	
	Nhà thờ St-g-l'auxerrois	XIII	
	Nhà thờ Ste-chapelle	1245 - 1248	
	Tu viện St-Martin-des-champs	XIII	
	Tòa Công lý	XIV	
	Tòa Conciergerie	XIV	
	Dinh Cluny	XV	
Phục hưng	Tháp St-jacques	XVI	Bảo tàng lịch sử Paris
	Nhà thà St-eustache	1532 và 1754	
	Nhà thờ St-médard	XV - XVI	
	Nhà thờ St-Etienne-du-mont	1521 - 1545	
	Dinh Carnavatet	1548 - 1568	
	Vòi phun Innocént	1550	
	Cầu Mới	1578 - 1604	
Cận đại	Nhà thờ St-Gervais-st-protais	XVII	Bảo tàng quốc gia
	Nhà thờ Sorbonne	1635 - 1653	
	Nhà thờ Val-de-grâce	1645 - 1665	
	Lâu đài Louvre	XVII	

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Thời kỳ	Tên công trình	Thời gian (thế kỷ/năm)	Sử dụng hiện nay
	Lâu đài Luxembourg	1613 - 1620	Nghị viện
	Quảng trường Vosges	1605	
	Quảng trường Oauphine	1608	
	Dinh Sully	1624 - 1630	
	Nhà thờ St-paul-st-louis	1630 - 1640	Hội đồng nhà nước
	Hoàng cung	1632 và 1789	
	Dinh Lambert	1640	
	Dinh Aumont	1648	
	Dinh Lauzun	1650 - 1658	
	Nhà thờ St-roch	1653	
	Dinh Beauvais	1667	
	Viện nước Pháp	1663 - 1688	Viện Hàn lâm
	Tòa thiên văn	1667 - 1672	
	Quảng trưởng Victoire	1685	
	Dinh Le Peletier	1686	Bảo tàng Cama-valet
	Tòa Invalides	1671 - 1676	Bảo tàng quân đội có mộ Na-poléon I
	Nhà thờ St-sulpice	1670 - 1675	
	Cổng St-denis	1672	
	Cổng St-martin	1674	
	Quảng trường Vendôme	1702	
	Dinh Rohan	1705 - 1708	Lưu trữ quốc gia
	Lâu đài Elysées	1718	Dinh Tổng thống
	Lâu đài Bourbon	1722	Quốc học
	Lâu đài Soubise	1705 - 1709	Dinh Thủ tướng
	Lâu đài Matignon	1721	
	Học viện Quân sự	1750 - 1788	
	Lâu đài Monnaie	1768 - 1775	Bảo tàng
	Điện Panthéon	1789	Mộ vĩ nhân
	Quảng trường Concorde	1754 - 1763	
	Nhà hát Odéon	1779 - 1782	Nhà hát nước Pháp

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

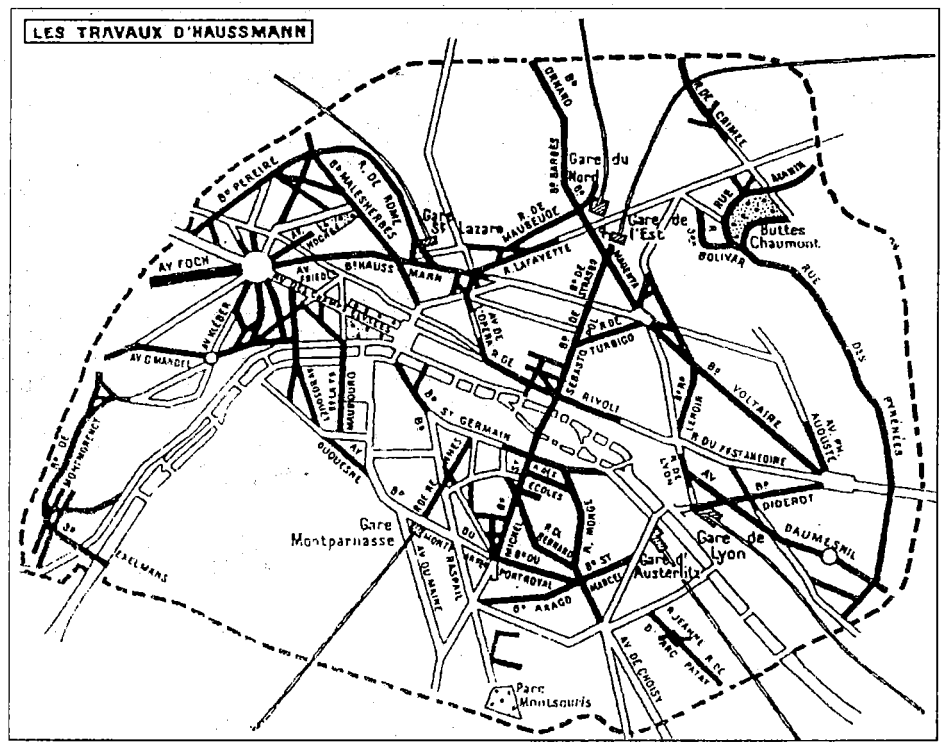
Thời kỳ	Tên công trình	Thời gian (thế kỷ/năm)	Sử dụng hiện nay
Hiện đại	Khải hoàn môn Ngôi sao	1806 - 1838	Mộ lính vô danh
	Khải hoàn môn Carrousel	1806 - 1808	
	Cột biểu Vendôme	1806 - 1810	
	Nhà thờ Medeleine	1806 - 1842	
	Trụ sở chứng khoán	1808 - 1825	
	Nhà thờ chuộc tội	1816 - 1821	
	Cột biểu Juillet	1831 - 1840	
	Thư viện St-Geneviève	1843 - 1850	
	Thư viện Quốc gia	1868	
	Nhà hát Opéra	1862 - 1875	
	Nhà thờ Sacré - Coeur	1876 - 1919	Hội đồng thành phố
	Tòa Thị chính	1874 - 1882	Đại học Paris
	Lâu đài Sorbonne	1885 - 1901	Bảo tàng y phục
	Lâu đài Galliera	1878 - 1898	
	Tháp Eiffel	1889	
	Cầu Alexandre III	1895 - 1900	Triển lăm nghệ thuật
	Lâu đài lớn, Lâu đài nhỏ	1897 - 1900	
	Nhà hát Champs-Élysées	1910 - 1913	
	Bảo tàng thuộc địa	1930	
	Lâu đài Chaillot	1933 - 1937	Bảo tàng Con người
	Cầu Carrousel	1935 - 1939	Bảo tàng hàng hải
	Lâu đài nghệ thuật hiện đại	1937	
	Trụ sở UNESCO	1958	
	Trụ sở ORTF	1962	Bảo tàng truyền thanh
	Nhà tháp Maine-montparnasse	1969 - 1972	
	Trung tâm văn hóa Pompidòu	1969 - 1977	
	Forum des Halles	1979	
	Bảo tàng Orsay	1979 - 1986	

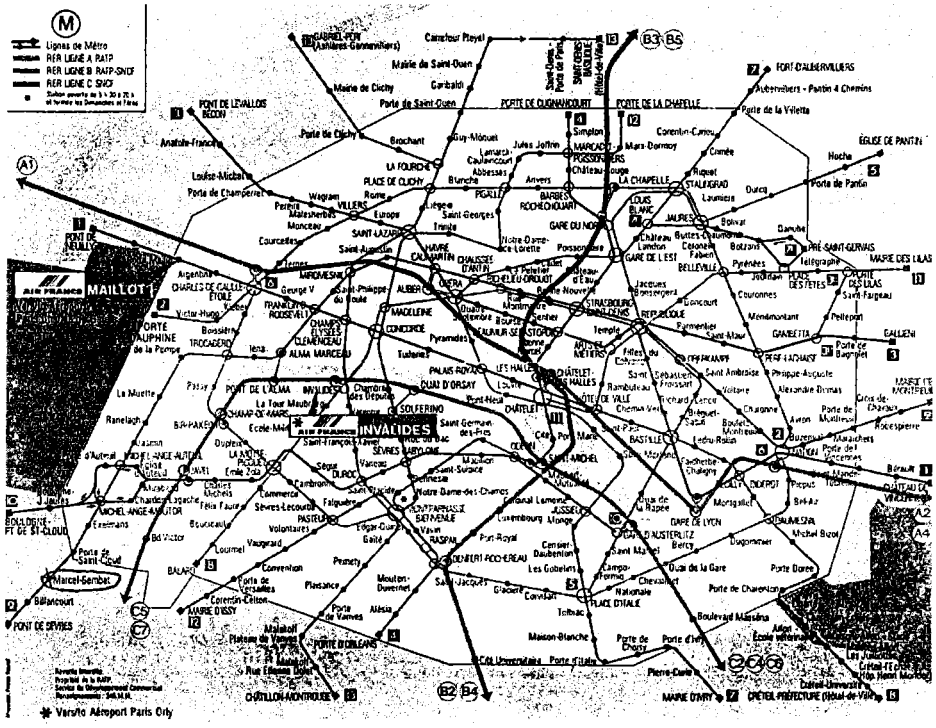
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU KHẢO NỘI BỘ

Thời kỳ	Tên công trình	Thời gian (thế kỷ/năm)	Sử dụng hiện nay
	Công viên khoa học La Villette	1982 - 1986	
	Viện thế giới A´rap	1974 - 1987	
	Bộ Tài chính	1981 - 1989	
	Nhà hát Bastille	1984 - 1989	
	Cổng lớn Défense	1984 - 1989	
	Tháp thủy tinh Lòuvre	1983 - 1988	
	Trung tâm Hội nghị Quốc tế	1991 - 1995	
	Thư viện lớn nước Pháp	1991 - 1996	

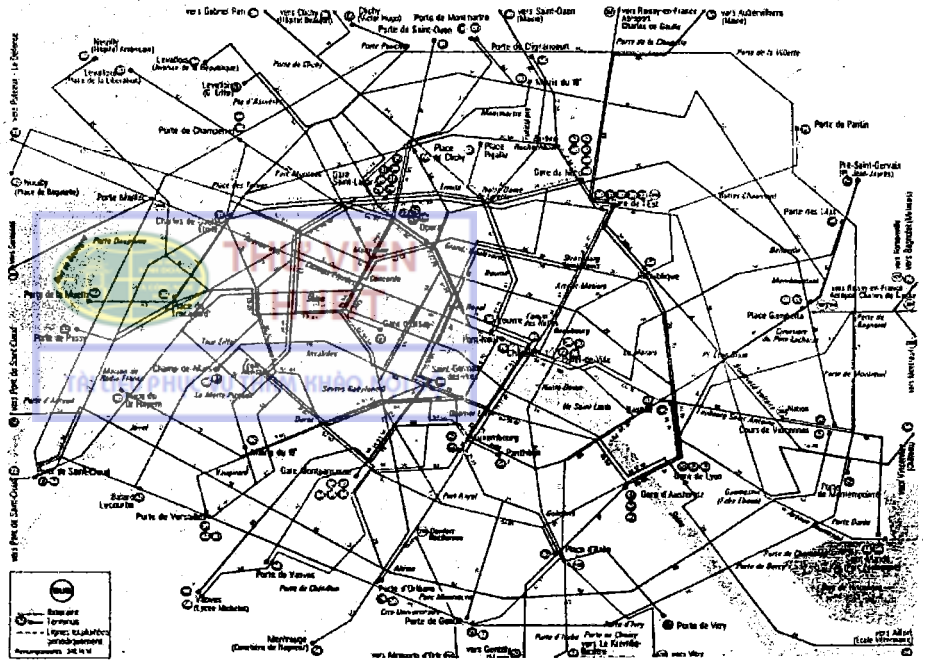


Paris thời cách mạng

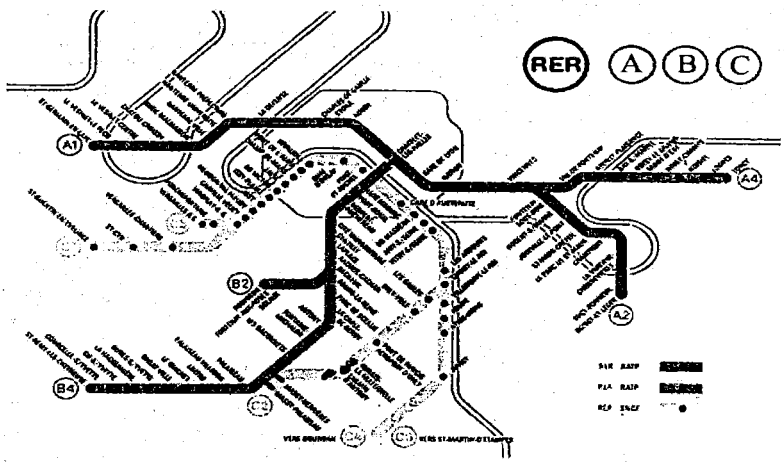

LES TRAVAUX D'HAUSSMANN
Gare du Nord
Gare de l'Est
Buttes Chaumont
Gare St Lazare
Gare Montparnasse
Gare d'Austerlitz
Gare de Lyon
Parc Montsouris
AV FOCH
AV D'IENA
AV KLEBER
AV D'ORLEANS
BD MONTPARNASSE
BD ST GERMAIN
RIVOLI
BD VOLTAIRE
BD DIDEROT
BD ST MICHEL
BD ST
PONT ROYAL
PONT D'AUSTERLITZ
PONT MARIE
PONT NEUF
PONT AU CHANGE
PONT D'ARCOLE
PONT DE SULLY
PONT MIRABEAU
PONT DE BIR HAKEIM
PONT DE GRENELLE
PONT DE BERCY
PONT DE LA CONCORDE
PONT DE L'ALMA
PONT DE L'ALMA
PONT DE L'ALMA



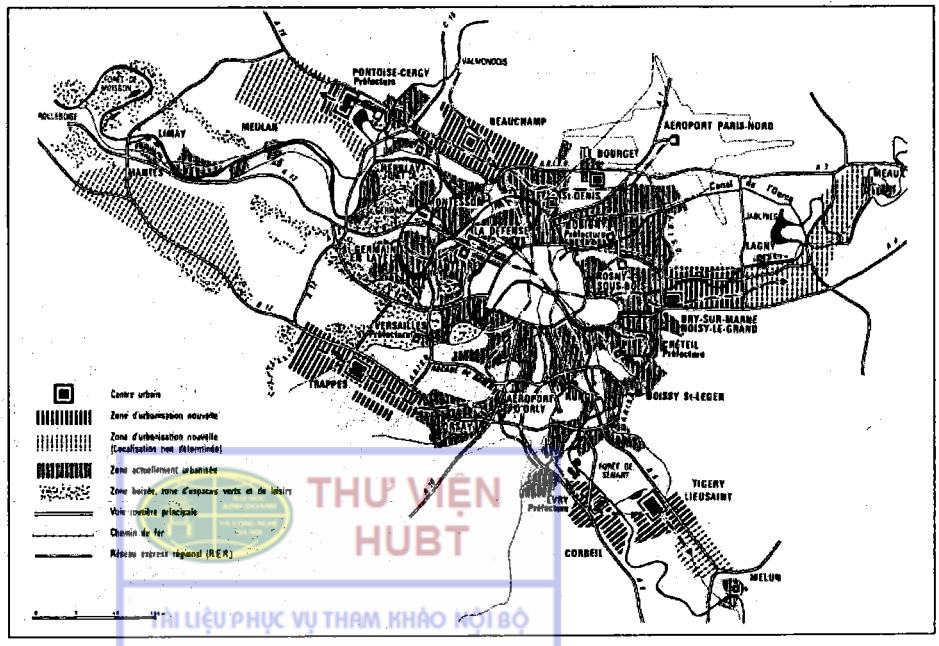
Sự liên kết các tuyến tốc hành địa phương và các tuyến metro



Mạng lưới xe ô tô buýt



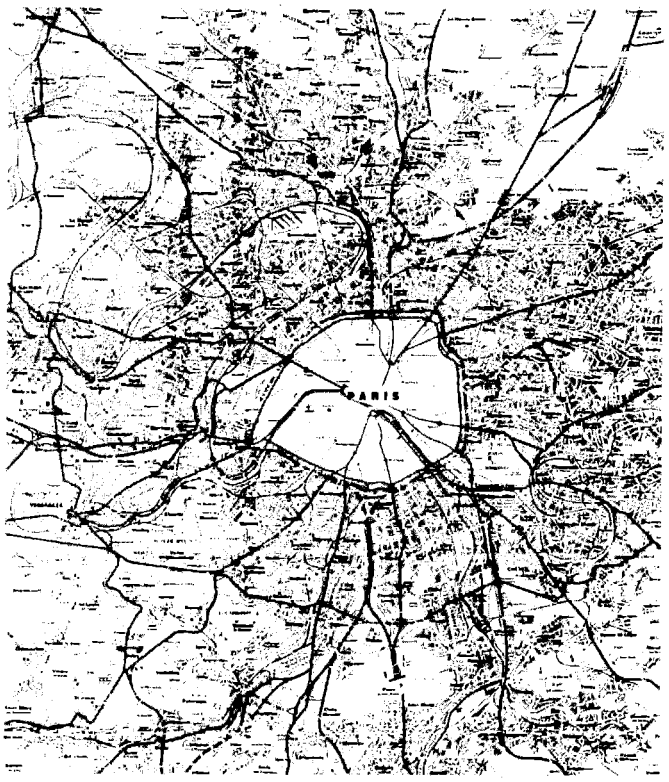
Sự liên kết ba tuyến tốc hành vùng Paris cùng những trạm đỗ



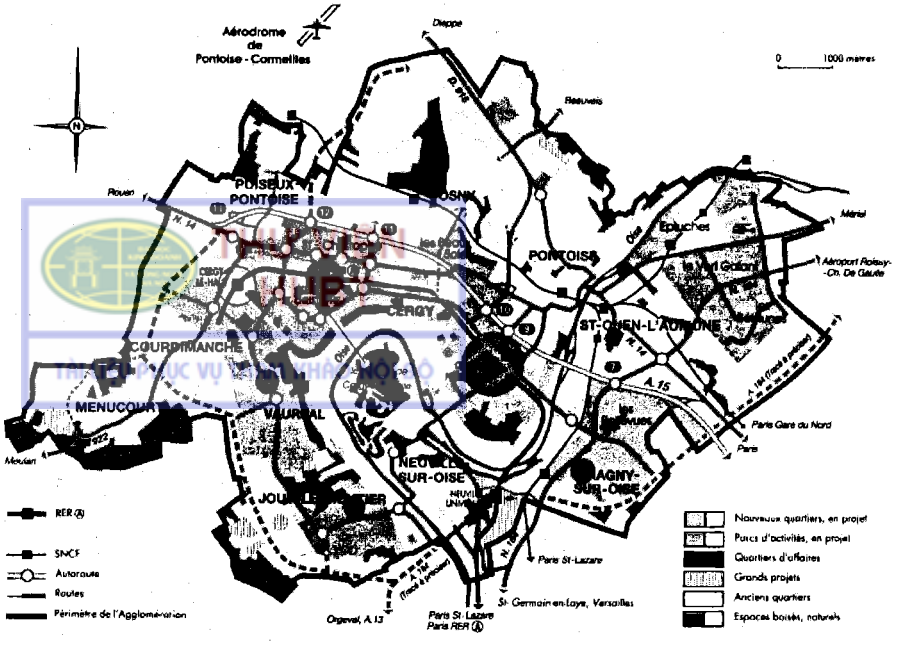
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Định hướng phát triển vùng Paris

1. *Trung tâm đô thị*
2. *Vùng đô thị hóa xác định*
3. *Vùng đô thị hóa chưa xác định*
4. *Đất đã xây dựng đô thị*
5. *Đất rừng, cây xanh, nghỉ ngơi*
6. *Đường ô tô*
7. *Đường sắt*
8. *Giao thông nhanh toàn vùng*



Paris
ngoại thành



Quy hoạch Cergy - Pontoise một thành phố mới trong vùng Paris

4. Lâu đài - Bảo tàng Lourve nhân chứng lịch sử 800 năm

Hiếm có ở đâu một công trình được gắn bó liên tục với quá trình hình thành và phát triển của một thủ đô tới tám thế kỷ như trường hợp công trình Louvre đối với thủ đô Paris. Đó cũng là một quá trình tồn tại nhưng không ngừng đổi mới và phát triển, đặc biệt là từ thế kỷ XIV khi Louvre được chuyển thành nơi ở của vua (1360). Trong suốt quá trình đó các triều vua đều tiến hành tu sửa, mở rộng, xây dựng thêm... và con số các kiến trúc sư có đóng góp lớn vào công trình lịch sử này, tính đến người gần đây nhất được ghi vào lịch sử phát triển của Louvre là Ieoh-Ming-Pei thì đã lên tới 20 người. Các giai đoạn phát triển chủ yếu của lâu đài cổ kính này trong mối tương quan với quá trình phát triển các vòng thành của Paris cổ được thể hiện như sau:

**** Thời Trung cổ***

Nơi đây vào thời Trung cổ dưới triều vua Philippe Auguste (1180 - 1223) mới chỉ là một pháo đài nằm ở bờ bắc sông Seine để bảo vệ mặt phía tây của đô thị, công trình được xây dựng trong 20 năm (1190 - 1210) trước khi nhà vua đi vào những cuộc thập tự chinh. Pháo đài có mặt bằng gần vuông (70 × 77m) tức là diện tích vào khoảng một phần tư diện tích của sân Vuông của Louvre hiện nay. Vào lúc đầu xây dựng này, pháo đài còn nằm ngoài vòng thành do vua Philippe-Auguste thiết lập nên cùng vào thời gian này. Vòng thành bao bọc cả phần đất phía bờ bắc và bờ nam sông Seine, phía bờ bắc có 5 cửa thành với 40 tháp canh, phía bờ nam có 6 cửa thành với 30 tháp canh. Gọi là tháp canh nhưng không phải như một chòi canh đơn giản mà có thể là một cụm tháp nhiều tầng, mặt bằng tròn bên trên là mái chóp nhọn.

THƯ VIỆN
HUBT

Cấu trúc của pháo đài dựa trên một mặt bằng rất cân xứng, chính giữa tâm của hình vuông là một tháp vọng lâu hình tròn cao 32m (bằng ngôi nhà 10 tầng hiện nay), xung quanh có hào nước cũng hình tròn và vây kín bên ngoài theo hình vuông là các nhà canh có các tháp tròn ở các góc và ở giữa mỗi cạnh hình vuông. Cạnh phía đông của pháo đài giáp với bức tường thành Philippe - Auguste có một cổng lớn và bao bọc bên ngoài là một hào rộng có nước thông với sông Seine. Pháo đài và vọng lâu đã trở thành biểu tượng sức mạnh của nhà vua tuy hoàng gia vẫn cư trú trên đảo Cité nhưng nhiều của cải quí báu đã được cất giữ trong pháo đài.

Đến thời vua Charles V (1364 - 1380) người ta nhận thức ra rằng việc cư ngụ của hoàng gia trên đảo Cité có thể có lúc rơi vào thế bị bao vây nên đã nghĩ tới việc tìm những nơi khác làm chỗ ở của hoàng gia dễ bảo vệ hơn và có thể dễ tháo lui khi có biến cố. Từ đó đã hình thành nên một số nơi ở khác của hoàng gia trong đó có pháo đài Louvre và một số nơi khác (dinh Saint - Pol, lâu đài Tournelles, lâu đài Vincennes). Cũng vào thời này nhà vua đã cho xây dựng nhà ngục Bastille, hoàn thành công trình Vincennes và biến cải pháo đài Louvre thành một nơi ở có tiện nghi.

Đô thị ngày càng phình to và vòng thành xây dựng thời Philippe Auguste trở thành chật hẹp vì thế vào thời Charles V đã được phá đi từng phần và một vòng thành mới được xây dựng rộng hơn với 28 tháp canh, xuất phát từ tháp Coin, dọc theo sông Seine tới tháp Bois, tuyến thành được đổi hướng vượt qua chỗ quảng trường Carrousel hiện nay và đi theo hướng bờ bắc của sông Seine. Đối với vòng thành cũ thì Louvre còn nằm bên ngoài với chức năng phòng thủ nhưng với vòng thành mới thì Louvre đã nằm vào bên trong đô thị, chức năng phòng thủ mất đi mà đã trở thành một nơi ở của hoàng gia, có vườn tược và đài phun nước, có chuồng nuôi thú... Pháo đài cũng từng là nơi cất giữ một kho sách của nhà vua với trên một nghìn cuốn, được coi là một thư viện rất phong phú của thời đó.

Charles V mất vào năm 1380, sang thời vua Charles VI thì Louvre đi vào một thời kỳ xuống cấp kéo dài khoảng một thế kỷ rưỡi. Vào nửa đầu thế kỷ XV nước Pháp bị chia xẻ bởi cuộc nội chiến và của nạn ngoại xâm. Vào năm 1420 quân Anh chiếm đóng và quận công Anh Bedford đã chiếm cứ Louvre. Sau đó vào thời Valois (từ Charles VII tới Francois I) nhà vua đóng ở sông Loire nhiều hơn và khi ở Paris thì cũng chỉ đến ở tại lâu đài Tournelles.

THƯ VIỆN HUIRT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Chỉ sang tới giữa thế kỷ XVI, vào thời Phục hưng, vua Francois I (1515 - 47) vốn là người ham thích xây dựng (ông đã xây dựng các lâu đài Fontainebleau, Villiers - Cotterêts, Chambord) đã chú ý phục hồi Louvre để tạo thành nơi ở của hoàng gia và tạo ra một bước phát triển mới cho lâu đài này. Năm 1546 vua giao trọng trách này cho nhà kiến trúc cung đình Pierre Lescot và ông đã làm cho lâu đài này huy hoàng hơn xưa - Các dấu vết xây dựng vào trước thời Francois I hầu như không còn gì (trừ nền móng của tháp vọng lâu thời Philippe - Auguste).

Lescot bắt đầu phát triển cánh nhà phía tây (cũng thường được gọi là cánh nhà Lescot) bao gồm phần phía tây và một nửa phần phía nam của sân Vuông. Công trình có 3 phần nhô ra tạo nên một sự cân xứng và bề thế với rất nhiều tượng trang trí của Jean Goujon. Công trình kiến trúc và điêu khắc mang phong cách Phục hưng với nhiều ảnh hưởng của Italia. Cho đến năm Francois I qua đời (1547) công trình mới hoàn thành phần căn bản - Vua Henri II (1547 - 59) đã tiếp tục sự nghiệp của vua cha và đã hoàn thành cánh nhà phía tây của sân Vuông và chữ H mà ngày nay ta thấy trên hình trang trí của mặt trước chính là để ghi dấu tên của vua. Ngoài ra còn có chữ C và D là tên của hoàng hậu Catherine de Médicis.

Các vua đời sau tiếp tục công cuộc xây dựng Louvre với cánh nhà phía nam được hoàn thành vào đời vua Henri IV và trên hình trang trí của mặt nhà có chữ HDB là viết tắt của Henri de Bourbon tức Henri IV. Ở chỗ giao tiếp giữa hai cánh nhà chính là bộ phận dành cho vua, bộ phận công trình chế ngự trên tổng thể này (hoàn thành dưới thời Henri II).

Sau ngày Henri II qua đời, hoàng hậu Catherine-de-Médicis đã phá bỏ lâu đài Tournelles để trở về ở tại Louvre nhưng rồi nơi này cũng không được bà ưa thích nên đã quyết định xây dựng một toà lâu đài mới nằm ở phía tây của Louvre, đó là lâu đài Tuileries dự định sẽ được liên kết với Louvre bằng những hành lang có mái che. Công trình được khởi công năm 1564 dưới triều vua Charles IX (1560 - 74), có giai đoạn bị ngừng trệ nên đến cuối thế kỷ XVI mới thực sự hoàn thành bao gồm cả các hành lang nối với Louvre.

**** Thời cận đại***

Sang thế kỷ XVII dưới thời vua Louis XIII (1610 - 43) khuôn viên của Louvre đã được mở rộng gấp bốn lần, đánh dấu một bước phát triển đáng kể của lâu đài này. Công việc mở mang này do kiến trúc sư Lemercier phụ trách, đoạn nhà phía bắc thời Charles VI được phá đi cùng với tháp vọng lâu dùng âm thư viện trước, một cánh nhà mới được xây dựng phù hợp với kiến trúc cũ của Pierre Lescot. Tòa nhà mạng tên tòa Horloge hoặc toà Sully, được hoàn thành vào thời Louis XIV. Trong những trang trí của toà nhà này có chữ L và A là viết tắt của Louis XIII và Anne d'Autriche và L và M là của Louis XIV và Marie - Thérèse.

Năm 1643 vua Louis XIII qua đời thì hoàng gia chuyển sang ở tại lâu đài Cardinal (tức Hoàng cung ngày nay) và đến năm 1652 (Louis

XIV được 14 tuổi) mới trở lại Louvre. Năm 1661 tể tướng Mazarin qua đời, Louis XIV thực sự nắm quyền và có kế hoạch lớn tiếp tục phát triển lâu đài này. Các nghệ sĩ lớn đã được triệu tập về đây để chăm lo công việc này, đó là Le Vau, Le Brun, Mansart, Le Nôtre, Perrault...

Nhiệm vụ đặt ra cho Le Vau là phát triển các cánh nhà của ba mặt còn lại của sân Vuông để tạo nên một tổng thể khép kín bao quanh sân Vuông. Thực hiện công việc này Le Vau đã phải phá đi khá nhiều nhà cũ trong đó có nhiều dinh thự quan trọng. Công việc xây dựng được thực hiện trong khoảng 1659 - 1664 và mang phong cách kiến trúc cổ điển Pháp, mặt chính và lối vào chính của tổng thể kiến trúc này được mở về phía đông, trông sang nhà thờ Saint-Germain-l'Auxerrois. Kiến trúc mặt nhà này được quyết định vào năm 1667 theo phương án của Le Vau, Le Brun và Perrault và sau đó mặt nhà phía nam cũng được hoàn thiện với một hàng cột nhìn ra sông Seine, mặt này có độ cao lớn hơn ba mặt kia là do cánh nhà này chính là nơi ngự của vua.

Đồng thời với việc hoàn thiện công trình bao quanh sân Vuông thì về mặt phía tây cũng được hoàn thiện thêm với một vườn cảnh đẹp theo thiết kế của Le Nôtre. Nhưng rồi sau đó công việc chỉnh trang Louvre bị ngừng trệ do nhà vua bị thu hút về một công trình mới ở bên ngoài Paris, đó là lâu đài Versailles. Triều đình và hoàng gia đã chuyển tới Versailles vào năm 1678, lúc này cánh phía bắc của sân Vuông vẫn chưa được hoàn thiện. Lâu đài Louvre trở thành nơi tập hợp các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ đặc biệt là giới nghệ thuật tạo hình (hội họa, điêu khắc, kiến trúc), tại đây họ trao đổi về nghệ thuật và tổ chức các phòng trưng bày. Tuy nhiên những hoạt động ở đây không được tổ chức chặt chẽ, nhiều hàng quán mọc lên ngay tại sân Vuông đã làm cho Louvre rơi vào một tình trạng rất hỗn tạp. Có lúc vào thế kỷ XVIII (thời Louis XV), việc chi tiêu quá xa hoa của triều đình đã dẫn tới tình trạng tài chính của triều đình gần như khánh kiệt, người ta đã nghĩ tới chuyện bán và phá dỡ tòa lâu đài này đi để có tiền bù đắp cho những thiếu hụt, may mà hầu tước Marigny đã kịp thời cứu vãn được tình hình, ông đã cho dọn dẹp hết những tình hình lộn xộn trong lâu đài, tuy nhiên từ 1774 trở đi cho tới thời cách mạng 1789 thì công việc chỉnh trang Louvre đã bị ngưng trệ hoàn toàn.

**** Thời hiện đại***

Từ giữa thế kỷ XVIII, đã có ý tưởng trưng bày các bộ tranh sưu

tập của hoàng gia cho công chúng vào xem tự do nhưng không được các vua chấp thuận. Phải tới năm 1793 sau khi nền Cộng hoà thứ I được công bố thì mới có quyết định tổ chức một bảo tàng nghệ thuật tại Louvre, nhưng cũng chỉ mới là một bảo tàng tạm thời chiếm một phần cánh nhà phía nam và cũng mới chỉ trưng bày một phần của bộ sưu tập. Trong thời cách mạng và nhất là trong thời đế chế với những chiến lợi phẩm qua các cuộc chiến tranh chinh phục, bộ sưu tập bảo tàng đã được bổ sung thêm nhiều và từ năm 1803 bảo tàng được mang tên Napoléon và đã là bảo tàng thuộc loại quí giá nhất của thế giới.

Vào đầu thế kỷ XIX, Louvre đã được liên kết với lâu đài Tuileries ở cánh phía nam giáp với bờ sông Seine (cánh nhà Flore) nhưng về phía bắc thì mới có một phần cánh nhà Marsan và quần thể công trình chưa được khép kín như ý mong muốn của Henri IV. Ý tưởng này phải đến năm 1866 dưới thời Napoléon III (1852 - 1870) mới được kiến trúc sư Visconti người ý thực hiện.

Vụ hỏa hoạn lâu đài Tuilerirs vào nam 1871 cũng gây cho Louvre nhiều hư hại: một vạn cuốn sách tại thư viện của Louvre đã bị thiêu huỷ. Mười năm sau thì đống đổ nát của lâu đài Tuileries được dọn di.

Một công trình vốn là một pháo đài rồi là một lâu đài của hoàng gia được chuyển thành một bảo tàng của thời hiện tại đã đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu. Cho đến thời gian trước khi có kế hoạch tôn tạo lớn vào những năm 80 do I.M.Pei thực hiện thi cấu trúc của toà lâu đài cổ này bao gồm ba ngôi nhà lớn gắn kết với nhau theo hình U nằm ngang mà trung tâm là sân long trọng Napoléon được mở thoáng về phía tây. Ba ngôi nhà không phải được hình thành cùng một lúc mà là sự phát triển dần theo thời gian, bắt đầu từ lâu đài Sully ở phía đông nằm trên trục chính sân Napoléon (lâu đài này được hình thành trên cánh phía tây của pháo đài cũ), tiếp đến là lâu đài Denon ở cạnh phía nam sân Napoléon giáp với sông Seine và cuối cùng là cánh nhà lâu đài Richelieu ở phía bắc.

Lâu đài Sully được coi là bước khởi đầu của quá trình phát triển từ pháo đài cổ để trở thành tổng thể lâu đài Louvre. Việc khai quật khảo cổ học tại vị trí pháo đài cổ đã cung cấp những tư liệu rất giá trị nói lên quá trình hình thành Louvre cũng như bước khởi đầu của thủ đô Paris, được chỉnh trang và trở thành một bộ phận quan trọng của bảo tàng Louvre được đông đảo khách tới thăm rất quan tâm.

Lâu đài Sully bao bọc xung quanh "Sân Vuông", được dùng làm nơi ở của hoàng gia vào cuối thế kỷ XIV và có quá trình cải tạo lớn vào thế kỷ XVI theo kiến trúc thời Phục hưng (do KTS Pierre Lescot). Lâu đài Denon nằm trong quá trình phát triển của Louvre về phía Tuileries, dọc theo bờ sông Seine ở phía nam sân Napoléon, được xây dựng trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XVI tới giữa thế kỷ XVII và tiếp đó còn được bổ sung hoàn thiện trong nhiều thế kỷ sau. Công trình quây kín hình chữ nhật tạo thành hai sân lớn và một sân nhỏ ở bên trong, có một trục chính và long trọng từ sảnh trông ra sân Napoléon được gắn kết với một gian trưng bày lớn.

Lâu đài Richelieu được xây dựng vào giữa thế kỷ XIX góp phần khép kín mặt bắc của sân Napoléon, vốn được xây dựng để tạo chỗ làm việc cho một số cơ quan nên không gian bị chia cắt thành những phòng nhỏ. Bộ Tài chính đã đặt trụ sở tại toà nhà này trong suốt thời gian từ 1871 đến 1989 trước khi được chuyển tới trụ sở mới ở Bercy và toà nhà được chuyển toàn bộ cho bảo tàng Louvre.

Mặc dù trong quá trình phát triển tổng thể lâu đài đã qua nhiều đợt tu sửa và nâng cấp nhưng với nguồn gốc ban đầu là pháo đài và lâu đài hoàng gia, Louvre đã không thể đáp ứng được những yêu cầu của một bảo tàng hiện đại với những phương tiện mới về bảo tồn, phục chế cũng như những yêu cầu đa dạng của khách đến thăm, không chỉ là du lịch mà còn là nghiên cứu học hỏi. Cấu trúc cũ của bảo tàng bị rải ra trên một tuyến đi quá dài và có phần ngoắt ngoéo khiến cho khách tham quan rất khó định hướng và điều đặc biệt quan trọng là thiếu những không gian phụ trợ để tạo cho bảo tàng có một "hậu trường" tương xứng với quy mô các hiện vật trưng bày cũng như với số lượng khách đến thăm ngày càng tăng lên.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tổng thống nước Cộng hoà Pháp Francois Mitterrand ra quyết định dùng toàn bộ lâu đài Louvre cho bảo tàng vào ngày 24/09/1981 và sau đó gần 2 năm ông đã quyết định chọn kiến trúc sư leo-Ming-Pei, người Mỹ gốc Trung Hoa phụ trách dự án chỉnh trang và tôn tạo bảo tàng này. Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn vì nó nằm ngay giữa trung tâm của một đô thị cổ kính và có truyền thống văn hoá lâu đời nên mọi sự "can thiệp" vào môi trường văn hoá đó đều rất dễ gây nên những "dị ứng". Kiến trúc sư I.M.Pei đã một lần nữa chứng tỏ tài năng của mình bằng một giải pháp rất có hiệu quả, góp phần mở ra những không gian rất lớn cho hoạt động của bảo tàng nhưng

về không gian kiến trúc của quần thể lâu đài thì chỉ phải chịu một tác động rất nhỏ và có thể nói là rất tinh tế.

Ý tưởng chủ đạo của dự án chỉnh trang là tạo ra một sảnh đón tiếp long trọng và quy mô nằm chìm bên dưới sân Napoléon, ở vị trí giao nhau của các trục trung tâm của ba toà nhà chính là Sully, Denon, và Richelieu, mái của sảnh lợp thuỷ tinh trong suốt được cấu tạo bởi bốn sườn dốc hình tam giác đều và tạo thành một "Kim tự tháp trong suốt". Từ sảnh ngầm có lối đi toả về bốn phía và xung quanh sảnh có các không gian phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, hội họp, quầy bán sách và hàng lưu niệm, hàng ăn và giải khát. Trên các lối đi về các phía cũng được chiếu sáng tự nhiên qua các mái nhỏ cũng là những Kim tự tháp trong suốt, các mái lớn và mái nhỏ được gắn kết vớt nhau bằng bố cục các hồ nước có vòi phun theo dạng mặt bằng "hình vuông lồng trong hình vuông", riêng mái chiếu sáng ở phía sân Carroussel (phía Tây) lại là một "Kim tự tháp đặt ngược".

Ý tưởng tạo dựng một mái chóp thuỷ tinh ngay giữa sân Napoléon là một ý tưởng thực sự táo bạo và đã gây nên không ít tranh cãi, nhưng cuối cùng những ý kiến không thuận đều đã được thuyết phục. Lý lẽ của I.M.Pei được trình bày khá rõ trong dịp trả lời phỏng vấn của báo Libération (26/01/1984): "Tôi nghĩ là có những loại hình khối "lý tưởng" vượt ra khỏi thời gian và hình Kim tự tháp là thuộc loại hình khối đó, bất kể nó được đặt ở sa mạc hay ở trung tâm đô thị... Gần hai mươi thế kỷ trước công nguyên Kim tự tháp đã được xây bằng đá và hôm nay chúng tôi xây dựng tháp bằng những loại vật liệu có hiệu quả nhất của công nghệ hiện đại. Cấu trúc của công trình được làm bằng loại vật liệu được dùng để sản xuất máy bay Concorde, bền chắc hơn cả thép. Thuỷ tinh ở đây là loại vật liệu mới do Saint Gobain sản xuất. Như vậy chúng tôi dùng công nghệ của thế kỷ XXI để tạo dựng một hình khối gợi cảm về thời cổ đại. Nhưng nó không hoàn toàn gắn với Ai cập mà với kinh nghiệm của loài người...".

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thực ra thì cũng phải đến khi một mô hình to bằng thật được dựng lên đúng tại vị trí nó sẽ mọc lên sau này thì người ta mới thực sự yên tâm về khả năng thuyết phục của nó. Năm mươi nghìn người dân Paris đã đến xem mô hình này được dựng lên trong tuần lễ từ 1 đến 6 tháng 5 năm 1985, ý kiến bàn cãi không phải đã hết nhưng điều quan trọng là tháp thuỷ tinh của I.M.Pei đã được Thị trưởng thành phố chấp nhận. Điều hấp dẫn mọi người có lẽ ở chỗ tháp đã trở thành một tấm

gương đa diện phản chiếu vào đó hình ảnh mỹ lệ của các chi tiết kiến trúc, điêu khắc và trang trí phong phú của lâu đài Louvre cổ kính, và về ban đêm nghệ thuật chiếu sáng khéo léo đã làm cho các tháp thuỷ tinh cùng với mặt nước và vòi phun trở thành những viên ngọc long lanh. Về mặt công năng, giá trị của dự án được đánh giá ở chỗ nó đã làm bảo tàng có thêm diện tích sử dụng tới 60.000m2 trong đó hơn 22.000m2 dành cho sảnh đón tiếp trung tâm và các công trình phù trợ và sự hoạt động của bảo tàng đã thuận lợi hơn rất nhiều cho cả khách đến thăm và cho công tác quản lý bảo tồn bảo tàng. Người ta hay kể lại câu nói của kiến trúc sư Le Corbusier, đại ý : Không có kiến trúc sư tồi mà chỉ có khách đặt hàng thiếu hiểu biết, để nói lên nỗi khó khăn cho sáng tạo của kiến trúc sư khi gặp phải "thượng đế" không được như mong muốn. Trường hợp công trình tôn tạo Louvre có lẽ đã thoát ra khỏi khó khăn đó.

Những câu trả lời của kiến trúc sư I.M.Pei đối với phỏng vấn của Tạp chí "Kiến thức nghệ thuật" số đặc biệt về Louvre cho thấy nhiều điều lý thú trong mối quan hệ kiến trúc sư và khách hàng.

Tạp chí kiến thức nghệ thuật (TC): khởi đầu chuyện ông tham gia dự án Grand Louvre như thế nào?

Kiến trúc sư I.M.Pei (P): Vào tháng 7/1981 ông Paul Guimard khi đó là phụ trách văn hoá ở élysée có đề nghị gặp tôi ở sứ quán Pháp tại Luân Đôn (lức đó tôi đang ở đây). Ông cho biết là Tổng thống Mitterrand muốn gặp tôi. Điều đó thật vinh dự cho tôi nên sau vài tuần tôi đã đến Paris. Buổi gặp gỡ vào ngày 11/12/1981 chỉ có Tổng thống, ông Paul Guimard và tôi. Tổng thống nói với tôi về vai trò quan trọng của kiến trúc trong đời sống ở Pháp. Tốt không giỏi tiếng Pháp lắm nên có thể đã không lĩnh hội hết, nhưng tôi chăm chú lắng nghe. Ông đã nói với tôi về những kiến trúc như tháp Eiffel và Lâu đài lớn, về sự trường tồn của những kiến trúc ấy trong khi nhiều kiến trúc khác thì mọc lên rồi tàn tạ. Ông cho tôi biết vào thời gian ông lãnh đạo đã có nhiều dự án lớn và ông muốn tôi góp phần vào đó. Tôi đã trả lời là tôi thấy thật vinh dự, tôi cũng rất mong có được cơ hội như vậy. Nhưng tôi cũng trình bày rằng đã khá lâu tôi không tham dự vào cuộc thi kiến trúc nào. Tổng thống liền cho biết là ông đã có dịp xem việc tôn tạo cánh nhà phía đông của bảo tàng quốc gia Washington do tôi làm và ông đánh giá cao công trình này. ông cũng nói là ông có nhận xét tốt về phương án La Défense của tôi. Tôi cảm thấy

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

rõ rệt là ông đã dành thời gian thích đáng cho việc xem xét những công trình đó. Tôi rời cuộc họp với ấn tượng là tôi đã gặp một nhân vật phi thường, nhưng tôi cũng có ý nghĩ là sau cuộc họp chưa hẳn đã có được điều gì cụ thể, vì lẽ rằng sẽ phải nhiều cuộc thi cho những dự án mới.

(TC): Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên đó Tổng thống đã có nói đến Louvre?

(P): Không phải như vậy. Chính là vào đầu năm 1983, ông Emile Biasini đã đề nghị qua Zao-won-ki để tôi đến giúp ông ta. ít lâu sau, tôi cùng vợ tôi cũng đã tới Paris. Ông Zao báo cho ông Biasini là tôi đã ở thủ đô. Chúng tôi gặp nhau ở khách sạn Raphael. Ông ta rất cởi mở và cho tôi biết Ngài Tổng thống đã yêu cầu ông ta chuẩn bị những dự kiến đối với Louvre. Tôi vẫn nói lại ý kiến của tôi là không muốn tham dự vào các cuộc thi. Ông nói là mấy năm gần đây ông đã có nhiều xúc tiến đối với bảo tàng và ông thực sự quan tâm đến công việc tôi đã làm, và ông nói sẽ có hai ba kiến trúc sư cùng phục vụ công việc Louvre. Tôi thấy cuộc trao đổi thật thoải mái và tôi nhớ mãi buổi gặp đó. Vài tuần sau ông báo cho tôi biết là ông sẽ sang thăm Mỹ. Trong một cuộc gặp gỡ ở New York ông đã nêu thẳng vấn đề là liệu tôi có nhận nếu được giao công việc về Louvre. Lúc đó mọi việc đang còn giữ kín và tôi chưa nói gì kể cả với những người thân cận của tôi. Hẳn ông còn nhớ là hồi làm dự án La Défense tôi đã gặp phải điều thất vọng và vì thế tôi vẫn chưa hình dung một cách nghiêm túc khả năng tham gia công việc Louvre. Tôi cũng có phần ngạc nhiên về cách thức rất giản dị trong việc ông đề nghị tôi tham gia vào một công trình tầm cỡ như vậy, nên tôi chẳng biết nói gì. Tôi hỏi ông Biasini là không hiểu Ngài Tổng thống có biết việc này không thì ông nói có. Hôm sau tôi báo cho ông ta là nếu tôi nhận công việc này thì trước tiên tôi sẽ phải tìm hiểu mọi chuyện liên quan đến Louvre, các vấn đề kỹ thuật thuận lợi và không thuận lợi. Vào hồi đó tôi chỉ biết đến các tác phẩm trưng bày ở bảo tàng như một khách du lịch không hơn không kém. Tôi cảm thấy sẽ phải nghiên cứu kỹ lịch sử nước Pháp cũng như lịch sử Louvre và điều này sẽ phải cần ít ra 4 tháng. Tôi nói là tôi sẽ ở Paris mỗi tháng một tuần trong thời gian 4 tháng và sau đó tôi mới có thể nói là tôi có thể đảm nhận công việc này hay không. Trên thực tế thì tôi cũng chỉ thực hiện 3 lần đến Paris. Ở đó họ cấp giấy cho tôi vào Louvre mọi chỗ mà tôi muốn.

THƯ VIỆN HUẾ
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Việc này là chuyện hoàn toàn tin cẩn, duy chỉ có ông J.M.Gentil phụ trách văn phòng tổng hợp của bảo tàng là biết được tôi có mặt ở đó để làm gì. Vì nếu chuyện này tiết lộ thì khó tránh là công việc sẽ có thể bị ngừng trệ. Về phần tôi chỉ có bà vợ tôi biết chuyện. Sau khoảng 3 tháng tôi đến gặp ông Biasini và nói là tôi có thể chấp nhận điều thử thách này nhưng cũng chưa nói rõ những ý định chi tiết của tôi. Ông hỏi tôi có thể báo cáo với Tổng thống về việc tôi đã chấp nhận, tôi đồng ý. Ít hôm sau ông đã yêu cầu tôi đến élysées một lần nữa, ở đó vào ngày 22/06/1983 tôi đã gặp Tổng thống cùng các ông Jack Lang, Chritstian du Pavillon và Geneviève Monnier. Tổng thống yêu cầu nêu một vài quan niệm về Louvre. Tôi báo cáo là tôi nghĩ khó có thể thêm ngôi nhà nào vào đó mà diện tích cần có thêm cho bảo tàng chỉ có thể là ở ngầm dưới sân Napoléon. Đây là điều suy nghĩ riêng của tôi nhưng hoá ra là chính ông G.Salles, giám đốc các bảo tàng Pháp đã có ý nghĩ từ 1950 khi ông viết rằng Louvre là một "nhà hát không có hậu trường". Ông Salles đề nghị công việc chỉnh trang ngầm dưới đất để phục vụ việc bảo quản. Ý tưởng của tôi nhằm giải quyết cơ bản hơn vì tôi muốn khai thác toàn bộ bên dưới lòng sân. Vào lúc đó có tôi là người duy nhất hình dung ra việc đón nhận khách vào thăm là ở phía dưới sân Napoléon. Vì từ đó lối đi vào các cánh nhà sẽ được thu gọn nhiều. Chương trình bố trí lại một số hiện vật bảo tàng về phía cánh nhà Richelieu mà trước đó là Bộ Tài chính đã được tiến hành do ông Jérôme Pourdain từ trước khi tôi vào cuộc.

(TC): Ông có nghĩ về công trình gì khác trên mặt ngoài hình kim tự tháp?

(P): Có đấy nhưng tôi đã bỏ đi ngay. Giải pháp đơn giản một tấm sàn lắp kính như ông Ramirez Vasquez gợi ý có thể sẽ không đảm bảo ánh sáng và không gian cho tầng hầm, sau vài ngày có thể bị bẩn và đọng nước. Để chống đỡ cho tấm sàn rộng tới 40m sẽ phải làm trụ đỡ cao 3m và như thế sẽ không thể xuống sâu quá 9m phía dưới sân Napoléon. Về mặt kỹ thuật thì một bề mặt lắp kính chỉ có thể mở ra không gian 6m phía dưới trần, tựa như dưới tàu điện ngầm. Vì thế tôi đã bỏ qua giải pháp này.

(TC): Ông thường nói ông quan niệm khối tháp không chỉ là giải pháp kiến trúc mà là giải pháp cảnh quan theo truyền thống Le Nôtre. Nhưng trong trường hợp này làm sao xác định được sự khác nhau giữa hai cách đo?

(P): Rõ ràng là không thể tạo ra nhiều khối hình phía trên mặt của Louvre mới. Từ thời Napoléon III đã không có thêm công trình nào vào tòa lâu đài và kiến trúc cũng đã biến đổi đáng kể từ khoảng trăm rưỡi năm nay. Chủ nghĩa cổ điển kinh viện Pháp đã qua rồi. Không gian thu hồi được nhờ di chuyển Bộ Tài chính rất lớn tới 6 tầng. Vì thế rất cần phải đào sâu xuống và tạo ra một lối vào chính để khách đến thăm có thể định hướng dễ dàng. Ánh sáng là điều rất cần vì có xu hướng người đến thăm ở lại lâu trong bảo tàng và họ rất cần định hướng được chỗ họ đang đứng là vị trí nào. Trong Louvre cũ, sau khi qua cửa Denon và phòng Rubens thì hầu như họ mất phương hướng. Trên thực tế thì thường cũng rất khó tách rời giữa kiến trúc và kiến trúc phong cảnh. Cũng có nhiều người coi hai thứ đó là một. Tôi thì thấy có sự phân biệt. Tôi đi đến kết luận là phải tạo ra thêm không gian mới phía dưới đất và phải là bằng kính. Tạo thêm không gian là điều rất quan trọng và không gian ấy phải được chiếu sáng tốt.

Vào lúc này tôi đã hình thành một ê kíp, cùng với Yann Weymouth và vài người khác. Khối hình tháp tỏ ra là một giải pháp đáp ứng được các điều đó, vì nó là loại cấu trúc ổn định nhất và yêu cầu kết cấu chống đỡ ít nhất. không giống như sàn phẳng. Khối lập phương thì không thể ổn định như khối tháp. Khối chóp nón cũng ổn định nhưng không phù hợp với khung cảnh. Từ đó chúng tôi đã đặt vấn đề xem xét khối kim tự tháp có thể phù hợp đến đâu với Louvre, tôi đã nghiên cứu rất nhiều khung cảnh kiến trúc cũ. Tôi tưởng tượng rằng khối tháp đế vuông bằng kính, xung quanh có bể nước và tháp ấy phản chiếu khung cảnh trời mây. Không khí và nước sẽ trở thành những yếu tố chủ yếu chi phối bố cục không gian như cách kiến trúc phong cảnh hay sử dụng, hơn là chỉ có kiến trúc thuần túy. Một thứ kiến trúc bằng đá ở đây hẳn là không phù hợp với khung cảnh và phải bỏ đi, tôi đi đến kết luận là một khối kim tự tháp bằng thủy tinh có thể hòa nhập được với khung cảnh Louvre.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ TRA CỨU NỘI BỘ

(TC): Có mối quan hệ nào giữa lâu đài cũ và không gian mới được tạo ra phía dưới tháp thuỷ tinh?

(P): Khi đưa ra giải pháp cơ bản này, tôi không thể chối bỏ quá khứ mà trái lại với những không gian ngầm tạo thêm, tôi tôn nổi quá khứ. Tôi hình dung tổng thể không gian Louvre như một con tàu, tôi chỉ chêm vào đó một bộ phận có khả năng gắn kết 2 cánh nhà 2 bên vào một mối để tạo cho tổng thể Louvre có sự gắn kết chặt chẽ như

được tạc vào đá vậy. Về nội thất tôi đã dùng loại đá gần giống như đá đã dùng ở Louvre để gây ấn tượng về tính liên tục.

(TC): Có mối quan hệ trực tiếp nào không giữa không gian ngầm mới tạo a với không gian bên trong cánh nhà Richelieu mà ông đang chỉnh trang và dự định sẽ mở cửa vào tháng 8/1993.

(P): Có đấy. Chúng tôi triển khai hai sân trong ở cánh nhà Richelieu và có sự gắn kết với không gian ngầm.

(TC): Ông có giải thích về mối quan hệ giữa tháp thủy tinh với truyền thống kiến trúc Pháp thời Le Nôtre. Nhưng ông là người Mỹ gốc Trung hoa. Kiến trúc hiện đại phải chăng bằng cách này hay cách khác đã vượt qua khỏi phong cách dân tộc vốn được đề cao trong thời kỳ trước hoặc là ông đã có mâu thuẫn trong sự lựa chọn?

(P): Sự khác nhau về lịch sử và văn hóa giữa các dân tộc có vị trí rất quan trọng trong phát triển kiến trúc ngay cả khi các nước đều đã dùng kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Tôi hẳn đã không dùng giải pháp này vào trường hợp, chẳng hạn, với cố cung Bắc Kinh - hình dáng và vị trí tháp đã được xét đến trong sự diễn ra những chuyển đổi Louvre từ lâu đài trở thành bảo tàng, nằm trong khung cảnh kiến trúc của tòa lâu đài đầy ấn tượng lịch sử này.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TÓM TẮT CÔNG VIỆC TÔN TẠO BẢO TÀNG LOUVRE

Tiến trình:

Tháng 9/1981: Tổng thống ra quyết định lấy toàn bộ lâu dài Louvre làm bảo tàng
Tháng 7/1983: Chỉ định Kiến trúc sư Ieoh Mang Pei thiết kế tôn tạo bảo tàng
Tháng 11/1983: Thành lập tổ chức quản lý tổng dự án
Tháng 3/1984: Khai quật khảo cổ học dưới sân Vuông và sân Napoléon
Tháng 1/1985: Chỉnh trang sân Napoléon
Tháng 5/1985: Mô hình tháp thủy tinh to bằng thật
Tháng 12/1985: Hoàn thành sân Vuông và hành trang bước một của lâu đài
Tháng 2/1986: Khánh thành sân Vuông
Tháng 12/1988: Hoàn thành tháp thủy tinh
Tháng 3/1989: Mở cửa phòng đón tiếp
Tháng 4/1993: Khai mạc cánh nhà Richelieu.

Những công việc chính:

Ở sân Vuông: khai quật khảo cổ đưa vào trưng bày dấu tích tháp cạnh thời Philippe Auguste và lâu đài thời Charles V. Lát nền, tu sửa mặt nhà và tu tạo các bức tượng.

Ở sân Napoléon: khai quật khảo cổ, mở không gian ngầm rộng 55.000m^2 cho sảnh đón tiếp và các bộ phận khác.

Cánh nhà Rivoli: tạo lối đi thông nối sảnh đón tiếp với quảng trường Hoàng cung. Chỉnh trang phần trưng bày cánh nhà Marsan. Chỉnh trang toàn bộ cánh nhà Richelieu sau khi chuyển Bộ Tài chính tới Bercy.

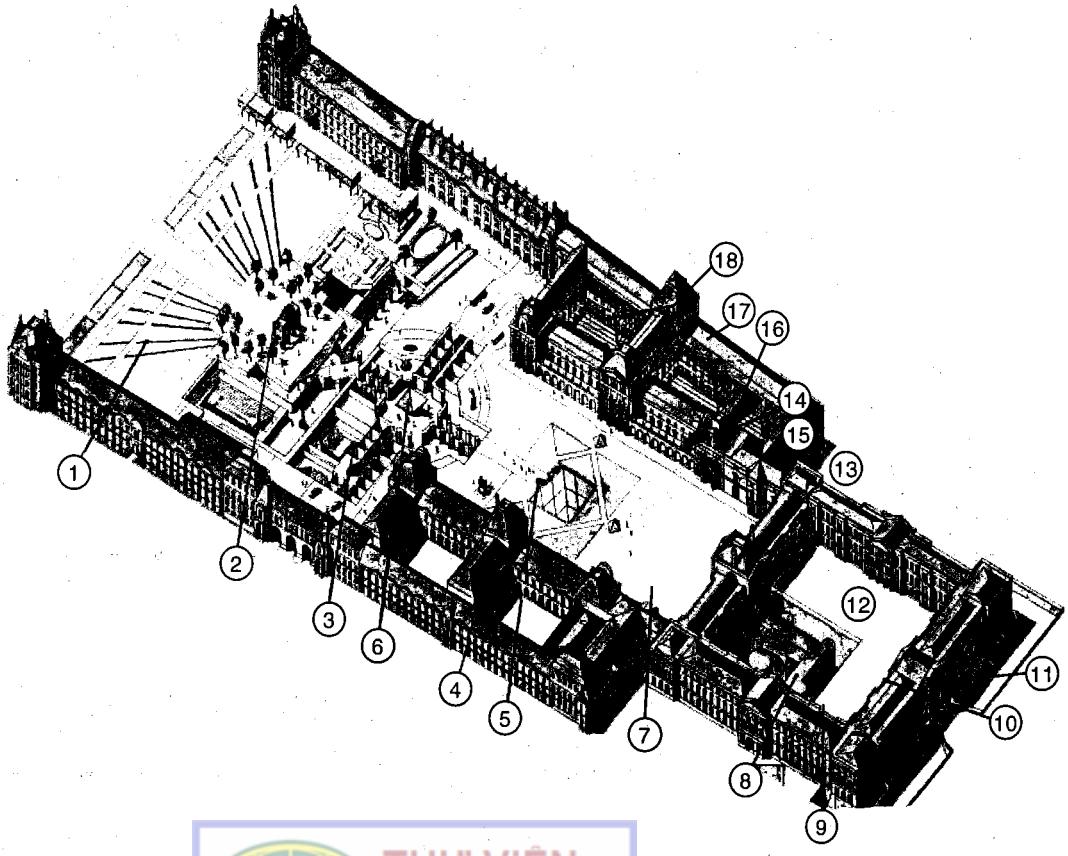
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Sân Carrousel: xây đại lộ ngầm Tướng Lemonnier.

Các số liệu khác:

Diện tích sân Vuông: 3500m^2 sân Napoléon 20.000m^2
Tổng diện tích sàn: 123.000m^2 (66.000m^2 trưng bày).
Kinh phí: đợt I: 2 tỷ F; đợt II: 3,1 tỷ F.

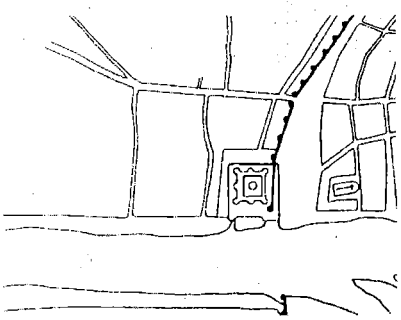
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ
LÂU ĐÀI - BẢO TÀNG LOUVRE



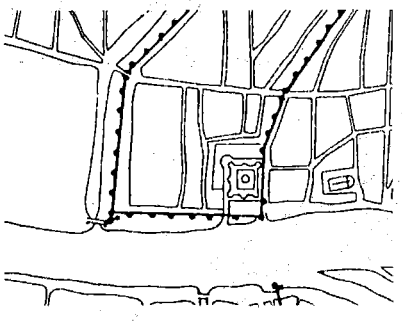
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. Vườn Carrousel
2. Khải hoàn môn Carrouisel
3. Phòng họp
4. Cánh Denon
5. Lối vào bảo tàng
6. Tháp thủy tinh ngược lấy sáng
7. Sân Napoléon
8. Dấu vết Louvre thời Charles V
9. Dấu tích Louvre thời Trung cổ
10. Dấu vết lâu đài cổ
11. Mặt Đông có hàng cột Perrault
12. Sân Vuông
13.Cánh Sully
14. Sân Khorsabad
15. Tháp thủy tinh
16. Sân Puget
17. Cánh Richelieu
18. Sân Marly

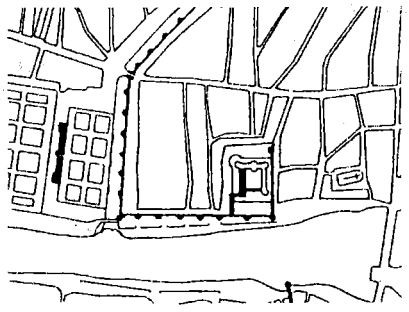
Quá trình phát triển từ một pháo đài tới tòa lâu đài - Bảo tàng Louvre qua 800 năm



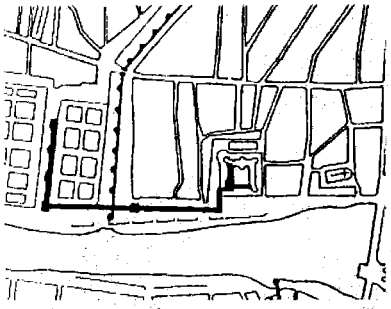
1. Pháo đài Louvre được khởi dựng vào năm 1190 do vua Philippe Auguste trên bờ bắc của sông Seine, lúc này pháo đài còn nằm ngoài bức thành bảo vệ Paris.



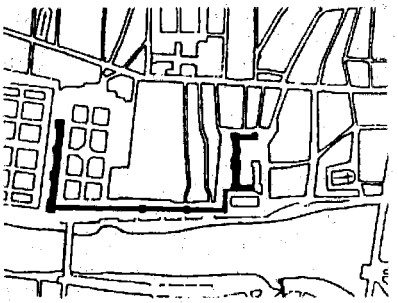
2. Đến năm 1380 thời vua Charles V, bức tường bảo vệ Paris đã được dịch về phía tây nhằm tăng cường khả năng phòng thủ và pháo đài đã nằm vào bên trong thành.



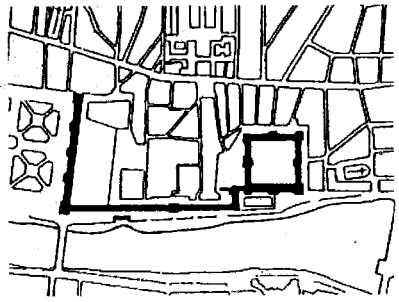
3. Tháp phòng ngự được phá đi, một đoạn lâu đài Louvre được xây thêm và về phía tây (bên ngoài trường thành) đã xuất hiện cung điện Tuileries do hoàng hậu Catherine de Médicis



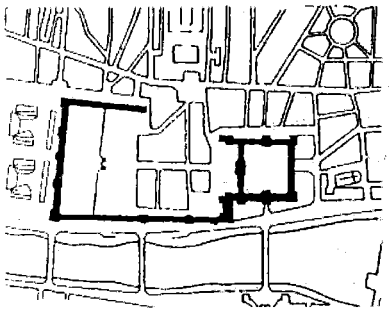
4. Vào năm 1610, Louvre và Tuileries đã được nối với nhau bởi một cánh nhà ven bờ sông Seine



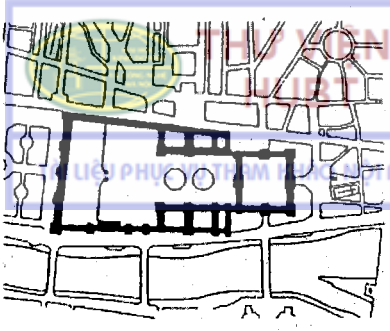
5. Paris được mở rộng tới vòng thành số 4, đoạn thành này được xây dựng trong thời gian 1633 - 1636 dưới triều vua Louis XII và lâu đài cũng được mở rộng hơn.



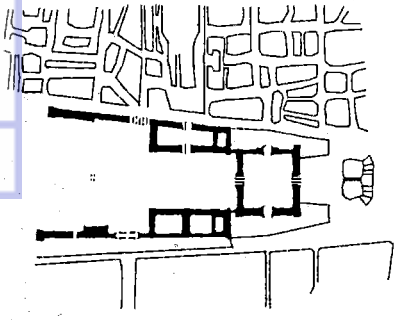
6. Louvre đã được mở rộng gấp 4 lần pháo đài cũ vào năm 1715 bao bọc xung quanh "Sân Vuông" và khu vườn phía trước Tuileries cũng được chỉnh trang đẹp hơn do Le Nôtre phụ



7. Từ giữa thế kỷ XVIII Paris phát triển nhanh tới vòng thành 5 (1784-1791) rồi tới vòng thành cánh nhà phía bắc vuông góc với Tuileries.



8. Đến năm 1866 toàn bộ lâu đài được xây dựng khép kín theo ý tưởng của vua Henri IV



9. Tuileries bị cháy vào năm 1871 và được rỡ bỏ vào năm 1882, tổng thể Louvere được mở rộng về phía tây, sân Napoléon được mở rộng tầm nhìn về phía tây qua vườn lớn Carrousel, khởi đầu một trục kiến trúc lớn về phía Champs élysées và La Défense sau này

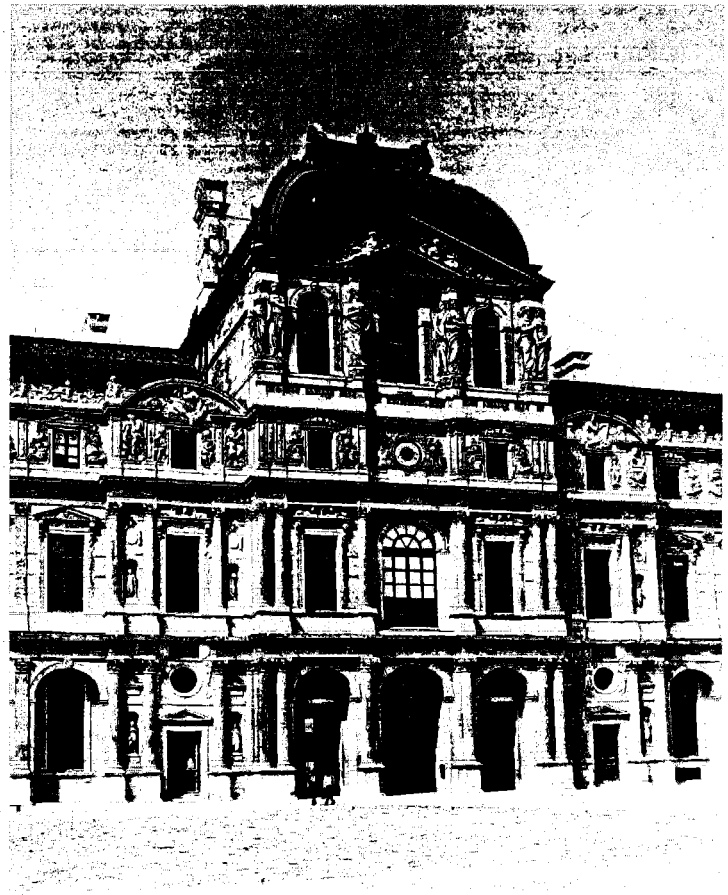
THƯ VIỆN
LƯU HÀNH NỘI BỘ



Mặt bằng tổng thể bảo tàng Louvre



Bể cảnh trước sân bảo tàng Louvre

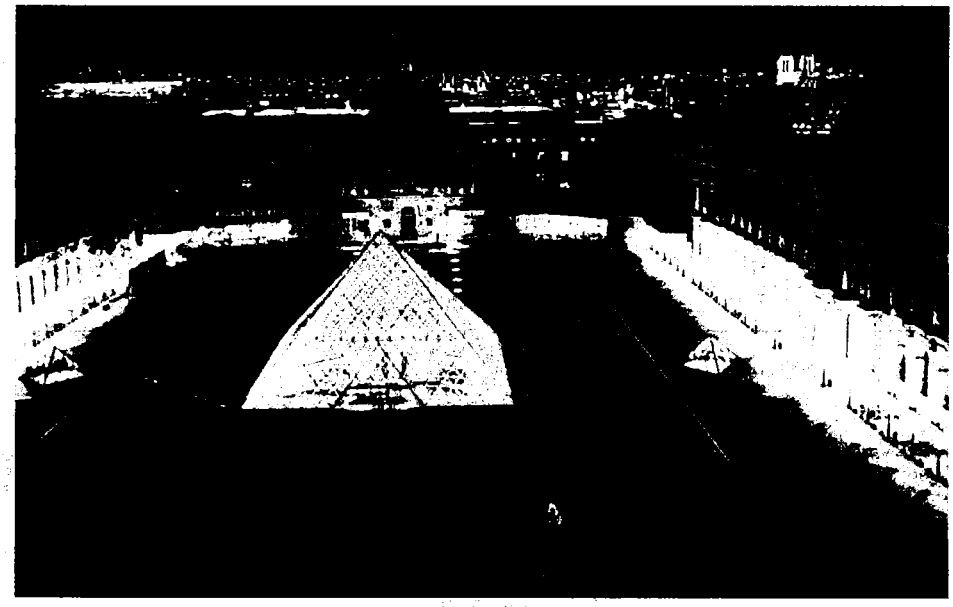


Mặt chính lâu đài Louvre (cánh Sully)



Khải hoàn môn Carrousel

THƯ VIỆN



Tháp thủy tinh được chiếu sáng ban đêm



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tháp thủy tinh và bể cảnh



Tháp thủy tinh ngược (lấy ánh sáng qua mái)



Hai kim tự tháp được chiếu sáng trong đêm

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

5. Nhà thờ Đức Bà trên đảo Cité

Kiến trúc các nhà thờ chiếm phần rất quan trọng trong di sản kiến trúc của nước Pháp nói chung và của Paris nói riêng, trong đó nhà thờ Đức Bà trên đảo Cité là một trong những hình ảnh tiêu biểu nhất. Kiến trúc nhà thờ Đức Bà gắn liền với một giai đoạn quan trọng của nghệ thuật kiến trúc thời trung cổ: nghệ thuật gothique được phát triển mạnh mẽ ở vùng Paris (Ile-de-France) và từ đó đã có ảnh hưởng tới nhiều nơi ở châu Âu. Kiến trúc nhà thờ Đức Bà đánh dấu thời kỳ đầu của nghệ thuật kiến trúc gothique nối tiếp thời kỳ kiến trúc roman của thế kỷ trước.

Công trình được khởi công năm 1163 theo sáng kiến của giám mục Maurice de Sully và người đặt viên đá đầu tiên là giáo hoàng Alexandre III, vị trí xây dựng nằm ở phía đông nam của đảo Cité. Công việc xây dựng được bắt đầu từ phía đông tức gian điện thờ (choeur) (1163 - 1180), tiếp đến phần phía tây gồm gian cánh ngang (transept) và gian chính (nef) (1180 - 1200). Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, đầu phía đông (điện thờ) có hình nửa tròn, chiều dài theo trục là 130m, chiều ngang 48m, chiều cao tới mái 35m ở gian chính và 48m ở gian cánh ngang. Hai tháp phía mặt chính cao 69m được hoàn thành vào năm 1245, đỉnh mũi tên ở mái giữa cao tới 81m. Công trình có diện tích gần 6000m^2, có thể chứa đựng tới 9000 người.

Các tư liệu về công trình này không cho biết tác giả chính về kiến trúc là ai, nhưng người ta thường coi Jean de Chelles là người có đóng góp nhiều nhất cùng với một vài người khác như Raymond du Temple, Pierre de Montreuil... Không biết bao nhiêu tài liệu, bao nhiêu trang sách đã dành cho việc ca ngợi công trình mỹ lệ và hoành tráng này hơn thế nữa tác phẩm nghệ thuật độc đáo đó còn trở thành một "nhân vật" hấp dẫn trong tiểu thuyết của văn hào Victor Hugo. Qua tiểu thuyết này, công trình nghệ thuật đã được "sống dậy" sau nhiều năm tháng bị tàn tạ bởi thời gian và bởi những suy nghĩ phiến diện của con người.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Do vị trí công trình nằm tại bờ đông nam của hòn đảo nên các hình ảnh về kiến trúc công trình vào thời trước đây thường là ở mặt đông (phía lưng gian điện thờ) và phía nam (trông ra bờ sông Seine), nhưng từ khi có kế hoạch chỉnh trang lớn vào thời Haussmann với một quảng trường rộng mở phía trước nhà thờ thì hình ảnh kiến trúc của mặt chính nhà thờ luôn là nơi được chiêm ngưỡng. Cũng chính tại tâm điểm của quảng trường này đã ghi dấu điểm mốc "cây số không"

của các ngả đường từ thủ đô đi tới các địa phương.

Kiến trúc mặt chính của nhà thờ có bố cục rất thanh thoát đồng thời cũng rất khoẻ và vững chãi với lớp dưới cùng có ba cửa vào đồ sộ, được tạo hình ăn sâu vào khối tường mà trên các đường viền của cửa vòm nhọn được trang trí bởi rất nhiều lớp tượng về các nhân vật có liên quan đến tôn giáo. Chủ đề trang trí điêu khắc ở cửa giữa có chủ đề "ngày phán quyết cuối cùng" với hình ảnh chúa Jésus trên trụ giữa, trên ô cửa là những bức tranh lớn nói về cái thiện, cái ác, tượng các Thánh tông đồ, có cảnh thiên đường và địa ngục, cảnh cứu vớt linh hồn và cảnh đầy đọa trừng phạt... Cửa vào phía trái được coi là có trang trí đẹp nhất với hình ảnh Đức Mẹ đồng trinh, trên trụ giữa có hình Đức Mẹ và Chúa hài đồng, phía bên trên là các tranh tượng với chủ đề có liên quan đến "cái chết", "sự suy tôn" và "sự thăng thiên" của đức Mẹ, hình tượng nghệ thuật điêu khắc ở đây mang tính sử thi cao và đường nét trạm trổ tuyệt mỹ. Cửa bên phải mang tên cửa Thánh Anne.

Việc thực hiện mặt chính của nhà thờ cũng trải qua nhiều giai đoạn: phần cổng ra vào và dãy tượng "các vua" ở bên trên vào các năm 1200 - 1220, tầng cửa cuốn đôi và "cửa hoa hồng" (lớp giữa của mặt chính) 1220 - 1225, tòa tháp phía nam 1225 - 1240, tòa tháp phía bắc 1230 - 1250. Lớp băng ngang tạo bởi dãy tượng bên trên cửa vào chính là tượng của 28 vị vua ở xứ Juda và Israel cổ xưa, thời cách mạng đã bị phá và sau được làm lại (bản sao phần đầu của các tượng này được trưng bày ở bảo tàng Cluny). Cửa hoa hồng ở chính giữa của lớp trên là một kiệt tác của trang trí kiến trúc gothique có đường kính trên 10m, các đường viền của những cánh hoa như là các đường viền "đăng ten bằng đá" và là hình tượng biểu trưng "bánh xe lửa tuyệt diệu" và cũng là "hình hài của Trái Đất và vũ trụ".

Tiếp đến bên trên là lớp dãy cột như là hàng cột của các hành lang được trạm trổ rất tinh vi, cột tương đối xít nhau tạo nên một nhịp điệu thanh thoát và bay bổng. Bên trên lớp dãy cột này là một hàng lan can mà trên đó, vào dịp trùng tu năm 1845 - 1862 Viollet de Duc đã bổ sung nhiều bức tượng động vật kỳ dị, tạo ấn tượng về một thế giới hoang tưởng ma quỷ với những quái vật hình muông thú, cú vọ... từ trên cao trầm ngâm nhìn xuống "cõi đời" với những đường nét tạo hình sinh động. Những hình động vật này được chọn đặt vào nhiều vị trí trên bờ mái rất phù hợp về cấu trúc nhưng lại gây được những bất ngờ sửng sốt.

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU CHỈ DÀNH CHO MỤC ĐÍCH HỌC TẬP

Hai tháp chuông ở hai bên mặt chính được cấu tạo hình khối trụ nhưng lại được làm cho nhẹ đi một cách thanh thoát nhờ cách trổ những cửa hình vòm nhọn hẹp và cao vút (cao 16m) như vươn lên trời cao. Trên tháp bên trái lúc đầu được bố trí 7 quả chuông (nay còn 4, 3 quả được đem đúc làm vũ khí thời cách mạng), tháp bên phải là hạt quả chuông cực lớn quả "Marie" nặng 12,5 tấn và quả "Jacqueline" nặng 13 tấn. Trong tháp có thang, khách du lịch có thể mua vé lên đỉnh tháp ngắm nhìn bộ mái vĩ đại của nhà thờ và ngắm toàn cảnh Paris.

Gian cánh ngang tạo thành không gian lớn nằm ở vị trí trung tâm trên mặt bằng nhà thờ mà ở hai đầu của gian cánh ngang cũng được bố trí các cửa sổ hoa hồng (phía nam và phía bắc nhà thờ) với những tranh kính màu tuyệt mỹ. Cửa hoa hồng phía nam (trông ra sông Seine) được thực hiện vào năm 1270 do Kiến trúc sư Pierre de Montreuil và được trùng tu vào năm 1726, sau đó còn được Viollet-le-Duc làm lại trong dịp tôn tạo lớn vào giữa thế kỷ XIX. Tranh kính trên cửa bao gồm 85 chủ đề gắn với lịch sử Tân ước, ở vị trí chính giữa có hình ảnh chúa Jésus đang đọc kinh Cầu phúc, các hình ảnh xung quanh nói về các thánh tông đồ, các hình ảnh xưng tội, các tín nữ... Màu sắc tranh kính trên cửa này có tông màu chủ đạo là màu đỏ. Cửa hoa hồng phía bắc được thực hiện vào nửa cuối thế kỷ XIII có tông màu chủ đạo là màu xanh, hình ảnh trang trí bao gồm 80 chủ đề của kinh Cựu ước. Công việc được thực hiện vào năm 1250, hình ảnh trung tâm mô tả cảnh Đức Mẹ và Chúa hài đồng, các ô kính khác ở xung quanh là hình ảnh các thánh tiên tri và các nhân vật khác trong lịch sử tôn giáo.

Việc sử dụng các tranh kính ghép màu để diễn tả các sự kiện trong lịch sử tôn giáo có ý nghĩa rất lớn trong việc truyền bá cho quảng đại quần chúng vào lúc mà trình độ học vấn chung của xã hội còn nhiều hạn chế. Có người coi đây chính là cuốn Kinh thánh cho những người chưa biết chữ (các tài liệu tôn giáo chủ yếu dùng chữ La tinh). Mặt khác các cửa kính màu này cũng nói lên một trình độ khá cao của việc sản xuất kính xây dựng cũng như của kỹ thuật lắp ghép để tạo thành tranh kính màu. Qua việc xem xét các tranh kính này người ta cũng thấy được quá trình phát triển cũng như thị hiếu ở từng thời kỳ (thế kỷ XII hay dùng các màu mạnh trên kính trong...). Ở khoảng giữa thế kỷ XIII tại Paris đã có những cơ sở sản xuất đồ thủy

tinh mỹ nghệ rất nổi tiếng mà sản phẩm đã được dùng cho các bộ tranh kính màu tại nhà thờ Đức Bà và đặc biệt là tại Sainte-Chapelle ở cách đó không xa, xây dựng vào khoảng các năm 1240 - 1248.

Gian điện thờ (choeur) được cấu trúc bởi hai không gian: phía trước có mặt bằng hình chữ nhật là nơi bố trí các ghế ngăn dành cho các giáo sĩ thực hành nghi lễ ở khoảng giữa, hai bên giáp với tường vách là các ngăn của từng ô thờ, tiếp đến là phần không gian có mặt bằng nửa tròn có đặt nhiều tượng thờ. Khối nhà hình nửa tròn về phía lưng của nhà thờ này cùng với các trụ chống ở bên ngoài theo kiểu các "cuốn bay" (vòm chống) cũng đã tạo nên một cấu trúc đặc sắc của các nhà thờ gothique.

Đặc trưng quan trọng nhất trong cấu trúc của kiến trúc gothique nằm ở cách cấu tạo hệ thống mái vòm hình múi có sống. Đây là một bước tiến quan trọng của kiến trúc gothique so với kiến trúc thời roman với bộ mái vòm nửa tròn. Loại mái vòm này được cấu tạo dễ dàng trên các mặt bằng hình vuông hoặc gần vuông, nhưng đối với không gian có mặt bằng dài thì phải dùng cấu trúc hệ vòm hình múi có sống và trọng lượng của bộ mái được truyền xuống qua bốn trụ đỡ. Với cách cấu tạo mái hình cuốn nhọn (đường cong có hai tâm) nên với không gian mà mặt bằng có hai cạnh không đều nhau thì đỉnh của các vòm mái theo hai chiều vẫn có độ cao như nhau.

Chính nhờ cách cấu tạo mái này mà không gian bên trong nhà thờ trở nên cao lồng lộng, ánh sáng chan hòa nhờ mở cửa sổ lớn và không gian còn trở nên lung linh huyền ảo nhờ các bộ tranh kính màu trên cửa sổ.

Với quá trình tồn tại 8 thế kỷ nhà thờ Đức Bà Paris cũng là một chứng nhân về nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của các triều vua đặc biệt là các sự kiện có liên quan đến cuộc sống tâm linh cũng như các hoạt động của tôn giáo. Ngay từ năm 1239, Saint-Louis đã dùng nơi này để cất giữ thánh tích (vòng mũ gai của Chúa mua ở nước ngoài về) trong lúc chờ xây dựng nhà thờ Sainte-Chapelle để dùng vào việc này. Năm 1304 Philippe-le- Bel đã vào nhà thờ làm lễ dâng Chúa bộ áo giáp và vũ khí sau khi thắng trận trở về. Năm 1430 nhà vua trẻ Henri VI (nước Anh) lúc 9 tuổi làm lễ tấn phong vua nước Pháp. Năm 1455 làm lễ phục hồi cho Jeanne d'Arc, 1558 lễ đăng quang của Marie Stuart (hoàng hậu Francois II), 1572 lễ thành hôn Henri IV với Marguerite-de-Valois (chỉ có cô dâu được vào nhà thờ

còn chú rể bị coi là "ngoại đạo" phải đứng ngoài), 1594 Henri IV chịu rửa tội theo "Cựu giáo" để được tấn phong vua nước Pháp (sự kiện thường được truyền tụng "để có được Paris thì rửa tội cũng đáng làm", lời phát biểu của nhà vua). Năm 1687 Bossuet đã đọc điếu văn cho Grand Condé tại đây, ngày 2-12-1804 Napoléọn I đăng quang hoàng đế (do giáo hoàng Pie VII, trong bảo tàng Louvre có tranh David vẽ sự kiện này cho thấy khung cảnh buổi lễ rất huy hoàng tráng lệ), năm 1853 có hôn lễ của Napoléon III và đặc biệt long trọng là buổi lễ Tụng chúa (Te Deum) vào dịp chiến thắng và giải phóng Paris vào ngày 26-8-1944 (nhân dân tự phát bắn súng chào mừng trước sân và cả trong nhà thờ, may mà công trình chỉ bị hư hại nhẹ).

Cùng nằm trên đảo Cité còn có nhiều công trình khác được xây dựng trước và sau nhà thờ Đức Bà và đều là những chứng tích của một giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển thủ đô Paris, đó là nhà thờ Sainte-Chapelle cũng là một kiệt tác của kiến trúc gothique cùng nhiều nhà thờ khác như Saint-Pierre-aux-Boeufs,Saint-Barthélémy, Saint-Germain-le-Vieux, Saint-Michel, trong đó chỉ có Sainte-Chapelle tồn tại đến ngày nay.

Nhà thờ Sainte-Chapelle được xây dựng vào năm 1240 (sau nhà thờ Đức Bà 77 năm) theo yêu cầu của Saint-Louis để làm nơi chứa thánh tích : chiếc mũ gai của chúa Jesus và một mảnh của cây Thập tự mà chúa bị đóng đinh ông đã mua được (vào năm 1239 ở Venise) từ vua Baudoin II, vua La Mã cuối cùng ở Constantinople. Nhà thờ đã là vật báu của kiến trúc gothique (theo thiết kế của Pierre-de-Montrenile) và đã được làm lễ dâng chúa vào năm 1248. Nhà thờ có một cấu trúc không gian đặc biệt gồm hai tầng: tầng dưới (cao 7m) dành cho các triều thần, tầng trên (cao 21 m) dành cho các cận thần của nhà vua. Không gian bên trong nhà thờ đã gây được ấn tượng đặc biệt nhờ các vòm mái cao vút và các bộ tranh kính màu trên cửa sổ có chiều cao tới 16m. Bộ tranh kính màu của nhà thờ này được coi là đẹp đẽ và tráng lệ vào bậc nhất, bao gồm 150 cửa với màu sắc lộng lẫy, hình ảnh minh họa của 1134 cảnh trong Kinh Thánh và Kính Phúc âm.

Vị trí nhà thờ hiện nay nằm ở phía sân trong của tòa lâu đài Công lý, người ta có thể chiêm ngưỡng đầy đủ kiến trúc của nhà thờ sau khi đi qua cổng vòm lớn của tòa lâu đài này. Nơi đây xưa kia đã từng là chỗ ở của nhiều đời vua chúa nước Pháp, ngay từ thời Clovis định

đô ở Paris thì ở đây đã từng có lâu đài xây theo kiểu La Mã và trong thời các vua Carolingiens thì đây cũng là Hoàng gia và đã có vòng thành bảo vệ chống lại các cuộc tấn công của người Normands. Vào thời Hugues Capet (941 - 996) thì tòa nhà của Hoàng gia mang tên lâu đài của đảo Cité. Công trình này cũng đã được xây dựng lại khang trang hơn vào cuối thời trị vì của Robert-le-Pieux (996 -1031, con trai của Hugues Capet). Thời Louis VI đã xây dựng thêm một tháp lớn (tháp Montgomery, bị cháy vào năm 1776).

Saint-Louis là người đã đóng góp cho nhiều công trình xây dựng ở đây, ngoài nhà thờ Sainte-Chapelle như ta đã biết, còn có: nhà kho Chartes, hành lang Merciers, phòng "Nước" (bị phá hủy năm 1865): phòng Saint-Louis... Vào thời Philippe-le-Bel (1268 - 1314) khu vực này cũng được mở mang nhiều với nhiều công trình mới, ngoài công trình làm Hoàng cung còn có những bộ phận cho cơ quan tài chính và cơ quan tư pháp. Đến thời Charles V thì vai trò Hoàng cung giảm sút, các vua có xu hướng chuyển sang ở phía bờ bắc của sông Seine (lâu đài Louvre, dinh Saint-Paul ở khu Marais), tuy thế lâu đài trên đảo Cité vẫn được nhà vua lui tới vào các dịp hội hè hoặc vào dịp xử án.

Vào thời các vua kế vị của Charles V thì hoàng cung chuyển tới vùng sông Loire vào thời Henri IV thì công trình bị thay đổi rất nhiều do việc chỉnh trang quảng trường Dauphine.

Tòa lâu đài Công lý ngày nay vẫn là một trong những kiến trúc đẹp trên đảo Cité. Cổng chính được mở về phía đông trông ra sân Tháng Năm (hình thành vào thế kỷ XVIII, có tên gọi đó là do hàng năm vào tháng năm có các nhà tu hành thuộc "Hội tu hành" đến trồng cây). Trước sân là một tường rào và cổng bằng sắt uốn được gia công với trình độ thẩm mỹ cao (một phần được mạ vàng), công trình do Bigonnet làm vào năm 1787 có chiều rộng tới 40m. Thời cách mạng đã bị phá hủy và sau đó đã được Peyre phục hồi đúng như cũ.

Qua khỏi sân tới một cầu thang lớn (tác phẩm cửa Antoine), kiến trúc mặt chính của công trình mang phong cách Louis XVI với phần nhô ra có bốn cột doriques đỡ bên trên vòm mái tam giác. Xung quanh sân Tháng Năm là các công trình do Antoine và Desmaisons thiết kế và được xây dựng vào khoảng 1783 - 1786, trong thế kỷ XIX có bổ sung thêm các công trình về phía đường kè Horloge (1853 - 1869) do các kiến trúc sư Duc và Daumet. Một công trình do Duc thiết kế trông ra quảng trường Dauphine (dọc phố Harlay) có mặt đứng kiến

trúc "khoa trương" kiểu Hy Lạp cổ đại với hàng cột kiểu dorique và bộ tam cấp rất hoành tráng. Đợt mở rộng cuối cùng của tòa nhà này vào năm 1911 - 1914 do kiến trúc sư Tournaire phụ trách nằm ở góc đại lộ Palais và đường kè Orfèvre. Mặt chính của công trình về phía đường kè đã được hạn chế chiều cao để người ta có thể ngắm nhìn nhà thờ Sainte-Chapelle từ sông Seine, tuy thế tác phẩm gothique độc đáo này vẫn có phần bị bưng bít.

Gắn liền với tòa nhà này còn có nhà của tòa Pháp viện và tòa nhà Conciergerie với những tháp nổi tiếng.

Ở buổi ban đầu, các thành viên của tòa Pháp viện đều do nhà vua chỉ định, nhưng từ khoảng 1522 dưới triều vua Francois I, do triều chính thiếu tiền nên tước hiệu này đã được "bán" và người chủ sở hữu tước hiệu có quyền chuyển cho thừa kế. Ở khoảng giữa thế kỷ XVI tại tòa nhà này đã diễn ra nhiều hoạt động pháp viện và vào các năm 1618 và 1776 công trình đã trải qua những trận hoả hoạn lớn và nguyên nhân được dự đoán là có liên quan đến chuyện "tẩu tán" các tư liệu về một số chuyện bê bối của một số quan chức cao cấp hoặc liên quan đến chuyện tù nhân gây cháy để vượt ngục.

Một bộ phận kiến trúc quan trọng được biết đến nhiều là gian "sảnh lớn và chiếc bàn lớn bằng đá hoa đen", là căn phòng được coi là lớn nhất ở Paris (và cả ở châu Âu) thời đó, nơi diễn ra các cuộc họp phán quyết cũng như làm bàn tiệc cho các lễ hội. Nội thất căn phòng theo kiểu ghép đôi gian chính của nhà thờ gothique, được trang trí bởi nhiều bức tượng các vua nước Pháp với một vẻ đẹp rực rỡ và thanh cao. Sau đợt hỏa hoạn năm 1618 đã được Salomon-de-Brosse xây dựng lại (sau 4 năm) vẫn giữ một phong cách kiến trúc cổ điển mà nay còn được dùng làm phòng đợi của tòa Pháp đình.

THƯ VIỆN HUBT

Tòa nhà Conciergerie vốn là tư dinh của viên quan phụ trách quản lý toàn bộ toà lâu đài của hoàng gia, là người có quyền hành rất lớn trong số các cận thần của vua. Công trình này được gắn liền với các tháp pháo đài do quận công Eudes (nơi Saint-Louis cất giữ vàng bạc) và tháp César. Ở góc phía bắc của tòa nhà còn có một tháp vuông xây dựng vào năm 1370, là ngọn tháp đầu tiên có đặt đồng hồ, được Germain Pilon trang trí vào thế kỷ XVI và được trùng tu vào thế kỷ XIX. Tòa nhà Conciergerie được Philipe-le-Bel giao cho Enguerrand de-Marigny chuyển đổi thành một lâu đài với những phòng lớn và rộng rãi, trong đó có phòng "những chiến binh" theo kiểu kiến trúc gothique

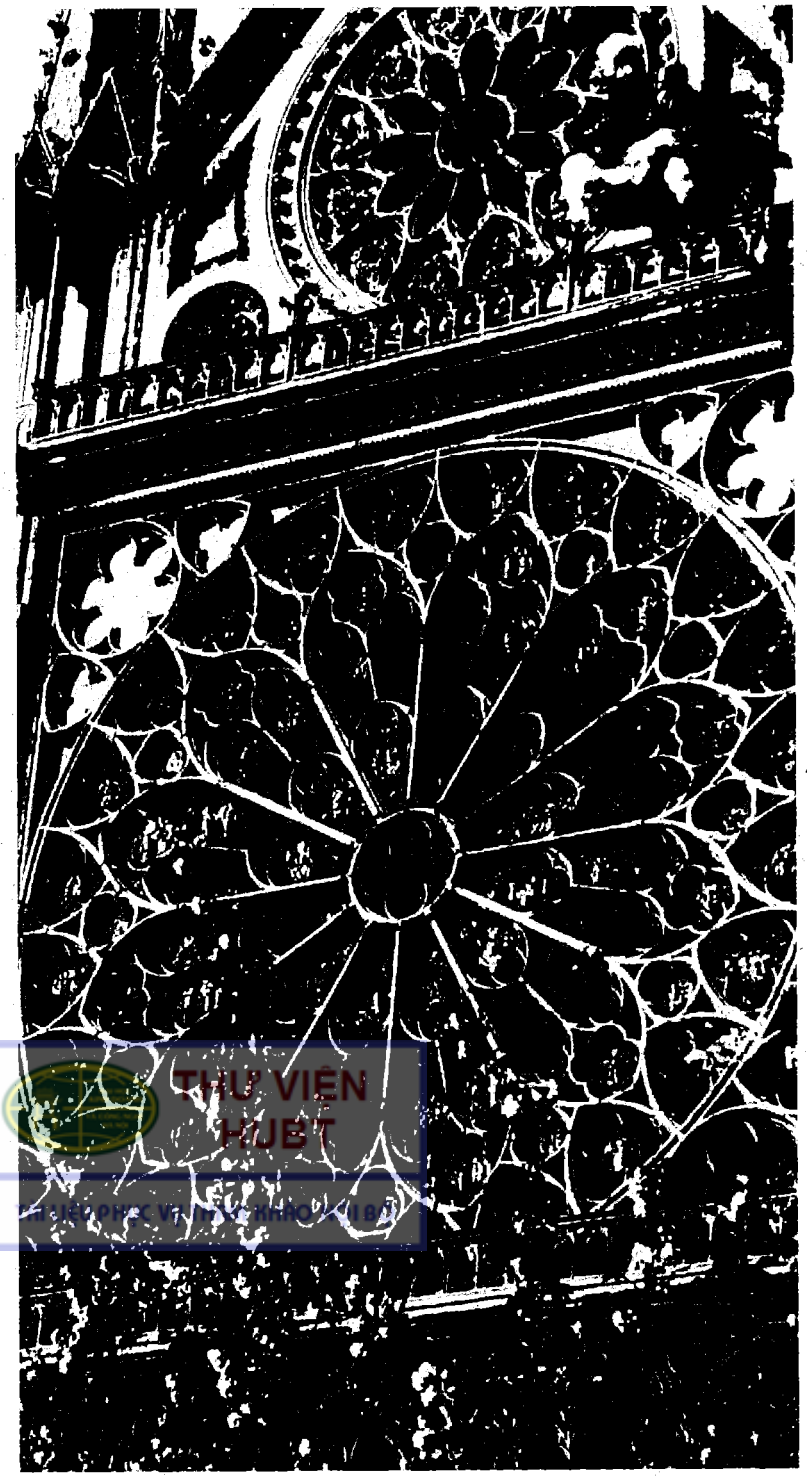
rất đẹp, phòng của quân Cận vệ và phòng của nhà bếp. Công trình này sau được chuyển thành một nhà tù nổi tiếng vào thời khủng bố, nơi từng giam giữ Marie-Antoinette, Danton và Robespierre.



Nhà thờ đức bà trên đảo Cité

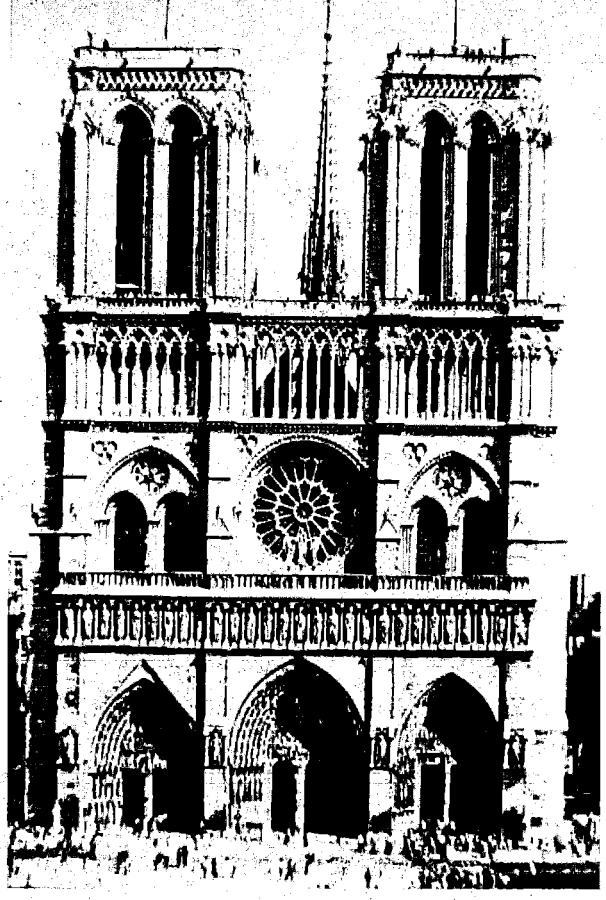


Mặt nam nhà thờ Đức Bà

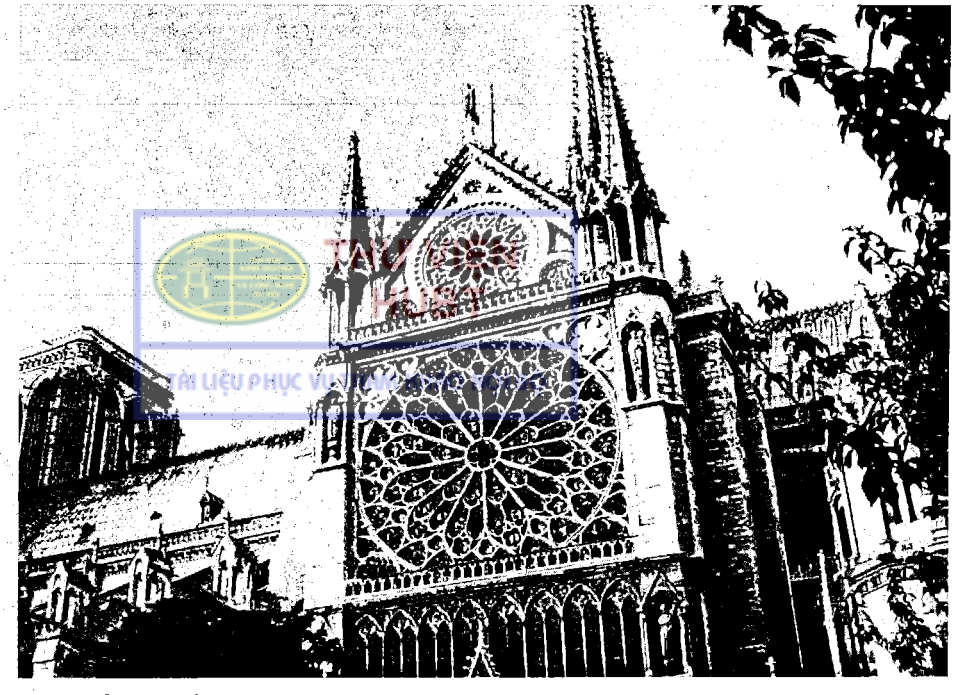


THƯ VIỆN
HUBT

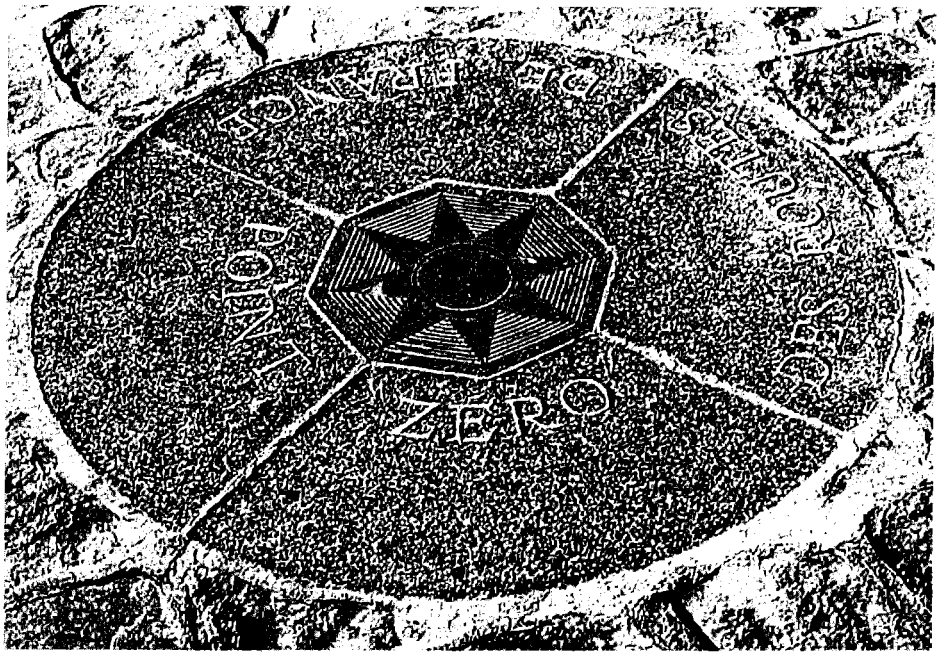
Chi tiết cửa sổ hoa hồng



Nhà thờ đức bà Paris



Cửa sổ hoa hồng ở mặt nam nhà thờ Đức bà

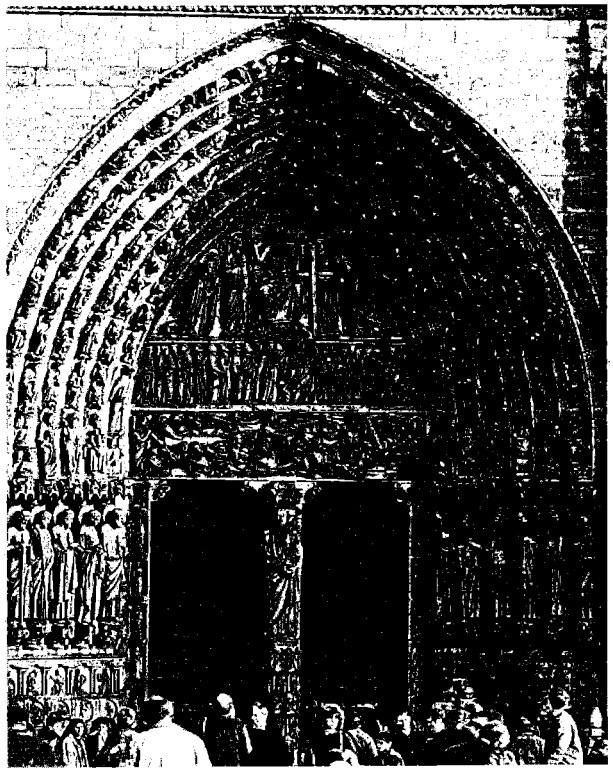


Cột mốc Zero trước sân nhà thờ Đức bà Paris



Hình quái vật trang trí mái nhà thờ

THƯ VIỆN HUẾT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

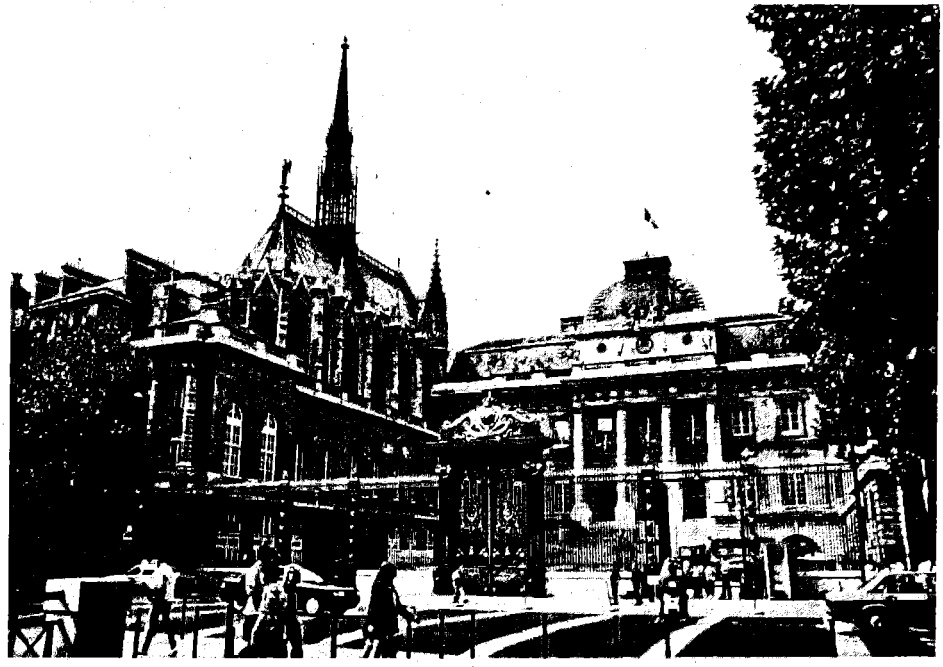


Chi tiết
cửa mặt trước



Chi tiết
trang trí cửa

THƯ VIỆN
HUBT



Nhà thờ Sainte - Chapelle và tòa nhà công lý



Nhà thờ Sainte - Chapelle và tòa nhà công lý

6. Opéra Paris từ Charles Garnier tới Carlos Ott

Người Hà Nội có thể dễ dàng hình dung ra hình ảnh của nhà hát ôpêra Paris qua hình ảnh rất quen thuộc của Nhà hát Lớn ở Hà Nội, mặc dù về quy mô và sự phong phú về trang trí thì hoàn toàn không thể so sánh nổi. Khoảng cách về tuổi đời của hai nhà hát khoảng hơn 40 năm, thời gian xây dựng nhà hát ôpêra Paris là 1862 - 1875 còn nhà hát Hà Nội là 1901 - 1911.

Thời kỳ xây dựng nhà hát cũng là thời kỳ mà thủ đô Paris thực hiện những kế hoạch chỉnh trang rất to lớn với việc mở các trục đại lộ lớn, một sự mổ xẻ đối với thủ đô Paris nhằm tạo ra một bộ mặt mới cho thủ đô do Georges Haussmann thực hiện. Vị trí nhà hát nằm ở phía bắc sông Seine, là địa điểm do chính Haussmann xác định, ở cách không xa hạt nhân của thủ đô là lâu đài Louvre và Hoàng cung, được nối với nhau bởi một đại lộ rất đẹp mang tên đại lộ ôpêra. Từ Louvre nhìn về phía nhà hát qua đại lộ này sẽ nhận được hình ảnh gần giống như từ ngã tư Hàng Bài (Bờ Hồ) nhìn về nhà hát Hà Nội qua phố Tràng Tiền vậy. Phía trước nhà hát cũng là một quảng trường với sự giao nhau của nhiều tuyến đường quan trọng.

Vào thời đó nhà hát ôpêra Paris được coi là nhà hát lớn nhất thế giới. Trước đây thì Paris cũng đã có nhiều nhà biểu diễn ca vũ kịch (12 công trình) nhưng sau bị hoả hoạn. Để đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật ngày càng lớn của nhân dân thủ đô, vào năm 1860 chính quyền đã ra quyết định xây dựng một nhà hát quy mô lớn. Một cuộc thi thiết kế đã được tổ chức, có 171 đồ án đem đến dự thi. Đồ án được chọn là của kiến trúc sư Charles Garnier (1825 - 1898) lúc đó mới có 36 tuổi, người từng được giải Grand Prix de Rome năm 1948 (23 tuổi).

Công trình có quy mô đồ sộ với trình độ xử lý nghệ thuật rất cao đã nhanh chóng chinh phục sự ngưỡng mộ của giới nghệ thuật và tên tuổi của tác giả được gắn liền với tác phẩm nghệ thuật này, người ta thường gọi đây là nhà hát Garnier - nhà hát đã giữ vai trò của một trung tâm văn hóa lớn không chỉ của Paris mà còn là của châu Âu thời đó, được ca ngợi là một "thánh đường của văn hóa và văn minh".

Kích thước chiều ngang nhà hơn 100m, chiều dài 172m, chiều cao tới đỉnh là 79m, tạo một không gian có khối tích 45 vạn mét khối với phần chính là phòng khán giả 2200 chỗ (1900 tầng dưới và 300 trên các "lô"). Lơ lửng trên đầu phòng khán giả là một bộ đèn chùm cực lớn (nặng 6 tấn), toàn bộ trần thiết và trang trí hết sức mỹ lệ, bởi

THƯ VIỆN HUBT

các tác phẩm hội họa và điêu khắc của các nghệ sĩ nổi tiếng nhất. Tranh vẽ trên trần ban đầu là một tác phẩm của Lenepveu (do chính Napoléon III chọn), nhưng vào năm 1964 lại được phủ bên ngoài bởi một bức tranh của Marc Chagall (do Bộ trưởng văn hóa André Malraux chọn).

Diện tích và khối tích công trình lớn hơn rất nhiều so với phần cốt lõi của công trình là sân khấu và phòng khán giả nói lên tính chất phong phú của hoạt động văn hóa và giao tiếp của trung tâm văn hóa này. Ba mặt công trình là những hành lang nghỉ và những sảnh lớn, hệ thống cầu thang đường bệ và sang trọng với nhiều trang trí lộng lẫy bằng các loại đá hoa đẹp nhất dẫn khách lên một sảnh lớn, nơi tụ hội quen thuộc của giới thượng lưu. Ngang sườn phòng khán giả có hai sảnh lớn hình tròn mang tên "sảnh Mặt Trời" và "sảnh Mặt Trăng" cũng là những không gian được trần thiết công phu.

Kiến trúc mặt chính của nhà hát phản ánh sự hâm mộ cái đẹp của thời đế chế luôn hướng về vẻ đẹp hoành tráng của những công trình có quy mô lớn, giàu trang trí lộng lẫy, ham sử dụng vật liệu quý nhiều màu sắc. Việc xử lý kiến trúc tuân thủ một tỷ lệ rất ổn định với một tầng đế tạo bởi một dãy cuốn tròn, bên trên là hành lang với dãy cột ghép từng đôi một bằng đá đỏ vùng Bavière, trên cùng là lớp băng phù điêu trang trí hình ảnh các nhạc sĩ. Rất nhiều tượng nổi và tượng tròn đã tham gia vào việc trang trí kiến trúc nhà hát, trong đó nổi bật nhất là nhóm tượng La Danse (Điệu vũ) ở phía bên phải mặt chính của nhà điêu khắc Carpeaux được coi là một trong những bức tượng đẹp nhất của thế kỷ XIX. Để tránh bị hủy hoại do để ngoài trời, bức tượng này đã được đưa vào cất giữ tại bảo tàng Louvre và thay vào đó là bản sao của bức tượng này do Belmondo thực hiện rất trung thành với bản gốc. Những người đến chiêm ngưỡng tượng đều thấy bị mê hoặc bởi vẻ đẹp tự nhiên, thuần khiết, động tác múa rất thanh thoát...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thời gian xây dựng nhà hát là vào nửa sau của thế kỷ XIX, là lúc mà nghệ thuật kiến trúc đã có những dấu hiệu bước sang một thời kỳ phát triển mới: thời kỳ của kiến trúc hiện đại. Đây là lúc mà ngành chế tạo sắt thép đã rất phát triển và sản phẩm của ngành này đã có sự xâm nhập rất mạnh vào lĩnh vực xây dựng, trước tiên là các công trình của ngành giao thông với những cây cầu có khẩu độ rất lớn cũng như những nhà ga đường sắt che phủ những khoảng không gian rất rộng. Đây cũng là lúc mà sản phẩm công nghiệp rất phong phú

đòi hỏi những nhà trưng bày rất lớn vào dịp tổ chức các cuộc triển lãm thế giới. "Lâu đài pha lê" (Crystal Palace) được xây dựng vào dịp triển lãm quốc tế 1851 ở Anh là một gương mặt tiêu biểu báo hiệu một thời kỳ phát triển mới của kiến trúc. Công trình này hoàn toàn bằng kim loại và kính, bao phủ một diện tích 7 vạn mét vuông và được thực hiện trong một thời gian kỷ lục.

Tuy thế, công trình của Charles Garnier không thuộc loại "Kiến trúc tiền phong" này, mà trái lại. như nhận xét của Michel Ragon (1) đây là "sự trỗi dậy cuối cùng của chủ nghĩa cổ điển" trong đó tác giả đã khai thác lối kiến trúc hoành tráng cổ điển của Palladio (2) cùng với sự hòa trộn của nhiều phong cách cổ điển theo kiểu nghệ thuật "chiết trung" khá thực hành vào khoảng giữa thế kỷ XIX (1830 - 1880). Ở Charles Garnier, con người kiến trúc nghệ thuật vẫn còn nổi trội hơn hẳn con người kiến trúc kỹ thuật mặc dù đã có những dấu hiệu cho thấy không lâu nữa vai trò của kỹ thuật sẽ trở nên "nặng cân" hơn trong nhiều công trình ở cuối thế kỷ đó.

Một loại vật liệu xây dựng mới đã có những tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc đã ra đời vào thời kỳ này đó là bê tông cốt sắt. Chính loại vật liệu này đã giúp cho việc xây dựng nhà hát ở Paris có một "thế hệ mới" vào thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX, nhà hát ở Champs-élysées do Auguste Perret thiết kế và được xây dựng vào năm 1911 - 1913.

Việc sử dụng bê tông trong xây dựng đã có từ lâu và được coi như một loại "đá nhân tạo", nhưng sự kết hợp của bê tông với kim loại để tạo nên một loại vật liệu vừa chịu nén vừa chịu kéo, chịu uốn thì phải nhờ tới một "sáng kiến bất ngờ" của Joseph Monier, một người làm vườn khi đúc những bồn cây bằng bê tông đã đưa thêm vào những đai sắt khiến cho chậu cây chịu lực rất khỏe. Sáng kiến này đã được cấp bằng phát minh vào năm 1867 nhân một kỳ triển lãm quốc tế ở Paris. Tuy nhiên việc ứng dụng loại vật liệu mới này vào công trình kiến trúc còn phải trải qua nhiều bước mò mẫm kể từ khi bằng phát minh đó được bán cho một hãng xây dựng của Đức và hãng này đã đặt tên cho công nghệ xây dựng đó là "hệ thống Monierbeton". Cho tới năm 1900 thì những nghiên cứu về lý thuyết tính toán đối với loại vật liệu mới này đã khá hoàn thiện và đã được nhiều nhà kỹ thuật vận dụng vào thực tế xây dựng như Hennebique với phát minh kiểu dầm chữ T bằng bê tông cốt sắt (1892) và cầu cho đường sắt ở Wigen (1893)...

(1) Michel Ragon - Histoire mondiale de l'architecture et de l'urbanisme moderne - T1 - Casterman Paris - Tournai 1985;
(2) Kiến trúc sư Italia, 1508-1580

Tuy nhiên phải chờ đến năm 1903 với ngôi nhà ở phố Franklin tại Paris do Auguste Perret thiết kế cũng như nhà để ôtô lớn ở phố Ponthieu cũng của ông thì người ta mới thực sự thừa nhận có một loại kiến trúc mới là kiến trúc bằng bêtông cốt thép. Với những công trình này, vẫn theo ý kiến của Michel Ragon nước Pháp đã không vắng mặt trên diễn đàn của phong cách kiến trúc hiện đại thế giới của những năm chuyển tiếp từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX mặc dù sự đóng góp này không quan trọng bằng sự đóng góp vào thời Louis-Philippe và thời Đế chế II. Trên diễn đàn của kiến trúc thế giới lúc này nổi lên những công trình của Kiến trúc sư người Bỉ Victor Horta như: nhà Tassel (1893), khách sạn Solvay (1895 - 1900), lâu đài Peuple ở Bruxelles (1896 - 1899) công trình của Berlage ở Amsterdam (trụ sở Chứng khoán 1897 - 1903) và của Mackintosh (trường Glasgow 1898 - 1909). Auguste-Perret (1874 - 1954) được coi là cùng thời với Horta (1861), Van-de-Velde (1869), Gropius (1883)... tất cả đều là những người đã góp phần tạo ra một phong cách mới của kiến trúc thế giới.

Với công trình quy mô lớn nhà hát ở Champs-élysées xây dựng vào năm 1911 -1913, kiến trúc nằm tại một vị trí khá quan trọng của thủ đô trên một diện tích 4000 mét vuông, có một ý nghĩa rất đáng kể vì là lần đầu một công trình văn hóa lớn lại được thực hiện chỉ bằng loại vật liệu bị coi là "mộc mạc" này. Khác với tòa nhà ở phố Franklin và garage ở phố Ponthieu, kiến trúc nhà hát này trên những nét lớn còn mang dáng dấp của thời kỳ cổ điển với những cột lớn ghép đôi vượt qua nhiều tầng, bộ khung nhà được thể hiện ra bên ngoài và trên cao của mặt chính có một dải trang trí bằng đá cẩm thạch, tác phẩm phù điêu của Bourdelle. Việc sử dụng đá thiên nhiên vào việc trang trí công trình bê tông này không hoàn toàn đúng với mong muốn của Perret vì phần nào đó nó làm mất đi sự thuần khiết của bê tông như ông từng làm đối với nhà garage phố Ponthieu.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phòng khán giả được thiết kế theo dạng tròn với tám cột chống đỡ tạo nét thẳng đứng tương phản với nét ngang của những ban công mở một tầm nhìn rất thoáng đãng về phía sân khấu. Chất lượng âm thanh của nhà hát được coi là tuyệt hảo. Ngoài phòng khán giả chính, nhà hát còn có phòng diễn thử nghiệm, một phòng vũ kịch và một phòng hài kịch. Trong buổi khai mạc nhà hát, vở diễn "Lễ đăng quang của Mùa Xuân" của Stravinski đã rất thành công trong khi đó thì kiến trúc nhà hát lại bị coi là quá "khô khan và nghiêm nghị".

Ở thời điểm không xa bước chuyển tiếp sang thế kỷ XXI, Paris lại phải đặt vấn đề sáng tạo một nhà hát mới để có thể đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật đã tăng lên rất nhiều mà những nhà hát cũ không thể đáp ứng nổi. Xuất phát từ nhu cầu này Hội đồng Bộ trưởng Pháp đã thông báo (9-3-1982) quyết định về việc xây dựng một nhà hát mới với hai mục tiêu: tăng quy mô phục vụ so với nhà hát cũ đồng thời đa dạng hóa các loại hình nghệ thuật được đem ra phục vụ cho công chúng, đó là nhà hát Bastille.

Phòng khán giả chính của nhà hát này có quy mô 2700 chỗ ngồi (tăng 500 chỗ so với nhà hát Garnier), ngoài ra còn có nhiều phòng biểu diễn phụ, một phòng được sử dụng cơ động cho số khán giả thay đổi từ 600 đến 1000 người, một phòng có đài vòng cho khán giả 600 chỗ và một phòng nhỏ 280 chỗ. Các phòng này sẽ tạo nên một hệ thống liên hoàn trong quá trình biểu diễn được phục vụ bởi một hệ thống trang thiết bị hiện đại đáp ứng mọi yêu cầu phức tạp của các loại hình biểu diễn. Những thiết bị phục vụ sân khấu được sắp xếp trong mười phòng bao quanh nằm trên hai tầng cao ngoài ra còn có phòng riêng cho yêu cầu nhắc vở diễn. Các xưởng đạo cụ và trang phục được trang bị hoàn chỉnh góp phần đắc lực cho hoạt động biểu diễn.

Khác với nhà hát thời Garnier ít nhiều có xu hướng "khép kín" cho một số đối tượng "cao cấp" trong xã hội, nhà hát xây dựng mới phải theo tinh thần "cởi mở" để có thể thỏa mãn nhu cầu văn hóa thường xuyên và dễ dàng tiếp cận đối với đông đảo công chúng. Một số hoạt động về giao tiếp, mua bán, ăn uống giải khát, đặt mua vé từ xa... đều được đáp ứng đầy đủ với công nghệ hiện đại. Trong hoạt động nội bộ, đây là nơi làm việc thường xuyên của khoảng 800 đến 1000 người của đủ loại hình chuyên môn.

THƯ VIỆN HUBT

Đồ án kiến trúc đã được lựa chọn qua một cuộc thi quốc tế vào năm 1983, có 750 đồ án tham gia cuộc thi và đồ án được chọn là của kiến trúc sư trẻ Carlos Ott người Canada gốc Uruguay. Với sự tham gia đông đảo của nhiều kiến trúc sư có tên tuổi, việc trao giải nhất cho tác giả 37 tuổi có phần là bất ngờ đối với nhiều người. Nhưng phương án kiến trúc đã thực sự chinh phục hội đồng giám khảo nhờ cách xử lý mới mẻ, phù hợp với yêu cầu công năng và cũng rất hài hòa với khung cảnh kiến trúc khu vực quảng trường Bastille. Địa điểm xây dựng công trình vốn bị bỏ trống từ khi nhà ngục Bastille bị phá hủy, cũng đã có nhiều phương án địa điểm khác (khu Défense,

khu La Villette...) nhưng quảng trường Bastille vẫn là nơi thích hợp nhất cho công trình này.

Công trình có quy mô lớn với tổng diện tích sàn lên tới 150.000m^2 (trên diện tích đất 22.800m^2), có độ cao 48m, là công trình chủ đạo trong khung cảnh kiến trúc quảng trường. Được cấu trúc hình nửa tròn về phía mặt chính với cách phân mảng khá độc đáo bằng nhôm và kính. Sự giật bậc từ hai bên cao dần lên ở giữa đã nhấn mạnh được lối vào chính với một cầu thang long trọng gây ấn tượng về sự bề thế. Hình ảnh kiến trúc thanh cao và trong sáng tuy có phần hơi "lạnh lùng", với sự thống nhất chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài, việc mở nhiều cửa sổ ra phố với hàng cột phân vị dọc và đường băng ngang rất hài hòa đã làm dịu đi rất nhiều sự phân mảng lớn ở bên trên. Việc khai thác những tiến bộ mới trong xây dựng cũng như trang thiết bị cho nhà hát là điều rất được chú trọng và có thể coi là một thành công đáng kể, đặc biệt là về kỹ thuật âm thanh. Hình thức của phòng khán giả cũng như độ sâu của tầng ban công và cấu trúc hố nhạc trước sân khấu đã được nghiên cứu kỹ lưỡng để tạo hiệu quả âm thanh tốt nhất cho phòng khán giả có quy mô lớn. Những chuyên gia âm thanh thuộc trung tâm khoa học và công nghệ xây dựng Grenoble (nhóm nghiên cứu do Helmut Muller chỉ đạo) đã làm những mô hình nghiên cứu kỹ lưỡng trên tỷ lệ 1:20 và đưa ra những giải pháp âm thanh thích hợp nhất. Việc chọn lựa vật liệu trang trí nội thất phòng khán giả không chỉ đảm bảo yêu cầu thẩm mĩ mà còn là một giải pháp tối ưu hóa hiệu quả âm thanh. Việc trang trí bộ phận của phòng khán giả được coi là có nhiều thành công với việc sử dụng khéo léo những tấm kính được gia công đặc biệt, kết hợp yêu cầu trang trí với yêu cầu chiếu sáng đồng thời cũng phù hợp với yêu cầu của kỹ thuật âm thanh.

THƯ VIỆN HUBT

Trong số những công trình lớn của những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, nhà hát Bastille là một thành công của lĩnh vực xây dựng văn hóa vừa kế thừa một truyền thống nhà hát lâu đời vừa là một sự phát triển để đi tới thế kỷ XXI.

Sẽ là một thiếu sót khi thăm thú nhà hát hiện đại ở Bastille mà lại không biết đến những sự kiện lịch sử từng gắn bó với địa danh này. Hàng năm vào ngày 14 tháng 7 cả nước Pháp tưng bừng mở hội Quốc khánh, chính là ngày vào năm 1789 quần chúng lao khổ đã phá đi nhà ngục lớn nằm tại quảng trường này, công trình được coi như

"biểu tượng của nền quân chủ chuyên chế". Xuất phát ban đầu là một pháo đài thời trung cổ xây dựng vào nửa cuối thế kỷ XIV. Vào năm 1356, viên thái thú Paris là Etienne Marcel mưu tiếm quyền lúc Jean-le-Bon bị sát hại, đã xúc tiến việc xây dựng vòng thành. Khi Charles V lên ngôi đã loại bỏ kẻ làm phản và tự mình chăm lo việc xây dựng thành quách, mở rộng thành về phía bắc và xây dựng thêm pháo đài. Pháo đài mới có tên Pháo đài (Bastille) Saint-Antoine được hoàn thành vào năm 1382 có mặt bằng hình chữ nhật (66 × 30m), có 8 tháp canh cao 24m, xung quanh có hào nước rộng 25m, sâu 8m.

Từ thời Richelieu thì Bastille được chuyển thành một nhà ngục với những xà lim kiên cố còn tồn tại nhiều năm về sau. Những bức tường cao ngất của pháo đài từng là nơi giam giữ và sát hại của không biết bao nhiêu con người mà trong đó còn có nhiều nhân vật nổi tiếng như Louis-de-Luxembourg, quận công Nemours, Jacques d'Armagnac, Bernard-Palissy... kể cả Voltaire là người đã hai lần "vào ngụ cư" tại pháo đài này.

Những ngày đại cách mạng của năm 1789, Bastille đã là một mục tiêu quan trọng: Sau đây là vài dòng trích từ một cuốn sử (1): "Ngày 14-7, một đoàn người đến Tòa Phế binh (Invalides) lục soát lấy đi 28.000 khẩu súng cùng với đại bác. Một đoàn khác đến Bastille, cũng để lấy súng. Họ thấy đại bác (15 khẩu) của pháo đài - nhà ngục này, hiện thân của chế độ phong kiến chuyên chế và bạo ngược, chĩa thẳng về khu ngoại ô Saint Antoine nơi tập trung nhiều gia đình công nhân và thợ thủ công Paris. Với hai lớp hào sâu bao bọc, có mắc cầu rút, được một đội đồn binh mạnh bảo vệ, Bastille dường như là thành trì không phá vỡ nổi của chế độ chuyên chế. Ủy ban thường trực muốn thoả hiệp hòa bình đã cử đại biểu đến gặp viên giám ngục Bastille là Đơ Lônay (de Launay). Nhưng nhân dân tin tưởng vào sức mạnh của mình, tấn công ngục Bastille, băng qua hào, bắn đại bác để chặt đứt xích cầu rút và xông vào phía pháo đài...". Từ năm 1880 ngày này được lấy làm Quốc khánh Pháp.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THẢM KHẢO NỘI BỘ

(1) Trần Văn Trị
Cách mạng Pháp 1789
NXB Giáo dục 1989.

OPERA BASTLLLE

Tiến trình:

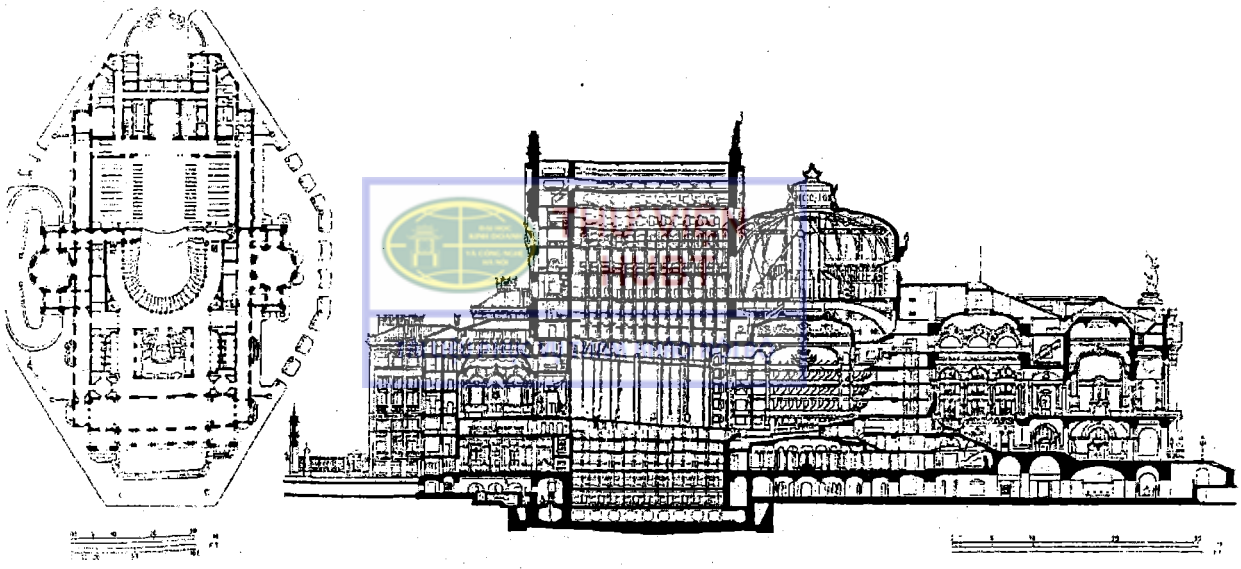
Tháng 3/1982: Quyết định của Tổng thống
Tháng 10/1983: Hình thành tổ chức đầu tư
Tháng 11/1983: Chỉ định Kiến trúc sư Carlos Ott
Tháng 10/1984: Phá nhà ga Bastillle
Tháng 1/1985: Khởi công xây dựng
Tháng 6/1986: Quyết định về công năng nhà hát
Năm 1989: Đưa vào sử dụng

Số liệu kỹ thuật:

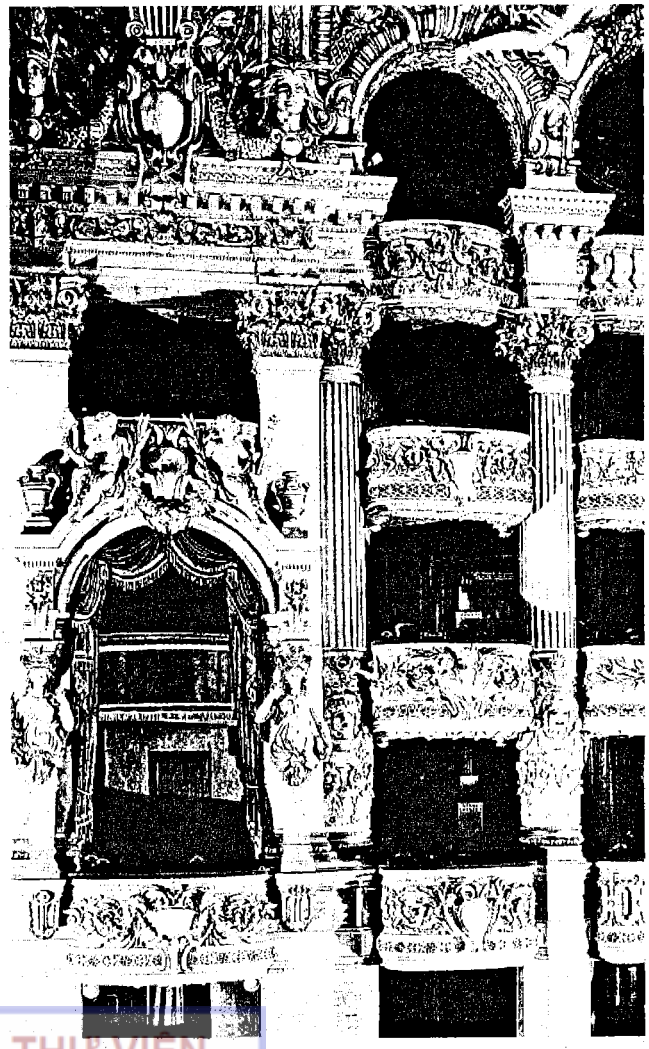
Phòng khán giả 2700 chỗ
Khu phông màn gồm 9 phòng ở 2 tầng
Gian amphithéâtre 600 chỗ
Studio 280 chỗ
Tổng diện tích: 22.800m^2

Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật: Hố nhạc di động thay đổi hình), khung sân khấu di động, thay đổi phông, màn tự động (tốc độ cao), màn ngăn lửa cực lớn...

Kinh phí: 2,17 tỷ F



Mặt bằng, mặt cắt nhà hát

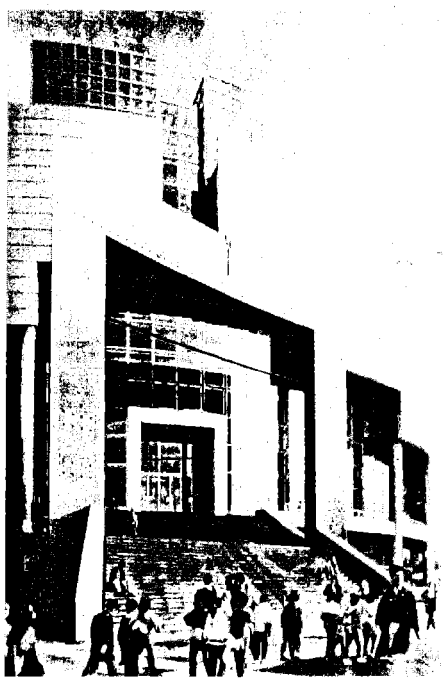


Trang trí nội thất
Opéra Paris

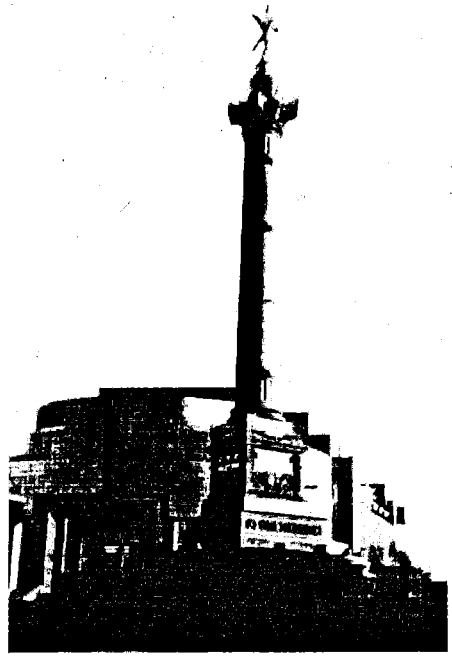
THƯ VIỆN
HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



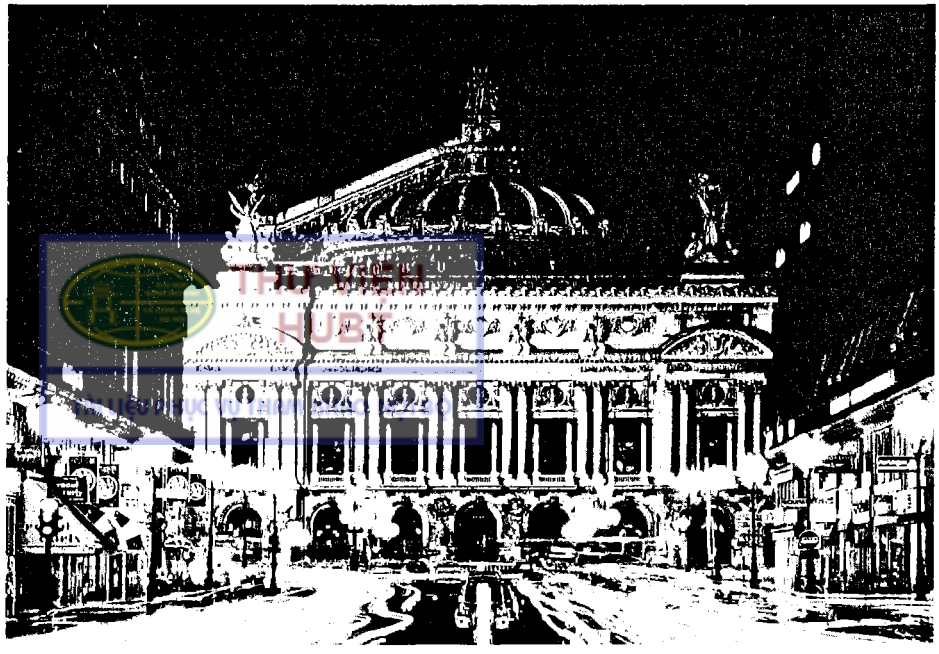
Nhà hát Bastille



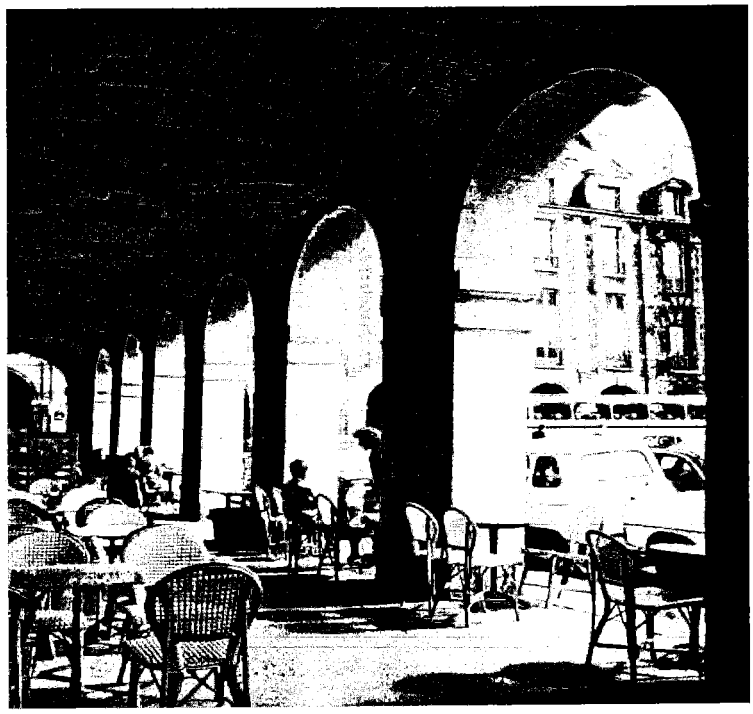
Nhà hát Bastille



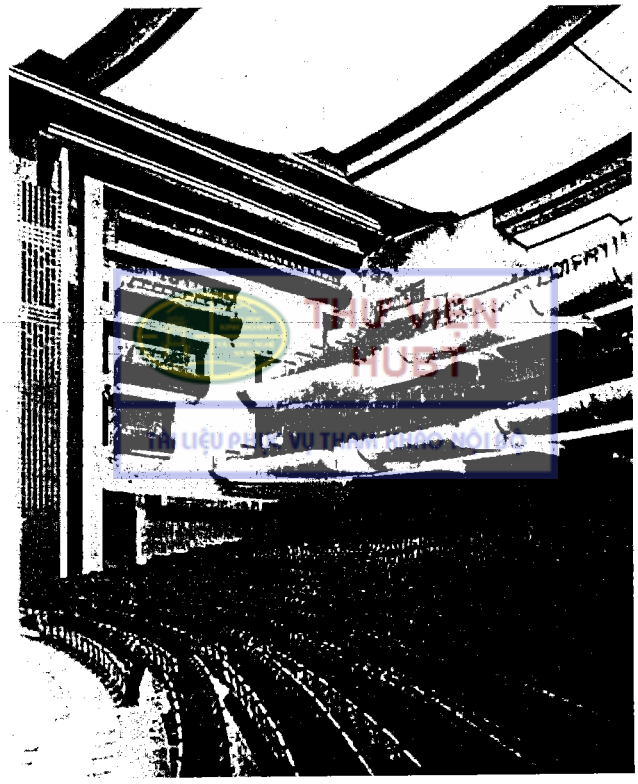
Quảng trường trước nhà hát Bastille



Opéra Paris ban đêm



Hành lang ở quảng trường Vosges



Bên trong nhà hát Bastille

THƯ VIỆN HUBT



Cột biểu tượng
ở quảng trường Bastille



Tổng thể kiến trúc
Forum des Halles

THƯ VIỆN
HUBT



7. Paris những điểm cao trên bầu trời

Kiến trúc Paris không chỉ chiếm lĩnh không gian trên mặt bằng, vẫn có những điểm vươn lên theo chiều cao và trở thành những hình ảnh "chế ngự" bầu trời Paris. Tột đỉnh về chiều cao là công trình mang tính biểu tượng: Tháp Eiffel tượng trưng cho sự phát triển công nghệ sắt thép và cũng là sự phát triển của trí tuệ con người ở cuối thế kỷ XIX, ngoài ra là những công trình của tôn giáo với những vòm mái nhà thờ, những tháp chuông... như là những ước muốn của con người vươn lên sự thánh thiện từ nhiều thế kỷ trước cho tới những thập kỷ gần đây do nhu cầu tận dụng đất đai nhiều công trình trụ sở cơ quan cũng tìm cách "vươn lên trời cao" như nhà tháp Montparnasse hay những cao ốc ở khu La Défense.

Công trình đỉnh cao tháp Eiffel rất đáng được ghi lại đây những sự kiện lịch sử đánh dấu một quá trình từ sự manh nha của ý tưởng cho tới công việc thực hiện.

Những ý tưởng đầu tiên về việc làm một tháp cao bằng kim loại cho kỳ triển lãm vào năm 1889 đã được bắt đầu từ năm 1882 và người đầu tiên có ý nghĩ này là kỹ sư Maurice Koechlin (1856 - 1946), ông là trưởng phòng nghiên cứu trong xí nghiệp do Eiffel đứng đầu, cùng với người đồng nghiệp là kỹ sư Emile Nouguier đã làm bản phác thảo với những tính toán sơ bộ. Lúc này ông Eiffel chưa quan tâm tới ý tưởng đó nhưng vẫn cho phép hai kỹ sư trên tiếp tục việc nghiên cứu. Hai ông này đã được sự hợp tác của kiến trúc sư Sauvestre đã vẽ công trình trên tỷ lệ to, trình bày với nhà điêu khắc Bartholdi và đệ trình lên Ban quản lý triển lãm nghệ thuật trang trí (thành lập vào năm 1884).

THƯ VIỆN HUBT

Lúc này thì ông Eiffel lại có sự quan tâm và quyết định tham gia vào dự án tháng 9/1884 ông đã đặt vấn đề xin bằng phát minh về "dự án tháp kim loại vượt độ cao 300m", tháng 12 năm đó ông đã ký với Nouguier và Koechlin hợp đồng chuyển nhượng sở hữu phát minh và đổi lại ông thanh toán các chi phí và cam kết nếu dự án được thực hiện (ngay cả có sự sửa đổi: thì hai ông kia sẽ được hưởng khoản tiền thưởng trích từ kinh phí xây dựng và tên tuổi được ghi vào đồ án thiết kế (tiếc là những điều cam kết không được thực hiện). Năm 1886 dự án được tuyển chọn qua cuộc thi về triển lãm cho năm 1889 với 700 đồ án dự thi, công trình tháp kim loại là một trong 18 đồ án được giải loại 1.

Quá trình xây dựng diễn ra vừa đúng 2 năm, 2 tháng, 5 ngày theo lịch trình như sau:

26-1-1887: Khởi công
30-6-1-887: Xong phần móng, chuyển sang lắp ráp
1-4-1888: Xong đến tầng 2
14-8-1888: Xong đến tầng 3
31-3-1889: Khánh thành

Hai tháng sau ngày khánh thành thì mới xong thang máy lên tầng 1. Ngày khánh thành Bộ trưởng Bộ thương mại đã được ủy nhiệm lên tới đỉnh tháp và tại đó ông đã trao Bắc đẩu bội tinh cho ông Eiffel. Ông Eiffel đã ký với tỉnh trưởng Paris khi đó là ông Poubelle một hợp đồng khai thác tháp Eiffel trong 20 năm sau đó sẽ thuộc quyền sở hữu của thành phố. Vào ngày 15 - 5 năm đó công trình bắt đầu mở cửa cho công chúng vào xem, tháp được thắp sáng bởi 22.000 ngọn đèn dùng hơi gaz, ngày 27 - 5 các thang máy được đưa vào sử dụng.

Một thắng lợi xây dựng công trình là tuy rất phức tạp do phải làm việc trên cao nhưng quá trình thi công đã không xảy ra tai nạn nào. Trong quá trình thiết kế, 50 kỹ sư và họa viên kỹ thuật đã thực hiện 5300 bản vẽ, 100 công nhân đã gia công 18.000 bộ phận kim loại và trên công trình lắp ghép thường xuyên có 132 công nhân làm việc, 16 kích thủy lực có sức nâng 800 tấn thường xuyên hoạt động để nâng các khối cấu kiện lên xây dựng tháp. Việc xây móng có khối lượng 12.500m^3 gạch đá ở độ sâu 14m đã phải đào lấy đi 31.000m^3 đất. Cầu trúc thép bao gồm 18.000 bộ phận được kết cấu đảm bảo chịu đựng được hơn 10.000 người đồng thời hoạt động trên 3 tầng tháp. Các thang máy được bố trí trong chân tháp từ năm 1899 là thang máy thủy lực, từ năm 1965 thì có thang điện chở được 106 người, một giờ thực hiện được 12 chuyến lên xuống. Bốn chân tháp tạo thành mặt đế hình vuông có cạnh 127,5m, sàn tầng hai ở độ cao 57,63m có diện tích 4200m, tầng ba ở độ cao 115,73m diện tích 1400m^2, tầng bốn ở độ cao 276,3m diện tích 350m^2, độ cao tháp nguyên thủy là 312,27m, năm 1956 lắp thêm bộ ăng ten nên độ cao tăng lên 320,75m. Trọng lượng tháp lúc đầu 9700 tấn trong đó riêng phần kim loại 7300 tấn, tháp tạo nên áp lực trên mặt đất 4kg/cm^2 (tương đương áp lực người ngồi trên mặt ghế), cứ 7 năm tháp được sơn lại một lần và hết 5 tấn sơn.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH HỌC TẬP

Với một độ cao lớn như vậy, tháp phải chịu nhiều tác động của thời tiết gây nên những biến dạng tuy rất nhỏ: sự dãn nở do nhiệt về phía bị chiếu nắng làm cho đỉnh tháp nghiêng về phía kia 18cm, vào những ngày lạnh nhiều tháp "lùn" đi 15cm,khi gió mạnh (180km/h) đỉnh tháp có thể "đảo đồng" vẽ thành hình ellip có trục dài khoảng 15 - 18cm...

Vốn đầu tư xây dựng tháp đã được thu hồi nhanh chóng nhờ lượng khách tham quan không ngừng tăng lên: trong nửa năm đầu có gần 2 triệu khách thăm tiền bán vé thu được gần 6 triệu FF (khoảng 3/4 tiền đầu tư xây dựng), số khách các năm sau đều trong khoảng 1-2 triệu, sau 100 năm số khách tổng cộng là trên 120 triệu lượt, về doanh thu năm 1980 là 47 triệu FF năm 1985 là 125 triệu và năm 1990 là 214 triệu... Cây tháp nổi tiếng này cũng đã chứng kiến nhiều sự kiện đáng lưu ý: ngày 5-11-1898 Eugène Ducretet lần đầu thực hiện được sự liên hệ vô tuyến điện báo giữa tháp và điện Panthéon (cách 4km), 19-10-1901 Santos-du-Mont lái khinh khí cầu vòng quanh tháp đã suýt bị gió thổi đâm vào tháp, 1906 đại tá Férié thực hiện được việc truyền thông tin từ tháp tới những tàu trên biển, 30-12-1921 Sacha và Lucien Guitry thực hiện lần đầu việc trực tiếp phát sóng radio, 2-6-1923 nhà báo Pierre Labric thắng cuộc trong việc từ tầng gác hai đi xuống cầu thang bằng xe đạp, 1925 Edouard Belin thử nghiệm phát sóng vô tuyến lần đầu, 1926 Léon Coliot không thành công trong việc dùng máy bay chui quả cổng vòm của tháp, 26-4-1935 lần đầu phát sóng vô tuyến truyền hình, 1960 một lái buôn Anh rao bán tháp và đã lừa được một công ty Hà Lan ứng tiền... Vẫn chưa hết: ngày 25-10-1983 Charles Coutard và Joel Descuns đã lập kỷ lục phóng mô tô ba bánh lên đến sàn tầng hai rồi lại phóng xuống và kỷ lục này lại bị phá vào ngày 7-5-1987 bởi hai bạn trẻ Emmanuel Savatier 18 tuổi và Christophe Riondet 16 tuổi cũng phóng mô tô như thế chỉ hết có 47 phút và chân không chạm xuống sàn hoặc bậc cầu thang...

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Các kiến trúc không mang tính biểu tượng đơn thuần thường có độ cao thấp hơn trong đó nhiều công trình tôn giáo có độ cao trong khoảng từ 50 đến 100m mà trước tiên phải kể đến nhà thờ Sacré-Coeur trên đồi Montmartre. Nằm ở vị trí hơi xa sông Seine về phía bắc, hình ảnh nhà thờ gây ấn tượng mạnh về sự đồ sộ nhưng rất thanh cao nhờ màu sáng của đá trắng in hình nổi bật trên nền trời xanh.

Công trình được xây dựng vào thời kỳ sau cuộc chiến tranh xâm lấn của nước Phổ gây nhiều mất mát đau thương, những người công giáo đã có nguyện vọng xây dựng tòa nhà thờ "rửa tội" trên ngọn đồi cao nhất của Paris và đã được Quốc hội chấp thuận. Họ tiến hành quyên góp để có kinh phí xây dựng đồng thời tổ chức tuyển chọn thiết kế. 78 kiến trúc sư đã có đồ án đóng góp và phương án của kiến trúc sư Abadie đã được chọn lựa. Ông là người vừa hoàn thành công trình tu tạo nhà thờ Saint-Front ở Périgueux. Công trình được khởi công vào ngày 16-6-1875, do gặp nhiều khó khăn trong quá trình xây dựng nên đến năm 1919 mới làm lễ đưa vào sử dụng (sau 44 năm).

Kiến trúc nhà thờ theo phong cách roman-bizantin có quy mô khá đồ sộ: rộng 50m dài 100m, trên cao là mái vòm lớn có đường kính 16m cao 55m, gác chuông có độ cao 84m bên trong có quả chuông vào loại lớn nhất thế giới có tên Savoyarde (nặng 20 tấn) và cây thánh giá ở đỉnh gác chuông đạt tới độ cao 91m. Hình ảnh kiến trúc của nhà thờ được nổi bật bởi những khối vòm đồ sộ tạo cho nhà thờ dáng vẻ "một quả núi", các mặt chính được xử lý với đường nét khoẻ mạnh của kiến trúc roman với nhiều dãy cuốn bao quanh vòm và ở mặt chính trước lối đi vào. Trang trí phía mặt chính nhà thờ được nhấn mạnh bởi hai bức tượng lớn: tượng Saint Louis và tượng Jeanne d'Arc đều ở tư thế cưỡi ngựa. Trang trí nội thất của nhà thờ đã gây nhiều ấn tượng, đặc biệt ở vòm mái gian điện thờ có tác phẩm tranh ghép gốm cỡ lớn do Luc-Olivier Merson thực hiện với chủ đề nói lên lòng sùng kính của nước Pháp đối với Chúa Thánh Tâm.

Nằm ở vị trí gần như đối xứng với nhà thờ Sacré-Coeur qua trục Champs-élysées, một điểm cao khá quan trọng chế ngự bầu trời phía nam sông Seine là toà nhà tháp Montparnasse cao 58 tầng, vươn lên tới độ cao 210m. Công trình được xây dựng vào năm 1973 theo đồ án của kiến trúc sư Eugène Baudoun, Urbain Cassan, Louis-le-Hoyn de-Marieu và Jean-Saubot, vào lúc đó được coi là toà nhà cao nhất ở châu Âu. Công trình tổng diện tích sàn hơn 30 vạn mét vuông được dùng làm trụ sở các cơ quan có sức chứa hơn 7000 người và có trọng lượng tên tới 120.000 tấn, móng nhà phải ăn sâu xuống 70m mới đảm bảo độ bền vững. Phần lõi công trình bằng bê tông cốt thép, xung quanh được phủ kính màu phản quang có diện tích tổng cộng lên tới 39.000m^2 (có 7200 cửa sổ). Trong công trình cũng có khá đầy đủ các dịch vụ: cửa hàng, nhà ăn trên tầng thượng để ngắm cảnh

THƯ VIỆN HUBT

thành phố... Công trình này gắn liền với một dự án lớn về chỉnh trang ở khu vực xung quanh ga Montparnasse được khởi đầu từ năm 1954, lúc đó dự tính sẽ có công trình nối liền nhà ga với đại lộ Maine. Dự án được điều chỉnh lại vào năm 1958 và một kế hoạch chỉnh trang đô thị khá quy mô đã đi vào thực hiện từ năm 1961 với nhiều giai đoạn và đến năm 1973 thì kết thúc. Với việc hoàn thành dự án này, Paris dường như đã có một "Montparnasse mới" với một tổng thể công trình vừa có văn phòng, các cơ sở dịch vụ và cả nhà ở.

Xung quanh quảng trường 18 tháng 6 năm 1940 giờ đây đã hình thành nên một không khí sầm uất một trung tâm giao tiếp nhộn nhịp nhất ở phía bờ nam của sông Seine với nhiều rạp chiếu phim, các quán giải khát. Công trình "Trung tâm Dệt quốc tế" (CIT - Centre International du Textile) là một trụ sở làm việc và giao dịch của hơn 200 công ty, khối nhà hình lập phương cao 12 tầng. Nằm giữa quảng trường và nhà tháp là một trung tâm thương nghiệp có 2 tầng nổi và 6 tầng chìm dưới mặt đất. Trong trung tâm này ngoài các gian hàng thuộc loại cao cấp chiếm 3 tầng trên cùng còn có trung tâm biểu diễn và kinh doanh thời trang, một trung tâm thể dục và bể bơi, bộ phận hành chính và ga ra ngầm.

Trong nửa cuối thế kỷ XX, kiến trúc Paris có sự vươn lên chiều cao rõ rệt nhất là ở khu La Défense mà có người mệnh danh là "Niu Yooc trên bờ sông Seine". Sự phát triển mạnh mẽ của thủ đô ở thời kỳ sau chiến tranh đã khiến cho nội thành trở nên quá tải và đô thị buộc phải phát triển ra các vùng đất mới ở bên ngoài, đó là lý do hình thành một trung tâm đô thị mới ở phía tây theo hướng kéo dài của trục đại lộ Champs-élysées.

THƯ VIỆN HUBT

Trung tâm La Défense được coi là chính thức ra đời vào năm 1958 khi tại đây mọc lên tòa lâu đài đồ sộ và hiện đại dùng làm "Trung tâm quốc tế về công nghiệp và kỹ thuật" (CNIT - Centre international des Industries et des techniques). Công trình xây dựng theo đồ án của Zehrfuss, Camelot và Mailly, khánh thành năm 1959.

Công trình này cũng là một kỷ lục quan trọng về nhiều mặt kỹ thuật với một cấu trúc mái vòm dựa trên 3 điểm tựa và có mặt bằng hình tam giác mỗi cạnh dài 218m. Ba mặt thoáng của công trình đều có mặt vòm cung thoải được lát kính dựa trên bộ khung Inox. Công trình đã được sử dụng cho nhiều hoạt động khác nhau, trước tiên là để triển lãm các mặt hàng công nghiệp (chủ yếu là ôtô), phía trước

công trình được trang trí bởi bức tượng "Hai nhân vật" của Miro và trên quảng trường là một bức tượng trừu tượng màu đỏ của Calder.

Từ năm 1961 có đường tàu điện ngầm cao tốc nối khu này với trung tâm cũ (quảng trường Ngôi sao và quảng trường Opéra) tạo cho trung tâm Défense một sức hấp dẫn mới và đã thu hút về đây nhiều chủ đầu tư xây dựng những cao ốc dùng làm văn phòng tạo nên một khu "nhà chọc trời" ở phía tây Paris với những nhà tháp cao gần 200m.

Liên quan đến quy hoạch trung tâm La Défense đã có nhiều cuộc tranh luận kể từ khi có cuộc thi tìm ý kiến trúc tổ chức vào năm 1931 trong đó vấn đề được đặt ra là một không gian kiến trúc nào sẽ là phù hợp cho sự phát triển của trục không gian kiến trúc Champs-élysées về phía tây của thủ đô Parisư Trục này được khởi đầu từ Louvre qua quảng trường Ngôi sao phát triển tới La Défense thì sẽ kết thúc ở đó (một giải pháp "đóng") hay sẽ được phát triển tiếp (giải pháp "mở"). Với việc lựa chọn công trình chủ đạo trên trục là "Công Lớn" (Grande Arche) rõ ràng là "giải pháp mở" được coi là thích hợp.

Vào dịp lấy ý kiến tham khảo vào năm 1979, nhiều người mong muốn kiến trúc ở đây không quá cao, nhưng sau đó thì người ta mong mỏi ở đây phải có một kiến trúc thực sự hoành tráng bởi vì trước đây gần một thế kỷ nước Pháp đã từng có một Eiffel mà thế giới phải ngưỡng mộ. Năm 1982 theo yêu cầu của Tổng thống, một cuộc thi thiết kế cho công trình tiêu biểu trên trục này làm sao tương xứng với ý nghĩa của một địa điểm mang tính chất "ngã tư quốc tế". Có 424 đồ án đã được soạn thảo của cả kiến trúc sư trong nước và ngoài nước và nhanh chóng đã khẳng định được phương án thích hợp nhất là của kiến trúc sư Đan Mạch Johan-Otto-von-Sprekelsen.

THƯ VIỆN HUBT

Kiến trúc "Cổng Lớn" có hình ảnh một khối lập phương được đục thông theo hướng đông tây một "cửa sổ mở ra thế giới". Khối lập phương có kích thước khổng lồ: mỗi cạnh 110m, như vậy "Cổng Lớn" là một khung vuông liền khối (không có khe lún và khe co dãn) mà hai cạnh đứng là hai tòa nhà 35 tầng (43.500m^2 diện tích cho các trụ sở làm việc), chiều dài 112m, rộng 18,70m, cạnh ngang bên trên là một mái cực lớn "bắc cầu" qua 2 khối nhà đứng mà trên đó ngoài sân ngắm cảnh còn có nhiều gian trưng bày, phòng họp có bậc ngồi... cạnh ngang dưới là hệ thống bậc mà bên trong cũng là một phòng lớn (dài 120m, rộng 70m). Toàn bộ công trình nặng 300.000 tấn, riêng

tấm đan vượt khẩu độ 100m cũng nặng tới 30.000 tấn, là một công trình thuộc loại "siêu cấu trúc" đạt nhiều thành tựu cao về kỹ thuật xây dựng.

Sau đây là sự bộc bạch những ý tưởng sáng tác mà tác giả trình bày tại cuộc thi quốc tế về công trình này (tháng 3-1983):

"Một khối lập phương mở
Một cửa sổ mở ra thế giới
Như một cung đàn trên đại lộ
Và một tầm nhìn hướng tới tương lai.
Một "Khải hoàn môn" của thời hiện đại
Tôn vinh những thành công nhân loại
Cũng là tượng trưng cho hy vọng ở tương lai
Nơi đây muôn người thoả sức gặp gỡ nhau."

Dưới cổng Khải hoàn của con người này từ bốn phương trời cùng tới gặp nhau hiểu nhau và học hỏi lẫn nhau.

Để cùng biết thêm về ngôn ngữ, phong tục nhiều điều hay về tôn giáo và văn hóa, nghệ thuật.

Nhưng chủ yếu là để gặp đồng loại mình!

Chi cần gặp nhau thội mọi rào ngăn, cách trở tình cảm do thiếu hiểu nhau sẽ tan đi hết.

Cổng khải hoàn sẽ được nhìn ngắm từ muôn hướng.

Khi tới gần mới hay một không gian rộng có mái che là nơi ta hoà lẫn với bạn và cùng nhau khám phá mỗi góc, mỗi phần.

Trong lòng rỗng Khải hoàn môn một đám mây nhẹ nhàng trôi...

Bồn cây cùng vòi nước bao quanh nơi ta ngồi nhắp chén cà phê và trò chuyện.

Chót vót trên cao: vườn treo và quán giải khát.

Một tổng thể công trình liên kết các tỉ lệ khác nhau từ qui mô đồ sộ tới nhỏ bé thân thương...

THƯ VIỆN HUBT

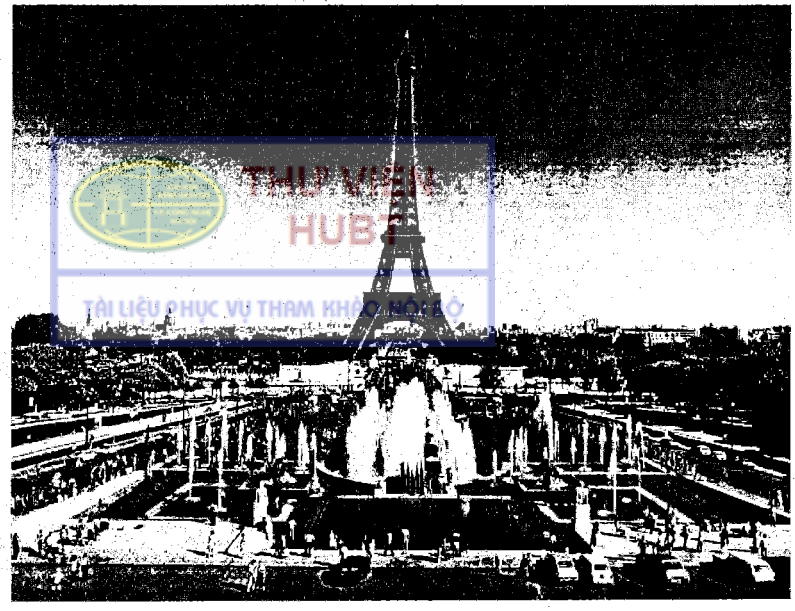
GRANDE ARCHE ở la DéFENSE

Tiến trình:

Tháng 3/1982: Tổng thống ra quyết định về dự án
Tháng 4/1983: Quyết định kiến trúc sư dự án là Johan Otto Von Spreckélsen
Tháng 7/1984: Thành lập tổ chức đầu tư khu La Défense
Tháng 7/1985: Khởi công xây dựng
Tháng 6/1989: Hoàn thành Grande Arche

Các số liệu kỹ thuật:

Tổng diện tích: 120.000m^2
Trong đó:
Phần ngầm dưới đế: 3.000m^2
Thân cổng phía Bắc: 43.500m^2
Thân cổng phía Nam: 43.500m^2
Diện tích chiếm đất: 55.000m^2 (riêng chân đế 12.650m^2)
Cấu trúc công trình khẩu độ lớn 110m
Trọng lượng công trình: 330.000 tấn
Bê tông "siêu ứng lực" 40 mégapascals
Thang máy vượt chiều cao 100m
Kinh phí: 2,9 tỷ F

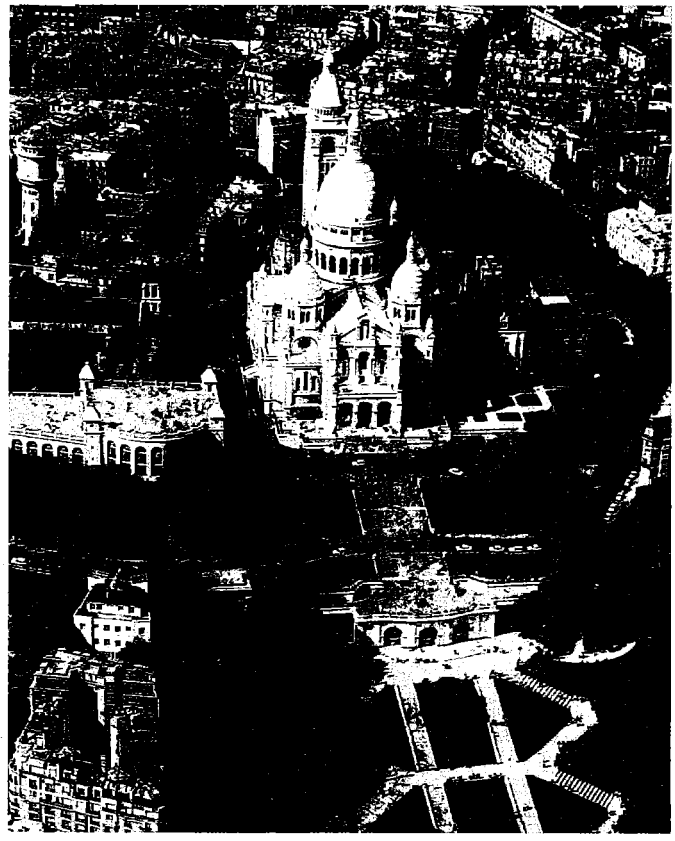


Tháp Eiffel nổi bật trên bầu trời



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tháp Eiffel và quang cảnh sông Seine

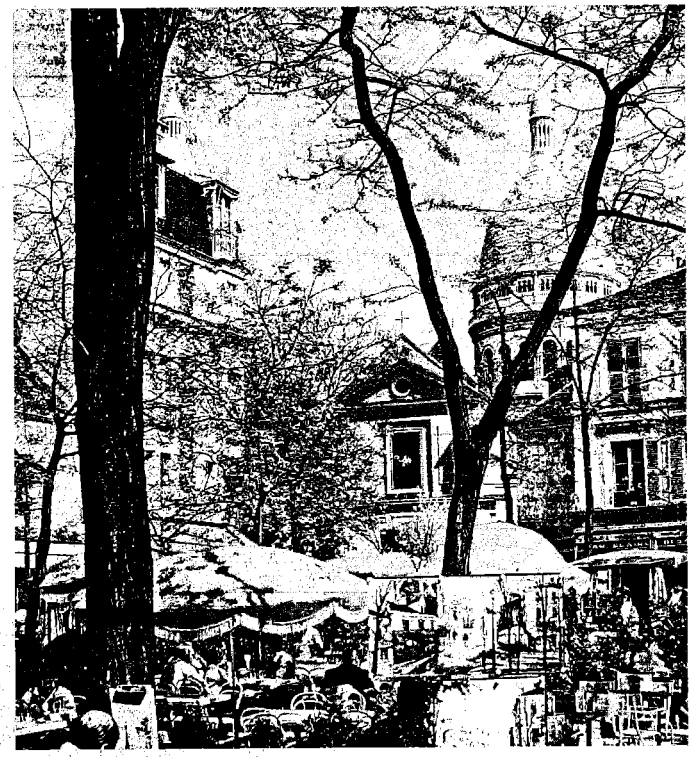


Toàn cảnh đồi Sacré Coeur



Tháp Eiffel và khu Front de Seine

THƯ VIỆN HUBT

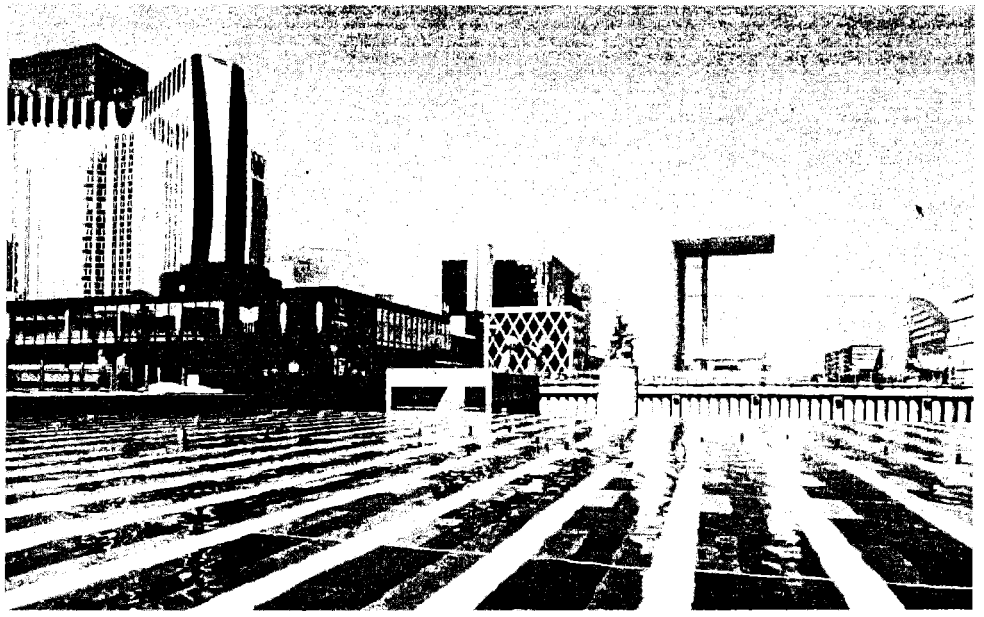


Sân trước nhà thờ Sacré Coeur



Nhà thờ Sacré Coeur trên đồi Montmartre

THƯ VIỆN HUBT

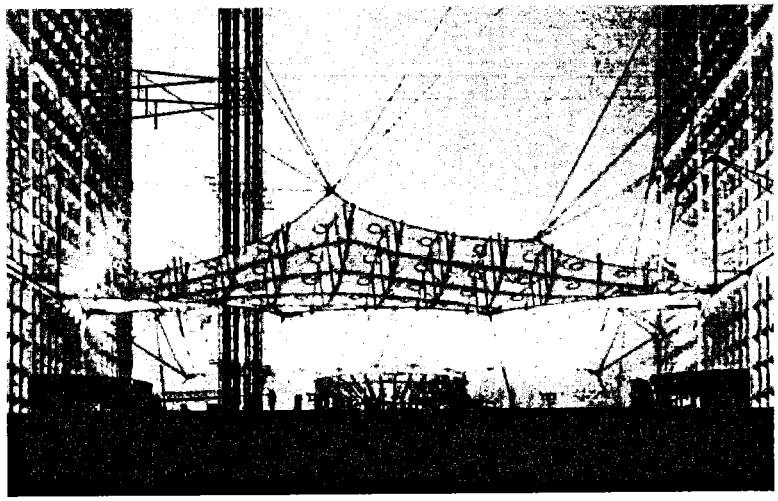


Toàn cảnh khu La Dáfense

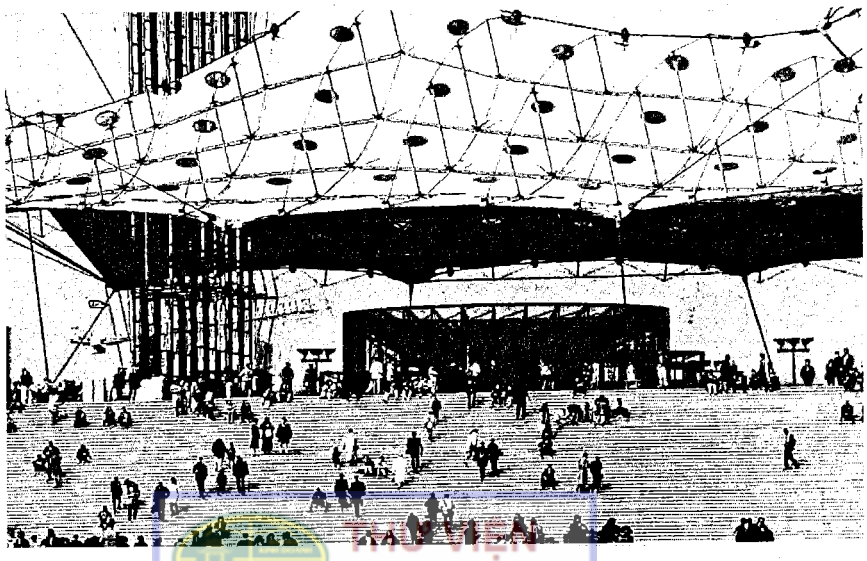


Công trình cổng lớn Grande Arche

THƯ VIỆN
HUBT



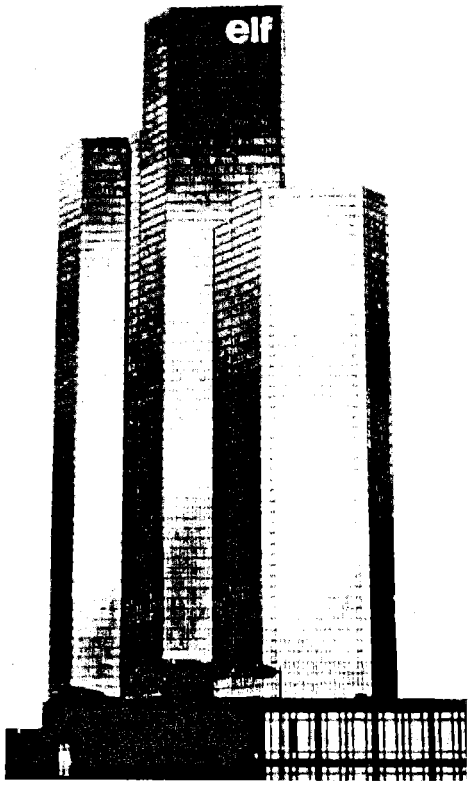
Chi tiết "đám mây" trong Grande Arche



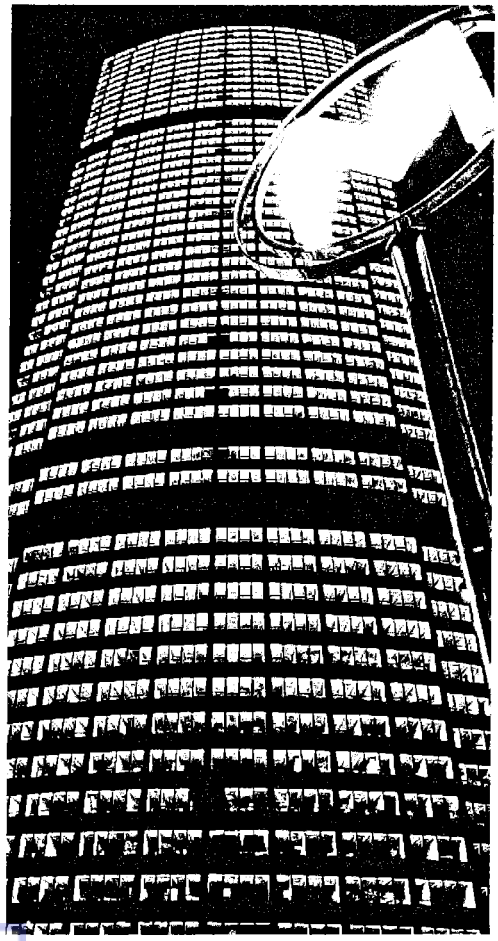
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



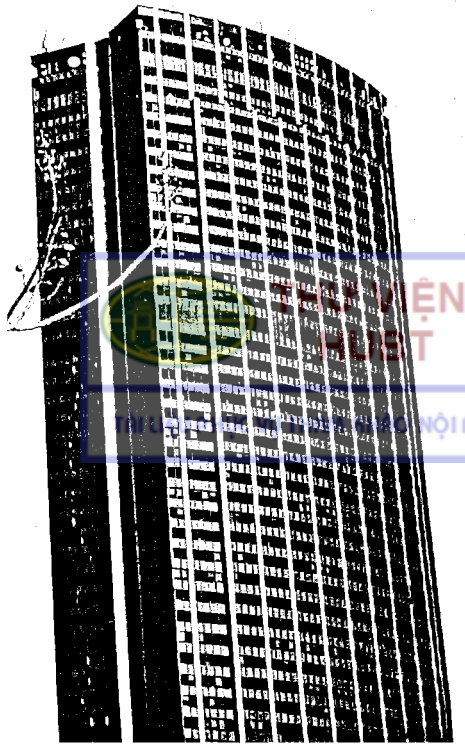
Các cao ốc ở La Défense



Các cao ốc ở La Défense



Tòa nhà tháp Montparnasse



THƯ VIỆN HUBT

8. Theo hướng trục Cardo từ Sorbonne tới La Villette

Theo hướng vuông góc với bờ sông Seine có một trục đại lộ rất quan trọng cắt ngang đảo Cité bao gồm ba phần: phần phía nam sông Seine là đại lộ Saint-Michel, phần phía bắc sông Seine là đại lộ Sebastopol và đoạn giữa nằm ngang trên đảo Cité là đại lộ Palais. Hai đầu của đại lộ Palais là hai cầu nối đảo Cité với hai bờ nam bắc; với bờ nam là cầu Saint - Michel với bờ bắc là cầu "Trao đổi" (Pont - au - Change). Đầu phía nam là đại lộ Saint - Michel gắn liền với khu phố Latinh, có nhiều công trình lịch sử như trường đại học Sorbonne, điện Panthéon, lâu đài Luxembourg..., còn đại lộ Sebastopol thì bắt đầu từ quảng trường Chatelet với hai nhà hát đối diện nhau và cạnh đó là tháp Saint-Jacques, thêm một chút về phía bắc có hai công trình khá quan trọng của thời đại là trung tâm văn hóa Pompidou (trung tâm Beaubourg), khu Forum des Halles, rồi đi tiếp rất xa về phía đông bắc sẽ tới trung tâm La Villette, một loại công viên khoa học và công nghệ hiện đại.

Sau đây là vài nét giới thiệu về những công trình đó giúp bạn đọc hiểu thêm về Paris trên một trục đường song song với một trục được hình thành từ thời La Mã: trục Cardo.

**** Trường đại học Sorbonne***

Năm trên quảng trường Sorbonne hình thành từ năm 1634 với công trình chủ đạo là nhà thờ Sorbonne, hai bên quảng trường có nhiều hiệu sách, quán giải khát là một trong những nơi nhộn nhịp trên đại lộ Saint Michel.

Robert-de-Sorbon từ một làng quê gần Rethel tới Paris và trở thành một nhà tu hành giảng về thần học. Tài năng của ông được Saint - Louis tin dùng vào phong cho làm linh mục phụ trách nhà thờ. Con người xuất chúng này luôn mơ ước môi trường giáo dục mà ở đó mọi người được học về văn chương và thần học, điều này cũng phù hợp với ý muốn của vua nên ông đã được cấp nhà để mở trường, đó chính là trường trung học Sorbonne. Ở buổi đầu, trường là nơi nuôi nấng thầy giáo và học trò nghèo, nhà vua có trợ cấp ít nhiều về tài chính, việc dạy và việc học ngày càng tiến triển, trường trở nên có tiếng tăm và chính tại trường này, từ năm 1470 đã là nơi đầu tiên có máy in ở Paris.

Sang thế kỷ XVII dưới thời Hồng y giáo chủ Richelieu (giáo chủ

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

cũng đã từng theo học trường này và từ năm 1622 đã là người lãnh đạo trường) nhà trường được mở rộng và nâng cấp với sự giúp đỡ tích cực của giáo chủ, kiến trúc sư Lemercier được giao chăm lo việc này (1626). Từ đó cho đến thời cách mạng, trường luôn là cơ sở của khoa thần học và có vai trò quan trọng đối với giáo hội, là nơi diễn ra nhiều cuộc thảo luận sôi nổi về những vấn đề của tôn giáo hoặc những vấn đề do nhà vua đặt ra. Đương nhiên với tư tưởng xuất phát là thần học, nhà trường đã không thể phù hợp với tư tưởng của "thế kỷ ánh sáng" và vào thời cách mạng nhà trường đã bị đóng của. Vào thời Nghị hội quốc dân (Convention) các trường bị giải thể, tiếng latinh vốn là ngôn ngữ chính thống của nhà trường đã không còn được chấp nhận.

Đến thời Napoléon vào năm 1806 trường Sorbonne lại được phục hồi và trở lại với vai trò của một trung tâm của trí tuệ. Ngôi trường cũ được tôn tạo và mở rộng do Nanot thực hiện vào 15 năm cuối của thế kỷ XIX, từ đó ngôi trường này đã trở thành trung tâm đào tạo đại học chủ yếu của nước Pháp. Cho tới thời kỳ sau chiến tranh số sinh viên tăng lên quá đông nên các cơ sở đào tạo đã phải mở mang ra cả các vùng xung quanh thủ đô, từ năm 1982 tổng số 30 vạn sinh viên đại học đã được phân bố trong 13 cơ sở đào tạo đại học trong cả vùng Paris.

Kiến trúc quan trọng ở đây là mặt chính của nhà thờ với hai hệ thống thức cột chồng lên nhau: coranh và com-pô-dit. Sau cổng vào là một sân long trọng hình chữ nhật, chỗ đó xưa kia chính là trường trung học Sorbonne bao quanh ba mặt sân là các cánh nhà của trường đại học, mặt thứ tư chính là toà nhà thờ Richelieu, kiến trúc của Lemercier hơi giống kiến trúc nhà thờ Saint-Pierre ở Rome. Mái vòm nhà thờ có 4 gác chuông bao quanh được xây dựng vào năm 1641 - 1644 nằm trong số các mái vòm lâu đời nhất ở Paris. Phía trước sân có đặt tượng Victor-Hugo và tượng Pasteur.

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Bên trong nhà thờ được trang trí rất đẹp và có ngôi mộ bằng đá hoa của Richelieu do Girardon thực hiện vào năm 1694 (theo bản vẽ của Le Brun). Hàng năm vào ngày 4 tháng 12 đều có cử hành nghi lễ trọng thể kỷ niệm ngày ông mất vào năm 1642.

Điện Panthéon trông ra phố Soufflot, mặt phố phía bắc có toà nhà của khoa Luật (Soufflot xây dựng trong các năm 1771 - 1822, trên địa điểm cũ của trường trung học Lisieux), mặt nam của phố là toà Thị chính quận V do Hittorf xây dựng vào năm 1844 - 1846, ngoài ra ba

công trình có qui mô lớn hơn chế ngự không gian là thư viện Sainte -Geneviève, nhà thờ St-Etienne-du-Mont và hơn hết là điện Panthéon.

**** Thư viện Sainte-Geneviève***

Xây dựng trên vị trí cũ của trường trung học Montaigu (trường này rất nổi tiếng về chất lượng giáo dục và cũng rất nổi tiếng về đời sống quá nghèo khổ của học sinh), thư viện có cấu trúc hiện đại nhờ khung mái vòm bằng kim loại do Labrouste thực hiện vào năm 1844-1850. Thư viện có 2,7 triệu cuốn bao gồm những sách rất cổ được truyền lại từ thời nhà thờ Sainte-Geneviève, một kho tàng thần học đồ sộ, về mặt văn học có nhiều bộ bản thảo quí giá của Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Gide, Valéry...

**** Nhà thờ St-Etienne-du-Mont***

Là một kiến trúc có nét riêng không giống các kiến trúc cùng thời. Từ thời Clovis trên đỉnh ngọn đồi ở đây đã xây dựng toà nhà thờ dành cho thánh Geneviève được coi là thánh bảo hộ của thành phố Paris. Thế kỷ XIII xây dựng nhà thờ thánh Etienne và đến thế kỷ XV thì được xây dựng lại với quy mô lớn hơn. Khởi công từ năm 1492 bắt đầu bằng gian điện thờ và đến năm 1610 thì mới xây tới phần mặt chính và đến năm 1626 mới làm lễ dâng Chúa (sau 134 năm). Giai đoạn xây dựng nhà thờ là thời kỳ chuyển tiếp từ phong cách gothique sang thời Phục hưng vì thế kiến trúc nhà thà là sự hoà trộn của hai phong cách kiến trúc này.

Kiến trúc mặt chính do Charles Guérin thực hiện được cấu trúc theo ba lớp chồng lên nhau: dưới cùng là một hàng cột có vành đai đỡ một trán tường hình tam giác (fronton), lớp giữa là của sổ hoa hồng có vành bao quanh và lớp trên cùng là cửa hoa hồng nhỏ bên trên có mảng tường nhọn. Cách cấu trúc với nhiều dạng hình học khác nhau là điều ít gặp trong các cấu trúc truyền thống. Một tháp mảnh hơi lùi về phía sau góp phần làm cho kiến trúc nhà thờ thêm bay bổng.

THƯ VIỆN HUST
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Điện Panthéon vốn ban đầu là nhà thờ chúa Trời xây dựng theo nguyện vọng của Louis XV sau khi khỏi ốm, thay cho tu viện Sainte-Geneviève đã bị đổ nát. Nhà vua giao việc cho kiến trúc sư Soufflot. Do nhiều lần du lịch tới nước ý, ông ít nhiều chịu ảnh hưởng nền kiến trúc nước này. Mặc dù được coi là bậc thầy của kiến trúc Tân cổ điển, ông vẫn thường ca ngợi kiến trúc thời trung cổ và thường ưa

thích "kết hợp sự nhẹ nhàng của kiến trúc gothique với sự tráng lệ của kiến trúc Hy Lạp". Công trình nhà thờ được khởi công vào năm 1756, năm 1780 Soufflot qua đời mà công trình chưa hoàn thành, được Rondolet kế tục và công việc được kết thúc vào năm 1790.

Những sự kiện lịch sử gắn liền với nhà thờ cũng khá phức tạp. Năm 1791 Quốc hội lập hiến quyết định nhà thờ sẽ trở thành một nơi cất giữ và thờ phụng thi hài các vĩ nhân. Vì thế các chi tiết trang trí kiểu tôn giáo cả bên trong lẫn bên ngoài đều bị tước bỏ, 42 cửa sổ được lấp đi để tạo cho bên trong công trình một không khí lăng mộ. Đến thời Napoléon vào năm 1806 công trình trở lại chức năng tôn giáo và sau đó Louis XVIII đã phong danh nhà thờ xứ. Nhưng sau đó khi Louis-Philippe lên ngôi lại quyết định dành công trình cho những vĩ nhân đã làm dạng danh nước Pháp, ngược lại khi Napoléon III cầm quyền đã mở lại nhà thờ cho tôn giáo. Nền Cộng hoà thứ III, với việc đưa thi hài Victor-Hugo vào đặt tại đây (1885), công trình cuối cùng đã được "thế tục hoá" và hoàn toàn làm chức năng lăng mộ của các vĩ nhân nước Pháp, trong đó có cả người thiết kế công trình là kiến trúc sư Soufflot. Mặt bằng công trình hình chữ thập mà tại tâm điểm là một vòm mái lớn có 32 cột bao quanh, hàng cột phía trước đã ít nhiều gợi lại hình ảnh cung điện Panthéon ở Rome với 22 cột cao 19m theo thức co-ranh bên trên là trán mái tam giác được trang trí bởi tượng nổi của David d'Angers. Công trình có kích thước đồ sộ: dài 110m, rộng 82m và cao 83m, hai bên gian chính cũng là các hàng cột co-ranh (tổng số 100 cột). Những cửa sổ được lấp đi đã tạo ra những diện rộng cho các nghệ sĩ trang trí bằng các tượng và các tranh lớn hơn, trong đó có bức tranh nổi tiếng của Puvis de Chavannes: "Cuộc đời Thánh Geneviève".

Mái vòm của điện Panthéon là một hình ảnh kiến trúc rất tiêu biểu và đã trở thành một "cột mốc" quan trọng trong không gian kiến trúc Paris ở phía bờ nam sông Setne. Trang trí bên trong vòm cũng là những tác phẩm có giá trị như bức tranh trang trí lớn trên diềm tường của Gros: "Buổi phong Thánh Geneviève". Đối diện với cột trụ đầu phía phải là ngôi mộ (tượng trưng) của Jean-Jacques-Rousseau và trụ đầu phía trái là tượng đài về Diderot. Một cầu thang 454 bậc để lên một hành lang vòng quanh thân vòm và chính tại đây vào năm 1851 Foucault đã "biểu diễn" thí nghiệm nhằm chứng minh là quả đất quay tròn bằng một con lắc.

Khu vực hầm mộ nằm sâu phía dưới điện tại đây ngôi mộ Rousseau nằm phía phải và được cấu trúc rất ấn tượng: bàn tay danh nhân đưa ra khỏi hầm mộ và trên tay là một bó đuốc như muốn nhắc nhở mọi người là danh nhân từ biệt thế gian nhưng ánh sáng của người vẫn để lại...

**** Lâu đài và vườn Luxembourg***

Khi vua Henri IV qua đời, hoàng hậu Marie-de-Médicis không còn muốn ở lại lâu đài Louvre nữa mà, để thoả lòng tưởng nhớ quê hương nơi bà sinh ra là thành phố Florence trên đất Ý. Có lâu đài Pitti xây bằng đá mà bà còn giữ nhiều kỷ niệm, bà đã giao cho Salomon-de-Brosse tạo dựng một ngôi nhà có phong cách kiến trúc và vật liệu xây dựng giống như ngôi nhà cũ của quê hương. Từ năm 1613 bà đã mua lại của công tước Francois Luxembourg toà nhà cũ cùng vài ngôi nhà xung quanh để xây dựng lâu đài mới với trần thiết lộng lẫy và bà đã chuyển tới ở vào năm 1625.

Tuy thế hoàng hậu Médicis cũng không hưởng thụ lâu toà lâu đài này, do nhiều biến cố lịch sử bà phải rời Paris năm 1631 đến ở tại Cologne và qua đời tại đó năm 1642. Lâu đài sau đó đã được chuyển qua chuyển lại giữa nhiều nhân vật quyền thế của xã hội đương thời và đến thời cách mạng có lúc đã dùng tạm nhà tù (1793) giam giữ những nạn nhân của thời khủng bố. Đến 1795 lâu đài được dùng làm trụ sở của tòa đốc chính (Directoire), năm 1800 là nơi ở của Bonaparte khi đó là Đệ nhất tổng tài và khi ông chuyển sang ở điện Tuileries thì được dùng làm trụ sở của thượng nghị viện. Vào thời Louis XVIII lâu đài là trụ sở của Viện Công Khanh là lúc công trình được cải tạo và nâng cấp do kiến trúc sư Chalgrin thực hiện trong đó hình thành một phòng hội nghị lớn cho 80 nghị sĩ. Trong thời gian chiến tranh thế giới II quân Đức đã chiếm đóng lâu đài và cũng đã sửa đổi, bổ sung nhiều phần công trình, đến năm 1958 mới trở lại chức năng nơi họp của Nghị viện.

Gắn liền với lâu đài là một khu vườn có phần còn nổi tiếng hơn cả lâu đài. Cũng do hoàng hậu Médicis chủ trương, khu vườn được tiến hành đồng thời với lâu đài, tuy quy mô không lớn nhưng có nét đặc sắc riêng được coi là vườn đẹp nhất ở nội thành phía bờ nam sông Seine. Do nằm trong nội thành nên khu vườn trở nên rất quen thuộc trong đời sống nhân dân vùng này đặc biệt là lớp người trẻ sinh viên và học sinh thuộc khu la tinh. Tuy gần đường giao thông nhưng trong

vườn có những góc yên tĩnh và nhiều người rất thích mang sách đến ngồi đọc, tất nhiên cũng còn là nơi tâm tình của tuổi trẻ.

Đây cũng còn là nơi ưa thích của nhiều tao nhân nghệ sĩ: hoạ sĩ Watteau đã có nhiều tranh phong cảnh đẹp về những buổi chiều tà, Diderot cũng thường hay đến đi dạo ngắm cảnh và thư giãn sau những buổi làm việc nhiều tư duy và ít ai là không biết đến những đoạn văn óng ả nhiều gợi cảm của Anatole France về khu vườn này. Bể nước có vòi phun mang tên Médicis nằm dưới tán lá cây râm mát và có một mặt nước đẹp là một công trình quan trọng của công viên. Trước mặt phía sau của lâu đài là một hồ cảnh lớn bao bọc bởi những thảm cỏ trên đó có nhiều tượng đẹp phụ nữ là hình ảnh của những hoàng hậu nước Pháp và những nhân vật nữ quan trọng khác.

**** Nhà thờ St-Germain-des-Prés***

Nằm giáp liền với khu phố la tinh về phía tây và cũng không xa bờ sông Seine (chỗ cầu "Nghệ thuật" Pont des Arts), còn có một di tích rất cổ của Paris từ thời kiến trúc roman, đó là nhà thờ St-Germain-des-Prés, một trong số rất ít dấu tích còn lại của phong cách kiến trúc này nằm ngay trong nội thành Paris.

Vào khoảng giữa thế kỷ VI, con của Clovis là Childebert I sau chuyến đi chinh phạt vùng bán đảo Ibéric đã mang về một vật báu là bộ áo lễ và cây thánh giá bằng vàng của thánh Vincent.

Vị giám mục của Paris khi đó là Saint Germain rất quý trọng các thánh tích này đã quyết định xây dựng nhà thờ Saint-Vincent-Croix để cất giữ và bảo vệ vật báu. Liền với nhà thờ còn có một tu viện được trang trí rất đẹp bằng tranh ghép gốm và trên mái có những lá đồng. Dưới ánh nắng mặt trời lá đồng óng ánh nên công trình này được gọi là Saint-Germain-le-Doré. Vào thế kỷ IX nhà thờ bị người Normands đến cướp phá và huỷ hoại.

THƯ VIỆN HUBT

Sau đó nhà thờ đã được xây dựng lại với quy mô lớn hơn trong các thế kỷ sau vào thế kỷ XIV khi Charles V xây dựng vòng thành bao quanh đô thị thì khu tu viện nằm bên ngoài vòng thành nên đã phải có hệ thống tường rào riêng để bảo vệ, trên tường có cả các tháp canh và có hào nước thông với sông Seine. Vào thời trung cổ nhà thờ này cũng được coi là thuộc loại kiến trúc đẹp nhất. Vào các thế kỷ XVII - XVIII đây còn là một trung tâm nghiên cứu quan trọng với nhiều nhà tu hành có học thức về các vấn đề lịch sử, khảo cổ đặc biệt là nghiên cứu về chữ cổ.

Ngôi nhà thờ cổ nhất của Paris qua nhiều thăng trầm phá đi và xây lại vẫn còn giữ được phong cách kiến trúc roman được thể hiện rõ trên toà tháp chuông có mặt bằng vuông mà ở các góc đều được gia cố bằng tường dày, phần thân tháp là một khối trụ rất khoẻ, trên tường có các lỗ cửa nhỏ, tầng trên cùng là hàng cột xen kẽ hai cửa cuốn tròn và một số trang trí vừa phải, mái tháp là chóp nhọn cao màu đen gây ấn tượng thanh thoát và bay bổng. Henri IV đã từng sử dụng tháp này làm đài quan sát khi ông ở tại Paris (1589). Tại khu vực này còn có hai nhà thờ quan trọng là nhà thờ Saint-Séverin (cạnh đại lộ Saint Michel và giáp bờ sông Seine) và nhà thờ Saint-Sulpice (phố Bonaparte, gần Luxembourg).

Vốn là nhà thờ riêng của tu viện trưởng cấp cao ở Agaune đến Paris dưới thời Clovis (nổi danh nhờ chữa khỏi bệnh cho vua) qua dấu tích khảo cổ người ta biết được nhà thờ đã làm lễ dâng chúa vào thời mérovingiens. Cũng như nhiều nhà thờ khác ở Paris, nhà thờ Saint-Séverin cũng bị người Normands đốt phá vào thế kỷ IX và được xây dựng lại vào thế kỷ XI-XII. Tại nhà thờ này có quả chuông được đúc vào năm 1412 được coi là chuông cổ nhất ở Paris.

Nhà thờ Saint-Sulpice có quy mô khá lớn, được các giám mục ở St-Germain-des-Prés xây dựng để cho nông dân trong địa hạt nhà thờ đến làm lễ. Cũng bị phá đi xây lại nhiều lần, đến năm 1646 được xây dựng theo thiết kế của Gamard và được Gittard tiếp tục vào năm 1660. Nhà thờ làm lễ phong thánh vào năm 1745 tuy túc đó mặt chính của nhà thờ vẫn chưa hoàn thành. Công việc này sau đó được kiến trúc sư người ý là Servandoni thực hiện với hai lớp dãy cột đồ sộ chồng lên nhau và hai bên cũng có hai tháp gác chuông, giữa hai gác chuông là trán tường lớn hình tam giác có tượng trang trí.

THƯ VIỆN HUBT

Đối xứng với các công trình trên qua trục sông Seine thì ở phía bờ bắc có một số công trình hiện đại đáng lưu ý là trung tâm văn hoá Georges Pompidou (trung tâm Beaubourg) và khu Forum-des-Halles, nằm ở hai phía của đại lộ Sébastopol.

Tổng thống Georges-Pompidou là người rất quan tâm đến sự nghiệp phát triển văn hoá, đã phát biểu từ năm 1969: "Tôi có nhiệt thành mong muốn là thủ đô Paris sẽ có một trung tâm văn hoá, vừa là một bảo tàng vừa là một trung tâm các hoạt động sáng tạo mà ở đó nghệ thuật tạo hình sẽ sánh vai cùng với âm nhạc, điện ảnh, sách báo, sinh hoạt nghe nhìn...". Điều mong ước của ông đã trở thành

hiện thực vào năm 1977 khi trung tâm văn hoá mang tên ông được khánh thành và đã thu hút một lượng người rất đông đảo đến sinh hoạt: mỗi ngày có 2,5 vạn lượt người.

Beaubourg là một địa điểm nằm ngay tại khu phố cổ của Paris vì thế việc đặt vào đây một công trình mới rất dễ gây tranh cãi, vậy mà ở đây người ta đã được chứng kiến một côn trình thuộc loại "siêu hiện đại". Đã có một cuộc thi thiết kế cho công trình này, tổng số có 681 đồ án dự thi trong đó 186 của kiến trúc sư Pháp và 491 của kiến trúc sư nước ngoài, đồ án được chọn là của kiến trúc sư Renzo Piano và Richard Rogers, với sự hợp tác của Gianfanco Francini, Jonh Young và nhóm Ove Arup.

Cấu trúc của công trình được bộc lộ ra bên ngoài gần như hoàn toàn với các vật liệu hiện đại: khung kim loại, kính, chất dẻo nhiều màu sắc... Hệ thống kỹ thuật của công trình cũng được lộ ra bên ngoài: các đường dẫn nước màu xanh cây, hệ thống thông gió màu xanh trời, hệ thống năng lượng màu vàng, hệ thống giao thông màu đỏ. Nhiều khách đến thăm đã không khỏi ngỡ ngàng khi thấy một công trình "như một nhà máy" lại được xây dựng ngay tại nơi có nhiều kiến trúc cổ kính này.

Về mặt đáp ứng nhu cầu văn hoá thì nơi đây thực sự xứng đáng được đánh giá là "trung tâm văn hoá - nghệ thuật vào loại hiện đại nhất của thế giới". Mỗi năm công trình phục vụ 8 triệu lượt người đến thăm và sinh hoạt (gần gấp đôi số khách đến thăm tháp Eiffel) là một biểu hiện hùng hồn về tính hấp dẫn. Bốn bộ phận chính của trung tâm này là:

- Thư viện công cộng được mở rộng cho mọi đối tượng, trong đó có 35 vạn cuốn sách, 2400 báo và tạp chí, 35 vạn phim dương bản, 2000 cuốn phim tài liệu, 20 vạn hình ảnh ghi trên đĩa, 4000 bản đồ địa lý... Phòng đọc có 1300 chỗ mỗi ngày phục vụ 14.000 lượt người (4,5 triệu lượt/năm).

THƯ VIỆN KIẾN TRÚC
TÀI LIỆU CHỈ ĐỂ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Trung tâm sáng tạo công nghiệp thường xuyên có triển lãm về chủ đề "địa danh, đối tượng và dấu hiệu của cuộc sống hàng ngày trong xã hội hiện đại" tổ chức các cuộc hội thảo về kiến trúc, tạo dáng công nghiệp quy hoạch đô thị và môi trường sống.

- Bảo tàng nghệ thuật hiện đại có diện tích trưng bày 13.430m^2 thường xuyên trưng bày 15.000 tác phẩm nghệ thuật hiện đại (thế kỷ XX) với đủ mọi xu hướng. Trong "Phác thảo chân dung văn hoá

Pháp" (NXB Ngoại văn 1991) bác Hữu Ngọc kể "Ở đây người ta khuyến khích tất cả các khuynh hướng hiện đại, những tài năng đã được công nhận cũng như tài năng chưa được khẳng định... Nhiều người ngẩn ngơ đứng nhìn những tác phẩm kỳ dị: Mấy chiếc củi xếp trong một cái vòng tròn trên nền nhà, những hộp nước quả cà chua hoặc nước giặt; những ống lò sưởi gắn vào bảng chiếc xe cam - nhông con chứa đủ thứ,... không hiểu nó "thẩm mỹ" ở chỗ nào. Sau mấy tiếng đồng hồ xem nghệ thuật hiện đại ở đây, tôi có cảm giác lạc vào một hành tinh khác. Có điều rõ ràng là người ta rất tôn trọng tự do sáng tác..."

- Viện âm nhạc là cơ sở nghiên cứu về âm thanh kết hợp với âm nhạc là nơi tập hợp những chuyên gia về âm học cũng như các nhạc sĩ để phối hợp nghiên cứu đồng thời cũng tổ chức những buổi biểu diễn.

Do nằm ngay trong khu trung tâm nên nhân dân lui tới dễ dàng và cũng thuận tiện cho khách du lịch có một điểm cao dễ dàng theo hệ thống cầu thang hiện đại (trong lồng kính và gắn vào mặt ngoài công trình) để leo lên tới tầng thượng, nơi có quán ăn uống giải khát và ngắm cảnh đô thị. Từ đây ta có thể dễ dàng nhận ra các kiến trúc tiêu biểu ở trung tâm đô thị: nhà thờ Đức Bà trên đảo Cité, bộ mái đẹp của Toà Thị Chính, vòm mái điện Panthéon, vòm mái màu xanh của nhà thiên văn đại học Sorbonne và xa một chút là nhà tháp Montparnasse, tháp Eiffel...

**** La Villette, thành phố khoa học - công nghệ và nghệ thuật***

Với việc hình thành một trung tâm mang tính chất "công viên của tương lai", người ta cho rằng Paris đã "đặt một chân sang thế kỷ XXI" bằng cách cung cấp cho công chúng một cách tiếp cận mới với khoa học, công nghệ và nghệ thuật. Tổng thể công trình bao gồm bốn thành phần được liên kết bởi một khu vườn rộng trên đó có nhiều công trình vui chơi giải trí. Bốn bộ phận chủ yếu đó là:

- Tòa nhà "Thành phố khoa học và công nghệ" là một nhà trưng bày lớn theo thiết kế của Adrien Fainsilber (dài 270m, rộng 110m, cao 49m), mái nhà là hệ thống hấp thu năng lượng mặt trời để chiếu sáng bên trong, có diện tích trưng bày là 3 vạn m^2 được sắp xếp theo 4 chủ đề: "Từ Trái Đất đến vũ trụ", "Hành trình của sự sống", "Vật chất và sức lao động con người", "Ngôn ngữ và thông tin". Phía trước nhà trưng bày là một quả kim loại khổng lồ La Géode có đường kính 36m mà bên trong là phòng chiếu phim có 370 chỗ ngồi với màn ảnh

vòm cầu diện tích 1000m^2. Vỏ quả cầu bảng kim loại inox sáng bóng được gắn liền bởi 6433 tấm vỏ hình tam giác được gia công với độ chính xác tới milimét.

TÓM TẮT CÔNG VIỆC
TÒA NHÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ NGHỆ THUẬT

Tiến trình

Tháng 6/1977: Xác định chức năng công trình
Tháng 12/1979: Quy định chức năng bảo tàng khoa học kỹ thuật và công nghệ
Tháng 9/1980: Chỉ định kiến trúc sư dự án: Adrien Fainsilber
Tháng 6/1983: Khởi công công trình chính
Tháng 5/1985: Đưa Géode vào sử dụng
Tháng 3/1986: Khánh thành Tòa nhà khoa học và Công nghệ

Số liệu kỹ thuật

Khu triển lãm thường xuyên Explora có diện tích 30000m^2
Gồm 4 bộ phận:
"Trái Đất và Vũ trụ", "Hành trình sự sống"
"Vật chất và lao động", "Ngôn ngữ và thông tin".
Triển lãm không thường xuyên: 10000m^2.
Nhà chiếu phim hình cầu Géode 360 chỗ, đường kính 36m
Các phòng "khám phá" 1070m^2
Phòng dữ liệu thông tin: 10.900m^2
Các phòng hội nghị: 5.600m^2 (gồm 1 phòng 1000 chỗ, 1 phòng 500 chỗ và 4 phòng 100 chỗ).
Phòng chiếu hình vũ trụ: 890m^2
Đón tiếp và bán hàng: 9.700m^2
Câu lạc bộ Trẻ: 3.140m^2
Tổng diện tích sàn: 120.000m^2
Kinh phí: 4,45 tỷ F .

THƯ VIỆN HUBT
TỪ HỌC PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Toà nhà Grande Halle là một công trình hoạt động đa năng (dài 241m, rộng 86m, cao 19m) cho những hoạt động: triển lãm, hội chợ, trình diễn... với nhiều trang thiết bị hiện đại (có ba "mâm quay" diện tích 200m^2) có thể đón tiếp đồng thời 15.000 người đến sinh hoạt. Ngôi nhà được cải tạo và nâng cấp từ một gian chợ cũ có bộ sườn mái bằng kim loại (loại kiến trúc có không gian rộng đặc trưng của thế kỷ XIX).

PHẦN CÔNG VIÊN VÀ GRANDE HALLE

Tiến trình

Tháng 12/1979: Quyết định về dự án

Tháng 3/1982: Quyết định bổ sung chức năng dự án chỉ định kiến trúc sư chỉnh trang gian Grande Halle (Philippe Robert và Bernard Reichen)

Tháng 8/1984: Khởi công phần công viên

Tháng 1/1985: Đưa vào sử dụng Grande Halle

Tháng 6/1988: Công viên đưa vào sử dụng.

Tháng 2/1992: Hoàn thành

Số liệu kỹ thuật :

Diện tích công viên: 35ha.

Kinh phí: đợt I: 850 triệu F; đợt II: 300 triệu F

Kiến trúc sư Bernard Tschumi (phân công viên).

- Gian nhà Le Zénith chuyên phục vụ cho các hoạt động của nhạc rock có quy mô phục vụ 6400 người được xây dựng với hệ thống mái nhẹ gồm bộ khung kim loại trên phủ vải; hoá chất.

- Khu nhà "thành phố âm nhạc" nằm ở mặt phía nam của tổng thể La Villette (gần cửa ô Pantin) bao gồm hai bộ phận nằm ở hai bên đài phun nước "Sư tử". Ở góc phía tây nam là tổng thể dành cho nhạc viện quốc gia, là một cở sở đào tạo mở rộng cho đông đảo quần chúng. Góc phía đông là khối công trình dành cho biểu diễn với phòng khán giả 1200 chỗ và liền đó là nhà bảo tàng về nhạc cụ, giới thiệu hơn 4000 hiện vật là các nhạc cụ của thời gian từ thế kỷ XVI đến nay.

THƯ VIỆN HUBT

Ngoài ra là hàng loạt các gian kỹ thuật, các phòng thí nghiệm, các trung tâm tư liệu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và biểu diễn âm nhạc.

Gắn kết các bộ phận nêu trên trong một tổng thể là một vườn cây rộng theo thiết kế của Bernard Tschumi trong đó có nhiều loạt thiết bị phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí gắn liền với các hoạt động mang tính sáng tạo của nhiều đối tượng khác nhau. Các đường hành lang có mái uốn sóng tạo ra các mối liên hệ thuận tiện giữa các bộ phận chủ yếu đồng thời cũng là một hình ảnh sinh động góp phần làm cho khung cảnh kiến trúc thêm phong phú. Nhiều bộ phận trong

công viên được thiết kế theo các chủ đề tạo ra các hình tượng cảnh quan riêng góp phần đa dạng hoá các loại hình vui chơi giải trí: vườn tre trúc, vườn dàn nho, vườn cảnh nước, vườn con rồng...

LA VLLLETTE TÒA NHÀ ÂM NHẠC

Tiến hành

Tháng 3-1982: Quyết định của Tổng thống về dự án
Tháng 1-1985: Chỉ định Kiến trúc sư Christian de Portzamparc
Tháng 3-1986: Khởi công
Tháng 1-1990: Đưa phần nhà phía tây vào sử dụng
Tháng 5-1992: Đưa phần nhà phía đông vào sử dụng (gồm phòng hoà nhạc, bảo tàng âm nhạc, Viện đào tạo xướng âm)

Số liệu kỹ thuật

Diện tích phần phía tây: 36.000m^2 gồm:
- Nhạc viện quốc gia có 60 phòng học (400 chỗ)
- Phòng đàn Orgue: 250 chỗ
- Chỗ để xe ngầm: 33.000m^2 (152 chỗ)

Diện tích phần phía đông: 33.000m^2 gồm:
- Khu đón tiếp: 1600m^2
- Viện đào tạo: 1050m^2
- Phòng hòa nhạc: 8500m^2 (các phòng 800 và 1200 chỗ)
- Bảo tàng và Amphithéâtre 240 chỗ: 11.500m^2
- Chỗ để xe ngầm: 376 chỗ

Kinh phí: 630 triệu F

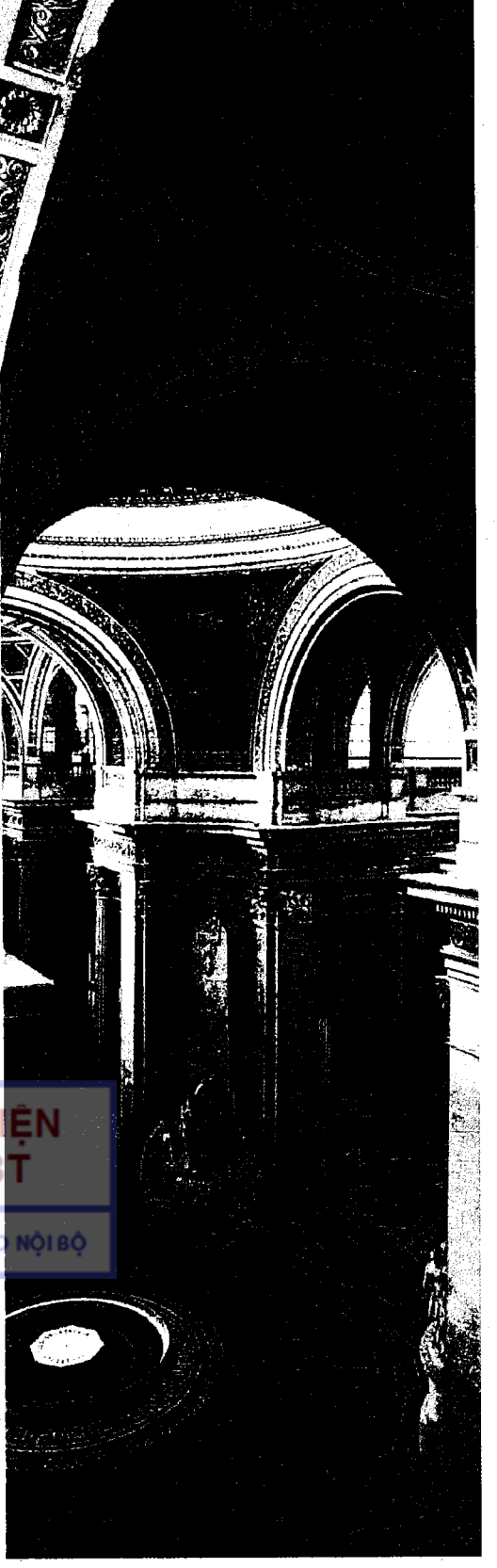
THƯ VIỆN
HaIBT



Vườn và lâu đài Luxembourg



Điện Panthéon



Nội thất
Điện Panthéon

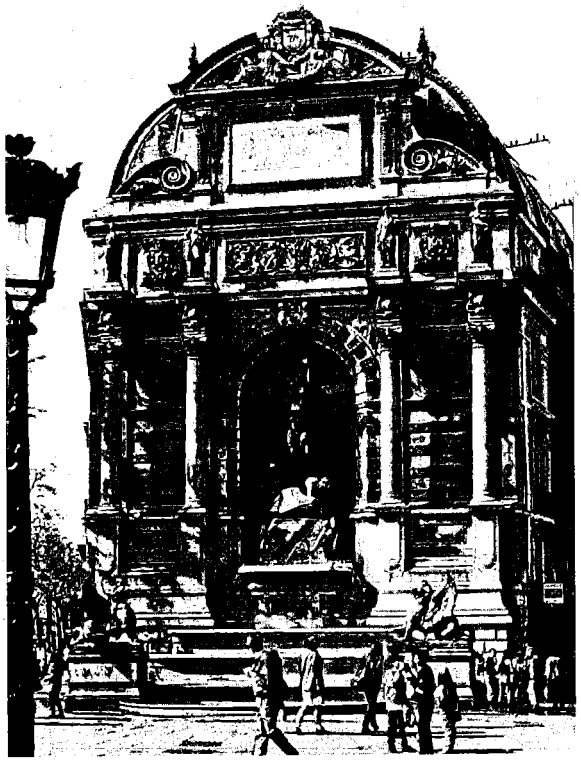
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Nhà thờ Saint-Etienne-du-Mont



Vòm cầu Géode và nhà triển lãm ở công viên La Villette

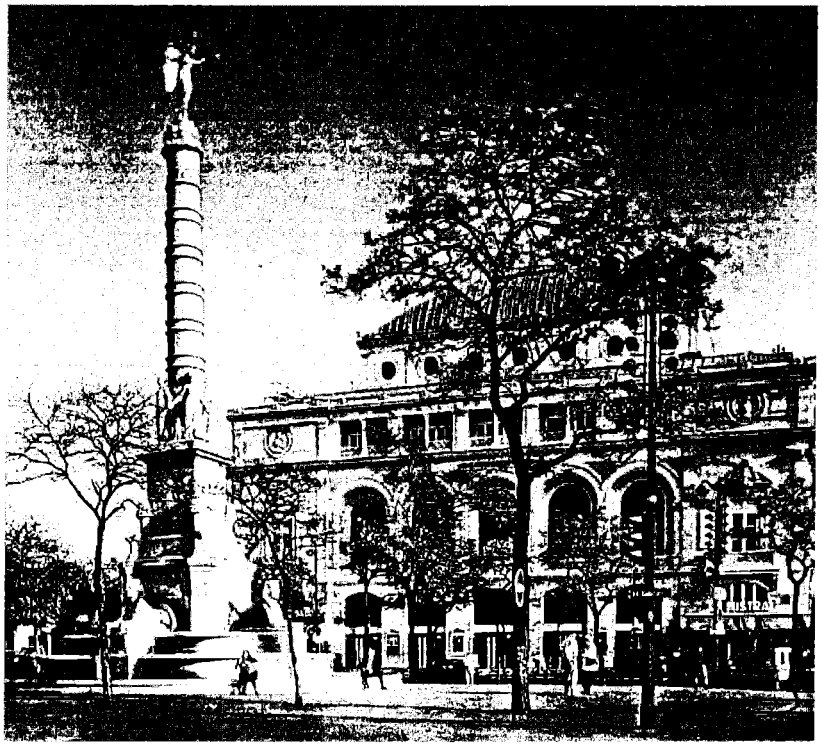


Đài phun nước ở quảng trường Saint Michel

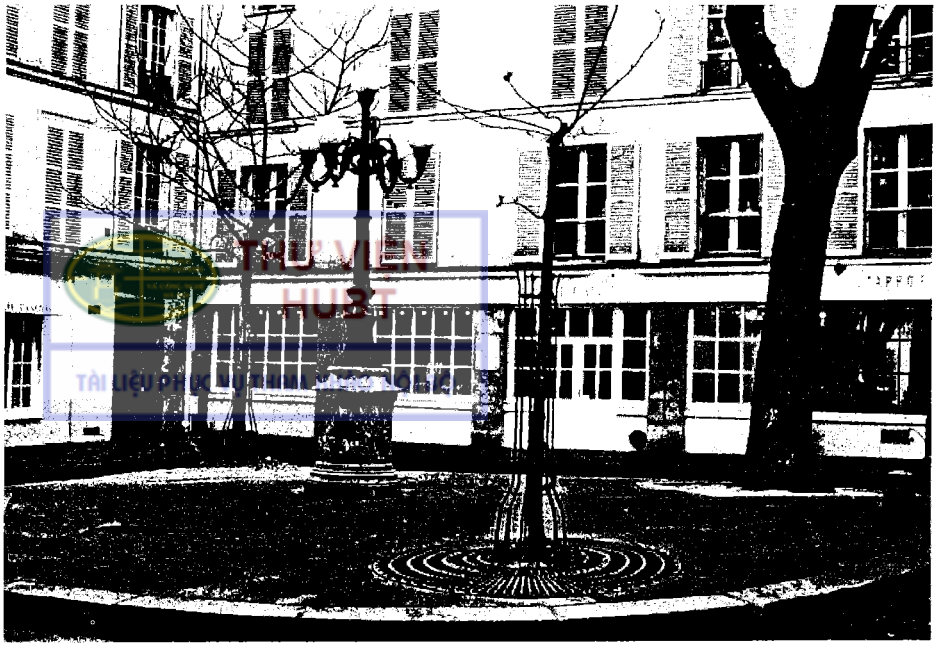


Bể cảnh vòi phun nước Innocents

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ HỌC TẬP NGHIÊN CỨU



Quảng trường Châtelet

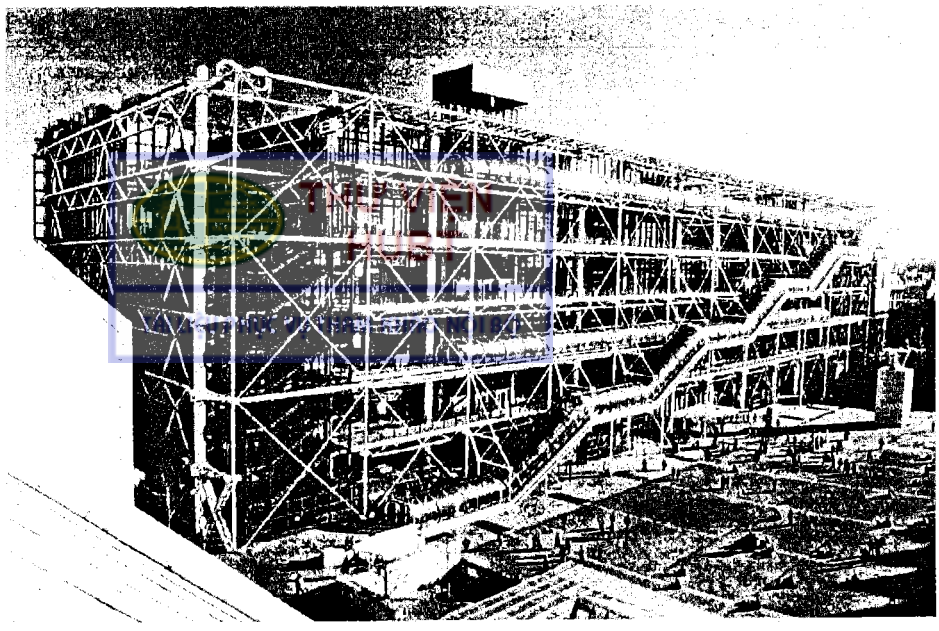


Quảng trường Furstenberg

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



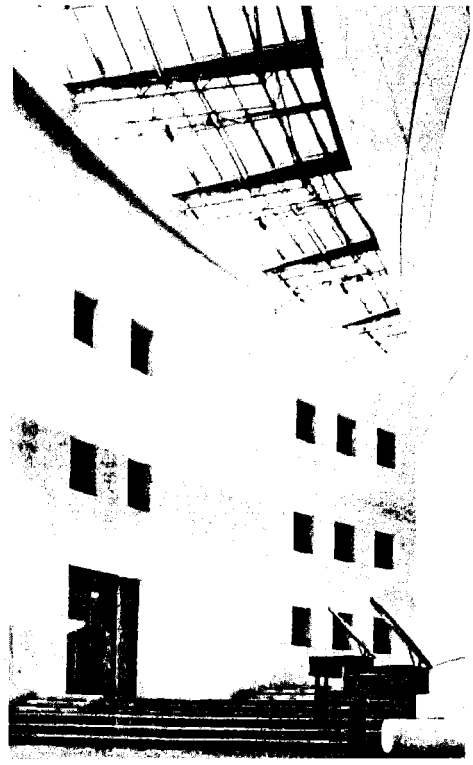
Tòa nhà âm nhạc ở La Villette



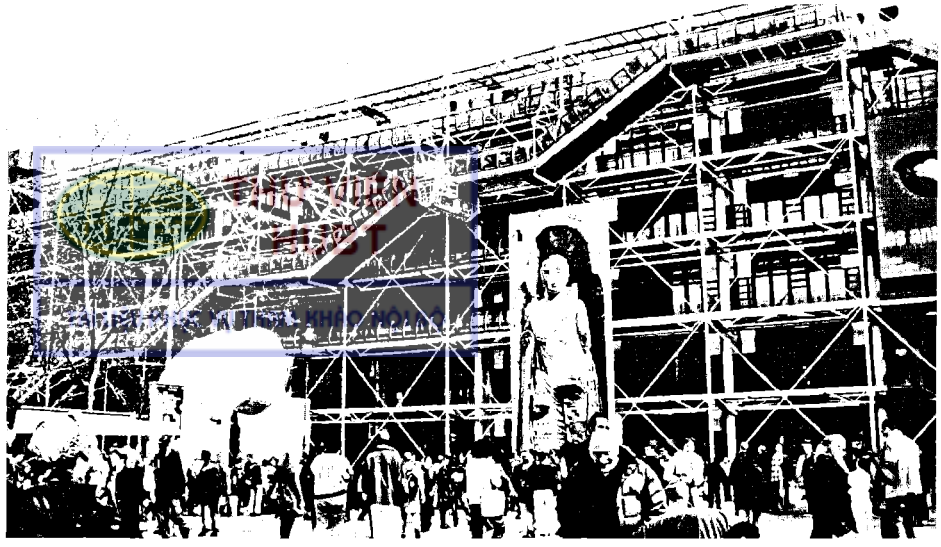
Trung tâm văn hóa Pompidou



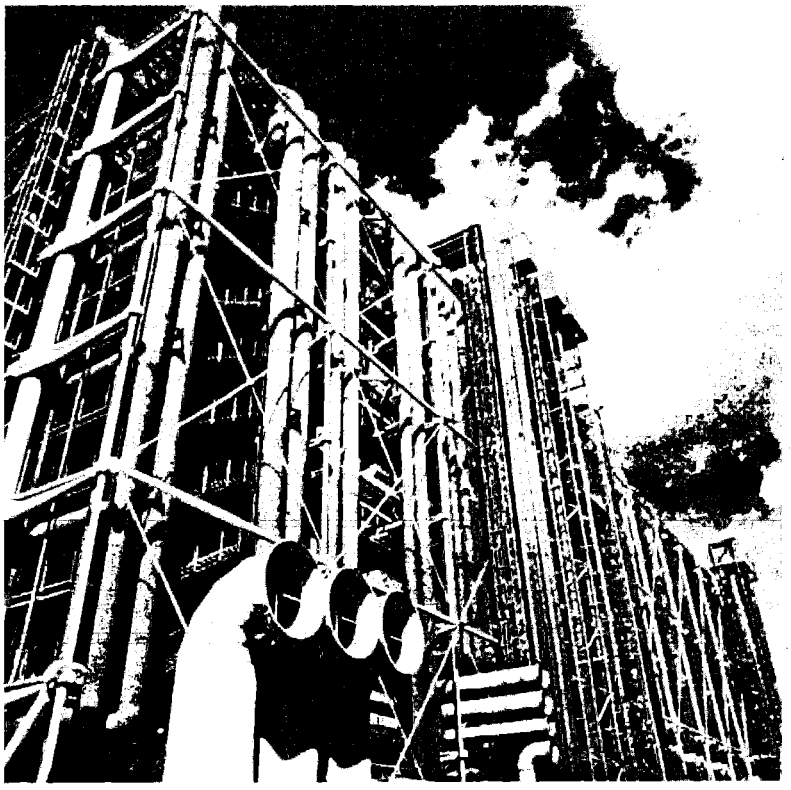
Vòm cầu Geode phản chiếu mây trời



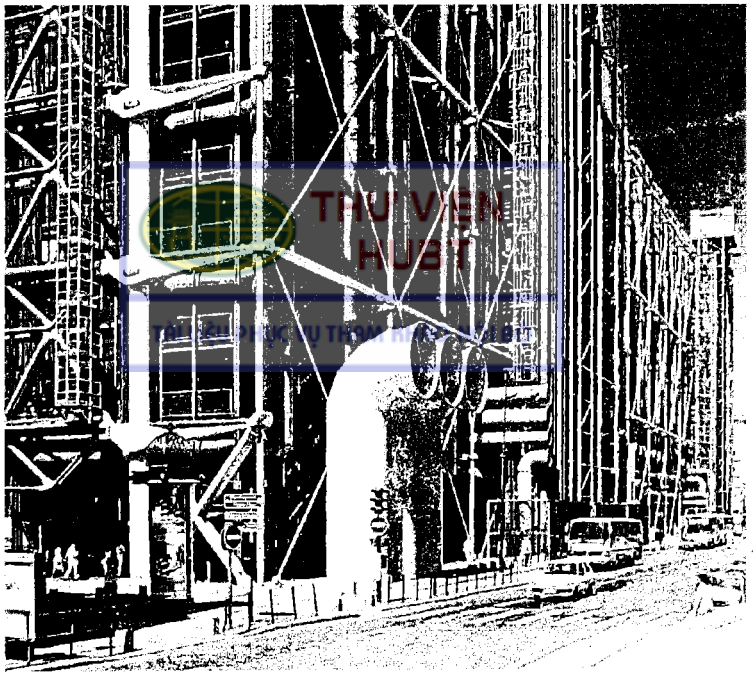
Nội thất tòa nhà âm nhạc



Trình diễn nghệ thuật ở quảng trường Trung tâm văn hóa Pompidou



Mặt nhà Trung tâm văn hóa Pompidu



Các thiết bị kỹ thuật trên mặt nhà Trung tâm văn hóa Pompidou

THƯ VIỆN HUBT

9. Một số kiến trúc lớn hiện đại

Việc bổ sung những kiến trúc mới vào khung cảnh của đô thị Paris ở thời kỳ nào cũng có, nhưng vào những năm gần cuối của thế kỷ XX thì nhịp độ bổ sung có phần nhộn nhịp hơn và tầm cỡ cũng như ý nghĩa của công trình đều có phần quan trọng hơn. Vào thời kỳ đất nước có sự lãnh đạo của tướng Charles de Gaulle (1959 - 1969), công cuộc xây dựng thiên về công việc chỉnh trang và quy hoạch lãnh thổ, trong đó có một công trình tiêu biểu là công cuộc hiện đại hoá khu Chợ (des Halles). Dưới thời tổng thống Georges-Pompidou (1969 - 1974) có một công trình tiêu biểu và cũng rất độc đáo là trung tâm văn hóa ở Beaubourg được mang tên tổng thống. Sang thời kỳ tổng thống Valéry Giscard-d'estaíng (1974 - 1981) thì bắt đầu có nhiều dự án lớn hơn và đặc biệt là từ thời tổng thống Francois Mitterrand thì một công cuộc triển khai những dự án lớn và quan trọng được đi vào thực hiện.

Ở một số phần trên chúng tôi đã có dịp đề cập đến một số dự án lớn này: dự án "Grand Louvre" được đề cập đến ở phần "Lâu đài bảo tàng Louvre, nhân chứng lịch sử 800 năm", dự án "Grande Arche" ở khu La Défense (phần "Paris, những điểm cao trên bầu trời") dự án "Opéra Bastille" (phần "Opéra Paris từ Chartes Garnier tới Carlos Ott), dự án trung tâm văn hóa Pompidou, làng khoa học La Villette (phần "theo hướng trục Cardo, từ Sorbonne tới La Villette"). Sau đây là một số dự án quan trọng mà những phần trên chưa nói tới.

**** Bảo tàng Orsay***

Nơi bảo quản để giới thiệu với công chúng cả một kho tàng các tác phẩm nghệ thuật tạo hình vốn không thiếu ở Paris. Chúng ta từng biết đến một bảo tàng nghệ thuật thời cổ vào loại hàng đầu của thế giới (bảo tàng Louvre), một bảo tàng về nghệ thuật của thời hiện đại thậm chí "siêu hiện đại" được đặt trong trung tâm văn hóa Pompidou). Các tác phẩm nghệ thuật ở bảo tàng Louvre có niên đại khoảng đầu thế kỷ XIX trở về trước còn các tác phẩm ở trung tâm văn hóa Pompidou lại thuộc thời cuối thế kỷ XX, vì thế: Paris vẫn cần có một bảo tàng lưu giữ và trưng bày các tác phẩm nghệ thuật từ khoảng giữa thế kỷ XIX sang khoảng giữa thế kỷ XX, làm "chiếc cầu nối" giữa bảo tàng Louvre với trung tâm Pompidou, nhiệm vụ đó sẽ được giao cho bảo tàng Orsay. Đó là một giai đoạn quan trọng của lịch sử phát triển nghệ thuật tạo hình của thời cận đại và hiện đại với

THƯ VIỆN HUBT
HỆ THỐNG PHỤC VỤ THÔNG MINH MỞ RỘNG

các tác giả có năm sinh trong khoảng từ 1820 đến 1870 (các tác phẩm được xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XIX tới trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất). Đối với hội họa, đó là thời kỳ nảy nở những xu hướng nghệ thuật mới từ "lãng mạn" (romantisme) tới "lập thể" (cubisme), bao gồm cả một thời kỳ nở rộ của "trường phái ấn tượng" (impressionnisme) với khá nhiều tài năng lớn để lại dấu ấn trong lịch sử nghệ thuật như Cézanne, Van Gogh, Renoir, Gauguin... kể cả những nhà "hàn lâm" của thời kỳ này như Bouguereau, Cabanel, Clésinger...

Ngay trong những năm đầu mở cửa, bảo tàng đã thu hút một lượng khách tới thăm rất cao: năm 1987 có 4 triệu khách, năm 1988 có 4,2 triệu khách, các năm sau có giảm bớt nhưng vẫn đều trên 3 triệu khách/năm (bình quân 1 vạn khách/ngày). Một số đợt triển lãm chuyên đề cũng đã thu hút lượng khách rất đông như các kỳ trưng bày về "những năm tuổi trẻ của Cézanne", "Van Gogh ở Paris", "trường phái kiến trúc Chicago", "tháp Eiffel và triển lãm thế giới 1889", "150 năm nghệ thuật nhiếp ảnh"...

Cũng cần có ít dòng giới thiệu về công trình nhà ga Orsay cũ sẽ được "cải lão hoàn đồng" để làm chức năng mới của một nhà bảo tàng hiện đại. Các nhà ga đường sắt của Paris nằm ở nhiều hướng của Paris để đi về các địa phương vốn đã là một thể loại kiến trúc công cộng quan trọng góp phần không nhỏ cho bộ mặt kiến trúc của thủ đô. Đó là một thể loại kiến trúc "con đẻ" của giai đoạn phát triển hiện đại của kỹ thuật và công nghệ gắn liền với một loại vật liệu mới là sắt thép vào thế kỷ XIX.

Nhà ga Orsay được khởi công xây dựng vào năm 1898 và đưa vào sử dụng ngày 14-7-1800 (là nhà ga được xây dựng cuối cùng trong số các nhà ga lớn của Paris) có mặt nhà chạy dài theo bờ nam sông Seine tới 180m (xây bằng đá), mái vòm khẩu độ 40m, cao 32m bằng kim loại lát kính lấy ánh sáng thực sự là một công trình có giá trị nghệ thuật. Nhiều bức tượng đẹp trang trí ở trên mái tượng trưng cho những đô thị lớn mà nhà ga đi tới: Nantes, Toulouse và Bordeaux. Công trình được xây dựng theo đồ án của kiến trúc sư Victor Laloux, là nhà ga chuyên chở hành khách (không chở hàng hóa) nên nhà ga có cấu trúc không gian tương đối đơn giản, chủ yếu là một khối hộp chữ nhật rộng lớn và sáng sủa cho phép 16 nhánh đường sắt vào trong ga theo đường ngầm và đường sắt lúc này đã được điện khí hóa (không còn đầu máy hơi nước nên không lo ngại việc gây mờ kính trên mái). Mặc dù có cấu trúc kim loại hiện đại nhưng do vị trí trông

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU ĐỊNH VỊ THƠM KHÁCH NỘI ĐỘ

ra sông Seine mà phía bên kia sông là kiến trúc bảo tàng Louvre cổ kính nên Laloux đã xử lý mặt đứng kiến trúc bằng đá cho phù hợp với khung cảnh.

Trong khoảng 40 năm đầu thế kỷ nhà ga đã phục vụ đắc lực cho khách đi lại về các địa phương phía tây nam (mỗi ngày có 150 - 200 chuyến xe lửa). Nhưng sau đó do nhu cầu tổ chức các đoàn tàu dài hơn để đảm bảo lượng khách lớn hơn trong khi chiều dài ga do nằm ở trung tâm đô thị đã bị hạn chế khiến cho nhà ga chỉ còn phục vụ các đoàn tàu liên hệ với vùng ngoại thành, tác dụng của nhà ga đối với đô thị ngày càng kém đi. Từ những năm 60 ngành đường sắt không còn có nhu cầu đối với nhà ga này nữa. Có lúc người ta đã tính đến việc phá huỷ nhà ga để thay thế vào đó một trung tâm hội nghị và một khách sạn quốc tế, việc phá hủy nhà ga đã được quyết định vào năm 1971, nhưng sau đó quyết định này đã được xem xét lại do rút kinh nghiệm từ việc phá bỏ khu chợ (Halles) với những công trình có cấu trúc kim loại giống như cấu trúc nhà ga đã gây nên những phản ứng nặng nề trọng công chúng. Từ đó công trình nhà ga Orsay đã "thoát nạn", không những thế sau đó còn được xếp hạng là di tích lịch sử (vào năm 1978).

Tiếp theo đó, ý tưởng sử dụng nhà ga để làm bảo tàng được hình thành dưới thời tổng thống Georges Pompidou và được xúc tiến dưới thời tổng thống Valéry Giscard d'Estaing. Quyết định này sau đó cũng được khẳng định dưới thời tổng thống Francois Miterrand và đi đến hoàn thiện toàn bộ.

Việc nghiên cứu các phương án khai thác nhà ga cũ cho một bảo tàng mới đã được tiến hành qua một cuộc thi mà phương án được chọn là của hãng Kiến trúc ACT với các kiến trúc sư Renaud Bardon, Pierre Colboc, Jean-Paul Philippon và trong quá trình thực hiện thì phần thiết kế nội thất là do nữ kiến trúc sư người ý là Gae Aulenti.

THƯ VIỆN LUBDT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nhu cầu về diện tích của bảo tàng lên tới 47000m2 trong đó bao gồm những phần chính là:

- Những phòng trưng bày chính: 15.995m^2
- Khu đón tiếp: 2.450m^2
- Trưng bày không thường xuyên: 1.200m^2
- Ăn và giải khát: 1.200m^2
- Đón tiếp giới trẻ: 575m^2
- Phòng họp 380 cho: 570m^2

Ngoài ra là các phần khác như: hành chính và quản lý, nghiệp vụ bảo tồn và phục chế, kho bảo quản, các xưởng và phòng ảnh... Phần chính của nhà ga Orsay có khối tích tương tự như khối nhà của trung tâm văn hóa Pompidou (Orsay: 166 × 60 × 42m, Pompidou: 175 × 75 × 35m). Công việc cải tạo nhà ga để thành bảo tàng cũng thực sự là một công trình đồ sộ: phần cấu trúc kim loại có trọng lượng tổng cộng 12.000 tấn (tháp Eiffel chỉ có 7.300 tấn), diện tích kính lát 35.000m^2, diện tích dàn mái 110.000m^2, đá ốp lát 17.000m^2 mặt nền và 11.000m^2 trên tường... Công việc trên công trường được tiến hành chủ yếu từ mùa hè năm 1983 và kéo dài trong 3 năm (thường xuyên có 1200 công nhân làm việc), giá thành toàn bộ công trình lên tới 1,3 tỷ FF; việc khánh thành công trình diễn ra vào tháng 12-1986.

Việc chọn vị trí của công trình ga cũ ngay trên bờ sông Seine và ở trung tâm đô thị cho một bảo tàng nghệ thuật là điều chính xác. Nhìn qua bên kia sông là vườn Tuileries nơi mà Pissarro và Manet thường đến vẽ, nằm vào khoảng giữa những không gian giàu tính lịch sử của Paris là đảo Cité và quảng trường Concorde, nơi đây từng có xưởng điêu khắc của Carpeaux (tác giả nhóm tượng "Vũ điệu" nổi tiếng ở nhà hát Opéra), nơi ở của Corot (phố du Bac), của Manet (phố Bonaparte), của Ingres (đường kè Voltaire), cũng cách đó không xa còn có bảo tàng Hébert, bảo tàng Rodin.

Phương án kiến trúc khai thác nhà ga cho bảo tàng được phát triển theo trục dài của công trình bắt đầu từ cổng vào ở đầu phía tây (quảng trường về phía phố Bellechasse), hai mặt bắc nam cũng có những lối vào phụ. Sau khi vào cửa chính khách đi xuống để dẫn tới nền thấp (nền cũ của đường sắt = 3,75m), mở ra một sân rộng rồi theo bậc cấp đi dần lên cao theo hướng từ tây sang đông. Dọc hai bên của trục chính này là phần trưng bày các tác phẩm chủ yếu của giai đoạn 1848 - 1870 và ở cuối của trục là phần trưng bày các tác phẩm điêu khắc (của Carpeaux) và kiến trúc (của Charles Garnier, tác giả Opéra Paris).

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Việc thành lập một bảo tàng có tầm cỡ quốc tế lồng trong một nhà ga cũ thực sự đã là một "thách đố" trên nhiều mặt mà các kiến trúc sư đã phải vượt qua, đó là sự kết hợp giữa nhưng yêu cầu kỹ thuật phức tạp của bảo tàng, hiện đại với việc lưu giữ những cấu trúc cơ bản của một công trình cũ có giá trị lịch sử cao. Các hiện vật trưng bày được trải ra ở 3 cấp nền khác nhau: cấp dưới cùng chính giữa

vòm lớn, cấp giữa ở hai bên lối đi trung tâm, cấp trên cùng ở phía mặt bắc nhìn ra sông Seine. Ở tuyến trên cao có trưng bày các tác phẩm điêu khắc, tiếp liền với tòa nhà Amont cũ (nằm ở phía đông) được dành hoàn toàn cho việc trưng bày về kiến trúc.

Phần nội thất công trình được xử lý khá tinh tế với việc dùng màu sắc của vật liệu ốp lát đồng thời với kỹ thuật cao về xử lý chiếu sáng, kết hợp ánh sáng tự nhiên và ánh sáng nhân tạo sao cho độ chiếu sáng trong bảo tàng luôn ở khoảng 200 - 300 lux.

Một yêu cầu kỹ thuật không kém phần quan trọng là việc điều hoà không khí để giữ cho môi trường bên trong luôn thích hợp cho hoạt động của con người cũng như cho việc bảo quản các hiện vật bảo tồn. Điều khó khăn gặp phải là do phải xử lý đối với một không gian quá rộng lớn trong khi đó vẫn phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm năng lượng. Cuối cùng là một trung tâm điều khiển toàn bộ hệ thống kỹ thuật của bảo tảng theo rõi sự hoạt động của tất cả các trang thiết bị sao cho mọi sự hoạt động đều ở trạng thái hoàn hảo.

**** Viện Thế giới Ả Rập***

Thế giới Ả Rập bao gồm nhiều nước phía Đông và phía Nam Địa trung hải, phần lớn đều là nước Hồi giáo, đã là một trong những cái nôi văn hóa lớn của loài người. Hồi giáo có khoảng 900 triệu tín đồ, là tôn giáo đứng hàng thứ hai trên thế giới. Từ khoảng 1974. Nước Pháp cùng với nhiều nước Ả Rập đã tính đến khả năng hình thành những thiết chế văn hóa để phát huy mối quan hệ giữa Pháp với các nước Ả Rập. Đến năm 1980 thì đã có một văn kiện được ký kết chung giữa Pháp với khoảng 20 nước Ả Rập về việc thiết lập một Viện nghiên cứu về thế giới Ả Rập với mục tiêu:

THƯ VIỆN HUBT
THƯ VIỆN PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

- Phát triển tại Pháp việc nghiên cứu về văn hóa Ả Rập (ngôn ngữ, nền văn minh, các loại hình nghệ thuật...), trên cơ sở hiểu biết về văn hóa để phát triển mối quan hệ nhiều mặt giữa các nước.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trao đổi văn hóa, phát triển mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật.
- Tăng cường mối quan hệ hợp tác và hiểu biết giữa các nước Ả Rập với các nước châu Âu.

Một nhóm nghiên cứu hỗn hợp giữa các nhà nghiên cứu Pháp và Ả Rập đã có sự cộng tác trong việc xây dựng dự án về những cơ sở cho một thiết chế văn hóa sẽ trở thành một cơ sở quan trọng giúp cho việc "đối thoại giữa những nền văn hóa".

Tổ chức cuộc thi thiết kế được tiến hành vào năm 1981 và đã xác định được nhóm kiến trúc sư phụ trách công trình gồm Jean Nouvel, Pierre Soria, Gilbert Lezènes cùng với hãng Kiến trúc Studio. Địa điểm xây dựng sau nhiều đợt nghiên cứu và cân nhắc, đã được chọn tại một nơi có nhiều ưu việt, đó là ở bờ nam sông Seine đối diện với đảo Saint Louis, chếch phía đông nam so với nhà thờ Đức Bà trên đảo Cité và cũng không xa toà Nhà thờ Hồi giáo của Paris. Cấu trúc của công trình bao gồm một nhà bảo tàng về nền văn minh Ả Rập Hồi giáo với diện tích 2800m^2 (5 tầng) chứa đựng những hiện vật trong kho lưu trữ của nước Pháp về nền văn hóa này, nay trở thành một "ngân hàng dữ liệu" về văn hóa và văn minh Ả Rập (thế kỷ VII đến thế kỷ XIX); một thư viện hiện đại chứa đựng khoảng bốn vạn đầu sách cùng với 1500 tạp chí và các tư liệu thông tin khác (khoảng 800 tạp chí bằng tiếng Ả Rập); một phòng Hội nghị 350 chỗ, một phòng trưng bày không thường xuyên 700m^2 và đặc biệt một khu ăn uống các món ăn Ả Rập được trình bày như một khía cạnh của văn hóa Ả Rập.

Hai khối chính của công trình (nhà bảo tàng và thư viện) nằm song song nhưng tách biệt nhau, khối bảo tàng phía bắc mặt nhà trông ra sông Seine được vát tròn, khối thư viện phía nam mặt nhà được trang bị một loại mành đặc biệt tự động điều chỉnh ánh sáng tự nhiên đi vào công trình, sáng tác bắt nguồn từ một bộ phận trong kiến trúc truyền thống Ả Rập: bức sáo (tiếng Ả Rập: moucharabieh) trong kiến trúc dân gian. Công trình có tác dụng như một "dấu nhấn" trong tổng thể kiến trúc trông ra bờ sông Seine, một vị trí có vai trò chuyển tiếp giữa không gian kiến trúc trung tâm có mật độ cao với không gian kiến trúc ngoài trung tâm có mật độ thấp hơn. Nhiều đặc điểm của kiến trúc truyền thống Ả Rập đã được khai thác trong thiết kế kiến trúc công trình này, ngoài bức "rèm sáo" như đã nêu trên, phần nội thất còn chú ý khai thác các kiểu không gian kín đáo của kiến trúc Ả Rập, các lối đi nội bộ, các hoạ tiết khai thác từ kiểu chữ tượng hình rất bay bướm của người Ả Rập.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**** Trụ sở mới của Bộ Tài chính***

Từ trước đây một thế kỷ, Bộ Tài chính được đặt tại cánh nhà phía bắc của lâu đài Louvre (cánh Richelieu), nhưng do nhu cầu sử dụng toàn bộ Louvre để làm bảo tàng thì sự tồn tại của Bộ Tài chính ở đó không còn thích hợp nữa, từ năm 1981 Tổng thống đã có quyết định

chuyển dời cơ quan này tới một địa điểm khác. Trụ sở mới sẽ có quy mô rất lớn là một dạng "liên cơ" vì ngoài Bộ Tài chính còn có một số cơ quan khác. Công trình sẽ có tới 200.000m^2 sàn và chứa đựng tới 6000 người làm việc, là một công trình trụ sở cơ quan thuộc loại lớn nhất ở châu âu. Để khai thác sự đóng góp của công trình cho sự cân đối về không gian kiến trúc của thủ đô, vị trí được chọn để xây dựng nằm về phía đông, là phía còn kém phát triển hơn so với phía tây: khu xây dựng chiếm diện tích 5ha ở bờ bắc sông Seine, trên đại lộ Bercy gần ga Lyon thuộc quận XII. Tiếp đó qua một cuộc thi có 137 phương án đệ trình, đã chọn được phương án để xây dựng của nhóm kiến trúc sư Paul Chemetov và Borja Huidobro.

Thực sự đây là một quần thể kiến trúc với 5 khối nhà, trong đó gây ấn tượng nhất là khối nhà dài 360m được đặt theo hướng vuông góc với bờ sông Seine, một dạng "nhà cầu" vượt qua nhiều khoảng trống, vượt qua cả đường kè sát bờ sông và đầu nhà vượt ra khỏi bờ nước. Việc phát triển một dự án xây dựng lớn tại Bercy nằm về phía đông nam của trung tâm Paris, mà tiếp đến còn có dự án lớn hơn nữa là tòa nhà "Thư viện lớn nước Pháp", nằm trong ý tưởng hiện đại hóa thủ đô về hướng này, là một "đối trọng" để khắc phục tình hình lâu nay có sự phát triển mạnh về phía tây bắc với một trung tâm đô thị mới và cực lớn là khu La Défense. Với một quy mô to lớn lại có vị trí ngay trên bờ sông Seine, công trình này sẽ góp thêm một cột mốc nữa trong cả loạt kiến trúc đã hình thành từ lâu trên bờ sông Seine kéo dài từ tây sang đông. Nếu theo hướng sông Seine mà đi vào trung tâm từ phía tây thì người ta có thể được tiếp nhận nhiều hình ảnh kiến trúc đặc trưng và đã rất ổn định. Cầu Grenelle với tượng Thần Tự do, bên trái là một cấu trúc đặc sắc của Đài phát thanh nước Pháp (Radio de France), bên phải là nhà tháp Nikko và dãy nhà Front de Seine, tiếp đến là lâu đài Chaillot (bên trái) và pháp Eiffel (bên phải)... Rõ ràng "cửa ngõ" về phía tây của trung tâm Paris đã là một khung cảnh kiến trúc đô thị hết sức hấp dẫn. Để cân bằng lại, phía đông của trung tâm Paris trên bờ sông Seine cũng sẽ có một quần thể kiến trúc với ba công trình chủ yếu là trụ sở mới của Bộ Tài chính, nhà thi đấu thể thao Bercy và thư viện lớn nước Pháp nằm ở hai bên bờ sông và ở vào khoảng giữa các cầu Bercy và cầu Tolbiac. Theo như các tác giả trình bày thì kiểu nhà cầu này là để gợi tại hình ảnh của cây cầu mà bên trên là nhà (kiểu thượng gia hạ kiều) rất nổi tiếng ở Venise.

THƯ VIỆN HUBT

**** Thư viện nước Pháp***

Ở Paris có nhiều thư viện lưu giữ một kho tàng sách báo rất phong phú. Ở phần trên khi nói về lâu đài văn hóa Pompidou ta đã có dịp biết đến một thư viện hiện đại với số lượng độc giả rất lớn. Cổ hơn thì có thư viện quốc gia cũng là một thư viện đồ sộ và đã có một truyền thống lâu đời. Thư viện có nguồn gốc từ thời vua Charles V (1364 - 1380) là người đã tặng thư viện quốc gia (khi đó còn đặt ở lâu đài Louvre) 1200 tài liệu (viết tay), sau đó đến thời Louis XI (1461 - 1483) thì xây dựng công trình thư viện mới, năm 1544 vua Francois I chuyển thư viện tới lâu đài Fontainebleau.

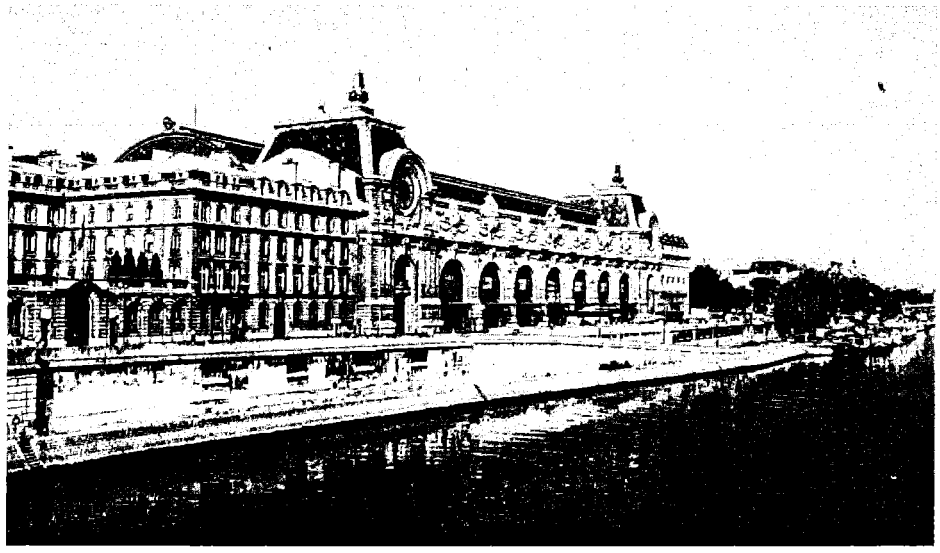
Kể từ năm 1537 mọi ấn phẩm của nước Pháp đều có một bản được đặt ở thư viện quốc gia nhưng cũng phải đến năm 1622 thì thư viện mới thực sự xây dựng được hệ thống thư mục và việc mở cửa rộng rãi cho công chúng đến sử dụng sách ở thư viện được bắt đầu từ năm 1692. Tên chính thức Thư viện Quốc gia (Bibliothèque Nationale) có từ năm 1759 và cho đến thế kỷ XIX thì đã lưu giữ được một khối lượng sách báo đồ sộ. Hiện nay trong kho thư viện có 11 triệu bản sách, 50 vạn báo và tạp chí, 165 ngàn bản chép tay, 600 ngàn bản đồ, 15 triệu ảnh và bản khắc. Riêng sách báo xuất bản ở Việt Nam trong thời kỳ 1922 - 1944 cũng được lưu trữ khá đầy đủ tại thư viện này (sách Hán Nôm có 75 bản).

Trong khoảng cuối thế kỷ, một thư viện hiện đại và nguy nga đồ sộ vào loại hàng đầu của thế giới mang tên Thư viện nước Pháp (Bibliothèque de France) đã mọc lên bờ nam sông Seine ở vào khoảng giữa cầu Bercy và cầu Tolbiac. Đây là đất đai cũ của phần ga hàng hóa của nhà ga đường sắt Austerlitz, công trình tạo nên một hình ảnh mới lạ khởi đầu cho việc hiện đại hóa một trục không gian kiến trúc mới về phía đông nam của Paris. Cuộc thi thiết kế tổ chức vào năm 1989 đã chọn được phương án để đưa vào xây dựng của kiến trúc sư Dominique Perrault chiếm diện tích tới 7 ha trong đó tạo nên tổng diện tích sử dụng tới 26 vạn m^2.

Cấu trúc của công trình tạo được một hình ảnh rất đặc sắc với 4 khối nhà cao có mặt bằng hình L tượng trưng các "cuốn sách mở" đồng thời cũng có hình ảnh những giá sách có vách trong suốt, mỗi khối nhà cao 80m (18 tầng). Bốn khối nhà được liên kết nhau bởi một vành đai công trình hình chữ nhật trong chứa đựng nhiều phòng đọc, phòng hội nghị và các phòng chức năng khác. Bên trong vành

THƯ VIỆN HUBT

đai là một vườn cây rộng lớn tạo nên sự thông thoáng cho cả khu vực đồng thời cũng là một dạng cảnh quan giúp cho lâu đài văn hóa lớn này có một nơi thư giãn. Diện tích khu đất của công trình là 7,5 hecta. Công trình chứa đựng 11 triệu cuốn sách, phòng đọc đủ chỗ cho 2000 độc giả.

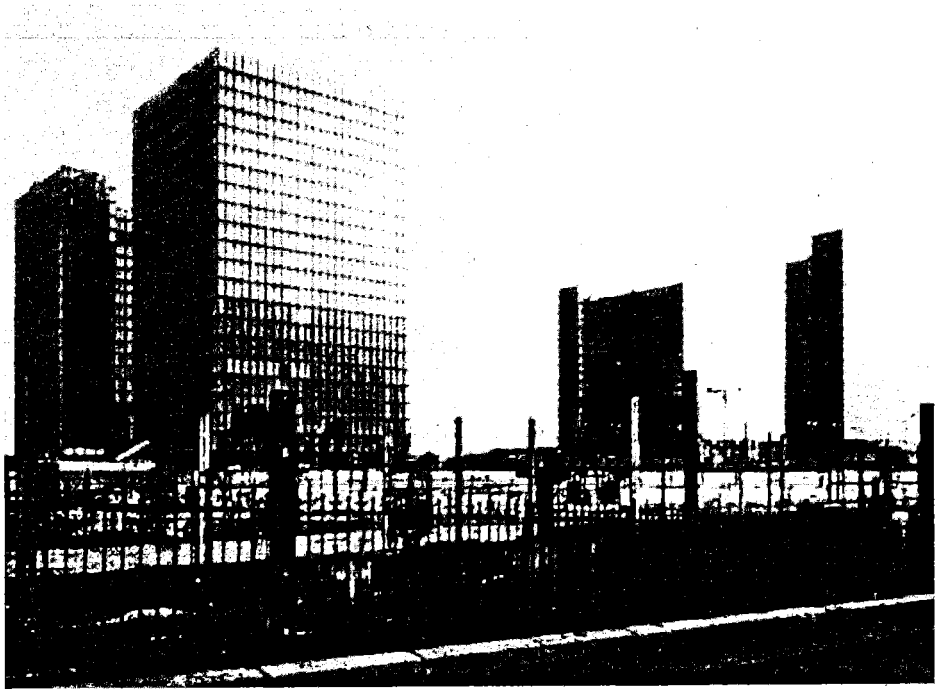


Bảo tàng Orsay

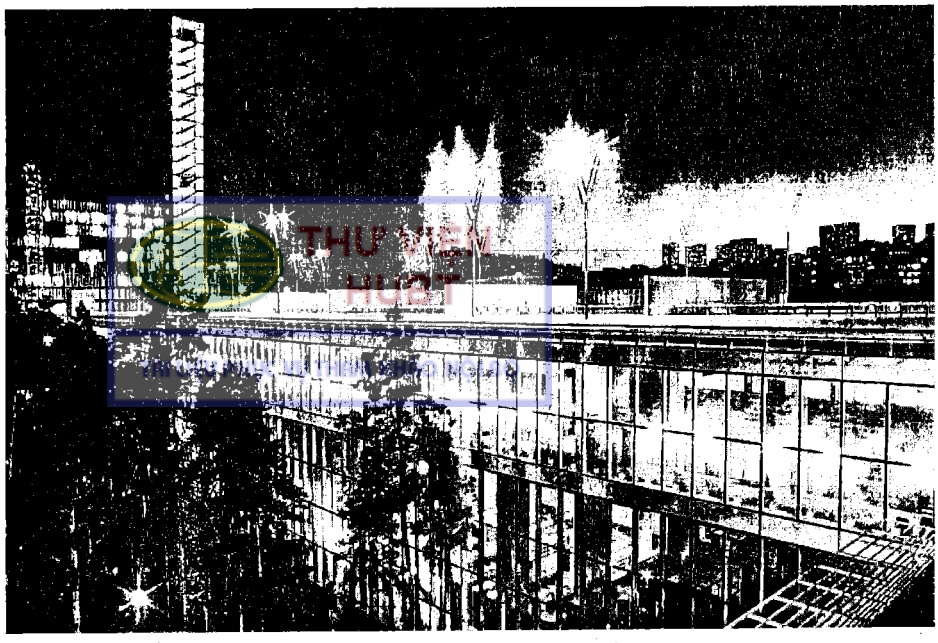


THƯ VIỆN
KUBT

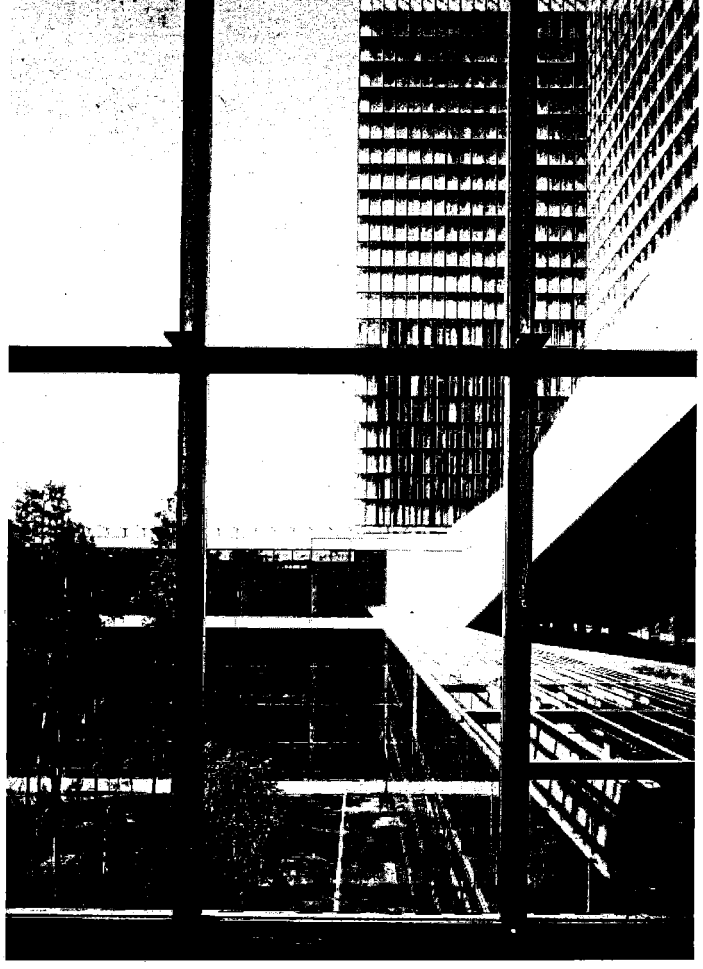
Bên trong
Bảo tàng Orsay



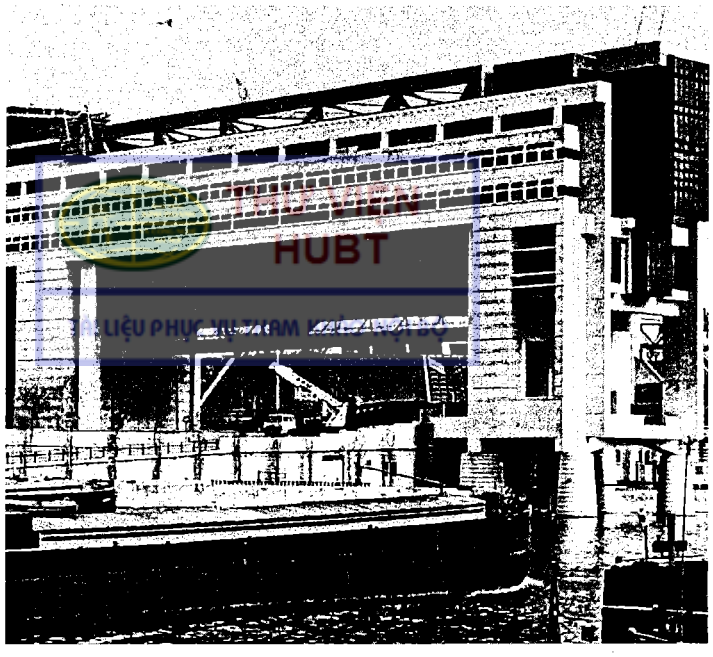
Bốn toà tháp thư viện bên bờ sông Seine



Sân trong toà thư viện nước Pháp

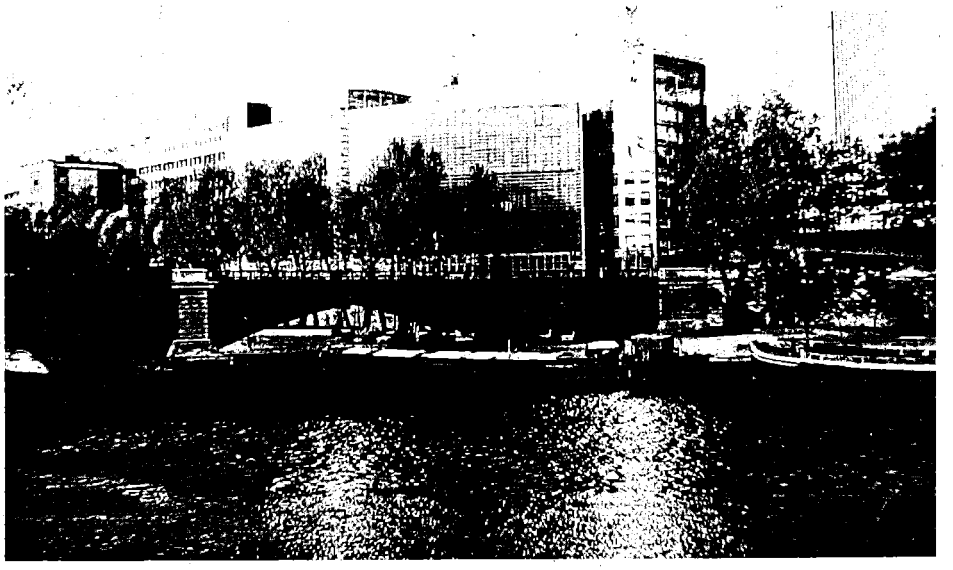


Thư viện nước Pháp (nhìn từ trong phòng đọc)

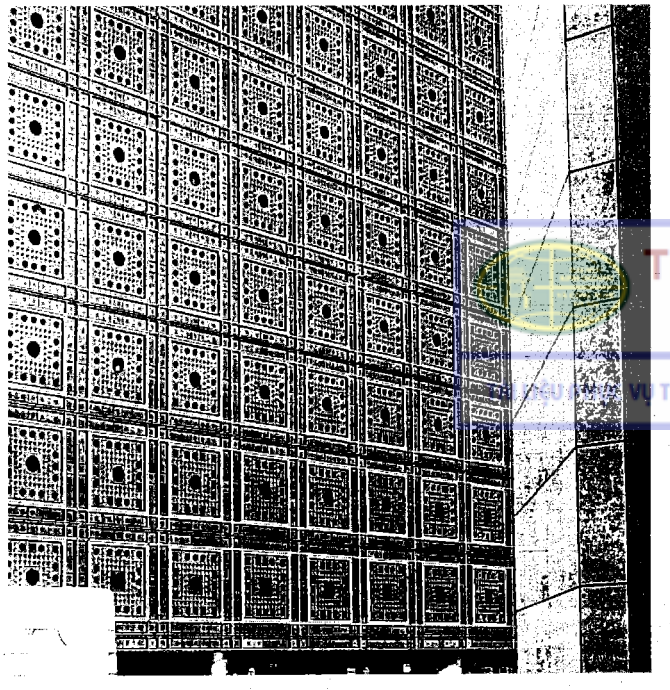


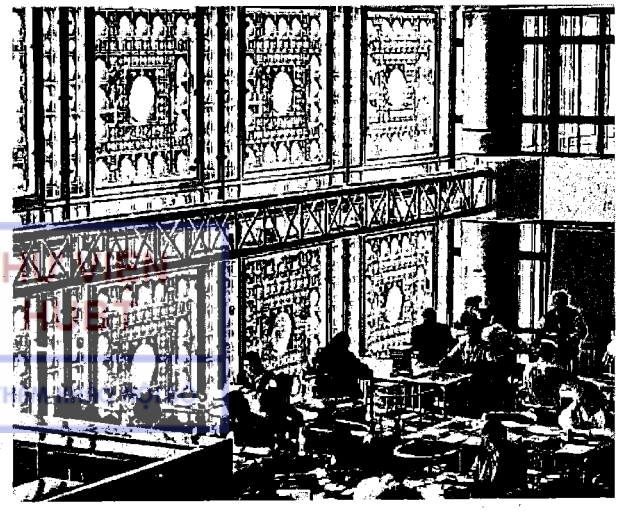
Trụ sở mới Bộ Tài chính

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO

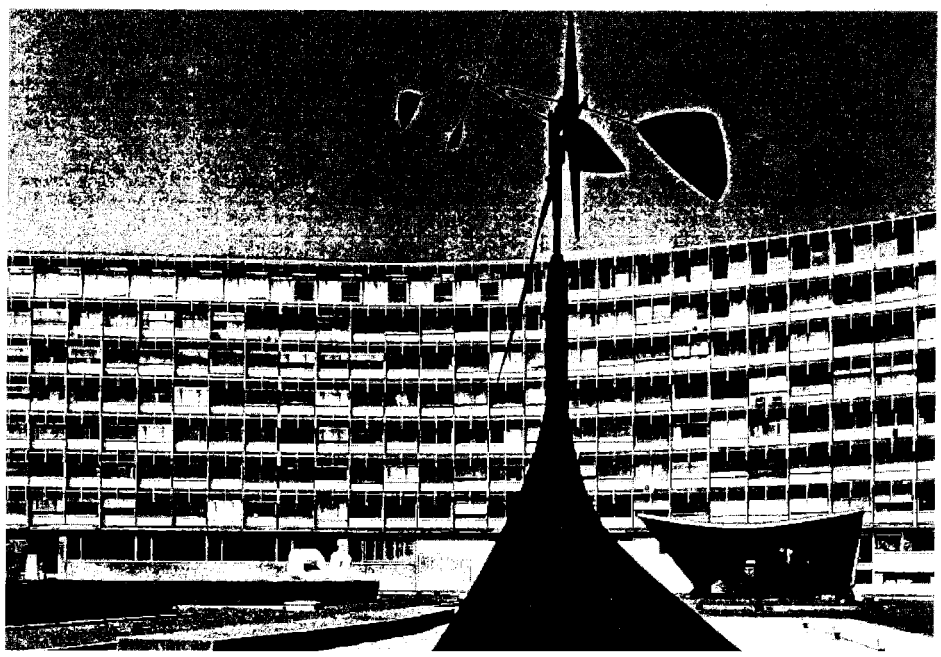


Viện Thế giới Arap

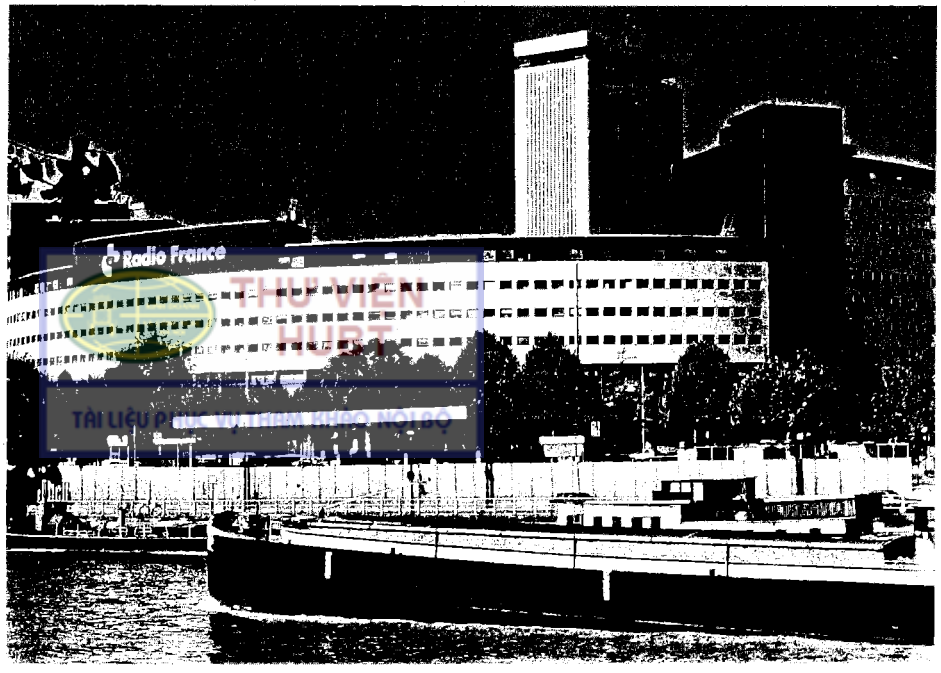




Chi tiết "màn lọc sáng" của Viện thế giới Arap



Trụ sở UNESCO ở Paris



Toà nhà Radio Nước Pháp

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NỘI BỘ



Tòa nhà Radio nước Pháp

THƯ VIỆN HUẾT

10. Các kiến trúc đặc sắc khác

**** Tòa thị chính (Hôtel de Ville)***

Địa điểm Tòa Thị chính hiện nay xưa kia vốn là bãi cát sỏi bên bờ bắc sông Seine vì thế có tên quảng trường Grève. Nhiều công nhân lúc không có việc làm thường hay tụ hội ở đây vì thế mà từ grève nguyên nghĩa là "bãi cát sỏi" mà về sau lại có nghĩa là "bãi công". Tại đây hội buôn trên sông (La Hanse) đã xây dựng một trụ sở (Parloir aux bourgeois) ở vị tri gần tòa Châtelet Lớn, trụ sở này cũng được dùng làm nơi họp hội đồng thành phố do Saint-Louis lập ra vào thế kỷ XIII, chủ tịch hội đồng chính là quan thái thú ngành buôn. Trụ sở hội đồng sau được chuyển tới ngôi nhà lớn hơn của Etienne Marcel, "ngôi nhà trên trụ" (maison aux Piliers).

Địa điểm này cũng lưu giữ những kỷ niệm đau thương vì là nơi diễn ra nhiều cuộc hành hình và chỉ tới năm 1832 chuyện này mới hoàn toàn chấm dứt. Bên cạnh đó đây cũng lại là nơi diễn ra lễ hội Saint-Jean do thành phố tổ chức và có vua đến dự, vào ban đêm có đốt lửa, đốt pháo hoa rực sáng bầu trời Paris.

Vào giữa thế kỷ XVI vua Francois I đã quyết định xây dựng quy mô lớn hơn công trình thị chính của thủ đô và công việc được giao cho kiến trúc sư Cortone, công việc kéo dài tới tận đầu thế kỷ XVII mới hoàn thành, mang phong cách kiến trúc thời Phục hưng. Vào năm 1871 Công xã đã dùng nơi này làm trụ sở và sau đó công trình bị phá huỷ nhiều nên đến năm 1873 công trình đã được xây dựng lại hầu như hoàn toàn và vẫn giữ phong cách kiến trúc thời Phục hưng.

Kiến trúc công trình rất bề thế cao ba tầng chính cộng với tầng trong mái (kiểu mái Mansart) được phân vị theo chiều ngang và chiều dọc rất cân đối hài hòa. Nhiều trang trí phong phú (có 10 tượng các nhân vật quan trọng đặt trong các ô lõm trên tường), các ống khói lò sưởi rất lớn xen kẽ với các chóp mái dốc cũng trở thành một bộ phận trang trí quan trọng (kiến trúc tòa Đô thành Sài gòn cũ nay là trụ sở UBND thành phố Hồ Chí Minh cho ta hình ảnh phảng phất của kiến trúc tòa thị chính Paris).

**** Học viện Pháp (Institut de France)***

Nằm ở một vị trí quan trọng trên bờ nam sông Seine trông sang cánh nhà Sully của bảo tàng Louvre, ngay ở đầu cầu "Nghệ thuật" và không xa "Cầu mới", công trình này ban đầu mang tên trường "Trung

học Bốn nước" (collèges des Quatre Nations) do Mazarin xây dựng vào giữa thế kỷ XVII nhằm mục tiêu tạo chỗ học cho con nhà khá giả (60 học bổng) của bốn tỉnh mới được sáp nhập vào vương quốc, đồng thời cũng là một học viện về các môn khoa học, nghệ thuật, dạy múa hát, dạy cưỡi ngựa... cho con em của quý tộc.

Năm 1661 ông qua đời, mộ ông được đặt tại nhà thờ của tòa lâu đài này (nằm tại vị trí cũ của tháp vọng lâu Nesle trên vòng thành thời Philippe Auguste), công trình do kiến trúc sư Le Vau phụ trách. Kiến trúc mặt chính trông ra sông Seine có hình cong lõm được tạo hình thanh thoát và tổng mặt bằng do Le Vau vẽ và được các kiến trúc sư Cambert và Orbay thực hiện từ 1663 đến 1691.

Vào thời cách mạng, công trình có thời kỳ được sử dụng làm nơi giam giữ, sau đó vào khoảng 1793 - 1795 nước Pháp có nhiều cải tổ về giáo dục, các đơn vị giáo dục được tổ chức lại thành các học viện và từ 1806 thì công trình này mới mang tên học viện Pháp và đây cũng là nơi làm việc của Viện Hàn lâm. Kiến trúc sư Vaudoyer được giao nhiệm vụ tu sửa công trình này cho phù hợp với chức năng mới, đảm bảo nơi làm việc của năm viện: Viện Hàn lâm Pháp, Viện Hàn lâm Khoa học, Viện văn học, Viện mỹ thuật, Viện nghiên cứu đạo đức và chính trị.

Tại sân hình bát giác của công trình nay còn giữ được một số dấu tích ban đầu với những cổng vòm được trang trí bằng những trụ giả theo thức co-ranh bên trên là trán tường hình tam giác. Cổng phía phải dẫn tới phòng họp long trọng (vị trí nhà thờ cũ), cổng phía trái dẫn tới nhà thư viện do Mazarin để lại một kho sách phong phú.

**** Lâu đài Hoàng gia (Palais Royal)***

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Năm 1624 Richelleu lên nắm tể tướng với rất nhiều quyền hành và tiền bạc, ông mua đất và tòa nhà Rambouillet cũ để xây dựng một cư dinh mới. Thời gian đó, đoạn thành thời Charles V và cổng thành Saint-Honoré nằm trên địa bàn này cũng đã được phá đi, tạo ra khoảng đất đai khá rộng cho việc xây dựng toà dinh cư. Công trình được giao cho kiến trúc sư Jacques Lemercier, mặt bằng công trình nằm ở giữa hai sân hình chữ nhật, sân cửa vào trông ra quảng trường "Vũ khí" (nay là quảng trường Hoàng gia) và sân long trọng trông ra một vườn cây. Sân long trọng được bao bọc ba mặt bởi tòa nhà chính và hai cánh bên được trang trí mỏ neo và mũi tàu thuyền

(Richelieu vốn là người đứng đầu ngành hàng hải và thương mại) Bên trong nhà được trần thiết lộng lẫy với nhiều đồ vật quý giá không khác gì một bảo tàng. Là người yêu thích nghệ thuật kịch, ông còn cho xây dựng ngay tại khuôn viên này những gian lớn dành cho việc diễn kịch.

Khi ông qua đời, lâu đài được chuyển thành hoàng cung triều vua Louis XIII, hoàng hậu Anne d'Autriche chuyển đến ở tại đây từ 1643 cùng với thái tử sau này là Louis XIV. Hoàng hậu đã cho Simon Vouet trang hoàng lại tòa lâu đài, công trình sau đó được chuyển qua tay rất nhiều người và cũng có nhiều biến đổi. Ngày này tổng thể công trình bao gồm hai phần: phần lâu đài được dùng làm trụ sở của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Lập hiến, Bộ Văn hóa và nhà hát hài kịch Pháp; phần nữa là khu vườn với ba mặt là các hành lang dạo. Mặt công trình trông ra sân long trọng được trang trí bởi hàng cột iô-nic và dãy tượng. Ba dãy nhà bao quanh khu vườn có một vẻ đẹp diễm lệ góp phần tạo nên một "ốc đảo" tĩnh lặng ở phia bờ bắc sông Seine.

Bộ Văn hóa đã có nhiều dự án tôn tạo lâu đài và vào năm 1986 đã thực hiện một công trình của Dantel Buren với 250 cột đá trang trí với những kẻ sọc đen trắng và ở phía dưới thấp là những đường hào cho nước chảy.

**** Tòa nhà Phế binh (Hôtel des Invalides)***

Vào thế kỷ XVII nhiều cuộc chiến tranh đã dẫn tới tình trạng trong xã hội luôn có nhiều binh sĩ bị tàn phế, họ lang thang đây đó, nằm ngủ đầu đường xó chợ và cũng thường hay phải trú ngụ tại các nhà thờ, các tu viện. Năm 1671 vua Louis XIV đã quyết định xây dựng một tòa nhà để có thể thu gom số người này và vào năm 1676 công trình đưa vào sử dụng đã thu gom tới khoảng 6 nghìn người.

THƯ VIỆN HUBT

Công trình nằm trên một trục kiến trúc hoành tráng trông thẳng ra cầu Alexandre III bản thân nó cũng là một kiến trúc hoành tráng. Công trình được xây dựng theo đồ án của Libéral Bruant mang hình ảnh của phong cách kiến trúc cổ điển cân đối và đường bệ với mặt tiền trải rộng 200m, chính giữa là một cổng vòm tròn bên trên có tượng vua Louis XIV cưỡi ngựa, tác phẩm của nhà điêu khắc Coustou (thế kỷ XVIII). Bộ mái bằng đá đen chạy dài được tô điểm bằng một dãy các cửa mái.

Qua khỏi cổng vòm là một sân danh dự, hai bên là các gian nhà

dành cho Bảo tàng quân đội, ở cuối sân là nhà thờ Saint-Louis, cũng thường được gọi là nhà thờ của quân đội, công trình do Hardou in-Mansart thiết kế. Bộ mái vòm đồ sộ của nhà thờ được xây dựng trong thời gian giữa các năm 1679 - 1706, có đường kính 28m và đạt tới độ cao 107m được trang trí mạ vàng óng ánh luôn phản chiếu ánh nắng rực rỡ của bầu trời Paris (vào năm 1990 đã được mạ lại nên đến ngày nay càng rực rỡ hơn). Bên trong nhà thờ được trang trí bằng nhiều cờ xí thu lượm từ các trận mạc và nhà thờ cũng nổi tiếng nhờ một bộ đàn oóc tráng lệ mà cứ mỗi chiều chủ nhật lại có nhiều người đến dự buổi tấu nhạc.

Chính tại nhà thờ này, di hài của hoàng đế Napoléon đã được chuyển từ đảo Sainte-Hélène về vào năm 1840 và được đặt bên trong một quách bằng đá porphyre đỏ trên một nền bệ bằng đá hoa cương màu xanh lục. Trang trí bên trong nhà thờ cũng như gian hầm mộ do Visconti thực hiện trong 20 năm, là một tác phẩm nghệ thuật quan trọng được lưu giữ trong nhà thờ.

**** Trường quân sự (Ecole militaire)***

Xây dựng vào năm 1769 dưới thời Louis XV, do J.A.Gabriel thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo các sĩ quan cho quân đội hoàng gia. (Gabriel là người đã thiết kế toà nhà Petit Trianon ở Versailles và quy hoạch quảng trường Concorde). Quy mô đào tạo của nhà trường là 500 học viên trong thời hạn 3 năm. Từ năm 1977 trở thành trường Cao đẳng sĩ quan và Bonaparte đã theo học ở đây vào năm 1784 lúc 15 tuổi. Ông ra trường với cấp hiệu trung úy pháo binh và được lời phê rất tiên đoán: "tiến xa nếu cơ hội thuận lợi".

Vào thời cách mạng nhà trường bị đóng cửa nhưng đến thế kỷ XIX lại được mở rộng và luôn giữ chức năng đào tạo võ bị đồng thời cũng là một trại lính. Mặt chính của công trình về phía tây bắc trông ra sông Seine qua một khoảng vườn rộng Champs de Mars mà trên trục chính phía giáp bờ sông là tháp Eiffel nổi tiếng. Kiến trúc mặt chính được cấu trúc với sự cân xứng chặt chẽ của phong cách cổ điển, phần chính nhô ra phía trước được trang trí bằng hàng cột co-ranh bên trên là trán tường hình tam giác.

Mặt sau trông ra quảng trường Fontenay, bên trong cổng là một sân danh dự mà ba mặt đều là kiến trúc đẹp với hàng cột đo-ric kép kết thúc bởi phần mặt nhà nhô ra, riêng gian chính giữa được trang trí hàng cột co-ranh kép bên trên có trán tường và có vòm mái.

**** Nhà thờ Saint-Germain-l'Auxerois***

Nằm ở ngay bờ bác sông Seine, đối diện với mặt phía đông của bảo tàng Louvre, đây cũng là một trong những nhà thờ cổ nhất ở Paris. Từ thế kỷ VI tại địa điểm này đã có nhiều nhà thờ được xây dựng, trong những buổi đầu là một nhà thờ để làm lễ rửa tội cho những trẻ em bị chết do lụt lội của sông Seine, thời đó chuyện này còn rất phổ biến. Vào thời Normands xâm lược (thế kỷ IX) nhà thờ bị đốt phá nên sau đó Robert Pieux đã quyết định xây dựng lại. Phần việc quan trọng nhất được tiến hành vào thời Philippe-Auguste cùng lúc với quá trình xây dựng Louvre, đã tạo nên bộ mặt công trình như ta thấy ngày nay.

Do được xây dựng qua nhiều thời kỳ nên qua từng bộ phận người ta thấy được dấu ấn của phong cách kiến trúc: phần phía dưới của gác chuông mang dấu ấn roman, phần điện thờ mang dấu ấn goth-tque sớm, phần gian chính và cánh ngang mang dầu ấn gothique muộn, phần gian thờ và cửa bên mang dấu ấn Phục hưng... Vào thời cách mạng, do nằm vào vị trí trung tâm nên công trình nhà thờ đã được sử dụng cho rất nhiều mục đích khác nhau, từ năm 1802 hoạt động tôn giáo của nhà thờ mới trở lại bình thường. Có thời gian do nhu cầu mở tuyến đường nằm ở khoảng giữa Louvre và toà Thị chính, nhà thờ đã có nguy cơ bị phá đi may có nhiều người phản đối (trong đó có nhà văn Chateaubriand là người tích cực) công trình đã được giữ lại và vào thời kỳ từ 1838 đến 1855 đã được tôn tạo do các kiến trúc sư Lassus, Baltard và Viollet-le-Duc.

Cổng chính ở mặt trước được cấu trúc với 5 ô cửa cuốn nhọn, là kiểu cửa khá đặc trưng chỉ có ở đây và nhà thờ Sainte-Chapelle. Bên trên cửa chính là lớp diềm mái với hàng con tiện bằng đá chạy bao quanh nhà thờ ở hai tháp hình bát giác có cửa sổ hoa hồng, trên trán tường hình tam giác có cửa sổ mắt bò và bên trên có tượng Saint Michel. Hệ thống máng nước xung quanh cũng được cấu tạo kết hợp với trang trí tạo nên nhiều hình ảnh bất ngờ theo sự tưởng tượng của nhà điêu khác.

THƯ VIỆN HUBT

**** Nhà thờ Saint-Eustache***

Địa điểm nhà thờ nằm tại cạnh phía bắc của khu Halles (chợ lớn) thờ thánh Agnès do nhà tư sản Jean Allais xây dựng. Công trình hơi nhỏ và không tương xứng với địa điểm khu vực nên vào thế kỷ XV đã được phá đi để xây dựng nhà thờ lớn hơn, dựa theo mẫu nhà thờ

Đức Bà trên đảo Cité tuy quy mô có nhỏ hơn (chiều dài 100m so với 130m của nhà thờ Đức Bà). Việc xây dựng được tiến hành trong thời gian từ 1532 đến 1637 có nhiều gián đoạn do chiến tranh tôn giáo.

Nằm kề liền với một khu vực đã được hiện đại hóa (Forum des Halles), nhà thờ là một hình ảnh tương phản giữa cái cũ và cái mới, và như nhận xét của Nerval thì đây vẫn là "một công trình tuyệt vời với sự kết hợp một phong cách nở rộ của thời trung cổ với những đường nét chính xác của thời Phục hưng, công trình vẫn sáng lên một cách lộng lẫy dưới ánh trăng, một bộ khung của thời gothique cùng với những cuốn bay tuyệt tác và liền đó là những cuốn tròn thời La Mã của cửa đi và cửa sổ". Mặt nhà phía bắc có một cửa lớn được mở ở khoảng giữa hai tháp nhỏ của cầu thang và kết thúc phía bên trên bằng một lồng kính lấy ánh sáng.

Ở mặt phía nam, bên trên cửa là một ô trán tường được trang trí khá đẹp. Mặt ngoài của gian giữa được kết thúc bởi một điện thờ hình tròn dành cho Đức thánh đồng trinh. Kiến trúc mặt tiền của nhà thờ này không thành đạt so với nhiều nhà thờ khác là do có sự kết hợp thiếu hài hòa của nhiều thời kỳ xây dựng: năm 1615 mặt nhà được thiết kế theo phong cách kết hợp giữa gothique với Phục hưng, nhưng đến 1665 người phụ trách nhà thờ là Colbert đã làm thêm những điện thờ dưới tầng hầm và đến năm 1752 lại có một dịp tu sửa và cải tạo theo một đồ án của người cháu của Mansart.

Trang trí bên trong nhà thờ gây nhiều ấn tượng với vòm mái đẹp, những cửa kính ghép màu rực rỡ và đặc biệt là ngôi mộ của Colbert do Le Brun thiết kế mang dấu ấn của nghệ thuật cổ điển.

**** Nhà thờ Val-de-Grâce***

THƯ VIỆN
LUURT

Hoàng hậu Anne d'Autriche rất lo lắng việc sinh hạ được thái tử để nối dõi ngôi vua đã cầu chúa ban phước và khi được toại nguyện đã xây dựng tòa nhà thờ này để tạ ơn. Vào năm 1638 bà sinh hạ hoàng tử sau này là vua Louis XIV. Lúc hoàng tử 7 tuổi đã cùng với mẹ đến đặt viên đá đầu tiên khởi công xây dựng nhà thờ này, công trình khởi đầu do kiến trúc sư Francois Mansart và tiếp sau là Lemercier, Le Muet và cuối cùng là Le Duc xây dựng phần mái vòm, các tháp nhỏ và các gian nhà xung quanh.

Việc thiết kế mặt bằng nhà thờ chịu ảnh hưởng kiểu nhà thờ Saint-Pierre ở Rome, vòm mái gian chính được trang trí rất phong phú do Michel Auguier thực hiện, bộ phận tán mái của điện thờ được cấu

trúc nguy nga đồ sộ với tám cột đỡ bằng đá hoa tạo hình xoắn được trang trí hình lá (đồng mạ vàng) và vòm cung hoa lá và thiên thần bao quanh bàn thờ. Công trình trang trí do Le Duc thực hiện mang phong cách nghệ thuật ba-rốc nhưng lại rất hài hòa với phong cách kiến trúc cổ điển.

Phần quan trọng nhất của kiến trúc nhà thờ là bộ mái vòm đạt tới độ cao 41m, là một trong những mái vòm đẹp và nổi tiếng ở nước Pháp. Thân của vòm mái được trang trí bởi tác phẩm của Mignard trên đó tượng của hai trăm nhân vật. Trang trí này đã gây ấn tượng cho nhà viết kịch Molière khiến ông đã viết nên một bài thơ và là bài thơ duy nhất của ông. Nhà thờ có ba chức năng: tu viện, nhà thờ xứ và nhà thờ của Hoàng gia. Hai bên của gian chính còn có điện thờ Saint Louis (phía phải) và Sainte-Anne (phía trái), đây cũng là nơi lưu giữ trái tim của một số nhân vật hoàng gia quá cố. Trong tổng thể công trình này còn có một bộ phận được dùng làm bệnh viện quân đội (từ thời cách mạng) và một bộ phận là bảo tàng về chăm sóc sức khoẻ.

**** Trụ sở UNESCO***

Tòa nhà trụ sở làm việc của tổ chức của Liên hiệp quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa được khánh thành vào năm 1958 mà đồ án được sự cộng tác sáng tạo của nhiều kiến trúc sư nổi tiếng thế giới: Breuer (Mỹ), Nervi (Ý), Zehrfuss (Pháp). Công nghệ cấu tạo cũng như hình ảnh kiến trúc của công trình phản ánh một sự hòa nhập quốc tế về phong cách kiến trúc và nghệ thuật ở khoảng giữa thế kỷ XX.

Tòa nhà chính là nơi làm việc của ban thư ký có mặt bằng hình 3 cánh (chữ Y) được cấu tạo nhà trên cột (72 cột bê tông) xen trong đó là một sảnh lớn được trang trí bằng đá quắc zít của Na uy. Trong ngôi nhà có khoảng 600 buồng làm việc và ở tầng trên cùng được trang trí bằng tranh sơn dầu của Afro (Ý), Appet (Hà Lan), Ma ta (Chi Lê), việc trang trí công trình nói chung cũng thể hiện sự kết hợp tài năng của nhiều nghệ sĩ lớn của thế giới. Khối phòng họp có bố cục hình thang được trang trí bởi tranh của Tamayo và của Picasso với chủ đề thể hiện khát vọng của con người đối với hòa bình và ánh sáng trí tuệ. Ven khu đất về phía giáp với đại lộ Ségur được trang trí theo kiểu vườn Nhật Bản tác phẩm của Isamu Noguchi mô tả phong cảnh thiên nhiên có hồ nước, suối chảy và cầu nhỏ được cấu tạo bởi 80 tấn đá cuội thiên nhiên trên một viên lớn nhất chỗ vòi phun nước được trang trí chữ Nhật "hòa bình".

Dọc đại lộ Suffren và Lowendol là thảm cây lớn mang tên "piazza" và trước lối vào khối thư ký là khối tượng hoành tráng của Henri Moore và các tác phẩm trang trí của Miro và Artigas.

**** Làng quốc tế đại học Paris (Cité internationale universitaire de Paris)***

Được mạnh nha từ thời kỳ trước Đại chiến thế giới lần I do Bộ trưởng André Honorat sáng lập và được xây dựng vào thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh với ý tưởng hội nhập lớp trí thức trẻ từ nhiều nơi trên thế giới, tạo điều kiện cho họ có chỗ ăn học thuận lợi đồng thời có dịp trao đổi tiếp xúc giữa nhiều nền văn hóa, nhiều cộng đồng, nhiều chủng tộc. Địa giới làng có diện tích khoảng 40 ha nằm ở phía nam của thủ đô, đối diện với công viên Montsouris gần kề đường vành đai cao tốc, và cách không xa cửa ô Orléans, nếu La Villette là điểm tận cùng về phía bắc của trục Cardo thì có thể coi Làng quốc tế đại học này là điểm kết thúc về phía nam của trục đó. Sự hình thành nên khu làng này nhờ ở sự đóng góp rất quan trọng của Emile Deutsch. Buổi đầu hình thành có một tòa nhà trung tâm và 35 ngôi nhà cho sinh viên từ các nước khác nhau, thường mỗi nước là một tòa nhà riêng, đến nay khu làng đã có quy mô 7000 sinh viên mang 120 quốc tịch các ngôi nhà thường mang phong cách và dấu ấn văn hóa của từng nước. Có thể gọi đây là một làng vì tổng thể kiến trúc không phải là những ngôi nhà đồ sộ mà là nhiều ngôi nhà riêng lẻ xen lẫn với vườn cây được bố trí và tạo hình đẹp đẽ và sự hấp dẫn của tổng thể nhờ vào sự đa dạng của những công trình có nhiều hình ảnh gợi lại nền kiến trúc đặc trưng ở nhiều vùng khác nhau trên thế giới.

Cho đến năm trước khi nổ ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939) thì ở đây đã xây dựng được tòa nhà trung tâm và gần 20 nhà cho sinh viên các nước như Canada, Bỉ, Argentine, Nhật. Arménia, Đông Dương, Hoa Kỳ, Anh, Thuy Điển, Hy Lạp, Thụy Sĩ... Kiến trúc các công trình ở đây khá bay bướm và hết sức đa dạng do tính chất quốc tế của nó. Nhìn vào danh sách các kiến trúc sư quốc tế có tác phẩm xây dựng ở đây ta có thể dễ dàng hình dung được đặc điểm "cuộc hội thoại giữa các nền văn hóa" của nó, đó là: Le Corbusier (ngôi nhà Thụy Sỹ), Lucio Costa (ngôi nhà Braxin), Albert Laprade (ngôi nhà Cuba và ngôi nhà Ma rốc), Lucien Bechman (ngôi nhà Đức), Willem Marinus Dudok (ngôi nhà Hà Lan), Pierre Martin và Maurice Vieu (nhà Đông Dương, nhà Pháp-Anh). Đến năm 1963

thì ở đây đã có 5300 sinh viên mang theo 90 quốc tịch khác nhau (một nửa là sinh viên Pháp và một nửa là sinh viên nước ngoài) và đến năm 1990 thì số quốc tịch lên tới 120 (trong đó Pháp 37%, các nước Âu châu khác 22%, châu Phi 22%, châu Mỹ 12%, châu Âu 7%). Tiền đầu tư xây dựng khu này khoảng 200 triệu FF, ngoài tòa nhà của từng nước còn có các công trình phục vụ chung như các nhà hàng, bệnh viện. Về mùa hè các nhà ở tại đây có thể được dùng cho khách du lịch thuê để bù đắp một phần các chi phí quản lý.

Quy hoạch tổng thể của khu được giải quyết rất hài hòa, không có sự chia cắt đất đai cho từng ngôi nhà để tránh gây ra ấn lượng về các "lãnh địa", và đã tránh sự đối chọi của nhiều thể loại kiến trúc có nguồn gốc từ nhiều địa phương khác nhau, thì việc trồng cây và vườn cảnh xung quanh nhà được chú ý phát triển và đã tạo nên nhiều cảnh đẹp như ở khu vực trung tâm (vườn kiểu Pháp) hoặc các cảnh quan mang sắc thái các địa phương khác như khu vườn Italia, khu nhà Nhật Bản... Một số hình ảnh kèm đây cho thấy sự phong phú của các kiến trúc đó.

**** Paris, những không gian xanh***

Chính vào thời kỳ "tổng chỉnh trang" quy hoạch đô thị Paris theo lệnh của Napoléon III do tỉnh trưởng Haussmann thực hiện với sự cộng tác tích cực của Adolphe Alphand (chuyên gia phát triển cây xanh) trong suốt thời gian từ 1852 đến 1870 mà hệ thống các không gian xanh của thủ đô Paris được phát triển và hoàn thiện. Hai không gian xanh lớn của Paris là rừng Boulogne và rừng Vincennes trở thành hai "công viên rừng" nổi tiếng, đóng góp lớn cho những "lá phổi" của Paris ở thời kỳ đô thị hóa và hiện đại hóa mạnh mẽ. Hai công viên rừng rộng lớn nằm ở hai đầu đông và tây, nằm kề bên ngoài tuyến giao thông vành đai lớn, cùng với những công viên và vườn hoa nhỏ hơn bên trong nội thành, tạo nên một mạng lưới cây xanh phong phú và rộng khắp trên địa bàn thủ đô. Không chỉ có tác dụng cải thiện vi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường sống mà còn tạo nên những cảnh quan thiên nhiên được gắn kết khéo léo với những công trình kiến trúc nổi tiếng, tạo nên những cảnh quan đô thị hấp dẫn như vườn cảnh Tuileries gắn với tòa lâu đài - bảo tàng Louvre cổ kính, vườn Champs-élysées gắn với một trục đại lộ nổi tiếng cùng tên, khu cây xanh Champs-de-Mars kề bờ sông Seine gắn với tòa tháp Eiffel, vườn cung điện Invalides, vườn cung điện

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Luxembourg... Xa hơn ra bên ngoài khu trung tâm là những khu cây xanh gắn với địa hình hồ nước hoặc đất cao như công viên đồi Chaumont, công viên Monceau, công viên Montsouris... cho tới những công viên theo tinh thần của xã hội hiện đại như công viên La-Villette, công viên trên nền đất cũ nhà máy Citroen.

Napoléon III từng rất hâm mộ vẻ đẹp đầy ấn tượng các không gian xanh của nước Anh như công viên Hyde Park (hình thành từ 1635), công viên Saint-James và một phần của Regent Park (từ 1841). Ông có mối quan tâm lớn việc cải thiện môi trường sống dân đô thị bằng việc phát triển các không gian xanh. Những tình tiết về việc này được Haussmann kể rõ trong cuốn sách "Mémoires" (ký ức) xuất bản năm 1893.

Mối quan tâm tạo dựng không gian xanh trước tiên nhằm biến khu rừng ngoại thành Boulogne trở thành một công viên đô thị. Đất rừng này được nhà nước chính thức cấp cho thủ đô Paris năm 1852 và được giao việc quy hoạch công viên cho Alphand theo cách làm công viên ở Anh. Khu đất được mở rộng cho công viên từ 767 lên 846 hecta, nằm kẹp giữa tuyến vòng thành cũ (phía đông) tới đoạn hạ lưu sông Seine (phía tây). Trong quy hoạch, Alphand đã tạo những tuyến đường dạo trong công viên có chiều dài tổng cộng lên đến 95km, nhiều đường trải nhựa cho xe đi, nhiều đường phủ cát cho ngựa chạy và phần lớn là cho người đi bộ. Hai tuyến đường cũ của rừng được giữ lại là đường Acacias và đường Hoàng hậu Marguerite. Một trục đại lộ lớn nối từ công viên tới quảng trường Ngôi Sao, đại lộ có chiều rộng tới 120m, đó là đại lộ Maréchal Foch, hai bên đại lộ trồng các loại cây quý và đẹp. Quy hoạch có đào hai hồ lớn: hồ Supérieur (hồ trên) và hồ Inférieur (hồ dưới), trong hồ có đảo trồng nhiều loại cây, mặt hồ có chỗ tạo thành thác, hồ nằm gần khu cổng vào chính có nhiều đường dạo đẹp.

THƯ VIỆN HUBT

Vui mừng về thành tựu tạo dựng Boulogne ở phía tây, năm 1860 nhà vua cấp tiếp cho thủ đô khu rừng Vincennes ở phía đông để tạo dựng một không gian xanh tương tự, quy hoạch công viên đã tăng diện tích từ 875 lên 901 hecta. Trong công viên cũng tạo nhiều hồ, trong đó hai hồ lớn được ưa thích là hồ Daumesnil và hồ Minimes.

Cũng giống như Boulogne từng có quá khứ vẻ vang khi được chọn làm khu rừng đi săn của nhiều vua chúa phong kiến từ thời Mérovingiens, xưa kia khu rừng có tên là Rouvray; Vincennes vốn gắn với tòa lâu đài cùng tên hình thành từ thế kỷ XIV, có thời gian là

hoàng cung. Vua Philippe Auguste từng xây dựng tường rào bao quanh "rừng săn hoàng gia" ở Vincennes có chiều dài tới 12km còn Charles V từng xây một tòa lâu đài trên đồi nhìn ra dòng nước sông Marne (một nhánh của sông Seine).

Với diện tích lên tới khoảng 900 hecta, Boulogne và Vincenne đều được gọi là "rừng" (bois) và trở thành hình mẫu cho thể loại "công viên rừng" ở nhiều đô thị khác. Với diện tích lớn như vậy nên trong công viên rừng lại chứa đựng nhiều công viên nhỏ hơn nằm bên trong. Bên trong Boulogne có các công viên Bagatelle và công viên Thuần hóa (jardin d' acclimation) là những công viên mang chủ đề lịch sử, cảnh quan, bảo tàng thực vật..., còn trong Vincenne cũng hình thành khu vườn giải trí theo những chủ đề khác nhau hoặc những bảo tàng gắn với những dấu tích lịch sử. Trong Vincenne có bảo tàng về giao thông thời cổ, bảo tàng nghệ thuật châu Phi và châu Đại Dương, khu vườn nhiệt đới và cả một đền đài về Đông Dương (tưởng nhớ người lính từ Đông Dương đóng góp trong chiến tranh 1914 - 1918).

Những công viên ở phần nội thành nằm bên trong tuyến vành đai giao thông tức bên trong vòng thành cũ (Paris intra-muros) thì có quy mô nhỏ hơn, trong đó có những công viên có giá trị lớn như Buttes-Chaumont (phía đông bắc), Montsouris (phía nam), công viên Monceau (phía tây bắc)...

Buttes-Chaumont vốn là một công trường khai thác mỏ thạch cao bị đào bới lung tung tạo thành gò đồi cao thấp lổn nhổn, cảnh vật vô cùng xấu xí. Nhưng chính tình trạng địa hình lổn nhổn như vậy, khi vào tay nhà nghệ thuật cảnh quan Alphand được giao nhiệm vụ tạo thành vườn cảnh theo kế hoạch chỉnh trang thời Haussmann đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật phong cảnh có giá trị.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Công viên có diện tích 27 hecta, Alphand đã tận dụng địa hình địa vật để tạo cảnh quan cho công viên vô cùng hấp dẫn. Lợi dụng một đường kênh dẫn nước và hồ nước cũ, Alphand đã tạo dựng cảnh quan thác nước cao 32m đổ xuống một hang động được tạo hình các thạch nhũ nhân tạo, là một cảnh quan trong đô thị nhưng khá kỳ vĩ. Giữa hồ nước là đảo có tạo núi có ngôi đền thờ Sybille, đường dẫn lên núi tạo hình những bậc đá cheo leo 200 bậc bám theo các sườn núi. Sau 4 năm xây dựng, công viên được mở cho công chúng và chính Napoléon III đã cắt băng khánh thành đúng vào dịp Triển lãm toàn cầu được tổ chức ở Paris vào năm 1867.

Nằm về phía nam sát với vòng đai giao thông, công viên Montsouris nằm vào vị trí khá đặc biệt vì gần trùng với đường kinh tuyến bắc - nam chia đôi thủ đô Paris, đi qua chính giữa Đài thiên văn Paris. Công viên nằm gần kề mốc phía nam của kinh tuyến này (trong khu vực của Đài thiên văn). Công viên rộng 16ha, khởi dựng từ 1878, cũng là công viên có nhiều phong cảnh đẹp nhờ khai thác tốt địa hình đẹp của một vùng nông thôn còn được ghi lại trên nhiều bức tranh phong cảnh về vùng này, rất ấn tượng với nhiều cối xay gió.

Một công viên khác nằm phía tây bắc thành phố cũng có những cách tạo cảnh đặc sắc là công viên Monceau. Vốn là đất săn bắn của quận công Chartres xứ Orléans, kiến trúc sư phong cảnh Carmontelle được giao nhiệm vụ biến cải thành "miền đất kỳ thú" của ông. Để thỏa mãn sở thích của quận công, vị kiến trúc sư đã tập hợp về đây nhiều loại kiến trúc hấp dẫn từ nhiều xứ sở khác nhau như đền đài Roman, kiến trúc hình kim tự tháp, nhà trang trại Thụy Sĩ, vườn cảnh kiểu Anh và kiểu Đức cho đến cả đền đài Trung Hoa. Trong công viên cũng còn có hồ nước tạo cảnh thủy chiến, các cảnh đồi núi nhấp nhô. Thời cách mạng đất này bị tịch thu và chuyển thành công viên giải trí (một phần cắt lại để xây dựng nhà ở) và từ năm 1852 đất này thuộc sở hữu của thành phố.

*
* *

Ở thời hiện đại vào nửa cuối thế kỷ XX, Paris vẫn không ngừng được mở mang những không gian xanh với mục tiêu tạo nên một mạng lưới rộng khắp để cho người dân từ nhà ở hoặc từ nơi làm việc, đều có thể tiếp cận một không gian xanh trong bán kính không quá 500m. Thành phố đã tận dụng những khoảng không, những diện tích đất đai vốn là những cơ sở công nghiệp, kho tàng không còn thích hợp nằm trong thành phố để phát triển thêm những không gian xanh mới, hoàn thiện hơn nữa mạng lưới các không gian xanh sẵn có.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Năm 1988 công viên La-Villette hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng, thành phố có thêm 35ha cây xanh nữa trên vùng đất trước đây là khu lò mổ. Được xem là "công viên của tương lai", công viên có nội dung khác trước rất nhiều vì được thiết kế theo chủ đề một "thành phố khoa học - công nghệ và nghệ thuật". Các công trình thành phần của công viên như "thành phố khoa học và công nghệ",

tòa "gian nhà lớn" (Grande Halle), gian nhà Zénith, khu nhà "thành phố âm nhạc", nhà chiếu phim La Géode... cho thấy rõ chủ đề của công viên này. Những tác phẩm nghệ thuật không gian, nghệ thuật tạo cảnh... được đánh giá cao về "tính tiền phong" trong nghệ thuật hiện đại.

Những năm 90 của thế kỷ XX, hai công viên hình thành từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đó là công viên André-Citroen (14 hecta) trên đất của của nhà máy ô tô và thay vào đó là một công viên là việc làm mang tính "lật ngược thế cờ" ở thời công nghiệp hóa và đô thị hóa vốn là quá trình các nhà máy công nghiệp lấn đất của thiên nhiên, của cây xanh, nhưng ở đây quá trình đó đã được lật ngược. Quy hoạch công viên ở đây cũng có nét riêng với một "vườn trắng" (Jardin Blanc) mở ra một diện tích vui chơi thoáng đãng với các loại cây sống khỏe chịu đựng các hoạt động của tuổi trẻ, một khu "vườn đen" (Jardin Noir) chuyên trồng các loại cây và hoa sẫm màu để tôn nổi một thác nước nhiều bậc dẫn tới một sàn phẳng có 64 tia nước phun cho người đến vui chơi, cùng với nhiều tạo cảnh "gương nước" khác. Hai nhà kính lớn cao 15m, dài 45m dành cho các loại cây đặc sản nhiều vùng miền.

Với việc khai thác các khu đất chuyển đổi mục đích sử dụng đó, trong khoảng 1977 đến 1999 Paris đã có thêm 156 không gian xanh với diện tích tổng cộng 148 hecta. Ngoài ra để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ không gian xanh của người dân, nhiều vườn tư nhân, nhiều vườn cây riêng của các trường đại học, các viện nghiên cứu cũng được mở cửa để trở thành công viên công cộng như vườn Sainte Périne ở quận 16 hoặc việc mở cửa công viên của trường Đại học Bách khoa.

THƯ VIỆN
LHUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đến năm 1999, Paris có cả thảy 426 công viên và khu cây xanh công cộng.

**** Công viên rừng Boulogne (Bois de Boulogne)***

Đây là một "lá phổi lớn" nằm ở phía tây của thủ đô Paris có diện tích tới 845ha mà cư dân thủ đô có thể đến vui chơi và thư giãn hàng ngày, đo địa bàn rất rộng nên trong công viên có nhiều phương tiện cho người dân có thể di chuyển dễ dàng và tiếp cận vớt nhiều loại vui chơi và cảnh vật khác nhau, có thể dùng ngựa, xe kéo hoặc xe cơ giới, tàu thủy trên hồ, xe đạp trên đường bộ hoặc lướt bàng giầy bánh xe... Nhiều bộ phận của công viên thực sự là những rừng cây

um tùm mà nhiều người thường thích dùng ngựa để dạo chơi, nhiều nơi khác được tạo cảnh ngoạn mục với thác nước, suốt chảy, vườn cây nhiều hương sắc, thảm cỏ xanh rờn hoặc hồ nước trong vắt.

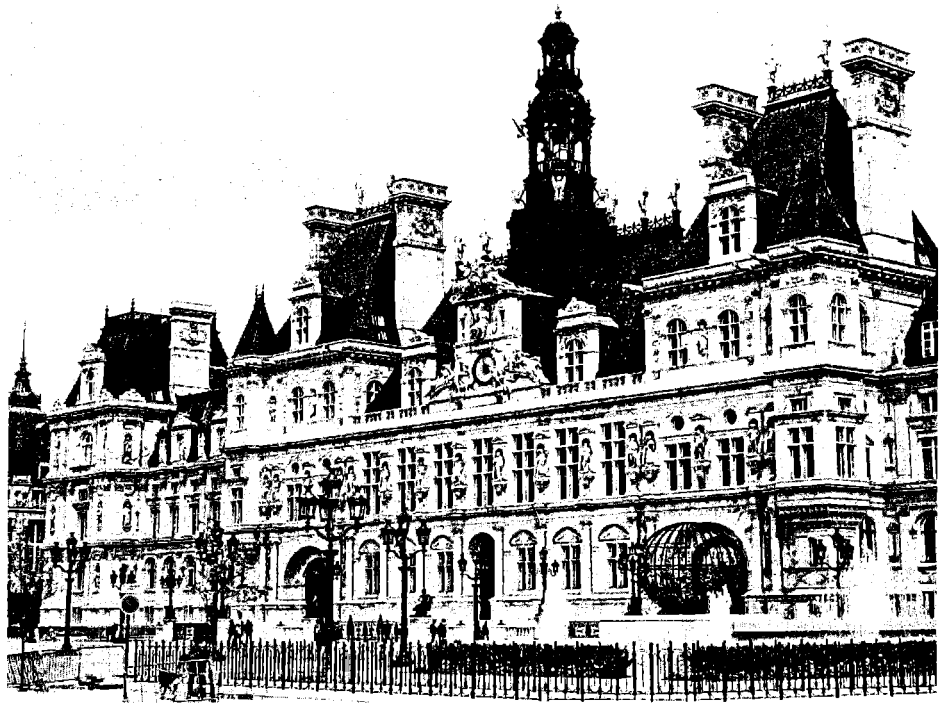
Khu công viên rừng này chính là một phần còn lại của nhiều cánh rừng lớn bao quanh vùng Paris, là nơi xưa kia các vua chúa thường đi săn thú. Vua Francois I cũng là một Vị Vua rất thích săn bắn thường lui tới khu rừng này và vào năm 1531 đã cho xây dựng ở đây tòa lâu đài Madrid. Từ năm 1852 thành phố lập quy hoạch và xây dựng công viên này thành nơi vui chơi công cộng. Napoléon III vốn rất thích kiểu "vườn phong cảnh" của Anh đã góp phần thúc đẩy việc tu sửa và làm đẹp công viên này. Các kiến trúc sư và nhà tạo cảnh Alphand và Barillet - Deschamps đã góp phần quan trọng trong việc biến đổi cảnh quan nơi đây phục vụ cho nhu cầu vui chơi giải trí và thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên.

Công việc quy hoạch và xây dựng công viên được tiến hành mạnh mẽ vào khoảng các năm 1855 - 1858 với nhiều công trình quan trọng như khu vực trường đua ngựa Longchamp, đào nhiều nhánh sông và hồ nước vừa tạo cảnh vừa phục vụ cho việc vui chơi, trồng thêm 40 vạn cây với nhiều thảm cỏ và thảm hoa bố trí tại những địa điểm quan trọng. Các hồ nước là nơi được nhiều người lui tới với hai hồ chính là hồ Trên và hồ Dưới, hồ Dưới có quy mô lớn hơn và trong hồ lại có nhiều đảo tạo nên nhiều cảnh quan đẹp đồng thời là những nơi vui chơi hấp dẫn.

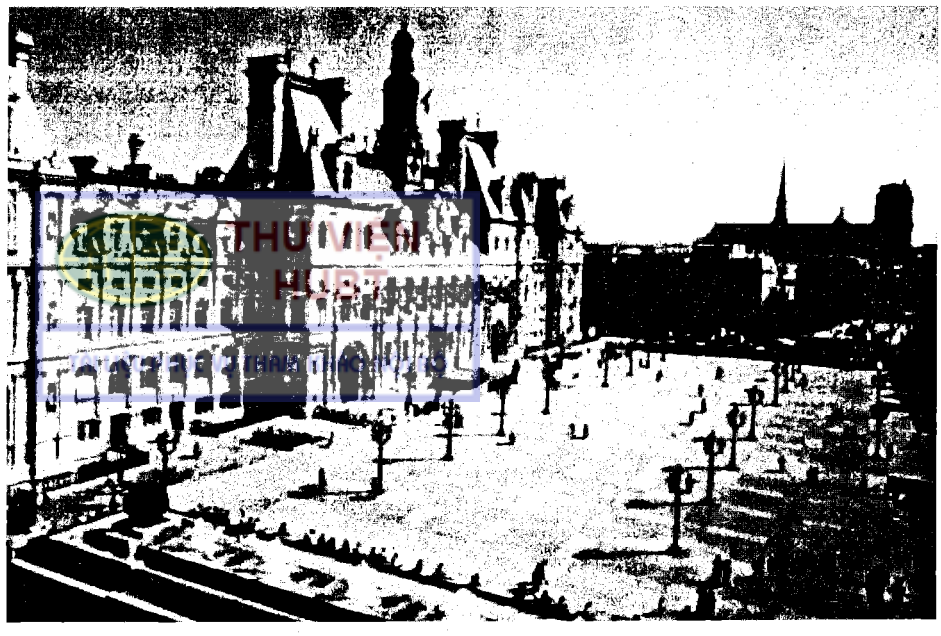
THƯ VIỆN HUBT



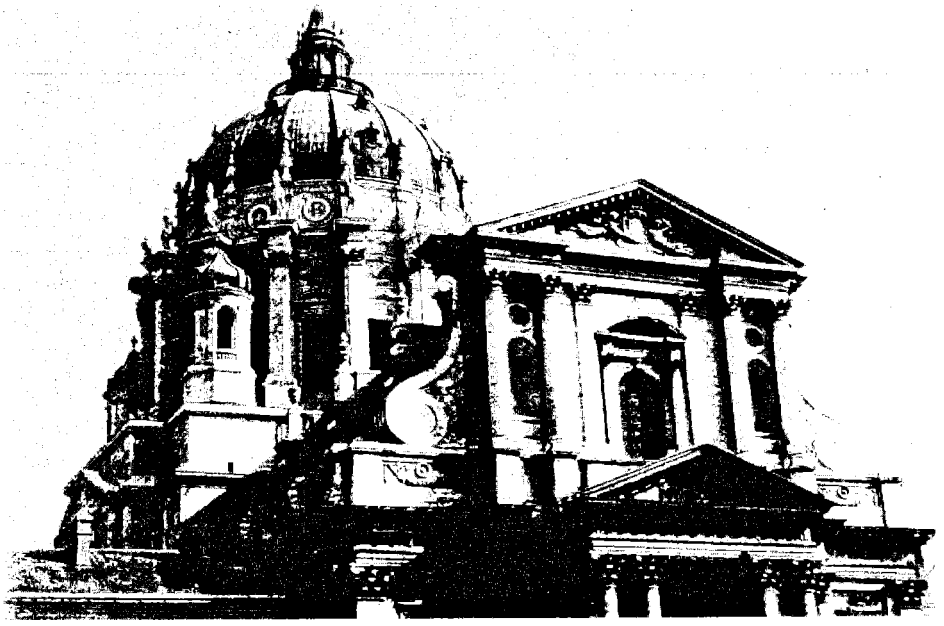
Tòa nhà trường quân sự



Toà thị chính Paris



Sân trước Toà thị chính Paris

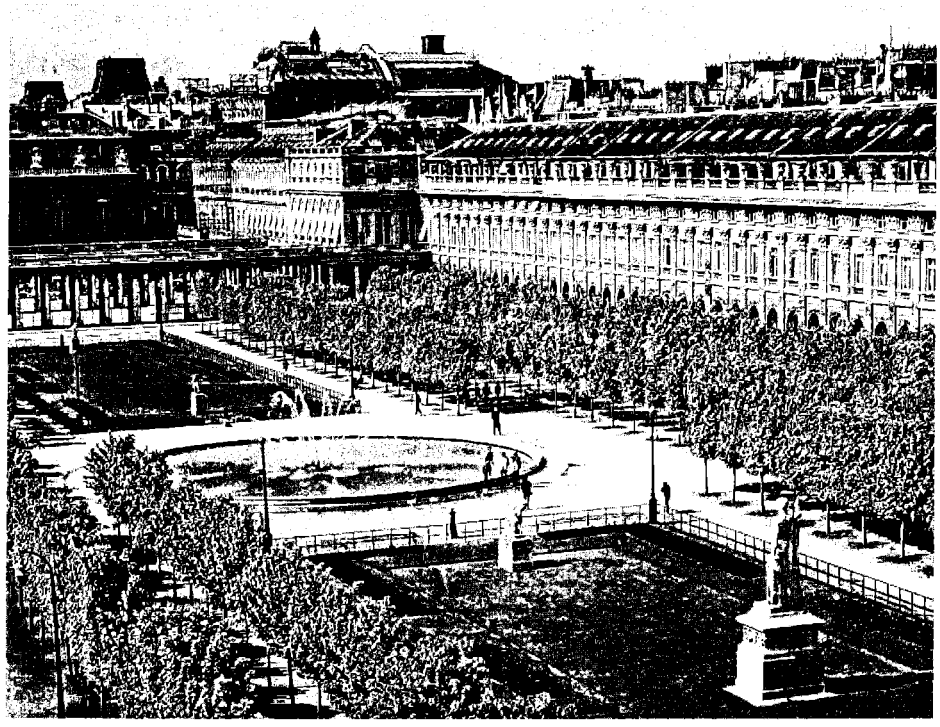


Nhà thờ Val - de - Grâce

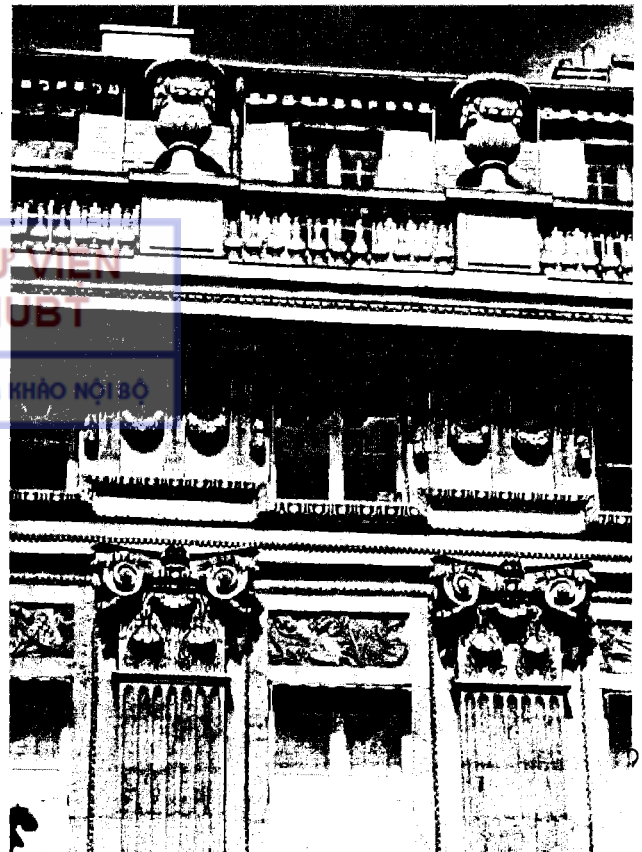


Nhà thờ St - Germain - l' auxerrois

THƯ VIỆN HUBT

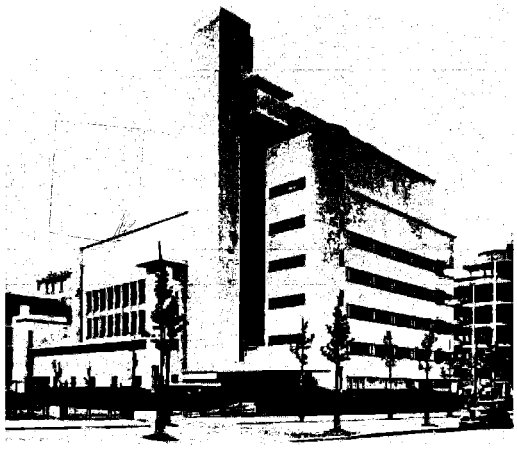


Khu vườn Palais Royal (Hoàng cung)

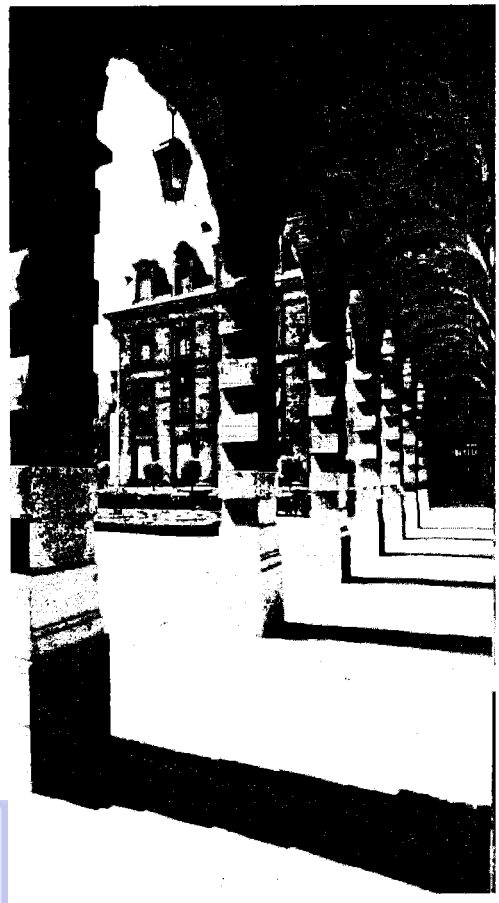


Chi tiết kiến trúc Palais Royal

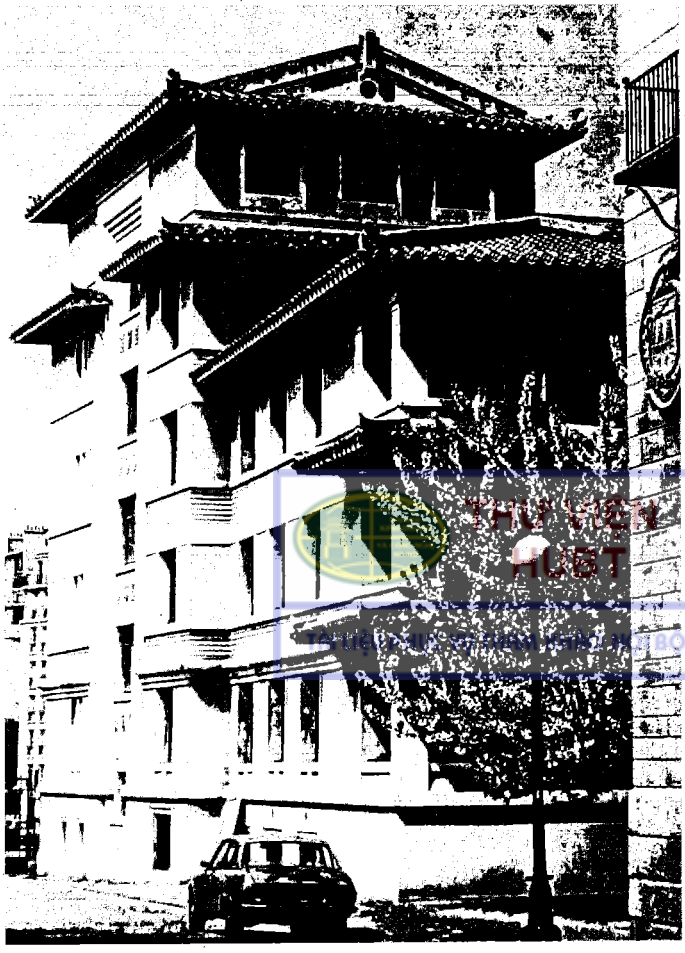
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Nhà Thụy Sỹ

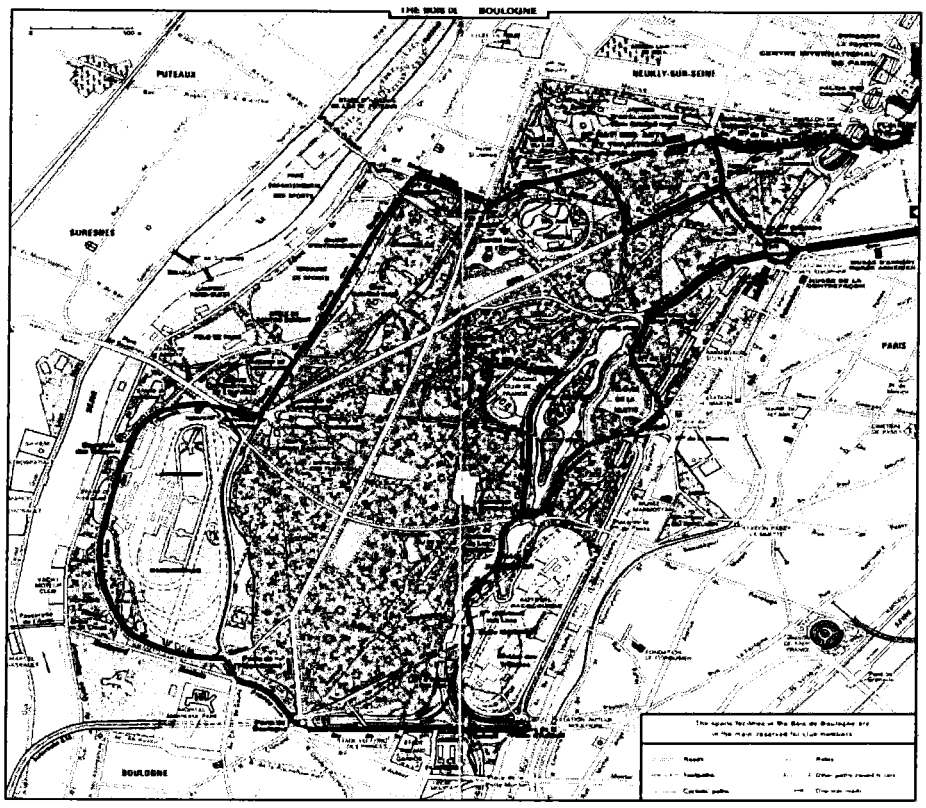


Nhà Trung tâm



Nhà Đông Dương

THƯ VIỆN HUST



Quy hoạch công viên rừng Boulogne



Quy hoạch công viên rừng Vincennes



Paris những không gian xanh



Vườn Tuileries

11. Paris - Đô thị của văn hóa và du lịch

Pháp là một trong những "cường quốc du lịch" hàng đầu của thế giới, hàng năm có hơn 30 triệu người Pháp đi du lịch và có khoảng 40 triệu người đến nước Pháp để du lịch. Trong số người nước ngoài đến Pháp du lịch có khoảng 80% là từ các nước châu Âu, cao nhất là Đức (hơn 8 triệu người), Anh (6 triệu), Hà Lan (4 triệu)... Thời gian bình quân một du khách ở lại Pháp là 9 ngày và khách du lịch đến Pháp tiêu tiền bình quân đầu người cao nhất là Hoa Kỳ và Nhật.

Tiềm năng du lịch của Pháp nhờ vào ba thế mạnh: di sản văn hóa phong phú, hai mặt giáp biển (biển Bắc, biển Manche phía bắc và Địa trung Hải phía nam) cung cấp nhiều bãi tắm hấp dẫn và các vùng núi có cảnh quan thiên nhiên phong phú (núi Alpes, núi Pyrénées).

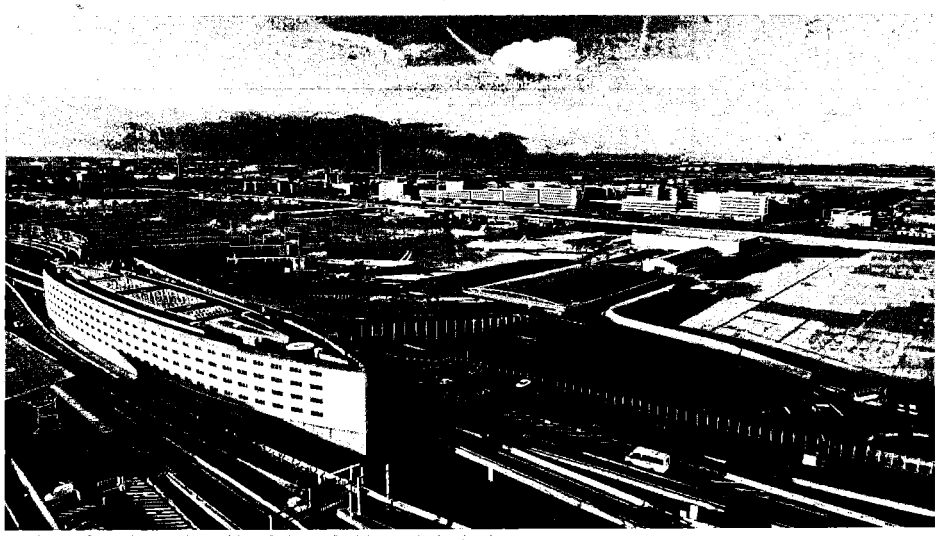
Với một lịch sử phát triển lâu dài, nước Pháp thừa hưởng một kho di sản văn bóa phong phú với khoảng 12 nghìn di tích lịch sử và 1200 nhà bảo tàng rải rác khắp đất nước và trải dài theo lịch sử hai nghìn năm. Paris thực sự là một "thủ đô văn hóa du lịch" có tầm cỡ thế giới vì là cái nôi chính của nền văn minh Pháp, tập trung rất nhiều lâu dài và cung điện nổi tiếng, các bảo tàng tổng hợp và chuyên ngành hết sức phong phú, thành phố lại có một hệ thống hạ tầng cơ sở rất phát triển giúp cho khách du lịch hoạt động được dễ dàng và luôn cảm thấy thoải mái trên mọi mặt đi lại, ăn ở, tham quan văn hóa cũng như mua sắm lưu niệm.

**** Đi lại***

Khách tới Paris được phục vụ qua hai sân bay quốc tế Roissy - Charles de Gaulle cách thành phố 25km về phía bắc (theo đường ôtô A1) và Orly cách thành phố 14km về phía nam (theo đường ôtô A6). Hãng hàng không Pháp có xe đưa đón khách qua lại giữa hai ga này, cứ nửa giờ có một chuyến, thời gian đi từ ga này tới ga kia khoảng một giờ.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Riêng sân bay Roissy - Charles de Gaulle có hai ga: một cho các hãng hàng không quốc tế và một dành cho hàng không Pháp (Air France), giữa hai ga cũng có xe buýt "con thoi" qua lại và từ sân bay này có ga đường sắt cao tốc(TGV) nối với trục đường sắt Lille - Lyon (là tuyến chính của nước Pháp) cũng như nối với mạng lưới giao thông nhanh của vùng Paris (RER), theo tuyến B của mạng giao thông này khách dễ dàng đi tới các điểm chủ yếu của Paris như nhà ga phía Bắc của Paris cùng với các nước khác: Chatelet-le-Halles,



Sân bay Roissy Charles de Gaulle

Saint-Michel, Notre-Dame, Denfert - Rochereau. Ngoài ra xe buýt Roissy cứ 20 phút có một chuyến nối với quảng trường Opéra (quận 9) và xe ca của Hàng không thường xuyên nối với Cổng Khải hoàn (quận 8), cửa ô Maillot (quận 17) đỗ tại lâu đài Congrès (thời gian đi khoảng 40 phút). Thêm nữa xe taxi, nếu không bị tắc đường thì từ sân bay đi vào thành phố mất 30 phút.

Đối với sây bay Orly cũng có hai ga: ga Orly Nam cho các chuyến bay quốc tế và Orly Tây cho các chuyến bay nội địa, giữa hai ga cũng có xe công cộng "con thoi" gắn kết với nhau. Xe buýt nối Orly với Denfert - Rochereau (quận 14) cứ 15 phút có một chuyến, xe ca Hàng không thì 12 phút có một chuyến nối với Les Invalides (quận 7) và Montparnasse (quận 14) (thời gian đi khoảng 30 phút). Mạng xe điện ngầm và nối toàn vùng Paris (RER) nối sân bay với trung tâm Paris (tuyến B) cứ 5 phút có một chuyến, xe buýt cũng nối sân bay với ga xe điện ngầm Aragon để khách có thể lên tuyến số 7 để đi các nơi.

Việc đi lại giữa Paris với các địa phương của nước Pháp rất thuận tiện do một hệ thống đường sắt rất phát triển, tại Paris có 6 ga đường sắt đi về các tỉnh: (1) ga Saint-Lazare (quận 8) đi về phía tây - bắc nước Pháp (miền Normandie), khách đến ga theo xe buýt tuyến 24 và 29 hoặc đi métro đến ga Saint-Lazare (M); (2) Nhà ga Bắc (Gare du Nord, quận 10) đi về phía bắc của nước Pháp (Lille, Dunkerque), khách đến ga bằng métro và RER tuyến A; (3) Nhà ga đông

(Gare de l'Est, quận 10) đi về phía đông nước Pháp (Strasbourg, Nancy, Reims...), khách đến bằng métro và xe buýt trên các tuyến 38 và 47; (4) Ga Lyon (quận 12) đi về phía đông - nam nước Pháp (vùng sông Rhône, Provence, Côte-d'Azur), khách tới bằng métro và RER theo tuyến A, xe buýt trên tuyến 24 và 29; (5) Ga Austerlitz (quận 13) đi về phía sông Loire và tây - nam nước Pháp (Bordeaux, Pyrénées), khách tới theo RER tuyến C và xe buýt tuyến 24; (960) Ga Montparnasse (quận 14) đi về phía tây nước Pháp (miền Bretagne) và phía tây - nam (miền Aquitaine) bằng TGV, khách tới bằng métro và xe buýt trên tuyến 95 và 96.

Việc đi lại trong Paris của đông đảo hành khách được phục vụ bởi 3 loại giao thông chủ yếu là métro, buýt và taxi.

Métro có 15 tuyến với 368 trạm đỗ phục vụ rộng khắp bên trong và bên ngoài thủ đô Paris với tần xuất trung bình cứ 95 giây có một chuyến, được coi là phương tiện phục vụ giao thông rất có hiệu quả, thuận lợi, an toàn và không gây trở ngại cho phần sinh hoạt trên mặt đất của đô thị. Nhiều ga được trần thiết công phu và trang trí đẹp như: Louvre (Rivoli), Varenne, Pasteur, Bastille, Concorde... Có 13 tuyến được đặt tên theo các ga ở hai đầu như tuyến La Défense - Châuteau de Vincennes' (tuyến 1), tuyến Porte Dauphine - Nation (tuyến 2). Bản đồ các tuyến métro rất rõ ràng và dễ sử dụng, các tuyến được đánh số và có màu khác nhau, các ga liên kết nhiều tuyến đều được chỉ rõ, tàu hoạt động trong ngày 5 giờ 30 phút sáng tới quá nửa đêm.

Giá vé Métro có sự thay đổi theo 8 vùng khác nhau, riêng trong nội thành Paris có nhiều hình thức bán vé métro như có loại vé dùng chung cho cả xe buýt, có loại một tập 10 vé đóng liền nhau, khách mua dễ dàng tại các trạm métro, xe buýt, quầy thuốc lá..., khách lên tàu tự mình đưa vé vào máy bấm và giữ vé suốt hành trình.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Khách du lịch ở lại Paris thời gian ngắn có thể mua "thẻ tham quan Paris" (Carte Paris Visite) để có thể dùng liên tục 2-3 hoặc 5 ngày trên các phương tiện giao thông công cộng và để đi tới các điểm tham quan du lịch quan trọng (được giảm giá vé khi vào các điểm tham quan).

Mạng lưới giao thông nhanh địa phương phục vụ cho cả vùng Paris RER được liên kết với métro tại rất nhiều trạm đỗ, 4 tuyến RER (ký hiệu A, B, C, D) phục vụ tới nhiều địa bàn khá xa của ngoại thành, rất thuận tiện cho khách đi tham quan nhiều địa điểm ở bên ngoài Paris.

Mạng lưới xe buýt phục vụ trên 57 tuyến với 1700 trạm đỗ (tổng số hơn 2000 xe) được trang bị hiện đại và trang trí đẹp, phục vụ trong ngày từ 7 giờ 20 tới 20 giờ 30, một số tuyến xe phục vụ đêm từ 20 giờ 30 đến 0 giờ 30. Trên xe đều có ghi rõ tuyến phục vụ, hướng đi tới và các trạm đỗ.

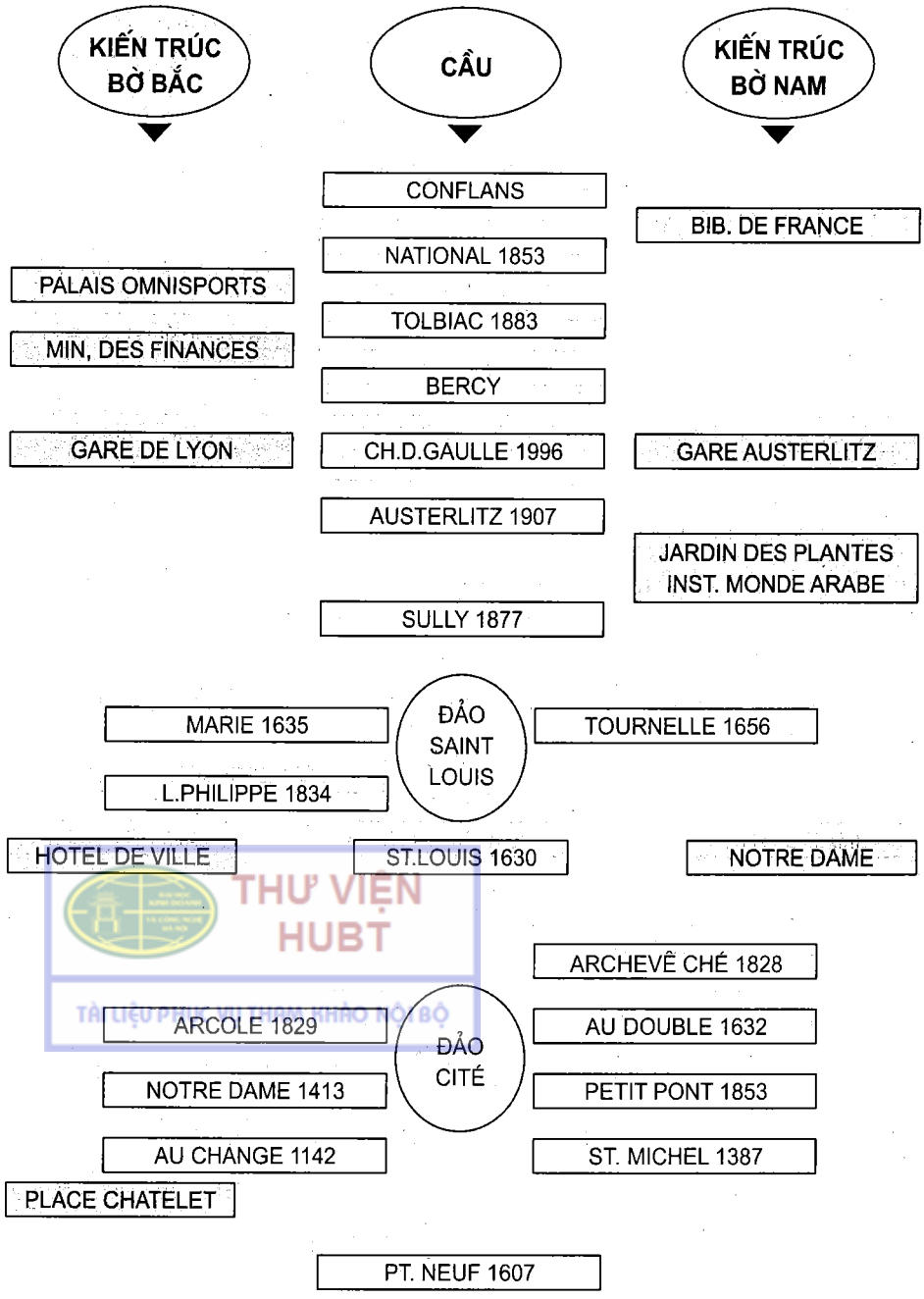
Xe taxi phục vụ khách đi lại có khoảng 1,5 vạn xe, trong thành phố có 487 trạm đỗ chính thức, khách trả tiền theo đồng hồ trên xe. Có các loại giá khác nhau theo giờ phục vụ: loại A ngày 7 giờ tới 19 giờ, loại B đêm từ 19 giờ tới 7 giờ, riêng ngoài thành thì loại B từ 7 giờ tới 19 giờ (ngày) loại C từ 19 giờ tới 7 giờ (đêm); khi đi quá ngoại thành thì giá loại C cho cả ngày lẫn đêm khi xe phải về không, trường hợp khách dùng taxi cả đi và về thì vẫn áp dụng loại A cho ban ngày và loại B cho ban đêm.

Việc dùng ôtô cá nhân thường bị hạn chế do tắc đường cũng như việc tìm chỗ đỗ xe. Thường việc đỗ xe trên lề đường đều phải trả tiền bằng một loại "thẻ trả tiền trước" cho thời gian đỗ (từ vài phút tới tối đa là 2 giờ), tuy nhiên Paris có rất nhiều trạm đỗ ngầm có bán vé gửi xe. Việc thắt dây an toàn là điều bắt buộc đối với mọi người ngồi trên xe ngày cũng như đêm, chỉ được bóp còi xe khi có nguy hiểm khẩn cấp, tốc độ xe giới hạn ở nội thành là 50km/giờ, từ đường vành đai trở ra là 80km/giờ. Trên đường có phần riêng cho xe buýt mà xe khác không được xâm phạm.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

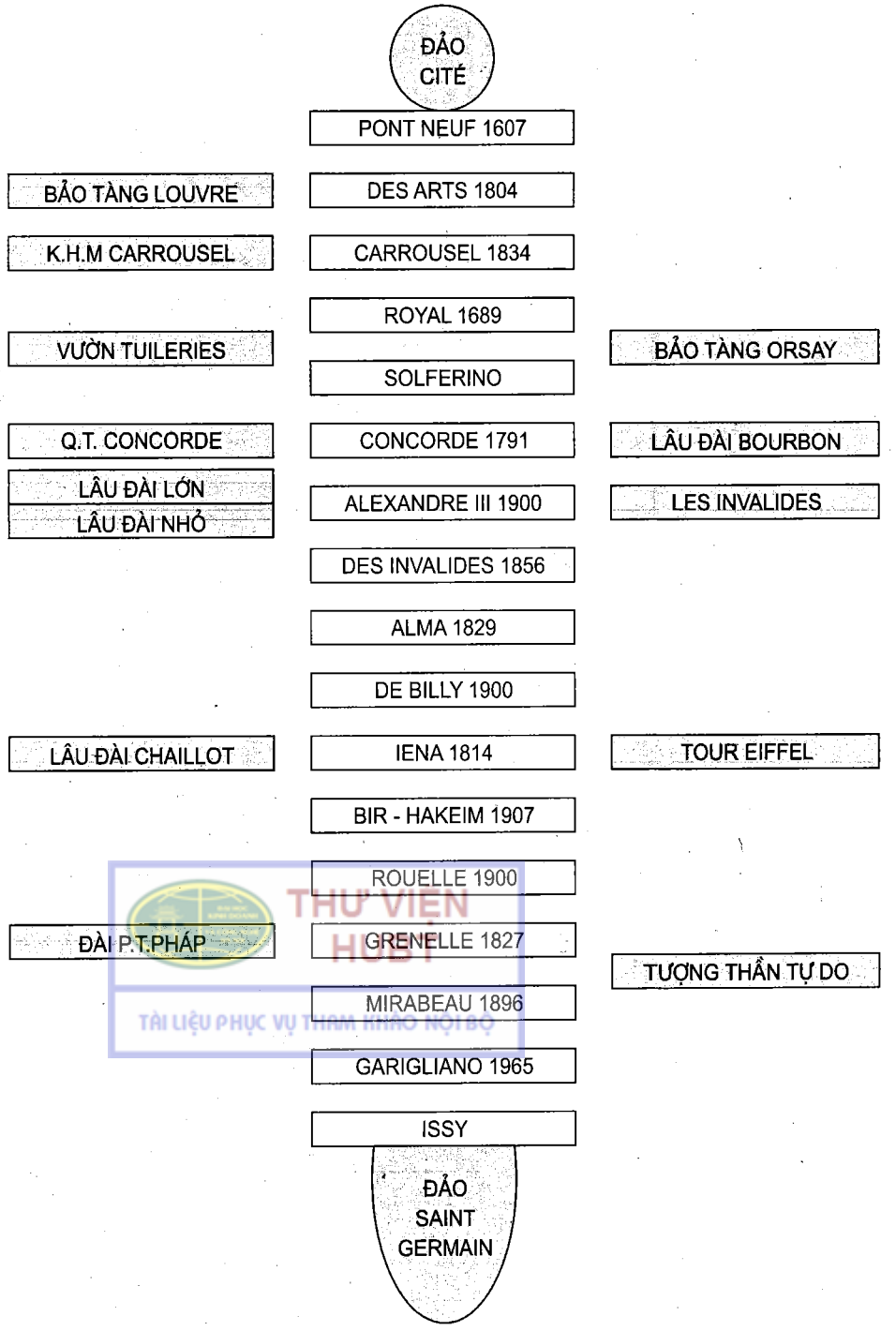
SƠ ĐỒ CẦU VÀ KIẾN TRÚC DỌC SÔNG SEINE

(THƯỢNG NGUỒN PHÍA ĐÔNG)



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

SƠ ĐỒ CẦU VÀ KIẾN TRÚC DỌC SÔNG SEINE (TIẾP)



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**** Tham quan văn hóa***

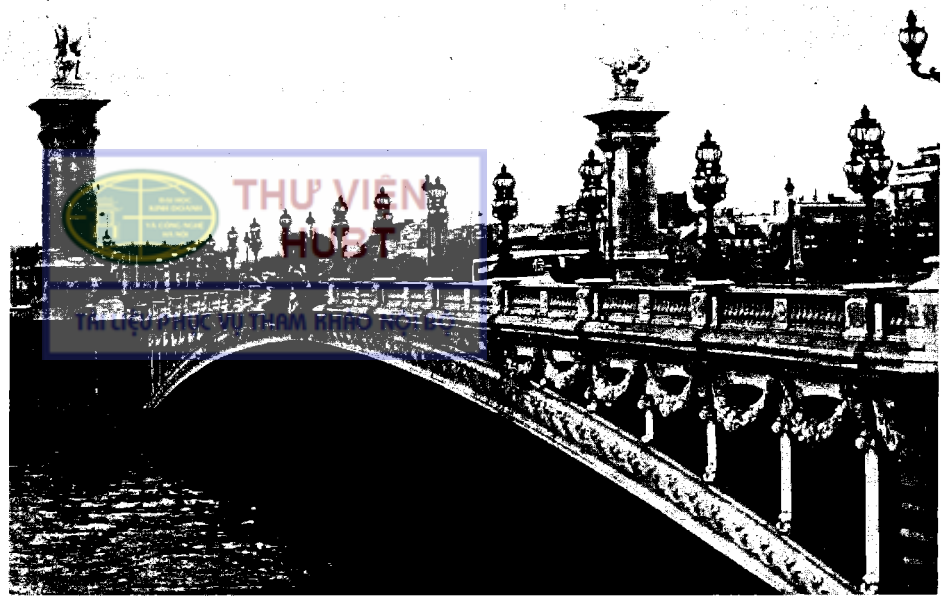
a. Những cây cầu và hòn đảo trên sông Seine

Đoạn sông Seine chảy qua Paris dài khoảng 13km theo hướng từ Đông sang Tây, gắn liền với những trung tâm lịch sử và những kiến trúc quan trọng nhất của Paris, đã trở thành một không gian văn hóa du lịch có sức hấp dẫn hàng đầu mà trên đó ba hòn đảo chính cùng với 37 cây cầu bắc ngang đã trở thành những địa danh đáng ghi nhớ.

Sơ đồ cầu và kiến trúc dọc sông Seine (thượng nguồn phía đông) (xem trang 283)

Sơ đồ cầu và kiến trúc dọc sông Seine (hạ nguồn phía tây) (xem trang 284).

Sau đây là một số ghi chú về những địa danh đó theo dọc sông Seine từ thượng nguồn (phía đông) tới hạ nguồn (phía tây). Kể từ ngã ba sông Marne đổ vào sông Seine thì chiếc cầu đầu tiên thuộc địa phận Paris là cầu Conflans rồi tiếp đến là cầu Amont mới làm gần đây nằm trên tuyến giao thông vành đai và tiếp đó không xa là cầu National (1853) mà từ hơn một thế kỷ nay vẫn được coi là ranh giới của Paris. Cầu có chiều dài 240m là cầu dài nhất ở Paris.



Cầu Alexandre III

Trên sông Seine trong khoảng từ ranh giới đó cho tới đảo Saint-Louis có 4 cây cầu là: cầu Tolbiac (1882) nhắc tới địa danh ghi dấu chiến thắng của Clovis chống người Alamans vào năm 496, cầu Bercy (1864) với 35 vòm cung của cầu cạn cho métro đi qua tương phản với kiến trúc trụ sở Bộ Tài chính liền đó, cầu Charles-de-Gaulle có cấu trúc hiện đại vì mới làm gần đây (cầu thép và bê tông có dạng cánh máy bay), cầu Austerlitz (1805 và 1904) mang tên một chiến công của Napoleson I.

Tiếp sau đó là một loạt cầu dầy đặc gắn với hai hòn đảo nối tiếp nhau: đảo Saint-Louis (phía đông) và đảo Cité (phía tây). Tổng số 13 cây cầu có thể xếp thành mấy nhóm với đặc trưng riêng:

- Hai cầu nối thẳng bờ bắc với bờ nam, chỉ tì vào đảo ở điểm giữa là cầu Sully (phía cực đông đảo Saint-Louis) và cầu Mới (phía cực tây đảo Cité), một cầu chỉ nối liền hai đảo là cầu Saint-Louis.

- Năm cầu nối với bờ bắc, trong đó hai cầu nối với đảo Saint-Louis là các cầu: Marie, Louis-Philippe, ba cầu nối với đảo Cité: Arcole, Notre-Dame, Au-Change.

- Năm cầu nối với bờ nam, trong đó một cầu nối với đảo Saint-Louis là Tournelle, bốn cầu nối với đảo Cité: Archevêché, Au-Double, Petit-Pont và Saint-Michel.

Một số đặc điểm của cầu:

Cầu Sully (1876), đầu đảo Saint-Louis nơi có bãi tắm đẹp mà vua Henri IV cùng quần thần trước đấy hay đến tắm.

Cầu Mới (1604), cổ nhất trong số những cầu hiện nay gắn liền với đảo Cité tại quảng trường Dauphine với tượng đài Henri IV cưỡi ngựa.

Cầu Saint-Louis (1970) là cầu ngắn nối liền hai hòn đảo.

Cầu Marie (1614-1635) có chiều rộng 22m, cũng thuộc loại thế hệ cầu cổ nhất.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cầu Louis - Philippe (1862) do chính Louis - Philippe cắt băng khánh thành, thay cho một cầu sắt cũ (1833-1848).

Cầu Arcole (1856), từng là nơi trú ngụ của người nghèo dưới gầm cầu.

Cầu Notre - Dame (1913) xây trên vị trí của các cầu trước đã bị đổ: cầu Lớn thời La Mã (cháy năm 887), xây lại (1413) trên cầu có nhà, bị đổ (1499) cùng với 60 ngôi nhà.

Cầu Trao đổi (au-Change) (1860), trên cầu có nhiều hàng kim

hoàn mua bán trao đổi (từ đó thành tên cầu).

Cầu Tournelle (1928) thay cho nhiều cầu trước tồn tại vào các thời kỳ 1621-1637, 1654-1846. Trên một trụ cầu có tượng thánh Geneviève.

Cầu Archevêché (1828) có lan can mang đặc điểm nghệ thuật kiến trúc thời Phục hưng.

Cầu Au-Double ("gấp đôi") (1885) thay cho một cầu cũ (1626) bị hỏng, có tên đó do vé qua cầu đối với người cưỡi ngựa phải trả gấp đôi người đi bộ. Cầu Nhỏ (Petit-Pont) (1853), chỉ dài có 40m nên được coi là cầu nhỏ nhất, lần đầu xây dựng năm 1116 qua 11 lần bị sập do nước lũ, hỏa hoạn.

Cầu Saint-Michel (1857) nối liền với trục đại lộ cùng tên ở phía nam (gắn với khu phố Latinh) và lâu đài Công lý trên đảo Cité (phía bắc).

Tiếp theo cầu Mới xuôi dòng sông Seine về phía tây ta còn gặp được nhiều cây cầu vừa có giá trị nghệ thuật vừa có ý nghĩa lịch sử và có thể xếp thành ba nhóm: (a) nhóm các cầu trên đoạn sông thẳng tương ứng với các kiến trúc ở bờ bắc từ bảo tàng Louvre đến quảng trường Concorde, (b) nhóm các cầu trên khúc cong từ Concorde đến tháp Eiffel, (c) nhóm các cầu từ Eiffel tới hạ nguồn phía tây.

Sau đây là một số đặc điểm cầu ở từng nhóm:

- Nhóm (a):

Cầu nghệ thuật (des Arts) (1985) xây tại vị trí một cầu cũ xây năm 1804 mà sau bị hỏng, cầu có tên gọi như vậy là do gắn liền với lâu đài Louvre thường được gọi là lâu đài Nghệ thuật, là nơi rất hay được văn nhân và nghệ sĩ lui tới.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cầu Carrousel (1937) nằm ở vị trí trông sang Khải hoàn môn Carrousel.

Cầu Royal (1689) cũng thuộc thế hệ những cầu cổ nhất, được vua Louis XIV đầu tư xây dựng và được xếp hạng di tích lịch sử.

Cầu Solférino (1993) ở vị trí ngang với vườn Tuileries.

Cầu Concorde (1791), có thời được gọi tên là cầu Louis XVI rồi cầu Cách mạng (tương ứng với những biến động ở quảng trường Concorde) là một cầu lớn nối lâu dài Bourbon (bờ nam) với quảng trường Concorde (bờ bắc).

- Nhóm (b):

Cầu Alexandre III (1900) xây dựng vào dịp Hội chợ triển lãm quốc tế do vua Nga Nicolas III cắt băng khánh thành, được coi là cây cầu có giá trị nghệ thuật cao nhất, có cấu trúc đẹp và trang trí hết sức phong phú. Nằm trên trục lâu đài Invalides và là một bộ phận quan trọng trong cảnh quan kiến trúc khu vực này, phía bắc cầu là quần thể kiến trúc Lâu đài lớn và Lâu đài nhỏ.

Cầu Invalides (1854) nằm kề liền khu vườn Invalides.

Cầu Alma (1829) tại mố cầu có bức tượng nổi tiếng Zouave có tác dụng theo dõi mức nước lên xuống của sông Seine, năm 1910 nước ngập tới cằm tượng.

Cầu Debilly (1900) lúc đầu là cầu tạm phục vụ Hội chợ triển lãm quốc tế, sau được giữ lại.

Cầu Iéna (1814) ghi lại địa danh diễn ra chiến công của Napoléon thắng quân Phổ vào năm 1806, có nhiều tượng đẹp, nằm thẳng trục tháp Eiffel (bờ nam) và lâu đài Chaillot (bờ bắc).

- Nhóm (c):

Cầu Bir-Hakeim (1904) cầu hai tầng cho ô tô và metro (tuyến 6), cầu tì vào đầu bắc của đảo Cygnes.

Cầu Rouelle là cầu cũ lâu nay không dùng, năm 1988 được dùng lại cho tuyến C của RER.

Cầu Grenelle (1966) tì vào đầu phía nam của đảo Cygnes, tại đó có đặt tượng Thần Tự do (thu nhỏ tượng Thần Tự do ở Mỹ, quà tặng của kiều dân Pháp tại Mỹ).

Cầu Mirabeau (1893) trở nên nổi tiếng do đi vào thơ của Guillaume Apollinaire "... dưới cầu Mirabeau, nước sông Seine vẫn chảy, còn đâu mà thương nhớ, những mối tình đã qua..."

THƯ VIỆN HUẾ
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Cầu Garigliano (1966) hai tầng cho ôtô và đường sắt, thay cho một cầu cũ hai tầng vòm kiểu La Mã.

Cầu Issy tì trên đầu mỏm phía bắc của đảo Saint Germain nối khu Issy-lé-Moulineau (phía nam) với Boulogne (phía bắc).

b) Du lịch sông Seine:

Được những con tàu du lịch sang trọng di chuyển trên mặt nước sông Seine đưa khách đi suốt tuyến không gian đô thị quan trọng và hấp dẫn hàng đầu của Paris này, du khách có dịp khám phá vẻ đẹp

kiều diễm của kiến trúc Paris trong không gian mây nước, xen giữa những cây cầu là những bờ kè mang nhiều dấu tích của quá trình phát triển đô thị và tất nhiên hấp dẫn hàng đầu là những kiến trúc quan trọng nhất của đô thị tráng lệ này.

Sau đây là các địa chỉ để lên các con tàu đó:

Tàu Vedettes du Pont Neuf

Lên tàu ở quảng trường Vert - Galant (đầu mũi đảo Cité), tuyến đi trong 1 giờ, tàu 300 chỗ.

Hoạt động: 30 phút một chuyến, 10.30 - 12.00 và 13.30 - 18.30 mọi ngày mùa hè (tháng 3-10) (ĐT 0146339838, M Pont-Neuf, RER Châtelet, Bus 24, 27, 58, 70, 72,74,75)

Tàu Bateaux - Mouches

Lên tàu ở cầu Alma

Tuyến đi trong 1.15, tàu 400 - 600 chỗ

Hoạt động 45 phút một chuyến, 11.00 - 22.00 tất cả mọi ngày.

Chuyến có bữa ăn tối: 20.30 thứ 3 - 7

(ĐT 0142259610, M Alma - Marceau, RER cầu Alma, Bus 28, 42, 63, 72, 80, 92)

Tàu Ile - de - France

Lên tàu ở cầu Iéna

Tuyến đi trong 1 giờ, tàu 100 chỗ

Hoạt động 60 phút một chuyến 11.00 - 13.00 và 30 phút một chuyến 13.00 - 22.00 mọi ngày

Chuyến có bữa ăn tối: 20.30 thứ 3 - 7

(ĐT 047057129, M Bir- Hakeim , RER Champs-de-Mars, Bus 22, 30, 32, 44, 69, 82,87)

THƯ VIỆN HUBT

Tàu Bateaux Parisiens

Lên tàu ở cầu Bourdonnais và cầu Au-Double

Tuyến đi trong 2.30, tàu 150 - 400 chỗ

Hoạt động trong 2.30 một chuyến 10.00 - 22.30 mọi ngày tháng 4-10, riêng thứ 6-7 10.00 - 22.00, 60 phút một chuyến 10.00 - 22.00 mọi ngày tháng 11 -3

Chuyến có bữa ăn trưa: 20.30 12.15 mỗi ngày

Chuyến có bữa ăn tối: 19.45 mỗi ngày

(ĐT 0144113344, M.Trocadero, Bir-Hakeim, RER Champo-de-Mars, Bus 42, 82, 72)

(Ghi chú: ĐT: điện thoại, M: ga Métro, RER: ga đường tàu nhanh vùng, Bus: bến xe buýt)

c) Du lịch bảo tàng

Là một trung tâm lịch sử và văn hóa lớn của châu Âu và của thế giới, Paris cũng là nơi lưu giữ những dấu tích quan trọng của quá trình phát triển lịch sử, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật của chính "kinh đô ánh sáng" này, ngoài ra cũng là nơi lưu giữ những dấu tích đó của một phần châu Âu và của thế giới. Nhiều nhà khoa học đã tìm đến đây để có được nguồn tư liệu phong phú cho hoạt động nghiên cứu của mình. Nhiều văn nhân nghệ sĩ cũng tìm đến đây để có môi trường hoạt động thích hợp, để phát triển tài năng và làm nên sự nghiệp và họ cũng để lại nhiều dấu tích ở nhiều nơi trên địa bàn đô thị , và nơi lưu giữ những dấu tích ấy trước tiên là cả một hệ thống bảo tàng vô cùng phong phú cùng với những dấu tích về văn hóa lịch sử hiện diện ở các quảng trường, các đại lộ, các góc phố, các công viên...

Du lịch các bảo tàng để tìm hiểu về lịch sử, về văn hóa nghệ thuật, về sự phát triển của khoa học và công nghệ... đã trở thành một hoạt động văn hóa quan trọng ở thủ đô này. Paris là nơi có những bảo tàng phong phú và quan trọng hàng đầu trên thế giới.

Sau đây là một số chủ đề được nhiều người quan tâm tìm hiểu và các bảo tàng ở Paris đã giúp khách tham quan thỏa mãn nỗi khát khao tìm hiểu về những giá trị văn hóa lịch sử mà con người đã làm ra được.

Bảo tàng về con người nằm trong lâu đài Chaillot trước quảng trường Trocadéro là nơi lưu giữ nhiều dấu tích về quá trình hình thành và phát triển của con người qua các giai đoạn phát triển lịch sở văn hóa xã hội, các bước phát triển nền văn minh. Đây là địa chỉ lui tới của những ai quan tâm các kiến thức về nhân loại học, dân tộc học, nhân chủng học với tất cả những vật dụng, những công cụ con người đã làm ra được để từ đó phát triển xã hội, văn hóa và văn minh.

Lâu đài Chaillot cùng với quảng tường Trocadéro là một tổng thể kiến trúc rất hoành tráng với hai cánh nhà hình cong (dài 195m) theo kiến trúc tân cổ điển hình thành vào dịp triển lãm quốc tế 1937 (các Kts Azéma, Boileau, Carlu) tạo nên một trục không gian rộng mở nhiều cây xanh, các bể và vòi phun nước trông ra mặt nước sông Seine và thẳng trục với tòa tháp Eiffel, nối tiếp với quảng trường Champs-de-Mars và toà kiến trúc của Học viện Quân sự.

Cùng với bảo tàng Con người, tòa lâu đài Chaillot còn chứa ba bảo tàng quan trọng khác: bảo tàng Hàng hải nằm cùng với cánh nhà với bảo tàng Con người và ở cánh bên kia có bảo tàng Lâu đài cổ nước Pháp và bảo tàng Điện ảnh - (từ năm 2006 cánh nhà này được sắp xếp lại thành bảo tàng về kiến trúc và di sản)

Địa chỉ tòa lâu đài Chaillot: 17 quảng trường Trocadér, 75016, ga Métro Trocadéro.

Bảo tàng LOUVRE

Đến thăm bảo tàng Louvre trước tiên là để gặp được một "nhân chứng lịch sử 800 năm" của thủ đô cổ kính này.

Ngay từ cuối thế kỷ VII, để bảo vệ và phòng thủ Thủ đô của Vương quốc mình, Hoàng đế Philippe-Auguste đã cho xây dựng pháo đài án ngữ phía tây thành phố, bên bờ sông Seine gắn liền với hệ thống tường thành và tháp canh có lỗ châu mai. Quá trình xây dựng hệ thống phòng thủ kéo dài đến 20 năm (1190-1210).

Tuy nhiên, vua Philippe Auguste không đến đây ở mà chỉ dùng lâu đài làm nơi lưu trữ hồ sơ và cất giữ của cải. Đến thời Charles V lên ngôi, vị vua trẻ này đã cho sửa sang lâu đài Louvre thành hoàng cung để ở.

Năm 1380, Charles V băng hà, nước Pháp quân chủ lâm vào cảnh nội chiến và ngoại xâm dày xéo. Năm 1420, các thế lực nước Anh chiếm được đất Pháp, đuổi Hoàng tộc chính thống ra khỏi Louvre và cho Tử tước Bedford chiếm giữ trong suốt 16 năm. Sau khi đánh đuổi được quân Anh, từ vua Charles VII đến vua Franỗois I đều thích ở cung điện Tournelles khi họ đến Paris.

THƯ VIỆN HUBT

Thời Phục hưng, Francois I cho xây dựng sửa sang lại lâu đài để làm hoàng cung. Vốn là người yêu nghệ thuật, Francois I đã cho sưu tầm khá nhiều tranh nghệ thuật nổi tiếng chủ yếu của Pháp và Italia, đặc biệt của danh họa Leonardo-da-Vinci để trưng bày ở Lâu đài Louvre. Năm 1527, Francois I đã cho xây dựng lại trên một phần của nền móng thời Gothique. Dưới thời Francois I và cho đến khi vị Vua này qua đời (1547), công trình sửa sang lâu đài vẫn còn dang dở. Vua Henri II tiếp tục công việc của tiên đế để lại, và khi Henri II mất, Hoàng hậu Catherine-de-Médicis đã phá bỏ lâu đài Tournelles về ở tại Louvre, nhưng nơi này cũng không được bà ưa thích nên đã xây lâu đài mới Tuileries ở phía tây của Louvre, có hành lang nối thông với Louvre. Dưới thời Louis XIII, Louvre đã trở thành một trong những

công trình kiến trúc kiệt tác thời Phục hưng. Năm 1643, vua Louis XIII qua đời, Anne d' Autriche cùng Hoàng tử (Vua Louis XIV tương lai) bỏ Cung điện Louvre để đến Cung điện Royal. Nhưng sau đó Hoàng hậu và Hoàng tử lại quay về Louvre, vì Louvre là cung điện được bảo vệ phòng thủ chắc chắn nhất.

Từ năm 1661, sau khi Mazarin mất, Louis XIV cai quản đất nước. Vị vua này đã cho xây dựng thêm ba mặt ngoài theo phong cách cổ điển, Louis XIV và Colbert đã mời các nghệ nhân nổi tiếng đương thời đến tham gia xây dựng lâu đài và trang trí nội thất. Sang thế kỷ XVIII, Napoléon I cho xây dựng thêm một sân hình vuông cùng với hai cánh nhà hướng ra phố. Sang thế kỷ XIX dưới thời Napoléon III việc xây dựng sửa sang Lâu đài Louvre đã hoàn thiện.

Bảo tàng Louvre được xem như một trong những bảo tàng phong phú nhất thế giới về các hiện vật, đặc biệt là tranh nghệ thuật. Cứ mỗi một triều vua, số lượng tác phẩm nghệ thuật trong bảo tàng lại được tăng dần lên. Dưới triều Louis XIV, được sự giúp đỡ của Tể tướng Colbert, Louvre đã được bổ sung thêm 200 bức tranh mua của nhiều người giàu phần lớn là các Công tước Mantu và Charle I, nước Anh. Năm 1710, khu Nội các nhà vua đã có tới 2376 bức tranh, Louis XVI đặc biệt đã bổ sung thêm những tác phẩm xứ Flandre Hà Lan.

Bắt đầu từ năm 1794 đến 1815 Louvre mang tên Bảo tàng Napoléon, tập hợp thêm rất nhiều kiệt tác ở châu Âu. Dưới triều Louis XVIII có bức tượng Thần vệ nữ Milo; dưới triều Charles X là những tác phẩm điêu khắc hiện đại và có rất nhiều tác phẩm Cổ đại Hy Lạp - La Mã. Thời Louis-Philippes là những tác phẩm vùng Assyrie.

Dưới nền Cộng hòa III, Louvre trở thành Bảo tàng Quốc gia, sang nền Cộng hòa IV, Louvre vẫn không ngừng tiếp tục được giàu có lên bằng những kiệt tác nghệ thuật sưu tầm từ khắp nơi trên thế giới.

Từ năm 1932, Louvre được hoàn chỉnh hơn và trở thành trung tâm bảo tàng học (Museologie) và được phân thành sáu khu.

Khu trưng bày những tác phẩm Cổ đại phương Đông, trước tiên là những tác phẩm Ai Cập Cổ đại vốn đã được sưu tập từ năm 1847, rồi nghệ thuật các nước Syrie, Assyrie, Iran, Palestine... Một tập hợp nghệ thuật Hồi giáo cũng được hình thành từ năm 1945. Khu bảo tàng Hy Lạp và La Mã cổ đại được tập hợp, nối kết từ năm 1954, một nhóm nghệ thuật Cơ đốc Cổ gồm tượng đá hoa, tượng đồng, những bức tượng nhỏ bằng sành, đồ trang sức. Rồi phòng riêng trưng bày

THƯ VIỆN HUST

tranh tượng thời Phục hưng, phòng tranh xứ Etruyri (thuộc Italia), phòng tranh Delacroix, bảo tàng ấn tượng...

Louvre còn là nơi cất giữ rất nhiều các bức vẽ giá trị (khoảng hơn 800.000 bức), nơi lưu trữ những bản khắc đồng, bộ sưu tập của Edmonde Rossine (30.000 bức tranh khắc).

Khu trưng bày tác phẩm điêu khắc vốn có nguồn gốc từ Bảo tàng các công trình Pháp, gồm nghệ thuật Pháp, Italia và Roman thế kỷ XIX. Khu trưng bày các đồ vật, gồm các đồ châu báu cũng như những tác phẩm rất quý được phục chế lại từ thời Phục hưng cùng với tất cả các loại nghệ thuật trang trí khác.

Louvre còn là một thư viện nghệ thuật và khảo cổ gồm 80.000 sưu tập được lưu trữ.

Qua thời gian Louvre vẫn không ngừng được hoàn thiện. Thập niên 80 và 90, với ý đồ lớn của Tổng thống Franõois Mitterand, Louvre lại được tu bổ và chỉnh trang cơ bản với việc bổ sung sảnh vào mới với mái là tháp thủy tinh để tạo hình một Kim tự tháp trong suốt. Để hoàn thành công trình này, người ta đã phải sử dụng tới 95 tấn thép không gỉ, 6.000 thanh sắt giằng và phải hàn tới 2.150 móc nối. Tháp kính Louvre thực sự là một công trình mang tầm cỡ thế giới, nó là tác phẩm của kiến trúc sư người Mỹ gốc Hoa Ieoh-Ming-Pei.

Những bảo tàng "đáng đi xem" ở Paris thật vô cùng nhiều. Để tạo điều kiện cho du khách có niềm đam mê bảo tàng, tổ chức PARIS MUSEUM PASS đã có hướng dẫn và bán vé sẵn để khách có thể đến thăm cả loạt bảo tàng liên tục trong nhiều ngày (vé 2 ngày giá 32E, 4 ngày giá 48E, 6 ngày 64E). Sau đây là danh sách hơn 30 bảo tàng và các di tích lịch sử – kiến trúc được dùng như bảo tàng để khách có thể chọn lựa và lập kế hoạch đi thăm các bảo tàng cho riêng mình. Có thể mua vé tại các bảo tàng và các trung tâm du lịch.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Bảo tàng Hàng Hải

Hàng nghìn vật trưng bày nói lên quá trình phát triển ngành hàng hải thời trung cổ.

Điện Chaillot, place du Trocadéro, Paris 16e.

M Trocadéro.

0153656953

Bảo tàng Kiến trúc và di sản Pháp

Bộ sưu tập phong phú các di sản kiến trúc từ trung cổ đến nay.

Điện Chaillot, place du Trocadéro, Paris 16e.

M Trocadéro, Iena
0158515200

Bảo tàng Louvre

Nghệ thuật, văn hóa và các nền văn minh cổ đại, nghệ thuật thời trung cổ tới 1848.

Điện Louvre, Paris 1er
M Palais Royal, Musée du Louvre
0140205317

Lâu đài Conciergerie

Cung điện hoàng gia cổ, các phòng ốc lộng lẫy thế kỷ XIV, nơi giam cầm Marie-Antoinette.

2 boulevard du Palais, Paris 1er
M Cité, Châtelet
0150406080

Bảo tàng Orsay

Các tác phẩm nghệ thuật ấn tượng và nghệ thuật khác thời kỳ 1848-1914 (nối tiếp bảo tàng Louvre).

Rue de la Légion d' Honneur, Paris 7e
M Solférino, RER Musée d' Orsay
0153630450

Di tích khảo cổ nhà thờ Đức Bà

Dấu tích khảo cổ phần mộ dưới sân trước nhà thờ Đức Bà.

7 place Jean-Paul, Paris 4e
M RER Cité, Saint-Michel
0155425010

THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tháp chuông nhà thờ Đức Bà

Nơi quan sát tỉ mỉ về nhà thờ, có tầm nhìn rộng mở đô thị cổ.

Place Jean-Paul II, Paris 4e
M Cité, Saint-Michel
0153100702

Bảo tàng Cluny

Bảo tàng về thời trung cổ từ các nhà tắm thời gallo-romain, các tranh tượng cổ của các nghệ sĩ xuất sắc.

6 place Paul-Painlevé, Paris 5e
M, RER Saint-Michel, Cluny la Sorbonne

0153737816

Bảo tàng cống ngầm Paris

Công trình ngầm tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường đặc sắc của Paris.

Đối diện 93 quai d' Orsay, Paris 7e
M Alma-Marceau
0153682781

Bảo tàng quai Branly

Bảo tàng về nghệ thuật và văn hóa ngoài châu Âu (các châu Phi, Mỹ, á, Đại Dương).

37 quai Branly, Paris 7e
M Alma-Marceau. RER Pont de l' Alma - 0156617000

Bảo tàng nghệ thuật và nghề nghiệp

Quá trình phát triển kỹ thuật và công nghệ, các sáng kiến, phát minh.

60 rue Réaumur, Paris 3e.
M Arts et Métiers
0153018200

Bảo tàng Guimet

Bảo tàng về nghệ thuật châu á cùng với nền văn minh lâu đời trải dài từ ấn Độ tới Nhật Bản qua 5000 năm.

6 place d' Iena, Paris 16e
M Iena
0156525300

Bảo tàng nghệ thuật trang trí

Sự phát triển của nghệ thuật làm đẹp trong cuộc sống từ vải vóc quần áo tới đồ dùng.

107 rue de Rivoli, Paris 1er
1M Palais Royal, Musée du Louvre
10144555750

THƯ VIỆN HUBT

Bảo tàng đạo Do Thái

Quá trình phát triển các cộng đồng Do Thái, các di sản văn hóa nghệ thuật.

71 rue du Temple, Paris 3e
M Rambuteau, Hôtel de Ville
0153018653

Bảo tàng Orangerie

Bộ sưu tầm của Walter-Guillaume về các tác phẩm hàng đầu của các nghệ sĩ nổi tiếng.

Vườn Tuileries, Paris 1er
M Concorde
0144778007

Bảo tàng Quân sự

Trưng bày dụng cụ quân sự thời trung cổ đến nay, các bộ sưu tập từ Louis XIV đến Napoléon I, ngôi mộ Napoléon I.

129 rue de Grenelle, Paris 7e
M Invalides, Varenne
0144423877

Nhà thờ chuộc tội

Xây dựng trên nghĩa địa nơi mai táng Louis XVI và Marie-Antoinette năm 1793.

29 rue Pasquier, Paris 8e
M Havre-Caumartin, RER Auber
0144321800

Điện Panthéon

Đền thờ thánh Geneviève, từ thời cách mạng chuyển thành đền thờ các danh nhân.

Place du Panthéon, Paris 5e
M Cardinal Lemoine
0144321800

Bảo tàng thời giải phóng

Các di vật về cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc ở Pháp.

Hôtel des Invalides, Paris 7e
M Invalides, Varenne
0147050410

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU NHÀ THAM KHẢO NỘI BỘ

Bảo tàng bưu điện

Sự phát triển của công nghệ truyền tin, các bộ sưu tập tem nói lên lịch sử ngành bưu điện.

34 boulevard de Vaugirard, Paris 15e
M Montparnasse-Bienvenue
0142792424

Bảo tàng Nissim de Camondo

Bảng tàng về một nhà ở tư nhân thế kỷ XVIII với các loại dụng cụ gia đình và tác phẩm nghệ thuật.

62 rue de Monceau, Paris 8e
M Viliers, Monceau
0153890650

Bảo tàng thủy sản nhiệt đới

Giới thiệu các loài thủy sản nhiệt đới được nuôi trong 80 bể kính lớn
293 avenue Daumesnil, Paris 12e
M Porte Dorée
0153595860

Bảo tàng mô hình đô thị cổ

Sưu tập các maquette về các đô thị thành lũy từ thời Louis XIV tới Napoléon III.

Hôtel des Innalides, Paris 7e
M Invalides, Varenne
0145519245

Bảo tàng Rodin

Các tác phẩm điêu khắc của Auguste Rodin trưng bày trong tòa nhà cổ kèm theo vườn tượng.

Hôtel Biron, 79 rue de Varenne, Paris 7e
M Varenne
0144186110

Bảo tàng Delacroix

Nhà xưởng nơi ở cuối cùng với nhiều tác phẩm của họa sĩ Eugène Delacroix.

6 rue de Furstenberg, Paris 6e
M Saint-Germain-des-Prés
0144418650

THƯ VIỆN HUBT

Bảo tàng y tế, chăm sóc sức khỏe

Lịch sử các bệnh viện ở Paris từ thời trung cổ đến thế kỷ XX.

47 quai de la Tournelle, Paris 5e
M Maubert-Mutualité
0140275005

Bảo tàng Viện thế giới Arap

Giới thiệu nền văn hóa Arap phong phú, một "cầu nối" với văn hóa Arap
1 rue des Fossés-Saint-Bernard, Paris 5e
M Jussieu, Cardinal Lemoine
0140513838

Bảo tàng Moreau

Ngôi nhà ở của gia đình, xưởng vẽ và các tác phẩm họa sĩ Gustave Moreau.
14 rue de la Rochefoucauld, Paris 9e
M Trinité
0148743850

Tòa nhà khoa học - công nghệ

Nằm trong công viên hiện đại La Villette, giới thiệu các thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại.
30 avenue Corentin Cariou, Paris 19e
M Porte de la Villette
0140058000

Bảo tàng điện ảnh

Lịch sử nghệ thuật điện ảnh với các dụng cụ liên quan, các bộ phim nổi tiếng.
51 rue de Bercy, Paris 12e
M Bercy
0171193333

Tòa nhà âm nhạc

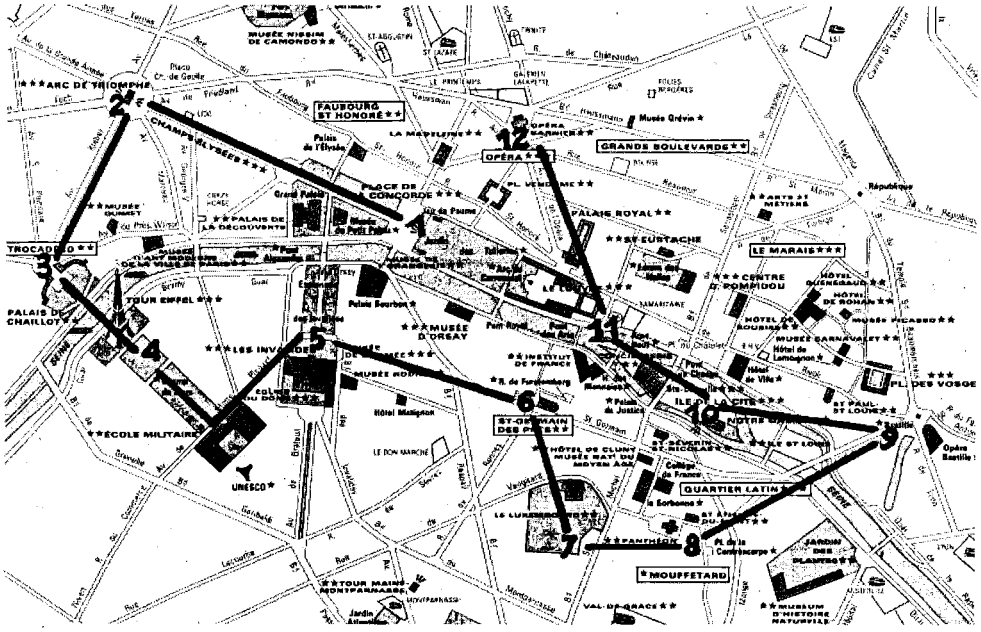
Hàng nghìn hiện vật là các nhạc cụ nói lên quá trình phát triển của âm nhạc.
221 avenue Jean-Jaurès, Paris 19e
M Porte de Patin
0144844484

THƯ VIỆN HUBT
PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

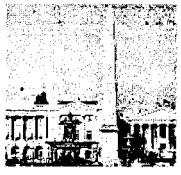
Nhà thờ Sainte-Chapelle

Kiến trúc tôn giáo từ thế kỷ XIII nghệ thuật cửa sổ kính màu nhà thờ
4 boulevard du Palais, Paris 1er
M Cité, Châtelet
0153406080

HÀNH TRÌNH TUYẾN THAM QUAN ĐƯỢC ƯA THÍCH



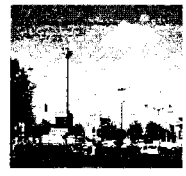
Tuyến du lịch văn hóa hấp dẫn



1. Quảng trường Concorde



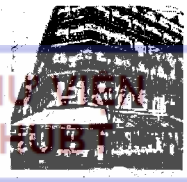
5. Tòa Invalides



9. Quảng trường Bastile



2. Khải hoàn môn



*6. Khu S*G-des -Prés*



10. Nhà thờ Đức Bà



3. Quảng trường Trocadero



7. Vườn Luxem-bourg



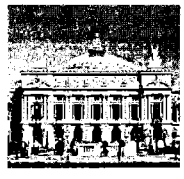
11. Cầu mới



4. Tháp Eiffel



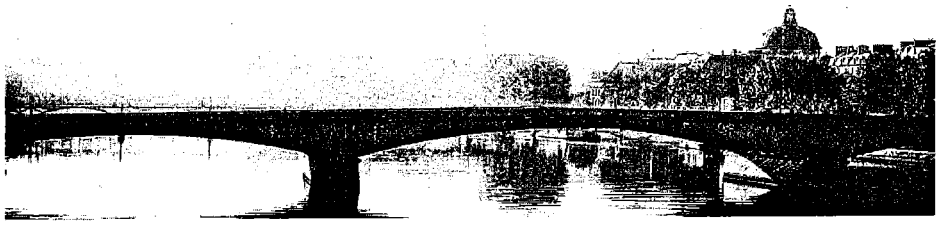
8. Điện Panthéon



12. Nhà hát Opéra

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những cây cầu là những tác phẩm nghệ thuật trên sông Seine



Cầu Carrousel



Cầu Nghệ thuật

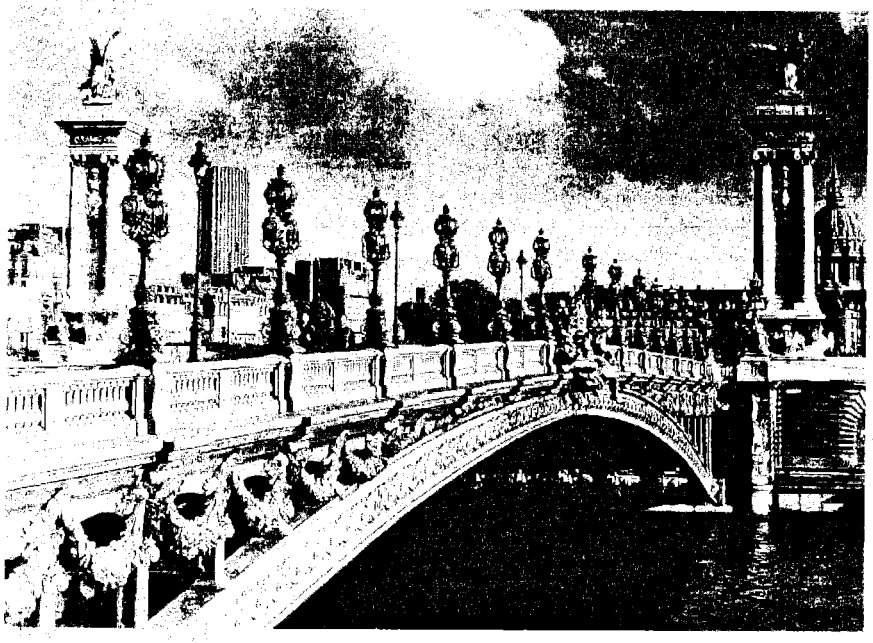


Cầu Mới

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

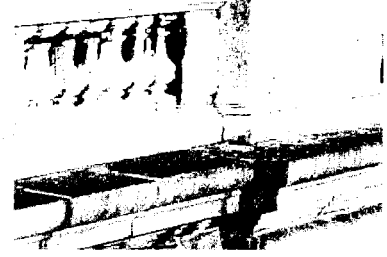


Cầu Nghệ thuật





Cầu Alexandre III
và chi tiết trang trí đầu cầu





THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THIẾT KẾ KHÁCH HỒI ĐÔ



Cầu Alma



Cầu Mới bắc qua đảo Cité trên sông Seine



THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Những galerie xuyên qua các ô phố
với cửa hàng sang trọng là nơi du lịch hấp dẫn



Cầu Arcole nối đảo Cité với bờ bắc sông Seine

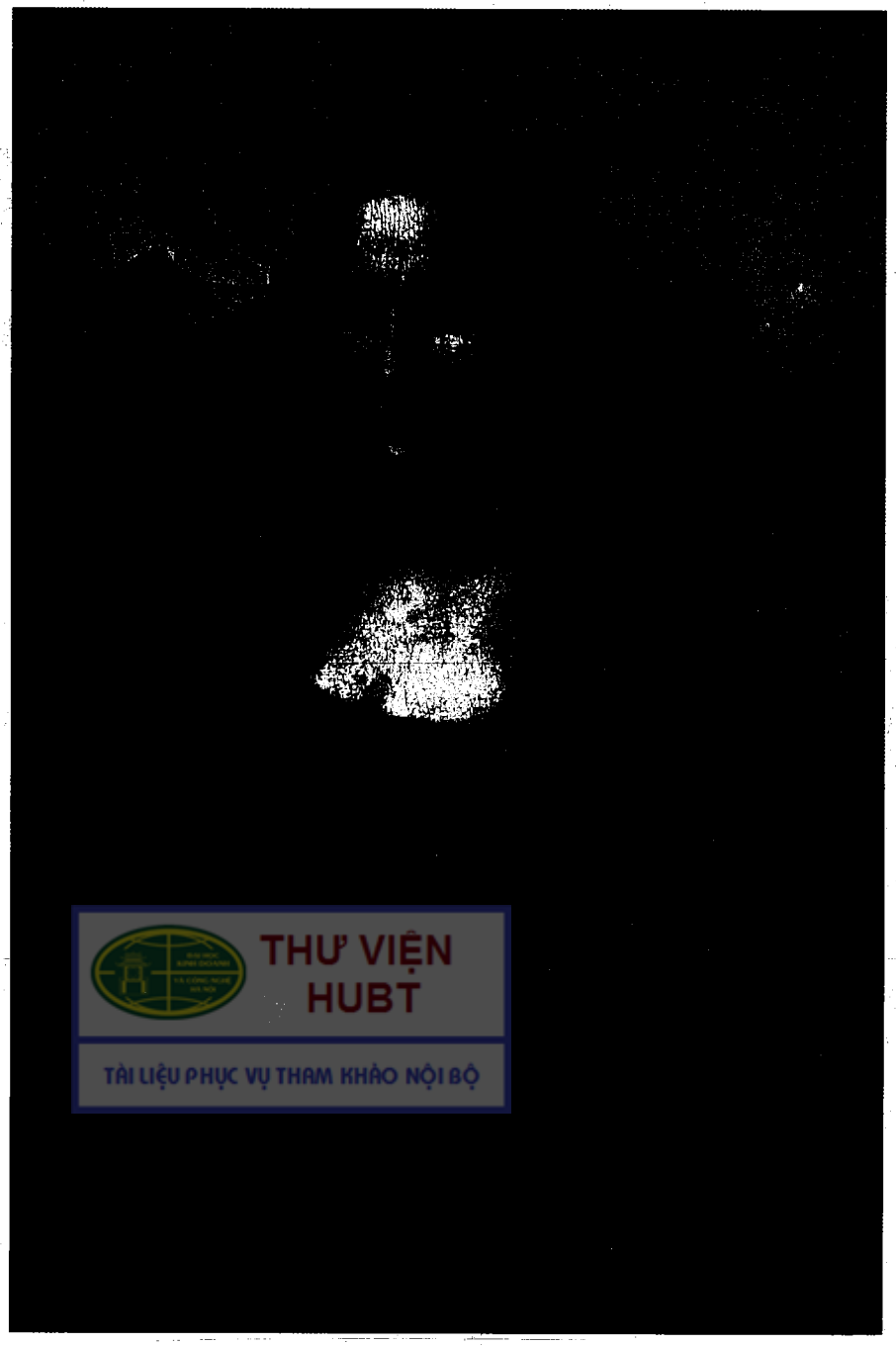




Những galerie xuyên qua ô phố với các cửa hàng sang trọng

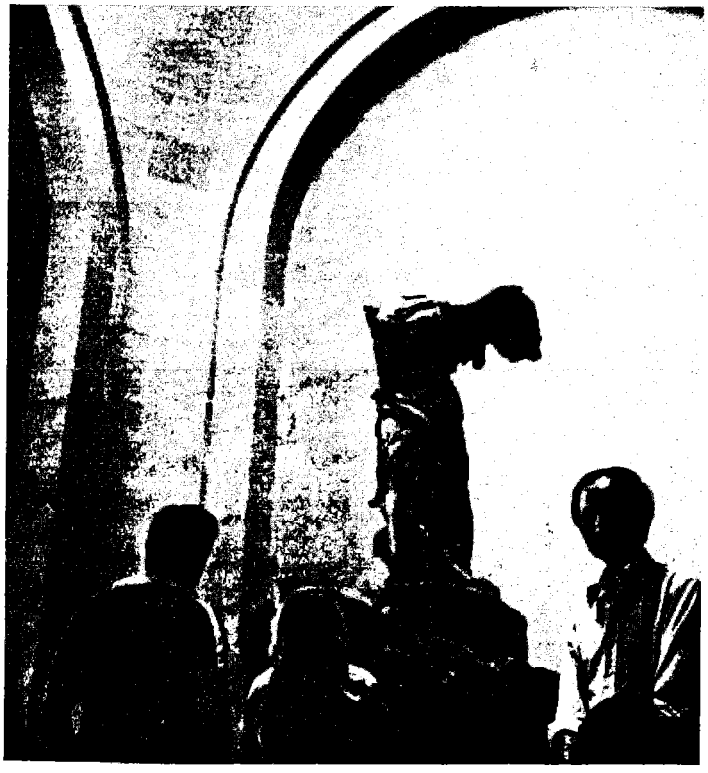
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

**Bên trong bảo tàng Louvre
một địa điểm du lịch hàng đầu ở Paris**



THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

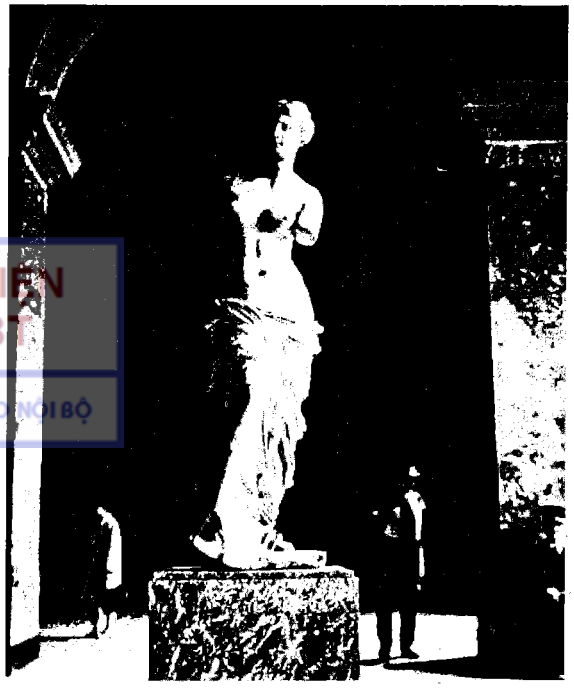
*Tác phẩm La Joconde
một kiệt tác của bảo tàng Louvre*



Tượng Victoire à Samothrace

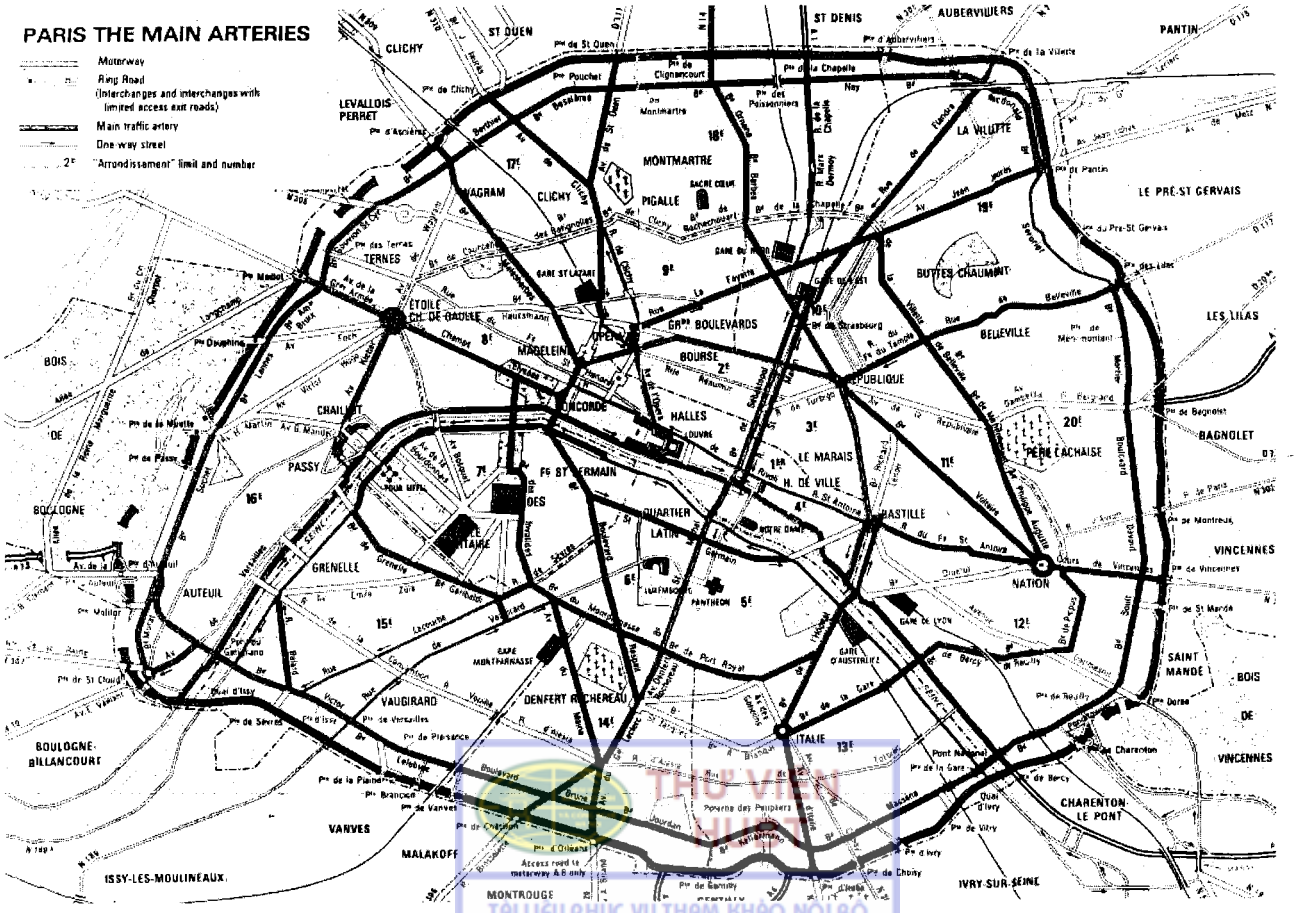


Tượng Victoire à Samothrace



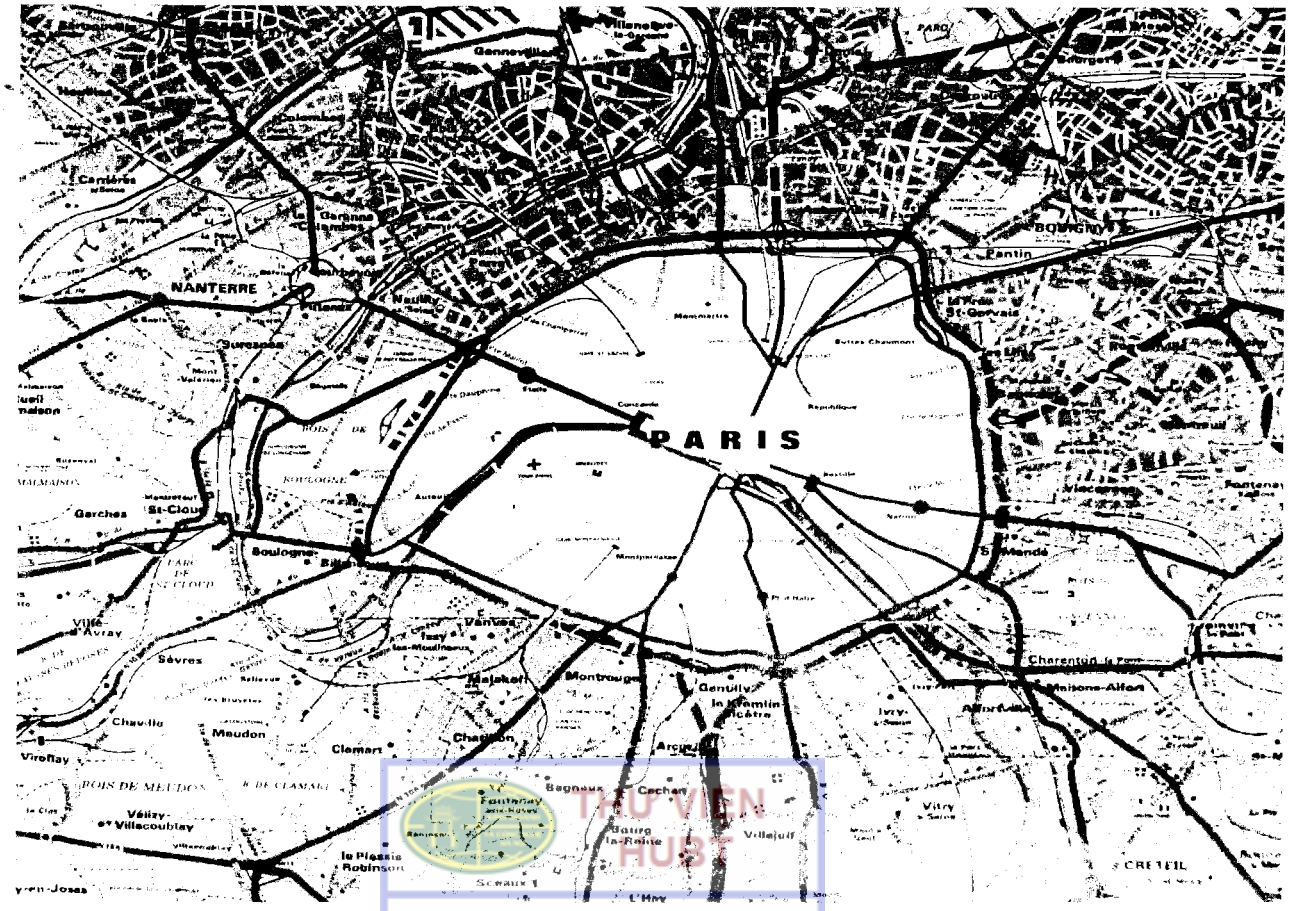
Tượng Vénus de Milo

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



Bản đồ giao thông bên trong Paris

THƯ VIỆN KIẾN TRÚC
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ


PARIS
NANTERRE
Gennevilliers
Bois-Colombes
Bécon-les-Bruyères
Courbevoie
Suresnes
Puteaux
Nanterre
Rueil-Malmaison
Bois de Boulogne
Neuilly
Levallois-Perret
Clichy
Saint-Ouen
Asnières
Gennevilliers
Villeneuve-la-Garenne
Gennevilliers
Colombes
Bois de Colombes
Bécon-les-Bruyères
Courbevoie
Puteaux
Suresnes

PHỤ LỤC
CẢNH QUAN ĐÔ THỊ CHÂU ÂU

I. HÀNH TRÌNH DU LỊCH - DI SẢN VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT ĐÔ THỊ ITALIA

Những kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao, những cảnh quan đô thị đẹp, những quảng trường, những lâu đài, tượng đài... đã tạo nên "những đỉnh cao của nghệ thuật đô thị" Italia, cùng với vô cùng nhiều những di sản nghệ thuật được xếp hạng là di sản văn hóa nhân loại, luôn là mục tiêu của những ai mong muốn đi du lịch trên đất Italia.

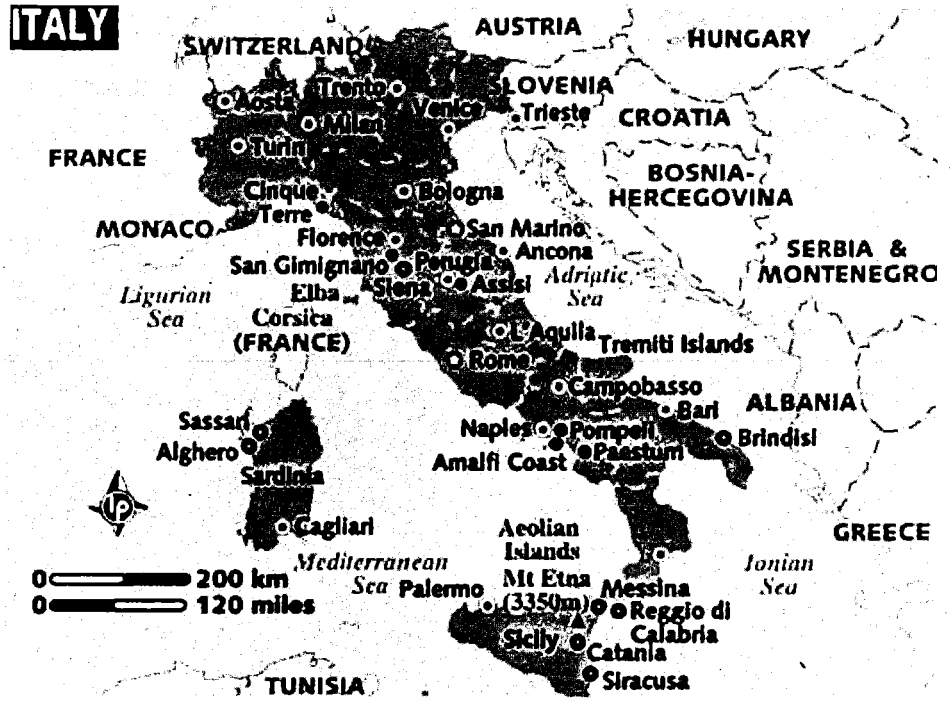
Vì thế mục tiếu của những chuyến du lịch đến Italia trước tiên là những đô thị lớn được xem như những "trung tâm của một nền văn minh" đó là những Roma, Venezia, Firenze, rồi tiếp đến là những Milano, Torino (ở phía bắc) cho đến những Palermo, Napoli (ở phía nam)...

Một tuyến du lịch "xuyên Italia" từ nơi cực bắc suốt chiều dài đất nước "hình chiếc ủng" cho đến điểm cực nam trên đảo Sicile, sẽ cung cấp cho du khách cơ hội chiêm ngưỡng kho di sản nghệ thuật vô cùng phong phú của đất nước này.

1. Milano - Kinh đô thời trang

Milano là thành phố lớn thứ hai của Italia sau Roma. Dân số gần 1,5 triệu người, là nơi có nhiều công trình kiến trúc lịch sử, tập trung xung quanh quảng trường Piazza del Duomo, đây cũng là trung tâm chính của thành phố. Quảng trường dành cho khách bộ hành, phía đông quảng trường có ngôi nhà thờ kiến trúc Gothic lớn nhất thế giới, xây dựng vào năm1386 và phải mất 5 thế kỷ mới hoàn thành. Người ta ngạc nhiên về một công trình vĩ đại do con người tạo nên, đặc biệt là sự trang trí vô cùng phong phú cũng như kích cỡ của nó vượt quá sự tưởng tượng của con người. Mặt trước của ngôi nhà thờ là một sự pha trộn kỳ lạ của kiến trúc Barocco và kiến trúc Gothic. Bên trong nhà thờ có tượng chúa Jesus đóng đinh trên cây thánh giá, được gia công để trở thành hàm thiếc cho dây cương ngựa của Hoàng đế Constantine. Dưới chính điện nhà thờ có hầm mộ hình bát giác đặt di hài của Thánh Charles Borromeo là một Hồng y Giáo chủ ở thế kỷ XVI, đã được phong Thánh bởi sự quan tâm giúp đỡ những người nghèo trong thành phố.

THƯ VIỆN HUBT



Bản đồ Italia

Thi hài ông đặt trong một quan tài bằng kính, trong bộ trang phục Hồng y và một vương miện bằng vàng. Cạnh nơi an nghỉ của Borromeo là phòng trưng bày các tác phẩm bằng ngà Byzantine và những bộ lễ phục được thêu rất tinh tế. Phía cổng vào có phòng rửa tội, nơi Thánh Ambrose đã rửa tội cho Thánh Augustine vào năm 387 sCn.

Nằm ở miền tây bắc Italia, thuộc vùng Lombardia, Milano từng là một trong những thành phố giàu nhất ở châu Âu, nơi có nền thương mại phát triển và cũng có rất nhiều công trình kiến trúc và những tác phẩm nghệ thuật vô giá. Thành phố này nổi tiếng là kinh đô thời trang của thế giới, nơi quy tụ các cửa hàng thời trang hàng đầu, những nhà hàng sang trọng, các galery nghệ thuật cao cấp.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ấn tượng đầu tiên khiến du khách ngỡ ngàng về Milano là Nhà thờ Duomo di Milano, Piazza del Duomo, quảng trường trung tâm thơ mộng luôn có những đàn bồ câu ríu rít. Duomo di Milano chính là ngôi thánh đường mà nhà văn Mark Twain gọi là "một tác phẩm thi ca bằng cẩm thạch", đây là nhà thờ lớn thứ ba ở châu Âu có kiến trúc Gothic vói 135 ngọn tháp, khởi công xây dựng vào năm 1386 và hoàn thành sau hơn năm thế kỷ.

Phía nam quảng trường có nhà Bảo tàng Duomo trưng bày khoảng 3000 hiện vật là các bức tượng và các vật trang trí. Cùng trong tòa nhà này còn có Bảo tàng nghệ thuật đương đại với bộ sưu tầm nghệ thuật thế kỷ XX là tác phẩm của các danh họa như Chirico, Boccioni, Morandi...

Ở phía nam còn có nhà thờ San Satiro, cạnh phố chợ Via Torino. Nhà thờ do nhà kiến trúc thời Phục Hưng hàng đầu của Milan, là Bramante thiết kế và xây dựng vào năm 1476. Từ một nhà thờ nhỏ xây dựng ở thế kỷ IX, Bramante chuyển nhà thờ nhỏ hình chữ nhật dài thành nhà thờ có gian cánh ngang. Gần chợ Via Torino, tại quảng trường Pio XI là thư viện Pinacoteca Ambrosiana, do gia đình Borromeo và giáo chủ Federico sáng lập. Đây từng là một trong những thư viện lớn nhất châu Âu, trưng bày bộ sưu tầm nghệ thuật của giáo chủ Federico.

Đối diện với quảng trường là Galleria Vittorio Emanuele sang trọng, có mái vòm kính mặt bằng hình chữ thập xây dựng vào năm 1865 (do Giuseppe Megoni thiết kế). Tác giả thiết kế đã bị ngã từ mái nhà và qua đời vài ngày trước khi công trình khánh thành. Cạnh phòng trưng bày là nhà hát Opera La Scala nổi tiếng thế giới, khai mạc năm 1778 với vở opera Antonio Salieri. Tại đây còn có một bảo tàng nhỏ, trưng bày tượng thạch cao của các nhà soạn nhạc đã qua đời (khuôn thạch cao các bàn tay của nhạc trưởng và bức tượng Puccini trong một chiếc áo choàng rộng).

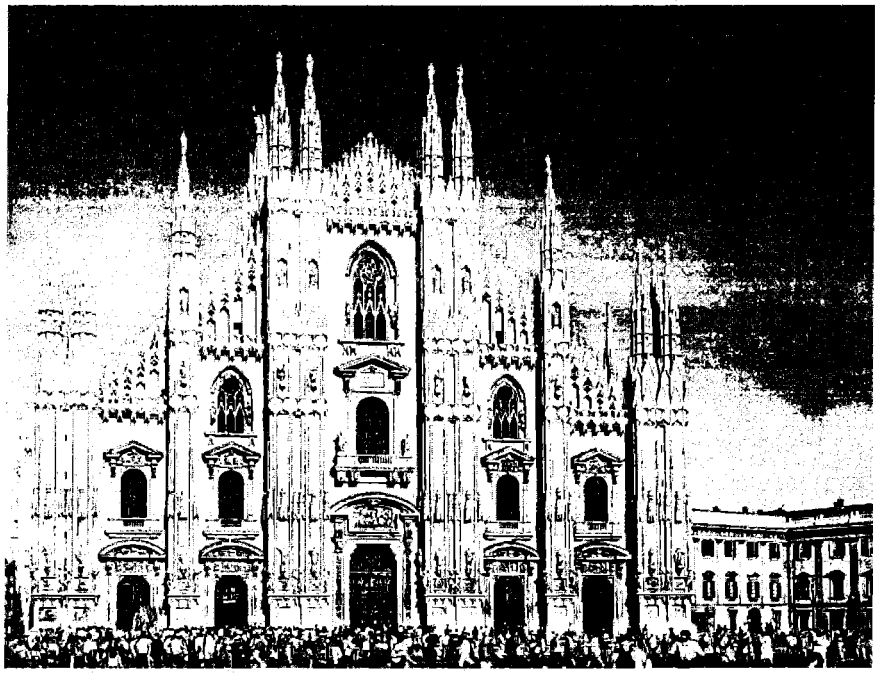
Phía bắc của nhà hát còn có nhiều nhà trưng bày nghệ thuật và các cửa hiệu mỹ nghệ, trong đó nổi bật nhất là phòng trưng bày Pinacoteca di Brera, nơi có nhiều tác phẩm lấy từ các nhà thờ, các bộ sưu tầm của các nhà quý tộc Italia thời Pháp chiếm đóng.

THƯ VIỆN
MHBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Không chỉ nổi tiếng về thời trang, Milano còn là thành phố đẹp với các gian hàng hóa trưng bày trong tủ kính. "Kinh đô thời trang thế giới" Milano gắn liền với tên các nhãn hàng lừng danh như: Armani, Gucci, Benetton...

2. Torino, một trung tâm kiến trúc Barocco

Là một trung tâm văn hóa lớn ở tây bắc Italia với các viện bảo tàng hoành tráng, những nhà hàng, cửa hiệu sang trọng, cảnh quan đô thị có dòng sông Po chảy ngang qua, đồi núi xanh mướt làm cho Torino có khí hậu dễ chịu quanh năm.



Thánh đường Duomo, niềm tự hào của thành phố Milano



Cổng vào Galleria Vittoria Emanuele (phía quảng trường Nhà thờ Duomo)

Các kiến trúc chủ yếu của thành phố mang phong cách kiến trúc Barocco, được hình thành vào thời Savoia. Đến thăm Torino là để được chiêm ngưỡng những thắng cảnh nổi tiếng như:

Tòa giáo đường Do Thái Mole Antonelliana xây dựng năm 1888 có tháp cao 167,5m (đương thời là công trình cao nhất ở châu Âu) và nay là bảo tàng điện ảnh lớn nhất châu Âu.

Bảo tàng Museo dell Automobile trưng bày bộ sưu tập hơn 170 loại xe cộ, từ thế kỷ 18, đặc biệt có nhiều loại xe thể thao độc đáo.

Thánh đường Duomo di San Giovanni chỉ mở cửa khi có lệnh của Giáo hoàng (lần sau cùng mở cửa là dịp Lễ mừng vào năm 2000, lần tiếp tới sẽ được mở cửa vào dịp Lễ mừng năm 2025).

Bảo tàng Ai Cập trưng bày bộ sưu tập các đồ tạo tác Ai Cập cổ. Xây dựng năm 1824 do vua Carlo Felice (sau khi có được bộ sưu tập khảo cổ Drovetti, bảo tàng chứa hơn 30.000 mẫu vật). Lâu đài từng



Nhà thờ và tu viện Superga ở Torino



Bên trong
Galleria Vittoria Emanuele
thành phố Milano



Kiến trúc nhà thờ
thị trấn Novara
(trong vùng Milano)

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

là nơi ở của Nữ hoàng Palazzo Madama, Piazza Castello có phòng nghỉ ngơi sau khi tham quan được trang bị ghế dài màu đỏ, nhiều chùm đèn lộng lẫy. Khu vực các nhà hàng Quadrilatero Romano vốn là thị trấn Roman cổ, nằm ở đông bắc tòa nhà Piazza Castello.

Galleria Subalpina là con đường đi bộ từ Piazza Castello qua Piazza Carlo Alberto, một trong những điểm thu hút rất đông du khách. Công viên Valentino, là công viên lớn nhất ở khu trung tâm Torino nằm dọc theo sông Po, trong khu vực này có Lâu đài Valentino và khu làng Trung cổ. Khu Castello di Rivoli ở phía đông Torino, được tạo dựng là một Bảo tàng nghệ thuật Đương đại. Corso Francia là "con đường dài nhất thế giới", xây dựng để kết nối Hoàng cung tại trung tâm Torino với Lâu đài Rivoli.

3. Verona, quê hương thiên tình sử Romeo - Giuliet

Verona là thành phố lớn thứ ba của Italia và cũng là trung tâm lễ hội nổi tiếng đặc biệt là những ngày diễn ra các lễ hội opera lớn của thế giới tổ chức tại khán đài cổ Arena được xây dựng từ thời La Mã. Kiến trúc thời Trung cổ với nhiều lâu đài còn giữ được khá nguyên vẹn. Verona còn là điểm dừng chân thú vị trên hành trình du lịch theo tuyến miền bắc Italia nhờ gắn liền với thiên tình sử "Romeo và Giuliet" nơi có "chiếc ban công nổi tiếng" của ngôi nhà nàng Giuliet, tại đây đôi tình nhân lén gặp nhau tình tự trong đêm, đã đi vào huyền thoại.

Vào mùa xuân và mùa thu thường diễn ra rất nhiều lễ hội đặc sắc như lễ hội opera, lễ hội La Mã. Vẻ đẹp Verona được cảm nhận với nhiều cái tên khác nhau như "thành phố màu hồng" (vì có nhiều ngôi nhà được sơn màu hồng) hay "thành phố tình yêu" (do gắn liền với câu chuyện tình yêu của Romeo và Giuliet, "thành phố đá" bởi vật liệu đá là thành phần chủ yếu tạo nên Verona với rất nhiều tòa thành bằng đá, những ngôi nhà xây bằng đá và cả những con đường lát đá. Đấu trường La Mã (Arena Romana) được xây dựng bằng đá khối cẩm thạch màu hồng cỡ lớn được xem là một mô hình thu nhỏ của đấu trường La Mã ở Roma. Ở đây không còn trận đấu của các võ sĩ, hay các cuộc đua ngựa, nhưng lại trở nên lãng mạn với các chương trình hòa nhạc được trang bị âm thanh và ánh sáng diễm lệ. Khi chiều xuống, Arena Romana và các công trình kiến trúc xung quanh càng đẹp rực rỡ do phản chiếu ánh mặt trời khi chiếu vào những viên đá cẩm thạch màu hồng.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Ngôi nhà của nàng Giuliet với chiếc ban công huyền thoại, bên trong là một bảo tàng nhỏ với các vật dụng thuộc thế kỷ XVI - XVII, những bức họa và tranh vẽ liên quan đến các câu chuyện trong các vở kịch của Williams Shakespeare.

Thánh đường San Zeno Maggiore tiêu biểu cho kiến trúc nhà thờ của Verona xây dựng từ thế kỷ XII, nay vẫn được bảo tồn nguyên vẹn với các mái vòm và ngọn tháp cao 72m.

Cây cầu Scala xây theo kiểu pháo đài bắc qua dòng sông Adige yên ả cũng là một hình ảnh biểu tượng của Verona.

4. Thành phố Genoa

Nằm bên bờ biển phía tây bắc Italia và là cảng biển chính của nước này. Đến Genoa có thể được khám phá cuộc sống đáy đại dương qua những bảo tàng sinh vật biển phong phú, đa dạng và hoành tráng nhất thế giới, thành phố cũng lưu giữ được những công trình kiến trúc cổ có giá trị với rất nhiều nhà thờ, cung điện, viện bảo tàng...

Là thành phố hải cảng lớn nhất của Italia và có vị trí thứ hai ở khu vực Địa Trung Hải, sau Marseille của Pháp, có khối lượng vận chuyển hàng năm hơn 42.000.000 tấn, cảng này tiếp nhận những loại hàng nặng như quặng, sắt, thép, than... và xuất các mặt hàng tiêu dùng.

Vốn là thủ phủ của vùng duyên hải Ligurie, vào khoảng năm 200 tCn, sát nhập vào La Mã với tư cách là một tỉnh tự trị, về sau Genoa thuộc về người Hérulé, người Goths, rồi người Byzance, người Lombardie và Charlemagne. Vào thế kỷ XI, Genoa cùng với Pisa chiến đấu chống quân Hồi giáo ở biển Tyrrhenienne và Địa Trung Hải. Thế kỷ XII giành được độc lập và quyền cai trị được giao cho các vị chấp chính được bầu ra hàng năm, sau đó chuyển vào tay các Pháp quan và cuối cùng thuộc về một thủ lĩnh nhân dân, mà người lãnh trách nhiệm đầu tiên là G. Boccanegra (1257 - 1262), sang năm 1339, mới lập chức tổng đốc. Những cuộc thập tự chinh của người Genova đã mang lại cho họ những nhượng địa ở phương Đông và sau đó là đế quốc Constantinople. Năm 1261, Genova đánh thắng Pisa và giành được các đảo Sardaigne và Corse.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Genova cũng là thành phố công nghiệp lớn đứng hàng thứ ba của Italia với các nhà máy đóng tàu, nhà máy lọc hóa dầu, công nghiệp luyện kim, công nghiệp cơ khí chế tạo máy.

Khu vực thành phố cổ nằm liền với khu cảng, còn phần thành phố mới phát triển rộng từ tây sang đông, sát nhập thêm những vùng lân cận như Camigliano, Sestri, Ponente, Voltri, Nervi...

Genoa cũng còn là một thành phố du lịch hấp dẫn, nơi có nhiều công trình kiến trúc huy hoàng tráng lệ, như lâu đài Bianco được xây dựng trong thế kỷ XVII - XVIII, lâu đài San Giorgio được xây dựng trong khoảng năm 1260 - 1571. Nhiều ngôi nhà thờ cổ được xây dựng từ những thế kỷ trước Công nguyên.

Nhà thờ San Lorenzo là một kiến trúc cổ rất tiêu biểu của đạo Thiên Chúa, nội thất được trang trí những điêu khắc lớn, công trình nhà thờ lát đá cẩm thạch đen và trắng. Xây dựng vào thế kỷ XII trong thời kỳ Phục Hưng (thời kỳ đầu), nhà thờ đã được coi là biểu tượng của Genoa.

Santa Maria di Castello lại là công trình nhà thờ có vẻ đẹp thanh nhã, độc đáo, theo phong cách kiến trúc truyền thống của La Mã, nhà thờ được sử dụng như một bảo tàng và là nơi lưu giữ những hiện vật lịch sử quý giá.

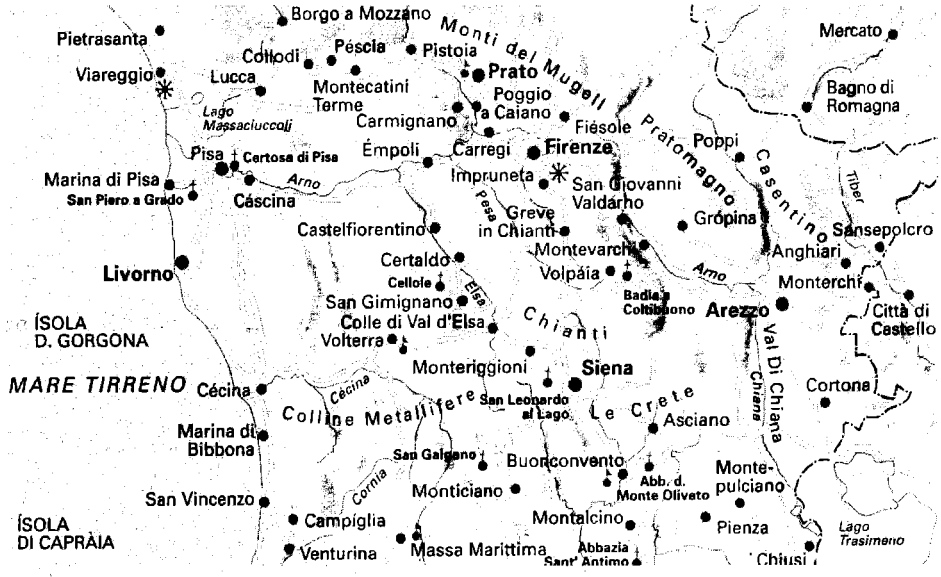
Bảo tàng Museo Chiossone được xây để tưởng nhớ họa sĩ nổi tiếng Edoardo Chiossone, xây dựng năm 1898. Nằm trong công viên Villetta Di Negro trên một khu đồi cây mang vẻ đẹp cổ kính và yên bình. Bảo tàng lưu giữ bộ sưu tập khổng lồ các tác phẩm nghệ thuật Nhật Bản (bản in, điêu khắc, đồ sứ, sơn mài, áo giáp, mặt nạ, nhạc cụ, trang phục) do họa sĩ Edoardo Chiossone đã bỏ nhiều công sưu tầm. Trong khi đó bảo tàng Museo Nazionale dell Antartide là bảo tàng vạn vật học, và cũng là bảo tàng lịch sử của thành phố.

Bảo tàng Museo Luzzati rất nổi tiếng về kiến trúc cổ đại, xây dựng vào thế kỷ XV, là nơi để khách khám phá nền văn hóa và sự phát triển của Genoa, chiêm ngưỡng những tác phẩm tuyệt vời của họa sĩ bậc thầy Italia như Errtanuele Luzzati.

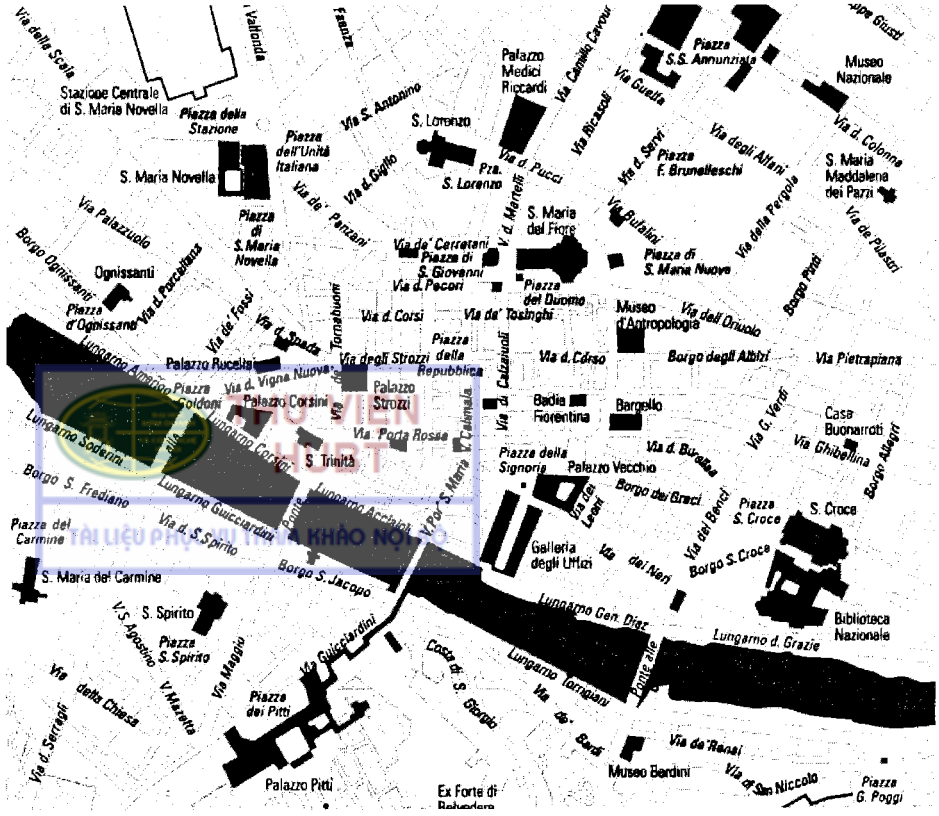
THƯ VIỆN HUBT

Tòa nhà Palazzo San Giorgio là một trong những tuyệt tác kiến trúc của Genoa nằm ở quảng trường Piazza Caricamento xây dựng từ năm 1260.

Quảng trường trung tâm của Genoa là Pizza de Ferrari, nơi diễn ra cuộc sống sôi động của người dân thành phố, nơi có nhiều cung điện đẹp như Ducale, Teatro Carlo Felice, tòa nhà cổ kính của Học viện mỹ thuật. Quanh quảng trường có nhiều nhà hàng và quán cà phê mang phong cách địa phương.



Bản đồ các đô thị và di tích kiến trúc miền Trung, Italia



Bản đồ khu trung tâm Firenze

Nhà hát Opera là một phần không thể thiếu trong cuộc sống văn hóa của Genoa, nơi nổi tiếng phát sinh nhiều nghệ sĩ có tài. Rạp hát Carlo Felice nổi tiếng về cách trang trí sân khấu có từ thế kỷ XVI; Rạp hát Modena xây dựng vào thế kỷ XIX và nhiều lần được trùng tu phục hồi, các chương trình hoạt động của nhà hát thường kéo dài từ tối đến khuya với rất nhiều buổi trình diễn đặc sắc.

**** Quảng trường Pisa, "Cánh đồng của những điều kỳ diệu"***

Quảng trường nhà thờ ở Pisa được mang tên "Cánh đồng của những điều kỳ diệu" (Campo dei Miracoli), nơi đây đã xây dựng một khu phức hợp kiến trúc đồ sộ thời trung cổ ở Italia, với những tòa nhà tráng lệ, những không gian kiến trúc hài hòa và cân đối với một phong cách kiến trúc rất độc đáo.

Không gian quảng trường hình thành từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, là thời gian có sự ra đời ồ ạt của những nước cộng hòa hùng mạnh, gắn liền với nghề đi biển. Các quốc gia này đã có nền thương nghiệp phát triển trong khắp vùng Địa Trung Hải. Đời sống kinh tế và văn hóa của thành phố này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều nền văn minh khác, được phản ánh vào đặc trưng kiến trúc ở Campo dei Miracoli.

Tổng thể kiến trúc kỳ vĩ này được xây dựng nên để kỷ niệm cuộc chinh phạt thắng lợi của người Palermo trước quân Hồi giáo (vào năm 1063) để giải phóng quê hương mình, cảm tạ Đức Mẹ Maria đã bảo vệ thành phố, người ta cho xây một thánh đường mới nằm sát tường thành về phía bắc của thành phố, đó là quần thể kiến trúc Đại giáo đường của thành phố với một nhà thờ rửa tội, một gác chuông đồ sộ và một khu nghĩa địa.

THƯ VIỆN HUBT

Việc xây dựng khởi đầu năm 1064 và phải trải qua ba giai đoạn với sự tham gia của nhiều kiến trúc sư.

Kiến trúc sư Buscheto là người thực hiện giai đoạn đầu của công trình vào năm 1063 và kết thúc vào năm 1118, lễ phong thánh nhà thờ do Đức Giáo Hoàng Gelasius II thực hiện. Kiến trúc sư Rainaldo tiếp theo đã thay đổi đôi chút so với thiết kế ban đầu: phần thân của thánh đường được mở rộng bằng cách thêm 3 gian lồi mà ngày nay ta vẫn còn thấy ở mặt trước tòa nhà. Mặt tiền được hoàn tất vào khoảng giữa thế kỷ XII, bằng cách xây thêm một số tầng nữa. Phần bên trong thánh đường được chia thành 5 gian phân bố theo hình chữ thập kiểu Latinh, phía trên các gian thờ là mái vòm hình elíp. Các

khoảng trống cũng như sự phân bố các căn phòng trong tòa nhà mang phong cách các hoàng cung La Mã. Bên trong nhà thờ chứa đựng rất nhiều tác phẩm nghệ thuật trong đó có cả các bức tranh của Giovanni Pisano, ở gian tụng niệm có các bức bích họa Ghirlandaio và trên mái vòm được trang trí các bức khảm hình Thánh John của Cimabue thực hiện từ năm 1301.

Năm 1153, kiến trúc sư Diotisalvi bắt đầu xây dựng nhà thờ rửa tội nằm ở phía trước nhà thờ chính, công trình phải kéo dài đến cuối thế kỷ XIV mới hoàn thành. Lối kiến trúc truyền thống với mặt bằng hình tròn, bên ngoài là 2 tầng hành lang vòm cột dưới các chóp hình nón, trên cùng là một vòm lớn hình bán cầu có chóp đỉnh. Đây là kiến trúc chịu ảnh hưởng của cả phong cách Byzantine và Gothic với rất nhiều trang trí cầu kỳ trên cổng chính, bên ngoài tòa nhà cũng như bên trong.

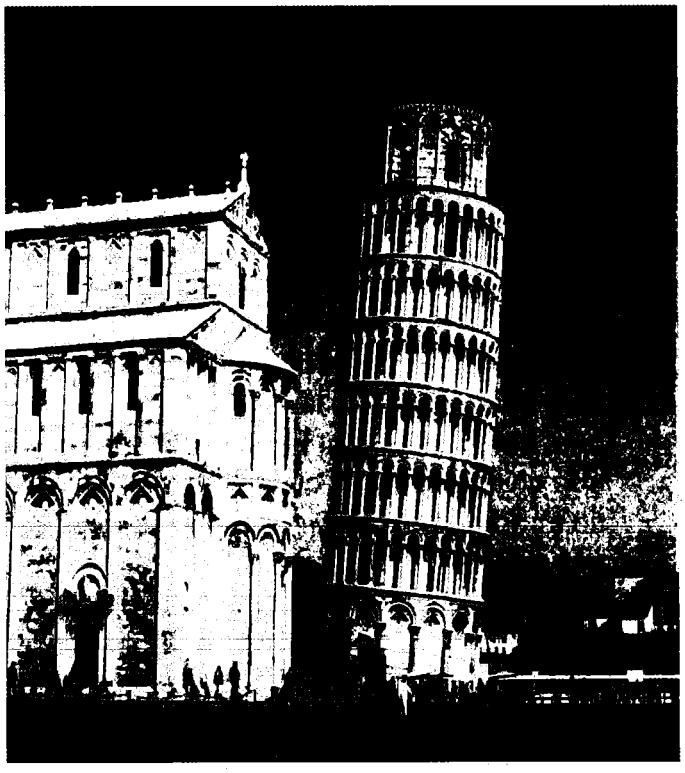
Tuy nhiên cống trình khá đặc sắc tạo nên sự nổi tiếng cho cả quần thể kiến trúc ở đây lại chính là Tòa Tháp chuông (Campanila) của Thánh đường, không chỉ do nét kiến trúc đặc sắc mà chính vì do nền đất lún một phía, đã làm cho tháp bị nghiêng đi so với trục thẳng đứng, từ đó có tên Tháp Nghiêng.

Công trình xây dựng năm 1173 theo thiết kế của Bonanno Pisano. Tháp gồm tám tầng có độ cao lên tới 58,4m, trọng lượng 14.500 tấn, móng khối xây có đường kính 19,6m, với chiều sâu 5,5m phía dưới mặt đất. Móng nghiêng về hướng nam 5,5 độ so với phương nằm ngang, do đó tầng thứ bẩy nhô ra ngoài 4,5m so với tầng thứ nhất. Công trình có dạng một hình trụ rỗng với các dãy cột bao quanh. Mặt trong và ngoài của hình trụ đều ốp bằng đá cẩm thạch với mối nối rất khít khao. Một cầu thang xoáy ốc 294 bậc dẫn lên đỉnh tháp nằm bên trong lớp tường.

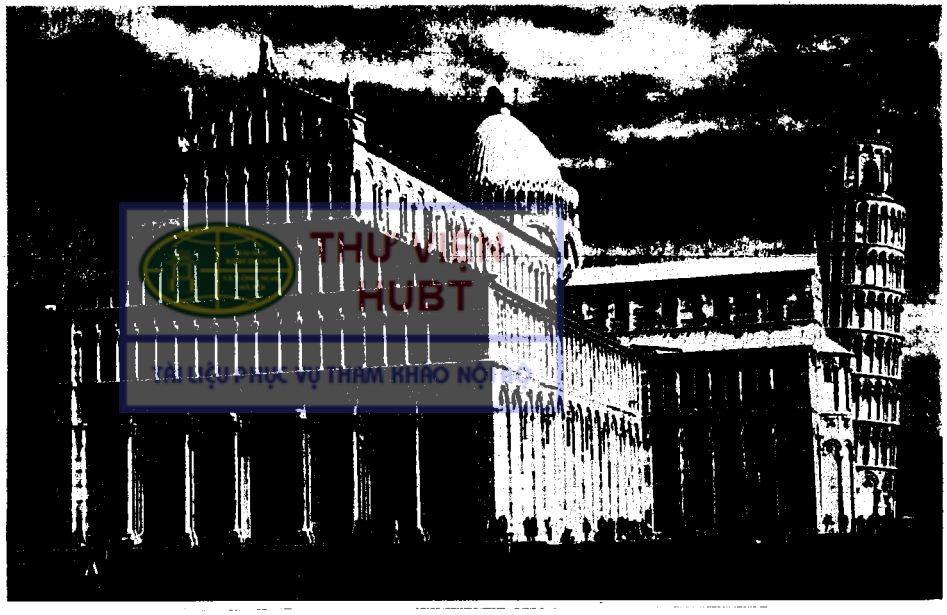
THƯ VIỆN HUBT

Công trình khá cao xây dựng bằng vật liệu đá nên có tổng trọng lượng lớn, nằm trên một mặt bằng móng khá hẹp cùng với tình trạng nền đất có cường độ chịu tải không đồng nhất đã là nguyên nhân làm tháp bị lún và lún không đều, từ đó tháp bị nghiêng.

Trước nguy cơ tháp nghiêng nhiều có thể gây sụp đổ cả tòa kiến trúc nguy nga này, người ta đã tìm nhiều cách ngăn ngừa để thảm họa không xảy ra. Quá trình tháp bị nghiêng diễn ra chậm chạp, âm ỉ, qua rất nhiều năm từ sau ngày khởi công người ta đã nhận thức



Hình ảnh
tòa Tháp Nghiêng



THƯ VIỆN
HUBT
LƯU HÀNH NỘI BỘ

Tổng thể kiến trúc tôn giáo tráng lệ trên quảng trường
"Cánh đồng của những điều kỳ diệu" với Tháp Nghiêng Pisa nổi tiếng

ra điều này, khi xây dựng đến tầng thứ tư đã thấy hiện tượng nghiêng về phía nam, đến tầng thứ bẩy (1278) tháp nghiêng khoảng 0,6°. Đến năm 1817 người ta đo được tháp nghiêng tới 5° và đến năm 1838 là 5,4°.

Vào năm 1934 các chuyên gia đã tiến hành gia cố chân móng bằng cách phun vữa vào chân móng để hạn chế độ nghiêng tiến triển, năm 1970 hút nước ngầm trong lớp cát... Tháng 2/1999 tiến hành hút đất bằng nhiều ống hút, các lỗ rỗng từ từ khép kín lại để nền tháp phía bắc được lún xuống và tháp nghiêng trở lại về phía này. Việc hút đất tiến hành trong 2,5 năm và độ nghiêng của tháp đã giảm đi một nửa, tháp được giữ ổn định ở độ nghiêng này. Đến năm 2001 sau 11 năm thực hiện phương pháp tạo lực đối trọng bằng cách gắn khối chì nặng 1000 tấn ở chân tháp, tháp Pisa đã được dựng đứng trở lại 44cm... Người ta hy vọng tháp ở tư thế ổn định trong vòng 300 năm tới.

Tháp nghiêng Pisa là công trình nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu cho kiến trúc Roman của thế kỷ X - XIII ở châu Âu. Đặc biệt tại tháp này vào khoảng năm 1580, đã chứng kiến một sự kiện trọng đại trong lịch sử khoa học thế giới, đó là cuộc thí nghiệm của nhà bác học Galileo Galilei (1565 - 1642). Nhà thiên văn học vĩ đại của nhân loại, giáo sư toán học trường Đại học Tổng hợp Pisa đã tiến hành một cuộc thí nghiệm nổi tiếng bằng cách từ trên ban công phía mặt trong của tháp Pisa ở độ cao khoảng 50m, đồng thời thả xuống một viên đạn to và một viên đạn nhỏ, điều kỳ diệu diễn ra là cả hai đều rơi xuống mặt đất cùng một lúc!

Thí nghiệm của Galileo đã bác bỏ luận điểm trước đây của nhà triết học cổ đại Aristot nói rằng: "Vận tốc của một vật phụ thuộc vào trọng lượng của nó".

THƯ VIỆN HUBT

5. Thành phố Ferrara

Thành phố được bao quanh bởi bức tường thành dài 9km, được lưu giữ gần như nguyên vẹn cùng với những dấu tích của một trung tâm đô thị, những tòa nhà có từ thời Trung cổ và thời Phục Hưng với tất cả vẻ đẹp và sự lộng lẫy của nó. Nhà thờ San Giorgio còn được lưu giữ đến ngày nay, được xây dựng vào thời kỳ Phục Hưng theo thiết kế của kiến trúc sư Biagio Rossetti (1446 - 1516). Trước thế kỷ XVII, nhà thờ Ferrara ở trung tâm thành phố, được xây dựng gần sông Po

và hai nhánh là Volano và Primano. Vai trò này bị lu mờ khi vào năm 1135 đã xây dựng nhà thờ mới.

Một dấu tích quan trọng của đô thị còn được giữ nguyên đó là khu dân cư xây dựng từ thế kỷ XVII, đó là khu vực xung quanh Via San Pietro, có dáng hình móng ngựa, với nhiều hẻm song song cùng với nhiều trạm gác. Đường giao thông chính ở đây xưa kia chính là sông Po mà sau này đã bị lấp đi. Nằm bên trái dòng sông xưa kia từng có những nhà kho, trung tâm thương mại, cảng sông và các cửa hiệu. Ngày nay, Via delle Volte vẫn duy trì nét độc đáo với những lối đi song song và có chức năng phục vụ cho các tòa nhà đối diện với sông dọc theo Via Grande.

Trong số những công trình chủ yếu thì Thánh đường là cổ nhất, được xây dựng đầu thế kỷ XII, khi chuyển nhà thờ ở trung tâm thành phố ra vị trí của Thánh đường hiện nay. Công việc sửa chữa và tu bổ được thực hiện liên tục vào thế kỷ XIII và XIV đã tạo ra sự hài hòa của công trình theo phong cách Roman và Gothic, mà tâm điểm là mặt tiền với 3 đỉnh cao bằng nhau (được giải thích như một biểu tượng của Chúa ba ngôi). Nhiều tác phẩm điêu khắc được thực hiện bởi nghệ sĩ Nicholaus.

Ở giữa hàng hiên tiền sảnh là tác phẩm Đức Mẹ Đồng Trinh và Chúa Hài Đồng được điêu khắc gia Cristoforo da Firenze thực hiện vào năm 1427.

Khu nhà hình tròn nhỏ dành cho tụng niệm được Biagio Rossetti xây dựng từ năm 1498, và sau đó còn có sự đóng góp của những kiến trúc sư khác, trong đó có Leon Battista Alberti. Phần bên trong được kiến trúc sư Francesco Mazzarelli cải tạo (từ 1710 đến 1712), hậu cung có bức tranh minh họa cảnh "Sự phán quyết cuối cùng" do Sebastiano Filippi thực hiện với sự ảnh hưởng manh mẽ từ bức tranh "Bữa tiệc cuối cùng" của Michelangelo ở nhà nguyện Sistine. Tuy nhiên biểu tượng của thành phố lại chính là Castello Estense, được xây dựng vào năm 1385, theo chỉ thị của hầu tước Nicolon và do kiến trúc sư Bartolino Ploti da Novara thực hiện, cùng với lâu đài Pavia và Mantua là những công trình rất nổi bật.

THƯ VIỆN HUBT

Các lâu đài này được nối liền với khu vực cổ của hầu tước bằng một con đường mang tên Via Coperta, ngang qua thánh đường. Đến thời công tước Alfoso I, nó được đổi tên là Camerini di Alabastro hay

"Những căn phòng bao phủ hoa tuyết", sau đó được trang trí bằng những bức tranh của Giovanni Bellini, Titian và Dosso Dossi.

6. Thành phố Bologna - Món quà tặng của thiên nhiên

Thành phố Bologna nằm trong vùng cảnh quan đẹp giữa hai con sông Reno và Sevena ở miền bắc Italia. Đây chính là quê hương của các trường đại học lâu đời nhất thế giới như Trường đại học Alma Master Studiorum được thành lập từ năm 1088. Một khung cảnh đô thị bảo tàng rợp bóng cây cùng với nhiều nhà thờ lộng lẫy và uy nghi... Đây thực sự là một thành phố nghệ thuật được trang trí lộng lẫy với nhiều bảo tàng với những phong cách kiến trúc ấn tượng, những nhà thờ xây dựng từ thời Phục Hưng, những nhà tắm công cộng có từ thời La Mã cổ đại, các đền đài hoành tráng, những khán đài hình vòng cung cùng với những cung điện mang phong cách kiến trúc Barocco.

Cung điện Bevilacqua là một kiệt tác kiến trúc đại diện cho phong cách kiểh trúc thời Phục Hưng vào lúc thịnh vượng nhất của phong cách kiến trúc này ở châu Âu. Cung điện được xây dựng vào năm 1474 - 1482.

Khu thương mại Palazzo della Mercanzia được xây dựng năm 1384 theo phong cách kiến trúc Gothic. Ngoài ra phải kể đến rất nhiều nhà thờ góp phần tạo cảnh quan đặc sắc của Bologna.

Nhà thờ San Francesco nằm phía bắc của thành phố được xây dựng vào năm 1236, đến năm 1388 nội thất được bổ sung một bàn thờ lớn bằng đá cẩm thạch theo phong cách kiến trúc Gothic. Nhà thờ San Dominico ở phía tây của trung tâm thành phố. Đứng trên đỉnh của nhà thờ có thể nhìn thấy toàn bộ Piazza San Francesco, tại đây thi thể của Thánh Dominico được đặt trong một lăng rất tráng lệ, là một trong những nhà thờ đẹp nhất ở Italia. Nhà thờ San Pietro gồm hai tòa nhà lớn xây dựng năm 1390 - 1426. Nhà thờ chứa rất nhiều vật quý giá như các bức tranh của họa sĩ Carraci và con sư tử làm bằng đá cẩm thạch ở ngay lối vào. Mặt chính của nhà thờ San Pietro dài 132m và rộng 60m, sân trong lát đá cẩm thạch.

THƯ VIỆN HUBT

Bảo tàng Khảo cổ học (Museo Civico Archeologico) được đặt trong một tòa nhà xây từ thế kỷ XV, là nơi lưu trữ bộ sưu tập lớn về Ai Cập cùng với những di vật khảo cổ học được tìm thấy ở khu vực Emilia Romagna. Bảo tàng Morandi là nơi trưng bày các tác phẩm nghệ

thuật của họa sĩ Giorgio Morandi với 62 bức tranh sơn dầu, 18 bức tranh màu nước, 92 bức vẽ, 2 tượng điêu khắc và 2 bản khắc trên kim loại.

Bologna còn rất nổi tiếng với những ngọn tháp lịch sử, trước đây thành phố có khoảng 180 ngọn tháp xây dựng từ thời Trung cổ và là biểu tượng của những gia đình giàu có, sau đó nhiều tòa tháp được sử dụng làm nhà tù, một số nơi làm cửa hàng hoặc nhà ở, nhiều tháp đã bị phá hủy hay sụp đổ vào thế kỷ XIII. Ngày nay còn khoảng 20 tháp vẫn được bảo quản tốt trong chương trình bảo quản, trùng tu các di tích lịch sử của thành phố.

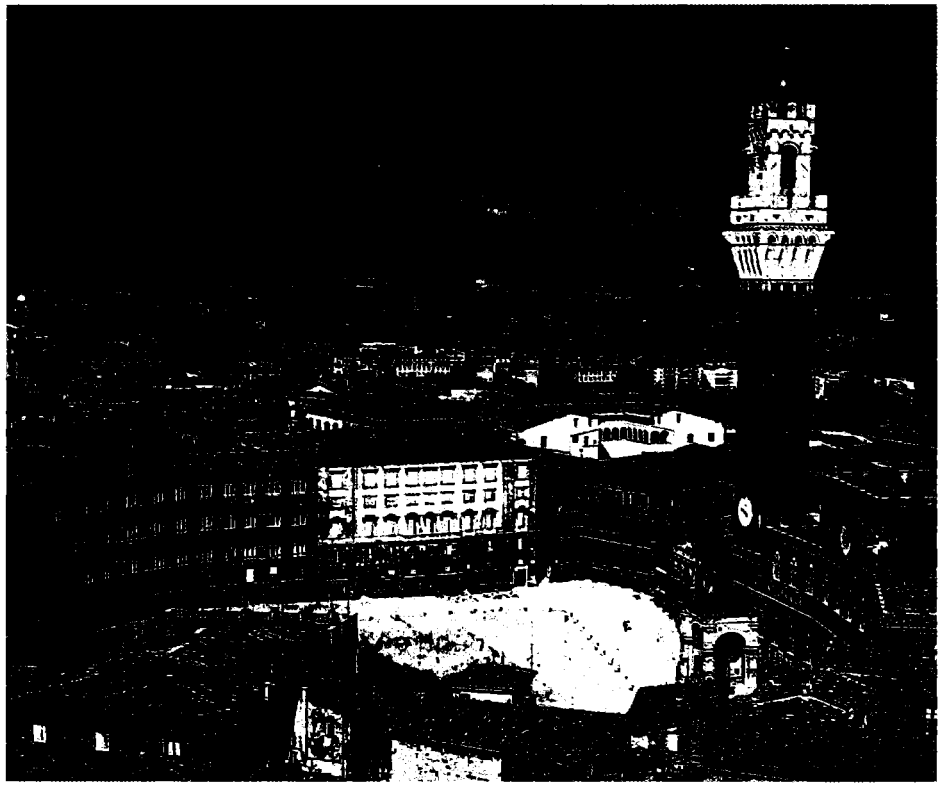
7. Đô thị cổ Siena

Siena hình thành từ thế kỷ I tCn nằm ở miền trung Italia thuộc tỉnh Toscan, là trung tâm thương mại tài chính và nghệ thuật trong lịch sử. Siena và Firenze đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ vào các năm 1260 và 1269. Khi Siena đánh bại được Firenze đã trở nên lớn mạnh, kinh tế rất phát triển và trở thành một trong những đô thị cổ phát triển nhất của Italia với các hoạt động tài chính ngân hàng, đan len và sản xuất đồ gốm trên toàn thế giới. Thời kỳ này, nghệ thuật của Siena đã hình thành một trường phái hội họa sánh ngang với Firenze. Nhưng nạn dịch hạch vào năm 1348 đã chấm dứt thời kỳ hoàng kim của thành phố này.

Siena là một thành phố tiêu biểu của châu Âu, từng được coi là "hình mẫu kiến trúc Gothic của Italia". Không gian kiến trúc đặc sắc của thành phố này chính là quảng trường trung tâm Campo được xếp vào hàng các quảng trường đẹp nhất thế giới. Các kiến trúc quanh quảng trường rất hài hòa, quảng trường được tiếp nối với các con đường nhỏ quanh co và khu thành cổ xây đá màu đỏ. Người dân thành phố luôn cố gắng bảo tồn diện mạo của thành phố, nên vẫn giữ được cấu trúc đô thị từ thế kỷ XII - XV.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Đại giáo đường Duomo nằm ở nơi cao nhất của thành phố và chỉ có đại giáo đường Milan mới có thể sánh ngang về mức độ huy hoàng. Công trình do kiến trúc sư Giovanni Pisano thực hiện trong thời gian 1284 - 1376. Mặt chính của giáo đường được trang trí hoa văn vô cùng tinh xảo, thể hiện phong cách pha trộn giữa Gothic và Roma. Bước vào giáo đường người ta bị cuốn hút bởi trần của giáo đường và những bức tượng điêu khắc bằng đá.



Toàn cảnh quảng trường Siena với công trình nổi bật là Tháp chuông của tòa nhà Pubblico

Điều hấp dẫn du khách còn ở bức tường đá trên đó có 26 bức tranh sơn dầu cũng như những bài thơ được khắc trên những tấm gỗ. Trên đài giảng kinh có treo các bức phù điêu về đạo Gia-tô, tại bức tường bên trái phía trước đài giảng kinh có mộ của Hồng y giáo chủ Peter về sau này đã trở thành mô hình của rất nhiều các kỷ vật mai táng.

Năm 1339, giáo hội dự định xây một cung điện ở phía nam của giáo đường để trở thành giáo đường cơ đốc giáo lớn nhất, nhưng bệnh dịch hạch lan tràn làm cho kế hoạch không thực hiện được.

Quảng trường Campo bố cục kiến trúc rất chặt chẽ theo hình dáng vỏ sò, các kiến trúc bao quanh tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quy phạm kiến trúc từ thế kỷ XIV. Mỗi năm, vào ngày 2 tháng 7 và ngày 16 tháng 8 (hai ngày nóng nhất trong năm), quảng trường Campo là nơi diễn ra lễ hội đua ngựa (hai ngày này là tiết đua ngựa) nổi tiếng của Siena. Vào ngày lễ hội đua ngựa những người tham gia đều mặc trang phục cổ như từng diễn ra trong lịch sử.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THOÁT KHỎI NỘI BỘ

Mặt bằng quảng trường có hình gần giống hình chữ nhật, một cạnh dài gần thẳng còn lại ba canh kia được vát cong theo "hình vỏ sò", mặt quảng trường hơi nghiêng về phía cạnh thẳng. Mặt lát quảng trường màu hồng tươi và được trang trí đặc sắc: từ điểm giữa cạnh dài có 8 đường tia chia mặt quảng trường thành 9 hình "múi bưởi" tụ về một điểm, tựa như phân chia một khán đài vòng cung theo tầm nhìn hướng về sân khấu. Trên cạnh dài là công trình chủ đạo của không gian quảng trường: lâu đài Dân chúng (Palazzo Civico), được dùng làm Tòa thị chính nên cũng thường gọi là Palazzo Comunale hoặc Palazzo Publico.

Tòa lâu đài được xây dựng vào thời gian 1297 - 1310 có điểm nhấn nổi bật, đó là ngọn tháp cao đột xuất, có cầu thang 414 bậc đưa du khách lên cao ngắm cảnh toàn thành phố. Tòa tháp cao 102m xây dựng năm 1297. Màu sắc tòa lâu đài được phối kết giữa hồng, nâu và trắng rất hòa hợp với quảng trường cũng như các công trình khác ở xung quanh đã tạo nên một không gian vô cùng êm ái và ấm cúng.

8. Đô thị cổ Pienza

Pienza là thị trấn nhỏ thuộc vùng Toscan gần thành phố Siena. Lịch sử đô thị gắn liền với Đức Giáo Hoàng Pius II, vào năm 1459, Đức Giáo Hoàng đã ra lệnh thiết kế và xây dựng một công trình đồ sộ nhằm phục hồi và trang hoàng thị trấn quê hương Ngài. Lúc đầu thị trấn có tên là Corsignano, nhưng để vinh danh Đức Giáo Hoàng, thị trấn đã được đổi tên là Pienza. Năm 1462, công trình hoàn thành và để kỷ niệm sự kiện này, Đức Giáo Hoàng đã quyết định thị trấn thuộc về tòa giám mục. Ngày nay, thị trấn tuy nhỏ bé nhưng vẫn bảo tồn khá nguyên vẹn các kiến trúc xưa của mình, làm cho đô thị trở thành một thực tế hấp dẫn về một cấu trúc đô thị cũng như phong cách kiến trúc của Italia thời Phục Hưng.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU CHỈ ĐỂ TRONG THƯ VIỆN NỘI BỘ

Nhà kiến trúc và điêu khắc Bemardo Rosséllino (1409 - 1464) đã được giao thực hiện các công trình tại Pienza, ông vốn là công trình sư đã làm công trình cung điện của Giáo hoàng Nicholas V ở Roma. Là bạn thân của Leon Battista Alberti và rất được xã hội ngưỡng mộ, chính Rossellino đã giám sát công trình Palazzo Rucellai ở Firenze giúp Alberti. Lúc đầu Đức Giáo Hoàng Pius II chỉ yêu cầu Rossellino thiết kế một nhà thờ và một dinh thự làm nơi nghỉ hè, nhưng nhà kiến trúc đã thuyết phục Giáo Hoàng làm một dự án tầm cỡ thúc đẩy kế hoạch đô thị hóa thị trấn bằng các công trình đồ sộ, trước tiên là xây

dựng một quảng trường mới làm trung tâm của thị trấn. Ở đó sẽ có những tòa nhà quan trọng nhất như nhà thờ Duomo và dinh thự của Đức Giáo Hoàng. Ngoài ra cũng có các tòa nhà khác như lữ quán, bệnh viện và các dãy nhà cho người dân. Dọc theo đại lộ chính là những biệt thự của các giáo sĩ được nâng cấp.

Rossellino đã là tác giả của những dãy công trình rất hài hòa về kiến trúc theo phong cách thời Trung cổ. Thị trấn nằm trên đồi và có tường thành bao quanh, kiểu kiến trúc dựa theo các đại lộ vẫn được giữ nguyên, gồm một đại lộ nối hai cổng chính, và từ đó tỏa ra các ngõ phố dày đặc. Quảng trường chính của thị trấn nằm liền kề với đại lộ và kéo dài đến thung lũng sông Orcia. Cấu trúc quảng trường chính có dạng hình thang và các tòa nhà bao quanh không đối xứng. Cấu trúc này cho phép quảng trường dễ dàng mở rộng mà không ảnh hưởng đến các kiến trúc cũ. Các công trình quan trọng nhất như Duomo (nhà thờ), dinh thự Piccolomini (dinh thự của Giáo hoàng), Palazzo Pretorio (nhà thường dân) được bố cục trên các khoảng mở rộng của quảng trường và đây chính là trung tâm của đời sống thị trấn. Các kiến trúc này đều có từ thời Rossellino, mỗi công trình đều mang đặc điểm khác nhau tùy theo chức năng riêng, nhưng rất thống nhất vì đều mang phong cách Firenze thời Phục Hưng. Đố là phong cách vừa trang nghiêm vừa tinh tế tạo nên khung cảnh kiến trúc tươi sáng.

Dinh thự Piccolomini là công trình chịu ảnh hưởng từ phong cách của Leon Battista Alberti, mặt ngoài của dinh thự là biến cách từ nguyên mẫu của Dinh thự Rucellai ở Firenze. Rossellino đã cho xây một sân nhỏ bên trong và một hành lang ngoài 3 tầng hướng ra khu vườn và toàn cảnh xung quanh được Giao hoàng Pius II rất ưa thích. Các nhà kiến trúc đã khéo léo tạo nên sự hài hòa tổng quát của quảng trường, bề mặt quảng trường được lát gạch đất nung xen lẫn những vỉ gạch vôi. Bố cục vốn được làm tại các công trình kiến trúc của Piero della Francesca, tạo nên được các khoảng trống hình học của quảng trường. Quảng trường có hình thang và nhà thờ tọa lạc ở chóp nhọn của hình thang ấy, cách bố cục này tạo nên vẻ trang nghiêm cho nhà thờ, vị trí của nhà thờ tách biệt khỏi khung cảnh xung quanh nhờ bố cục 2 con đường giao nhau hướng về cảnh quan phía sau.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU ĐỌC VUI THƯ VIỆN KHÁCH VÃI LÃ

9. Thành phố Perugia

Nằm ở miền Trung và là thủ phủ của vùng Umbria, Perugia là thành phố mang "tính quốc tế" bậc nhất ở Italia vì hàng năm ở đây luôn diễn ra các đại nhạc hội về nhạc jazz nổi tiếng thế giới. Thành phố cũng là điểm thu hút các sinh viên nước ngoài muốn học tập và nghiên cứu về ngôn ngữ Italia tại trường đại học danh tiếng Universitá per Stranieri. Perugia có lịch sử lâu đời từ thế kỷ IX tCn và đến nay vẫn còn bảo tồn được nhiều công trình kiến trúc cổ kính, những quảng trường lộng lẫy. Thành phố nằm trên đỉnh đồi và có bức tường thành khổng lồ bao quanh, vị trí đặc biệt này đã làm cho Perugia trở thành một cảnh quan vô cùng hấp dẫn. Du khách có thể khám phá những điều kỳ thú khi thả bước tản bộ dọc theo các con phố nhỏ nằm ở rìa thành phố hoặc phóng tầm mắt ngắm nhìn toàn cảnh thung lũng bên dưới.

**** Những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố gồm có:***

Quảng trường Piazza IV Novembre ở trung tâm thành phố được coi là trái tim của Perugia. Nơi đây nổi tiếng với các đài phun nước Maggiore (Fontana Maggiore) cùng các tòa nhà có từ thời Trung cổ. Đài phun nước Maggiore là một công trình kiến trúc lộng lẫy xây bằng đá cẩm thạch màu trắng và màu hồng với những chạm khắc tinh xảo.

- Pháo đài Rocca Paolina được Giáo hoàng Paolo III xây dựng và nay còn giữ được những tòa nhà và những đường ngầm dưới lòng đất. Pháo đài được sửa sang tu bổ tạo thành những phòng trưng bày nghệ thuật rất đặc sắc.

Bức tường thành thời Etruscan có từ thế kỷ III tCn, cổng vòm Etruscan là một trong những cửa ngõ vào thành phố và bức tường thành khổng lồ này đã bao quanh toàn bộ thành phố Perugia.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phố đi bộ trung tâm Corso Vannucci của Perugia là nơi tập trung nhiều cửa hiệu sang trọng, các quán bar và cửa hàng ăn. Ngoài ra, Perugia còn lưu giữ nhiều di tích từ thời La Mã như tường thành, cổng vào thành phố và đặc biệt là ngôi đền La Mã có từ thế kỷ V Tempio di Sant Angelo.

10. Thành phố Napoli - Bảo tàng lớn về lịch sử và nghệ thuật

Nằm bên vịnh biển xanh thuộc bờ biển phía nam Italia, Napoli là một trong những thành phố sôi động nhất của đất nước này. Tên gọi

Napoli mang nghĩa "thành phố mới" nhưng thực ra thành phố lại có lịch sử lâu đời từ thế kỷ VI tCn. Napoli là nơi hội tụ của nhiều nền văn minh đã để lại trong lòng thành phố những dấu ấn đậm nét. Napoli từng được Unesco công nhận là Di sản văn hóa thế giới, là nơi lưu giữ nhiều báu vật lịch sử và nghệ thuật của Italia.

**** Những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố:***

Lâu đài Castel dellOvo tại Porto Santa Luica rất nổi tiếng hiện được xem là một Bảo tàng về thời tiền sử.

Lâu đài Castel Nuovo (Maschio Angioino) là lâu đài của thời Trung cổ nằm bên bờ biển, cũng là bảo tàng chính của thành phố với bộ sưu tập đồ sộ, với rất nhiều phòng tranh của Hội họa Italia vào thế kỷ XIX.

Bảo tàng quốc gia Museo Nazionale di Capodimonte, triển lãm nhiều bộ sưu tập Borgia, Farnese và Borbone với hội họa Barocco Italia và Phục Hưng. Xung quanh bảo tàng là một công viên đẹp đã trở thành một thắng cảnh của thành phố.

Bảo tàng địa chất Museo Archeologico Nazionale có nhiều hiện vật được khai thác từ Pompei, Ercolano cùng nhiều địa điểm khai quật trong khu vực. Ngoài ra còn phải kể đến những bộ sưu tập điêu khắc La Mã của Farnese.

Tu viện Certosa di San Martino nằm trên đỉnh đồi gần trung tâm thành phố cũng là bảo tàng lịch sử của Napoli.

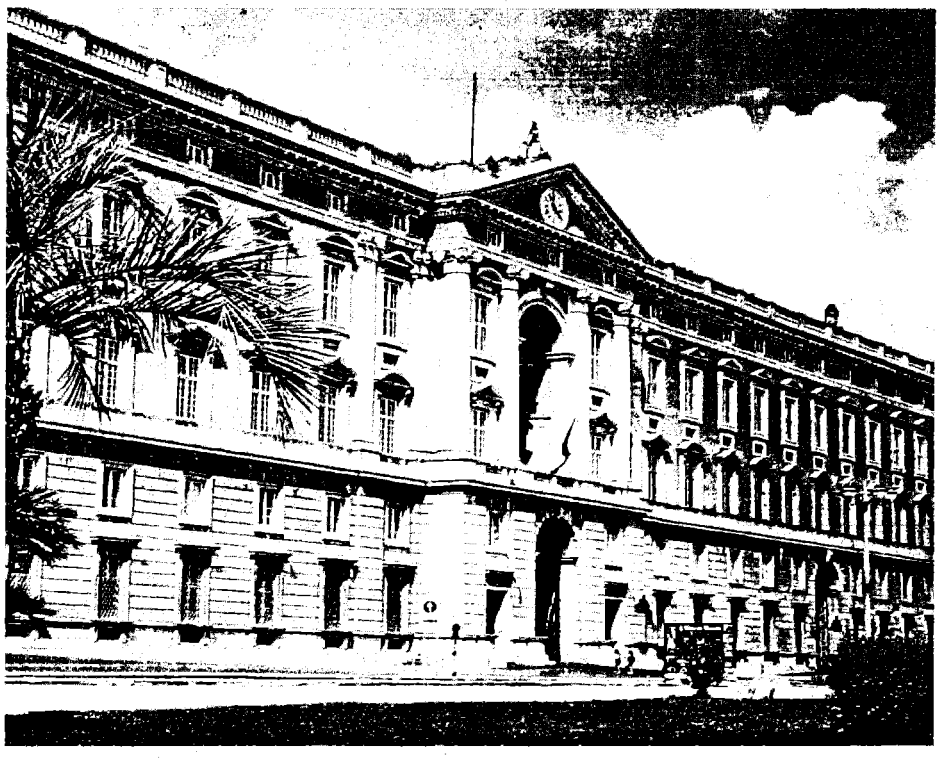
Công viên Parco Virgiliano rất nổi tiếng với cảnh quan rất đẹp, đặc biệt ấn tượng khi từ công viên ngắm nhìn toàn cảnh, khu vực phụ cận. Piazza del Gesu và Piazza Domenico Maggiore là những nhà thờ theo kiểu Barocco hàng đầu trên thế giới.

THƯ VIỆN HUBT

Một công trình khá đặc sắc là Nhà thờ Trung cổ dưới lòng đất Napoli Sotterranea tại San Lorenzo Maggiore, đến đây được chứng kiến sự tồn tại của một thành phố La Mã cổ kính.

Duomo là Nhà thờ chính của Napoli, có hai nhà nguyện hoành tráng, gần đó có Bảo tàng Đá quý Gennaro. Công trình Pio Monte della Misericordia là nhà thờ và phòng triển lãm tranh trực thuộc một tổ chức từ thiện cũ, phòng tranh trưng bày tác phẩm của các họa sĩ Barocco tại Napoli.

Piazza del Plebiscito là quảng trường chính của Napoli, bao quanh quảng trường có Hoàng cung (mở cửa cho du khách tham quan)



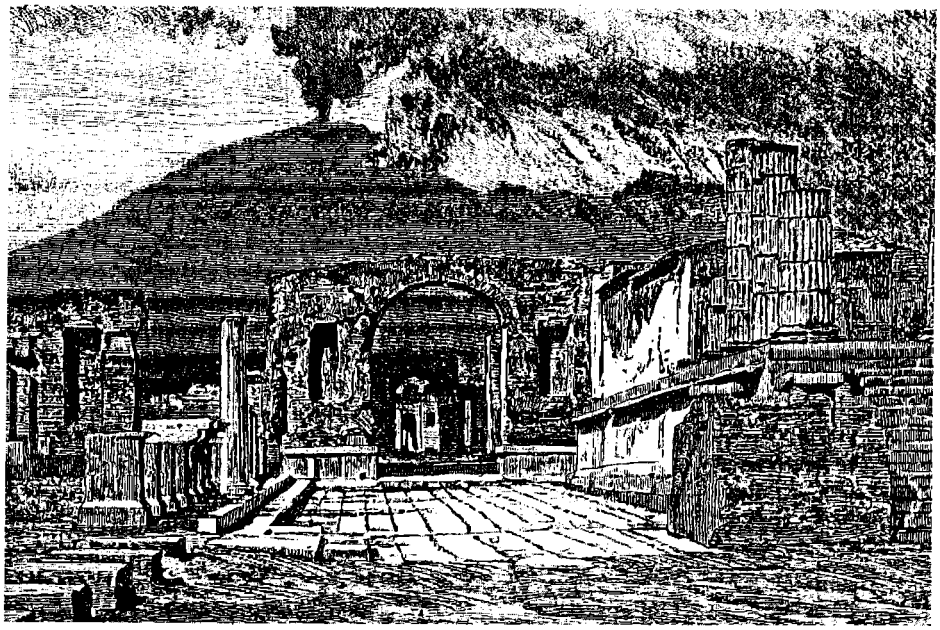
Hoàng cung Caserta ở Napoli

nhà hát San Carlo và Galleria Umberto. Mũi đất Acquario - Villa Comunale: gần bờ biển có trung tâm thủy sinh đầu tiên của châu Âu, gần đó là Bảo tàng Cortes và công viên La Casina Pompeiana chuyên triển lãm các bức ảnh tự chụp. Ngoài ra có trường Đại học Tổng hợp Napoli là trường đại học cổ nhất châu Âu được thành lập từ năm 1224.

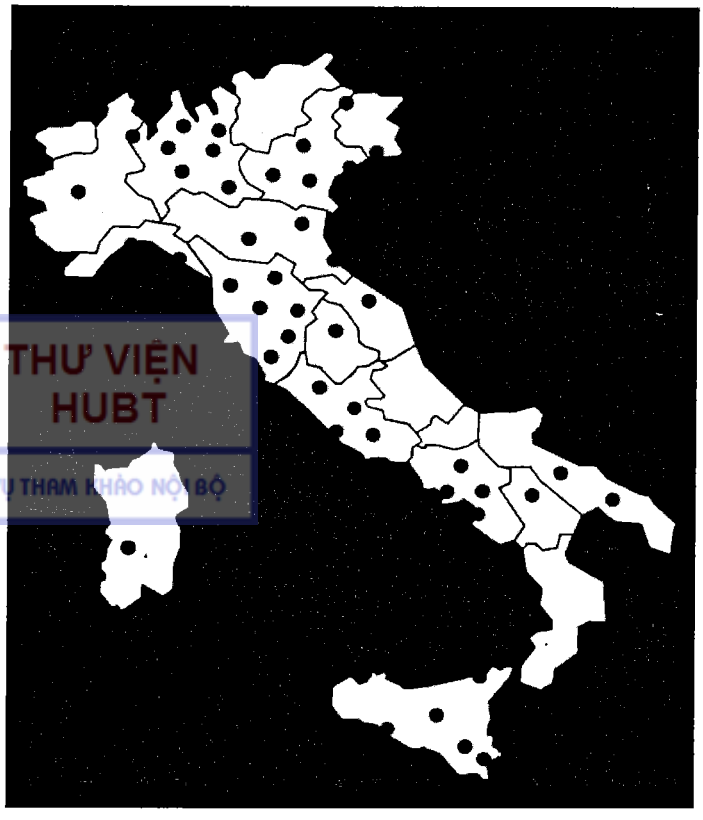
**** Pompei - di tích đô thị bị núi lửa chôn vùi***

Đô thị cổ thuộc vùng Campania ở miền nam Italia, được hình thành từ thế kỷ VI tCn, là một trung tâm văn hóa Roma cổ đại, phát triển rực rỡ vào thế kỷ I tCn, trở thành nơi vui chơi, nghỉ ngơi của giới thượng lưu Roma nên được xây dựng hoa mỹ. Một thảm họa giáng lên đô thị này vào năm 79 sCn khi núi lửa Vesuvius (cách Napoli 22km) phun trào và chôn vùi toàn bộ đô thị 2 vạn dân trong vòng 28 giờ. Nham thạch từ núi lửa đã tạo nên "nấm mồ" khổng lồ cho một đô thị "yên nghỉ" trong lòng đất suốt 17 thế kỷ. Lớp nham thạch và tro phủ trên nấm mồ này dày tới vài chục mét và qua nhiều thế kỷ nhiều thế hệ cư dân đã không thể biết tới tại khu đất như một đồi trọc mang tên

THƯ VIỆN



Di tích kiến trúc ở Pompei



Bản đồ phân bố các di sản thế giới ở Italia

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Samo kia đã từng có một đô thị với nhiều nhà cửa và đền đài hoành tráng, tên Pompei của đô thị cũng đi vào lãng quên.

Nhưng rồi vào năm 1594 khi đào một con kênh để dẫn nước từ đồi Samo, người ta đã tìm thấy hai bản đá khắc chữ cổ kỳ lạ mà không ai đọc được chữ nghĩa trên đó. Phải đến năm 1739, khi thanh tra con kênh là một kiến trúc sự của vua Napdi mới nghi là chuyện thật. Kỹ sư Aleubierre cùng 24 thợ bắt đầu khai quật lần đầu năm 1748, và thật là may mắn, đợt thăm dò đầu tiên đã trúng ngay vào trung tâm của đô thị Pompei cổ xưa. Sau nhiều ngày, đã phát hiện một bức tường có màu rực rỡ, cùng với cả xác chết được đoán là một tên cướp với nắm tiền vàng còn giữ trong tay. Năm 1763 nhà khảo cổ Đức J. Winekelmann tới đây và chính ông đã biến những di tích hỗn độn của quá khứ thành một trang sử rõ ràng và chi tiết từ 6 thế kỷ trước khi thành phố mất tích. Rồi trong hơn 100 năm, những cuộc khai quật phát hiện dần ra khu quảng trường, với đầy đủ các chợ, đền thờ, tòa án, hí trường, vườn nuôi thú, nhà tắm công cộng... Năm 1860, Pompei còn được giao cho một nhà khảo cổ lừng danh Giuseppe Fiore đến giám sát những cuộc khai quật. Mọi di tích đều được trân trọng, từ vò nước cho đến vết xe ở đường phố.

Các di tích đều đặt đúng vào vị trí cũ và ngày nay du khách có thể tham quan những quán nước, tiệm giày, tiệm bánh, tiệm thịt, tiệm cá, đền thờ, tòa án, những tranh quảng cáo, những tác phẩm nghệ thuật... của một quá trình lịch sử và nghệ thuật rực rỡ kéo dài 600 năm trong quá khứ.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

DANH SÁCH CÁC DI SẢN THẾ GIỚI CỦA ITALIA

Số	Tên di sản	Địa phương	Năm
1	Tranh vẽ trên đá ở Valcamonica	Brescia - Lombardia	1979
2	Nhà thờ Đức Bà ban ơn lành và bức họa Last Super của Leonardo da Vinci	Milano - Lombardia	1980,1990
3	Trung tâm lịch sử Roma	Roma - Lazio	1980,1990
4	Trung tâm lịch sử Firenze	Firenze - Toscan	1982
5	Venezia và đầm phá	Venezia - Veneto	1987
6	Quảng trường Pisa	Pisa - Toscan	1987
7	Trung tâm lịch sử San Gimignano	Siena - Toscan	1990
8	Di chỉ nhà thờ Matera	Matera - Basilicata	1993
9	Vicenza và biệt thự Palladio	Vicenza - Veneto	1994,1996
10	Làng thủ công Crespi d' Adda	Bergamo - Lombardia	1995
11	Ferrara và thung lũng sông Po	Ferrara - Romagna	1995,1999
12	Trung tâm lịch sử Napoli	Napoli - Campania	1995
13	Trung tâm lịch sử Siena	Siena - Toscan	19 95
14	Trung tâm lịch sử Pienza	Siena - Toscan	1995
15	Nhà dân gian Trulli ở Alberobello	Bari - Puglia	1996
16	Di tích nhà thờ ở Ravenna	Ravenna - Romagna	1996
17	Lâu đài cổ Monte	Barletta - Puglia	1996
18	Cung Hoàng gia Savoia	Torino - Piedmont	1997
19	Di tích ở Barumini	Campidano - Sardinia	1997
20	Biệt thự Roman Casale	Enna - Sicilia	1997
21	Bãi biển Amalfi	Salerno - Campania	1997
22	Di chỉ khảo cổ Agrigento	Agrigento - Sicilia	1997

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Số	Tên di sản	Địa phương	Năm
23	Di chỉ kiến trúc San Leucio	Caserta - Campania	1997
24	Cảng Venere ở đảo Palmaria	Spezia - Liguria	1997
25	Di tích khảo cổ Pompei	Napoli - Campania	1997
26	Nhà thờ và lâu đài ở Modena	Modena - Romagna	1997
27	Vườn bách thảo Padua	Padua - Veneto	1997
28	Trung tâm lịch sử Urbino	Urbino - Marche	1998
29	Di tích khảo cổ Aquileia	Udine - Giulia	1998
30	Di chỉ khảo cổ Paestum	Salemo - Campania	1998
31	Biệt thự Adriana ở Tivoli	Roma - Lazio	1999
32	Nhà thờ cổ ở Assisi	Assisi - Umbria	2000
33	Núi lửa đảo Aeolian	Messina - Sicilia	2000
34	Đô thị cổ Verona	Verona - Lazio	2000
35	Vila Este ở Tivoli	Roma - Lazio	2001
36	Đô thị Barocco Val di Noto	Siracusa - Sicilia	2002
37	Núi Thiêng ở Piedmont và Lombardy	Lombardia	2003
38	Thung lũng Orcia	Toscan	2004
39	Nghĩa trang người Etrusk	Viterbo - Lazio	2004
40	Hầm mộ núi đá Pantalica	Siracusa - Sicilia	2005
41	Tuyến đường và lâu đài ở Genova	Genova - Liguria	2006
42	Lâu đài cổ Mantova	Mantova - Lombardia	2008
43	Tuyến đường sắt Rhaetian (núi Alpe giữa Italia và Thụy Sĩ)	Sondrio - Lombardia	2008
44	Rặng núi Dolomite	Veneto	2009
45	Di tích ở núi Giorgio	Varese - Lombardia	2010

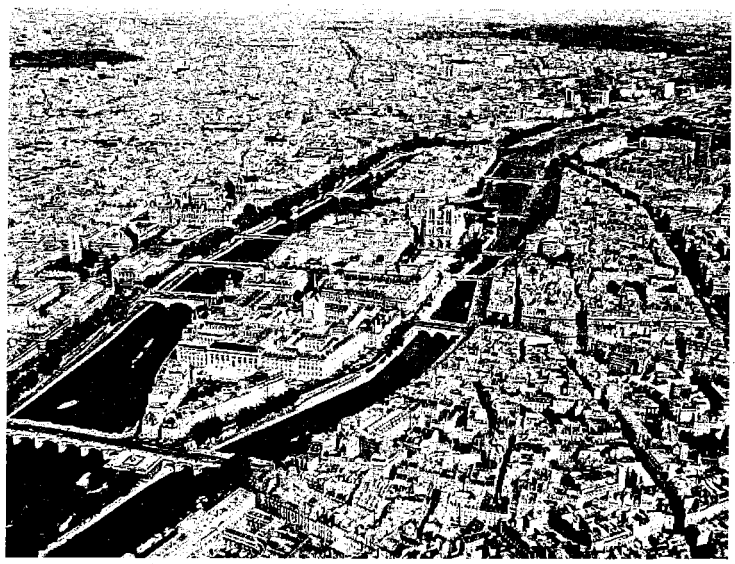
THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

II. NHỮNG CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VÀ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU PARIS

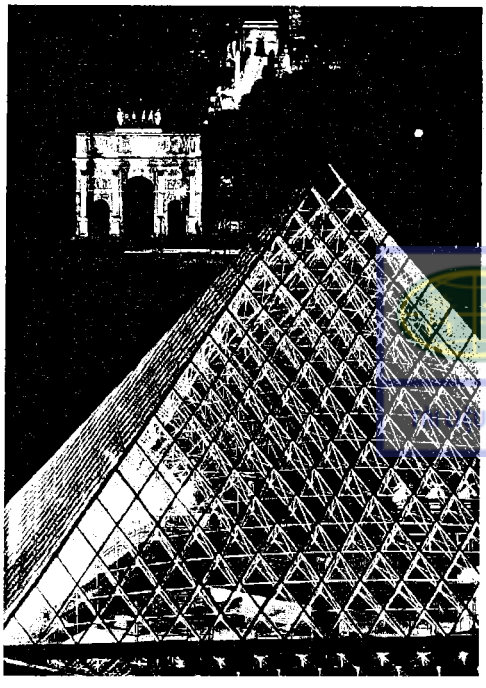
ĐẢO CITÉ TRÊN SÔNG SEINE

Kiến trúc tiêu biểu:
- Lâu đài bảo tàng Lourve
- Nhà thờ Đức Bà

1. Đảo Cité trên sông Seine
2. Tháp thủy tinh (ban đêm) trên sân Napoléon bảo tàng Louvre
3. Nhà thờ Đức bà
4. Bờ kè sông Seine cạnh nhà thờ Đức Bà



1

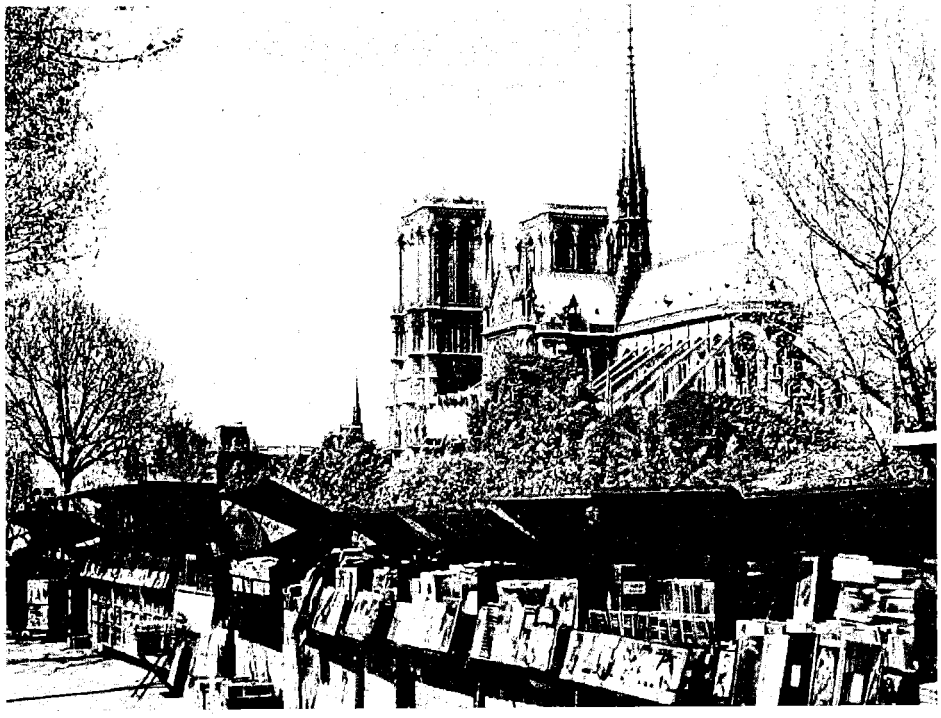


2

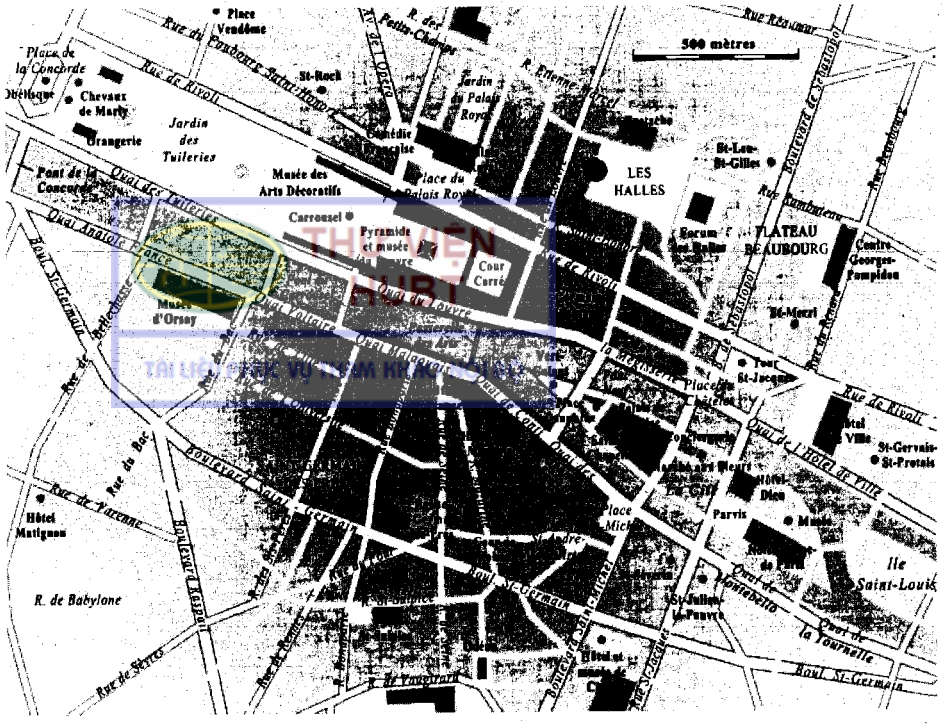


3

THƯ VIỆN HUST



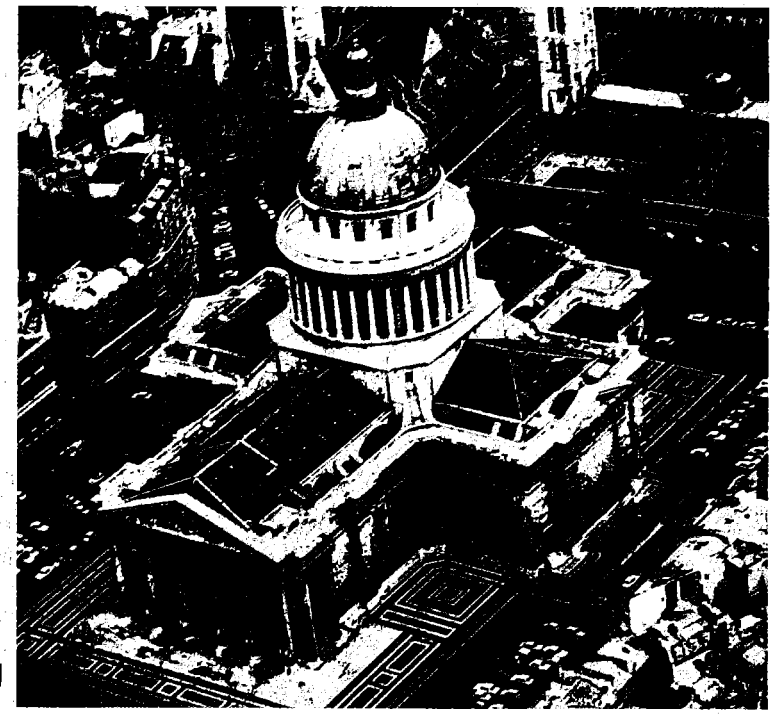
4


500 mètres
Place Vendôme
Place de la Concorde
Obélisque
Chevaux de Marly
Orangerie
Jardin des Tuileries
Pont de la Concorde
Quai des Tuileries
Quai Anatole France
Musée d'Orsay
Rue de Rivoli
Rue de Castiglione
St-Roch
Comédie Française
Jardin du Palais Royal
Place du Palais Royal
Musée des Arts Décoratifs
Carrousel
Pyramide et musée
Cour Carrée
Rue de l'Arbre Sec
Rue Rambuteau
LES HALLES
St-Leu-St-Gilles
Forum des Halles
PLATEAU BEAUBOURG
Centre Georges-Pompidou
St-Merri
Tour St-Jacques
Place du Châtelet
Hôtel de Ville
St-Gervais-St-Protais
Hôtel Dieu
Parvis
Ile Saint-Louis
Quai de la Tournelle
Rue St-Germain l'Auxerrois
Rue de Rivoli
Rue du Bac
Rue de Varenne
Hôtel Matignon
R. de Babylone
Rue de Sèvres
Boulevard Raspail
Boulevard St-Germain
Rue Réaumur
Boulevard de Sébastopol
Rue des Archives

KHU LATIN
(HỌC HÀNH VÀ TRÍ TUỆ)

Kiến trúc tiêu biểu:
- **Lâu đài, vườn Luxembourg**
- **Điện Panthéon**
- **Nhà thờ Saint - Germains des Prés**

1. Điện Panthéon
2. Lâu đài Luxembourg
3. Nhà thờ Saint - Germains des Prés

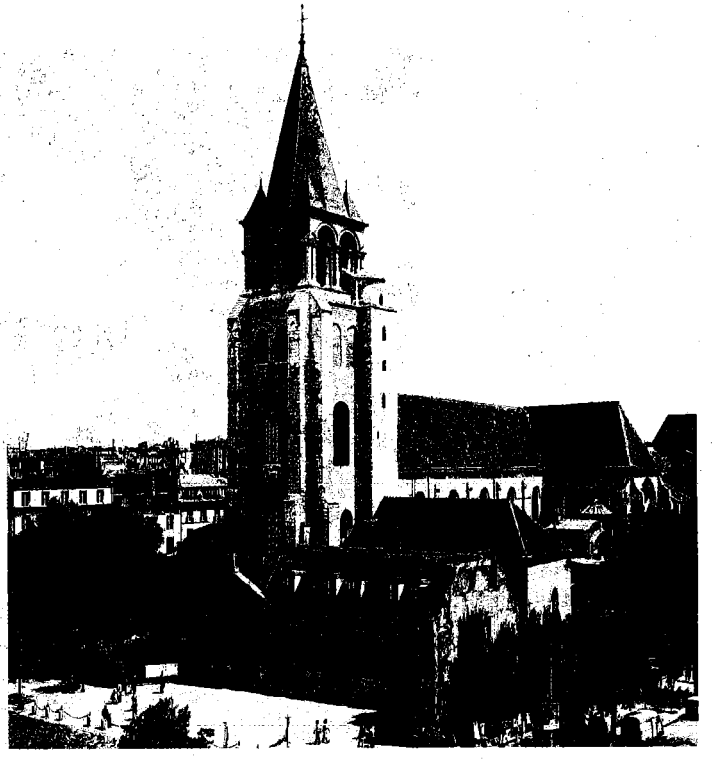


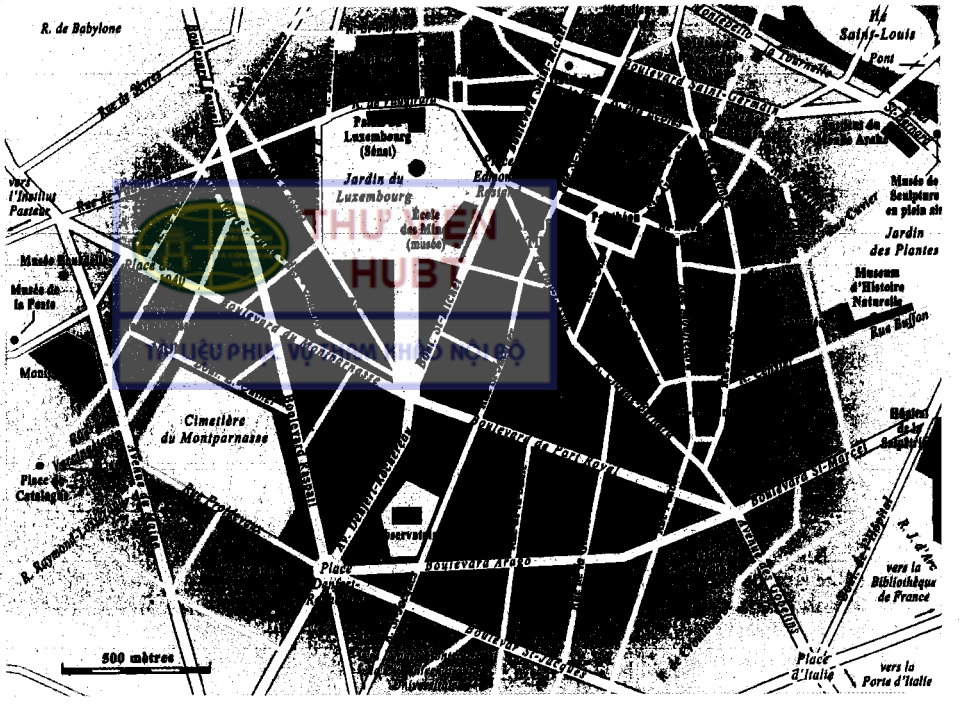
1



THƯ VIỆN HUTECH
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

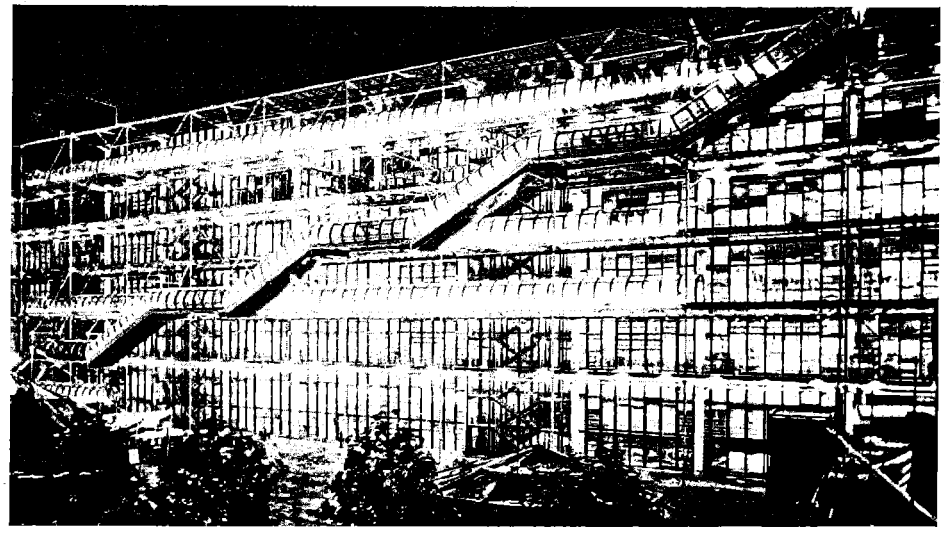
2



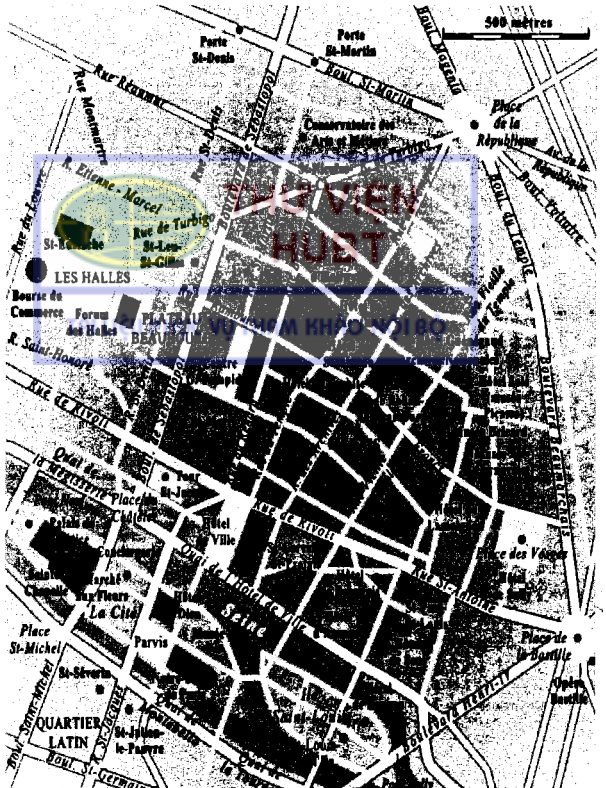

R. de Babylone
Pont
Jardin du Luxembourg
Jardin des Plantes
Museum d'Histoire Naturelle
Cimetière du Montparnasse
Place d'Italie
vers la Porte d'Italie
vers la Bibliothèque de France
500 mètres

KHU MARAIS
(BỜ BẮC SÔNG SEINE)

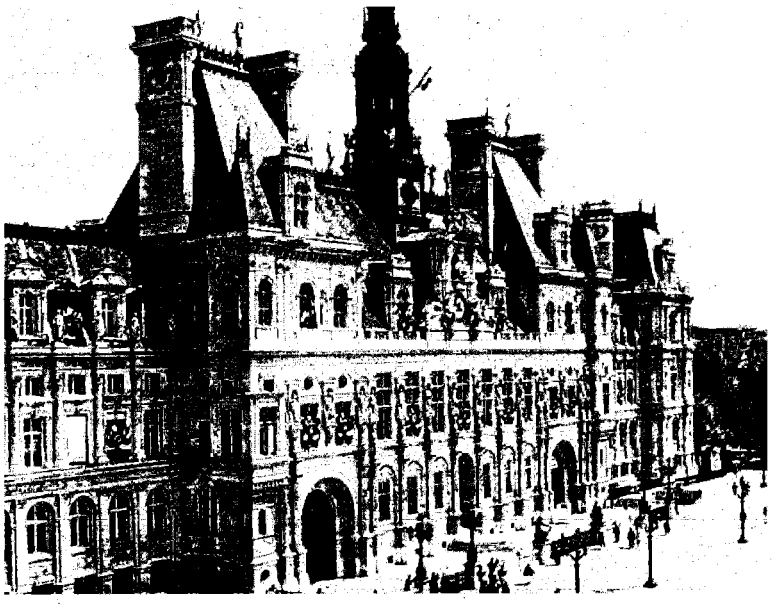
Kiến trúc tiêu biểu:
- Toà thị chính
- Trung tâm Pompidou



1



1. Trung tâm Pompidou
2. Toà thị chính
3. Nhà trên quảng trường Vosges
4. Đảo Saint - Louis trên sông Seine



2



3



4

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU THAM KHẢO NỘI BỘ

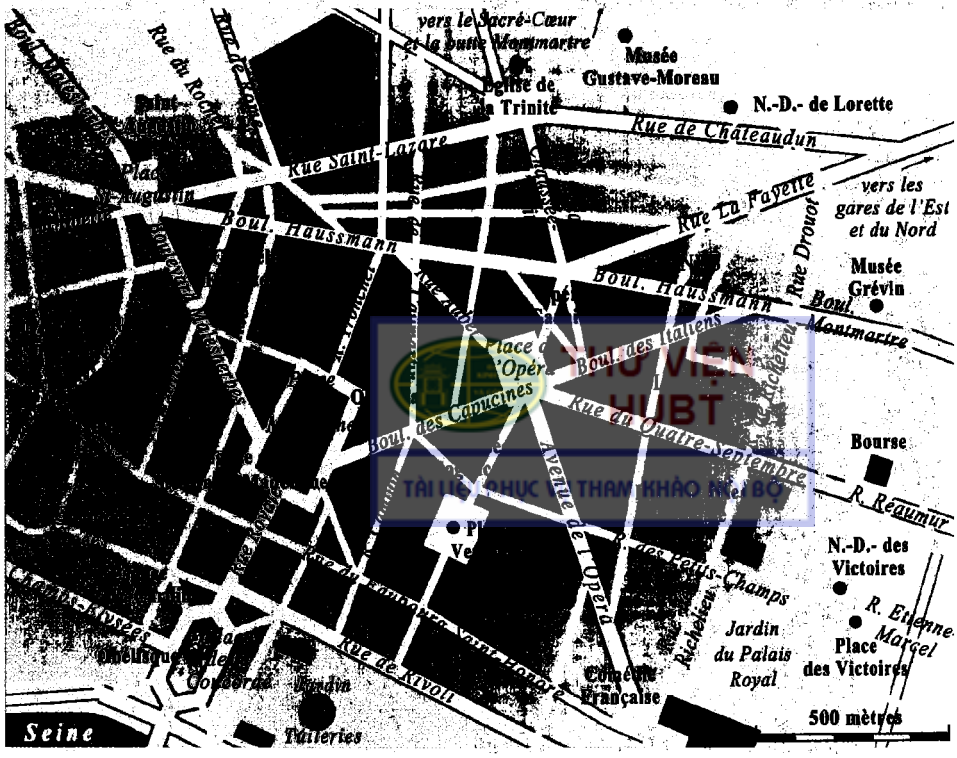
KHU OPERA VÀ PALAIS ROYAL (BỜ BẮC SÔNG SEINE)

Kiến trúc tiêu biểu:

- **Nhà hát Opéra**
- **Toà Palais Royal (Hoàng cung xưa)**
- **Nhà thờ Madeleine**



1



1. Nhà hát Opera
2. Toà nhà Palais Royal
3. Nhà thờ Madeleine

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO MIỄN BÍ



2



3

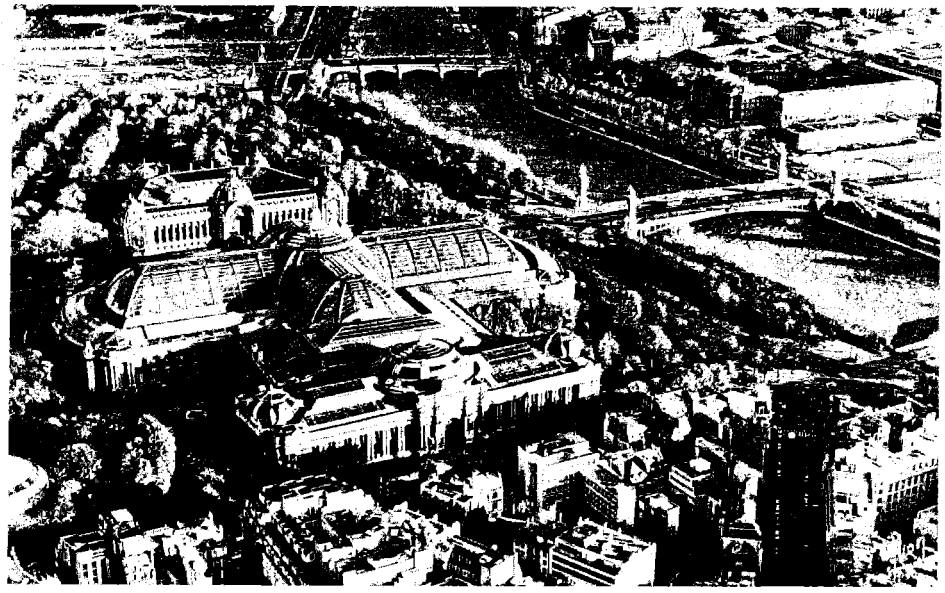
THƯ VIỆN
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHẦN 2
CẢNH QUAN
ĐÔ THỊ CHÂU ÂU

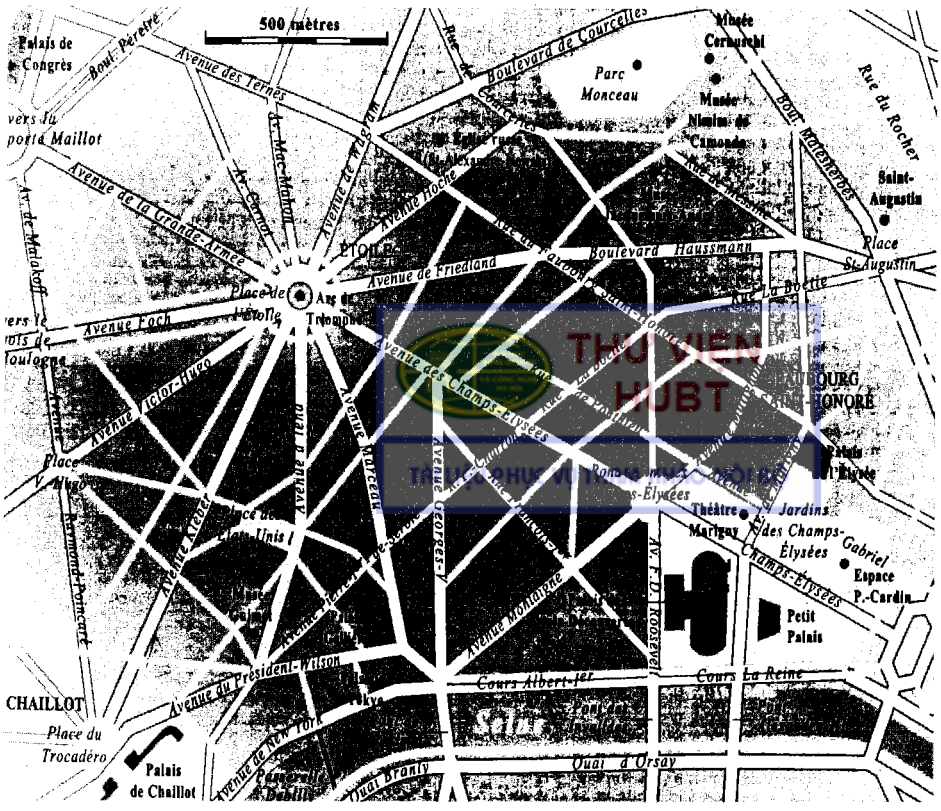
ĐẠI LỘ CHAMPS-ÉLY-SÉES VÀ QUẢNG TRƯỜNG NGÔI SAO

Kiến trúc tiêu biểu

- **Khải hoàn môn**
- **Toà Grand - Palais**
- **Điện élysées**



1

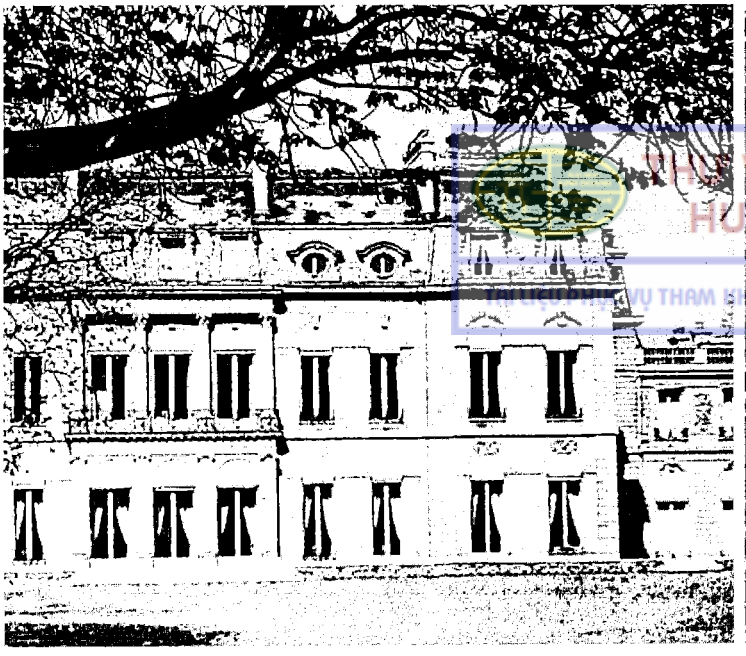


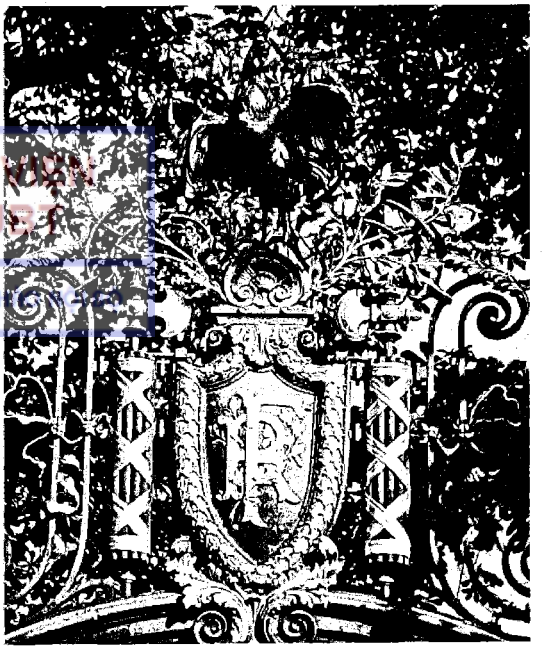
1. Toà Grand Palais
2. Khải hoàn môn
3. Điện élysées
và chi tiết trang trí cửa

THƯ VIỆN HUBT



2



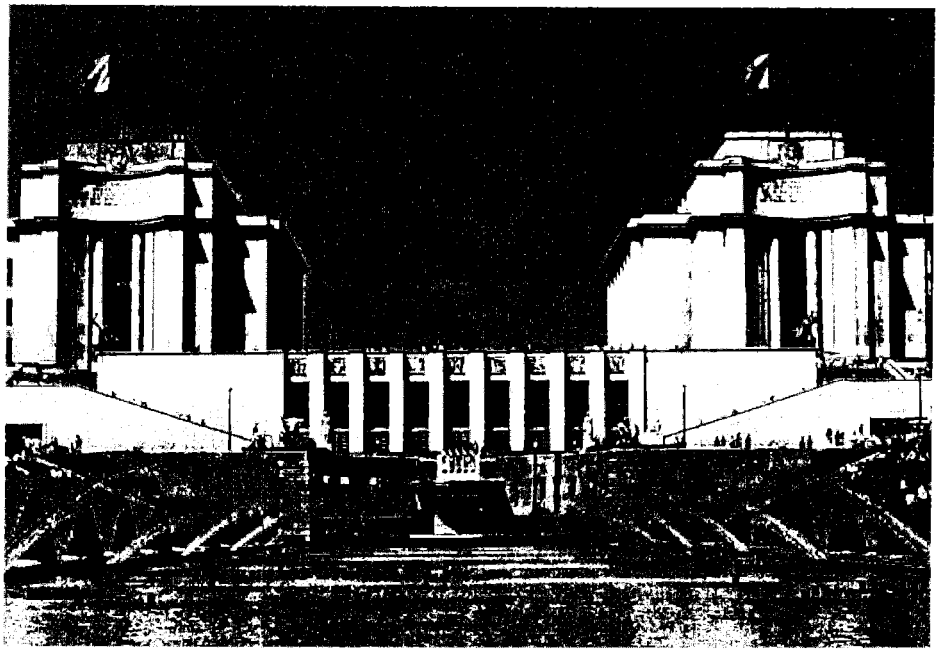


THƯ VIỆN
HUBT

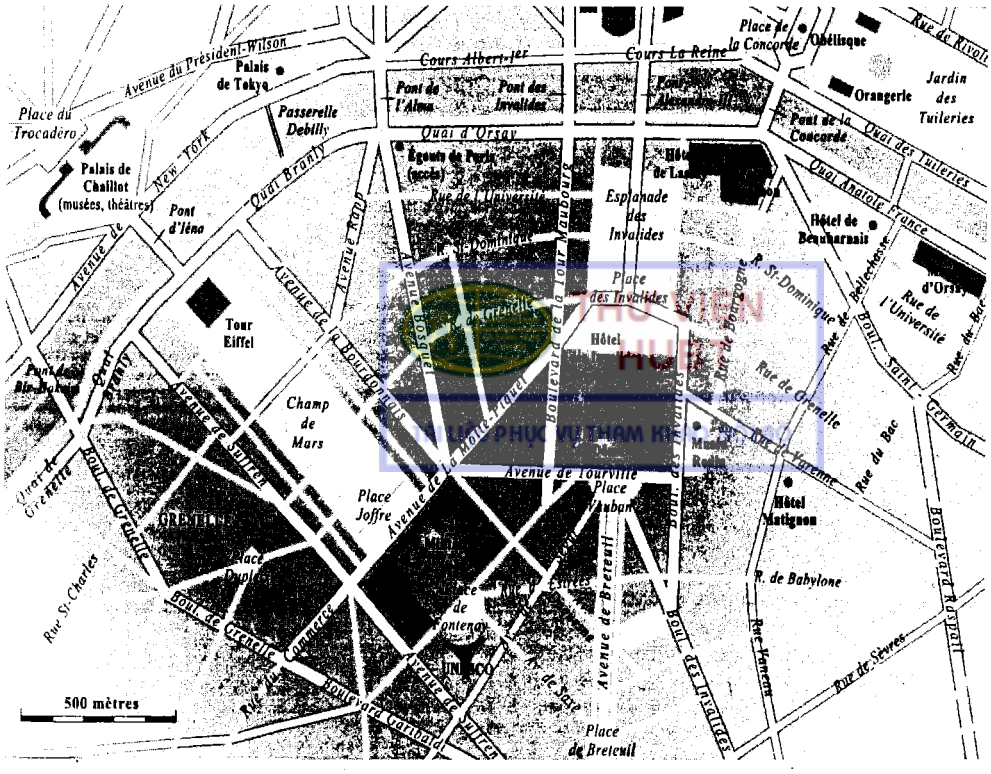
QUẢNG TRƯỜNG TROCADÉRO VÀ CHAMP-DE-MARS

Kiến trúc tiêu biểu

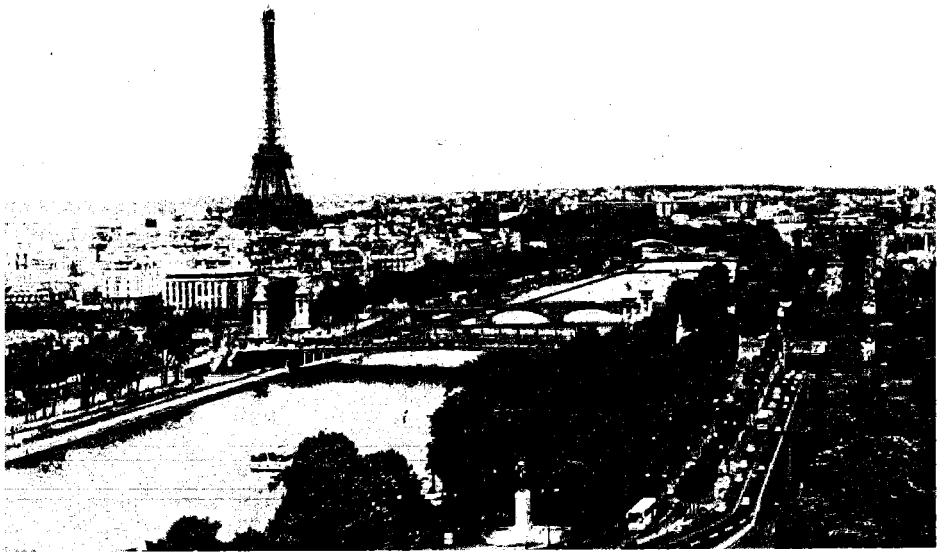
- Lâu đài Chaillot
- Tháp Eiffel
- Toà nhà Invalides



1



1. *Lâu đài Chaillot*
2. *Tháp Eiffel*
3. *Toà nhà Invalides*



2



3

THƯ VIỆN HUẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN 2

Almanach những nền văn minh thế giới
NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 2006

NGUYỄN VĂN HUÂN - ***Kỳ tích văn minh thế giới***
NXB Hải Phòng, 2008

CRANE BRINTON, J.B.CHRISTOPHER, R.L.WOLF - ***Văn minh phương Tây***
Nguyễn Văn Lương (dịch), NXB Văn hóa - Thông tin, 1998

X. CARPUSINA, V. CARPUSIN, MAI LÝ QUẢNG... *(dịch)* - ***Lịch sử văn hóa thế giới*** *- NXB Thế giới, 2004*

ĐẶNG ĐỨC AN - ***Những mẩu chuyện lịch sử thế giới***
NXB Giáo dục, 2001

RENÉ POIRIER - PHẠM QUÝ ĐIỀM *(dịch)* - ***Những công trình vĩ đại của nhân loại*** *- NXB Trẻ, 2001*

ĐẶNG THÁI HOÀNG - ***Lịch sử Đô thị***
NXB Xây dựng, 2000

ĐẶNG THÁI HOÀNG - ***Lịch sử Kiến trúc***
NXB KH - KT, 2000

NGUYỄN QUỐC THÔNG - ***Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và Trung đại phương Tây*** *- NXB Xây dựng, 2000*

VŨ DƯƠNG NINH - ***Lịch sử văn minh thế giới***
NXB Giáo dục, 1998

TRẦN MẠNH THƯỜNG - ***Những di sản nổi tiếng thế giới***
NXB Văn hóa - Thông tin, 2000

BÙI ĐẸP - ***Di sản thế giới***
NXB Trẻ, 2001

NIGEL RODGERS, HÀN THỊ THU VÂN *(dịch)* - ***Rome đế quốc hùng mạnh nhất.*** *NXB Phụ Nữ, 2007*

JOHN JULIUS NORWICH, THAMES & HUDSON - ***The great cities in history,*** *2009*

GIANDOMINECO ROMANELLI - ***Venise au fil des pierres***
Loisirs Paris, 1997.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MARIA TERESA FERABOLI - WHITE STAR
City squares of the world

ROLF/C. WIRTZ - ***Florence Art and Architecture***
Kõneman 2005.

FRANCESCA PRINA ELENA DEMARTINI - ***Petite encyclopedie de larchitecture,*** *2006.*

SUSIE BOULTON, CHRISTOPHER CATLING - ***Venice and the Veneto*** *1999*

JIM ANTONIOU MAC MILLAN - ***Cities then and now,*** *1994.*

BONECHI - ***Milan - guide touristique****, 2007.*

TURISMOTORINO.ORG - ***Torino - in and around****, 2000.*

ĐSQ ITALIA - ***Italia cổ kính, thanh bình và thơ mộng***
NXB Thế giới 2010.

ITALIA TURISMO - ***Cỉao Italia,*** *1999.*

ITALIAN TOURIST OFFICE - ***A trip to Italia****, 1990.*

MINISTRY FOR HERITAGE AND CULTURE - ***Italian places of Unesco heritage list,*** *2011.*

ITALCARDS - ***Rome et le Vatican,*** *2005*

NGUYỄN LUẬN VÀ ... - ***Roma - Thành phố của những hoàng đế***
NXB Kim Đồng, 2001

TÔN ĐẠI VÀ ... - ***Venezia - Thành phố của tình yêu***
NXB Kim Đồng, 2002

TRẦN HÙNG VÀ ... - ***Florence - Trung tâm nghệ thuật Phục Hưng***
NXB Kim Đồng, 2007.

TRẦN HÙNG VÀ... - ***Những thành phố nổi tiếng thế giới***
NXB Kim Đồng, 2006.

LÊ PHỤC QUỐC - ***Bách khoa thư kiến trúc, hội họa, điêu khắc, đồ họa, nghệ thuật trang trí***
NXB Xây dựng, 2010

Mục nước Pháp và thủ đô Paris trong các từ điển bách khoa của Pháp

GEORGES DUBY - ***Histoire de la Frances des origines à 1348***
Larousse, 1991.

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU THAM KHẢO NỘI BỘ

BERNARD MARCHAND - ***Paris, histoire d'une ville XIXe - XXe Siecle.*** *Ed. Seuil, 1993.*

CONTENTIN REY - ***Les Grandes é tapes de la civilisation francaise.*** *Bordas, 1991.*

GABRIEL WACKERMAN - ***La France dans le monde.*** *Nathan, 1992.*

HỮU NGỌC - ***Phác thảo chân dung văn hóa Pháp.*** *NXB Ngoại văn, 1991.*

JEAN - MARIE CARZOU - ***Paris.*** *Larousse, 1982.*

LOUIS SOUDAY - ***Beauté de l'Ile-de-France.*** *Minerva, 1992.*

DOMINIQUE CAMUS - ***Paris.*** *Arthaud, 1992.*

DENIS BASDEVANT - ***Cent monuments racontent L'histoire de France.*** *Hatier, 1989.*

SYLVIE VIELLEVIGNE - ***Promenade dans Paris.*** *Flammarion, 1980.*

JEAN - PIERRE BADY - ***Les monuments historiques en France.*** *Presse Universitaire, 1985.*

HARALD A. JAHN - ***Le nouveau Paris.*** *J. c. Latlès, 1991.*

ELECTA - ***Architectures Capitales (Paris 79 - 89).*** *Ed. Moniteur.*

BERTRAND LEMOINE - ***La Cité internationale Universitaire de Paris.*** *Ed. Hervas, 1990.*

PARIS, BALADE AUFIL DU TEMPS - ***Sélection du Reader's Digest.***

DENIELLE CHADYCH, DOMINIQUE LEBRAGNE - ***Atlas de Paris.*** *Parigramme, 2001.*

NATHALIE MONT-SERVAN - ***Paris.*** *Grund.*

Ce qu'il faut voir à Paris. *Delta Edition, 1997.*

CLAUDE CETEKK - ***Nous avons bati Paris.***

GUIDES ET VOIR - ***France.*** *Hachette, 2006.*

NICOLAS MOREAN SOLAR - ***La France des villages.*** *Editons Solar, 2007.*

ROBERT PROSSER - ***Nước Pháp.*** *NXB Thế giới, NXB Kim Đồng, 2007.*

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỤC LỤC

PHẦN 1: ĐẶC SẮC ĐÔ THỊ PHƯƠNG ĐÔNG

Mở đầu: Những chiều sâu văn hóa của đô thị 5
1. Văn hóa, văn minh và Đô thị 5
2. Kiến trúc, bộ phận quan trọng của văn hóa Trung Quốc 17
3. Nhìn nhận bản sắc đô thị qua lăng kính không gian, thời gian 22

I. ĐÔ THỊ TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC 36

Từ cố đô Tràng An tới kinh đô Bắc Kinh 36
1. Cố đô Tràng An 36
2. Lạc Dương 53
3. Khai Phong 56
4. Nam Kinh 61
5. Bắc Kinh 69

Vẻ đẹp Giang Nam 91
1. Hàng Châu 91
2. Tô Châu 96
3. Vô Tích 105
4. Thượng Hải - Vẻ đẹp phương Đông 110

II. ĐẶC SẮC ĐÔ THỊ NHẬT BẢN 127

Kiến trúc Nhật Bản từ Nara đến Kyoto 127
1. Đất nước hoa anh đào bản sắc văn hóa và bản sắc đô thị 127
2. Tây kinh Kyoto 143
3. Lầu phượng ở chùa Byodoin 144
4. Lầu vàng Kinkakuji 145
5. Nghệ thuật vườn cảnh 146
6. Lâu đài Himeji 148

Thủ đô Tokyo, truyền thống và hiện đại 151
1. Hoàng Cung 154
2. Các kiến trúc công cộng ở Tokyo rất đa dạng 162
3. Tòa thị chính Tokyo 165
4. Các công trình thể thao có nhiều nét đặc sắc 170

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU THAM KHẢO NỘI BỘ

III. KIẾN TRÚC THÁI LAN VÀ THỦ ĐÔ BANGKOK 172

Các kiến trúc truyền thống tiêu biểu 172
1. Kiến trúc Chùa, Tháp 172
2. Kiến trúc nhà dân gian 175

Thủ đô Bangkok 177

IV. NÉT RIÊNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM 197

Bản sắc đô thị trải dài từ Bắc tới Nam 197
1. Lào Cai - Sapa 197
2. Hà Nội 200
3. Hạ Long 202
4. Huế 204
5. Đà Nẵng 206
6. Hội An 207
7. Đà Lạt 209
8. Nha Trang 210
9. Thành phố Hồ Chí Minh 212
10. Vũng Tàu 215

Di sản văn hóa kiến trúc và bản sắc đô thị Việt Nam qua lăng kính thời gian, không gian 219

Hà Nội - Cảnh quan đặc thù và di tích kiến trúc tiêu biểu 240

Một số di tích kiến trúc tiêu biểu 245
1. Chùa một cột 245
2. Chùa Trấn Quốc 245
3. Chùa Láng 247
4. Chùa Tây Phương 248
5. Chùa Kim Liên 249
6. Đền Ngọc Sơn và Hồ Hoàn Kiếm 250
7. Văn miếu Quốc Tử Giám 251
8. Đình Đông Ngạc 252
9. Đình Tây Đằng 253
10. Đình Chu Quyến 254
11. Thành Cổ Loa 255

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN 1 260

THƯ VIỆN HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

THƯ VIỆN
HUBT
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

In 300 cuốn khổ 20,5 x 24cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 40-2014/CXB/4-01/XD ngày 03/01/2014.
Quyết định xuất bản số 103/QĐ-XBXD ngày 12/05/2014.
In xong nộp lưu chiểu tháng 6/2014